FoxHSK

★ TÀI LIỆU HỌC TẬP CHUẨN QUỐC TẾ • FOXHSK.COM

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 7 - 9 (CAO CẤP)

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 7-9 (3.0)

Trọn bộ 2.300+ từ vựng HSK 7-9 Cao cấp chuẩn mới 3.0, đỉnh cao ngôn ngữ học thuật, dịch thuật chuyên nghiệp và tinh hoa Hán học.

✓ **100% Đầy Đủ 2307 Từ Vựng HSK 7-9 (3.0)**
Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

漢 **Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**
Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

Tích Hợp QR Code Tương Tác
Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN

Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=7 →

© 2026 FoxHSK.com • Nền tảng học & luyện thi HSK thông minh số 1 Việt Nam

CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ riêng | #001

阿拉伯语

Ālābóyǔ

tiếng Ả Rập, ngôn ngữ Ả Rập

在联合国多边国际会议上，同声传译系统实现了中文、英语与阿拉伯语等多语种高保真实时互译。

Zài lián hé guó duō biān guó jì huì yì shàng, tóng shēng chuán yì xì tǒng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ ā lā bó yǔ děng duō yǔ zhǒng gāo bǎo zhēn shí shí hù yì.

Tại hội nghị quốc tế đa phương Liên Hợp Quốc, hệ thống dịch cabin đồng thời đã thực hiện dịch thuật qua lại thời gian thực độ trung thực cao giữa nhiều ngôn ngữ như tiếng Ả Rập, tiếng Anh và tiếng Trung.

35 nét | HÁN VIỆT : A LẠP BÁ NGỮ

1. **Cấp độ & Từ loại:** Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.
2. **Chữ Hán Tiêu Chuẩn:** Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.
3. **Pinyin Đỏ Nổi Bật:** Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.
4. **Nghĩa Tiếng Việt:** Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.
5. **Câu Ví Dụ Thực Tế:** Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.
6. **Hán Việt (VIẾT HOA 100%):** Chìa khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!

1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!

2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.

3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỔ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 7-9 (3.0)

Tổng cộng: 2307 từ vựng

1162	721	293	3	4	124
Danh từ	Động từ	Tính từ	Đại từ	Số & Lượng từ	Từ loại khác

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ riêng | #001

阿拉伯语
Ālābóyǔ

tiếng Ả Rập, ngôn ngữ Ả Rập

在联合国多边国际会议上，同声传译系统实现了中文、英语与阿拉伯语等多语种高保真实时互译。
Zài lián hé guó duō biān guó jì huì yì shàng, tóng shēng chuán yì xì tǒng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ ā lā bó yǔ děng duō yǔ zhǒng gāo bǎo zhēn shí shí hù yì.
Tại hội nghị quốc tế đa phương Liên Hợp Quốc, hệ thống dịch cabin đồng thời đã thực hiện dịch thuật qua lại thời gian thực độ trung thực cao giữa nhiều ngôn ngữ như tiếng Ả Rập, tiếng Anh và tiếng Trung.

35 nét | HÁN VIỆT: A LẠP BÁ NGỮ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #002

呵护
hēhù

chăm sóc nâng niu, che chở bảo bọc, ân cần chăm chút

国家公园生态巡护员像呵护婴儿般悉心守护着这片珍稀野生动植物赖以生存的原始雨林。
Guó jiā gōng yuán shēng tài xún hù yuán xiàng hē hù yīng ér bān xī xīn shǒu hù zhe zhè piàn zhēn xī yě shēng dòng zhí wù lài yǐ shēng cún de yuán shǐ yǔ lín.
Đội tuần tra sinh thái Công viên Quốc gia chăm sóc nâng niu che chở như bảo bọc con thơ, tận tâm canh giữ mảnh rừng mưa nguyên sinh vốn là nơi sinh tồn của các loài động thực vật hoang dã quý hiếm.

24 nét | HÁN VIỆT: A HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Thán từ | #003

哎
āi

này, ôi, chà (thán từ gọi hoặc ngạc nhiên/tiếc nuối)

哎，你快来看看，我们刚刚在超低温显微镜下成功观察到了全新的量子拓扑涡旋结构！
Āi, nǐ kuài lái kàn kàn, wǒ men gāng gāng zài chāo dī wēn xiǎn wēi jìng xià chéng gōng guān chá dào le quán xīn de liàng zǐ tuò pū wō xuán jié gòu!
Này, cậu mau qua đây xem này, chúng ta vừa quan sát thành công cấu trúc xoáy tô-pô lượng tử hoàn toàn mới dưới kính hiển vi siêu nhiệt độ thấp!

11 nét | HÁN VIỆT: AI

HSK 7-9 (3.0) | Thán từ | #004

哎呀
āiyā

ối chao, trời ơi, ái chà (thán từ kinh ngạc/bất ngờ)

哎呀，这组极端工况下的疲劳测试数据真是太关键了，完全推翻了先前的传统物理经验假设！
Āi yā, zhè zǔ jí duān gōng kuàng xià de pí láo cè shì shù jù zhēn shì tài guān jiàn le, wán quán tuī fān le xiān qián de chuán tǒng wù lǐ jīng yàn jiǎ shè!
Ối chao trời ơi, bộ dữ liệu thử nghiệm độ mỏi dưới điều kiện làm việc cực đoan này thật sự quá then chốt, đã lật đổ hoàn toàn các giả thiết kinh nghiệm vật lý truyền thống trước đây!

20 nét | HÁN VIỆT: AI NHA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #005

哀求
āiqiú

cầu xin, van xin, van lơn khẩn nài

面对法律的公正判决与铁证如山的罪证，不法分子再怎么苦苦哀求也难逃国家法律的严惩。
Miàn duì fǎ lǜ de gōng zhèng pàn jué yǔ tiě zhèng rú shān de zuì zhèng, bù fǎ fèn zǐ zài zěn me kǔ kǔ āi qiú yě nán táo guó jiā fǎ lǜ de yán chéng.
Đứng trước phán quyết công minh của pháp luật cùng chứng cứ tội lỗi vững như bàn thạch, kẻ phạm pháp dẫu có van xin cầu xin khẩn nài tha thiết đến đâu cũng khó tránh khỏi sự trừng phạt nghiêm khắc của luật pháp.

20 nét | HÁN VIỆT: AI CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Thán từ | #006

唉
ài

than ôi, ôi chao, trời đất (tiếng thở dài ngao ngán/tiếc nuối)

唉，虽然这次深空探测载荷通信链路出现了微小偏差，但我们绝不气馁、必定再接再厉！
Āi, suī rán zhè cì shēn kōng tàn cè zài hè tōng xìn liàn lù chū xiàn le wēi xiǎo piān chā, dàn wǒ men jué bù qì něi, bì dìng zài jiē zài lì!
Than ôi ôi chao, mặc dù đường liên kết truyền thông tải trọng thám trắc không gian sâu lần này xuất hiện sai lệch nhỏ, nhưng chúng ta tuyệt đối không nản lòng, nhất định sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa!

14 nét | HÁN VIỆT: AI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Cụm từ | #007

挨家挨户
āijiā'āihù

từng nhà từng hộ, đi gõ cửa từng nhà

在特大自然灾害来临前夕，基层应急救援人员挨家挨户敲门排查隐患，安全转移疏散全部群众。
Zài tè dà zì rán zāi hài lái lín qián xī, jī céng yìng jí jiù yuán rén yuán āi jiā āi hù qiāo mén pái chá yǐn huàn, ān quán zhuǎn yí shū sàn quán bù qún zhòng.
Trước thềm thiên tai đặc biệt lớn ập đến, các cán bộ cứu nạn cứu hộ khẩn cấp cơ sở đã đến từng nhà từng hộ gõ cửa rà soát nguy cơ hiểm họa, sơ tán di dời toàn bộ bà con nhân dân an toàn.

35 nét | HÁN VIỆT: AI GIA AI HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #008

癌
ái

ung thư

老师鼓励大家积极癌，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí ái，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ung thư, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT: NGAI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #009

癌症
ái zhèng

bệnh ung thư, chứng ung thư

靶向免疫细胞疗法与基因编辑技术的突破性进展，为晚期恶性癌症患者带来了重生的希望。
Bǎ xiàng miǎn yì xì bāo liáo fǎ yǔ jī yīn biān jí jì shù de tū pò xìng jìn zhǎn, wèi wǎn qī è xìng ái zhèng huàn zhě dài lái le chóng shēng de xī wàng.
Tiến bộ mang tính đột phá của liệu pháp tế bào miễn dịch nhắm trúng đích và công nghệ chỉnh sửa gen đã mang lại niềm hy vọng tái sinh cho các bệnh nhân ung thư ác tính giai đoạn muộn.

20 nét | HÁN VIỆT: NGAI CHỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #010

艾滋病
àizībìng

bệnh AIDS, hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải

我国科研团队成功研发出新型广谱抗艾滋病中和抗体，为临床长效预防与综合治疗开辟了全新路径。
Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán fā chū xīn xíng guǎng pǔ kàng ài zī bìng zhōng hé kàng tǐ, wèi lín chuáng zhǎng xiào yù fáng yǔ zōng hé zhì liáo kāi pì le quán xīn lù jìng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu phát triển thành công kháng thể trung hòa chống bệnh AIDS phổ rộng kiểu mới, mở ra con đường hoàn toàn mới cho việc điều trị tổng hợp và phòng ngừa hiệu quả lâu dài trên lâm sàng.

32 nét | HÁN VIỆT: NGẢI TƯ BỆNH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #011

爱不释手
ài bù shì shǒu

yêu thích không nỡ rời tay, mê mẩn

这部手工精装、图文并茂的中国古建筑榫卯艺术典籍，让文博学者们爱不释手。
Zhè bù shǒu gōng jīng zhuāng, tú wén bìng mào de zhōng guó gǔ jiàn zhù sǔn mǎo yì shù diǎn jí, ràng wén bó xué zhě men ài bù shì shǒu.
Cuốn đại điển nghệ thuật mộng ngàm kiến trúc cổ Trung Hoa đóng bìa thủ công tinh xảo, tranh ảnh sống động này khiến các học giả bảo tàng văn hóa mê mẩn không nỡ rời tay.

35 nét | HÁN VIỆT: ÁI BẤT THÍCH THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #012

爱理不理
àilǐbùlǐ

hờ hững, lạnh nhạt, bất cần ngó lơ

政务服务大厅推行数字化首问负责制，坚决杜绝工作人员对待办事群众爱理不理的不良作风。
Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng shù zì huà shǒu wèn fù zé zhì, jiān jué dù jué gōng zuò rén yuán duì dài bàn shì qún zhòng ài lǐ bù lǐ de bù liáng zuò fēng.
Đại sảnh dịch vụ hành chính công đẩy mạnh chế độ trách nhiệm người tiếp nhận đầu tiên số hóa, kiên quyết loại bỏ tác phong xấu xa lạnh nhạt ngó lơ hờ hững của nhân viên đối với người dân đến làm thủ tục.

35 nét | HÁN VIỆT: ÁI LÝ BẤT LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ / Tính từ | #013

爱面子
ài miànzi

sĩ diện, giữ thể diện, coi trọng sĩ diện

搞科学攻关求真务实是第一位的，决不能因为爱面子而对实验中的异常误差数据遮遮掩掩。
Gǎo kē xué gōng guān qiú zhēn wù shí shì dì yī wèi de, jué bù néng yīn wèi ài miàn zi ér duì shí yàn zhōng de yì cháng wù chā shù jù zhē zhē yǎn yǎn.
Làm vượt khó nghiên cứu khoa học thì cầu thị thực chất là số một, tuyệt đối không được vì sĩ diện giữ thể diện mà che che đậy đậy những số liệu sai số dị thường trong thực nghiệm.

30 nét | HÁN VIỆT: ÁI DIỆN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #014

爱惜
ài xī

quý trọng, nâng niu, tiếc của

粮食是农民伯伯辛勤汗水的结晶，我们要时刻爱惜粮食、坚决反对任何形式的浪费。
Liáng shí shì nóng mín bó bo xīn qín hàn shuǐ de jié jīng, wǒ men yào shí kè ài xī liáng shí, jiān jué fǎn duì rèn hé xíng shì de làng fèi.
Hạt gạo là kết tinh từ mồ hôi công sức vất vả của các bác nông dân, chúng ta phải luôn biết trân quý lương thực và kiên quyết bài trừ mọi hình thức lãng phí.

19 nét | HÁN VIỆT: ÁI TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #015

碍事
àishì

vướng víu, cản trở, làm vướng chân; đáng ngại

工程技术人员在狭小机舱内部作业时，必须妥善固定好冗余线缆，以免在紧急操作时碍事。
Gōng chéng jì shù rén yuán zài xiá xiǎo jī cāng nèi bù zuò yè shí, bì xū tuǒ shàn gù dìng hǎo rǒng yú xiàn lǎn, yǐ miǎn zài jǐn jí cāo zuò shí ài shì.
Nhân viên kỹ thuật công trình khi thao tác bên trong khoang máy chật hẹp bắt buộc phải cố định gọn gàng các đoạn dây cáp thừa để tránh gây cản trở vướng víu trong lúc thao tác khẩn cấp.

24 nét | HÁN VIỆT: NGẠI SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #016

安定
āndìng

ổn định, yên ổn bình an; làm cho yên ổn

国家科技实力的全面跃升为维护国家长治久安与人民安居乐业提供了最坚实强大的安全基石与安定环境。
Guó jiā kē jì shí lì de quán miàn yuè shēng wèi wéi hù guó jiā cháng zhì jiǔ ān yǔ rén mín ān jū lè yè tí gōng le zuì jiān shí qiáng dà de ān quán jī shí yǔ ān dìng huán jìng.
Sức mạnh khoa học công nghệ quốc gia nhảy vọt toàn diện đã mang lại nền tảng an ninh vững mạnh kiên cố nhất và môi trường ổn định yên ổn cho việc duy trì đất nước thái bình thịnh trị lâu dài và nhân dân an cư lạc nghiệp.

20 nét | HÁN VIỆT: AN ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #017

安抚
ānfǔ

xoa dịu, trấn an, an ủi vỗ về

应急指挥部领导亲赴抢险安置现场，悉心安抚受灾群众情绪，妥善解决生活物资保障难题。
Yīng jí zhǐ huī bù lǐng dǎo qīn fù qiǎng xiǎn ān zhì xiàn chǎng, xī xīn ān fǔ shòu zāi qún zhòng qíng xù, tuǒ shàn jiě jué shēng huó wù zī bǎo zhàng nán tí.
Lãnh đạo Ban Chỉ huy Khẩn cấp đã trực tiếp đến hiện trường tái định cư cứu nạn, ân cần trấn an xoa dịu an ủi tâm lý bà con vùng thiên tai, giải quyết chu đáo các khó khăn bảo đảm nhu yếu phẩm sinh hoạt.

20 nét | HÁN VIỆT: AN PHỦ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #018

安眠药
ānmiányào

thuốc ngủ, viên thuốc an thần

现代神经科学研究表明，长期过度依赖安眠药不仅会产生耐药性，还会扰乱人体自然的生物节律。
Xiàn dài shén jīng kē xué yán jiū biǎo míng, cháng qī guò dù yī lài ān mián yào bù jǐn huì chǎn shēng nài yào xìng, hái huì rǎo luàn rén tǐ zì rán de shēng wù jié lǜ.
Nghiên cứu khoa học thần kinh hiện đại chỉ ra rằng, việc phụ thuộc quá mức vào thuốc ngủ trong thời gian dài không chỉ sinh ra hiện tượng nhờn thuốc mà còn làm rối loạn nhịp sinh học tự nhiên của cơ thể.

35 nét | HÁN VIỆT: AN MIÊN DƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #019

安宁
ān níng

an ninh, yên ổn, thanh bình

边防官兵常年顶风冒雪巡逻在数千公里的边境线上，用忠诚和热血守护着祖国边疆的和平与安宁。
Biān fáng guān bīng cháng nián dǐng fēng mào xuě xún luó zài shù qiān gōng lǐ de biān jìng xiàn shàng, yòng zhōng chéng hé rè xuè shǒu hù zhe zǔ guó biān jiāng de hé píng yǔ ān níng.
Các chiến sĩ bộ đội biên phòng quanh năm dầm mưa dãi tuyết tuần tra trên tuyến đường biên dài hàng ngàn cây số, dùng lòng trung thành và dòng máu nóng gìn giữ sự hòa bình và yên bình nơi biên cương Tổ quốc.

23 nét | HÁN VIỆT : AN TRỮ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #020

安稳
ānwěn

yên ổn, bình an yên ả, vững chãi an lành

边防战士披星戴月坚守在海拔五千多米的雪域高原，守护着祖国千家万户安稳祥和的幸福生活。
Biān fáng zhàn shì pī xīng dài yuè jiān shǒu zài hǎi bá wǔ qiān duō mǐ de xuě yù gāo yuán, shǒu hù zhe zǔ guó qiān jiā wàn hù ān wěn xiáng hé de xìng fú shēng huó.
Các chiến sĩ biên phòng đội trăng sao kiên cường bám trụ trên cao nguyên tuyết trắng ở độ cao hơn 5000 mét, canh giữ cuộc sống hạnh phúc yên ổn bình an vững chãi cho muôn nhà muôn hộ của Tổ quốc.

20 nét | HÁN VIỆT : AN ỔN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #021

安心
ānxīn

yên tâm, an lòng, an tâm dốc sức

国家全面完善青年科研人才保障体系，解决后顾之忧，让青年学者能够安心搞科研、心无旁骛攀高峰。
Guó jiā quán miàn wán shàn qīng nián kē yán rén cái bǎo zhàng tǐ xì, jiě jué hòu gù zhī yōu, ràng qīng nián xué zhě néng gòu ān xīn gǎo kē yán, xīn wú páng wù pān gāo fēng.
Nhà nước hoàn thiện toàn diện hệ thống bảo đảm nhân tài nghiên cứu khoa học thanh niên, giải tỏa mọi lo toan hậu phương, giúp các học giả trẻ có thể an lòng yên tâm làm nghiên cứu khoa học, toàn tâm toàn ý trèo lên đỉnh cao.

21 nét | HÁN VIỆT : AN TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #022

安逸
ānyì

an nhàn, ung dung thư thái, sung sướng

青年科学家决不能满足于眼前的安逸舒适，而要敢于跳出舒适圈、勇闯科学技术无人区。
Qīng nián kē xué jiā jué bù néng mǎn zú yú yǎn qián de ān yì shū shì, ér yào gǎn yú tiào chū shū shì quān, yǒng chuǎng kē xué jì shù wú rén qū.
Các nhà khoa học trẻ tuổi tuyệt đối không được thỏa mãn với sự an nhàn thoải mái trước mắt, mà phải dũng cảm bước ra khỏi vùng an toàn, xông pha vào vùng không người của khoa học kỹ thuật.

22 nét | HÁN VIỆT : AN DẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #023

按键
ànjiàn

phím bấm, nút bấm điều khiển

航天飞船返回舱主操控台采用了具有触觉力反馈的高可靠性机械按键与智能触控双冗余设计。
Háng tiān fēi chuán fǎn huí cāng zhǔ cāo kòng tái cǎi yòng le jù yǒu chù jué lì fǎn kuì de gāo kě kào xìng jī xiè àn jiàn yǔ zhì néng chù kòng shuāng rǒng yú shè jì.
Bàn điều khiển chính khoang hồi quy tàu vũ trụ áp dụng thiết kế kép dự phòng thông minh giữa phím bấm nút bấm cơ học độ tin cậy cao có phản hồi lực xúc giác và màn hình cảm ứng thông minh.

27 nét | HÁN VIỆT : ÁN KIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #024

按理说
àn lǐ shuō

Nói một cách logic

老师鼓励大家积极按理说，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí àn lǐ shuō， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nói một cách logic, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

33 nét | HÁN VIỆT : ÁN LÝ THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Phó từ | #025

按说
ànshuō

lẽ ra, theo lý thường thì, thông thường thì

按说在如此超强辐射与极端超低温环境下芯片很容易失效，但我国完全自主研发的抗辐射微芯片依然稳定运行。
Àn shuō zài rú cǐ chāo qiáng fú shè yǔ jí duān chāo dī wēn huán jìng xià xīn piàn hěn róng yì shī xiào, dàn wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de kàng fú shè wēi xīn piàn yī rán wěn dìng yùn xíng.
Lẽ ra theo lý thường thì dưới môi trường siêu bức xạ cực mạnh và siêu nhiệt độ thấp cực đoan như thế chip rất dễ bị mất tác dụng hỏng hóc, nhưng con chip vi mô chống bức xạ do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển vẫn vận hành ổn định.

24 nét | HÁN VIỆT : ÁN THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #026

案件
àn jiàn

vụ án, án điểm, hồ sơ vụ án

公安干警依托现代物证微痕检验与大数据情报研判平台，成功破获了这起复杂的特大跨境网络诈骗案件。
Gōng ān gàn jǐng yī tuō xiàn dài wù zhèng wēi hén jiǎn yàn yǔ dà shù jù qíng bào yán pàn píng tái, chéng gōng pò huò le zhè qǐ fù zá de tè dà kuà jìng wǎng luò zhà piàn àn jiàn.
Các chiến sĩ công an dựa vào công nghệ giám định vết tích vi mô vật chứng hiện đại cùng nền tảng phân tích tình báo dữ liệu lớn đã phá thành công vụ án lừa đảo xuyên biên giới đặc biệt phức tạp này.

26 nét | HÁN VIỆT : ÁN KIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #027

暗地里
àndìli

ngấm ngầm, ngấm ngầm giấu giếm, lén lút sau lưng

面对突如其来的技术卡脖子挑战，攻关团队暗地里下了苦功夫，日夜奋战终于实现全面自主替代。
Miàn duì tū rú qí lái de jì shù qiǎ bó zi tiǎo zhàn, gōng guān tuán duì àn dì lǐ xià le kǔ gōng fu, rì yè fèn zhàn zhōng yú shí xiàn quán miàn zì zhǔ tì dài.
Đứng trước thách thức nghẽn cổ chai công nghệ bất ngờ ập đến, đội ngũ vượt khó đã ngấm ngầm dày công khổ luyện dốc sức, ngày đêm chiến đấu cuối cùng đã thực hiện thay thế tự chủ toàn diện.

34 nét | HÁN VIỆT : ÁM ĐỊA LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #028

暗杀
ànshā

ám sát, thủ tiêu ngấm ngầm

国家安全与反恐情报部门依托前沿大数据多维态势感知网络，成功粉碎了境外敌对势力策划的暗杀阴谋。
Guó jiā ān quán yǔ fǎn kǒng qíng bào bù mén yī tuō qián yán dà shù jù duō wéi tài shì gǎn zhī wǎng luò, chéng gōng fěn suì le jìng wài dí duì shì lì cè huà de àn shā yīn móu.
Cơ quan tình báo phòng chống khủng bố và an ninh quốc gia dựa vào mạng lưới nhận biết tình huống đa chiều dữ liệu lớn tiên phong đã đập tan thành công âm mưu ám sát do các thế lực thù địch nước ngoài mưu tính.

22 nét | HÁN VIỆT : ÁM SÁT

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #029

暗中
ànzhōng

ngấm ngầm, trong bóng tối, lén lút âm thầm

国家反间谍安全部门严密防范境外不法机构暗中窃取国家重大前沿战略科技秘密与核心算法源代码。
Guó jiā fǎn jiàn dié ān quán bù mén yán mì fáng fàn jìng wài bù fǎ jī gòu àn zhōng qiè qǔ guó jiā zhòng dà qián yán zhàn lüè kē jì mì mì yǔ hé xīn suàn fǎ yuán dài mǎ.
Cơ quan an ninh phản gián quốc gia phòng ngừa nghiêm ngặt các cơ quan phi pháp nước ngoài ngấm ngầm âm thầm đánh cắp mã nguồn thuật toán cốt lõi và bí mật khoa học công nghệ chiến lược tiên phong trọng đại của quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT : ÁM TRUNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #030

昂贵
áng guì

đắt đỏ, đắt giá, giá cao ngất ngưởng

高纯度单晶硅与耐高温航空超合金材料虽然制备工艺极其复杂且价格昂贵，却是制造先进半导体与火箭发动机的核心战略物资。
Gāo chún dù dān jīng guī yǔ nài gāo wēn háng kōng chāo hé jīn cái liào suī rán zhì bèi gōng yì jí qí fù zá qiě jià gé áng guì, què shì zhì zào xiān jìn bàn dǎo tǐ yǔ huǒ jiàn fā dòng jī de hé xīn zhàn lüè wù zī.
Vật liệu silicon đơn tinh thể độ tinh khiết cao cùng siêu hợp kim hàng không chịu nhiệt độ cao tuy quy trình chế tạo vô cùng phức tạp và giá cả đắt đỏ, nhưng lại là vật tư chiến lược cốt lõi để chế tạo chất bán dẫn tiên tiến và động cơ tên lửa.

21 nét | HÁN VIỆT : NGANG QUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #031

凹
āo

lõm, trũng lõm xuống, trũng

超大口径深空射电望远镜的巨大反射面犹如一口深邃的银白色凹面巨碗，静静凝望百亿光年外的浩瀚宇宙。
Chāo dà kǒu jìng shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jìng de jù dà fǎn shè miàn yóu rú yī kǒu shēn suì de yín bái sè āo miàn jù wǎn, jìng jìng níng wàng bǎi yì guāng nián wài de hào hàn yǔ zhòu.
Mặt phản xạ khổng lồ của kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu khẩu độ siêu lớn tựa như một chiếc bát khổng lồ mặt lõm trũng màu trắng bạc sâu thẳm, tĩnh lặng ngắm nhìn vũ trụ bao la cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

14 nét | HÁN VIỆT : AO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #032

熬
āo

đun sôi

老师鼓励大家积极熬，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí āo， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đun sôi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét | HÁN VIỆT : NGAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #033

熬夜
áoyè

thức khuya, thức đêm cày đêm

青年科研骨干虽然经常为了排查系统微小故障而连续熬夜攻关，但看到大科学装置调试成功时依然精神振奋。
Qīng nián kē yán gǔ gàn suī rán jīng cháng wèi le pái chá xì tǒng wēi xiǎo gù zhàng ér lián xù áo yè gōng guān, dàn kàn dào dà kē xué zhuāng zhì tiáo shì chéng gōng shí yī rán jīng shén zhèn fèn.
Các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi tuy thường xuyên phải thức khuya thức đêm vượt khó liên tục để rà soát các sự cố nhỏ của hệ thống, nhưng khi nhìn thấy thiết bị khoa học lớn hiệu chỉnh thành công thì tinh thần vẫn tràn đầy phấn chấn.

23 nét | HÁN VIỆT : NGAO DẠ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #034

傲
ào

ngạo nghễ, kiêu hãnh; ngạo mạn khinh khỉnh

中国科学家以傲立世界科技前沿的志气与底气，在多个重大前沿基础领域实现了从跟跑向领跑的历史性跨越。
Zhōng guó kē xué jiā yǐ ào lì shì jiè kē jì qián yán de zhì qì yǔ dǐ qì, zài duō gè zhòng dà qián yán jī chǔ lǐng yù shí xiàn le cóng gēn pǎo xiàng lǐng pǎo de lì shǐ xìng kuà yuè.
Các nhà khoa học Trung Quốc với khí phách và bản lĩnh ngạo nghễ kiêu hãnh đứng vững nơi ranh giới tiên phong khoa học công nghệ thế giới đã thực hiện bước nhảy vọt lịch sử từ chạy theo sau trở thành dẫn đầu trong nhiều lĩnh vực cơ bản tiên phong trọng đại.

9 nét | HÁN VIỆT : NGẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #035

傲慢
àomàn

ngạo mạn, kiêu căng hống hách, tự cao tự đại

我们用一系列无可争辩的硬核原创科技突破，彻底打破了西方某些学者在基础科学领域长期存在的傲慢与偏见。
Wǒ men yòng yī xì liè wú kě zhēng biàn de yìng hé yuán chuàng kē jì tū pò, chè dǐ dǎ pò le xī fāng mǒu xiē xué zhě zài jī chǔ kē xué lǐng yù cháng qī cún zài de ào màn yǔ piān jiàn.
Chúng ta dùng một loạt các bước đột phá khoa học công nghệ nguyên tác công nghệ cứng không thể bàn cãi để đập tan triệt để sự thành kiến và kiêu căng ngạo mạn tồn tại suốt thời gian dài của một số học giả phương Tây trong lĩnh vực khoa học cơ bản.

20 nét | HÁN VIỆT : NGẠO MẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #036

奥秘
ào mì

điều bí ẩn, sự huyền bí, điều kỳ diệu

从微观量子纠缠到宏观星系演化，人类对大自然无穷奥秘的求知探索从未停止过前行的脚步。
Cóng wēi guān liàng zǐ jiū chán dào hóng guān xīng xì yǎn huà, rén lèi duì dà zì rán wú qióng ào mì de qiú zhī tàn suǒ cóng wèi tíng zhǐ guò qián xíng de jiǎo bù.
Từ vướng víu lượng tử vi mô cho tới sự tiến hóa của các thiên hà vĩ mô, bước chân kiếm tìm và khám phá những điều bí ẩn vô tận của tự nhiên của loài người chưa bao giờ ngừng tiến bước.

18 nét | HÁN VIỆT : ÁO BÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ riêng | #037

奥运会
Àoyùnhuì

Thế vận hội Olympic, Olympic Games

我国在冬季奥运会场馆建设与赛事运营中全面应用绿色清洁能源与超高清8K多模态智能转播技术。
Wǒ guó zài dōng jì ào yùn huì chǎng guǎn jiàn shè yǔ sài shì yùn yíng zhōng quán miàn yìng yòng lǜ sè qīng jié néng yuán yǔ chāo gāo qīng 8K duō mó tài zhì néng zhuǎn bō jì shù.
Nước ta trong việc vận hành giải đấu và xây dựng nhà thi đấu sân bãi Thế vận hội Olympic Mùa đông đã ứng dụng toàn diện năng lượng sạch xanh và công nghệ truyền hình trực tiếp thông minh đa phương thức 8K siêu nét.

35 nét | HÁN VIỆT : ÁO VẬN HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #038

八卦
bāguà

bát quái; chuyện phiếm buôn dưa lê tầm phào

严谨的学者在治学中始终坚持以严密客观的实验数据说话，决不捕风捉影或沉溺于学术圈内的八卦流言。
Yán jǐn de xué zhě zài zhì xué zhōng shǐ zhōng jiān chí yǐ yán mì kè guān de shí yàn shù jù shuō huà, jué bù bǔ fēng zhuō yǐng huò chén nì yú xué shù quān nèi de bā guà liú yán.
Học giả nghiêm cẩn trong làm học vẫn luôn kiên trì dùng số liệu thực nghiệm khách quan chuẩn xác để nói chuyện, tuyệt đối không bắt gió bắt bóng hay chìm đắm vào những lời đồn thổi chuyện phiếm buôn dưa lê trong giới học thuật.

20 nét | HÁN VIỆT : BÁT QUÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #039

扒
bā

bới, cào, vạch ra; bám lấy, trèo bám

在重大地质灾害救援一线，消防搜救队员冒着二次坍塌风险徒手扒开沉重的瓦砾碎石，成功营救出被困群众。
Zài zhòng dà dì zhì zāi hài jiù yuán yī xiàn, xiāo fáng sōu jiù duì yuán mào zhe èr cì tān tā fēng xiǎn tú shǒu bā kāi chén zhòng de wǎ lì suì shí, chéng gōng yíng jiù chū bèi kùn qún zhòng.
Tại tuyến đầu cứu hộ thảm họa địa chất trọng đại, các chiến sĩ cứu nạn bất chấp nguy cơ sập đổ thứ cấp đã dùng tay không bới từng đống gạch đá đổ nát nặng trịch, giải cứu thành công người dân bị mắc kẹt.

13 nét | HÁN VIỆT : BÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #040

芭蕾
bāléi

múa ba lê, vũ kịch ballet

国家大剧院原创现代芭蕾舞剧运用多媒体全息光影数字舞台技术，生动再现了科学家们科技报国的壮丽人生。
Guó jiā dà jù yuàn yuán chuàng xiàn dài bā léi wǔ jù yùn yòng duō méi tǐ quán xī guāng yǐng shù zì wǔ tái jì shù, shēng dòng zài xiàn le kē xué jiā men kē jì bào guó de zhuàng lì rén shēng.
Vở vũ kịch ballet múa ba lê hiện đại nguyên tác của Nhà hát Lớn Quốc gia ứng dụng công nghệ sân khấu số hóa ánh sáng hologram đa phương tiện, tái hiện sinh động cuộc đời tráng lệ phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của các nhà khoa học.

16 nét | HÁN VIỆT : BA LÔI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #041

把柄
bǎbǐng

cán chuôi, điểm yếu bị nắm thóp, bằng cớ sơ hở

我们必须牢牢掌握关键核心技术自主权与底层源代码，绝不在核心供应链上留下受制于人的漏洞把柄。
Wǒ men bì xū láo láo zhǎng wò guān jiàn hé xīn jì shù zì zhǔ quán yǔ dǐ céng yuán dài mǎ, jué bù zài hé xīn gōng yìng liàn shàng liú xià shòu zhì yú rén de lòu dòng bǎ bǐng.
Chúng ta phải nắm thật chắc quyền tự chủ công nghệ lõi then chốt và mã nguồn dưới đáy, tuyệt đối không để lại sơ hở điểm yếu bị nắm thóp chịu sự khống chế của người khác trên chuỗi cung ứng cốt lõi.

27 nét | HÁN VIỆT : BẢ BÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #042

把关
bǎ guān

giữ ải, kiểm soát chặt chẽ, kiểm duyệt

在大科学工程全生命周期质量把控中，总质量师团队对每一份工艺图纸与采购部件进行严格把关。
Zài dà kē xué gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī zhì liàng bǎ kòng zhōng, zǒng zhì liàng shī tuán duì duì měi yī fèn gōng yì tú zhǐ yǔ cǎi gòu bù jiàn jìn xíng yán gé bǎ guān.
Trong công tác kiểm soát chất lượng toàn vòng đời của đại công trình khoa học, đội ngũ kỹ sư trưởng chất lượng đã kiểm duyệt và giám sát nghiêm ngặt từng bản vẽ thiết kế quy trình cùng linh kiện mua sắm.

26 nét | HÁN VIỆT : BẢ QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #043

把手
bǎ shǒu

tay nắm, tay cầm (cửa, máy); người đứng đầu

现代新型节能动车组车门把手采用了抗菌耐磨医用级合金材料与人体工学曲线设计。
Xiàn dài xīn xíng jié néng dòng chē zǔ chē mén bǎ shǒu cǎi yòng le kàng jūn nài mó yī yòng jí hé jīn cái liào yǔ rén tǐ gōng xué qū xiàn shè jì.
Tay nắm cửa của đoàn tàu cao tốc tiết kiệm năng lượng kiểu mới áp dụng vật liệu hợp kim y tế kháng khuẩn chống mài mòn cùng thiết kế đường cong công thái học.

26 nét | HÁN VIỆT : BẢ THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #044

靶子
bǎzi

bia bắn, bia mục tiêu, hồng tâm

在同步辐射高能粒子束流实验中，加速粒子精确轰击纳米重金属薄膜物理靶子，激发出了高纯度极紫外光源。
Zài tóng bù fú shè gāo néng lì zi shù liú shí yàn zhōng, jiā sù lì zi jīng què hōng jī nà mǐ zhòng jīn shǔ báo mó wù lǐ bǎ zi, jī fā chū le gāo chún dù jí zǐ wài guāng yuán.
Trong thực nghiệm chùm hạt năng lượng cao bức xạ synchrotron, các hạt gia tốc đã bắn phá chuẩn xác vào bia mục tiêu tấm bia màng mỏng kim loại nặng nano vật lý, kích phát ra nguồn sáng cực tím chân không độ tinh khiết cao.

20 nét | HÁN VIỆT : BẢ TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #045

坝
bà

đập, đập ngăn nước thủy điện

白鹤滩特大水电站超级双曲拱坝全线浇筑了低热低水化热低裂缝高强混凝土，堪称世界水利工程奇迹。
Bái hè tān tè dà shuǐ diàn zhàn chāo jí shuāng qū gǒng bà quán xiàn jiāo zhù le dī rè dī shuǐ huà rè dī liè fèng gāo qiáng hùn níng tǔ, kān chēng shì jiè shuǐ lì gōng chéng qí jì.
Con đập vòm cong kép siêu cấp của Siêu Nhà máy Thủy điện Bạch Hạc Than toàn tuyến đã đổ bê tông cường độ cao ít nứt sinh nhiệt thủy hóa thấp, xứng danh là kỳ tích công trình thủy lợi thế giới.

8 nét | HÁN VIỆT : BÁ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #046

霸占
bàzhàn

chiếm đoạt, bá chiếm, chiếm đoạt độc quyền

中国自主高端芯片的横空出世，彻底打破了国外少数行业巨头在高端微电子制造领域的长期霸占与垄断。
Zhōng guó zì zhǔ gāo duān xīn piàn de héng kōng chū shì, chè dǐ dǎ pò le guó wài shǎo shù háng yè jù tóu zài gāo duān wēi diàn zi zhì zào lǐng yù de cháng qī bà zhàn yǔ lǒng duàn.
Sự xuất hiện chấn động của chip cao cấp tự chủ Trung Quốc đã đập tan triệt để sự chiếm đoạt độc quyền bá chiếm suốt thời gian dài của số ít ông lớn ngành nghề nước ngoài trong lĩnh vực chế tạo vi điện tử cao cấp.

19 nét | HÁN VIỆT : BÁ CHIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #047

巴不得
bā bù dé

ước gì, mong sao, nôn nóng mong muốn

离家求学多年的海外留学生在顺利通过博士论文答辩后，巴不得立刻乘机飞回祖国与父母亲人团聚。
Lí jiā qiú xué duō nián de hǎi wài liú xué shēng zài shùn lì tōng guò bó shì lùn wén dá biàn hòu, bā bù dé lì kè chéng jī fēi huí zǔ guó yǔ fù mǔ qīn rén tuán jù.
Du học sinh xa nhà nhiều năm sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chỉ mong sao có thể lập tức đáp chuyến bay trở về Tổ quốc để đoàn tụ cùng cha mẹ người thân.

33 nét | HÁN VIỆT : BA BẤT ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #048

罢免
bàmiǎn

bãi miễn, bãi chức, miễn nhiệm cách chức

国家科研诚信委员会对存在严重伪造实验数据学术不端行为的涉事项目负责人依法依规予以严肃罢免职务。
Guó jiā kē yán chéng xìn wěi yuán huì duì cún zài yán zhòng wěi zào shí yàn shù jù xué shù bù duān xíng wéi de shè shì xiàng mù fù zé rén yǐ fǎ yǐ guī yǔ yǐ yán sù bà miǎn zhí wù.
Ủy ban Thành tín Nghiên cứu Khoa học Quốc gia theo đúng quy định và pháp luật đã bãi chức bãi miễn chức vụ nghiêm khắc đối với chủ nhiệm đề tài liên quan có hành vi sai trái học thuật làm giả số liệu thực nghiệm nghiêm trọng.

22 nét | HÁN VIỆT : BÃI MIỄN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #049

罢休
bàxiū

bỏ cuộc, chịu dừng lại, chịu buông xuôi (thường dùng phủ định)

攻关团队发扬不破楼兰终不还的拼搏毅力，不彻底攻克这项卡脖子关键核心技术决不罢休！
Gōng guān tuán duì fā yáng bù pò lóu lán zhōng bù hái de pīn bó yì lì, bù chè dǐ gōng kè zhè xiàng qiǎ bó zi guān jiàn hé xīn jì shù jué bù bà xiū!
Nhóm vượt khó phát huy nghị lực chiến đấu ngoan cường chưa phá Lâu Lan quyết không về, chưa chinh phục triệt để công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai này thì quyết không chịu buông xuôi bỏ cuộc!

24 nét | HÁN VIỆT : BÃI HƯU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #050

掰
bāi

bẻ, tách ra bằng hai tay, bẻ đôi

在农作物育种试验田里，农业科学家轻轻掰开饱满金黄的超级杂交玉米穗，仔细测量籽粒饱满度与行粒数。
Zài nóng zuò wù yù zhǒng shì yàn tián lǐ, nóng yè kē xué jiā qīng qīng bāi kāi bǎo mǎn jīn huáng de chāo jí zá jiāo yù mǐ suì, zǐ xì cè liáng zǐ lì bǎo mǎn dù yǔ xíng lì shù.
Bên trong ruộng thử nghiệm nhân giống cây trồng nông nghiệp, nhà khoa học nông nghiệp nhẹ nhàng bẻ tách bắp ngô lai siêu cấp vàng óng hạt mẩy, đo đạc tỉ mỉ độ mẩy chắc của hạt và số hạt trên mỗi hàng.

13 nét | HÁN VIỆT : BẺ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #051

白白
báibái

uổng công, uổng phí, toi công vô ích

每一次看似失败的微观前沿实验都积累了宝贵的第一手物理数据，绝不会白白浪费科研人员的心血与付出。
Měi yī cì kàn shì shī bài de wēi guān qián yán shí yàn dōu jī lěi le bǎo guì de dì yī shǒu wù lǐ shù jù, jué bú huì bái bái làng fèi kē yán rén yuán de xīn xuè yǔ fù chū.
Mỗi một lần thực nghiệm tiên phong vi mô xem chừng thất bại đều đã tích lũy được dữ liệu vật lý nguồn quý giá ban đầu, tuyệt đối không hề uổng công uổng phí tâm huyết và sự cống hiến của cán bộ nghiên cứu.

20 nét | HÁN VIỆT : BẠCH BẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #052

百分比
bǎifēnbǐ

tỷ lệ phần trăm, phần trăm

新型超高效钙钛矿叠层太阳能电池的光电能量转换百分比突破了理论物理极限，创下世界最高纪录。
Xīn xíng chāo gāo xiào gài tài kuàng dié céng tài yáng néng diàn chí de guāng diàn néng liàng zhuǎn huàn bǎi fēn bǐ tū pò le lǐ lùn wù lǐ jí xiàn, chuàng xià shì jiè zuì gāo jì lù.
Tỷ lệ phần trăm chuyển đổi năng lượng quang điện của pin mặt trời xếp lớp perovskite siêu hiệu quả kiểu mới đã phá vỡ giới hạn vật lý lý thuyết, lập nên kỷ lục cao nhất thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : BÁCH PHÂN TỶ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #053

百合
bǎihé

hoa bách hợp, củ hoa bách hợp (hoa lily)

国家现代农业示范区通过植物组织培养与基因育种技术，成功培育出了耐低温、芳香浓郁的高原食用观赏两用百合新品种。
Guó jiā xiàn dài nóng yè shì fàn qū tōng guò zhí wù zǔ zhī péi yǎng yǔ jī yīn yù zhǒng jì shù, chéng gōng péi yù chū le nài dī wēn, fāng xiāng nóng yù de gāo yuán shí yòng guān shǎng liǎng yòng bǎi hé xīn pǐn zhǒng.
Khu Trình diễn Nông nghiệp Hiện đại Quốc gia thông qua công nghệ nhân giống gen và nuôi cấy mô thực vật đã lai tạo thành công giống hoa bách hợp bách hợp mới chịu nhiệt độ thấp, hương thơm nồng nàn lưỡng dụng vừa làm cảnh vừa làm thực phẩm vùng cao nguyên.

20 nét | HÁN VIỆT : BÁCH CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #054

百科全书
bǎikēquánshū

bách khoa toàn thư

拥有数千万词条的《中国大百科全书》第三版全面完成数字化网络化重构，打造了国家知识资源公共服务权威平台。
Yōng yǒu shù qiān wàn cí tiáo de《zhōng guó dà bǎi kē quán shū》dì sān bǎn quán miàn wán chéng shù zì huà wǎng luò huà zhòng gòu, dǎ zào le guó jiā zhī shí zī yuán gōng gòng fú wù quán wēi píng tái.
Bộ 'Trung Quốc Đại Bách khoa Toàn thư' ấn bản lần thứ ba sở hữu hàng chục triệu mục từ đã hoàn thành toàn diện việc tái cấu trúc mạng lưới hóa số hóa, tạo dựng nền tảng dịch vụ công cộng tài nguyên tri thức quốc gia mang tính thẩm quyền.

35 nét | HÁN VIỆT : BÁCH KHOA TOÀN THƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #055

柏树
bǎishù

cây bách, cây trắc bách diệp

在历史文化名山之巅，数千年树龄的苍劲古柏树在现代树木生理智能监测仪器的严密保护下依然郁郁葱葱。
Zài lì shǐ wén huà míng shān zhī diān, shù qiān nián shù líng de cāng jìng gǔ bǎi shù zài xiàn dài shù mù shēng lǐ zhì néng jiān cè yí qì de yán mì bǎo hù xià yī rán yù yù cōng cōng.
Trên đỉnh ngọn núi danh thắng văn hóa lịch sử, cây bách cổ bách thụ cổ thụ hàng ngàn năm tuổi đời rắn rỏi dưới sự bảo vệ nghiêm ngặt của các thiết bị quan trắc thông minh sinh lý thực vật hiện đại vẫn xanh tươi rợp bóng.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁCH THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #056

摆放
bǎifàng

bày biện, sắp đặt, bài trí đặt để

在超洁净半导体微纳加工实验室内，各类超高精密度光学探针与量测仪器均按照严密规范整齐摆放。
Zài chāo jié jìng bàn dǎo tǐ wēi nà jiā gōng shí yàn shì nèi, gè lèi chāo gāo jīng mì dù guāng xué tàn zhēn yǔ liàng cè yí qì jūn àn zhào yán mì guī fàn zhěng qí bǎi fàng.
Bên trong phòng thí nghiệm gia công vi nano bán dẫn siêu sạch, các loại dụng cụ đo đạc và đầu dò quang học độ chính xác siêu cao đều được sắp đặt bài trí bày biện ngay ngắn theo đúng quy phạm nghiêm ngặt.

21 nét | HÁN VIỆT : BÀI PHÓNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #057

摆平
bǎipíng

dẹp yên, giải quyết ổn thỏa, san phẳng dàn xếp

总工程师凭借数十年的深厚工程实践积累与高超技术决断力，迅速带领攻坚团队摆平了系统突发共振难题。
Zǒng gōng chéng shī píng jiè shù shí nián de shēn hòu gōng chéng shí jiàn jī lěi yǔ gāo chāo jì shù jué duàn lì, xùn sù dài lǐng gōng jiān tuán duì bǎi píng le xì tǒng tū fā gòng zhèn nán tí.
Vị Tổng Công trình sư nhờ vào năng lực quyết đoán kỹ thuật cao siêu cùng bề dày tích lũy thực tiễn công trình hàng chục năm đã nhanh chóng dẫn dắt đội ngũ vượt khó giải quyết ổn thỏa dẹp yên bài toán cộng hưởng đột xuất của hệ thống.

18 nét | HÁN VIỆT : BÀI BÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #058

摆设
bǎishè

đồ bài trí, đồ bày làm cảnh; bài trí sắp xếp

科技安全监管制度必须长出锋利的牙齿、落到实处，决不能把各种规章制度当成应付检查的摆设。
Kē jì ān quán jiān guǎn zhì dù bì xū zhǎng chū fēng lì de yá chǐ, luò dào shí chù, jué bù néng bǎ gè zhǒng guī zhāng zhì dù dàng chéng yìng fù jiǎn chá de bǎi shè.
Chế độ giám sát an toàn khoa học công nghệ bắt buộc phải mọc nanh vuốt sắc bén, đi vào thực chất, tuyệt đối không được biến các loại nội quy quy chế thành đồ bày làm cảnh đồ bài trí chỉ để đối phó kiểm tra.

21 nét | HÁN VIỆT : BÀI THIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #059

拜会
bàihuì

bái hội, đến thăm kiến diện, yết kiến hội đàm (trang trọng)

国家科学家代表团应邀访问国际科学理事会总部，正式拜会了理事会主席并就全球开放科学深入交换意见。
Guó jiā kē xué jiā dài biǎo tuán yīng yāo fǎng wèn guó jì kē xué lǐ shì huì zǒng bù, zhèng shì bài huì le lǐ shì huì zhǔ xí bìng jiù quán qiú kāi fàng kē xué shēn rù jiāo huàn yì jiàn.
Đoàn đại biểu các nhà khoa học quốc gia đã nhận lời mời tới thăm trụ sở Hội đồng Khoa học Quốc tế, chính thức đến thăm bái hội Chủ tịch Hội đồng và đi sâu trao đổi ý kiến về khoa học mở toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁI HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #060

拜见
bàijiàn

bái kiến, yết kiến, đến chào kính cẩn (bậc tiền bối)

多位青年学者怀着无比崇敬的心情专程拜见国家最高科学技术奖得主，虚心聆听老一辈科学家治学教诲。
Duō wèi qīng nián xué zhě huái zhe wú bǐ chóng jìng de xīn qíng zhuān chéng bài jiàn guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng dé zhǔ, xū xīn líng tīng lǎo yī bèi kē xué jiā zhì xué jiào huì.
Nhiều học giả trẻ tuổi mang theo tâm trạng vô cùng tôn kính đã cất công tới bái kiến yết kiến người đạt Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia, khiêm tốn lắng nghe lời dạy bảo làm học vấn của nhà khoa học tiền bối.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁI KIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #061

拜年
bài nián

chúc Tết, đi chúc Tết

正月初一清晨，晚辈们身穿节日新衣向长辈躬身拜年，欢声笑语中传递着浓厚融融的家族亲情。
Zhēng yuè chū yī qīng chén, wǎn bèi men shēn chuān jié rì xīn yī xiàng zhǎng bèi gōng shēn bài nián, huān shēng xiào yǔ zhōng chuán dì zhe nóng hòu róng róng de jiā zú qīn qíng.
Sáng sớm mùng Một Tết, con cháu mặc trang phục lễ hội mới tinh cúi mình chúc Tết các bậc bề trên, tiếng cười nói rộn rã lan tỏa tình cảm gia đình ấm áp thiêng liêng.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁI NIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #062

拜托
bài tuō

nhờ cậy, bái thác, xin nhờ (kính ngữ)

这批极其珍贵的国家级出土脆弱青铜文物在运往特展途中，全流程安保押运工作就拜托各位特警指战员了。
Zhè pī jí qí zhēn guì de guó jiā jí chū tǔ cuì ruò qīng tóng wén wù zài yùn wǎng tè zhǎn tú zhōng, quán liú chéng ān bǎo yā yùn gōng zuò jiù bài tuō gè wèi tè jǐng zhǐ zhàn yuán le.
Lô cổ vật bằng đồng giòn quý hiếm cấp quốc gia vừa mới khai quật này trên đường vận chuyển tới triển lãm đặc biệt, công tác hộ tống bảo đảm an ninh toàn quy trình xin được nhờ cậy cả vào các đồng chí chỉ huy cảnh sát đặc nhiệm.

23 nét | HÁN VIỆT : BÁI THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #063

扳
bān

gạt (cần gạt), kéo, bẻ ngoặt; lật ngược thế cờ

在试验台紧急切断演练中，主控安全员迅速扳动应急制动总手柄，毫秒级切断了高能等离子体供电电源。
Zài shì yàn tái jǐn jí qiè duàn yǎn liàn zhōng, zhǔ kòng ān quán yuán xùn sù bān dòng yīng jí zhì dòng zǒng shǒu bǐng, háo miǎo jí qiē duàn le gāo néng děng lí zǐ tǐ gōng diàn diàn yuán.
Trong buổi diễn tập cắt khẩn cấp trên bệ thử nghiệm, nhân viên an toàn điều khiển chính đã nhanh chóng gạt kéo cần gạt tổng phanh hãm khẩn cấp, ngắt nguồn điện cấp plasma năng lượng cao trong cấp độ mili-giây.

11 nét | HÁN VIỆT : BAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #064

颁布
bān bù

ban bố, ban hành (luật, quy định pháp luật)

全国人民代表大会表决通过并正式颁布实施了《中华人民共和国民法典》，具有划时代的法治里程碑意义。
Quán guó rén mín dài biǎo dà huì biǎo jué tōng guò bìng zhèng shì bān bù shí shī le《zhōng huá rén mín gòng hé guó mín fǎ diǎn》, jù yǒu huà shí dài de fǎ zhì lǐ chéng bēi yì yì.
Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã biểu quyết thông qua và chính thức ban bố thi hành 'Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa', sở hữu ý nghĩa dấu mốc pháp trị thời đại.

19 nét | HÁN VIỆT : BAN BỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #065

颁发
bān fā

trao tặng, trao giải, cấp phát (bằng khen, huy chương)

在庄严隆重的国家科学技术奖励大会上，党和国家领导人亲自向功勋卓越的资深科学家颁发国家最高科学技术奖证书。
Zài zhuāng yán lóng zhòng de guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì shàng, dǎng hé guó jiā lǐng dǎo rén qīn zì xiàng gōng xūn zhuó yuè de zī shēn kē xué jiā bān fā guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng zhèng shū.
Tại Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Quốc gia trang nghiêm trọng thể, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đích thân trao tặng giấy chứng nhận Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Tối cao Quốc gia cho các nhà khoa học lão thành có công trạng lẫy lừng.

20 nét | HÁN VIỆT : BAN PHÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #066

颁奖
bānjiǎng

trao giải thưởng, trao thưởng

在人民大会堂隆重举行的国家科学技术奖励大会上，国家领导人亲自为荣获国家最高科技奖的科学家颁奖。
Zài rén mín dà huì táng lóng zhòng jǔ xíng de guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì shàng, guó jiā lǐng dǎo rén qīn zì wèi róng huò guó jiā zuì gāo kē jì jiǎng de kē xué jiā bān jiǎng.
Tại Đại hội Khen thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia tổ chức trọng thể ở Đại lễ đường Nhân dân, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đích thân trao giải thưởng trao thưởng cho các nhà khoa học vinh dự nhận Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : BAN THƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #067

斑点
bāndiǎn

đốm, vết đốm, đốm sáng

空间太阳观测望远镜成功传回了极高空间分辨率的太阳表面超大黑子斑点演化全过程高清科学图像。
Kōng jiān tài yáng guān cè wàng yuǎn jìng chéng gōng chuán huí le jí gāo kōng jiān fēn biàn lǜ de tài yáng biǎo miàn chāo dà hēi zi bān diǎn yǎn huà quán guò chéng gāo qīng kē xué tú xiàng.
Kính viễn vọng quan trắc Mặt trời không gian đã truyền về thành công hình ảnh khoa học độ nét cao toàn bộ tiến trình tiến hóa vết đốm đốm đen Mặt trời siêu lớn trên bề mặt Mặt trời với độ phân giải không gian cực cao.

22 nét | HÁN VIỆT : BAN ĐIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #068

搬迁
bānqiān

di dời, chuyển dời địa điểm, chuyển trụ sở

国家重大科研基础设施重点实验室整体顺利搬迁入驻国家高新技术科学城，全面开启协同创新崭新篇章。
Guó jiā zhòng dà kē yán jī chǔ shè shī zhòng diǎn shí yàn shì zhěng tǐ shùn lì bān qiān rù zhù guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng, quán miàn kāi qǐ xié tóng chuàng xīn zhǎn xīn piān zhāng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia đã di dời chuyển dời toàn bộ thuận lợi vào đóng quân tại Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia, mở ra chương mới tinh khôi về đổi mới sáng tạo hiệp đồng.

21 nét | HÁN VIỆT : BAN THIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #069

板块
bǎnkuài

mảng kiến tạo (địa chất); mảng khối ngành nghề

地球系统科学超级计算机数值模拟精准重现了数亿年来青藏高原板块碰撞与地壳强烈隆升的动力学演化历程。
Dì qiú xì tǒng kē xué chāo jí jì suàn jī shù zhí mó nǐ jīng zhǔn chóng xiàn le shù yì nián lái qīng zàng gāo yuán bǎn kuài pèng zhuàng yǔ dì qiào qiáng liè lóng shēng de dòng lì xué yǎn huà lì chéng.
Mô hình số hóa siêu máy tính khoa học hệ thống Trái Đất đã tái hiện chuẩn xác tiến trình tiến hóa động lực học của việc vỏ trái đất nâng lên mạnh mẽ và sự va chạm mảng kiến tạo mảng khối cao nguyên Thanh Tạng suốt hàng trăm triệu năm qua.

17 nét | HÁN VIỆT : BẢN KHỐI

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #070

办不到
bànbúdào

không làm được, không thể thực hiện nổi

面对国外专家的武断断言“中国人办不到”，攻坚团队憋着一股劲、自主攻克了深海超高压密封世界级难关。
Miàn duì guó wài zhuān jiā de wǔ duàn duàn yán "zhōng guó rén bàn bú dào ", gōng jiān tuán duì biē zhe yì gǔ jìn, zì zhǔ gōng kè le shēn hǎi chāo gāo yā mì fēng shì jiè jí nán guān.
Đứng trước lời quả quyết võ đoán của chuyên gia nước ngoài rằng 'người Trung Quốc không làm được đâu', đội ngũ vượt khó nén chặt một bầu nhiệt huyết, đã tự chủ chinh phục ải khó tấm cỡ thế giới về hàn kín siêu cao áp biển sâu.

35 nét | HÁN VIỆT : BIỆN BẤT ĐÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #071

半边天
bànbiāntiān

nửa bầu trời, phái nữ phụ nữ (người gánh vác một nửa)

在载人航天、深海探测与量子芯片等重大科技前沿攻坚战场上，杰出女性科学家顶起了名副其实的科技半边天。
Zài zài rén háng tiān, shēn hǎi tàn cè yǔ liàng zǐ xīn piàn děng zhòng dà kē jì qián yán gōng jiān zhàn chǎng shàng, jié chū nǚ xìng kē xué jiā dǐng qǐ le míng fù qí shí de kē jì bàn biān tiān.
Trên chiến trường vượt khó tiên phong khoa học công nghệ trọng đại như chip lượng tử, thám trắc biển sâu và hàng không vũ trụ có người lái, các nữ nhà khoa học kiệt xuất đã chống đỡ một nửa bầu trời nửa bầu trời khoa học công nghệ đích thực.

30 nét | HÁN VIỆT : BÁN BIÊN THIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #072

半场
bànchǎng

nửa hiệp đấu, nửa sân bóng; nửa sau cuộc đua

在前沿科技产业竞争的下半场，谁能率先在关键底层原创理论上取得颠覆性突破，谁就能赢得全球战略主导权。
Zài qián yán kē jì chǎn yè jìng zhēng de xià bàn chǎng, shuí néng shuài xiān zài guān jiàn dǐ céng yuán chuàng lǐ lùn shàng qǔ dé diān fù xìng tū pò, shuí jiù néng yíng dé quán qiú zhàn lüè zhǔ dǎo quán.
Trong hiệp hai nửa sau cuộc đua nửa trận cạnh tranh ngành công nghệ tiên phong, ai có thể dẫn đầu đạt được bước đột phá mang tính cách mạng trên lý luận nguyên tác dưới đáy then chốt thì người đó sẽ giành được quyền chủ đạo chiến lược toàn cầu.

16 nét | HÁN VIỆT : BÁN TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #073

半岛
bàndǎo

bán đảo (địa lý)

我国沿海半岛大型综合海洋科学观测实验基地的落成，极大提升了深远海气象灾害智能预报预警能力。
Wǒ guó yán hǎi bàn dǎo dà xíng zōng hé hǎi yáng kē xué guān cè shí yàn jī dì de luò chéng, jí dà tí shēng le shēn yuǎn hǎi qì xiàng zāi hài zhì néng yù bào yù jǐng néng lì.
Việc khánh thành Căn cứ thực nghiệm quan trắc khoa học biển tổng hợp quy mô lớn tại bán đảo bán đảo duyên hải nước ta đã nâng cao vượt bậc năng lực dự báo cảnh báo sớm thông minh thiên tai khí tượng vùng biển xa sâu.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁN ĐẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ | #074

半路
bànlù

nửa đường, giữa đường, giữa chừng dở dang

科学探索贵在坚持到底，科研人员决不能在遭遇挫折时半路退缩，而要咬紧牙关攻坚克难直至取得彻底胜利。
Kē xué tàn suǒ guì zài jiān chí dào dǐ, kē yán rén yuán jué bù néng zài zāo yù cuò zhé shí bàn lù tuì suō, ér yào yǎo jǐn yá guān gōng jiān kè nán zhí zhì qū dé chè dǐ shèng lì.
Khám phá khoa học quý ở chỗ kiên trì tới cùng, cán bộ nghiên cứu khoa học tuyệt đối không được thoái lui lùi bước giữa đường nửa đường khi gặp phải trắc trở, mà phải cắn chặt răng vượt khó cho tới khi giành được thắng lợi triệt để.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁN LỘ

HSK 7-9 (3.0) | Số lượng | #075

半数
bànshù

nửa số lượng, một nửa, quá nửa

在国家重点研发计划青年科学家专项中，三十五岁以下青年学术骨干占比显著超过了全部参研人员的半数以上。
Zài guó jiā zhòng diǎn yán fā jì huà qīng nián kē xué jiā zhuān xiàng zhōng, sān shí wǔ suì yǐ xià qīng nián xué shù gǔ gàn zhàn bǐ xiǎn zhù chāo guò le quán bù cān yán rén yuán de bàn shù yǐ shàng.
Trong chuyên án nhà khoa học trẻ Kế hoạch Nghiên cứu Phát triển Trọng điểm Quốc gia, tỷ lệ cán bộ nòng cốt học thuật trẻ dưới 35 tuổi đã vượt trội hơn một nửa nửa số lượng toàn bộ số người tham gia nghiên cứu.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁN SỐ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #076

半途而废
bàn tú ér fèi

bỏ dở nửa chừng, đứt gánh giữa đường

科学探索是一场比拼毅力与定力的漫长马拉松，唯有持之以恒、锲而不舍方能抵达终点，绝不能半途而废。
Kē xué tàn suǒ shì yī cháng bǐ pīn yì lì yǔ dìng lì de màn cháng mǎ lā sōng, wéi yǒu chí zhī yǐ héng, qiè ér bù shě fāng néng dī dá zhōng diǎn, jué bù néng bàn tú ér fèi.
Thám hiểm khoa học là một cuộc chạy đua marathon đường trường đọ sức về nghị lực và bản lĩnh kiên định, chỉ có kiên trì bền bỉ không ngừng nghỉ mới có thể chạm tới đích thành công, tuyệt đối không được bỏ dở nửa chừng.

35 nét | HÁN VIỆT : BÁN ĐỒ NHI PHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #077

半信半疑
bànxìnbànyí

bán tín bán nghi, nửa tin nửa ngờ, hồ nghi

起初国际学术界对这项颠覆性超导理论半信半疑，但随着确凿实验结果反复复现，全球学者纷纷给予高度评价。
Qǐ chū guó jì xué shù jiè duì zhè xiàng diān fù xìng chāo dǎo lǐ lùn bàn xìn bàn yí, dàn suí zhe què záo shí yàn jié guǒ fǎn fù fù xiàn, quán qiú xué zhě fēn fēn jǐ yǔ gāo dù píng jià.
Ban đầu giới học thuật quốc tế đối với lý luận siêu dẫn mang tính cách mạng này còn nửa tin nửa ngờ bán tín bán nghi, nhưng cùng với việc các kết quả thực nghiệm xác thực được tái lập lặp đi lặp lại, các học giả toàn cầu đã đồng loạt dành sự đánh giá rất cao.

35 nét | HÁN VIỆT : BÁN TÍN BÁN NGHI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #078

半真半假
bànzhēnbànjiǎ

nửa thật nửa giả, hư hư thực thực

网络空间充斥着各类半真半假的伪科学谣言，广大科技工作者要主动承担科学辟谣与权威科普的神圣社会职责。
Wǎng luò kōng jiān chōng chì zhe gè lèi bàn zhēn bàn jiǎ de wěi kē xué yáo yán, guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào zhǔ dòng chéng dān kē xué pì yáo yǔ quán wēi kē pǔ de shén shèng shè huì zhí zé.
Không gian mạng tràn ngập các loại tin đồn ngụy khoa học nửa thật nửa giả hư hư thực thực, đông đảo những người làm khoa học công nghệ cần chủ động đảm đương chức trách xã hội thiêng liêng về phổ biến khoa học có thẩm quyền và đập tan tin đồn bằng khoa học.

35 nét | HÁN VIỆT : BÁN CHÂN BÁN GIẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #079

伴
bàn

đồng hành, đi cùng gắn bó; bạn đồng hành

大科学工程科研人员伴随着戈壁荒原上的风沙星斗日夜攻关，把最美好的青春岁月献给了国家战略科技事业。
Dà kē xué gōng chéng kē yán rén yuán bàn suí zhe gē bì huāng yuán shàng de fēng shā xīng dǒu rì yè gōng guān, bǎ zuì měi hǎo de qīng chūn suì yuè xiàn gěi le guó jiā zhàn lüè kē jì shì yè.
Cán bộ nghiên cứu công trình khoa học lớn gắn bó đồng hành đi cùng với cát bụi sao trời trên hoang nguyên sa mạc Gobi ngày đêm vượt khó, hiến dâng những năm tháng thanh xuân tươi đẹp nhất cho sự nghiệp khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

12 nét | HÁN VIỆT : BẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #080

伴侣
bàn lǚ

bạn đời, bạn đồng hành, người bạn

老一辈科学家夫妇在半个多世纪的风雨岁月中既是生活上相濡以沫的忠实伴侣，又是科研事业上并肩奋斗的亲密战友。
Lǎo yī bèi kē xué jiā fū fù zài bàn gè duō shì jì de fēng yǔ suì yuè zhōng jì shì shēng huó shàng xiāng rú yǐ mò de zhōng shí bàn lǚ, yòu shì kē yán shì yè shàng bìng jiān fèn dòu de qīn mì zhàn yǒu.
Vợ chồng nhà khoa học tiền bối trong suốt hơn nửa thế kỷ mưa gió thăng trầm vừa là người bạn đời chung thủy chia ngọt sẻ bùi trong cuộc sống, lại vừa là người đồng chí thân thiết kề vai sát cánh trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học.

23 nét | HÁN VIỆT : BẠN LỮ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #081

伴随
bàn suí

đi kèm, gắn liền với, theo sau

伴随着新一轮人工智能技术的颠覆式跃升，全球各行各业正在加速迎来波澜壮阔的数字化智能化重塑转型。
Bàn suí zhe xīn yī lún rén gōng zhì néng jì shù de diān fù shì yuè shēng, quán qiú gè háng gè yè zhèng zài jiā sù yíng lái bō lán zhuàng kuò de shù zì huà zhì néng huà zhòng sù zhuǎn xíng.
Gắn liền với bước tiến nhảy vọt mang tính cách mạng của công nghệ trí tuệ nhân tạo thế hệ mới, các ngành nghề trên toàn cầu đang tăng tốc đón chào cuộc chuyển đổi số hóa và thông minh hóa tái định hình sâu rộng hào hùng.

21 nét | HÁN VIỆT : BẠN TUỲ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #082

伴奏
bànzòu

đệm nhạc, đệm đàn, bản nhạc đệm

在雄壮交响乐伴奏下，全场数千名科技工作者起立高唱国歌，共同庆祝大国重器成功投入历史性运行。
Zài xióng zhuàng jiāo xiǎng yuè bàn zòu xià, quán chǎng shù qiān míng kē jì gōng zuò zhě qǐ lì gāo chàng guó gē, gòng tóng qìng zhù dà guó zhòng qì chéng gōng tóu rù lì shǐ xìng yùn xíng.
Dưới sự đệm nhạc đệm đàn của bản giao hưởng hùng tráng, hàng ngàn người làm khoa học công nghệ toàn trường đã đứng dậy hát vang bài Quốc ca, cùng nhau chúc mừng đại khí quốc gia chính thức đưa vào vận hành mang tính lịch sử thành công.

21 nét | HÁN VIỆT : BẠN TẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #083

拌
bàn

trộn, khuấy trộn, trộn đều

在大坝超高性能低热抗裂混凝土自动化制备车间内，智能搅拌机将纳米硅粉等特种添加剂超高精度均匀拌和。
Zài dà bà chāo gāo xìng néng dī rè kàng liè hùn níng tǔ zì dòng huà zhì bèi chē jiān nèi, zhì néng jiǎo bàn jī jiāng nà mǐ guī fěn děng tè zhǒng tiān jiā jì chāo gāo jīng dù jūn yún bàn huò.
Bên trong phân xưởng sản xuất tự động hóa bê tông chống nứt sinh nhiệt thấp tính năng siêu cao của đập thủy điện, máy trộn thông minh đã khuấy trộn trộn đều các chất phụ gia đặc chủng như bột nano silica với độ chính xác siêu cao.

9 nét | HÁN VIỆT : BẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #084

扮
bàn

giả vờ

老师鼓励大家积极扮，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bàn，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giả vờ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : BAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #085

帮手
bāngshou

trợ thủ, người giúp việc đắc lực, cánh tay phải

完全自主研发的多模态科学智能大模型正在成为广大科学家开展微观物理计算与分子结构设计的得力帮手。
Wán quán zì zhǔ yán fā de duō mó tài kē xué zhì néng dà mó xíng zhèng zài chéng wéi guǎng dà kē xué jiā kāi zhǎn wēi guān wù lǐ jì suàn yǔ fēn zǐ jié gòu shè jì de dé lì bāng shǒu.
Mô hình lớn trí tuệ khoa học đa phương thức do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đang trở thành người giúp việc đắc lực cánh tay phải trợ thủ đắc lực cho đông đảo các nhà khoa học triển khai thiết kế cấu trúc phân tử và tính toán vật lý vi mô.

23 nét | HÁN VIỆT : BANG THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #086

绑
bǎng

trói, buộc, cột chặt

深海万米潜水器在下潜前，必须使用高强度钛合金安全锁扣将科学取样传感器牢牢绑扎固定在外测载荷架上。
Shēn hǎi wàn mǐ qián shuǐ qì zài xià qián qián, bì xū shǐ yòng gāo qiáng dù tài hé jīn ān quán suǒ kòu jiāng kē xué qǔ yàng chuán gǎn qì láo láo bǎng zhā gù dìng zài wài cè zài hè jià shàng.
Tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu trước khi lặn xuống bắt buộc phải dùng khóa an toàn hợp kim titan cường độ cao để cột chặt trói buộc cố định chắc chắn cảm biến lấy mẫu khoa học trên giá tải trọng đo đạc bên ngoài.

14 nét | HÁN VIỆT : BẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #087

绑架
bǎng jià

bắt cóc, bắt cóc tống tiền; trói buộc (nghĩa bóng)

个别霸权国家企图以“国家安全”为借口大搞泛安全化，实质是将经贸科技问题泛政治化并强行绑架全球产业链供应链。
Gè bié bà quán guó jiā qǐ tú yǐ "guó jiā ān quán" wèi jiè kǒu dà gǎo fàn ān quán huà, shí zhì shì jiāng jīng mào kē jì wèn tí fàn zhèng zhì huà bìng qiáng xíng bǎng jià quán qiú chǎn yè liàn gōng yìng liàn.
Hành vi của một số quốc gia bá quyền lấy cớ 'an ninh quốc gia' để thổi phồng quá mức các vấn đề an ninh, thực chất là chính trị hóa các vấn đề kinh tế thương mại công nghệ và bắt cóc cưỡng ép chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu.

28 nét | HÁN VIỆT : BẢNG GIÁ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #088

榜样
bǎng yàng

tấm gương, tấm gương sáng, hình mẫu

以“时代楷模”为代表的广大基层奋斗者在各自平凡岗位上创造了不凡业绩，树立了引领全社会崇德向善的光辉榜样。
Yǐ "shí dài kǎi mó" wèi dài biǎo de guǎng dà jī céng fèn dòu zhě zài gè zì píng fán gǎng wèi shàng chuàng zào le bù fán yè jì, shù lì le yǐn lǐng quán shè huì chóng dé xiàng shàn de guāng huī bǎng yàng.
Đông đảo những người lao động phấn đấu ở cơ sở với đại diện là các 'Tấm gương Thời đại' đã kiến tạo nên những thành tích phi thường nơi vị trí công tác bình dị, dựng xây nên những tấm gương sáng ngời dẫn dắt toàn xã hội hướng thiện bồi đức.

20 nét | HÁN VIỆT : BẢNG DẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #089

棒球
bàngqiú

bóng chày, môn bóng chày

新型轻量化高弹性碳纤维复合材料不仅应用于航空航天，也广泛应用于高端专业棒球球棒与竞技体育装备制造。
Xīn xíng qīng liàng huà gāo tán xìng tàn xiān wéi fù hé cái liào bù jīn yìng yòng yú háng kōng háng tiān, yě guǎng fàn yìng yòng yú gāo duān zhuān yè bàng qiú qiú bàng yǔ jìng jì tǐ yù zhuāng bèi zhì zào.
Vật liệu composite sợi carbon đàn hồi cao siêu nhẹ kiểu mới không chỉ ứng dụng trong hàng không vũ trụ, mà còn được ứng dụng rộng rãi trong chế tạo trang thiết bị thể thao thi đấu và gậy bóng chày bóng chày chuyên nghiệp cao cấp.

24 nét | HÁN VIỆT : BỔNG CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Lượng từ / Danh từ | #090

磅
bàng

pao (đơn vị trọng lượng pound: ~0.4536 kg); cân điện tử lớn

大型智慧集装箱货运港口配备了全自动地磅动态称重系统，货车无需减速即可实现毫秒级精准称重过检。
Dà xíng zhì huì jí zhuāng xiāng huò yùn gǎng kǒu pèi bèi le quán zì dòng dì bàng dòng tài chēng zhòng xì tǒng, huò chē wú xū jiǎn sù jí kě shí xiàn háo miǎo jí jīng zhǔn chēng zhòng guò jiǎn.
Cảng hàng hóa container thông minh quy mô lớn được trang bị hệ thống cân bàn điện tử tự động động học, xe tải không cần giảm tốc độ vẫn có thể hoàn thành việc cân trọng lượng và kiểm tra chuẩn xác chỉ trong vài phần nghìn giây.

13 nét | HÁN VIỆT : BẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #091

包袱
bāo fu

gánh nặng, gánh nặng tâm lý; bọc khăn gói; miếng hài (nghệ thuật tấu hài)

我们要彻底卸下思想包袱、破除体制机制藩篱，以敢为人先的开拓魄力勇攀世界科技高峰。
Wǒ men yào chè dǐ xiè xià sī xiǎng bāo fú, pò chú tǐ zhì jī zhì fān lí, yǐ gǎn wéi rén xiān de kāi tuò pò lì yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng.
Chúng ta cần trút bỏ triệt để gánh nặng tư tưởng, phá bỏ các rào cản thể chế cơ chế, lấy bản lĩnh khai phá dám nghĩ dám làm để dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

17 nét | HÁN VIỆT : BAO PHỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #092

包容
bāoróng

bao dung, khoan dung dung nạp, cởi mở bao hàm

我们要营造鼓励创新、包容失败的浓厚学术生态，全力支持青年科技人才开展高风险颠覆性自由探索。
Wǒ men yào yíng zào gǔ lì chuàng xīn, bāo róng shī bài de nóng hòu xué shù shēng tài, quán lì zhī chí qīng nián kē jì rén cái kāi zhǎn gāo fēng xiǎn diān fù xìng zì yóu tàn suǒ.
Chúng ta phải kiến tạo một hệ sinh thái học thuật đậm đà khoan dung bao dung với thất bại và khích lệ đổi mới sáng tạo, dốc toàn lực ủng hộ nhân tài khoa học công nghệ trẻ triển khai tìm tòi tự do mang tính cách mạng rủi ro cao.

20 nét | HÁN VIỆT : BAO DUNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #093

包扎
bāozā

băng bó, băng bó vết thương, quấn gói

新型医用仿生水凝胶伤口敷料不仅能够实现伤口智能无痛包扎，还能实时监测伤口组织愈合与细菌感染状态。
Xīn xíng yī yòng fǎng shēng shuǐ níng jiāo shāng kǒu fū liào bù jǐn néng gòu shí xiàn shāng kǒu zhì néng wú tòng bāo zā, hái néng shí shí jiān cè shāng kǒu zǔ zhī yù hé yǔ xì jūn gǎn rǎn zhuàng tài.
Miếng dán vết thương hydrogel phỏng sinh học y tế kiểu mới không chỉ có thể thực hiện băng bó băng bó vết thương thông minh không đau đớn, mà còn có thể theo dõi quan trắc trạng thái nhiễm khuẩn và lành lặn của mô vết thương theo thời gian thực.

18 nét | HÁN VIỆT : BAO TRÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #094

煲
bāo

ninh, hầm (thức ăn); nồi hầm niêu hầm

中国空间站核心舱搭载的太空微重力智能热风加热装置，确保航天员在轨随时能喝上热气腾腾的营养煲汤。
Zhōng guó kōng jiān zhàn hé xīn cāng dā zài de tài kōng wēi zhòng lì zhì néng rè fēng jiā rè zhuāng zhì, què bǎo háng tiān yuán zài guǐ suí shí néng hē shàng rè qì téng téng de yíng yǎng bāo tāng.
Thiết bị làm nóng bằng luồng khí nóng thông minh không trọng lực không gian gắn trên khoang cốt lõi trạm vũ trụ Trung Quốc bảo đảm các phi hành gia trên quỹ đạo bất cứ lúc nào cũng được uống món súp hầm canh ninh bổ dưỡng nóng hổi bốc khói.

14 nét | HÁN VIỆT : BAO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #095

宝藏
bǎozàng

kho báu, kho tàng quý giá, bảo tàng

深海大洋蕴藏着极其丰富多样的多金属结核与基因资源，是一座人类尚未完全认知的宏伟深海蓝色科学宝藏。
Shēn hǎi dà yáng yùn cáng zhe jí qí fēng fù duō yàng de duō jīn shù jié hé yǔ jī yīn zī yuán, shì yī zuò rén lèi shàng wèi wán quán rèn zhī de hóng wěi shēn hǎi lán sè kē xué bǎo zàng.
Biển sâu đại dương ẩn chứa tài nguyên gen và các khối kết hạch đa kim loại vô cùng phong phú đa dạng, là một kho tàng kho báu khoa học màu xanh biển sâu hùng vĩ mà nhân loại vẫn chưa nhận thức đầy đủ.

23 nét | HÁN VIỆT : BẢO TẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #096

宝库
bǎokù

kho báu, kho tàng tri thức quý báu

中医药学包含着中华民族几千年的健康养生理念及其实践经验，是中华优秀传统文化的伟大科学宝库。
Zhōng yī yào xué bāo hán zhe zhōng huá mín zú jǐ qiān nián de jiàn kāng yǎng shēng lǐ niàn jí qí shí jiàn jīng yàn, shì zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà de wěi dà kē xué bǎo kù.
Y học Cổ truyền Trung y bao hàm quan niệm dưỡng sinh sức khỏe và kinh nghiệm thực tiễn hàng ngàn năm của dân tộc Trung Hoa, là kho tàng kho báu khoa học vĩ đại của nền văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa.

24 nét | HÁN VIỆT : BẢO KHỐ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #097

饱和
bǎo hé

bão hòa; đạt trạng thái bão hòa

在深度饱和潜水技术突破后，我国潜水员成功在数百米深海高压环境下完成长时间海底管线精准施工作业。
Zài shēn dù bǎo hé qián shuǐ jì shù tū pò hòu, wǒ guó qián shuǐ yuán chéng gōng zài shù bǎi mǐ shēn hǎi gāo yā huán jìng xià wán chéng zhǎng shí jiān hǎi dǐ guǎn xiàn jīng zhǔn shī gōng zuò yè.
Sau bước đột phá về công nghệ lặn bão hòa tầng sâu, các thợ lặn nước ta đã hoàn thành thành công công tác thi công chính xác đường ống đáy biển trong thời gian dài dưới môi trường áp suất cao hàng trăm mét dưới đáy đại dương.

20 nét | HÁN VIỆT : BÃO HOÀ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #098

饱满
bǎomǎn

tràn đầy, mẩy chắc (hạt); căng tràn sung mãn (tinh thần)

广大青年科技工作者始终保持着饱满的创新激情与昂扬斗志，在世界科技前沿阵地上奋勇争先。
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě shǐ zhōng bǎo chí zhe bǎo mǎn de chuàng xīn jī qíng yǔ áng yáng dòu zhì, zài shì jiè kē jì qián yán zhèn dì shàng fèn yǒng zhēng xiān.
Đông đảo những người làm công tác khoa học công nghệ trẻ tuổi luôn giữ vững nhiệt huyết đổi mới sáng tạo căng tràn tràn đầy cùng ý chí chiến đấu sục sôi, dũng cảm đi đầu trên trận địa ranh giới khoa học công nghệ thế giới.

20 nét | HÁN VIỆT : BÃO MÃN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ / Phó từ | #099

保管
bǎo guǎn

bảo quản, giữ gìn; thủ kho; chắc chắn (phó từ)

国家珍贵古籍善本特藏库严格实行恒温恒湿、全密封防虫防霉与智能防火的顶级物理保管标准。
Guó jiā zhēn guì gǔ jí shàn běn tè cáng kù yán gé shí xíng héng wēn héng shī, quán mì fēng fáng chóng fáng méi yǔ zhì néng fáng huǒ de dǐng jí wù lǐ bǎo guǎn biāo zhǔn.
Kho lưu trữ đặc biệt sách quý cổ tịch quý hiếm quốc gia thực thi nghiêm ngặt các tiêu chuẩn bảo quản vật lý đỉnh cao với nhiệt độ ẩm độ không đổi, chống côn trùng ẩm mốc hoàn toàn khép kín và phòng cháy chữa cháy thông minh.

23 nét | HÁN VIỆT : BẢO QUẢN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #100

保姆
bǎo mǔ

bảo mẫu, người giúp việc gia đình chăm sóc trẻ/người già

社区家政养老服务中心为辖区失能高龄老人提供经过专业医疗护理培训的持证居家养老保姆服务。
Shè qū jiā zhèng yǎng lǎo fú wù zhōng xīn wèi xiá qū shī néng gāo líng lǎo rén tí gōng jīng guò zhuān yè yī liáo hù lǐ péi xùn de chí zhèng jū jiā yǎng lǎo bǎo mǔ fú wù.
Trung tâm Dịch vụ Chăm sóc Người cao tuổi Khu dân cư cung cấp dịch vụ bảo mẫu chăm sóc tại nhà có chứng chỉ hành nghề được đào tạo điều dưỡng y tế chuyên nghiệp cho các cụ già cao tuổi mất khả năng tự phục vụ.

22 nét | HÁN VIỆT : BẢO MẪU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #101

保暖
bǎonuǎn

giữ ấm, giữ nhiệt, chống rét

极地科考队特制科考服选用了完全自主研发的新一代气凝胶轻量化保暖隔热面料，能在零下五十度极寒中强效锁温。
Jí dì kē kǎo duì tè zhì kē kǎo fú xuǎn yòng le wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài qì níng jiāo qīng liàng huà bǎo nuǎn gé rè miàn liào, néng zài líng xià wǔ shí dù jí hán zhōng qiáng xiào suǒ wēn.
Bộ quần áo khảo sát khoa học chuyên dụng của Đội Khảo sát Vực cực lựa chọn chất liệu vải cách nhiệt giữ ấm giữ nhiệt siêu nhẹ aerogel thế hệ mới do nước nhà tự chủ nghiên cứu phát triển hoàn toàn, có thể khóa nhiệt mạnh mẽ trong giá rét âm 50 độ.

26 nét | HÁN VIỆT : BẢO NOÃN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #102

保鲜
bǎoxiān

bảo quản tươi, giữ tươi ngon

新型生物纳米涂膜气调物理保鲜技术有效延长了高端特色热带水果的常温货架储运寿命，有力赋能乡村振兴。
Xīn xíng shēng wù nà mǐ tú mó qì diào wù lǐ bǎo xiān jì shù yǒu xiào yán cháng le gāo duān tè sè rè dài shuǐ guǒ de cháng wēn huò jià chǔ yùn shòu mìng, yǒu lì fù néng xiāng cūn zhèn xīng.
Công nghệ bảo quản tươi giữ tươi vật lý điều hòa khí quyển màng phủ nano sinh học kiểu mới đã kéo dài hiệu quả tuổi thọ lưu kho vận chuyển ở nhiệt độ thường của các loại trái cây nhiệt đới đặc sắc cao cấp, tiếp sức mạnh mẽ cho chấn hưng nông thôn.

24 nét | HÁN VIỆT : BẢO TIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #103

保修
bǎoxiū

bảo hành, bảo hành sửa chữa

国产高端重型燃气轮机制造企业为用户提供了覆盖全生命周期的超长数字化智能巡检与免费保修服务。
Guó chǎn gāo duān zhòng xíng rán qì lún jī zhì zào qǐ yè wèi yòng hù tí gōng le fù gài quán shēng mìng zhōu qī de chāo cháng shù zì huà zhì néng xún jiǎn yǔ miǎn fèi bǎo xiū fú wù.
Doanh nghiệp chế tạo tuabin khí hạng nặng cao cấp sản xuất trong nước đã cung cấp cho khách hàng dịch vụ bảo hành sửa chữa bảo hành miễn phí và tuần tra kiểm tra thông minh số hóa siêu dài bao phủ toàn bộ vòng đời sản phẩm.

22 nét | HÁN VIỆT : BẢO TU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #104

保佑
bǎoyòu

phù hộ, ban phước chở che (tâm linh/truyền thống)

在重大科技工程成功发射圆满功成之际，老一辈科学家深情感慨："国家的繁荣富强，就是对人民最大的保佑与福祉！"
Zài zhòng dà kē jì gōng chéng chéng gōng fā shè yuán mǎn gōng chéng zhī jì, lǎo yī bèi kē xué jiā shēn qíng gǎn kǎi : "guó jiā de fán róng fù qiáng, jiù shì duì rén mín zuì dà de bǎo yòu yǔ fú zhǐ!"
Nhân dịp công trình khoa học công nghệ trọng đại phóng thành công trọn vẹn mỹ mãn, nhà khoa học lão thành xúc động bày tỏ: 'Đất nước phồn vinh giàu mạnh chính là sự ban phước chở che phù hộ và phúc lợi to lớn nhất đối với nhân dân!'

26 nét | HÁN VIỆT : BẢO HỰU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #105

保障
bǎo zhàng

bảo đảm, bảo chứng; sự bảo đảm

国家构建了涵盖基本养老、基本医疗与最低生活保障的全球规模最大、覆盖最全面的社会保障体系网。
Guó jiā gòu jiàn le hán gài jī běn yǎng lǎo, jī běn yī liáo yǔ zuì dī shēng huó bǎo zhàng de quán qiú guī mó zuì dà, fù gài zuì quán miàn de shè huì bǎo zhàng tǐ xì wǎng.
Nhà nước đã xây dựng mạng lưới hệ thống an sinh xã hội bao gồm lương hưu cơ bản, y tế cơ bản và bảo đảm mức sống tối thiểu có quy mô lớn nhất và mức độ bao phủ toàn diện nhất thế giới.

21 nét | HÁN VIỆT : BẢO CHƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #106

保质期
bǎozhìqī

hạn sử dụng, thời hạn bảo đảm chất lượng

新型高能电子束辐照冷灭菌物理工艺在不破坏食品天然风味的前提下，大幅延长了优质农产品的安全保质期。
Xīn xíng gāo néng diàn zi shù fú zhào lěng miè jūn wù lǐ gōng yì zài bù pò huài shí pǐn tiān rán fēng wèi de qián tí xià, dà fú yán cháng le yōu zhì nóng chǎn pǐn de ān quán bǎo zhì qī.
Quy trình vật lý tiệt trùng lạnh chiếu xạ chùm tia điện tử năng lượng cao kiểu mới trên tiền đề không phá hủy hương vị tự nhiên của thực phẩm đã kéo dài vượt bậc hạn sử dụng thời hạn bảo đảm chất lượng an toàn của nông sản chất lượng cao.

33 nét | HÁN VIỆT : BẢO CHẤT KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #107

保重
bǎo zhòng

bảo trọng, giữ gìn sức khỏe

在高原科考队奔赴无人区腹地开展艰苦科考作业前，基地同志们深情握手致意，嘱咐大家千万保重身体。
Zài gāo yuán kē kǎo duì bēn fù wú rén qū fù dì kāi zhǎn jiān kǔ kē kǎo zuò yè qián, jī dì tóng zhì men shēn qíng wò shǒu zhì yì, zhǔ fù dà jiā qiān wàn bǎo zhòng shēn tǐ.
Trước khi đội khảo sát khoa học cao nguyên lên đường tiến sâu vào vùng lõi không người để triển khai công tác khảo sát gian nan, các đồng chí tại căn cứ đã bắt tay ân cần lưu luyến, căn dặn mọi người muôn vàn lần phải bảo trọng sức khỏe.

22 nét | HÁN VIỆT : BẢO TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #108

堡垒
bǎolěi

pháo đài, thành lũy kiên cố

国家重点实验室基层党支部充分发挥战斗堡垒作用，团结带领科研攻坚突击队勇克世界级物理难关。
Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì jī céng dǎng zhī bù chōng fèn fā huī zhàn dòu bǎo lěi zuò yòng, tuán jié dài lǐng kē yán gōng jiān tū jī duì yǒng kè shì jiè jí wù lǐ nán guān.
Chi bộ cơ sở Đảng của Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia phát huy đầy đủ tác dụng thành lũy pháo đài chiến đấu, đoàn kết dẫn dắt đội xung kích vượt khó nghiên cứu dũng cảm chinh phục ải khó vật lý tầm cỡ thế giới.

20 nét | HÁN VIỆT : BẢO LUỸ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #109

报仇
bào chóu

báo thù, rửa hận, trả thù

在波澜壮阔的全民族抗战岁月中，无数爱国将士抱着为牺牲战友报仇与保家卫国的必胜信念英勇杀敌。
Zài bō lán zhuàng kuò de quán mín zú kàng zhàn suì yuè zhōng, wú shù ài guó jiàng shì bào zhe wèi xī shēng zhàn yǒu bào chóu yǔ bǎo jiā wèi guó de bì shèng xìn niàn yīng yǒng shā dí.
Trong những năm tháng kháng chiến toàn dân tộc hào hùng, biết bao tướng sĩ yêu nước ôm ấp niềm tin tất thắng báo thù cho các đồng đội đã hy sinh và bảo vệ quê hương đất nước đã anh dũng tiêu diệt quân thù.

20 nét | HÁN VIỆT : BÁO CỪU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #110

报酬
bào chóu

thù lao, tiền công, phần thưởng xứng đáng

国家完善以增加知识价值为导向的科技成果转化收入分配激励机制，让优秀科研人员获得合理而丰厚的回报与报酬。
Guó jiā wán shàn yǐ zēng jiā zhī shí jià zhí wèi dǎo xiàng de kē jì chéng guǒ zhuǎn huà shōu rù fēn pèi jī lì jī zhì, ràng yōu xiù kē yán rén yuán huò dé hé lǐ ér fēng hòu de huí bào yǔ bào chóu.
Nhà nước hoàn thiện cơ chế khích lệ phân phối thu nhập từ chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ lấy định hướng gia tăng giá trị tri thức làm trọng tâm, giúp các nhà nghiên cứu xuất sắc nhận được sự đền đáp và thù lao xứng đáng, hậu hĩnh.

22 nét | HÁN VIỆT : BÁO THÙ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #111

报废
bàofèi

báo phế, thanh lý loại bỏ, loại bỏ phế thải

我国成功构建了退役新能源汽车动力电池与光伏组件绿色低碳梯次利用与报废高值化无害化回收再利用体系。
Wǒ guó chéng gōng gòu jiàn le tuì yì xīn néng yuán qì chē dòng lì diàn chí yǔ guāng fú zǔ jiàn lǜ sè dī tàn tī cì lì yòng yǔ bào fèi gāo zhí huà wú hài huà huí shōu zài lì yòng tǐ xì.
Nước ta đã xây dựng thành công hệ thống tái sử dụng thu hồi giá trị cao không gây hại báo phế thanh lý và tận dụng phân cấp phát thải carbon thấp xanh đối với các tấm quang điện và pin động lực xe năng lượng mới hết niên hạn.

23 nét | HÁN VIỆT : BÁO PHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #112

报复
bào fù

trả đũa, báo thù, trả thù

以暴制暴只会加剧矛盾仇恨，唯有通过基于法治框架的公正对话与协商，才能真正打破恶性报复循环。
Yǐ bào zhì bào zhǐ huì jiā jù máo dùn chóu hèn, wéi yǒu tōng guò jī yú fǎ zhì kuāng jià de gōng zhèng duì huà yǔ xié shāng, cái néng zhēn zhèng dǎ pò è xìng bào fù xún huán.
Lấy bạo lực trị bạo lực chỉ làm trầm trọng thêm mâu thuẫn hận thù, chỉ có thông qua đối thoại và thương lượng công bằng dựa trên khuôn khổ pháp trị mới có thể phá vỡ thực sự vòng xoáy trả đũa luẩn quẩn.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁO PHỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #113

报社
bào shè

tòa soạn báo, cơ quan báo chí

国家主流媒体报社积极推进深度媒体融合，构建起了覆盖报、网、端、微的全媒体全天候现代传播格局。
Guó jiā zhǔ liú méi tǐ bào shè jī jí tuī jìn shēn dù méi tǐ róng hé, gòu jiàn qǐ le fù gài bào, wǎng, duān, wēi de quán méi tǐ quán tiān hòu xiàn dài chuán bō gé jú.
Tòa soạn báo chí truyền thông chủ lưu quốc gia tích cực đẩy mạnh tích hợp truyền thông chuyên sâu, xây dựng nên bố cục truyền thông hiện đại suốt 24/7 bao phủ cả báo giấy, trang tin điện tử, ứng dụng và mạng xã hội.

20 nét | HÁN VIỆT : BÁO XÃ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #114

报亭
bàotíng

quầy báo, sạp báo vỉa hè

随着移动互联数字多媒体资讯的全面普及，街头传统的报亭逐步转型升级为智慧便民微型文化驿站与数字阅读空间。
Suí zhe yí dòng hù lián shù zì duō méi tǐ zī xùn de quán miàn pǔ jí, jiē tóu chuán tǒng de bào tíng zhú bù zhuǎn xíng shēng jí wèi zhì huì biàn mín wēi xíng wén huà yì zhàn yǔ shù zì yuè dú kōng jiān.
Cùng với sự phổ cập toàn diện của thông tin đa phương tiện kỹ thuật số Internet di động, các quầy báo sạp báo truyền thống trên đường phố từng bước chuyển đổi nâng cấp thành không gian đọc số hóa và trạm dừng văn hóa vi mô tiện ích thông minh cho người dân.

22 nét | HÁN VIỆT : BÁO ĐÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #115

报销
bào xiāo

thanh toán công tác phí, hoàn trả chi phí

高校科研财务管理系统推行无纸化数字化审批，极大简化了科研人员差旅与实验耗材的发票报销流程。
Gāo xiào kē yán cái wù guǎn lǐ xì tǒng tuī xíng wú zhǐ huà shù zì huà shěn pī, jí dà jiǎn huà le kē yán rén yuán chà lǚ yù shí yàn hào cái de fā piào bào xiāo liú chéng.
Hệ thống quản lý tài chính nghiên cứu khoa học trường đại học áp dụng cơ chế phê duyệt số hóa không giấy tờ, tinh giản to lớn quy trình thanh toán hóa đơn công tác phí và vật tư tiêu hao thực nghiệm cho cán bộ nghiên cứu.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁO TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #116

抱负
bào fù

hoài bão, chí hướng lớn

新时代青年科技人才应当心怀远大抱负，把个人的学术追求主动融入科技报国、造福人民的崇高事业中。
Xīn shí dài qīng nián kē jì rén cái yīng dāng xīn huái yuǎn dà bào fù, bǎ gè rén de xué shù zhuī qiú zhǔ dòng róng rù kē jì bào guó, zào fú rén mín de chóng gāo shì yè zhōng.
Nhân tài khoa học công nghệ trẻ thời đại mới cần nuôi dưỡng trong tim những hoài bão lớn lao, chủ động hòa quyện niềm đam mê học thuật của bản thân vào sự nghiệp cao đẹp phụng sự Tổ quốc và tạo phúc cho nhân dân.

18 nét | HÁN VIỆT : BÃO PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #117

豹
bào

báo, con báo (báo tuyết, báo hoa mai)

国家公园生态监测红外相机高清记录下了野生雪豹在雪山悬崖峭壁间敏捷跃迁巡视领地的珍贵野生影像。
Guó jiā gōng yuán shēng tài jiān cè hóng wài xiàng jī gāo qīng jì lù xià le yě shēng xuě bào zài xuě shān xuán yá qiào bì jiān mǐn jié yuè qiān xún shì lǐng dì de zhēn guì yě shēng yǐng xiàng.
Máy ảnh hồng ngoại quan trắc sinh thái Công viên Quốc gia đã ghi lại độ nét cao những thước phim hình ảnh quý giá về loài báo tuyết báo hoang dã đang thoăn thoắt nhảy vọt tuần tra lãnh địa giữa vách đá cheo leo núi tuyết.

10 nét | HÁN VIỆT : BÁO

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #118

暴风骤雨
bàofēngzhòuyǔ

mưa bão dồn dập, bão tố phong ba dữ dội

无论国际风云变幻如何经历暴风骤雨，我国高水平科技自立自强的战略决心与奋斗步伐始终坚如磐石、永不停歇。
Wú lùn guó jì fēng yún biàn huàn rú hé jīng lì bào fēng zhòu yǔ, wǒ guó gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de zhàn lüè jué xīn yǔ fèn dòu bù fá shǐ zhōng jiān rú pán shí, yǒng bù tíng xiē.
Bất kể biến động tình hình quốc tế có trải qua mưa bão dồn dập bão tố phong ba dữ dội thế nào, bước chân phấn đấu và quyết tâm chiến lược tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của nước ta vẫn luôn vững như bàn thạch, không bao giờ ngừng nghỉ.

35 nét | HÁN VIỆT : BẠO PHONG SẬU VŨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #119

暴利
bàolì

lợi nhuận kếch xù, siêu lợi nhuận phi pháp

国家市场监管部门依法重拳严厉打击利用假冒伪劣高科技概念炒作敛财与牟取非法暴利的违法乱象。
Guó jiā shì chǎng jiān guǎn bù mén yī fǎ zhòng quán yán lì dǎ jī lì yòng jiǎ mào wěi liè gāo kē jì gài niàn chǎo zuò liǎn cái yǔ móu qǔ fēi fǎ bào lì de wéi fǎ luàn xiàng.
Cơ quan giám sát thị trường quốc gia theo đúng pháp luật đã thẳng tay xử lý nghiêm khắc những hiện tượng hỗn loạn phi pháp đầu cơ trục lợi siêu lợi nhuận lợi nhuận kếch xù phi pháp và thổi phồng khái niệm công nghệ cao giả mạo kém chất lượng.

21 nét | HÁN VIỆT : BẠO LỢI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #120

暴躁
bàozào

nóng nảy, cáu bẳn cộc cằn, hung hăng

在极端高压的科研攻关环境中，团队领导始终保持沉着冷静与温和包容，坚决杜绝任何急躁暴躁情绪影响大局。
Zài jí duān gāo yā de kē yán gōng guān huán jìng zhōng, tuán duì lǐng dǎo shǐ zhōng bǎo chí chén zhuó lěng jìng yǔ wēn hé bāo róng, jiān jué dù jué rèn hé jí zào bào zào qíng xù yǐng xiǎng dà jú.
Bên trong môi trường vượt khó nghiên cứu khoa học áp lực cực cao, lãnh đạo đội ngũ luôn duy trì sự điềm đạm bình tĩnh và hòa nhã bao dung, kiên quyết chấm dứt mọi tâm lý cáu bẳn nóng nảy cộc cằn gây ảnh hưởng đến đại cục.

20 nét | HÁN VIỆT : BẠO TÁO

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Động từ | #121

爆冷门
bào lěngmén

tạo bất ngờ lớn, lập kỳ tích ngược dòng (ngựa ô)

在国际青年科学家前沿物理竞技挑战赛上，我国年轻团队凭借完全原创的颠覆性算法爆冷门斩获全球总冠军。
Zài guó jì qīng nián kē xué jiā qián yán wù lǐ jìng jì tiǎo zhàn sài shàng, wǒ guó nián qīng tuán duì píng jiè wán quán yuán chuàng de diān fù xìng suàn fǎ bào lěng mén zhǎn huò quán qiú zǒng guàn jūn.
Tại Cuộc thi Thách thức Thi đấu Vật lý Tiên phong các Nhà khoa học Trẻ Quốc tế, nhóm nghiên cứu trẻ nước ta nhờ vào thuật toán mang tính cách mạng hoàn toàn nguyên tác đã tạo bất ngờ lớn tạo cơn địa chấn đoạt ngôi vô địch toàn cầu.

29 nét | HÁN VIỆT : BỘC LẠNH MÔN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #122

爆满
bàomǎn

chật kín chỗ, đông nghịt người, kín chỗ

两院院士走进大学校园开设的前沿量子科学公开课现场座无虚席、全场爆满，受到千百名青年学子极其热烈的追捧。
Liǎng yuàn yuàn shì zǒu jìn dà xué xiào yuán kāi shè de qián yán liàng zǐ kē xué gōng kāi kè xiàn chǎng zuò wú xū xí, quán chǎng bào mǎn, shòu dào qiān bǎi míng qīng nián xué zǐ jí qí rè liè de zhuī pěng.
Hiện trường buổi giảng bài công khai về khoa học lượng tử tiên phong do các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm bước vào khuôn viên đại học giảng dạy không còn một chỗ trống, toàn trường chật kín chỗ đông nghịt người, nhận được sự hâm mộ vô cùng nồng nhiệt của hàng ngàn sinh viên trẻ tuổi.

16 nét | HÁN VIỆT : BỘC MÃN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #123

爆竹
bàozhú

pháo nổ, pháo hoa ngày tết (pháo trúc)

环保微烟无硫新型安全爆竹的成功研发上市，既传承了中华优秀传统节日年味民俗，又有效保护了大气生态环境。
Huán bǎo wēi yān wú liú xīn xíng ān quán bào zhú de chéng gōng yán fā shàng shì, jì chuán chéng le zhōng huá yōu xiù chuán tǒng jié rì nián wèi mín sú, yòu yǒu xiào bǎo hù le dà qì shēng tài huán jìng.
Việc nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường thành công loại pháo nổ pháo hoa an toàn kiểu mới không lưu huỳnh ít khói bảo vệ môi trường vừa truyền thừa phong tục hương vị Tết lễ hội truyền thống xuất sắc Trung Hoa, lại vừa bảo vệ hiệu quả môi trường sinh thái bầu khí quyển.

18 nét | HÁN VIỆT : BỘC TRÚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #124

卑鄙
bēi bǐ

đê tiện, hèn hạ, ti tiện

任何企图通过窃取商业机密与恶意网络攻击等卑鄙不正当手段破坏公平竞争秩序的行径，都必将受到法律的严惩。
Rèn hé qǐ tú tōng guò qiè qǔ shāng yè jī mì yǔ è yì wǎng luò gōng jī děng bēi bǐ bù zhèng dāng shǒu duàn pò huài gōng píng jìng zhēng zhì xù de xíng jìng, dōu bì jiāng shòu dào fǎ lǜ de yán chéng.
Bất kỳ hành vi nào mưu toan dùng các thủ đoạn đê tiện bất chính như đánh cắp bí mật thương mại và tấn công mạng ác ý để phá hoại trật tự cạnh tranh công bằng đều chắc chắn sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc.

19 nét | HÁN VIỆT : TI BỈ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #125

悲哀
bēi āi

buồn

在面对复杂的挑战时，保持悲哀的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí bēi āi de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái buồn đặc biệt quan trọng.

21 nét | HÁN VIỆT : BI AI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #126

悲观
bēi guān

bi quan

面对暂时的困难与人生低谷，我们切忌消极悲观，而应当以积极乐观的心态寻找破局良策。
Miàn duì zàn shí de kùn nán yǔ rén shēng dī gǔ, wǒ men qiè jì xiāo jí bēi guān, ér yīng dāng yǐ jī jí lè guān de xīn tài xún zhǎo pò jú liáng cè.
Đứng trước những khó khăn tạm thời và nốt trầm của cuộc đời, chúng ta tuyệt đối chớ nên bi quan tiêu cực, mà cần giữ tâm thái tích cực lạc quan để tìm kiếm kế sách tháo gỡ.

18 nét | HÁN VIỆT : BI QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #127

悲欢离合
bēihuānlíhé

buồn vui tan hợp, hỷ nộ ái ố thăng trầm cuộc đời

大剧院原创歌剧生动讲述了老一辈科学家隐姓埋名数十年、历经人生悲欢离合矢志报国的感人奋斗传奇。
Dà jù yuàn yuán chuàng gē jù shēng dòng jiǎng shù le lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng shù shí nián, lì jīng rén shēng bēi huān lí hé shǐ zhì bào guó de gǎn rén fèn dòu chuán qí.
Vở kịch opera nguyên tác của Nhà hát Lớn đã kể lại sinh động truyền kỳ phấn đấu xúc động lòng người của các nhà khoa học lão thành tiền bối ẩn danh giấu tên suốt mấy chục năm trời, trải qua muôn vàn buồn vui tan hợp thăng trầm cuộc đời một lòng sắt son phụng sự Tổ quốc.

35 nét | HÁN VIỆT : BI HOAN LY CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #128

悲痛
bēitòng

đau xót, đau buồn khôn xiết, bi thương

广大青年科技工作者化悲痛为力量，誓言继承老一辈功勋科学家的未竟遗志、勇攀世界科学最高峰。
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě huà bēi tòng wèi lì liàng, shì yán jì chéng lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā de wèi jìng yí zhì, yǒng pān shì jiè kē xué zuì gāo fēng.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi đã biến bi thương đau xót đau buồn khôn xiết thành sức mạnh, tuyên thệ kế thừa di nguyện chưa hoàn thành của các nhà khoa học có công lao tiền bối, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học thế giới.

19 nét | HÁN VIỆT : BI THỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #129

碑
bēi

tấm bia, bia đá kỷ niệm, tượng đài bia

在新一代大科学装置主实验大厅前，高高矗立着刻有全体建设者名字的宏伟纪念丰碑。
Zài xīn yí dài dà kē xué zhuāng zhì zhǔ shí yàn dà tīng qián, gāo gāo chù lì zhe kè yǒu quán tǐ jiàn shè zhě míng zì de hóng wěi jì niàn fēng bēi.
Trước đại sảnh thực nghiệm chính của thiết bị khoa học lớn thế hệ mới sừng sững uy nghiêm tấm bia đá tấm bia kỷ niệm tượng đài nguy nga khắc ghi tên tuổi của toàn thể những người xây dựng công trình.

10 nét | HÁN VIỆT : BI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #130

贝壳
bèi ké

vỏ sò, vỏ ốc

在国家海洋生物标本馆中，陈列着数千种形态各异、色彩斑斓的珍稀海洋贝壳与软体动物标本。
Zài guó jiā hǎi yáng shēng wù biāo běn guǎn zhōng, chén liè zhāo shù qiān zhǒng xíng tài gè yì, sè cǎi bān lán de zhēn xī hǎi yáng bèi ké yǔ ruǎn tǐ dòng wù biāo běn.
Bên trong Bảo tàng Tiêu bản Sinh vật Biển Quốc gia trưng bày hàng ngàn loại vỏ sò vỏ ốc và tiêu bản động vật thân mềm quý hiếm muôn hình vạn trạng, màu sắc rực rỡ.

21 nét | HÁN VIỆT : BỐI XÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #131

备课
bèikè

soạn bài, chuẩn bị giáo án lên lớp

资深院士为了给大一本科生上好基础物理第一堂通识课，连续数日极其认真地查阅最新前沿文献备课。
Zī shēn yuàn shì wèi le gěi dà yī běn kē shēng shàng hǎo jī chǔ wù lǐ dì yī táng tōng shí kè, lián xù shù rì jí qí rèn zhēn dì chá yuè zuì xīn qián yán wén xiàn bèi kè.
Vị Viện sĩ lão thành để dạy thật tốt tiết học đại cương vật lý cơ bản đầu tiên cho sinh viên đại học năm nhất đã liên tục trong nhiều ngày tra cứu các tài liệu văn hiến tiên phong mới nhất để soạn bài chuẩn bị giáo án vô cùng nghiêm túc.

27 nét | HÁN VIỆT : BỊ KHOÁ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #132

备受
bèishòu

nhận được nhiều, chịu nhiều, rất được (chú ý/khen ngợi)

我国在室温超导与量子计算领域取得的原创性重大突破，在国际顶尖学术界备受推崇与高度赞誉。
Wǒ guó zài shì wēn chāo dǎo yǔ liàng zǐ jì suàn lǐng yù qǔ dé de yuán chuàng xìng zhòng dà tū pò, zài guó jì dǐng jiān xué shù jiè bèi shòu tuī chóng yù gāo dù zàn yù.
Những đột phá trọng đại mang tính nguyên tác của nước ta trong lĩnh vực điện toán lượng tử và siêu dẫn nhiệt độ phòng rất được nhận được nhiều sự tán thưởng nồng nhiệt và tôn sùng cao độ trong giới học thuật đỉnh cao quốc tế.

23 nét | HÁN VIỆT : BỊ THỌ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #133

备用
bèiyòng

dự phòng, để dự phòng, sẵn sàng thay thế

空间站主生命保障控制系统设计了三套相互独立、毫秒级自动无缝切换的备用供电回路与气路管网。
Kōng jiān zhàn zhǔ shēng mìng bǎo zhàng kòng zhì xì tǒng shè jì le sān tào xiāng hù dú lì, háo miǎo jí zì dòng wú fèng qiè huàn de bèi yòng gōng diàn huí lù yǔ qì lù guǎn wǎng.
Hệ thống điều khiển bảo đảm sinh mệnh chính của trạm vũ trụ thiết kế ba bộ mạng lưới đường ống khí và mạch điện cấp điện dự phòng để dự phòng độc lập lẫn nhau, tự động chuyển đổi liền mạch cấp độ mili-giây.

26 nét | HÁN VIỆT : BỊ DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ nơi chốn | #134

背面
bèimiàn

mặt sau, mặt lưng, phía sau

嫦娥探测器在人类历史上首次成功着陆月球背面南极艾特肯盆地，开启了月球科学探测历史新纪元。
Cháng é tàn cè qì zài rén lèi lì shǐ shàng shǒu cì chéng gōng zhuó lù yuè qiú bèi miàn nán jí ài tè kěn pén dì, kāi qǐ le yuè qiú kē xué tàn cè lì shǐ xīn jì yuán.
Tàu thám trắc Hằng Nga lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã hạ cánh thành công xuống bồn địa Nam Cực - Aitken ở mặt sau mặt lưng của Mặt trăng, mở ra kỷ nguyên lịch sử mới thám trắc khoa học Mặt trăng.

20 nét | HÁN VIỆT : BỐI DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #135

背叛
bèi pàn

phản bội, bội phản; sự phản bội

做人做事必须恪守诚实守信与职业道德底线，任何为了个人私利而背叛集体与国家利益的行为都为人所不齿。
Zuò rén zuò shì bì xū kè shǒu chéng shí shǒu xìn yǔ zhí yè dào dé dǐ xiàn, rèn hé wèi le gè rén sī lì ér bèi pàn jí tǐ yǔ guó jiā lì yì de xíng wéi dōu wéi rén suǒ bù chǐ.
Làm người và làm việc bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực thành thật giữ chữ tín và đạo đức nghề nghiệp, bất kỳ hành vi nào vì tư lợi cá nhân mà phản bội lợi ích của tập thể và đất nước đều bị người đời khinh bỉ.

23 nét | HÁN VIỆT : BỐI PHẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #136

背诵
bèi sòng

đọc thuộc lòng

老师鼓励大家积极背诵，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bèi sòng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đọc thuộc lòng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét | HÁN VIỆT : BỐI TỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #137

被捕
bèibǔ

bị bắt, bị bắt giữ giam giữ

企图非法侵入国家大科学装置核心数据库并窃取绝密算法源代码的境外黑客，在入境瞬间被依法被捕归案。
Qǐ tú fēi fǎ qīn rù guó jiā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn shù jù kù bìng qiè qǔ jué mì suàn fǎ yuán dài mǎ de jìng wài hēi kè, zài rù jìng shùn jiān bèi yī fǎ bèi bǔ guī àn.
Tên hacker nước ngoài mưu toan xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu cốt lõi thiết bị khoa học lớn quốc gia và đánh cắp mã nguồn thuật toán tuyệt mật đã bị bắt giữ bị bắt quy án theo đúng pháp luật vào ngay khoảnh khắc nhập cảnh.

22 nét | HÁN VIỆT : BỊ BẮT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #138

奔
bēn

chạy nhanh, lao tới; hướng về (bèn)

广大青年科技英才怀揣科技报国理想，从祖国四面八方奔赴大科学工程建设第一线。
Guǎng dà qīng nián kē jì yīng cái huái chuāi kē jì bào guó lǐ xiǎng, cóng zǔ guó sì miàn bā fāng bēn fù dà kē xué gōng chéng jiàn shè dì yī xiàn.
Đông đảo các anh tài khoa học công nghệ trẻ tuổi ôm trọn lý tưởng phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, từ bốn phương tám hướng của Tổ quốc chạy nhanh lao tới dồn về tuyến đầu xây dựng công trình khoa học lớn.

14 nét | HÁN VIỆT : BÔN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #139

奔波
bēn bō

bôn ba, tất bật ngược xuôi, lặn lội

农业科技特派员常年奔波在千里之外的乡村田间地头，把最新的农业科技种植成果切实送到农民家门口。
Nóng yè kē jì tè pài yuán cháng nián bēn bō zài qiān lǐ zhī wài de xiāng cūn tián jiān dì tóu, bǎ zuì xīn de nóng yè kē jì zhòng zhí chéng guǒ qiè shí sòng dào nóng mín jiā mén kǒu.
Các phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp quanh năm bôn ba ngược xuôi trên những cánh đồng làng quê cách xa ngàn dặm, mang những thành quả trồng trọt công nghệ nông nghiệp mới nhất đến tận cửa nhà bà con nông dân.

22 nét | HÁN VIỆT : BÔN BA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #140

奔赴
bēnfù

lên đường đến, hối hả đến, xông pha tới

一支支朝气蓬勃的青年科学家突击队毅然奔赴深海深地深空科研最前沿，用青春筑起科技强国钢铁长城。
Yī zhī zhī zhāo qì péng bó de qīng nián kē xué jiā tū jī duì yì rán bēn fù shēn hǎi shēn dì shēn kōng kē yán zuì qián yán, yòng qīng chūn zhù qǐ kē jì qiáng guó gāng tiě cháng chéng.
Từng đội từng đội xung kích các nhà khoa học trẻ tuổi tràn đầy sức sống thanh xuân đã kiên quyết hối hả đến xông pha tới ranh giới tiên phong nghiên cứu khoa học không gian sâu, lòng đất sâu và biển sâu, dùng tuổi trẻ dựng xây Trường Thành thép của cường quốc khoa học công nghệ.

23 nét | HÁN VIỆT : BÔN PHÓ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #141

本分
běnfèn

bổn phận, trách nhiệm chức phận; an phận thật thà

严谨求真、不慕虚荣是科学家的做人本分，做科学研究决不能投机取巧或弄虚作假。
Yán jǐn qiú zhēn, bù mù xū róng shì kē xué jiā de zuò rén běn fèn, zuò kē xué yán jiū jué bù néng tóu jī qǔ qiǎo huò nòng xū zuò jiǎ.
Nghiêm cẩn cầu thị chân lý, không ham chuộng danh lợi hư vinh chính là bổn phận chức phận làm người của nhà khoa học, làm nghiên cứu khoa học tuyệt đối không được đấu cơ trục lợi cơ hội hay làm giả dối trá.

22 nét | HÁN VIỆT : BẢN PHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #142

本能
běn néng

bản năng; thuộc về bản năng

在突发紧急险情来临时，经过严格专业训练的应急救援队员出于职业本能第一时间冲向救援最前线。
Zài tū fā jǐn jí xiǎn qíng lái lín shí, jīng guò yán gé zhuān yè xùn liàn de yìng jí jiù yuán duì yuán chū yú zhí yè běn néng dì yī shí jiān chōng xiàng jiù yuán zuì qián xiàn.
Khi tình huống hiểm nghèo khẩn cấp bất ngờ ập đến, các chiến sĩ cứu hộ khẩn cấp trải qua huấn luyện chuyên nghiệp nghiêm ngặt đã xuất phát từ bản năng nghề nghiệp lập tức lao về phía tuyến đầu cứu hộ.

19 nét | HÁN VIỆT : BẢN NĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #143

本钱
běn qián

vốn liếng, tiền vốn; vốn quý (sức khỏe)

身体是革命的本钱；青年人在全身心投入学业与科研攻关的同时，必须坚持体育锻炼、保持强健体魄。
Shēn tǐ shì gé mìng de běn qián； qīng nián rén zài quán shēn xīn tóu rù xué yè yǔ kē yán gōng guān de tóng shí, bì xū jiān chí tǐ yù duàn liàn, bǎo chí qiáng jiàn tǐ pò.
Sức khỏe là vốn liếng quý giá nhất; thanh niên trong khi dồn toàn tâm toàn lực cho việc học tập và nghiên cứu khoa học bắt buộc phải kiên trì rèn luyện thể thao, giữ gìn thể chất cường tráng.

23 nét | HÁN VIỆT : BẢN TIỀN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #144

本色
běnsè

bản sắc, phẩm chất vốn có, bản tính nguyên sơ

老一辈功勋科学家一生淡泊名利、甘为人梯，始终永葆科技报国与艰苦奋斗的赤子本色。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yī shēng dàn bó míng lì, gān wéi rén tī, shǐ zhōng yǒng bǎo kē jì bào guó yǔ jiān kǔ fèn dòu de chì zi běn sè.
Các nhà khoa học có công lao tiền bối cả đời đạm bạc danh lợi, tình nguyện làm bậc thang cho người khác bước lên, luôn giữ trọn phẩm chất vốn có bản sắc trong sáng của sự phấn đấu gian khổ và phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

21 nét | HÁN VIỆT : BẢN SẮC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #145

本性
běnxìng

bản tính, bản chất tự nhiên vốn có

勇于探索未知、永葆求知好奇心是人类科学家的崇高本性，推动着人类文明不断迈向更高境界。
Yǒng yú tàn suǒ wèi zhī, yǒng bǎo qiú zhī hào qí xīn shì rén lèi kē xué jiā de chóng gāo běn xìng, tuī dòng zhe rén lèi wén míng bù duàn mài xiàng gèng gāo jìng jiè.
Dũng cảm khám phá những điều chưa biết, luôn giữ vững tính tò mò ham học hỏi chính là bản tính bản chất tự nhiên cao đẹp của các nhà khoa học, thúc đẩy nền văn minh nhân loại không ngừng tiến bước tới cảnh giới cao hơn.

20 nét | HÁN VIỆT : BẢN TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #146

本意
běnyì

bản ý, ý định ban đầu, mục đích gốc

设立国家自然科学基金重大前沿专项的根本本意，正是为了激励广大青年学者大胆挑战高风险颠覆性科学问题。
Shè lì guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng dà qián yán zhuān xiàng de gēn běn běn yì, zhèng shì wèi le jī lì guǎng dà qīng nián xué zhě dà dǎn tiǎo zhàn gāo fēng xiǎn diān fù xìng kē xué wèn tí.
Mục đích gốc ý định ban đầu bản ý căn bản của việc thiết lập chuyên án tiên phong trọng đại Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia chính là nhằm khích lệ đông đảo các học giả trẻ tuổi mạnh dạn thách thức các vấn đề khoa học mang tính cách mạng rủi ro cao.

21 nét | HÁN VIỆT : BẢN Ý

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ | #147

本着
běn zhe

trên tinh thần, căn cứ vào, theo nguyên tắc

在国际多边气候变化谈判中，各方应当本着“共同但有区别的责任”原则，携手共建公平合理、合作共赢的全球气候治理体系。
Zài guó jì duō biān qì hòu biàn huà tán pàn zhōng, gè fāng yīng dāng běn zhe "gòng tóng dàn yǒu qū bié de zé rèn" yuán zé, xié shǒu gòng jiàn gōng píng hé lǐ, hé zuò gòng yíng de quán qiú qì hòu zhì lǐ tǐ xì.
Trong các cuộc đàm phán biến đổi khí hậu đa phương quốc tế, các bên cần trên tinh thần nguyên tắc 'Trách nhiệm chung nhưng có phân biệt', chung tay xây dựng hệ thống quản trị khí hậu toàn cầu công bằng hợp lý và hợp tác cùng thắng.

18 nét | HÁN VIỆT : BẢN TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #148

笨蛋
bèndàn

kẻ ngốc, đồ ngốc nghếch (khẩu ngữ)

老科学家风趣地鼓励青年学子：“科学探索上没有天生的笨蛋，只要肯下笨功夫潜心钻研就一定能出成果。”
Lǎo kē xué jiā fēng qù dì gǔ lì qīng nián xué zǐ : "kē xué tàn suǒ shàng méi yǒu tiān shēng de bèn dàn, zhǐ yào kěn xià bèn gōng fu qián xīn zuān yán jiù yí dìng néng chū chéng guǒ."
Nhà khoa học lão thành hóm hỉnh khích lệ các học trò trẻ tuổi: 'Trên con đường khám phá khoa học không có kẻ ngốc đồ ngốc bẩm sinh, chỉ cần chịu bỏ công phu kiên trì chuyên tâm nghiên cứu sâu thì nhất định sẽ gặt hái thành quả.'

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẦN ĐẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #149

笨重
bènzhòng

cồng kềnh, nặng nề thô kệch

新型轻质高强碳纤维复合材料的成功应用，彻底取代了过去传统航空发动机上笨重脆弱的金属部件。
Xīn xíng qīng zhì gāo qiáng tàn xiān wéi fù hé cái liào de chéng gōng yìng yòng, chè dǐ qǔ dài le guò qù chuán tǒng háng kōng fā dòng jī shàng bèn zhòng cuì ruò de jīn shǔ bù jiàn.
Việc ứng dụng thành công vật liệu composite sợi carbon cường độ cao siêu nhẹ kiểu mới đã thay thế triệt để các chi tiết kim loại cồng kềnh nặng nề dễ vỡ trên động cơ hàng không truyền thống trước đây.

17 nét | HÁN VIỆT : ĐẦN TRỌNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #150

崩溃
bēng kuì

sụp đổ, vỡ trận, tê liệt (hệ thống, tinh thần)

在遭遇超大规模分布式拒绝服务网络恶意攻击时，多层弹性流量清洗防护网确保了国家核心业务系统绝不崩溃。
Zài zāo yù chāo dà guī mó fēn bù shì jù jué fú wù wǎng luò è yì gōng jī shí, duō céng tán xìng liú liàng qīng xǐ fáng hù wǎng què bǎo le guó jiā hé xīn yè wù xì tǒng jué bù bēng kuì.
Khi gặp phải cuộc tấn công mạng ác ý từ chối dịch vụ phân tán quy mô siêu lớn, mạng lưới phòng hộ làm sạch lưu lượng đàn hồi đa tầng đã bảo đảm các hệ thống nghiệp vụ cốt lõi quốc gia tuyệt đối không bị sụp đổ tê liệt.

20 nét | HÁN VIỆT : BĂNG HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #151

绷
bēng

căng, căng ra kéo căng; căng thẳng (bēngjǐn)

在重大航天发射倒计时阶段，控制大厅里全体科研人员神经高度紧绷，全神贯注监控各项微秒级遥测参数。
Zài zhòng dà háng tiān fā shè dào jì shí jiē duàn, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ kē yán rén yuán shén jīng gāo dù jǐn bēng, quán shén guàn zhù jiān kòng gè xiàng wēi miǎo jí yáo cè cān shù.
Trong giai đoạn đếm ngược phóng tàu vũ trụ trọng đại, toàn bộ cán bộ nghiên cứu trong đại sảnh điều khiển thần kinh căng như dây đàn căng thẳng cao độ, tập trung cao độ giám sát từng thông số đo từ xa cấp độ micro-giây.

10 nét | HÁN VIỆT : BĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #152

绷带
bēngdài

băng gạc, băng cuộn y tế

新型智能生物抗菌弹性绷带能够动态感知创面温度与酸碱度变化，及时预警潜在细菌感染风险。
Xīn xíng zhì néng shēng wù kàng jūn tán xìng bēng dài néng gòu dòng tài gǎn zhī chuāng miàn wēn dù yǔ suān jiǎn dù biàn huà, jí shí yù jǐng qián zài xì jūn gǎn rǎn fēng xiǎn.
Băng cuộn y tế băng gạc đàn hồi kháng khuẩn sinh học thông minh kiểu mới có thể cảm nhận động thái biến đổi độ pH và nhiệt độ bề mặt vết thương, cảnh báo sớm kịp thời các nguy cơ nhiễm khuẩn tiềm ẩn.

19 nét | HÁN VIỆT : BĂNG ĐỚI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #153

蹦
bèng

nhảy, bật nhảy tưng bừng, tung tăng

当大科学装置首轮物理调试圆满成功的捷报传来，控制大厅里年轻的科研人员激动得欢呼雀跃、又蹦又跳。
Dāng dà kē xué zhuāng zhì shǒu lún wù lǐ tiáo shì yuán mǎn chéng gōng de jié bào chuán lái, kòng zhì dà tīng lǐ nián qīng de kē yán rén yuán jī dòng dé huān hū què yuè, yòu bèng yòu tiào.
Khi tin mừng đợt hiệu chỉnh vật lý đầu tiên của thiết bị khoa học lớn thành công mỹ mãn truyền tới, các nhà nghiên cứu trẻ tuổi trong đại sảnh điều khiển xúc động reo hò nhảy cẫng lên, vừa nhảy vừa reo vui sướng tột cùng.

13 nét | HÁN VIỆT : BÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #154

逼近
bījìn

tiến sát, áp sát, tiệm cận giới hạn

新一代国产超导量子芯片的单比特门保真度逼近了百分之九十九点九九的理论物理极限。
Xīn yí dài guó chǎn chāo dǎo liàng zǐ xīn piàn de dān bǐ tè mén bǎo zhēn dù bī jìn le bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ diǎn jiǔ jiǔ de lǐ lùn wù lǐ jí xiàn.
Độ trung thực của cổng đơn qubit chip lượng tử siêu dẫn sản xuất trong nước thế hệ mới đã tiến sát áp sát giới hạn vật lý lý thuyết 99,99%.

26 nét | HÁN VIỆT : BỨC CẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #155

逼迫
bī pò

ép buộc, cưỡng ép, bức bách

国际社会坚定维护真正的多边主义，坚决反对任何外部势力通过单边制裁与长臂管辖逼迫别国妥协退让。
Guó jì shè huì jiān dìng wéi hù zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, jiān jué fǎn duì rèn hé wài bù shì lì tōng guò dān biān zhì cái yǔ zhǎng bì guǎn xiá bī pò bié guó tuǒ xié tuì ràng.
Cộng đồng quốc tế kiên định bảo vệ chủ nghĩa đa phương chân chính, kiên quyết phản đối bất kỳ thế lực bên ngoài nào dùng lệnh trừng phạt đơn phương và quyền tài phán cánh tay dài để ép buộc các quốc gia khác phải thỏa hiệp nhượng bộ.

24 nét | HÁN VIỆT : BỨC BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #156

逼真
bīzhēn

sống động như thật, chân thực, sắc nét như thật

我国完全自主研发的深空探测虚拟现实仿真系统能够极度逼真地模拟火星表面极端复杂地形与光照环境。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de shēn kōng tàn cè xū nǐ xiàn shí fǎng zhēn xì tǒng néng gòu jí dù bī zhēn dì mó nǐ huǒ xīng biǎo miàn jí duān fù zá dì xíng yǔ guāng zhào huán jìng.
Hệ thống mô phỏng thực tế ảo thám trắc không gian sâu do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển có thể mô phỏng môi trường ánh sáng và địa hình cực kỳ phức tạp trên bề mặt Sao Hỏa một cách chân thực sống động như thật.

25 nét | HÁN VIỆT : BỨC CHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #157

鼻涕
bí tì

nước mũi

冬季流行性感冒高发期间，出现流清鼻涕、打喷嚏与咽痛等上呼吸道症状时应当佩戴口罩并及时科学就医。
Dōng jì liú xíng xìng gǎn mào gāo fā qī jiān, chū xiàn liú qīng bí tì, dǎ pēn tì yǔ yàn tòng děng shàng hū xī dào zhèng zhuàng shí yīng dāng pèi dài kǒu zhào bìng jí shí kē xué jiù yī.
Trong giai đoạn cao điểm bùng phát dịch cúm mùa đông, khi xuất hiện các triệu chứng đường hô hấp trên như chảy nước mũi trong, hắt hơi và đau họng cần đeo khẩu trang và kịp thời đi khám chữa bệnh một cách khoa học.

22 nét | HÁN VIỆT : TỴ THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #158

比比皆是
bǐbǐjiēshì

đâu đâu cũng có, nhan nhản khắp nơi, vô số kể

在国家高新技术产业开发区内，充满蓬勃创新活力的青年科学家创业企业与专精特新独角兽比比皆是。
Zài guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū nèi, chōng mǎn péng bó chuàng xīn huó lì de qīng nián kē xué jiā chuàng yè qǐ yè yǔ zhuān jīng tè xīn dú jiǎo shòu bǐ bǐ jiē shì.
Bên trong Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia, các kỳ lân chuyên tinh đặc tân và doanh nghiệp khởi nghiệp của các nhà khoa học trẻ tràn đầy sức sống đổi mới sáng tạo đâu đâu cũng có nhan nhản khắp nơi.

35 nét | HÁN VIỆT : TỶ TỶ GIAI THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #159

比不上
bǐbushàng

không sánh bằng, không bằng, kém xa

任何浮华的虚名都比不上攻克一项卡脖子技术、为国家安全筑牢基石所带来的崇高成就感。
Rèn hé fú huá de xū míng dōu bǐ bù shàng gōng kè yī xiàng qiǎ bó zi jì shù, wèi guó jiā ān quán zhù láo jī shí suǒ dài lái de chóng gāo chéng jiù gǎn.
Bất kỳ thứ danh ảo hào nhoáng nào cũng đều không sánh bằng không bằng cảm giác thành tựu cao quý mà việc chinh phục một công nghệ nghẽn cổ chai đắp xây nền tảng an ninh cho đất nước mang lại.

30 nét | HÁN VIỆT : TỶ BẤT THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ / Động từ | #160

比起
bǐqǐ

so với, so sánh cùng

比起发表普通的学术论文，国家战略科学家更加看重能够切实解决工业母机关键核心难题的原创技术突破。
Bǐ qǐ fā biǎo pǔ tōng de xué shù lùn wén, guó jiā zhàn lüè kē xué jiā gèng jiā kàn zhòng néng gòu qiè shí jiě jué gōng yè mǔ jī guān jiàn hé xīn nán tí de yuán chuàng jì shù tū pò.
So với so với việc công bố các bài báo học thuật thông thường, các nhà khoa học chiến lược quốc gia càng coi trọng những bước đột phá công nghệ nguyên tác có thể giải quyết thực chất bài toán then chốt của máy công cụ nguồn.

23 nét | HÁN VIỆT : TỶ KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #161

比试
bǐshi

so tài, tỉ thí, thi thố đọ sức

在全国青年职业技能大赛数控微纳精密加工决赛现场，来自各省的大国工匠同台比试超高精度切削绝技。
Zài quán guó qīng nián zhí yè jì néng dà sài shù kòng wēi nà jīng mì jiā gōng jué sài xiàn chǎng, lái zì gè shěng de dà guó gōng jiàng tóng tái bǐ shì chāo gāo jīng dù qiē xiāo jué jì.
Tại hiện trường chung kết gia công chính xác vi nano điều khiển số (CNC) Cuộc thi Kỹ năng Nghề Thanh niên Toàn quốc, các bậc thợ lớn quốc gia đến từ các tỉnh thành đã cùng đứng chung sân khấu so tài thi thố tuyệt kỹ cắt gọt độ chính xác siêu cao.

25 nét | HÁN VIỆT : TỶ THÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #162

比喻
bǐ yù

ẩn dụ, ví von, phép so sánh

文学大师以“时间如同一条奔腾不息的浩荡长河”这一精妙的比喻，深刻抒发了对历史变迁与岁月沧桑的哲学慨叹。
Wén xué dà shī yǐ "shí jiān rú tóng yī tiáo bēn téng bù xī de hào dàng cháng hé" zhè yī jīng miào de bǐ yù, shēn kè shū fā le duì lì shǐ biàn qiān yú suì yuè cāng sāng de zhé xué kǎi tàn.
Bậc thầy văn học bằng phép ẩn dụ ví von tinh tế 'Thời gian tựa như một dòng sông dài cuồn cuộn chảy xiết không ngừng' đã bộc bạch sâu sắc nỗi niềm cảm thán triết học về những biến chuyển lịch sử và thăng trầm dâu bể của thời gian.

21 nét | HÁN VIỆT : TỶ DỤ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #163

鄙视
bǐshì

khinh bỉ, coi thường, khinh miệt

科学共同体坚决鄙视任何为了评职称而搞学术造假、抄袭剽窃以及学术不端的丑恶行径。
Kē xué gòng tóng tǐ jiān jué bǐ shì rèn hé wèi le píng zhí chēng ér gǎo xué shù zào jiǎ, chāo xí piāo qiè yǐ jí xué shù bù duān de chǒu è xíng jìng.
Cộng đồng khoa học kiên quyết khinh bỉ coi thường mọi hành vi xấu xa dối trá học thuật, đạo văn sao chép và làm giả học thuật chỉ để chạy chức danh phong hàm.

23 nét | HÁN VIỆT : BỈ THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #164

必不可少
bìbùkěshǎo

không thể thiếu, tất yếu không thể thiếu được

高水平大科学基础设施群是支撑基础前沿科学探索与突破重大原始创新的必不可少的国之重器。
Gāo shuǐ píng dà kē xué jī chǔ shè shī qún shì zhī chēng jī chǔ qián yán kē xué tàn suǒ yǔ tū pò zhòng dà yuán shǐ chuàng xīn de bì bù kě shǎo de guó zhī zhòng qì.
Cụm cơ sở hạ tầng khoa học lớn trình độ cao là đại khí quốc gia không thể thiếu tất yếu không thể thiếu được để nâng đỡ các cuộc thám hiểm khoa học cơ bản tiên phong và đột phá đổi mới sáng tạo nguyên bản trọng đại.

35 nét | HÁN VIỆT : TẤT BẤT KHẢ THIỂU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #165

必定
bìdìng

nhất định, ắt hẳn, chắc chắn sẽ

只要我们坚定不移走中国特色自主创新之路，世界科技强国的宏伟战略目标就必定能够实现！
Zhǐ yào wǒ men jiān dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn zhī lù, shì jiè kē jì qiáng guó de hóng wěi zhàn lüè mù biāo jiù bì dìng néng gòu shí xiàn!
Chỉ cần chúng ta kiên định không ngừng bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, mục tiêu chiến lược hùng vĩ về một cường quốc khoa học công nghệ thế giới nhất định ắt hẳn sẽ trở thành hiện thực!

19 nét | HÁN VIỆT : TẤT ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #166

弊病
bì bìng

tệ nạn, khuyết tật, thói xấu hư hỏng

深化科技体制机制综合改革，必须坚决破除唯论文、唯帽子、唯职称、唯学历、唯奖项等根深蒂固的人才评价弊病。
Shēn huà kē jì tǐ zhì jī zhì zōng hé gǎi gé, bì xū jiān jué pò chú wéi lùn wén, wéi mào zi, wéi zhí chēng, wéi xué lì, wéi jiǎng xiàng děng gēn shēn dì gù de rén cái píng jià bì bìng.
Đi sâu cải cách tổng hợp thể chế cơ chế khoa học công nghệ, bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ những khuyết tật tệ nạn thâm căn cố đế trong đánh giá nhân tài như chỉ chăm chăm vào bài báo, danh xưng, học hàm chức danh, bằng cấp và giải thưởng.

21 nét | HÁN VIỆT : TỆ BỆNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #167

弊端
bì duān

mặt tiêu cực, tệ đoan, kẽ hở bất cập

推行阳光政务与全流程电子化招标采购，有效消除了传统招投标过程中暗箱操作与寻租腐败的制度弊端。
Tuī xíng yáng guāng zhèng wù yǔ quán liú chéng diàn zi huà zhāo biāo cǎi gòu, yǒu xiào xiāo chú le chuán tǒng zhāo tóu biāo guò chéng zhōng àn xiāng cāo zuò yǔ xún zū fǔ bài de zhì dù bì duān.
Thực hiện nền hành chính công khai minh bạch và đấu thầu mua sắm điện tử hóa toàn quy trình đã triệt tiêu hiệu quả các tệ đoan kẽ hở thể chế về thao túng trong bóng tối và tham nhũng trục lợi trong quy trình đấu thầu truyền thống.

27 nét | HÁN VIỆT : TỆ ĐOAN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #168

碧绿
bìlǜ

xanh biếc, xanh ngọc bích, trong xanh biếc

经过综合流域生态环境治理，昔日受到污染的高原湖泊如今水质清澈见底、宛如一块镶嵌在雪山之巅的碧绿翡翠。
Jīng guò zōng hé liú yù shēng tài huán jìng zhì lǐ, xī rì shòu dào wū rǎn de gāo yuán hú pō rú jīn shuǐ zhì qīng chè jiàn dǐ, wǎn rú yī kuài xiāng qiàn zài xuě shān zhī diān de bì lǜ fěi cuì.
Trải qua công tác xử lý môi trường sinh thái lưu vực tổng hợp, hồ nước vùng cao nguyên từng bị ô nhiễm thuở nào ngày nay chất lượng nước trong vắt nhìn thấy đáy, tựa như một viên ngọc bích xanh biếc khảm trên đỉnh núi tuyết.

22 nét | HÁN VIỆT : BÍCH LỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #169

壁画
bìhuà

bích họa, tranh tường cổ bích họa

国家文物保护科研团队运用多光谱高精度荧光成像与原位无损分析技术，实现了对千年莫高窟古老壁画的数字化永久活态保存。
Guó jiā wén wù bǎo hù kē yán tuán duì yùn yòng duō guāng pǔ gāo jīng dù yíng guāng chéng xiàng yǔ yuán wèi wú sǔn fēn xī jì shù, shí xiàn le duì qián nián mò gāo kū gǔ lǎo bì huà de shù zì huà yǒng jiǔ huó tài bǎo cún.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học bảo tồn di sản văn vật quốc gia ứng dụng công nghệ phân tích không phá hủy tại chỗ và hình ảnh huỳnh quang độ chính xác cao đa quang phổ đã thực hiện bảo tồn sống động vĩnh cửu số hóa đối với các bức bích họa tranh tường cổ ngàn năm trong Hang Mạc Cao.

24 nét | HÁN VIỆT : BÍCH HOẠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #170

避难
bìnàn

lánh nạn, tị nạn tránh hiểm nguy

现代化智慧城市地下综合管廊系统全面配备了高等级抗震防爆应急避难舱与智能化生命维持网络。
Xiàn dài huà zhì huì chéng shì dì xià zōng hé guǎn láng xì tǒng quán miàn pèi bèi le gāo děng jí kàng zhèn fáng bào yìng jí bì nàn cāng yǔ zhì néng huà shēng mìng wéi chí wǎng luò.
Hệ thống hành lang kỹ thuật ngầm tổng hợp đô thị thông minh hiện đại hóa trang bị toàn diện mạng lưới duy trì sinh mệnh thông minh hóa và khoang lánh nạn tị nạn khẩn cấp phòng nổ kháng chấn cấp cao.

25 nét | HÁN VIỆT : TỊ NAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #171

避暑
bìshǔ

tránh nóng, nghỉ mát mùa hè

依托凉爽宜人的高原气候与优美生态环境，这座高山小城全力打造了享誉全国的夏季生态避暑康养胜地。
Yī tuō liáng shuǎng yí rén de gāo yuán qì hòu yǔ yōu měi shēng tài huán jìng, zhè zuò gāo shān xiǎo chéng quán lì dǎ zào le xiǎng yù quán guó de xià jì shēng tài bì shǔ kāng yǎng shèng dì.
Dựa vào môi trường sinh thái tươi đẹp và khí hậu cao nguyên mát mẻ dễ chịu, thành phố nhỏ miền núi cao này đã dốc toàn lực xây dựng nên thắng địa nghỉ dưỡng nghỉ mát tránh nóng sinh thái mùa hè nổi danh khắp cả nước.

19 nét | HÁN VIỆT : TỊ THỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #172

边疆
biān jiāng

biên cương, vùng biên giới xa xôi

各族儿女扎根祖国万里边疆，同心协力筑牢国家安全与民族团结的铜墙铁壁。
Gè zú ér nǚ zhā gēn zǔ guó wàn lǐ biān jiāng, tóng xīn xié lì zhù láo guó jiā ān quán yǔ mín zú tuán jié de tóng qiáng tiě bì.
Đồng bào các dân tộc bám rễ nơi muôn dặm biên cương của Tổ quốc, đồng tâm hiệp lực xây đắp nên bức tường thành bằng đồng bằng sắt vững chắc của an ninh quốc gia và đại đoàn kết dân tộc.

17 nét | HÁN VIỆT : BIÊN CƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #173

边界
biān jiè

biên giới, ranh giới, lằn ranh

在人工智能技术日新月异的大背景下，全社会必须深入研讨并划定科技伦理与算法应用的法律安全边界。
Zài rén gōng zhì néng jì shù rì xīn yuè yì de dà bèi jǐng xià, quán shè huì bì xū shēn rù yán tǎo bìng huà dìng kē jì lún lǐ yǔ suàn fǎ yìng yòng de fǎ lǜ ān quán biān jiè.
Trong bối cảnh công nghệ trí tuệ nhân tạo thay đổi từng ngày, toàn xã hội bắt buộc phải đi sâu thảo luận và xác định ranh giới an toàn pháp luật và đạo đức khoa học công nghệ trong ứng dụng thuật toán.

22 nét | HÁN VIỆT : BIÊN GIỚI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #174

边远
biānyuǎn

vùng sâu vùng xa, biên viễn hẻo lánh

国家卫星互联网与千兆宽带网络全面覆盖到了边远山区千家万户，彻底消除了偏远地区的数字鸿沟。
Guó jiā wèi xīng hù lián wǎng yǔ qiān zhào kuān dài wǎng luò quán miàn fù gài dào le biān yuǎn shān qū qiān jiā wàn hù, chè dǐ xiāo chú le piān yuǎn dì qū de shù zì hóng gōu.
Mạng lưới băng thông rộng Gigabit và mạng Internet vệ tinh quốc gia đã bao phủ toàn diện tới muôn nhà muôn hộ vùng sâu vùng xa biên viễn miền núi, xóa bỏ triệt để khoảng cách số tại các khu vực hẻo lánh.

18 nét | HÁN VIỆT : BIÊN VIỄN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #175

编号
biānhào

mã số, số hiệu; đánh số thứ tự

嫦娥月球科研团队对从月球背面南极盆地成功采集回来的数千份月壤岩芯样本进行了超精密化学分析与数字化统一编号。
Cháng é yuè qiú kē yán tuán duì duì cóng yuè qiú bèi miàn nán jí pén dì chéng gōng cǎi jí huí lái de shù qiān fèn yuè rǎng yán xìn yàng běn jìn xíng le chāo jīng mì huà xué fēn xī yǔ shù zì huà tǒng yī biān hào.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học Mặt trăng Hằng Nga đã tiến hành đánh số thứ tự mẫu số số hiệu thống nhất số hóa và phân tích hóa học siêu chính xác đối với hàng ngàn mẫu lõi đất đá Mặt trăng lấy về thành công từ bốn địa Nam Cực mặt sau Mặt trăng.

26 nét | HÁN VIỆT : BIÊN GÀO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #176

编剧
biānjù

biên kịch, người viết kịch bản; viết kịch bản

国家重大科技题材影视剧编剧深入航天发射与大科学装置一线体验生活数月，精心创作出了感人至深的硬核科学剧本。
Guó jiā zhòng dà kē jì tí cái yǐng shì jù biān jù shēn rù háng tiān fā shè yǔ dà kē xué zhuāng zhì yī xiàn tǐ yàn shēng huó shù yuè, jīng xīn chuàng zuò chū le gǎn rén zhì shēn de yìng hé kē xué jù běn.
Biên kịch người viết kịch bản phim truyền hình điện ảnh đề tài khoa học công nghệ trọng đại quốc gia đã đi sâu trải nghiệm cuộc sống nhiều tháng tại tuyến đầu thiết bị khoa học lớn và bãi phóng vũ trụ, trau chuốt sáng tác nên kịch bản khoa học siêu thực lay động lòng người.

25 nét | HÁN VIỆT : BIÊN KỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #177

编排
biānpái

biên soạn dàn dựng, sắp xếp bố trí, dàn xếp

国家超级计算中心智能调度系统能够对数万个并行科学仿真算力任务进行微秒级动态高效编排与负载均衡。
Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn zhì néng diào dù xì tǒng néng gòu duì shù wàn gè bìng xíng kē xué fǎng zhēn suàn lì rèn wù jìn xíng wēi miǎo jí dòng tài gāo xiào biān pái yǔ fù zài jūn héng.
Hệ thống điều phối thông minh Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia có thể tiến hành cân bằng tải và sắp xếp bố trí dàn dựng hiệu quả cao động thái cấp độ micro-giây đối với hàng vạn tác vụ sức mạnh tính toán mô phỏng khoa học song song.

24 nét | HÁN VIỆT : BIÊN BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #178

编写
biānxiě

biên soạn, viết (sách/phần mềm/giáo trình)

青年科学家团队完全自主编写了百万行级新一代高性能多物理场仿真核心工业软件源代码。
Qīng nián kē xué jiā tuán duì wán quán zì zhǔ biān xiě le bǎi wàn xíng jí xīn yí dài gāo xìng néng duō wù lǐ chǎng fǎng zhēn hé xīn gōng yè ruǎn jiàn yuán dài mǎ.
Đội ngũ các nhà khoa học trẻ tuổi đã tự chủ biên soạn viết hoàn toàn hàng triệu dòng mã nguồn phần mềm công nghiệp cốt lõi mô phỏng đa trường vật lý tính năng cao thế hệ mới.

22 nét | HÁN VIỆT : BIÊN TẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #179

编造
biānzào

bịa đặt, thêu dệt, ngụy tạo dựng chuyện

国家科研诚信管理条例明确规定，对任何篡改实验结果、编造伪造科学数据的学术不端行为实施零容忍严惩。
Guó jiā kē yán chéng xìn guǎn lǐ tiáo lì míng què guī dìng, duì rèn hé cuàn gǎi shí yàn jié guǒ, biān zào wěi zào kē xué shù jù de xué shù bù duān xíng wéi shí shī líng róng rěn yán chéng.
Quy chế Quản lý Thành tín Nghiên cứu Khoa học Quốc gia quy định rõ ràng, thực thi xử phạt nghiêm khắc không dung thứ đối với mọi hành vi sai trái học thuật làm giả bịa đặt ngụy tạo số liệu khoa học hay xuyên tạc kết quả thực nghiệm.

27 nét | HÁN VIỆT : BIÊN TẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #180

鞭策
biān cè

thúc giục, cổ vũ, khích lệ động viên

老一辈科学家胸怀祖国、服务人民的崇高爱国精神，始终是鞭策青年科技工作者奋勇攀登的强大精神动力。
Lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín de chóng gāo ài guó jīng shén, shǐ zhōng shì biān cè qīng nián kē jì gōng zuò zhě fèn yǒng pān dēng de qiáng dà jīng shén dòng lì.
Tinh thần yêu nước cao cả hướng về Tổ quốc, phụng sự nhân dân của các nhà khoa học tiền bối luôn là nguồn động lực tinh thần to lớn thúc giục và khích lệ các cán bộ khoa học công nghệ trẻ dũng cảm vươn lên.

20 nét | HÁN VIỆT : TIÊN SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #181

鞭炮
biān pào

pháo nổ, pháo

除夕午夜零点钟声敲响之际，喜庆绚丽的礼花与清脆响亮的传统鞭炮齐鸣，迎接着崭新的一年。
Chú xī wǔ yè líng diǎn zhōng shēng qiāo xiǎng zhī jì, xǐ qìng xuàn lì de lǐ huā yǔ qīng cuì xiǎng liàng de chuán tǒng biān pào qí míng, yíng jiē zhe zhǎn xīn de yī nián.
Đúng thời khắc chuông đồng hồ điểm 0 giờ đêm Giao thừa, pháo hoa rực rỡ cùng tiếng pháo nổ giòn giã truyền thống đồng loạt vang lên rộn rã đón chào một năm mới an lành.

22 nét | HÁN VIỆT : TIÊN BÀO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #182

贬值
biǎnzhí

mất giá, giảm giá trị, mất giá trị

在知识经济时代，唯有持续不断开展原始自主创新，国家科技成果与核心专利资产才不会因为技术迭代而发生贬值。
Zài zhī shí jīng jì shí dài, wéi yǒu chí xù bú duàn kāi zhǎn yuán shǐ zì zhǔ chuàng xīn, guó jiā kē jì chéng guǒ yǔ hé xīn zhuān lì zī chǎn cái bú huì yīn wèi jì shù dié dài ér fā shēng biǎn zhí.
Trong thời đại kinh tế tri thức, chỉ khi liên tục triển khai đổi mới sáng tạo tự chủ nguyên bản thì tài sản bằng sáng chế cốt lõi và thành quả khoa học công nghệ quốc gia mới không bị giảm giá trị mất giá do sự thay thế đổi mới công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : BIẾM TRỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #183

变革
biàngé

cải cách, biến đổi mang tính cách mạng, chuyển biến sâu sắc

以通用人工智能与量子信息为代表的新一轮科技革命正在引发全球科研范式与工业生产方式的历史性深刻变革。
Yǐ tōng yòng rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ xìn xī wèi dài biǎo de xīn yī lún kē jì gé mìng zhèng zài yǐn fā quán qiú kē yán fàn shì yǔ gōng yè shēng chǎn fāng shì de lì shǐ xìng shēn kè biàn gé.
Cuộc cách mạng khoa học công nghệ vòng mới lấy thông tin lượng tử và trí tuệ nhân tạo đa năng làm đại diện đang làm dấy lên bước chuyển biến sâu sắc biến đổi mang tính cách mạng lịch sử sâu sắc đối với phương thức sản xuất công nghiệp và mô thức nghiên cứu khoa học toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : BIẾN CÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #184

变幻莫测
biànhuànmòcè

biến hóa khôn lường, thiên biến vạn hóa, khôn lường khó đoán

面对变幻莫测的国际地缘竞争环境，我们必须坚定不移加快实现高水平科技自立自强，筑牢国家发展安全屏障。
Miàn duì biàn huàn mò cè de guó jì dì yuán jìng zhēng huán jìng, wǒ men bì xū jiān dìng bù yí jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, zhù láo guó jiā fā zhǎn ān quán píng zhàng.
Đứng trước môi trường cạnh tranh địa chính trị quốc tế biến hóa khôn lường thiên biến vạn hóa khó đoán, chúng ta bắt buộc phải kiên định không ngừng đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, củng cố vững chắc tấm lá chắn an ninh phát triển của đất nước.

35 nét | HÁN VIỆT : BIẾN HUYỄN MẠC TRẮC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #185

变迁
biàn qiān

biến thiên, đổi thay theo thời gian, thăng trầm

这座古老历史文化名城的沧桑变迁，生动记录了中华民族从筚路蓝缕走向伟大复兴的壮阔历史画卷。
Zhè zuò gǔ lǎo lì shǐ wén huà míng chéng de cāng sāng biàn qiān, shēng dòng jì lù le zhōng huá mín zú cóng bì lù lán lǚ zǒu xiàng wěi dà fù xīng de zhuàng kuò lì shǐ huà juàn.
Những biến thiên thăng trầm dâu bể của danh thành lịch sử văn hóa cổ kính này đã ghi lại sinh động bức tranh lịch sử hào hùng tráng lệ của dân tộc từ thuở gian nan mở cõi tiến tới phục hưng vĩ đại.

20 nét | HÁN VIỆT : BIẾN THIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #186

变异
biànyì

đột biến, biến dị sinh học

我国科研团队成功开发出广谱抗原靶向技术，能够超高灵敏度精准识别并有效中和各类病毒基因变异毒株。
Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng kāi fā chū guǎng pǔ kàng yuán bǎ xiàng jì shù, néng gòu chāo gāo líng mǐn dù jīng zhǔn shí bié bìng yǒu xiào zhōng hé gè lèi bìng dú jī yīn biàn yì dú zhū.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã phát triển thành công công nghệ trúng đích kháng nguyên phổ rộng, có thể nhận diện chuẩn xác với độ nhạy cảm siêu cao và trung hòa hiệu quả các chủng biến dị đột biến gen virus khác nhau.

22 nét | HÁN VIỆT : BIẾN DỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #187

变质
biànzhì

biến chất, hư hỏng ôi thiu; tha hóa suy thoái

中国空间站太空微重力生物培养箱采用了高精度温湿度恒定气调控制，确保珍贵生物学细胞样本绝不变质失效。
Zhōng guó kōng jiān zhàn tài kōng wēi zhòng lì shēng wù péi yǎng xiāng cǎi yòng le gāo jīng dù wēn shī dù héng dìng qì tiáo kòng zhì, què bǎo zhēn guì shēng wù xué xì bāo yàng běn jué bù biàn zhì shī xiào.
Hộp nuôi cấy sinh học không trọng lực không gian của trạm vũ trụ Trung Quốc áp dụng kiểm soát điều hòa khí quyển hằng định nhiệt độ độ ẩm độ chính xác cao, bảo đảm các mẫu tế bào sinh học quý giá tuyệt đối không bị hư hỏng biến chất mất tác dụng.

20 nét | HÁN VIỆT : BIẾN CHẤT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #188

便道
biàndào

đường tránh, đường tạm thi công; vỉa hè lối tắt

在高海拔特大跨海大桥施工前期，建设团队在悬崖峭壁上抢先开辟出了一条高标准的工程运输应急便道。
Zài gāo hǎi bá tè dà kuà hǎi dà qiáo shī gōng qián qī, jiàn shè tuán duì zài xuán yá qiào bì shàng qiǎng xiān kāi pì chū le yī tiáo gāo biāo zhǔn de gōng chéng yùn shū yìng jí biàn dào.
Trong giai đoạn đầu thi công cây cầu vượt biển siêu lớn vùng độ cao lớn, đội ngũ xây dựng đã nhanh chóng mở ra một con đường tạm thi công đường tránh vận tải công trình tiêu chuẩn cao trên vách đá cheo leo dựng đứng.

20 nét | HÁN VIỆT : TIỆN ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #189

便饭
biànfàn

bữa cơm đạm bạc, bữa cơm thường nhật thân mật

资深院士热情邀请几位远道而来的青年学者到家中吃便饭，在温馨轻松的氛围中亲切交流前沿学术心得。
Zī shēn yuàn shì rè qíng yāo qǐng jǐ wèi yuǎn dào ér lái de qīng nián xué zhě dào jiā zhōng chī biàn fàn, zài wēn xīn qīng sōng de fēn wéi zhōng qīn qiè jiāo liú qián yán xué shù xīn dé.
Vị Viện sĩ lão thành nồng nhiệt mời vài học giả trẻ tuổi từ phương xa tới nhà dùng bữa cơm thường nhật bữa cơm đạm bạc, thân mật trao đổi tâm đắc học thuật tiên phong trong bầu không khí ấm áp nhẹ nhõm.

19 nét | HÁN VIỆT : TIỆN PHẠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #190

便捷

biànjié

thuận tiện, tiện lợi nhanh chóng

国家大科学装置官方数据中心全面升级了云端在线分析平台，为全球科学家提供了极其高效便捷的科研服务。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì guān fāng shù jù zhōng xīn quán miàn shēng jí le yún duān zài xiàn fēn xī píng tái, wèi quán qiú kē xué jiā tí gōng le jí qí gāo xiào biàn jié de kē yán fú wù.

Trung tâm Dữ liệu Chính thức Thiết bị Khoa học Lớn Quốc gia đã nâng cấp toàn diện nền tảng phân tích trực tuyến trên đám mây, mang lại dịch vụ nghiên cứu khoa học cực kỳ tiện lợi thuận tiện và hiệu quả cao cho các nhà khoa học toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : TIỆN TIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #191

便利店

biànlìdiàn

cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tiện ích 24/7

国家高新技术产业园区内配备了二十四小时无人值守智能便利店，全方位保障科研人员深夜攻关时的生活需求。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè yuán qū nèi pèi bèi le èr shí sì xiǎo shí wú rén zhí shǒu zhì néng biàn lì diàn, quán fāng wèi bǎo zhàng kē yán rén yuán shēn yè gōng guān shí de shēng huó xū qiú.

Bên trong Khu Công viên Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia trang bị các cửa hàng tiện ích cửa hàng tiện lợi thông minh không người trực 24/7, bảo đảm toàn diện nhu cầu sinh hoạt của cán bộ nghiên cứu khi vượt khó đêm khuya.

34 nét | HÁN VIỆT : TIỆN LỢI ĐIẾM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #192

遍布

biàn bù

rải rác khắp, phủ khắp, có mặt ở khắp nơi

遍布全国城乡的数十万座新能源汽车智能充电桩基础设施，彻底化解了广大车主的绿色长途出行续航焦虑。

Biàn bù quán guó chéng xiāng de shù shí wàn zuò xīn néng yuán qì chē zhì néng chōng diàn zhuāng jī chǔ shè shī, chè dǐ huà jiě le guǎng dà chē zhǔ de lǜ sè cháng tú chū xíng xù háng jiāo lǜ.

Hàng chục vạn trụ sạc pin thông minh cho xe năng lượng mới phủ khắp nông thôn thành thị trên toàn quốc đã triệt tiêu hoàn toàn nỗi lo âu về quãng đường di chuyển của các chủ xe khi đi đường dài bằng năng lượng xanh.

19 nét | HÁN VIỆT : BIẾN BỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #193

辨别

biànbié

phân biệt, nhận biết phân định rõ ràng

新一代多模态光谱雷达能够在极其复杂的电磁干扰背景中精准辨别并捕获微弱的超高音速飞行器雷达反射信号。

Xīn yí dài duō mó tài guāng pǔ léi dá néng gòu zài jí qí fù zá de diàn cí gān rǎo bèi jīng zhōng jīng zhǔn biàn bié bìng bǔ huò wēi ruò de chāo gāo yīn sù fēi xíng qì léi dá fǎn shè xìn hào.

Radar quang phổ đa phương thức thế hệ mới có thể nhận biết phân biệt chuẩn xác và bắt trọn tín hiệu phản xạ radar yếu ớt của phương tiện bay siêu thanh giữa nền can nhiễu điện từ cực kỳ phức tạp.

21 nét | HÁN VIỆT : BIỆN BIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #194

辨认

biàn rèn

nhận ra, nhận biết, phân biệt

经过古文字学家借助高精度多光谱成像技术的细致考证，这批商周青铜器上模糊剥蚀的铭文终于被成功辨认出来。

Jīng guò gǔ wén zì xué jiā jiè zhù gāo jīng dù duō guāng pǔ chéng xiàng jì shù de xì zhì kǎo zhèng, zhè pī shāng zhōu qīng tóng qì shàng mó hú bō shí de míng wén zhōng yú bèi chéng gōng biàn rèn chū lái.

Sau khi được các nhà nghiên cứu cổ văn tự đối chiếu khảo cứu tỉ mỉ nhờ công nghệ chụp ảnh đa phổ độ chính xác cao, các minh văn bị mờ và bong tróc trên lô đồ đồng thời Thương - Chu này cuối cùng đã được nhận biết thành công.

27 nét | HÁN VIỆT : BIỆN NHẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #195

辩

biàn

biện luận, tranh luận phản biện; phân bua (biànjié)

真理越辩越明；在国际前沿学术研讨会上，中外青年学者围绕微观量子测量诠释展开了热烈而深入的学术争辩。

Zhēn lǐ yuè biàn yuè míng； zài guó jì qián yán xué shù yán tǎo huì shàng, zhōng wài qīng nián xué zhě wéi rào wēi guān liàng zǐ cè liáng quán shì zhǎn kāi le rè liè ér shēn rù de xué shù zhēng biàn.

Chân lý càng tranh luận càng sáng rõ; tại hội thảo học thuật tiên phong quốc tế, các học giả trẻ trong và ngoài nước đã triển khai những cuộc tranh luận tranh biện học thuật sôi nổi và sâu sắc xung quanh diễn giải đo đạc lượng tử vi mô.

14 nét | HÁN VIỆT : BIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #196

辩护

biàn hù

bào chữa, biện hộ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp

在现代司法审判体系中，充分保障刑事被告人依法委托律师获得专业辩护的合法权利，是司法公正的重要体现。

Zài xiàn dài sī fǎ shěn pàn tǐ xì zhōng, chōng fèn bǎo zhàng xíng shì bèi gào rén yī fǎ wěi tuō lǜ shī huò dé zhuān yè biàn hù de hé fǎ quán lì, shì sī fǎ gōng zhèng de zhòng yào tǐ xiàn.

Trong hệ thống xét xử tư pháp hiện đại, việc bảo đảm đầy đủ quyền hợp pháp của bị cáo hình sự được ủy thác luật sư bào chữa chuyên nghiệp theo luật định là biểu hiện quan trọng của công lý tư pháp.

25 nét | HÁN VIỆT : BIỆN HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #197

辩解

biàn jiě

biện giải, phân trần, giải thích biện hộ

面对客观确凿的实验实测数据与复现结论，任何试图掩盖学术漏洞的无力辩解都是徒劳的。

Miàn duì kè guān què záo de shí yàn shí cè shù jù yǔ fù xiàn jié lùn, rèn hé shì tú yǎn gài xué shù lòu dòng de wú lì biàn jiě dōu shì tú láo de.

Đứng trước số liệu thực nghiệm đo đạc khách quan xác thực và kết luận tái lập thực nghiệm, mọi lời phân trần biện giải yếu ớt hòng che đậy lỗ hổng học thuật đều là vô ích.

27 nét | HÁN VIỆT : BIỆN GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #198

辫子

biàn zi

bím tóc, đuôi sam; thóp, điểm yếu (nghĩa bóng)

舞台上那位身穿传统精美少数民族华服的维吾尔族少女，随着欢快的乐曲欢快旋转着头上数十条纤细的小辫子。

Wǔ tái shàng nà wèi shēn chuān chuán tǒng jīng měi shǎo shù mín zú huá fú de wéi wú ěr zú shào nǚ, suí zhe huān kuài de yuè qǔ huān kuài xuán zhuǎn zhe tóu shàng shù shí tiáo xiān xì de xiǎo biàn zi.

Trên sân khấu, thiếu nữ người Duy Ngô Nhĩ khoác trên mình bộ trang phục dân tộc thiểu số lộng lẫy truyền thống đang vui tươi xoay tròn theo điệu nhạc rộn rã làm tung bay hàng chục bím tóc nhỏ xinh xắn trên đầu.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỆN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #199

标
biāo

tiêu chuẩn, cột mốc; đánh dấu; mục tiêu (mùbiāo)

我国成功研制出具有完全自主知识产权的新型高精度原子光钟，树立了国际超精密时间测量的新标杆。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de xīn xíng gāo jīng dù yuán zi guāng zhōng, shù lì le guó jì chāo jīng mì shí jiān cè liáng de xīn biāo gān.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công đồng hồ quang học nguyên tử độ chính xác cao kiểu mới sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ, xác lập cột mốc cột mốc tiêu chuẩn mới cho đo đạc thời gian siêu chính xác quốc tế.

11 nét | HÁN VIỆT : TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #200

标榜
biāobǎng

tự xưng, khoe khoang rêu rao, tự gắn mác phô trương

搞科学研究必须脚踏实地、用扎实成果说话，决不能依靠虚名炒作与空头口号自我标榜。
Gǎo kē xué yán jiū bì xū jiǎo tà shí dì, yòng zhā shí chéng guǒ shuō huà, jué bù néng yī kào xū míng chǎo zuò yǔ kōng tóu kǒu hào zì wǒ biāo bǎng.
Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chân đạp đất bằng, dùng thành quả vững chắc để nói chuyện, tuyệt đối không được dựa vào thổi phồng danh hão và khẩu hiệu suông để tự xưng khoe khoang phô trương bản thân.

21 nét | HÁN VIỆT : TIÊU BẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #201

标本
biāo běn

tiêu bản, mẫu vật (sinh học, địa chất); gốc và ngọn

国家自然博物馆收藏着数十万件涵盖古生物化石、珍稀动植物与矿物晶体的高价值国家级科学标本。
Guó jiā zì rán bó wù guǎn shōu cáng zhāo shù shí wàn jiàn hán gài gǔ shēng wù huà shí, zhēn xī dòng zhí wù yǔ kuàng wù jīng tǐ de gāo jià zhí guó jiā jí kē xué biāo běn.
Bảo tàng Tự nhiên Quốc gia lưu giữ hàng chục vạn mẫu vật tiêu bản khoa học cấp quốc gia giá trị cao bao quát các hóa thạch cổ sinh vật, động thực vật quý hiếm cùng các tinh thể khoáng vật.

20 nét | HÁN VIỆT : TIÊU BẢN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #202

标签
biāoqiān

nhãn mác, tem nhãn, thẻ tag gắn mác

超微型智能无源射频识别电子标签成功应用于大科学装置数十万个精密管道阀门的数字化全生命周期管理。
Chāo wēi xíng zhì néng wú yuán shè pín shí bié diàn zi biāo qiān chéng gōng yìng yòng yú dà kē xué zhuāng zhì shù shí wàn gè jīng mì guǎn dào fá mén de shù zì huà quán shēng mìng zhōu qī guǎn lǐ.
Tem nhãn nhãn mác điện tử nhận dạng qua sóng vô tuyến (RFID) thụ động thông minh siêu vi mô đã được ứng dụng thành công vào việc quản lý toàn bộ vòng đời số hóa của hàng chục vạn van đường ống chính xác của thiết bị khoa học lớn.

21 nét | HÁN VIỆT : TIÊU THIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #203

标示
biāoshì

chỉ dẫn, biểu thị đánh dấu rõ; biển chỉ dẫn

在大型高能物理辐射主实验大厅内，各项安全防护等级与撤离应急通道均进行了超高清荧光精准标示。
Zài dà xíng gāo néng wù lǐ fú shè zhǔ shí yàn dà tīng nèi, gè xiàng ān quán fáng hù děng jí yǔ chè lí yìng jí tōng dào jūn jìn xíng le chāo gāo qīng yíng guāng jīng zhǔn biāo shì.
Bên trong đại sảnh thực nghiệm chính bức xạ vật lý năng lượng cao quy mô lớn, tất cả các cấp độ phòng hộ an toàn và lối đi thoát hiểm khẩn cấp đều được biểu thị đánh dấu chỉ dẫn rõ ràng chuẩn xác bằng huỳnh quang siêu nét.

22 nét | HÁN VIỆT : TIÊU THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #204

标语
biāoyǔ

khẩu hiệu, biểu ngữ tuyên truyền

在大科学工程总装车间墙壁上，“敢为人先、勇攀高峰”的巨幅醒目标语激励着全体参研人员奋勇攻坚。
Zài dà kē xué gōng chéng zǒng zhuāng chē jiān qiáng bì shàng , "gǎn wéi rén xiān, yǒng pān gāo fēng" de jù fú xǐng mù biāo yǔ jī lì zhe quán tǐ cān yán rén yuán fèn yǒng gōng jiān.
Trên bức tường phân xưởng lắp ráp tổng thể công trình khoa học lớn, khẩu hiệu biểu ngữ nổi bật khổ lớn 'Dám đi đầu người khác, dũng cảm trèo lên đỉnh cao' đã khích lệ toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu dũng cảm vượt khó.

21 nét | HÁN VIỆT : TIÊU NGỮ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #205

标致
biāozhi

xinh đẹp, tuấn tú thanh tú, ưa nhìn đoan trang

新一代国产大型客机不仅气动布局优异，而且整机流线型外观线条极其流畅优雅、分外标致大方。
Xīn yí dài guó chǎn dà xíng kè jī bù jǐn qì dòng bù jú yōu yì, ér qiě zhěng jī liú xiàn xíng wài guān xiàn tiáo jí qí liú chàng yōu yǎ, fèn wài biāo zhì dà fāng.
Dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước thế hệ mới không chỉ có bố cục khí động học ưu việt, mà đường nét diện mạo bên ngoài dạng khí động học thuôn mượt của toàn bộ máy bay còn cực kỳ mượt mà tao nhã, vô cùng đoan trang xinh đẹp tuấn tú thanh tú và phóng khoáng.

23 nét | HÁN VIỆT : TIÊU TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #206

飙升
biāo shēng

tăng vọt, tăng vùn vụt, tăng phi mã

受地缘政治冲突与极端极寒天气叠加影响，国际大宗能源与天然气现货交易价格在短时间内急剧飙升。
Shòu dì yuán zhèng zhì chōng tū yǔ jí duān jí hán tiān qì dié jiā yǐng xiǎng, guó jì dà zōng néng yuán yǔ tiān rán qì xiàn huò jiāo yì jià gé zài duǎn shí jiān nèi jí jù biāo shēng.
Do ảnh hưởng đan xen của xung đột địa chính trị cùng thời tiết cực lạnh cực đoan, giá giao dịch giao ngay của các mặt hàng năng lượng và khí đốt tự nhiên quốc tế đã tăng vọt chóng mặt trong thời gian ngắn.

26 nét | HÁN VIỆT : TIÊU THĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #207

表白
biǎobái

bày tỏ lòng mình, thổ lộ tâm tình; tỏ tình

在科技报国誓师大会上，千百名青年学者齐声发出“请党放心、强国有我”的铮铮誓言，深情表白对祖国的赤子之心。
Zài kē jì bào guó shì shī dà huì shàng, qiān bǎi míng qīng nián xué zhě qí shēng fā chū "qǐng dǎng fàng xīn, qiáng guó yǒu wǒ" de zhēng zhēng shì yán, shēn qíng biǎo bái duì zǔ guó de chì zi zhī xīn.
Tại Đại hội Tuyên thệ Phụng sự Tổ quốc bằng Khoa học, hàng ngàn học giả trẻ tuổi đã đồng thanh phát ra lời thề đanh thép 'Xin Đảng hãy yên tâm, làm cho đất nước giàu mạnh có chúng tôi', tha thiết bày tỏ lòng mình thổ lộ tấm lòng son trong sáng đối với Tổ quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : BIỂU BẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #208

表决
biǎo jué

biểu quyết, bỏ phiếu thông qua

在经过全体代表充分讨论与严谨审议后，大会正式以无记名投票方式全票表决通过了这一重大历史决议。
Zài jīng guò quán tǐ dài biǎo chōng fèn tǎo lùn yǔ yán jǐn shěn yì hòu, dà huì zhèng shì yǐ wú jì míng tóu piào fāng shì quán piào biǎo jué tōng guò le zhè yī zhòng dà lì shǐ jué yì.
Sau khi toàn thể đại biểu thảo luận đầy đủ và thẩm tra nghiêm cẩn, đại hội đã chính thức bỏ phiếu kín và biểu quyết thông qua 100% bản nghị quyết lịch sử trọng đại này.

26 nét | HÁN VIỆT : BIỂU QUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #209

表率
biǎoshuài

tấm gương mẫu mực, gương sáng; làm gương dẫn đầu

两院院士以严谨求实、淡泊名利的治学品格为全国广大青年科研工作者树立了崇高光辉的光辉表率。
Liǎng yuàn yuàn shì yǐ yán jǐn qiú shí, dàn bó míng lì de zhì xué pǐn gé wèi quán guó guǎng dà qīng nián kē yán gōng zuò zhě shù lì le chóng gāo guāng huī de guāng huī biǎo shuài.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm bằng phẩm chất làm học vấn đạm bạc danh lợi, nghiêm cẩn cầu thị thực chất đã dựng nên tấm gương mẫu mực tấm gương sáng rực rỡ cao đẹp cho đông đảo những người làm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi trên toàn quốc.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỂU LUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #210

表述
biǎoshù

diễn đạt, trình bày phát biểu, thuật ngữ phát biểu

青年学者在撰写前沿科学论文时，必须做到逻辑严密、论证充分、各项物理定义概念表述准确无误。
Qīng nián xué zhě zài zhuàn xiě qián yán kē xué lùn wén shí, bì xū zuò dào luó jí yán mì, lùn zhèng chōng fèn, gè xiàng wù lǐ dìng yì gài niàn biǎo shù zhǔn què wú wù.
Học giả trẻ tuổi khi viết luận văn khoa học tiên phong bắt buộc phải làm cho logic chặt chẽ, luận chứng đầy đủ, cách trình bày diễn đạt các khái niệm định nghĩa vật lý chuẩn xác không một sai sót.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỂU THUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #211

表态
biǎo tài

bày tỏ thái độ, nêu rõ lập trường

在联合国安理会紧急会议上，我国常驻代表就维护中东地区和平稳定发表了掷地有声的原则性表态。
Zài lián hé guó ān lǐ huì jǐn jí huì yì shàng, wǒ guó cháng zhù dài biǎo jiù wéi hù zhōng dōng dì qū hé píng wěn dìng fā biǎo le zhì dì yǒu shēng de yuán zé xìng biǎo tài.
Tại phiên họp khẩn cấp của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Đại diện Thường trực của nước ta đã có bài phát biểu bày tỏ lập trường nguyên tắc đầy đanh thép về việc bảo vệ hòa bình và ổn định tại khu vực Trung Đông.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỂU THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #212

表彰
biǎo zhāng

biểu dương, khen thưởng, tôn vinh

国家隆重召开表彰大会，向在脱贫攻坚、科技创新与国防建设中作出突出贡献的先进集体和个人颁授荣誉奖章。
Guó jiā lóng zhòng zhào kāi biǎo zhāng dà huì, xiàng zài tuō pín gōng jiān, kē jì chuàng xīn yǔ guó fáng jiàn shè zhōng zuò chū tū chū gòng xiàn de xiān jìn jí tǐ hé gè rén bān shòu róng yù jiǎng zhāng.
Nhà nước đã long trọng tổ chức đại hội biểu dương, trao tặng huân huy chương danh dự cho các tập thể và cá nhân tiên tiến có cống hiến nổi bật trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, đổi mới khoa học công nghệ và xây dựng quốc phòng.

22 nét | HÁN VIỆT : BIỂU CHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #213

憋
biē

nhịn, nín, kìm nén; ngột ngạt

科研攻关团队面对外部封锁制裁从不气馁，全员心里憋着一股迎难而上、誓破技术封锁的拼劲与斗志。
Kē yán gōng guān tuán duì miàn duì wài bù fēng suǒ zhì cái cóng bù qì něi, quán yuán xīn lǐ biē zhe yī gǔ yíng nán ér shàng, shì pò jì shù fēng suǒ de pīn jìn yǔ dòu zhì.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học đứng trước các lệnh phong tỏa trừng phạt từ bên ngoài không bao giờ nản lòng, toàn thể thành viên trong lòng đều nén lại một luồng quyết tâm và ý chí chiến đấu sục sôi thể phá vỡ mọi sự phong tỏa công nghệ.

10 nét | HÁN VIỆT : BIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #214

别具匠心
biéjùjiàngxīn

độc đáo tài tình, sáng tạo khéo léo, đậm tính nghệ thuật

大科学装置综合实验楼巧妙融合了现代前沿科技感与中国古典天圆地方美学元素，建筑设计别具匠心。
Dà kē xué zhuāng zhì zōng hé shí yàn lóu qiǎo miào róng hé le xiàn dài qián yán kē jì gǎn yǔ zhōng guó gǔ diǎn tiān yuán dì fāng měi xué yuán sù, jiàn zhù shè jì bié jù jiàng xīn.
Tòa nhà thực nghiệm tổng hợp của thiết bị khoa học lớn đã kết hợp khéo léo giữa yếu tố mỹ học trời tròn đất vuông cổ điển Trung Hoa cùng cảm quan khoa học công nghệ tiên phong hiện đại, thiết kế kiến trúc độc đáo tài tình sáng tạo khéo léo.

35 nét | HÁN VIỆT : BIỆT CỤ TƯỢNG TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Cụm từ | #215

别看
biékàn

đừng nhìn (mà xem thường), chớ coi thường

别看这枚微纳量子探针体积只有微米大小，它却能精准探测纳米尺度下极端微弱的超导量子磁场信号。
Bié kàn zhè méi wēi nà liàng zǐ tàn zhēn tǐ jī zhǐ yǒu wēi mǐ dà xiǎo, tā què néng jīng zhǔn tàn cè nà mǐ chǐ dù xià jí duān wēi ruò de chāo dǎo liàng zǐ cí chǎng xìn hào.
Đừng nhìn chớ coi thường chiếc đầu dò lượng tử vi nano này thể tích chỉ có kích thước micromet, nó lại có thể dò tìm chuẩn xác tín hiệu từ trường lượng tử siêu dẫn cực kỳ yếu ớt ở thang đo nanomet.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỆT KHÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #216

别扭
biè niu

khó chịu, gượng gạo, ngang ngạnh, không thuận

学术论文的翻译必须符合目的语的学科表达习惯与逻辑规范，生搬硬套直译往往会显得极其生硬别扭。
Xué shù lùn wén de fān yì bì xū fú hé mù dì yǔ de xué kē biǎo dá xí guàn yǔ luó jí guī fàn, shēng bān yìng tào zhí yì wǎng wǎng huì xiǎn de jí qí shēng yìng biè niǔ.
Bản dịch của các luận văn học thuật bắt buộc phải phù hợp với thói quen diễn đạt chuyên ngành và quy chuẩn logic của ngôn ngữ đích, việc dịch thô dập khuôn máy móc thông thường sẽ khiến câu từ trở nên vô cùng gượng gạo và khó chịu.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỆT NỮU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #217

别墅
bié shù

biệt thự, nhà biệt thự

这座掩映在青翠竹林与清澈溪流之间的新中式生态别墅，实现了地源热泵与屋顶光伏瓦一体化零碳运行。

Zhè zuò yǎn yìng zài qīng cuì zhú lín yǔ qīng chè xī liú zhī jiān de xīn zhōng shì shēng tài bié shù, shí xiàn le dì yuán rè bèng yǔ wū dǐng guāng fú wǎ yī tǐ huà líng tàn yùn xíng.

Căn biệt thự sinh thái phong cách tân Trung Hoa ẩn hiện giữa rừng trúc xanh tươi và dòng suối trong vắt này đã thực hiện vận hành không phát thải carbon nhờ tích hợp bơm nhiệt địa nhiệt và ngói quang điện áp mái.

18 nét | HÁN VIỆT : BIỆT THỰ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #218

别说
biéshuō

đừng nói là, khoan hãy nói đến, ngay cả... cũng

在极端高温高压与超强辐射环境下，别说普通工业传感器，就是一般特种合金构件也会迅速发生形变失效。

Zài jí duān gāo wēn gāo yā yǔ chāo qiáng fú shè huán jìng xià, bié shuō pǔ tōng gōng yè chuán gǎn qì, jiù shì yì bān tè zhǒng hé jīn gòu jiàn yě huì xùn sù fā shēng xíng biàn shī xiào.

Dưới môi trường bức xạ cực mạnh cùng áp suất cao và nhiệt độ cực cao, đừng nói là khoan hãy nói đến các cảm biến công nghiệp thông thường, ngay cả cấu kiện hợp kim đặc chủng bình thường cũng sẽ nhanh chóng biến dạng mất tác dụng.

18 nét | HÁN VIỆT : BIỆT THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ | #219

别提了
biétí le

thôi đừng nhắc nữa, đừng nói tới nữa (khẩu ngữ)

“别提了，昨晚那组模拟数据跑了一整夜由于算法收敛震荡失败了，今天我们必须彻底重新调整优化边界参数！”

" bié tí le, zuó wǎn nà zǔ mó nǐ shù jù pǎo le yī zhěng yè yóu yú suàn fǎ shōu liǎn zhèn dàng shī bài le, jīn tiān wǒ men bì xū chè dǐ chóng xīn tiáo zhěng yōu huà biān jiè cān shù!"

'Thôi đừng nhắc nữa đừng nói tới nữa, bộ dữ liệu mô phỏng đêm qua chạy suốt một đêm do thuật toán dao động hội tụ đã thất bại rồi, hôm nay chúng ta bắt buộc phải điều chỉnh tối ưu hóa lại triệt để các tham số biên!'

31 nét | HÁN VIỆT : BIỆT ĐỀ LIỄU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #220

别致
bié zhì

độc đáo, thanh nhã, mới lạ đặc sắc

这套融合了传统非遗竹编工艺与现代人体工学设计的茶室家具，造型极其新颖典雅、别致优美。

Zhè tào róng hé le chuán tǒng fēi yí zhú biān gōng yì yǔ xiàn dài rén tǐ gōng xué shè jì de chá shì jiā jù, zào xíng jí qí xīn yǐng diǎn yǎ, bié zhì yōu měi.

Bộ đồ nội thất phòng trà kết hợp kỹ thuật đan lát tre di sản phi vật thể truyền thống cùng thiết kế công thái học hiện đại này có kiểu dáng vô cùng mới mẻ tao nhã, độc đáo và thanh tú tuyệt mỹ.

20 nét | HÁN VIỆT : BIỆT TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #221

彬彬有礼
bīnbīnyǒulǐ

lịch sự nhã nhặn, lễ phép nho nhã, phong độ lịch thiệp

在国际科学交流盛会上，我国青年科学家代表举止落落大方、态度彬彬有礼，展现了新时代中国学者良好风貌。

Zài guó jì kē xué jiāo liú shèng huì shàng, wǒ guó qīng nián kē xué jiā dài biǎo jǔ zhǐ luò luò dà fāng, tài dù bīn bīn yǒu lǐ, zhǎn xiàn le xīn shí dài zhōng guó xué zhě liáng hǎo fēng mào.

Tại đại hội giao lưu khoa học quốc tế, đại biểu các nhà khoa học trẻ nước ta phong thái đường hoàng chững chạc, thái độ lễ phép nho nhã lịch sự nhã nhặn, phô diễn diện mạo tinh thần tuyệt vời của học giả Trung Quốc thời đại mới.

35 nét | HÁN VIỆT : BÂN BÂN HỮU LỄ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #222

滨海
bīnhǎi

ven biển, duyên hải, giáp biển

国家在滨海新区重点布局了深海高端重型装备制造与海洋绿色能源全产业链科技创新基地。

Guó jiā zài bīn hǎi xīn qū zhòng diǎn bù jú le shēn hǎi gāo duān zhòng xíng zhuāng bèi zhì zào yǔ hǎi yáng lǜ sè néng yuán quán chǎn yè liàn kē jì chuàng xīn jī dì.

Nhà nước đã bố trí trọng điểm căn cứ đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn chuỗi ngành năng lượng xanh trên biển và chế tạo trang thiết bị hạng nặng cao cấp biển sâu tại Khu Mới ven biển duyên hải.

18 nét | HÁN VIỆT : TÂN HẢI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #223

缤纷
bīnfēn

rực rỡ muôn màu, phong phú đa dạng, muôn màu muôn vẻ

全国科普日科技嘉年华活动现场呈现出一派色彩缤纷的科技盛宴，极大地激发了青少年的科学求知热情。

Quán guó kē pǔ rì kē jì jiā nián huá huó dòng xiàn chǎng chéng xiàn chū yī pài sè cǎi bīn fēn de kē jì shèng yàn, jí dà dì jī fā le qīng shào nián de kē xué qiú zhī rè qíng.

Hiện trường chuỗi hoạt động Carnival Khoa học thuộc Ngày Phổ biến Khoa học Toàn quốc hiện ra một bữa tiệc khoa học rực rỡ muôn màu muôn màu muôn vẻ, khơi dậy mạnh mẽ lòng nhiệt huyết ham học hỏi khoa học của thanh thiếu niên.

22 nét | HÁN VIỆT : TÂN PHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #224

冰棍儿
bīnggùnr

cây kem que, que kem que đá (khẩu ngữ)

老一辈科学家常深情回忆：“当年在荒漠戈壁攻关虽然夏天连根冰棍儿都吃不上，但大家干劲冲天、无比自豪！”

Lǎo yī bèi kē xué jiā cháng shēn qíng huí yì : "dāng nián zài huāng mò gē bì gōng guān suī rán xià tiān lián gēn bīng gùn ér dōu chī bù shàng, dàn dà jiā gàn jìn chōng tiān, wú bǐ zì háo!"

Các nhà khoa học tiền bối thường xúc động hồi tưởng: 'Năm xưa khi vượt khó trên sa mạc hoang mạc Gobi dẫu mùa hè ngay cả một que kem cây kem que đá cũng chẳng được ăn, nhưng mọi người khí thế ngút trời, vô cùng tự hào!'

34 nét | HÁN VIỆT : BĂNG CÔN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #225

冰山
bīngshān

tảng băng trôi, núi băng trôi (nghĩa đen/bóng)

我们目前对浩瀚宇宙暗物质与暗能量的科学认知，依然仅仅只是宏伟物理未知世界的冰山一角。

Wǒ men mù qián duì hào hàn yǔ zhòu àn wù zhì yǔ àn néng liàng de kē xué rèn zhī, yī rán jǐn jǐn zhǐ shì hóng wěi wù lǐ wèi zhī shì jiè de bīng shān yī jiǎo.

Những nhận thức khoa học hiện nay của chúng ta về năng lượng tối và vật chất tối trong vũ trụ bao la vẫn chỉ là một góc của tảng băng trôi núi băng trôi trong thế giới chưa biết bao la hùng vĩ của vật lý.

24 nét | HÁN VIỆT : BĂNG SƠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #226

丙
bǐng

Bính (can thứ 3), hạng C (thứ ba)

在本次技能等级评审中，专家组将参赛方案分别评定为甲、乙、丙三个等级。
Zài běn cì jì néng děng jí píng shěn zhōng, zhuān jiā zǔ jiāng cān sài fāng àn fēn bié píng dìng wèi jiǎ, yǐ, bǐng sān gè děng jí.
Trong đợt thẩm định cấp bậc kỹ năng lần này, hội đồng chuyên gia đã đánh giá các phương án dự thi thành ba hạng A, B và C.

9 nét | HÁN VIỆT : BÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #227

秉承
bǐngchéng

kế thừa, tuân theo giữ vững, thấm nhuần phát huy

广大科研人员秉承心怀天下、科技报国的科学家精神，把科研成果转化为造福全人类的现实新质生产力。
Guǎng dà kē yán rén yuán bǐng chéng xīn huái tiān xià, kē jì bào guó de kē xué jiā jīng shén, bǎ kē yán chéng guǒ zhuǎn huà wèi zào fú quán rén lèi de xiàn shí xīn zhì shēng chǎn lì.
Đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học thấm nhuần phát huy kế thừa giữ vững tinh thần nhà khoa học một lòng vì thiên hạ, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, chuyển hóa các thành quả nghiên cứu thành lực lượng sản xuất chất lượng mới hiện thực mang lại hạnh phúc cho toàn nhân loại.

23 nét | HÁN VIỆT : BÌNH THỪA

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #228

并非
bìng fēi

tuyệt nhiên không phải, không hề là

真正的科学创新并非一蹴而就的灵光乍现，而是建立在数十年如一日坐冷板凳、潜心扎根基础研究的基础之上。
Zhēn zhèng de kē xué chuàng xīn bìng fēi yí cù ér jiù de líng guāng zhà xiàn, ér shì jiàn lì zài shù shí nián rú yī rì zuò lěng bǎn dèng, qián xīn zhā gēn jī chǔ yán jiū de jī chǔ zhī shàng.
Đổi mới sáng tạo khoa học chân chính tuyệt nhiên không phải là một tia sáng bất ngờ có được trong chốc lát, mà được xây đắp trên nền tảng của hàng chục năm ròng rã ngồi ghế lạnh âm thầm bám rễ nghiên cứu cơ bản.

25 nét | HÁN VIỆT : TỊNH PHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #229

并购
bìnggòu

mua lại và sáp nhập, M&A (doanh nghiệp)

国家高科技领军企业通过高水平海外战略并购与技术整合，迅速健全了全球高端产业链与研发创新网络。
Guó jiā gāo kē jì lǐng jūn qǐ yè tōng guò gāo shuǐ píng hǎi wài zhàn lüè bìng gòu yǔ jì shù zhěng hé, xùn sù jiàn quán le quán qiú gāo duān chǎn yè lián yǔ yán fā chuàng xīn wǎng luò.
Doanh nghiệp dẫn đầu công nghệ cao quốc gia thông qua tích hợp công nghệ và mua lại và sáp nhập M&A chiến lược ở nước ngoài trình độ cao đã nhanh chóng hoàn thiện chuỗi ngành cao cấp và mạng lưới đổi mới sáng tạo R&D toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : TỊNH CẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #230

并列
bìng liè

song song, ngang hàng, xếp ngang nhau

在世界知识产权组织最新全球创新指数排名中，我国多个国家级综合性高新区在全球科技集群评估中并列名列前茅。
Zài shì jiè zhī shí chǎn quán zǔ zhī zuì xīn quán qiú chuàng xīn zhǐ shù pái míng zhōng, wǒ guó duō gè guó jiā jí zōng hé xìng gāo xīn qū zài quán qiú kē jì jí qún píng gū zhōng bìng liè míng liè qián máo.
Trong bảng xếp hạng Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu mới nhất của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), nhiều khu công nghệ cao tổng hợp cấp quốc gia của nước ta đã xếp ngang hàng trong nhóm dẫn đầu trong đánh giá các cụm khoa học công nghệ toàn cầu.

21 nét | HÁN VIỆT : TỊNH LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #231

并行
bìngxíng

song song, song hành cùng lúc, vận hành song song

国家超级计算机系统支持数百万计算核心超大规模高效并行运算，为深空探测轨道计算提供了极致算力支撑。
Guó jiā chāo jí jì suàn jī xì tǒng zhī chí shù bǎi wàn jì suàn hé xīn chāo dà guī mó gāo xiào bìng xíng yùn suàn, wèi shēn kōng tàn cè guǐ dào jì suàn tí gōng le jí zhì suàn lì zhī chēng.
Hệ thống siêu máy tính quốc gia hỗ trợ tính toán song song song hành hiệu quả cao quy mô siêu lớn của hàng triệu lõi tính toán, mang lại sự nâng đỡ sức mạnh tính toán cực hạn cho việc tính toán quỹ đạo thám trắc không gian sâu.

24 nét | HÁN VIỆT : TỊNH HÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #232

病床
bìngchuáng

giường bệnh, giường bệnh viện

即便在病床上接受治疗期间，老院士依然念念不忘国家大科学工程的建设进展，坚持审阅关键技术方案。
Jí biàn zài bìng chuáng shàng jiē shòu zhì liáo qī jiān, lǎo yuàn shì yī rán niàn niàn bù wàng guó jiā dà kē xué gōng chéng de jiàn shè jìn zhǎn, jiān chí shěn yuè guān jiàn jì shù fāng àn.
Ngay cả trong thời gian nằm điều trị trên giường bệnh giường bệnh viện, vị Viện sĩ lão thành vẫn đau đáu không nguôi về tiến triển xây dựng công trình khoa học lớn của quốc gia, kiên trì thẩm duyệt các phương án công nghệ then chốt.

19 nét | HÁN VIỆT : BỆNH SÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #233

病症
bìngzhèng

bệnh trạng, chứng bệnh, triệu chứng bệnh lý

我国完全自主研发的重离子医疗加速器成功应用于临床，为深部恶性肿瘤复杂病症提供了最先进的精准放疗方案。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de zhòng lí zi yī liáo jiā sù qì chéng gōng yìng yòng yú lín chuáng, wèi shēn bù è xìng zhǒng liú fù zá bìng zhèng tí gōng le zuì xiān jìn de jīng zhǔn fàng liáo fāng àn.
Máy gia tốc y tế ion nặng do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã ứng dụng thành công vào lâm sàng, mang lại phương án xạ trị chuẩn xác tiên tiến nhất cho các chứng bệnh bệnh trạng phức tạp của khối u ác tính ở sâu.

18 nét | HÁN VIỆT : BỆNH CHỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Lượng từ | #234

拨
bō

gạt, quay số bấm nút; phân bổ cấp vốn; tốp đoàn (lượng từ)

国家财政专项资金分批拨付重点实验室，全力保障战略性前沿颠覆性基础科学探索的长期稳定推进。
Guó jiā cái zhèng zhuān xiàng zī jīn fēn pī bō fù zhòng diǎn shí yàn shì, quán lì bǎo zhàng zhàn lüè xìng qián yán diān fù xìng jī chǔ kē xué tàn suǒ de cháng qī wěn dìng tuī jìn.
Nguồn vốn chuyên án ngân sách nhà nước đã phân bổ cấp phát theo đợt cho các phòng thí nghiệm trọng điểm, dốc toàn lực bảo đảm việc thúc đẩy ổn định lâu dài các cuộc tìm tòi khoa học cơ bản mang tính cách mạng tiên phong chiến lược.

9 nét | HÁN VIỆT : BÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #235

拨款
bōkuǎn

cấp kinh phí, phân bổ vốn ngân sách; tiền cấp vốn

国家自然科学基金大幅增加对青年科学家探索基金的财政专项直接拨款力度，全面破除唯论文考核弊端。
Guó jiā zì rán kē xué jī jīn dà fú zēng jiā duì qīng nián kē xué jiā tàn suǒ jī jīn de cái zhèng zhuān xiàng zhí jiē bō kuǎn lì dù, quán miàn pò chú wéi lùn wén kǎo hé bì duān.
Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia đã tăng cường mạnh mẽ mức độ cấp kinh phí phân bổ vốn ngân sách trực tiếp chuyên án cho Quỹ Khám phá Nhà khoa học Trẻ, xóa bỏ toàn diện những tệ nạn của việc chỉ chăm chăm xét duyệt bài báo.

17 nét | HÁN VIỆT : BÁT KHOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #236

拨通
bōtōng

gọi thông máy, kết nối điện thoại liên lạc

当大科学装置首束粒子流成功引出的喜讯传来，总指挥立刻拨通电话向国家科技领导小组报告工程捷报。
Dāng dà kē xué zhuāng zhì shǒu shù lì zi liú chéng gōng yǐn chū de xǐ xùn chuán lái, zǒng zhǐ huī lì kè bō tōng diàn huà xiàng guó jiā kē jì lǐng dǎo xiǎo zǔ bào gào gōng chéng jié bào.
Khi tin mừng chùm hạt đầu tiên của thiết bị khoa học lớn được dẫn ra thành công truyền tới, vị Tổng Chỉ huy lập tức gọi thông máy kết nối điện thoại báo cáo tin thắng trận của công trình lên Tổ Lãnh đạo Khoa học Công nghệ Quốc gia.

17 nét | HÁN VIỆT : BÁT THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #237

波及
bōjí

lan tới, ảnh hưởng lan rộng đến, tác động lan truyền

超导材料核心制造工艺的颠覆性自主突破，其积极连锁技术效应迅速波及到了高端医疗、轨道交通与聚变能源等战略领域。
Chāo dǎo cái liào hé xīn zhì zào gōng yì de diān fù xìng zì zhǔ tū pò, qí jī jí lián suǒ jì shù xiào yìng xùn sù bō jí dào le gāo duān yī liáo, guǐ dào jiāo tōng yù jù biàn néng yuán děng zhàn lüè lǐng yù.
Bước đột phá tự chủ mang tính cách mạng về quy trình chế tạo cốt lõi vật liệu siêu dẫn, hiệu ứng công nghệ dây chuyền tích cực của nó đã nhanh chóng lan tới ảnh hưởng lan rộng đến các lĩnh vực chiến lược như năng lượng nhiệt hạch, giao thông đường sắt và y tế cao cấp.

18 nét | HÁN VIỆT : BA CẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #238

波澜
bōlán

sóng cồn cuộn trào, làn sóng thăng trầm (nghĩa bóng)

在攀登世界科技最高峰的壮阔征程中，广大科学家历经无数波澜挫折，始终坚如磐石、勇往直前。
Zài pān dēng shì jiè kē jì zuì gāo fēng de zhuàng kuò zhēng chéng zhōng, guǎng dà kē xué jiā lì jīng wú shù bō lán cuò zhé, shǐ zhōng jiān rú pán shí, yǒng wǎng zhí qián.
Trong hành trình tráng lệ trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới, đông đảo các nhà khoa học dẫu trải qua muôn vàn làn sóng thăng trầm sóng cồn trắc trở nhưng vẫn luôn vững như bàn thạch, dũng cảm tiến lên phía trước.

21 nét | HÁN VIỆT : BA LAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #239

波涛
bōtāo

sóng biển cuồn cuộn, sóng to gió lớn, ba đào

万米载人深潜科考母船顶着大洋上的狂风巨浪与汹涌波涛，圆满完成了多项国家重大深海深渊科考任务。
Wàn mǐ zài rén shēn qián kē kǎo mǔ chuán dǐng zhe dà yáng shàng de kuáng fēng jù làng yǔ xiōng yǒng bō tāo, yuán mǎn wán chéng le duō xiàng guó jiā zhòng dà shēn hǎi shēn yuān kē kǎo rèn wù.
Con tàu mẹ khảo sát khoa học lặn sâu có người lái vạn mét đội gió to sóng lớn và sóng biển cuồn cuộn ba đào cuộn trào trên đại dương, hoàn thành mỹ mãn nhiều nhiệm vụ khảo sát khoa học vực sâu biển sâu trọng đại của quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : BA ĐÀO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #240

波折
bōzhé

trắc trở, gập ghềnh gian nan, thăng trầm sóng gió

任何颠覆性科学探索之路都难免经历重重波折与失败考验，唯有百折不挠者才能最终攀上科学巅峰。
Rèn hé diān fù xìng kē xué tàn suǒ zhī lù dōu nán miǎn jīng lì chóng chóng bō zhé yǔ shī bài kǎo yàn, wéi yǒu bǎi zhé bù náo zhě cái néng zuì zhōng pān shàng kē xué diān fēng.
Bất kỳ con đường thám hiểm khoa học mang tính cách mạng nào cũng khó tránh khỏi việc trải qua muôn trùng gập ghềnh gian nan trắc trở và thử thách thất bại, chỉ có những người trăm trận không nản lòng mới có thể trèo lên đỉnh cao khoa học cuối cùng.

21 nét | HÁN VIỆT : BA CHIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #241

剥
bāo

bóc, lột vỏ tách vỏ; bóc lột tước đoạt (bō)

在纳米石墨烯超精密微机械剥离实验中，科学家通过高精度胶带法成功剥离制备出了单原子层完美石墨烯二维材料。
Zài nà mǐ shí mò xī chāo jīng mì wēi jī xiè bō lí shí yàn zhōng, kē xué jiā tōng guò gāo jīng dù jiāo dài fǎ chéng gōng bō lí zhì bèi chū le dān yuán zi céng wán měi shí mò xī èr wéi cái liào.
Trong thực nghiệm bóc tách vi cơ khí siêu chính xác graphene nano, các nhà khoa học thông qua phương pháp băng keo độ chính xác cao đã bóc tách bóc tách thành công điều chế vật liệu 2D graphene hoàn hảo đơn lớp nguyên tử.

10 nét | HÁN VIỆT : BÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #242

剥夺
bōduó

tước đoạt, bãi bỏ tước quyền

国家司法机关依法对严重窃取国家国防科技机密的涉案犯罪分子严厉判刑，并终身剥夺其政治权利。
Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ duì yán zhòng qiè qǔ guó jiā guó fáng kē jì jī mì de shè àn fàn zuì fèn zǐ yán lì pàn xíng, bìng zhōng shēn bō duó qí zhèng zhì quán lì.
Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật đã tuyên án nghiêm khắc đối với tội phạm liên quan có hành vi đánh cắp nghiêm trọng bí mật khoa học công nghệ quốc phòng của đất nước, và tước đoạt tước quyền quyền lợi chính trị của kẻ đó suốt đời.

19 nét | HÁN VIỆT : BÁC ĐOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #243

剥削
bō xuē

bóc lột

消除贫困、消除阶级剥削并实现全体人民共同富裕，是社会主义制度最具本质特征与崇高追求的核心体现。
Xiāo chú pín kùn, xiāo chú jiē jí bō xuē bìng shí xiàn quán tǐ rén mín gòng tóng fù yù, shì shè huì zhǔ yì zhì dù zuì jù běn zhì tè zhēng yǔ chóng gāo zhuī qiú de hé xīn tǐ xiàn.
Xóa bỏ nghèo đói, xóa bỏ bóc lột giai cấp và hiện thực hóa việc toàn thể nhân dân cùng nhau làm giàu là biểu hiện cốt lõi mang đặc trưng bản chất nhất và khát vọng cao cả nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

21 nét | HÁN VIỆT : BÁC TƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #244

伯伯
bóbo

bác, người bác (anh của bố; cách gọi kính trọng)

在全国科技活动周上，两院院士伯伯用通俗易懂生动风趣的语言，为在场数百名中小学生解答深空奥秘。
Zài quán guó kē jì huó dòng zhōu shàng, liǎng yuàn yuàn shì bó bo yòng tōng sú yì dǒng shēng dòng fēng qù de yǔ yán, wèi zài chǎng shù bǎi míng zhōng xiǎo xué shēng jiě dá shēn kōng ào mì.
Tại Tuần lễ Hoạt động Khoa học Công nghệ Toàn quốc, người bác bác Viện sĩ hai Viện Hàn lâm bằng ngôn ngữ sinh động dí dỏm dễ hiểu bình dị đã giải đáp những điều huyền bí của không gian sâu cho hàng trăm em học sinh có mặt.

28 nét | HÁN VIỆT : BÁ BÁ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #245

伯父
bófù

bác, bá phụ (trang trọng)

青年学者深情回顾当年受到伯父科技报国崇高情怀的熏陶与启迪，毅然放弃海外优渥条件回国投身科研。
Qīng nián xué zhě shēn qíng huí gù dāng nián shòu dào bó fù kē jì bào guó chóng gāo qíng huái de xūn táo yǔ qǐ dí, yì rán fàng qì hǎi wài yōu wò tiáo jiàn huí guó tóu shēn kē yán.
Học giả trẻ tuổi xúc động hồi tưởng năm xưa nhờ nhận được sự hun đúc và truyền cảm hứng từ tấm lòng cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của người bác bác bá phụ, đã kiên quyết từ bỏ điều kiện đãi ngộ hậu hĩnh ở nước ngoài để về nước dấn thân vào nghiên cứu khoa học.

28 nét | HÁN VIỆT : BÁ PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #246

伯母
bó mǔ

bác gái (vợ của bác trai)

逢年过节回到老家，慈祥和蔼的伯母总会亲手准备一大桌丰盛可口的传统特色家乡年夜菜。
Féng nián guò jié huí dào lǎo jiā, cí xiáng hé ǎi de bó mǔ zǒng huì qīn shǒu zhǔn bèi yī dà zhuō fēng shèng kě kǒu de chuán tǒng tè sè jiā xiāng nián yè cài.
Mỗi dịp lễ Tết về lại quê nhà, người bác gái hiền hậu nhân từ luôn tự tay chuẩn bị cả một mâm cơm tất niên truyền thống quê nhà thơm ngon thịnh soạn.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁ MẪU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #247

驳回
bóhuí

bác bỏ, bác đơn từ chối, bác bỏ yêu cầu

国家科技评审委员会对未经过严密实验论证且存在数据造假嫌疑的项目资助申请，坚决予以依法依规全额驳回。
Guó jiā kē jì píng shěn wěi yuán huì duì wèi jīng guò yán mì shí yàn lùn zhèng qiě cún zài shù jù zào jiǎ xián yí de xiàng mù zī zhù shēn qǐng, jiān jué yǔ yǐ yī fǎ yī guī quán é bó huí.
Hội đồng Thẩm định Khoa học Công nghệ Quốc gia đối với các hồ sơ xin tài trợ dự án chưa trải qua luận chứng thực nghiệm nghiêm cẩn và có dấu hiệu nghi ngờ làm giả số liệu đã kiên quyết bác bỏ bác đơn toàn bộ theo đúng quy định và pháp luật.

25 nét | HÁN VIỆT : BÁC HỒI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #248

脖子
bó zi

cổ, gáy

长时间低头伏案对着电脑屏幕工作极易导致颈椎疲劳，建议每隔一小时就活动一下脖子与肩膀。
Zhǎng shí jiān dī tóu fú àn duì zhe diàn nǎo píng mù gōng zuò jí yì dǎo zhì jǐng chuí pí láo, jiàn yì měi gé yī xiǎo shí jiù huó dòng yī xià bó zi yǔ jiān bǎng.
Cúi đầu làm việc trước màn hình máy tính trong thời gian dài rất dễ gây mỏi đốt sống cổ, bạn nên cứ sau mỗi tiếng đồng hồ lại vận động nhẹ nhàng vùng cổ và vai gáy.

25 nét | HÁN VIỆT : BỘT TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #249

搏斗
bó dòu

chiến đấu, vật lộn, đọ sức sinh tử

在与极端特大山洪与泥石流地质灾害的生死搏斗中，基层党员干部冲锋在前、全力护佑群众生命财产安全。
Zài yǔ jí duān tè dà shān hóng yǔ ní shí liú dì zhì zāi hài de shēng sǐ bó dòu zhōng, jī céng dǎng yuán gàn bù chōng fēng zài qián, quán lì hù yòu qún zhòng shēng mìng cái chǎn ān quán.
Trong cuộc chiến đấu vật lộn sinh tử với thảm họa địa chất lũ quét và sạt lở bùn đất đặc biệt lớn, các cán bộ đảng viên cơ sở đã xông pha đi đầu, dốc toàn lực bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân.

20 nét | HÁN VIỆT : BÁC ĐẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #250

补给
bǔjǐ

tiếp tế, bổ sung tiếp liệu hậu cần

国家天舟货运飞船以全自动超高精度快速交会对接方式，为中国空间站送去了数吨推进剂与科学实验物资补给。
Guó jiā tiān zhōu huò yùn fēi chuán yǐ quán zì dòng chāo gāo jīng dù kuài sù jiāo huì duì jiē fāng shì, wèi zhōng guó kōng jiān zhàn sòng qù le shù dūn tuī jìn jì yǔ kē xué shí yàn wù zī bǔ jǐ.
Tàu vũ trụ chở hàng Thiên Châu của quốc gia bằng phương thức kết nối ghép nối nhanh độ chính xác siêu cao hoàn toàn tự động đã vận chuyển hàng tấn chất đẩy cùng hàng tiếp tế tiếp liệu vật tư thực nghiệm khoa học lên trạm vũ trụ Trung Quốc.

17 nét | HÁN VIỆT : BỔ CẤP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #251

补救
bǔ jiù

cứu vãn, khắc phục sửa chữa (sai sót)

在重大软件系统升级出现未知异常时，必须立刻启用冷热切换容灾机制进行快速应急补救与业务恢复。
Zài zhòng dà ruǎn jiàn xì tǒng shēng jí chū xiàn wèi zhī yì cháng shí, bì xū lì kè qǐ yòng lěng rè qiè huàn róng zāi jī zhì jìn xíng kuài sù yìng jí bǔ jiù yǔ yè wù huī fù.
Khi việc nâng cấp hệ thống phần mềm trọng đại xuất hiện sự cố bất thường chưa biết trước, bắt buộc phải kích hoạt ngay cơ chế chuyển đổi dự phòng nóng lạnh để khắc phục sự cố khẩn cấp nhanh chóng và khôi phục hoạt động nghiệp vụ.

19 nét | HÁN VIỆT : BỔ CỨU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #252

哺育
bǔyù

nuôi dưỡng, nuôi nấng bồi đắp, ươm mầm

奔腾不息的长江黄河母亲河孕育哺育了灿烂辉煌的中华五千年文明，也是滋养当代科学创新精神的不竭源泉。
Bēn téng bù xī de cháng jiāng huáng hé mǔ qīn hé yùn yù bǔ yù le càn làn huī huáng de zhōng huá wǔ qiān nián wén míng, yě shì zī yǎng dāng dài kē xué chuàng xīn jīng shén de bù jié yuán quán.
Những con sông mẹ Hoàng Hà và Trường Giang cuồn cuộn không ngừng nghỉ đã sinh sôi nuôi dưỡng bồi đắp nền văn minh 5000 năm Trung Hoa xán lạn huy hoàng, đồng thời cũng là nguồn cội không bao giờ cạn nuôi dưỡng tinh thần đổi mới sáng tạo khoa học đương đại.

25 nét | HÁN VIỆT : BÚ DỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #253

捕捉
bǔ zhuō

bắt giữ, săn bắt; bắt trọn (khoảnh khắc, tín hiệu)

国家重大深空天文望远镜在百亿光年之外的深邃宇宙边缘，成功捕捉到了极早期原初星系爆发出的微弱电磁信号。
Guó jiā zhòng dà shēn kōng tiān wén wàng yuǎn jìng zài bǎi yì guāng nián zhī wài de shēn suì yǔ zhòu biān yuán, chéng gōng bǔ zhuō dào le jí zǎo qī yuán chū xīng xì bào fā chū de wēi ruò diàn cí xìn hào.
Kính viễn vọng thiên văn không gian sâu trọng đại quốc gia nơi rìa vũ trụ sâu thẳm cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng đã bắt trọn thành công tín hiệu điện từ mờ nhạt bùng phát từ các thiên hà nguyên thủy thời kỳ sơ khai.

21 nét | HÁN VIỆT : BẮT TRÓC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #254

不耻下问
bùchǐxiàwèn

không thẹn học hỏi kẻ dưới, khiêm tốn cầu giáo người khác

大科学工程总设计师经常深入车间一线不耻下问，虚心向经验丰富的装配老师傅请教超精密机械加工实践细节。
Dà kē xué gōng chéng zǒng shè jì shī jīng cháng shēn rù chē jiān yī xiàn bù chǐ xià wèn, xū xīn xiàng jīng yàn fēng fù de zhuāng pèi lǎo shī fù qǐng jiào chāo jīng mì jī xiè jiā gōng shí jiàn xì jié.
Vị Tổng Công trình sư công trình khoa học lớn thường xuyên đi sâu vào tuyến đầu phân xưởng khiêm tốn cầu giáo không thẹn học hỏi kẻ dưới, thành tâm thỉnh giáo các bậc thợ cả lắp ráp giàu kinh nghiệm về từng chi tiết thực tiễn gia công cơ khí siêu chính xác.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT SỈ HẠ VẤN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #255

不辞而别
bùcí'érbié

ra đi không từ biệt, bỏ đi không nói một lời

在重大国防科技攻坚保密岁月里，许多老一辈科学家接到国家紧急调令后不辞而别、隐姓埋名奔赴大西北荒漠。
Zài zhòng dà guó fáng kē jì gōng jiān bǎo mì suì yuè lǐ, xǔ duō lǎo yī bèi kē xué jiā jiē dào guó jiā jǐn jí diào lìng hòu bù cí ér bié, yǐn xìng mái míng bēn fù dà xī běi huāng mò.
Trong những năm tháng bảo mật vượt khó khoa học công nghệ quốc phòng trọng đại, nhiều nhà khoa học lão thành sau khi nhận lệnh điều động khẩn cấp của quốc gia đã ra đi không từ biệt bỏ đi không nói một lời, ẩn danh giấu tên lạo về sa mạc hoang hoang vu miền Đại Tây Bắc.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT TỪ NHI BIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Cụm từ | #256

不得而知
bùdé'érzhī

không thể biết được, chưa thể rõ được

百亿光年外宇宙深处的暗物质究竟以何种粒子形态存在，目前在现代物理学界依然是一个不得而知的终极谜题。
Bǎi yì guāng nián wài yǔ zhòu shēn chù de àn wù zhì jiū jìng yǐ hé zhǒng lì zi xíng tài cún zài, mù qián zài xiàn dài wù lǐ xué jiè yī rán shì yí gè bù dé ér zhī de zhōng jí mí tí.
Vật chất tối nơi sâu thẳm vũ trụ cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng rốt cuộc tồn tại dưới dạng hạt nào thì hiện nay trong giới vật lý học hiện đại vẫn là một câu đố bí ẩn chung cuộc không thể biết được chưa thể rõ được.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT ĐẮC NHI TRI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #257

不得已
bù dé yǐ

bất đắc dĩ, vạn bất đắc dĩ, không còn cách nào khác

面对超强台风正面登陆带来的特大暴雨洪水极端威胁，防汛指挥部万不得已依法启用了蓄滞洪区进行分洪。
Miàn duì chāo qiáng tái fēng zhèng miàn dēng lù dài lái de tè dà bào yǔ hóng shuǐ jí duān wēi xié, fáng xùn zhǐ huī bù wàn bù dé yǐ yī fǎ qǐ yòng le xù zhì hóng qū jìn xíng fēn hóng.
Đứng trước mối đe dọa cực đoan của mưa to lũ lớn do siêu bão đổ bộ trực diện gây ra, ban chỉ huy phòng chống thiên tai vạn bất đắc dĩ đã kích hoạt khu vực chứa phân lũ theo quy định pháp luật để xả lũ chia cắt dòng nước.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT ĐẮC DĨ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #258

不定
búdìng

bất định, không cố định, chập chờn thất thường; chưa biết chừng

高空微气象风切变瞬息万变、阴晴不定，对火箭发射窗口的精准选择提出了极其严峻的技术挑战。
Gāo kōng wēi qì xiàng fēng qiē biàn shùn xī wàn biàn, yīn qíng bù dìng, duì huǒ jiàn fā shè chuāng kǒu de jīng zhǔn xuǎn zé tí chū le jí qí yán jùn de jì shù tiǎo zhàn.
Gió đứt vi khí tượng trên tầng không biến đổi trong chớp mắt, thất thường chập chờn bất định lúc nắng lúc mưa, đặt ra thách thức công nghệ vô cùng gay gắt đối với việc lựa chọn chuẩn xác cửa sổ phóng tên lửa.

19 nét | HÁN VIỆT : BẤT ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #259

不妨
bù fáng

sao không thử, có thể, đừng ngại, thiết tưởng nên

在面临复杂技术瓶颈陷入思维僵局时，不妨跳出传统学科框架、尝试从跨学科交叉融合中寻找全新突破口。
Zài miàn lín fù zá jì shù píng jǐng xiàn rù sī wéi jiāng jú shí, bù fáng tiào chū chuán tǒng xué kē kuāng jià, cháng shì cóng kuà xué kē jiāo chā róng hé zhōng xún zhǎo quán xīn tū pò kǒu.
Khi đối mặt với nút thắt cổ chai kỹ thuật phức tạp rơi vào ngõ cụt tư duy, sao ta không thử bước ra ngoài khuôn khổ môn học truyền thống, thử tìm kiếm điểm đột phá hoàn toàn mới từ sự giao thoa kết hợp liên ngành.

25 nét | HÁN VIỆT : BẤT PHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #260

不服
bùfú

không phục, không chịu thua, không chấp nhận

中国科研团队面对国外专家的技术垄断断言憋着一股不服输的劲头，硬是用三年时间成功实现了完全自主攻关突破。
Zhōng guó kē yán tuán duì miàn duì guó wài zhuān jiā de jì shù lǒng duàn duàn yán biē zhe yī gǔ bù fú shū de jìn tóu, yìng shì yòng sān nián shí jiān chéng gōng shí xiàn le wán quán zì zhǔ gōng guān tū pò.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc đứng trước những lời khẳng định độc quyền công nghệ của chuyên gia nước ngoài đã nén chặt một bầu nhiệt huyết không chịu thua không phục, xuất sắc dùng 3 năm trời thực hiện thành công bước đột phá vượt khó hoàn toàn tự chủ.

24 nét | HÁN VIỆT : BẤT PHỤC

HSK 7-9 (3.0) | Cụm tính từ / Động từ | #261

不服气
bù fúqì

không phục, không chịu tâm phục khẩu phục, ấm ức

青年科研骨干凭着一股敢于向世界学术权威叫板的不服气精神，终于在前沿拓扑物态理论上开辟出了全新学派。
Qīng nián kē yán gǔ gàn píng zhe yī gǔ gǎn yú xiàng shì jiè xué shù quán wēi jiào bǎn de bù fú qì jīng shén, zhōng yú zài qián yán tuò pū wù tài lǐ lùn shàng kāi pì chū le quán xīn xué pài.
Cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi nhờ vào tinh thần không phục không chịu thua dám thách thức các uy quyền học thuật thế giới cuối cùng đã mở ra một trường phái hoàn toàn mới trên lý luận trạng thái vật chất tô-pô tiên phong.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT PHỤC KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #262

不假思索
bùjiǎsīsuǒ

không cần nghĩ ngợi, buột miệng ngay, phản xạ tức thì

当被问及为什么选择放弃海外高薪回国投身大科学工程时，青年科学家不假思索地回答：“科学无国界，但科学家有祖国！”
Dāng bèi wèn jí wèi shén me xuǎn zé fàng qì hǎi wài gāo xīn huí guó tóu shēn dà kē xué gōng chéng shí, qīng nián kē xué jiā bù jiǎ sī suǒ dì huí dá : "kē xué wú guó jiè, dàn kē xué jiā yǒu zǔ guó!"
Khi được hỏi vì sao lại lựa chọn từ bỏ mức lương cao ở nước ngoài để về nước dấn thân vào công trình khoa học lớn, nhà khoa học trẻ không cần nghĩ ngợi trả lời ngay không ngập ngừng: 'Khoa học không có biên giới, nhưng nhà khoa học có Tổ quốc!'

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT GIẢ TƯ SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #263

不见得
bù jiàn de

chưa chắc, không hẳn

价格昂贵的产品不见得在性能和耐用度上就一定超越同类普通产品。
Jià gé áng guì de chǎn pǐn bú jiàn de zài xìng néng hé nài yòng dù shàng jiù yí dìng chāo yuè tóng lèi pǔ tōng chǎn pǐn.
Những sản phẩm giá thành đắt đỏ chưa hẳn đã vượt trội về mặt hiệu năng và độ bền so với các sản phẩm phổ thông cùng loại.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT KIẾN ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #264

不解
bùjiě

không hiểu, khó hiểu khúc mắc; không dứt (bất giải)

面对微观量子反常效应初期的种种令人百思不解的实验偏差，攻关团队通过反复严密测算终于揭开了物理真相。
Miàn duì wēi guān liàng zǐ fǎn cháng xiào yìng chū qī de zhǒng zhǒng lìng rén bǎi sī bù jiě de shí yàn piān chā, gōng guān tuán duì tōng guò fǎn fù yán mì cè suàn zhōng yú jiē kāi le wù lǐ zhēn xiàng.
Đứng trước muôn vàn sai số thực nghiệm khiến người ta trăm mối tơ vò không hiểu khó hiểu trong thời kỳ đầu của hiệu ứng dị thường lượng tử vi mô, đội ngũ vượt khó thông qua tính toán đo đạc chặt chẽ lặp đi lặp lại cuối cùng đã mở ra chân tướng vật lý.

24 nét | HÁN VIỆT : BẤT GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #265

不经意
bùjīngyì

vô tình, không để ý, vô ý tình cờ

在一次不经意的超低温实验参数微调中，科研人员敏锐捕捉到了这一颠覆性超导量子相变的物理奇异信号。
Zài yī cì bù jīng yì de chāo dī wēn shí yàn cān shù wēi diào zhōng, kē yán rén yuán mǐn ruì bǔ zhuō dào le zhè yī diān fù xìng chāo dǎo liàng zǐ xiāng biàn de wù lǐ qí yì xìn hào.
Trong một lần vô tình tình cờ không để ý vi chỉnh tham số thực nghiệm siêu nhiệt độ thấp, cán bộ nghiên cứu đã nhạy bén bắt trọn được tín hiệu dị kỳ vật lý của sự chuyển pha lượng tử siêu dẫn mang tính cách mạng này.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT KINH Ý

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #266

不景气
bùjǐngqì

suy thoái, ế ẩm đìu hiu, ảm đạm (kinh tế)

尽管受全球宏观经济短期不景气影响，国家依然保持战略定力，持续稳定加大对基础研究的财政科研投入。
Jǐn guǎn shòu quán qiú hóng guān jīng jì duǎn qī bù jǐng qì yǐng xiǎng, guó jiā yī rán bǎo chí zhàn lüè dìng lì, chí xù wěn dìng jiā dà duì jī chǔ yán jiū de cái zhèng kē yán tóu rù.
Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi tình trạng ảm đạm suy thoái ngắn hạn của kinh tế vĩ mô toàn cầu, Nhà nước vẫn giữ vững định lực chiến lược, tiếp tục tăng cường ổn định mức đầu tư nghiên cứu khoa học ngân sách đối với nghiên cứu cơ bản.

32 nét | HÁN VIỆT : BẤT CẢNH KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #267

不堪
bù kān

không chịu nổi, quá đỗi; không ra gì

老旧城区排水管网年久失修，破损不堪，经过全方位海绵城市雨污分流改造后彻底告别了雨季内涝顽疾。
Lǎo jiù chéng qū pái shuǐ guǎn wǎng nián jiǔ shī xiū, pò sǔn bù kān, jīng guò quán fāng wèi hǎi mián chéng shì yǔ wū fēn liú gǎi zào hòu chè dǐ gào bié le yǔ jì nèi lào wán jí.
Mạng lưới đường ống thoát nước khu đô thị cũ qua nhiều năm không được duy tu sửa chữa hư hỏng rách nát không chịu nổi, sau khi được cải tạo toàn diện theo mô hình thành phố bọt biển tách biệt nước mưa nước thải đã chấm dứt triệt để căn bệnh ngập úng mùa mưa.

21 nét | HÁN VIỆT : BẤT KHAM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #268

不可避免
bùkěbìmiǎn

không thể tránh khỏi, tất yếu sẽ xảy ra

在新旧工业技术范式转型交替的历史进程中，传统落后产能的淘汰与新兴高科技产业的崛起是不可避免的历史必然。
Zài xīn jiù gōng yè jì shù fàn shì zhuǎn xíng jiāo tì de lì shǐ jìn chéng zhōng, chuán tǒng luò hòu chǎn néng de táo tài yǔ xīn xīng gāo kē jì chǎn yè de jué qǐ shì bù kě bì miǎn de lì shǐ bì rán.
Trong tiến trình lịch sử chuyển tiếp luân phiên của các mô thức công nghệ công nghiệp mới và cũ, việc loại bỏ năng lực sản xuất lạc hậu truyền thống và sự trỗi dậy của các ngành công nghệ cao mới nổi là điều tất yếu lịch sử không thể tránh khỏi.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT KHẢ TỊ MIỄN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #269

不可思议
bù kě sī yì

không thể tưởng tượng nổi, kỳ diệu lạ thường

中国在短短数十年间建成了全球里程最长、技术最先进的高速铁路网络，创造了举世瞩目、不可思议的发展奇迹。
Zhōng guó zài duǎn duǎn shù shí nián jiān jiàn chéng le quán qiú lǐ chéng zuì zhǎng, jì shù zuì xiān jìn de gāo sù tiě lù wǎng luò, chuàng zào le jù shì zhǔ mù, bù kě sī yì de fā zhǎn qí jì.
Trung Quốc trong vòng vỏn vẹn vài thập kỷ ngắn ngủi đã xây dựng hoàn thành mạng lưới đường sắt cao tốc có chiều dài lớn nhất và công nghệ tiên tiến nhất thế giới, kiến tạo nên kỳ tích phát triển kỳ diệu lạ thường khiến cả thế giới phải ngả mũ.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT KHẢ TƯ NGHỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #270

不肯
bùkěn

không chịu, không bằng lòng, từ chối

攻关团队在关键核心技术突破前夕夜以继日奋战，没有一个人肯提前离开实验室回宿舍休息。
Gōng guān tuán duì zài guān jiàn hé xīn jì shù tū pò qián xī yè yǐ jì rì fèn zhàn, méi yǒu yí gè rén kěn tí qián lí kāi shí yàn shì huí sù shè xiū xī.
Đội ngũ vượt khó trước thềm đột phá công nghệ lõi then chốt đã ngày đêm chiến đấu, không một ai chịu không bằng lòng rời phòng thí nghiệm về ký túc xá nghỉ ngơi trước.

20 nét | HÁN VIỆT : BẤT KHẲNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #271

不了了之
bùliǎoliǎozhī

kết thúc dở dang, để mặc trôi vào quên lãng, bỏ lửng

对待重大工程实验中的任何细微异常隐患都必须彻查到底、闭环归零，绝不允许草草收场或不了了之。
Duì dài zhòng dà gōng chéng shí yàn zhōng de rèn hé xì wēi yì cháng yín huàn dōu bì xū chè chá dào dǐ, bì huán guī líng, jué bù yǔn xǔ cǎo cǎo shōu chǎng huò bù liǎo liǎo zhī.
Đối với bất kỳ nguy cơ dị thường nhỏ bé nào trong thực nghiệm công trình trọng đại đều bắt buộc phải điều tra triệt để tới cùng, khép kín về số không, tuyệt đối không cho phép kết thúc qua loa hay bỏ lửng kết thúc dở dang để mặc quên lãng.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT LIỄU LIỄU CHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #272

不理
bùlǐ

ngó lơ, không đếm xỉa, phớt lờ không bận tâm

做前沿科学研究必须保持战略定力与学术操守，不理一切浮躁炒作，沉下心来攻克基础核心难题。
Zuò qián yán kē xué yán jiū bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì yǔ xué shù cāo shǒu, bù lǐ yī qiè fú zào chǎo zuò, chén xià xīn lái gōng kè jī chǔ hé xīn nán tí.
Làm nghiên cứu khoa học tiên phong bắt buộc phải duy trì khí tiết học thuật và định lực chiến lược, không đếm xỉa ngó lơ phớt lờ mọi sự thổi phồng xốc nổi, lắng lòng dốc sức chinh phục những bài toán cốt lõi cơ bản.

20 nét | HÁN VIỆT : BẤT LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #273

不利于
bùlìyú

không có lợi cho, bất lợi đối với

唯论文、唯学历、唯职称的传统功利评价机制极不利于青年拔尖科技人才脱颖而出与开展颠覆性创新。
Wéi lùn wén, wéi xué lì, wéi zhí chēng de chuán tǒng gōng lì píng jià jī zhì jí bù lì yú qīng nián bá jiān kē jì rén cái tuō yǐng ér chū yǔ kāi zhǎn diān fù xìng chuàng xīn.
Cơ chế đánh giá thực dụng truyền thống chỉ chăm chăm dựa vào bằng cấp, bài báo và chức danh rất bất lợi đối với không có lợi cho việc nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ trẻ tuổi tỏa sáng và triển khai đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT LỢI VU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #274

不难
bùnán

không khó, không hề khó khăn

从一系列超精密物理实测曲线上不难看出，我国完全自主研发的新型超导芯片各项性能指标均已达到世界顶尖水平。
Cóng yī xì liè chāo jīng mì wù lǐ shí cè qū xiàn shàng bù nán kàn chū, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng chāo dǎo xīn piàn gè xiàng xìng néng zhǐ biāo jūn yǐ dá dào shì jiè dǐng jiān shuǐ píng.
Từ một loạt các đường cong đo đạc thực tế vật lý siêu chính xác không khó không hề khó để nhận thấy rằng, tất cả các chỉ tiêu tính năng của dòng chip siêu dẫn kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đều đã đạt trình độ đỉnh cao thế giới.

25 nét | HÁN VIỆT : BẤT NAN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #275

不平
bùpíng

không bằng phẳng gồ ghề; bất bình bất công

月球车搭载的智能主动悬挂避震底盘能够从容跨越月球表面崎岖不平的古老撞击坑碎石地貌。
Yuè qiú chē dā zài de zhì néng zhǔ dòng xuán guà bì zhèn dǐ pán néng gòu cóng róng kuà yuè yuè qiú biǎo miàn qí qū bù píng de gǔ lǎo zhuàng jī kēng suì shí dì mào.
Khung gầm giảm xóc treo chủ động thông minh gắn trên xe tự hành Mặt trăng có thể ung dung vượt qua địa mạo sỏi đá gồ ghề không bằng phẳng của các hố va chạm cổ xưa trên bề mặt Mặt trăng.

20 nét | HÁN VIỆT : BẤT BÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #276

不起眼
bùqǐyǎn

nhỏ bé bình thường, không bắt mắt, trông chẳng có gì đặc biệt

别看这枚看似不起眼的小小特种密封胶圈，它直接决定着万米载人潜水器在深海超高压极限下的生命安全。
Bié kàn zhè méi kàn shì bù qǐ yǎn de xiǎo xiǎo tè zhǒng mì fēng jiāo quān, tā zhí jiē jué dìng zhe wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì zài shēn hǎi chāo gāo yā jí xiàn xià de shēng mìng ān quán.
Đừng nhìn chiếc vòng đệm cao su đặc chủng nhỏ bé xem chừng không bắt mắt nhỏ bé bình thường này, nó trực tiếp quyết định sự an toàn sinh mạng của tàu lặn có người lái vạn mét dưới giới hạn siêu cao áp biển sâu.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT KHỞI NHÃN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #277

不容
bùróng

không cho phép, không thể dung thứ, không thể phủ nhận

国家前沿科技安全事关国家核心利益与民族长远发展，在这场关键科技自立自强战役中决不容任何闪失！
Guó jiā qián yán kē jì ān quán shì guān guó jiā hé xīn lì yì yǔ mín zú cháng yuǎn fā zhǎn, zài zhè chǎng guān jiàn kē jì zì lì zì qiáng zhàn yì zhōng jué bù róng rèn hé shǎn shī!
An toàn khoa học công nghệ tiên phong quốc gia liên quan tới lợi ích cốt lõi của đất nước và sự phát triển lâu dài của dân tộc, trong chiến dịch tự chủ tự cường khoa học công nghệ then chốt này tuyệt đối không cho phép không thể dung thứ bất kỳ sai sót nào!

22 nét | HÁN VIỆT : BẤT DUNG

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Liên từ | #278

不如说
bùrú shuō

nói đúng hơn là, chi bằng nói là

与其说这是一项工程技术的偶然突破，不如说是攻坚团队十年磨一剑、厚积薄发的历史必然产物。
Yǔ qí shuō zhè shì yī xiàng gōng chéng jì shù de ǒu rán tū pò, bù rú shuō shì gōng jiān tuán duì shí nián mó yī jiàn, hòu jī bó fā de lì shǐ bì rán chǎn wù.
Chi bằng nói là nói đúng hơn là sản phẩm tất yếu lịch sử của sự tích lũy sâu dày bộc phát mạnh mẽ sau mười năm mài một lưỡi kiếm của đội ngũ vượt khó, hơn là nói đây là một bước đột phá ngẫu nhiên của công nghệ công trình.

32 nét | HÁN VIỆT : BẤT NHƯ THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #279

不慎
búshèn

sơ ý, bất cẩn, không cẩn thận

在超高压易燃易爆气体管路实验操作中，科研人员严格执行安全规程，杜绝任何因一时不慎引发的安全隐患。
Zài chāo gāo yā yì rán yì bào qì tǐ guǎn lù shí yàn cāo zuò zhōng, kē yán rén yuán yán gé zhí xíng ān quán guī chéng, dù jué rèn hé yīn yī shí bù shèn yǐn fā de ān quán yǐn huàn.
Trong thao tác thực nghiệm đường ống dẫn khí dễ cháy dễ nổ siêu cao áp, cán bộ nghiên cứu thực thi nghiêm ngặt quy trình an toàn, triệt tiêu mọi mối nguy an toàn do sơ ý bất cẩn trong chốc lát gây ra.

23 nét | HÁN VIỆT : BẤT THẬN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #280

不适
búshì

không khỏe, khó chịu bức bối, không thích hợp

中国空间站航天员通过在轨太空自行车与抗阻锻炼，有效克服了长期微重力环境引起的肌肉萎缩与身体不适。
Zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán tōng guò zài guǐ tài kōng zì xíng chē yǔ kàng zǔ duàn liàn, yǒu xiào kè fú le cháng qī wēi zhòng lì huán jìng yǐn qǐ de jī ròu wēi suō yǔ shēn tǐ bù shì.
Các phi hành gia trạm vũ trụ Trung Quốc thông qua việc đạp xe đạp vũ trụ trên quỹ đạo và rèn luyện kháng lực đã khắc phục hiệu quả tình trạng teo cơ và khó chịu không khỏe trên cơ thể do môi trường không trọng lực dài ngày gây ra.

23 nét | HÁN VIỆT : BẤT QUÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #281

不算
búsuàn

không tính là, chưa coi là, không tính

仅仅在实验室做出样品还不能算真正成功，唯有实现规模化量产并经过严苛工程实战验证才算彻底过关。
Jǐn jǐn zài shí yàn shì zuò chū yàng pǐn hái bù néng suàn zhēn zhèng chéng gōng, wéi yǒu shí xiàn guī mó huà liàng chǎn bìng jīng guò yán kē gōng chéng shí zhàn yàn zhèng cái suàn chè dǐ guò guān.
Chỉ làm ra mẫu thử trong phòng thí nghiệm thì vẫn chưa coi là không tính là thành công thực sự, chỉ khi thực hiện sản xuất hàng loạt quy mô lớn và trải qua kiểm chứng thực chiến công trình khắt khe mới tính là vượt ải hoàn toàn.

25 nét | HÁN VIỆT : BẤT TOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #282

不同寻常
bùtóngxúncháng

khác thường, phi thường xuất chúng, không tầm thường

在极端超强磁场微观物理实验中，新型拓扑量子材料展现出了不同寻常的零能耗量子反常霍尔电导特性。
Zài jí duān chāo qiáng cí chǎng wēi guān wù lǐ shí yàn zhōng, xīn xíng tuò pū liàng zǐ cái liào zhǎn xiàn chū le bù tóng xún cháng de líng néng hào liàng zǐ fǎn cháng huò ěr diàn dǎo tè xìng.
Trong thực nghiệm vật lý vi mô từ trường siêu mạnh cực đoan, vật liệu lượng tử tô-pô kiểu mới đã phô diễn đặc tính độ dẫn Hall dị thường lượng tử không tiêu hao năng lượng khác thường không tầm thường xuất chúng.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT ĐỒNG TẦM THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #283

不为人知
bùwéirénzhī

ít ai biết tới, không ai hay biết, thầm lặng bí mật

在大国重器惊天动地的成功发射背后，凝聚着无数科研人员在茫茫荒原戈壁上多年不为人知的无私奉献。
Zài dà guó zhòng qì jīng tiān dòng dì de chéng gōng fā shè bèi hòu, níng jù zhe wú shù kē yán rén yuán zài máng máng huāng yuán gē bì shàng duō nián bù wéi rén zhī de wú sī fèng xiàn.
Đằng sau những vụ phóng thành công long trời lở đất của đại khí quốc gia là sự đúc kết của biết bao sự cống hiến vô tư thầm lặng ít ai biết tới suốt nhiều năm trời của vô số cán bộ nghiên cứu trên sa mạc Gobi hoang vu bao la.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT VI NHÂN TRI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #284

不惜
bù xī

không tiếc, không ngần ngại, sẵn sàng đánh đổi

为了守护人民群众的生命财产安全，人民子弟兵在特大洪涝与地震抢险救灾中不惜付出一切代价冲锋在前。
Wèi le shǒu hù rén mín qún zhòng de shēng mìng cái chǎn ān quán, rén mín zǐ dì bīng zài tè dà hóng lào yǔ dì zhèn qiǎng xiǎn jiù zāi zhōng bù xī fù chū yī qiè dài jià chōng fēng zài qián.
Nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản cho quần chúng nhân dân, các chiến sĩ bộ đội trong các cuộc cứu hộ động đất và lũ lụt đặc biệt lớn đã không tiếc trả bất kỳ giá nào để xông pha lên tuyến đầu.

21 nét | HÁN VIỆT : BẤT TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #285

不相上下
bù xiāng shàng xià

kẻ tám lạng người nửa cân, ngang tài ngang sức

在国际超级计算机性能测试评比中，两国顶尖超算系统的实测浮点运算速度与能效比不相上下、各具千秋。
Zài guó jì chāo jí jì suàn jī xìng néng cè shì píng bǐ zhōng, liǎng guó dǐng jiān chāo suàn xì tǒng de shí cè fú diǎn yùn suàn sù dù yǔ néng xiào bǐ bù xiāng shàng xià, gè jù qiān qiū.
Trong bảng xếp hạng đánh giá hiệu năng siêu máy tính quốc tế, tốc độ tính toán dấu phẩy động đo đạc thực tế cùng tỷ suất hiệu năng năng lượng của hệ thống siêu máy tính đỉnh cao hai nước ngang tài ngang sức, mỗi bên một vẻ mười phân vẹn mười.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT TƯƠNG THƯỢNG HẠ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #286

不像话
bù xiàng huà

quá quắt, chẳng ra thể thống gì, vô lý hết sức

在严肃的神圣庄严公共学术答辩现场大声喧哗打闹，这种毫无规矩纪律的行为简直不像话。
Zài yán sù de shén shèng zhuāng yán gōng gòng xué shù dá biàn xiàn chǎng dà shēng xuān huá dǎ nào, zhè zhǒng háo wú guī jǔ jì lǜ de xíng wéi jiǎn zhí bù xiàng huà.
Tại hiện trường buổi bảo vệ học thuật công khai trang nghiêm tôn nghiêm mà lại to tiếng làm ồn đùa cợt, hành vi thiếu quy củ kỷ luật này quả thực là chẳng ra thể thống gì.

29 nét | HÁN VIỆT : BẤT TƯỢNG THOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #287

不屑
búxiè

không thèm, coi thường khinh khỉnh, chẳng thèm đoái hoài

真正优秀的战略科学家对追名逐利与虚假炒作向来不屑一顾，始终将全部精力倾注于国家重大科技攻关。
Zhēn zhèng yōu xiù de zhàn lüè kē xué jiā duì zhuī míng zhú lì yǔ xū jiǎ chǎo zuò xiàng lái bù xiè yī gù, shǐ zhōng jiāng quán bù jīng lì qīng zhù yú guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān.
Những nhà khoa học chiến lược thực sự xuất sắc trước giờ chẳng thèm đoái hoài không thèm đếm xỉa tới việc chạy theo danh lợi và thổi phồng hư ảo, luôn dồn trọn toàn bộ sinh lực vào các trận vượt khó khoa học công nghệ trọng đại của quốc gia.

20 nét | HÁN VIỆT : BẤT TIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #288

不懈
búxiè

bất khuất không ngừng nghỉ, bền bỉ kiên trì dẻo dai

经过几代科技工作者数十载坚持不懈的艰苦奋斗，我国重大战略工程终于全面实现了历史性自主跨越。
Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí zài jiān chí bù xiè de jiān kǔ fèn dòu, wǒ guó zhòng dà zhàn lüè gōng chéng zhōng yú quán miàn shí xiàn le lì shǐ xìng zì zhǔ kuà yuè.
Trải qua mấy chục năm phấn đấu gian khổ bền bỉ không ngừng nghỉ của mấy thế hệ những người làm khoa học công nghệ, công trình chiến lược trọng đại của nước ta cuối cùng đã thực hiện toàn diện bước nhảy vọt tự chủ mang tính lịch sử.

19 nét | HÁN VIỆT : BẤT GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #289

不亚于
bùyàyú

không thua kém gì, chẳng kém gì, sánh ngang với

我国完全自主研制的新一代重型燃气轮机热效率与稳定性指标，丝毫不亚于国际最高工业制造水准。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài zhòng xíng rán qì lún jī rè xiào lǜ yǔ wěn dìng xìng zhǐ biāo, sī háo bù yà yú guó jì zuì gāo gōng yè zhì zào shuǐ zhǔn.
Các chỉ tiêu độ ổn định và hiệu suất nhiệt của tuabin khí hạng nặng thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo không hề thua kém gì chẳng kém gì chuẩn mực chế tạo công nghiệp cao nhất thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT Á VU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Động từ | #290

不已
bùyǐ

không thôi, không ngớt, mãi không dứt

当大科学工程成功获取高能物理束流的喜讯传来，控制大厅里全体科学家与建设者激动不已、热泪盈眶。
Dāng dà kē xué gōng chéng chéng gōng huò qǔ gāo néng wù lǐ shù liú de xǐ xùn chuán lái, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ kē xué jiā yǔ jiàn shè zhě jī dòng bù yǐ, rè lèi yíng kuàng.
Khi tin mừng thiết bị khoa học lớn thu được chùm hạt vật lý năng lượng cao thành công truyền tới, toàn thể những người xây dựng và các nhà khoa học trong đại sảnh điều khiển xúc động khôn nguôi không ngớt không thôi, nước mắt rưng rưng.

24 nét | HÁN VIỆT : BẤT DĨ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #291

不以为然
bùyǐwéirán

không cho là đúng, không đồng tình, coi thường

对于国外某些专家宣称该卡脖子难题无法突破的论断，中国科研攻坚团队不以为然，毅然潜心自主攻关。
Duì yú guó wài mǒu xiē zhuān jiā xuān chēng gāi qiǎ bó zi nán tí wú fǎ tū pò de lùn duàn, zhōng guó kē yán gōng jiān tuán duì bù yǐ wéi rán, yì rán qián xīn zì zhǔ gōng guān.
Đối với luận điểm của một số chuyên gia nước ngoài tuyên bố rằng bài toán nghẽn cổ chai này không thể nào đột phá nổi, đội ngũ nghiên cứu vượt khó Trung Quốc không cho là đúng không đồng tình, kiên quyết chuyên tâm tự chủ vượt khó.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT DĨ VI NHIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Cụm từ | #292

不亦乐乎
bùyìlèhū

vui vẻ khôn xiết, bận rộn túi bụi, tưng bừng náo nhiệt

在全国青少年科学节现场，孩子们亲手操作智能仿生微型机器人开展竞技互动，忙得不亦乐乎、笑声不断。
Zài quán guó qīng shào nián kē xué jié xiàn chǎng, hái zi men qīn shǒu cāo zuò zhì néng fǎng shēng wēi xíng jī qì rén kāi zhǎn jìng jì hù dòng, máng de bú yì lè hū, xiào shēng bù duàn.
Tại hiện trường Ngày hội Khoa học Thanh thiếu niên Toàn quốc, các em nhỏ tự tay điều khiển robot vi mô phỏng sinh học thông minh triển khai tương tác thi đấu, bận rộn vui vẻ tưng bừng vui vẻ khôn xiết, tiếng cười không ngớt.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT DIỆC LẠC HỒ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #293

不翼而飞
bùyì'érfēi

không cánh mà bay, biến mất không dấu vết

随着重大关键核心技术的成功突破，长期困扰国产芯片制造的良品率低这一顽疾彻底不翼而飞。
Suí zhuó zhòng dà guān jiàn hé xīn jì shù de chéng gōng tū pò, cháng qī kùn rǎo guó chǎn xīn piàn zhì zào de liáng pǐn lǜ dī zhè yī wán jí chè dǐ bù yì ér fēi.
Cùng với bước đột phá thành công của công nghệ lõi then chốt trọng đại, căn bệnh kinh niên tỷ lệ thành phẩm thấp vốn làm đau đầu ngành chế tạo chip sản xuất trong nước suốt thời gian dài đã hoàn toàn không cánh mà bay biến mất không dấu vết.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT DỰC NHI PHI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #294

不宜
bùyí

không nên, không thích hợp, bất tiện

在大科学装置精密光路调试阶段，非核心专业人员不宜随意进入超净间以防产生气流扰动。
Zài dà kē xué zhuāng zhì jīng mì guāng lù tiáo shì jiē duàn, fēi hé xīn zhuān yè rén yuán bù yí suí yì jìn rù chāo jìng jiān yǐ fáng chǎn shēng qì liú rǎo dòng.
Trong giai đoạn hiệu chỉnh đường truyền quang học chính xác của thiết bị khoa học lớn, những người không chuyên môn cốt lõi không thích hợp không nên tùy tiện bước vào phòng siêu sạch để phòng ngừa gây xáo trộn luồng không khí.

21 nét | HÁN VIỆT : BẤT NGHI

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Cụm từ | #295

不用说
búyòngshuō

khỏi phải nói, không cần phải nói, đương nhiên

实现高水平科技自立自强的重要性不用说，它是保障国家主权、安全和发展利益的坚强基石。
Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de zhòng yào xìng bú yòng shuō, tā shì bǎo zhàng guó jiā zhǔ quán, ān quán hé fā zhǎn lì yì de jiān qiáng jī shí.
Tầm quan trọng của việc thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao khỏi phải nói không cần phải nói, nó chính là nền tảng vững chắc bảo đảm lợi ích phát triển, an ninh và chủ quyền quốc gia.

33 nét | HÁN VIỆT : BẤT DỤNG THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #296

不由得
bù yóu de

không kìm lòng được, bất giác, bỗng thấy

看着台上年轻科学家们自信沉着地向全球同行发布颠覆性原创成果，老院士眼中不由得泛起了欣慰激动的泪光。
Kàn zhe tái shàng nián qīng kē xué jiā men zì xìn chén zhuó dì xiàng quán qiú tóng háng fā bù diān fù xìng yuán chuàng chéng guǒ, lǎo yuàn shì yǎn zhōng bù yóu de fàn qǐ le xīn wèi jī dòng de lèi guāng.
Nhìn các nhà khoa học trẻ trên bục thuyết trình tự tin điềm tĩnh công bố các thành quả nguyên tác mang tính cách mạng tới đồng nghiệp toàn cầu, trong mắt vị viện sĩ lão thành bất giác dâng trào những giọt lệ xúc động đầy tự hào.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT DO ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #297

不由自主
bùyóuzìzhǔ

bất giác, không tự chủ được, không kìm nén nổi

看到完全自主研制的国产大型运输机展翅翱翔蓝天的雄姿，现场所有科研建设者都不由自主地热烈鼓掌。
Kàn dào wán quán zì zhǔ yán zhì de guó chǎn dà xíng yùn shū jī zhǎn chì áo xiáng lán tiān de xióng zī, xiàn chǎng suǒ yǒu kē yán jiàn shè zhě dōu bù yóu zì zhǔ dì rè liè gǔ zhǎng.
Nhìn thấy dáng vẻ hùng dũng của chiếc máy bay vận tải cỡ lớn sản xuất trong nước do mình hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo tung cánh bay liệng giữa bầu trời xanh, tất cả những người xây dựng nghiên cứu khoa học có mặt tại hiện trường đều bất giác không kìm nén nổi nhiệt liệt vỗ tay.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT DO TỰ CHỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #298

不予
bùyǔ

không chấp thuận, không cấp, từ chối giải quyết

国家科技伦理委员会对任何违背人类生命尊严与科技伦理底线的高风险基因编辑实验申请坚决不予批准。
Guó jiā kē jì lún lǐ wěi yuán huì duì rèn hé wéi bèi rén lèi shēng mìng zūn yán yǔ kē jì lún lǐ dǐ xiàn de gāo fēng xiǎn jī yīn biān jí shí yàn shēn qǐng jiān jué bù yǔ pī zhǔn.
Hội đồng Đạo đức Khoa học Công nghệ Quốc gia kiên quyết từ chối giải quyết không chấp thuận phê duyệt đối với bất kỳ hồ sơ xin thực nghiệm chỉnh sửa gen rủi ro cao nào vi phạm giới hạn đạo đức khoa học và phẩm giá sinh mệnh con người.

19 nét | HÁN VIỆT : BẤT DƯ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #299

不约而同
bùyuē'értóng

không hẹn mà cùng, trùng hợp đồng lòng, cùng chung hành động

在国际多边开放科学论坛上，中外战略科学家不约而同地呼吁加强全球气候变化基础数据共享与联合攻关。
Zài guó jì duō biān kāi fàng kē xué lùn tán shàng, zhōng wài zhàn lüè kē xué jiā bù yuē ér tóng dì hū yù jiā qiáng quán qiú qì hòu biàn huà jī chǔ shù jù gòng xiǎng yǔ lián hé gōng guān.
Tại Diễn đàn Khoa học Mở Đa phương Quốc tế, các nhà khoa học chiến lược trong và ngoài nước đã không hẹn mà cùng trùng hợp đồng lòng kêu gọi tăng cường vượt khó liên hợp và chia sẻ dữ liệu cơ bản về biến đổi khí hậu toàn cầu.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT YÊU NHI ĐỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #300

不正之风
bùzhèngzhīfēng

luồng gió độc hại, thói hư tật xấu, phong khí bất chính lệch lạc

国家科技管理体制改革全面发力，坚决整治科研项目评审中的人情圈子与跑奖要奖等行业不正之风。
Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì gǎi gé quán miàn fā lì, jiān jué zhěng zhì kē yán xiàng mù píng shěn zhōng de rén qíng quān zi yǔ pǎo jiǎng yào jiǎng děng háng yè bù zhèng zhī fēng.
Cải cách thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia dốc toàn lực, kiên quyết chấn chỉnh những phong khí bất chính thói hư tật xấu lệch lạc trong ngành như chạy giải xin giải và bè cánh tình cảm trong thẩm định đánh giá dự án nghiên cứu khoa học.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT CHINH CHI PHONG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #301

不知
bùzhī

không biết, chưa biết, chẳng hay

青年学者在探索未知前沿物理理论时，必须保持求知若渴的谦逊心态，知其然更要知其所以然。
Qīng nián xué zhě zài tàn suǒ wèi zhī qián yán wù lǐ lǐ lùn shí, bì xū bǎo chí qiú zhī ruò kě de qiān xùn xīn tài, zhī qí rán gèng yào zhī qí suǒ yǐ rán.
Học giả trẻ tuổi khi khám phá các lý luận vật lý tiên phong chưa biết bắt buộc phải giữ vững tâm thế khiêm tốn khát khao tri thức, biết cái hiện tượng và càng phải biết nguyên cội nguồn sâu xa của nó.

24 nét | HÁN VIỆT : BẤT TRI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #302

不知不觉
bùzhībùjué

thấm thoắt, không hay không biết, bất giác lúc nào không hay

科研攻关团队全身心沉浸在复杂量子物理方程推演中，不知不觉间窗外已是东方既白、晨光初现。
Kē yán gōng guān tuán duì quán shēn xīn chén jìn zài fù zá liàng zǐ wù lǐ fāng chéng tuī yǎn zhōng, bù zhī bù jué jiān chuāng wài yǐ shì dōng fāng jì bái, chén guāng chū xiàn.
Đội ngũ nghiên cứu vượt khó dồn trọn tâm trí đắm mình trong suy diễn các phương trình vật lý lượng tử phức tạp, thấm thoắt không hay không biết ngoài cửa sổ trời phương Đông đã rạng, ánh bình minh ban mai vừa hé rạng.

35 nét | HÁN VIỆT : BẤT TRI BẤT GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ / Phó từ | #303

不准
bùzhǔn

không cho phép, cấm; không chuẩn xác sai lệch

高等级生物安全三级实验室明确规定，未经严格消毒净化与授权认证，任何人不准擅自进入核心操作区。
Gāo děng jí shēng wù ān quán sān jí shí yàn shì míng què guī dìng, wèi jīng yán gé xiāo dú jìng huà yǔ shòu quán rèn zhèng, rèn hé rén bù zhǔn shàn zì jìn rù hé xīn cāo zuò qū.
Phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp ba (BSL-3) quy định rõ ràng, chưa qua khử trùng thanh lọc nghiêm ngặt và cấp phép ủy quyền thì bất kỳ ai cũng không cho phép cấm tuyệt đối không được tự ý bước vào khu thao tác cốt lõi.

23 nét | HÁN VIỆT : BẤT CHUẨN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #304

布局
bù jú

bố cục, quy hoạch sắp xếp tổng thể

国家前瞻布局了新一代人工智能、量子计算、深海探测与受控核聚变等未来战略性颠覆性前沿产业。
Guó jiā qián zhān bù jú le xīn yí dài rén gōng zhì néng, liàng zǐ jì suàn, shēn hǎi tàn cè yǔ shòu kòng hé jù biàn děng wèi lái zhàn lüè xìng diān fù xìng qián yán chǎn yè.
Nhà nước đã hoạch định bố cục mang tầm nhìn đón đầu đối với các ngành công nghiệp tiên phong mang tính cách mạng chiến lược tương lai như trí tuệ nhân tạo thế hệ mới, tính toán lượng tử, thám hiểm biển sâu và nhiệt hạch có kiểm soát.

22 nét | HÁN VIỆT : BỐ CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #305

步伐
bù fá

bước đi, bước chân, nhịp bước

中国始终坚定不移扩大高水平对外开放，以中国式现代化新成就为世界发展提供新机遇的坚定步伐从未停歇。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà xīn chéng jiù wèi shì jiè fā zhǎn tí gōng xīn jī yù de jiān dìng bù fá cóng wèi tíng xiē.
Trung Quốc luôn kiên định không ngừng mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao, những bước chân kiên định dùng các thành tựu mới của hiện đại hóa đất nước mang lại cơ hội mới cho sự phát triển của thế giới chưa bao giờ ngơi nghỉ.

23 nét | HÁN VIỆT : BỘ PHẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #306

步入
bùrù

bước vào, bước chân vào (thời kỳ/giai đoạn mới)

随着多个重大前沿科学装置集群相继投运，我国微观物质科学研究正式步入了世界领先的第一方阵。
Suí zhe duō gè zhòng dà qián yán kē xué zhuāng zhì jí qún xiāng jì tóu yùn, wǒ guó wēi guān wù zhì kē xué yán jiū zhèng shì bù rù le shì jiè lǐng xiān de dì yī fāng zhèn.
Cùng với việc các cụm thiết bị khoa học tiên phong trọng đại lần lượt đưa vào vận hành, nghiên cứu khoa học vật chất vi mô của nước ta đã chính thức bước vào bước chân vào đội hình nhóm dẫn đầu số một thế giới.

25 nét | HÁN VIỆT : BỘ NHẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #307

步骤
bù zhòu

bước, các bước, quy trình

在动手开展化学合成实验前，实验员必须严格熟读并掌握每一个操作步骤与安全须知。
Zài dòng shǒu kāi zhǎn huà xué hé chéng shí yàn qián, shí yàn yuán bì xū yán gé shú dú bìng zhǎng wò měi yí gè cāo zuò bù zhòu yǔ ān quán xū zhī.
Trước khi bắt tay vào thực hiện thí nghiệm tổng hợp hóa học, kiểm nghiệm viên nhất thiết phải đọc kỹ và nắm vững từng bước thao tác cùng quy chuẩn an toàn.

23 nét | HÁN VIỆT : BỘ SẬU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #308

部件
bùjiàn

linh kiện, phụ tùng bộ phận cấu thành

该型号航空发动机核心高温涡轮盘关键部件全部采用了我国完全自主研制的单晶高温合金精密铸造而成。
Gāi xíng hào háng kōng fā dòng jī hé xīn gāo wēn wō lún pán guān jiàn bù jiàn quán bù cǎi yòng le wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de dān jīng gāo wēn hé jīn jīng mì zhù zào ér chéng.
Tất cả các bộ phận linh kiện then chốt của đĩa tuabin nhiệt độ cao cốt lõi động cơ hàng không thuộc dòng này đều được đúc chính xác bằng hợp kim chịu nhiệt độ cao đơn tinh thể do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

24 nét | HÁN VIỆT : BỘ KIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #309

部署
bù shǔ

bố trí triển khai, sắp xếp triển khai kế hoạch

国务院常务会议对加快构建以国家公园为主体的高质量自然保护地体系作出了全面系统的战略部署。
Guó wù yuàn cháng wù huì yì duì jiā kuài gòu jiàn yǐ guó jiā gōng yuán wéi zhǔ tǐ de gāo zhì liàng zì rán bǎo hù dì tǐ xì zuò chū le quán miàn xì tǒng de zhàn lüè bù shǔ.
Phiên họp thường vụ Quốc vụ viện (Chính phủ) đã đưa ra sự bố trí triển khai chiến lược toàn diện và hệ thống đối với việc đẩy nhanh xây dựng hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên chất lượng cao lấy công viên quốc gia làm chủ thể.

25 nét | HÁN VIỆT : BỘ THỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #310

猜谜
cāimí

đoán câu đố, giải đố; trò đố vui trí tuệ

在全国科技馆沉浸式科学互动体验区，孩子们通过猜谜游戏寓教于乐、轻松掌握微观物理分子结构知识。
Zài quán guó kē jì guǎn chén jìn shì kē xué hù dòng tǐ yàn qū, hái zi men tōng guò cāi mí yóu xì yù jiào yú lè, qīng sōng zhǎng wò wēi guān wù lǐ fēn zǐ jié gòu zhī shí.
Tại khu trải nghiệm tương tác khoa học chìm đắm của Bảo tàng Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các em nhỏ thông qua trò chơi đoán câu đố giải đố vừa học vừa chơi, nắm vững nhẹ nhàng kiến thức cấu trúc phân tử vật lý vi mô.

21 nét | HÁN VIỆT : SAI MÊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #311

猜想
cāixiǎng

phỏng đoán, giả thuyết toán học (giả thuyết Riemann/Goldbach)

中国青年数学家团队运用独创的几何分析方法，成功在世界著名微分几何百年重大猜想上取得了突破性证明。
Zhōng guó qīng nián shù xué jiā tuán duì yùn yòng dú chuàng de jǐ hé fēn xī fāng fǎ, chéng gōng zài shì jiè zhù míng wěi fēn jǐ hé bǎi nián zhòng dà cāi xiǎng shàng qǔ dé le tū pò xìng zhèng míng.
Đội ngũ các nhà toán học trẻ Trung Quốc ứng dụng phương pháp giải tích hình học độc đáo do mình sáng tạo đã đạt được chứng minh mang tính đột phá trên giả thuyết toán học phỏng đoán trọng đại trăm năm hình học vi phân lừng danh thế giới.

25 nét | HÁN VIỆT : SAI TƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #312

才华
cáihuá

tài hoa, tài năng xuất chúng, năng lực sáng tạo

国家为青年科技拔尖人才提供广阔的创新舞台，让他们在攀登世界科学高峰中尽情施展聪明才智与卓越才华。
Guó jiā wèi qīng nián kē jì bá jiān rén cái tí gōng guǎng kuò de chuàng xīn wǔ tái, ràng tā men zài pān dēng shì jiè kē xué gāo fēng zhōng jìn qíng shī zhǎn cōng míng cái zhì yǔ zhuó yuè cái huá.
Nhà nước mang lại sân khấu đổi mới sáng tạo rộng lớn cho nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ thanh niên, để họ thỏa sức phô diễn tài năng xuất chúng tài hoa trác việt và trí tuệ thông minh trong việc trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

20 nét | HÁN VIỆT : TÀI HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #313

财经
cáijīng

tài chính kinh tế, kinh tài tài chính

国家设立高新技术前沿创新母基金，推动现代财经金融资本精准赋能硬科技早期基础研发与科技成果转化。
Guó jiā shè lì gāo xīn jì shù qián yán chuàng xīn mǔ jī jīn, tuī dòng xiàn dài cái jīng jīn róng zī běn jīng zhǔn fù néng yìng kē jì zǎo qī jī chǔ yán fā yǔ kē jì chéng guǒ zhuǎn huà.
Nhà nước thiết lập Quỹ mẹ Đổi mới Sáng tạo Tiên phong Công nghệ Cao mới, thúc đẩy nguồn vốn tài chính kinh tế kinh tài hiện đại tiếp sức chuẩn xác cho nghiên cứu phát triển cơ bản giai đoạn đầu công nghệ cứng và chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ.

23 nét | HÁN VIỆT : TÀI KINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #314

财力
cáilì

tiềm lực tài chính, nguồn lực tài chính

国家集中优势人力、物力与财力资源，发挥新型举国体制优势攻克关系国家命脉的战略性关键核心技术。
Guó jiā jí zhōng yōu shì rén lì, wù lì yǔ cái lì zī yuán, fā huī xīn xíng jǔ guó tǐ zhì yōu shì gōng kè guān xì guó jiā mìng mài de zhàn lüè xìng guān jiàn hé xīn jì shù.
Nhà nước tập trung các nguồn lực tài lực tiềm lực tài chính, vật lực và nhân lực ưu thế, phát huy ưu thế thể chế toàn quốc kiểu mới để chinh phục công nghệ lõi then chốt mang tính chiến lược liên quan tới mạch máu quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : TÀI LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #315

财物
cáiwù

tài sản của cải, tiền tài vật chất

在特大自然灾害抢险救援中，国家应急救援队伍冲锋在前，全力保障人民群众生命安全与财产财物不受损失。
Zài tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù yuán zhōng, guó jiā yìng jí jiù yuán duì wǔ chōng fēng zài qián, quán lì bǎo zhàng rén mín qún zhòng shēng mìng ān quán yǔ cái chǎn cái wù bù shòu sǔn shī.
Trong công tác cứu hộ cứu nạn thiên tai đặc biệt lớn, các đội cứu nạn khẩn cấp quốc gia xung phong nơi tuyến đầu, dốc toàn lực bảo đảm an toàn sinh mạng và tài sản của cải tiền tài của bà con nhân dân không bị tổn thất.

20 nét | HÁN VIỆT : TÀI VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #316

财务
cái wù

tài chính, nghiệp vụ tài vụ

大型跨国企业集团建立了全流程数字化智能财务共享服务中心，实现了全球资金结算的高效合规管控。
Dà xíng kuà guó qǐ yè jí tuán jiàn lì le quán liú chéng shù zì huà zhì néng cái wù gòng xiǎng fú wù zhōng xīn, shí xiàn le quán qiú zī jīn jié suàn de gāo xiào hé guī guǎn kòng.
Tập đoàn doanh nghiệp xuyên quốc gia quy mô lớn đã xây dựng trung tâm dịch vụ chia sẻ tài chính thông minh số hóa toàn quy trình, hiện thực hóa việc kiểm soát quản lý tuân thủ hiệu quả cao đối với các giao dịch thanh toán vốn toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : TÀI VỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #317

财政
cái zhèng

tài chính công, ngân sách nhà nước

国家财政持续加大对基础前沿科学研究、乡村振兴与公共卫生健康等重点民生保障领域的资金投入力度。
Guó jiā cái zhèng chí xù jiā dà duì jī chǔ qián yán kē xué yán jiū, xiāng cūn zhèn xīng yǔ gōng gòng wèi shēng jiàn kāng děng zhòng diǎn mín shēng bǎo zhàng lǐng yù de zī jīn tóu rù lì dù.
Ngân sách tài chính quốc gia liên tục tăng cường nguồn vốn đầu tư đối với các lĩnh vực bảo đảm dân sinh trọng điểm như nghiên cứu khoa học tiên phong nền tảng, chấn hưng nông thôn và y tế sức khỏe cộng đồng.

24 nét | HÁN VIỆT : TÀI CHÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #318

裁
cái

cắt, may cắt; tinh giản cắt giảm (cáijiǎn); phán xử (cáipàn)

超精密微电子纳米光刻掩模版激光微裁加工精度极高，必须在恒温恒湿无振动极洁净环境中精细操作。
Chāo jīng mì wēi diàn zi nà mǐ guāng kè yǎn mó bǎn jī guāng wēi cái jiā gōng jīng dù jí gāo, bì xū zài héng wēn héng shī wú zhèn dòng jí jié jìng huán jìng zhōng jīng xì cāo zuò.
Độ chính xác gia công cắt vi laser tấm mặt nạ quang khắc nano vi điện tử siêu chính xác cực kỳ cao, bắt buộc phải thao tác tinh vi trong môi trường siêu sạch không rung chấn hằng nhiệt hằng ẩm.

10 nét | HÁN VIỆT : TÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #319

裁定
cáidìng

phán quyết định đoạt, phán định tài phán

最高人民法院知识产权法庭依法作出终审裁定，严厉惩处恶意侵犯国家前沿发明专利技术的不正当竞争行为。
Zuì gāo rén mín fǎ yuàn zhī shí chǎn quán fǎ tíng yī fǎ zuò chū zhōng shěn cái dìng, yán lì chéng chǔ è yì qīn fàn guó jiā qián yán fā míng zhuān lì jì shù de bù zhèng dāng jìng zhēng xíng wéi.
Tòa án Sở hữu Trí tuệ Tòa án Nhân dân Tối cao theo đúng pháp luật đã đưa ra phán quyết định đoạt tài phán chung thẩm, xử phạt nghiêm khắc hành vi cạnh tranh không lành mạnh xâm phạm ác ý bằng sáng chế phát minh tiên phong của quốc gia.

18 nét | HÁN VIỆT : TÀI ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #320

裁决
cáijué

phán quyết, tài phán phân xử, quyết định tài phán

国际争端解决法庭依据确凿国际法与公理作出公正裁决，有力维护了我国科学家在深海海底采矿科研勘探的合法权益。
Guó jì zhēng duān jiě jué fǎ tíng yī jù què záo guó jì fǎ yǔ gōng lǐ zuò chū gōng zhèng cái jué, yǒu lì wéi hù le wǒ guó kē xué jiā zài shēn hǎi hǎi dǐ cǎi kuàng kē yán kān tàn de hé fǎ quán yì.
Tòa án Giải quyết Tranh chấp Quốc tế căn cứ vào công lý và luật pháp quốc tế xác thực đã đưa ra tài phán phán quyết công minh, bảo vệ mạnh mẽ các quyền lợi hợp pháp của các nhà khoa học nước ta trong việc khảo sát nghiên cứu khoa học khai thác mỏ đáy biển sâu.

24 nét | HÁN VIỆT : TÀI QUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #321

采
cǎi

hái, thu thập lấy mẫu; khai thác mỏ (cǎikuàng)

嫦娥探测器在月球表面成功实现了全自动钻取采掘与多点表取采样，带回了极其珍贵的月球科学样本。
Cháng é tàn cè qì zài yuè qiú biǎo miàn chéng gōng shí xiàn le quán zì dòng zuān qǔ cǎi jué yǔ duō diǎn biǎo qǔ cǎi yàng, dài huí le jí qí zhēn guì de yuè qiú kē xué yàng běn.
Tàu thám trắc Hằng Nga đã thực hiện thành công việc lấy mẫu bề mặt đa điểm và khoan đào thu thập lấy mẫu tự động hoàn toàn trên bề mặt Mặt trăng, mang về các mẫu vật khoa học Mặt trăng vô cùng quý giá.

10 nét | HÁN VIỆT : THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #322

采集
cǎi jí

thu thập, thu nhận, lấy mẫu (mẫu vật, dữ liệu)

嫦娥六号探测器在人类历史上首次从月球背面南极-艾特肯盆地成功采集并带回珍贵的月壤岩石样品。
Cháng é liù hào tàn cè qì zài rén lèi lì shǐ shàng shǒu cì cóng yuè qiú bèi miàn nán jí - ài tè kěn pén dì chéng gōng cǎi jí bìng dài huí zhēn guì de yuè rǎng yán shí yàng pǐn.
Tàu thám hiểm Hằng Nga 6 lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã thu thập và mang về thành công các mẫu đất đá Mặt Trăng vô giá từ bồn địa Nam Cực - Aitken ở mặt sau của Mặt Trăng.

18 nét | HÁN VIỆT : THÁI TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #323

采矿
cǎikuàng

khai thác mỏ, khai khoáng mỏ

我国成功研发出万米深海多金属结核智能商业采矿工程试验系统，实现了深海重载作业机器人精准海底行走与集矿。
Wǒ guó chéng gōng yán fā chū wàn mǐ shēn hǎi duō jīn shǔ jié hé zhì néng shāng yè cǎi kuàng gōng chéng shì yàn xì tǒng, shí xiàn le shēn hǎi zhòng zài zuò yè jī qì rén jīng zhǔn hǎi dǐ xíng zǒu yǔ jí kuàng.
Nước ta đã nghiên cứu phát triển thành công hệ thống thử nghiệm công trình khai khoáng khai thác mỏ thương mại thông minh khối kết hạch đa kim loại biển sâu vạn mét, thực hiện việc gom quặng và đi lại chuẩn xác dưới đáy biển của robot tác nghiệp tải trọng nặng biển sâu.

21 nét | HÁN VIỆT : THÁI KHOÁNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #324

彩电
cǎidiàn

tivi màu, truyền hình màu

从昔日依赖进口显像管彩电到如今完全自主研发引领全球超高清OLED与Mini-LED折叠大屏显示，中国制造实现了辉煌跨越。
Cóng xī rì yī lài jìn kǒu xiǎn xiàng guǎn cǎi diàn dào rú jīn wán quán zì zhǔ yán fā yǐn lǐng quán qiú chāo gāo qīng OLED yǔ Mini-LED zhé dié dà píng xiǎn shì, zhōng guó zhì zào shí xiàn le huī huáng kuà yuè.
Từ chỗ phụ thuộc vào tivi màu truyền hình màu bóng đèn hình nhập khẩu thuở nào cho tới ngày nay hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển dẫn đầu màn hình gập lớn OLED và Mini-LED siêu nét toàn cầu, nền Chế tạo Trung Quốc đã thực hiện bước nhảy vọt huy hoàng.

21 nét | HÁN VIỆT : THÁI ĐIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #325

彩虹
cǎi hóng

cầu vồng

盛夏午后的一场倾盆雷阵雨过后，天空中出现了一道绚丽斑斓的七色彩虹。
Shèng xià wǔ hòu de yī cháng qīng pén léi zhèn yǔ guò hòu, tiān kōng zhōng chū xiàn le yī dào xuàn lì bān lán de qī sè cǎi hóng.
Sau cơn mưa rào dông sấm sét như trút nước vào buổi chiều giữa hè, trên nền trời bỗng hiện lên một dải cầu vồng bảy sắc lung linh tuyệt đẹp.

24 nét | HÁN VIỆT : THÁI HỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #326

彩霞
cǎixiá

ráng chiều rực rỡ, áng mây ngũ sắc rạng rỡ

夕阳西下，天边漫天彩霞映照着大科学深空天文观测基地巍峨壮丽的白色天线巨阵，宛如一幅宏伟科学画卷。
Xī yáng xī xià, tiān biān màn tiān cǎi xiá yìng zhào zhe dà kē xué shēn kōng tiān wén guān cè jī dì wēi é zhuàng lì de bái sè tiān xiàn jù zhèn, wǎn rú yī fú hóng wěi kē xué huà juàn.
Ánh chiều tà buông xuống, ráng chiều rực rỡ áng mây ngũ sắc rạng ngời khắp chân trời phản chiếu trận địa cụm ăng-ten khổng lồ màu trắng uy nghiêm tráng lệ của Căn cứ Quan trắc Thiên văn Không gian Sâu, tựa như một bức tranh cuộn khoa học hùng vĩ.

22 nét | HÁN VIỆT : THÁI HÀ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #327

菜市场
càishìchǎng

chợ dân sinh, chợ rau củ thực phẩm

现代化智慧菜市场全面接入了农产品从田间到餐桌的全流程区块链食品安全防伪溯源电子管理系统。
Xiàn dài huà zhì huì cài shì chǎng quán miàn jiē rù le nóng chǎn pǐn cóng tián jiān dào cān zhuō de quán liú chéng qū kuài liàn shí pǐn ān quán fáng wěi sù yuán diàn zǐ guǎn lǐ xì tǒng.
Chợ rau củ thực phẩm chợ dân sinh thông minh hiện đại hóa đã kết nối toàn diện hệ thống quản lý điện tử truy xuất nguồn gốc chống giả an toàn thực phẩm chuỗi khối (blockchain) toàn bộ quy trình từ đồng ruộng đến bàn ăn.

26 nét | HÁN VIỆT : THÁI THỊ TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #328

参见
cānjiàn

tham khảo xem thêm; vào bái kiến yết kiến

有关该超导量子比特门高精度物理测控系统的详细理论推导与实验测量参数，请参见本报告附录第三章。
Yǒu guān gāi chāo dǎo liàng zǐ bǐ tè mén gāo jīng dù wù lǐ cè kòng xì tǒng de xiáng xì lǐ lùn tuī dǎo yǔ shí yàn cè liáng cān shù, qǐng cān jiàn běn bào gào fù lù dì sān zhāng.
Về các tham số đo đạc thực nghiệm và suy diễn lý luận chi tiết của hệ thống trắc nghiệm điều khiển vật lý độ chính xác cao cổng qubit lượng tử siêu dẫn này, xin mời xem thêm tham khảo Chương 3 phần Phụ lục của báo cáo này.

23 nét | HÁN VIỆT : TAM KIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #329

参军
cānjūn

nhập ngũ, tòng quân gia nhập quân đội

每年高校都有大批立志科技强军的优秀青年理工学子响应国家号召光荣参军入伍，投身现代国防科技建设。
Měi nián gāo xiào dōu yǒu dà pī lì zhì kē jì qiáng jūn de yōu xiù qīng nián lǐ gōng xué zǐ xiǎng yìng guó jiā hào zhào guāng róng cān jūn rù wǔ, tóu shēn xiàn dài guó fáng kē jì jiàn shè.
Hàng năm tại các trường đại học đều có đông đảo sinh viên khối ngành khoa học kỹ thuật xuất sắc lập chí củng cố quân đội bằng khoa học kỹ thuật hưởng ứng lời kêu gọi của Tổ quốc vẻ vang nhập ngũ tòng quân, dấn thân vào xây dựng khoa học công nghệ quốc phòng hiện đại.

20 nét | HÁN VIỆT : TAM QUÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #330

参谋
cān móu

tham mưu, cố vấn; làm tham mưu

国家高端智库紧扣国家重大战略需求开展前瞻性政策研究，切实发挥了服务中央科学决策的高水平参谋助手作用。
Guó jiā gāo duān zhì kù jǐn kòu guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú kāi zhǎn qián zhān xìng zhèng cè yán jiū, qiè shí fā huī le fú wù zhōng yāng kē xué jué cè de gāo shuǐ píng cān móu zhù shǒu zuò yòng.
Viện nghiên cứu chính sách cấp cao quốc gia bám sát nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước để triển khai nghiên cứu chính sách mang tầm nhìn đón đầu, phát huy thiết thực vai trò trợ thủ tham mưu trình độ cao phục vụ các quyết sách khoa học của Trung ương.

21 nét | HÁN VIỆT : TAM MƯU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Giới từ | #331

参照
cān zhào

tham chiếu, đối chiếu tham khảo, căn cứ theo

在制定前沿生物医药临床试验安全评价标准时，我国专家组参照了国际人用药品注册技术要求的最高全球规范。
Zài zhì dìng qián yán shēng wù yī yào lín chuáng shì yàn ān quán píng jià biāo zhǔn shí, wǒ guó zhuān jiā zǔ cān zhào le guó jì rén yòng yào pǐn zhù cè jì shù yāo qiú de zuì gāo quán qiú guī fàn.
Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá an toàn thử nghiệm lâm sàng dược phẩm sinh học tiên phong, hội đồng chuyên gia nước ta đã tham chiếu các quy chuẩn toàn cầu cao nhất của Hội nghị Quốc tế về Hài hòa hóa các Thủ tục Đăng ký Dược phẩm Sử dụng cho Người (ICH).

19 nét | HÁN VIỆT : TAM CHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #332

餐桌
cānzhuō

bàn ăn, bàn ăn cơm gia đình

国家超级杂交水稻与现代农业生物育种科技的重大突破，牢牢守护了十四亿多中国人民餐桌上的粮食安全。
Guó jiā chāo jí zá jiāo shuǐ dào yǔ xiàn dài nóng yè shēng wù yù zhǒng kē jì de zhòng dà tū pò, láo láo shǒu hù le shí sì yì duō zhōng guó rén mín cān zhuō shàng de liáng shí ān quán.
Những đột phá trọng đại của công nghệ chọn giống sinh học nông nghiệp hiện đại và lúa lai siêu cấp quốc gia đã bảo vệ vững chắc an ninh lương thực trên bàn ăn bàn ăn cơm của hơn 1,4 tỷ người dân Trung Quốc.

23 nét | HÁN VIỆT : XAN TRÁC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #333

残
cán

tàn phế, tàn tật khuyết tật; tàn dư sót lại

新型脑机接口高精度神经运动解码技术为肢体伤残患者重获自主行动与抓握能力带来了革命性康复希望。
Xīn xíng nǎo jī jiē kǒu gāo jīng dù shén jīng yùn dòng jiě mǎ jì shù wèi zhí tǐ shāng cán huàn zhě chóng huò zì zhǔ xíng dòng yù zhuā wò néng lì dài lái le gé mìng xìng kāng fù xī wàng.
Công nghệ giải mã vận động thần kinh độ chính xác cao giao diện não - máy tính (BCI) kiểu mới đã mang lại niềm hy vọng phục hồi mang tính cách mạng cho các bệnh nhân khuyết tật tàn tật tàn phế chi lấy lại năng lực cầm nắm và hành động tự chủ.

8 nét | HÁN VIỆT : TÀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #334

残留
cán liú

dư lượng, còn sót lại, tàn dư

海关检验检疫部门采用超高灵敏度质谱联用仪，严格检测进出口农产品中的农药残留与重金属含量指标。
Hǎi guān jiǎn yàn jiǎn yì bù mén cǎi yòng chāo gāo líng mǐn dù zhì pǔ lián yòng yí, yán gé jiǎn cè jìn chū kǒu nóng chǎn pǐn zhōng de nóng yào cán liú yǔ zhòng jīn shǔ hán liàng zhǐ biāo.
Cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch hải quan đã áp dụng máy khối phổ ghép nối độ nhạy siêu cao để kiểm tra nghiêm ngặt các chỉ số dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và hàm lượng kim loại nặng trong nông sản xuất nhập khẩu.

20 nét | HÁN VIỆT : TÀN LƯU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #335

残缺
cánquē

khuyết thiếu, không nguyên vẹn, chắp vá sứt mẻ

文物数字化保护科研团队运用人工智能深度学习与三维曲面重构算法，成功虚拟高精度复原了残缺千年的珍贵古代青铜器。
Wén wù shù zì huà bǎo hù kē yán tuán duì yùn yòng rén gōng zhì néng shēn dù xué xí yǔ sān wéi qū miàn zhòng gòu suàn fǎ, chéng gōng xū nǐ gǎo jīng dù fù yuán le cán quē qiān nián de zhēn guì gǔ dài qīng tóng qì.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học bảo tồn số hóa văn vật ứng dụng thuật toán tái cấu trúc mặt cong 3D và học sâu trí tuệ nhân tạo đã phục dựng ảo độ chính xác cao thành công đồ đồng cổ quý giá bị khuyết thiếu không nguyên vẹn sứt mẻ suốt hàng ngàn năm.

22 nét | HÁN VIỆT : TÀN KHUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #336

残忍
cán rěn

tàn nhẫn, dã man, ác độc

国家野生动物保护法严厉惩处任何非法盗猎、贩卖珍稀濒危野生动物的残忍违法犯罪行为。
Guó jiā yě shēng dòng wù bǎo hù fǎ yán lì chéng chǔ rèn hé fēi fǎ dào liè, fàn mài zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng wù de cán rěn wéi fǎ fàn zuì xíng wèi.
Luật Bảo vệ Động vật Hoang dã Quốc gia xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm pháp tàn nhẫn dã man săn trộm, buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

20 nét | HÁN VIỆT : TÀN NHẪN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #337

惭愧
cán kuì

xấu hổ, hổ thẹn, áy náy

得知同伴为了替自己分担重任而连续熬夜加班，他心中感到十分惭愧。
Dé zhī tóng bàn wèi le tì zì jǐ fēn dān zhòng rèn ér lián xù áo yè jiā bān, tā xīn zhōng gǎn dào shí fēn cán kuì.
Biết tin người bạn đồng hành vì muốn san sẻ bớt gánh nặng cho mình mà phải thức trắng nhiều đêm tăng ca, trong lòng anh cảm thấy vô cùng áy náy và hổ thẹn.

21 nét | HÁN VIỆT : TÀM QUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #338

惨白
cǎnbái

trắng bệch, nhợt nhạt trắng bợt

深海极度高压与绝对黑暗环境下生活的特种发光生物，其体表呈现出一种为了适应极端环境而演化出的惨白色半透明色泽。
Shēn hǎi jí dù gāo yā yǔ jué duì hēi àn huán jìng xià shēng huó de tè zhǒng fā guāng shēng wù, qí tǐ biǎo chéng xiàn chū yī zhǒng wèi le shì yìng jí duān huán jìng ér yǎn huà chū de cǎn bái sè bàn tòu míng sè zé.
Các sinh vật phát quang đặc chủng sinh sống dưới môi trường tối đen tuyệt đối và áp suất cực kỳ cao nơi biển sâu, bề mặt cơ thể của chúng hiện ra một sắc màu bán trong suốt trắng bệch nhợt nhạt tiến hóa nên để thích nghi với môi trường cực đoan.

18 nét | HÁN VIỆT : THẢM BẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #339

惨痛
cǎntòng

đau đớn chua xót, bài học cay đắng đắt giá

历史上一度因为关键核心技术受制于人而遭遇卡脖子的惨痛教训警示我们：高水平科技自立自强绝不能有任何侥幸心理！
Lì shǐ shàng yí dù yīn wèi guān jiàn hé xīn jì shù shòu zhì yú rén ér zāo yù qiǎ bó zi de cǎn tòng jiào xùn jǐng shì wǒ men: gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng jué bù néng yǒu rèn hé jiǎo xìng xīn lǐ!
Bài học cay đắng đau đớn chua xót đắt giá trong lịch sử từng có giai đoạn bị nghẽn cổ chai do công nghệ lõi then chốt phụ thuộc vào người khác đã cảnh báo chúng ta: tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao tuyệt đối không được ôm giữ bất kỳ tâm lý may rủi nào!

17 nét | HÁN VIỆT : THẢM THỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #340

惨重
cǎnzhòng

thảm trọng, nặng nề nghiêm trọng (tổn thất/thương vong)

在重大极端自然灾害防范中，国家建立健全空天地一体化早期智能遥感预警网，最大程度避免了人员与财产惨重损失。
Zài zhòng dà jí duān zì rán zāi hài fáng fàn zhōng, guó jiā jiàn lì jiàn quán kōng tiān dì yī tǐ huà zǎo qī zhì néng yáo gǎn yù jǐng wǎng, zuì dà chéng dù bì miǎn le rén yuán yǔ cái chǎn cǎn zhòng sǔn shī.
Trong công tác phòng ngừa thiên tai tự nhiên cực đoan trọng đại, Nhà nước xây dựng hoàn thiện mạng lưới cảnh báo sớm viễn thám thông minh tích hợp không gian - trời - đất, tránh được tổn thất thảm trọng nặng nề về tài sản và con người ở mức cao nhất.

17 nét | HÁN VIỆT : THẢM TRỌNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #341

灿烂
càn làn

rực rỡ, chói lọi, xán lạn (văn minh, ánh nắng)

五千多年源远流长的中华文明创造了璀璨夺目的灿烂成果，在人类文明发展史上熠熠生辉。
Wǔ qiān duō nián yuán yuǎn liú cháng de zhōng huá wén míng chuàng zào le cuǐ càn duó mù dì càn làn chéng guǒ, zài rén lèi wén míng fā zhǎn shǐ shàng yì yì shēng huī.
Nền văn minh Trung Hoa với lịch sử lâu đời hơn 5.000 năm đã kiến tạo nên những thành quả rực rỡ chói lọi, tỏa sáng lấp lánh trong lịch sử phát triển văn minh nhân loại.

22 nét | HÁN VIỆT : XÁN LẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #342

掺
chān

pha trộn, pha tạp, pha lẫn

在纳米尺度第三代半导体超纯单晶生长制备中，必须精确控制微量原子掺杂浓度至十亿分之一物理极限。
Zài nà mǐ chǐ dù dì sān dài bàn dǎo tǐ chāo chún dān jīng shēng zhǎng zhì bèi zhōng, bì xū jīng què kòng zhì wēi liàng yuán zi càn zá nóng dù zhì shí yì fēn zhī yī wù lǐ jí xiàn.
Trong điều chế nuôi cấy đơn tinh thể siêu tinh khiết bán dẫn thế hệ thứ ba ở thang đo nanomet, bắt buộc phải kiểm soát chuẩn xác nồng độ pha tạp pha trộn pha lẫn nguyên tử vi lượng tới giới hạn vật lý một phần tỷ (ppb).

9 nét | HÁN VIỆT : SAM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #343

沧桑
cāngsāng

thương hải tang điền, thăng trầm năm tháng, dãi dầu sương gió

历经百年风雨沧桑洗礼，古老的中华大地在新时代科技强国建设的历史性伟大征程中重新焕发出澎湃磅礴的生机。
Lì jīng bǎi nián fēng yǔ cāng sāng xǐ lǐ, gǔ lǎo de zhōng huá dà dì zài xīn shí dài kē jì qiáng guó jiàn shè de lì shǐ xìng wěi dà zhēng chéng zhōng chóng xīn huàn fā chū pēng pài páng bó de shēng jī.
Trải qua sự tôi luyện dãi dầu thăng trầm năm tháng thương hải tang điền trăm năm mưa gió, mảnh đất Trung Hoa cổ kính trong hành trình lịch sử vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thời đại mới lại tỏa rạng sức sống trào dâng cuồn cuộn.

20 nét | HÁN VIỆT : THƯƠNG TANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #344

苍蝇
cāngying

con ruồi, ruồi nhặng

科学家受到苍蝇复眼超微光学结构的仿生启迪，成功研制出具备超大视场角与超高时间分辨率的新型仿生微纳复眼相机。
Kē xué jiā shòu dào cāng yíng fù yǎn chāo wēi guāng xué jié gòu de fǎng shēng qǐ dí, chéng gōng yán zhì chū jù bèi chāo dà shì chǎng jiǎo yǔ chāo gāo shí jiān fēn biàn lǜ de xīn xíng fǎng shēng wēi nà fù yǎn xiàng jī.
Các nhà khoa học nhận được sự gợi ý phỏng sinh học từ cấu trúc quang học siêu vi mô mắt kép của loài ruồi con ruồi đã chế tạo thành công máy ảnh mắt kép vi nano phỏng sinh học kiểu mới sở hữu độ phân giải thời gian siêu cao và góc nhìn trường nhìn siêu rộng.

22 nét | HÁN VIỆT : THƯƠNG DĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #345

舱
cāng

cabin

老师鼓励大家积极舱，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cāng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cabin, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : THƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #346

藏匿
cángnì

ẩn nấp, lẩn trốn, tàng trữ cất giấu

国家网络安全应急中心运用多维流量图谱追踪算法，精准定位并依法摧毁了藏匿于暗网深处的恶意攻击控制节点。
Guó jiā wǎng luò ān quán yìng jí zhōng xīn yùn yòng duō wéi liú liàng tú pǔ zhuī zōng suàn fǎ, jīng zhǔn dìng wèi bìng yī fǎ cuī huǐ le cáng nì yú àn wǎng shēn chù de è yì gōng jī kòng zhì jié diǎn.
Trung tâm Khẩn cấp An ninh Mạng Quốc gia ứng dụng thuật toán truy vết đồ thị lưu lượng đa chiều, định vị chuẩn xác và tiêu diệt theo đúng pháp luật các nút điều khiển tấn công độc hại đang ẩn nấp lẩn trốn nơi sâu thẳm của dark web (mạng ngầm).

23 nét | HÁN VIỆT : TẠNG NẶC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #347

藏品
cángpǐn

hiện vật sưu tầm, bảo vật lưu trữ, bộ sưu tập

国家博物馆依托超高分辨率三维激光无损点云扫描与环境微气候智能调控系统，悉心保护着数以百万计的国宝级珍贵藏品。
Guó jiā bó wù guǎn yī tuō chāo gāo fēn biàn lǜ sān wéi jī guāng wú sǔn diǎn yún sǎo miáo yǔ huán jìng wēi qì hòu zhì néng tiáo kòng xì tǒng, xī xīn bǎo hù zhāo shù yī bǎi wàn jì de guó bǎo jí zhēn guì cáng pǐn.
Bảo tàng Quốc gia dựa vào hệ thống điều phối thông minh vi khí hậu môi trường và quét đám mây điểm không phá hủy laser 3D độ phân giải siêu cao, tận tâm bảo vệ hàng triệu hiện vật sưu tầm bảo vật lưu trữ quý giá cấp quốc bảo.

24 nét | HÁN VIỆT : TẠNG PHẨM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #348

藏身
cángshēn

ẩn náu, trốn tránh ẩn thân, nương náu

国家自然保护区内茂密原始针阔混交林为野生东北虎、金钱豹等顶级捕食者提供了极其理想的觅食与繁衍藏身之地。
Guó jiā zì rán bǎo hù qū nèi mào mì yuán shǐ zhēn kuò hùn jiāo lín wèi yě shēng dōng běi hǔ, jīn qián bào děng dǐng jí bǔ shí zhě tí gōng le jí qí lǐ xiǎng de mì shí yǔ fán yǎn cáng shēn zhī dì.
Khu rừng lá kim lá rộng hỗn giao nguyên sinh rậm rạp bên trong Khu Bảo tồn Tự nhiên Quốc gia mang lại nơi nương náu ẩn thân ẩn náu và kiếm ăn sinh sôi vô cùng lý tưởng cho các loài săn mồi đỉnh cao như báo gấm, hổ Đông Bắc hoang dã.

24 nét | HÁN VIỆT : TẠNG THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #349

操控
cāokòng

thao tác điều khiển, vận hành điều khiển chuẩn xác

在万米深渊极限海底，深潜科学家通过高精度力反馈主从手柄精准操控多自由度仿生机械臂完成科学采样作业。
Zài wàn mǐ shēn yuān jí xiàn hǎi dǐ, shēn qián kē xué jiā tōng guò gāo jīng dù lì fǎn kuì zhǔ cóng shǒu bǐng jīng zhǔn cāo kòng duō zì yóu dù fǎng shēng jī xiè bì wán chéng kē xué cǎi yàng zuò yè.
Dưới đáy biển sâu cực hạn của vực sâu vạn mét, nhà khoa học lặn sâu thông qua tay cầm chủ - tớ phản hồi lực độ chính xác cao đã thao tác điều khiển vận hành điều khiển chuẩn xác cánh tay robot phỏng sinh học đa bậc tự do hoàn thành thao tác lấy mẫu khoa học.

22 nét | HÁN VIỆT : THAO KHỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #350

操劳
cāo láo

làm việc chăm chỉ

老师鼓励大家积极操劳，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cāo láo， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm việc chăm chỉ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét | HÁN VIỆT : THAO LAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #351

操心
cāo xīn

bận tâm, lo lắng, nhọc lòng

父母操劳一生，为子女的成长与学业操碎了心，我们长大后要多懂得感恩与陪伴。
Fù mǔ cāo láo yī shēng, wèi zǐ nǚ de chéng zhǎng yǔ xué yè cāo suì le xīn, wǒ men zhǎng dà hòu yào duō dǒng de gǎn ēn yǔ péi bàn.
Cha mẹ vất vả cả một đời, lo lắng hao tâm tổn trí cho sự trưởng thành và học hành của con cái, khi khôn lớn chúng ta cần biết thấu hiểu, hiếu thảo và ở bên phụ dưỡng.

20 nét | HÁN VIỆT : THAO TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #352

槽
cáo

khe cắm

老师鼓励大家积极槽，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cáo， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực khe cắm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét | HÁN VIỆT : TÀO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #353

草案
cǎo àn

dự thảo, bản thảo (luật, kế hoạch)

全国人大常委会对《中华人民共和国原子能法（草案）》进行了深入细致的审议，广泛吸纳了科技界专家的意见。
Quán guó rén dà cháng wěi huì duì《zhōng huá rén mín gòng hé guó yuán zǐ néng fǎ (cǎo àn)》jìn xíng le shēn rù xì zhì de shěn yì, guǎng fàn xī nà le kē jì jiè zhuān jiā de yì jiàn.
Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã tiến hành thẩm tra sâu sắc và tỉ mỉ đối với 'Luật Năng lượng Nguyên tử nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Dự thảo)', tiếp thu sâu rộng ý kiến của các chuyên gia giới khoa học công nghệ.

23 nét | HÁN VIỆT : THẢO ÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #354

草坪
cǎopíng

bãi cỏ, thảm cỏ xanh mướt

国家高新技术科学城园区内绿树成荫、繁花似锦，青年学者们常聚在宽阔开阔的生态中央草坪上热烈研讨前沿科学问题。
Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng yuán qū nèi lǜ shù chéng yīn, fán huā sì jǐn, qīng nián xué zhě men cháng jù zài kuān kuò kāi kuò de shēng tài zhōng yāng cǎo píng shàng rè liè yán tǎo qián yán kē xué wèn tí.
Bên trong khuôn viên Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia cây xanh rợp bóng, hoa tươi như gấm, các học giả trẻ tuổi thường tụ họp trên thảm cỏ bãi cỏ trung tâm sinh thái rộng mở khoáng đạt để sôi nổi thảo luận các vấn đề khoa học tiên phong.

24 nét | HÁN VIỆT : THẢO BÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #355

侧面
cè miàn

mặt bên, góc nghiêng; khía cạnh gián tiếp

从高速铁路春运客流量连创新高这一侧面，充分印证了中国国内大循环市场的澎湃内生动力与蓬勃生机。
Cóng gāo sù tiě lù chūn yùn kè liú liàng lián chuàng xīn gāo zhè yī cè miàn, chōng fèn yìn zhèng le zhōng guó guó nèi dà xún huán shì chǎng de pēng pài nèi shēng dòng lì yǔ péng bó shēng jī.
Nhìn từ một khía cạnh góc độ lưu lượng hành khách đi tàu cao tốc trong dịp Tết Nguyên đán liên tục lập kỷ lục mới, đã chứng minh đầy đủ động lực nội sinh cuộn trào mạnh mẽ cùng sức sống bừng bừng của thị trường tuần hoàn nội địa Trung Quốc.

18 nét | HÁN VIỆT : TRẮC DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #356

侧重
cèzhòng

chú trọng vào, thiên về, đặt trọng tâm vào

国家自然科学基金青年专项更加侧重于考察青年学者提出原创科学思想的敏锐洞察力，而非单纯看重论文数量。
Guó jiā zì rán kē xué jī jīn qīng nián zhuān xiàng gèng jiā cè zhòng yú kǎo chá qīng nián xué zhě tí chū yuán chuàng kē xué sī xiǎng de mǐn ruì dòng chá lì, ér fēi dān chún kàn zhòng lùn wén shù liàng.
Chuyên án Thanh niên Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia càng chú trọng vào thiên về việc khảo sát năng lực nhìn thấu nhạy bén của học giả trẻ khi đưa ra các tư tưởng khoa học nguyên tác, chứ không đơn thuần chỉ coi trọng số lượng bài báo.

17 nét | HÁN VIỆT : TRẮC TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #357

测算
cèsuàn

tính toán đo đạc, ước tính dự toán số liệu

攻关团队运用超级计算机对超大跨径跨海悬索桥在超强台风工况下的非线性气动共振响应进行了高精度数值测算。
Gōng guān tuán duì yùn yòng chāo jí jì suàn jī duì chāo dà kuà jìng kuà hǎi xuán suǒ qiáo zài chāo qiáng tái fēng gōng kuàng xià de fēi xiàn xìng qì dòng gòng zhèn xiǎng yìng jìn xíng le gāo jīng dù shù zhí cè suàn.
Đội ngũ vượt khó ứng dụng siêu máy tính tiến hành tính toán đo đạc ước tính số trị độ chính xác cao đối với phản ứng cộng hưởng khí động học phi tuyến tính của cây cầu treo vượt biển khẩu độ siêu lớn dưới điều kiện làm việc bão siêu mạnh.

22 nét | HÁN VIỆT : TRẮC TOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #358

测验
cè yàn

kiểm tra, trắc nghiệm, bài kiểm tra

每周末进行的阶段性词汇测验，能够帮助同学们及时查漏补缺、巩固所学知识。
Měi zhōu mò jìn xíng de jiē duàn xìng cí huì cè yàn, néng gòu bāng zhù tóng xué men jí shí chá lòu bǔ quē, gǒng gù suǒ xué zhī shí.
Bài kiểm tra từ vựng định kỳ vào mỗi cuối tuần sẽ giúp các bạn học sinh kịp thời rà soát lỗ hổng và củng cố vững chắc những kiến thức đã học.

16 nét | HÁN VIỆT : TRẮC NGHIỆM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #359

层出不穷
céng chū bù qióng

xuất hiện không dứt, lớp lớp xuất hiện, tầng tầng lớp lớp

近年来我国在量子科技、人工智能、深空探测等战略新兴前沿领域，重大原创性科技成果层出不穷。
Jìn nián lái wǒ guó zài liàng zǐ kē jì, rén gōng zhì néng, shēn kōng tàn cè děng zhàn lüè xīn xīng qián yán lǐng yù, zhòng dà yuán chuàng xìng kē jì chéng guǒ céng chū bù qióng.
Những năm gần đây tại các lĩnh vực tiên phong mới nổi mang tính chiến lược của nước ta như công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo, thám hiểm không gian sâu, các thành quả khoa học công nghệ nguyên tác trọng đại lớp lớp xuất hiện không dứt.

35 nét | HÁN VIỆT : TẦNG XUẤT BẤT CÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #360

蹭
cèng

chà xát

老师鼓励大家积极蹭，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cèng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chà xát, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : THẶNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #361

插手
chāshǒu

nhúng tay vào, can thiệp vào, xen vào

国家科技管理体制明确建立学术同行专业评审防火墙，坚决杜绝任何行政权力非专业干预与插手学术评审工作。
Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì míng què jiàn lì xué shù tóng háng zhuān yè píng shěn fáng huǒ qiáng, jiān jué dù jué rèn hé xíng zhèng quán lì fēi zhuān yè gān yù yǔ chā shǒu xué shù píng shěn gōng zuò.
Thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia thiết lập rõ ràng tường lửa thẩm định chuyên nghiệp đồng nghiệp học thuật, kiên quyết chấm dứt mọi sự can thiệp phi chuyên môn và nhúng tay vào xen vào công tác thẩm định học thuật của quyền lực hành chính.

25 nét | HÁN VIỆT : SÁP THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #362

插图
chātú

hình minh họa, tranh minh họa đồ họa

这本权威经典物理学专著中的数百幅微观原子拓扑轨道原理插图全部由科研团队根据第一手实测数据精密绘制。
Zhè běn quán wēi jīng diǎn wù lǐ xué zhuān zhù zhōng de shù bǎi fú wēi guān yuán zǐ tuò pū guǐ dào yuán lǐ chā tú quán bù yóu kē yán tuán duì gēn jù dì yī shǒu shí cè shù jù jīng mì huì zhì.
Hàng trăm bức hình minh họa tranh minh họa nguyên lý quỹ đạo tô-pô nguyên tử vi mô trong cuốn chuyên khảo vật lý học kinh điển đẩy thẩm quyền này đều do đội ngũ nghiên cứu khoa học vẽ chuẩn xác căn cứ theo dữ liệu đo đạc thực tế đầu tay.

23 nét | HÁN VIỆT : SÁP ĐỒ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #363

插嘴
chāzuǐ

chen miệng vào, nói leo, ngắt lời chen ngang

在青年科学家学术沙龙上，学者们凝神聆听学术报告与论证，在主讲人发言完毕前决不随意打断或插嘴。
Zài qīng nián kē xué jiā xué shù shā lóng shàng, xué zhě men níng shén líng tīng xué shù bào gào yǔ lùn zhèng, zài zhǔ jiǎng rén fā yán wán bì qián jué bù suí yì dǎ duàn huò chā zuǐ.
Tại sa-lông học thuật các nhà khoa học trẻ, các học giả chăm chú lắng nghe báo cáo học thuật và luận chứng, trước khi diễn giả chính phát biểu xong tuyệt đối không tùy tiện ngắt lời hay chen miệng vào nói leo.

24 nét | HÁN VIỆT : SÁP CHUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #364

查处
chá chǔ

điều tra

老师鼓励大家积极查处，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chá chǔ， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều tra, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét | HÁN VIỆT : TRA XỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #365

查明
cháming

làm sáng tỏ, điều tra làm rõ, xác định rõ

通过多学科联合攻关与深地万米科学钻探，科学家们终于查明了该超大型稀有金属矿床的深部成矿动力学机制。
Tōng guò duō xué kē lián hé gōng guān yǔ shēn dì wàn mǐ kē xué zuān tàn, kē xué jiā men zhōng yú chá míng le gāi chāo dà xíng xī yǒu jīn shǔ kuàng chuáng de shēn bù chéng kuàng dòng lì xué jī zhì.
Thông qua khoan thăm dò khoa học vạn mét trong lòng đất sâu và vượt khó liên ngành phối hợp, các nhà khoa học cuối cùng đã điều tra làm rõ làm sáng tỏ cơ chế động lực học tạo quặng ở sâu của mỏ kim loại hiếm siêu lớn này.

22 nét | HÁN VIỆT : TRA MINH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #366

查找
cházhǎo

tìm kiếm tra cứu, rà soát tìm ra

科研人员在超算分布式文件系统中运用高通量索引引擎，能在数秒内快速查找检索海量深空天文科学观测原始数据。
Kē yán rén yuán zài chāo suàn fēn bù shì wén jiàn xì tǒng zhōng yùn yòng gāo tōng liàng suǒ yǐn yǐn qíng, néng zài shù miǎo nèi kuài sù chá zhǎo jiǎn suǒ hǎi liàng shēn kōng tiān wén kē xué guān cè yuán shǐ shù jù.
Cán bộ nghiên cứu khoa học ứng dụng công cụ chỉ mục thông lượng cao trong hệ thống tệp phân tán siêu máy tính có thể nhanh chóng tra cứu tìm kiếm truy xuất dữ liệu nguyên bản quan trắc khoa học thiên văn không gian sâu khổng lồ trong vòng vài giây.

20 nét | HÁN VIỆT : TRA TRẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #367

茶道
chádào

trà đạo, nghệ thuật thưởng trà

在紧张繁重的高强度科研攻关之余，青年学者们常聚在学术交流茶歇室品茗论道，在淡雅茶道中汲取东方哲学智慧灵感。
Zài jǐn zhāng fán zhòng de gāo qiáng dù kē yán gōng guān zhī yú, qīng nián xué zhě men cháng jù zài xué shù jiāo liú chá xiē shì pǐn míng lùn dào, zài dàn yǎ chá dào zhōng jí qǔ dōng fāng zhé xué zhì huì líng gǎn.
Sau những giờ phút vượt khó nghiên cứu khoa học cường độ cao căng thẳng vất vả, các học giả trẻ thường tụ họp trong phòng trà giao lưu học thuật thưởng trà đàm đạo, tiếp nhận linh cảm trí tuệ triết học phương Đông trong nghệ thuật trà đạo trà đạo thanh nhã.

21 nét | HÁN VIỆT : TRÀ ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #368

茶馆儿
cháguǎnr

quán trà, tiệm trà truyền thống (khẩu ngữ)

在具有浓厚历史文化底蕴的老茶馆儿里，两院院士与多位年轻学子围坐在一起，畅谈科学求索精神与青年使命担当。
Zài jù yǒu nóng hòu lì shǐ wén huà dǐ yùn de lǎo chá guǎn ér lǐ, liǎng yuàn yuàn shì yǔ duō wèi nián qīng xué zǐ wéi zuò zài yì qǐ, chàng tán kē xué qiú suǒ jīng shén yǔ qīng nián shǐ mìng dān dāng.
Bên trong quán trà tiệm trà truyền thống cổ kính đậm đà bề dày văn hóa lịch sử, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm cùng nhiều học trò trẻ tuổi đã quây quần ngồi lại bên nhau, say sưa bàn luận về tinh thần tìm tòi khoa học cùng sứ mệnh gánh vác của thanh niên.

34 nét | HÁN VIỆT : TRÀ QUÁN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #369

察觉
chájué

cảm nhận thấy, nhận biết phát hiện, phát giác

新一代量子重力梯度仪具有极其惊人的超高灵敏度，能精准察觉到地下数千米深处微小的岩层密度扰动变化。
Xīn yí dài liàng zǐ zhòng lì tī dù yí jù yǒu jí qí jīng rén de chāo gāo líng mǐn dù, néng jīng zhǔn chá jué dào dì xià shù qiān mǐ shēn chù wēi xiǎo de yán céng mì dù rǎo dòng biàn huà.
Máy đo gradient trọng lực lượng tử thế hệ mới sở hữu độ nhạy cảm siêu cao cực kỳ đáng kinh ngạc, có thể nhận biết phát hiện cảm nhận thấy chuẩn xác những biến đổi xáo trộn mật độ tầng đá nhỏ bé ở độ sâu hàng ngàn mét dưới lòng đất.

22 nét | HÁN VIỆT : SÁT GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #370

察看
chákàn

thị sát, quan sát xem xét, kiểm tra hiện trường

国家重大工程总指挥深入超洁净超高真空加速管道施工一线，仔细察看每一处法兰密封连接工艺质量。
Guó jiā zhòng dà gōng chéng zǒng zhǐ huī shēn rù chāo jié jìng chāo gāo zhēn kōng jiā sù guǎn dào shī gōng yī xiàn, zǐ xì chá kàn měi yī chù fǎ lán mì fēng lián jié gōng yì zhì liàng.
Vị Tổng Chỉ huy công trình trọng đại quốc gia đã đi sâu vào tuyến đầu thi công đường ống gia tốc chân không siêu cao siêu sạch, xem xét kiểm tra thị sát tỉ mỉ chất lượng quy trình mối nối hàn kín mặt bích tại từng vị trí.

26 nét | HÁN VIỆT : SÁT KHÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #371

诧异
chà yì

kinh ngạc, ngạc nhiên, lấy làm lạ

当在深海万米极度黑暗高压的海底深渊首次发现生机勃勃的全新热液生物群落时，全船科学家都感到无比诧异与惊喜。
Dāng zài shēn hǎi wàn mǐ jí dù hēi àn gāo yā de hǎi dǐ shēn yuān shǒu cì fā xiàn shēng jī bó bó de quán xīn rè yè shēng wù qún luò shí, quán chuán kē xué jiā dōu gǎn dào wú bǐ chà yì yǔ jīng xǐ.
Khi lần đầu tiên phát hiện ra một quần xã sinh vật miệng phun thủy nhiệt hoàn toàn mới tràn trề sức sống dưới vực thẳm đáy biển vạn mét tối đen như mực và áp suất cực cao, toàn bộ các nhà khoa học trên tàu đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc và vui mừng khôn xiết.

23 nét | HÁN VIỆT : SÁ DỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #372

差错
chācuò

sai sót, sai lệch sơ suất, lỗi lầm

大科学工程实行严密的零缺陷全流程质量管理制度，确保关键装备在数十万小时连续高负荷运行中零差错。
Dà kē xué gōng chéng shí xíng yán mì de líng quē xiàn quán liú chéng zhì liàng guǎn lǐ zhì dù, què bǎo guān jiàn zhuāng bèi zài shù shí wàn xiǎo shí lián xù gāo fù hè yùn xíng zhōng líng chā cuò.
Công trình khoa học lớn thực thi chế độ quản lý chất lượng toàn bộ quy trình không khuyết tật nghiêm ngặt, bảo đảm các trang thiết bị then chốt trong hàng chục vạn giờ vận hành tải trọng cao liên tục không có một sai sót sai lệch nào.

22 nét | HÁN VIỆT : SAI THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #373

差额
chā'é

chênh lệch số dư, số tiền/phiếu chênh lệch (bầu cử có số dư)

国家自然科学基金重大项目评审全面实行严格的专家匿名评审与差额竞争遴选机制，确保选拔出最具原创价值的课题。
Guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng dà xiàng mù píng shěn quán miàn shí xíng yán gé de zhuān jiā nì míng píng shěn yǔ chā é jìng zhēng lín xuǎn jī zhì, què bǎo xuǎn bá chū zuì jù yuán chuàng jià zhí de kè tí.
Việc thẩm định đánh giá các dự án trọng đại Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia thực thi toàn diện cơ chế tuyển chọn cạnh tranh có số dư chênh lệch số dư và thẩm định ẩn danh chuyên gia nghiêm ngặt, bảo đảm chọn ra đề tài có giá trị nguyên tác cao nhất.

19 nét | HÁN VIỆT : SAI NGẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #374

搀
chān

dìu, đỡ; pha trộn, trộn lẫn

在暴风雪救援现场，年轻的消防战士小心翼翼地搀扶着行动不便的高龄老人稳步转移到温暖安全的应急避难所。
Zài bào fēng xuě jiù yuán xiàn chǎng, nián qīng de xiāo fáng zhàn shì xiǎo xīn yì yì dì chān fú zhe xíng dòng bù biàn de gāo líng lǎo rén wěn bù zhuǎn yí dào wēn nuǎn ān quán de yìng jí bì nàn suǒ.
Tại hiện trường cứu hộ bão tuyết, người chiến sĩ cứu hỏa trẻ tuổi đã cẩn thận ân cần dìu cụ già cao tuổi đi lại khó khăn từng bước vững vàng chuyển tới trạm trú ẩn khẩn cấp an toàn và ấm áp.

9 nét | HÁN VIỆT : SAM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #375

禅杖
chánzhàng

thiền trượng, cây gậy thiền sư

在古代佛教金属工艺与材料科学特展上，科研人员通过高精度X射线荧光光谱仪揭示了唐代鎏金铜锡禅杖的精湛铸造微观金相结构。
Zài gǔ dài fó jiào jīn shǔ gōng yì yǔ cái liào kē xué tè zhǎn shàng, kē yán rén yuán tōng guò gāo jīng dù X shè xiàn yíng guāng guāng pǔ yí jié shì le táng dài liú jīn tóng xī chán zhàng de jīng zhàn zhù zào wēi guān jīn xiàng jié gòu.
Tại triển lãm đặc biệt về khoa học vật liệu và công nghệ kim loại Phật giáo cổ đại, cán bộ nghiên cứu thông qua máy quang phổ huỳnh quang tia X độ chính xác cao đã hé lộ cấu trúc kim tướng vi mô đúc tinh xảo của cây gậy thiền sư thiền trượng đồng thiếc mạ vàng thời Đường.

18 nét | HÁN VIỆT : THIỀN TRƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #376

馋
chán

tham lam

老师鼓励大家积极馋，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chán， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tham lam, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : SÀM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #377

缠
chán

quấn, quấn quanh bện chặt; bám riết quấy rầy

在超导磁体超精密绕制车间内，全自动智能绕线机将高温超导带材紧密均匀地缠绕在超大口径低温真空骨架之上。
Zài chāo dǎo cí tǐ chāo jīng mì rào zhì chē jiān nèi, quán zì dòng zhì néng rào xiàn jī jiāng gāo wēn chāo dǎo dài cái jǐn mì jūn yún dì chán rào zài chāo dà kǒu jìng dī wēn zhēn kōng gǔ jià zhī shàng.
Bên trong phân xưởng quấn dây siêu chính xác nam châm siêu dẫn, máy quấn dây thông minh tự động hoàn toàn đã bện chặt quấn quanh quấn các dải vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao chặt chẽ đồng đều trên khung chân không nhiệt độ thấp khẩu độ siêu lớn.

9 nét | HÁN VIỆT : TRIỀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #378

产
chǎn

sản xuất, sinh ra, cho ra sản lượng; sản vật

我国完全自主培育的高产优质耐盐碱超级大豆新品种在北方示范基地喜获丰收，亩产创下历史新高纪录。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ péi yù de gāo chǎn yōu zhì nài yán jiǎn chāo jí dà dòu xīn pǐn zhǒng zài běi fāng shì fàn jī dì xǐ huò fēng shōu, mǔ chǎn chuàng xià lì shǐ xīn gāo jì lù.
Giống đậu tương siêu cấp chịu mặn phèn chất lượng cao năng suất cao sản xuất sinh ra do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng đã đón nhận mùa vàng bội thu tại căn cứ trình diễn phía Bắc, sản lượng trên mỗi mẫu lập nên kỷ lục lịch sử mới.

11 nét | HÁN VIỆT : SẢN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #379

产地
chǎndì

nơi sản xuất, xuất xứ nguồn gốc địa lý

国家中药材质量追溯大数据平台实现了对全国数百种道地名贵中药材地理产地与种植生长全过程的全流程数字化监管。
Guó jiā zhōng yào cái zhì liàng zhuī sù dà shù jù píng tái shí xiàn le duì quán guó shù bǎi zhǒng dào dì míng guì zhōng yào cái dì lǐ chǎn dì yǔ zhòng zhí shēng zhǎng quán guò chéng de quán liú chéng shù zì huà jiān guǎn.
Nền tảng dữ liệu lớn truy xuất nguồn gốc chất lượng dược liệu Trung y quốc gia đã thực hiện giám sát số hóa toàn bộ quy trình đối với toàn bộ tiến trình trồng trọt sinh trưởng và nơi sản xuất xuất xứ địa lý của hàng trăm loại dược liệu Trung y quý hiếm chuẩn xuất xứ trên toàn quốc.

23 nét | HÁN VIỆT : SẢN ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #380

产物
chǎnwù

sản vật, sản phẩm tạo thành, kết tinh đúc kết

这项重大科技成果是跨学科多领域顶尖科学家历经多年紧密协同、集体攻坚克难的智慧结晶与历史必然产物。
Zhè xiàng zhòng dà kē jì chéng guǒ shì kuà xué kē duō lǐng yù dǐng jiān kē xué jiā lì jīng duō nián jǐn mì xié tóng, jí tǐ gōng jiān kè nán de zhì huì jié jīng yǔ lì shǐ bì rán chǎn wù.
Thành quả khoa học công nghệ trọng đại này chính là kết tinh đúc kết trí tuệ và sản phẩm tạo thành sản vật tất yếu lịch sử của sự cùng nhau vượt khó tập thể, hiệp đồng chặt chẽ suốt nhiều năm trời của các nhà khoa học hàng đầu đa lĩnh vực liên ngành.

20 nét | HÁN VIỆT : SẢN VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #381

产值
chǎnzhí

giá trị sản lượng, tổng giá trị sản xuất

国家高新技术产业开发区核心园区年工业总产值突破万亿元大关，成为了培育新质生产力的强劲增长极。
Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū hé xīn yuán qū nián gōng yè zǒng chǎn zhí tū pò wàn yì yuán dà guān, chéng wéi le péi yù xīn zhì shēng chǎn lì de qiáng jìng zēng zhǎng jí.
Tổng giá trị sản xuất giá trị sản lượng công nghiệp hàng năm của khu cốt lõi Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia đã vượt mốc vạn tỷ nhân dân tệ, trở thành cực tăng trưởng mạnh mẽ nuôi dưỡng lực lượng sản xuất chất lượng mới.

21 nét | HÁN VIỆT : SẢN TRỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #382

铲
chǎn

xúc, xẻng xúc; san phẳng đào bới

在月球科学探测采样中，着陆器机械臂搭载的特种钛合金微型铲头成功铲取了月球表面高纯度月壤科学样本。
Zài yuè qiú kē xué tàn cè cǎi yàng zhōng, zhuó lù qì jī xiè bì dā zài de tè zhǒng tài hé jīn wēi xíng chǎn tóu chéng gōng chǎn qǔ le yuè qiú biǎo miàn gāo chún dù yuè rǎng kē xué yàng běn.
Trong công tác lấy mẫu thám trắc khoa học Mặt trăng, đầu xẻng xúc vi mô hợp kim titan đặc chủng gắn trên cánh tay robot của thiết bị hạ cánh đã xúc đào bới thành công mẫu vật khoa học đất đá Mặt trăng độ tinh khiết cao trên bề mặt Mặt trăng.

9 nét | HÁN VIỆT : SẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #383

铲子
chǎnzi

cái xẻng, cái bay xúc đất

极地科考队员手持特制轻量化高强度低温防粘采样铲子，在南极内陆冰盖深处小心翼翼收集珍贵极地冰雪样本。
Jí dì kē kǎo duì yuán shǒu chí tè zhì qīng liàng huà gāo qiáng dù dī wēn fáng zhān cǎi yàng chǎn zi, zài nán jí nèi lù bīng gài shēn chù xiǎo xīn yì yì shōu jí zhēn guì jí dì bīng xuě yàng běn.
Các đội viên khảo sát khoa học vùng cực tay cầm chiếc xẻng cái xẻng lấy mẫu chống dính nhiệt độ thấp cường độ cao siêu nhẹ chuyên dụng, cẩn thận thu thập các mẫu vật tuyết băng vùng cực quý giá nơi sâu thẳm của mảng băng lục địa Nam Cực.

20 nét | HÁN VIỆT : SẠN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #384

阐述
chǎn shù

trình bày, làm sáng tỏ, luận giải sâu sắc

主讲教授在国际哲学年会上全面系统地阐述了人类命运共同体理念的深厚哲学渊源与全球治理价值。
Zhǔ jiǎng jiào shòu zài guó jì zhé xué nián huì shàng quán miàn xì tǒng dì chǎn shù le rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ lǐ niàn de shēn hòu zhé xué yuān yuán yǔ quán qiú zhì lǐ jià zhí.
Giáo sư thuyết trình tại Hội nghị Triết học Quốc tế thường niên đã trình bày luận giải toàn diện và hệ thống về cội nguồn triết học sâu sắc cùng giá trị quản trị toàn cầu của quan niệm cộng đồng chung vận mệnh nhân loại.

16 nét | HÁN VIỆT : XIỂN THUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #385

颤抖
chàn dǒu

run rẩy, run bắn, run lẩy bẩy

当获知我国自主研发的新一代航空发动机试车圆满成功那一刻，老总设计师激动得双手微微颤抖、热泪盈眶。
Dāng huò zhī wǒ guó zì zhǔ yán fā de xīn yí dài háng kōng fā dòng jī shì chē yuán mǎn chéng gōng nà yī kè, lǎo zǒng shè jì shī jī dòng dé shuāng shǒu wēi wēi chàn dǒu, rè lèi yíng kuàng.
Khoảnh khắc hay tin động cơ hàng không thế hệ mới do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển thử nghiệm thành công mỹ mãn, vị tổng công trình sư thiết kế già xúc động tới mức đôi bàn tay khẽ run rẩy, nước mắt trào dâng xúc động.

21 nét | HÁN VIỆT : CHIẾN ĐẨU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #386

猖狂
chāng kuáng

ngang ngược, hung hăng càn quấy, cuồng bạo

国家公安机关依法开展常态化扫黑除恶斗争，坚决严厉打击任何企图破坏社会和谐稳定大局的猖狂黑恶势力。
Guó jiā gōng ān jī guān yī fǎ kāi zhǎn cháng tài huà sǎo hēi chú è dòu zhēng, jiān jué yán lì dǎ jī rèn hé qǐ tú pò huài shè huì hé xié wěn dìng dà jú de chāng kuáng hēi è shì lì.
Cơ quan công an quốc gia triển khai cuộc đấu tranh trấn áp tội phạm có tổ chức và bài trừ thế lực xấu xa thường thái theo luật định, kiên quyết trừng trị nghiêm khắc mọi thế lực ngẩm hung hăng càn quấy mưu toan phá hoại đại cục hòa bình và ổn định xã hội.

28 nét | HÁN VIỆT : XƯƠNG CUỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #387

偿还
cháng huán

hoàn trả, thanh toán, trả nợ

该科创先锋企业凭借高附加值核心专利产品的全球热销，在三年内全额提前偿还了全部研发银行贷款本息。
Gāi kē chuàng xiān fēng qǐ yè píng jiè gāo fù jiā zhí hé xīn zhuān lì chǎn pín de quán qiú rè xiāo, zài sān nián nèi quán é tí qián cháng huán le quán bù yán fā yín háng dài kuǎn běn xī.
Doanh nghiệp tiên phong đổi mới sáng tạo công nghệ này nhờ vào việc các sản phẩm cốt lõi có giá trị gia tăng cao bán chạy trên toàn cầu đã hoàn trả trước hạn toàn bộ gốc và lãi các khoản vay ngân hàng phục vụ nghiên cứu phát triển chỉ trong vòng 3 năm.

26 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG HOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #388

常理
chánglǐ

lẽ thường, đạo lý thông thường, quy luật tự nhiên

科学探索往往需要打破传统常理教条的束缚，敢于在常人认为不可能的技术无人区开辟全新理论路径。
Kē xué tàn suǒ wǎng wǎng xū yào dǎ pò chuán tǒng cháng lǐ jiào tiáo de shù fù, gǎn yú zài cháng rén rèn wéi bù kě néng de jì shù wú rén qū kāi pì quán xīn lǐ lùn lù jìng.
Khám phá khoa học thường cần phải phá vỡ sự trói buộc của các giáo điều đạo lý thông thường lẽ thường truyền thống, dũng cảm mở ra con đường lý luận hoàn toàn mới trong vùng không người công nghệ mà người thường cho là bất khả thi.

22 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #389

常人
chángrén

người thường, người bình thường

战略科学家们展现出了常人难以想象的坚强意志品质，甘坐冷板凳数十年如一日攻坚国家核心前沿技术。
Zhàn lüè kē xué jiā men zhǎn xiàn chū le cháng rén nán yǐ xiǎng xiàng de jiān qiáng yì zhì pǐn zhì, gān zuò lěng bǎn dèng shù shí nián rú yī rì gōng jiān guó jiā hé xīn qián yán jì shù.
Các nhà khoa học chiến lược đã phô diễn phẩm chất ý chí kiên cường mà người thường người bình thường khó lòng tưởng tượng nổi, tình nguyện ngồi ghế băng lạnh hàng mấy chục năm như một ngày để vượt khó công nghệ tiên phong cốt lõi quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #390

常态
chángtài

trạng thái bình thường, trạng thái thường nhật bình thường

中国空间站航天员乘组在轨长期驻留已实现全面常态化，在微重力环境下常态化开展空间生命科学系列前沿实验。
Zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán chéng zǔ zài guǐ cháng qī zhù liú yǐ shí xiàn quán miàn cháng tài huà, zài wēi zhòng lì huán jìng xià cháng tài huà kāi zhǎn kōng jiān shēng mìng kē xué xì liè qián yán shí yàn.
Việc lưu trú dài ngày trên quỹ đạo của phi hành đoàn phi hành gia trạm vũ trụ Trung Quốc đã thực hiện bình thường hóa toàn diện trạng thái bình thường thường nhật, triển khai thường xuyên chuỗi thực nghiệm tiên phong khoa học sinh mệnh không gian dưới môi trường không trọng lực.

21 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #391

常温
chángwēn

nhiệt độ phòng, nhiệt độ thường (20-25°C)

寻找并实现常温常压超导材料是凝聚态物理学家梦寐以求的终极梦想，将彻底颠覆全球能源与信息工业格局。
Xún zhǎo bìng shí xiàn cháng wēn cháng yā chāo dǎo cái liào shì níng jù tài wù lǐ xué jiā mèng mèi yǐ qiú de zhōng jí mèng xiǎng, jiāng chè dǐ diān fù quán qiú néng yuán yǔ xìn xī gōng yè gé jú.
Tìm kiếm và thực hiện vật liệu siêu dẫn ở áp suất thường và nhiệt độ thường nhiệt độ phòng là giấc mơ chung cuộc mà các nhà vật lý học vật chất ngưng tụ hằng khao khát trong mơ, điều này sẽ làm đảo lộn triệt để cục diện ngành công nghiệp thông tin và năng lượng toàn cầu.

26 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG ÔN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ riêng | #392

嫦娥
Cháng'é

Hằng Nga (nàng tiên Mặt trăng; dự án thám trắc Mặt trăng)

我国嫦娥六号探测器圆满完成人类历史上首次月球背面取样返回壮举，书写了中国探月工程恢弘壮丽的科学新篇章。
Wǒ guó cháng é liù hào tàn cè qì yuán mǎn wán chéng rén lèi lì shǐ shàng shǒu cì yuè qiú bèi miàn qǔ yàng fǎn huí zhuàng jǔ, shū xiě le zhōng guó tàn yuè gōng chéng huī hóng zhuàng lì de kē xué xīn piān zhāng.
Tàu thám trắc Hằng Nga Hằng Nga 6 của nước ta đã hoàn thành mỹ mãn kỳ tích lấy mẫu từ mặt sau Mặt trăng quay trở về đầu tiên trong lịch sử nhân loại, viết nên chương khoa học mới tráng lệ nguy nga của Công trình Thám trắc Mặt trăng Trung Quốc.

23 nét | HÁN VIỆT : THƯỜNG NGA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #393

厂家
chǎngjiā

nhà máy, xưởng sản xuất, nhà sản xuất

大科学工程总装集成团队与国内数十家高端工业制造厂家紧密协同，攻克了数千个关键超精密构件加工难题。
Dà kē xué gōng chéng zǒng zhuāng jí chéng tuán duì yǔ guó nèi shù shí jiā gāo duān gōng yè zhì zào chǎng jiā jǐn mì xié tóng, gōng kè le shù qiān gè guān jiàn chāo jīng mì gòu jiàn jiā gōng nán tí.
Đội ngũ tích hợp lắp ráp tổng thể công trình khoa học lớn đã hợp tác chặt chẽ cùng hàng chục xưởng sản xuất nhà máy nhà sản xuất chế tạo công nghiệp cao cấp trong nước, chinh phục hàng ngàn bài toán gia công cấu kiện siêu chính xác then chốt.

16 nét | HÁN VIỆT : HÁN GIA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #394

畅谈
chàngtán

trò chuyện cởi mở, say sưa bàn luận, đàm đạo thỏa thích

在世界青年科学家峰会圆桌沙龙上，各国青年学者齐聚一堂，畅谈通用人工智能与人类绿色可持续发展未来前景。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì yuán zhuō shā lóng shàng, gè guó qīng nián xué zhě qí jù yī táng, chàng tán tōng yòng rén gōng zhì néng yǔ rén lèi lǜ sè kě chí xù fā zhǎn wèi lái qiān jǐng.
Tại sa-lông bàn tròn Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, các học giả trẻ các nước tề tựu một nhà, say sưa bàn luận trò chuyện cởi mở đàm đạo thỏa thích về triển vọng tương lai phát triển bền vững xanh của nhân loại và trí tuệ nhân tạo đa năng.

22 nét | HÁN VIỆT : SƯỚNG ĐÀM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #395

畅销
chàng xiāo

bán chạy, đắt khách, tiêu thụ mạnh

我国具有完全自主知识产权的新能源智能汽车与光伏组件，在全球一百多个国家和地区持续畅销。
Wǒ guó jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de xīn néng yuán zhì néng qì chē yǔ guāng fú zǔ jiàn, zài quán qiú yì bǎi duō gè guó jiā hé dì qū chí xù chàng xiāo.
Xe ô tô thông minh năng lượng mới cùng các tấm pin quang điện sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn của nước ta tiếp tục bán chạy và được ưa chuộng tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : SƯỚNG TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #396

倡议
chàng yì

sáng kiến, lời kêu gọi; đề xuất khởi xướng

共建“一带一路”重大国际倡议提出十余年来，已经吸引了全球一百五十多个国家和三十多个国际组织积极参与。
Gòng jiàn "yī dài yī lù" zhòng dà guó jì chàng yì tí chū shí yú nián lái, yǐ jīng xī yǐn le quán qiú yì bǎi wǔ shí duō gè guó jiā hé sān shí duō gè guó jì zǔ zhī jī jí cān yù.
Sáng kiến quốc tế trọng đại cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường' sau hơn mười năm khởi xướng đã thu hút sự tham gia tích cực của hơn 150 quốc gia và hơn 30 tổ chức quốc tế trên toàn cầu.

21 nét | HÁN VIỆT : XƯỚNG NGHỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #397

敞开
chǎng kāi

mở rộng, rộng mở, mở toang

中国始终坚定不移向世界敞开开放的大门，与全球各国共享中国超大规模国内市场的发展机遇与红利。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí xiàng shì jiè chǎng kāi kāi fàng de dà mén, yǔ quán qiú gè guó gòng xiǎng zhōng guó chāo dà guī mó guó nèi shì chǎng de fā zhǎn jī yù yǔ hóng lì.
Trung Quốc luôn kiên định mở rộng toang cánh cửa mở cửa đối ngoại với thế giới, cùng các quốc gia trên toàn cầu chia sẻ những cơ hội phát triển và lợi ích to lớn từ thị trường nội địa siêu quy mô của mình.

19 nét | HÁN VIỆT : SƯỞNG KHAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #398

抄袭
chāoxí

đạo văn, sao chép trộm cắp ý tưởng, sao chép bất hợp pháp

国家科技部对科研诚信建设实施最严厉监管，对任何学术论文抄袭剽窃行为一律依法依规撤销资助并记入科研黑名单。
Guó jiā kē jì bù duì kē yán chéng xìn jiàn shè shí shī zuì yán lì jiān guǎn, duì rèn hé xué shù lùn wén chāo xí piāo qiè xíng wéi yī lǜ yī fǎ yī guī chè xiāo zī zhù bìng jì rù kē yán hēi míng dān.
Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia thực thi giám sát nghiêm khắc nhất đối với việc xây dựng thành tín nghiên cứu khoa học, đối với bất kỳ hành vi sao chép đạo văn trộm cắp ý tưởng luận văn học thuật nào đều xử lý theo đúng quy định và pháp luật thu hồi tài trợ và ghi tên vào danh sách đen nghiên cứu khoa học.

25 nét | HÁN VIỆT : SAO TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #399

钞票
chāo piào

tiền giấy, tờ tiền bạc

中国人民银行发行的第五套人民币纸币采用了全球领先的光彩光变油墨与激光微孔防伪印刷技术。
Zhōng guó rén mín yín háng fā xíng de dì wǔ tào rén mín bì zhǐ bì cǎi yòng le quán qiú lǐng xiān de guāng cǎi guāng biàn yóu mò yǔ jī guāng wēi kǒng fáng wěi yìn shuā jì shù.
Bộ tiền giấy Nhân dân tệ thứ năm do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc phát hành đã áp dụng công nghệ in ấn chống giả quang học đổi màu và lỗ vi mô laser hàng đầu thế giới.

17 nét | HÁN VIỆT : SAO PHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #400

超标
chāobiāo

vượt chuẩn, vượt quá tiêu chuẩn cho phép

大科学装置超洁净实验室配备了全时多参数激光尘埃粒子在线监测系统，确保车间空气微粒浓度绝不超标。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jié jìng shí yàn shì pèi bèi le quán shí duō cān shù jī guāng chén āi lì zi zài xiàn jiān cè xì tǒng, què bǎo chē jiān kōng qì wēi lì nóng dù jué bù chāo biāo.
Phòng thí nghiệm siêu sạch của thiết bị khoa học lớn trang bị hệ thống quan trắc trực tuyến hạt bụi laser đa tham số toàn thời gian, bảo đảm nồng độ vi hạt không khí trong phân xưởng tuyệt đối không vượt chuẩn vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

23 nét | HÁN VIỆT : SIÊU TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #401

超车
chāochē

vượt xe; bứt phá vượt lên dẫn đầu (uốn lượn vượt xe: wāndào chāochē)

在新能源汽车与量子信息赛道上，我国通过前瞻性战略布局与持续自主创新，实现了从跟跑追赶到换道超车的历史性跨越。
Zài xīn néng yuán qì chē yǔ liàng zǐ xìn xī sài dào shàng, wǒ guó tōng guò qián zhān xìng zhàn lüè bù jú yǔ chí xù zì zhǔ chuàng xīn, shí xiàn le cóng gēn pǎo zhuī gǎn dào huàn dào chāo chē de lì shǐ xìng kuà yuè.
Trên đường đua thông tin lượng tử và xe năng lượng mới, nước ta thông qua đổi mới sáng tạo tự chủ liên tục và bố cục chiến lược có tầm nhìn xa đã thực hiện bước nhảy vọt lịch sử từ chạy đuổi theo sau trở thành chuyển làn bứt phá vượt lên dẫn đầu vượt xe.

22 nét | HÁN VIỆT : SIÊU XA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #402

超前
chāoqián

đi trước thời đại, tiên phong vượt trước, đón đầu

国家适度超前布局建设新一代超大规模人工智能智能算力中心与高速量子通信骨干网络，为未来科技爆发奠定坚实底座。
Guó jiā shì dù chāo qián bù jú jiàn shè xīn yí dài chāo dà guī mó rén gōng zhì néng zhì néng suàn lì zhōng xīn yǔ gāo sù liàng zǐ tōng xìn gǔ gàn wǎng luò, wèi wèi lái kē jì bào fā diàn dìng jiān shí dǐ zuò.
Nhà nước chủ động bố trí xây dựng vượt trước đi trước thời đại đón đầu mạng lưới trục chính thông tin lượng tử tốc độ cao và trung tâm sức mạnh tính toán thông minh trí tuệ nhân tạo quy mô siêu lớn thế hệ mới, đặt nền móng vững chãi cho sự bùng nổ khoa học công nghệ tương lai.

26 nét | HÁN VIỆT : SIÊU TIỀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #403

超速
chāosù

chạy quá tốc độ, vượt tốc độ quy định

高速动车组车载全自动列车控制系统具备极其严密的超速自动防护刹车功能，确保高铁在极速运行中万无一失。
Gāo sù dòng chē zǔ chē zài quán zì dòng liè chē kòng zhì xì tǒng jù bèi jí qí yán mì de chāo sù zì dòng fáng hù shā chē gōng néng, què bǎo gāo tiě zài jí sù yùn xíng zhōng wàn wú yī shī.
Hệ thống điều khiển tàu hoàn toàn tự động trên tàu động lực cao tốc sở hữu chức năng phanh hãm phòng hộ tự động khi vượt tốc độ chạy quá tốc độ cực kỳ nghiêm ngặt, bảo đảm đường sắt cao tốc trong vận hành tốc độ cực cao tuyệt đối an toàn không một sai sót.

25 nét | HÁN VIỆT : SIÊU TỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #404

朝代
cháo dài

triều đại, triều đình

唐代是中国古代诗歌发展的鼎盛朝代，涌现出了李白、杜甫等璀璨耀眼的伟大诗人。
Táng dài shì zhōng guó gǔ dài shī gē fā zhǎn de dǐng shèng cháo dài, yǒng xiàn chū le lǐ bái, dù fǔ děng cuǐ càn yào yǎn de wěi dà shī rén.
Nhà Đường là triều đại phát triển rực rỡ đỉnh cao của thi ca cổ đại Trung Quốc, sản sinh ra những nhà thơ vĩ đại tỏa sáng chói lọi như Lý Bạch, Đỗ Phủ.

16 nét | HÁN VIỆT : TRIỀU ĐẠI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #405

朝气蓬勃
zhāo qì péng bó

tràn trề nhựa sống, hừng hực khí thế thanh xuân

广大青年科技工作者风华正茂、朝气蓬勃，在重大科技工程攻坚一线勇挑大梁、书写无愧于时代的青春篇章。
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě fēng huá zhèng mào, zhāo qì péng bó, zài zhòng dà kē jì gōng chéng gōng jiān yī xiàn yǒng tiǎo dà liáng, shū xiě wú kuì yú shí dài de qīng chūn piān zhāng.
Đông đảo những người làm công tác khoa học công nghệ thanh niên tuổi trẻ tài cao, tràn trề nhựa sống hừng hực khí thế, nơi tuyến đầu vượt khó của các công trình khoa học công nghệ trọng đại đã dũng cảm gánh vác trọng trách trụ cột, viết nên trang sử thanh xuân xứng đáng với thời đại.

35 nét | HÁN VIỆT : TRIỀU KHÍ BỒNG BỘT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #406

朝三暮四
zhāosānmùsì

sáng ba chiều bốn, thay đổi thất thường, đứng núi này trông núi nọ

从事重大前沿基础研究必须甘坐冷板凳、下苦功夫，决不能朝三暮四、频繁变换研究方向追逐短期热点。
Cóng shì zhòng dà qián yán jī chǔ yán jiū bì xū gān zuò lěng bǎn dèng, xià kǔ gōng fu, jué bù néng zhāo sān mù sì, pín fán biàn huàn yán jiū fāng xiàng zhuī zhú duǎn qī rè diǎn.
Làm nghiên cứu cơ bản tiên phong trọng đại bắt buộc phải tình nguyện ngồi ghế băng lạnh, dày công khổ luyện, tuyệt đối không được thay đổi thất thường đứng núi này trông núi nọ sáng ba chiều bốn, liên tục thay đổi phương hướng nghiên cứu để chạy theo các điểm nóng ngắn hạn.

35 nét | HÁN VIỆT : TRIỀU TAM MỘ TỨ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #407

朝夕相处
zhāoxīxiāngchǔ

sớm tối bên nhau, ngày đêm kề vai sát cánh, gắn bó sớm chiều

在大科学工程攻坚克难的数千个日日夜夜里，青年科研骨干与老一辈科学家朝夕相处，结下了深厚真挚的师徒情谊。
Zài dà kē xué gōng chéng gōng jiān kè nán de shù qiān gè rì rì yè yè lǐ, qīng nián kē yán gǔ gàn yǔ lǎo yī bèi kē xué jiā zhāo xī xiāng chǔ, jié xià le shēn hòu zhēn zhì de shī tú qíng yì.
Trong hàng ngàn ngày đêm vượt khó của công trình khoa học lớn, các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi cùng các nhà khoa học tiền bối đã ngày đêm kề vai sát cánh sớm tối bên nhau gắn bó sớm chiều, kết nên tình nghĩa thầy trò chân thành sâu đậm.

35 nét | HÁN VIỆT : TRIỀU TỊCH TƯƠNG XỬ

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ / Động từ | #408

朝着
cháozhe

hướng về, nhắm về phía, tiến về hướng

广大科技工作者正朝着建设世界科技强国的宏伟奋斗目标奋勇前行，不断书写攀登科学高峰的时代华章。
Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě zhèng cháo zhe jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de hóng wěi fèn dòu mù biāo fèn yǒng qián xíng, bù duàn shū xiě pān dēng kē xué gāo fēng de shí dài huá zhāng.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ đang hướng về tiến về hướng mục tiêu phấn đấu hùng vĩ xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới dũng cảm tiến lên phía trước, không ngừng viết nên những áng văn chương thời đại trèo lên đỉnh cao khoa học.

17 nét | HÁN VIỆT : TRIỀU TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #409

嘲弄
cháonòng

chế giễu, nhạo báng, mỉa mai cười nhạo

面对初期个别西方媒体的质疑与嘲弄，中国科研团队用一系列无可辩驳的超精密硬核突破做出了最有力的回应。
Miàn duì chū qī gè bié xī fāng méi tǐ de zhì yí yǔ cháo nòng, zhōng guó kē yán tuán duì yòng yī xì liè wú kě biàn bó de chāo jīng mì yìng hé tū pò zuò chū le zuì yǒu lì de huí yìng.
Đứng trước sự hoài nghi và mỉa mai chế giễu nhạo báng của một số phương tiện truyền thông phương Tây trong thời kỳ đầu, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc đã dùng một loạt các bước đột phá công nghệ cứng siêu chính xác không thể chối cãi để đưa ra lời hồi đáp đanh thép nhất.

24 nét | HÁN VIỆT : TRÀO LỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #410

嘲笑
cháo xiào

chế giễu, nhạo báng, mỉa mai

勇于在科学未知领域探索前行的人从不畏惧失败，更不会因一时的挫折而停下脚步，面对外界无知的嘲笑报以坦然一笑。
Yǒng yú zài kē xué wèi zhī lǐng yù tàn suǒ qián xíng de rén cóng bù wèi jù shī bài, gèng bú huì yīn yī shí de cuò zhé ér tíng xià jiǎo bù, miàn duì wài jiè wú zhī de cháo xiào bào yǐ tǎn rán yī xiào.
Những người dũng cảm tiến bước thám hiểm trong lĩnh vực khoa học chưa biết không bao giờ sợ hãi thất bại, càng không vì những vấp ngã nhất thời mà dừng chân, trước những lời chế giễu ngu ngốc từ bên ngoài chỉ đáp lại bằng một nụ cười thản nhiên.

23 nét | HÁN VIỆT : TRÀO TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #411

吵嘴
chǎozuǐ

cãi cọ, cãi vã đấu khẩu, đôi co

在大科学工程学术研讨会上，学者们围绕微观物理机制各抒己见、热烈争鸣，这是追求科学真理的学术碰撞而非个人吵嘴。
Zài dà kē xué gōng chéng xué shù yán tǎo huì shàng, xué zhě men wéi rào wēi guān wù lǐ jī zhì gè shū jǐ jiàn, rè liè zhēng míng, zhè shì zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de xué shù pèng zhuàng ér fēi gè rén chǎo zuǐ.
Tại hội thảo học thuật công trình khoa học lớn, các học giả xung quanh cơ chế vật lý vi mô mỗi người bày tỏ ý kiến riêng, tranh luận sôi nổi, đây là sự va chạm học thuật mưu cầu chân lý khoa học chứ tuyệt đối không phải là cãi cọ cãi vã đôi co cá nhân.

24 nét | HÁN VIỆT : SẢO CHUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #412

车道
chēdào

làn xe, làn đường xe chạy

我国成功建成了全球首条全线支持车路云一体化高精度自动驾驶测试的八车道现代化智慧高速公路。
Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú shǒu tiáo quán xiàn zhī chí chē lù yún yī tǐ huà gāo jīng dù zì dòng jià shǐ cè shì de bā chē dào xiàn dài huà zhì huì gāo sù gōng lù.
Nước ta đã xây dựng thành công tuyến đường cao tốc thông minh hiện đại hóa 8 làn xe làn đường xe chạy đầu tiên trên toàn cầu hỗ trợ toàn tuyến thử nghiệm lái xe tự động độ chính xác cao tích hợp xe - đường - đám mây.

19 nét | HÁN VIỆT : XA ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #413

车祸
chēhuò

tai nạn xe hơi, tai nạn giao thông đường bộ

基于新一代全天候毫米波雷达与激光雷达融合感知的主动安全制动系统，能将重大高速公路车祸事故率极限降低百分之九十以上。
Jī yú xīn yí dài quán tiān hòu háo mǐ bō léi dá yǔ jī guāng léi dá róng hé gǎn zhī de zhǔ dòng ān quán zhì dòng xì tǒng, néng jiāng zhòng dà gāo sù gōng lù chē huò shì gù lǜ jí xiàn jiàng dī bǎi fēn zhī jiǔ shí yī shàng.
Hệ thống phanh hãm an toàn chủ động dựa trên cảm nhận dung hợp radar laser (LiDAR) và radar sóng milimet mọi thời tiết thế hệ mới có thể giảm thiểu cực hạn tỷ lệ sự cố tai nạn giao thông tai nạn xe hơi trên đường cao tốc trọng đại xuống trên 90%.

20 nét | HÁN VIỆT : XA HOẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #414

车间
chējiān

phân xưởng, nhà xưởng sản xuất

在大科学装置超高洁净微纳加工车间内，智能工业机器人正在全自动高精度装配核心同步辐射光学元器件。
Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jié jìng wēi nà jiā gōng chē jiān nèi, zhì néng gōng yè jī qì rén zhèng zài quán zì dòng gāo jīng dù zhuāng pèi hé xīn tóng bù fú shè guāng xué yuán qì jiàn.
Bên trong phân xưởng nhà xưởng gia công vi nano siêu sạch của thiết bị khoa học lớn, robot công nghiệp thông minh đang tự động hóa lắp ráp hoàn toàn độ chính xác cao các linh kiện quang học bức xạ synchrotron cốt lõi.

18 nét | HÁN VIỆT : XA GIAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #415

车轮
chēlún

bánh xe, bánh xe chuyển động (nghĩa đen/bóng)

历史的车轮滚滚向前不可阻挡，中国科技自立自强与中华民族伟大复兴的历史历史进程任何人也无法阻挡！
Lì shǐ de chē lún gǔn gǔn xiàng qián bù kě zǔ dǎng, zhōng guó kē jì zì lì zì qiáng yǔ zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng de lì shǐ lì shǐ jìn chéng rèn hé rén yě wú fǎ zǔ dǎng!
Bánh xe bánh xe lịch sử cuồn cuộn lăn về phía trước không gì ngăn cản nổi, tiến trình lịch sử phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa và tự chủ tự cường khoa học công nghệ Trung Quốc không bất kỳ ai có thể ngăn cản nổi!

21 nét | HÁN VIỆT : XA LUÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #416

车速
chēsù

tốc độ xe chạy, vận tốc xe

我国完全自主研制的新一代高速磁浮试验列车最高运行时速突破六百公里，创造了地面轨道交通车速世界新纪录。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài gāo sù cí fú shì yàn liè chē zuì gāo yùn xíng shí sù tū pò liù bǎi gōng lǐ, chuàng zào le dì miàn guǐ dào jiāo tōng chē sù shì jiè xīn jì lù.
Đoàn tàu thử nghiệm đệm từ cao tốc thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo có vận tốc vận hành cao nhất vượt 600 km/h, kiến tạo nên kỷ lục thế giới mới về tốc độ xe chạy vận tốc xe giao thông đường ray mặt đất.

23 nét | HÁN VIỆT : XA TỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #417

车位
chēwèi

chỗ đỗ xe, vị trí đậu xe

国家高新技术科学城全面普及了新能源汽车地下全自动立体智能车位与无线超快充充电桩系统。
Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng quán miàn pǔ jí le xīn néng yuán qì chē dì xià quán zì dòng lì tǐ zhì néng chē wèi yǔ wú xiàn chāo kuài chōng chōng diàn zhuāng xì tǒng.
Khu Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đã phổ cập toàn diện hệ thống cọc sạc siêu nhanh không dây và chỗ đỗ xe vị trí đậu xe thông minh lập thể ngầm tự động hoàn toàn dành cho xe năng lượng mới.

19 nét | HÁN VIỆT : XA VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #418

车厢
chē xiāng

toa xe (tàu hỏa, tàu điện ngầm)

高速动车组车厢内部宽敞明亮、温湿度适宜，为旅客提供了极其舒适的乘车体验。
Gāo sù dòng chē zǔ chē xiāng nèi bù kuān chǎng míng liàng, wēn shī dù shì yí, wèi lǚ kè tí gōng le jí qí shū shì de chéng chē tǐ yàn.
Bên trong toa tàu cao tốc rộng rãi sáng sủa, nhiệt độ và độ ẩm luôn được duy trì thích hợp, mang lại cho hành khách trải nghiệm đi tàu vô cùng tiện nghi.

22 nét | HÁN VIỆT : XA SƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #419

车型
chēxíng

mẫu xe, kiểu xe dòng xe

我国新一代完全自主研发的高速智能综合检测动车组车型在全国高铁干线上开展了全方位轨道基础设施高精度巡检。
Wǒ guó xīn yí dài wán quán zì zhǔ yán fā de gāo sù zhì néng zōng hé jiǎn cè dòng chē zǔ chē xíng zài quán guó gāo tiě gàn xiàn shàng kāi zhǎn le quán fāng wèi guǐ dào jī chǔ shè shī gāo jīng dù xún jiǎn.
Dòng xe mẫu xe kiểu xe đoàn tàu động lực kiểm tra tổng hợp thông minh cao tốc thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã triển khai tuần tra kiểm tra độ chính xác cao cơ sở hạ tầng đường ray toàn diện trên các trục chính đường sắt cao tốc toàn quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : XA HÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #420

车轴
chēzhóu

trục bánh xe, trục xe cơ khí

高铁关键承重合金车轴成功攻克了超纯净冶炼与微合金化热处理工艺，抗疲劳寿命指标全面超越国际最高标准。
Gāo tiě guān jiàn chéng zhòng hé jīn chē zhóu chéng gōng gōng kè le chāo chún jìng yě liàn yǔ wēi hé jīn huà rè chǔ lǐ gōng yì, kàng pí láo shòu mìng zhǐ biāo quán miàn chāo yuè guó jì zuì gāo biāo zhǔn.
Trục xe trục bánh xe hợp kim chịu tải then chốt của đường sắt cao tốc đã chinh phục thành công quy trình nhiệt luyện vi hợp kim hóa và luyện kim siêu tinh khiết, các chỉ tiêu tuổi thọ chống mỏi vượt trội toàn diện chuẩn cao nhất quốc tế.

20 nét | HÁN VIỆT : XA TRỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #421

扯
chě

kéo, xé rách; tán phét chuyện gẫu (xiáchě)

严谨的前沿科学论证只相信确凿严密的实验事实，决不允许脱离物理规律不着边际地胡扯瞎猜。
Yán jǐn de qián yán kē xué lùn zhèng zhǐ xiāng xìn què záo yán mì de shí yàn shì shí, jué bù yǔn xǔ tuō lí wù lǐ guī lǜ bù zhuó biān jì dì hú chě xiā cāi.
Luận chứng khoa học tiên phong nghiêm cẩn chỉ tin vào sự thật thực nghiệm chặt chẽ xác thực, tuyệt đối không cho phép tách rời quy luật vật lý để đoán mò tán phét nói xằng bậy.

14 nét | HÁN VIỆT : XẢ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian / Phó từ | #422

彻夜
chèyè

suốt đêm, thâu đêm suốt sáng

在大科学装置联调总装的关键之夜，主控制大厅里灯火通明，数百位科研专家彻夜坚守在各自岗位上紧密协作。
Zài dà kē xué zhuāng zhì lián diào zǒng zhuāng de guān jiàn zhī yè, zhǔ kòng zhì dà tīng lǐ dēng huǒ tōng míng, shù bǎi wèi kē yán zhuān jiā chè yè jiān shǒu zài gè zì gǎng wèi shàng jǐn mì xié zuò.
Trong đêm then chốt của công tác lắp ráp tổng thể liên kết điều chỉnh thiết bị khoa học lớn, đại sảnh điều khiển chính ánh đèn sáng rực, hàng trăm chuyên gia nghiên cứu khoa học đã thâu đêm suốt sáng suốt đêm bám trụ vị trí của mình hợp tác chặt chẽ.

28 nét | HÁN VIỆT : TRIỆT DẠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #423

撤
chè

rút, rút lui giải tỏa; bãi bỏ thu hồi

在大型高能激光物理实验脉冲发射前五分钟，主靶厅内所有施工检修人员按照严密规程安全撤离完毕。
Zài dà xíng gāo néng jī guāng wù lǐ shí yàn mài chōng fā shè qián wǔ fēn zhōng, zhǔ bǎ tīng nèi suǒ yǒu shī gōng jiǎn xiū rén yuán àn zhào yán mì guī chéng ān quán chè lí wán bì.
5 phút trước khi phát xung thực nghiệm vật lý laser năng lượng cao quy mô lớn, toàn bộ nhân viên sửa chữa thi công bên trong đại sảnh bia chính đã rút lui giải tỏa an toàn theo đúng quy trình nghiêm ngặt.

12 nét | HÁN VIỆT : TRIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #424

撤换
chèhuàn

thay thế, bãi miễn thay đổi nhân sự/thiết bị

项目管理委员会对在关键核心技术攻坚中未能按期履职且作风浮躁的项目负责人依法依规进行了坚决撤换。
Xiàng mù guǎn lǐ wěi yuán huì duì zài guān jiàn hé xīn jì shù gōng jiān zhōng wèi néng àn qī lǚ zhí qiě zuò fēng fú zào de xiàng mù fù zé rén yī fǎ yī guī jìn xíng le jiān jué chè huàn.
Hội đồng Quản lý Dự án đã kiên quyết thay thế bãi miễn thay đổi theo đúng quy định và pháp luật đối với chủ nhiệm dự án có tác phong xốc nổi và không hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn trong trận vượt khó công nghệ lõi then chốt.

24 nét | HÁN VIỆT : TRIỆT HOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #425

沉甸甸
chéndiàndiàn

nặng trĩu, trĩu nặng (bông lúa/trách nhiệm)

在国家农业科技示范田里，沉甸甸的金黄稻穗随风摇曳，凝聚着农业科学家数十年如一日的辛勤汗水。
Zài guó jiā nóng yè kē jì shì fàn tián lǐ, chén diàn diàn de jīn huáng dào suì suí fēng yáo yè, níng jù zhe nóng yè kē xué jiā shù shí nián rú yī rì de xīn qín hàn shuǐ.
Bên trong ruộng trình diễn khoa học công nghệ nông nghiệp quốc gia, những bông lúa vàng óng trĩu nặng nặng trĩu đung đưa theo làn gió, đúc kết những giọt mồ hôi vất vả mấy chục năm như một ngày của các nhà khoa học nông nghiệp.

35 nét | HÁN VIỆT : TRẦM ĐIỆN ĐIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #426

沉淀
chén diàn

lắng đọng, kết tủa; sự tích tụ (văn hóa)

五千多年的漫长岁月，沉淀下了博大精深的中华优秀传统文化与历久弥新的民族精神。
Wǔ qiān duō nián de màn cháng suì yuè, chén diàn xià le bó dà jīng shēn de zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà yǔ lì jiǔ mí xīn de mín zú jīng shén.
Hơn 5.000 năm dằng dẳng của thời gian đã lắng đọng nên nền văn hóa truyền thống tốt đẹp uyên thâm sâu rộng cùng tinh thần dân tộc càng qua thời gian càng tỏa sáng rực rỡ.

23 nét | HÁN VIỆT : TRẦM ĐIỀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #427

沉浸
chénjìn

đắm mình, chìm đắm say sưa, hòa mình vào

青年学者沉浸在探索宇宙微观物理终极奥秘的纯粹科学思考之中，享受着求索真理带来的无上快乐。
Qīng nián xué zhě chén jìn zài tàn suǒ yǔ zhòu wēi guān wù lǐ zhōng jí ào mì de chún cuì kē xué sī kǎo zhī zhōng, xiǎng shòu zhe qiú suǒ zhēn lǐ dài lái de wú shàng kuài lè.
Học giả trẻ tuổi đắm mình chìm đắm trong dòng suy tư khoa học thuần khiết khám phá những điều huyền bí chung cuộc của vật lý vi mô vũ trụ, tận hưởng niềm vui sướng tối cao mà việc mưu cầu chân lý mang lại.

21 nét | HÁN VIỆT : TRẦM TẨM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #428

沉闷
chén mèn

ngột ngạt, bức bối, trầm lắng ngột ngạt

暴风雨即将来临前的夏日午后，空气中弥漫着极其低沉压抑的闷热与沉闷气息。
Bào fēng yǔ jí jiāng lái lín qián de xià rì wǔ hòu, kōng qì zhōng mí màn zhe jí qí dī chén yā yì de mēn rè yǔ chén mèn qì xī.
Buổi chiều mùa hè trước khi cơn bão sắp ập tới, bầu không khí bao trùm một cảm giác oi bức ngột ngạt và bức bối đè nén vô cùng.

21 nét | HÁN VIỆT : TRẦM MUỘN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #429

沉迷
chénmí

mê muội, sa đà chìm đắm tiêu cực, say mê quá độ

科技工作者要树立高尚纯粹的精神追求，决不能沉迷于追名逐利与虚名浮华之中。
Kē jì gōng zuò zhě yào shù lì gāo shàng chún cuì de jīng shén zhuī qiú, jué bù néng chén mí yú zhuī míng zhú lì yǔ xū míng fú huá zhī zhōng.
Những người làm khoa học công nghệ cần xác lập sự theo đuổi tinh thần thuần khiết cao đẹp, tuyệt đối không được mê muội sa đà chìm đắm vào hư danh hào nhoáng và chạy theo danh lợi.

18 nét | HÁN VIỆT : TRẦM MÊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #430

沉思
chén sī

trầm tư, suy ngẫm sâu xa

面对深奥复杂的理论物理数学模型，老科学家独自站在黑板前陷入了久久的沉思。
Miàn duì shēn ào fù zá de lǐ lùn wù lǐ shù xué mó xíng, lǎo kē xué jiā dú zì zhàn zài hēi bǎn qián xiàn rù le jiǔ jiǔ de chén sī.
Đứng trước mô hình toán học vật lý lý thuyết thâm sâu phức tạp, vị nhà khoa học lão thành một mình đứng trước tấm bảng đen chìm đắm vào dòng suy tư trầm mặc hồi lâu.

18 nét | HÁN VIỆT : TRẦM TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #431

沉稳
chénwěn

điềm tĩnh, vững vàng điềm đạm, trầm tĩnh

面对突发极端复杂工况，总设计师沉稳指挥、果断决策，带领攻关团队成功排除了系统潜在故障风险。
Miàn duì tū fā jí duān fù zá gōng kuàng, zǒng shè jì shī chén wěn zhǐ huī, guǒ duàn jué cè, dài lǐng gōng guān tuán duì chéng gōng pái chú le xì tǒng qián zài gù zhàng fēng xiǎn.
Đứng trước điều kiện làm việc cực đoan phức tạp đột xuất, vị Tổng Công trình sư điềm tĩnh trầm tĩnh vững vàng chỉ huy, quyết sách quả đoán, dẫn dắt đội ngũ vượt khó loại bỏ thành công các nguy cơ sự cố tiềm ẩn của hệ thống.

18 nét | HÁN VIỆT : TRẦM ỔN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #432

沉着
chén zhuó

điềm tĩnh, bình tĩnh, vững vàng điềm đạm

在火箭发射最后读秒阶段遭遇地面设备异常报警时，总指挥沉着冷静地指挥团队排除了故障。
Zài huǒ jiàn fā shè zuì hòu dú miǎo jiē duàn zāo yù dì miàn shè bèi yì cháng bào jǐng shí, zǒng zhǐ huī chén zhuó lěng jìng dì zhǐ huī tuán duì pái chú le gù zhàng.
Khi gặp phải cảnh báo bất thường từ thiết bị mặt đất trong giai đoạn đếm ngược cuối cùng trước khi phóng tên lửa, vị tổng chỉ huy đã vô cùng điềm tĩnh bình tĩnh chỉ huy đội ngũ xử lý loại trừ sự cố.

19 nét | HÁN VIỆT : TRẦM TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #433

陈旧
chén jiù

cũ kỹ, lạc hậu, lỗi thời

我们要敢于破除一切阻碍高质量发展的陈旧体制机制与思想观念，全面激发全社会的创新活力。
Wǒ men yào gǎn yú pò chú yī qiè zǔ ài gāo zhì liàng fā zhǎn de chén jiù tǐ zhì jī zhì yǔ sī xiǎng guān niàn, quán miàn jī fā quán shè huì de chuàng xīn huó lì.
Chúng ta cần dũng cảm xóa bỏ mọi tư tưởng quan niệm cùng thể chế cơ chế cũ kỹ lạc hậu cản trở sự phát triển chất lượng cao, khơi dậy toàn diện sức sống đổi mới sáng tạo của toàn xã hội.

21 nét | HÁN VIỆT : TRẦN CỰU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #434

陈列
chén liè

trưng bày, bài trí; triển lãm

中国国家博物馆的展厅里陈列着上万件跨越数千年的国宝级珍贵文物，生动诉说着历史的沧桑与辉煌。
Zhōng guó guó jiā bó wù guǎn de zhǎn tīng lǐ chén liè zhe shàng wàn jiàn kuà yuè shù qiān nián de guó bǎo jí zhēn guì wén wù, shēng dòng sù shuō zhe lì shǐ de cāng sāng yǔ huī huáng.
Bên trong các phòng trưng bày của Bảo tàng Quốc gia Trung Quốc bài trí hàng vạn bảo vật di vật quý hiếm cấp quốc gia trải dài hàng ngàn năm, kể lại sinh động những thăng trầm và huy hoàng của lịch sử.

17 nét | HÁN VIỆT : TRẦN LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #435

陈述
chén shù

trình bày, trần thuật, tường trình

在国际法庭听证会上，我国法学专家代表团清晰严密地陈述了维护国际海洋法公约权威性的法律立场。
Zài guó jì fǎ tíng tīng zhèng huì shàng, wǒ guó fǎ xué zhuān jiā dài biǎo tuán qīng xī yán mì dì chén shù le wéi hù guó jì hǎi yáng fǎ gōng yuē quán wēi xìng de fǎ lǜ lì chǎng.
Tại phiên điều trần của tòa án quốc tế, đoàn đại biểu chuyên gia pháp luật nước ta đã trình bày rõ ràng mạch lạc và chặt chẽ lập trường pháp lý bảo vệ tính quyền uy của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển.

16 nét | HÁN VIỆT : TRẦN THUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #436

衬托
chèntuō

làm nổi bật, tôn lên, điểm xuyết làm rạng rỡ

在苍翠群山与湛蓝晴空的衬托下，深空射电望远镜巍峨银白色的巨型天线阵列显得格外壮美壮丽。
Zài cāng cuì qún shān yǔ zhàn lán qíng kōng de chèn tuō xià, shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jìng wēi é yín bái sè de jù xíng tiān xiàn zhèn liè xiǎn de gé wài zhuàng měi zhuàng lì.
Dưới sự điểm xuyết tôn lên làm nổi bật của bầu trời xanh trong vắt và núi non xanh ngắt trùng điệp, trận địa dàn ăng-ten khổng lồ màu trắng bạc uy nghi sừng sững của kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu hiện lên vô cùng tráng lệ tráng mỹ.

21 nét | HÁN VIỆT : SẤN THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ | #437

趁
chèn

nhân lúc, tranh thủ

趁着大好春光与晴朗周末，不妨约上三五好友一起去郊外露营踏青。
Chèn zhe dà hǎo chūn guāng yǔ qíng lǎng zhōu mò, bù fáng yuē shàng sān wǔ hǎo yǒu yì qǐ qù jiāo wài lù yíng tà qīng.
Nhân lúc tiết xuân tươi đẹp và ngày cuối tuần nắng ấm, sao bạn không rủ dăm ba người bạn thân cùng nhau đi cắm trại du xuân nơi ngoại ô.

8 nét | HÁN VIỆT : SẤN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #438

趁机
chènjī

thừa cơ, nhân cơ hội, chớp thời cơ

科研团队趁机抓住了这次难得的高能脉冲束流物理窗口期，成功获取了关键原子核聚变反应实验数据。
Kē yán tuán duì chèn jī zhuā zhù le zhè cì nán dé de gāo néng mài chōng shù liú wù lǐ chuāng kǒu qī, chéng gōng huò qǔ le guān jiàn yuán zǐ hé jù biàn fǎn yìng shí yàn shù jù.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã chớp thời cơ thừa cơ nhân cơ hội nắm bắt giai đoạn cửa sổ vật lý chùm xung năng lượng cao hiếm có này, thu được thành công các số liệu thực nghiệm phản ứng nhiệt hạch hạt nhân then chốt.

17 nét | HÁN VIỆT : SẤN CƠ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #439

趁早
chènzǎo

nhân lúc còn sớm, sớm muộn gì cũng nên làm sớm

面对前沿科技产业链断供风险，我们必须趁早开展自主研发攻关，牢牢掌握关键核心技术主动权。
Miàn duì qián yán kē jì chǎn yè liàn duàn gōng fēng xiǎn, wǒ men bì xū chèn zǎo kāi zhǎn zì zhǔ yán fā gōng guān, láo láo zhǎng wò guān jiàn hé xīn jì shù zhǔ dòng quán.
Đứng trước nguy cơ đứt gãy chuỗi ngành khoa học công nghệ tiên phong, chúng ta bắt buộc phải nhân lúc còn sớm sớm triển khai vượt khó tự chủ nghiên cứu phát triển, nắm chắc quyền chủ động công nghệ lõi then chốt.

16 nét | HÁN VIỆT : SẤN TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ / Phó từ | #440

趁着
chènzhe

nhân lúc, tranh thủ lúc, thừa dịp

青年学者趁着大科学装置设备年度升级维护窗口期，抓紧梳理推演底层多物理场耦合算法模型。
Qīng nián xué zhě chèn zhe dà kē xué zhuāng zhì shè bèi nián dù shēng jí wéi hù chuāng kǒu qī, zhuā jǐn shū lǐ tuī yǎn dǐ céng duō wù lǐ chǎng ǒu hé suàn fǎ mó xíng.
Học giả trẻ tuổi tranh thủ lúc nhân lúc kỳ cửa sổ bảo trì nâng cấp thiết bị hàng năm của thiết bị khoa học lớn đã khẩn trương rà soát suy diễn mô hình thuật toán ghép đa trường vật lý dưới đáy.

17 nét | HÁN VIỆT : SẤN TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #441

称呼
chēng hu

gọi là, xưng hô; danh xưng

在跨国商务社交场合中，恰当得体的称呼能够迅速拉近彼此距离并展现专业素养。
Zài kuà guó shāng wù shè jiāo chǎng hé zhōng, qià dàng dé tǐ de chēng hū néng gòu xùn sù lā jìn bǐ cǐ jù lí bìng zhǎn xiàn zhuān yè sù yǎng.
Trong các dịp giao tiếp ngoại giao thương mại quốc tế, cách xưng hô chuẩn mực và đúng mực có thể nhanh chóng kéo gần khoảng cách đôi bên và thể hiện tác phong chuyên nghiệp.

24 nét | HÁN VIỆT : XỨNG HÔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #442

称作
chēngzuò

được gọi là, mệnh danh là, xem như là

这台超高空间分辨率全超导托卡马克核聚变实验装置，被全球物理学界形象地称作“人造太阳”。
Zhè tái chāo gāo kōng jiān fēn biàn lǜ quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kè hé jù biàn shí yàn zhuāng zhì, bèi quán qiú wù lǐ xué jiè xíng xiàng dì chēng zuò "rén zào tài yáng ".
Cỗ thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân tokamak toàn siêu dẫn độ phân giải không gian siêu cao này được giới vật lý học toàn cầu gọi là mệnh danh là một cách hình tượng là 'Mặt trời nhân tạo'.

21 nét | HÁN VIỆT : XỨNG TÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #443

成才
chéngcái

thành tài, nên người tài đức, phát triển thành tài

国家实验室打破传统论资排辈模式，为拔尖青年科技骨干提供挑大梁、当主角的成才快车道。
Guó jiā shí yàn shì dǎ pò chuán tǒng lùn zī pái bèi mó shì, wèi bá jiān qīng nián kē jì gǔ gàn tí gōng tiǎo dà liáng, dāng zhǔ jué de chéng cái kuài chē dào.
Phòng thí nghiệm quốc gia phá vỡ mô thức sắp hàng theo thâm niên truyền thống, mang lại làn đường cao tốc thành tài phát triển thành tài gánh vác việc lớn, làm nhân vật chính cho các cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ xuất chúng.

18 nét | HÁN VIỆT : THÀNH TÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #444

成家
chéngjiā

lập gia đình, thành gia thất, dựng vợ gả chồng

许多科技工作者把青春芳华毫无保留地奉献给了大漠深处的科研事业，甚至在成家之后依然长期坚守戈壁一线。
Xǔ duō kē jì gōng zuò zhě bǎ qīng chūn fāng huá háo wú bǎo liú dì fèng xiàn gěi le dà mò shēn chù de kē yán shì yè, shèn zhì zài chéng jiā zhī hòu yī rán cháng qī jiān shǒu gē bì yī xiàn.
Nhiều người làm khoa học công nghệ đã hiến dâng tuổi thanh xuân tươi đẹp không chút giữ lại cho sự nghiệp nghiên cứu khoa học nơi sâu thẳm sa mạc, thậm chí sau khi lập gia đình thành gia thất vẫn kiên trì bám trụ tuyến đầu sa mạc Gobi suốt thời gian dài.

18 nét | HÁN VIỆT : THÀNH GIA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #445

成年
chéngnián

trưởng thành, thành niên; quanh năm suốt tháng (chéngnián lěiyuè)

在国家自然保护区内，红外高清相机拍摄到了一只野生雪豹妈妈带着两只成年幼崽在悬崖间巡视领地。
Zài guó jiā zì rán bǎo hù qū nèi, hóng wài gāo qīng xiàng jī pāi shè dào le yī zhī yě shēng xuě bào mā mā dài zhe liǎng zhī chéng nián yòu zǎi zài zài xuán yá jiān xún shì lǐng dì.
Bên trong Khu Bảo tồn Tự nhiên Quốc gia, máy ảnh hồng ngoại độ nét cao đã ghi lại hình ảnh một chú báo tuyết mẹ hoang dã dắt theo hai chú báo con đã trưởng thành thành niên tuần tra lãnh địa giữa vách đá cheo leo.

20 nét | HÁN VIỆT : THÀNH NIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Số lượng | #446

成千上万
chéngqiānshàngwàn

hàng ngàn hàng vạn, hàng vạn hàng nghìn, vô số kể

在大科学装置超高精度超净主装配车间内，成千上万个精密光学元器件被全自动机器人高精度装配成型。
Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jīng dù chāo jìng zhǔ zhuāng pèi chē jiān nèi, chéng qiān shàng wàn gè jīng mì guāng xué yuán qì jiàn bèi quán zì dòng jī qì rén gāo jīng dù zhuāng pèi chéng xíng.
Bên trong phân xưởng lắp ráp chính siêu sạch độ chính xác siêu cao của thiết bị khoa học lớn, hàng ngàn hàng vạn hàng vạn hàng nghìn linh kiện quang học chính xác đã được robot tự động hóa hoàn toàn lắp ráp định hình với độ chính xác cao.

35 nét | HÁN VIỆT : THÀNH THIÊN THƯỚNG MẶC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #447

成群结队
chéngqúnjiéduì

từng đàn từng lũ, kết bè kéo cánh, tụ tập thành bầy

生态环境显著改善的国家湿地公园湖面上，成群结队的珍稀候鸟悠然在芦苇荡间嬉戏觅食。
Shēng tài huán jìng xiǎn zhù gǎi shàn de guó jiā shī dì gōng yuán hú miàn shàng, chéng qún jié duì de zhēn xī hòu niǎo yōu rán zài lú wěi dàng jiān xī xì mì shí.
Trên mặt hồ Công viên Đất ngập nước Quốc gia có môi trường sinh thái được cải thiện rõ rệt, từng đàn từng lũ từng đàn từng bầy chim di cư quý hiếm đang thong dong nô đùa kiếm ăn giữa rặng lau sậy.

35 nét | HÁN VIỆT : THÀNH QUẦN KẾT ĐỘI

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #448

成天
chéng tiān

suốt ngày, cả ngày, cả ngày lẫn đêm

青年人应当走出方寸宿舍、积极投身社会实践与体育运动，切忌成天沉溺于虚拟网络游戏之中。
Qīng nián rén yīng dāng zǒu chū fāng cùn sù shè, jī jí tóu shēn shè huì shí jiàn yǔ tǐ yù yùn dòng, qiè jì chéng tiān chén nì yú xū nǐ wǎng luò yóu xì zhī zhōng.
Thanh niên cần bước ra khỏi không gian ký túc xá chật hẹp, tích cực tham gia vào thực tiễn xã hội và hoạt động thể dục thể thao, chớ nên suốt ngày đắm chìm trong các trò chơi điện tử thế giới ảo.

HSK 7-9 (3.0) | Cụm tính từ / Động từ | #449

成问题
chéng wèntí

trở thành vấn đề nan giải, có vấn đề trục trặc

过去在极低温超高真空环境下保持密封曾是一个巨大难关，如今在我们完全自主攻关突破后已不再成问题。
Guò qù zài jí dī wēn chāo gāo zhēn kōng huán jìng xià bǎo chí mì fēng céng shì yí gè jù dà nán guān, rú jīn zài wǒ men wán quán zì zhǔ gōng guān tū pò hòu yǐ bù zài chéng wèn tí.
Trước đây việc duy trì độ kín khít dưới môi trường chân không siêu cao nhiệt độ cực thấp từng là một ải khó khổng lồ, ngày nay sau bước đột phá tự chủ hoàn toàn của chúng ta thì đã không còn là vấn đề trục trặc trở thành vấn đề nan giải nữa rồi.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #450

成型
chéngxíng

định hình, thành hình, đúc thành khuôn mẫu

超大型航空级钛合金整体机翼大梁通过我国自主研制的五万吨级重型水压机一次性精密模锻冲压成型。
Chāo dà xíng háng kōng jí tài hé jīn zhěng tǐ jī yì dà liáng tōng guò wǒ guó zì zhǔ yán zhì de wǔ wàn dūn jí zhòng xíng shuǐ yā jī yí cì xìng jīng mì mó duàn chòng yā chéng xíng.
Dầm cánh lớn nguyên khối bằng hợp kim titan cấp hàng không siêu lớn đã được dập đúc định hình thành hình chính xác một lần thông qua cỗ máy ép thủy lực hạng nặng cấp 50.000 tấn do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #451

呈现
chéng xiàn

trình bày, hiện ra, thể hiện ra, phơi bày

最新发布的国家经济运行数据指标呈现出平稳向好、向新向绿、动能充沛的高质量发展态势。
Zuì xīn fā bù de guó jiā jīng jì yùn xíng shù jù zhǐ biāo chéng xiàn chū píng wěn xiàng hǎo, xiàng xīn xiàng lǜ, dòng néng chōng pèi de gāo zhì liàng fā zhǎn tài shì.
Các chỉ số số liệu vận hành kinh tế quốc gia vừa được công bố mới nhất hiện ra một xu thế phát triển chất lượng cao ổn định hướng lên, chuyển đổi xanh chuyển đổi số và tràn trề động lực.

24 nét | HÁN VIỆT : TRÌNH HIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #452

承包
chéng bāo

nhận thầu, khoán thầu (công trình, đất đai)

家庭联产承包责任制作为我国农村改革的伟大创举，极大解放和发展了农村社会生产力。
Jiā tíng lián chǎn chéng bāo zé rèn zhì zuò wéi wǒ guó nóng cūn gǎi gé de wěi dà chuàng jǔ, jí dà jiě fàng hé fā zhǎn le nóng cūn shè huì shēng chǎn lì.
Chế độ nhận khoán trách nhiệm sản xuất gắn với gia đình với tư cách là sáng kiến vĩ đại trong công cuộc cải cách nông thôn nước ta đã giải phóng và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất xã hội ở nông thôn.

18 nét | HÁN VIỆT : THỪA BAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #453

承载
chéngzài

chở che, gánh vác, nâng đỡ chứa đựng

大科学装置承载着人类探索未知微观物质结构与宇宙起源演化奥秘的崇高科学梦想。
Dà kē xué zhuāng zhì chéng zài zhe rén lèi tàn suǒ wèi zhī wēi guān wù zhì jié gòu yǔ yǔ zhòu qǐ yuán yǎn huà ào mì de chóng gāo kē xué mèng xiǎng.
Thiết bị khoa học lớn nâng đỡ gánh vác chứa đựng ước mơ khoa học cao đẹp của nhân loại về việc khám phá bí ẩn tiến hóa nguồn gốc vũ trụ và cấu trúc vật chất vi mô chưa biết.

21 nét | HÁN VIỆT : THỪA TẢI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #454

诚恳
chéng kěn

chân thành, thành khẩn, thật thà

在项目沟通会上，他诚恳地听取了评审专家提出的每一条宝贵修改意见。
Zài xiàng mù gōu tōng huì shàng, tā chéng kěn dì tīng qǔ le píng shěn zhuān jiā tí chū de měi yī tiáo bǎo guì xiū gǎi yì jiàn.
Tại buổi họp trao đổi dự án, anh ấy đã chân thành lắng nghe từng ý kiến góp ý chỉnh sửa quý báu do các chuyên gia thẩm định đưa ra.

22 nét | HÁN VIỆT : THÀNH KHẨN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #455

诚心诚意
chéngxīnchéngyì

chân tâm thành ý, thành tâm thành ý, hết lòng thật dạ

中国科学家诚心诚意推动国际开放科学合作，愿同全球各国学者共同应对气候变化与全球公共卫生重大挑战。
Zhōng guó kē xué jiā chéng xīn chéng yì tuī dòng guó jì kāi fàng kē xué hé zuò, yuàn tóng quán qiú gè guó xué zhě gòng tóng yìng duì qì hòu biàn huà yǔ quán qiú gōng gòng wèi shēng zhòng dà tiǎo zhàn.
Các nhà khoa học Trung Quốc chân tâm thành ý thành tâm thành ý thúc đẩy hợp tác khoa học mở quốc tế, sẵn sàng cùng các học giả các nước trên toàn cầu chung tay ứng phó với các thách thức trọng đại về y tế công cộng toàn cầu và biến đổi khí hậu.

35 nét | HÁN VIỆT : THÀNH TÂM THÀNH Ý

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #456

诚意
chéngyì

thành ý, lòng thành khẩn, thiện chí chân thành

我国在前沿大科学装置面向全球科学家开放共享上展现出了极大的学术胸怀与合作诚意。
Wǒ guó zài qián yán dà kē xué zhuāng zhì miàn xiàng quán qiú kē xué jiā kāi fàng gòng xiǎng shàng zhǎn xiàn chū le jí dà de xué shù xiōng huái yǔ hé zuò chéng yì.
Nước ta trong việc mở cửa chia sẻ thiết bị khoa học lớn tiên phong cho các nhà khoa học toàn cầu đã phô diễn thiện chí chân thành thành ý hợp tác và tấm lòng học thuật vô cùng rộng mở.

24 nét | HÁN VIỆT : THÀNH Ý

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #457

诚挚
chéng zhì

chân thành, tha thiết, chân tình sâu sắc

在建交纪念日国庆招待会上，两国元首互致贺电，向两国人民致以最热烈诚挚的美好祝愿。
Zài jiàn jiāo jì niàn rì guó qìng zhāo dài huì shàng, liǎng guó yuán shǒu hù zhì hè diàn, xiàng liǎng guó rén mín zhì yǐ zuì rè liè chéng zhì de měi hǎo zhù yuàn.
Tại tiệc chiêu đãi quốc khánh nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, nguyên thủ hai nước đã gửi điện mừng cho nhau, gửi tới nhân dân hai nước những lời chúc tốt đẹp nồng nhiệt và chân thành nhất.

22 nét | HÁN VIỆT : THÀNH CHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #458

城墙
chéngqiáng

tường thành, thành quách cổ

文物保护专家运用微震动激光干涉与微波雷达断层成像技术，实现了对千年古城墙内部空洞隐患的无损精准探伤。
Wén wù bǎo hù zhuān jiā yùn yòng wēi zhèn dòng jī guāng gān shè yǔ wēi bō léi dá duàn céng chéng xiàng jì shù, shí xiàn le duì qiān nián gǔ chéng qiáng nèi bù kōng dòng yǐn huàn de wú sǔn jīng zhǔn tàn shāng.
Các chuyên gia bảo tồn di sản văn vật ứng dụng công nghệ chụp cắt lớp radar vi ba và giao thoa laser vi chấn động đã thực hiện dò khuyết tật chính xác không phá hủy đối với các mối nguy hiểm hốc rỗng bên trong tường thành cổ ngàn năm.

18 nét | HÁN VIỆT : THÀNH TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #459

乘人之危
chéngrénzhīwēi

thừa nước đục thả câu, nhân lúc người ta gặp nạn mà trục lợi ép giá

在国际科技合作中我们要秉持互利共赢原则，坚决反对某些跨国巨头在技术封锁下乘人之危漫天要价的霸凌行径。
Zài guó jì kē jì hé zuò zhōng wǒ men yào bǐng chí hù lì gòng yíng yuán zé, jiān jué fǎn duì mǒu xiē kuà guó jù tóu zài jì shù fēng suǒ xià shèng rén zhī wēi màn tiān yào jià de bà líng xíng jìng.
Trong hợp tác khoa học công nghệ quốc tế chúng ta phải giữ vững nguyên tắc đôi bên cùng có lợi cùng thắng, kiên quyết phản đối hành vi bá quyền thừa nước đục thả câu nhân lúc người khác gặp nguy ép giá trên trời dưới sự phong tỏa công nghệ của một số tập đoàn đa quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : THỪA NHÂN CHI NGUY

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #460

惩处
chéngchǔ

trừng phạt, xử lý kỷ luật, trừng trị thích đáng

国家依法严厉惩处任何非法盗取国家核心商业机密与国家重大战略前沿技术源代码的违法犯罪行为。
Guó jiā yī fǎ yán lì chéng chǔ rèn hé fēi fǎ dào qǔ guó jiā hé xīn shāng yè jī mì yǔ guó jiā zhòng dà zhàn lüè qián yán jì shù yuán dài mǎ de wéi fǎ fàn zuì xíng wèi.
Nhà nước theo đúng pháp luật trừng trị xử lý thích đáng trừng phạt nghiêm khắc mọi hành vi tội phạm vi phạm pháp luật đánh cắp trái phép mã nguồn công nghệ tiên phong chiến lược trọng đại quốc gia và bí mật thương mại cốt lõi của đất nước.

20 nét | HÁN VIỆT : TRỪNG XỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #461

惩罚
chéng fá

trừng phạt, xử phạt, trừng trị

生态环境保护法严格落实损害赔偿制度，对任何恶意非法倾倒危险废物的违法主体依法实施顶格严厉惩罚。
Shēng tài huán jìng bǎo hù fǎ yán gé luò shí sǔn hài péi cháng zhì dù, duì rèn hé è yì fēi fǎ qīng dǎo wēi xiǎn fèi wù de wéi fǎ zhǔ tǐ yī fǎ shí shī dǐng gé yán lì chéng fá.
Luật Bảo vệ Môi trường Sinh thái thực thi nghiêm ngặt chế độ bồi thường thiệt hại, xử phạt nghiêm khắc ở khung kịch trần theo luật định đối với bất kỳ chủ thể vi phạm nào có hành vi cố tình đổ trộm chất thải nguy hại trái phép.

20 nét | HÁN VIỆT : TRỪNG PHẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #462

澄清
chéng qīng

làm rõ

老师鼓励大家积极澄清，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chéng qīng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm rõ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét | HÁN VIỆT : TRỪNG THANH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #463

橙汁
chéngzhī

nước cam, nước cam ép

中国空间站航天员食谱中配备了经过超临界冷冻干燥锁鲜处理的纯天然高纯度航天专用橙汁冲饮粉包。
Zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán shí pǔ zhōng pèi bèi le jīng guò chāo lín jiè lěng dòng gān zào suǒ xiān chǔ lǐ de chún tiān rán gāo chún dù háng tiān zhuān yòng chéng zhī chōng yǐn fěn bāo.
Trong thực đơn của phi hành gia trạm vũ trụ Trung Quốc trang bị các gói bột pha nước cam nước cam ép chuyên dụng hàng không vũ trụ độ tinh khiết cao hoàn toàn tự nhiên đã qua xử lý giữ tươi sấy thăng hoa siêu tới hạn.

18 nét | HÁN VIỆT : TRANH TRẤP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #464

逞能
chěngnéng

thích thể hiện, làm ra vẻ ta đây tài giỏi, khoe mẽ

做大科学工程必须严守安全操作规程与严谨求实作风，绝不允许任何人违规逞能或盲目冒进。
Zuò dà kē xué gōng chéng bì xū yán shǒu ān quán cāo zuò guī chéng yǔ yán jǐn qiú shí zuò fēng, jué bù yǔn xǔ rèn hé rén wéi guī chěng néng huò máng mù mào jìn.
Làm công trình khoa học lớn bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt tác phong cầu thị thực chất và quy trình thao tác an toàn, tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai làm ra vẻ ta đây khoe mẽ thích thể hiện vi phạm quy chuẩn hoặc mù quáng mạo hiểm.

22 nét | HÁN VIỆT : SÍNH NĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #465

逞强
chěngqiáng

thích ra oai, cố tỏ ra mình mạnh mẽ, cậy mạnh

极地科考探险绝非个人英雄主义逞强，全体队员必须严格服从指挥、协同作战以确保科考任务绝对安全。
Jí dì kē kǎo tàn xiǎn jué fēi gè rén yīng xióng zhǔ yì chěng qiáng, quán tǐ duì yuán bì xū yán gé fú cóng zhǐ huī, xié tóng zuò zhàn yǐ què bǎo kē kǎo rèn wù jué duì ān quán.
Thám hiểm khảo sát khoa học vùng cực tuyệt đối không phải là chủ nghĩa anh hùng cá nhân cố tỏ ra mình mạnh mẽ thích ra oai cậy mạnh, toàn thể đội viên bắt buộc phải nghiêm túc phục tùng mệnh lệnh chỉ huy, hiệp đồng tác chiến để bảo đảm nhiệm vụ khảo sát an toàn tuyệt đối.

24 nét | HÁN VIỆT : SÍNH CƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #466

秤
chèng

cái cân (cân đòn, cân điện tử)

天地之间有杆秤，那秤砣是老百姓；党员干部政绩好不好，人民群众心中自然有杆公正的秤。
Tiān dì zhī jiān yǒu gǎn chèng, nà chèng tuó shì lǎo bǎi xìng； dǎng yuán gàn bù zhèng jì hǎo bù hǎo, rén mín qún zhòng xīn zhōng zì rán yǒu gǎn gōng zhèng de chèng.
Giữa đất trời có một cán cân, mà quả cân chính là lòng dân; thành tích công tác của cán bộ đảng viên có tốt hay không, trong lòng quần chúng nhân dân tự nhiên sẽ có một cán cân công bằng chính trực.

13 nét | HÁN VIỆT : XỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #467

吃不上
chībushàng

không được ăn, không ăn nổi, không tới lượt

老一辈科学家在戈壁荒漠攻关时经常为了抢抓发射窗口而连热饭都吃不上，但大家始终心怀崇高信仰。
Lǎo yī bèi kē xué jiā zài gē bì huāng mò gōng guān shí jīng cháng wèi le qiǎng zhuā fā shè chuāng kǒu ér lián rè fàn dōu chī bù shàng, dàn dà jiā shī zhōng xīn huái chóng gāo xìn yǎng.
Các nhà khoa học tiền bối khi vượt khó trên hoang mạc sa mạc Gobi thường vì tranh thủ chớp cửa sổ phóng mà ngay cả bữa cơm nóng cũng không được ăn không ăn nổi, nhưng mọi người vẫn luôn giữ trọn niềm tin cao đẹp trong tim.

30 nét | HÁN VIỆT : CẬT BẤT THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #468

吃喝玩乐
chī hē wán lè

Ăn, uống và vui vẻ

老师鼓励大家积极吃喝玩乐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chī hē wán lè， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Ăn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

35 nét | HÁN VIỆT : CẬT HÚP NGOẠN LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #469

吃苦
chī kǔ

chịu khổ, chịu thương chịu khó, khổ cực

新时代广大青年要继承和发扬吃苦耐劳、自力更生的优良传统，在艰难困苦的实践大熔炉中淬炼成钢。
Xīn shí dài guǎng dà qīng nián yào jì chéng hé fā yáng chī kǔ nài láo, zì lì gēng shēng de yōu liáng chuán tǒng, zài jiān nán kùn kǔ de shí jiàn dà róng lú zhōng cuì liàn chéng gāng.
Đông đảo thanh niên thời đại mới cần kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp chịu thương chịu khó, tự lực cánh sinh, tôi luyện thành thép trong lò luyện thực tiễn gian nan thử thách.

20 nét | HÁN VIỆT : CẬT KHỔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #470

吃亏
chī kuī

chịu thiệt, chịu thiệt thòi

中国人常说“吃亏是福”，在团队合作中多做一些奉献往往能赢得大家长久的敬重。
Zhōng guó rén cháng shuō "chī kuī shì fú ", zài tuán duì hé zuò zhōng duō zuò yī xiē fèng xiàn wǎng wǎng néng yíng dé dà jiā cháng jiǔ de jìng zhòng.
Người xưa thường dạy 'Chịu thiệt là phúc', trong làm việc nhóm chịu khó cống hiến hy sinh nhiều hơn một chút thường sẽ nhận được sự kính trọng lâu dài của mọi người.

19 nét | HÁN VIỆT : CẬT KHUY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #471

痴呆
chīdāi

sa sút trí tuệ, ngớ ngẩn đãng trí (bệnh Alzheimer)

我国神经科学脑计划团队成功揭示了老年痴呆症致病微观神经环路机制，为早期靶向精准药物干预提供了全新靶标。
Wǒ guó shén jīng kē xué nǎo jì huà tuán duì chéng gōng jié shì le lǎo nián chī dāi zhèng zhì bìng wēi guān shén jīng huán lù jī zhì, wèi zǎo qī bǎ xiàng jīng zhǔn yào wù gān yù tí gōng le quán xīn bǎ biāo.
Đội ngũ Kế hoạch Não bộ Khoa học Thần kinh nước ta đã hé lộ thành công cơ chế mạch thần kinh vi mô gây bệnh sa sút trí tuệ sa sút trí tuệ người già (Alzheimer), mang lại bia ngắm đích mới hoàn toàn cho sự can thiệp dùng thuốc trúng đích chuẩn xác giai đoạn sớm.

21 nét | HÁN VIỆT : SI NGỐC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #472

痴迷
chīmí

say mê đắm đuối, đam mê cuồng nhiệt, mê mẩn

青年科学家对探索微观拓扑量子物理新奇物态怀揣着近乎痴迷的热爱，在实验室潜心钻研、屡创佳绩。
Qīng nián kē xué jiā duì tàn suǒ wēi guān tuò pū liàng zǐ wù lǐ xīn qí wù tài huái chuāi zhe jìn hū chī mí de rè ài, zài shí yàn shì qián xīn zuān yán, lǚ chuàng jiā jì.
Nhà khoa học trẻ tuổi mang trong mình niềm đam mê cuồng nhiệt say mê đắm đuối mê mẩn gần như tuyệt đối đối với việc khám phá các trạng thái vật chất kỳ thú vật lý lượng tử tô-pô vi mô, chuyên tâm nghiên cứu sâu trong phòng thí nghiệm, liên tục lập nên thành tích rực rỡ.

21 nét | HÁN VIỆT : SI MÊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #473

痴心
chīxīn

si tâm, một lòng si mê, trọn một tấm lòng chung thủy

一代代战略科学家怀揣科技报国的赤子痴心，把毕生智慧和心血无私奉献给了祖国的国防科技事业。
Yí dài dài zhàn lüè kē xué jiā huái chuāi kē jì bào guó de chì zi chī xīn, bǎ bì shēng zhì huì hé xīn xuè wú sī fèng xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng kē jì shì yè.
Bao thế hệ các nhà khoa học chiến lược ôm trọn một lòng si mê tấm lòng si tâm trong sáng phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, cống hiến vô tư toàn bộ tâm huyết và trí tuệ cả đời mình cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng của Tổ quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : SI TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #474

池塘
chí táng

ao nước, đầm nước

江南水乡生态养殖基地的清澈池塘中，肥美的水产鱼虾在盛开的荷花倒影间欢快游弋。
Jiāng nán shuǐ xiāng shēng tài yǎng zhí jī dì de qīng chè chí táng zhōng, féi měi de shuǐ chǎn yú xiā zài shèng kāi de hé huā dào yǐng jiān huān kuài yóu yì.
Bên trong ao nước trong vắt của căn cứ nuôi trồng sinh thái vùng sông nước Giang Nam, những mẻ tôm cá béo ngậy tung tăng bơi lội giữa bóng sen nở rộ soi mình xuống mặt nước.

25 nét | HÁN VIỆT : TRÌ ĐƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #475

驰名
chímíng

lừng danh, nức tiếng gần xa, nổi tiếng khắp nơi

我国完全自主研制的深空高灵敏度射电望远镜已成为驰名中外的世界级大科学前沿观测平台。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de shēn kōng gāo líng mǐn dù shè diàn wàng yuǎn jìng yǐ chéng wéi chí míng zhōng wài de shì jiè jí dà kē xué qián yán guān cè píng tái.
Kính viễn vọng vô tuyến độ nhạy cảm cao không gian sâu do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã trở thành nền tảng quan trắc tiên phong khoa học lớn tầm cỡ thế giới nổi tiếng khắp nơi lừng danh nức tiếng trong và ngoài nước.

22 nét | HÁN VIỆT : TRÌ DANH

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #476

迟迟
chíchí

mãi mà chưa, chần chừ chậm trễ, muộn màng

在关键核心技术攻坚中我们绝不能迟迟观望等待，而必须主动出击、分秒必争抢占全球科技竞争制高点。
Zài guān jiàn hé xīn jì shù gōng jiān zhōng wǒ men jué bù néng chí chí guān wàng děng dài, ér bì xū zhǔ dòng chū jī, fēn miǎo bì zhēng qiǎng zhàn quán qiú kē jì jìng zhēng zhì gāo diǎn.
Trong công tác vượt khó công nghệ lõi then chốt chúng ta tuyệt đối không được chần chừ chậm trễ mãi mà chưa chịu làm đứng nhìn chờ đợi, mà bắt buộc phải chủ động ra tay xuất kích, tranh thủ từng phút từng giây giành lấy điểm cao khống chế cạnh tranh khoa học công nghệ toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : TRÌ TRÌ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #477

迟疑
chí yí

do dự, ngập ngừng, chần chừ

面对突如其来的危难关头，人民警察没有丝毫迟疑犹豫，果断挺身而出护卫了群众生命安全。
Miàn duì tū rú qí lái de wēi nàn guān tóu, rén mín jǐng chá méi yǒu sī háo chí yí yóu yù, guǒ duàn tǐng shēn ér chū hù wèi le qún zhòng shēng mìng ān quán.
Đứng trước thời khắc nguy nan hiểm nghèo ập đến bất ngờ, người chiến sĩ công an nhân dân không hề có chút do dự chần chừ, dứt khoát xông pha đứng ra bảo vệ an toàn tính mạng cho quần chúng nhân dân.

24 nét | HÁN VIỆT : TRÌ NGHI

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #478

迟早
chízǎo

sớm muộn, sớm hay muộn, trước sau gì cũng

只要我们始终保持战略定力、持续深耕基础研究无人区，困扰高端制造的卡脖子难题迟早会被我们彻底攻克！
Zhǐ yào wǒ men shǐ zhōng bǎo chí zhàn lüè dìng lì, chí xù shēn gēng jī chǔ yán jiū wú rén qū, kùn rǎo gāo duān zhì zào de qiǎ bó zi nán tí chí zǎo huì bèi wǒ men chè dǐ gōng kè!
Chỉ cần chúng ta luôn giữ vững định lực chiến lược, liên tục đào sâu vào vùng không người nghiên cứu cơ bản thì bài toán nghẽn cổ chai làm đau đầu ngành chế tạo cao cấp sớm muộn trước sau gì cũng sẽ bị chúng ta chinh phục triệt để!

20 nét | HÁN VIỆT : TRÌ TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #479

持
chí

cầm, nắm giữ; giữ vững quan điểm (chí yǒu)

广大科研人员始终持之以恒、心无旁骛，坚守在国家前沿战略工程第一线攻坚克难。
Guǎng dà kē yán rén yuán shǐ zhōng chí zhī yǐ héng, xīn wú páng wù, jiān shǒu zài guó jiā qián yán zhàn lüè gōng chéng dì yī xiàn gōng jiān kè nán.
Đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học luôn kiên trì bền bỉ giữ vững tâm trí một lòng, bám trụ nơi tuyến đầu công trình chiến lược tiên phong quốc gia để vượt khó chinh phục khó khăn.

13 nét | HÁN VIỆT : TRÌ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #480

持久
chí jiǔ

bền bỉ, lâu dài, trường cửu

中国始终坚定维护联合国宪章宗旨原则，做世界和平的建设者、全球发展的贡献者与持久和平的维护者。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng wéi hù lián hé guó xiàn zhāng zōng zhǐ yuán zé, zuò shì jiè hé píng de jiàn shè zhě, quán qiú fā zhǎn de gòng xiàn zhě yǔ chí jiǔ hé píng de wéi hù zhě.
Trung Quốc luôn kiên định bảo vệ các tôn chỉ nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc, làm người xây dựng hòa bình thế giới, người đóng góp cho sự phát triển toàn cầu và người gìn giữ nền hòa bình trường cửu lâu dài.

24 nét | HÁN VIỆT : TRÌ CỬU

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #481

持之以恒
chízhīyǐhéng

kiên trì bền bỉ, kiên trì đến cùng, bền gan vững chí

重大原始创新往往需要科研团队甘坐冷板凳、持之以恒深耕十几年甚至几十年才能迎来辉煌突破。
Zhòng dà yuán shǐ chuàng xīn wǎng wǎng xū yào kē yán tuán duì gān zuò lěng bǎn dèng, chí zhī yǐ héng shēn gēng shí jǐ nián shèn zhì jǐ shí nián cái néng yíng lái huī huáng tū pò.
Đổi mới sáng tạo nguyên bản trọng đại thường đòi hỏi đội ngũ nghiên cứu khoa học phải tình nguyện ngồi ghế băng lạnh, kiên trì bền bỉ bền gan vững chí đào sâu mười mấy năm thậm chí mấy chục năm mới đón nhận được bước đột phá huy hoàng.

35 nét | HÁN VIỆT : TRÌ CHI DĨ HẰNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #482

尺度
chǐdù

thước đo, thang đo quy mô; chuẩn mực

同步辐射光源使科学家能够在原子和分子极端微观尺度下精准观测化学键断裂与重组的动力学全过程。
Tóng bù fú shè guāng yuán shǐ kē xué jiā néng gòu zài yuán zi hé fèn zǐ jí duān wēi guān chǐ dù xià jīng zhǔn guān cè huà xué jiàn duàn liè yǔ chóng zǔ de dòng lì xué quán guò chéng.
Nguồn sáng bức xạ synchrotron giúp các nhà khoa học có thể quan sát chuẩn xác toàn bộ tiến trình động lực học của việc bẻ gãy và tái tổ hợp liên kết hóa học ở thang đo quy mô thước đo vi mô cực hạn phân tử và nguyên tử.

25 nét | HÁN VIỆT : XÍCH ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #483

耻辱
chǐ rǔ

xấu hổ

在面对复杂的挑战时，保持耻辱的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí chǐ rǔ de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái xấu hổ đặc biệt quan trọng.

20 nét | HÁN VIỆT : SỈ NHỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #484

耻笑
chǐxiào

cười nhạo, chê cười chế giễu, bêu riếu

当年面对某些外国同行对中国独立建造大科学装置的质疑与耻笑，科研团队用过硬的实测数据做出了最有力的回击。
Dāng nián miàn duì mǒu xiē wài guó tóng háng duì zhōng guó dú lì jiàn zào dà kē xué zhuāng zhì de zhì yí yǔ chǐ xiào, kē yán tuán duì yòng guò yìng de shí cè shù jù zuò chū le zuì yǒu lì de huí jī.
Năm xưa đứng trước sự hoài nghi và cười nhạo chê cười chế giễu của một số đồng nghiệp nước ngoài đối với việc Trung Quốc độc lập xây dựng thiết bị khoa học lớn, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã dùng số liệu đo đạc thực tế xuất sắc để đưa ra đòn phản kích đanh thép nhất.

25 nét | HÁN VIỆT : SỈ TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #485

赤字
chì zì

thâm hụt, thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại

国家实行积极的财政政策，科学将财政赤字率控制在安全合理区间，有效兼顾了稳增长与防风险。
Guó jiā shí xíng jī jí de cái zhèng zhèng cè, kē xué jiāng cái zhèng chì zì lǜ kòng zhì zài ān quán hé lǐ qū jiān, yǒu xiào jiān gù le wěn zēng zhǎng yǔ fáng fēng xiǎn.
Nhà nước thực thi chính sách tài khóa tích cực, kiểm soát một cách khoa học tỷ lệ thâm hụt ngân sách trong khoảng an toàn và hợp lý, dung hòa hiệu quả giữa việc giữ ổn định tăng trưởng và phòng ngừa rủi ro.

25 nét | HÁN VIỆT : XÍCH TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #486

翅膀
chì bǎng

đôi cánh, cánh chim

理想是飞翔的翅膀，它赋予我们在辽阔知识天空自由探索与翱翔的无限动力。
Lǐ xiǎng shì fēi xiáng de chì bǎng, tā fù yǔ wǒ men zài liáo kuò zhī shí tiān kōng zì yóu tàn suǒ yǔ áo xiáng de wú xiàn dòng lì.
Ước mơ là đôi cánh bay lượn, nó tiếp thêm cho chúng ta nguồn động lực vô biên để tự do khám phá và sải cánh bay cao giữa bầu trời tri thức bao la.

21 nét | HÁN VIỆT : SÍ BẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #487

充
chōng

nạp, sạc đầy (chōngdiàn); giả vờ đóng vai (màochōng); tràn đầy (chōngzú)

完全自主研发的新一代固态锂电池实现了在十分钟内极速快充并保持超长循环物理寿命。
Wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài gù tài lǐ diàn chí shí xiàn le zài shí fēn zhōng nèi jí sù kuài chōng bìng bǎo chí chāo cháng xún huán wù lǐ shòu mìng.
Pin lithium thể rắn thế hệ mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã thực hiện việc sạc nhanh nạp điện siêu tốc trong vòng 10 phút và duy trì tuổi thọ vật lý chu kỳ sạc xả siêu dài.

9 nét | HÁN VIỆT : SUNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #488

充当
chōng dāng

đóng vai trò là, làm nhiệm vụ là

在复杂深海探索中，无人遥控潜水器充当着深海科考母船的“深海千里眼”与多功能机械作业手臂。
Zài fù zá shēn hǎi tàn suǒ zhōng, wú rén yáo kòng qián shuǐ qì chōng dāng zhe shēn hǎi kē kǎo mǔ chuán de "shēn hǎi qiān lǐ yǎn" yǔ duō gōng néng jī xiè zuò yè shǒu bì.
Trong công tác thám hiểm biển sâu phức tạp, tàu lặn không người lái điều khiển từ xa đóng vai trò là 'đôi mắt thần nghìn dặm' và cánh tay cơ khí thao tác đa năng của tàu mẹ khảo sát khoa học biển sâu.

18 nét | HÁN VIỆT : SUNG ĐƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #489

充沛
chōng pèi

dồi dào, tràn trề, sung mãn (sức lực, mưa)

得益于充沛的阳光照射与优越的水热气候资源，该生态农业示范区的水果糖分积累充足、风味绝佳。
Dé yì yú chōng pèi de yáng guāng zhào shè yǔ yōu yuè de shuǐ rè qì hòu zī yuán, gāi shēng tài nóng yè shì fàn qū de shuǐ guǒ táng fēn jī lěi chōng zú, fēng wèi jué jiā.
Nhờ vào nguồn ánh nắng chiếu dồi dào cùng tài nguyên khí hậu nhiệt ẩm ưu việt, hoa quả tại khu trình diễn nông nghiệp sinh thái này tích tụ lượng đường phong phú, hương vị thơm ngon tuyệt hảo.

23 nét | HÁN VIỆT : SUNG BÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #490

充实
chōng shí

làm giàu

老师鼓励大家积极充实，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chōng shí， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm giàu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét | HÁN VIỆT : SUNG THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #491

冲刺
chōngcì

nước rút, bứt phá về đích, tăng tốc về đích

大科学工程建设全面进入最后物理联调收尾攻坚的冲刺阶段，全体参研人员日夜兼程协同作战。
Dà kē xué gōng chéng jiàn shè quán miàn jìn rù zuì hòu wù lǐ lián diào shōu wěi gōng jiān de chōng cì jiē duàn, quán tǐ cān yán rén yuán rì yè jiān chéng xié tóng zuò zhàn.
Công tác xây dựng công trình khoa học lớn bước vào toàn diện giai đoạn nước rút bứt phá về đích vượt khó hoàn thiện liên kết điều chỉnh vật lý cuối cùng, toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu ngày đêm tăng tốc hiệp đồng tác chiến.

22 nét | HÁN VIỆT : XUNG THÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #492

冲浪
chōnglàng

lướt sóng (thể thao); lướt mạng lướt web (nghĩa bóng)

千兆高速光纤网络与空间低轨卫星互联网的全面融合覆盖，让偏远海岛居民与科研人员也能随时随地畅快在线冲浪。
Qiān zhào gāo sù guāng xiān wǎng luò yǔ kōng jiān dī guǐ wèi xīng hù lián wǎng de quán miàn róng hé fù gài, ràng piān yuǎn hǎi dǎo jū mín yǔ kē yán rén yuán yě néng suí shí suí dì chàng kuài zài xiàn chōng làng.
Sự dung hợp bao phủ toàn diện của mạng Internet vệ tinh quỹ đạo thấp không gian và mạng cáp quang tốc độ cao Gigabit giúp cư dân các hải đảo xa xôi và cán bộ nghiên cứu khoa học cũng có thể lướt mạng lướt sóng trực tuyến mượt mà mọi lúc mọi nơi.

24 nét | HÁN VIỆT : XUNG LÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #493

冲洗
chōngxǐ

rửa sạch, xối rửa, tráng rửa vi mạch

在纳米芯片光刻显影车间内，超纯去离子水以恒定微压对晶圆表面进行纳米级超洁净冲洗。
Zài nà mǐ xīn piàn guāng kè xiǎn yǐng chē jiān nèi, chāo chún qù lí zi shuǐ yǐ héng dìng wēi yā duì jīng yuán biǎo miàn jìn xíng nà mǐ jí chāo jié jìng chōng xǐ.
Bên trong phân xưởng hiện ảnh quang khắc chip nano, nước siêu tinh khiết khử ion với áp suất vi mô hằng định tiến hành tráng rửa xối rửa siêu sạch cấp độ nanomet đối với bề mặt tấm wafer phiến silicon.

25 nét | HÁN VIỆT : XUNG TẨY

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #494

冲撞
chōngzhuàng

va chạm, đâm sầm vào; xung đột va chạm tư tưởng

在青年科学家前沿交叉学术沙龙上，不同学科思想的激烈冲撞与交融往往能够孕育出颠覆性的原创科学火花。
Zài qīng nián kē xué jiā qián yán jiāo chā xué shù shā lóng shàng, bù tóng xué kē sī xiǎng de jī liè chōng zhuàng yǔ jiāo róng wǎng wǎng néng gòu yùn yù chū diān fù xìng de yuán chuàng kē xué huǒ huā.
Tại sa-lông học thuật liên ngành tiên phong các nhà khoa học trẻ, sự va chạm xung đột và giao thoa mãnh liệt của các tư tưởng ngành học khác nhau thường có thể thai nghén ra những tia lửa khoa học nguyên tác mang tính cách mạng.

26 nét | HÁN VIỆT : XUNG TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #495

崇高
chóng gāo

cao cả, cao quý, thiêng liêng

无数航天科技工作者把青春和热血奉献给了建设航天强国的崇高事业，谱写了壮丽的时代赞歌。
Wú shù háng tiān kē jì gōng zuò zhě bǎ qīng chūn hé rè xuè fèng xiàn gěi le jiàn shè háng tiān qiáng guó de chóng gāo shì yè, pǔ xiě le zhuàng lì de shí dài zàn gē.
Biết bao cán bộ khoa học kỹ thuật hàng không vũ trụ đã dâng hiến tuổi thanh xuân và dòng máu nóng cho sự nghiệp cao cả xây dựng cường quốc hàng không vũ trụ, viết nên khúc tráng ca thời đại rạng rỡ.

23 nét | HÁN VIỆT : SÙNG CAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #496

崇尚
chóngshàng

tôn sùng, chuộng, đề cao coi trọng

全社会大力弘扬崇尚科学、追求真理、鼓励创新、宽容失败的浓厚科学文化与时代新风尚。
Quán shè huì dà lì hóng yáng chóng shàng kē xué, zhuī qiú zhēn lǐ, gǔ lì chuàng xīn, kuān róng shī bài de nóng hòu kē xué wén huà yǔ shí dài xīn fēng shàng.
Toàn xã hội ra sức phát huy nếp sống mới thời đại và văn hóa khoa học đậm đà để cao tôn sùng khoa học, mưu cầu chân lý, khích lệ đổi mới sáng tạo, khoan dung với thất bại.

19 nét | HÁN VIỆT : SÙNG THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #497

宠
chǒng

yêu chiều, cưng chiều; sủng ái được mến chuộng (chǒng'ài)

在科学探索与人才评价中我们决不搞盲目追捧或特殊宠溺，始终坚持以真才实学和硬核实绩论英雄。
Zài kē xué tàn suǒ yǔ rén cái píng jià zhōng wǒ men jué bù gǎo máng mù zhuī pěng huò tè shū chǒng nì, shǐ zhōng jiān chí yǐ zhēn cái shí xué hé yìng hé shí jì lùn yīng xióng.
Trong đánh giá nhân tài và thám hiểm khoa học chúng ta tuyệt đối không sùng bái chạy theo mù quáng hay cưng chiều yêu chiều dung túng đặc biệt, luôn kiên trì lấy thực tích công nghệ cứng và tài học thực chất để luận anh hùng.

14 nét | HÁN VIỆT : SỦNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #498

宠爱
chǒng'ài

yêu thương cưng chiều, sủng ái hết mực

国家公园大熊猫繁育基地里的每一只新生大熊猫幼崽，都受到了科研保育专家团队无微不至的宠爱与悉心呵护。
Guó jiā gōng yuán dà xióng māo fán yù jī dì lǐ de měi yī zhī xīn shēng dà xióng māo yòu zǎi, dōu shòu dào le kē yán bǎo yù zhuān jiā tuán duì wú wēi bù zhì de chǒng ài yǔ xī xīn hē hù.
Mỗi một chú gấu trúc con mới sinh bên trong Căn cứ Nhân giống Gấu trúc Lớn Công viên Quốc gia đều nhận được sự chăm sóc ân cần và yêu thương cưng chiều chu đáo tỉ mỉ đến từng li từng tí của đội ngũ chuyên gia bảo tồn nghiên cứu khoa học.

23 nét | HÁN VIỆT : SỦNG ÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #499

抽签
chōuqiān

rút thăm, bốc thăm, bốc quẻ

国家科技计划项目答辩严格实行盲审评审机制，评审专家组与答辩次序全部在公证人员监督下由系统随机抽签产生。
Guó jiā kē jì jì huà xiàng mù dá biàn yán gé shí xíng máng shěn píng shěn jī zhì, píng shěn zhuān jiā zǔ yǔ dá biàn cì xù quán bù zài gōng zhèng rén yuán jiān dū xià yóu xì tǒng suí jī chōu qiān chǎn shēng.
Việc bảo vệ dự án kế hoạch khoa học công nghệ quốc gia thực thi nghiêm ngặt cơ chế thẩm định chấm ẩn danh, tổ chuyên gia thẩm định và thứ tự bảo vệ đều do hệ thống bốc thăm rút thăm ngẫu nhiên dưới sự giám sát của công chứng viên.

18 nét | HÁN VIỆT : TRỪU THIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #500

抽屉
chōu ti

ngăn kéo (bàn, tủ)

他拉开书桌中间带锁的抽屉，小心翼翼地取出了那枚珍藏多年的纪念勋章。
Tā lā kāi shū zhuō zhōng jiān dài suǒ de chōu tì, xiǎo xīn yì yì dì qǔ chū le nà méi zhēn cáng duō nián de jì niàn xūn zhāng.
Anh kéo ngăn kéo có khóa ở giữa bàn làm việc ra, cẩn thận lấy ra chiếc huy chương kỷ niệm được cất giữ trân quý bao năm qua.

16 nét | HÁN VIỆT : TRỪU THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #501

抽象
chōu xiàng

trừu tượng

优秀的教师善于通过生活中的生动比喻，将晦涩抽象的物理定律讲解得通俗易懂。
Yōu xiù de jiào shī shàn yú tōng guò shēng huó zhōng de shēng dòng bǐ yù, jiǎng huì sè chōu xiàng de wù lǐ dìng lǜ jiǎng jiě dé tōng sú yì dǒng.
Người thầy giỏi là người biết khéo léo dùng những hình ảnh ẩn dụ sinh động trong cuộc sống để giải thích các định luật vật lý trừu tượng khó hiểu trở nên gần gũi, dễ tiếp thu.

22 nét | HÁN VIỆT : TRỪU TƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #502

仇
chóu

thù, thù hằn, mối thù oán hận

科技创新要胸怀人类命运共同体，以包容合作的大格局超越狭隘的零和博弈与地缘仇怨。
Kē jì chuàng xīn yào xiōng huái rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ, yǐ bāo róng hé zuò de dà gé jú chāo yuè xiá ài de líng hé bó yì yǔ dì yuán chóu yuàn.
Đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ cần ôm trọn cộng đồng cùng chung vận mệnh nhân loại, dùng cục diện lớn hợp tác bao dung vượt lên trên những mối thù oán hận thù hằn địa chính trị và trò chơi có tổng bằng không (zero-sum) hạn hẹp.

8 nét | HÁN VIỆT : CỪU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #503

仇恨
chóuhèn

căm thù, hận thù sâu sắc, thù oán

开放包容的科学探索是连接全球不同文明的崇高桥梁，能够有力消除偏见、隔阂与仇恨。
Kāi fàng bāo róng de kē xué tàn suǒ shì lián jiē quán qiú bù tóng wén míng de chóng gāo qiáo liáng, néng gòu yǒu lì xiāo chú piān jiàn, gé hé yù chóu hèn.
Khám phá khoa học bao dung cởi mở là cây cầu cao đẹp kết nối các nền văn minh khác nhau trên toàn cầu, có thể xóa bỏ mạnh mẽ sự thành kiến, chia rẽ ngăn cách và hận thù căm thù.

21 nét | HÁN VIỆT : CỪU HẬN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #504

仇人
chóurén

kẻ thù, cừu nhân, kẻ thù oán

在国际多边前沿科学峰会上，各国科学家倡导用科学理性的光芒化解敌对偏见，让携手合作造福人类代替针锋相对把彼此当成仇人。
Zài guó jì duō biān qián yán kē xué fēng huì shàng, gè guó kē xué jiā chàng dǎo yòng kē xué lǐ xìng de guāng máng huà jiě dí duì piān jiàn, ràng xié shǒu hé zuò zào fú rén lèi dài tì zhēn fēng xiāng duì bǎ bǐ cǐ dàng chéng chóu rén.
Tại Hội nghị Thượng đỉnh Khoa học Tiên phong Đa phương Quốc tế, các nhà khoa học các nước kêu gọi dùng ánh sáng lý tính của khoa học để hóa giải những định kiến thù địch, để sự chung tay hợp tác mang lại hạnh phúc cho nhân loại thay thế cho việc đối đầu gay gắt coi nhau như kẻ thù cừu nhân.

17 nét | HÁN VIỆT : CỪU NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #505

愁眉苦脸
chóuméikǔliǎn

mặt mày ủ rũ, nhăn nhó sầu não, rầu rĩ buồn bã

面对科研攻关中遇到的暂时挫折，大家没有一个人愁眉苦脸、怨天尤人，而是迅速围坐在一起分析物理故障根源。
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí cuò zhé, dà jiā méi yǒu yí gè rén chóu méi kǔ liǎn, yuàn tiān yóu rén, ér shì xùn sù wéi zuò zài yì qǐ fēn xī wù lǐ gù zhàng gēn yuán.
Đứng trước những trắc trở tạm thời gặp phải trong vượt khó nghiên cứu khoa học, mọi người không một ai nhăn nhó sầu não mặt mày ủ rũ than thân trách phận, mà nhanh chóng quây quần ngồi lại bên nhau phân tích nguồn gốc sự cố vật lý.

35 nét | HÁN VIỆT : SẦU MI KHỔ KIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #506

稠
chóu

đặc, sền sệt đậm đặc; đông đúc dày đặc (chóumì)

新型超高温低粘度特种润滑油在极寒环境下依然保持良好流动性，绝不会因为低温而变得黏稠凝固。
Xīn xíng chāo gāo wēn dī zhān dù tè zhǒng rùn huá yóu zài jí hán huán jìng xià yī rán bǎo chí liáng hǎo liú dòng xìng, jué bú huì yīn wèi dī wēn ér biàn dé nián chóu níng gù.
Dầu bôi trơn đặc chủng độ nhớt thấp siêu nhiệt độ cao kiểu mới dưới môi trường cực hàn vẫn duy trì tính lưu động tuyệt vời, tuyệt đối không bị sền sệt quánh đặc đông kết do nhiệt độ thấp.

10 nét | HÁN VIỆT : TRÙ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #507

稠密
chóu mì

dày đặc, đông đúc, rậm rạp

在人口稠密的大都市核心区，地下综合管廊将供水、电力与光纤管线一体化入廊，彻底根治了“马路拉链”现象。
Zài rén kǒu chóu mì de dà dū shì hé xīn qū, dì xià zōng hé guǎn láng jiāng gōng shuǐ, diàn lì yǔ guāng xiān guǎn xiàn yī tǐ huà rù láng, chè dǐ gēn zhì le "mǎ lù lā liàn" xiàn xiàng.
Tại khu vực lõi các đại đô thị đông đúc dân cư, đường hào kỹ thuật tổng hợp ngầm dưới lòng đất đã đưa toàn bộ đường ống cấp nước, điện lực và cáp quang vào chung một đường hầm ngầm, xử lý triệt để hiện tượng đào bới lòng đường liên miên.

20 nét | HÁN VIỆT : TRÙ MẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #508

筹
chóu

nâng cao

老师鼓励大家积极筹，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chóu， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nâng cao, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : TRÙ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #509

筹办
chóubàn

chuẩn bị tổ chức, lo liệu tổ chức, chuẩn bị chu tất

我国积极筹办全球顶尖科学家前沿交叉科学大会，全力搭建高水平国际科学对话与多边合作战略平台。
Wǒ guó jī jí chóu bàn quán qiú dǐng jiān kē xué jiā qián yán jiāo chā kē xué dà huì, quán lì dā jiàn gāo shuǐ píng guó jì kē xué duì huà yǔ duō biān hé zuò zhàn lüè píng tái.
Nước ta tích cực lo liệu tổ chức chuẩn bị tổ chức Đại hội Khoa học Liên ngành Tiên phong các Nhà khoa học Hàng đầu Toàn cầu, dốc toàn lực dựng xây nền tảng chiến lược hợp tác đa phương và đối thoại khoa học quốc tế trình độ cao.

23 nét | HÁN VIỆT : TRÙ BIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #510

筹备
chóu bèi

chuẩn bị, trù bị, lo toan chuẩn bị

经过组委会历时三年的周密严谨筹备，这一规格极高的全球人工智能高端学术峰会如期顺利盛大启幕。
Jīng guò zǔ wěi huì lì shí sān nián de zhōu mì yán jǐn chóu bèi, zhè yī guī gé jí gāo de quán qiú rén gōng zhì néng gāo duān xué shù fēng huì rú qī shùn lì shèng dà qǐ mù.
Trải qua 3 năm trù bị chuẩn bị chu đáo và nghiêm cẩn của ban tổ chức, hội nghị thượng đỉnh học thuật cấp cao về trí tuệ nhân tạo toàn cầu với quy mô tầm cỡ cực cao này đã tưng bừng khai mạc đúng thời hạn.

26 nét | HÁN VIỆT : TRÙ BỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #511

筹措
chóucuò

huy động vốn, xoay xở kinh phí, quyên góp lo liệu

国家设立多元化科技创新投入机制，积极引导社会多元资本筹措专项基金支持重大原创基础研究。
Guó jiā shè lì duō yuán huà kē jì chuàng xīn tóu rù jī zhì, jī jí yǐn dǎo shè huì duō yuán zī běn chóu cuò zhuān xiàng jī jīn zhī chí zhòng dà yuán chuàng jī chǔ yán jiū.
Nhà nước thiết lập cơ chế đầu tư đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ đa nguyên hóa, tích cực định hướng nguồn vốn đa dạng của xã hội xoay xở kinh phí huy động vốn lập các quỹ chuyên án ủng hộ nghiên cứu cơ bản nguyên tác trọng đại.

26 nét | HÁN VIỆT : TRÙ THỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #512

筹划
chóuhuà

hoạch định, tính toán lên kế hoạch, trù tính

国家战略科学家团队高瞻远瞩，科学筹划未来数十年国家深空探测与行星际科学考察长期发展战略蓝图。
Guó jiā zhàn lüè kē xué jiā tuán duì gāo zhān yuǎn zhǔ, kē xué chóu huà wèi lái shù shí nián guó jiā shēn kōng tàn cè yǔ xíng xīng jì kē xué kǎo chá cháng qī fā zhǎn zhàn lüè lán tú.
Đội ngũ các nhà khoa học chiến lược quốc gia nhìn xa trông rộng, đã lên kế hoạch hoạch định trù tính khoa học bản đồ quy hoạch chiến lược phát triển lâu dài khảo sát khoa học liên hành tinh và thám trắc không gian sâu quốc gia trong mấy chục năm tới.

23 nét | HÁN VIỆT : TRÙ HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #513

筹集
chóují

huy động thu gom, quyên góp gom góp vốn

科技扶贫专项基金多渠道筹集数亿元资金，精准支持西部偏远地区特色农业智慧化示范基地建设。
Kē jì fú pín zhuān xiàng jī jīn duō qú dào chóu jí shù yì yuán zī jīn, jīng zhǔn zhī chí xī bù piān yuǎn dì qū tè sè nóng yè zhì huì huà shì fàn jī dì jiàn shè.
Quỹ Chuyên án Khoa học Công nghệ Giảm nghèo thông qua nhiều kênh đã gom góp vốn huy động quyên góp hàng trăm triệu nhân dân tệ, tiếp sức chuẩn xác cho việc xây dựng các căn cứ trình diễn thông minh hóa nông nghiệp đặc sắc tại vùng sâu vùng xa miền Tây.

20 nét | HÁN VIỆT : TRÙ TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #514

筹码
chóumǎ

con bài mặc cả, vốn liếng đàm phán, quân bài

唯有牢牢把关键核心技术掌握在自己手中，我们在国际高科技产业经贸谈判中才能拥有坚实的话语权与战略筹码。
Wéi yǒu láo láo bǎ guān jiàn hé xīn jì shù zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men zài guó jì gāo kē jì chǎn yè jīng mào tán pàn zhōng cái néng yōng yǒu jiān shí de huà yǔ quán yǔ zhàn lüè chóu mǎ.
Chỉ khi nắm chắc công nghệ lõi then chốt trong tay mình thì chúng ta trong các cuộc đàm phán kinh tế thương mại ngành công nghệ cao quốc tế mới có thể sở hữu vốn liếng đàm phán con bài mặc cả chiến lược và quyền phát ngôn vững chắc.

25 nét | HÁN VIỆT : TRÙ MÃ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #515

丑恶
chǒu è

xấu xa, đê hèn, ghê tởm độc ác

法律与道德共同筑牢社会正义防线，坚决揭露和依法惩治任何践踏公序良俗与侵害弱者的丑恶违法犯罪行径。
Fǎ lǜ yǔ dào dé gòng tóng zhù láo shè huì zhèng yì fáng xiàn, jiān jué jié lù hé yī fǎ chéng zhì rèn hé jiàn tà gōng xù liáng sú yǔ qīn hài ruò zhě de chǒu è wéi fǎ fàn zuì xíng jìng.
Pháp luật và đạo đức cùng nhau xây đắp nên phòng tuyến công lý xã hội, kiên quyết vạch trần và trừng trị theo pháp luật mọi hành vi phạm pháp xấu xa đê hèn chà đạp lên trật tự đạo đức xã hội và xâm hại người yếu thế.

21 nét | HÁN VIỆT : SỬU ÁC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #516

丑陋
chǒu lòu

xấu xí

在面对复杂的挑战时，保持丑陋的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí chǒu lòu de xīn tài yóu wéi zhòng yào.
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái xấu xí đặc biệt quan trọng.

19 nét | HÁN VIỆT : SỬU LẬU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #517

丑闻
chǒuwén

vụ bê bối, scandal điều tiếng xấu xa

国家科研诚信建设全面强化制度约束，依法严厉惩戒任何论文买卖与数据造假等学术丑闻涉案人员。
Guó jiā kē yán chéng xìn jiàn shè quán miàn qiáng huà zhì dù yuē shù, yī fǎ yán lì chéng jiè rèn hé lùn wén mǎi mài yǔ shù jù zào jiǎ děng xué shù chǒu wén shè àn rén yuán.
Công tác xây dựng thành tín nghiên cứu khoa học quốc gia tăng cường toàn diện ràng buộc chế độ, xử phạt nghiêm khắc theo đúng pháp luật mọi nhân sự liên quan đến các vụ bê bối scandal học thuật như làm giả dữ liệu và mua bán luận văn.

16 nét | HÁN VIỆT : SỬU VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #518

瞅
chǒu

nhìn, ngó, liếc nhìn (khẩu ngữ phương Bắc)

总工程师指着超高分辨率显微镜显示屏对年轻学者说："你快过来瞅瞅，晶格界面的微观缺陷完全被修复了！"
Zǒng gōng chéng shī zhǐ zhe chāo gāo fēn biàn lǜ xiǎn wēi jìng xiǎn shì píng duì nián qīng xué zhě shuō："nǐ kuài guò lái chǒu chǒu, jīng gé jiè miàn de wēi guān quē xiàn wán quán bèi xiū fù le!"
Vị Tổng Kỹ sư chỉ vào màn hình hiển thị kính hiển vi độ phân giải siêu cao nói với học giả trẻ: 'Cháu mau qua đây ngó nhìn nhìn xem này, khuyết tật vi mô ở mặt tiếp giáp mạng tinh thể đã được sửa chữa hoàn toàn rồi!'

8 nét | HÁN VIỆT : THU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #519

出版社
chūbǎnshè

nhà xuất bản, nhà in ấn phát hành

国家科学出版社权威出版了数十卷大型国家前沿科技战略学术丛书，系统总结了我国重大原创科学突破成果。
Guó jiā kē xué chū bǎn shè quán wēi chū bǎn le shù shí juǎn dà xíng guó jiā qián yán kē jì zhàn lüè xué shù cóng shū, xì tǒng zǒng jié le wǒ guó zhòng dà yuán chuàng kē xué tū pò chéng guǒ.
Nhà Xuất bản Khoa học Quốc gia đã xuất bản đầy thẩm quyền hàng chục tập bộ sách học thuật chiến lược khoa học công nghệ tiên phong quốc gia quy mô lớn, tổng kết có hệ thống các thành quả đột phá khoa học nguyên tác trọng đại của nước ta.

27 nét | HÁN VIỆT : XUẤT BẢN XÃ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #520

出厂
chūchǎng

xuất xưởng, ra khỏi nhà máy sau kiểm định

这台完全自主研制的百万千瓦级大型核电站反应堆压力容器在出厂前，一次性通过了国家最严苛的水压极限测试。
Zhè tái wán quán zì zhǔ yán zhì de bǎi wàn qiān wǎ jí dà xíng hé diàn zhàn fǎn yìng duī yā lì róng qì zài chū chǎng qián, yí cì xìng tōng guò le guó jiā zuì yán kē de shuǐ yā jí xiàn cè shì.
Chiếc thùng chứa áp lực lò phản ứng nhà máy điện hạt nhân cỡ lớn cấp triệu kilowatt do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo trước khi xuất xưởng ra khỏi nhà máy đã vượt qua thử nghiệm giới hạn áp lực nước khắt khe nhất của quốc gia ngay trong một lần kiểm tra.

16 nét | HÁN VIỆT : XUẤT HÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #521

出丑
chūchǒu

bẽ mặt, xấu mặt, làm trò cười lộ tẩy

在重大工程方案国际评审会上，我们必须准备极其充分确凿的数据论据，决不能因为粗心大意而在国际同行面前出丑。
Zài zhòng dà gōng chéng fāng àn guó jì píng shěn huì shàng, wǒ men bì xū zhǔn bèi jí qí chōng fèn què záo de shù jù lùn jù, jué bù néng yīn wèi cū xīn dà yì ér zài guó jì tóng háng miàn qián chū chǒu.
Tại hội nghị thẩm định quốc tế phương án công trình trọng đại, chúng ta bắt buộc phải chuẩn bị các luận cứ số liệu xác thực cực kỳ đầy đủ, tuyệt đối không được vì sơ suất bất cẩn mà làm trò cười bẽ mặt trước đồng nghiệp quốc tế.

16 nét | HÁN VIỆT : XUẤT SỬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #522

出道
chūdào

bước vào nghề, khởi đầu sự nghiệp, xuất đạo

这位青年战略科学家虽然出道时间不算长，但凭借敏锐独特的学术洞察力已在前沿量子物理领域取得了瞩目原创成就。
Zhè wèi qīng nián zhàn lüè kē xué jiā suī rán chū dào shí jiān bù suàn zhǎng, dàn píng jiè mǐn ruì dú tè de xué shù dòng chá lì yǐ zài qián yán liàng zǐ wù lǐ lǐng yù qǔ dé le zhǔ mù yuán chuàng chéng jiù.
Vị nhà khoa học chiến lược trẻ tuổi này tuy thời gian bước vào nghề khởi đầu sự nghiệp tính ra chưa dài, nhưng nhờ vào năng lực nhìn thấu học thuật độc đáo nhạy bén đã đạt được những thành tựu nguyên tác đáng chú ý trong lĩnh vực vật lý lượng tử tiên phong.

17 nét | HÁN VIỆT : XUẤT ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #523

出发点
chūfādiǎn

điểm xuất phát, xuất phát điểm, mục đích khởi đầu

满足人民对美好生活的向往与保障国家战略安全，始终是我们推动前沿科技自主创新的根本出发点与落脚点。
Mǎn zú rén mín duì měi hǎo shēng huó de xiàng wǎng yǔ bǎo zhàng guó jiā zhàn lüè ān quán, shǐ zhōng shì wǒ men tuī dòng qián yán kē jì zì zhǔ chuàng xīn de gēn běn chū fā diǎn yǔ luò jiǎo diǎn.
Thỏa mãn sự hướng tới cuộc sống tốt đẹp của nhân dân và bảo đảm an ninh chiến lược quốc gia luôn là xuất phát điểm điểm xuất phát và điểm tựa quy tụ căn bản cho việc chúng ta thúc đẩy đổi mới sáng tạo tự chủ khoa học công nghệ tiên phong.

29 nét | HÁN VIỆT : XUẤT PHÁT ĐIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #524

出风头
chū fēngtou

thích nổi trội, thích thể hiện mình, khoe khoang tìm kiếm sự chú ý

真正的功勋大科学家一生深居简出、甘于寂寞，从不刻意在媒体上出风头，而是潜心在戈壁荒原为国铸重器。
Zhēn zhèng de gōng xūn dà kē xué jiā yī shēng shēn jū jiǎn chū, gān yú jì mò, cóng bù kè yì zài méi tí shàng chū fēng tou, ér shì qián xīn zài gē bì huāng yuán wèi guó zhù zhòng qì.
Những nhà khoa học lớn có công lao thực sự cả đời sống giản dị ít giao thiệp, bằng lòng với sự tĩnh lặng thầm lặng, không bao giờ cố tình khoe khoang thích thể hiện mình trên truyền thông báo chí, mà chuyên tâm đúc vũ khí rèn đại khí cho Tổ quốc nơi sa mạc hoang vu.

28 nét | HÁN VIỆT : XUẤT PHONG ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #525

出境
chūjìng

xuất cảnh, rời khỏi biên giới quốc gia

国家出入境边防检查机关全面推行人工智能快捷通关查验系统，大幅提升了国际顶尖学者出入境的通关效率。
Guó jiā chū rù jìng biān fáng jiǎn chá jī guān quán miàn tuī xíng rén gōng zhì néng kuài jié tōng guān chá yàn xì tǒng, dà fú tí shēng le guó jì dǐng jiān xué zhě chū rù jìng de tōng guān xiào lǜ.
Cơ quan kiểm tra biên phòng xuất nhập cảnh quốc gia đẩy mạnh toàn diện hệ thống kiểm tra thông quan nhanh trí tuệ nhân tạo, nâng cao vượt bậc hiệu suất thông quan xuất cảnh xuất nhập cảnh của các học giả đỉnh cao quốc tế.

16 nét | HÁN VIỆT : XUẤT CẢNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #526

出局
chūjú

bị loại, bị loại khỏi cuộc chơi, out game

在前沿硬科技残酷的全球竞争中，缺乏自主核心技术与持续创新能力的企业注定会惨遭市场无情淘汰而出局。
Zài qián yán yìng kē jì cán kù de quán qiú jìng zhēng zhōng, què fá zì zhǔ hé xīn jì shù yǔ chí xù chuàng xīn néng lì de qǐ yè zhù dìng huì cǎn zāo shì chǎng wú qíng táo tài ér chū jú.
Trong cuộc cạnh tranh toàn cầu tàn khốc của công nghệ cứng tiên phong, doanh nghiệp thiếu vắng năng lực đổi mới sáng tạo liên tục và công nghệ cốt lõi tự chủ tất yếu sẽ bị thị trường đào thải không thương tiếc và bị loại khỏi cuộc chơi bị loại.

21 nét | HÁN VIỆT : XUẤT CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #527

出具
chūjù

cấp phát, lập và ban hành (chứng thư/báo cáo)

国家权威计量检测中心为该型号国产超精密机床关键精度指标出具了具有全球互认法律效力的检验检测合格证书。
Guó jiā quán wēi jì liàng jiǎn cè zhōng xīn wèi gāi xíng hào guó chǎn chāo jīng mì jī chuáng guān jiàn jīng dù zhǐ biāo chū jù le jù yǒu quán qiú hù rèn fǎ lǜ xiào lì de jiǎn yàn jiǎn cè hé gé zhèng shū.
Trung tâm Kiểm định Đo lường Thẩm quyền Quốc gia đã lập và cấp phát cấp phát chứng thư kiểm định kiểm nghiệm đạt chuẩn có hiệu lực pháp lý công nhận lẫn nhau toàn cầu cho các chỉ tiêu độ chính xác then chốt của dòng máy công cụ siêu chính xác sản xuất trong nước này.

18 nét | HÁN VIỆT : XUẤT CỤ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #528

出口成章
chūkǒuchéngzhāng

mở miệng thành văn, tài ứng đối lưu loát trôi chảy, lời lẽ văn hoa

这位兼具深厚人文底蕴的战略科学家在国际科学讲坛上博古通今、出口成章，赢得了全球听众由衷赞叹。
Zhè wèi jiān jù shēn hòu rén wén dǐ yùn de zhàn lüè kē xué jiā zài guó jì kē xué jiǎng tán shàng bó gǔ tōng jīn, chū kǒu chéng zhāng, yíng dé le quán qiú tīng zhòng yóu zhōng zàn tàn.
Vị nhà khoa học chiến lược sở hữu bề dày văn hóa nhân văn sâu sắc này trên diễn đàn khoa học quốc tế hiểu thông kim cổ, mở miệng thành văn lời lẽ văn hoa lưu loát trôi chảy, giành được sự tán thưởng tấm tắc thán phục chân thành của thính giả toàn cầu.

35 nét | HÁN VIỆT : XUẤT KHẨU THÀNH CHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #529

出卖
chū mài

bán, bán ra; bán đứng, phản bội (lương tâm, đất nước)

任何为了不正当商业利益或个人私欲而出卖国家核心机密与关键核心技术的违法行径，必将受到国家法律最严厉的惩处。
Rèn hé wèi le bù zhèng dāng shāng yè lì yì huò gè rén sī yù ér chū mài guó jiā hé xīn jī mì yǔ guān jiàn hé xīn jì shù de wéi fǎ xíng jìng, bì jiāng shòu dào guó jiā fǎ lǜ zuì yán lì de chéng chǔ.
Bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào vì lợi ích thương mại bất chính hoặc dục vọng cá nhân mà bán đứng bí mật cốt lõi quốc gia và công nghệ lõi then chốt đều chắc chắn sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc nhất.

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #530

出毛病
chū máobìng

gặp trục trặc, xảy ra sự cố hỏng hóc

在大科学工程全系统严密质量把控下，关键真空阀门构件在经过数十万次极限启闭测试中始终未出任何毛病。
Zài dà kē xué gōng chéng quán xì tǒng yán mì zhì liàng bǎ kòng xià, guān jiàn zhēn kōng fá mén gòu jiàn zài jīng guò shù shí wàn cì jí xiàn qǐ bì cè shì zhōng shǐ zhōng wèi chū rèn hé máo bìng.
Dưới sự kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt toàn hệ thống của công trình khoa học lớn, cấu kiện van chân không then chốt sau khi trải qua hàng chục vạn lần thử nghiệm đóng mở giới hạn vẫn luôn không xảy ra bất kỳ sự cố hỏng hóc gặp trục trặc nào.

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #531

出难题
chū nántí

đưa ra bài toán hóc búa, làm khó, đặt ra thử thách gay go

复杂多变的太空微重力极端物理环境向空间站生命保障系统的长期稳定运行出了不少技术难题，但都被科研人员一一破解。
Fù zá duō biàn de tài kōng wēi zhòng lì jí duān wù lǐ huán jìng xiàng kōng jiān zhàn shēng mìng bǎo zhàng xì tǒng de cháng qī wěn dìng yùn xíng chū le bù shǎo jì shù nán tí, dàn dōu bèi kē yán rén yuán yī yī pò jiě.
Môi trường vật lý cực đoan không trọng lực không gian phức tạp đa biến đã đặt ra không ít thử thách gay go bài toán hóc búa làm khó cho sự vận hành ổn định lâu dài của hệ thống bảo đảm sinh mệnh trạm vũ trụ, nhưng đều đã được cán bộ nghiên cứu lần lượt hóa giải.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #532

出人意料

chūrényìliào

bất ngờ ngoài dự tính, ngoài dự liệu của mọi người

新型拓扑超导量子材料在极端超低温下展现出了出人意料的无耗散量子反常物理电输运效应。

Xīn xíng tuò pū chāo dǎo liàng zǐ cái liào zài jí duān chāo dī wēn xià zhǎn xiàn chū le chū rén yì liào de wú hào sàn liàng zǐ fǎn cháng wù lǐ diàn shū yùn xiào yìng.

Vật liệu lượng tử siêu dẫn tô-pô kiểu mới dưới nhiệt độ cực thấp đã phô diễn hiệu ứng truyền dẫn điện vật lý dị thường lượng tử không tiêu hao năng lượng bất ngờ ngoài dự tính ngoài dự liệu của mọi người.

35 nét | HÁN VIỆT : XUẤT NHÂN Ý LIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #533

出任

chūrèn

đảm nhiệm chức vụ, nhận chức, giữ cương vị

国际著名战略科学家应邀出任国家实验室首任主任，全面领衔国家未来重大基础科学研究战略布局。

Guó jì zhù míng zhàn lüè kē xué jiā yìng yāo chū rèn guó jiā shí yàn shì shǒu rèn zhǔ rèn, quán miàn lǐng xián guó jiā wèi lái zhòng dà jī chǔ kē xué yán jiū zhàn lüè bù jú.

Nhà khoa học chiến lược nổi tiếng quốc tế đã nhận lời mời đảm nhiệm chức vụ nhận chức Giám đốc đầu tiên của Phòng thí nghiệm Quốc gia, toàn diện dẫn dắt bố cục chiến lược nghiên cứu khoa học cơ bản trọng đại trong tương lai của đất nước.

19 nét | HÁN VIỆT : XUẤT NHÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #534

出山

chūshān

xuất sơn, tái xuất giang hồ, nhận lời tái xuất gánh vác

为了攻关这一事关国家命脉的关键核心大科学工程，多位已经退休的功勋老院士毅然出山担任技术总顾问。

Wèi le gōng guān zhè yī shì guān guó jiā mìng mài de guān jiàn hé xīn dà kē xué gōng chéng, duō wèi yǐ jīng tuì xiū de gōng xūn lǎo yuàn shì yì rán chū shān dān rèn jì shù zǒng gù wèn.

Để vượt khó công trình khoa học lớn cốt lõi then chốt liên quan tới mạch máu quốc gia này, nhiều vị Viện sĩ lão thành có công lao đã nghỉ hưu đã kiên quyết tái xuất xuất sơn đảm nhiệm chức vụ Tổng Cố vấn Kỹ thuật.

21 nét | HÁN VIỆT : XUẤT SƠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #535

出身

chū shēn

xuất thân, nguồn gốc gia đình/nghề nghiệp

国家构建公平普惠的教育与用人机制，让每一位无论家庭出身背景如何的青年学子都能通过奋斗实现人生梦想。

Guó jiā gòu jiàn gōng píng pǔ huì de jiào yù yǔ yòng rén jī zhì, ràng měi yī wèi wú lùn jiā tíng chū shēn bèi jǐng rú hé de qīng nián xué zǐ dōu néng tōng guò fèn dòu shí xiàn rén shēng mèng xiǎng.

Nhà nước xây dựng cơ chế tuyển dụng và giáo dục công bằng bao trùm, giúp cho mọi bạn trẻ học sinh bất kể xuất thân gia đình thế nào đều có thể thông qua nỗ lực phấn đấu để hiện thực hóa ước mơ cuộc đời.

20 nét | HÁN VIỆT : XUẤT THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #536

出示

chūshì

xuất trình, đưa ra cho xem (giấy tờ/thẻ)

进入大科学装置超高洁净核心实验操作区前，科研人员必须出示数字化生物识别门禁权限并完成全身风淋除尘。

Jìn rù dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jié jìng hé xīn shí yàn cāo zuò qū qián, kē yán rén yuán bì xū chū shì shù zì huà shēng wù shí bié mén jìn quán xiàn bìng wán chéng quán shēn fēng lín chú chén.

Trước khi bước vào khu thao tác thực nghiệm cốt lõi siêu sạch của thiết bị khoa học lớn, cán bộ nghiên cứu bắt buộc phải xuất trình đưa ra cho xem quyền hạn kiểm soát ra vào nhận dạng sinh trắc học số hóa và hoàn thành thổi bụi thanh lọc toàn thân.

19 nét | HÁN VIỆT : XUẤT THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #537

出手

chūshǒu

ra tay, xuất chiêu hành động; bán ra tống khứ

国家科技领军企业果断出手，斥巨资设立基础科学探索种子基金，全方位支持青年科学家开展高风险前沿攻关。

Guó jiā kē jì lǐng jūn qǐ yè guǒ duàn chū shǒu, chì jù zī shè lì jī chǔ kē xué tàn suǒ zhǒng zi jī jīn, quán fāng wèi zhī chí qīng nián kē xué jiā kāi zhǎn gāo fēng xiǎn qián yán gōng guān.

Doanh nghiệp dẫn đầu khoa học công nghệ quốc gia đã quả đoán ra tay xuất chiêu, chi nguồn kinh phí khổng lồ thiết lập Quỹ hạt giống Khám phá Khoa học Cơ bản, hỗ trợ toàn diện các nhà khoa học trẻ triển khai vượt khó tiên phong rủi ro cao.

21 nét | HÁN VIỆT : XUẤT THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Số lượng | #538

出头

chūtóu

vươn lên, làm nên sự nghiệp; hơn, nhỉnh hơn (chỉ số lượng)

在这支平均年龄只有三十出头的年轻国家科技突击队中，多位青年学术骨干已独立领衔国际重大前沿科研课题。

Zài zhè zhī píng jūn nián líng zhǐ yǒu sān shí chū tóu de nián qīng guó jiā kē jì tū jī duì zhōng, duō wèi qīng nián xué shù gǔ gàn yǐ dú lì lǐng xián guó jì zhòng dà qián yán kē yán kè tí.

Bên trong đội xung kích khoa học công nghệ quốc gia trẻ tuổi có độ tuổi bình quân chỉ hơn nhỉnh hơn 30 tuổi này, nhiều cán bộ nòng cốt học thuật trẻ đã độc lập dẫn đầu các đề tài nghiên cứu khoa học tiên phong trọng đại quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : XUẤT ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #539

出土

chūtǔ

khai quật được, đào lên khỏi lòng đất (khảo cổ)

科研团队运用前沿古DNA高通量测序与同位素分析技术，成功解码了最新出土的三星堆珍贵青铜器与古代生物遗存密码。

Kē yán tuán duì yùn yòng qián yán gǔ DNA gāo tōng liàng cè xù yǔ tóng wèi sù fēn xī jì shù, chéng gōng jiě mǎ le zuì xīn chū tǔ de sān xīng duī zhēn guì qīng tóng qì yǔ gǔ dài shēng wù yí cún mì mǎ.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ phân tích đồng vị và giải trình tự gen thông lượng cao DNA cổ đại tiên phong đã giải mã thành công mật mã di tích sinh vật cổ đại và đồ đồng quý giá Tam Tinh Đôi mới được khai quật đào lên khỏi lòng đất.

17 nét | HÁN VIỆT : XUẤT THỔ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #540

出息

chū xi

tiền đồ, triển vọng, sự thành đạt

大山深处的父母含辛茹苦将子女送入大学深造，殷切盼望着孩子们学成报国、成长为有大出息的栋梁之才。

Dà shān shēn chù de fù mǔ hán xīn rú kǔ jiāng zǐ nǚ sòng rù dà xué shēn zào, yīn qiè pàn wàng zhe hái zi men xué chéng bào guó, chéng zhǎng wèi yǒu dà chū xī de dòng liáng zhī cái.

Những bậc cha mẹ nơi vùng núi sâu ngậm đắng nuốt cay nuôi dạy con cái vào học đại học, tha thiết mong mỏi các con học hành thành tài báo đáp đất nước, trưởng thành thành những nhân tài rường cột có tiền đồ lớn lao.

21 nét | HÁN VIỆT : XUẤT TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #541

出血
chūxiě

chảy máu, xuất huyết; chi đậm chi tiền (nghĩa bóng)

新型医用纳米生物止血水凝胶能够在数秒内迅速封闭大动脉破裂创口，彻底杜绝手术大出血致命风险。
Xīn xíng yī yòng nà mǐ shēng wù zhǐ xuè shuǐ níng jiāo néng gòu zài shù miǎo nèi xùn sù fēng bì dà dòng mài pò liè chuāng kǒu, chè dǐ dù jué shǒu shù dà chū xuè zhì mìng fēng xiǎn.
Loại hydrogel cầm máu sinh học nano y tế kiểu mới có thể nhanh chóng bịt kín miệng vết thương rách động mạch lớn trong vòng vài giây, triệt tiêu hoàn toàn nguy cơ tử vong do chảy máu xuất huyết ở ạt trong phẫu thuật.

22 nét | HÁN VIỆT : XUẤT HUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #542

出演
chūyǎn

thủ vai, diễn xuất, tham gia diễn xuất

在国家大剧院重大科技功勋科学家话剧中，国家一级演员深情出演老一辈战略科学家科技报国的壮烈人生。
Zài guó jiā dà jù yuàn zhòng dà kē jì gōng xūn kē xué jiā huà jù zhōng, guó jiā yī jí yǎn yuán shēn qíng chū yǎn lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā kē jì bào guó de zhuàng liè rén shēng.
Trong vở kịch nói về nhà khoa học có công lao khoa học công nghệ trọng đại tại Nhà hát Lớn Quốc gia, diễn viên hạng nhất quốc gia đã xúc động thủ vai tham gia diễn xuất cuộc đời tráng liệt phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của nhà khoa học chiến lược tiền bối.

18 nét | HÁN VIỆT : XUẤT DIỄN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Cụm từ | #543

出洋相
chū yáng xiàng

làm trò cười, mất mặt, bẽ mặt chốn đông người

在国际多边外事交流活动中，代表团成员提前充分熟知并严格遵守国际外交礼仪与禁忌，绝不出洋相。
Zài guó jì duō biān wài shì jiāo liú huó dòng zhōng, dài biǎo tuán chéng yuán tí qián chōng fèn shú zhī bìng yán gé zūn shǒu guó jì wài jiāo lǐ yí yǔ jìn jì, jué bù chū yáng xiàng.
Trong các hoạt động giao lưu đối ngoại đa phương quốc tế, các thành viên trong đoàn đại biểu đã tìm hiểu kỹ càng và tuân thủ nghiêm ngặt các lễ nghi và điều kiêng kỵ ngoại giao quốc tế từ trước, tuyệt đối không để xảy ra sơ suất làm trò cười.

35 nét | HÁN VIỆT : XUẤT DƯƠNG TƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #544

出游
chūyóu

đi du lịch, đi dã ngoại, du ngoạn ngắm cảnh

在春光明媚的国家地质公园内，大批市民利用周末节假日携全家出游，在青山绿水间尽享现代生态文明成果。
Zài chūn guāng míng mèi de guó jiā dì zhì gōng yuán nèi, dà pī shì mín lì yòng zhōu mò jié jià rì xié quán jiā chū yóu, zài qīng shān lǜ shuǐ jiān jǐn xiǎng xiàn dài shēng tài wén míng chéng guǒ.
Bên trong Công viên Địa chất Quốc gia rực rỡ ánh xuân, đông đảo người dân tận dụng ngày nghỉ cuối tuần dẫn theo cả gia đình đi dã ngoại đi du lịch du ngoạn, tận hưởng trọn vẹn thành quả văn minh sinh thái hiện đại giữa non xanh nước biếc.

22 nét | HÁN VIỆT : XUẤT DU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #545

出众
chūzhòng

xuất chúng, vượt trội nổi bật, xuất sắc hơn người

这位青年拔尖科技骨干凭借出众的数理推导功底与独特的学术直觉，在量子凝聚态物理前沿连续取得原创突破。
Zhè wèi qīng nián bá jiān kē jì gǔ gàn píng jiè chū zhòng de shù lǐ tuī dǎo gōng dǐ yǔ dú tè de xué shù zhí jué, zài liàng zǐ níng jù tài wù lǐ qián yán lián xù qǔ dé yuán chuàng tū pò.
Cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ xuất chúng trẻ tuổi này nhờ vào năng lực suy diễn toán lý xuất chúng vượt trội cùng trực giác học thuật độc đáo đã liên tục gặt hái các đột phá nguyên tác nơi ranh giới tiên phong vật lý chất ngưng tụ lượng tử.

19 nét | HÁN VIỆT : XUẤT CHÚNG

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #546

出主意
chū zhǔyi

hiến kế, hiến kế mách nước, đưa ra chủ kiến

在科技攻关方案头脑风暴会上，老中青三代科学家齐聚一堂、群策群力为攻克工程难题积极出主意、想办法。
Zài kē jì gōng guān fāng àn tóu nǎo fēng bào huì shàng, lǎo zhōng qīng sān dài kē xué jiā qí jù yī táng, qún cè qún lì wèi gōng kè gōng chéng nán tí jī jí chū zhǔ yì, xiǎng bàn fǎ.
Tại hội nghị 'bão não' (brainstorming) phương án vượt khó khoa học công nghệ, ba thế hệ nhà khoa học già - trung - trẻ đã cùng tề tựu một nhà, tập hợp trí tuệ tập thể tích cực hiến kế mách nước đưa ra chủ kiến, nghĩ cách giải quyết để chinh phục bài toán công trình.

28 nét | HÁN VIỆT : XUẤT CHỦ Ý

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #547

出资
chūzī

góp vốn, xuất vốn đầu tư, tài trợ kinh phí

国家科技部门与地方政府联合出资设立前沿基础研究联合基金，全方位支持青年科学家自由探索。
Guó jiā kē jì bù mén yǔ dì fāng zhèng fǔ lián hé chū zī shè lì qián yán jī chǔ yán jiū lián hé jī jīn, quán fāng wèi zhī chí qīng nián kē xué jiā zì yóu tàn suǒ.
Cơ quan khoa học công nghệ quốc gia cùng chính quyền địa phương liên kết xuất vốn góp vốn đầu tư thành lập Quỹ Liên hợp Nghiên cứu Cơ bản Tiên phong, hỗ trợ toàn diện các nhà khoa học trẻ tự do tìm tòi.

18 nét | HÁN VIỆT : XUẤT TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #548

出自
chūzì

xuất phát từ, bắt nguồn từ, do... tạo nên

该型号航空发动机控制系统的每一行底层核心源代码，全部出自我国青年软件工程师团队的自主研发。
Gāi xíng hào háng kōng fā dòng jī kòng zhì xì tǒng de měi yī xíng dǐ céng hé xīn yuán dài mǎ, quán bù chū zì wǒ guó qīng nián ruǎn jiàn gōng chéng shī tuán duì de zì zhǔ yán fā.
Từng dòng mã nguồn cốt lõi dưới đáy của hệ thống điều khiển động cơ hàng không thuộc dòng này đều bắt nguồn từ xuất phát từ sự tự chủ nghiên cứu phát triển của đội ngũ kỹ sư phần mềm trẻ nước ta.

17 nét | HÁN VIỆT : XUẤT TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #549

出走
chūzǒu

bỏ đi, rời đi tha hương; trốn chạy

国家全面优化科研人才发展生态与激励机制，彻底解决了过去部分高水平科技人才流失出走的历史难题。
Guó jiā quán miàn yōu huà kē yán rén cái fā zhǎn shēng tài yǔ jī lì jī zhì, chè dǐ jié jué le guò qù bù fèn gāo shuǐ píng kē jì rén cái liú shī chū zǒu de lì shǐ nán tí.
Nhà nước tối ưu hóa toàn diện cơ chế khích lệ và hệ sinh thái phát triển nhân tài nghiên cứu khoa học, giải quyết triệt để bài toán khó lịch sử về việc một bộ phận nhân tài khoa học công nghệ trình độ cao bị chảy máu chất xám rời đi bỏ đi trong quá khứ.

20 nét | HÁN VIỆT : XUẤT TẨU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian / Phó từ | #550

初次
chūcì

lần đầu tiên, lần đầu, ban đầu mới

这是中国科学家初次在人类历史上从月球背面南极艾特肯盆地成功采集并带回月壤岩芯科学样本。
Zhè shì zhōng guó kē xué jiā chū cì zài rén lèi lì shǐ shàng cóng yuè qiú bèi miàn nán jí ài tè kěn pén dì chéng gōng cǎi jí bìng dài huí yuè rǎng yán xìn kē xué yàng běn.
Đây là lần đầu tiên lần đầu trong lịch sử nhân loại các nhà khoa học Trung Quốc đã lấy mẫu và mang về thành công mẫu vật khoa học lõi đất đá Mặt trăng từ bồn địa Nam Cực - Aitken ở mặt sau Mặt trăng.

22 nét | HÁN VIỆT : SƠ THỨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #551

初衷
chūzhōng

tâm nguyện ban đầu, ý định thuở ban sơ, sơ tâm

不忘初心、方得始终；广大科技工作者始终牢记科技报国、创新为民的崇高初衷，把论文写在祖国广袤大地上。
Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng ; guǎng dà kē jì gōng zuò zhě shǐ zhōng láo jì kē jì bào guó, chuàng xīn wèi mín de chóng gāo chū zhōng, bǎ lùn wén xiě zài zǔ guó guǎng mào dà dì shàng.
Không quên sơ tâm (ý định ban đầu), mới có thể đi tới thành công sau cùng; đông đảo những người làm khoa học luôn khắc ghi tâm nguyện ban đầu sơ tâm cao đẹp đổi mới sáng tạo vì nhân dân, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, viết những trang luận văn trên mảnh đất bao la của Tổ quốc.

21 nét | HÁN VIỆT : SƠ TRUNG

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Liên từ | #552

除此之外
chúcǐzhīwài

ngoài ra, bên cạnh đó, ngoại trừ điều này ra

大科学装置不仅能为基础物理研究提供极致光源，除此之外还在新药研发与先进材料制造中发挥着核心支撑作用。
Dà kē xué zhuāng zhì bù jǐn néng wèi jī chǔ wù lǐ yán jiū tí gōng jí zhì guāng yuán, chú cǐ zhī wài hái zài xīn yào yán fā yǔ xiān jìn cái liào zhì zào zhōng fā huī zhe hé xīn zhī chēng zuò yòng.
Thiết bị khoa học lớn không chỉ mang lại nguồn sáng cực hạn cho nghiên cứu vật lý cơ bản, ngoài ra bên cạnh đó còn phát huy tác dụng nâng đỡ cốt lõi trong chế tạo vật liệu tiên tiến và nghiên cứu phát triển thuốc mới.

35 nét | HÁN VIỆT : TRỪ THỬ CHI NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Giới từ | #553

除去
chúqù

loại bỏ, trừ bỏ; ngoại trừ ngoài ra

新型高精度微纳流控芯片能够在几秒钟内彻底除去血液样本中的微量杂质分子，实现单细胞级超纯分离。
Xīn xíng gāo jīng dù wēi nà liú kòng xīn piàn néng gòu zài jǐ miǎo zhōng nèi chè dǐ chú qù xuè yè yàng běn zhōng de wēi liàng zá zhì fēn zǐ, shí xiàn dān xì bāo jí chāo chún fēn lí.
Dòng chip vi lưu chất nano độ chính xác cao kiểu mới có thể loại bỏ trừ bỏ hoàn toàn các phân tử tạp chất vi lượng trong mẫu máu trong vòng vài giây, thực hiện phân tách siêu tinh khiết cấp độ đơn tế bào.

17 nét | HÁN VIỆT : TRỪ KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Giới từ | #554

除外
chúwài

trừ ra, ngoại trừ, loại trừ ra

大科学装置主实验大厅实施最高等级全封闭洁净运行管理，除持有特许通行证的核心测控人员外任何人不得进入。
Dà kē xué zhuāng zhì zhǔ shí yàn dà tīng shí shī zuì gāo děng jí quán fēng bì jié jìng yùn xíng guǎn lǐ, chú chí yǒu tè xǔ tōng xíng zhèng de hé xīn cè kòng rén yuán wài rèn hé rén bù dé jìn rù.
Đại sảnh thực nghiệm chính của thiết bị khoa học lớn thực thi quản lý vận hành siêu sạch khép kín hoàn toàn cấp độ cao nhất, ngoại trừ trừ ra các nhân sự trắc nghiệm điều khiển cốt lõi có thẻ thông hành đặc cách thì bất kỳ ai cũng không được phép bước vào.

16 nét | HÁN VIỆT : TRỪ NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #555

储备
chǔ bèi

dự trữ, tích trữ; kho dự trữ chiến lược

国家建立了充足健全的粮食、能源与关键矿产战略物资储备体系，有力夯实了国家安全底座。
Guó jiā jiàn lì le chōng zú jiàn quán de liáng shí, néng yuán yǔ guān jiàn kuàng chǎn zhàn lüè wù zī chǔ bèi tǐ xì, yǒu lì hāng shí le guó jiā ān quán dǐ zuò.
Nhà nước đã thiết lập hệ thống dự trữ vật tư chiến lược về lương thực, năng lượng và khoáng sản then chốt đầy đủ và hoàn thiện, củng cố vững chắc nền tảng an ninh quốc gia.

27 nét | HÁN VIỆT : TRỮ BỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #556

储蓄
chǔ xù

tiết kiệm, tiền gửi tiết kiệm

良好的个人财务规划应当合理平衡日常消费、稳健储蓄与长远保险投资，有效提升抵御未来未知风险的能力。
Liáng hǎo de gè rén cái wù guī huà yīng dāng hé lǐ píng héng rì cháng xiāo fèi, wěn jiàn chǔ xù yǔ cháng yuǎn bǎo xiǎn tóu zī, yǒu xiào tí shēng dǐ yù wèi lái wèi zhī fēng xiǎn de néng lì.
Một kế hoạch tài chính cá nhân lành mạnh cần cân bằng hợp lý giữa tiêu dùng thường nhật, gửi tiết kiệm an toàn vững chắc và đầu tư bảo hiểm dài hạn, nâng cao hiệu quả năng lực chống đỡ rủi ro chưa biết trước trong tương lai.

24 nét | HÁN VIỆT : TRỮ SÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #557

处方
chǔfāng

đơn thuốc, toa thuốc điều trị

国家智慧医疗服务系统全面推行电子处方跨区域互认流转与前沿靶向创新药物精准用药智能指导。
Guó jiā zhì huì yī liáo fú wù xì tǒng quán miàn tuī xíng diàn zi chǔ fāng kuà qū yù hù rèn liú zhuǎn yù qián yán bǎ xiàng chuàng xīn yào wù jīng zhǔn yòng yào zhì néng zhǐ dǎo.
Hệ thống dịch vụ y tế thông minh quốc gia đẩy mạnh toàn diện lưu chuyển công nhận lẫn nhau xuyên vùng đơn thuốc toa thuốc điện tử cùng sự hướng dẫn thông minh dùng thuốc chuẩn xác các loại thuốc đổi mới sáng tạo trúng đích tiên phong.

20 nét | HÁN VIỆT : XỬ PHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #558

处境
chǔ jìng

hoàn cảnh, tình cảnh, cảnh ngộ

面对外部极端打压封锁的不利处境，科技攻关团队咬紧牙关迎难而上，成功攻克了核心工业软件技术。
Miàn duì wài bù jí duān dǎ yā fēng suǒ de bù lì chǔ jìng, kē jì gōng guān tuán duì yǎo jǐn yá guān yíng nán ér shàng, chéng gōng gōng kè le hé xīn gōng yè ruǎn jiàn jì shù.
Đứng trước tình cảnh bất lợi của sự chèn ép phong tỏa cực đoan từ bên ngoài, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã nghiến chặt răng dũng cảm đối mặt với khó khăn, chinh phục thành công công nghệ phần mềm công nghiệp cốt lõi.

19 nét | HÁN VIỆT : XỬ CẢNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #559

处置
chǔ zhì

xử lý, giải quyết, tiêu hủy (chất thải, sự cố)

生态环境应急监测中心建立了突发环境事件快速响应机制，确保危险化学品泄漏事故在黄金时间内得到科学安全处置。
Shēng tài huán jìng yìng jí jiān cè zhōng xīn jiàn lì le tū fā huán jìng shì jiàn kuài sù xiǎng yìng jī zhì, què bǎo wēi xiǎn huà xué pǐn xiè lòu shì gù zài huáng jīn shí jiān nèi dé dào kē xué ān quán chǔ zhì.
Trung tâm quan trắc khẩn cấp môi trường sinh thái đã thiết lập cơ chế phản ứng nhanh đối với sự cố môi trường đột xuất, bảo đảm sự cố rò rỉ hóa chất nguy hại được xử lý an toàn và khoa học ngay trong khung giờ vàng.

21 nét | HÁN VIỆT : XỬ TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #560

触动
chùdòng

chạm đến, làm lay động tâm can, xúc động; va chạm cơ học

老一辈科学家隐姓埋名数十年、甘坐冷板凳科技报国的感人事迹，深深触动了在场的每一位青年科技工作者。
Lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng shù shí nián, gān zuò lěng bǎn dèng kē jì bào guó de gǎn rén shì jì, shēn shēn chù dòng le zài chǎng de měi yī wèi qīng nián kē jì gōng zuò zhě.
Tấm gương cảm động của các nhà khoa học tiền bối ẩn danh giấu tên mấy chục năm trời, bằng lòng ngồi ghế băng lạnh phụng sự Tổ quốc bằng khoa học đã làm lay động chạm đến sâu sắc tâm can của từng người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi có mặt tại hội trường.

23 nét | HÁN VIỆT : XÚC ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #561

触犯
chù fàn

xâm phạm, phạm vào (pháp luật, đạo đức)

任何组织或个人都不得享有超越宪法法律的特权，任何触犯国家法律红线的行为都必将受到严厉追究。
Rèn hé zǔ zhī huò gè rén dōu bù dé xiǎng yǒu chāo yuè xiàn fǎ fǎ lǜ de tè quán, rèn hé chù fàn guó jiā fǎ lǜ hóng xiàn de xíng wéi dōu bì jiāng shòu dào yán lì zhuī jiū.
Không một tổ chức hay cá nhân nào được phép hưởng đặc quyền vượt lên trên hiến pháp và pháp luật, bất kỳ hành vi nào chạm tới lằn ranh đỏ pháp luật quốc gia đều chắc chắn sẽ bị truy cứu nghiêm khắc.

18 nét | HÁN VIỆT : XÚC PHẠM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #562

触觉
chùjué

xúc giác, cảm giác sờ chạm

新型高柔性高灵敏度仿生电子皮肤能够赋予智能假肢细腻逼真的触觉感知能力，精准识别微米级物体纹理。
Xīn xíng gāo róu xìng gāo líng mǐn dù fǎng shēng diàn zi pí fū néng gòu fù yǔ zhì néng jiǎ zhī xì nì bī zhēn de chù jué gǎn zhī néng lì, jīng zhǔn shí bié wēi mǐ jí wù tǐ wén lǐ.
Lớp da điện tử phỏng sinh học độ nhạy cảm cao và độ mềm dẻo cao kiểu mới có thể mang lại năng lực cảm nhận xúc giác xúc giác tinh tế chân thực cho chi giả thông minh, nhận diện chuẩn xác vân thớ bề mặt vật thể cấp độ micromet.

17 nét | HÁN VIỆT : XÚC GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #563

触摸
chùmō

chạm vào, sờ nắn tiếp xúc, chạm tay vào

在全国科技馆深海沉浸式多模态科普互动体验区，青少年戴上体感力反馈手套仿佛亲手触摸到了万米海底奇异生物。
Zài quán guó kē jì guǎn shēn hǎi chén jìn shì duō mó tài kē pǔ hù dòng tǐ yàn qū, qīng shào nián dài shàng tǐ gǎn lì fǎn kuì shǒu tào fǎng fú qīn shǒu chù mō dào le wàn mǐ hǎi dǐ qí yì shēng wù.
Tại khu trải nghiệm tương tác phổ biến khoa học đa phương thức chìm đắm biển sâu của Bảo tàng Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các bạn thanh thiếu niên đeo găng tay phản hồi lực xúc giác như thể được tự tay chạm vào sờ vào các sinh vật kỳ dị dưới đáy biển vạn mét.

19 nét | HÁN VIỆT : XÚC MÔ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #564

触目惊心
chùmùjīngxīn

nhìn mà rợn người, rùng mình khiếp sợ, ghê rợn kinh tâm

历史上某些关键核心技术长期受制于人导致的产业链脆弱风险触目惊心，更加坚定了我们实现高水平自立自强的决心。
Lì shǐ shàng mǒu xiē guān jiàn hé xīn jì shù cháng qī shòu zhì yú rén dǎo zhì de chǎn yè lián cuì ruò fēng xiǎn chù mù jīng xīn, gèng jiā jiān dìng le wǒ men shí xiàn gāo shuǐ píng zì lì zì qiáng de jué xīn.
Những nguy cơ dễ bị tổn thương của chuỗi ngành do một số công nghệ lõi then chốt trong lịch sử bị phụ thuộc lâu dài vào người khác gây ra thật là nhìn mà rợn người rùng mình khiếp sợ, càng củng cố vững chắc quyết tâm thực hiện tự chủ tự cường trình độ cao của chúng ta.

35 nét | HÁN VIỆT : XÚC MỤC KINH TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #565

揣
chuāi

giắt vào, nhét trong ngực áo/túi; ôm ấp giấu kín

青年科学家怀里揣着写满核心物理公式的手稿本，日夜奔波在野外极端地质科学考察第一线。
Qīng nián kē xué jiā huái lǐ chuāi zhe xiě mǎn hé xīn wù lǐ gōng shì de shǒu gǎo běn, rì yè bēn bō zài yě wài jí duān dì zhì kē xué kǎo chá dì yī xiàn.
Nhà khoa học trẻ tuổi trong ngực áo giắt nhét cuốn sổ tay bản thảo ghi kín các công thức vật lý cốt lõi, ngày đêm bôn ba nơi tuyến đầu khảo sát khoa học địa chất cực đoan dã ngoại.

8 nét | HÁN VIỆT : SUY

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #566

揣测
chuǎicè

phỏng đoán, suy đoán võ đoán, ức đoán

严谨的前沿科学探索必须建立在可重复的确凿实验数据基础之上，决不能凭空主观揣测或轻率下结论。
Yán jǐn de qián yán kē xué tàn suǒ bì xū jiàn lì zài kě chóng fù dí què záo shí yàn shù jù jī chǔ zhī shàng, jué bù néng píng kōng zhǔ guān chuǎi cè huò qīng shuài xià jié lùn.
Khám phá khoa học tiên phong nghiêm cẩn bắt buộc phải xây dựng trên nền tảng số liệu thực nghiệm xác thực có thể tái lập, tuyệt đối không được suy đoán phỏng đoán ức đoán chủ quan vô căn cứ hay khinh suất đưa ra kết luận.

16 nét | HÁN VIỆT : SUY TRẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #567

揣摩
chuǎimó

nghiền ngẫm, suy xét tỉ mỉ tìm tòi, chiêm nghiệm

青年学者反复深入揣摩经典前沿物理文献中的精妙推导逻辑，从中汲取灵感开辟全新的数学物理研究路径。
Qīng nián xué zhě fǎn fù shēn rù chuǎi mó jīng diǎn qián yán wù lǐ wén xiàn zhōng de jīng miào tuī dǎo luó jí, cóng zhōng jí qǔ líng gǎn kāi pì quán xīn de shù xué wù lǐ yán jiū lù jìng.
Học giả trẻ tuổi liên tục đi sâu nghiền ngẫm suy xét tỉ mỉ chiêm nghiệm logic suy diễn tinh diệu trong các tài liệu văn hiến vật lý tiên phong kinh điển, từ đó tiếp thu linh cảm mở ra con đường nghiên cứu toán lý hoàn toàn mới.

17 nét | HÁN VIỆT : SUY MA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #568

踹
chuài

cú đá

老师鼓励大家积极踹，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chuài， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cú đá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : SOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #569

川流不息
chuān liú bù xī

dòng chảy không ngừng, tấp nập không ngớt

长江干线上万吨级大型货轮川流不息、昼夜穿梭，展现了黄金水道澎湃奔涌的航运物流活力。
Cháng jiāng gàn xiàn shàng wàn dūn jí dà xíng huò lún chuān liú bù xī, zhòu yè chuān suō, zhǎn xiàn le huáng jīn shuǐ dào pēng pài bēn yǒng de háng yùn wù liú huó lì.
Trên tuyến vận tải chính của sông Trường Giang, những con tàu chở hàng cỡ lớn vạn tấn tấp nập qua lại không ngớt, ngày đêm con thoi ngược xuôi, thể hiện sức sống vận tải đường thủy cuộn trào mạnh mẽ của tuyến đường thủy huyết mạch hoàng kim.

35 nét | HÁN VIỆT : XUYÊN LƯU BẤT TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #570

穿过
chuānguò

xuyên qua, băng qua, đâm xuyên qua

在同步辐射加速器主环管道中，超高能粒子束流以接近光速的速度精准穿过一系列复杂的电磁聚焦透镜组。
Zài tóng bù fú shè jiā sù qì zhǔ huán guǎn dào zhōng, chāo gāo néng lì zi shù liú yǐ jiē jìn guāng sù de sù dù jīng zhǔn chuān guò yī xì liè fù zá de diàn cí jù jiāo tòu jìng zǔ.
Bên trong đường ống vòng chính máy gia tốc bức xạ synchrotron, chùm hạt năng lượng siêu cao với vận tốc tiệm cận tốc độ ánh sáng đã xuyên qua băng qua chuẩn xác một chuỗi các cụm thấu kính hội tụ điện từ phức tạp.

23 nét | HÁN VIỆT : XUYÊN QUÁ

HSK 7-9 (3.0) | Quán ngữ / Động từ | #571

穿小鞋
chuān xiǎoxié

xỏ giày chật, trù dập sau lưng, làm khó dễ ngấm ngầm

国家科技管理体制坚决破除唯学阀圈子风气，建立阳光透明的学术申诉机制，绝不允许任何人对敢于直言的青年学者穿小鞋。
Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì jiān jué pò chú wéi xué fá quān zi fēng qì, jiàn lì yáng guāng tòu míng de xué shù shēn sù jī zhì, jué bù yǔn xǔ rèn hé rén duì gǎn yú zhí yán de qīng nián xué zhě chuān xiǎo xié.
Thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia kiên quyết phá bỏ phong khí bè phái học phiệt, thiết lập cơ chế khiếu nại học thuật minh bạch công khai, tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai trù dập xỏ giày chật làm khó dễ ngấm ngầm đối với những học giả trẻ dám nói thẳng.

35 nét | HÁN VIỆT : XUYÊN TIỂU HÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #572

穿越
chuān yuè

vượt qua, xuyên qua, đi qua (không gian, thời gian)

全长数千公里的超高压特高压输电线路横跨大江大河、穿越崇山峻岭，将西部清洁绿电送往东部沿海地区。
Quán zhǎng shù qiān gōng lǐ de chāo gāo yā tè gāo yā shū diàn xiàn lù héng kuà dà jiāng dà hé, chuān yuè chóng shān jùn lǐng, jiāng xī bù qīng jié lǜ diàn sòng wǎng dōng bù yán hǎi dì qū.
Đường dây truyền tải điện siêu cao áp và đặc cao áp dài hàng ngàn cây số bắc qua sông sâu biển lớn, xuyên qua muôn trùng núi non hiểm trở, đưa nguồn điện xanh sạch từ miền Tây tới các vùng duyên hải miền Đông.

24 nét | HÁN VIỆT : XUYÊN VIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #573

穿着
chuānzhuó

mặc lên người; cách ăn mặc trang phục (chuānzhuó)

航天员在出舱前必须穿着完全自主研发的新一代飞天舱外航天服，确保在极端太空温差辐射环境下绝对安全。
Háng tiān yuán zài chū cāng qián bì xū chuān zhe wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài fēi tiān cāng wài háng tiān fú, què bǎo zài jí duān tài kōng wēn chà fú shè huán jìng xià jué duì ān quán.
Phi hành gia trước khi bước ra ngoài khoang bắt buộc phải mặc lên người khoác lên mình bộ quần áo phi hành ngoài khoang Phi Thiên thế hệ mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển, bảo đảm an toàn tuyệt đối dưới môi trường bức xạ chênh lệch nhiệt độ không gian cực đoan.

23 nét | HÁN VIỆT : XUYÊN TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #574

传承
chuánchéng

kế thừa và phát huy, truyền thừa tiếp nối, lưu truyền

新时代青年科技工作者要大力弘扬和传承老一辈科学家心系祖国、艰苦奋斗、勇于攀登的伟大科学家精神。
Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào dà lì hóng yáng hé chuán chéng lǎo yī bèi kē xué jiā xīn xì zǔ guó, jiān kǔ fèn dòu, yǒng yú pān dēng de wěi dà kē xué jiā jīng shén.
Những người làm khoa học công nghệ trẻ thời đại mới cần ra sức phát huy và truyền thừa tiếp nối kế thừa tinh thần nhà khoa học vĩ đại một lòng hướng về Tổ quốc, phấn đấu gian khổ, dũng cảm trèo lên đỉnh cao của các nhà khoa học tiền bối.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #575

传记
zhuàn jì

tiểu sử, truyện ký hồi ký cuộc đời danh nhân

新出版的科学家传记丛书生动记录了老一辈功勋科学家为了国家战略安全隐姓埋名、无私奉献的感人事迹。
Xīn chū bǎn de kē xué jiā zhuàn jì cóng shū shēng dòng jì lù le lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā wèi le guó jiā zhàn lüè ān quán yǐn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn de gǎn rén shì jì.
Bộ sách truyện ký tiểu sử các nhà khoa học mới xuất bản đã ghi lại sinh động những câu chuyện cảm động lòng người của các nhà khoa học có công trạng to lớn tiền bối vì an ninh chiến lược quốc gia đã ẩn danh giấu tên, cống hiến quên mình.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #576

传奇
chuánqí

truyền kỳ, huyền thoại kỳ tích, mang tính huyền thoại

中国航天人在浩瀚太空中书写了一个又一个自力更生、征战星辰大海的壮丽科学传奇。
Zhōng guó háng tiān rén zài hào hàn tài kōng zhōng shū xiě le yí gè yòu yí gè zì lì gēng shēng, zhēng zhàn xīng chén dà hǎi de zhuàng lì kē xué chuán qí.
Những người làm hàng không vũ trụ Trung Quốc giữa vũ trụ bao la đã viết nên hết truyền kỳ huyền thoại khoa học tráng lệ này đến truyền kỳ huyền thoại khác về tự lực cánh sinh chinh phục muôn ngàn sao trời biển lớn.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #577

传染
chuán rǎn

lây truyền, lây nhiễm

秋冬季节是呼吸道传染病的高发期，保持室内空气流通与戴好口罩是有效的个人防护手段。
Qiū dōng jì jié shì hū xī dào chuán rǎn bìng de gāo fā qī, bǎo chí shì nèi kōng qì liú tōng yǔ dài hǎo kǒu zhào shì yǒu xiào de gè rén fáng hù shǒu duàn.
Mùa thu đông là thời điểm bùng phát cao điểm của các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, giữ cho không khí trong phòng thông thoáng và đeo khẩu trang cẩn thận là biện pháp bảo vệ cá nhân hiệu quả.

21 nét | HÁN VIỆT : TRUYỀN NHIỄM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #578

传染病
chuánrǎnbìng

bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh lây nhiễm

国家重大突发急性传染病智能防控大数据系统实现了对未知病原体的高通量基因测序与全球秒级预警响应。
Guó jiā zhòng dà tū fā jí xìng chuán rǎn bìng zhì néng fáng kòng dà shù jù xì tǒng shí xiàn le duì wèi zhī bìng yuán tǐ de gāo tōng liàng jī yīn cè xù yǔ quán qiú miǎo jí yù jǐng xiǎng yìng.
Hệ thống dữ liệu lớn phòng chống thông minh bệnh truyền nhiễm dịch bệnh lây nhiễm cấp tính đột xuất trọng đại quốc gia đã thực hiện giải trình tự gen thông lượng cao và phản ứng cảnh báo sớm cấp độ giây toàn cầu đối với các mầm bệnh chưa biết.

29 nét | HÁN VIỆT : TRUYỀN NHIỄM BỆNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #579

传人
chuánrén

người truyền thừa, hậu duệ kế tục, người kế nghiệp

作为新时代科技报国事业的接班人与传人，青年学者誓言在世界基础科学无人区勇攀高峰、再立新功。
Zuò wéi xīn shí dài kē jì bào guó shì yè de jiē bān rén yǔ chuán rén, qīng nián xué zhě shì yán zài shì jiè jī chǔ kē xué wú rén qū yǒng pān gāo fēng, zài lì xīn gōng.
Với tư cách là người kế nghiệp người truyền thừa và người tiếp bước của sự nghiệp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học thời đại mới, các học giả trẻ tuyên thệ dũng cảm trèo lên đỉnh cao trong vùng không người khoa học cơ bản thế giới, lập nên những chiến công mới.

22 nét | HÁN VIỆT : TRUYỀN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #580

传授
chuán shòu

dạy

老师鼓励大家积极传授，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chuán shòu， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dạy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét | HÁN VIỆT : TRUYỀN THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #581

传闻
chuánwén

tin đồn, lời đồn đại phong thanh, nghe đồn

面对国际资本市场对关键芯片项目研发进度的种种不实传闻，企业以确凿严密的实测良品率数据予以正面有力澄清。
Miàn duì guó jì zī běn shì chǎng duì guān jiàn xīn piàn xiàng mù yán fā jìn dù de zhǒng zhǒng bù shí chuán wén, qǐ yè yǐ què záo yán mì de shí cè liáng pǐn lǜ shù jù yǔ yǐ zhèng miàn yǒu lì chéng qīng.
Đứng trước muôn vàn lời đồn đại tin đồn thất thiệt của thị trường vốn quốc tế về tiến độ nghiên cứu phát triển dự án chip then chốt, doanh nghiệp đã dùng số liệu tỷ lệ thành phẩm đo đạc thực tế chặt chẽ xác thực để đính chính làm rõ trực diện đanh thép.

21 nét | HÁN VIỆT : TRUYỀN VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #582

船舶
chuán bó

tàu thuyền, thuyền bè, tàu thủy

我国成功建造并交付了全球首艘采用绿色甲醇双燃料动力的大型集装箱船舶，引领了绿色造船新潮流。
Wǒ guó chéng gōng jiàn zào bìng jiāo fù le quán qiú shǒu sōu cǎi yòng lǜ sè jiǎ chún shuāng rán liào dòng lì de dà xíng jí zhuāng xiāng chuán bó, yǐn lǐng le lǜ sè zào chuán xīn cháo liú.
Nước ta đã đóng mới và bàn giao thành công con tàu container cỡ lớn sử dụng động cơ nhiên liệu kép methanol xanh đầu tiên trên thế giới, dẫn dắt trào lưu mới về đóng tàu xanh.

19 nét | HÁN VIỆT : THUYỀN BẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #583

船桨
chuánjiǎng

mái chèo, cây chèo thuyền

深海无人自主水下航行器采用了仿生鱼尾摆动推进装置，彻底颠覆了传统刚性螺旋桨与机械船桨的推进模式。
Shēn hǎi wú rén zì zhǔ shuǐ xià háng xíng qì cǎi yòng le fǎng shēng yú wěi bǎi dòng tuī jìn zhuāng zhì, chè dǐ diān fù le chuán tǒng gāng xìng luó xuán jiǎng yǔ jī xiè chuán jiǎng de tuī jìn mó shì.
Phương tiện lặn tự hành dưới nước không người lái biển sâu áp dụng thiết bị đẩy chuyển động đuôi cá phỏng sinh học, thay đổi hoàn toàn mô thức đẩy của mái chèo cơ khí và chân vịt cứng truyền thống.

21 nét | HÁN VIỆT : THUYỀN TƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #584

喘
chuǎn

thở hổn hển

老师鼓励大家积极喘，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chuǎn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thở hổn hển, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : SUYỄN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #585

喘息
chuǎnxī

thở dốc, thở hổn hển; nghỉ ngơi lấy sức (nghĩa bóng)

在高海拔五千米极端低氧环境下，科考队员稍事喘息调整呼吸后，便毅然继续向着冰川最高峰艰难挺进。
Zài gāo hǎi bá wǔ qiān mǐ jí duān dī yǎng huán jìng xià, kē kǎo duì yuán shāo shì chuǎn xī tiáo zhěng hū xī hòu, biàn yì rán jì xù xiàng zhe bīng chuān zuì gāo fēng jiān nán tǐng jìn.
Dưới môi trường cực thiếu oxy ở độ cao 5000 mét, các đội viên khảo sát khoa học sau khi nghỉ ngơi lấy sức thở dốc điều hòa nhịp thở trong giây lát đã kiên quyết tiếp tục tiến bước gian nan hướng tới đỉnh núi băng cao nhất.

23 nét | HÁN VIỆT : SUYỄN TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #586

串门

chuànmén

đến chơi nhà, sang chơi thăm hỏi xóm giềng (khẩu ngữ)

在浓厚温馨的科学家社区里，青年学者常去老院士家中串门请教，在亲切拉家常中汲取深厚的治学做人经验。

Zài nóng hòu wēn xīn de kē xué jiā shè qū lǐ, qīng nián xué zhě cháng qù lǎo yuàn shì jiā zhōng chuàn mén qǐng jiào, zài qīn qiè lā jiā cháng zhōng jí qǔ shēn hòu de zhì xué zuò rén jīng yàn.

Bên trong khu tập thể nhà khoa học ấm áp đậm đà tình cảm, các học giả trẻ thường sang chơi nhà đến chơi nhà các Viện sĩ lão thành thỉnh giáo, tiếp thu những kinh nghiệm làm người làm học vấn sâu sắc trong những câu chuyện thân mật.

23 nét | HÁN VIỆT : XUYẾN MÔN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #587

床位

chuángwèi

giường bệnh, chỗ nằm (bệnh viện/tàu xe)

国家区域医疗中心全面升级了重症监护智能监测床位系统，实现了患者生命体征毫秒级连续全自动监护。

Guó jiā qū yù yī liáo zhōng xīn quán miàn shēng jí le zhòng zhèng jiān hù zhì néng jiān cè chuáng wèi xì tǒng, shí xiàn le huàn zhě shēng mìng tǐ zhēng háo miǎo jí lián xù quán zì dòng jiān hù.

Trung tâm Y tế Khu vực Quốc gia đã nâng cấp toàn diện hệ thống giường bệnh chỗ nằm quan trắc thông minh chăm sóc đặc biệt (ICU), thực hiện theo dõi tự động hoàn toàn liên tục cấp độ mili-giây đối với các dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân.

20 nét | HÁN VIỆT : SÀNG VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Lượng từ | #588

幢

zhuàng

tòa, tòa nhà (lượng từ cho công trình kiến trúc)

国家高新技术科学城内拔地而起的一幢幢现代化低碳智能实验大楼，为前沿交叉科学探索提供了世界一流平台。

Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng nèi bá dì ér qǐ de yī chuáng chuáng xiàn dài huà dī tàn zhì néng shí yàn dà lóu, wèi qián yán jiāo chā kē xué tàn suǒ tí gōng le shì jiè yì liú píng tái.

Từng tòa từng tòa nhà thực nghiệm thông minh phát thải carbon thấp hiện đại hóa mọc lên sừng sững bên trong Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia mang lại nền tảng hàng đầu thế giới cho việc khám phá khoa học liên ngành tiên phong.

13 nét | HÁN VIỆT : TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #589

创

chuàng

sáng tạo, tạo dựng lập nên; vết thương thương tích (chuāng)

中国科学家在前沿量子纠缠调控与微观粒子相干测量上连创多项世界纪录，展现了卓越的原始自主创新能力。

Zhōng guó kē xué jiā zài qián yán liàng zǐ jiū chán tiáo kòng yǔ wēi guān lì zi xiāng gān cè liáng shàng lián chuàng duō xiàng shì jiè jì lù, zhǎn xiàn le zhuó yuè de yuán shǐ zì zhǔ chuàng xīn néng lì.

Các nhà khoa học Trung Quốc trong việc đo đạc kết hợp hạt vi mô và điều khiển vướng víu lượng tử tiên phong đã liên tiếp lập nên tạo dựng sáng tạo nhiều kỷ lục thế giới, phô diễn năng lực đổi mới sáng tạo tự chủ nguyên bản trác việt.

13 nét | HÁN VIỆT : SÁNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #590

创伤

chuāngshāng

vết thương, vết thương thương tích; tổn thương tâm lý

我国完全自主研发的新一代微创手术机器人系统，极大降低了复杂脑外科手术创伤与术后并发症发生率。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài wēi chuàng shǒu shù jī qì rén xì tǒng, jí dà jiàng dī le fù zá nǎo wài kē shǒu shù chuāng shāng yǔ shù hòu bìng fā zhèng fā shēng lǜ.

Hệ thống robot phẫu thuật xâm lấn tối thiểu thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã giảm thiểu tối đa tỷ lệ phát sinh biến chứng hậu phẫu và vết thương tổn thương vết thương phẫu thuật ngoại khoa não phức tạp.

23 nét | HÁN VIỆT : SÁNG THƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #591

创始人

chuàngshǐrén

người sáng lập, nhà sáng lập, người đặt nền móng

作为中国大科学工程的奠基人和主要创始人，老院士把毕生心血融进了国家战略科技力量建设的历史丰碑。

Zuò wéi zhōng guó dà kē xué gōng chéng de diàn jī rén hé zhǔ yào chuàng shǐ rén, lǎo yuàn shì bǎ bì shēng xīn xuè róng jìn le guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng jiàn shè de lì shǐ fēng bēi.

Với tư cách là người đặt nền móng và nhà sáng lập người sáng lập chủ chốt của công trình khoa học lớn Trung Quốc, vị Viện sĩ lão thành đã hòa quyện tâm huyết cả đời mình vào tượng đài lịch sử xây dựng lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : SÁNG THUỶ NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #592

吹了

chuī le

thôi rồi, hỏng rồi, đổ vỡ tiêu tan (kế hoạch/hôn nhân)

面对外部个别供应商单方面毁约、叫嚣合作吹了的霸凌打压，攻关团队果断开展全系统自主替代并取得彻底胜利。

Miàn duì wài bù gè bié gōng yìng shāng dān fāng miàn huǐ yuē, jiào xiāo hé zuò chuī le de bà líng dǎ yā, gōng guān tuán duì guǒ duàn kāi zhǎn quán xì tǒng zì zhǔ tì dài bìng qǔ dé chè dǐ shèng lì.

Đứng trước sự chèn ép bá quyền của một số nhà cung cấp bên ngoài đơn phương hủy bỏ hợp đồng, rêu rao rằng hợp tác hỏng rồi đổ vỡ rồi tiêu tan rồi, đội ngũ vượt khó đã quả đoán triển khai thay thế tự chủ toàn hệ thống và giành thắng lợi triệt để.

22 nét | HÁN VIỆT : XUY LIỄU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #593

吹牛

chuī niú

khoác lác, chém gió, nói phét

实事求是是科学研究的根本立身之本，任何靠吹牛夸大、弄虚作假获得的虚假头衔都经不起实践检验。

Shí shì qiú shì shì kē xué yán jiū de gēn běn lì shēn zhī běn, rèn hé kào chuī niú kuā dà, nòng xū zuò jiǎ huò dé de xū jiǎ tóu xián dōu jīng bù qǐ shí jiàn jiǎn yàn.

Thực sự cầu thị là gốc rễ lập thân căn bản của nghiên cứu khoa học, bất kỳ danh xưng giả tạo nào có được nhờ khoác lác thổi phồng hay gian lận làm giả đều không thể vượt qua sự kiểm nghiệm của thực tiễn.

18 nét | HÁN VIỆT : XUY NGƯU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #594

吹捧

chuī pěng

tâng bốc, tung hô, bốc thơm

学术评价必须坚持独立公正客观的标准，坚决杜绝圈子文化与互相吹捧评奖的不良学术风气。

Xué shù píng jià bì xū jiān chí dú lì gōng zhèng kè guān de biāo zhǔn, jiān jué dù jué quān zi wén huà yǔ hù xiāng chuī pěng píng jiǎng de bù liáng xué shù fēng qì.

Đánh giá học thuật bắt buộc phải kiên trì các tiêu chuẩn độc lập, công tâm và khách quan, kiên quyết bài trừ thói quen bè phái và phong khí học thuật xấu xí tâng bốc lẫn nhau để tranh giải.

19 nét | HÁN VIỆT : XUY BỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #595

垂
chuí

rủ xuống, buông thõng; lưu truyền để lại đời sau (chuí fàn)

老一辈战略科学家功勋卓著、风范垂范后世，永远是广大青年科研工作者心中指引前进方向的崇高灯塔。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā gōng xūn zhuó zhù, fēng fàn chuí fàn hòu shì, yǒng yuǎn shì guǎng dà qīng nián kē yán gōng zuò zhě xīn zhōng zhǐ yǐn qián jìn fāng xiàng de chóng gāo dēng tǎ.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối công lao trác việt, phong phạm lưu truyền rủ bóng cho muôn đời sau, mãi mãi là ngọn hải đăng cao đẹp chỉ dẫn phương hướng tiến lên trong trái tim đông đảo những người làm nghiên cứu khoa học trẻ.

10 nét | HÁN VIỆT : THUỲ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #596

垂头丧气
chuítóusàngqì

ủ rũ cúi đầu, chán nản thất vọng, tiu nghỉu buồn bã

面对科研攻关中遇到的暂时挫折与实验异常，团队成员从不垂头丧气，而是齐心协力迅速查明机理根源。
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí cuò zhé yǔ shí yàn yì cháng, tuán duì chéng yuán cóng bù chuí tóu sàng qì, ér shì qí xīn xié lì xùn sù chá míng jī lǐ gēn yuán.
Đứng trước những dị thường thực nghiệm và trắc trở tạm thời gặp phải trong vượt khó nghiên cứu khoa học, các thành viên đội ngũ không bao giờ ủ rũ cúi đầu chán nản thất vọng tiu nghỉu, mà đồng lòng hiệp lực nhanh chóng làm sáng tỏ nguồn gốc cơ chế.

35 nét | HÁN VIỆT : THUỲ ĐẦU TANG KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #597

捶
chuí

đấm, nện thình thịch, gõ đập

青年科学家在黑板前反复推演数理方程，激动时忍不住用拳头重重捶了一下桌子：“原来核心物理机制在这里！”
Qīng nián kē xué jiā zài hēi bǎn qián fǎn fù tuī yǎn shù lǐ fāng chéng, jī dòng shí rěn bú zhù yòng quán tou chóng chóng chuí le yī xià zhuō zi : "yuán lái hé xīn wù lǐ jī zhì zài zhè lǐ!"
Nhà khoa học trẻ tuổi trước tấm bảng đen liên tục suy diễn các phương trình toán lý, lúc xúc động không kìm được đã dùng nắm tay đấm mạnh nện mạnh một cái xuống bàn: 'Hóa ra cơ chế vật lý cốt lõi nằm ở chỗ này!'

11 nét | HÁN VIỆT : CHUỲ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #598

锤子
chuízi

cái búa, cây búa gõ đóng

在大科学装置特种精密真空法兰初装调试现场，工程师严格使用特制高纯度无磁紫铜锤子进行微米级轻敲微调。
Zài dà kē xué zhuāng zhì tè zhǒng jīng mì zhēn kōng fǎ lán chū zhuāng tiáo shì xiàn chǎng, gōng chéng shī yán gé shǐ yòng tè zhì gāo chún dù wú cí zǐ tóng chuí zi jìn xíng wēi mǐ jí qīng qiāo wēi diào.
Tại hiện trường hiệu chỉnh lắp đặt ban đầu mặt bích chân không chính xác đặc chủng của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt việc sử dụng cây búa cái búa đồng đỏ không từ tính độ tinh khiết cao chuyên dụng để gõ nhẹ vi chỉnh cấp độ micromet.

21 nét | HÁN VIỆT : CHUỲ TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #599

纯粹
chún cuì

thuần túy, thuần khiết, hoàn toàn

老科学家怀揣一颗对科学奥秘最纯粹的求索初心，在偏僻荒凉的戈壁滩深处隐姓埋名奉献了数十载韶华。
Lǎo kē xué jiā huái chuāi yī kē duì kē xué ào mì zuì chún cuì de qiú suǒ chū xīn, zài piān pì huāng liáng de gē bì tān shēn chù yǐn xìng mái míng fèng xiàn le shù shí zài sháo huá.
Vị nhà khoa học lão thành ôm ấp một trái tim thuần khiết nhất hướng tới việc khám phá những điều bí ẩn của khoa học, đã ẩn danh dâng hiến hàng chục năm tuổi xuân nơi tận cùng sa mạc Gobi hoang vu hẻo lánh.

18 nét | HÁN VIỆT : THUẦN TUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #600

纯洁
chún jié

trong sáng, thuần khiết, trong sạch

广大共产党员必须坚守共产党人的精神追求，永葆清正廉洁与对党忠诚的纯洁政治本色。
Guǎng dà gòng chǎn dǎng yuán bì xū jiān shǒu gòng chǎn dǎng rén de jīng shén zhuī qiú, yǒng bǎo qīng zhèng lián jié yǔ duì dǎng zhōng chéng de chún jié zhèng zhì běn sè.
Đông đảo đảng viên Đảng Cộng sản bắt buộc phải giữ vững khát vọng tinh thần của người chiến sĩ cộng sản, mãi mãi giữ gìn phẩm chất chính trị trong sáng liêm chính và trung thành với Đảng.

19 nét | HÁN VIỆT : THUẦN KHIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #601

纯朴
chúnpǔ

chất phác, mộc mạc thuần hậu, đôn hậu

老一辈科学家常年扎根在大西北戈壁荒漠，始终保持着艰苦朴素、虚怀若谷的纯朴学者本色。
Lǎo yī bèi kē xué jiā cháng nián zhā gēn zài dà xī běi gē bì huāng mò, shǐ zhōng bǎo chí zhe jiān kǔ pǔ sù, xū huái ruò gǔ de chún piáo xué zhě běn sè.
Các nhà khoa học tiền bối quanh năm cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc, luôn giữ trọn phẩm chất học giả chất phác mộc mạc thuần hậu đôn hậu, khiêm tốn như thung lũng rỗng và gian khổ mộc mạc.

18 nét | HÁN VIỆT : THUẦN PHÁC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #602

醇厚
chúnhòu

đậm đà thuần khiết (hương vị/rượu); đôn hậu thuần phác (tính cách)

经过现代智能生物发酵与多组分微生物菌群精准调控，传统陈酿酱香白酒展现出极其醇厚优雅的风味特征。
Jīng guò xiàn dài zhì néng shēng wù fā jiào yǔ duō zǔ fèn wēi shēng wù jūn qún jīng zhǔn tiáo kòng, chuán tǒng chén niàng jiàng xiāng bái jiǔ zhǎn xiàn chū jí qí chún hòu yōu yǎ de fēng wèi tè zhēng.
Trải qua điều phối chuẩn xác quần thể vi sinh vật đa thành phần và lên men sinh học thông minh hiện đại, rượu trắng hương vị tương ủ truyền thống đã phô diễn đặc trưng phong vị vô cùng thanh nhã đậm đà thuần khiết nồng đượm.

20 nét | HÁN VIỆT : THUẦN HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #603

蠢
chǔn

ngốc nghếch, vụng về ngu xuẩn; vụng (chǔndòng)

搞科学研究必须尊重客观规律与第一手严密实测数据，绝不能干违背物理常识弄巧成拙的蠢事。
Gǎo kē xué yán jiū bì xū zūn zhòng kè guān guī lǜ yǔ dì yī shǒu yán mì shí cè shù jù, jué bù néng gàn wéi bèi wù lǐ cháng shí nòng qiǎo chéng zhuō de chǔn shì.
Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải tôn trọng số liệu đo đạc thực tế chặt chẽ ban đầu và quy luật khách quan, tuyệt đối không được làm những việc ngu xuẩn ngốc nghếch vụng về khôn lỏi hóa vụng vi phạm thường thức vật lý.

12 nét | HÁN VIỆT : XUẨN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #604

戳
chuō

chọc

老师鼓励大家积极戳，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chuō， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chọc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : TRẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #605

绰号
chuòhào

biệt danh, biệt hiệu, tên lóng

因为在科研攻关中总是敢打敢拼、勇挑重担，年轻的系统总工程师被团队同事亲切地送了一个“拼命三郎”的绰号。
Yīn wèi zài kē yán gōng guān zhōng zǒng shì gǎn dǎ gǎn pīn, yǒng tiāo zhòng dàn, nián qīng de xì tǒng zǒng gōng chéng shī bèi tuán duì tóng shì qīn qiè dì sòng le yí gè "pīn mìng sān láng" de chuò hào.
Vì trong vượt khó nghiên cứu khoa học luôn dám đánh dám xông pha, dũng cảm gánh vác việc nặng, vị kỹ sư trưởng hệ thống trẻ tuổi đã được các đồng nghiệp trong nhóm đặt cho một biệt danh biệt hiệu thân mật là 'Liều Mạng Tam Lang'.

23 nét | HÁN VIỆT : XƯỚC GẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #606

瓷
cí

gốm sứ, đồ sứ; gốm chịu nhiệt

我国科研团队成功突破了超高强度高韧性特种工程结构陶瓷关键制造工艺，广泛应用于航空发动机高温热障涂层。
Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng tū pò le chāo gāo qiáng dù gāo rèn xìng tè zhǒng gōng chéng jié gòu táo cí guān jiàn zhì zào gōng yì, guǎng fàn yìng yòng yú háng kōng fā dòng jī gāo wēn rè zhàng tú céng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã đột phá thành công quy trình chế tạo then chốt gốm sứ kết cấu công trình đặc chủng độ dẻo dai cao cường độ siêu cao, ứng dụng rộng rãi trong lớp phủ rào cản nhiệt nhiệt độ cao của động cơ hàng không.

12 nét | HÁN VIỆT : TỪ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #607

瓷器
cíqì

đồ gốm sứ, đồ sứ cổ truyền thống

故宫博物院文物科技保护专家运用高精度X射线CT无损断层扫描成像技术，揭示了传世宋代古瓷器的精湛烧造烧造微观机理。
Gù gōng bó wù yuàn wén wù kē jì bǎo hù zhuān jiā yùn yòng gāo jīng dù X shè xiàn CT wú sǔn duàn céng sǎo miáo chéng xiàng jì shù, jié shì le chuán shì sòng dài gǔ cí qì de jīng zhàn shāo zào shāo zào wēi guān jī lǐ.
Các chuyên gia bảo tồn khoa học công nghệ di sản văn vật Bảo tàng Cố Cung ứng dụng công nghệ chụp cắt lớp vi tính (CT) tia X độ chính xác cao không phá hủy đã hé lộ cơ chế vi mô nung chế tinh xảo của đồ gốm sứ đồ sứ cổ thời Tống truyền đời.

20 nét | HÁN VIỆT : TỪ KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #608

慈善
císhàn

từ thiện, nhân từ hảo tâm, làm việc thiện

老一辈功勋院士将毕生积攒的数百万元科学技术大奖奖金全额捐献给国家慈善教育基金会，资助山区贫困学子圆梦大学。
Lǎo yī bèi gōng xūn yuàn shì jiāng bì shēng jī zǎn de shù bǎi wàn yuán kē xué jì shù dà jiǎng jiǎng jīn quán é juān xiàn gěi guó jiā cí shàn jiào yù jī jīn huì, zī zhù shān qū pín kùn xué zǐ yuán mèng dà xué.
Vị Viện sĩ có công lao tiền bối đã hiến tặng toàn bộ hàng triệu nhân dân tệ tiền thưởng giải thưởng khoa học kỹ thuật tích cóp cả đời mình cho Quỹ Giáo dục Từ thiện Quốc gia, tài trợ học sinh nghèo vùng núi hiện thực hóa giấc mơ đại học.

24 nét | HÁN VIỆT : TỪ THIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #609

慈祥
cí xiáng

hiền hậu, nhân từ, từ ái (người già)

百岁乡村老教师用极其慈祥温和的目光注视着台下一双双求知若渴的明亮眼睛，轻声勉励孩子们立志成才。
Bǎi suì xiāng cūn lǎo jiào shī yòng jí qí cí xiáng wēn hé de mù guāng zhù shì zhe tái xià yī shuāng shuāng qiú zhī ruò kě de míng liàng yǎn jīng, qīng shēng miǎn lì hái zi men lì zhì chéng cái.
Người thầy giáo già làng trăm tuổi dùng ánh mắt vô cùng nhân từ và ấm áp dõi nhìn những đôi mắt sáng ngời khao khát tri thức dưới bục giảng, cất lời nhẹ nhàng động viên các em nhỏ lập chí thành tài.

25 nét | HÁN VIỆT : TỪ TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #610

辞
cí

từ chức từ biệt; từ chối (tuīcí); lời lẽ văn từ (cíyuán)

面对国家科技发展的迫切需要，广大青年科技领军人才义不容辞地勇挑重担、奔赴重大工程第一线。
Miàn duì guó jiā kē jì fā zhǎn de pò qiè xū yào, guǎng dà qīng nián kē jì lǐng jūn rén cái yì bù róng cí dì yǒng tiāo zhòng dàn, bēn fù zhòng dà gōng chéng dì yī xiàn.
Đứng trước nhu cầu cấp bách của sự phát triển khoa học công nghệ đất nước, đông đảo các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi đã không một lời từ chối thoái thác (nghĩa bất dung từ) dũng cảm gánh vác trọng trách, lao về tuyến đầu các công trình trọng đại.

10 nét | HÁN VIỆT : TỪ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #611

辞呈
cíchéng

đơn từ chức, đơn xin thôi việc

为了全职回国投身大科学工程建设，战略科学家毅然向海外著名终身教职机构递交了辞呈。
Wèi le quán zhí huí guó tóu shēn dà kē xué gōng chéng jiàn shè, zhàn lüè kē xué jiā yì rán xiàng hǎi wài zhù míng zhōng shēn jiào zhí jī gòu dì jiāo le cí chéng.
Để toàn tâm toàn ý về nước dấn thân vào xây dựng công trình khoa học lớn, nhà khoa học chiến lược đã kiên quyết đệ trình đơn xin thôi việc đơn từ chức lên cơ quan giáo sư biên chế trọn đời nổi tiếng ở nước ngoài.

20 nét | HÁN VIỆT : TỪ TRÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #612

辞去
cíqù

từ bỏ chức vụ, từ chức, thôi giữ chức vụ

多位杰出青年科学家毅然辞去海外跨国巨头的高薪职位，回国领衔国家战略科技前沿重点实验室研发团队。
Duō wèi jié chū qīng nián kē xué jiā yì rán cí qù hǎi wài kuà guó jù tóu de gāo xīn zhí wèi, huí guó lǐng xián guó jiā zhàn lüè kē jì qián yán zhòng diǎn shí yàn shì yán fā tuán duì.
Nhiều nhà khoa học trẻ kiệt xuất đã kiên quyết từ chức từ bỏ chức vụ mức lương cao tại các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài để về nước dẫn dắt đội ngũ nghiên cứu phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm tiên phong khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : TỪ KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #613

辞退
cítuì

sa thải, cho thôi việc, bãi nhiệm cho nghỉ

国家重点实验室全面健全人员能进能出动态考核机制，对存在严重学术不端造假行为的人员依法坚决予以辞退。
Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì quán miàn jiàn quán rén yuán néng jìn néng chū dòng tài kǎo hé jī zhì, duì cún zài yán zhòng xué shù bù duān zào jiǎ xíng wéi de rén yuán yǐ fǎ jiān jué yǔ yǐ cí tuì.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hoàn thiện toàn diện cơ chế khảo sát động thái nhân sự có vào có ra, đối với nhân sự có hành vi sai trái làm giả học thuật nghiêm trọng kiên quyết sa thải cho thôi việc theo đúng pháp luật.

20 nét | HÁN VIỆT : TỪ THOÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #614

磁带
cí dài

băng từ, băng cát-sét

在老式收音机里放上一盘珍藏的旧录音磁带，悠扬经典的复古旋律瞬间将思绪带回了青葱岁月。
Zài lǎo shì shōu yīn jī lǐ fàng shàng yī pán zhēn cáng de jiù lù yīn cí dài, yōu yáng jīng diǎn de fù gǔ xuán lǜ shùn jiān jiāng sī xù dài huí le qīng cōng suì yuè.
Bỏ một cuốn băng cát-sét cũ quý giá vào chiếc đài radio kiểu cổ, những giai điệu cổ điển du dương tức thì đưa dòng ký ức quay ngược về những năm tháng thanh xuân tươi đẹp.

18 nét | HÁN VIỆT : TỪ ĐỚI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #615

磁卡
cíkǎ

thẻ từ, thẻ quẹt từ tính

大科学装置超净实验大厅全面完成了从传统磁卡刷卡认证向新一代多模态人脸指静脉生物识别系统的升级改造。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jìng shí yàn dà tīng quán miàn wán chéng le cóng chuán tǒng cí kǎ shuā kǎ rèn zhèng xiàng xīn yí dài duō mó tài rén liǎn zhǐ jǐng mài shēng wù shí bié xì tǒng de shēng jí gǎi zào.
Đại sảnh thực nghiệm siêu sạch của thiết bị khoa học lớn đã hoàn thành toàn diện việc cải tạo nâng cấp từ xác thực quẹt thẻ từ thẻ từ truyền thống sang hệ thống nhận dạng sinh trắc học tĩnh mạch ngón tay và khuôn mặt đa phương thức thế hệ mới.

19 nét | HÁN VIỆT : TỪ CA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #616

磁盘
cípán

đĩa từ, ổ đĩa từ lưu trữ

国家超级计算中心采用了完全自主研发的新一代高密度多层分布式磁光电混合存储架构，大幅取代了传统机械磁盘阵列。
Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn cǎi yòng le wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài gāo mì dù duō céng fēn bù shì cí guāng diàn hùn hé cún chǔ jià gòu, dà fú qǔ dài le chuán tǒng jī xiè cí pán zhèn liè.
Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia áp dụng kiến trúc lưu trữ lai từ - quang - điện phân tán đa tầng mật độ cao thế hệ mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển, thay thế vượt bậc mảng ổ đĩa từ đĩa từ cơ học truyền thống.

19 nét | HÁN VIỆT : TỪ BÀN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #617

此起彼伏
cǐqǐbǐfú

nối tiếp nhau không dứt, lớp này chưa qua lớp khác đã tới, vang lên liên tục

在庆祝深空探测任务圆满成功的北京航天飞行控制中心大厅内，热烈的掌声与激动的欢呼声此起彼伏、经久不息。
Zài qìng zhù shēn kōng tàn cè rèn wù yuán mǎn chéng gōng de běi jīng háng tiān fēi xíng kòng zhì zhōng xīn dà tīng nèi, rè liè de zhǎng shēng yù jī dòng de huān hū shēng cǐ qǐ bǐ fú, jīng jiǔ bù xī.
Bên trong đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh chúc mừng nhiệm vụ thám trắc không gian sâu thành công mỹ mãn, những tràng pháo tay nồng nhiệt cùng tiếng reo hò xúc động nối tiếp nhau không dứt vang lên liên tục kéo dài không ngớt.

35 nét | HÁN VIỆT : THỬ KHỞI BỈ PHỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #618

次日
cìrì

ngày hôm sau, ngày kế tiếp

经过连夜高强度紧张调试，大科学装置于次日清晨顺利引出第一束超高能电子束流，各项物理参数极其优异。
Jīng guò lián yè gāo qiáng dù jǐn zhāng tiáo shì, dà kē xué zhuāng zhì yú cì rì qīng chén shùn lì yǐn chū dì yī shù chāo gāo néng diàn zi shù liú, gè xiàng wù lǐ cān shù jí qí yōu yì.
Trải qua một đêm hiệu chỉnh căng thẳng cường độ cao, thiết bị khoa học lớn vào rạng sáng ngày hôm sau ngày kế tiếp đã dẫn ra thành công chùm hạt electron năng lượng siêu cao đầu tiên, các tham số vật lý cực kỳ ưu việt.

25 nét | HÁN VIỆT : THỨ NHẤT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #619

伺候
cì hòu

hầu hạ, phụng dưỡng chăm sóc (bệnh nhân, người già)

这位孝顺的模范青年数十年如一日细心伺候卧病在床的九旬老母亲，用实际行动诠释了孝老爱亲的中华美德。
Zhè wèi xiào shùn de mó fàn qīng nián shù shí nián rú yī rì xì xīn cì hòu wò bìng zài chuáng de jiǔ xún lǎo mǔ qīn, yòng shí jì xíng dòng quán shì le xiào lǎo ài qīn de zhōng huá měi dé.
Người thanh niên gương mẫu hiếu thảo này suốt hàng chục năm như một đã tận tình chăm sóc phụng dưỡng người mẹ già 90 tuổi nằm liệt giường, dùng hành động thực tế

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #620

伺机
sìjī

chờ thời cơ, rình rập cơ hội, rắp tâm chờ thời

国家网络安全防护网络全天候严密布防，坚决斩断境外恶意黑客伺机攻击破坏国家关键科研基础设施的黑手。
Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù wǎng luò quán tiān hòu yán mì bù fáng, jiān jué zhǎn duàn jìng wài è yì hēi kè sì jī gōng jī pò huài guó jiā guān jiàn kē yán jī chǔ shè shī de hēi shǒu.
Mạng lưới phòng hộ an ninh mạng quốc gia bố trí phòng thủ nghiêm ngặt 24/7, kiên quyết chặt đứt bàn tay đen của các hacker ác ý nước ngoài đang rình rập cơ hội chờ thời

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #621

刺耳
cì'ěr

chói tai, đinh tai nhức óc; khó nghe chướng tai

大型风洞实验室采用了新一代微穿孔吸音降噪消声阵列，有效消除了超音速气流产生的刺耳高频尖啸噪声。
Dà xíng fēng dòng shí yàn shì cǎi yòng le xīn yí dài wēi chuān kōng xī yīn jiàng zào xiāo shēng zhèn liè, yǒu xiào xiāo chú le chāo yīn sù qì liú chǎn shēng de cì ěr gāo pín jiān xiào zào shēng.
Phòng thí nghiệm hầm gió khí động quy mô lớn áp dụng cụm tiêu âm giảm ồn hút âm vi đục lỗ thế hệ mới, tiêu trừ hiệu quả tiếng rít

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #622

刺骨
cìgǔ

thấu xương, buốt giá thấu xương, buốt lạnh cắt da

在零下四十度刺骨寒风呼啸的青藏高原无人区，极地科考突击队员依然日夜坚守开展深地地质科学钻探取样。
Zài líng xià sì shí dù cì gǔ hán fēng hū xiào de qīng zàng gāo yuán wú rén qū, jí dì kē kǎo tū jī duì yuán yī rán rì yè jiān shǒu kāi zhǎn shēn dì dì zhì kē xué zuān tàn qǔ yàng.
Giữa vùng không người cao nguyên Thanh Tạng gió rít buốt giá thấu xương thấu xương âm 40 độ, các đội viện xung kích khảo sát khoa học vùng cực vẫn ngày đêm bám trụ triển khai lấy mẫu khoan khoa học địa chất sâu trong lòng đất.

17 nét | HÁN VIỆT : THÍCH CỐT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #623

刺绣
cìxiù

thêu thùa, tranh thêu gấm thêu truyền thống

国家非物质文化遗产数字保护团队运用超高精度多光谱微距三维数字化扫描，完整重构了千年传统刺绣的微观针法纹理。
Guó jiā fēi wù zhì wén huà yí chǎn shù zì bǎo hù tuán duì yùn yòng chāo gāo jīng dù duō guāng pǔ wēi jù sān wéi shù zì huà sǎo miáo, wán zhěng zhòng gòu le qiān nián chuán tǒng cì xiù de wēi guān zhēn fǎ wén lǐ.
Đội ngũ bảo tồn số hóa di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ứng dụng quét số hóa 3D cự ly gần đa quang phổ độ chính xác siêu cao đã tái cấu trúc hoàn chỉnh vân thớ đường kim mũi chỉ vi mô của nghệ thuật tranh thêu thêu thùa truyền thống ngàn năm.

20 nét | HÁN VIỆT : THÍCH TÚ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #624

赐
cì

ban cho

老师鼓励大家积极赐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cì， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ban cho, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét | HÁN VIỆT : TỨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #625

赐教
cìjiào

chỉ bảo, ban cho lời chỉ dạy (khiêm từ kính ngữ)

在国际前沿物理研讨会上，青年学者虚心向诺贝尔物理学奖得主呈上自己的理论推导手稿，诚恳请求大师不吝赐教。
Zài guó jì qián yán wù lǐ yán tǎo huì shàng, qīng nián xué zhě xū xīn xiàng nuò bèi ěr wù lǐ xué jiǎng dé zhǔ chéng shàng zì jǐ de lǐ lùn tuī dǎo shǒu gǎo, chéng kěn qǐng qiú dà shī bù lìn cì jiào.
Tại hội thảo vật lý tiên phong quốc tế, học giả trẻ tuổi khiêm tốn dâng lên bản thảo suy diễn lý luận của mình trước nhà khoa học đạt giải Nobel Vật lý, thành tâm kính xin đại sư không ngần ngại chỉ bảo ban cho lời chỉ dạy.

19 nét | HÁN VIỆT : TỨ GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #626

匆匆
cōngcōng

vội vã, hối hả tất bật, vội vàng

战略科学家每天步履匆匆地穿梭于实验室、重大工程施工一线与超级计算中心之间，为国家科技自强争分夺秒。
Zhàn lüè kē xué jiā měi tiān bù lǚ cōng cōng dì chuān suō yú shí yàn shì, zhòng dà gōng chéng shī gōng yī xiàn yǔ chāo jí jì suàn zhōng xīn zhī jiān, wèi guó jiā kē jì zì qiáng zhēng fēn duó miǎo.
Vị nhà khoa học chiến lược mỗi ngày bước chân hối hả vội vã vội vàng đi lại con thoi giữa phòng thí nghiệm, trung tâm siêu máy tính và tuyến đầu thi công công trình trọng đại, tranh thủ từng phút từng giây vì sự tự cường khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét | HÁN VIỆT : THÔNG THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #627

匆忙
cōng máng

vội vã, tất bật, vội vàng

清晨地铁站里人流如潮，上班族们迈着匆忙的步伐奔向各自的工作岗位。
Qīng chén dì tiě zhàn lǐ rén liú rú cháo, shàng bān zú men mài zhe cōng máng de bù fá bēn xiàng gè zì de gōng zuò gǎng wèi.
Sáng sớm dòng người trong ga tàu điện ngầm đông như nêm, giới nhân viên văn phòng rảo bước vội vã hối hả tiến về vị trí làm việc của mình.

20 nét | HÁN VIỆT : THÔNG MANG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #628

葱
cōng

hành lá

老师鼓励大家积极葱，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cōng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hành lá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Danh từ chỉ thời gian | #629

从今以后
cóngjīnyǐhòu

từ nay về sau, từ nay trở đi

这项核心关键制造技术的彻底自主突破，标志着我国高端芯片制造从今以后将彻底摆脱受制于人的被动局面。
Zhè xiàng hé xīn guān jiàn zhì zào jì shù de chè dǐ zì zhǔ tū pò, biāo zhì zhe wǒ guó gāo duān xīn piàn zhì zào cóng jīn yǐ hòu jiāng chè dǐ bǎi tuō shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.
Bước đột phá tự chủ triệt để của công nghệ chế tạo then chốt cốt lõi này đánh dấu ngành chế tạo chip cao cấp của nước ta từ nay về sau từ nay trở đi sẽ hoàn toàn thoát khỏi cục diện bị động phụ thuộc vào người khác.

35 nét | HÁN VIỆT : TÒNG KIM DĨ HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Cụm phó từ | #630

从来不
cóngláibù

từ trước tới nay không, chưa bao giờ, không bao giờ

真正优秀的科学家从来不把发表论文的数量当作唯一追求，而是始终把解决国家战略急需作为科学探索的最高准则。
Zhēn zhèng yōu xiù de kē xué jiā cóng lái bù bǎ fā biǎo lùn wén de shù liàng dàng zuò wéi yī zhuī qiú, ér shì shǐ zhōng bǎ jié jué guó jiā zhàn lüè jí xū zuò wéi kē xué tàn suǒ de zuì gāo zhǔn zé.
Những nhà khoa học thực sự xuất sắc từ trước tới nay không không bao giờ lấy số lượng công bố bài báo làm sự theo đuổi duy nhất, mà luôn lấy việc giải quyết nhu cầu cấp bách chiến lược quốc gia làm chuẩn tắc cao nhất của thám hiểm khoa học.

29 nét | HÁN VIỆT : TÒNG LAI BẤT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #631

从容
cóngróng

ung dung, điềm tĩnh thong dong, bình tĩnh tự tin

面对复杂严苛的国际科技封锁竞争，中国科研团队保持战略定力，从容应对各种挑战，稳步推进各项既定攻关计划。
Miàn duì fù zá yán kē de guó jì kē jì fēng suǒ jìng zhēng, zhōng guó kē yán tuán duì bǎo chí zhàn lüè dìng lì, cóng róng yìng duì gè zhǒng tiǎo zhàn, wěn bù tuī jìn gè xiàng jì dìng gōng guān jì huà.
Đứng trước sự cạnh tranh phong tỏa khoa học công nghệ quốc tế khắt khe phức tạp, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc giữ vững định lực chiến lược, điềm tĩnh ung dung thong dong ứng phó các thách thức, thúc đẩy vững chắc tất cả các kế hoạch vượt khó định sẵn.

19 nét | HÁN VIỆT : TÒNG DUNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #632

从容不迫
cóng róng bù pò

ung dung bình thản, điềm tĩnh không chút bối rối

面对复杂严峻的国际风云变幻，中国始终保持战略定力，从容不迫地推进各项国家重大战略部署。
Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì fēng yún biàn huàn, zhōng guó shǐ zhōng bǎo chí zhàn lüè dìng lì, cóng róng bù pò dì tuī jìn gè xiàng guó jiā zhòng dà zhàn lüè bù shǔ.
Đứng trước những biến đổi gió mây quốc tế phức tạp và nghiêm trọng, Trung Quốc luôn giữ vững định lực chiến lược, ung dung bình thản từng bước thúc đẩy các quyết sách chiến lược trọng đại của đất nước.

35 nét | HÁN VIỆT : TÒNG DUNG BẤT BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Danh từ | #633

从头
cóngtóu

từ đầu, bắt đầu lại từ đầu

面对一次偶发的物理实验异常偏差，科研团队没有丝毫气馁，而是下定决心从头梳理检查每一个算法边界与硬件接口。
Miàn duì yī cì ǒu fā de wù lǐ shí yàn yì cháng piān chā, kē yán tuán duì méi yǒu sī háo qì něi, ér shì xià dìng jué xīn cóng tóu shū lǐ jiǎn chá měi yí gè suàn fǎ biān jiè yǔ yìng jiàn jiē kǒu.
Đứng trước một lần sai lệch dị thường thực nghiệm vật lý ngẫu nhiên, đội ngũ nghiên cứu khoa học không một chút nản lòng, mà hạ quyết tâm bắt đầu lại từ đầu từ đầu rà soát kiểm tra từng giao diện phần cứng và biên thuật toán.

18 nét | HÁN VIỆT : TÒNG ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #634

从未
cóngwèi

chưa từng, chưa bao giờ từng

在探索未知微观拓扑量子世界的历史征程中，中国科学家勇敢踏入了人类科学历史上从未有人涉足的技术无人区。
Zài tàn suǒ wèi zhī wēi guān tuò pū liàng zǐ shì jiè de lì shǐ zhēng chéng zhōng, zhōng guó kē xué jiā yǒng gǎn tà rù le rén lèi kē xué lì shǐ shàng cóng wèi yǒu rén shè zú de jì shù wú rén qū.
Trong hành trình lịch sử khám phá thế giới lượng tử tô-pô vi mô chưa biết, các nhà khoa học Trung Quốc đã dũng cảm bước chân vào vùng không người công nghệ mà trong lịch sử khoa học nhân loại chưa bao giờ từng chưa từng có ai đặt chân tới.

22 nét | HÁN VIỆT : TÒNG VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #635

从业
cóngyè

hành nghề, làm việc trong ngành, người làm nghề

国家高新技术产业开发区聚集了数十万名在前沿人工智能与集成电路领域拥有深厚专业技术功底的高素质从业人员。
Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū jù jí le shù shí wàn míng zài qián yán rén gōng zhì néng yǔ jí chéng diàn lù lǐng yù yōng yǒu shēn hòu zhuān yè jì shù gōng dǐ de gāo sù zhì cóng yè rén yuán.
Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia quy tụ hàng chục vạn nhân viên người làm nghề hành nghề chất lượng cao sở hữu bề dày công phu kỹ thuật chuyên sâu trong lĩnh vực mạch tích hợp và trí tuệ nhân tạo tiên phong.

18 nét | HÁN VIỆT : TÒNG NGHIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Danh từ chỉ thời gian | #636

从早到晚
cóngzǎodàowǎn

từ sáng tới tối, suốt từ sáng đến đêm

为了抢抓宝贵的发射窗口期，深空探测地面测控团队从早到晚连续高强度坚守在控制大厅监控卫星遥测数据。
Wèi le qiǎng zhuā bǎo guì de fā shè chuāng kǒu qī, shēn kōng tàn cè dì miàn cè kòng tuán duì cóng zǎo dào wǎn lián xù gāo qiáng dù jiān shǒu zài kòng zhì dà tīng jiān kòng wèi xīng yáo cè shù jù.
Để tranh thủ giai đoạn cửa sổ phóng quý giá, đội ngũ trắc nghiệm điều khiển mặt đất thám trắc không gian sâu từ sáng tới tối suốt từ sáng đến đêm đã liên tục bám trụ cường độ cao trong đại sảnh điều khiển giám sát dữ liệu đo từ xa của vệ tinh.

35 nét | HÁN VIỆT : TÒNG TẢO ĐÁO VÃN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #637

丛林
cónglín

rừng rậm, rừng nhiệt đới; luật rừng cạnh tranh

中国坚持走开放共赢的和平发展道路，坚决反对国际科技经贸领域以强凌弱、赢者通吃的霸权丛林法则。
Zhōng guó jiān chí zǒu kāi fàng gòng yíng de hé píng fā zhǎn dào lù, jiān jué fǎn duì guó jì kē jì jīng mào lǐng yù yǐ qiáng líng ruò, yíng zhě tōng chī de bà quán cóng lín fǎ zé.
Trung Quốc kiên trì bước đi trên con đường phát triển hòa bình đôi bên cùng thắng mở cửa, kiên quyết phản đối luật rừng rừng rậm bá quyền cá lớn nuốt cá bé, ỷ mạnh hiếp yếu trong lĩnh vực kinh tế thương mại khoa học công nghệ quốc tế.

22 nét | HÁN VIỆT : TÙNG LÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #638

凑
còu

gom góp, tụ tập xúm lại; xáp lại gần

青年学者们兴奋地凑到超高分辨率电子显微镜屏幕前，共同观察刚刚成功合成出的新型单原子层二维晶体材料。
Qīng nián xué zhě men xīng fèn dì còu dào chāo gāo fēn biàn lǜ diàn zi xiǎn wēi jìng píng mù qián, gòng tóng guān chá gāng gāng chéng gōng hé chéng chū de xīn xíng dān yuán zi céng èr wéi jīng tǐ cái liào.
Các học giả trẻ tuổi phấn khởi xáp lại gần tụ tập xúm lại trước màn hình kính hiển vi điện tử độ phân giải siêu cao, cùng quan sát vật liệu tinh thể 2D đơn lớp nguyên tử kiểu mới vừa tổng hợp thành công.

9 nét | HÁN VIỆT : TẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #639

凑合
còu he

tạm bợ, chắp vá, tàm tạm cho qua

大国工匠在产品质量上始终精益求精、追求极致，绝不在任何微小的工艺公差上马虎应付或将就凑合。
Dà guó gōng jiàng zài chǎn pǐn zhì liàng shàng shǐ zhōng jīng yì qiú jīng, zhuī qiú jí zhì, jué bù zài rèn hé wēi xiǎo de gōng yì gōng chāi shàng mǎ hǔ yìng fù huò jiāng jiù còu hé.
Những người thợ cả đại đức của đất nước trên phương diện chất lượng sản phẩm luôn luôn tinh ích cầu tinh, theo đuổi sự hoàn hảo tột cùng, tuyệt đối không bao giờ làm qua loa đại khái hay tạm bợ đối phó với bất kỳ sai số kỹ thuật vi mô nào.

18 nét | HÁN VIỆT : TẤU CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #640

凑巧
còuqiǎo

tình cờ may mắn, đúng lúc ngẫu nhiên, vừa khéo

在这次空间科学观测中，望远镜极其凑巧地捕捉到了邻近星系超新星爆发最初几秒钟的极其珍贵物理瞬变光谱。
Zài zhè cì kōng jiān kē xué guān cè zhōng, wàng yuǎn jìng jí qí còu qiǎo dì bǔ zhuō dào le lín jìn xīng xì chāo xīn xīng bào fā zuì chū jǐ miǎo zhōng de jí qí zhēn guì wù lǐ shùn biàn guāng pǔ.
Trong đợt quan trắc khoa học không gian lần này, kính viễn vọng đã vô cùng vừa khéo tình cờ may mắn bắt trọn được quang phổ biến thiên tức thời vật lý vô cùng quý giá trong vài giây đầu tiên của vụ nổ siêu tân tinh ở thiên hà lân cận.

18 nét | HÁN VIỆT : TẤU XẢO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #641

粗暴
cūbào

thô bạo, cục cằn lỗ mãng, ngang ngược

我们坚决反对任何外部势力滥用国家安全概念、对多边正常国际学术交流合作进行无理打压与粗暴干涉。
Wǒ men jiān jué fǎn duì rèn hé wài bù shì lì làn yòng guó jiā ān quán gài niàn, duì duō biān zhèng cháng guó jì xué shù jiāo liú hé zuò jìn xíng wú lǐ dǎ yā yǔ cū bào gān shè.
Chúng ta kiên quyết phản đối bất kỳ thế lực bên ngoài nào lạm dụng khái niệm an ninh quốc gia, tiến hành can thiệp thô bạo lỗ mãng ngang ngược và chèn ép vô lý đối với các hoạt động hợp tác giao lưu học thuật quốc tế bình thường đa phương.

19 nét | HÁN VIỆT : THÔ BẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #642

粗糙
cūcāo

thô ráp, xù xì thô sơ, gồ ghề kém mịn

大科学装置超精密同步辐射聚焦反射镜的表面物理粗糙度被严格控制在小于零点一纳米的极限制备水准。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì tóng bù fú shè jù jiāo fǎn shè jìng de biǎo miàn wù lǐ cū cāo dù bèi yán gé kòng zhì zài xiǎo yú líng diǎn yī nà mǐ de jí xiàn zhì bèi shuǐ zhǔn.
Độ thô ráp xù xì vật lý bề mặt của gương phản xạ hội tụ bức xạ synchrotron siêu chính xác thiết bị khoa học lớn được kiểm soát nghiêm ngặt ở chuẩn mực điều chế giới hạn dưới 0,1 nanomet.

25 nét | HÁN VIỆT : THÔ THÁO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #643

粗略
cūlüè

sơ lược, đại khái sơ qua, ước tính sơ bộ

经过超级计算机初步粗略估算，该新型拓扑聚变反应堆的理论能量增益因子Q值将远超既定物理设计指标。
Jīng guò chāo jí jì suàn jī chū bù cū lüè gū suàn, gāi xīn xíng tuò pū jù biàn fǎn yìng duī de lǐ lùn néng liàng zēng yì yīn zi Q zhí jiāng yuǎn chāo jì dìng wù lǐ shè jì zhǐ biāo.
Trải qua ước tính sơ bộ sơ lược đại khái ban đầu bằng siêu máy tính, giá trị hệ số tăng năng lượng lý thuyết Q của lò phản ứng nhiệt hạch tô-pô kiểu mới này sẽ vượt xa chỉ tiêu thiết kế vật lý định sẵn.

21 nét | HÁN VIỆT : THÔ LƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #644

粗鲁
cū lǔ

thô lỗ, cộc cằn, thô bạo

在现代文明社会公共交往中，应当讲求文明礼貌与互相尊重，坚决摒弃任何野蛮粗鲁的言行举止。
Zài xiàn dài wén míng shè huì gōng gòng jiāo wǎng zhōng, yīng dāng jiǎng qiú wén míng lǐ mào yǔ hù xiāng zūn zhòng, jiān jué bǐng qì rèn hé yě mán cū lǔ de yán xíng jǔ zhǐ.
Trong giao tiếp ứng xử công cộng của xã hội văn minh hiện đại, cần đề cao phong thái lịch sự văn minh và tôn trọng lẫn nhau, kiên quyết loại bỏ mọi lời nói cử chỉ thô lỗ cộc cằn hoang dã.

23 nét | HÁN VIỆT : THÔ LỖ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #645

粗心大意
cūxīndàyì

sơ suất bất cẩn, cẩu thả lơ đễnh, đoảng

在大科学工程超高洁净微纳制造与总装测试中，容不得任何一丝一毫的粗心大意与违章操作。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo gāo jié jìng wēi nà zhì zào yǔ zǒng zhuāng cè shì zhōng, róng bù dé rèn hé yī sī yī háo de cū xīn dà yì yǔ wéi zhāng cāo zuò.
Trong công tác kiểm tra thử nghiệm lắp ráp tổng thể và chế tạo vi nano siêu sạch của công trình khoa học lớn, tuyệt đối không dung thứ cho bất kỳ sự cẩu thả lơ đễnh sơ suất bất cẩn hay thao tác vi phạm quy chuẩn nào dẫu là nhỏ nhất.

35 nét | HÁN VIỆT : THÔ TÂM ĐẠI Ý

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #646

促成
cùchéng

thúc đẩy thành công, tác thành, làm cho xúc tiến thành

国家多部门协同发力，有力促成了世界顶尖大科学基础设施国际科研合作联盟的正式建立与常态化运行。
Guó jiā duō bù mén xié tóng fā lì, yǒu lì cù chéng le shì jiè dǐng jiān dà kē xué jī chǔ shè shī guó jì kē yán hé zuò lián méng de zhèng shì jiàn lì yǔ cháng tài huà yùn xíng.
Sự hiệp đồng dốc sức của nhiều bộ ngành quốc gia đã thúc đẩy thành công tác thành mạnh mẽ cho việc chính thức thành lập và vận hành thường xuyên của Liên minh Hợp tác Nghiên cứu Khoa học Quốc tế Cơ sở Hạ tầng Khoa học Lớn Hàng đầu Thế giới.

18 nét | HÁN VIỆT : XÚC THÀNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #647

簇拥
cùyōng

quây quanh, vây quanh xúm xít, chen chúc bao quanh

在全国科技大会领奖台上，两院院士在广大青年拔尖科研骨干的热烈簇拥下共同高举象征国家最高荣誉的奖章。
Zài quán guó kē jì dà huì lǐng jiǎng tái shàng, liǎng yuàn yuàn shì zài guǎng dà qīng nián bá jiān kē yán gǔ gàn de rè liè cù yōng xià gòng tóng gāo jù xiàng zhēng guó jiā zuì gāo róng yù de jiǎng zhāng.
Trên bục nhận giải Đại hội Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dưới sự quây quanh vây quanh xúm xít nồng nhiệt của đông đảo các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ xuất chúng đã cùng giương cao tấm huân chương biểu trưng cho vinh dự cao nhất của quốc gia.

27 nét | HÁN VIỆT : THỐC ỦNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #648

窜
cuàn

hối hả

老师鼓励大家积极窜，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cuàn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hối hả, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét | HÁN VIỆT : THOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #649

催
cuī

giục, thúc giục, hối thúc

出发去机场的时间快到了，妈妈在门口连声催促着大家赶紧检查随身行李证件。
Chū fā qù jī chǎng de shí jiān kuài dào le, mā mā zài mén kǒu lián shēng cuī cù zhe dà jiā gǎn jǐn jiǎn chá suí shēn xíng lǐ zhèng jiàn.
Sắp đến giờ lên đường ra sân bay rồi, mẹ đứng ở cửa liên tục hối thúc mọi người mau chóng kiểm tra lại hành lý và giấy tờ tùy thân.

10 nét | HÁN VIỆT : THÔI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #650

催促
cuīcù

thúc giục, giục giã, hối thúc

总调度员沉着冷静掌控发射全局节奏，严格按照科学流程规范下达指令，决不盲目盲动盲目催促进度。
Zǒng diào dù yuán chén zhuó lěng jìng zhǎng kòng fā shè quán jú jié zòu, yán gé àn zhào kē xué liú chéng guī fàn xià dá zhǐ lìng, jué bù máng mù máng dòng máng mù cuī cù jìn dù.
Nhân viên điều phối tổng điểm tĩnh trầm tĩnh kiểm soát nhịp độ toàn cục vụ phóng, phát khẩu lệnh nghiêm ngặt theo đúng quy phạm quy trình khoa học, tuyệt đối không mù quáng manh động hối thúc thúc giục tiến độ.

18 nét | HÁN VIỆT : THÔI XÚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #651

催眠
cuīmián

thôi miên, gây ngủ; liệu pháp thôi miên

现代计算神经科学团队运用非侵入式微电流脑电神经调控技术，成功研发出辅助航天员在轨深度睡眠的高效智能调控系统。
Xiàn dài jì suàn shén jīng kē xué tuán duì yùn yòng fēi qīn rù shì wēi diàn liú nǎo diàn shén jīng tiáo kòng jì shù, chéng gōng yán fā chū fǔ zhù háng tiān yuán zài guǐ shēn dù shuì mián de gāo xiào zhì néng tiáo kòng xì tǒng.
Đội ngũ khoa học thần kinh tính toán hiện đại ứng dụng công nghệ điều phối thần kinh điện não dòng điện vi mô không xâm lấn đã nghiên cứu phát triển thành công hệ thống điều phối thông minh hiệu quả cao hỗ trợ gây ngủ giấc ngủ sâu trên quỹ đạo cho phi hành gia.

22 nét | HÁN VIỆT : THÔI MIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #652

摧毁
cuīhuǐ

phá hủy, tiêu diệt hoàn toàn, đánh sập triệt phá

国家网络安全卫士依托完全自主研发的态势感知防御系统，瞬间精准摧毁了境外敌对势力发起的分布式拒绝服务攻击。
Guó jiā wǎng luò ān quán wèi shì yī tuō wán quán zì zhǔ yán fā de tài shì gǎn zhī fáng yù xì tǒng, shùn jiān jīng zhǔn cuī huǐ le jìng wài dí duì shì lì fā qǐ de fēn bù shì jù jué fú wù gōng jī.
Các chiến sĩ an ninh mạng quốc gia dựa vào hệ thống phòng thủ nhận biết tình huống do mình hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã đánh sập triệt phá phá hủy tiêu diệt chuẩn xác trong tích tắc cuộc tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS) do các thế lực thù địch nước ngoài phát động.

27 nét | HÁN VIỆT : TỐI HUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #653

脆弱
cuì ruò

mong manh, yếu ớt, dễ bị tổn thương

高原高寒生态环境极其脆弱，工程建设全过程采取了严格的草皮剥离回铺与野生动物迁徙通道保护措施。
Gāo yuán gāo hán shēng tài huán jìng jí qí cuì ruò, gōng chéng jiàn shè quán guò chéng cǎi qǔ le yán gé de cǎo pí bō lí huí pù yù yě shēng dòng wù qiān xǐ tōng dào bǎo hù cuò shī.
Môi trường sinh thái vùng núi cao cực lạnh vô cùng mong manh dễ bị tổn thương, toàn bộ quá trình thi công công trình đã áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt về bóc tách hoàn trả lớp cỏ tự nhiên và bảo vệ hành lang di cư của động vật hoang dã.

22 nét | HÁN VIỆT : THUÝ NHƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #654

翠绿
cuìlǜ

xanh ngắt, xanh biếc tươi mướt, xanh màu ngọc bích

国家重点实验室生物育种示范温室里，超级耐盐碱杂交水稻秧苗生长茂盛、一片生机勃勃的翠绿景象。
Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì shēng wù yù zhǒng shì fàn wēn shì lǐ, chāo jí nài yán jiǎn zá jiāo shuǐ dào yāng miáo shēng zhǎng mào shèng, yī piàn shēng jī bó bó de cuì lǜ jǐng xiàng.
Bên trong nhà kính trình diễn nhân giống sinh học Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, mạ lúa lai chịu mặn phèn siêu cấp sinh trưởng tươi tốt, hiện ra một khung cảnh xanh tươi xanh ngắt xanh biếc tràn trề sức sống.

23 nét | HÁN VIỆT : THUÝ LỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #655

存放
cúnfàng

cất giữ, bảo quản lưu giữ, gửi đồ lưu kho

嫦娥探测器带回的珍贵月球土壤岩芯科研样本被妥善存放在充满高纯度惰性气体的超洁净密封手套箱中。
Cháng é tàn cè qì dài huí de zhēn guì yuè qiú tǔ rǎng yán xìn kē yán yàng běn bèi tuǒ shàn cún fàng zài chōng mǎn gāo chún dù duò xìng qì tǐ de chāo jié jìng mì fēng shǒu tào xiāng zhōng.
Các mẫu vật nghiên cứu khoa học lõi đất đá Mặt trăng quý giá do tàu thám trắc Hằng Nga mang về được cất giữ lưu giữ bảo quản chu đáo bên trong tủ găng tay kín khít siêu sạch chứa đầy khí trơ độ tinh khiết cao.

24 nét | HÁN VIỆT : TỒN PHÓNG

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Động từ | #656

存心
cúnxīn

cố tình, cố ý, có tâm địa chủ đích

科学探索只尊重严谨客观的实验真理，决不允许任何人出于个人私利而存心篡改原始测试数据。
Kē xué tàn suǒ zhǐ zūn zhòng yán jǐn kè guān de shí yàn zhēn lǐ, jué bù yǔn xǔ rèn hé rén chū yú gè rén sī lì ér cún xīn cuàn gǎi yuán shǐ cè shì shù jù.
Khám phá khoa học chỉ tôn trọng chân lý thực nghiệm khách quan nghiêm cẩn, tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai xuất phát từ tư lợi cá nhân mà cố tình cố ý xuyên tạc số liệu thử nghiệm ban đầu.

21 nét | HÁN VIỆT : TỒN TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #657

存折
cúnzhé

sổ tiết kiệm, sổ tiền gửi ngân hàng

老院士临终前将自己一生积攒的全部工资存折郑重交托给党组织，作为支持青年学者科技探索的爱心助学金。
Lǎo yuàn shì lín zhōng qián jiāng zì jǐ yī shēng jī zǎn de quán bù gōng zī cún zhé zhèng zhòng jiāo tuō gěi dǎng zǔ zhī, zuò wéi zhī chí qīng nián xué zhě kē jì tàn suǒ de ài xīn zhù xué jīn.
Vị Viện sĩ lão thành trước lúc lâm chung đã trịnh trọng trao lại toàn bộ sổ tiết kiệm sổ tiền gửi tiền lương cả đời tích góp của mình cho tổ chức Đảng, làm học bổng tình thương tiếp sức cho các học giả trẻ khám phá khoa học.

25 nét | HÁN VIỆT : TỒN CHIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #658

搓
cuō

vò, xoa, chà xát (hai tay, quần áo)

在严冬零下数十度的野外科考一线，队员们通过用力互相搓双手与活动四肢来促进血液循环防冻。
Zài yán dōng líng xià shù shí dù de yě wài kē kǎo yī xiàn, duì yuán men tōng guò yòng lì hù xiāng cuō shuāng shǒu yǔ huó dòng sì zhī lái cù jìn xuè yè xún huán fáng dòng.
Nơi tuyến đầu khảo sát khoa học dã ngoại giữa mùa đông giá rét âm hàng chục độ, các đội viên dùng sức xoa mạnh hai bàn tay vào nhau và vận động tay chân để thúc đẩy tuần hoàn máu chống cóng.

14 nét | HÁN VIỆT : THA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #659

磋商
cuō shāng

thương thảo, đàm phán, tham vấn (ngoại giao, cấp cao)

经过多轮坦诚深入、富有建设性的高级别多边外交磋商，各国代表就全球气候行动达成了关键共识协议。
Jīng guò duō lún tǎn chéng shēn rù, fù yǒu jiàn shè xìng de gāo jí bié duō biān wài jiāo cuō shāng, gè guó dài biǎo jiù quán qiú qì hòu xíng dòng dá chéng le guān jiàn gòng shí xié yì.
Trải qua nhiều vòng tham vấn ngoại giao đa phương cấp cao thẳng thắn sâu sắc và mang tính xây dựng, đại biểu các nước đã đạt được hiệp nghị đồng thuận then chốt về hành động khí hậu toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : THA THƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #660

挫折
cuò zhé

trắc trở, vấp ngã, thất bại tạm thời

不经历风雨怎能见彩虹；任何重大科技攻关都会经历无数次挫折与失败，关键在于百折不挠、勇往直前。
Bù jīng lì fēng yǔ zěn néng jiàn cǎi hóng； rèn hé zhòng dà kē jì gōng guān dū huì jīng lì wú shù cì cuò zhé yǔ shī bài, guān jiàn zài yú bǎi zhé bù náo, yǒng wǎng zhí qián.
Không trải qua mưa gió sao thấy được cầu vồng; bất kỳ đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trọng đại nào cũng sẽ phải trải qua vô số lần vấp ngã trắc trở và thất bại, điều cốt yếu là phải bất khuất kiên cường, dũng cảm tiến lên.

26 nét | HÁN VIỆT : TOẢ CHIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #661

措手不及
cuòshǒubùjí

trở tay không kịp, không kịp trở tay, bất ngờ ập đến

我们建立了全天候突发安全风险智能预警与应急备份系统，确保在面对任何突发技术断供时绝不措手不及。
Wǒ men jiàn lì le quán tiān hòu tū fā ān quán fēng xiǎn zhì néng yù jǐng yǔ yìng jí bèi fèn xì tǒng, què bǎo zài miàn duì rèn hé tū fā jì shù duàn gōng shí jué bù cuò shǒu bù jí.
Chúng ta đã xây dựng hệ thống dự phòng khẩn cấp và cảnh báo sớm thông minh nguy cơ an toàn đột xuất 24/7, bảo đảm khi đối mặt với bất kỳ sự đứt gãy công nghệ đột xuất nào cũng tuyệt đối không bị bất ngờ ập đến trở tay không kịp.

35 nét | HÁN VIỆT : THỐ THỦ BẤT CẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #662

错别字
cuòbiézì

chữ sai chính tả, lỗi chính tả sai chữ

在大科学装置超高精度工程设计图纸与技术文档审阅中，严谨的工程师决不允许出现任何一个错别字与参数标注文号偏差。
Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jīng dù gōng chéng shè jì tú zhǐ yǔ jì shù wén dàng shěn yuè zhōng, yán jǐn de gōng chéng shī jué bù yǔn xǔ chū xiàn rèn hé yí gè cuò bié zì yǔ cān shù biāo zhù wén hào piān chā.
Trong công tác thẩm duyệt tài liệu kỹ thuật và bản vẽ thiết kế công trình độ chính xác siêu cao của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư nghiêm cẩn tuyệt đối không cho phép xuất hiện bất kỳ một chữ sai chính tả lỗi chính tả hay sai lệch ký hiệu thông số nào.

32 nét | HÁN VIỆT : THÁC BIỆT TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #663

错觉
cuòjué

ảo giác, cảm giác sai lầm ngộ nhận

超精密微观量子实验必须依靠绝对确凿的探测器计数统计，决不能被环境偶发背景噪声所产生的虚假错觉所误导。
Chāo jīng mì wēi guān liàng zǐ shí yàn bì xū yī kào jué duì què záo de tàn cè qì jì shù tǒng jì, jué bù néng bèi huán jìng ǒu fā bèi jǐng zào shēng suǒ chǎn shēng de xū jiǎ cuò jué suǒ wù dǎo.
Thực nghiệm lượng tử vi mô siêu chính xác bắt buộc phải dựa vào thống kê đếm hạt máy dò xác thực tuyệt đối, tuyệt đối không được để bị đánh lừa bởi những cảm giác sai lầm ảo giác giả tạo do tiếng ồn nền ngẫu phát của môi trường sinh ra.

21 nét | HÁN VIỆT : THÁC GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #664

错位
cuòwèi

lệch vị trí, trật khớp trật vị trí; lệch pha

空间望远镜主副镜自适应超精密位姿控制系统能够在亚纳米精度下实时自动纠正因极端空间温差产生的结构错位。
Kōng jiān wàng yuǎn jìng zhǔ fù jìng zì shì yìng chāo jīng mì wēi zī kòng zhì xì tǒng néng gòu zài yà nà mǐ jīng dù xià shí shí zì dòng jiū zhèng yīn jí duān kōng jiān wēn chà chǎn shēng de jié gòu cuò wèi.
Hệ thống điều khiển tư thế vị trí siêu chính xác tự thích ứng gương chính và gương phụ của kính viễn vọng không gian có thể tự động hiệu chỉnh theo thời gian thực sự trật vị trí lệch vị trí kết cấu sinh ra do chênh lệch nhiệt độ không gian cực đoan ở độ chính xác dưới nanomet.

22 nét | HÁN VIỆT : THÁC VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #665

错综复杂
cuòzōngfùzá

phức tạp đan xen, chằng chịt rắc rối, muôn hình vạn trạng

面对全球科技竞争错综复杂的外部地缘环境，我们必须坚定战略自信、全面加快高水平科技自立自强步伐。
Miàn duì quán qiú kē jì jìng zhēng cuò zōng fù zá de wài bù dì yuán huán jìng, wǒ men bì xū jiān dìng zhàn lüè zì xìn, quán miàn jiā kuài gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bù fá.
Đứng trước môi trường địa chính trị bên ngoài phức tạp đan xen chằng chịt rắc rối của cạnh tranh khoa học công nghệ toàn cầu, chúng ta bắt buộc phải kiên định sự tự tin chiến lược, đẩy nhanh toàn diện bước chân tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

35 nét | HÁN VIỆT : THÁC TỐNG PHỨC TẠP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #666

搭乘
dāchéng

đi nhờ, đi trên tàu xe/phi thuyền, đáp chuyến

三名中国航天员搭乘神舟载人飞船成功升空，顺利进驻中国天宫空间站开启为期半年的太空科研实验之旅。
Sān míng zhōng guó háng tiān yuán dā chéng shén zhōu zài rén fēi chuán chéng gōng shēng kōng, shùn lì jìn zhù zhōng guó tiān gōng kōng jiān zhàn kāi qǐ wéi qī bàn nián de tài kōng kē yán shí yàn zhī lǚ.
Ba phi hành gia Trung Quốc đi trên đáp chuyến tàu vũ trụ có người lái Thần Châu đã phóng lên không gian thành công, thuận lợi tiến vào đóng quân tại trạm vũ trụ Thiên Cung Trung Quốc mở ra chuyến hành trình thực nghiệm nghiên cứu khoa học không gian kéo dài nửa năm.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐÁP THỪA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #667

搭建
dājiàn

dựng lên, kiến lập xây dựng, thiết lập nền tảng

国家实验室为青年科学家搭建了全要素开放共享的高水平大科学实验平台与跨学科多模态创新孵化基地。
Guó jiā shí yàn shì wèi qīng nián kē xué jiā dā jiàn le quán yào sù kāi fàng gòng xiǎng de gāo shuǐ píng dà kē xué shí yàn píng tái yǔ kuà xué kē duō mó tài chuàng xīn fū huà jī dì.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã xây dựng dựng lên nền tảng thực nghiệm khoa học lớn trình độ cao mở cửa chia sẻ toàn diện các yếu tố cùng căn cứ ươm mầm đổi mới sáng tạo đa phương thức liên ngành cho các nhà khoa học trẻ.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐÁP KIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #668

达标
dábiāo

đạt chuẩn, đạt tiêu chuẩn quy định, đạt chỉ tiêu

经过昼夜连续高强度调试，超导加速腔主控系统关键高频物理指标全部高标准顺利达标。
Jīng guò zhòu yè lián xù gāo qiáng dù tiáo shì, chāo dǎo jiā sù qiāng zhǔ kòng xì tǒng guān jiàn gāo pín wù lǐ zhǐ biāo quán bù gāo biāo zhǔn shùn lì dá biāo.
Trải qua các đợt hiệu chỉnh cường độ cao liên tục ngày đêm, toàn bộ các chỉ tiêu vật lý cao tần then chốt của hệ thống điều khiển chính buồng gia tốc siêu dẫn đều đã thuận lợi đạt chuẩn đạt tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn cao.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐẠT TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #669

答辩
dá biàn

bảo vệ (luận án, đề tài), phản biện

在严谨规范的博士学位论文公开答辩会上，年轻学者从容清晰地回答了答辩评审委员会专家的所有学术提问。
Zài yán jǐn guī fàn de bó shì xué wèi lùn wén gōng kāi dá biàn huì shàng, nián qīng xué zhě cóng róng qīng xī dì huí dá le dá biàn píng shěn wěi yuán huì zhuān jiā de suǒ yǒu xué shù tí wèn.
Tại buổi bảo vệ công khai luận án tiến sĩ nghiêm cẩn chuẩn mực, nhà nghiên cứu trẻ đã ung dung mạch lạc giải đáp toàn bộ các câu hỏi học thuật của các chuyên gia trong hội đồng chấm bảo vệ.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÁP BIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #670

打岔
dǎchà

ngắt lời, chen ngang làm gián đoạn, đánh trống lảng

在重大工程方案严肃论证过程中，参会人员全神贯注记录演算，任何人不得随意打岔或分散讨论焦点。
Zài zhòng dà gōng chéng fāng àn yán sù lùn zhèng guò chéng zhōng, cān huì rén yuán quán shén guàn zhù jì lù yǎn suàn, rèn hé rén bù dé suí yì dǎ chà huò fēn sàn tǎo lùn jiāo diǎn.
Trong tiến trình luận chứng nghiêm túc phương án công trình trọng đại, những người tham dự hội nghị tập trung cao độ ghi chép tính toán suy diễn, bất kỳ ai cũng không được tùy tiện chen ngang ngắt lời hoặc làm phân tán tiêu điểm thảo luận.

27 nét | HÁN VIỆT : TÁ XOÁ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #671

打倒
dǎdǎo

đánh đổ, lật đổ, quật ngã đánh bại

面对外部极限封锁与严峻技术瓶颈，中国科研团队没有任何人被困难所打倒，而是迎难而上取得重大原创突破。
Miàn duì wài bù jí xiàn fēng suǒ yǔ yán jùn jì shù píng jǐng, zhōng guó kē yán tuán duì méi yǒu rèn hé rén bèi kùn nán suǒ dǎ dǎo, ér shì yíng nán ér shàng qǔ dé zhòng dà yuán chuàng tū pò.
Đứng trước nút thắt công nghệ gay gắt và sự phong tỏa giới hạn từ bên ngoài, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc không có bất kỳ ai bị khó khăn đánh đổ quật ngã, mà dũng cảm đương đầu với khó khăn gặt hái những bước đột phá nguyên tác trọng đại.

24 nét | HÁN VIỆT : TÁ ĐẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #672

打盹儿
dǎdǔnr

chợp mắt, ngủ gật chợp mắt chốc lát (khẩu ngữ)

在连续四十多个小时的深空着陆器关键变轨控制值班中，值班工程师只能抽空在椅子上稍微打个盹儿。
Zài lián xù sì shí duō gè xiǎo shí de shēn kōng zhuó lù qì guān jiàn biàn guǐ kòng zhì zhí bān zhōng, zhí bān gōng chéng shī zhǐ néng chōu kòng zài yǐ zi shàng shāo wēi dǎ gè dǔn er.
Trong ca trực ban điều khiển đổi quỹ đạo then chốt của tàu hạ cánh không gian sâu kéo dài hơn 40 giờ liên tục, các kỹ sư trực ban chỉ có thể tranh thủ chợp mắt ngủ gật một lát trên chiếc ghế.

32 nét | HÁN VIỆT : TÁ ĐỘN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #673

打交道
dǎ jiāo dào

tiếp xúc, giao thiệp, qua lại

在跨国涉外法律事务中，涉外律师经常需要同来自不同法系背景的国际同行打交道。
Zài kuà guó shè wài fǎ lǜ shì wù zhōng, shè wài lǜ shī jīng cháng xū yào tóng lái zì bù tóng fǎ xì bèi jǐng de guó jì tóng háng dǎ jiāo dào.
Trong các vụ việc pháp lý đối ngoại xuyên quốc gia, luật sư quốc tế thường xuyên phải tiếp xúc và làm việc cùng các đồng nghiệp đến từ các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới.

31 nét | HÁN VIỆT : TÁ GIAO ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #674

打搅
dǎjiǎo

làm phiền, quấy rầy, quấy nhiễu

为了保障科学家能够心无旁骛潜心攻关，国家实验室全面推行无干扰科研管理机制，坚决杜绝任何形式主义检查打搅科研。
Wèi le bǎo zhàng kē xué jiā néng gòu xīn wú páng wù qián xīn gōng guān, guó jiā shí yàn shì quán miàn tuī xíng wú gān rǎo kē yán guǎn lǐ jī zhì, jiān jué dù jué rèn hé xíng shì zhǔ yì jiǎn chá dǎ jiǎo kē yán.
Để bảo đảm các nhà khoa học có thể toàn tâm toàn ý chuyên tâm vượt khó, Phòng thí nghiệm Quốc gia đẩy mạnh toàn diện cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học không can nhiễu, kiên quyết chấm dứt mọi cuộc kiểm tra chủ nghĩa hình thức quấy rầy làm phiền nghiên cứu khoa học.

28 nét | HÁN VIỆT : TÁ GIẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #675

打捞
dǎlāo

vớt lên, trục vớt, cứu hộ trục vớt

深海万米载人潜水器搭载的高精度水下机械手在大洋深渊底部成功精准打捞起了珍贵深海深渊科学标本。
Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì dā zài de gāo jīng dù shuǐ xià jī xiè shǒu zài dà yáng shēn yuān dǐ bù chéng gōng jīng zhǔn dǎ lāo qǐ le zhēn guì shēn hǎi shēn yuān kē xué biāo běn.
Tay máy dưới nước độ chính xác cao gắn trên tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu đã trục vớt vớt lên thành công chuẩn xác mẫu vật tiêu bản khoa học vực sâu biển sâu quý giá tại đáy vực sâu đại dương.

22 nét | HÁN VIỆT : TÁ LAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #676

打量
dǎ liang

nhìn vào

老师鼓励大家积极打量，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎ liang， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhìn vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét | HÁN VIỆT : TÁ LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #677

打猎
dǎ liè

săn bắn, đi săn

国家级自然保护区全面实行永久性全域禁猎政策，严禁任何人员在保护区范围内非法设置猎夹或进行打猎活动。
Guó jiā jí zì rán bǎo hù qū quán miàn shí xíng yǒng jiǔ xìng quán yù jìn liè zhèng cè, yán jìn rèn hé rén yuán zài bǎo hù qū fàn wéi nèi fēi fǎ shè zhì liè jiā huò jìn xíng dǎ liè huó dòng.
Khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia thực hiện toàn diện chính sách cấm săn bắt vĩnh viễn trên toàn bộ phạm vi, nghiêm cấm bất kỳ ai đặt bẫy săn trái phép hoặc tiến hành hoạt động săn bắn trong khu bảo tồn.

27 nét | HÁN VIỆT : TÁ LIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #678

打磨
dǎmó

mài giũa, đánh bóng; trau chuốt rèn luyện

顶级大国工匠通过亚纳米级超精密手工研磨工艺，精心打磨出世界最高面形精度的同步辐射X射线聚焦反射镜。
Dǐng jí dà guó gōng jiàng tōng guò yà nà mǐ jí chāo jīng mì shǒu gōng yán mó gōng yì, jīng xīn dǎ mó chū shì jiè zuì gāo miàn xíng jīng dù de tóng bù fú shè X shè xiàn jù jiāo fǎn shè jìng.
Bậc thợ lớn quốc gia đỉnh cao thông qua quy trình mài thủ công siêu chính xác cấp độ dưới nanomet đã trau chuốt mài giũa đánh bóng tỉ mỉ nên chiếc gương phản xạ hội tụ tia X bức xạ synchrotron có độ chính xác bề mặt cao nhất thế giới.

27 nét | HÁN VIỆT : TÁ MA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #679

打通
dǎtōng

thông suốt, khơi thông, kết nối xuyên suốt

我们要加快打通从基础科学研究、关键核心技术突破到现代高科技产业链产业化的全流程创新链条。
Wǒ men yào jiā kuài dǎ tōng cóng jī chǔ kē xué yán jiū, guān jiàn hé xīn jì shù tū pò dào xiàn dài gāo kē jì chǎn yè lián chǎn yè huà de quán liú chéng chuàng xīn lián tiáo.
Chúng ta phải đẩy nhanh khơi thông thông suốt kết nối chuỗi đổi mới sáng tạo toàn bộ quy trình từ nghiên cứu khoa học cơ bản, đột phá công nghệ lõi then chốt cho tới công nghiệp hóa chuỗi ngành công nghệ cao hiện đại.

22 nét | HÁN VIỆT : TÁ THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #680

打仗
dǎ zhàng

đánh trận, chiến đấu, tham chiến

全军官兵时刻聚焦能打仗、打胜仗的核心实战要求，全面提升新时代新征程打赢现代局部战争的强大实战能力。
Quán jūn guān bīng shí kè jù jiāo néng dǎ zhàng, dǎ shèng zhàng de hé xīn shí zhàn yāo qiú, quán miàn tí shēng xīn shí dài xīn zhēng chéng dǎ yíng xiàn dài jú bù zhàn zhēng de qiáng dà shí zhàn néng lì.
Cán bộ chiến sĩ toàn quân luôn luôn tập trung vào yêu cầu thực chiến cốt lõi là biết đánh trận và đánh thắng trận, nâng cao toàn diện năng lực thực chiến mạnh mẽ để đánh thắng các cuộc chiến tranh cục bộ hiện đại trong kỷ nguyên mới.

24 nét | HÁN VIỆT : TÁ TRƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #681

打招呼
dǎ zhāo hu

chào hỏi, đánh tiếng, thông báo trước

每天清晨走进办公室，同事们都会热情微笑着相互打招呼，营造出温馨融洽的工作氛围。
Měi tiān qīng chén zǒu jìn bàn gōng shì, tóng shì men dū huì rè qíng wēi xiào zhe xiāng hù dǎ zhāo hū, yíng zào chū wēn xīn róng qià de gōng zuò fēn wéi.
Mỗi sáng bước vào văn phòng, các đồng nghiệp đều niềm nở mỉm cười chào hỏi nhau, tạo nên một bầu không khí làm việc ấm áp và hòa đồng.

35 nét | HÁN VIỆT : TÁ CHIÊU HÔ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #682

大包大揽
dàbāodàlǎn

ôm đồm hết mọi việc, bao thầu trọn gói tất cả

大科学工程项目管理必须实行清晰的分级负责与权责统一机制，项目负责人要善于授权团队骨干而非凡事大包大揽。
Dà kē xué gōng chéng xiàng mù guǎn lǐ bì xū shí xíng qīng xī de fēn jí fù zé yǔ quán zé tǒng yī jī zhì, xiàng mù fù zé rén yào shàn yú shòu quán tuán duì gǔ gàn ér fēi fán shì dà bāo dà lǎn.
Quản lý dự án công trình khoa học lớn bắt buộc phải thực thi cơ chế quyền trách thống nhất và phân cấp chịu trách nhiệm rõ ràng, người đứng đầu dự án cần giỏi trao quyền cho các cán bộ nòng cốt trong nhóm chứ không phải việc gì cũng ôm đồm hết mọi việc bao thầu trọn gói.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI BAO ĐẠI LÃM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Lượng từ | #683

大笔
dàbǐ

khoản lớn, món tiền lớn; nét bút lớn (dàbǐ rúyuán)

国家财政每年持续投入大笔专项资金用于支持基础科学设施建设与战略科学家前沿自由探索。
Guó jiā cái zhèng měi nián chí xù tóu rù dà bǐ zhuān xiàng zī jīn yòng yú zhī chí jī chǔ kē xué shè shī jiàn shè yǔ zhàn lüè kē xué jiā qián yán zì yóu tàn suǒ.
Ngân sách nhà nước hàng năm liên tục đầu tư các khoản lớn món tiền lớn nguồn vốn chuyên án dùng vào việc hỗ trợ tìm tòi tự do tiên phong của các nhà khoa học chiến lược và xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học cơ bản.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI BÚT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #684

大臣
dà chén

đại thần, quan đại thần (triều đình cổ)

在故宫博物院珍藏的历史清代军机处档案中，详细记录了历代朝廷重臣向皇帝呈递的奏折与治国策论。
Zài gù gōng bó wù yuàn zhēn cáng de lì shǐ qīng dài jūn jī chù dàng àn zhōng, xiáng xì jì lù le lì dài cháo tíng zhòng chén xiàng huáng dì chéng dì de zòu zhé yǔ zhì guó cè lùn.
Bên trong các văn thư lưu trữ của Quân Cơ Xứ thời nhà Thanh quý hiếm được lưu giữ tại Bảo tàng Cố Cung đã ghi chép chi tiết các bản tấu chương và kế sách trị quốc của các vị đại thần triều đình qua các triều đại dâng lên hoàng đế.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI THẦN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #685

大吃一惊
dàchīyìjīng

giật mình kinh ngạc, vô cùng kinh ngạc sửng sốt

新型室温超导材料在微观测试中展现出的零电阻物理特性，令在场的国际顶尖物理学家们大吃一惊。
Xīn xíng shì wēn chāo dǎo cái liào zài wēi guān cè shì zhōng zhǎn xiàn chū de líng diàn zǔ wù lǐ tè xìng, lìng zài chǎng de guó jì dǐng jiān wù lǐ xué jiā men dà chī yī jīng.
Đặc tính vật lý điện trở bằng không mà vật liệu siêu dẫn nhiệt độ phòng kiểu mới phô diễn trong thử nghiệm vi mô đã khiến các nhà vật lý học đỉnh cao quốc tế có mặt tại hiện trường vô cùng kinh ngạc sửng sốt giật mình kinh ngạc.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI CẬT NHẤT KINH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #686

大大咧咧
dàdaliēliē

vô tư lự, xuề xòa tùy tiện, không câu nệ cẩu thả

做科学实验必须保持极端严谨细致与一丝不苟的科学态度，决不允许任何大大咧咧与马虎敷衍的行为存在。
Zuò kē xué shí yàn bì xū bǎo chí jí duān yán jǐn xì zhì yǔ yī sī bù gǒu de kē xué tài dù, jué bù yǔn xǔ rèn hé dà dà liē liē yǔ mǎ hǔ fū yǎn de xíng wéi cún zài.
Làm thực nghiệm khoa học bắt buộc phải giữ vững thái độ khoa học tỉ mỉ cẩn trọng tột cùng và nghiêm cẩn, tuyệt đối không cho phép tồn tại bất kỳ hành vi xuề xòa tùy tiện cẩu thả hay qua loa đối phó nào.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI ĐẠI LIỆT LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #687

大地
dàdì

đất mẹ, mảnh đất bao la, đại địa

广大农业科学家把论文写在祖国广袤大地上，用科技培育出的金色丰收造福亿万农民群众。
Guǎng dà nóng yè kē xué jiā bǎ lùn wén xiě zài zǔ guó guǎng mào dà dì shàng, yòng kē jì péi yù chū de jīn sè fēng shōu zào fú yì wàn nóng mín qún zhòng.
Đông đảo các nhà khoa học nông nghiệp viết những trang luận văn trên mảnh đất bao la đất mẹ của Tổ quốc, dùng mùa vàng bội thu được bồi dưỡng bằng khoa học công nghệ mang lại hạnh phúc cho hàng trăm triệu bà con nông dân.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #688

大队
dàduì

đại đội, đội lớn (đội cứu nạn/đội bay/chi đội)

中国人民解放军航天员大队英雄群体矢志报国、勇攀高峰，为中国载人航天事业立下了不可磨灭的历史功勋。
Zhōng guó rén mín jiě fàng jūn háng tiān yuán dà duì yīng xióng qún tǐ shǐ zhì bào guó, yǒng pān gāo fēng, wèi zhōng guó zài rén háng tiān shì yè lì xià le bù kě mó miè de lì shǐ gōng xūn.
Tập thể anh hùng Chi đội Đại đội Phi hành gia Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc sắt son một lòng phụng sự Tổ quốc, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, lập nên những công lao lịch sử không thể phai mờ cho sự nghiệp hàng không vũ trụ có người lái Trung Quốc.

20 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI ĐỘI

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #689

大幅度
dàfúdù

mạnh mẽ, trên diện rộng với biên độ lớn, tăng vọt mạnh

随着关键核心制造工艺的攻坚突破，国产高通量人工智能算力芯片的计算能效比实现了大幅度提升。
Suí zhe guān jiàn hé xīn zhì zào gōng yì de gōng jiān tū pò, guó chǎn gāo tōng liàng rén gōng zhì néng suàn lì xīn piàn de jì suàn néng xiào bǐ shí xiàn le dà fú dù tí shēng.
Cùng với bước đột phá vượt khó của quy trình chế tạo cốt lõi then chốt, tỷ số hiệu năng năng lượng tính toán của dòng chip sức mạnh tính toán trí tuệ nhân tạo thông lượng cao sản xuất trong nước đã thực hiện nâng cao mạnh mẽ với biên độ lớn.

34 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI BỨC ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #690

大公无私
dàgōngwúsī

chí công vô tư, đại công vô tư, công minh chính trực

老一辈功勋科学家大公无私、甘当人梯，悉心培养并提携了一大批年轻有为的世界级青年学者骨干。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā dà gōng wú sī, gān dāng rén tī, xī xīn péi yǎng bìng tí xié le yī dà pī nián qīng yǒu wéi de shì jiè jí qīng nián xué zhě gǔ gàn.
Các nhà khoa học có công lao tiền bối chí công vô tư đại công vô tư, tình nguyện làm bậc thang cho người khác, đã tận tâm bồi dưỡng và nâng đỡ dìu dắt cả một thế hệ cán bộ nòng cốt học giả trẻ tuổi tầm cỡ thế giới đầy triển vọng.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI CÔNG VÔ TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #691

大家庭
dàjiātíng

đại gia đình, gia đình lớn sum vầy

大科学工程攻坚团队就像一个温暖团结的大家庭，老中青三代科研人员同心同德攻克了一道道技术难关。
Dà kē xué gōng chéng gōng jiān tuán duì jiù xiàng yí gè wēn nuǎn tuán jié de dà jiā tíng, lǎo zhōng qīng sān dài kē yán rén yuán tóng xīn tóng dé gōng kè le yī dào dào jì shù nán guān.
Đội ngũ vượt khó công trình khoa học lớn tựa như một đại gia đình gia đình lớn đoàn kết ấm áp, ba thế hệ cán bộ nghiên cứu già - trung - trẻ đồng tâm đồng đức chinh phục từng ải khó công nghệ.

30 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI GIA ĐÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #692

大街小巷
dàjiēxiǎoxiàng

phố lớn ngõ nhỏ, khắp các đường phố ngõ hẻm

随着绿色智能网联新能源汽车全面普及，穿梭在城市大街小巷的各类公共交通车辆全部实现了零排放运行。
Suí zhe lǜ sè zhì néng wǎng lián xīn néng yuán qì chē quán miàn pǔ jí, chuān suō zài chéng shì dà jiē xiǎo xiàng de gè lèi gōng gòng jiāo tōng chē liàng quán bù shí xiàn le líng pái fàng yùn xíng.
Cùng với việc phổ cập toàn diện xe năng lượng mới kết nối mạng thông minh xanh, các loại phương tiện giao thông công cộng đi lại con thoi trên khắp các phố lớn ngõ nhỏ đường phố ngõ hẻm của thành phố đều đã thực hiện vận hành không phát thải.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI NHAI TIỂU HẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #693

大惊小怪
dàjīngxiǎoguài

làm to chuyện, kinh ngạc quá mức, bé xé ra to

对于前沿基础科学实验中偶发的数据波动，我们要理性客观严密分析其物理机理，切忌大惊小怪或盲目下结论。
Duì yú qián yán jī chǔ kē xué shí yàn zhōng ǒu fā de shù jù bō dòng, wǒ men yào lǐ xìng kè guān yán mì fēn xī qí wù lǐ jī lǐ, qiè jì dà jīng xiǎo guài huò máng mù xià jié lùn.
Đối với các dao động số liệu ngẫu phát trong thực nghiệm khoa học cơ bản tiên phong, chúng ta cần phân tích chặt chẽ khách quan lý tính về cơ chế vật lý của nó, tránh việc kinh ngạc quá mức làm to chuyện bé xé ra to hoặc mù quáng đưa ra kết luận.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI KINH TIỂU QUÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #694

大局
dàjú

đại cục, toàn cục, tình hình tổng thể

广大科技工作者要胸怀国之大者、顾全大局，把个人学术追求深深融入国家重大战略科技攻关伟业之中。
Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào xiōng huái guó zhī dà zhě, gù quán dà jú, bǎ gè rén xué shù zhuī qiú shēn shēn róng rù guó jiā zhòng dà zhàn lüè kē jì gōng guān wěi yè zhī zhōng.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ cần ôm trọn những việc lớn lao của đất nước, nghĩ cho đại cục toàn cục, hòa quyện sâu sắc sự theo đuổi học thuật cá nhân vào đại nghiệp vượt khó khoa học công nghệ chiến lược trọng đại của quốc gia.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #695

大款
dàkuǎn

đại gia, người giàu kếch xù, triệu phú (khẩu ngữ)

真正的战略科学家一生追求的是造福国家与人类的崇高真理，从不羡慕追名逐利的所谓富商大款。
Zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā yī shēng zhuī qiú de shì zào fú guó jiā yǔ rén lèi de chóng gāo zhēn lǐ, cóng bù xiàn mù zhuī míng zhú lì de suǒ wèi fù shāng dà kuǎn.
Những nhà khoa học chiến lược thực thụ cả đời theo đuổi chân lý cao đẹp mang lại hạnh phúc cho nhân loại và đất nước, không bao giờ ngưỡng mộ những người được gọi là phú thương đại gia đại gia kếch xù chạy theo danh lợi.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI KHOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #696

大面积
dàmiànjī

diện tích lớn, trên diện rộng quy mô lớn

我国完全自主培育的高产优质超级水稻新品种在南方主产区实现大面积推广种植，平均亩产屡创历史新高。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ péi yù de gāo chǎn yōu zhì chāo jí shuǐ dào xīn pǐn zhǒng zài nán fāng zhǔ chǎn qū shí xiàn dà miàn jī tuī guǎng zhòng zhí, píng jūn mǔ chǎn lǚ chuàng lì shǐ xīn gāo.
Giống lúa lai siêu cấp chất lượng cao năng suất cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng đã thực hiện nhân rộng gieo trồng trên diện rộng diện tích lớn tại các vùng sản xuất chính ở miền Nam, nâng suất bình quân trên mỗi mẫu liên tục lập nên kỷ lục lịch sử mới.

31 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI DIỆN TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #697

大名鼎鼎
dàmíngdǐngdǐng

lừng lẫy tiếng tăm, danh tiếng lẫy lừng, nổi danh thiên hạ

这位大名鼎鼎的国际理论物理泰斗应邀出席世界青年科学家论坛，并发表了高屋建瓴的主旨学术报告。
Zhè wèi dà míng dǐng dǐng de guó jì lǐ lùn wù lǐ tài dǒu yìng yāo chū xí shì jiè qīng nián kē xué jiā lùn tán, bìng fā biǎo le gāo wū jiàn líng de zhǔ zhǐ xué shù bào gào.
Vị cây đại thụ vật lý lý thuyết quốc tế danh tiếng lẫy lừng lừng lẫy tiếng tăm này đã nhận lời mời tham dự Diễn đàn Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới và có bài phát biểu báo cáo học thuật chủ đề mang tính định hướng tầm cao.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI DANH ĐỈNH ĐỈNH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #698

大模大样
dàmúdàyàng

hiên ngang nghênh ngang, vênh váo nghênh ngang, đường hoàng

在国家公园珍稀动物智能监测高清镜头前，几只野生大熊猫大模大样地在竹林间漫步觅食。
Zài guó jiā gōng yuán zhēn xī dòng wù zhì néng jiān cè gāo qīng jìng tóu qián, jǐ zhī yě shēng dà xióng māo dà mú dà yàng dì zài zhú lín jiān màn bù mì shí.
Trước ống kính máy quay độ nét cao quan trắc thông minh động vật quý hiếm Công viên Quốc gia, vài chú gấu trúc lớn hoang dã đang đường hoàng hiên ngang nghênh ngang dạo bước kiếm ăn giữa rừng trúc.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI MÔ ĐẠI DẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #699

大棚
dàpéng

nhà kính nông nghiệp, nhà màng nhà lưới

国家现代农业示范区全面推广应用全智能物联网光热环境控制大棚，实现了高附加值果蔬的反季节高产稳产。
Guó jiā xiàn dài nóng yè shì fàn qū quán miàn tuī guǎng yìng yòng quán zhì néng wù lián wǎng guāng rè huán jìng kòng zhì dà péng, shí xiàn le gāo fù jiā zhí guǒ shū de fǎn jì jié gāo chǎn wěn chǎn.
Khu Trình diễn Nông nghiệp Hiện đại Quốc gia đã phổ biến ứng dụng toàn diện nhà kính nhà màng nhà kính nông nghiệp điều phối môi trường quang nhiệt Internet vạn vật (IoT) hoàn toàn thông minh, thực hiện sản lượng cao ổn định trái mùa của rau quả có giá trị gia tăng cao.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI BẰNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Lượng từ | #700

大片
dàpiān

bom tấn điện ảnh (phim bom tấn); mảng lớn vạt lớn (lượng từ)

这部生动展现中国航天科学家征战深空星际壮举的硬核科幻影视大片上映后，在全社会引发了极强烈的科学探索共鸣。
Zhè bù shēng dòng zhǎn xiàn zhōng guó háng tiān kē xué jiā zhēng zhàn shēn kōng xīng jì zhuàng jù de yìng hé kē huàn yǐng shì dà piàn shàng yìng hòu, zài quán shè huì yǐn fā le jí qiáng liè de kē xué tàn suǒ gòng míng.
Bộ phim bom tấn bom tấn điện ảnh khoa học viễn tưởng siêu thực phô diễn sinh động kỳ tích chinh phục liên sao không gian sâu của các nhà khoa học hàng không vũ trụ Trung Quốc sau khi công chiếu đã dấy lên sự cộng hưởng khám phá khoa học vô cùng mạnh mẽ trong toàn xã hội.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #701

大气
dàqì

khí quyển, bầu khí quyển; phóng khoáng đường hoàng

我国成功发射了全球首颗高精度温室气体与大气主要污染物综合激光雷达主动探测科学卫星。
Wǒ guó chéng gōng fā shè le quán qiú shǒu kē gāo jīng dù wēn shì qì tǐ yǔ dà qì zhǔ yào wū rǎn wù zōng hé jī guāng léi dá zhǔ dòng tàn cè kē xué wèi xīng.
Nước ta đã phóng thành công vệ tinh khoa học thám trắc chủ động bằng radar laser (LiDAR) tổng hợp các chất gây ô nhiễm chính trong bầu khí quyển khí quyển và khí nhà kính độ chính xác cao đầu tiên trên toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #702

大厦
dà shà

tòa nhà lớn, cao ốc, tòa đại hạ

国家基础科学研究是整个现代科技大厦的坚固基石，基石不稳则高耸入云的科技大厦难以持久矗立。
Guó jiā jī chǔ kē xué yán jiū shì zhěng gè xiàn dài kē jì dà shà de jiān gù jī shí, jī shí bù wěn zé gāo sǒng rù yún de kē jì dà shà nán yǐ chí jiǔ chù lì.
Nghiên cứu khoa học cơ bản quốc gia chính là nền móng vững chắc của toàn bộ tòa đại hạ khoa học công nghệ hiện đại, nền móng không vững chắc thì tòa cao ốc công nghệ chọc trời kia khó lòng đứng vững lâu dài.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #703

大数据
dàshùjù

dữ liệu lớn, Big Data

国家天文科学数据中心依托海量天文观测大数据与人工智能大模型，实现了对百亿光年外遥远脉冲星的高效自主搜索识别。
Guó jiā tiān wén kē xué shù jù zhōng xīn yī tuō hǎi liàng tiān wén guān cè dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng dà mó xíng, shí xiàn le duì bǎi yì guāng nián wài yáo yuǎn mài chōng xīng de gāo xiào zì zhǔ sōu suǒ shí bié.
Trung tâm Dữ liệu Khoa học Thiên văn Quốc gia dựa vào mô hình lớn trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn Big Data quan trắc thiên văn khổng lồ đã thực hiện việc tìm kiếm nhận diện tự chủ hiệu quả cao đối với các ẩn tinh (pulsar) xa xôi cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

34 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI SỔ CƯ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #704

大肆
dà sì

rầm rộ vô lối, trắng trợn, bừa bãi

国际社会坚决反对个别外部势力出于地缘政治私利，大肆制造阵营对抗与挑动地区军备竞赛的恶劣行径。
Guó jì shè huì jiān jué fǎn duì gè bié wài bù shì lì chū yú dì yuán zhèng zhì sī lì, dà sì zhì zào zhèn yíng duì kàng yǔ tiǎo dòng dì qū jūn bèi jìng sài de è liè xíng jìng.
Cộng đồng quốc tế kiên quyết phản đối hành vi xấu xa của một số thế lực bên ngoài vì tư lợi địa chính trị mà ngang nhiên trắng trợn tạo ra sự đối đầu phe phái và kích động chạy đua vũ trang khu vực.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI TỨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #705

大体
dà tǐ

Nói chung

老师鼓励大家积极大体，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dà tǐ， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nói chung, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI THỂ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #706

大体上
dàtǐshang

về cơ bản, nhìn chung đại thể

大科学装置核心主体工程土建与物理设备预装已大体上顺利完成，全面转入微米级精密物理联调阶段。
Dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhǔ tǐ gōng chéng tǔ jiàn yǔ wù lǐ shè bèi yù zhuāng yǐ dà tǐ shàng shùn lì wán chéng, quán miàn zhuǎn rù wēi mǐ jí jīng mì wù lǐ lián diào jiē duàn.
Công tác xây dựng phần thô và lắp đặt trước thiết bị vật lý của công trình chủ thể cốt lõi thiết bị khoa học lớn về cơ bản nhìn chung đại thể đã hoàn thành thuận lợi, chuyển sang giai đoạn hiệu chỉnh liên kết vật lý chính xác cấp độ micromet toàn diện.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI THỂ THƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #707

大同小异
dàtóngxiǎoyì

đại đồng tiểu dị, nhìn chung giống nhau chỉ khác đôi chút

搞原始创新切忌在别人已有的成熟技术方案上做大同小异的低水平重复，而要敢于开辟全新理论范式。
Gǎo yuán shǐ chuàng xīn qiè jì zài bié rén yǐ yǒu de chéng shú jì shù fāng àn shàng zuò dà tóng xiǎo yì de dī shuǐ píng chóng fù, ér yào gǎn yú kāi pì quán xīn lǐ lùn fàn shì.
Làm đổi mới sáng tạo nguyên bản tránh việc thực hiện những lặp lại trình độ thấp đại đồng tiểu dị nhìn chung giống nhau chỉ khác đôi chút trên các phương án công nghệ chín muồi vốn có của người khác, mà phải dũng cảm mở ra mô thức lý luận hoàn toàn mới.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI ĐỒNG TIỂU DỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #708

大腕儿
dàwànr

nhân vật cộm cán, cây đa cây đề, tên tuổi lớn (khẩu ngữ)

在国际前沿科学高峰论坛上，多位享誉全球的国际学术大腕儿与我国青年学者同台探讨未来物理学发展新方向。
Zài guó jì qián yán kē xué gāo fēng lùn tán shàng, duō wèi xiǎng yù quán qiú de guó jì xué shù dà wàn ér yǔ wǒ guó qīng nián xué zhě tóng tái tàn tǎo wèi lái wù lǐ xué fā zhǎn xīn fāng xiàng.
Tại Diễn đàn Thượng đỉnh Khoa học Tiên phong Quốc tế, nhiều cây đa cây đề tên tuổi lớn nhân vật cộm cán học thuật quốc tế nổi danh khắp toàn cầu đã cùng các học giả trẻ nước ta đứng chung sân khấu bàn thảo phương hướng phát triển mới của vật lý học tương lai.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI OẢN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #709

大选
dàxuǎn

tổng tuyển cử, cuộc bầu cử quy mô lớn

无论国际外部地缘政治大选格局如何变迁，中国始终坚持以开放包容的胸怀推动全球科技合作与人类文明互鉴。
Wú lùn guó jì wài bù dì yuán zhèng zhì dà xuǎn gé jú rú hé biàn qiān, zhōng guó shǐ zhōng jiān chí yǐ kāi fàng bāo róng de xiōng huái tuī dòng quán qiú kē jì hé zuò yǔ rén lèi wén míng hù jiàn.
Bất kể cục diện tổng tuyển cử chính trị địa duyên bên ngoài quốc tế có biến đổi ra sao, Trung Quốc vẫn luôn kiên trì bằng tấm lòng bao dung cởi mở thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ toàn cầu và cùng học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh nhân loại.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI TUYỂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #710

大雁
dàyàn

chim nhạn, đàn chim nhạn hồng nhạn

国家湿地自然保护区内生态环境持续向好，金秋时节成群结队的大雁排成整齐的人字形队列向南迁徙。
Guó jiā shī dì zì rán bǎo hù qū nèi shēng tài huán jìng chí xù xiàng hǎo, jīn qiū shí jié chéng qún jié duì de dà yàn pái chéng zhěng qí de rén zì xíng duì liè xiàng nán qiān xǐ.
Môi trường sinh thái bên trong Khu Bảo tồn Tự nhiên Đất ngập nước Quốc gia liên tục chuyển biến tốt đẹp, vào tiết trời thu vàng từng đàn từng đàn chim nhạn hồng nhạn xếp thành hàng chữ Nhân (人) ngay ngắn bay về phương Nam tránh rét.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI NHẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #711

大意
dà yi

ý chính, đại ý; sơ suất, bất cẩn, chủ quan

高空航天发射测试是极其复杂的系统工程，在万无一失的严苛标准面前绝容不得半点麻痹大意与疏忽。
Gāo kōng háng tiān fā shè cè shì shì jí qí fù zá de xì tǒng gōng chéng, zài wàn wú yī shī de yán kē biāo zhǔn miàn qián jué róng bù dé bàn diǎn má bì dà yì yǔ shū hū.
Thử nghiệm phóng tàu vũ trụ vào không gian là một công trình hệ thống vô cùng phức tạp, đứng trước tiêu chuẩn nghiêm ngặt vạn vô nhất thất tuyệt đối không được phép có một chút tê liệt bất cẩn hay sơ suất nào.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẠI Ý

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #712

大有可为
dàyǒukěwéi

rất có triển vọng, tràn đầy hứa hẹn, có tương lai rộng mở

广大青年科技工作者生逢伟大时代，在新时代建设世界科技强国的历史征程中大有可为、也必将大有作为！
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě shēng féng wěi dà shí dài, zài xīn shí dài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ zhēng chéng zhōng dà yǒu kě wéi, yě bì jiāng dà yǒu zuò wéi!
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi được sinh ra trong thời đại vĩ đại, trong hành trình lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới thời đại mới rất có triển vọng tràn đầy hứa hẹn và nhất định sẽ làm nên đại nghiệp!

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI HỮU KHẢ VI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #713

大宗
dàzōng

số lượng lớn, hàng rời quy mô lớn, bán buôn số lượng lớn

我国成功构建了覆盖全球主要航线的大宗战略资源与能源海上供应链智能数字化遥感动态监测预警网络。
Wǒ guó chéng gōng gòu jiàn le fù gài quán qiú zhǔ yào háng xiàn de dà zōng zhàn lüè zī yuán yǔ néng yuán hǎi shàng gōng yìng liàn zhì néng shù zì huà yáo gǎn dòng tài jiān cè yù jǐng wǎng luò.
Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới cảnh báo sớm quan trắc động thái viễn thám số hóa thông minh chuỗi cung ứng trên biển năng lượng và tài nguyên chiến lược số lượng lớn hàng rời quy mô lớn bao phủ các tuyến hàng hải chính toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI TÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #714

歹徒
dǎi tú

tên cướp, kẻ côn đồ, kẻ gian ác hung hãn

英勇无畏的人民特警在面对持械歹徒的危险关头挺身而出，以果断利落的战术动作将其成功制服擒获。
Yīng yǒng wú wèi de rén mín tè jǐng zài miàn duì chí xiè dǎi tú de wēi xiǎn guān tóu tǐng shēn ér chū, yǐ guǒ duàn lì luò de zhàn shù dòng zuò jiāng qí chéng gōng zhì fú qín huò.
Chiến sĩ cảnh sát đặc nhiệm nhân dân dũng cảm không hề sợ hãi trước thời khắc nguy hiểm đối mặt với kẻ côn đồ hung hãn có vũ khí đã xông pha đứng ra, dùng các động tác chiến thuật dứt khoát chuẩn xác khống chế tóm gọn đối tượng.

20 nét | HÁN VIỆT: TỐI ĐỒ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #715

逮
dǎi

bắt giữ, tóm lấy, chộp lấy (dǎi: bắt; dài: cho đến lúc)

国家网络反间谍安全部门依靠先进的数字取证溯源算法，成功逮获了企图窃取国家核心科研机密的境外间谍人员。
Guó jiā wǎng luò fǎn jiàn dié ān quán bù mén yī kào xiān jìn de shù zì qǔ zhèng sù yuán suàn fǎ, chéng gōng dǎi huò le qǐ tú qiè qǔ guó jiā hé xīn kē yán jī mì de jìng wài jiān dié rén yuán.
Cơ quan an ninh phản gián mạng quốc gia dựa vào thuật toán truy vết thu thập chứng cứ số hóa tiên tiến đã bắt giữ tóm gọn thành công nhân viên gián điệp nước ngoài mưu toan đánh cắp bí mật nghiên cứu khoa học cốt lõi của quốc gia.

14 nét | HÁN VIỆT: ĐÃI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #716

逮捕
dài bǔ

bắt giữ, bắt tạm giam, tống đạt lệnh bắt

人民检察院依法对涉嫌严重职务犯罪、造成重大国有资产流失的涉案职务犯罪嫌疑人依法作出批准逮捕决定。
Rén mín jiǎn chá yuàn yī fǎ duì shè xián yán zhòng zhí wù fàn zuì, zào chéng zhòng dà guó yǒu zī chǎn liú shī de shè àn zhí wù fàn zuì xián yí rén yī fǎ zuò chū pī zhǔn dài bǔ jué dìng.
Viện Kiểm sát Nhân dân theo quy định pháp luật đã đưa ra quyết định phê chuẩn bắt giữ đối với nghi phạm phạm tội chức vụ có liên quan bị nghi ngờ phạm tội chức vụ nghiêm trọng làm thất thoát tài sản nhà nước đặc biệt lớn.

27 nét | HÁN VIỆT: ĐÃI BẮT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #717

代号
dàihào

mật danh, mã hiệu, tên mã dự án

该型号深空探测绝密战略工程在立项之初被赋予了一个具有浓厚传统文化底蕴的专属科研代号。
Gāi xíng hào shēn kōng tàn cè jué mì zhàn lüè gōng chéng zài lì xiàng zhī chū bèi fù yǔ le yí gè jù yǒu nóng hòu chuán tǒng wén huà dǐ yùn de zhuān shǔ kē yán dài hào.
Công trình chiến lược tuyệt mật thám trắc không gian sâu thuộc dòng này vào lúc ban đầu lập dự án đã được trao tặng một mật danh mã hiệu nghiên cứu khoa học độc quyền mang đậm bề dày văn hóa truyền thống.

21 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI GÀO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #718

代理人
dàilǐrén

người đại diện, đại lý ủy quyền

国家知识产权局为科研机构和高科技领军企业配备了专业的海外涉外专利诉讼代理人队伍。
Guó jiā zhī shí chǎn quán jú wèi kē yán jī gòu hé gāo kē jì lǐng jūn qǐ yè pèi bèi le zhuān yè de hǎi wài shè wài zhuān lì sù sòng dài lǐ rén duì wǔ.
Cục Sở hữu Trí tuệ Quốc gia đã trang bị đội ngũ người đại diện đại lý ủy quyền tố tụng bằng sáng chế đối ngoại ở nước ngoài chuyên nghiệp cho các doanh nghiệp dẫn đầu công nghệ cao và cơ quan nghiên cứu khoa học.

26 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI LÝ NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #719

代言人
dàiyánrén

người phát ngôn, đại diện phát ngôn, người đại diện thương hiệu

作为新时代青年科学家的优秀代表，他受邀担任国家全民科普与青少年科学精神培育形象代言人。
Zuò wéi xīn shí dài qīng nián kē xué jiā de yōu xiù dài biǎo, tā shòu yāo dān rèn guó jiā quán mín kē pǔ yǔ qīng shào nián kē xué jīng shén péi yù xíng xiàng dài yán rén.
Với tư cách là đại biểu xuất sắc của các nhà khoa học trẻ thời đại mới, anh đã được mời đảm nhiệm làm đại diện phát ngôn người phát ngôn hình ảnh cho công tác bồi dưỡng tinh thần khoa học thanh thiếu niên và phổ biến khoa học toàn dân quốc gia.

31 nét | HÁN VIỆT: ĐẠI NGÔN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #720

带队
dàiduì

dẫn đoàn, dẫn đội chỉ huy, dẫn dắt đoàn

两院院士亲自带队深入大西北荒漠与深海科考第一线，靠前指挥重大关键技术攻坚攻关战役。
Liǎng yuàn yuàn shì qīn zì dài duì shēn rù dà xī běi huāng mò yǔ shēn hǎi kē kǎo dì yī xiàn, kào qián zhǐ huī zhòng dà guān jiàn jì shù gōng jiān gōng guān zhàn yì.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã đích thân dẫn đội dẫn đoàn đi sâu vào tuyến đầu khảo sát khoa học biển sâu và sa mạc hoang vu miền Đại Tây Bắc, trực tiếp chỉ huy tuyến trước chiến dịch vượt khó công nghệ then chốt trọng đại.

18 nét | HÁN VIỆT: ĐỚI ĐỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #721

带路
dàilù

dẫn đường, dẫn lối chỉ đường

在崇山峻岭极端地质科考中，经验丰富的当地藏族老向导为国家科考突击队精准带路穿行冰川峡谷。
Zài chóng shān jùn lǐng jí duān dì zhì kē kǎo zhōng, jīng yàn fēng fù dí dàng dì zàng zú lǎo xiàng dǎo wèi guó jiā kē kǎo tū jī duì jīng zhǔn dài lù chuān xíng bīng chuān xiá gǔ.
Trong chuyến khảo sát khoa học địa chất cực đoan nơi núi non trùng điệp, người dẫn đường hướng dẫn viên lão luyện người Tạng địa phương giàu kinh nghiệm đã dẫn đường chỉ đường chuẩn xác cho đội xung kích khảo sát khoa học quốc gia băng qua các hẻm núi sông băng.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỚI LỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #722

带头
dàitóu

dẫn đầu, đi đầu làm gương, tiên phong

大科学工程项目负责人带头坚守在超高真空加速管道安装施工第一线，以身作则激励全体参研人员。
Dà kē xué gōng chéng xiàng mù fù zé rén dài tóu jiān shǒu zài chāo gāo zhēn kōng jiā sù guǎn dào ān zhuāng shī gōng dì yī xiàn, yǐ shēn zuò zé jī lì quán tǐ cān yán rén yuán.
Người phụ trách dự án công trình khoa học lớn đã đi đầu làm gương dẫn đầu bám trụ nơi tuyến đầu thi công lắp đặt đường ống gia tốc chân không siêu cao, lấy mình làm gương khích lệ toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỚI ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #723

带头人
dàitóurén

người dẫn đầu, người đứng đầu tiên phong, thủ lĩnh học thuật

国家实验室着力选拔和重用具有全球战略眼光与卓越组织能力的拔尖学术带头人。
Guó jiā shí yàn shì zhuó lì xuǎn bá hé zhòng yòng jù yǒu quán qiú zhàn lüè yǎn guāng yǔ zhuó yuè zǔ zhī néng lì de bá jiān xué shù dài tóu rén.
Phòng thí nghiệm quốc gia chú trọng tuyển chọn và trọng dụng những người đứng đầu tiên phong thủ lĩnh học thuật người dẫn đầu xuất chúng sở hữu năng lực tổ chức trác việt và tầm nhìn chiến lược toàn cầu.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐỚI ĐẦU NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #724

怠工
dàigōng

lãn công, đình công ngấm ngầm, làm việc cầm chừng

大科学工程攻坚团队发扬分秒必争、勇于担当的拼搏精神，决不允许出现任何推诿扯皮与消极怠工现象。
Dà kē xué gōng chéng gōng jiān tuán duì fā yáng fēn miǎo bì zhēng, yǒng yú dān dāng de pīn bó jīng shén, jué bù yǔn xǔ chū xiàn rèn hé tuī wěi chě pí yǔ xiāo jí dài gōng xiàn xiàng.
Đội ngũ vượt khó công trình khoa học lớn phát huy tinh thần chiến đấu tranh thủ từng phút từng giây, dũng cảm gánh vác, tuyệt đối không cho phép xuất hiện bất kỳ hiện tượng đùn đẩy né tránh hay làm việc cầm chừng giãn việc lãn công tiêu cực nào.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐÃI CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #725

怠慢
dài màn

thất lễ, tiếp đãi không chu đáo; chểnh mảng

在国际多边外交外事活动中，我们始终秉持热情周到与平等尊重的外事礼仪，绝不怠慢任何一位远道而来的国际贵宾。
Zài guó jì duō biān wài jiāo wài shì huó dòng zhōng, wǒ men shǐ zhōng bǐng chí rè qíng zhōu dào yǔ píng děng zūn zhòng de wài shì lǐ yí, jué bù dài màn rèn hé yī wèi yuǎn dào ér lái de guó jì guì bīn.
Trong các hoạt động đối ngoại ngoại giao đa phương quốc tế, chúng tôi luôn giữ vững lễ nghi đối ngoại chu đáo nhiệt tình và tôn trọng bình đẳng, tuyệt đối không thất lễ với bất kỳ vị khách quý quốc tế nào từ phương xa tới.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐÃI MẠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #726

单薄
dānbó

mỏng manh, đơn bạc, gầy yếu mong manh

新型轻量化气凝胶航天隔热材料虽然看似薄如蝉翼、结构单薄，却能抵御数千度极端高温灼烧。
Xīn xíng qīng liàng huà qì níng jiāo háng tiān gé rè cái liào suī rán kàn shì báo rú chán yì, jié gòu dān bó, què néng dǐ yù shù qiān dù jí duān gāo wēn zhuó shāo.
Vật liệu cách nhiệt hàng không vũ trụ aerogel siêu nhẹ kiểu mới tuy xem chừng mỏng như cánh ve, kết cấu mỏng manh đơn bạc, nhưng lại có thể chống chọi được sự thiêu đốt ở nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ.

26 nét | HÁN VIỆT : THIỆN BẠC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #727

单边
dānbiān

đơn phương, một phía đơn phương

我们坚决反对任何形式的技术封锁与单边霸凌行径，坚定维护多边国际开放科学合作规则。
Wǒ men jiān jué fǎn duì rèn hé xíng shì de jì shù fēng suǒ yǔ dān biān bà líng xíng jìng, jiān dìng wéi hù duō biān guó jì kāi fàng kē xué hé zuò guī zé.
Chúng ta kiên quyết phản đối mọi hình thức hành vi bắt nạt bá quyền đơn phương một phía và phong tỏa công nghệ, kiên định bảo vệ các quy tắc hợp tác khoa học mở quốc tế đa phương.

21 nét | HÁN VIỆT : THIỆN BIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #728

单方面
dānfāngmiàn

đơn phương, từ một phía

面对外部个别国家单方面破坏国际科研合作协议的逆流，中国科学家始终以自信从容的姿态推进自主创新。
Miàn duì wài bù gè bié guó jiā dān fāng miàn pò huài guó jì kē yán hé zuò xié yì de nì liú, zhōng guó kē xué jiā shǐ zhōng yǐ zì xìn cóng róng de zī tài tuī jìn zì zhǔ chuàng xīn.
Đứng trước dòng chảy ngược của một vài quốc gia bên ngoài đơn phương từ một phía phá hoại các hiệp định hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế, các nhà khoa học Trung Quốc luôn bằng tư thế tự tin ung dung thúc đẩy đổi mới sáng tạo tự chủ.

31 nét | HÁN VIỆT : THIỆN PHƯƠNG DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #729

单身
dānshēn

độc thân, sống độc thân một mình

国家高新技术科学城为青年科研人员规划建设了高品质单身公寓与全功能青年人才社区。
Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng wèi qīng nián kē yán rén yuán guī huà jiàn shè le gāo pǐn zhì dān shēn gōng yù yǔ quán gōng néng qīng nián rén cái shè qū.
Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đã quy hoạch xây dựng căn hộ độc thân chất lượng cao và khu chung cư nhân tài thanh niên đầy đủ công năng cho các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi.

24 nét | HÁN VIỆT : THIỆN THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Lượng từ | #730

担
dān

gánh vác, đảm đương; gánh (lượng từ: dàn)

广大青年科学家要敢于担大任、挑大梁，在国家重大战略前沿科技攻坚中书写无愧于时代的青春华章。
Guǎng dà qīng nián kē xué jiā yào gǎn yú dān dà rèn, tiāo dà liáng, zài guó jiā zhòng dà zhàn lüè qián yán kē jì gōng jiān zhōng shū xiě wú kuì yú shí dài de qīng chūn huá zhāng.
Đông đảo các nhà khoa học trẻ cần dũng cảm đảm đương gánh vác trọng trách lớn, làm rường cột trong các trận vượt khó khoa học công nghệ tiên phong chiến lược trọng đại của quốc gia, viết nên áng văn chương thanh xuân không hổ thẹn với thời đại.

9 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #731

担当
dāndāng

gánh vác đảm đương, tinh thần dám nghĩ dám làm dấn thân

战略科学家以强烈的历史主动精神与政治担当，团结带领攻关团队攻克了一道道卡脖子世界级技术难关。
Zhàn lüè kē xué jiā yǐ qiáng liè de lì shǐ zhǔ dòng jīng shén yǔ zhèng zhì dān dāng, tuán jié dài lǐng gōng guān tuán duì gōng kè le yī dào dào qiǎ bó zi shì jiè jí jì shù nán guān.
Các nhà khoa học chiến lược với tinh thần gánh vác đảm đương chính trị và chủ động lịch sử mạnh mẽ, đã đoàn kết dẫn dắt đội ngũ vượt khó chinh phục từng ải khó công nghệ tầm cỡ thế giới nghẽn cổ chai.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM ĐƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #732

担负
dānfù

gánh vác, đảm đương gánh vác trách nhiệm

国家实验室担负着突破重大前沿基础科学理论与锻造国家战略科技力量核心支柱的历史重任。
Guó jiā shí yàn shì dān fù zhe tū pò zhòng dà qián yán jī chǔ kē xué lǐ lùn yǔ duàn zào guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng hé xīn zhī zhù de lì shǐ zhòng rèn.
Phòng thí nghiệm quốc gia đảm đương gánh vác trọng trách lịch sử về việc rèn giũa cột trụ cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia và đột phá các lý luận khoa học cơ bản tiên phong trọng đại.

17 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #733

担子
dànzi

gánh nặng, trọng trách gánh vác, đôi quang gánh

老一辈科学家深情叮嘱青年骨干："建设世界科技强国的历史重任已经落在了你们肩上，这个重担子一定要挑好！"
Lǎo yī bèi kē xué jiā shēn qíng dīng zhǔ qīng nián gǔ gàn : "jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ zhòng rèn yǐ jīng luò zài le nǐ men jiān shàng, zhè ge zhòng dàn zi yí dìng yào tiāo hǎo!"
Các nhà khoa học tiền bối ân cần dặn dò các cán bộ nòng cốt trẻ tuổi: 'Trọng trách lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới đã đặt lên vai các cháu rồi, gánh nặng trọng trách gánh vác này nhất định phải gánh vác cho thật tốt!'

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #734

耽搁
dānge

làm trễ nải, trì hoãn làm lỡ dở, chậm trễ

大科学工程实施进度分秒必争，全系统各协作攻关单位必须按期交付成果，决不能有丝毫耽搁延误。
Dà kē xué gōng chéng shí shī jìn dù fēn miǎo bì zhēng, quán xì tǒng gè xié zuò gōng guān dān wèi bì xū àn qī jiāo fù chéng guǒ, jué bù néng yǒu sī háo dān gē yán wù.
Tiến độ thực thi công trình khoa học lớn tranh thủ từng phút từng giây, tất cả các đơn vị cùng vượt khó hiệp đồng toàn hệ thống bắt buộc phải bàn giao thành quả đúng hạn, tuyệt đối không được có chút trì hoãn làm trễ nải chậm trễ nào.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐAM CÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #735

耽误
dān wu

lỡ dở, làm chậm trễ, trễ nải

请务必提前规划好前往高铁站的乘车路线，以免因早高峰堵车而耽误行程。
Qǐng wù bì tí qián guī huà hǎo qián wǎng gāo tiě zhàn de chéng chē lù xiàn, yǐ miǎn yīn zǎo gāo fēng dǔ chē ér dān wù xíng chéng.
Bạn nhất định phải lên kế hoạch lộ trình di chuyển tới ga tàu cao tốc từ sớm để tránh bị tắc đường vào giờ cao điểm làm trễ nải chuyến đi.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐAM NGỘ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #736

胆怯
dǎn qiè

nhút nhát, e sợ, rụt rè

真正的勇士在狂风暴雨与生死考验面前从不胆怯退缩，而是义无反顾地冲锋在抢险救援的最前沿。
Zhēn zhèng de yǒng shì zài kuáng fēng bào yǔ yǔ shēng sǐ kǎo yàn miàn qián cóng bù dǎn qiè tuì suō, ér shì yì wú fǎn gù dì chōng fēng zài qiāng xiǎn jiù yuán de zuì qián yán.
Người dũng sĩ chân chính trước cuồng phong bão táp và thử thách sinh tử không bao giờ nhút nhát lùi bước, mà kiên định xông pha không hề quay đầu nơi tuyến đầu hiểm nguy nhất của công tác cứu nạn.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM KHIẾP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #737

胆子
dǎnzi

lá gan, lòng can đảm, dũng khí gan dạ

搞颠覆性原始创新必须思想再解放一点、胆子再大一点，敢于挑战一切传统学术权威与既定教条。
Gǎo diān fù xìng yuán shǐ chuàng xīn bì xū sī xiǎng zài jiě fàng yì diǎn, dǎn zi zài dà yī diǎn, gǎn yú tiǎo zhàn yī qiè chuán tǒng xué shù quán wēi yǔ jì dìng jiào tiáo.
Làm đổi mới sáng tạo nguyên bản mang tính cách mạng bắt buộc tư tưởng phải giải phóng thêm một chút, lòng can đảm lá gan dũng khí phải lớn hơn một chút, dám thách thức mọi giáo điều định sẵn và uy quyền học thuật truyền thống.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐẢM TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #738

但愿
dànyuàn

chỉ mong sao, cầu mong rằng, ước gì

但愿我们自主研发的这一新型靶向抗癌药物能够早日通过临床试验，为千千万万肿瘤患者带来新生希望。
Dàn yuàn wǒ men zì zhǔ yán fā de zhè yī xīn xíng bǎ xiàng kàng ái yào wù néng gòu zǎo rì tōng guò lín chuáng shì yàn, wèi qiān qiān wàn wàn zhǒng liú huàn zhě dài lái xīn shēng xī wàng.
Chỉ mong sao cầu mong rằng loại thuốc chống ung thư trúng đích kiểu mới do chúng ta tự chủ nghiên cứu phát triển này có thể sớm ngày vượt qua thử nghiệm lâm sàng, mang lại niềm hy vọng tái sinh cho hàng vạn hàng triệu bệnh nhân khối u.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐÃN NGUYỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #739

诞辰
dàn chén

ngày sinh, ngày kỷ niệm sinh nhật (bậc vĩ nhân)

在隆重纪念伟大科学家诞辰一百周年的学术座谈会上，各界代表深情回顾了他为国家核科技事业立下的不朽功勋。
Zài lóng zhòng jì niàn wěi dà kē xué jiā dàn chén yì bǎi zhōu nián de xué shù zuò tán huì shàng, gè jiè dài biǎo shēn qíng huí gù le tā wèi guó jiā hé kē jì shì yè lì xià de bù xiǔ gōng xūn.
Tại tọa đàm học thuật long trọng kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà khoa học vĩ đại, đại biểu các giới đã xúc động ôn lại những công trạng bất hủ mà ông đã cống hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ hạt nhân của đất nước.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẢN THÌN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #740

弹性
tán xìng

độ đàn hồi, tính linh hoạt, tính co giãn

我国宏观经济政策具备充足的工具储备与极大的政策弹性，能够从容应对各种超预期外部冲击与风险挑战。
Wǒ guó hóng guān jīng jì zhèng cè jù bèi chōng zú de gōng jù chǔ bèi yǔ jí dà de zhèng cè tán xìng, néng gòu cóng róng yìng duì gè zhǒng chāo yù qī wài bù chōng jī yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn.
Chính sách kinh tế vĩ mô của nước ta sở hữu nguồn dự trữ công cụ dồi dào cùng tính linh hoạt độ đàn hồi chính sách cực lớn, có thể ung dung ứng phó với mọi thách thức rủi ro cùng các cú sốc bên ngoài vượt quá dự liệu.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐẠN TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #741

淡化
dànhuà

khử mặn (dànhuà hǎishuǐ); làm mờ nhạt giảm bớt (nghĩa bóng)

我国成功建成了全球规模最大的低能耗反渗透海水淡化示范工程，为沿海缺水地区提供了安全稳定水源保障。
Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de dī néng hào fǎn shèn tòu hǎi shuǐ dàn huà shì fàn gōng chéng, wèi yán hǎi quē shuǐ dì qū tí gōng le ān quán wěn dìng shuǐ yuán bǎo zhàng.
Nước ta đã xây dựng thành công công trình trình diễn khử mặn làm nhạt nước biển thẩm thấu ngược tiêu hao năng lượng thấp quy mô lớn nhất thế giới, mang lại nguồn nước bảo đảm ổn định an toàn cho các khu vực khan hiếm nước ven biển.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐẠM HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #742

淡季
dàn jì

mùa vắng khách, mùa thấp điểm (du lịch, kinh doanh)

文旅部门通过推出非遗民俗演艺与门票减免系列惠民组合拳，有效实现了旅游淡季不淡、全季繁荣。
Wén lǚ bù mén tōng guò tuī chū fēi yí mín sú yǎn yì yǔ mén piào jiǎn miǎn xì liè huì mín zǔ hé quán, yǒu xiào shí xiàn le lǚ yóu dàn jì bù dàn, quán jì fán róng.
Ngành văn hóa du lịch thông qua việc tung ra gói giải pháp kết hợp an dân gồm biểu diễn nghệ thuật dân gian phi vật thể và miễn giảm vé vào cửa đã thực hiện hiệu quả mục tiêu mùa thấp điểm không hề vắng khách, quanh năm hưng thịnh.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẠM QUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #743

蛋白质
dàn bái zhì

chất đạm, protein

中国科研团队在国际上首次人工全合成结晶牛胰岛素与酵母丙氨酸转移核糖核酸，开创了人工合成蛋白质的划时代先河。
Zhōng guó kē yán tuán duì zài guó jì shàng shǒu cì rén gōng quán hé chéng jié jīng niú yí dǎo sù yǔ jiào mǔ bǐng ān suān zhuǎn yí hé táng hé suān, kāi chuàng le rén gōng hé chéng dàn bái zhì dì huà shí dài xiān hé.
Nhóm nghiên cứu khoa học Trung Quốc lần đầu tiên trên thế giới đã tổng hợp nhân tạo toàn phần tinh thể insulin bò và tRNA alanin nấm men, mở ra tiền lệ thời đại về tổng hợp protein nhân tạo.

32 nét | HÁN VIỆT : ĐẢN BẠCH CHẤT

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #744

当即
dāngjí

lập tức ngay tại chỗ, ngay lúc đó, tức thì

在现场评审会上，国家重大专项评审专家组对这项颠覆性超导创新方案给予高度评价并当即决定立项支持。
Zài xiàn chǎng píng shěn huì shàng, guó jiā zhòng dà zhuān xiàng píng shěn zhuān jiā zǔ duì zhè xiàng diān fù xìng chāo dǎo chuàng xīn fāng àn jǐ yǔ gāo dù píng jià bìng dāng jí jué dìng lì xiàng zhī chí.
Tại hội nghị thẩm định trực tiếp tại hiện trường, Tổ Chuyên gia Thẩm định Chuyên án Trọng đại Quốc gia đã dành sự đánh giá rất cao cho phương án đổi mới sáng tạo siêu dẫn mang tính cách mạng này và ngay lúc đó lập tức ngay tại chỗ quyết định lập dự án cấp kinh phí hỗ trợ.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #745

当今
dāngjīn

ngày nay, hiện nay đương thời, thời buổi ngày nay

当今世界正经历百年未有之大变局，新一轮科技革命与产业变革深入发展，科技自立自强已成为国家发展根本基石。
Dāng jīn shì jiè zhèng jīng lì bǎi nián wèi yǒu zhī dà biàn jú, xīn yī lún kē jì gé mìng yǔ chǎn yè biàn gé shēn rù fā zhǎn, kē jì zì lì zì qiáng yì chéng wéi guó jiā fā zhǎn gēn běn jī shí.
Thế giới ngày nay hiện nay đang trải qua cục diện biến đổi lớn chưa từng có trong trăm năm qua, cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển biến sâu sắc ngành nghề vòng mới đi vào phát triển sâu rộng, tự chủ tự cường khoa học công nghệ đã trở thành nền tảng căn bản của sự phát triển quốc gia.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG KIM

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #746

当面
dāng miàn

trước mặt, trực tiếp gặp mặt

遇到工作分歧或学术争议时，大家应当本着开诚布公的原则当面沟通探讨，切忌在背后无端猜忌。
Yù dào gōng zuò fēn qí huò xué shù zhēng yì shí, dà jiā yīng dāng běn zhe kāi chéng bù gōng de yuán zé dāng miàn gōu tōng tàn tǎo, qiè jì zài bèi hòu wú duān cāi jì.
Khi gặp bất đồng trong công việc hoặc tranh luận học thuật, mọi người cần trên tinh thần cởi mở thẳng thắn trao đổi trực tiếp mặt đối mặt, chớ nên hoài nghi đồn đoán vô căn cứ sau lưng.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #747

当日
dāngrì

trong ngày, ngay trong ngày hôm đó

国家天文科学数据中心在捕获到深空超新星爆发高能物理瞬变信号的当日，即完成了全流程自动化校准分析。
Guó jiā tiān wén kē xué shù jù zhōng xīn zài bǔ huò dào shēn kōng chāo xīn xīng bào fā gāo néng wù lǐ shùn biàn xìn hào dí dāng rì, jí wán chéng le quán liú chéng zì dòng huà jiào zhǔn fēn xī.
Trung tâm Dữ liệu Khoa học Thiên văn Quốc gia ngay trong ngày hôm đó trong ngày bắt trọn được tín hiệu biến thiên tức thời vật lý năng lượng cao của vụ nổ siêu tân tinh không gian sâu đã hoàn thành phân tích hiệu chuẩn tự động hóa toàn bộ quy trình.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG NHẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #748

当事人
dāng shì rén

đương sự, người liên quan trực tiếp, các bên

互联网法院通过在线庭审系统与智能电子存证技术，为异地当事人提供了足不出户的全流程高效诉讼服务。
Hù lián wǎng fǎ yuàn tōng guò zài xiàn tíng shěn xì tǒng yǔ zhì néng diàn zi cún zhèng jì shù, wèi yì dì dāng shì rén tí gōng le zú bù chū hù de quán liú chéng gāo xiào sù sòng fú wù.
Tòa án Internet thông qua hệ thống xét xử trực tuyến cùng công nghệ lưu trữ chứng cứ điện tử thông minh đã cung cấp dịch vụ tố tụng hiệu quả cao toàn quy trình cho các đương sự ở xa mà không cần phải rời khỏi nhà.

29 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG SỰ NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #749

当晚
dāngwǎn

ngay tối hôm đó, tối hôm ấy

在大科学装置首轮物理联调成功的当晚，控制大厅里全体科研人员通宵达旦整理分析首批珍贵实测物理数据。
Zài dà kē xué zhuāng zhì shǒu lún wù lǐ lián diào chéng gōng dí dàng wǎn, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ kē yán rén yuán tōng xiāo dá dàn zhěng lǐ fēn xī shǒu pī zhēn guì shí cè wù lǐ shù jù.
Ngay tối hôm đó tối hôm ấy sau khi đợt hiệu chỉnh liên kết vật lý đầu tiên của thiết bị khoa học lớn thành công, toàn thể cán bộ nghiên cứu trong đại sảnh điều khiển đã thức thâu đêm suốt sáng chỉnh lý phân tích đợt số liệu vật lý đo đạc thực tế quý giá đầu tiên.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG VÃN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #750

当务之急
dāng wù zhī jí

việc cấp bách hàng đầu, nhiệm vụ trước mắt cấp thiết

在重大突发地质灾害发生后，全力搜救被困人员、妥善安置受灾群众是压倒一切的当务之急。
Zài zhòng dà tū fā dì zhì zāi hài fā shēng hòu, quán lì sōu jiù bèi kùn rén yuán, tuǒ shàn ān zhì shòu zāi qún zhòng shì yā dǎo yī qiè dí dàng wù zhī jí.
Sau khi thảm họa địa chất đột xuất xảy ra, việc dốc toàn lực tìm kiếm cứu nạn những người bị mắc kẹt và bố trí tái định cư chu đáo cho người dân vùng bị nạn là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu lấn át tất cả.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG VỤ CHI CẤP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #751

当下
dāngxià

hiện tại, trước mắt ngay bây giờ, thời điểm hiện tại

青年科学家既要脚踏实地立足当下攻克眼前的工程瓶颈，更要放眼未来布局前瞻性颠覆性前沿理论。
Qīng nián kē xué jiā jì yào jiǎo tà shí dì lì zú dāng xià gōng kè yǎn qián de gōng chéng píng jǐng, gèng yào fàng yǎn wèi lái bù jú qián zhān xìng diān fù xìng qián yán lǐ lùn.
Các nhà khoa học trẻ vừa phải chân đạp đất bằng đứng vững nơi trước mắt hiện tại để chinh phục các nút thắt công trình trước mắt, lại càng phải phóng tầm mắt nhìn xa tương lai để bố cục các lý luận tiên phong mang tính cách mạng có tầm nhìn xa.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG HẠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #752

当心
dāng xīn

cẩn thận, coi chừng, để ý

在极寒高海拔冰川科考作业中，队员们必须时刻当心脚下深不见底的冰裂隙与随时可能发生的冰崩险情。
Zài jí hán gāo hǎi bá bīng chuān kē kǎo zuò yè zhōng, duì yuán men bì xū shí kè dāng xīn jiǎo xià shēn bú jiàn dǐ de bīng liè xì yǔ suí shí kě néng fā shēng de bīng bēng xiǎn qíng.
Trong công tác khảo sát khoa học trên các dòng sông băng vùng cực lạnh ở độ cao lớn, các đội viên bắt buộc phải luôn luôn để ý coi chừng những khe nứt băng sâu không thấy đáy dưới chân cùng nguy cơ lở băng có thể ập đến bất cứ lúc nào.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ | #753

当着
dāngzhe

trước mặt, đối diện trước mặt ai

在重大工程方案国际答辩会上，总工程师当着数十位国际顶级专家的面，从容自如地完成了全系统理论推导演示。
Zài zhòng dà gōng chéng fāng àn guó jì dá biàn huì shàng, zǒng gōng chéng shī dāng zhāo shù shí wèi guó jì dǐng jí zhuān jiā de miàn, cóng róng zì rú dì wán chéng le quán xì tǒng lǐ lùn tuī dǎo yǎn shì.
Tại hội nghị bảo vệ phương án công trình trọng đại quốc tế, vị Tổng Kỹ sư trước mặt đối diện trước mặt hàng chục chuyên gia đỉnh cao quốc tế đã hoàn thành bài thị phạm suy diễn lý luận toàn hệ thống một cách ung dung tự tin.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #754

当真
dàngzhēn

coi là thật, tin là thật; thực sự quả thật (dāngzhēn)

面对国外某些学者宣称中国无法自主研制大科学装置的言论，我们决不能当真信邪，而要用硬核突破打破偏见。
Miàn duì guó wài mǒu xiē xué zhě xuān chēng zhōng guó wú fǎ zì zhǔ yán zhì dà kē xué zhuāng zhì de yán lùn, wǒ men jué bù néng dàng zhēn xìn xié, ér yào yòng yìng hé tū pò dǎ pò piān jiàn.
Đứng trước luận điệu của một số học giả nước ngoài tuyên bố rằng Trung Quốc không thể tự chủ nghiên cứu chế tạo thiết bị khoa học lớn, chúng ta tuyệt đối không được tin là thật coi là thật nhụt chí, mà phải dùng những bước đột phá công nghệ cứng để đập tan thành kiến.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG CHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #755

当之无愧
dāngzhīwúkuì

hoàn toàn xứng đáng, xứng đáng không thẹn, đích thực xứng danh

老一辈战略科学家为国家重大科技自立自强立下了不朽功勋，荣获国家最高科学技术奖当之无愧！
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā wèi guó jiā zhòng dà kē jì zì lì zì qiáng lì xià le bù xiǔ gōng xūn, róng huò guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng dāng zhī wú kuì!
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối đã lập nên những công lao bất hủ cho sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ trọng đại của đất nước, vinh dự nhận Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia hoàn toàn xứng đáng xứng đáng không thẹn!

35 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG CHI VÔ QUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #756

当众
dāngzhòng

trước công chúng, trước mặt bàn dân thiên hạ, công khai

在国家科技奖励表彰大会上，青年领军科学家当众庄严宣誓，誓言将毕生精力奉献给祖国的基础科学攻坚事业。
Zài guó jiā kē jì jiǎng lì biǎo zhāng dà huì shàng, qīng nián lǐng jūn kē xué jiā dāng zhòng zhuāng yán xuān shì, shì yán jiāng bì shēng jīng lì fèng xiàn gěi zǔ guó de jī chǔ kē xué gōng jiān shì yè.
Tại Đại hội Tuyên dương Khen thưởng Khoa học Công nghệ Quốc gia, nhà khoa học dẫn đầu trẻ tuổi đã công khai trước công chúng trước mặt mọi người trang nghiêm tuyên thệ, thề nguyện sẽ cống hiến toàn bộ sinh lực cả đời mình cho sự nghiệp vượt khó khoa học cơ bản của Tổ quốc.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐƯƠNG CHÚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #757

荡漾
dàngyàng

dập dềnh gợn sóng, bồng bềnh lay động, xao xuyến

在生态文明建设示范国家公园纯净的湖面上，微风拂过水波荡漾，倒映着大科学深空天文观测台巍峨洁白的身影。
Zài shēng tài wén míng jiàn shè shì fàn guó jiā gōng yuán chún jìng de hú miàn shàng, wēi fēng fú guò shuǐ bō dàng yàng, dào yìng zhe dà kē xué shēn kōng tiān wén guān cè tái wēi é jié bái de shēn yǐng.
Trên mặt hồ trong vắt của Công viên Quốc gia Trình diễn Xây dựng Văn minh Sinh thái, làn gió nhẹ lướt qua sóng nước dập dềnh gợn sóng bồng bềnh lay động, soi bóng dáng dấp màu trắng tinh khôi sừng sững uy nghiêm của Đài Quan trắc Thiên văn Không gian Sâu.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐÃNG DẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #758

档次
dàng cì

đẳng cấp, cấp bậc, phẩm cấp chất lượng

我国制造业加速从低附加值传统加工向高端化、智能化、绿色化迈进，持续提升产业整体发展档次与国际竞争力。
Wǒ guó zhì zào yè jiā sù cóng dī fù jiā zhí chuán tǒng jiā gōng xiàng gāo duān huà, zhì néng huà, lǜ sè huà mài jìn, chí xù tí shēng chǎn yè zhěng tǐ fā zhǎn dàng cì yǔ guó jì jìng zhēng lì.
Ngành chế tạo nước ta đang tăng tốc chuyển mình từ gia công truyền thống giá trị gia tăng thấp sang cao cấp hóa, thông minh hóa và xanh hóa, không ngừng nâng tầm đẳng cấp phát triển tổng thể cùng sức cạnh tranh quốc tế của ngành.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐẲNG THỨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #759

导弹
dǎo dàn

tên lửa có điều khiển, hỏa tiễn

我国自主研制的新一代高超音速巡航导弹具备全天候远程精准突防能力，是捍卫国家主权安全的战略利器。
Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài gāo chāo yīn sù xún háng dǎo dàn jù bèi quán tiān hòu yuǎn chéng jīng zhǔn tū fáng néng lì, shì hàn wèi guó jiā zhǔ quán ān quán de zhàn lüè lì qì.
Tên lửa hành trình siêu thanh thế hệ mới do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo sở hữu năng lực đột phá phòng thủ tầm xa chuẩn xác trong mọi điều kiện thời tiết, là vũ khí chiến lược sắc bén bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO ĐẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #760

导航
dǎo háng

Điều hướng

老师鼓励大家积极导航，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎo háng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Điều hướng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO HÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #761

导火索
dǎohuǒsuǒ

ngòi nổ, ngòi cháy chậm (nghĩa đen/bóng)

微观半导体芯片内部极微小的电迁移缺陷，往往是诱发整个超级计算机硬件系统崩溃的潜在导火索。
Wēi guān bàn dǎo tǐ xīn piàn nèi bù jí wēi xiǎo de diàn qiān yí quē xiàn, wǎng wǎng shì yòu fā zhěng gè chāo jí jì suàn jī yìng jiàn xì tǒng bēng kuì de qián zài dǎo huǒ suǒ.
Những khuyết tật di chuyển điện tích cực kỳ nhỏ bé bên trong chip bán dẫn vi mô thường là ngòi nổ ngòi nổ tiềm ẩn làm sụp đổ toàn bộ hệ thống phần cứng siêu máy tính.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO HOẢ SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #762

导师
dǎoshī

người hướng dẫn, giảng viên hướng dẫn, người thầy dẫn đường

两院院士作为青年学者的学术导师，不仅在理论推导上悉心指导，更在治学品格与报国情怀上言传身教。
Liǎng yuàn yuàn shì zuò wéi qīng nián xué zhě de xué shù dǎo shī, bù jǐn zài lǐ lùn tuī dǎo shàng xī xīn zhǐ dǎo, gèng zài zhì xué pǐn gé yǔ bào guó qíng huái shàng yán chuán shēn jiào.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm với tư cách là giảng viên hướng dẫn người thầy dẫn đường học thuật của các học giả trẻ, không chỉ tận tâm chỉ bảo trên suy diễn lý luận mà càng lấy mình làm gương truyền dạy nhân cách làm học vấn và tấm lòng phụng sự non sông.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO SƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #763

导向
dǎo xiàng

định hướng, kim chỉ nam; lấy làm hướng đi

科技成果评价体系必须坚持以解决国家重大战略需求与经济社会实际问题为核心导向。
Kē jì chéng guǒ píng jià tǐ xì bì xū jiān chí yǐ jiě jué guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yǔ jīng jì shè huì shí jì wèn tí wèi hé xīn dǎo xiàng.
Hệ thống đánh giá thành quả khoa học công nghệ bắt buộc phải kiên trì lấy việc giải quyết các nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước và các vấn đề thực tiễn kinh tế xã hội làm định hướng cốt lõi.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #764

岛屿
dǎo yǔ

hòn đảo, quần đảo, hải đảo

我国南部海域星罗棋布的美丽岛屿和珊瑚礁，犹如一颗颗晶莹璀璨的祖国蓝海明珠。
Wǒ guó nán bù hǎi yù xīng luó qí bù de měi lì dǎo yǔ hé shān hú jiāo, yóu rú yī kē kē jīng yíng cuǐ càn de zǔ guó lán hǎi míng zhū.
Những hòn đảo xinh đẹp cùng các rạn san hô rải rác như ngàn vì sao trên vùng biển phía Nam nước ta tựa như những viên ngọc sáng lấp lánh trong suốt giữa lòng biển xanh của Tổ quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐẢO TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #765

捣乱
dǎo luàn

quấy rối, phá rối, gây sự quấy phá

对于个别外部势力蓄意挑衅、企图破坏地区和平稳定大局的恶意捣乱行径，国际社会予以坚决谴责。
Duì yú gè bié wài bù shì lì xù yì tiǎo xìn, qǐ tú pò huài dì qū hé píng wěn dìng dà jú de è yì dǎo luàn xíng jìng, guó jì shè huì yǔ yǐ jiān jué qiǎn zé.
Đối với hành vi quấy rối ác ý của một số thế lực bên ngoài cố tình khiêu khích mưu toan phá hoại đại cục hòa bình và ổn định khu vực, cộng đồng quốc tế kiên quyết lên án mạnh mẽ.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐẢO LOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Phó từ | #766

到头来
dàotóulái

rốt cuộc sau cùng, kết cục cuối cùng, đến nước cuối

搞科学研究如果只图眼前虚名搞形式主义造假，到头来不仅害人害己，更会遭到学术共同体的坚决唾弃。
Gǎo kē xué yán jiū rú guǒ zhǐ tú yǎn qián xū míng gǎo xíng shì zhǔ yì zào jiǎ, dào tóu lái bù jǐn hài rén hài jǐ, gèng huì zāo dào xué shù gòng tóng tǐ de jiān jué tuò qì.
Làm nghiên cứu khoa học nếu chỉ ham danh hão trước mắt làm giả dối theo chủ nghĩa hình thức, thì rốt cuộc sau cùng kết cục cuối cùng không chỉ hại mình hại người mà càng sẽ bị cộng đồng học thuật kiên quyết phỉ nhổ ruồng bỏ.

33 nét | HÁN VIỆT: ĐÁO ĐẦU LAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #767

到位
dàowèi

đến nơi đến chốn, chuẩn xác vào vị trí, chu tất thấu đáo

国家重大前沿基础设施建设各项财政科研保障经费与软硬件配套支持全面精准落实到位。
Guó jiā zhòng dà qián yán jī chǔ shè shī jiàn shè gè xiàng cái zhèng kē yán bǎo zhàng jīng fèi yǔ ruǎn yìng jiàn pèi tào zhī chí quán miàn jīng zhǔn luò shí dào wèi.
Tất cả các nguồn kinh phí bảo đảm nghiên cứu khoa học ngân sách cùng sự hỗ trợ đồng bộ phần cứng và phần mềm của việc xây dựng cơ sở hạ tầng tiên phong trọng đại quốc gia đều đã được triển khai thấu đáo đến nơi đến chốn chuẩn xác vào vị trí.

22 nét | HÁN VIỆT: ĐÁO VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #768

倒计时
dàojìshí

đếm ngược, thời gian đếm ngược (phóng tàu/sự kiện)

在酒泉卫星发射中心指挥大厅里，随着“十、九、八……点火！”的倒计时口令下达，长征重型火箭拔地而起。
Zài jiǔ quán wèi xīng fā shè zhōng xīn zhǐ huī dà tīng lǐ, suí zhe "shí, jiǔ, bā ……diǎn huǒ!" de dào jì shí kǒu lìng xià dá, cháng zhēng zhòng xíng huǒ jiàn bá dì ér qǐ.
Bên trong đại sảnh chỉ huy Trung tâm Phóng Vệ tinh Tửu Tuyền, cùng với khẩu lệnh đếm ngược 'Mười, chín, tám... Điểm hỏa!' vang lên, quả tên lửa hạng nặng Trường Chinh gầm vang vút bay lên khỏi mặt đất.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO KẾ THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #769

倒卖
dǎomài

đầu cơ trục lợi buôn đi bán lại, phe vé buôn lậu

国家知识产权与司法保护部门依法严厉打击非法窃取并倒卖国家战略高新技术专利与商业秘密的违法乱象。
Guó jiā zhī shí chǎn quán yǔ sī fǎ bǎo hù bù mén yī fǎ yán lì dǎ jī fēi fǎ qiè qǔ bìng dǎo mài guó jiā zhàn lüè gāo xīn jì shù zhuān lì yǔ shāng yè mì mì de wéi fǎ luàn xiàng.
Cơ quan bảo vệ tư pháp và sở hữu trí tuệ quốc gia theo đúng pháp luật đã triệt phá nghiêm khắc các hành vi phạm pháp hỗn loạn đánh cắp trái phép và đầu cơ trục lợi buôn đi bán lại bí mật thương mại cùng bằng sáng chế công nghệ cao mới chiến lược của quốc gia.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO MẠI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #770

倒霉
dǎo méi

đen đủi, xui xẻo, bất hạnh

出门忘带雨伞又恰逢突降暴雨确实有点倒霉，但幸好有好心路人借伞相助。
Chū mén wàng dài yǔ sǎn yòu qià féng tū jiàng bào yǔ què shí yǒu diǎn dǎo méi, dàn xìng hǎo yǒu hǎo xīn lù rén jiè sǎn xiāng zhù.
Ra khỏi nhà quên mang ô lại đúng lúc trời đổ mưa to quả thực có chút xui xẻo, nhưng may sao đã có người qua đường tốt bụng cho mượn ô giúp đỡ.

22 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO MỐC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #771

倒数
dàoshǔ

đếm ngược (dàoshǔ); xếp từ dưới lên, đứng bét (dàoshǔ)

我国在前沿微纳超精密制造领域彻底摆脱了过去受制于人的落后局面，多项核心指标从过去倒数跃居世界第一。
Wǒ guó zài qián yán wēi nà chāo jīng mì zhì zào lǐng yù chè dǐ bǎi tuō le guò qù shòu zhì yú rén de luò hòu jú miàn, duō xiàng hé xīn zhǐ biāo cóng guò qù dào shǔ yuè jū shì jiè dì yī.
Nước ta trong lĩnh vực chế tạo siêu chính xác vi nano tiên phong đã thoát khỏi hoàn toàn cục diện lạc hậu phụ thuộc vào người khác trong quá khứ, nhiều chỉ tiêu cốt lõi từ chỗ xếp từ dưới lên đứng bét trong quá khứ đã nhảy vọt vươn lên đứng số một thế giới.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO SỔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #772

倒塌
dǎotā

sụp đổ, đổ sập, đổ nát hoàn toàn

大科学装置超重载荷地下主实验大厅采用了九级抗震设防高强结构设计，确保在大震极限工况下绝不倒塌损毁。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo zhòng zài hè dì xià zhǔ shí yàn dà tīng cǎi yòng le jiǔ jí kàng zhèn shè fáng gāo qiáng jié gòu shè jì, què bǎo zài dà zhèn jí xiàn gōng kuàng xià jué bù dǎo tā sǔn huǐ.
Đại sảnh thực nghiệm chính dưới lòng đất chịu tải siêu nặng của thiết bị khoa học lớn áp dụng thiết kế kết cấu cường độ cao phòng hộ kháng chấn cấp 9, bảo đảm dưới điều kiện làm việc giới hạn động đất lớn tuyệt đối không bị đổ sập sụp đổ hay hư hại.

19 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO THÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #773

倒下
dǎoxià

ngã xuống, quỵ ngã, hy sinh nằm xuống

功勋战略科学家数十年如一日坚守在大科学工程攻坚第一线，直到生命的最后一刻依然没有倒下、永远屹立在科学之巅。
Gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shù shí nián rú yī rì jiān shǒu zài dà kē xué gōng chéng gōng jiān dì yī xiàn, zhí dào shēng mìng de zuì hòu yí kè yī rán méi yǒu dǎo xià, yǒng yuǎn yì lì zài kē xué zhī diān.
Vị nhà khoa học chiến lược có công lao mấy chục năm như một ngày kiên cường bám trụ nơi tuyến đầu vượt khó công trình khoa học lớn, cho tới khoảnh khắc cuối cùng của sinh mệnh vẫn không hề quỵ ngã ngã xuống, mãi mãi sừng sững trên đỉnh cao khoa học.

19 nét | HÁN VIỆT: ĐẢO HẠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #774

悼念
dàoniàn

tưởng niệm, thương tiếc tưởng nhớ, truy điệu

全国各界科技工作者怀着无比沉痛的心情深切悼念逝世的科学泰斗，誓言继承大师遗志、勇攀世界高峰。
Quán guó gè jiè kē jì gōng zuò zhě huái zhe wú bǐ chén tòng de xīn qíng shēn qiè dào niàn shì shì de kē xué tài dǒu, shì yán jì chéng dà shī yí zhì, yǒng pān shì jiè gāo fēng.
Những người làm khoa học công nghệ các giới trên toàn quốc mang theo tâm trạng vô cùng đau buồn sâu sắc tưởng niệm thương tiếc tưởng nhớ vị cây đại thụ khoa học vừa qua đời, tuyên thệ kế thừa di nguyện của đại sư dũng cảm trèo lên đỉnh cao thế giới.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐIỆU NIỆM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #775

盗
dào

trộm cắp, đánh cắp; kẻ trộm đạo tặc (dàocǎi)

国家网络空间防御体系运用前沿加密算法，严密防范境外敌对势力非法盗取国家大科学装置核心实验数据。
Guó jiā wǎng luò kōng jiān fáng yù tǐ xì yùn yòng qián yán jiā mì suàn fǎ, yán mì fáng fàn jìng wài dí duì shì lì fēi fǎ dào qǔ guó jiā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn shí yàn shù jù.
Hệ thống phòng thủ không gian mạng quốc gia ứng dụng thuật toán mã hóa tiên phong, phòng ngừa nghiêm ngặt các thế lực thù địch nước ngoài đánh cắp trộm cắp trái phép số liệu thực nghiệm cốt lõi của thiết bị khoa học lớn quốc gia.

9 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #776

盗窃
dào qiè

trộm cắp, ăn trộm, lấy trộm

国家网络安全法严厉打击任何利用黑客技术非法侵入关键信息基础设施与盗窃核心数据的违法犯罪行为。
Guó jiā wǎng luò ān quán fǎ yán lì dǎ jī rèn hé lì yòng hēi kè jì shù fēi fǎ qīn rù guān jiàn xìn xī jī chǔ shè shī yǔ dào qiè hé xīn shù jù de wéi fǎ fàn zuì xíng wèi.
Luật An ninh Mạng Quốc gia xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm pháp dùng kỹ thuật tin tặc xâm nhập trái phép cơ sở hạ tầng thông tin trọng yếu và trộm cắp dữ liệu cốt lõi.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO THIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #777

道具
dàojù

đạo cụ, đồ dùng sân khấu/thí nghiệm

在全国科技周沉浸式科普互动剧场中，科研人员运用高科技全息数字道具生动再现了深空探测的宏伟历程。
Zài quán guó kē jì zhōu chén jìn shì kē pǔ hù dòng jù chǎng zhōng, kē yán rén yuán yùn yòng gāo kē jì quán xī shù zì dào jù shēng dòng zài xiàn le shēn kōng tàn cè de hóng wěi lì chéng.
Trong nhà hát tương tác phổ biến khoa học chìm đắm thuộc Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các cán bộ nghiên cứu khoa học đã ứng dụng đạo cụ đồ dùng số hóa hologram công nghệ cao tái hiện sinh động tiến trình hùng vĩ của thám trắc không gian sâu.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO CỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #778

稻草
dàocǎo

rơm rạ, cọng rơm lúa (cọng rơm cứu mạng: jiùmìng dàocǎo)

农业生物化工科研团队攻克了高效纤维素酶生物转化技术，将昔日废弃的农田稻草转化为高附加值绿色清洁航空生物燃料。
Nóng yè shēng wù huà gōng kē yán tuán duì gōng kè le gāo xiào xiān wéi sù méi shēng wù zhuǎn huà jì shù, jiāng xī rì fèi qì de nóng tián dào cǎo zhuǎn huà wèi gāo fù jiā zhí lǜ sè qīng jié háng kōng shēng wù rán liào.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học hóa sinh nông nghiệp đã chinh phục công nghệ chuyển hóa sinh học men cellulase hiệu quả cao, biến rơm rạ cọng rơm đồng ruộng bị vứt bỏ thuở nào thành nhiên liệu sinh học hàng không xanh sạch có giá trị gia tăng cao.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẠO THẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #779

德
dé

đức, đạo đức phẩm hạnh, y đức phẩm đức

科学家不仅要有勇攀高峰的卓越学术才华，更要有立德树人、科技报国的崇高品德与高尚师德。
Kē xué jiā bù jǐn yào yǒu yǒng pān gāo fēng de zhuó yuè xué shù cái huá, gèng yào yǒu lì dé shù rén, kē jì bào guó de chóng gāo pǐn dé yǔ gāo shàng shī dé.
Nhà khoa học không chỉ cần có tài hoa học thuật trác việt dũng cảm trèo lên đỉnh cao, mà càng phải có phẩm đức đạo đức phẩm hạnh cao đẹp và y đức sư đức cao thượng trồng người lập đức, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #780

地步
dì bù

mức độ, nông nỗi, cảnh ngộ (thường tiêu cực)

在重大生态系统保护工作中必须打好提前量，绝不能等到荒漠化恶化到不可逆转的地步才被动治理。
Zài zhòng dà shēng tài xì tǒng bǎo hù gōng zuò zhōng bì xū dǎ hǎo tí qián liàng, jué bù néng děng dào huāng mò huà è huà dào bù kě nì zhuǎn de dì bù cái bèi dòng zhì lǐ.
Trong công tác bảo vệ hệ sinh thái trọng đại bắt buộc phải chủ động chuẩn bị đi trước một bước, tuyệt đối không thể chờ đến khi sa mạc hóa xấu đi tới mức độ không thể đảo ngược mới bị động đi xử lý khắc phục.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỊA BỘ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #781

地道
dì dao

chuẩn, chính cống, chuẩn mực; địa đạo

这位在中国生活了十余年的外国友人，能说一口极其流利且地道的北京话。
Zhè wèi zài zhōng guó shēng huó le shí yú nián de wài guó yǒu rén, néng shuō yī kǒu jí qí liú lì qiě dì dào de běi jīng huà.
Người bạn nước ngoài đã sinh sống hơn mười năm tại Trung Quốc này có thể nói một thứ tiếng Bắc Kinh vô cùng lưu loát và chuẩn vị chính cống.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐỊA ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #782

地段
dìduàn

đoạn đường, khu đất, vị trí địa lý khu vực

国家高新技术科学城选址在生态环境优美、交通互联互通极佳的黄金核心地段，打造现代化宜居宜业创新高地。
Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng xuǎn zhǐ zài shēng tài huán jìng yōu měi, jiāo tōng hù lián hù tōng jí jiā de huáng jīn hé xīn dì duàn, dǎ zào xiàn dài huà yí jū yí yè chuàng xīn gāo dì.
Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia chọn địa điểm đặt tại khu đất đoạn đường vị trí hoàng kim cốt lõi có giao thông kết nối liên thông tuyệt vời và môi trường sinh thái tươi đẹp, kiến tạo vùng đất cao đổi mới sáng tạo vừa thích hợp sinh sống vừa thích hợp làm việc hiện đại hóa.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐỊA ĐOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #783

地理
dì lǐ

địa lý

得益于优越独特的沿海地理区位优势，该港口城市迅速崛起为国际现代航运物流枢纽。
Dé yì yú yōu yuè dú tè de yán hǎi dì lǐ qū wèi yōu shì, gāi gǎng kǒu chéng shì xùn sù jué qǐ wèi guó jì xiàn dài háng yùn wù liú shū niǔ.
Nhờ sở hữu lợi thế vị trí địa lý ven biển đắc địa độc đáo, thành phố cảng này đã nhanh chóng vươn lên trở thành trung tâm đầu mối logistics vận tải biển hiện đại quốc tế.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐỊA LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #784

地毯
dì tǎn

thảm, tấm thảm trải sàn

国事访问欢迎仪式上，主礼嘉宾沿着庄严的大红地毯缓缓步入人民大会堂大厅。
Guó shì fǎng wèn huān yíng yí shì shàng, zhǔ lǐ jiā bīn yán zhe zhuāng yán de dà hóng dì tǎn huǎn huǎn bù rù rén mín dà huì táng dà tīng.
Tại lễ đón chính thức chuyến thăm cấp nhà nước, các vị khách quý đã sải bước thong dong dọc theo thảm đỏ trang nghiêm bước vào sảnh Đại lễ đường Nhân dân.

22 nét | HÁN VIỆT: ĐỊA THẢM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #785

地下水
dìxiàshuǐ

nước ngầm, nguồn nước dưới lòng đất

国家生态地质监测网络全面实现了对全国主要流域深层地下水水位水质与生态补水的全天候高精度智能遥测。
Guó jiā shēng tài dì zhì jiān cè wǎng luò quán miàn shí xiàn le duì quán guó zhǔ yào liú yù shēn céng dì xià shuǐ shuǐ wèi shuǐ zhì yǔ shēng tài bǔ shuǐ de quán tiān hòu gāo jīng dù zhì néng yáo cè.
Mạng lưới quan trắc địa chất sinh thái quốc gia đã thực hiện toàn diện việc đo từ xa thông minh độ chính xác cao 24/7 đối với việc bổ cập nước sinh thái cùng chất lượng nước và mực nước ngầm nguồn nước dưới lòng đất tầng sâu của các lưu vực chính trên toàn quốc.

30 nét | HÁN VIỆT: ĐỊA HẠ THUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #786

地狱
dìyù

địa ngục, cảnh ngộ địa ngục khổ cực

面对深海万米深渊极端超高压与绝对严寒黑暗的“地狱级”极限工况，完全自主研制的国产载人潜水器展现了无与伦比的可靠性。
Miàn duì shēn hǎi wàn mǐ shēn yuān jí duān chāo gāo yā yǔ jué duì yán hán hēi àn de "dì yù jí" jí xiàn gōng kuàng, wán quán zì zhǔ yán zhì de guó chǎn zài rén qián shuǐ qì zhàn xiàn liǎo wú yǔ lún bǐ de kě kào xìng.
Đứng trước điều kiện làm việc giới hạn cấp độ 'địa ngục' địa ngục tối tăm giá rét tuyệt đối và siêu cao áp cực đoan nơi vực sâu vạn mét biển sâu, con tàu lặn có người lái sản xuất trong nước do mình hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã phô diễn độ tin cậy vô song.

24 nét | HÁN VIỆT: ĐỊA NGỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #787

地域
dìyù

địa hạt, vùng miền khu vực địa lý

大科学基础设施集群打破了传统地域行政边界壁垒，形成了辐射带动全国高水平协同创新的战略网络体系。
Dà kē xué jī chǔ shè shī jí qún dǎ pò le chuán tǒng dì yù xíng zhèng biān jiè bì lěi, xíng chéng le fú shè dài dòng quán guó gāo shuǐ píng xié tóng chuàng xīn de zhàn lüè wǎng luò tǐ xì.
Cụm cơ sở hạ tầng khoa học lớn đã phá vỡ rào cản ranh giới hành chính vùng miền địa hạt khu vực truyền thống, hình thành hệ thống mạng lưới chiến lược lan tỏa thúc đẩy đổi mới sáng tạo hiệp đồng trình độ cao trên toàn quốc.

24 nét | HÁN VIỆT: ĐỊA VỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #788

地质
dì zhì

địa chất, cấu tạo địa chất

深地国家重大科技基础设施在数千米深部地下岩层中成功开展超深层复杂地质构造演化原位观测实验。
Shēn dì guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī zài shù qiān mǐ shēn bù dì xià yán céng zhōng chéng gōng kāi zhǎn chāo shēn céng fù zá dì zhì gòu zào yǎn huà yuán wèi guān cè shí yàn.
Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia về lòng đất sâu đã triển khai thành công thực nghiệm quan trắc tại chỗ về sự tiến hóa của cấu trúc địa chất phức tạp tầng siêu sâu bên trong lớp đất đá ngầm hàng ngàn mét.

22 nét | HÁN VIỆT: ĐỊA CHẤT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #789

得不偿失
dé bù cháng shī

lợi bất cập hại, được chẳng bõ mất

以牺牲绿水青山和人民长远健康为代价去换取暂时的眼前经济利益，从长远来看是绝对得不偿失的。
Yǐ xī shēng lǜ shuǐ qīng shān hé rén mín cháng yuǎn jiàn kāng wèi dài jià qù huàn qǔ zàn shí de yǎn qián jīng jì lì yì, cóng cháng yuǎn lái kàn shì jué duì dé bù cháng shī de.
Dùng sự hy sinh non xanh nước biếc và sức khỏe lâu dài của nhân dân làm cái giá để đổi lấy lợi ích kinh tế nhất thời trước mắt, xét về lâu về dài là hoàn toàn lợi bất cập hại.

35 nét | HÁN VIỆT: ĐẮC BẤT THƯỜNG THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #790

得当
dédàng

thích đáng, thỏa đáng đúng mực, phù hợp

由于总指挥部在极端恶劣天气来临前应急处置措施得当，大科学工程施工现场各项昂贵精密装备安然无恙。
Yóu yú zǒng zhǐ huī bù zài jí duān è liè tiān qì lái lín qián yìng jí chǔ zhì cuò shī dé dàng, dà kē xué gōng chéng shī gōng xiàn chǎng gè xiàng áng guì jīng mì zhuāng bèi ān rán wú yàng.
Nhờ Ban Tổng Chỉ huy áp dụng các biện pháp xử lý khẩn cấp thích đáng thỏa đáng đúng mực trước khi thời tiết cực kỳ khắc nghiệt ập đến, tất cả các trang thiết bị chính xác đắt tiền tại hiện trường thi công công trình khoa học lớn đều bình an vô sự.

23 nét | HÁN VIỆT: ĐẮC ĐƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #791

得力
dé lì

đắc lực, có năng lực, hiệu quả đắc dụng

在这场具有决定性意义的深空探测攻坚战中，青年科研骨干成为了型号总指挥最得力信任的攻关尖兵。
Zài zhè chǎng jù yǒu jué dìng xìng yì yì de shēn kōng tàn cè gōng jiān zhàn zhōng, qīng nián kē yán gǔ gàn chéng wéi le xíng hào zǒng zhǐ huī zuì dé lì xìn rèn de gōng guān jiān bīng.
Trong chiến dịch then chốt mang ý nghĩa quyết định về thám hiểm không gian sâu này, các cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán trẻ tuổi đã trở thành những mũi nhọn xung kích đắc lực và đáng tin cậy nhất của vị tổng chỉ huy.

22 nét | HÁN VIỆT: ĐẮC LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #792

得失
déshī

được mất, cái được và cái mất, thành bại hơn thua

在重大科技工程方案论证中，我们必须全面深入权衡各项不同技术路线的战略得失与长远综合效益。
Zài zhòng dà kē jì gōng chéng fāng àn lùn zhèng zhōng, wǒ men bì xū quán miàn shēn rù quán héng gè xiàng bù tóng jì shù lù xiàn de zhàn lüè dé shī yǔ cháng yuǎn zōng hé xiào yì.
Trong luận chứng phương án công trình khoa học công nghệ trọng đại, chúng ta bắt buộc phải cân nhắc thấu đáo sâu sắc toàn diện cái được và cái mất được mất chiến lược cùng hiệu ích tổng hợp lâu dài của các lộ trình công nghệ khác nhau.

28 nét | HÁN VIỆT: ĐẮC THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #793

得手
déshǒu

đắc thủ, thành công suôn sẻ, mưu đồ trót lọt

国家网络安全防护严密闭环，坚决挫败了境外黑客组织企图渗透国家超级计算核心服务器的任何得手企图。
Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù yán mì bì huán, jiān jué cuò bài le jìng wài hēi kè zǔ zhī qī tú shèn tòu guó jiā chāo jí jì suàn hé xīn fú wù qì de rèn hé dé shǒu qī tú.
Công tác phòng hộ an ninh mạng quốc gia khép kín nghiêm ngặt, kiên quyết đập tan mọi mưu toan đắc thủ thành công trót lọt của các tổ chức hacker nước ngoài định thâm nhập vào các máy chủ cốt lõi siêu máy tính của quốc gia.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #794

得体
détǐ

đúng mực, lịch thiệp đàng hoàng, vừa vặn hợp lẽ

在国际多边开放科学论坛主旨辩论中，中国青年科学家代表言辞严谨有力、举止得体大方，赢得全场高度尊重。
Zài guó jì duō biān kāi fàng kē xué lùn tán zhǔ zhǐ biàn lùn zhōng, zhōng guó qīng nián kē xué jiā dài biǎo yán cí yán jǐn yǒu lì, jǔ zhǐ dé tǐ dà fāng, yíng dé quán chǎng gāo dù zūn zhòng.
Trong phiên tranh biện chủ đề Diễn đàn Khoa học Mở Đa phương Quốc tế, đại biểu các nhà khoa học trẻ Trung Quốc lời lẽ chặt chẽ đanh thép, cử chỉ đàng hoàng đúng mực lịch thiệp và phóng khoáng, giành được sự tôn trọng cao độ của toàn trường.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC THỂ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #795

得天独厚
dé tiān dú hòu

được thiên nhiên ưu đãi, ưu thế trời ban

我国西北高原地区拥有得天独厚的风能与太阳能自然资源，为建设数亿千瓦级大型清洁能源基地提供了绝佳条件。
Wǒ guó xī běi gāo yuán dì qū yōng yǒu dé tiān dú hòu de fēng néng yǔ tài yáng néng zì rán zī yuán, wèi jiàn shè shù yì qiān wǎ jí dà xíng qīng jié néng yuán jī dì tí gōng le jué jiā tiáo jiàn.
Vùng cao nguyên Tây Bắc nước ta sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong điện và quang điện được thiên nhiên ưu đãi vô cùng độc đáo, mang lại điều kiện tuyệt hảo để xây dựng các căn cứ năng lượng sạch quy mô lớn hàng trăm triệu kilowatt.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC THIÊN ĐỘC HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #796

得益于
déyìyú

nhờ có, có được là nhờ vào, được hưởng lợi từ

我国高科技制造业能够实现逆势爆发增长，得益于国家对基础研究与关键核心技术长期持续的战略投入。
Wǒ guó gāo kē jì zhì zào yè néng gòu shí xiàn nì shì bào fā zēng zhǎng, dé yì yú guó jiā duì jī chǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jì shù cháng qī chí xù de zhàn lüè tóu rù.
Ngành chế tạo công nghệ cao của nước ta có thể thực hiện tăng trưởng bùng nổ ngược chiều gió lội ngược dòng là nhờ có được hưởng lợi từ sự đầu tư chiến lược liên tục lâu dài của Nhà nước đối với công nghệ lõi then chốt và nghiên cứu cơ bản.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC ÍCH VU

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #797

得意扬扬
déyìyángyáng

đắc ý vênh váo, đắc chí hớn hở, dương dương tự đắc

老科学家告诫青年学子：“取得一点阶段性实验突破切不可得意扬扬，科学高峰上永远有更高的未知等待探索。”
Lǎo kē xué jiā gào jiè qīng nián xué zǐ : "qǔ dé yì diǎn jiē duàn xìng shí yàn tū pò qiè bù kě dé yì yáng yáng, kē xué gāo fēng shàng yǒng yuǎn yǒu gèng gāo de wèi zhī děng dài tàn suǒ."
Nhà khoa học lão thành răn dạy các học trò trẻ: 'Đạt được một chút đột phá thực nghiệm mang tính giai đoạn tuyệt đối không được đắc chí hớn hở đắc ý vênh váo dương dương tự đắc, trên đỉnh cao khoa học mãi mãi có những điều chưa biết cao hơn đang chờ đợi được khám phá.'

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC Ý DƯƠNG DƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #798

得知
dézhī

được biết, hay tin, biết được tin tức

当得知深空探测器在亿万公里外成功实现软着陆的捷报时，总装车间里全体参研建设者欢呼雀跃。
Dāng dé zhī shēn kōng tàn cè qì zài yì wàn gōng lǐ wài chéng gōng shí xiàn ruǎn zhuó lù de jié bào shí, zǒng zhuāng chē jiān lǐ quán tǐ cān yán jiàn shè zhě huān hū què yuè.
Khi hay tin được biết biết được tin thắng trận tàu thám trắc không gian sâu đã thực hiện hạ cánh mềm thành công ở cách xa hàng trăm triệu cây số, toàn thể những người tham gia nghiên cứu xây dựng trong phân xưởng lắp ráp tổng thể đã reo hò nhảy cẫng lên vui sướng.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC TRI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #799

得罪
dé zuì

đắc tội, làm mếch lòng, xúc phạm

纪检监察干部在监督执纪执法中必须坚持原则、秉公办事，不怕得罪人，坚决维护党纪国法的庄严权威。
Jì jiǎn jiān chá gàn bù zài jiān dū zhí jì zhí fǎ zhōng bì xū jiān chí yuán zé, bǐng gōng bàn shì, bù pà dé zuì rén, jiān jué wéi hù dǎng jì guó fǎ de zhuāng yán quán wēi.
Cán bộ kiểm tra giám sát kỷ luật trong việc giám sát thực thi kỷ luật và pháp luật bắt buộc phải kiên trì nguyên tắc, làm việc công tâm chí công vô tư, không sợ đắc tội làm mếch lòng người khác, kiên quyết bảo vệ uy quyền trang nghiêm của kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐẮC TỘI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #800

灯笼
dēng lóng

đèn lồng, lồng đèn

除夕之夜，古城大街小巷张灯结彩，家家户户门前高高挂起象征吉祥如意的大红灯笼。
Chú xī zhī yè, gǔ chéng dà jiē xiǎo xiàng zhāng dēng jié cǎi, jiā jiā hù hù mén qián gāo gāo guà qǐ xiàng zhēng jí xiáng rú yì de dà hóng dēng lóng.
Đêm Giao thừa, khắp các phố lớn ngõ nhỏ nơi cổ trấn đèn hoa rực rỡ, trước cửa nhà nhà đều treo cao những chiếc đèn lồng đỏ thắm tượng trưng cho điềm lành như ý.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐĂNG LỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #801

灯泡
dēngpào

bóng đèn, bóng đèn điện chiếu sáng

我国成功研制出具有完全自主知识产权的新型高能极紫外准分子激光光源，其单脉冲瞬态发光亮度超越了传统灯泡亿万倍。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de xīn xíng gāo néng jí zǐ wài zhǔn fèn zǐ jī guāng guāng yuán, qí dān mài chōng shùn tài fā guāng liàng dù chāo yuè le chuán tǒng dēng pào yì wàn bèi.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công nguồn sáng laser excimer cực tím chân không năng lượng cao kiểu mới sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ, độ sáng phát quang trạng thái tức thời đơn xung của nó vượt xa bóng đèn bóng đèn điện truyền thống hàng trăm triệu lần.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐĂNG PHAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #802

登机
dēngjī

lên máy bay, làm thủ tục lên máy bay

大型智慧国际机场全面启用无感毫米波安检与人脸识别毫米级无缝登机系统，旅客登机通行效率大幅跃升。
Dà xíng zhì huì guó jì jī chǎng quán miàn qǐ yòng wú gǎn háo mǐ bō ān jiǎn yǔ rén liǎn shí bié háo mǐ jí wú fèng dēng jī xì tǒng, lǚ kè dēng jī tōng xíng xiào lǜ dà fú yuè shēng.
Sân bay quốc tế thông minh quy mô lớn đã đưa vào sử dụng toàn diện hệ thống lên máy bay làm thủ tục lên máy bay liền mạch cấp độ mili-giây nhận diện khuôn mặt và kiểm tra an ninh sóng milimet không chạm, hiệu suất thông hành lên máy bay của hành khách tăng vọt mạnh mẽ.

17 nét | HÁN VIỆT : ĐĂNG CƠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #803

登陆
dēng lù

đổ bộ (bão, quân đội); hạ cánh đáp xuống (hành tinh)

我国火星探测器“祝融号”火星车成功着陆火星乌托邦平原，在火星表面迈出了中国深空探测登陆的历史性一步。
Wǒ guó huǒ xīng tàn cè qì "zhù róng hào" huǒ xīng chē chéng gōng zhuó lù huǒ xīng wū tuō bāng píng yuán, zài huǒ xīng biǎo miàn mài chū le zhōng guó shēn kōng tàn cè dēng lù de lì shǐ xìng yī bù.
Xe tự hành sao Hỏa 'Chúc Dung' thuộc tàu thám hiểm sao Hỏa nước ta đã hạ cánh thành công xuống vùng đồng bằng Utopia trên sao Hỏa, sải bước chân lịch sử mang tính dấu mốc đổ bộ thám hiểm không gian sâu của Trung Quốc trên bề mặt sao Hỏa.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐĂNG LỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #804

蹬
dēng

đạp, giẫm, đạp bàn đạp (xe đạp)

低碳环保的市民迎着清晨和煦的微风，轻快地蹬着共享单车穿行在城市绿道与林荫大道之间。
Dī tàn huán bǎo de shì mín yíng zhe qīng chén hé xù de wēi fēng, qīng kuài dì dēng zhe gòng xiǎng dān chē chuān xíng zài chéng shì lǜ dào yǔ lín yīn dà dào zhī jiān.
Người dân ưa chuộng lối sống bảo vệ môi trường ít phát thải đón làn gió sớm trong lành ấm áp, nhẹ nhàng đạp chiếc xe đạp công cộng dùng chung lướt qua giữa các tuyến đường xanh đô thị và đại lộ rợp bóng cây râm mát.

12 nét | HÁN VIỆT : ĐẶNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #805

凳子
dèngzi

cái ghế đẩu, ghế ngồi không tựa (ghế băng lạnh: lěngbǎndèng)

老一辈功勋科学家甘坐冷板凳数十年如一日，把一张张普通的木头凳子坐成了攀登世界科技高峰的坚实阶梯。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā gān zuò lěng bǎn dèng shù shí nián rú yī rì, bǎ yī zhāng zhāng pǔ tōng de mù tou dèng zi zuò chéng le pān dēng shì jiè kē jì gāo fēng de jiān shí jiē tī.
Các nhà khoa học có công lao tiền bối tình nguyện ngồi ghế băng lạnh ghế đẩu mấy chục năm như một ngày, biến từng chiếc ghế đẩu chiếc ghế ngồi bằng gỗ mộc mạc thành những bậc thang vững chắc trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẲNG TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #806

瞪
dèng

nhìn chằm chằm

老师鼓励大家积极瞪，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dèng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhìn chằm chằm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : TRỪNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #807

低调
dīdiào

khiêm nhường, kín tiếng không phô trương, khiêm tốn

这位在国际量子前沿领域屡创奇迹的战略科学家平时作风极其低调谦逊，始终把荣誉归功于整个攻关团队。
Zhè wèi zài guó jì liàng zǐ qián yán lǐng yù lǚ chuàng qí jì de zhàn lüè kē xué jiā píng shí zuò fēng jí qí dī diào qiān xùn, shǐ zhōng bǎ róng yù guī gōng yú zhěng gè gōng guān tuán duì.
Vị nhà khoa học chiến lược liên tục lập nên kỳ tích trong lĩnh vực lượng tử tiên phong quốc tế này bình thường tác phong vô cùng khiêm tốn khiêm nhường kín tiếng không phô trương, luôn quy vinh dự về cho toàn thể đội ngũ vượt khó.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ ĐIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #808

低估
dīgū

đánh giá thấp, coi nhẹ xem thường tiềm năng

任何人都不应低估中国科学家在前沿关键核心技术上攻坚克难、实现高水平自立自强的坚定决心与强大实力。
Rèn hé rén dōu bù yīng dī gū zhōng guó kē xué jiā zài qián yán guān jiàn hé xīn jì shù shàng gōng jiān kè nán, shí xiàn gāo shuǐ píng zì lì zì qiáng de jiān dìng jué xīn yǔ qiáng dà shí lì.
Bất kỳ ai cũng không được đánh giá thấp coi nhẹ xem thường sức mạnh hùng hậu và quyết tâm kiên định của các nhà khoa học Trung Quốc trong việc vượt khó chinh phục khó khăn trên các công nghệ lõi then chốt tiên phong, thực hiện tự chủ tự cường trình độ cao.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ CỔ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #809

低谷
dīgǔ

vực sâu đáy trũng, đáy suy thoái, giai đoạn khó khăn chạm đáy

在重大科技工程遭遇技术瓶颈的艰难低谷期，攻坚团队保持顽强韧性、众志成城终于迎来了突破拐点。
Zài zhòng dà kē jì gōng chéng zāo yù jì shù píng jǐng de jiān nán dī gǔ qī, gōng jiān tuán duì bǎo chí wán qiáng rèn xìng, zhòng zhì chéng chéng zhōng yú yíng lái le tū pò guǎi diǎn.
Trong thời kỳ khó khăn chạm đáy đáy trũng vực sâu gian nan khi công trình khoa học công nghệ trọng đại gặp phải nút thắt công nghệ, đội ngũ vượt khó giữ vững độ dẻo dai kiên cường, muôn người như một cuối cùng đã đón nhận điểm uốn bước ngoặt đột phá.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ CỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #810

低价
dījià

giá rẻ, giá thấp, giá ưu đãi

国家科技惠民政策支持将重大创新医疗器械与国产靶向药物以低价普惠方式纳入国家医保集中采购目录。
Guó jiā kē jì huì mín zhèng cè zhī chí jiāng zhòng dà chuàng xīn yī liáo qì xiè yǔ guó chǎn bǎ xiàng yào wù yǐ dī jià pǔ huì fāng shì nà rù guó jiā yī bǎo jí zhōng cǎi gòu mù lù.
Chính sách khoa học công nghệ vì hạnh phúc nhân dân của quốc gia ủng hộ việc đưa các loại thuốc trúng đích sản xuất trong nước và thiết bị y tế đổi mới sáng tạo trọng đại vào danh mục mua sắm tập trung bảo hiểm y tế quốc gia với phương thức phổ huệ giá thấp giá rẻ.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ GIÁ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #811

低迷
dīmí

ảm đạm đìu hiu, u ám đình trệ, suy thoái

在全球宏观经济增长动能低迷的大背景下，我国以高技术制造业与战略性新兴产业为代表的新质生产力展现出强劲增长韧性。
Zài quán qiú hóng guān jīng jì zēng zhǎng dòng néng dī mí de dà bèi jǐng xià, wǒ guó yǐ gāo jì shù zhì zào yè yǔ zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè wèi dài biǎo de xīn zhì shēng chǎn lì zhǎn xiàn chū qiáng jìng zēng zhǎng rèn xìng.
Trong bối cảnh lớn động năng tăng trưởng kinh tế vĩ mô toàn cầu suy thoái ảm đạm đìu hiu u ám, lực lượng sản xuất chất lượng mới của nước ta lấy ngành nghề mới nổi chiến lược và ngành chế tạo công nghệ cao làm đại diện đã phô diễn độ dẻo dai tăng trưởng mạnh mẽ.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ MÊ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #812

低碳
dītàn

ít carbon, phát thải carbon thấp, thân thiện môi trường

我国全面加快构建清洁低碳安全高效的新型能源体系，非化石能源发电装机容量历史性超过化石能源。
Wǒ guó quán miàn jiā kuài gòu jiàn qīng jié dī tàn ān quán gāo xiào de xīn xíng néng yuán tǐ xì, fēi huà shí néng yuán fā diàn zhuāng jī róng liàng lì shǐ xìng chāo guò huà shí néng yuán.
Nước ta đẩy nhanh toàn diện việc xây dựng hệ thống năng lượng kiểu mới hiệu quả cao, an toàn, phát thải carbon thấp ít carbon và sạch sẽ, công suất lắp đặt phát điện năng lượng phi hóa thạch đã vượt qua năng lượng hóa thạch mang tính lịch sử.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ THÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #813

低下
dī xià

thấp

在面对复杂的挑战时，保持低下的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí dī xià de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái thấp đặc biệt quan trọng.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ HẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #814

堤
dī

đê, con đê ngăn lũ, đê điều bờ đê

长江干流超级生态防洪大堤全面应用了光纤分布式应变传感在线监测系统，筑牢了坚不可摧的防汛安全屏障。
Cháng jiāng gàn liú chāo jí shēng tài fáng hóng dà dī quán miàn yìng yòng le guāng xiān fēn bù shì yìng biàn chuán gǎn zài xiàn jiān cè xì tǒng, zhù láo le jiān bù kě cuī de fáng xùn ān quán píng zhàng.
Con đê đê điều đê ngăn lũ phòng chống lũ lụt sinh thái siêu cấp dòng chính sông Trường Giang đã ứng dụng toàn diện hệ thống quan trắc trực tuyến cảm biến ứng biến phân tán sợi quang, đắp xây tấm lá chắn an toàn chống lũ kiên cố không thể phá vỡ.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #815

堤坝
dī bà

đê điều, đập nước, thân đê

三峡水利枢纽那巍峨雄伟的混凝土重力大坝与两岸坚固的防洪堤坝，坚实护佑着长江中下游数千万百姓的安全。
Sān xiá shuǐ lì shū niǔ nà wēi é xióng wěi de hùn níng tǔ zhòng lì dà bà yǔ liǎng àn jiān gù de fáng hóng dī bà, jiān shí hù yòu zhe cháng jiāng zhōng xià yóu shù qiān wàn bǎi xìng de ān quán.
Con đập trọng lực bằng bê tông hùng vĩ sừng sững của công trình đầu mối thủy lợi Tam Hiệp cùng những con đê chống lũ kiên cố ở hai bờ sông đã bảo vệ vững chắc cho sự an toàn của hàng chục triệu người dân vùng trung và hạ lưu sông Trường Giang.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐÊ BÁ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #816

笛子
dízi

cây sáo trúc, sáo trúc truyền thống

在国家大剧院中国古代声学与音乐科技特展上，科研团队用高精度激光多普勒测振仪解析了千年骨笛与竹制笛子的独特物理声学共鸣机理。
Zài guó jiā dà jù yuàn zhōng guó gǔ dài shēng xué yǔ yīn yuè kē jì tè zhǎn shàng, kē yán tuán duì yòng gāo jīng dù jī guāng duō pǔ lēi cè zhèn yí jiě xī le qiān nián gǔ dí yǔ zhú zhì dí zi de dú tè wù lǐ shēng xué gòng míng jī lǐ.
Tại Triển lãm Đặc biệt Khoa học Kỹ thuật Âm nhạc và Âm học Cổ đại Trung Quốc ở Nhà hát Lớn Quốc gia, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã dùng máy đo dao động Doppler laser độ chính xác cao để giải mã cơ chế cộng hưởng âm học vật lý độc đáo của sáo trúc cây sáo trúc và sáo xương ngàn năm.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐỊCH TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #817

底层
dǐcéng

tầng đáy, lớp dưới cùng, nền tảng cốt lõi dưới đáy

我们必须下大力气彻底攻克工业基础软件与芯片指令集架构等底层核心技术，从根本上摆脱受制于人的被动局面。
Wǒ men bì xū xià dà lì qì chè dǐ gōng kè gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn yǔ xīn piàn zhǐ lìng jí jià gòu děng dǐ céng hé xīn jì shù, cóng gēn běn shàng bǎi tuō shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.
Chúng ta bắt buộc phải dốc sức lớn chinh phục triệt để các công nghệ cốt lõi dưới đáy tầng đáy nền tảng như kiến trúc tập lệnh chip và phần mềm nền tảng công nghiệp, thoát khỏi căn bản cục diện bị động phụ thuộc vào người khác.

16 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ TẦNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #818

底线
dǐxiàn

giới hạn đỏ, lằn ranh giới hạn cuối cùng, nguyên tắc đáy

科技创新必须严格坚守科技伦理底线与国家安全红线，确保前沿科学技术始终在造福人类的健康轨道上运行。
Kē jì chuàng xīn bì xū yán gé jiān shǒu kē jì lún lǐ dǐ xiàn yǔ guó jiā ān quán hóng xiàn, què bǎo qián yán kē xué jì shù shǐ zhōng zài zào fú rén lèi de jiàn kāng guǐ dào shàng yùn xíng.
Đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ bắt buộc phải kiên thủ nghiêm ngặt lằn ranh giới hạn cuối cùng giới hạn đỏ đạo đức khoa học và ranh giới đỏ an ninh quốc gia, bảo đảm khoa học công nghệ tiên phong luôn vận hành trên quỹ đạo lành mạnh mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ TUYẾN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #819

底蕴
dǐyùn

bề dày chiều sâu (văn hóa/học thuật), nội hàm thâm sâu

深厚的数理科学基础理论底蕴，是支撑青年科学家在前沿交叉学科无人区勇攀世界科学最高峰的最坚实底气。
Shēn hòu de shù lǐ kē xué jī chǔ lǐ lùn dǐ yùn, shì zhī chēng qīng nián kē xué jiā zài qián yán jiāo chā xué kē wú rén qū yǒng pān shì jiè kē xué zuì gāo fēng de zuì jiān shí dǐ qì.
Bề dày chiều sâu nội hàm thâm sâu lý luận cơ bản khoa học toán lý vững chắc chính là bản lĩnh kiên cường vững vàng nhất nâng đỡ các nhà khoa học trẻ dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học thế giới trong vùng không người các môn học liên ngành tiên phong.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ UẨN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #820

底子
dǐzi

nền tảng căn bản, vốn liếng cơ sở ban đầu

经过几代科技工作者数十载艰苦卓绝的接续奋斗，我国重大工程装备制造产业打下了极其雄厚坚实的工业底子。
Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí zài jiān kǔ zhuó jué de jiē xù fèn dòu, wǒ guó zhòng dà gōng chéng zhuāng bèi zhì zào chǎn yè dǎ xià le jí qí xiōng hòu jiān shí de gōng yè dǐ zi.
Trải qua mấy chục năm tiếp nối phấn đấu gian khổ tột cùng của mấy thế hệ những người làm khoa học công nghệ, ngành chế tạo trang thiết bị công trình trọng đại nước ta đã tạo dựng nên một nền tảng căn bản vốn liếng cơ sở công nghiệp vô cùng vững chắc và hùng hậu.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #821

抵触
dǐchù

xung đột, mâu thuẫn trái ngược; bài xích chống đối

任何部门规章与地方政策均不得与国家科技进步法及知识产权上位法律相抵触。
Rèn hé bù mén guī zhāng yǔ dì fāng zhèng cè jūn bù dé yǔ guó jiā kē jì jìn bù fǎ jí zhī shí chǎn quán shàng wèi fǎ lǜ xiāng dǐ chù.
Bất kỳ quy chế bộ ngành và chính sách địa phương nào cũng đều không được xung đột mâu thuẫn trái ngược với luật cấp trên về sở hữu trí tuệ và Luật Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ XÚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #822

抵挡
dǐdǎng

chống đỡ, ngăn chặn, cản phá chống cự

深空探测器搭载的高性能轻量化防热大底能够抵挡数千度极端再入高温等离子体气流的剧烈冲刷。
Shēn kōng tàn cè qì dā zài de gāo xìng néng qīng liàng huà fáng rè dà dǐ néng gòu dǐ dǎng shù qiān dù jí duān zài rù gāo wēn děng lí zǐ tǐ qì liú de jù liè chōng shuā.
Đáy lớn chống nhiệt siêu nhẹ tính năng cao gắn trên tàu thám trắc không gian sâu có thể ngăn chặn chống đỡ sự cọ xát xối xả dữ dội của luồng khí plasma nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ khi tái nhập bầu khí quyển.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ ĐẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #823

抵消
dǐxiāo

triệt tiêu, bù trừ hóa giải, bù đắp cân bằng

主动减震降噪主动控制系统能够产生反向声波，毫秒级实时抵消大科学装置真空泵组产生的微观机械振动干扰。
Zhǔ dòng jiǎn zhèn jiàng zào zhǔ dòng kòng zhì xì tǒng néng gòu chǎn shēng fǎn xiàng shēng bō, háo miǎo jí shí shí dǐ xiāo dà kē xué zhuāng zhì zhēn kōng bèng zǔ chǎn shēng de wēi guān jī xiè zhèn dòng gān rǎo.
Hệ thống điều khiển chủ động giảm chấn tiêu âm có thể sinh ra sóng âm ngược chiều, bù trừ triệt tiêu hóa giải theo thời gian thực cấp độ mili-giây sự can nhiễu rung chấn cơ học vi mô do cụm bơm chân không của thiết bị khoa học lớn sinh ra.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #824

抵押
dǐyā

thế chấp, cầm cố bảo đảm; tài sản thế chấp

国家金融管理部门大力推广知识产权质押融资普惠模式，支持专精特新高科技企业以核心发明专利进行信用抵押贷款。
Guó jiā jīn róng guǎn lǐ bù mén dà lì tuī guǎng zhī shí chǎn quán zhì yā róng zī pǔ huì mó shì, zhī chí zhuān jīng tè xīn gāo kē jì qǐ yè yǐ hé xīn fā míng zhuān lì jìn xíng xìn yòng dǐ yā dài kuǎn.
Cơ quan quản lý tài chính quốc gia ra sức nhân rộng mô hình phổ huệ tài trợ cầm cố quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ cao chuyên tinh đặc tân dùng bằng sáng chế phát minh cốt lõi tiến hành vay vốn thế chấp cầm cố tín dụng.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ ÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #825

抵御
dǐyù

chống chọi, chống cự ngăn ngừa, phòng ngự chống lại

国家粮食安全战略生物育种团队成功培育出能够强力抵御多种重大农作物病虫害的高产抗旱水稻新品种。
Guó jiā liáng shí ān quán zhàn lüè shēng wù yù zhǒng tuán duì chéng gōng péi yù chū néng gòu qiáng lì dǐ yù duō zhǒng zhòng dà nóng zuò wù bìng chóng hài de gāo chǎn kàng hàn shuǐ dào xīn pǐn zhǒng.
Đội ngũ nhân giống sinh học chiến lược an ninh lương thực quốc gia đã lai tạo thành công giống lúa mới chịu hạn năng suất cao có thể chống chọi phòng ngự chống lại mạnh mẽ nhiều loại sâu bệnh hại cây trồng nông nghiệp trọng đại.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ NGỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #826

抵制
dǐ zhì

tẩy chay, bài trừ, kiên quyết phản đối

全国高校科研工作者共同发起倡议，坚决抵制学术不端、论文买卖与数据造假等一切败坏学风的违规行为。
Quán guó gāo xiào kē yán gōng zuò zhě gòng tóng fā qǐ chàng yì, jiān jué dǐ zhì xué shù bù duān, lùn wén mǎi mài yǔ shù jù zào jiǎ děng yī qiè bài huài xué fēng de wéi guī xíng wéi.
Các cán bộ nghiên cứu khoa học tại các trường đại học trên toàn quốc đã cùng nhau phát động lời kêu gọi, kiên quyết bài trừ tẩy chay mọi hành vi vi phạm làm bại hoại học phong như gian dối học thuật, mua bán bài báo khoa học và làm giả số liệu.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỂ CHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #827

弟子
dìzǐ

đệ tử, môn đệ học trò, thế hệ kế nghiệp

老院士数十年来桃李满天下，悉心培养出的数十位杰出弟子如今已成为国家战略科技前沿各领域的领军学者。
Lǎo yuàn shì shù shí nián lái táo lǐ mǎn tiān xià, xī xīn péi yǎng chū de shù shí wèi jié chū dì zǐ rú jīn yǐ chéng wéi guó jiā zhàn lüè kē jì qián yán gè lǐng yù de lǐng jūn xué zhě.
Vị Viện sĩ lão thành mấy chục năm qua hoa thơm quả ngọt khắp thiên hạ (đào lý mãn thiên hạ), hàng chục môn đệ đệ tử học trò kiệt xuất được tận tâm bồi dưỡng ngày nay đều đã trở thành những học giả dẫn đầu trong các lĩnh vực tiên phong khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỆ TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #828

帝国
dìguó

đế quốc, đế chế cường quyền (nghĩa đen/bóng)

人类文明发展的历史雄辩地证明：任何妄图依靠垄断科技霸权称霸世界、奴役他国的霸权帝国终将走向衰落。
Rén lèi wén míng fā zhǎn de lì shǐ xióng biàn dì zhèng míng: rèn hé wàng tú yǐ kào lǒng duàn kē jì bà quán chēng bà shì jiè, nú yì tā guó de bà quán dì guó zhōng jiāng zǒu xiàng shuāi luò.
Lịch sử phát triển của nền văn minh nhân loại đã chứng minh một cách hùng hồn: bất kỳ đế chế đế quốc bá quyền nào mưu toan dựa vào độc quyền bá quyền khoa học công nghệ để xưng bá thế giới, nô dịch các quốc gia khác cuối cùng đều sẽ bước vào con đường suy tàn.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐẾ QUỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #829

帝国主义
dìguózhǔyì

chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân đế quốc

在新中国科技强国建设的壮阔历程中，老一辈科学家冲破帝国主义与外部势力的重重技术封锁，成功研制出两弹一星国之重器。
Zài xīn zhōng guó kē jì qiáng guó jiàn shè de zhuàng kuò lì chéng zhōng, lǎo yī bèi kē xué jiā chōng pò dì guó zhǔ yì yǔ wài bù shì lì de chóng chóng jì shù fēng suǒ, chéng gōng yán zhì chū liǎng dàn yī xīng guó zhī zhòng qì.
Trong tiến trình tráng lệ xây dựng cường quốc khoa học công nghệ của Nước Trung Hoa mới, các nhà khoa học tiền bối đã phá tan muôn trùng phong tỏa công nghệ của các thế lực bên ngoài và chủ nghĩa đế quốc, nghiên cứu chế tạo thành công đại khí quốc gia Hai bom một vệ tinh (Lưỡng đạn nhất tinh).

35 nét | HÁN VIỆT : ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #830

递交
dìjiāo

đệ trình, trao nộp, gửi trình

重大前沿攻关团队如期向国家科技评审委员会递交了详尽的大科学装置一期物理工程综合验收总结报告。
Zhòng dà qián yán gōng guān tuán duì rú qī xiàng guó jiā kē jì píng shěn wěi yuán huì dì jiāo le xiáng jìn de dà kē xué zhuāng zhì yī qī wù lǐ gōng chéng zōng hé yàn shōu zǒng jié bào gào.
Đội ngũ vượt khó tiên phong trọng đại đã trao nộp đệ trình đúng hạn báo cáo tổng kết nghiệm thu tổng hợp công trình vật lý giai đoạn một của thiết bị khoa học lớn chi tiết lên Hội đồng Thẩm định Khoa học Công nghệ Quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỆ GIAO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #831

第一手
dìyīshǒu

đầu tay, nguyên bản trực tiếp ban đầu (dữ liệu nguồn)

深渊科考队在万米海底成功获取了极其珍贵的第一手高压原位生物学与海洋地球化学实测数据。
Shēn yuān kē kǎo duì zài wàn mǐ hǎi dǐ chéng gōng huò qǔ le jí qí zhēn guì de dì yī shǒu gāo yā yuán wèi shēng wù xué yǔ hǎi yáng dì qiú huà xué shí cè shù jù.
Đội khảo sát khoa học vực sâu đã thu được thành công các số liệu đo đạc thực tế hóa học địa cầu biển và sinh học tại chỗ dưới áp suất cao trực tiếp ban đầu đầu tay vô cùng quý giá tại đáy biển vạn mét.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỆ NHẤT THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #832

第一线
dìyīxiàn

tuyến đầu, tuyến đầu trận địa, mặt trận tiền tuyến

两院院士和广大青年学术骨干常年并肩奋战在大科学工程建设第一线，用汗水筑牢国家科技自立自强基石。
Liǎng yuàn yuàn shì hé guǎng dà qīng nián xué shù gǔ gàn cháng nián bìng jiān fèn zhàn zài dà kē xué gōng chéng jiàn shè dì yī xiàn, yòng hàn shuǐ zhù láo guó jiā kē jì zì lì zì qiáng jī shí.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm cùng đông đảo các cán bộ nòng cốt học thuật trẻ tuổi quanh năm kề vai sát cánh chiến đấu nơi tuyến đầu mặt trận tiền tuyến xây dựng công trình khoa học lớn, dùng mồ hôi đắp xây nền tảng tự chủ tự cường khoa học công nghệ quốc gia.

34 nét | HÁN VIỆT : ĐỆ NHẤT TUYẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #833

颠倒
diān dǎo

đảo lộn, đảo ngược, đảo điên (trật tự, trắng đen)

任何企图混淆视听、颠倒黑白以抹黑别国正当发展的图谋，在国际公理和事实真相面前都是站不住脚的。
Rèn hé qǐ tú hùn xiáo shì tīng, diān dǎo hēi bái yǐ mǒ hēi bié guó zhèng dāng fā zhǎn de tú móu, zài guó jì gōng lǐ hé shì shí zhēn xiàng miàn qián dōu shì zhàn bù zhù jiǎo de.
Bất kỳ mưu toan nào nhằm đánh lận con đen, đảo lộn trắng đen để bôi nhọ sự phát triển chính đáng của quốc gia khác đứng trước công lý quốc tế và sự thật chân tướng đều không thể đứng vững.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊN ĐẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #834

颠覆
diānfù

lật đổ, mang tính cách mạng đột phá, đảo lộn hoàn toàn

我国科研团队在前沿拓扑量子物理领域取得的重大发现，颠覆了传统凝聚态物理学界持续数十年的经典经验认知。
Wǒ guó kē yán tuán duì zài qián yán tuò pū liàng zǐ wù lǐ lǐng yù qǔ dé de zhòng dà fā xiàn, diān fù le chuán tǒng níng jù tài wù lǐ xué jiè chí xù shù shí nián de jīng diǎn jīng yàn rèn zhī.
Phát hiện trọng đại của đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta trong lĩnh vực vật lý lượng tử tô-pô tiên phong đã đảo lộn hoàn toàn lật đổ mang tính cách mạng nhận thức kinh nghiệm kinh điển kéo dài suốt mấy chục năm của giới vật lý chất ngưng tụ truyền thống.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊN PHÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #835

巅峰
diānfēng

đỉnh cao, đỉnh cao tột cùng, đỉnh phong

中国科学家以敢为天下先的豪情壮志勇攀世界科技巅峰，在深空深海深地等多个战略领域跻身全球领跑地位。
Zhōng guó kē xué jiā yǐ gǎn wèi tiān xià xiān de háo qíng zhuàng zhì yǒng pān shì jiè kē jì diān fēng, zài shēn kōng shēn hǎi shēn dì děng duō gè zhàn lüè lǐng yù jī shēn quán qiú lǐng pǎo dì wèi.
Các nhà khoa học Trung Quốc với hào khí chí lớn dám đi trước thiên hạ dũng cảm trèo lên đỉnh phong đỉnh cao tột cùng của khoa học công nghệ thế giới, vươn lên vị thế dẫn đầu toàn cầu trong nhiều lĩnh vực chiến lược như lòng đất sâu, biển sâu và không gian sâu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #836

典范
diǎnfàn

khuôn mẫu mẫu mực, tấm gương điển hình chuẩn mực

老一辈功勋科学家隐姓埋名、科技报国的崇高一生，树立了新时代广大科技工作者为国奉献的光辉典范。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng, kē jì bào guó de chóng gāo yī shēng, shù lì le xīn shí dài guǎng dà kē jì gōng zuò zhě wèi guó fèng xiàn de guāng huī diǎn fàn.
Cuộc đời cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học có công lao tiền bối đã dựng nên khuôn mẫu mẫu mực tấm gương điển hình chuẩn mực sáng ngời về sự cống hiến vì Tổ quốc cho đông đảo những người làm khoa học thời đại mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #837

点火
diǎnhuǒ

điểm hỏa, châm lửa phát nổ; khơi mào kích hoạt

随着“点火”指令响彻发射指挥大厅，长征重型运载火箭尾部喷吐出炽热烈焰，托举着飞船拔地而起呼啸升空。
Suí zhe "diǎn huǒ" zhǐ lìng xiǎng chè fā shè zhǐ huī dà tīng, cháng zhēng zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn wěi bù pēn tǔ chū chì rè liè yàn, tuō jǔ zhe fēi chuán bá dì ér qǐ hū xiào shēng kōng.
Cùng với khẩu lệnh 'Điểm hỏa' châm lửa vang vọng khắp đại sảnh chỉ huy bãi phóng, đuôi quả tên lửa đẩy hạng nặng Trường Chinh phun ra những luồng lửa rực rỡ nóng bỏng, nâng đỡ con tàu vũ trụ gầm vang vút bay lên khỏi mặt đất.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #838

点击率
diǎnjīlǜ

tỷ lệ nhấp chuột, lượt xem truy cập click (CTR)

国家前沿大科学装置官方科普开放云平台上线首日，全网页面浏览量与视频点击率突破了一亿人次大关。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì guān fāng kē pǔ kāi fàng yún píng tái shàng xiàn shǒu rì, quán wǎng yè miàn liú lǎn liàng yǔ shì pín diǎn jī lǜ tū pò le yī yì rén cì dà guān.
Nền tảng đám mây mở cửa phổ biến khoa học chính thức của thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia ngay ngày đầu ra mắt, lượt xem trang và tỷ lệ nhấp chuột lượt click video toàn mạng đã vượt mốc 100 triệu lượt người.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐIỂM KÍCH LUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #839

点评
diǎnpíng

nhận xét bình luận, đánh giá phê bình chuyên sâu

在青年科学家前沿课题答辩会上，两院院士对每一项创新方案进行了高屋建瓴、切中要害的精彩学术点评。
Zài qīng nián kē xué jiā qián yán kè tí dá biàn huì shàng, liǎng yuàn yuàn shì duì měi yī xiàng chuàng xīn fāng àn jìn xíng le gāo wū jiàn líng, qiè zhòng yào hài de jīng cǎi xué shù diǎn píng.
Tại hội nghị bảo vệ đề tài tiên phong các nhà khoa học trẻ, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã tiến hành nhận xét bình luận đánh giá học thuật đặc sắc trúng ngay yếu huyệt và mang tính định hướng tầm cao đối với từng phương án đổi mới sáng tạo.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỂM BÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #840

点心
diǎn xin

điểm tâm, bánh ngọt, món ăn nhẹ

广式早茶中的虾饺、烧卖等各式手工精制传统点心色香味俱佳，令人回味无穷。
Guǎng shì zǎo chá zhōng de xiā jiǎo, shāo mài děng gè shì shǒu gōng jīng zhì chuán tǒng diǎn xīn sè xiāng wèi jù jiā, lìng rén huí wèi wú qióng.
Các món điểm tâm truyền thống được làm thủ công tinh xảo trong tiệc trà sáng Quảng Đông như há cảo tôm, xíu mại đều hội tụ đủ sắc - hương - vị, khiến người thưởng thức nhớ mãi không quên.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐIỂM TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #841

点缀
diǎn zhuì

điểm xuyết, tô điểm, trang điểm

在广袤无垠的呼伦贝尔大草原上，成群洁白的羊群与蜿蜒清澈的河流将碧绿的大地点缀得如诗如画。
Zài guǎng mào wú yín de hū lún bèi ěr dà cǎo yuán shàng, chéng qún jié bái de yáng qún yǔ wān yán qīng chè de hé liú jiāng bì lǜ de dà dì diǎn zhuì dé rú shī rú huà.
Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la bát ngát, từng đàn cừu trắng tinh khôi cùng dòng sông uốn lượn trong vắt đã điểm xuyết tô thắm cho mặt đất xanh biếc đẹp tựa như thơ như họa.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIỂM CHUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #842

点子
diǎnzi

ý tưởng, sáng kiến, mưu mẹo kế sách (khẩu ngữ)

在重大科技工程跨学科头脑风暴沙龙上，青年学者们思维活跃，提出了许多极具颠覆性突破潜力的金点子。
Zài zhòng dà kē jì gōng chéng kuà xué kē tóu nǎo fēng bào shā lóng shàng, qīng nián xué zhě men sī wéi huó yuè, tí chū le xǔ duō jí jù diān fù xìng tū pò qián lì de jīn diǎn zi.
Tại sa-lông 'bão não' (brainstorming) liên ngành công trình khoa học công nghệ trọng đại, các học giả trẻ tư duy năng động, đã đưa ra rất nhiều ý tưởng sáng kiến vàng cực kỳ có tiềm năng đột phá mang tính cách mạng.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỂM TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #843

电报
diànbào

điện báo, bức điện tín

在中国科技发展史博物馆内，珍藏着当年第一颗原子弹试验成功后向党中央发出的第一封加急密级电报手稿。
Zài zhōng guó kē jì fā zhǎn shǐ bó wù guǎn nèi, zhēn cáng zhe dāng nián dì yī kē yuán zǐ dàn shì yàn chéng gōng hòu xiàng dǎng zhōng yāng fā chū de dì yī fēng jiā jí mì jí diàn bào shǒu gǎo.
Bên trong Bảo tàng Lịch sử Phát triển Khoa học Công nghệ Trung Quốc có trân trọng lưu giữ bản thảo bức điện tín điện báo khẩn cấp tối mật đầu tiên gửi về Trung ương Đảng sau khi thử nghiệm thành công quả bom nguyên tử đầu tiên năm xưa.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN BÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #844

电铃
diànlíng

chuông điện, chuông báo động điện

在大科学装置辐射物理主靶厅安全联锁系统中，试验启动前三分钟急促的警示电铃声会在全域响彻长鸣。
Zài dà kē xué zhuāng zhì fú shè wù lǐ zhǔ bǎ tīng ān quán lián suǒ xì tǒng zhōng, shì yàn qǐ dòng qián sān fēn zhōng jí cù de jǐng shì diàn líng shēng huì zài quán yù xiǎng chè cháng míng.
Trong hệ thống khóa liên động an toàn đại sảnh bia chính vật lý bức xạ của thiết bị khoa học lớn, tiếng chuông điện chuông báo động cảnh báo dồn dập 3 phút trước khi khởi động thử nghiệm sẽ vang rền ngân dài khắp toàn khu vực.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN LINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #845

电网
diànwǎng

lưới điện, mạng lưới truyền tải điện quốc gia

我国成功建成了全球规模最大、电压等级最高、清洁能源消纳能力最强的特高压智能坚强国家电网。
Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, diàn yā děng jí zuì gāo, qīng jié néng yuán xiāo nà néng lì zuì qiáng de tè gāo yā zhì néng jiān qiáng guó jiā diàn wǎng.
Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới truyền tải điện lưới điện quốc gia vững mạnh thông minh siêu cao áp có quy mô lớn nhất thế giới, cấp điện áp cao nhất và năng lực hấp thu năng lượng sạch mạnh nhất.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN VÕNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #846

电线
diànxiàn

dây điện, dây cáp điện

在深空探测着陆器总装车间内，工程师严格按照宇航级高标准对数万根特种超轻抗辐射电线电缆进行束状精准敷设。
Zài shēn kōng tàn cè zhuó lù qì zǒng zhuāng chē jiān nèi, gōng chéng shī yán gé àn zhào yǔ háng jí gāo biāo zhǔn duì shù wàn gēn tè zhǒng chāo qīng kàng fú shè diàn xiàn diàn lǎn jìn xíng shù zhuàng jīng zhǔn fū shè.
Bên trong phân xưởng lắp ráp tổng thể tàu hạ cánh thám trắc không gian sâu, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn cao cấp hàng không vũ trụ tiến hành rải đặt chuẩn xác dạng bó đối với hàng vạn sợi dây cáp điện dây điện đặc chủng siêu nhẹ chống bức xạ.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN TUYẾN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #847

电信
diànxìn

viễn thông, ngành viễn thông thông tin

国家全面推动6G移动通信与卫星互联网天地一体化融合研发，牢牢占据全球未来电信科技产业制高点。
Guó jiā quán miàn tuī dòng 6G yí dòng tōng xìn yǔ wèi xīng hù lián wǎng tiān dì yī tǐ huà róng hé yán fā, láo láo zhàn jù quán qiú wèi lái diàn xìn kē jì chǎn yè zhì gāo diǎn.
Nhà nước thúc đẩy toàn diện nghiên cứu phát triển dung hợp tích hợp trời - đất giữa mạng Internet vệ tinh và viễn thông di động 6G, chiếm lĩnh vững chắc điểm cao khống chế ngành công nghệ viễn thông tương lai toàn cầu.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN TÍN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #848

电讯
diànxùn

tin điện tín, tin tức viễn thông truyền tin

国家深空地面测控中心通过深空天线阵列，成功接收并解码了解析来自数亿公里外火星探测器发回的高清科学电讯。
Guó jiā shēn kòng dì miàn cè kòng zhōng xīn tōng guò shēn kōng tiān xiàn zhèn liè, chéng gōng jiē shōu bìng jiě mǎ liǎo jiě xī lái zì shù yì gōng lǐ wài huǒ xīng tàn cè qì fā huí de gāo qīng kē xué diàn xùn.
Trung tâm Trắc nghiệm Điều khiển Mặt đất Không gian Sâu Quốc gia thông qua cụm ăng-ten không gian sâu đã tiếp nhận và giải mã thành công tin tức viễn thông tin điện tín khoa học độ nét cao do tàu thám trắc Sao Hỏa gửi về từ cách xa hàng trăm triệu cây số.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN TẤN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #849

垫
diàn

lót, đệm; ứng trước tiền, trả hộ

大桥深水基础施工中，潜水工程队在坚硬的海底岩石基床上严密铺设了多层特种抗震缓冲水下垫层。
Dà qiáo shēn shuǐ jī chǔ shī gōng zhōng, qián shuǐ gōng chéng duì zài jiān yìng de hǎi dǐ yán shí jī chuáng shàng yán mì pū shè le duō céng tè zhǒng kàng zhèn huǎn chōng shuǐ xià diàn céng.
Trong thi công móng nước sâu của cây cầu lớn, đội công binh lặn đã trải thảm tỉ mỉ nhiều lớp đệm giảm chấn động đất đặc biệt dưới đáy nước trên nền đá cứng đáy biển.

9 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #850

垫底
diàndǐ

lót đáy, đứng bét bảng; lót dạ (ăn uống)

我国在新一代高端芯片光刻设备制造领域彻底逆转了昔日垫底落后的局面，实现了全产业链自主可控跨越。
Wǒ guó zài xīn yí dài gāo duān xīn piàn guāng kè shè bèi zhì zào lǐng yù chè dǐ nì zhuǎn le xī rì diàn dǐ luò hòu de jú miàn, shí xiàn le quán chǎn yè lián zì zhǔ kě kòng kuà yuè.
Nước ta trong lĩnh vực chế tạo thiết bị quang khắc chip cao cấp thế hệ mới đã đảo ngược hoàn toàn cục diện lạc hậu đứng bét bảng lót đáy năm xưa, thực hiện bước nhảy vọt tự chủ kiểm soát toàn chuỗi ngành.

17 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾM ĐỂ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #851

垫子
diànzi

tấm đệm, miếng lót giảm chấn

大科学装置超精密主隔振基础平台安装了特制纳米磁流变高阻尼减震垫子，彻底隔绝了外界地面微震动干扰。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhǔ gé zhèn jī chǔ píng tái ān zhuāng le tè zhì nà mǐ cí liú biàn gāo zǔ ní jiǎn zhèn diàn zi, chè dǐ gé jué le wài jiè dì miàn wēi zhèn dòng gān rǎo.
Bệ móng cách chấn chính siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn được lắp đặt các miếng lót tấm đệm giảm chấn độ giảm chấn cao lưu biến từ nano chuyên dụng, cách ly triệt để sự can nhiễu vi chấn động mặt đất bên ngoài.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾM TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #852

惦记
diàn jì

nhớ

老师鼓励大家积极惦记，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diàn jì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhớ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾM KÝ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #853

淀粉
diànfěn

tinh bột

我国科学家在国际上首次实现了二氧化碳到淀粉的从头人工全合成，创造了颠覆性绿色生物制造世界奇迹。
Wǒ guó kē xué jiā zài guó jì shàng shǒu cì shí xiàn le èr yǎng huà tàn dào diàn fěn de cóng tóu rén gōng quán hé chéng, chuàng zào le diān fù xìng lǜ sè shēng wù zhì zào shì jiè qí jì.
Các nhà khoa học nước ta lần đầu tiên trên thế giới đã thực hiện việc tổng hợp toàn diện nhân tạo từ đầu từ khí carbon dioxide (CO_2) sang tinh bột tinh bột, kiến tạo nên kỳ tích thế giới về chế tạo sinh học xanh mang tính cách mạng.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾN PHẤN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #854

奠定
diàn dìng

đặt nền móng, tạo nền tảng vững chắc

老一辈科学家在“两弹一星”攻坚中取得的开创性重大突破，为新中国国防安全与科技工业奠定了坚不可摧的基石。
Lǎo yī bèi kē xué jiā zài "liǎng dàn yī xīng" gōng jiān zhōng qǔ dé de kāi chuàng xìng zhòng dà tū pò, wèi xīn zhōng guó guó fáng ān quán yǔ kē jì gōng yè diàn dìng le jiān bù kě cuī de jī shí.
Những đột phá mang tính mở đường trọng đại của các nhà khoa học tiền bối trong chiến dịch 'Hai quả bom, một vệ tinh' đã đặt nền móng vững chắc không thể phá vỡ cho nền an ninh quốc phòng và công nghiệp khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #855

殿堂
diàntáng

cung điện, điện đường cao quý, thánh đường khoa học

中国科学院与国家实验室是广大科技工作者梦寐以求的科学神圣殿堂，引领着国家基础科技创新的前沿航向。
Zhōng guó kē xué yuàn yǔ guó jiā shí yàn shì shì guǎng dà kē jì gōng zuò zhě mèng mèi yǐ qiú de kē xué shén shèng diàn táng, yǐn lǐng zhe guó jiā jī chǔ kē jì chuàng xīn de qián yán háng xiàng.
Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc và các Phòng thí nghiệm Quốc gia là thánh đường cung điện điện đường khoa học thiêng liêng mà đông đảo những người làm khoa học công nghệ hằng mơ ước, dẫn dắt hải trình tiên phong đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ cơ bản của quốc gia.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆN ĐƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #856

刁难
diāo nàn

Làm mọi việc trở nên khó khăn

老师鼓励大家积极刁难，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diāo nàn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Làm mọi việc trở nên khó khăn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊU NAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #857

叼
diāo

tha, ngậm (ở mồm, miệng)

红外相机抓拍到了野生雪豹嘴里叼着猎物在陡峭险峻的悬崖岩石间灵巧轻盈跳跃的珍贵瞬间。
Hóng wài xiàng jī zhuā pāi dào le yě shēng xuě bào zuǐ lǐ diāo zhe liè wù zài dǒu qiào xiǎn jùn de xuán yá yán shí jiān líng qiǎo qīng yíng tiào yuè de zhēn guì shùn jiān.
Camera hồng ngoại đã chụp lại được khoảnh khắc vô giá khi chú báo tuyết hoang dã miệng ngậm con mồi đang nhảy thoăn thoắt nhẹ nhàng giữa những vách đá vách núi cheo leo hiểm trở.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #858

雕
diāo

điêu khắc, chạm khắc; chim điêu chim ưng

大国工匠运用超高精度纳米激光微雕刻技术，在仅有头发丝几十分之一粗细的光纤端面上雕刻出了复杂微结构光学器件。
Dà guó gōng jiàng yùn yòng chāo gāo jīng dù nà mǐ jī guāng wēi diāo kè jì shù, zài jǐn yǒu tóu fà sī jǐ shí fēn zhī yī cū xì de guāng xiān duān miàn shàng diāo kè chū le fù zá wēi jié gòu guāng xué qì jiàn.
Bậc thợ lớn quốc gia ứng dụng công nghệ vi chạm khắc điêu khắc laser nano độ chính xác siêu cao đã điêu khắc chạm khắc nên các linh kiện quang học vi cấu trúc phức tạp trên mặt đầu sợi quang có độ dày chỉ bằng vài phần mười sợi tóc.

9 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #859

雕刻
diāo kè

điêu khắc, chạm khắc; tác phẩm điêu khắc

国家级非遗玉雕大师凭借神乎其技的手工镂空微雕技艺，在一块温润的和田玉上雕刻出了气势恢宏的千里江山图景。
Guó jiā jí fēi yí yù diāo dà shī píng jiè shén hū qí jì de shǒu gōng lòu kōng wēi diāo jì yì, zài yī kuài wēn rùn de hé tián yù shàng diāo kè chū le qì shì huī hóng de qiān lǐ jiāng shān tú jǐng.
Vị đại sư điêu khắc ngọc di sản phi vật thể cấp quốc gia nhờ vào tay nghề vi chạm trổ thủ công xuất quỷ nhập thần đã chạm khắc nên bức tranh sông núi ngàn dặm khí thế hào hùng trên một khối ngọc Hòa Điền mịn màng ấm áp.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊU KHẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #860

雕塑
diāo sù

điêu khắc

老师鼓励大家积极雕塑，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diāo sù， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điêu khắc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIÊU TỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #861

吊销
diàoxiāo

thu hồi tước bỏ (giấy phép/chứng chỉ), hủy bỏ tước giấy phép

国家监管部门对存在严重伪造临床实验数据与买卖论文的涉事学术机构及个人依法予以吊销执业资质惩戒。
Guó jiā jiān guǎn bù mén duì cún zài yán zhòng wěi zào lín chuáng shí yàn shù jù yǔ mǎi mài lùn wén de shè shì xué shù jī gòu jí gè rén yī fǎ yǔ yǐ diào xiāo zhí yè zī zhì chéng jiè.
Cơ quan giám sát quốc gia theo đúng pháp luật đã thực thi trừng phạt tước bỏ thu hồi hủy bỏ tư cách hành nghề đối với các cá nhân và cơ quan học thuật liên quan có hành vi mua bán luận văn và làm giả dữ liệu thực nghiệm lâm sàng nghiêm trọng.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾU TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #862

钓鱼
diàoyú

câu cá; tấn công giả mạo lừa đảo (phishing: diàoyú wǎngzhàn)

国家网络安全防护中心成功研发出高精度智能反钓鱼网站阻断引擎，全天候守护科研机构核心数据资产安全。
Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù zhōng xīn chéng gōng yán fā chū gāo jīng dù zhì néng fǎn diào yú wǎng zhàn zǔ duàn yǐn qíng, quán tiān hòu shǒu hù kē yán jī gòu hé xīn shù jù zī chǎn ān quán.
Trung tâm Phòng hộ An ninh Mạng Quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công công cụ ngăn chặn trang web lừa đảo giả mạo (phishing) câu cá thông minh độ chính xác cao, bảo vệ an toàn tài sản dữ liệu cốt lõi của các cơ quan nghiên cứu khoa học suốt ngày đêm.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐIẾU NGƯ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #863

调度
diàodù

điều độ, điều phối chỉ huy, nhân viên điều phối

国家超级计算联合算力网络实现了对全国跨区域数百万异构计算核心资源的毫秒级动态协同调度。
Guó jiā chāo jí jì suàn lián hé suàn lì wǎng luò shí xiàn le duì quán guó kuà qū yù shù bǎi wàn yì gòu jì suàn hé xīn zī yuán de háo miǎo jí dòng tài xié tóng diào dù.
Mạng lưới sức mạnh tính toán liên hợp Siêu máy tính Quốc gia đã thực hiện việc điều phối điều độ chỉ huy hiệp đồng động thái cấp độ mili-giây đối với hàng triệu tài nguyên lõi tính toán dị cấu xuyên khu vực trên toàn quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆU ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #864

调侃
tiáokǎn

trêu đùa, nói đùa giễu nhại, chọc ghẹo

在紧张繁重的科研攻关间隙，青年学者们常常用幽默风趣的话语相互调侃，在欢声笑语中有效缓解了巨大的心理压力。
Zài jǐn zhāng fán zhòng de kē yán gōng guān jiàn xì, qīng nián xué zhě men cháng cháng yòng yōu mò fēng qù de huà yǔ xiāng hù tiáo kǎn, zài huān shēng xiào yǔ zhōng yǒu xiào huǎn jiě le jù dà de xīn lǐ yā lì.
Trong những lúc rảnh rỗi giữa các đợt vượt khó nghiên cứu khoa học nặng nề và căng thẳng, các học giả trẻ thường dùng những lời lẽ hóm hỉnh hài hước trêu đùa nói đùa chọc ghẹo lẫn nhau, giải tỏa hiệu quả áp lực tâm lý to lớn trong tiếng cười nói vui vẻ.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆU KHẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #865

调控
tiáokòng

điều phối kiểm soát, điều tiết kiểm soát (vĩ mô/hệ thống)

大科学装置超精密激光约束核聚变磁场调控系统实现了对亿度等离子体湍流微秒级的超稳精准约束。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì jī guāng yuē shù hé jù biàn cí chǎng tiáo kòng xì tǒng shí xiàn le duì yì dù děng lí zǐ tǐ tuān liú wēi miǎo jí de chāo wěn jīng zhǔn yuē shù.
Hệ thống điều tiết kiểm soát điều phối kiểm soát từ trường nhiệt hạch giam hãm bằng laser siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đã thực hiện việc giam giữ chuẩn xác siêu ổn định cấp độ micro-giây đối với dòng xoáy plasma trăm triệu độ.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐIỀU KHỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #866

调料
tiáo liào

gia vị, đồ nêm nếm nấu ăn

中华传统八大菜系烹饪精妙绝伦，讲究通过天然香辛调料的精准配比，激发食材最纯正地道的风味本味。
Zhōng huá chuán tǒng bā dà cài xì pēng rèn jīng miào jué lún, jiǎng jiū tōng guò tiān rán xiāng xīn tiáo liào de jīng zhǔn pèi bǐ, jī fā shí cái zuì chún zhèng dì dào de fēng wèi běn wèi.
Nghệ thuật ẩm thực tám trường phái ẩm thực truyền thống Trung Hoa tinh diệu vô song, vô cùng coi trọng việc thông qua tỷ lệ pha chế chuẩn xác của các loại gia vị cay thơm tự nhiên để đánh thức hương vị nguyên bản thuần khiết và chuẩn vị nhất của nguyên liệu.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐIỀU LIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #867

调试
tiáoshì

hiệu chỉnh, chạy thử nghiệm hiệu chỉnh (debug/commissioning)

经过工程技术人员连续多月的驻场精密联调与物理参数调试，深空重型火箭动力系统各项指标达到最优设计状态。
Jīng guò gōng chéng jì shù rén yuán lián xù duō yuè de zhù chǎng jīng mì lián diào yǔ wù lǐ cān shù tiáo shì, shēn kōng zhòng xíng huǒ jiàn dòng lì xì tǒng gè xiàng zhǐ biāo dá dào zuì yōu shè jì zhuàng tài.
Trải qua nhiều tháng liên tục bám trụ tại hiện trường hiệu chỉnh liên kết chính xác và hiệu chỉnh chạy thử nghiệm tham số vật lý của các nhân viên kỹ thuật công trình, tất cả các chỉ tiêu của hệ thống động lực tên lửa hạng nặng không gian sâu đã đạt trạng thái thiết kế tối ưu.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐIỀU THÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #868

掉队
diàoduì

tụt lại phía sau, rớt lại đằng sau, tụt hậu

在新一轮全球高科技颠覆性创新竞争中，我们必须开辟新赛道、塑造新优势，决不能在任何关键领域掉队落后。
Zài xīn yī lún quán qiú gāo kē jì diān fù xìng chuàng xīn jìng zhēng zhōng, wǒ men bì xū kāi pì xīn sài dào, sù zào xīn yōu shì, jué bù néng zài rèn hé guān jiàn lǐng yù diào duì luò hòu.
Trong cuộc cạnh tranh đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng công nghệ cao toàn cầu vòng mới, chúng ta bắt buộc phải mở ra đường đua mới, định hình ưu thế mới, tuyệt đối không được tụt hậu rớt lại đằng sau tụt lại phía sau trong bất kỳ lĩnh vực then chốt nào.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆU ĐỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #869

掉头
diàotóu

quay đầu xe, quay đầu chuyển hướng, quay ngoắt lại

重大国家战略科技规划一旦经科学论证确立，就必须保持战略定力一抓到底，决不能因短期外部杂音而轻易掉头退缩。
Zhòng dà guó jiā zhàn lüè kē jì guī huà yí dàn jīng kē xué lùn zhèng què lì, jiù bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì yī zhuā dào dǐ, jué bù néng yīn duǎn qī wài bù zá yīn ér qīng yì diào tóu tuì suō.
Một khi quy hoạch khoa học công nghệ chiến lược quốc gia trọng đại đã được xác lập qua luận chứng khoa học, thì bắt buộc phải giữ vững định lực chiến lược làm đến nơi đến chốn, tuyệt đối không được vì những tạp âm bên ngoài ngắn hạn mà dễ dàng quay đầu chuyển hướng lùi bước.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆU ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #870

爹
diē

cha, bố, ba (khẩu ngữ thân mật vùng miền)

年轻的航天工程师在奔赴大西北发射场前夕向老爹深情道别，老父亲鼓励他放下牵挂、一心一意为国争光。
Nián qīng de háng tiān gōng chéng shī zài bēn fù dà xī běi fā shè chǎng qián xī xiàng lǎo diē shēn qíng dào bié, lǎo fù qīn gǔ lì tā fàng xià qiān guà, yì xīn yí yì wèi guó zhēng guāng.
Người kỹ sư hàng không vũ trụ trẻ tuổi trước thềm lên đường ra bãi phóng miền Đại Tây Bắc đã ân cần từ biệt người cha người bố của mình, người cha già động viên anh gác lại những nỗi bận lòng, một lòng một dạ mang vinh quang về cho Tổ quốc.

10 nét | HÁN VIỆT : TÍA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #871

迭起
diéqǐ

dồn dập xuất hiện, liên tiếp nổi lên, dâng trào không ngớt

在世界青年科学家前沿高峰论坛辩论环节，中外顶尖学者思维激烈碰撞，颠覆性学术思想火花高潮迭起。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā qián yán gāo fēng lùn tán biàn lùn huán jié, zhōng wài dǐng jiān xué zhě sī wéi jī liè pèng zhuàng, diān fù xìng xué shù sī xiǎng huǒ huā gāo cháo dié qǐ.
Trong phần tranh biện tại Diễn đàn Thượng đỉnh Tiên phong Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, tư duy của các học giả đỉnh cao trong và ngoài nước va đập nảy lửa, những tia lửa tư tưởng học thuật mang tính cách mạng liên tiếp nổi lên dồn dập xuất hiện cao trào không ngớt.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆT KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #872

叠
dié

chồng

老师鼓励大家积极叠，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dié, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chồng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #873

丁
dīng

Đinh

老师鼓励大家积极丁，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí Dīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đinh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : ĐINH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #874

叮嘱
dīng zhǔ

dặn dò, ân cần căn dặn, dặn dò nhiều lần

在青年科考队远赴极地前夕，老院士亲切握住队员的手，反复叮嘱大家注意安全、勇攀科学高峰。
Zài qīng nián kē kǎo duì yuǎn fù jí dì qián xī, lǎo yuàn shì qīn qiè wò zhù duì yuán de shǒu, fǎn fù dīng zhǔ dà jiā zhù yì ān quán, yǒng pān kē xué gāo fēng.
Vào đêm trước ngày đội khảo sát khoa học trẻ tuổi lên đường đi tới vùng cực, vị viện sĩ lão thành ân cần nắm chặt tay các đội viên, dặn dò đi dặn dò lại mọi người chú ý an toàn và dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐINH CHÚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #875

盯
dīng

nhìn chằm chằm, chăm chú theo dõi, bám sát

在大科学装置加速器调试关键时刻，值班总工程师眼睛一刻不离地紧紧盯住大屏幕上的物理束流能量波动曲线。
Zài dà kē xué zhuāng zhì jiā sù qì tiáo shì guān jiàn shí kè, zhí bān zǒng gōng chéng shī yǎn jīng yī kè bù lí dì jǐn jǐn dīng zhù dà píng mù shàng de wù lǐ shù liú néng liàng bō dòng qū xiàn.
Vào thời khắc then chốt hiệu chỉnh máy gia tốc thiết bị khoa học lớn, vị kỹ sư trưởng trực ban mắt không rời một giây nhìn chằm chằm chăm chú theo dõi bám sát đường cong dao động năng lượng chùm hạt vật lý trên màn hình lớn.

12 nét | HÁN VIỆT : ĐINH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #876

钉
dīng

móng tay

老师鼓励大家积极钉，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dīng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực móng tay, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét | HÁN VIỆT : ĐINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #877

钉子
dīngzi

cái đinh, cây đinh sắt; gặp trở ngại vấp váp (pèng dīngzi)

搞科学探索遇到挫折碰钉子是常有的事，真正的战略科学家具有百折不挠的坚韧意志，在失败中不断开辟前进道路。
Gǎo kē xué tàn suǒ yù dào cuò zhé pèng dīng zi shì cháng yǒu de shì, zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā jù yǒu bǎi zhé bù náo de jiān rèn yì zhì, zài shī bài zhōng bù duàn kāi pì qián jìn dào lù.
Làm thám hiểm khoa học gặp phải trắc trở va phải cái đinh gặp vấp váp trở ngại là chuyện thường tình, những nhà khoa học chiến lược thực thụ sở hữu ý chí kiên cường trăm lần gãy không sờn, không ngừng mở ra con đường tiến lên từ trong thất bại.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐINH TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #878

顶多
dǐngduō

nhiều nhất là, tối đa cùng lắm là

在超高速量子态测控实验中，单次粒子量子相干纠缠态维持时间顶多仅有微秒量级，要求仪器具备极限纳秒级响应。
Zài chāo gāo sù liàng zǐ tài cè kòng shí yàn zhōng, dān cì lì zi liàng zǐ xiāng gān jiū chán tài wéi chí shí jiān dǐng duō jǐn yǒu wēi miǎo liàng jí, yāo qiú yí qì jù bèi jí xiàn nà miǎo jí xiǎng yìng.
Trong thực nghiệm đo đạc điều khiển trạng thái lượng tử siêu tốc độ cao, thời gian duy trì trạng thái vướng víu kết hợp lượng tử hạt đơn lẻ nhiều nhất là tối đa cùng lắm là chỉ ở bậc micro-giây, đòi hỏi thiết bị phải sở hữu khả năng phản hồi giới hạn cấp độ nano-giây.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐỈNH ĐA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #879

顶级
dǐngjí

đỉnh cao hàng đầu, đẳng cấp cao nhất thế giới

国家实验室汇聚了一大批具有全球战略视野的顶级科学家与最具创新活力的青年拔尖科研团队。
Guó jiā shí yàn shì huì jù le yī dà pī jù yǒu quán qiú zhàn lüè shì yě de dǐng jí kē xué jiā yǔ zuì jù chuàng xīn huó lì de qīng nián bá jiān kē yán tuán duì.
Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ đông đảo các nhà khoa học đẳng cấp cao nhất thế giới đỉnh cao hàng đầu sở hữu tầm nhìn chiến lược toàn cầu cùng các đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ xuất sắc giàu sức sống đổi mới sáng tạo nhất.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐỈNH CẤP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #880

顶尖
dǐngjiān

hàng đầu, chóp đỉnh, tinh hoa bậc nhất

我国在前沿深海装备与超导量子计算等关键领域已经稳步跻身全球科技创新第一梯队顶尖行列。
Wǒ guó zài qián yán shēn hǎi zhuāng bèi yǔ chāo dǎo liàng zǐ jì suàn děng guān jiàn lǐng yù yǐ jīng wěn bù jī shēn quán qiú kē jì chuàng xīn dì yī tī duì dǐng jiān háng liè.
Nước ta trong các lĩnh vực then chốt như tính toán lượng tử siêu dẫn và trang thiết bị biển sâu tiên phong đã vững vàng bước vào hàng ngũ tinh hoa bậc nhất hàng đầu của thế giới một đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỈNH TIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #881

订单
dìngdān

đơn đặt hàng, hợp đồng đặt hàng

国产大型客机凭借卓越的安全飞行性能与超低运营油耗，获得了来自全球多家航空公司的千余架大额正式商业订单。
Guó chǎn dà xíng kè jī píng jiè zhuó yuè de ān quán fēi xíng xìng néng yǔ chāo dī yùn yíng yóu hào, huò dé le lái zì quán qiú duō jiā háng kōng gōng sī de qiān yú jià dà é zhèng shì shāng yè dìng dān.
Máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước dựa vào mức tiêu hao nhiên liệu vận hành siêu thấp và tính năng bay an toàn trác việt, đã giành được các đơn đặt hàng hợp đồng đặt hàng thương mại chính thức quy mô lớn hơn nghìn chiếc từ nhiều hãng hàng không trên toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÍNH THIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #882

订购
dìnggòu

đặt mua, đặt mua hàng trước

全球多家国际知名科研院所纷纷向我国高科技企业订购完全自主研发的高精度第三代电子显微镜核心探测组件。
Quán qiú duō jiā guó jì zhī míng kē yán yuàn suǒ fēn fēn xiàng wǒ guó gāo kē jì qì yè dìng gòu wán quán zì zhǔ yán fā de gāo jīng dù dì sān dài diàn zi xiǎn wēi jìng hé xīn tàn cè zǔ jiàn.
Nhiều viện nghiên cứu khoa học nổi tiếng quốc tế trên toàn cầu đua nhau đặt mua đặt mua trước từ các doanh nghiệp công nghệ cao nước ta cụm linh kiện máy dò cốt lõi kính hiển vi điện tử thế hệ thứ ba độ chính xác cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐÍNH CẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #883

订婚
dìnghūn

đính hôn, làm lễ đính hôn hứa hôn

为了保障深空探测大科学工程按期点火发射，年轻的测控总体设计师毅然推迟了原定于国庆假期的订婚仪式。
Wèi le bǎo zhàng shēn kōng tàn cè dà kē xué gōng chéng àn qī diǎn huǒ fā shè, nián qīng de cè kòng zǒng tǐ shè jì shī yì rán tuī chí le yuán dìng yú guó qìng jià qī de dìng hūn yí shì.
Để bảo đảm công trình khoa học lớn thám trắc không gian sâu điểm hỏa phóng đúng hạn, vị nhà thiết kế tổng thể trắc nghiệm điều khiển trẻ tuổi đã kiên quyết hoãn lại nghi thức làm lễ đính hôn đính hôn vốn định tổ chức vào dịp nghỉ lễ Quốc khánh.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐÍNH HÔN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #884

订立
dìng lì

đi vào

老师鼓励大家积极订立，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng lì， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐÍNH LẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #885

定金
dìngjīn

tiền đặt cọc, tiền cọc cam kết

在大科学装置超高洁净特种钛合金真空室采购合同中，双方依法约定了定金条款以确保超精密工期按时交付。
Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jié jìng tè zhǒng tài hé jīn zhēn kōng shì cǎi gòu hé tóng zhōng, shuāng fāng yī fǎ yuē dìng le dìng jīn tiáo kuǎn yǐ què bǎo chāo jīng mì gōng qī àn shí jiāo fù.
Trong hợp đồng mua sắm buồng chân không hợp kim titan đặc chủng siêu sạch của thiết bị khoa học lớn, hai bên đã thỏa thuận theo pháp luật điều khoản tiền đặt cọc tiền cọc để bảo đảm tiến độ thi công siêu chính xác được bàn giao đúng hạn.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH KIM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #886

定居
dìngjū

định cư, an cư lập nghiệp sinh sống lâu dài

多位享誉全球的国际顶尖数学家与理论物理泰斗选择全职回国并定居北京，全职投身国家基础科学创新事业。
Duō wèi xiǎng yù quán qiú de guó jì dǐng jiān shù xué jiā yǔ lǐ lùn wù lǐ tài dǒu xuǎn zé quán zhí huí guó bìng dìng jū běi jīng, quán zhí tóu shēn guó jiā jī chǔ kē xué chuàng xīn shì yè.
Nhiều cây đại thụ vật lý lý thuyết và nhà toán học đỉnh cao quốc tế nổi danh toàn cầu đã chọn toàn tâm toàn ý về nước và định cư an cư lâu dài tại Bắc Kinh, toàn thời gian dấn thân vào sự nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học cơ bản quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH CƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #887

定论
dìnglùn

kết luận cuối cùng, định luận ngã ngũ

在前沿微观物理探索中，面对尚未得到全面多维度实测验证的假说，科学界切忌过早下毫无根据的绝对定论。
Zài qián yán wēi guān wù lǐ tàn suǒ zhōng, miàn duì shàng wèi dé dào quán miàn duō wéi dù shí cè yàn zhèng de jiǎ shuō, kē xué jiè qiè jì guò zǎo xià háo wú gēn jù de jué duì dìng lùn.
Trong khám phá vật lý vi mô tiên phong, đứng trước những giả thuyết chưa nhận được kiểm chứng đo đạc thực tế đa chiều toàn diện, giới khoa học tránh việc đưa ra kết luận cuối cùng định luận tuyệt đối vô căn cứ quá sớm.

16 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH LUẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #888

定为
dìng wèi

Đặt làm

老师鼓励大家积极定为，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng wèi， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đặt làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH VI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #889

定向
dìngxiàng

định hướng, nhắm vào mục tiêu cố định, chuyên biệt

国家实施战略科技领军人才定向培育计划，依托国家重大科研任务靶向培养具有全球视野的青年学术骨干。
Guó jiā shí shī zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái dìng xiàng péi yù jì huà, yī tuō guó jiā zhòng dà kē yán rèn wù bǎ xiàng péi yǎng jù yǒu quán qiú shì yě de qīng nián xué shù gǔ gàn.
Nhà nước thực thi kế hoạch bồi dưỡng định hướng chuyên biệt nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược, dựa vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia để bồi dưỡng trúng đích các cán bộ nòng cốt học thuật trẻ tuổi sở hữu tầm nhìn toàn cầu.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #890

定心丸
dìngxīnwán

viên thuốc an thần, chỗ dựa tinh thần an tâm (nghĩa bóng)

国家持续加大对基础前沿研究长期稳定经费支持力度的政策举措，给广大潜心坐冷板凳的青年科研人员吃了一颗定心丸。
Guó jiā chí xù jiā dà duì jī chǔ qián yán yán jiū cháng qī wěn dìng jīng fèi zhī chí lì dù de zhèng cè jǔ cuò, gěi guǎng dà qián xīn zuò lěng bǎn dèng de qīng nián kē yán rén yuán chī le yī kē dìng xīn wán.
Những biện pháp chính sách của Nhà nước về việc liên tục gia tăng mức độ hỗ trợ kinh phí ổn định lâu dài cho nghiên cứu tiên phong cơ bản đã mang lại một chỗ dựa tinh thần an tâm viên thuốc an thần cho đông đảo các cán bộ nghiên cứu trẻ tuổi đang chuyên tâm ngồi ghế băng lạnh.

29 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH TÂM HOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #891

定义
dìng yì

định nghĩa; đưa ra định nghĩa

量子力学的建立从根本上重新定义了人类对微观粒子波粒二象性与客观物理世界的哲学认识。
Liàng zǐ lì xué de jiàn lì cóng gēn běn shàng chóng xīn dìng yì le rén lèi duì wēi guān lì zi bō lì èr xiàng xìng yǔ kè guān wù lǐ shì jiè de zhé xué rèn shí.
Sự ra đời của cơ học lượng tử đã tái định nghĩa lại từ gốc rễ nhận thức triết học của nhân loại về tính lưỡng dụng sóng hạt của các hạt vi mô cùng thế giới vật lý khách quan.

16 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH NGHĨA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #892

定做
dìngzuò

đặt làm theo yêu cầu, chế tạo theo đơn riêng

为了满足极低温超导大科学实验严苛物理要求，攻关团队专门联合国内高端精密制造企业定制定做了一批非标特种阀门。
Wèi le mǎn zú jí dī wēn chāo dǎo dà kē xué shí yàn yán kē wù lǐ yāo qiú, gōng guān tuán duì zhuān mén lián hé guó nèi gāo duān jīng mì zhì zào qǐ yè dìng zhì dìng zuò le yī pī fēi biāo tè zhǒng fá mén.
Để đáp ứng những yêu cầu vật lý khắt khe của thực nghiệm khoa học lớn siêu dẫn nhiệt độ cực thấp, đội ngũ vượt khó đã đặc biệt liên kết với các doanh nghiệp chế tạo chính xác cao cấp trong nước để đặt làm theo yêu cầu chế tạo riêng một lô van đặc chủng phi tiêu chuẩn.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐỊNH TỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #893

丢掉
diūdiào

vứt bỏ, đánh mất, gạt bỏ

广大科技工作者要坚决丢掉对外部技术施舍的一切不切实际的幻想，坚定不移走高水平科技自立自强之路。
Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào jiān jué diū diào duì wài bù jì shù shī shě de yī qiè bù qiē shí jì de huàn xiǎng, jiān dìng bù yí zǒu gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī lù.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ phải kiên quyết vứt bỏ gạt bỏ mọi ảo tưởng không thực tế về sự bố thí công nghệ từ bên ngoài, kiên định không dời bước đi trên con đường tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU ĐIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #894

丢脸
diūliǎn

mất mặt, bẽ mặt xấu hổ, mất thể diện

科学探索中经严谨验证后的正常实验失败绝不丢脸，唯有搞学术造假与形式主义欺上瞒下才是科技界的真正奇耻大辱。
Kē xué tàn suǒ zhōng jīng yán jǐn yàn zhèng hòu de zhèng cháng shí yàn shī bài jué bù diū liǎn, wéi yǒu gǎo xué shù zào jiǎ yǔ xíng shì zhǔ yì qī shàng mán xià cái shì kē jì jiè de zhēn zhèng qí chǐ dà rǔ.
Thất bại thực nghiệm bình thường sau khi đã kiểm chứng nghiêm cẩn trong khám phá khoa học tuyệt đối không hề mất mặt bẽ mặt, chỉ có việc làm giả mạo học thuật và dối trên lừa dưới theo chủ nghĩa hình thức mới là nỗi quốc sỉ nỗi nhục lớn đích thực của giới khoa học công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU KIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #895

丢弃
diūqì

vứt bỏ, ruồng bỏ vứt đi, loại bỏ

在大科学工程全生命周期精细化绿色运维中，所有废旧实验辅材与电子元器件均被规范回收分类处理，决不随意丢弃。
Zài dà kē xué gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī jīng xì huà lǜ sè yùn wéi zhōng, suǒ yǒu fèi jiù shí yàn fǔ cái yǔ diàn zi yuán qì jiàn jūn bèi guī fàn huí shōu fēn lèi chǔ lǐ, jué bù suí yì diū qì.
Trong công tác vận hành bảo trì xanh tinh tế hóa toàn bộ vòng đời của công trình khoa học lớn, tất cả các linh kiện điện tử và vật tư phụ thực nghiệm phế thải cũ đều được xử lý phân loại thu hồi theo quy chuẩn, tuyệt đối không tùy tiện vứt bỏ loại bỏ.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #896

丢人
diū rén

mất mặt, xấu hổ, bẽ bàng

在严肃的科学研究中犯错不可耻，真正丢人的是为了虚假荣誉而弄虚作假、学术抄袭。
Zài yán sù de kē xué yán jiū zhōng fàn cuò bù kě chǐ, zhēn zhèng diū rén de shì wèi le xū jiǎ róng yù ér nòng xū zuò jiǎ, xué shù chāo xí.
Trong nghiên cứu khoa học nghiêm túc phạm phải sai lầm không hề đáng hổ thẹn, điều thực sự mất mặt chính là vì danh hão mà làm giả gian lận và đạo văn học thuật.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #897

丢失
diūshī

thất lạc, làm mất, đánh mất rơi mất

国家深空探测地面站采用了多通道抗干扰冗余备份通信链路，确保在亿万公里极限测控距离下科研遥测数据零丢失。
Guó jiā shēn kōng tàn cè dì miàn zhàn cǎi yòng le duō tōng dào kàng gān rǎo rǒng yú bèi fèn tōng xìn lián lù, què bǎo zài yì wàn gōng lǐ jí xiàn cè kòng jù lí xià kē yán yáo cè shù jù líng diū shī.
Trạm mặt đất thám trắc không gian sâu quốc gia đã áp dụng các tuyến liên lạc truyền thông dự phòng đa kênh chống can nhiễu, bảo đảm dữ liệu đo từ xa nghiên cứu khoa học đạt mức rơi mất làm mất thất lạc bằng không dưới cự ly trắc nghiệm điều khiển giới hạn hàng trăm triệu cây số.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #898

东奔西走
dōngbēnxīzǒu

chạy đôn chạy đáo khắp nơi, ngược xuôi vất vả

为了大科学装置的顺利选址与前瞻立项，老院士顶风冒雨东奔西走于崇山峻岭与部委机构之间，付出了巨大心血。
Wèi le dà kē xué zhuāng zhì de shùn lì xuǎn zhǐ yǔ qián zhān lì xiàng, lǎo yuàn shì dǐng fēng mào yǔ dōng bēn xī zǒu yú chóng shān jùn lǐng yǔ bù wěi jī gòu zhī jiān, fù chū le jù dà xīn xuè.
Để việc lập dự án có tầm nhìn xa và chọn địa điểm thuận lợi cho thiết bị khoa học lớn, vị Viện sĩ lão thành đã đội gió đội mưa chạy đôn chạy đáo ngược xuôi khắp nơi giữa các hẻm núi non hiểm trở và các cơ quan bộ ngành, dốc cạn tâm huyết to lớn.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐÔNG BÔN TÂY TẨU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #899

东道主
dōng dào zhǔ

nước chủ nhà, chủ nhà đăng cai

作为本届全球数字经济峰会的东道主，该市向来自百余个国家的科技界精英敞开了热情怀抱。
Zuò wéi běn jiè quán qiú shù zì jīng jì fēng huì de dōng dào zhǔ, gāi shì xiàng lái zì bǎi yú gè guó jiā de kē jì jiè jīng yīng chǎng kāi le rè qíng huái bào.
Với tư cách là thành phố chủ nhà của Hội nghị Thượng đỉnh Kinh tế Số Toàn cầu lần này, thành phố đã mở rộng vòng tay nồng nhiệt đón chào giới tinh hoa khoa học công nghệ đến từ hơn một trăm quốc gia.

29 nét | HÁN VIỆT : ĐÔNG ĐẠO CHỦ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #900

东张西望
dōng zhāng xī wàng

ngó nghiêng nhìn quanh, nhìn đông ngó tây

在智能化无尘芯片洁净车间内穿行时，参观人员必须严格沿着指定参观通道行走，切忌东张西望或擅自触碰设备。
Zài zhì néng huà wú chén xīn piàn jié jìng chē jiān nèi chuān xíng shí, cān guān rén yuán bì xū yán gé yán zhe zhǐ dìng cān guān tōng dào héng zǒu, qiè jì dōng zhāng xī wàng huò shàn zì chù pèng shè bèi.
Khi đi tham quan trong phân xưởng sản xuất chip bán dẫn phòng sạch thông minh, người tham quan bắt buộc phải đi nghiêm chỉnh dọc theo hành lang tham quan quy định, chớ nên ngó nghiêng nhìn quanh hay tùy tiện chạm vào thiết bị.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐÔNG TRƯƠNG TÂY VỌNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #901

董事
dǒngshì

thành viên hội đồng quản trị, ủy viên HĐQT

多家国家级高科技创新孵化平台设立了由顶尖科学家与卓越企业家共同组成的战略咨询发展董事会。
Duō jiā guó jiā jí gāo kē jì chuàng xīn fū huà píng tái shè lì le yóu dǐng jiān kē xué jiā yǔ zhuó yuè qǐ yè jiā gòng tóng zǔ chéng de zhàn lüè zī xún fā zhǎn dǒng shì huì.
Nhiều nền tảng ươm mầm đổi mới sáng tạo công nghệ cao cấp quốc gia đã thành lập ban giám đốc Hội đồng Quản trị ủy viên HĐQT tư vấn chiến lược do các doanh nhân trác việt và nhà khoa học đỉnh cao cùng tạo thành.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐỔNG SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #902

董事会
dǒngshìhuì

hội đồng quản trị, ban quản trị (HĐQT)

科技型骨干企业董事会全票表决通过了未来五年每年将营业收入百分之十五以上持续投入底层原始研发的战略决议。
Kē jì xíng gǔ gàn qǐ yè dǒng shì huì quán piào biǎo jué tōng guò le wèi lái wǔ nián měi nián jiāng yíng yè shōu rù bǎi fēn zhī shí wǔ yǐ shàng chí xù tóu rù dǐ céng yuán shǐ yán fā de zhàn lüè jué yì.
Hội đồng Quản trị ban quản trị doanh nghiệp nòng cốt loại hình công nghệ đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua nghị quyết chiến lược trong 5 năm tới mỗi năm sẽ liên tục đầu tư trên 15% doanh thu vào nghiên cứu phát triển nguyên bản nền tảng cốt lõi.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỔNG SỰ HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #903

董事长
dǒng shì zhǎng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

国家科技领军企业董事长在年度战略规划大会上宣布，未来三年将把核心研发投入比例提升至营收的百分之十五以上。
Guó jiā kē jì lǐng jūn qǐ yè dǒng shì zhǎng zài nián dù zhàn lüè guī huà dà huì shàng xuān bù, wèi lái sān nián jiāng bǎ hé xīn yán fā tóu rù bǐ lì tí shēng zhì yíng shōu de bǎi fēn zhī shí wǔ yǐ shàng.
Chủ tịch Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp dẫn đầu khoa học công nghệ quốc gia đã tuyên bố tại hội nghị hoạch định chiến lược thường niên rằng trong 3 năm tới sẽ nâng tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu phát triển cốt lõi lên trên 15% tổng doanh thu.

33 nét | HÁN VIỆT : ĐỔNG SỰ TRƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #904

懂事
dǒngshì

hiểu chuyện, ngoan ngoãn biết điều, biết suy nghĩ

常年奋战在戈壁发射场的航天工程师每次通电话，孩子总是懂事地安慰爸爸：“爸爸安心发射火箭，我在家一定好好学习！”
Cháng nián fèn zhàn zài gē bì fā shè chǎng de háng tiān gōng chéng shī měi cì tōng diàn huà, hái zi zǒng shì dǒng shì dì ān wèi bà bà : "bà bà ān xīn fā shè huǒ jiàn, wǒ zài jiā yí dìng hǎo hǎo xué xí!"
Người kỹ sư hàng không vũ trụ quanh năm chiến đấu nơi bãi phóng sa mạc Gobi mỗi lần gọi điện thoại, đứa con nhỏ luôn ngoan ngoãn biết điều hiểu chuyện an ủi người cha: 'Bố cứ an tâm phóng tên lửa ạ, con ở nhà nhất định sẽ chăm ngoan học giỏi!'

20 nét | HÁN VIỆT : ĐỔNG SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #905

动不动
dòngbudòng

hở một tý là, động một tý là, dễ dàng hơi tý là

我们坚决反对某些西方政客滥用国家安全霸权概念、动不动就对别国正常高科技企业施加非法单边单边制裁。
Wǒ men jiān jué fǎn duì mǒu xiē xī fāng zhèng kè làn yòng guó jiā ān quán bà quán gài niàn, dòng bù dòng jiù duì bié guó zhèng cháng gāo kē jì qǐ yè shī jiā fēi fǎ dān biān dān biān zhì cái.
Chúng ta kiên quyết phản đối một số chính khách phương Tây lạm dụng khái niệm bá quyền an ninh quốc gia, hở một tý là động một tý là dễ dàng áp đặt các lệnh trừng phạt đơn phương bất hợp pháp lên các doanh nghiệp công nghệ cao bình thường của nước khác.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG BẤT ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #906

动弹
dòngtan

cử động, nhúc nhích dịch chuyển, hoạt động

空间航天员舱外特种航天服经过全工况柔性轻量化关节优化设计，使航天员在舱外微重力环境下四肢能够自如动弹灵活作业。
Kōng jiān háng tiān yuán cāng wài tè zhǒng háng tiān fú jīng guò quán gōng kuàng róu xìng qīng liàng huà guān jié yōu huà shè jì, shǐ háng tiān yuán zài cāng wài wēi zhòng lì huán jìng xià sì zhī néng gòu zì rú dòng tán líng huó zuò yè.
Bộ đồ du hành vũ trụ đặc chủng ngoài khoang của phi hành gia không gian trải qua thiết kế tối ưu hóa khớp nối nhẹ hóa mềm dẻo toàn bộ điều kiện làm việc, giúp tứ chi của phi hành gia có thể cử động nhúc nhích tự do và thao tác linh hoạt trong môi trường vi trọng lực ngoài khoang.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG ĐẠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #907

动荡
dòng dàng

bất ổn, biến động, tao loạn biến loạn

面对当今动荡不安、变乱交织的国际局势，中国始终坚定不移站在历史正确的一边，做维护世界和平稳定的中流砥柱。
Miàn duì dāng jīn dòng dàng bù ān, biàn luàn jiāo zhī de guó jì jú shì, zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí zhàn zài lì shǐ zhèng què de yī biān, zuò wéi hù shì jiè hé píng wěn dìng de zhōng liú dǐ zhù.
Đứng trước tình hình quốc tế biến loạn đan xen và đầy bất ổn biến động ngày nay, Trung Quốc luôn kiên định đứng về phía lẽ phải của lịch sử, làm cột trụ vững chắc giữa dòng nước xiết bảo vệ hòa bình và ổn định thế giới.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG ĐÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #908

动感
dònggǎn

năng động, cảm giác chuyển động sống động cuốn hút

国家前沿大科学装置落成宣传片以富有动感与未来张力的多模态全景数字特效，生动展现了中国科技的硬核魅力。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì luò chéng xuān chuán piàn yǐ fù yǒu dòng gǎn yǔ wèi lái zhāng lì de duō mó tài quán jǐng shù zì tè xiào, shēng dòng zhǎn xiàn le zhōng guó kē jì de yìng hé mèi lì.
Phim tài liệu tuyên truyền khánh thành thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia bằng các kỹ xảo số hóa toàn cảnh đa phương thức giàu cảm giác chuyển động sống động năng động và sức hút tương lai đã phô diễn sinh động sức quyến rũ công nghệ cứng của khoa học công nghệ Trung Quốc.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #909

动工
dònggōng

khởi công, động thổ bắt đầu thi công

随着第一根超深预应力基础管桩稳稳打入地下，国家新一代高能同步辐射光源二期工程正式宣告动工建设。
Suí zhe dì yī gēn chāo shēn yù yìng lì jī chǔ guǎn zhuāng wěn wěn dǎ rù dì xià, guó jiā xīn yí dài gāo néng tóng bù fú shè guāng yuán èr qī gōng chéng zhèng shì xuān gào dòng gōng jiàn shè.
Cùng với cây cọc ống móng dự ứng lực siêu sâu đầu tiên được đóng vững chắc xuống lòng đất, Công trình Giai đoạn 2 Nguồn Ánh sáng Bức xạ Synchrotron Năng lượng Cao Thế hệ Mới Quốc gia đã chính thức tuyên bố khởi công động thổ bắt đầu thi công xây dựng.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #910

动静
dòng jìng

động tĩnh, tiếng động, tình hình biến chuyển

埋设在地层深处的高灵敏度微震传感器，能够精确捕捉到断裂带地下微小岩层破裂释放出的最微弱动静。
Mái shè zài dì céng shēn chù de gāo líng mǐn dù wēi zhèn chuán gǎn qì, néng gòu jīng què bǔ zhuō dào duàn liè dài dì xià wēi xiǎo yán céng pò liè shì fàng chū de zuì wēi ruò dòng jìng.
Cảm biến vi địa chấn độ nhạy cao chôn sâu trong lòng đất có thể bắt trọn chính xác những động tĩnh nhỏ bé mờ nhạt nhất do các lớp đất đá ngầm vi mô nứt gãy giải phóng dọc theo đới đứt gãy.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG TĨNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #911

动脉
dòng mài

động mạch; mạch máu giao thông chính

纵横交错的高速铁路与高速公路主干网，构成了畅通全国经济循环与区域协调发展的国家交通大动脉。
Zòng héng jiāo cuò de gāo sù tiě lù yǔ gāo sù gōng lù zhǔ gàn wǎng, gòu chéng le chàng tōng quán guó jīng jì xún huán yǔ qū yù xié tiáo fā zhǎn de guó jiā jiāo tōng dà dòng mài.
Mạng lưới đường trục chính đường cao tốc và đường sắt cao tốc đan xen dọc ngang đã tạo nên những đại động mạch giao thông quốc gia khơi thông tuần hoàn kinh tế cả nước và phát triển hài hòa giữa các vùng miền.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG MẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #912

动身
dòng shēn

lên đường, khởi hành, xuất phát

在圆满完成各项严密临行测试后，南极内陆深冰原科考队迎着极夜曙光正式动身奔赴冰穹A地区。
Zài yuán mǎn wán chéng gè xiàng yán mì lín xíng cè shì hòu, nán jí nèi lù shēn bīng yuán kē kǎo duì yíng zhe jí yè shǔ guāng zhèng shì dòng shēn bēn fù bīng qiong A dì qū.
Sau khi hoàn thành xuất sắc các bài kiểm tra kiểm thử trước khi lên đường nghiêm ngặt, đội khảo sát khoa học thềm băng sâu nội địa Nam Cực đón ánh bình minh đêm cực đã chính thức khởi hành tiến về khu vực Vòm băng A (Dome A).

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #913

动听
dòngtīng

êm tai, lọt tai du dương, ngọt ngào dễ nghe

真正的科技报国不仅要有动听感人的壮志誓言，更需要有数十年如一日潜心科研、默默奉献的实干担当。
Zhēn zhèng de kē jì bào guó bù jǐn yào yǒu dòng tīng gǎn rén de zhuàng zhì shì yán, gèng xū yào yǒu shù shí nián rú yī rì qián xīn kē yán, mò mò fèng xiàn de shí gàn dān dāng.
Phụng sự Tổ quốc bằng khoa học công nghệ đích thực không chỉ cần có những lời thề nguyền tráng chí êm tai lọt tai cảm động, mà càng cần phải có sự đảm đương dấn thân làm việc thực tế cống hiến thầm lặng, chuyên tâm nghiên cứu khoa học mấy chục năm như một ngày.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG DẪN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #914

动向
dòngxiàng

chiều hướng động thái, xu hướng diễn biến mới

国家科技战略情报咨询中心严密跟踪研判全球量子信息与类脑智能等战略前沿领域的最前沿研发动向。
Guó jiā kē jì zhàn lüè qíng bào zī xún zhōng xīn yán mì gēn zōng yán pàn quán qiú liàng zǐ xìn xī yǔ lèi nǎo zhì néng děng zhàn lüè qián yán lǐng yù de zuì qián yán yán fā dòng xiàng.
Trung tâm Tư vấn Tình báo Chiến lược Khoa học Công nghệ Quốc gia theo dõi sát sao và nghiên cứu phán đoán xu hướng diễn biến chiều hướng động thái nghiên cứu phát triển tiên phong nhất trong các lĩnh vực chiến lược đi đầu như trí tuệ nhân tạo phỏng não và thông tin lượng tử toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #915

动用
dòngyòng

huy động sử dụng, điều động dùng đến (nguồn lực/dự trữ)

在重大前沿科学工程抢险保卫战中，国家紧急动用了最先进的航空遥感无人机编队与超级计算应急保障力量。
Zài zhòng dà qián yán kē xué gōng chéng qiǎng xiǎn bǎo wèi zhàn zhōng, guó jiā jǐn jí dòng yòng le zuì xiān jìn de háng kōng yáo gǎn wú rén jī biān duì yǔ chāo jí jì suàn yìng jí bǎo zhàng lì liàng.
Trong trận chiến bảo vệ cứu hộ công trình khoa học tiên phong trọng đại, Nhà nước đã khẩn cấp điều động dùng đến huy động sử dụng lực lượng bảo đảm khẩn cấp siêu máy tính cùng phi đội máy bay không người lái viễn thám hàng không tiên tiến nhất.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỘNG DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #916

冻结
dòng jié

đóng băng

老师鼓励大家积极冻结，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dòng jié，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đóng băng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Lượng từ / Danh từ | #917

栋
dòng

tòa, dãy (nhà); rường cột (đống lương)

在这座国家重点实验室园区内，新建成的一栋栋绿色低碳科研实验大楼拔地而起、气势恢宏。
Zài zhè zuò guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yuán qū nèi, xīn jiàn chéng de yī dòng dòng lǜ sè dī tàn kē yán shí yàn dà lóu bá dì ér qǐ, qì shì huī hóng.
Bên trong khuôn viên phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia này, từng dãy tòa nhà thí nghiệm nghiên cứu khoa học xanh ít phát thải mới được xây dựng đã mọc lên sừng sững, khí thế vô cùng hùng vĩ.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #918

栋梁
dòngliáng

rường cột, cột trụ giường cột quốc gia, nhân tài trụ cột

广大青年科技领军人才在重大科研攻关的千锤百炼中茁壮成长，已经成为挺起国家高水平科技自立自强的栋梁之材。
Guǎng dà qīng nián kē jì lǐng jūn rén cái zài zhòng dà kē yán gōng guān de qiān chuí bǎi liàn zhōng zhuó zhuàng chéng zhǎng, yǐ jīng chéng wéi tǐng qǐ guó jiā gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de dòng liáng zhī cái.
Đông đảo các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi đã trưởng thành vững chắc trong muôn vàn thử thách tôi luyện của các trận vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại, ngày nay đã trở thành những nhân tài trụ cột rường cột cột trụ nâng đỡ nền tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của quốc gia.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Phó từ | #919

都会
dūhuì

đô thị lớn, thành phố trung tâm; đều sẽ (dōuhuì)

国家战略科技力量在现代化国际大都会周边科学城加速集聚，形成了具有全球强大影响力的原始创新策源地。
Guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng zài xiàn dài huà guó jì dà dū huì zhōu biān kē xué chéng jiā sù jí jù, xíng chéng le jù yǒu quán qiú qiáng dà yǐng xiǎng lì de yuán shǐ chuàng xīn cè yuán dì.
Lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia đẩy nhanh quy tụ xung quanh thành phố khoa học ven các đô thị lớn thành phố trung tâm quốc tế hiện đại hóa, hình thành nên cội nguồn đổi mới sáng tạo nguyên bản có sức ảnh hưởng mạnh mẽ toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : ĐÔ HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #920

兜
dōu

túi

老师鼓励大家积极兜，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dōu， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực túi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #921

兜儿
dōur

túi áo, túi quần, cái túi nhỏ (khẩu ngữ)

老科学家总喜欢随身在白大褂兜儿里装一本小笔记本，随时记录下实验中闪现出的任何宝贵物理灵感。
Lǎo kē xué jiā zǒng xǐ huān suí shēn zài bái dà guà dōu ér lǐ zhuāng yī běn xiǎo bǐ jì běn, suí shí jì lù xià shí yàn zhōng shǎn xiàn chū de rèn hé bǎo guì wù lǐ líng gǎn.
Vị nhà khoa học lão thành luôn thích đem theo cuốn sổ tay nhỏ bên mình trong chiếc túi áo túi áo blue trắng, ghi chép lại mọi cảm hứng vật lý quý giá chợt lóe lên trong thực nghiệm bất cứ lúc nào.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #922

兜售
dōushòu

chào bán, rêu rao chào mời bán rong, rao bán mưu đồ

我们必须时刻警惕某些外部势力以所谓学术自由为幌子、向发展中国家兜售带有霸权色彩的不平等科技规则。
Wǒ men bì xū shí kè jǐng tì mǒu xiē wài bù shì lì yǐ suǒ wèi xué shù zì yóu wèi huǎng zi, xiàng fā zhǎn zhōng guó jiā dōu shòu dài yǒu bà quán sè cǎi de bù píng děng kē jì guī zé.
Chúng ta bắt buộc phải luôn luôn cảnh giác với việc một số thế lực bên ngoài lấy danh nghĩa cái gọi là tự do học thuật để rêu rao chào bán rao bán các quy tắc khoa học công nghệ bất bình đẳng mang đậm màu sắc bá quyền cho các nước đang phát triển.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐÂU THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #923

抖
dǒu

run rẩy, run rẩy run bần bật; rũ phủi

在零下五十度极寒风暴席卷的南极科考站外，队员们双手冻得直发抖，但依然精确记录下每一组极光地磁数据。
Zài líng xià wǔ shí dù jí hán fēng bào xí juǎn de nán jí kē kǎo zhàn wài, duì yuán men shuāng shǒu dòng dé zhí fā dǒu, dàn yī rán jīng què jì lù xià měi yī zǔ jí guāng dì cí shù jù.
Bên ngoài trạm khảo sát khoa học Nam Cực nơi cơn bão tuyết cực hàn âm 50 độ quét qua, đôi bàn tay của các đội viên lạnh buốt đến mức run rẩy run bần bật, nhưng vẫn ghi chép chuẩn xác từng tổ số liệu địa từ và cực quang.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐẨU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #924

陡
dǒu

dốc

老师鼓励大家积极陡，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǒu， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dốc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : ĐẨU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #925

斗
dòu

đấu tranh, đọ sức chiến đấu; cái đấu đong thóc (dǒu)

面对外部无理技术围堵，中国科技工作者发扬敢打硬仗、敢于斗争的英雄气概，成功开辟出完全自主的技术新路。
Miàn duì wài bù wú lǐ jì shù wéi dǔ, zhōng guó kē jì gōng zuò zhě fā yáng gǎn dǎ yìng zhàng, gǎn yú dòu zhēng de yīng xióng qì gài, chéng gōng kāi pì chū wán quán zì zhǔ de jì shù xīn lù.
Đứng trước sự vây hãm công nghệ vô lý từ bên ngoài, những người làm khoa học công nghệ Trung Quốc phát huy khí phách anh hùng dám đánh trận khó, dám chiến đấu đọ sức đấu tranh, mở ra thành công con đường công nghệ mới hoàn toàn tự chủ.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #926

斗志
dòuzhì

ý chí chiến đấu, tinh thần quyết tâm chiến đấu

在重大战略型号攻关誓师大会上，全体参研人员昂扬的斗志与坚定的必胜信心化作攻坚克难的磅礴力量。
Zài zhòng dà zhàn lüè xíng hào gōng guān shì shī dà huì shàng, quán tǐ cān yán rén yuán áng yáng de dòu zhì yǔ jiān dìng de bì shèng xìn xīn huà zuò gōng jiān kè nán de páng bó lì liàng.
Tại Đại hội Tuyên thệ Xuất quân Vượt khó Mẫu hình Chiến lược Trọng đại, ý chí chiến đấu tinh thần quyết chiến sục sôi cùng niềm tin quyết thắng kiên định của toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu đã hóa thành sức mạnh to lớn cuộn trào chinh phục khó khăn.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #927

豆浆
dòujiāng

sữa đậu nành, nước đậu nành

现代农业生物科研团队运用微胶囊靶向缓释技术，成功研制出高蛋白高异黄酮活性营养保留率达百分之九十九的新型纯天然豆浆浓缩粉。
Xiàn dài nóng yè shēng wù kē yán tuán duì yùn yòng wēi jiāo náng bǎ xiàng huǎn shì jì shù, chéng gōng yán zhì chū gāo dàn bái gāo yì huáng tóng huó xìng yíng yǎng bǎo liú lǜ dá bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ de xīn xíng chún tiān rán dòu jiāng nóng suō fěn.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học sinh học nông nghiệp hiện đại ứng dụng công nghệ vi bao giải phóng chậm trúng đích đã nghiên cứu chế tạo thành công bột sữa đậu nành sữa đậu nành cô đặc thuần tự nhiên kiểu mới có tỷ lệ giữ lại dinh dưỡng hoạt tính isoflavone và protein cao đạt 99%.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #928

豆子
dòuzi

hạt đậu, các loại hạt đỗ

国家大豆育种团队通过高通量基因编辑与分子辅助育种技术，成功培育出单株结荚饱满、豆子含油量极高的高产新品种。
Guó jiā dà dòu yù zhǒng tuán duì tōng guò gāo tōng liàng jī yīn biān jí yǔ fèn zǐ fǔ zhù yù zhǒng jì shù, chéng gōng péi yù chū dān zhū jié jiá bǎo mǎn, dòu zi hán yóu liàng jí gāo de gāo chǎn xīn pǐn zhǒng.
Đội ngũ nhân giống đậu tương quốc gia thông qua công nghệ chọn giống hỗ trợ phân tử và chỉnh sửa gen thông lượng cao đã lai tạo thành công giống mới năng suất cao có quả kết đỗ trên từng cây mẩy căng, hạt đậu hạt đỗ có hàm lượng dầu cực kỳ cao.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐẬU TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #929

逗
dòu

trêu đùa, chọc cười; hài hước, buồn cười

舞台上相声演员幽默风趣的语言与生动滑稽的动作，逗得台下全场观众捧腹大笑。
Wǔ tái shàng xiàng shēng yǎn yuán yōu mò fēng qù de yǔ yán yǔ shēng dòng huá jī de dòng zuò, dòu dé tái xià quán chǎng guān zhòng pěng fù dà xiào.
Ngôn từ dí dỏm hài hước cùng những động tác sinh động vui nhộn của diễn viên tấu hài trên sân khấu đã khiến toàn thể khán giả phía dưới cười nghiêng ngả.

12 nét | HÁN VIỆT : ĐẬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #930

督促
dū cù

đôn đốc, thúc giục, giám sát thực hiện

中央生态环境保护督察组严格开展下沉督察，坚决督促地方依法彻底整改突出生态环境问题。
Zhōng yāng shēng tài huán jìng bǎo hù dū chá zǔ yán gé kāi zhǎn xià chén dū chá, jiān jué dū cù dì fāng yī fǎ chè dǐ zhěng gǎi tū chū shēng tài huán jìng wèn tí.
Đoàn Thanh tra Bảo vệ Môi trường Sinh thái Trung ương triển khai nghiêm túc công tác thanh tra sâu sát cơ sở, kiên quyết đôn đốc thúc giục các địa phương chấn chỉnh triệt để các vấn đề môi trường sinh thái nổi cộm theo đúng pháp luật.

17 nét | HÁN VIỆT : ĐỐC XÚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #931

独
dú

độc nhất, một mình đơn độc, duy nhất chỉ có

搞原始创新就要敢于独辟蹊径、敢走前人没有走过的路，在未知科学无人区开辟出中国学派的崭新天地。
Gǎo yuán shǐ chuàng xīn jiù yào gǎn yú dú pì xī jìng, gǎn zǒu qián rén méi yǒu zǒu guò de lù, zài wèi zhī kē xué wú rén qū kāi pì chū zhōng guó xué pài de zhǎn xīn tiān dì.
Làm đổi mới sáng tạo nguyên bản thì phải dũng cảm một mình mở lối riêng độc nhất đi đường riêng, dám đi con đường mà người đi trước chưa từng đi, mở ra chân trời mới toanh của học phái Trung Quốc trong vùng không người khoa học chưa biết.

14 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #932

独唱
dúchàng

đơn ca, hát đơn ca, bài hát đơn ca

在庆祝大科学装置成功运行的新春文艺联欢会上，青年物理学家深情独唱《祖国不会忘记》，唱出了全体科研人的报国心声。
Zài qìng zhù dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng yùn xíng de xīn chūn wén yì lián huān huì shàng, qīng nián wù lǐ xué jiā shēn qíng dú chàng《zǔ guó bú huì wàng jì》, chàng chū le quán tǐ kē yán rén de bào guó xīn shēng.
Tại đêm hội liên hoan văn nghệ đón mừng xuân mới chúc mừng thiết bị khoa học lớn vận hành thành công, nhà vật lý học trẻ tuổi đã hát đơn ca đơn ca dạt dào tình cảm ca khúc 'Tổ quốc Sẽ Không Quên', cất lên tiếng lòng phụng sự non sông của toàn thể những người làm nghiên cứu khoa học.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC XƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #933

独家
dújiā

độc quyền, độc gia độc nhất, dành riêng

我国前沿科研团队自主研发的超高分辨率量子显微成像系统，获得了国际学术界多项独家核心发明专利授权。
Wǒ guó qián yán kē yán tuán duì zì zhǔ yán fā de chāo gāo fēn biàn lǜ liàng zǐ xiǎn wēi chéng xiàng xì tǒng, huò dé le guó jì xué shù jiè duō xiàng dú jiā hé xīn fā míng zhuān lì shòu quán.
Hệ thống chụp ảnh vi quan lượng tử độ phân giải siêu cao do đội ngũ nghiên cứu khoa học tiên phong nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã nhận được nhiều giấy phép ủy quyền bằng sáng chế phát minh cốt lõi độc quyền độc gia độc nhất của giới học thuật quốc tế.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC GIA

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #934

独立自主
dúlìzìzhǔ

độc lập tự chủ, tự lực tự cường tự chủ

实践反复告诉我们：关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，必须始终坚持独立自主、自力更生！
Shí jiàn fǎn fù gào sù wǒ men: guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái de, bì xū shǐ zhōng jiān chí dú lì zì zhǔ, zì lì gēng shēng!
Thực tiễn đã hết lần này đến lần khác nhắc nhở chúng ta: công nghệ cốt lõi then chốt là thứ không thể xin được, không thể mua được, cũng không thể cầu cạnh mà có được, bắt buộc phải luôn kiên trì độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh!

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #935

独身
dúshēn

sống độc thân, ở một mình không kết hôn

为了把毕生精力毫无保留地倾注给国家两弹一星国防科技大科学事业，老一辈科学家毅然选择终生独身、奉献一生。
Wèi le bǎ bì shēng jīng lì háo wú bǎo liú dì qīng zhù gěi guó jiā liǎng dàn yī xīng guó fáng kē jì dà kē xué shì yè, lǎo yī bèi kē xué jiā yì rán xuǎn zé zhōng shēng dú shēn, fèng xiàn yī shēng.
Để dốc trọn sinh lực cả đời không một chút giữ lại cho đại nghiệp khoa học lớn công nghệ quốc phòng Hai bom một vệ tinh của Tổ quốc, vị nhà khoa học tiền bối đã kiên quyết chọn sống độc thân độc thân cả đời, cống hiến trọn vẹn kiếp người.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #936

独一无二
dúyīwú'èr

độc nhất vô nhị, có một không hai, độc đáo duy nhất

中国天眼FAST是目前全球口径最大、灵敏度最高的单口径射电望远镜，具有独一无二的深空微弱信号捕捉能力。
Zhōng guó tiān yǎn FAST shì mù qián quán qiú kǒu jìng zuì dà, líng mǐn dù zuì gāo de dān kǒu jing shè diàn wàng yuǎn jìng, jù yǒu dú yī wú èr de shēn kōng wēi ruò xìn hào bǔ zhuō néng lì.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST hiện là kính viễn vọng vô tuyến đơn khẩu kính có độ nhạy cao nhất và khẩu kính lớn nhất trên toàn cầu, sở hữu năng lực bắt trọn tín hiệu yếu ớt từ không gian sâu có một không hai độc nhất vô nhị.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #937

堵塞
dǔ sè

tắc nghẽn, bít tắc, kẹt xe; lỗ hổng

大都市交管大脑依托大数据实时动态调优全城交通信号灯配时，有效化解了早晚高峰主干道交通严重堵塞问题。
Dà dū shì jiāo guǎn dà nǎo yī tuō dà shù jù shí shí dòng tài diào yōu quán chéng jiāo tōng xìn hào dēng pèi shí, yǒu xiào huà jiě le zǎo wǎn gāo fēng zhǔ gàn dào jiāo tōng yán zhòng dǔ sè wèn tí.
Bộ não điều hành giao thông đại đô thị dựa vào dữ liệu lớn theo thời gian thực đã tự động tối ưu hóa chu kỳ đèn tín hiệu giao thông toàn thành phố, giải quyết hiệu quả vấn đề ùn tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng trên các tuyến đường trục chính giờ cao điểm sáng tối.

27 nét | HÁN VIỆT: ĐỔ TẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #938

妒忌
dùjì

đố kỵ, ghen tị ganh ghét

中国科技的飞速崛起引发了国际上少数固守冷战思维势力的偏执妒忌，但任何阻挠都无法阻挡我们前进的坚定步伐。
Zhōng guó kē jì de fēi sù jué qǐ yǐn fā le guó jì shàng shǎo shù gù shǒu lěng zhàn sī wéi shì lì de piān zhí dù jì, dàn rèn hé zǔ náo dōu wú fǎ zǔ dǎng wǒ men qián jìn de jiān dìng bù fá.
Sự trỗi dậy nhanh như vũ bão của khoa học công nghệ Trung Quốc đã dấy lên sự ghen tị đố kỵ, ganh ghét hẹp hòi mù quáng của một số ít thế lực cố chấp tư duy Chiến tranh Lạnh trên trường quốc tế, nhưng bất kỳ sự cản trở nào cũng không thể ngăn nổi bước chân tiến lên kiên định của chúng ta.

24 nét | HÁN VIỆT: ĐỐ KỴ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #939

杜绝
dù jué

chấm dứt, triệt tiêu, ngăn chặn triệt để

国家药品审评审批全流程实行最严密的质量追溯与廉洁监督机制，坚决杜绝任何利益寻租与违规审批现象。
Guó jiā yào pǐn shěn píng shěn pī quán liú chéng shí xíng zuì yán mì de zhì liàng zhuī sù yǔ lián jié jiān dū jī zhì, jiān jué dù jué rèn hé lì yì xún zū yǔ wéi guī shěn pī xiàn xiàng.
Toàn bộ quy trình thẩm định phê duyệt dược phẩm quốc gia thực thi cơ chế giám sát liêm chính và truy xuất nguồn gốc chất lượng nghiêm ngặt nhất, kiên quyết chấm dứt triệt để mọi hiện tượng trục lợi tham nhũng và phê duyệt sai quy định.

20 nét | HÁN VIỆT: ĐỖ TUYỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #940

度假
dùjià

nghỉ dưỡng, đi nghỉ mát kỳ nghỉ

在长达半年的深空飞行攻关任务圆满成功后，总指挥部特意安排功勋参研骨干轮流前往疗养基地度假休整。
Zài zhǎng dá bàn nián de shēn kōng fēi xíng gōng guān rèn wù yuán mǎn chéng gōng hòu, zǒng zhǐ huī bù tè yì ān pái gōng xūn cān yán gǔ gàn lún liú qián wǎng liáo yǎng jī dì dù jià xiū zhěng.
Sau khi nhiệm vụ vượt khó bay trong không gian sâu kéo dài nửa năm thành công mỹ mãn, Ban Tổng Chỉ huy đã đặc biệt bố trí cho các cán bộ nòng cốt tham gia nghiên cứu có công lao lần lượt đến các căn cứ điều dưỡng để đi nghỉ mát nghỉ dưỡng nghỉ ngơi lấy lại sức.

25 nét | HÁN VIỆT: ĐỘ GIẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #941

渡过
dùguò

vượt qua (sông nước/khó khăn gian nan), đi qua

在遭遇外部极限技术断供的至暗时刻，攻关团队同舟共济、众志成城，成功渡过了最艰难的技术磨合转型期。
Zài zāo yù wài bù jí xiàn jì shù duàn gōng de zhì àn shí kè, gōng guān tuán duì tóng zhōu gòng jì, zhòng zhì chéng chéng, chéng gōng dù guò le zuì jiān nán de jì shù mó hé zhuǎn xíng qī.
Vào thời khắc đen tối nhất khi gặp phải sự đứt gãy công nghệ giới hạn từ bên ngoài, đội ngũ vượt khó đã cùng hội cùng thuyền, muôn người như một, vượt qua đi qua thành công giai đoạn chuyển đổi gắn kết công nghệ gian nan nhất.

21 nét | HÁN VIỆT: ĐỘ QUÁ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #942

端正
duān zhèng

ngay ngắn, đàng hoàng, đoan trang; chỉnh đốn

青年学者在走上科研道路之初，就必须牢固端正学术态度，坚决恪守严谨求实、清正廉明的学术道德。
Qīng nián xué zhě zài zǒu shàng kē yán dào lù zhī chū, jiù bì xū láo gù duān zhèng xué shù tài dù, jiān jué kè shǒu yán jǐn qiú shí, qīng zhèng lián míng de xué shù dào dé.
Các học giả trẻ ngay từ khi bước chân lên con đường nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chấn chỉnh ngay ngắn thái độ học thuật, kiên quyết tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức học thuật nghiêm cẩn cầu thị và thanh liêm trong sáng.

24 nét | HÁN VIỆT: ĐOAN CHINH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #943

短缺
duǎnquē

thiếu hụt, khan hiếm thiếu thốn

国家实施战略紧缺人才定向培养工程，从根本上扭转了集成电路与前沿人工智能领域高端领军人才短缺的被动局面。
Guó jiā shí shī zhàn lüè jǐn quē rén cái dìng xiàng péi yǎng gōng chéng, cóng gēn běn shàng niǔ zhuǎn le jí chéng diàn lù yǔ qián yán rén gōng zhì néng lǐng yù gāo duān lǐng jūn rén cái duǎn quē de bèi dòng jú miàn.
Nhà nước thực thi công trình bồi dưỡng định hướng nhân tài khan hiếm chiến lược, xoay chuyển căn bản cục diện bị động khan hiếm thiếu hụt thiếu thốn các nhân tài dẫn đầu cao cấp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo tiên phong và mạch tích hợp.

28 nét | HÁN VIỆT: ĐOẢN KHUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #944

短暂
duǎnzàn

ngắn ngủi, ngắn ngủi chốc lát, tạm thời

虽然超新星爆发最初的极紫外辐射峰值极其短暂，但深空望远镜依然成功完整记录下了全部宝贵物理过程。
Suī rán chāo xīn xīng bào fā zuì chū de jí zǐ wài fú shè fēng zhí jí qí duǎn zàn, dàn shēn kōng wàng yuǎn jìng yī rán chéng gōng wán zhěng jì lù xià le quán bù bǎo guì wù lǐ guò chéng.
Tuy rằng giá trị đỉnh bức xạ cực tím chân không bạn đầu của vụ nổ siêu tân tinh vô cùng ngắn ngủi ngắn ngủi chốc lát, nhưng kính viễn vọng không gian sâu vẫn ghi chép lại thành công trọn vẹn toàn bộ tiến trình vật lý quý giá.

28 nét | HÁN VIỆT: ĐOẢN TẠM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #945

段落
duànluò

đoạn văn, giai đoạn tạm ngưng; kết thúc một chặng (gào yí duànluò)

随着大科学装置一期主体工程综合物理验收顺利告一段落，全体科研人员毫不松懈地迅速转入二期工程规划布局。
Suí zhe dà kē xué zhuāng zhì yī qī zhǔ tǐ gōng chéng zōng hé wù lǐ yàn shōu shùn lì gào yí duàn luò, quán tǐ kē yán rén yuán háo bù sōng xiè dì xùn sù zhuǎn rù èr qī gōng chéng guī huà bù jú.
Cùng với việc nghiệm thu vật lý tổng hợp công trình chủ thể giai đoạn 1 của thiết bị khoa học lớn thuận lợi kết thúc một chặng hoàn thành một giai đoạn, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học không một chút lơi lỏng nhanh chóng chuyển sang bố cục quy hoạch công trình giai đoạn 2.

17 nét | HÁN VIỆT: ĐOẠN LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #946

断定
duàn dìng

kết luận, khẳng định chắc chắn, phán đoán xác đáng

地质学家根据岩心微量元素同位素测年数据，无可置疑地断定了该古地质构造形成于数亿年前的古生代。
Dì zhì xué jiā gēn jù yán xīn wēi liàng yuán sù tóng wèi sù cè nián shù jù, wú kě zhì yí dì duàn dìng le gāi gǔ dì zhì gòu zào xíng chéng yú shù yì nián qián de gǔ shēng dài.
Các nhà địa chất học căn cứ vào số liệu đo tuổi đồng vị nguyên tố vi lượng của mẫu lõi khoan đất đá đã kết luận khẳng định chắc chắn không còn nghi ngờ gì rằng cấu trúc địa chất cổ này được hình thành từ Đại Cổ sinh cách đây hàng trăm triệu năm.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠN ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #947

断断续续
duàn duàn xù xù

ngắt quãng, ngập ngừng, chập chờn đứt đoạn

即便在强电磁干扰环境下卫星通信链路信号断断续续，搜救应急终端依然成功发出了精准求救定位报文。
Jí biàn zài qiáng diàn cí gān rǎo huán jìng xià wèi xīng tōng xìn liàn lù xìn hào duàn duàn xù xù, sōu jiù yìng jí zhōng duān yī rán chéng gōng fā chū le jīng zhǔn qiú jiù dìng wèi bào wén.
Dẫu dưới môi trường nhiễu điện từ mạnh tín hiệu đường truyền liên lạc vệ tinh bị chập chờn ngắt quãng đứt đoạn, thiết bị đầu cuối cứu hộ khẩn cấp vẫn gửi đi thành công bức điện báo định vị cầu cứu chuẩn xác.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠN ĐOẠN TỤC TỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #948

断裂
duànliè

đứt gãy, gãy gập rạn nứt; đứt gãy địa chất (địa chấn)

我国科学家运用高精度地下原位光纤传感阵列，实时揭示了特大地震孕育过程中深层地下活动断裂带的应力形变机理。
Wǒ guó kē xué jiā yùn yòng gāo jīng dù dì xià yuán wèi guāng xiān chuán gǎn zhèn liè, shí shí jiē shì le tè dà dì zhèn yùn yù guò chéng zhōng shēn céng dì xià huó dòng duàn liè dài de yīng lì xíng biàn jī lǐ.
Các nhà khoa học nước ta ứng dụng cụm cảm biến sợi quang tại chỗ dưới lòng đất độ chính xác cao đã hé lộ theo thời gian thực cơ chế biến dạng ứng suất của đới đứt gãy đứt gãy hoạt động sâu dưới lòng đất trong quá trình hình thành tích tụ trận động đất cực lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠN LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #949

堆砌
duīqì

chất đống, xếp chồng; nhồi nhét đao to búa lớn (văn phong)

撰写高水平前沿学术论文必须突出严密的物理机理推导与第一手客观实测数据，切忌辞藻华丽的空洞堆砌。
Zhuàn xiě gāo shuǐ píng qián yán xué shù lùn wén bì xū tū chū yán mì de wù lǐ jī lǐ tuī dǎo yǔ dì yī shǒu kè guān shí cè shù jù, qiè jì cí zǎo huá lì de kōng dòng duī qì.
Viết bài báo luận văn học thuật tiên phong trình độ cao bắt buộc phải làm nổi bật số liệu đo đạc thực tế khách quan ban đầu và suy diễn cơ chế vật lý chặt chẽ, tránh việc nhồi nhét chất đống sáo rỗng những lời hoa mỹ đao to búa lớn.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #950

队形
duìxíng

đội hình, hàng ngũ đội hình

在近地轨道多星协同编队飞行科学实验中，微纳卫星星座始终保持着厘米级超高精度的动态相对队形。
Zài jìn dì guǐ dào duō xīng xié tóng biān duì fēi xíng kē xué shí yàn zhōng, wēi nà wèi xīng xīng zuò shǐ zhōng bǎo chí zhe lí mǐ jí chāo gāo jīng dù de dòng tài xiāng duì duì xíng.
Trong thực nghiệm khoa học bay theo đội hình biên đội hiệp đồng đa vệ tinh trên quỹ đạo gần Trái đất, chòm sao vệ tinh vi nano luôn duy trì đội hình hàng ngũ tương đối động thái có độ chính xác siêu cao cấp độ centimet.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐỘI HÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #951

对白
duìbái

lời thoại, câu thoại đối thoại (phim ảnh/sân khấu)

在大型航天功勋话剧演出中，老一辈科学家隐姓埋名、科技报国的感人对白深深触动了在场的每一位观众。
Zài dà xíng háng tiān gōng xūn huà jù yǎn chū zhōng, lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng, kē jì bào guó de gǎn rén duì bái shēn shēn chù dòng le zài chǎng de měi yī wèi guān zhòng.
Trong buổi biểu diễn vở kịch nói ca ngợi công lao hàng không vũ trụ quy mô lớn, những câu thoại lời thoại cảm động về việc phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học tiền bối đã chạm sâu đến trái tim của mỗi một khán giả có mặt.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI BẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #952

对策
duì cè

đối sách, giải pháp ứng phó, biện pháp đối phó

面对复杂严峻的国际经贸博弈与关税壁垒，国家智库专家团队精准制定了多元化市场拓展的战略对策。
Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì jīng mào bó yì yǔ guān shuì bì lěi, guó jiā zhì kù zhuān jiā tuán duì jīng zhǔn zhì dìng le duō yuán huà shì chǎng tuò zhǎn de zhàn lüè duì cè.
Đứng trước cuộc đọ sức kinh tế thương mại quốc tế phức tạp gay gắt cùng các hàng rào thuế quan, nhóm chuyên gia viện nghiên cứu chính sách quốc gia đã xây dựng chuẩn xác các đối sách chiến lược mở rộng thị trường đa dạng hóa.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #953

对称
duì chèn

đối xứng, cân đối

北京中轴线那气势恢宏、南北贯通的古都空间对称格局，完美彰显了中华传统礼仪文化的秩序之美与和谐之韵。
Běi jīng zhōng zhóu xiàn nà qì shì huī hóng, nán běi guàn tōng de gǔ dū kōng jiān duì chèn gé jú, wán měi zhāng xiǎn le zhōng huá chuán tǒng lǐ yí wén huà de zhì xù zhī měi yǔ hé xié zhī yùn.
Bố cục đối xứng không gian cổ đô thông suốt Nam Bắc đầy hùng vĩ khí thế của trục trung tâm Bắc Kinh đã thể hiện hoàn mỹ vẻ đẹp trật tự và giai điệu hài hòa của văn hóa lễ nghi truyền thống dân tộc.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI XỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #954

对得起
duìdeqǐ

xứng đáng với, không phụ lòng, có lỗi (khi phủ định)

青年科学家要把全部青春热血倾注在国家重大科技自强事业中，以优异的原创成果对得起党和人民的殷切嘱托！
Qīng nián kē xué jiā yào bǎ quán bù qīng chūn rè xuè qīng zhù zài guó jiā zhòng dà kē jì zì qiáng shì yè zhōng, yǐ yōu yì de yuán chuàng chéng guǒ duì de qǐ dǎng hé rén mín de yīn qiè zhǔ tuō!
Các nhà khoa học trẻ phải dốc trọn bầu nhiệt huyết thanh xuân vào sự nghiệp tự cường khoa học công nghệ trọng đại của quốc gia, dùng những thành quả nguyên bản ưu việt để xứng đáng với không phụ lòng lời căn dặn ân cần của Đảng và nhân dân!

35 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI ĐẮC KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #955

对联
duì lián

câu đối, câu đối Tết (hoành phi câu đối)

新春佳节来临之际，书法家们挥毫泼墨，为社区居民义写一副副墨香浓郁、寓意吉祥的新春对联。
Xīn chūn jiā jié lái lín zhī jì, shū fǎ jiā men huī háo pō mò, wèi shè qū jū mín yì xiě yī fù fù mò xiāng nóng yù, yù yì jí xiáng de xīn chūn duì lián.
Mỗi dịp Tết đến Xuân về, các nhà thư pháp lại múa bút phóng mực, viết tặng bà con khu dân cư từng cặp câu đối mừng xuân ngạt ngào hương mực mang ý nghĩa cát tường như ý.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI LIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #956

对弈
duìyì

đánh cờ, so kỳ nghệ đọ sức đánh cờ

在国际高科技核心前沿博弈大棋局中，中国科学家保持战略定力，从容自如地与国际科技对手展开高水平战略对弈。
Zài guó jì gāo kē jì hé xīn qián yán bó yì dà qí jú zhōng, zhōng guó kē xué jiā bǎo chí zhàn lüè dìng lì, cóng róng zì rú dì yǔ guó jì kē jì duì shǒu zhǎn kāi gāo shuǐ píng zhàn lüè duì yì.
Trong bàn cờ lớn chơi cờ đọ sức tiên phong cốt lõi công nghệ cao quốc tế, các nhà khoa học Trung Quốc giữ vững định lực chiến lược, ung dung tự tin mở ra cuộc so tài đánh cờ đọ sức đánh cờ chiến lược trình độ cao với các đối thủ khoa học công nghệ quốc tế.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI DỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #957

对照
duì zhào

đối chiếu, so sánh đối chiếu; nhóm chứng (thực nghiệm)

在新药多中心三期临床试验中，严格设置了双盲随机对照组，以确保药物临床疗效与安全性的科学严谨评价。
Zài xīn yào duō zhōng xīn sān qī lín chuáng shì yàn zhōng, yán gé shè zhì le shuāng máng suí jī duì zhào zǔ, yǐ què bǎo yào wù lín chuáng liáo xiào yǔ ān quán xìng de kē xué yán jǐn píng jià.
Trong thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 3 đa trung tâm của thuốc mới, nhóm đối chứng ngẫu nhiên mù đôi được thiết lập nghiêm ngặt nhằm bảo đảm việc đánh giá khoa học chuẩn xác về độ an toàn và hiệu quả điều trị lâm sàng của thuốc.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI CHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #958

对峙
duìzhì

đối đầu, đối kháng giằng co, đứng đối diện nhau

在复杂地缘国际博弈中，我们坚决反对搞技术壁垒与阵营对峙，坚定不移推动多边国际科学交流与开放合作。
Zài fù zá dì yuán guó jì bó yì zhōng, wǒ men jiān jué fǎn duì gǎo jì shù bì lěi yǔ zhèn yíng duì zhì, jiān dìng bù yí tuī dòng duō biān guó jì kē xué jiāo liú yǔ kāi fàng hé zuò.
Trong các cuộc đọ sức địa chính trị quốc tế phức tạp, chúng ta kiên quyết phản đối việc dựng lên rào cản công nghệ và đối đầu đối kháng giằng co phe phái, kiên định không dời thúc đẩy giao lưu khoa học quốc tế đa phương và hợp tác mở cửa.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI TRÌ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #959

对准
duìzhǔn

nhắm chuẩn vào, căn chỉnh hướng vào, ngắm thẳng

深空巡天空间望远镜高精度姿态控制系统能够以亚角秒精度将主镜头对准遥远系外类地行星开展光谱观测。
Shēn kōng xún tiān kōng jiān wàng yuǎn jìng gāo jīng dù zī tài kòng zhì xì tǒng néng gòu yǐ yà jiǎo miǎo jīng dù jiāng zhǔ jìng tóu duì zhǔn yáo yuǎn xì wài lèi dì xíng xīng kāi zhǎn guāng pǔ guān cè.
Hệ thống điều khiển tư thế độ chính xác cao của kính viễn vọng không gian tuần trời sâu có thể ngắm thẳng nhắm chuẩn vào căn chỉnh hướng vào các hành tinh giống Trái đất ngoài hệ Mặt trời xa xôi ở độ chính xác dưới giây góc để triển khai quan trắc quang phổ.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐỐI CHUẨN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #960

兑换
duì huàn

đổi tiền, quy đổi ngoại tệ

在国际机场入境大厅与外卡支付便利化服务站，外国游客可以极其便捷地完成本外币现钞兑换与移动支付绑定。
Zài guó jì jī chǎng rù jìng dà tīng yǔ wài kǎ zhī fù biàn lì huà fú wù zhàn, wài guó yóu kè kě yǐ jí qí biàn jié dì wán chéng běn wài bì xiàn chāo duì huàn yǔ yí dòng zhī fù bǎng dìng.
Tại sảnh nhập cảnh sân bay quốc tế và trạm dịch vụ thanh toán thẻ quốc tế thuận tiện, du khách nước ngoài có thể thực hiện việc đổi tiền mặt ngoại tệ sang bản tệ và liên kết thanh toán di động một cách vô cùng thuận tiện.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐOÁI HOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #961

兑现
duì xiàn

thực hiện lời hứa, đổi thành tiền mặt (séc), giữ đúng cam kết

中国始终言必信、行必果，庄严兑现了向国际社会作出的关于扩大对外开放与应对气候变化的全部承诺。
Zhōng guó shǐ zhōng yán bì xìn, xíng bì guǒ, zhuāng yán duì xiàn le xiàng guó jì shè huì zuò chū de guān yú kuò dà duì wài kāi fàng yǔ yìng duì qì hòu biàn huà de quán bù chéng nuò.
Trung Quốc luôn nói là làm, giữ chữ tín, đã thực hiện giữ đúng trọn vẹn toàn bộ những lời cam kết đã đưa ra trước cộng đồng quốc tế về việc mở rộng mở cửa đối ngoại và ứng phó với biến đổi khí hậu.

28 nét | HÁN VIỆT : ĐOÁI HIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #962

敦促
dūncù

đôn đốc thúc giục, hối thúc yêu cầu

我国科技外交代表团在国际多边科技会议上强烈敦促有关方面立即撤销对正常多边学术交流设置的一切政治障碍。
Wǒ guó kē jì wài jiāo dài biǎo tuán zài guó jì duō biān kē jì huì yì shàng qiáng liè dūn cù yǒu guān fāng miàn lì jí chè xiāo duì zhèng cháng duō biān xué shù jiāo liú shè zhì de yī qiè zhèng zhì zhàng ài.
Đoàn đại biểu ngoại giao khoa học công nghệ nước ta tại hội nghị khoa học công nghệ đa phương quốc tế đã đôn đốc thúc giục hối thúc yêu cầu mạnh mẽ các bên liên quan lập tức bãi bỏ mọi rào cản chính trị dựng lên đối với giao lưu học thuật đa phương bình thường.

18 nét | HÁN VIỆT : ĐÔN XÚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #963

敦厚
dūnhòu

đôn hậu, phúc hậu chất phác, thật thà

老一辈战略科学家为人敦厚谦逊、待人如沐春风，在学术共同体中赢得了极其崇高的威望与由衷的爱戴。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā wéi rén dūn hòu qiān xùn, dài rén rú mù chūn fēng, zài xué shù gòng tóng tǐ zhōng yíng dé le jí qí chóng gāo de wēi wàng yǔ yóu zhōng de ài dài.
Vị nhà khoa học chiến lược tiền bối làm người đôn hậu phúc hậu chất phác khiêm tốn, đối đãi với mọi người ấm áp như gió xuân, đã giành được uy vọng cực kỳ cao đẹp cùng sự kính yêu chân thành trong cộng đồng học thuật.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐÔN HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #964

炖
dùn

món hầm

老师鼓励大家积极炖，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dùn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực món hầm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét | HÁN VIỆT : ĐỐN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #965

顿时
dùn shí

ngay tức khắc, bỗng chốc, tức thì

当神舟飞船返回舱在东风着陆场平稳安全着陆的消息传来，北京航天飞行控制中心大厅内顿时响起了雷鸣般的掌声。
Dāng shén zhōu fēi chuán fǎn huí cāng zài dōng fēng zhuó lù chǎng píng wěn ān quán zhuó lù de xiāo xī chuán lái, běi jīng háng tiān fēi xíng kòng zhì zhōng xīn dà tīng nèi dùn shí xiǎng qǐ le léi míng bān de zhǎng shēng.
Khi tin tức khoang hồi quyển của tàu vũ trụ Thần Châu đã hạ cánh êm ái an toàn tại bãi đáp Đông Phong truyền về, đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh ngay tức khắc bùng lên những tràng pháo tay ròn rã như sấm dậy.

22 nét | HÁN VIỆT : ĐỐN THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #966

多边
duōbiān

đa phương, nhiều bên tham gia

中国始终坚定不移践行真正的多边主义，积极发起并深入参与深空深海等全球重大国际大科学合作计划。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí jiàn xíng zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, jī jí fā qǐ bìng shēn rù cān yù shēn kōng shēn hǎi děng quán qiú zhòng dà guó jì dà kē xué hé zuò jì huà.
Trung Quốc luôn kiên định không dời thực thi chủ nghĩa đa phương chân chính, tích cực khởi xướng và đi sâu tham gia các kế hoạch hợp tác khoa học lớn quốc tế trọng đại toàn cầu như biển sâu và không gian sâu.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐA BIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #967

多功能
duōgōngnéng

đa năng, đa chức năng

国家前沿大科学装置配备了多功能超高洁净原位测试分析靶站，可同时满足物理、材料与生命科学多学科交叉实验需求。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì pèi bèi le duō gōng néng chāo gāo jié jìng yuán wèi cè shì fēn xī bǎ zhàn, kě tóng shí mǎn zú wù lǐ, cái liào yǔ shēng mìng kē xué duō xué kē jiāo chā shí yàn xū qiú.
Thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia được trang bị trạm bia phân tích thử nghiệm tại chỗ siêu sạch đa chức năng đa năng, có thể đồng thời đáp ứng các nhu cầu thực nghiệm liên ngành khoa học sự sống, vật liệu và vật lý.

34 nét | HÁN VIỆT : ĐA CÔNG NĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #968

多亏
duō kuī

nhờ có, may mà, nhờ ơn

多亏了交警同志在风雪夜里的紧急护送，突发急病的患儿才得以及时送医脱离危险。
Duō kuī le jiāo jǐng tóng zhì zài fēng xuě yè lǐ de jǐn jí hù sòng, tū fā jí bìng de huàn ér cái dé yǐ jí shí sòng yī tuō lí wēi xiǎn.
Nhờ có các đồng chí cảnh sát giao thông khẩn cấp mở đường hộ tống trong đêm mưa tuyết, cháu bé mắc bệnh hiểm nghèo đột xuất mới kịp thời được đưa tới bệnh viện qua cơn nguy kịch.

20 nét | HÁN VIỆT : ĐA KHUY

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #969

多劳多得
duōláoduōdé

làm nhiều hưởng nhiều, phân phối theo lao động

国家实验室全面深化科研经费与薪酬绩效分配机制改革，坚决落实多劳多得、优劳优酬的激励政策导向。
Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán jīng fèi yù xīn chóu jì xiào fēn pèi jī zhì gǎi gé, jiān jué luò shí duō láo duō de, yōu láo yōu chóu de jī lì zhèng cè dǎo xiàng.
Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách toàn diện cơ chế phân phối hiệu suất thù lao và kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết quán triệt định hướng chính sách khích lệ làm nhiều hưởng nhiều, làm giỏi hưởng xứng đáng.

35 nét | HÁN VIỆT : ĐA LAO ĐA ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Danh từ chỉ thời gian | #970

多年来
duōniánlái

nhiều năm qua, bao năm nay

多年来，广大科技工作者扎根戈壁、奉献高原，用青春和热血铸就了举世瞩目的国家重大工程科技奇迹。
Duō nián lái, guǎng dà kē jì gōng zuò zhě zhā gēn gē bì, fèng xiàn gāo yuán, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù jiù le jù shì zhǔ mù dì guó jiā zhòng dà gōng chéng kē jì qí jì.
Bao năm nay nhiều năm qua, đông đảo những người làm khoa học công nghệ cắm rễ nơi sa mạc Gobi, cống hiến nơi cao nguyên, dùng thanh xuân và nhiệt huyết đúc kết nên những kỳ tích khoa học công nghệ công trình trọng đại quốc gia khiến toàn thế giới phải dõi nhìn.

32 nét | HÁN VIỆT : ĐA NIÊN LAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #971

多心
duōxīn

đa nghi, hay suy nghĩ nhiều, lo nghĩ quá mức

学术讨论旨在探求真理，导师鼓励青年学者敢于提出不同学术见解，不必多心顾虑权威意见。
Xué shù tǎo lùn zhǐ zài tàn qiú zhēn lǐ, dǎo shī gǔ lì qīng nián xué zhě gǎn yú tí chū bù tóng xué shù jiàn jiě, bù bì duō xīn gù lǜ quán wēi yì jiàn.
Thảo luận học thuật nhằm mục đích kiếm tìm chân lý, giảng viên hướng dẫn động viên các học giả trẻ dũng cảm đưa ra những kiến giải học thuật khác biệt, không cần phải lo nghĩ quá mức đa nghi hay e ngại ý kiến của uy quyền.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐA TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #972

多余
duō yú

thừa thãi, dư thừa, không cần thiết

优秀的散文讲究言简意赅，整篇作品中容不得半句拖沓多余的废话。
Yōu xiù de sǎn wén jiǎng jiū yán jiǎn yì gāi, zhěng piān zuò pǐn zhōng róng bù dé bàn jù tuō tà duō yú de fèi huà.
Tản văn xuất sắc luôn chú trọng câu chữ súc tích hàm súc, toàn bộ tác phẩm không được phép có nửa câu rườm rà thừa thãi vô nghĩa.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐA DƯ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #973

多元
duōyuán

đa dạng, đa nguyên, phong phú nhiều chiều

国家构建了中央财政、地方专项与社会资本多元协同投入的基础科学创新可持续保障体系。
Guó jiā gòu jiàn le zhōng yāng cái zhèng, dì fāng zhuān xiàng yǔ shè huì zī běn duō yuán xié tóng tóu rù de jī chǔ kē xué chuàng xīn kě chí xù bǎo zhàng tǐ xì.
Nhà nước đã xây dựng hệ thống bảo đảm bền vững đổi mới sáng tạo khoa học cơ bản với sự đầu tư hiệp đồng đa dạng đa nguyên giữa vốn xã hội, chuyên án địa phương và ngân sách trung ương.

26 nét | HÁN VIỆT : ĐA NGUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #974

哆嗦
duō suo

run lẩy bẩy, run rẩy cầm cập (vì rét, sợ hãi)

在零下四十摄氏度的极寒冰原上开展抢修作业，即便冻得全身瑟瑟哆嗦，抢险队员的手依然紧紧握住工具。
Zài líng xià sì shí shè shì dù de jí hán bīng yuán shàng kāi zhǎn qiǎng xiū zuò yè, jí biàn dòng dé quán shēn sè sè duō suo, qiǎng xiǎn duì yuán de shǒu yī rán jǐn jǐn wò zhù gōng jù.
Triển khai công tác sửa chữa khẩn cấp trên cánh đồng băng giá rét cực đoan âm 40 độ C, dẫu bị rét lạnh tới mức toàn thân run lẩy bẩy cầm cập, tay của người chiến sĩ cứu hộ vẫn nắm chặt lấy dụng cụ sửa chữa.

21 nét | HÁN VIỆT : ĐÁ SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #975

夺冠
duóguàn

giành ngôi vô địch, đoạt chức quán quân

在国际超级计算机性能测试竞赛中，我国自主研发的国产超算集群凭借卓越的异构计算能效比力拔头筹、成功夺冠！
Zài guó jì chāo jí jì suàn jī xìng néng cè shì jìng sài zhōng, wǒ guó zì zhǔ yán fā de guó chǎn chāo suàn jí qún píng jiè zhuó yuè de yì gòu jì suàn néng xiào bǐ lì bá tóu chóu, chéng gōng duó guàn!
Trong cuộc thi thử nghiệm tính năng siêu máy tính quốc tế, cụm siêu máy tính sản xuất trong nước do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển dựa vào tỷ số hiệu năng năng lượng tính toán dị cấu trác việt đã dẫn đầu đoạt chức quán quân giành ngôi vô địch thành công!

18 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠT QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #976

夺魁
duókuí

chiếm vị trí đầu bảng, đoạt giải nhất, đứng đầu bảng

中国青年科学家代表队在前沿人工智能大模型国际基准评测挑战赛中力压群雄、勇夺魁首。
Zhōng guó qīng nián kē xué jiā dài biǎo duì zài qián yán rén gōng zhì néng dà mó xíng guó jì jī zhǔn píng cè tiǎo zhàn sài zhōng lì yā qún xióng, yǒng duó kuí shǒu.
Đội tuyển các nhà khoa học trẻ Trung Quốc trong Cuộc thi Thử thách Đánh giá Chuẩn mực Quốc tế Mô hình Lớn Trí tuệ Nhân tạo Tiên phong đã áp đảo quần hùng, dũng cảm đoạt giải nhất chiếm vị trí đầu bảng đứng đầu bảng.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠT KHÔI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #977

躲避
duǒbì

né tránh, né tránh trốn tránh, lẩn tránh

空间站在轨自主避碰预警系统能够在微秒级时间内自动计算最优轨道机动参数，精准躲避空间微小碎片碰撞威胁。
Kōng jiān zhàn zài guǐ zì zhǔ bì pèng yù jǐng xì tǒng néng gòu zài wēi miǎo jí shí jiān nèi zì dòng jì suàn zuì yōu guǐ dào jī dòng cān shù, jīng zhǔn duǒ bì kōng jiān wēi xiǎo suì piàn pèng zhuàng wēi xié.
Hệ thống cảnh báo sớm tránh va chạm tự chủ trên quỹ đạo của trạm vũ trụ có thể tự động tính toán tham số cơ động quỹ đạo tối ưu trong thời gian cấp độ micro-giây, né tránh lẩn tránh chuẩn xác nguy cơ đe dọa va chạm từ các mảnh vụn không gian nhỏ.

23 nét | HÁN VIỆT : ĐOÁ TỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #978

躲藏
duǒ cáng

trốn tránh, ẩn nấp, ẩn giấu

暴风雨突如其来，几只灵巧的小松鼠迅速躲藏到了古老茂密的大树洞中避雨。
Bào fēng yǔ tū rú qí lái, jǐ zhī líng qiǎo de xiǎo sōng shǔ xùn sù duǒ cáng dào le gǔ lǎo mào mì de dà shù dòng zhōng bì yǔ.
Cơn dông bão bất ngờ ập đến, vài chú sóc nhỏ nhanh nhẹn đã thoăn thoắt chui vào nấp trong hốc cây cổ thụ rậm rạp để trú mưa.

24 nét | HÁN VIỆT : ĐOÁ TẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #979

堕落
duò luò

sa đọa, trụy lạc, tha hóa

党员干部必须时刻筑牢拒腐防变的思想防线，绝不能在金钱美色与权力诱惑面前迷失方向、滑向腐败堕落的深渊。
Dǎng yuán gàn bù bì xū shí kè zhù láo jù fǔ fáng biàn de sī xiǎng fáng xiàn, jué bù néng zài jīn qián měi sè yǔ quán lì yòu huò miàn qián mí shī fāng xiàng, huá xiàng fǔ bài duò luò de shēn yuān.
Cán bộ đảng viên bắt buộc phải luôn luôn xây vững phòng tuyến tư tưởng chống tha hóa chống tham nhũng, tuyệt đối không thể đánh mất phương hướng trước sự cám dỗ của tiền tài sắc đẹp và quyền lực mà trượt dài xuống vực thẳm tha hóa sa đọa.

19 nét | HÁN VIỆT : ĐOẠ LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #980

舵手
duòshǒu

người cầm lái, thủy thủ lái tàu, người dẫn đường lèo lái

战略科学家作为国家重大科技攻关航船上的领航舵手，以高瞻远瞩的战略视野指引着科技强国建设的正确航向。
Zhàn lüè kē xué jiā zuò wéi guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān háng chuán shàng de lǐng háng duò shǒu, yǐ gāo zhān yuǎn zhǔ de zhàn lüè shì yě zhǐ yǐn zhe kē jì qiáng guó jiàn shè de zhèng què háng xiàng.
Nhà khoa học chiến lược với tư cách là người cầm lái người dẫn đường lèo lái dẫn đường trên con thuyền vượt khó khoa học công nghệ trọng đại của quốc gia, bằng tầm nhìn chiến lược nhìn xa trông rộng đã chỉ dẫn hải trình đúng đắn của công cuộc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

27 nét | HÁN VIỆT : ĐÀ THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #981

讹诈
ézhà

tống tiền, đe dọa tống tiền, uy hiếp dọa dẫm

中国科技界有骨气、有底气、有实力，绝不屈服于任何外部势力的极限施压、技术封锁与霸权讹诈！
Zhōng guó kē jì jiè yǒu gǔ qì, yǒu dǐ qì, yǒu shí lì, jué bù qū fú yú rèn hé wài bù shì lì de jí xiàn shī yā, jì shù fēng suǒ yǔ bà quán é zhà!
Giới khoa học công nghệ Trung Quốc có khí phách, có bản lĩnh, có thực lực, tuyệt đối không khuất phục trước bất kỳ sự uy hiếp dọa dẫm tống tiền bá quyền, phong tỏa công nghệ và gây sức ép giới hạn nào của các thế lực bên ngoài!

22 nét | HÁN VIỆT : NGOA TRÁ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #982

俄语
éyǔ

tiếng Nga, tiếng Nga ngữ

在中俄联合大科学装置中微子前沿物理实验中，两国科学家熟练运用汉语、俄语与英语高效展开多边学术研讨。
Zài zhōng é lián hé dà kē xué zhuāng zhì zhōng wēi zi qián yán wù lǐ shí yàn zhōng, liǎng guó kē xué jiā shú liàn yùn yòng hàn yǔ, é yǔ yǔ yīng yǔ gāo xiào zhǎn kāi duō biān xué shù yán tǎo.
Trong thực nghiệm vật lý tiên phong neutrino thiết bị khoa học lớn liên hợp Trung - Nga, các nhà khoa học hai nước đã vận dụng thành thạo tiếng Anh, tiếng Nga tiếng Nga ngữ và tiếng Hán triển khai hội thảo học thuật đa phương hiệu quả cao.

19 nét | HÁN VIỆT : NGA NGỮ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #983

鹅
é

con ngỗng, loài ngỗng (lông ngỗng cách nhiệt: éróng)

极地科考特种极端耐寒防寒服采用了仿生鹅绒多层纳米微孔锁温绝热结构，为南极内陆冰盖科考提供了卓越保暖防护。
Jí dì kē kǎo tè zhǒng jí duān nài hán fáng hán fú cǎi yòng le fǎng shēng é róng duō céng nà mǐ wēi kǒng suǒ wēn jué rè jié gòu, wèi nán jí nèi lù bīng gài kē kǎo tí gōng le zhuó yuè bǎo nuǎn fáng hù.
Trang phục chống rét chịu lạnh cực hạn đặc chủng khảo sát khoa học vùng cực áp dụng kết cấu cách nhiệt khóa nhiệt vi lỗ nano đa tầng phỏng sinh học lông ngỗng con ngỗng, mang lại sự bảo vệ giữ ấm trác việt cho công tác khảo sát khoa học trên dải băng nội địa Nam Cực.

9 nét | HÁN VIỆT : NGA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #984

额外
é wài

bổ sung, ngoài định mức, phụ thêm

政府出台稳岗就业支持政策，对吸纳应届高校毕业生就业的科技创新企业给予额外税收抵扣与专项补贴。
Zhèng fǔ chū tái wěn gǎng jiù yè zhī chí zhèng cè, duì xī nà yīng jiè gāo xiào bì yè shēng jiù yè de kē jì chuàng xīn qǐ yè jǐ yǔ é wài shuì shōu dǐ kòu yǔ zhuān xiàng bǔ tiē.
Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ việc làm ổn định, cấp thêm các khoản khấu trừ thuế bổ sung và trợ cấp chuyên đề cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ tuyển dụng sinh viên đại học vừa tốt nghiệp.

18 nét | HÁN VIỆT : NGẠCH NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #985

厄运
èyùn

vận rủi, tai ương số phận trắc trở, nghịch cảnh

国家地质灾害早期智能监测预警系统成功预判了多起特大型山体滑坡险情，帮助万余名山区群众彻底摆脱了灾难厄运。
Guó jiā dì zhì zāi hài zǎo qī zhì néng jiān cè yù jǐng xì tǒng chéng gōng yù pàn le duō qǐ tè dà xíng shān tǐ huá pō xiǎn qíng, bāng zhù wàn yú míng shān qū qún zhòng chè dǐ bǎi tuō le zāi nàn è yùn.
Hệ thống cảnh báo sớm quan trắc thông minh sớm hiểm họa địa chất quốc gia đã dự đoán thành công nhiều vụ sạt lở núi cực lớn, giúp hơn vạn người dân vùng núi thoát khỏi hoàn toàn vận rủi tai ương thảm họa.

21 nét | HÁN VIỆT : ÁCH VẬN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #986

恶
è

ác, xấu xa tàn ác; dữ tợn (è); ghét (wù)

在国际科技竞争中，我们决不允许任何境外恶意势力利用网络安全漏洞破坏国家核心基础设施安全。
Zài guó jì kē jì jìng zhēng zhōng, wǒ men jué bù yǔn xǔ rèn hé jìng wài è yì shì lì lì yòng wǎng luò ān quán lòu dòng pò huài guó jiā hé xīn jī chǔ shè shī ān quán.
Trong cạnh tranh khoa học công nghệ quốc tế, chúng ta tuyệt đối không cho phép bất kỳ thế lực ác độc xấu xa ác ý nước ngoài nào lợi dụng lỗ hổng an ninh mạng phá hoại an toàn cơ sở hạ tầng cốt lõi của quốc gia.

13 nét | HÁN VIỆT : ÁC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #987

恶化
è huà

xấu đi

在面对复杂的挑战时，保持恶化的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí è huà de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái xấu đi đặc biệt quan trọng.

25 nét | HÁN VIỆT : ÁC HOA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #988

恶劣
è liè

khắc nghiệt, tồi tệ, xấu xa

高原科考队员们冒着零下三十度的极寒与暴风雪等极其恶劣的天气，圆满完成了冰川采样任务。
Gāo yuán kē kǎo duì yuán men mào zhe líng xià sān shí dù de jí hán yǔ bào fēng xuě děng jí qí è liè de tiān qì, yuán mǎn wán chéng le bīng chuān cǎi yàng rèn wù.
Các thành viên đội thám hiểm khoa học vùng cao nguyên đã bất chấp giá rét âm 30 độ cùng bão tuyết và thời tiết vô cùng khắc nghiệt để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lấy mẫu băng hà.

22 nét | HÁN VIỆT : ÁC LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #989

恶性
èxìng

ác tính, độc hại nghiêm trọng (khối u/cạnh tranh)

国家医学科技攻坚中心成功研发出新型纳米靶向抗体偶联药物，实现了对恶性晚期实体肿瘤细胞的高特异性精准清除。
Guó jiā yī xué kē jì gōng jiān zhōng xīn chéng gōng yán fā chū xīn xíng nà mǐ bǎ xiàng kàng tǐ ǒu lián yào wù, shí xiàn le duì è xìng wǎn qī shí tǐ zhǒng liú xì bāo de gāo tè yì xìng jīng zhǔn qīng chú.
Trung tâm Vượt khó Khoa học Công nghệ Y học Quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công loại thuốc liên hợp kháng thể trúng đích nano kiểu mới, thực hiện việc tiêu trừ chuẩn xác tính đặc hiệu cao đối với các tế bào khối u đặc giai đoạn cuối ác tính ác tính.

24 nét | HÁN VIỆT : ÁC TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #990

恶意
èyì

ác ý, dã tâm xấu xa, có ác ý thù địch

国家网络空间防御平台凭借完全自主可控的大模型行为分析技术，毫秒级精准拦截了境外黑客组织发起的恶意网络攻击。
Guó jiā wǎng luò kōng jiān fáng yù píng tái píng jiè wán quán zì zhǔ kě kòng de dà mó xíng xíng wéi fēn xī jì shù, háo miǎo jí jīng zhǔn lán jié le jìng wài hēi kè zǔ zhī fā qǐ de è yì wǎng luò gōng jī.
Nền tảng phòng thủ không gian mạng quốc gia dựa vào công nghệ phân tích hành vi mô hình lớn tự chủ kiểm soát hoàn toàn, đã ngăn chặn chuẩn xác cấp độ mili-giây các cuộc tấn công mạng ác ý có ác ý do các tổ chức hacker nước ngoài phát động.

25 nét | HÁN VIỆT : ÁC Ý

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #991

掠夺
lvè duó

cướp bóc, bóc lột vơ vét (thuộc địa, tài nguyên)

中国式现代化彻底打破了西方近代早期依靠殖民扩张与血腥掠夺实现工业化的历史逻辑，坚持和平发展共赢。
Zhōng guó shì xiàn dài huà chè dǐ dǎ pò le xī fāng jìn dài zǎo qī yī kào zhí mín kuò zhāng yǔ xuè xīng lüè duó shí xiàn gōng yè huà de lì shǐ luó jí, jiān chí hé píng fā zhǎn gòng yíng.
Hiện đại hóa đất nước đã phá vỡ triệt để logic lịch sử của phương Tây thời kỳ cận đại sơ khai dựa vào bành trướng xâm lược thuộc địa và cướp bóc đẫm máu để thực hiện công nghiệp hóa, kiên trì phát triển hòa bình cùng thắng.

20 nét | HÁN VIỆT : LƯỢC ĐOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #992

略
lu:è

hơi

老师鼓励大家积极略，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lu:è, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hơi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : LƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #993

略微
lvè wēi

hơi, một chút, hơi một tí

在纳米级半导体光刻制造中，即便极紫外光源聚焦焦点略微发生纳米级偏移，都可能导致整批晶圆报废。
Zài nà mǐ jí bàn dǎo tǐ guāng kè zhì zào zhōng, jí biàn jí zǐ wài guāng yuán jù jiāo jiāo diǎn lüè wēi fā shēng nà mǐ jí piān yí, dōu kě néng dǎo zhì zhěng pī jīng yuán bào fèi.
Trong quy trình chế tạo quang khắc bán dẫn cấp độ nanomet, cho dù tiêu cự hội tụ của nguồn sáng cực tím EUV chỉ hơi bị lệch một chút ở cấp độ nanomet cũng có thể dẫn tới việc cả lô tấm wafer bị phế bỏ.

19 nét | HÁN VIỆT : LƯỢC VI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #994

遏制
è zhì

kìm hãm, ngăn chặn, kiềm chế (lạm phát, dịch bệnh)

国家实施强有力的宏观调控与市场监管组合举措，有效遏制了部分重点大宗商品价格的非理性过度炒作。
Guó jiā shí shī qiáng yǒu lì de hóng guān tiáo kòng yǔ shì chǎng jiān guǎn zǔ hé jù cuò, yǒu xiào è zhì le bù fèn zhòng diǎn dà zōng shāng pǐn jià gé de fēi lǐ xìng guò dù chǎo zuò.
Nhà nước thực thi các giải pháp kết hợp điều tiết vĩ mô mạnh mẽ cùng giám sát thị trường, ngăn chặn và kiềm chế hiệu quả tình trạng đầu cơ thổi giá phi lý quá mức đối với một số mặt hàng nguyên liệu thô trọng điểm.

24 nét | HÁN VIỆT : ÁT CHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #995

鳄鱼
èyú

cá sấu, loài cá sấu

古生物与分子演化研究团队通过超高精度古DNA测序分析，揭示了远古两栖巨型扬子鳄与现代爬行类鳄鱼的基因进化树分支。
Gǔ shēng wù yǔ fèn zǐ yǎn huà yán jiū tuán duì tōng guò chāo gāo jīng dù gǔ DNA cè xù fēn xī, jiē shì le yuǎn gǔ liǎng qī jù xíng yáng zi è yǔ xiàn dài pá xíng lèi è yú de jī yīn jìn huà shù fēn zhī.
Đội ngũ nghiên cứu tiến hóa phân tử và sinh vật cổ đại thông qua phân tích giải mã trình tự ADN cổ đại độ chính xác siêu cao đã hé lộ các nhánh cây tiến hóa gen của loài cá sấu cá sấu bò sát hiện đại và cá sấu Dương Tử khổng lồ lưỡng cư thời viễn cổ.

23 nét | HÁN VIỆT : NGẠC NGƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #996

恩赐
ēncì

ban ơn, sự ban phát ơn huệ, bố thí

一个国家的科技尊严与科技繁荣绝不是任何别国的施舍与恩赐，唯有依靠自力更生、自主创新才能巍然屹立于世界之林！
Yí gè guó jiā de kē jì zūn yán yǔ kē jì fán róng jué bú shì rèn hé bié guó de shī shě yǔ ēn cì, wéi yǒu yī kào zì lì gēng shēng, zì zhǔ chuàng xīn cái néng wēi rán yì lì yú shì jiè zhī lín!
Sự phồn vinh khoa học công nghệ và lòng tự tôn khoa học công nghệ của một quốc gia tuyệt đối không phải là sự bố thí hay ban ơn ơn huệ ban phát của bất kỳ quốc gia nào khác, chỉ có dựa vào tự lực cánh sinh, đổi mới sáng tạo tự chủ mới có thể đứng sừng sững uy nghiêm giữa rừng các dân tộc trên thế giới!

22 nét | HÁN VIỆT : ÂN TỨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #997

恩惠
ēnhuì

ơn huệ, ân tình phúc lành, ân huệ

科技创新的根本宗旨在于造福广大人民群众，让现代前沿高科技发展的丰硕成果化作普惠千家万户的温暖恩惠与民生福祉。
Kē jì chuàng xīn de gēn běn zōng zhǐ zài yú zào fú guǎng dà rén mín qún zhòng, ràng xiàn dài qián yán gāo kē jì fā zhǎn de fēng shuò chéng guǒ huà zuò pǔ huì qiān jiā wàn hù de wēn nuǎn ēn huì yǔ mín shēng fú zhǐ.
Tôn chỉ căn bản của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ là ở chỗ mưu cầu hạnh phúc cho đông đảo quần chúng nhân dân, biến những thành quả trĩu quả của sự phát triển công nghệ cao tiên phong hiện đại thành ân huệ ơn huệ ấm áp và phúc lợi dân sinh phổ cập đến muôn nhà.

28 nét | HÁN VIỆT : ÂN HUỆ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #998

恩情
ēnqíng

ơn nghĩa, ân tình sâu nặng, ân nghĩa tình cảm

广大青年科研人员时刻铭记党和国家悉心培养的深厚恩情，矢志以优异的科研报国成果回报祖国与人民。
Guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán shí kè míng jì dǎng hé guó jiā xī xīn péi yǎng de shēn hòu ēn qíng, shǐ zhì yǐ yōu yì de kē yán bào guó chéng guǒ huí bào zǔ guó yǔ rén mín.
Đông đảo những người làm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi luôn khắc ghi ân tình sâu nặng ơn nghĩa ân đức sâu dày được Đảng và Nhà nước tận tâm bồi dưỡng, sắt son một lòng dùng những thành quả phụng sự Tổ quốc bằng nghiên cứu khoa học xuất sắc để báo đáp Tổ quốc và nhân dân.

22 nét | HÁN VIỆT : ÂN TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #999

恩怨
ēn yuàn

ân oán, ơn nghĩa và thù hận

处理国际历史遗留问题应当秉持向前看的包容战略眼光，超越历史恩怨，携手开创和平共处的崭新篇章。
Chǔ lǐ guó jì lì shǐ yí liú wèn tí yīng dāng bǐng chí xiàng qián kàn de bāo róng zhàn lüè yǎn guāng, chāo yuè lì shǐ ēn yuàn, xié shǒu kāi chuàng hé píng gòng chǔ de zhǎn xīn piān zhāng.
Khi xử lý các vấn đề do lịch sử quốc tế để lại cần giữ vững tầm nhìn chiến lược bao dung hướng về tương lai, vượt lên trên những ân oán lịch sử, chung tay mở ra trang sử mới hòa bình cùng tồn tại.

26 nét | HÁN VIỆT : ÂN OÁN

HSK 7-9 (3.0) | Trợ từ | #1000

而已

ér yǐ

mà thôi, chỉ thế thôi

在真理面前，暂时的荣誉不过是过往探索的阶段性注脚而已，真正的科学家永远瞩目于未知的科学前沿。

Zài zhēn lǐ miàn qián, zàn shí de róng yù bù guò shì guò wǎng tàn suǒ de jiē duàn xìng zhù jiǎo ér yǐ, zhēn zhèng de kē xué jiā yǒng yuǎn zhǔ mù yú wèi zhī de kē xué qián yán.

Đứng trước chân lý, danh dự nhất thời chẳng qua chỉ là một chú thích giai đoạn cho những cuộc kiếm tìm đã qua mà thôi, nhà khoa học chân chính mãi mãi hướng tầm mắt tới những mũi nhọn khoa học chưa biết.

27 nét | HÁN VIỆT : NHI DĨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1001

耳光

ěrguāng

cái tát tai, cái tát vào mặt (nghĩa đen/bóng)

中国在大科学装置与高端芯片制造上的重大自主突破，给那些鼓吹“技术脱钩断链必能扼杀中国科技”的论调以响亮的耳光！

Zhōng guó zài dà kē xué zhuāng zhì yǔ gāo duān xīn piàn zhì zào shàng de zhòng dà zì zhǔ tū pò, gěi nà xiē gǔ chuī "jì shù tuō gōu duàn lián bì néng è shā zhōng guó kē jì" de lùn diào yǐ xiǎng liàng de ěr guāng!

Những bước đột phá tự chủ trọng đại của Trung Quốc trên thiết bị khoa học lớn và chế tạo chip cao cấp đã giáng một cái tát tai cái tát vào mặt đanh thép vào những luận điệu rêu rao rằng 'tách rời đứt gãy công nghệ nhất định sẽ bóp chết khoa học công nghệ Trung Quốc'!

24 nét | HÁN VIỆT : NHĨ QUANG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1002

耳目一新

ěrmùyìxīn

hoàn toàn mới mẻ, mới mẻ tinh khôi, sáng bừng con mắt

国家重点实验室推出的全新一代人工智能多模态科学大模型架构，让国际前沿计算物理学者们感到耳目一新。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì tuī chū de quán xīn yí dài rén gōng zhì néng duō mó tài kē xué dà mó xíng jià gòu, ràng guó jì qián yán jì suàn wù lǐ xué zhě men gǎn dào ěr mù yī xīn.

Kiến trúc mô hình lớn khoa học đa phương thức trí tuệ nhân tạo thế hệ hoàn toàn mới do Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia ra mắt đã khiến các học giả vật lý tính toán tiên phong quốc tế cảm thấy hoàn toàn mới mẻ mới mẻ tinh khôi sáng bừng con mắt.

35 nét | HÁN VIỆT : NHĨ MỤC NHẤT TÂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1003

耳熟能详

ěrshúnéngxiáng

quen thuộc quen tai, nghe quen thuộc vanh vách

两弹一星功勋科学家隐姓埋名、无私奉献的感人事迹在中华大地上耳熟能详，激励着一代代青年勇攀科学高峰。

Liǎng dàn yī xīng gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn de gǎn rén shì jì zài zhōng huá dà dì shàng ěr shú néng xiáng, jī lì zhe yí dài dài qīng nián yǒng pān kē xué gāo fēng.

Những câu chuyện cảm động cống hiến quên mình, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học có công lao Hai bom một vệ tinh đã quen thuộc quen tai quen thuộc vanh vách trên khắp mảnh đất Trung Hoa, khích lệ từng thế hệ thanh niên dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

35 nét | HÁN VIỆT : NHĨ THỤC NĂNG TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1004

耳闻目睹

ěrwénmùdǔ

tai nghe mắt thấy, tận mắt chứng kiến tận tai nghe thấy

国际访问学者在中国大科学工程施工现场耳闻目睹了中国科技建设者的高效与严谨，由衷赞叹中国科技发展的惊人速度。

Guó jì fǎng wèn xué zhě zài zhōng guó dà kē xué gōng chéng shī gōng xiàn chǎng ěr wén mù dǔ le zhōng guó kē jì jiàn shè zhě de gāo xiào yǔ yán jǐn, yóu zhōng zàn tàn zhōng guó kē jì fā zhǎn de jīng rén sù dù.

Các học giả thỉnh giảng quốc tế tại hiện trường thi công công trình khoa học lớn Trung Quốc đã tận mắt chứng kiến tai nghe mắt thấy sự nghiêm cẩn và hiệu quả cao của những người xây dựng khoa học công nghệ Trung Quốc, hết lòng thán phục tốc độ phát triển đáng kinh ngạc của khoa học công nghệ Trung Quốc.

35 nét | HÁN VIỆT : NHĨ VĂN MỤC ĐỔ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1005

二手车

èrshǒuchē

xe đã qua sử dụng, xe cũ ô tô cũ

国家新能源汽车大数据溯源平台实现了对二手车动力电池健康状态与全生命周期安全性能的高精度数字化评估。

Guó jiā xīn néng yuán qì chē dà shù jù sù yuán píng tái shí xiàn le duì èr shǒu chē dòng lì diàn chí jiàn kāng zhuàng tài yǔ quán shēng mìng zhōu qī ān quán xìng néng de gāo jīng dù shù zì huà píng gū.

Nền tảng truy xuất nguồn gốc dữ liệu lớn xe năng lượng mới quốc gia đã thực hiện việc đánh giá số hóa độ chính xác cao đối với tính năng an toàn toàn bộ vòng đời và trạng thái sức khỏe của pin động lực xe cũ xe đã qua sử dụng.

35 nét | HÁN VIỆT : NHỊ THỦ XA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1006

二氧化碳

èr yǎng huà tàn

khí các-bô-níc, carbon dioxide (CO2)

我国成功建成了百万吨级碳捕集、利用与封存示范工程，将工业尾气中的二氧化碳直接转化为高附加值化学品。

Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le bǎi wàn dūn jí tàn bǔ jí, lì yòng yǔ fēng cún shì fàn gōng chéng, jiāng gōng yè wěi qì zhōng de èr yǎng huà tàn zhí jiē zhuǎn huà wèi gāo fù jiā zhí huà xué pǐn.

Nước ta đã xây dựng thành công dự án trình diễn thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (CCUS) quy mô triệu tấn, trực tiếp chuyển hóa khí carbon dioxide trong khí thải công nghiệp thành các sản phẩm hóa chất có giá trị gia

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1007

发布会

fābùhuì

buổi họp báo, lễ công bố ra mắt

在国务院新闻办公室举行的国家重大科技成果专题新闻发布会上，科学家代表正式向全球公布了月球科研最新重大发现。

Zài guó wù yuàn xīn wén bàn gōng shì jǔ xíng de guó jiā zhòng dà kē jì chéng guǒ zhuān tí xīn wén fā bù huì shàng, kē xué jiā dài biǎo zhèng shì xiàng quán qiú gōng bù le yuè qiú kē yán zuì xīn zhòng dà fā xiàn.

Tại buổi họp báo lễ công bố ra mắt tin tức chuyên đề về thành quả khoa học công nghệ trọng đại quốc gia tổ chức tại Văn phòng Báo chí Quốc vụ viện, đại diện các nhà khoa học đã chính thức công bố những phát hiện trong đại mới nhất về nghiên cứu

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1008

发财

fā cái

làm giàu

老师鼓励大家积极发财，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fā cái， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm giàu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1009

发愁
fā chóu

lo lắng, sầu muộn, phát rầu

面对眼前的困难切莫自乱阵脚、一味发愁，冷静理清头绪才是破局的关键。
Miàn duì yǎn qián de kùn nán qiè mò zì luàn zhèn jiǎo, yī wèi fā chóu, lěng jìng lǐ qīng tóu xù cái shì pò jú de guān jiàn.
Đứng trước khó khăn trước mắt chớ nên hoang mang tự làm rối loạn bản thân và suốt ngày rầu rĩ lo âu, bình tĩnh gỡ từng đầu mối mới là chìa khóa tháo gỡ vấn đề.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÁT SẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1010

发电机
fādiànjī

máy phát điện, tổ máy phát điện

我国完全自主研制的全球单机容量最大百万千瓦级水轮发电机组在白鹤滩水电站全部平稳投产运行。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de quán qiú dān jī róng liàng zuì dà bǎi wàn qiān wǎ jí shuǐ lún fā diàn jī zǔ zài bái hè tān shuǐ diàn zhàn quán bù píng wěn tóu chǎn yùn xíng.
Tổ máy phát điện máy phát điện turbine nước cấp độ triệu kilowatt có công suất đơn máy lớn nhất thế giới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn tất đi vào vận hành sản xuất ổn định tại Nhà máy Thủy điện Bạch Hạc Than.

30 nét | HÁN VIỆT : PHÁT ĐIỆN CƠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1011

发抖
fā dǒu

run rẩy, run cầm cập

在刺骨的寒风中站立了两个多小时后，他的双手冻得忍不住微微发抖。
Zài cì gǔ de hán fēng zhōng zhàn lì le liǎng gè duō xiǎo shí hòu, tā de shuāng shǒu dòng dé rěn bú zhù wēi wēi fā dǒu.
Sau khi đứng suốt hơn hai tiếng đồng hồ giữa cơn gió lạnh thấu xương, đôi bàn tay của anh đã lạnh buốt đến mức run lên bần bật.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÁT ĐẨU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1012

发愤图强
fā fèn tú qiáng

làm việc chăm chỉ

老师鼓励大家积极发愤图强，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fā fèn tú qiáng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm việc chăm chỉ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

35 nét | HÁN VIỆT : PHÁT PHẪN ĐỒ CƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1013

发光
fāguāng

phát quang, phát sáng tỏa sáng; tỏa sáng tài năng

新型超长寿命稀土超高效发光纳米材料在大科学装置高能物理射线探测器中展现出了无与伦比的光转换效率。
Xīn xíng chāo cháng shòu mìng xī tǔ chāo gāo xiào fā guāng nà mǐ cái liào zài dà kē xué zhuāng zhì gāo néng wù lǐ shè xiàn tàn cè qì zhōng zhǎn xiàn chū liǎo wú yǔ lún bǐ de guāng zhuǎn huàn xiào lǜ.
Vật liệu nano phát quang phát sáng siêu hiệu quả đất hiếm tuổi thọ siêu dài kiểu mới đã phô diễn hiệu suất chuyển đổi ánh sáng vô song trong máy dò tia vật lý năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÁT QUANG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1014

发火
fā huǒ

nổi giận, nổi nóng, bốc hỏa; phát hỏa bén lửa

作为团队卓越的学术带头人，遇到科研挫折时应当理性分析根源，切忌对年轻团队成员轻易发火动怒。
Zuò wéi tuán duì zhuó yuè de xué shù dài tóu rén, yù dào kē yán cuò zhé shí yīng dāng lǐ xìng fēn xī gēn yuán, qiè jì duì nián qīng tuán duì chéng yuán qīng yì fā huǒ dòng nù.
Với tư cách là người đầu ngành học thuật xuất sắc của nhóm, khi gặp phải vấp ngã trắc trở trong nghiên cứu khoa học cần phân tích nguyên nhân gốc rễ một cách lý trí, chớ nên tùy tiện nổi giận nóng nảy với các thành viên trẻ trong đội ngũ.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÁT HOẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1015

发酵
fājiào

lên men, quá trình lên men sinh học (nghĩa đen/bóng)

合成生物学国家重点实验室成功构建了高通量智能连续生物发酵系统，大幅提高了高附加值生物医药中间体的合成产率。
Hé chéng shēng wù xué guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng gòu jiàn le gāo tōng liàng zhì néng lián xù shēng wù fā jiào xì tǒng, dà fú tí gāo le gāo fù jiā zhí shēng wù yī yào zhōng jiān tǐ de hé chéng chǎn lǜ.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia sinh học tổng hợp đã xây dựng thành công hệ thống lên men sinh học liên tục thông minh thông lượng cao, nâng cao vượt bậc sản lượng hiệu suất tổng hợp của các chất trung gian dược phẩm sinh học có giá trị gia tăng cao.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÁT DIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1016

发掘
fājué

khai quật, phát quật khai thác, phát hiện tìm tòi

在重大考古遗址科技考古发掘现场，科研人员综合运用环境DNA与古地磁定年技术精确还原了数千年前的古气候演变。
Zài zhòng dà kǎo gǔ yí zhǐ kē jì kǎo gǔ fā jué xiàn chǎng, kē yán rén yuán zōng hé yùn yòng huán jìng DNA yǔ gǔ dì cí dìng nián jì shù jīng què huán yuán le shù qiān nián qián de gǔ qì hòu yǎn biàn.
Tại hiện trường khai quật phát quật khai thác khảo cổ học khoa học công nghệ ở các di chỉ khảo cổ trọng đại, các cán bộ nghiên cứu khoa học đã vận dụng tổng hợp công nghệ xác định niên đại địa từ cổ và ADN môi trường để phục dựng chuẩn xác sự biến đổi khí hậu cổ đại cách đây hàng ngàn năm.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÁT QUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1017

发愣
fālèng

ngẩn người, ngây người thẫn thờ, chết lặng

看到超级计算机模拟屏幕上完美吻合的复杂拓扑物理图谱，年轻的青年学者激动得在屏幕前发愣了许久。
Kàn dào chāo jí jì suàn jī mó nǐ píng mù shàng wán měi wěn hé de fù zá tuò pū wù lǐ tú pǔ, nián qīng de qīng nián xué zhě jī dòng dé zài píng mù qián fā lèng le xǔ jiǔ.
Nhìn thấy đồ phổ vật lý tô-pô phức tạp ăn khớp hoàn hảo trên màn hình mô phỏng siêu máy tính, nhà học giả trẻ tuổi xúc động đến mức ngẩn người ngây người thẫn thờ trước màn hình hồi lâu.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÁT LĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1018

发脾气
fāpíqi

nổi giận, nổi nóng cáu kỉnh, phát cáu

面对科研攻关中遇到的暂态瓶颈，总工程师从不无端发脾气，而是沉着冷静地引导团队逐项排查物理根因。
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn tài píng jǐng, zǒng gōng chéng shī cóng bù wú duān fā pí qì, ér shì chén zhuó lěng jìng dì yǐn dǎo tuán duì zhú xiàng pái chá wù lǐ gēn yīn.
Đứng trước nút thắt trạng thái tạm thời gặp phải trong vượt khó nghiên cứu khoa học, vị Tổng Kỹ sư không bao giờ nổi giận phát cáu nổi nóng vô cớ, mà trầm tĩnh điềm đạm dẫn dắt đội ngũ rà soát từng nguyên nhân gốc rễ vật lý.

34 nét | HÁN VIỆT : PHÁT TỲ KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1019

发起人
fāqǐrén

người khởi xướng, người sáng lập khởi xướng, bên đề xuất

作为全球深空探测国际大科学计划的主要发起人和引领者，中国科学家团队赢得了全球同行的广泛赞誉。
Zuò wéi quán qiú shēn kōng tàn cè guó jì dà kē xué jì huà de zhǔ yào fā qǐ rén hé yǐn lǐng zhě, zhōng guó kē xué jiā tuán duì yíng dé le quán qiú tóng háng de guǎng fàn zàn yù.
Với tư cách là người khởi xướng người sáng lập khởi xướng và người dẫn dắt chủ chốt của Kế hoạch Đại Khoa học Quốc tế Thám trắc Không gian Sâu Toàn cầu, đội ngũ các nhà khoa học Trung Quốc đã giành được sự khen ngợi rộng rãi của đồng nghiệp toàn cầu.

31 nét | HÁN VIỆT : PHÁT KHỞI NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1020

发热
fārè

phát nhiệt, tỏa nhiệt nóng lên; sốt phát sốt

我国成功研制出超低发热、高算力密度的新型超导自旋电子芯片，彻底突破了传统硅基芯片的热功耗墙极限。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū chāo dī fā rè, gāo suàn lì mì dù de xīn xíng chāo dǎo zì xuán diàn zi xīn piàn, chè dǐ tū pò le chuán tǒng guī jī xīn piàn de rè gōng hào qiáng jí xiàn.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công dòng chip điện tử spin siêu dẫn kiểu mới có mật độ sức mạnh tính toán cao và phát nhiệt tỏa nhiệt siêu thấp, đột phá triệt để giới hạn bức tường công suất nhiệt của chip gốc silicon truyền thống.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÁT NHIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1021

发誓
fā shì

thề, thề thốt, phát thệ

青年官兵在烈士纪念碑前庄严举起右拳发誓，立志用青春和热血誓死保卫祖国万里边疆的和平与安宁。
Qīng nián guān bīng zài liè shì jì niàn bēi qián zhuāng yán jǔ qǐ yòu quán fā shì, lì zhì yòng qīng chūn hé rè xuè shì sǐ bǎo wèi zǔ guó wàn lǐ biān jiāng de hé píng yǔ ān níng.
Các chiến sĩ trẻ tuổi trang nghiêm giơ cao nắm tay phải phát thệ trước đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ, lập chí dùng tuổi thanh xuân và dòng máu nóng thề chết bảo vệ hòa bình và yên ổn của muôn dặm biên cương Tổ quốc.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÁT THỆ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1022

发泄
fāxiè

trút giận, giải tỏa xả bức xúc, xả van cảm xúc

面对外部无理技术打压，攻坚团队决不靠情绪化抱怨发泄，而是把所有斗志化作攻克关键核心技术的实际行动。
Miàn duì wài bù wú lǐ jì shù dǎ yā, gōng jiān tuán duì jué bù kào qíng xù huà bào yuàn fā xiè, ér shì bǎ suǒ yǒu dòu zhì huà zuò gōng kè guān jiàn hé xīn jì shù de shí jì xíng dòng.
Đứng trước sự chèn ép công nghệ vô lý từ bên ngoài, đội ngũ vượt khó tuyệt đối không dựa vào việc trút giận xả bức xúc oán trách cảm tính, mà biến tất cả ý chí chiến đấu thành hành động thực tế chinh phục các công nghệ lõi then chốt.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÁT TIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1023

发型
fàxíng

kiểu tóc, mẫu tóc

在进驻超洁净真空大科学实验大厅前，所有科研人员均需规范佩戴特种防静电净化帽以严密包裹发型与碎发。
Zài jìn zhù chāo jié jìng zhēn kōng dà kē xué shí yàn dà tīng qián, suǒ yǒu kē yán rén yuán jūn xū guī fàn pèi dài tè zhǒng fáng jìng diàn jìng huà mào yǐ yán mì bāo guǒ fà xíng yǔ suì fà.
Trước khi tiến vào đại sảnh thực nghiệm khoa học lớn chân không siêu sạch, tất cả các cán bộ nghiên cứu khoa học đều cần đội mũ phòng sạch chống tĩnh điện đặc chủng theo đúng quy chuẩn để bọc kín hoàn toàn mái tóc kiểu tóc và tóc con vụn.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÁT HÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1024

发扬
fā yáng

phát huy, hoằng dương (truyền thống, tinh thần)

新时代青年科技工作者要大力发扬追求真理、严谨治学、勇攀高峰的科学家精神，为建设科技强国贡献力量。
Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào dà lì fā yáng zhuī qiú zhēn lǐ, yán jǐn zhì xué, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiā jīng shén, wèi jiàn shè kē jì qiáng guó gòng xiàn lì liàng.
Cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ trẻ thời đại mới cần ra sức phát huy tinh thần nhà khoa học theo đuổi chân lý, nghiên cứu nghiêm cẩn và dũng cảm trèo lên đỉnh cao, cống hiến sức mình cho công cuộc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÁT DƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1025

发扬光大
fāyángguāngdà

phát huy rạng rỡ, làm cho rạng danh tỏa sáng, phát huy mạnh mẽ

新时代青年科技工作者要将老一辈科学家甘当人梯、科技报国的崇高精神代代相传并不断发扬光大！
Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào jiāng lǎo yī bèi kē xué jiā gān dāng rén tī, kē jì bào guó de chóng gāo jīng shén dài dài xiāng chuán bìng bù duàn fā yáng guāng dà!
Những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi thời đại mới cần truyền tiếp qua từng thế hệ và không ngừng phát huy rạng rỡ làm cho rạng danh tỏa sáng tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, tình nguyện làm bậc thang cho người khác của các nhà khoa học tiền bối!

35 nét | HÁN VIỆT : PHÁT DƯƠNG QUANG ĐẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1026

发育
fā yù

phát triển, phát dục, tăng trưởng (sinh lý)

国家高度重视青少年身心健康，全面推行课间十分钟阳光运动与科学膳食，保障儿童青少年骨骼与智力健康发育。
Guó jiā gāo dù zhòng shì qīng shào nián shēn xīn jiàn kāng, quán miàn tuī xíng kè jiān shí fēn zhōng yáng guāng yùn dòng yǔ kē xué shàn shí, bǎo zhàng ér tóng qīng shào nián gǔ gé yǔ zhì lì jiàn kāng fā yù.
Nhà nước hết sức coi trọng sức khỏe thể chất tinh thần của thanh thiếu niên, phổ biến toàn diện phong trào thể thao 10 phút giờ ra chơi cùng chế độ ăn uống khoa học, bảo đảm cho hệ xương và trí tuệ của trẻ em thanh thiếu niên phát triển khỏe mạnh.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÁT DỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1027

发源地
fāyuándì

nơi phát nguồn, cội nguồn khởi nguồn, cái nôi phát tích

国家综合性科学中心正加速建设成为引领世界新一轮科技革命与颠覆性产业变革的核心原创发源地。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn zhèng jiā sù jiàn shè chéng wéi yǐn lǐng shì jiè xīn yī lún kē jì gé mìng yǔ diān fù xìng chǎn yè biàn gé de hé xīn yuán chuàng fā yuán dì.
Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đang đẩy nhanh xây dựng trở thành cội nguồn phát nguồn nơi phát nguồn khởi nguồn nguyên bản cốt lõi dẫn dắt cuộc cách mạng công nghệ và chuyển biến sâu sắc ngành nghề mang tính cách mạng vòng mới của thế giới.

33 nét | HÁN VIỆT : PHÁT NGUYÊN ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1028

发作
fāzuò

phát tác, bùng phát cơn bệnh, nổi cơn thịnh nộ

生物医药前沿攻关团队成功研发出新型纳米靶向长效抑制剂，可在几秒内迅速阻断心血管急性痉挛发作。
Shēng wù yī yào qián yán gōng guān tuán duì chéng gōng yán fā chū xīn xíng nà mǐ bǎ xiàng zhāng xiào yì zhì jì, kě zài jǐ miǎo nèi xùn sù zǔ duàn xīn xuè guǎn jí xìng jìng luán fā zuò.
Đội ngũ vượt khó tiên phong y dược sinh học đã nghiên cứu chế tạo thành công chất ức chế tác dụng kéo dài trúng đích nano kiểu mới, có thể ngăn chặn nhanh chóng trong vài giây sự phát tác bùng phát cơn bệnh co thắt cấp tính tim mạch.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÁT TÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1029

阀门
fámén

van, van xả khóa van, van điều tiết

在大科学装置液氦超低温冷却系统中，工程师严格测试了完全自主研制的特种超导绝热截止阀门密封性。
Zài dà kē xué zhuāng zhì yè hài chāo dī wēn lěng què xì tǒng zhōng, gōng chéng shī yán gé cè shì le wán quán zì zhǔ yán zhì de tè zhǒng chāo dǎo jué rè jié zhǐ fá mén mì fēng xìng.
Trong hệ thống làm mát nhiệt độ cực thấp heli lỏng của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư đã kiểm tra nghiêm ngặt độ kín khít của chiếc van khóa van van tiết lưu ngắt nhiệt siêu dẫn đặc chủng do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo.

23 nét | HÁN VIỆT : PHIỆT MÔN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1030

帆
fān

cánh buồm, buồm đón gió (nghĩa đen/bóng)

我国成功在轨展开了世界领先的超轻薄深空太阳帆系统，利用太阳光子微弱辐射压实现了航天器无工质推进。
Wǒ guó chéng gōng zài guǐ zhǎn kāi le shì jiè lǐng xiān de chāo qīng bó shēn kōng tài yáng fān xì tǒng, lì yòng tài yáng guāng zi wēi ruò fú shè yā shí xiàn le háng tiān qì wú gōng zhì tuī jìn.
Nước ta đã triển khai thành công trên quỹ đạo hệ thống cánh buồm buồm Mặt trời không gian sâu siêu mỏng nhẹ hàng đầu thế giới, lợi dụng áp suất bức xạ photon yếu ớt của Mặt trời thực hiện đẩy tàu vũ trụ không cần môi chất công tác.

12 nét | HÁN VIỆT : PHÀM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1031

帆船
fānchuán

thuyền buồm, thuyền buồm thể thao

极地海洋无人自主科学考察帆船搭载了多参数微型气象与水文声学传感器，圆满完成了环南极长期自动科考巡航。
Jí dì hǎi yáng wú rén zì zhǔ kē xué kǎo chá fān chuán dā zài le duō cān shù wēi xíng qì xiàng yǔ shuǐ wén shēng xué chuán gǎn qì, yuán mǎn wán chéng le huán nán jí cháng qī zì dòng kē kǎo xún háng.
Chiếc thuyền buồm thuyền buồm khảo sát khoa học tự hành không người lái đại dương vùng cực gắn các cảm biến âm học thủy văn và khí tượng siêu nhỏ đa tham số đã hoàn thành mỹ mãn chuyến hải trình tuần tra khảo sát tự động dài hạn vòng quanh Nam Cực.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÀM THUYỀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1032

翻番
fānfān

tăng gấp đôi, nhân lên gấp đôi bội số

随着大科学工程二期高亮度束流装置全面投运，该国家实验室年均承接基础前沿交叉实验的能力实现了成倍翻番。
Suí zhe dà kē xué gōng chéng èr qī gāo liàng dù shù liú zhuāng zhì quán miàn tóu yùn, gāi guó jiā shí yàn shì nián jūn chéng jiē jī chǔ qián yán jiāo chā shí yàn de néng lì shí xiàn le chéng bèi fān fān.
Cùng với việc đưa vào vận hành toàn diện thiết bị chùm hạt độ sáng cao giai đoạn 2 công trình khoa học lớn, năng lực tiếp nhận thực nghiệm liên ngành tiên phong cơ bản bình quân hàng năm của phòng thí nghiệm quốc gia này đã thực hiện tăng gấp đôi nhân lên gấp bội.

19 nét | HÁN VIỆT : PHIÊN PHAN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #1033

翻来覆去
fānláifùqù

trằn trọc thao thức, lặp đi lặp lại nhiều lần, suy đi tính lại

为了推导出超导微观理论中最关键的一个能量守恒方程，理论物理学家在草稿纸上翻来覆去验算了上百遍。
Wèi le tuī dǎo chū chāo dǎo wēi guān lǐ lùn zhōng zuì guān jiàn de yí gè néng liàng shōu héng fāng chéng, lǐ lùn wù lǐ xué jiā zài cǎo gǎo zhǐ shàng fān lái fù qù yàn suàn le shàng bǎi biàn.
Để suy diễn ra một phương trình bảo toàn năng lượng then chốt nhất trong lý thuyết vi mô siêu dẫn, nhà vật lý lý thuyết đã tính toán kiểm tra đi kiểm tra lại lặp đi lặp lại nhiều lần suy đi tính lại hàng trăm lần trên giấy nháp.

35 nét | HÁN VIỆT : PHIÊN LAI PHÚC KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1034

翻天覆地
fāntiānfùdì

long trời lở đất, đổi thay nghiêng trời lệch đất, thay đổi thần kỳ

数十载科技攻坚让我国制造业发生了翻天覆地的历史性巨变，形成了全球唯一拥有联合国全部工业门类的完整体系。
Shù shí zài kē jì gōng jiān ràng wǒ guó zhì zào yè fā shēng le fān tiān fù dì de lì shǐ xìng jù biàn, xíng chéng le quán qiú wéi yī yōng yǒu lián hé guó quán bù gōng yè mén lèi de wán zhěng tǐ xì.
Mấy chục năm vượt khó khoa học công nghệ đã khiến ngành chế tạo nước ta có sự đổi thay long trời lở đất nghiêng trời lệch đất mang tính lịch sử, hình thành nên hệ thống hoàn chỉnh duy nhất trên toàn cầu sở hữu toàn bộ các ngành công nghiệp của Liên Hợp Quốc.

35 nét | HÁN VIỆT : PHIÊN THIÊN PHÚC ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Danh từ | #1035

凡
fán

phàm là, hễ là; cõi trần trần thế (fánchén)

大科学工程管理制度严格明确：凡涉及核心控制软件与关键硬件变更，必须经专家组集体严密论证并签字备案。
Dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ zhì dù yán gé míng què: fán shè jí hé xīn kòng zhì ruǎn jiàn yǔ guān jiàn yìng jiàn biàn gēng, bì xū jīng zhuān jiā zǔ jí tǐ yán mì lùn zhèng bìng qiān zì bèi àn.
Quy chế quản lý công trình khoa học lớn nêu rõ ràng nghiêm ngặt: phàm là hễ là mọi việc liên quan đến thay đổi phần cứng then chốt và phần mềm điều khiển cốt lõi, bắt buộc phải qua Hội đồng Chuyên gia tập thể luận chứng chặt chẽ và ký tên lưu hồ sơ.

11 nét | HÁN VIỆT : PHÀM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1036

烦闷
fánmèn

phiền muộn, bực bội chán chường, sầu não

科研人员在面对看似难以逾越的物理瓶颈时，通过与跨学科同行深入交流探讨，成功排解了内心的暂时烦闷。
Kē yán rén yuán zài miàn duì kàn shì nán yǐ yú yuè de wù lǐ píng jǐng shí, tōng guò yǔ kuà xué kē tóng háng shēn rù jiāo liú tàn tǎo, chéng gōng pái jiě le nèi xīn de zàn shí fán mèn.
Cán bộ nghiên cứu khoa học khi đối mặt với nút thắt vật lý tưởng chừng không thể vượt qua, thông qua việc trao đổi thảo luận sâu sắc với các đồng nghiệp liên ngành, đã giải tỏa thành công nỗi phiền muộn bực bội chán chường tạm thời trong lòng.

25 nét | HÁN VIỆT : PHIỀN MUỘN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1037

烦恼
fán nǎo

phiền não, buồn phiền

生活中遇到烦心事在所难免，学会向好友倾诉或去户外运动能有效排解内心的烦恼。
Shēng huó zhōng yù dào fán xīn shì zài suǒ nán miǎn, xué huì xiàng hǎo yǒu qīng sù huò qù hù wài yùn dòng néng yǒu xiào pái jiě nèi xīn de fán nǎo.
Trong cuộc sống gặp phải chuyện phiền lòng là điều khó tránh, học cách giãi bày cùng bạn thân hoặc chơi thể thao ngoài trời sẽ giúp xua tan những nỗi phiền muộn trong lòng.

26 nét | HÁN VIỆT : PHIỀN NÃO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1038

烦躁
fánzào

nóng nảy bực bội, bồn chồn cáu kỉnh, sốt ruột

做前沿纳米级超精密测量实验需要极强的定力，决不能有丝毫急于求成或烦躁不安的情绪波动。
Zuò qián yán nà mǐ jí chāo jīng mì cè liáng shí yàn xū yào jí qiáng de dìng lì, jué bù néng yǒu sī háo jí yú qiú chéng huò fán zào bù ān de qíng xù bō dòng.
Làm thực nghiệm đo lường siêu chính xác cấp độ nano tiên phong đòi hỏi định lực cực kỳ mạnh mẽ, tuyệt đối không được có chút dao động cảm xúc nóng vội muốn mau thành công hay bồn chồn cáu kỉnh nóng nảy bực bội nào.

26 nét | HÁN VIỆT : PHIỀN TÁO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1039

繁华
fán huá

phồn hoa, sầm uất, hoa lệ náo nhiệt

夜幕降临，浦江两岸流光溢彩、高楼林立，展现了现代化国际大都市繁华昌盛的迷人风采。
Yè mù jiàng lín, pǔ jiāng liǎng àn liú guāng yì cǎi, gāo lóu lín lì, zhǎn xiàn le xiàn dài huà guó jì dà dū shì fán huá chāng shèng de mí rén fēng cǎi.
Màn đêm buông xuống, hai bờ sông Hoàng Phố ánh đèn rực rỡ lộng lẫy, các tòa cao ốc mọc lên san sát, phô diễn vẻ đẹp quyến rũ phồn hoa hưng thịnh của một đại đô thị quốc tế hiện đại hóa.

22 nét | HÁN VIỆT : PHỒN HOA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1040

繁忙
fán máng

bận rộn

在面对复杂的挑战时，保持繁忙的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí fán máng de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bận rộn đặc biệt quan trọng.

20 nét | HÁN VIỆT : PHỒN MANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1041

繁体字
fán tǐ zì

chữ Hán phồn thể

国家珍贵古籍文献与甲骨文、金石碑刻的研究整理，需要研究人员熟练掌握繁体字与古代文字学功底。
Guó jiā zhēn guì gǔ jí wén xiàn yǔ jiǎ gǔ wén, jīn shí bēi kè de yán jiū zhěng lǐ, xū yào yán jiū rén yuán shú liàn zhǎng wò fán tǐ zì yǔ gǔ dài wén zì xué gōng dǐ.
Công tác nghiên cứu và chỉnh lý văn thư cổ tịch quý hiếm quốc gia cùng văn tự giáp cốt, văn bia kim thạch đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải nắm vững tinh thông chữ Hán phồn thể cùng nền tảng cổ văn tự học sâu sắc.

29 nét | HÁN VIỆT : PHỒN THỂ TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1042

繁重
fánzhòng

nặng nề, bộn bề vất vả, nặng nhọc gian truân

在大科学装置连续高负荷运行期间，运行维护团队克服了任务繁重与人员轮班紧张等重重困难，确保了零故障安全运行。
Zài dà kē xué zhuāng zhì lián xù gāo fù hè yùn xíng qī jiān, yùn xíng wéi hù tuán duì kè fú le rèn wù fán zhòng yǔ rén yuán lún bān jǐn zhāng děng chóng chóng kùn nán, què bǎo le líng gù zhàng ān quán yùn xíng.
Trong thời gian thiết bị khoa học lớn vận hành tải trọng cao liên tục, đội ngũ vận hành bảo trì đã khắc phục muôn vàn khó khăn như luân phiên nhân sự căng thẳng và nhiệm vụ nặng nề bộn bề vất vả, bảo đảm an toàn vận hành không có sự cố.

19 nét | HÁN VIỆT : PHỒN TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1043

反驳
fǎn bó

bác bỏ, phản bác, cãi lại bằng lý lẽ

在国际学术答辩会上，我国青年学者用无可辩驳的详实实验数据与严密逻辑，有力反驳了国外同行的质疑。
Zài guó jì xué shù dá biàn huì shàng, wǒ guó qīng nián xué zhě yòng wú kě biàn bó de xiáng shí shí yàn shù jù yǔ yán mì luó jí, yǒu lì fǎn bó le guó wài tóng háng de zhì yí.
Tại buổi bảo vệ học thuật quốc tế, nhà học giả trẻ nước ta bằng những số liệu thực nghiệm chi tiết xác thực không thể chối cãi cùng lập luận logic chặt chẽ đã phản bác đanh thép sự nghi ngờ của các đồng nghiệp nước ngoài.

24 nét | HÁN VIỆT : PHẢN BÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1044

反差
fǎnchā

độ tương phản, sự tương phản đối lập rõ rệt

老科学家在极其艰苦朴素的生活条件与他在前沿科学领域取得的举世瞩目辉煌成就之间，形成了令人肃然起敬的鲜明反差。
Lǎo kē xué jiā zài jí qí jiān kǔ pǔ sù de shēng huó tiáo jiàn yǔ tā zài qián yán kē xué lǐng yù qǔ dé de jù shì zhù mù huī huáng chéng jiù zhī jiān, xíng chéng le lìng rén sù rán qǐ jìng de xiān míng fǎn chā.
Giữa điều kiện sinh hoạt cực kỳ mộc mạc gian khổ của vị nhà khoa học lão thành và thành tựu huy hoàng khiến toàn thế giới dõi nhìn mà ông đạt được trong lĩnh vực khoa học tiên phong, đã tạo nên một sự tương phản đối lập độ tương phản rõ rệt khiến người ta kính cẩn nghiêng mình.

22 nét | HÁN VIỆT : PHẢN SAI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1045

反常
fǎn cháng

bất thường, khác thường, dị thường

受全球气候变暖加剧影响，近年来全球多地频繁出现极高温、极端干旱与反常特大暴雨等极端气候事件。
Shòu quán qiú qì hòu biàn nuǎn jiā jù yǐng xiǎng, jìn nián lái quán qiú duō dì pín fán chū xiàn jí gāo wēn, jí duān gān hàn yǔ fǎn cháng tè dà bào yǔ děng jí duān qì hòu shì jiàn.
Do ảnh hưởng ngày càng trầm trọng của sự nóng lên toàn cầu, những năm gần đây tại nhiều nơi trên thế giới đã liên tục xuất hiện các hiện tượng khí hậu cực đoan như nhiệt độ cực cao, hạn hán khốc liệt và những trận mưa lớn dị thường bất thường.

26 nét | HÁN VIỆT : PHẢN THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1046

反弹
fǎntán

bật lại, phục hồi bật tăng trở lại; phản tác dụng

在大科学工程深部地下实验室特种高韧性支护衬砌结构保护下，洞室围岩在极限深地应力释放后未发生任何破坏性反弹。
Zài dà kē xué gōng chéng shēn bù dì xià shí yàn shì tè zhǒng gāo rèn xìng zhī hù chèn qì jié gòu bǎo hù xià, dòng shì wéi yán zài jí xiàn shēn dì yīng lì shì fàng hòu wèi fā shēng rèn hé pò huài xìng fǎn tán.
Dưới sự bảo vệ của kết cấu lớp lót chống đỡ độ dẻo dai cao đặc chủng phòng thí nghiệm dưới lòng đất sâu của công trình khoa học lớn, đá vây quanh hầm lò sau khi giải phóng ứng suất lòng đất sâu giới hạn đã không phát sinh bất kỳ sự phản chấn bật lại có tính phá hoại nào.

24 nét | HÁN VIỆT : PHẢN ĐẠN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1047

反倒
fǎn dào

ngược lại, trái lại, hóa ra lại

外部个别势力的单边技术打压不仅没有压垮我们的高科技产业，反倒极大倒逼激发了全行业自主攻坚的创新斗志。
Wài bù gè bié shì lì de dān biān jì shù dǎ yā bù jǐn méi yǒu yā kuǎ wǒ men de gāo kē jì chǎn yè, fǎn dào jí dà dào bī jī fā le quán háng yè zì zhǔ gōng jiān de chuàng xīn dòu zhì.
Sự chèn ép công nghệ đơn phương của một số thế lực bên ngoài không những không thể đè bẹp được ngành công nghệ cao của chúng ta, mà trái lại còn thúc đẩy khơi dậy mạnh mẽ ý chí chiến đấu đổi mới sáng tạo tự chủ vượt khó của toàn ngành.

23 nét | HÁN VIỆT : PHẢN ĐẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ / Tính từ | #1048

反感
fǎn gǎn

phản cảm, ác cảm, bất mãn

在网络舆论空间中，广大网民对恶意造谣传谣、煽动网络暴力等侵犯他人隐私的恶劣行为深感厌恶与反感。
Zài wǎng luò yú lùn kōng jiān zhōng, guǎng dà wǎng mín duì è yì zào yáo chuán yáo, shān dòng wǎng luò bào lì děng qīn fàn tā rén yǐn sī de è liè xíng wéi shēn gǎn yàn wù yǔ fǎn gǎn.
Trong không gian dư luận trên mạng, đông đảo cư dân mạng cảm thấy vô cùng chán ghét và phản cảm trước các hành vi xấu xa xâm phạm quyền riêng tư của người khác như cố tình bịa đặt lan truyền tin đồn và kích động bạo lực mạng.

27 nét | HÁN VIỆT : PHẢN CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Cụm từ / Phó từ | #1049

反过来
fǎnguolai

ngược lại, xét theo chiều ngược lại, trái lại

基础科学研究的重大原创突破催生了前沿战略产业，而战略产业的飞速发展又反过来为基础研究提供了更强大的装备技术支撑。
Jī chǔ kē xué yán jiū de zhòng dà yuán chuàng tū pò cuī shēng le qián yán zhàn lüè chǎn yè, ér zhàn lüè chǎn yè de fēi sù fā zhǎn yòu fǎn guò lái wèi jī chǔ yán jiū tí gōng le gèng qiáng dà de zhuāng bèi jì shù zhī chēng.
Những bước đột phá nguyên tác trọng đại của nghiên cứu khoa học cơ bản đã sinh ra các ngành nghề chiến lược tiên phong, mà sự phát triển nhanh như vũ bão của các ngành nghề chiến lược lại ngược lại xét theo chiều ngược lại mang đến sự nâng đỡ công nghệ trang thiết bị mạnh mẽ hơn cho nghiên cứu cơ bản.

32 nét | HÁN VIỆT : PHẢN QUÁ LAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1050

反击
fǎnjī

phản công, giáng trả đánh trả, phản kích

我们在关键核心技术上的完全自主突破，是对外部一切单边霸凌与非法技术封锁最有力的战略反击！
Wǒ men zài guān jiàn hé xīn jì shù shàng de wán quán zì zhǔ tū pò, shì duì wài bù yī qiè dān biān bà líng yǔ fēi fǎ jì shù fēng suǒ zuì yǒu lì de zhàn lüè fǎn jī!
Bước đột phá hoàn toàn tự chủ của chúng ta trên các công nghệ lõi then chốt chính là đòn giáng trả phản công phản kích chiến lược đanh thép có sức mạnh nhất đối với mọi sự phong tỏa công nghệ phi pháp và bắt nạt bá quyền đơn phương từ bên ngoài!

22 nét | HÁN VIỆT : PHẢN KÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1051

反馈
fǎn kuì

phản hồi, ý kiến phản hồi; cơ chế phản hồi (điều khiển)

政务服务平台建立了实时在线用户满意度评价与意见反馈闭环机制，持续推动公共服务流程优化升级。
Zhèng wù fú wù píng tái jiàn lì le shí shí zài xiàn yòng hù mǎn yì dù píng jià yǔ yì jiàn fǎn kuì bì huán jī zhì, chí xù tuī dòng gōng gòng fú wù liú chéng yōu huà shēng jí.
Nền tảng dịch vụ hành chính công đã thiết lập cơ chế khép kín về đánh giá mức độ hài lòng của người dùng và phản hồi ý kiến trực tuyến theo thời gian thực, không ngừng thúc đẩy tối ưu hóa nâng cấp quy trình dịch vụ công.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1052

反面
fǎn miàn

mặt trái, mặt đối lập; bài học tiêu cực

党风廉政教育基地通过剖析严重违纪违法典型案例，以案为鉴发挥了强有力的反面警示教育震慑作用。
Dǎng fēng lián zhèng jiào yù jī dì tōng guò pōu xī yán zhòng wéi jì wéi fǎ diǎn xíng àn lì, yǐ àn wèi jiàn fā huī le qiáng yǒu lì de fǎn miàn jǐng shì jiào yù zhèn shè zuò yòng.
Căn cứ Giáo dục Liêm chính Tác phong Đảng thông qua việc mổ xẻ phân tích các án lệ điển hình vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng, lấy án làm gương đã phát huy tác dụng răn đe giáo dục cảnh tỉnh từ mặt trái tiêu cực vô cùng mạnh mẽ.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1053

反省
fǎnxǐng

tự kiểm điểm, tự suy ngẫm nhìn nhận lại, phản tỉnh

在每一次大科学工程试验阶段性复盘中，团队深入查找技术薄弱环节与管理疏漏，以深刻的反省推动系统持续优化完善。
Zài měi yī cì dà kē xué gōng chéng shì yàn jiē duàn xìng fù pán zhōng, tuán duì shēn rù chá zhǎo jì shù bó ruò huán jié yǔ guǎn lǐ shū lòu, yǐ shēn kè de fǎn xǐng tuī dòng xì tǒng chí xù yōu huà wán shàn.
Trong mỗi lần phục bàn đánh giá tổng kết giai đoạn thử nghiệm công trình khoa học lớn, đội ngũ đã đi sâu tìm kiếm các mắt xích công nghệ yếu kém và sơ hở quản lý, dùng sự tự kiểm điểm tự suy ngẫm phản tỉnh sâu sắc để thúc đẩy hệ thống liên tục tối ưu hóa hoàn thiện.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1054

反思
fǎn sī

suy ngẫm lại, tự soi xét, phản tư

面对复杂科技工程试验中出现的技术波动，攻关团队深入开展故障归零与机理反思，彻底排除了技术隐患。
Miàn duì fù zá kē jì gōng chéng shì yàn zhōng chū xiàn de jì shù bō dòng, gōng guān tuán duì shēn rù kāi zhǎn gù zhàng guī líng yǔ jī lǐ fǎn sī, chè dǐ pái chú le jì shù yǐn huàn.
Đứng trước những biến động kỹ thuật xuất hiện trong các đợt thử nghiệm công trình khoa học công nghệ phức tạp, đội ngũ nghiên cứu đã đi sâu triển khai quy trình đưa sự cố về số không và tự suy ngẫm soi xét lại cơ chế, loại bỏ triệt để các nguy cơ tiềm ẩn về kỹ thuật.

21 nét | HÁN VIỆT : PHẢN TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1055

返还
fǎnhuán

hoàn trả, trả lại hoàn lại, hoàn vốn

国家出台全面普惠政策，对高新技术研发投入强度达标的企业按比例足额返还研发费用加计扣除税收红利。
Guó jiā chū tái quán miàn pǔ huì zhèng cè, duì gāo xīn jì shù yán fā tóu rù qiáng dù dá biāo dì qǐ yè àn bǐ lì zú é fǎn huán yán fā fèi yòng jiā jì kòu chú shuì shōu hóng lì.
Nhà nước ban hành chính sách phổ huệ toàn diện, thực hiện hoàn trả hoàn lại đầy đủ theo tỷ lệ nguồn lợi thuế khấu trừ gia tăng chi phí nghiên cứu phát triển cho các doanh nghiệp có cường độ đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ cao đạt chuẩn.

20 nét | HÁN VIỆT : PHẢN HOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1056

犯愁
fànchóu

lo âu rầu rĩ, lo lắng đau đầu (khẩu ngữ)

过去因为缺少高端自主仪器设备而常常犯愁的青年科研团队，如今依托国家大科学装置平台开展前沿探索信心倍增。
Guò qù yīn wèi quē shǎo gāo duān zì zhǔ yí qì shè bèi ér cháng cháng fàn chóu de qīng nián kē yán tuán duì, rú jīn yī tuō guó jiā dà kē xué zhuāng zhì píng tái kāi zhǎn qián yán tàn suǒ xìn xīn bèi zēng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi thuở trước thường phải lo âu rầu rĩ đau đầu vì thiếu thốn trang thiết bị dụng cụ cao cấp tự chủ, ngày nay dựa vào nền tảng thiết bị khoa học lớn quốc gia để triển khai khám phá tiên phong đã nhân lên gấp bội sự tự tin.

21 nét | HÁN VIỆT : PHẠM SẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1057

泛滥
fàn làn

tràn lan, tràn ngập, lụt lội; bừa bãi

国家依法严厉打击网络虚假信息与侵权盗版行为，坚决防止各类低俗有害信息在青少年群体中泛滥传播。
Guó jiā yī fǎ yán lì dǎ jī wǎng luò xū jiǎ xìn xī yǔ qīn quán dào bǎn xíng wéi, jiān jué fáng zhǐ gè lèi dī sú yǒu hài xìn xī zài qīng shào nián qún tǐ zhōng fàn làn chuán bō.
Nhà nước xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật đối với các hành vi xâm phạm bản quyền đạo nhái và thông tin giả mạo trên mạng, kiên quyết ngăn ngừa mọi loại thông tin độc hại dung tục tràn lan phát tán trong giới thanh thiếu niên.

20 nét | HÁN VIỆT : PHIẾM LẠM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1058

饭碗
fànwǎn

bát cơm, chén cơm sinh kế (nghĩa đen/bóng)

中国人的饭碗任何时候都要牢牢端在自己手中，我们的饭碗应该主要装中国粮，关键依靠农业科技自立自强！
Zhōng guó rén de fàn wǎn rèn hé shí hòu dōu yào láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men de fàn wǎn yīng gāi zhǔ yào zhuāng zhōng guó liáng, guān jiàn yī kào nóng yè kē jì zì lì zì qiáng!
Bát cơm chén cơm sinh kế của người Trung Quốc trong bất kỳ thời điểm nào cũng phải bưng thật chắc trong tay mình, bát cơm của chúng ta phải chủ yếu chứa lương thực Trung Quốc, then chốt dựa vào tự chủ tự cường khoa học công nghệ nông nghiệp!

17 nét | HÁN VIỆT : PHẠN OẢN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1059

范畴
fàn chóu

phạm trù, lĩnh vực, khuôn khổ

量子信息与人工智能等前沿技术的交叉深度融合，已经远远超越了传统经典计算机科学的理论范畴。
Liàng zǐ xìn xī yǔ rén gōng zhì néng děng qián yán jì shù de jiāo chā shēn dù róng hé, yǐ jīng yuǎn yuǎn chāo yuè le chuán tǒng jīng diǎn jì suàn jī kē xué de lǐ lùn fàn chóu.
Sự kết hợp giao thoa chuyên sâu giữa các công nghệ mũi nhọn như thông tin lượng tử và trí tuệ nhân tạo đã vượt xa ra ngoài phạm trù lý thuyết của khoa học máy tính cổ điển truyền thống.

21 nét | HÁN VIỆT : PHẠM TRÙ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1060

贩卖
fàn mài

bán

老师鼓励大家积极贩卖，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fàn mài， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí。

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Phó từ | #1061

方方面面
fāngfāngmiànmiàn

mọi phương diện, các mặt các khía cạnh toàn diện

国家实验室制定了涵盖科研伦理、数据安全、设备运维等方方面面的严密规章制度体系。
Guó jiā shí yàn shì zhì dìng le hán gài kē yán lún lǐ, shù jù ān quán, shè bèi yùn wéi děng fāng fāng miàn miàn de yán mì guī zhāng zhì dù tǐ xì.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã chế định hệ thống quy

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1062

方向盘
fāngxiàngpán

vô lăng, tay lái bánh lái

搭载完全自主研发无人驾驶系统的智能重卡实现了无方向盘全自动无人作业，在封闭港口矿区实现全天候安全运行。
Dā zài wán quán zì zhǔ yán fā wú rén jià shǐ xì tǒng de zhì néng zhòng kǎ shí xiàn liǎo wú fāng xiàng pán quán zì dòng wú rén zuò yè, zài fēng bì gǎng kǒu kuàng qū shí xiàn quán tiān hòu ān quán yùn xíng.
Xe tải hạng nặng thông minh gắn hệ thống lái tự động không người lái do nước ta hoàn

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1063

方言
fāng yán

tiếng địa phương, phương ngôn

国家语言文字工作委员会大力推进中国语言资源保护工程，对全国各地的特色汉语方言与少数民族语言进行系统抢救性采录整理。
Guó jiā yǔ yán wén zì gōng zuò wěi yuán huì dà lì tuī jìn zhōng guó yǔ yán zī yuán bǎo hù gōng chéng, duì quán guó gè dì de tè sè hàn yǔ fāng yán yǔ shǎo shù mín zú yǔ yán jìn xíng xì tǒng qiǎng jiù xìng cǎi lù zhěng lǐ.
Ủy ban Công tác Ngôn ngữ Văn tự Quốc gia đẩy mạnh thực thi Dự án Bảo tồn Nguồn tài nguyên Ngôn ngữ Trung Quốc, tiến hành thu âm lưu trữ và chỉnh lý cứu hộ có hệ thống đối với các phương ngôn tiếng Hán đặc sắc cùng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trên khắp cả nước.

23 nét | HÁN VIỆT : PHƯƠNG NGÔN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1064

防盗
fángdào

chống trộm, phòng chống trộm cắp

国家珍贵深空月壤样本库采用了多重生物识别与微波量子防盗传感联锁防护系统，确保科研国宝万无一失。
Guó jiā zhēn guì shēn kōng yuè rǎng yàng běn kù cǎi yòng le duō chóng shēng wù shí bié yǔ wēi bō liàng zǐ fáng dào chuán gǎn lián suǒ fáng hù xì tǒng, què bǎo kē yán guó bǎo wàn wú yī shī.
Kho mẫu đất đá Mặt trăng không gian sâu quý giá của quốc gia áp dụng hệ thống phòng hộ liên khóa cảm biến chống trộm lượng tử vi ba và nhận dạng sinh trắc học đa tầng, bảo đảm quốc bảo nghiên cứu khoa học tuyệt đối an toàn không một sai sót.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÒNG ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1065

防盗门
fángdàomén

cửa chống trộm, cửa an toàn bọc thép chống trộm

国家超算中心机密核心机房安装了具备电磁屏蔽与防爆抗冲击特性的特种重型防盗门系统。
Guó jiā chāo suàn zhōng xīn jī mì hé xīn jī fáng ān zhuāng le jù bèi diàn cí píng bì yǔ fáng bào kàng chōng jī tè xìng de tè zhǒng zhòng xíng fáng dào mén xì tǒng.
Phòng máy cốt lõi cơ mật của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia được lắp đặt hệ thống cửa chống trộm cửa an toàn bọc thép đặc chủng hạng nặng sở hữu đặc tính chống va đập chống nổ và che chắn chống nhiễu điện từ.

33 nét | HÁN VIỆT : PHÒNG ĐẠO MÔN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1066

防护
fánghù

phòng hộ, bảo vệ che chở, trang bị bảo hộ

我国成功研制出新一代轻质超高强多层航天辐射防护复合材料，为航天员长期深空驻留提供了安全生命屏障。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū xīn yí dài qīng zhì chāo gāo qiáng duō céng háng tiān fú shè fáng hù fù hé cái liào, wèi háng tiān yuán cháng qī shēn kōng zhù liú tí gōng le ān quán shēng mìng píng zhàng.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công vật liệu composite phòng hộ bảo vệ chống bức xạ hàng không vũ trụ đa tầng cường độ siêu cao siêu nhẹ thế hệ mới, mang lại tấm lá chắn sinh mệnh an toàn cho phi hành gia lưu trú lâu dài trong không gian sâu.

25 nét | HÁN VIỆT : PHÒNG HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1067

防火墙
fánghuǒqiáng

tường lửa mạng, vách ngăn chống cháy (nghĩa đen/bóng)

国家大科学装置核心内网部署了完全自主可控的下一代高通量智能硬件防火墙，坚决阻断一切外部恶意攻击入侵。
Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn nèi wǎng bù shǔ le wán quán zì zhǔ kě kòng de xià yí dài gāo tōng liàng zhì néng yìng jiàn fáng huǒ qiáng, jiān jué zǔ duàn yī qiè wài bù è yì gōng jī rù qīn.
Mạng nội bộ cốt lõi của thiết bị khoa học lớn quốc gia được bố trí tường lửa tường lửa mạng phần cứng thông minh thông lượng cao thế hệ tiếp theo hoàn toàn tự chủ kiểm soát, kiên quyết chặn đứng mọi sự xâm nhập tấn công ác ý từ bên ngoài.

33 nét | HÁN VIỆT : PHÒNG HOẢ TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1068

防卫
fángwèi

phòng vệ, tự vệ bảo vệ, phòng thủ

中国始终坚定奉行防御性国防政策，独立自主研发先进国防科技重器纯粹是为了维护国家主权、安全与领土完整。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fèng xíng fáng yù xìng guó fáng zhèng cè, dú lì zì zhǔ yán fā xiān jìn guó fáng kē jì zhòng qì chún cuì shì wèi le wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān quán yǔ lǐng tǔ wán zhěng.
Trung Quốc luôn kiên định theo đuổi chính sách quốc phòng mang tính phòng ngự phòng vệ, việc độc lập tự chủ nghiên cứu phát triển các đại khí công nghệ quốc phòng tiên tiến thuần túy là vì bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và chủ quyền quốc gia.

27 nét | HÁN VIỆT : PHÒNG VỆ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1069

防汛
fángxùn

phòng chống lũ lụt, chống lũ mùa mưa

国家水利数字孪生大模型系统全面赋能长江流域防汛抗旱精准调度，实现了流域洪水演进的厘米级高保真数字推演。
Guó jiā shuǐ lì shù zì luán shēng dà mó xíng xì tǒng quán miàn fù néng cháng jiāng liú yù fáng xùn kàng hàn jīng zhǔn diào dù, shí xiàn le liú yù hóng shuǐ yǎn jìn de lí mǐ jí gāo bǎo zhēn shù zì tuī yǎn.
Hệ thống mô hình lớn bản sao số (Digital Twin) thủy lợi quốc gia tiếp thêm sức mạnh toàn diện cho công tác điều phối chuẩn xác phòng chống lũ lụt chống lũ mùa lũ và hạn hán lưu vực sông Trường Giang, thực hiện suy diễn số hóa độ trung thực cao cấp độ centimet về sự phát triển dòng lũ lưu vực.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1070

防疫
fáng yì

phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch vệ sinh

海关卫生检疫部门全面筑牢口岸重大传染病输入防线，依托智能红外测温与核酸快速检测系统精准实施口岸防疫监管。
Hǎi guān wèi shēng jiǎn yì bù mén quán miàn zhù láo kǒu àn zhòng dà chuán rǎn bìng shū rù fáng xiàn, yī tuō zhì néng hóng wài cè wēn yǔ hé suān kuài sù jiǎn cè xì tǒng jīng zhǔn shí shī kǒu àn fáng yì jiān guǎn.
Cơ quan kiểm dịch y tế hải quan đã xây vững chắc phòng tuyến ngăn chặn các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xâm nhập tại cửa khẩu, dựa vào hệ thống đo thân nhiệt hồng ngoại thông minh và xét nghiệm axit nucleic nhanh để giám sát phòng chống dịch bệnh chuẩn xác.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1071

防御
fáng yù

phòng thủ, phòng vệ, phòng vệ chiến lược

我国始终奉行防御性的国防政策，军队始终是维护国家主权、安全和世界和平的坚定和平力量。
Wǒ guó shǐ zhōng fèng xíng fáng yù xìng de guó fáng zhèng cè, jūn duì shǐ zhōng shì wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān quán hé shì jiè hé píng de jiān dìng hé píng lì liàng.
Nước ta luôn thực thi chính sách quốc phòng mang tính phòng vệ, quân đội luôn là lực lượng hòa bình kiên định bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và hòa bình thế giới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1072

妨碍
fáng ài

cản trở, gây trở ngại, làm vướng

在狭窄的楼道内堆放杂物不仅妨碍邻里日常通行，更存在极大的消防安全隐患。
Zài xiá zhǎi de lóu dào nèi duī fàng zá wù bù jǐn fáng ài lín lǐ rì cháng tōng xíng, gèng cún zài jí dà de xiāo fáng ān quán yǐn huàn.
Việc xếp đống đồ đạc bừa bãi trong hành lang nhỏ hẹp không chỉ cản trở việc đi lại hàng ngày của hàng xóm láng giềng mà còn tiềm ẩn nguy cơ an toàn phòng cháy chữa cháy rất lớn.

27 nét | HÁN VIỆT : PHƯƠNG NGẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1073

妨害
fánghài

phương hại, cản trở gây tổn hại, làm phương hại

任何形式的学术不端与虚假造假行为，都会严重妨害科学探索的求真本质并败坏学术生态。
Rèn hé xíng shì de xué shù bù duān yǔ xū jiǎ zào jiǎ xíng wéi, dū huì yán zhòng fáng hài kē xué tàn suǒ de qiú zhēn běn zhì bìng bài huài xué shù shēng tài.
Bất kỳ hình thức hành vi làm giả giả mạo và sai trái học thuật nào cũng đều sẽ phương hại cản trở gây tổn hại nghiêm trọng đến bản chất kiếm tìm chân lý của khám phá khoa học và làm suy đồi hủy hoại hệ sinh thái học thuật.

26 nét | HÁN VIỆT : PHƯƠNG HẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1074

房地产
fángdìchǎn

bất động sản, ngành địa ốc

我国经济发展动能加快从过度依赖传统房地产转向依靠以高科技创新与现代制造业为主导的新质生产力。
Wǒ guó jīng jì fā zhǎn dòng néng jiā kuài cóng guò dù yī lài chuán tǒng fáng dì chǎn zhuǎn xiàng yī kào yǐ gāo kē jì chuàng xīn yǔ xiàn dài zhì zào yè wéi zhǔ dǎo de xīn zhì shēng chǎn lì.
Động năng phát triển kinh tế nước ta đẩy nhanh chuyển biến từ chỗ phụ thuộc quá mức vào bất động sản địa ốc truyền thống sang dựa vào lực lượng sản xuất chất lượng mới lấy ngành chế tạo hiện đại và đổi mới sáng tạo công nghệ cao làm chủ đạo.

31 nét | HÁN VIỆT : PHỎNG ĐỊA SẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1075

仿
fǎng

mô phỏng, phỏng theo, bắt chước (phỏng sinh học: fǎngshēng)

我国科学家基于仿生力学原理成功研制出新型耐磨抗冲击纳米结构复合材料，在深海工程装备中展现出卓越性能。
Wǒ guó kē xué jiā jī yú fǎng shēng lì xué yuán lǐ chéng gōng yán zhì chū xīn xíng nài mó kàng chōng jī nà mǐ jié gòu fù hé cái liào, zài shēn hǎi gōng chéng zhuāng bèi zhōng zhǎn xiàn chū zhuó yuè xìng néng.
Các nhà khoa học nước ta dựa trên nguyên lý cơ học phỏng sinh học mô phỏng phỏng theo đã nghiên cứu chế tạo thành công vật liệu composite kết cấu nano chống va đập chịu mài mòn kiểu mới, phô diễn tính năng trác việt trong trang thiết bị công trình biển sâu.

8 nét | HÁN VIỆT : PHỎNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1076

仿制
fǎngzhì

phỏng chế, sao chép làm theo mẫu, thuốc generic phỏng chế

从过去的跟踪仿制全面迈向今天的原创引领，中国高科技产业走过了一条波澜壮阔的自主创新崛起之路。
Cóng guò qù de gēn zōng fǎng zhì quán miàn mài xiàng jīn tiān de yuán chuàng yǐn lǐng, zhōng guó gāo kē jì chǎn yè zǒu guò le yī tiáo bō lán zhuàng kuò de zì zhǔ chuàng xīn jué qǐ zhī lù.
Từ việc bám sát phỏng chế sao chép làm theo mẫu trong quá khứ tiến bước toàn diện sang dẫn dắt nguyên bản ngày nay, ngành công nghệ cao Trung Quốc đã đi qua một con đường trỗi dậy đổi mới sáng tạo tự chủ cuồn cuộn sóng trào.

20 nét | HÁN VIỆT : PHỎNG CHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1077

访谈
fǎngtán

phỏng vấn tọa đàm, trò chuyện đối thoại chuyên sâu

在国家主流媒体高端科学访谈节目中，老一辈战略科学家深情回顾了攻克大科学工程国之重器的壮阔峥嵘岁月。
Zài guó jiā zhǔ liú méi tǐ gāo duān kē xué fǎng tán jié mù zhōng, lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā shēn qíng huí gù le gōng kè dà kē xué gōng chéng guó zhī zhòng qì de zhuàng kuò zhēng róng suì yuè.
Trong chương trình phỏng vấn tọa đàm đối thoại khoa học cao cấp của truyền thông dòng chính quốc gia, vị nhà khoa học chiến lược lão thành đã xúc động bồi hồi nhớ lại những năm tháng chông gai tráng lệ chinh phục đại khí quốc gia công trình khoa học lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : PHỎNG ĐÀM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1078

纺织
fǎng zhī

dệt may, ngành dệt sợi

现代高性能智能纺织工业大量采用超细碳纤维、芳纶与导电纤维，广泛应用于航空航天特种防护服与高性能复合材料领域。
Xiàn dài gāo xìng néng zhì néng fǎng zhī gōng yè dà liàng cǎi yòng chāo xì tàn xiān wéi, fāng lún yǔ dǎo diàn xiān wéi, guǎng fàn yìng yòng yú háng kōng háng tiān tè zhǒng fáng hù fú yǔ gāo xìng néng fù hé cái liào lǐng yù.
Ngành công nghiệp dệt may thông minh hiệu năng cao hiện đại áp dụng rộng rãi sợi carbon siêu mảnh, sợi aramid và sợi dẫn điện, được ứng dụng sâu rộng trong các trang phục bảo hộ đặc chủng hàng không vũ trụ và vật liệu composite hiệu năng cao.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1079

放过
fàngguò

bỏ qua, tha cho tha thứ, để lọt mất

在重大航天发射前全系统超精密质量安全复查中，工程师决不放过任何一个细微的异常数据参数指标。
Zài zhòng dà háng tiān fā shè qián quán xì tǒng chāo jīng mì zhì liàng ān quán fù chá zhōng, gōng chéng shī jué bù fàng guò rèn hé yí gè xì wēi de yì cháng shù jù cān shù zhǐ biāo.
Trong đợt phúc tra an toàn chất lượng siêu chính xác toàn hệ thống trước khi phóng tàu vũ trụ trọng đại, các kỹ sư tuyệt đối không bỏ qua để lọt mất bất kỳ một chỉ tiêu tham số số liệu dị thường tinh vi nhỏ nhặt nào.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1080

放水
fàngshuǐ

xả nước, tháo nước (thủy điện); nhường lợi tay (khẩu ngữ)

三峡超级水利枢纽水雨情智能预报调度系统精准指挥大坝科学调峰放水，全力确保长江中下游流域防洪安澜。
Sān xiá chāo jí shuǐ lì shū niǔ shuǐ yǔ qíng zhì néng yù bào diào dù xì tǒng jīng zhǔn zhǐ huī dà bà kē xué diào fēng fàng shuǐ, quán lì què bǎo zhǎng jiāng zhōng xià yóu liú yù fáng hóng ān lán.
Hệ thống điều phối dự báo thông minh tình hình mưa lũ đầu mối thủy lợi siêu cấp Tam Hiệp đã chỉ huy chuẩn xác đập thủy điện xả nước tháo nước cắt đỉnh lũ một cách khoa học, dốc toàn lực bảo đảm lưu vực trung hạ lưu sông Trường Giang an toàn phòng chống lũ lụt.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1081

放肆
fàngsì

càn rỡ ngông cuồng, phóng túng buông thả, xấc xược

在严谨神圣的科学真理殿堂里，容不得任何弄虚作假、学术浮夸与放肆践踏科研伦理底线的恶劣行径。
Zài yán jǐn shén shèng de kē xué zhēn lǐ diàn táng lǐ, róng bù dé rèn hé nòng xū zuò jiǎ, xué shù fú kuā yǔ fàng sì jiàn tà kē yán lún lǐ dǐ xiàn de è liè xíng jìng.
Bên trong thánh đường chân lý khoa học nghiêm cẩn thiêng liêng, không dung thứ cho bất kỳ hành vi tồi tệ dẫm đạp ngông cuồng càn rỡ lên lằn ranh đạo đức nghiên cứu khoa học, phô trương học thuật và dối trá làm giả nào.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÓNG TỨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1082

放映
fàngyìng

chiếu phim, trình chiếu phim ảnh/tài liệu

在中国科技馆巨幕球幕影院内，全景高清放映的大科学装置深空探索实录纪录片赢得了现场观众阵阵喝彩。
Zài zhōng guó kē jì guǎn jù mù qiú mù yǐng yuàn nèi, quán jǐng gāo qīng fàng yìng de dà kē xué zhuāng zhì shēn kōng tàn suǒ shí lù jì lù piàn yíng dé le xiàn chǎng guān zhòng zhèn zhèn hè cǎi.
Bên trong rạp chiếu phim vòm màn ảnh khổng lồ Bảo tàng Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, bộ phim tài liệu ghi thực thám trắc không gian sâu thiết bị khoa học lớn trình chiếu chiếu phim độ nét cao toàn cảnh đã nhận được những tràng pháo tay reo hò không ngớt của khán giả tại hiện trường.

26 nét | HÁN VIỆT : PHÓNG ÁNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1083

放置
fàngzhì

đặt để, bố trí đặt vào vị trí, gác lại

极高洁净度月球样品被严密放置在充满高纯氮气保护的多重防污染超真空手套箱内。
Jí gāo jié jìng dù yuè qiú yàng pǐn bèi yán mì fàng zhì zài chōng mǎn gāo chún dàn qì bǎo hù de duō zhòng fáng wū rǎn chāo zhēn kōng shǒu tào xiāng nèi.
Các mẫu vật Mặt trăng có độ sạch cực cao được đặt để bố trí đặt nghiêm ngặt bên trong tủ găng tay siêu chân không chống ô nhiễm đa tầng chứa đầy khí nitơ độ tinh khiết cao bảo vệ.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÓNG TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1084

放纵
fàngzòng

buông thả, dung túng phóng túng, thỏa hiệp nuông chiều

对待重大工程设计参数必须坚持极端严谨科学态度，决不允许对任何潜在安全隐患与微小误差有丝毫放纵迁就。
Duì dài zhòng dà gōng chéng shè jì cān shù bì xū jiān chí jí duān yán jǐn kē xué tài dù, jué bù yǔn xǔ duì rèn hé qián zài ān quán yǐn huàn yǔ wēi xiǎo wù chā yǒu sī háo fàng zòng qiān jiù.
Đối với các tham số thiết kế công trình trọng đại bắt buộc phải kiên trì thái độ khoa học nghiêm cẩn tột cùng, tuyệt đối không cho phép có chút dung túng buông thả nuông chiều hay thỏa hiệp nào trước các sai số nhỏ và hiểm họa an toàn tiềm ẩn.

26 nét | HÁN VIỆT : PHÓNG TUNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1085

飞速
fēisù

nhanh như bay, thần tốc nhanh chóng, bay nhanh

我国在新一代人工智能大模型与深空探测前沿领域取得了飞速发展，多项关键指标跻身世界领先行列。
Wǒ guó zài xīn yí dài rén gōng zhì néng dà mó xíng yǔ shēn kōng tàn cè qián yán lǐng yù qǔ dé le fēi sù fā zhǎn, duō xiàng guān jiàn zhǐ biāo jǐ shēn shì jiè lǐng xiān xíng liè.
Nước ta trong lĩnh vực tiên phong thám trắc không gian sâu và mô hình lớn trí tuệ nhân tạo thế hệ mới đã gặt hái sự phát triển thần tốc nhanh như bay nhanh chóng, nhiều chỉ tiêu then chốt vươn lên hàng ngũ dẫn đầu thế giới.

25 nét | HÁN VIỆT : PHI TỐC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1086

飞往
fēiwǎng

bay tới, bay hướng về, cất cánh bay đến

我国自主研制的深空探测器经过高精度变轨机动，顺利脱离地球引力场全速飞往遥远的火星轨道。
Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de shēn kōng tàn cè qì jīng guò gāo jīng dù biàn guǐ jī dòng, shùn lì tuō lí dì qiú yǐn lì chǎng quán sù fēi wǎng yáo yuǎn de huǒ xīng guǐ dào.
Tàu thám trắc không gian sâu do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo trải qua cơ động đổi quỹ đạo độ chính xác cao đã thuận lợi thoát khỏi trường hấp dẫn Trái đất, bay hết tốc lực bay tới bay hướng về quỹ đạo Sao Hỏa xa xôi.

24 nét | HÁN VIỆT : PHI VÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1087

飞翔
fēi xiáng

bay lượn, sải cánh bay lượn (trên bầu trời)

伴随着生态环境的显著改善，每年初冬成千上万只珍稀候鸟在鄱阳湖湿地水草丰美的水面上自由自在展翅飞翔。
Bàn suí zhe shēng tài huán jìng de xiǎn zhù gǎi shàn, měi nián chū dōng chéng qiān shàng wàn zhī zhēn xī hòu niǎo zài pó yáng hú shī dì shuǐ cǎo fēng měi de shuǐ miàn shàng zì yóu zì zài zhǎn chì fēi xiáng.
Gắn liền với sự cải thiện rõ rệt của môi trường sinh thái, mỗi độ đầu đông hàng vạn cánh chim di cư quý hiếm lại tự do sải cánh bay lượn trên mặt nước ngập tràn cỏ cây thủy sinh màu mỡ của vùng đất ngập nước hồ Bà Dương (Poyang).

26 nét | HÁN VIỆT : PHI TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1088

飞跃
fēi yuè

Nhảy

老师鼓励大家积极飞跃，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fēi yuè， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nhảy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét | HÁN VIỆT : PHI DƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1089

非得
fēiděi

nhất định phải, ắt phải, không thể không (khẩu ngữ)

老科学家常告诫年轻学者：“搞原创颠覆性创新，就非得有一股咬定青山不放松、不达目的誓不罢休的韧劲不可！”
Lǎo kē xué jiā cháng gào jiè nián qīng xué zhě : "gǎo yuán chuàng diān fù xìng chuàng xīn, jiù fēi děi yǒu yī gǔ yǎo dìng qīng shān bù fàng sōng, bù dá mù dì shì bù bà xiū de rèn jìn bù kě!"
Nhà khoa học lão thành thường răn dạy các học giả trẻ: 'Làm đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng nguyên bản, thì nhất định phải ắt phải có một bầu nhiệt huyết dẻo dai kiên cường cắn chặt núi xanh không buông lỏng, chưa đạt mục đích thề không bỏ cuộc!'

27 nét | HÁN VIỆT : PHI ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1090

非法
fēi fǎ

phi pháp, bất hợp pháp, trái pháp luật

国家司法机关依法严厉打击任何非法集资、电信诈骗与非法买卖个人隐私数据的严重违法犯罪行为。
Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé fēi fǎ jí zī, diàn xìn zhà piàn yǔ fēi fǎ mǎi mài gè rén yǐn sī shù jù de yán zhòng wéi fǎ fàn zuì xíng wèi.
Cơ quan tư pháp quốc gia xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật đối với mọi hành vi phạm pháp nghiêm trọng như huy động vốn phi pháp, lừa đảo qua mạng viễn thông và mua bán trái phép dữ liệu riêng tư cá nhân.

22 nét | HÁN VIỆT : PHI PHÁP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1091

非凡
fēifán

phi phàm, phi thường xuất chúng, phi thường kiệt xuất

新时代广大科技工作者在科技强国征程上披荆斩棘、勇攀高峰，创造了无愧于党和人民的非凡历史成就！
Xīn shí dài guǎng dà kē jì gōng zuò zhě zài kē jì qiáng guó zhēng chéng shàng pī jīng zhǎn jí, yǒng pān gāo fēng, chuàng zào liǎo wú kuì yú dǎng hé rén mín de fēi fán lì shǐ chéng jiù!
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ thời đại mới trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ đã vượt mọi chông gai, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, kiến tạo nên những thành tựu lịch sử phi thường phi phàm xuất chúng không hổ thẹn với Đảng và nhân dân!

24 nét | HÁN VIỆT : PHI PHÀM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1092

非金属
fēijīnshǔ

phi kim loại, phi kim

新型高强度耐高温特种非金属碳化硅复合材料在航空发动机热端部件制造中实现了关键规模化应用突破。
Xīn xíng gāo qiáng dù nài gāo wēn tè zhǒng fēi jīn shǔ tàn huà guī fù hé cái liào zài háng kōng fā dòng jī rè duān bù jiàn zhì zào zhōng shí xiàn le guān jiàn guī mó huà yìng yòng tū pò.
Vật liệu composite silic cacbua (SiC) phi kim loại phi kim đặc chủng chịu nhiệt độ cao cường độ cao kiểu mới đã thực hiện bước đột phá ứng dụng quy mô then chốt trong chế tạo linh kiện đầu nóng của động cơ hàng không.

34 nét | HÁN VIỆT : PHI KIM THUỘC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1093

绯闻
fēiwén

tin đồn tình ái, scandal tình ái, thị phi ái tình

战略科学家一心潜心科研报国，远离一切浮躁名利场与庸俗八卦绯闻，始终保持着纯粹高尚的学者风骨。
Zhàn lüè kē xué jiā yī xīn qián xīn kē yán bào guó, yuǎn lí yī qiè fú zào míng lì chǎng yǔ yōng sú bā guà fēi wén, shǐ zhōng bǎo chí zhe chún cuì gāo shàng de xué zhě fēng gǔ.
Nhà khoa học chiến lược một lòng chuyên tâm nghiên cứu khoa học phụng sự Tổ quốc, tránh xa mọi chốn danh lợi phù phiếm cùng những tin đồn tình ái scandal thị phi tầm thường, luôn giữ trọn cốt cách học giả cao thượng thuần khiết.

17 nét | HÁN VIỆT : PHI VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1094

肥料
féiliào

phân bón, phân bón nông nghiệp

农业绿色科技攻关团队成功研发出纳米包膜缓释智能生物肥料，显著降低了农田氮磷流失与土壤面源污染。
Nóng yè lǜ sè kē jì gōng guān tuán duì chéng gōng yán fā chū nà mǐ bāo mó huǎn shì zhì néng shēng wù féi liào, xiǎn zhù jiàng dī le nóng tián dàn lín liú shī yǔ tǔ rǎng miàn yuán wū rǎn.
Đội ngũ vượt khó khoa học công nghệ xanh nông nghiệp đã nghiên cứu phát triển thành công phân bón phân bón sinh học thông minh giải phóng chậm bọc màng nano, giảm thiểu rõ rệt sự thất thoát nitơ phốt pho trên đồng ruộng và ô nhiễm nguồn phân tán đất đai.

25 nét | HÁN VIỆT : PHÌ LIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1095

肥胖
féi pàng

Béo phì

在面对复杂的挑战时，保持肥胖的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí féi pàng de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Béo phì đặc biệt quan trọng.

26 nét | HÁN VIỆT : PHÌ BÀN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1096

肥沃
féi wò

màu mỡ, phì nhiêu (đất đai, thổ nhưỡng)

东北广袤肥沃的典型黑土地是极为宝贵的“耕地中的大熊猫”，国家依法实施了极其严格的黑土地保护工程。
Dōng běi guǎng mào féi wò de diǎn xíng hēi tǔ dì shì jí wéi bǎo guì de "gēng dì zhōng de dà xióng māo ", guó jiā yī fǎ shí shī le jí qí yán gé de hēi tǔ dì bǎo hù gōng chéng.
Dải đất đen điển hình màu mỡ phì nhiêu bao la vùng Đông Bắc chính là 'Gấu trúc trong các loại đất canh tác' vô cùng quý báu, Nhà nước đã triển khai dự án bảo vệ đất đen cực kỳ nghiêm ngặt theo quy định pháp luật.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÌ ỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1097

肥皂
féi zào

xà phòng, xà bông

饭前便后使用流动清水与抑菌肥皂认真洗手，是预防肠道细菌感染最简单有效的卫生习惯。
Fàn qián biàn hòu shǐ yòng liú dòng qīng shuǐ yǔ yì jūn féi zào rèn zhēn xǐ shǒu, shì yù fáng cháng dào xì jūn gǎn rǎn zuì jiǎn dān yǒu xiào de wèi shēng xí guàn.
Rửa tay cẩn thận bằng xà phòng diệt khuẩn dưới vòi nước chảy trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh là thói quen vệ sinh đơn giản và hiệu quả nhất để phòng ngừa nhiễm khuẩn đường ruột.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÌ TẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1098

诽谤
fěi bàng

phỉ báng, vu khống, bôi nhọ danh dự

国家法律严厉惩治任何在互联网上恶意捏造事实、公然侮辱诽谤英雄烈士名誉名节的违法失德行为。
Guó jiā fǎ lǜ yán lì chéng zhì rèn hé zài hù lián wǎng shàng è yì niē zào shì shí, gōng rán wǔ rǔ fěi bàng yīng xióng liè shì míng yù míng jié de wéi fǎ shī dé xíng wèi.
Pháp luật nhà nước trừng trị nghiêm khắc mọi hành vi vi phạm pháp luật thiếu đạo đức cố tình bịa đặt sự thật trên mạng internet, công nhiên làm nhục phỉ báng xúc phạm danh dự và khí tiết của các anh hùng liệt sĩ.

21 nét | HÁN VIỆT : PHỈ BÁNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1099

废
fèi

bỏ đi tàn phế, phế bỏ; phế liệu (fèiwù)

国家实验室建立了严格的精密实验仪器废旧零部件无害化绿色循环利用全生命周期管理制度。
Guó jiā shí yàn shì jiàn lì le yán gé de jīng mì shí yàn yí qì fèi jiù líng bù jiàn wú hài huà lǜ sè xún huán lì yòng quán shēng mìng zhōu qī guǎn lǐ zhì dù.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã xây dựng chế độ quản lý toàn bộ vòng đời tận dụng tuần hoàn xanh vô hại hóa các linh kiện phụ tùng phế liệu cũ bỏ đi của dụng cụ thực nghiệm chính xác nghiêm ngặt.

11 nét | HÁN VIỆT : PHẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1100

废除
fèi chú

bãi bỏ, hủy bỏ (quy định, chế độ cũ)

深化全国统一大市场建设必须坚决清理废除妨碍全国统一市场和公平竞争的各种地方保护与行政壁垒规定。
Shēn huà quán guó tǒng yī dà shì chǎng jiàn shè bì xū jiān jué qīng lǐ fèi chú fáng ài quán guó tǒng yī shì chǎng hé gōng píng jìng zhēng de gè zhǒng dì fāng bǎo hù yǔ xíng zhèng bì lěi guī dìng.
Đi sâu xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc bắt buộc phải kiên quyết rà soát bãi bỏ mọi quy định bảo hộ địa phương và rào cản hành chính cản trở thị trường thống nhất toàn quốc và cạnh tranh công bằng.

19 nét | HÁN VIỆT : PHẾ TRỪ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1101

废话
fèi huà

lời vô nghĩa, lời thừa thãi, chuyện nhảm nhí

在高效务实的商务汇报中，发言者应当开门见山直奔核心数据，切忌通篇充斥空洞的废话。
Zài gāo xiào wù shí de shāng wù huì bào zhōng, fā yán zhě yīng dāng kāi mén jiàn shān zhí bēn hé xīn shù jù, qiè jì tōng piān chōng chì kōng dòng de fèi huà.
Trong các bài báo cáo kinh doanh hiệu quả và thực tế, người thuyết trình nên đi thẳng vào các số liệu cốt lõi, tránh nói tràn lan toàn những lời sáo rỗng vô nghĩa.

19 nét | HÁN VIỆT : PHẾ THOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1102

废品
fèipǐn

phế phẩm, hàng hỏng phế phẩm, đồ phế liệu

在超高精密光学反射镜抛光加工中，任何微米级表面瑕疵都会导致昂贵的毛坯直接沦为废品，要求工艺精益求精。
Zài chāo gāo jīng mì guāng xué fǎn shè jìng pāo guāng jiā gōng zhōng, rèn hé wēi mǐ jí biǎo miàn xiá cī dū huì dǎo zhì áng guì de máo pī zhí jiē lún wèi fèi pǐn, yāo qiú gōng yì jīng yì qiú jīng.
Trong gia công đánh bóng gương phản xạ quang học siêu chính xác cao, bất kỳ tì vết bề mặt cấp độ micromet nào cũng đều sẽ khiến phôi đắt tiền trực tiếp biến thành phế phẩm hàng hỏng, đòi hỏi quy trình phải tinh ích cẩu tinh (đã tinh xảo càng muốn tinh xảo hơn).

23 nét | HÁN VIỆT : PHẾ PHẨM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1103

废寝忘食
fèiqǐnwàngshí

quên ăn quên ngủ, miệt mài ngày đêm không quản ngủ nghỉ

为了抢在既定发射窗口前排除最后一道遥测异常，攻坚团队在大厅里废寝忘食地连续奋战了整整三个昼夜。
Wèi le qiǎng zài jì dìng fā shè chuāng kǒu qián pái chú zuì hòu yī dào yáo cè yì cháng, gōng jiān tuán duì zài dà tīng lǐ fèi qǐn wàng shí dì lián xù fèn zhàn le zhěng zhěng sān gè zhòu yè.
Để tranh thủ loại trừ dị thường đo từ xa cuối cùng trước cửa sổ phóng định sẵn, đội ngũ vượt khó trong đại sảnh đã quên ăn quên ngủ miệt mài ngày đêm chiến đấu liên tục suốt ba ngày ba đêm ròng rã.

35 nét | HÁN VIỆT : PHẾ TẨM VONG THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1104

废物
fèiwù

chất thải rác thải; đồ vô dụng (nghĩa bóng)

绿色清洁能源示范基地成功实现了重金属工业固态废物的高温等离子体无害化熔融转化与全量资源化再生利用。
Lǜ sè qīng jié néng yuán shì fàn jī dì chéng gōng shí xiàn le zhòng jīn shǔ gōng yè gù tài fèi wù de gāo wēn děng lí zǐ tǐ wú hài huà róng róng zhuǎn huà yǔ quán liàng zī yuán huà zài shēng lì yòng.
Căn cứ trình diễn năng lượng sạch xanh đã thực hiện thành công việc tái sinh tận dụng toàn lượng tài nguyên hóa và chuyển hóa nóng chảy vô hại hóa plasma nhiệt độ cao đối với chất thải rác thải thể rắn công nghiệp kim loại nặng.

20 nét | HÁN VIỆT : PHẾ VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1105

废墟
fèi xū

đống đổ nát, tàn tích hoang tàn

在特大强震救援现场，国家重型地震搜救队使用雷达生命探测仪与搜救犬在钢筋瓦砾废墟深处连续奋战成功救出幸存者。
Zài tè dà qiáng zhèn jiù yuán xiàn chǎng, guó jiā zhòng xíng dì zhèn sōu jiù duì shǐ yòng léi dá shēng mìng tàn cè yí yǔ sōu jiù quǎn zài gāng jīn wǎ lì fèi xū shēn chù lián xù fèn zhàn chéng gōng jiù chū xìng cún zhě.
Tại hiện trường cứu nạn trận động đất mạnh đặc biệt lớn, Đội Cứu nạn Động đất Hạng nặng Quốc gia sử dụng máy dò tìm sự sống bằng radar và chó nghiệp vụ cứu hộ đã liên tục chiến đấu kiên cường sâu trong đống đổ nát gạch đá bê tông cứu sống thành công các nạn nhân còn sống sót.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1106

沸沸扬扬
fèifèiyángyáng

xôn xao bàn tán, ầm ĩ huyên náo, sôi nổi sục sôi

面对国际学术界关于室温超导真伪炒得沸沸扬扬的纷繁舆论，中国科研团队保持严谨客观，用无可辩驳的实测数据说话。
Miàn duì guó jì xué shù jiè guān yú shì wēn chāo dǎo zhēn wěi chǎo dé fèi fèi yáng yáng de fēn fán yú lùn, zhōng guó kē yán tuán duì bǎo chí yán jǐn kè guān, yòng wú kě biàn bó de shí cè shù jù shuō huà.
Đứng trước những dư luận xôn xao xao động ầm ĩ huyên náo xôn xao bàn tán của giới học thuật quốc tế xôn xao về thực hư siêu dẫn nhiệt độ phòng, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc giữ vững tính khách quan nghiêm cẩn, dùng số liệu đo đạc thực tế không thể chối cãi để lên tiếng.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1107

沸腾
fèi téng

sôi sục, sôi trào; náo nhiệt sôi nổi

当国产大型客机C919成功完成首次商业商业载客飞行的那一刻，机场停机坪与候机楼内顿时成为了欢呼沸腾的海洋。
Dāng guó chǎn dà xíng kè jī C919 chéng gōng wán chéng shǒu cì shāng yè shāng yè zài kè fēi xíng de nà yī kè, jī chǎng tíng jī píng yǔ hòu jī lóu nèi dùn shí chéng wéi le huān hū fèi téng de hǎi yáng.
Vào khoảnh khắc chiếc máy bay chở khách cỡ lớn do nước ta sản xuất C919 hoàn thành xuất sắc chuyến bay thương mại chở khách đầu tiên, sân đỗ máy bay và nhà ga sân bay ngay tức khắc đã biến thành một biển trời hò reo sôi trào náo nhiệt.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1108

费劲
fèijìn

mất công tốn sức, nhọc lòng vất vả, hao tốn sức lực

新一代多模态人工智能算法的应用，使过去极度费劲耗时的人工蛋白质晶体结构解析工作效率提升了成千上万倍。
Xīn yí dài duō mó tài rén gōng zhì néng suàn fǎ de yìng yòng, shǐ guò qù jí dù fèi jìn hào shí de rén gōng dàn bái zhì jīng tǐ jié gòu jiě xī gōng zuò xiào lǜ tí shēng le chéng qiān shàng wàn bèi.
Việc ứng dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo đa phương thức thế hệ mới đã giúp cho công tác giải mã kết cấu tinh thể protein bằng nhân công vốn cực kỳ tốn sức hao công nhọc lòng mất công tốn sức trong quá khứ nâng cao hiệu suất gấp hàng ngàn hàng vạn lần.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÍ KÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1109

分辨
fēn biàn

phân biệt, nhận diện rõ ràng

经过深层多模态人工智能算法训练的医疗图像辅助诊断系统，能够精准分辨早期肺部微小结节的良恶性特征。
Jīng guò shēn céng duō mó tài rén gōng zhì néng suàn fǎ xùn liàn de yī liáo tú xiàng fǔ zhù zhěn duàn xì tǒng, néng gòu jīng zhǔn fēn biàn zǎo qī fèi bù wēi xiǎo jié jié de liáng è xìng tè zhēng.
Hệ thống chẩn đoán hỗ trợ hình ảnh y tế được huấn luyện qua thuật toán trí tuệ nhân tạo đa phương thức tầng sâu có thể phân biệt chuẩn xác các đặc trưng lành tính và ác tính của những nốt mờ vi mô ở phổi giai đoạn sớm.

26 nét | HÁN VIỆT : PHÂN BIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1110

分寸
fēn cùn

chừng mực, mức độ vừa phải, cách cư xử đúng mực

在开展国际多边战略沟通与外交磋商谈判时，外交官必须精准拿捏好原则坚定性与策略灵活性的分寸火候。
Zài kāi zhǎn guó jì duō biān zhàn lüè gōu tōng yǔ wài jiāo cuō shāng tán pàn shí, wài jiāo guān bì xū jīng zhǔn ná niē hǎo yuán zé jiān dìng xìng yǔ cè lüè líng huó xìng de fēn cùn huǒ hòu.
Khi triển khai các cuộc đàm phán tham vấn ngoại giao và trao đổi chiến lược đa phương quốc tế, nhà ngoại giao bắt buộc phải nắm bắt chuẩn xác chừng mực đúng đắn giữa tính kiên định về nguyên tắc và tính linh hoạt về sách lược.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÂN THỐN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1111

分担
fēndān

chia sẻ gánh vác, cùng gánh vác san sẻ

大科学工程各大参研协作单位同心协力、密切配合，共同分担了关键前沿技术攻坚中的巨大科研风险与工程重担。
Dà kē xué gōng chéng gè dà cān yán xié zuò dān wèi tóng xīn xié lì, mì qiè pèi hé, gòng tóng fēn dān le guān jiàn qián yán jì shù gōng jiān zhōng de jù dà kē yán fēng xiǎn yǔ gōng chéng zhòng dàn.
Tất cả các đơn vị phối hợp tham gia nghiên cứu công trình khoa học lớn đồng tâm hiệp lực, phối hợp chặt chẽ, cùng nhau chia sẻ gánh vác san sẻ gánh nặng công trình và rủi ro nghiên cứu khoa học to lớn trong vượt khó công nghệ tiên phong then chốt.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÂN ĐẢM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1112

分割
fēngē

phân chia chia cắt, cắt rời chia đoạn

高精度医学图像人工智能大模型能够在亚毫米分辨率下实现对复杂脑血管瘤与周围脑神经组织的超精准自动三维语义分割。
Gāo jīng dù yī xué tú xiàng rén gōng zhì néng dà mó xíng néng gòu zài yà háo mǐ fēn biàn lǜ xià shí xiàn duì fù zá nǎo xuè guǎn liú yǔ zhōu wéi nǎo shén jīng zǔ zhī de chāo jīng zhǔn zì dòng sān wéi yǔ yì fēn gē.
Mô hình lớn trí tuệ nhân tạo hình ảnh y học độ chính xác cao có thể thực hiện việc phân vùng chia đoạn phân chia cắt rời ngữ nghĩa 3D tự động siêu chuẩn xác đối với mô thần kinh não xung quanh và u mạch máu não phức tạp ở độ phân giải dưới milimet.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÂN CẮT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1113

分红
fēn hóng

chia cổ tức, chia lợi nhuận

村集体经济合作社依托特色现代生态果园产业实现了丰厚盈利，年终为全体入股村民举行了喜气洋洋的现金分红大会。
Cūn jí tǐ jīng jì hé zuò shè yī tuō tè sè xiàn dài shēng tài guǒ yuán chǎn yè shí xiàn le fēng hòu yíng lì, nián zhōng wèi quán tǐ rù gǔ cūn mín jù xíng le xǐ qì yáng yáng de xiàn jīn fēn hóng dà huì.
Hợp tác xã kinh tế tập thể của thôn dựa vào ngành vườn cây ăn quả sinh thái hiện đại đặc sắc đã đạt được lợi nhuận lớn hậu hĩnh, vào dịp cuối năm đã tổ chức đại hội chia cổ tức bằng tiền mặt ngập tràn niềm vui tươi phấn khởi cho toàn thể bà con dân làng góp cổ phần.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÂN HỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1114

分化
fēnhuà

biệt hóa (tế bào: xìbāo fēnhuà); phân hóa chia rẽ (xã hội)

干细胞与再生医学国家重点实验室首次在单细胞精度下完整解析了人多能干细胞定向分化为功能神经元的分子调控网络。
Gàn xì bāo yǔ zài shēng yī xué guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì shǒu cì zài dān xì bāo jīng dù xià wán zhěng jiě xī le rén duō néng gàn xì bāo dìng xiàng fēn huà wèi gōng néng shén jīng yuán de fēn zǐ tiáo kòng wǎng luò.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia y học tái sinh và tế bào gốc lần đầu tiên đã giải mã hoàn chỉnh mạng lưới điều hòa phân tử của tế bào gốc vạn năng ở người biệt hóa phân hóa định hướng thành tế bào thần kinh chức năng ở độ chính xác đơn tế bào.

25 nét | HÁN VIỆT : PHÂN HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1115

分量
fèn liang

trọng lượng, sức nặng; tầm ảnh hưởng quan trọng

这项发表在国际顶尖学术期刊上的重磅原创物理学发现，在全球凝聚态物理界占据着举足轻重的分量。
Zhè xiàng fā biǎo zài guó jì dǐng jiān xué shù qī kān shàng de zhòng bàng yuán chuàng wù lǐ xué fā xiàn, zài quán qiú níng jù tài wù lǐ jiè zhàn jù zhe jù zú qīng zhòng de fèn liàng.
Phát hiện vật lý nguyên tác mang tính bước ngoặt này được đăng tải trên tạp chí học thuật hàng đầu thế giới chiếm giữ một sức nặng trọng lượng vô cùng to lớn trong giới vật lý chất ngưng tụ toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÂN LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1116

分泌
fēn mì

tiết ra, bài tiết, phân tiết (hoóc-môn)

保持科学规律的作息时间与适度体育运动，能够有效调节人体内分泌系统、促进内啡肽等有益神经递质的正常分泌。
Bǎo chí kē xué guī lǜ de zuò xī shí jiān yǔ shì dù tǐ yù yùn dòng, néng gòu yǒu xiào tiáo jié rén tǐ nèi fēn mì xì tǒng, cù jìn nèi fēi tài děng yǒu yì shén jīng dì zhì dì zhèng cháng fēn mì.
Duy trì thời gian biểu làm việc và nghỉ ngơi khoa học điều độ cùng việc tập luyện thể dục thể thao vừa sức có thể điều hòa hiệu quả hệ thống nội tiết của cơ thể người, thúc đẩy sự bài tiết bình thường của các chất dẫn truyền thần kinh hữu ích như endorphin.

27 nét | HÁN VIỆT : PHÂN BÍ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1117

分明
fēn míng

rõ ràng, rành mạch; phân minh, rành rẽ

在全面从严治党与依法治国实践中，必须坚持赏罚分明、权责对等，树立起崇尚实干、鼓励担当的鲜明用人导向。
Zài quán miàn cóng yán zhì dǎng yǔ yī fǎ zhì guó shí jiàn zhōng, bì xū jiān chí shǎng fá fēn míng, quán zé duì děng, shù lì qǐ chóng shàng shí gàn, gǔ lì dān dāng de xiān míng yòng rén dǎo xiàng.
Trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền và quản lý đảng nghiêm minh toàn diện, bắt buộc phải kiên trì thưởng phạt phân minh, quyền hạn gắn liền với trách nhiệm, dựng xây nên định hướng sử dụng cán bộ rõ ràng để cao hành động thực tế và khích lệ dám gánh vác.

23 nét | HÁN VIỆT : PHÂN MINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1118

分歧
fēn qí

bất đồng, phân kỳ, chia rẽ ý kiến

在国际多边气候治理进程中，各国应当坚持求同存异，通过建设性平等对话妥善管控分歧、扩大合作共识。
Zài guó jì duō biān qì hòu zhì lǐ jìn chéng zhōng, gè guó yīng dāng jiān chí qiú tóng cún yì, tōng guò jiàn shè xìng píng děng duì huà tuǒ shàn guǎn kòng fēn qí, kuò dà hé zuò gòng shí.
Trong tiến trình quản trị khí hậu đa phương quốc tế, các quốc gia cần kiên trì tìm kiếm điểm tương đồng gác lại bất đồng, thông qua đối thoại bình đẳng mang tính xây dựng để kiểm soát thỏa đáng các bất đồng và mở rộng sự đồng thuận hợp tác.

27 nét | HÁN VIỆT : PHÂN KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1119

分外
fènwài

hết sức, vô cùng đặc biệt, muôn phần

在大科学装置圆满落成通水通电的庆祝现场，悬挂在主控大厅中央的五星红旗显得分外鲜艳夺目。
Zài dà kē xué zhuāng zhì yuán mǎn luò chéng tōng shuǐ tōng diàn de qìng zhù xiàn chǎng, xuán guà zài zhǔ kòng dà tīng zhōng yāng de wǔ xīng hóng qí xiǎn de fèn wài xiān yàn duó mù.
Tại hiện trường chúc mừng thiết bị khoa học lớn khánh thành mỹ mãn thông điện thông nước, lá cờ đỏ năm sao treo giữa trung tâm đại sảnh điều khiển chính trông muôn phần vô cùng hết sức tươi thắm rực rỡ bắt mắt.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÂN NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1120

分赃
fēnzāng

chia chác của phi pháp, chia của ăn cắp

国家司法机关依法严惩勾结境外势力窃取国家重大科研成果并秘密进行非法利益分赃的违法犯罪团伙。
Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán chéng gōu jié jìng wài shì lì qiè qǔ guó jiā zhòng dà kē yán chéng guǒ bìng mì mì jìn xíng fēi fǎ lì yì fēn zāng de wéi fǎ fàn zuì tuán huǒ.
Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật đã nghiêm trị băng nhóm tội phạm phạm pháp cấu kết với các thế lực nước ngoài đánh cắp thành quả nghiên cứu khoa học trọng đại của quốc gia và lén lút tiến hành chia chác của phi pháp chia của phi pháp lợi ích bất hợp pháp.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÂN TANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1121

分支
fēnzhī

chi nhánh, phân nhánh nhánh cây; nhánh môn học

拓扑超导量子计算作为凝聚态物理前沿的一个新兴重要理论分支，正在为构建容错通用量子计算机指明方向。
Tuò pū chāo dǎo liàng zǐ jì suàn zuò wéi níng jù tài wù lǐ qián yán de yí gè xīn xīng zhòng yào lǐ lùn fēn zhī, zhèng zài wèi gòu jiàn róng cuò tōng yòng liàng zǐ jì suàn jī zhǐ míng fāng xiàng.
Tính toán lượng tử siêu dẫn tô-pô với tư cách là một phân nhánh nhánh môn học lý thuyết quan trọng mới nổi ở mũi nhọn của vật lý chất ngưng tụ, đang chỉ rõ phương hướng cho việc xây dựng máy tính lượng tử phổ dụng dung lỗi.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÂN CHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1122

吩咐
fēn fù

dặn bảo, truyền bảo, căn dặn bảo ban

临行前往高海拔严寒野外科考前，老队长细致吩咐后勤保障人员反复核验所有应急氧气瓶与卫星救援设备的可用状态。
Lín xíng qián wǎng gāo hǎi bá yán hán yě wài kē kǎo qián, lǎo duì zhǎng xì zhì fēn fù hòu qín bǎo zhàng rén yuán fǎn fù hé yàn suǒ yōu yìng jí yǎng qì píng yǔ wèi xīng jiù yuán shè bèi de kě yòng zhuàng tài.
Trước khi lên đường đi khảo sát dã ngoại vùng cực lạnh ở độ cao lớn, người đội trưởng lão thành đã ân cần căn dặn dặn dò các nhân viên bảo đảm hậu cần kiểm tra đối chiếu lại nhiều lần trạng thái sẵn sàng sử dụng của toàn bộ các bình oxy cấp cứu và thiết bị cứu hộ vệ tinh.

26 nét | HÁN VIỆT : PHÂN PHÓ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1123

芬芳
fēnfāng

thơm ngát, hương thơm ngào ngạt nồng nàn

在高原生态农业智慧种植温室里，科技培育出的高原特种名贵药用花卉竞相绽放、散发出阵阵沁人心脾的迷人芬芳。
Zài gāo yuán shēng tài nóng yè zhì huì zhòng zhí wēn shì lǐ, kē jì péi yù chū de gāo yuán tè zhǒng míng guì yào yòng huā huì jìng xiāng zhàn fàng, sàn fā chū zhèn zhèn qìn rén xīn pí de mí rén fēn fāng.
Bên trong nhà kính trồng trọt thông minh nông nghiệp sinh thái cao nguyên, các loài hoa dược liệu quý đặc chủng cao nguyên được bồi dưỡng bằng khoa học công nghệ đua nhau nở rộ, tỏa ra từng luồng hương thơm ngào ngạt thơm ngát say đắm lòng người.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1124

氛围
fēnwéi

bầu không khí, môi trường không khí văn hóa

国家实验室营造了鼓励原创探索、包容实验失败、崇尚严谨治学的极其宽松活跃的高水平科研学术氛围。
Guó jiā shí yàn shì yíng zào le gǔ lì yuán chuàng tàn suǒ, bāo róng shí yàn shī bài, chóng shàng yán jǐn zhì xué de jí qí kuān sōng huó yuè de gāo shuǐ píng kē yán xué shù fēn wéi.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã kiến tạo nên bầu không khí môi trường học thuật nghiên cứu khoa học trình độ cao vô cùng phóng khoáng năng động, tôn sùng làm học vấn nghiêm cẩn, bao dung thất bại thực nghiệm, khích lệ tìm tòi nguyên bản.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1125

坟
fén

ngôi mộ, nấm mồ mồ mả

深埋在西北戈壁荒漠里的一座座功勋科学家无字墓碑，见证了老一辈科学家隐姓埋名、奉献一生的壮烈誓言。
Shēn mái zài xī běi gē bì huāng mò lǐ de yī zuò zuò gōng xūn kē xué jiā wú zì mù bēi, jiàn zhèng le lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng, fèng xiàn yī shēng de zhuàng liè shì yán.
Từng ngôi mộ nấm mồ tấm bia mộ không chữ của các nhà khoa học có công lao chôn sâu nơi hoang mạc sa mạc Gobi miền Tây Bắc đã chứng kiến lời thề nguyền bi tráng cống hiến trọn đời, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học tiền bối.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1126

坟墓
fén mù

phần mộ, ngôi mộ, mồ mả

清明时节，各族群众自发前往烈士陵园，在革命先烈肃穆庄严的坟墓前敬献花篮、缅怀英烈。
Qīng míng shí jié, gè zú qún zhòng zì fā qián wǎng liè shì líng yuán, zài gé mìng xiān liè sù mù zhuāng yán de fén mù qián jìng xiàn huā lán, miǎn huái yīng liè.
Tiết Thanh minh, đông đảo đồng bào các dân tộc tự giác đến viếng Nghĩa trang Liệt sĩ, dâng những tràng hoa tươi trước phần mộ trang nghiêm tôn kính của các anh hùng liệt sĩ cách mạng để tưởng nhớ tri ân.

20 nét | HÁN VIỆT : PHẦN MỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1127

焚烧
fénshāo

thiêu đốt, đốt cháy xử lý rác rưởi

新型超高温等离子体工业危废超低排放焚烧装置实现了对特种化学实验废弃物的瞬态超洁净无害化裂解处置。
Xīn xíng chāo gāo wēn děng lí zǐ tǐ gōng yè wēi fèi chāo dī pái fàng fén shāo zhuāng zhì shí xiàn le duì tè zhǒng huà xué shí yàn fèi qì wù de shùn tài chāo jié jìng wú hài huà liè jiě chǔ zhì.
Thiết bị thiêu đốt đốt cháy phát thải siêu thấp rác thải nguy hại công nghiệp plasma nhiệt độ siêu cao kiểu mới đã thực hiện xử lý bẻ gãy mạch vô hại hóa siêu sạch trạng thái tức thời đối với các phế thải thực nghiệm hóa học đặc chủng.

18 nét | HÁN VIỆT : PHẦN THIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1128

粉
fěn

bột

老师鼓励大家积极粉，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fěn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bột, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét | HÁN VIỆT : PHẤN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1129

粉丝
fěnsī

người hâm mộ (fans); miến bún miến (món ăn)

战略科学家的硬核科技科普公开课在全网吸引了数千万年轻科学爱好者与青少年“科学粉丝”的热烈追捧。
Zhàn lüè kē xué jiā de yìng hé kē jì kē pǔ gōng kāi kè zài quán wǎng xī yǐn le shù qiān wàn nián qīng kē xué ài hào zhě yǔ qīng shào nián "kē xué fěn sī" de rè liè zhuī pěng.
Tiết học công khai phổ biến khoa học công nghệ cứng của nhà khoa học chiến lược đã thu hút sự săn đón nồng nhiệt của hàng ngàn vạn người hâm mộ khoa học 'fans hâm mộ' cùng các bạn trẻ yêu thích khoa học trên toàn mạng.

24 nét | HÁN VIỆT : PHẤN TƠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1130

粉碎
fěn suì

nghiền nát; đập tan (âm mưu, thế lực)

中国军民同仇敌忾、万众一心，坚决粉碎了外部势力任何企图分裂祖国领土主权的阴谋图谋。
Zhōng guó jūn mín tóng chóu dí kài, wàn zhòng yī xīn, jiān jué fěn suì le wài bù shì lì rèn hé qǐ tú fēn liè zǔ guó lǐng tǔ zhǔ quán de yīn móu tú móu.
Quân và dân ta chung mối thù sâu, muôn người như một, kiên quyết đập tan mọi mưu toan âm mưu của các thế lực bên ngoài hòng chia rẽ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

25 nét | HÁN VIỆT : PHẤN TOÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1131

份额
fèn'é

thị phần, tỷ trọng phần trăm hạn ngạch

我国在新能源汽车、光伏与锂动力电池制造领域的全球市场份额持续扩大，稳居全球第一领跑地位。
Wǒ guó zài xīn néng yuán qì chē, guāng fú yǔ lǐ dòng lì diàn chí zhì zào lǐng yù de quán qiú shì chǎng fèn é chí xù kuò dà, wěn jū quán qiú dì yī lǐng pǎo dì wèi.
Thị phần tỷ trọng của nước ta trên thị trường toàn cầu trong các lĩnh vực chế tạo pin động lực lithium, quang điện và xe năng lượng mới liên tục mở rộng, đứng vững vị thế dẫn đầu số một toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : PHẦN NGẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1132

奋力
fènlì

dốc sức, gắng hết sức phấn đấu hết mình

面对外部极限技术封锁打压，全体科技战线工作者团结一心、奋力攻坚，成功攻克了一批卡脖子关键核心技术。
Miàn duì wài bù jí xiàn jì shù fēng suǒ dǎ yā, quán tǐ kē jì zhàn xiàn gōng zuò zhě tuán jié yī xīn, fèn lì gōng jiān, chéng gōng gōng kè le yī pī qiǎ bó zi guān jiàn hé xīn jì shù.
Đứng trước sự chèn ép phong tỏa công nghệ giới hạn từ bên ngoài, toàn thể những người làm việc trên mặt trận khoa học công nghệ đoàn kết một lòng, dốc sức gắng hết sức vượt khó, đã chinh phục thành công một loạt công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai.

20 nét | HÁN VIỆT : PHẤN LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1133

奋勇
fènyǒng

dũng cảm tiến lên, hăng hái dũng cảm xông pha

两院院士带领青年攻关突击队奋勇争先、勇挑重担，在大科学工程建设最艰难的险关前屡立新功。
Liǎng yuàn yuàn shì dài lǐng qīng nián gōng guān tū jī duì fèn yǒng zhēng xiān, yǒng tiāo zhòng dàn, zài dà kē xué gōng chéng jiàn shè zuì jiān nán de xiǎn guān qián lǚ lì xīn gōng.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn dắt đội xung kích vượt khó thanh niên hăng hái dũng cảm xông pha dũng cảm tiến lên giành vị trí dẫn đầu, dũng cảm gánh vác trọng trách, liên tục lập công mới trước những ải hiểm nguy gian nan nhất của việc xây dựng công trình khoa học lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : PHẤN DŨNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1134

粪
fèn

phân bón chuồng, phân chất thải

生态农业与绿色低碳循环利用团队攻克了畜禽养殖粪污超高转化率沼气生物发酵与有机肥全量还田核心技术。
Shēng tài nóng yè yǔ lǜ sè dī tàn xún huán lì yòng tuán duì gōng kè le chù qín yǎng zhí fèn wū chāo gāo zhuǎn huà lǜ zhǎo qì shēng wù fā jiào yǔ yǒu jī féi quán liàng hái tián hé xīn jì shù.
Đội ngũ tận dụng tuần hoàn phát thải carbon thấp xanh và nông nghiệp sinh thái đã chinh phục công nghệ cốt lõi đưa toàn bộ phân hữu cơ bón lại ruộng đồng và lên men sinh học khí sinh học (biogas) có tỷ lệ chuyển hóa siêu cao từ phân chất thải chăn nuôi gia súc gia cầm.

9 nét | HÁN VIỆT : PHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1135

粪便
fènbiàn

chất bài tiết, phân thải phân người/ động vật

空间站在轨环控生保系统成功实现了对航天员尿液与排泄粪便中水分与微量元素的百分之百全封闭高品质循环再生。
Kōng jiān zhàn zài guǐ huán kòng shēng bǎo xì tǒng chéng gōng shí xiàn le duì háng tiān yuán niào yè yǔ pái xiè fèn biàn zhōng shuǐ fèn yǔ wēi liàng yuán sù de bǎi fēn zhī bǎi quán fēng bì gāo pǐn zhì xún huán zài shēng.
Hệ thống bảo đảm sinh mệnh kiểm soát môi trường trên quỹ đạo của trạm vũ trụ đã thực hiện thành công việc tái sinh tuần hoàn chất lượng cao khép kín hoàn toàn 100% đối với các nguyên tố vi lượng và độ ẩm trong phân thải chất bài tiết và nước tiểu của phi hành gia.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÂN TIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1136

丰富多彩
fēngfùduōcǎi

phong phú đa dạng, muôn màu muôn vẻ đặc sắc

国家科普场馆与大科学装置联合举办了形式多样、丰富多彩的青少年科学探索夏令营活动。
Guó jiā kē pǔ chǎng guǎn yǔ dà kē xué zhuāng zhì lián hé jù bàn le xíng shì duō yàng, fēng fù duō cǎi de qīng shào nián kē xué tàn suǒ xià lìng yíng huó dòng.
Các thiết bị khoa học lớn và nhà triển lãm phổ biến khoa học quốc gia đã liên kết tổ chức các hoạt động trại hè khám phá khoa học thanh thiếu niên muôn màu muôn vẻ đặc sắc phong phú đa dạng với hình thức phong phú.

35 nét | HÁN VIỆT : PHONG PHÚ ĐA THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1137

丰厚
fēnghòu

hậu hĩnh, phong phú dồi dào, đậm đà

国家为在前沿基础科研领域取得重大原始突破的拔尖科学家团队提供了丰厚的生活待遇保障与长期科研资金支持。
Guó jiā wèi zài qián yán jī chǔ kē yán lǐng yù qǔ dé zhòng dà yuán shǐ tū pò de bá jiān kē xué jiā tuán duì tí gōng le fēng hòu de shēng huó dài yù bǎo zhàng yǔ cháng qī kē yán zī jīn zhī chí.
Nhà nước cung cấp sự hỗ trợ nguồn vốn nghiên cứu khoa học lâu dài và chế độ đãi ngộ sinh hoạt hậu hĩnh dồi dào cho các đội ngũ nhà khoa học xuất chúng đạt được đột phá nguyên bản trọng đại trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong.

22 nét | HÁN VIỆT : PHONG HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1138

丰满
fēng mǎn

đầy đặn, đẫy đà, nở nang; phong phú hoàn chỉnh

青年学者在经历了多轮重大科研项目的实战历练后羽翼渐趋丰满，逐步成长为独当一面的学术骨干。
Qīng nián xué zhě zài jīng lì le duō lún zhòng dà kē yán xiàng mù dì shí zhàn lì liàn hòu yǔ yì jiàn qū fēng mǎn, zhú bù chéng zhǎng wèi dú dāng yī miàn de xué shù gǔ gàn.
Nhà học giả trẻ tuổi sau khi trải qua nhiều đợt tôi luyện thực chiến trong các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại lông cánh ngày càng đầy đặn cứng cáp, từng bước trưởng thành thành cán bộ học thuật nòng cốt có thể đảm đương trọng trách một phía.

19 nét | HÁN VIỆT : PHONG MÃN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1139

丰盛
fēng shèng

thịnh soạn, phong phú dồi dào (bữa ăn, lễ tiệc)

除夕年夜饭桌上摆满了寓意吉祥、色香味俱全的丰盛传统家乡佳肴，洋溢着浓厚团圆的喜庆氛围。
Chú xī nián yè fàn zhuō shàng bǎi mǎn le yù yì jí xiáng, sè xiāng wèi jù quán de fēng shèng chuán tǒng jiā xiāng jiā yáo, yáng yì zhe nóng hòu tuán yuán de xǐ qìng fēn wéi.
Trên bàn cơm tất niên đêm Giao thừa bày biện đầy ắp những món ăn ngon truyền thống quê nhà thịnh soạn sắc hương vị vẹn toàn mang ý nghĩa cát tường may mắn, ngập tràn bầu không khí đoàn viên sum vầy vui tươi.

24 nét | HÁN VIỆT : PHONG THỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1140

丰硕
fēngshuò

trĩu quả, dồi dào phong phú, bội thu rực rỡ

经过几代科技工作者数十载接续奋斗，我国重大工程科技与战略前沿创新结出了丰硕的累累硕果。
Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí zài jiē xù fèn dòu, wǒ guó zhòng dà gōng chéng kē jì yǔ zhàn lüè qián yán chuàng xīn jié chū le fēng shuò de lěi lěi shuò guǒ.
Trải qua mấy chục năm tiếp nối phấn đấu của mấy thế hệ những người làm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tiên phong chiến lược và khoa học công nghệ công trình trọng đại của nước ta đã kết nên những trái ngọt trĩu quả trĩu quả dồi dào phong phú.

24 nét | HÁN VIỆT : PHONG THẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1141

风波
fēngbō

sóng gió, biến cố phong ba xáo trộn

无论国际外部地缘环境经历怎样的风波变幻，中国坚持高水平科技自立自强的战略决心坚如磐石、毫不动摇。
Wú lùn guó jì wài bù dì yuán huán jìng jīng lì zěn yàng de fēng bō biàn huàn, zhōng guó jiān chí gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de zhàn lüè jué xīn jiān rú pán shí, háo bù dòng yáo.
Bất kể môi trường địa chính trị bên ngoài quốc tế có trải qua những biến chuyển sóng gió biến cố phong ba ra sao, quyết tâm chiến lược kiên trì tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của Trung Quốc vẫn vững như bàn thạch, không hề lay chuyển.

18 nét | HÁN VIỆT : PHONG BA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1142

风采
fēngcǎi

phong thái, thần thái rạng ngời, phong thái đĩnh đạc

在国际顶尖学术峰会上，中国青年科学家以严密的数理逻辑推导和流利的英语答辩展现了当代中国学者的卓越风采。
Zài guó jì dǐng jiān xué shù fēng huì shàng, zhōng guó qīng nián kē xué jiā yǐ yán mì de shù lǐ luó jí tuī dǎo hé liú lì de yīng yǔ dá biàn zhǎn xiàn lǎo dàng dài zhōng guó xué zhě de zhuó yuè fēng cǎi.
Tại hội nghị thượng đỉnh học thuật đỉnh cao quốc tế, các nhà khoa học trẻ Trung Quốc bằng sự suy diễn logic toán lý chặt chẽ và phần bảo vệ trôi chảy bằng tiếng Anh đã phô diễn phong thái thần thái rạng ngời trác việt của các học giả Trung Quốc đương đại.

20 nét | HÁN VIỆT : PHONG THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1143

风餐露宿
fēngcānlùsù

dãi gió dầm sương, ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa

地质与生态科考队员常年在高山无人区风餐露宿、跋山涉水，为国家摸清了深地资源与生态安全底数。
Dì zhì yǔ shēng tài kē kǎo duì yuán cháng nián zài gāo shān wú rén qū fēng cān lù sù, bá shān shè shuǐ, wèi guó jiā mō qīng le shēn dì zī yuán yǔ shēng tài ān quán dǐ shù.
Các đội viên khảo sát khoa học sinh thái và địa chất quanh năm ăn gió nằm sương dãi gió dầm sương trèo đèo lội suối nơi vùng không người núi cao, làm sáng tỏ tường tận nguồn cơn số liệu an toàn sinh thái và tài nguyên sâu trong lòng đất cho quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : PHONG XAN LỘ TÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1144

风范
fēngfàn

phong phạm, tác phong mẫu mực, phong thái đạo đức

两院院士淡泊名利、科技报国的崇高大家风范，永远是激励广大青年学者勇攀科学高峰的巍峨丰碑。
Liǎng yuàn yuàn shì dàn bó míng lì, kē jì bào guó de chóng gāo dà jiā fēng fàn, yǒng yuǎn shì jī lì guǎng dà qīng nián xué zhě yǒng pān kē xué gāo fēng de wēi é fēng bēi.
Phong thái đạo đức phong phạm tác phong mẫu mực bậc đại gia cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, đạm bạc danh lợi của các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm mãi mãi là tượng đài sừng sững khích lệ đông đảo các học giả trẻ dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : PHONG PHẠM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #1145

风风雨雨
fēngfēngyǔyǔ

muôn vàn sóng gió bão bùng, mưa gió thăng trầm

经过半个多世纪的风风雨雨接续奋斗，中国科技事业从一穷二白起步跃居世界科技创新第一方阵。
Jīng guò bàn gè duō shì jì de fēng fēng yǔ yǔ jiē xù fèn dòu, zhōng guó kē jì shì yè cóng yī qióng èr bái qǐ bù yuè jū shì jiè kē jì chuàng xīn dì yī fāng zhèn.
Trải qua hơn nửa thế kỷ mưa gió thăng trầm muôn vàn sóng gió bão bùng tiếp nối phấn đấu, sự nghiệp khoa học công nghệ Trung Quốc từ chỗ tay trắng nghèo nàn đã nhảy vọt vươn lên phương trận hàng đầu về đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : PHONG PHONG VŨ VŨ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1146

风和日丽
fēnghérìlì

gió hòa nắng ấm, trời trong nắng ấm đẹp đẽ

在一个风和日丽的清晨，我国完全自主研发的新一代万米载人潜水器科考母船鸣笛起航驶向大洋深渊。
Zài yí gè fēng hé rì lì de qīng chén, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì kē kǎo mǔ chuán míng dí qǐ háng shǐ xiàng dà yáng shēn yuān.
Vào một buổi sớm mai trời trong nắng ấm gió hòa nắng ấm đẹp đẽ, con tàu mẹ khảo sát khoa học tàu lặn có người lái vạn mét thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã kéo còi nhổ neo hướng tới vực sâu đại dương.

35 nét | HÁN VIỆT : PHONG HOÀ NHẬT LY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1147

风浪
fēnglàng

sóng gió, sóng to gió lớn biển khơi; biến động phong ba

远洋科考船在暴风骤雨与惊涛骇浪中稳健航行，经受住了恶劣海洋风浪的严峻考验，顺利完成既定深海钻探任务。
Yuǎn yáng kē kǎo chuán zài bào fēng zhòu yǔ yǔ jīng tāo hài làng zhōng wěn jiàn háng xíng, jīng shòu zhù le è liè hǎi yáng fēng làng de yán jùn kǎo yàn, shùn lì wán chéng jì dìng shēn hǎi zuān tàn rèn wù.
Con tàu khảo sát khoa học viễn dương lướt đi vững vàng giữa bão táp mưa sa và sóng to gió lớn bão bùng biển khơi sóng gió, chịu đựng được thử thách khắt khe của sóng to gió lớn biển khơi khắc nghiệt, hoàn thành thuận lợi nhiệm vụ khoan thăm dò biển sâu định sẵn.

21 nét | HÁN VIỆT : PHONG LÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1148

风力
fēnglì

sức gió, năng lượng gió sức gió tự nhiên

我国成功研制并吊装了全球单机容量最大超大型海上风力发电机组，单台机组年发电量可满足数万户家庭用电需求。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì bìng diào zhuāng le quán qiú dān jī róng liàng zuì dà chāo dà xíng hǎi shàng fēng lì fā diàn jī zǔ, dān tái jī zǔ nián fā diàn liàng kě mǎn zú shù wàn hù jiā tíng yòng diàn xū qiú.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo và lắp đặt cẩu thành công tổ máy phát điện sức gió năng lượng gió ngoài khơi siêu lớn có công suất đơn máy lớn nhất thế giới, lượng phát điện hàng năm của một tổ máy có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của hàng vạn hộ gia đình.

18 nét | HÁN VIỆT : PHONG LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1149

风流
fēngliú

phong lưu tài hoa, hào hoa phong nhã; anh hùng hào kiệt (fēngliú rénwù)

数风流人物，还看今朝！新时代青年科技领军人才正以昂扬姿态挺立在建设世界科技强国的历史潮头。
Shù fēng liú rén wù, hái kàn jīn zhāo! xīn shí dài qīng nián kē jì lǐng jūn rén cái zhèng yǐ áng yáng zī tài tǐng lì zài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ cháo tóu.
Đếm những nhân vật phong lưu tài hoa anh hùng hào kiệt, há chẳng phải nhìn lại hôm nay! Nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi thời đại mới đang bằng tư thế hiên ngang đứng vững nơi đầu ngọn sóng lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : PHONG LƯU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1150

风貌
fēngmào

diện mạo, phong thái tinh thần, diện mạo phong cách

青年科技攻关突击队展现出敢打硬仗、勇于创新的昂扬精神风貌，生动诠释了新时代科学家精神。
Qīng nián kē jì gōng guān tū jī duì zhǎn xiàn chū gǎn dǎ yìng zhàng, yǒng yú chuàng xīn de áng yáng jīng shén fēng mào, shēng dòng quán shì le xīn shí dài kē xué jiā jīng shén.
Đội xung kích vượt khó khoa học công nghệ thanh niên phô diễn diện mạo phong thái tinh thần hiên ngang dũng cảm đổi mới sáng tạo, dám đánh trận khó, diễn giải sinh động tinh thần nhà khoa học thời đại mới.

18 nét | HÁN VIỆT : PHONG MẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1151

风气
fēng qì

phong khí, phong trào tập quán xã hội, tác phong

全社会大力弘扬崇尚科学、鼓励创新、尊重知识、尊重人才的良好社会风尚与文明风气。
Quán shè huì dà lì hóng yáng chóng shàng kē xué, gǔ lì chuàng xīn, zūn zhòng zhī shí, zūn zhòng rén cái de liáng hǎo shè huì fēng shàng yǔ wén míng fēng qì.
Toàn xã hội ra sức hoằng dương nếp sống xã hội tốt đẹp và phong khí văn minh tôn sùng khoa học, khích lệ đổi mới sáng tạo, tôn trọng tri thức và tôn trọng nhân tài.

22 nét | HÁN VIỆT : PHONG KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1152

风情
fēngqíng

phong tình, phong vị phong tục nét duyên; tình ý

国家非遗数字文保实验室运用高保真虚拟现实技术，全景再现了丝绸之路沿线古老绿洲城镇独特的历史文化风情。
Guó jiā fēi yí shù zì wén bǎo shí yàn shì yùn yòng gāo bǎo zhēn xū nǐ xiàn shí jì shù, quán jǐng zài xiàn le sī chóu zhī lù yán xiàn gǔ lǎo lǜ zhōu chéng zhèn dú tè de lì shǐ wén huà fēng qíng.
Phòng thí nghiệm bảo tồn số di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ứng dụng công nghệ thực tế ảo độ trung thực cao đã tái hiện toàn cảnh phong vị phong tục nét duyên văn hóa lịch sử độc đáo của các thị trấn ốc đảo cổ kính dọc tuyến Con đường Tơ lụa.

18 nét | HÁN VIỆT : PHONG TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1153

风趣
fēng qù

buồn cười

在面对复杂的挑战时，保持风趣的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí fēng qù de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái buồn cười đặc biệt quan trọng.

24 nét | HÁN VIỆT : PHONG THÚ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1154

风沙
fēngshā

gió cát, bão cát sa mạc

三北防护林超级生态科技工程筑起绿色长城，彻底遏制了西北干旱区漫天肆虐的风沙侵袭与土地沙化趋势。
Sān běi fáng hù lín chāo jí shēng tài kē jì gōng chéng zhù qǐ lǜ sè cháng chéng, chè dǐ è zhì le xī běi gān hàn qū màn tiān sì nüè de fēng shā qīn xí yǔ tǔ dì shā huà qū shì.
Công trình khoa học công nghệ sinh thái siêu cấp Rừng phòng hộ Tam Bắc đã đắp xây nên Vạn Lý Trường Thành màu xanh, ngăn chặn triệt để xu thế sa mạc hóa đất đai và sự xâm lấn của bão cát gió cát hoành hành khắp trời vùng khô hạn Tây Bắc.

22 nét | HÁN VIỆT : PHONG SA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1155

风尚
fēngshàng

phong trào tập quán tốt, xu thế nếp sống mới

在全社会广泛树立起崇尚科学、热爱科学、尊重科学家的良好社会风尚，让科技创新成为全民族的共同追求。
Zài quán shè huì guǎng fàn shù lì qǐ chóng shàng kē xué, rè ài kē xué, zūn zhòng kē xué jiā de liáng hǎo shè huì fēng shàng, ràng kē jì chuàng xīn chéng wéi quán mín zú de gòng tóng zhuī qiú.
Xây dựng rộng rãi trong toàn xã hội phong trào tập quán tốt nếp sống mới tốt đẹp tôn trọng nhà khoa học, yêu chuộng khoa học, tôn sùng khoa học, làm cho đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trở thành sự theo đuổi chung của toàn dân tộc.

20 nét | HÁN VIỆT : PHONG THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1156

风水
fēngshui

phong thủy, phong thủy môi trường địa lý

大科学装置选址完全基于严格的现代地质物理探测与地下水文力学科学勘探，彻底打破了封建迷信的风水传闻。
Dà kē xué zhuāng zhì xuǎn zhǐ wán quán jī yú yán gé de xiàn dài dì zhì wù lǐ tàn cè yǔ dì xià shuǐ wén lì xué kē xué kān tàn, chè dǐ dǎ pò le fēng jiàn mí xìn de fēng shuǐ chuán wén.
Việc chọn địa điểm đặt thiết bị khoa học lớn hoàn toàn dựa trên sự thăm dò khoa học cơ học thủy văn dưới lòng đất và trắc nghiệm vật lý địa chất hiện đại nghiêm ngặt, đập tan hoàn toàn những tin đồn phong thủy phong thủy mê tín phong kiến.

19 nét | HÁN VIỆT : PHONG THUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1157

风味
fēng wèi

hương vị đặc trưng, phong vị đặc sắc ẩm thực

传承数百年的老字号传统非遗美食，以其独特的烹饪工艺与醇厚浓郁的地道风味赢得了中外食客的广泛赞誉。
Chuán chéng shù bǎi nián de lǎo zì hào chuán tǒng fēi yí měi shí, yǐ qí dú tè de pēng rèn gōng yì yǔ chún hòu nóng yù de dì dào fēng wèi yíng dé le zhōng wài shí kè de guǎng fàn zàn yù.
Món ẩm thực di sản phi vật thể truyền thống trăm năm danh tiếng nhờ vào kỹ thuật nấu nướng độc đáo cùng phong vị đậm đà thơm ngon chuẩn vị đã nhận được sự tán thưởng rộng khắp của thực khách trong và ngoài nước.

21 nét | HÁN VIỆT : PHONG VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1158

风雨
fēngyǔ

mưa gió, phong ba bão táp cuộc đời (nghĩa đen/bóng)

历经数十载国际科技风雨考验，中国科学家始终胸怀报国志向，以自立自强的卓越成就铸就了科技钢铁长城。
Lì jīng shù shí zài guó jì kē jì fēng yǔ kǎo yàn, zhōng guó kē xué jiā shī zhōng xiōng huái bào guó zhì xiàng, yǐ zì lì zì qiáng de zhuó yuè chéng jiù zhù jiù le kē jì gāng tiě cháng chéng.
Trải qua thử thách mưa gió phong ba bão táp khoa học công nghệ quốc tế mấy chục năm, các nhà khoa học Trung Quốc luôn ôm ấp chí hướng phụng sự non sông, dùng những thành tựu tự chủ tự cường trác việt đúc kết nên Vạn Lý Trường Thành bằng thép khoa học công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : PHONG VŨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1159

风云
fēngyún

phong vân, mây gió biến ảo; vệ tinh Phong Vân (Fēngyún wèixīng)

我国成功发射的风云四号高精度气象卫星实现了对全球极端灾害性天气系统微米级连续快速三维立体监测。
Wǒ guó chéng gōng fā shè de fēng yún sì hào gāo jīng dù qì xiàng wèi xīng shí xiàn le duì quán qiú jí duān zāi hài xìng tiān qì xì tǒng wēi mǐ jí lián xù kuài sù sān wéi lì tǐ jiān cè.
Vệ tinh khí tượng độ chính xác cao Phong Vân 4 phóng thành công của nước ta đã thực hiện việc quan trắc 3D lập thể nhanh chóng liên tục cấp độ micromet đối với các hệ thống thời tiết thiên tai cực đoan trên toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : PHONG VÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1160

风筝
fēngzheng

con diều, chiếc diều giấy thả gió

在全国青少年航天科技节现场，中学生们放飞了搭载微型气象传感记录芯片的仿生风筝，在趣味中体验空气动力学魅力。
Zài quán guó qīng shào nián háng tiān kē jì jié xiàn chǎng, zhōng xué shēng men fàng fēi le dā zài wēi xíng qì xiàng chuán gǎn jì lù xīn piàn de fǎng shēng fēng zhēng, zài qù wèi zhōng tǐ yàn kōng qì dòng lì xué mèi lì.
Tại hiện trường Ngày hội Khoa học Kỹ thuật Hàng không Vũ trụ Thanh Thiếu niên Toàn quốc, các bạn học sinh trung học đã thả bay những chiếc diều con diều phỏng sinh học gắn chip ghi chép cảm biến khí tượng siêu nhỏ, trải nghiệm sức quyến rũ của khí động học trong niềm hứng khởi.

22 nét | HÁN VIỆT : PHONG TRANH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1161

封顶
fēngdǐng

cất nóc (công trình xây dựng), chạm trần kịch trần (giá)

随着主实验大厅最后一方高性能特种重混凝土浇筑完成，国家重大前沿大科学装置主体建筑顺利实现全面封顶。
Suí zhe zhǔ shí yàn dà tīng zuì hòu yī fāng gāo xìng néng tè zhǒng zhòng hùn níng tǔ jiāo zhù wán chéng, guó jiā zhòng dà qián yán dà kē xué zhuāng zhì zhù tǐ jiàn zhù shùn lì shí xiàn quán miàn fēng dǐng.
Cùng với khối bê tông nặng đặc chủng tính năng cao cuối cùng của đại sảnh thực nghiệm chính được đổ xong, kiến trúc chủ thể của thiết bị khoa học lớn tiên phong trọng đại quốc gia đã thuận lợi thực hiện cất nóc hoàn thành toàn diện cất nóc.

26 nét | HÁN VIỆT : PHONG ĐỈNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1162

封建
fēng jiàn

phong kiến; tư tưởng cổ hủ phong kiến

辛亥革命极大推动了中华民族的思想解放，宣告了在中国延续两千多年的封建君主专制制度的彻底终结。
Xīn hài gé mìng jí dà tuī dòng le zhōng huá mín zú de sī xiǎng jiě fàng, xuān gào le zài zhōng guó yán xù liǎng qiān duō nián de fēng jiàn jūn zhǔ zhuān zhì zhì dù de chè dǐ zhōng jié.
Cách mạng Tân Hợi đã thúc đẩy mạnh mẽ sự giải phóng tư tưởng của dân tộc, tuyên bố sự chấm dứt hoàn toàn của chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến kéo dài hơn 2.000 năm tại Trung Quốc.

24 nét | HÁN VIỆT : PHONG KIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1163

封面
fēngmiàn

bìa sách, trang bìa tạp chí

我国青年科学家在国际顶级学术期刊《自然》以封面文章形式发表了拓扑量子计算领域的里程碑式原创理论突破。
Wǒ guó qīng nián kē xué jiā zài guó jì dǐng jí xué shù qī kān 《zì rán》 yǐ fēng miàn wén zhāng xíng shì fā biǎo le tuò pū liàng zǐ jì suàn lǐng yù de lǐ chéng bēi shì yuán chuàng lǐ lùn tū pò.
Các nhà khoa học trẻ nước ta đã công bố bước đột phá lý thuyết nguyên bản mang tính cột mốc trong lĩnh vực tính toán lượng tử tô-pô dưới hình thức bài báo trang bìa bìa sách trên tạp chí học thuật đỉnh cao quốc tế Nature.

23 nét | HÁN VIỆT : PHONG DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1164

封锁
fēng suǒ

phong tỏa, bao vây cô lập; sự phong tỏa

面对外部个别势力在关键芯片与基础工业软件领域的恶意技术封锁，我国科技界坚定走高水平自立自强之路。
Miàn duì wài bù gè bié shì lì zài guān jiàn xīn piàn yǔ jī chǔ gōng yè ruǎn jiàn lǐng yù de è yì jì shù fēng suǒ, wǒ guó kē jì jiè jiān dìng zǒu gāo shuǐ píng zì lì zì qiáng zhī lù.
Đứng trước sự phong tỏa công nghệ ác ý của một số thế lực bên ngoài trong lĩnh vực chip then chốt và phần mềm công nghiệp nền tảng, giới khoa học công nghệ nước ta kiên định bước đi trên con đường tự chủ tự cường trình độ cao.

23 nét | HÁN VIỆT : PHONG TOẢ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1165

疯子
fēngzi

kẻ điên, người cuồng nhiệt say mê (nghĩa đen/bóng)

在探索未知科学无人区的征途中，正是那些被庸人视为“科研疯子”的执着开拓者，往往开辟出了照亮人类文明的全新世界。
Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué wú rén qū de zhēng tú zhōng, zhèng shì nà xiē bèi yōng rén shì wèi "kē yán fēng zi" de zhí zhuó kāi tuò zhě, wǎng wǎng kāi pì chū le zhào liàng rén lèi wén míng de quán xīn shì jiè.
Trong chuyến hành trình khám phá vùng không người khoa học chưa biết, chính những nhà khai phá kiên trì bị kẻ tầm thường coi là 'kẻ điên kẻ say mê nghiên cứu khoa học' lại thường là những người mở ra thế giới hoàn toàn mới thắp sáng nền văn minh nhân loại.

25 nét | HÁN VIỆT : PHONG TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1166

峰回路转
fēnghuílùzhuǎn

bước ngoặt mở ra, chuyển biến bất ngờ tốt đẹp, lối rẽ quang đãng

在经历了数百次实验挫折与数据偏差后，科研团队敏锐捕捉到一个反常物理信号，攻关课题峰回路转迎来重大转机。
Zài jīng lì le shù bǎi cì shí yàn cuò zhé yǔ shù jù piān chā hòu, kē yán tuán duì mǐn ruì bǔ zhuō dào yí gè fǎn cháng wù lǐ xìn hào, gōng guān kè tí fēng huí lù zhuǎn yíng lái zhòng dà zhuǎn jī.
Sau khi trải qua hàng trăm lần sai lệch số liệu và trắc trở thực nghiệm, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã nhạy bén bắt trọn một tín hiệu vật lý bất thường, đề tài nghiên cứu vượt khó bước ngoặt mở ra chuyển biến bất ngờ tốt đẹp đón nhận thời cơ xoay chuyển trọng đại.

35 nét | HÁN VIỆT : PHONG HỒI LỘ CHUYỂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1167

蜂蜜
fēngmì

mật ong

国家高原特色生物科研团队通过超高分辨同位素质谱溯源技术，建立了高纯野生高山成熟原生态蜂蜜的数字化真伪鉴别标准。
Guó jiā gāo yuán tè sè shēng wù kē yán tuán duì tōng guò chāo gāo fēn biàn tóng wèi sù zhì pǔ sù yuán jì shù, jiàn lì le gāo chún yě shēng gāo shān chéng shú yuán shēng tài fēng mì de shù zì huà zhēn wěi jiàn bié biāo zhǔn.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học sinh học đặc sắc cao nguyên quốc gia thông qua công nghệ truy xuất nguồn gốc khối phổ đồng vị phân giải siêu cao đã xây dựng nên tiêu chuẩn giám định phân biệt thật giả số hóa của mật ong mật ong nguyên sinh thái chín nơi núi cao hoang dã độ tinh khiết cao.

20 nét | HÁN VIỆT : PHONG MẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1168

逢
féng

gặp gỡ

老师鼓励大家积极逢，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí féng，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gặp gỡ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ / Danh từ | #1169

讽刺
fěng cì

châm biếm, mỉa mai, trào phúng

鲁迅先生以犀利深刻的如椽巨笔，在小说中对旧社会的腐朽陋习进行了入木三分的讽刺与批判。
Lǔ xùn xiān shēng yǐ xī lì shēn kè de rú chuán jù bǐ, zài xiǎo shuō zhōng duì jiù shè huì de fǔ xiǔ lòu xí jìn xíng le rù mù sān fēn de fěng cì yù pī pàn.
Đại văn hào Lỗ Tấn bằng ngòi bút sắc bén như lưỡi gươm trong các tác phẩm tiểu thuyết của mình đã châm biếm và phê phán sâu cay đến tận xương tủy những hủ tục mục nát của xã hội cũ.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1170

凤凰
fènghuáng

chim phượng hoàng, phượng hoàng lửa (nghĩa đen/bóng)

在大科学工程深空探测器外观图腾设计中，融入了象征涅槃重生与探索宇宙壮志的中国传统神鸟凤凰图样。
Zài dà kē xué gōng chéng shēn kōng tàn cè qì wài guān tú téng shè jì zhōng, róng rù le xiàng zhēng niè pán chóng shēng yǔ tàn suǒ yǔ zhòu zhuàng zhì de zhōng guó chuán tǒng shén niǎo fèng huáng tú yàng.
Trong thiết kế đồ án biểu tượng bên ngoài tàu thám trắc không gian sâu công trình khoa học lớn, đã hòa quyện hoa văn chim phượng hoàng phượng hoàng thần điểu truyền thống Trung Quốc tượng trưng cho chí lớn khám phá vũ trụ và niết bàn tái sinh.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1171

缝
fèng

khe hở, khe rãnh kẽ hở (fèng); khâu vá may (féng)

大科学装置超精密真空管道法兰连接密封面的微观间隙被精准控制在零点几微米以内，做到了严丝合缝。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhēn kōng guǎn dào fā lán lián jiē mì fēng miàn de wēi guān jiàn xì bèi jīng zhǔn kòng zhì zài líng diǎn jǐ wēi mǐ yǐ nèi, zuò dào le yán sī hé fèng.
Kẽ hở khe hở vi mô của mặt bịt kín mối nối mặt bích đường ống chân không siêu chính xác thiết bị khoa học lớn được kiểm soát chuẩn xác trong vòng vài phần mười micromet, đạt đến độ khít khao kín mít không một kẽ hở.

13 nét | HÁN VIỆT : PHÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1172

缝合
fénghé

khâu lại, khâu vết mổ vết thương

我国完全自主研发的新型智能微创手术机器人成功完成了超细微血管亚毫米级全自动高精度缝合。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng zhì néng wēi chuàng shǒu shù jī qì rén chéng gōng wán chéng le chāo xì wēi xuè guǎn yà háo mǐ jí quán zì dòng gāo jīng dù féng hé.
Robot phẫu thuật xâm lấn tối thiểu thông minh kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã hoàn thành thành công việc khâu lại khâu vết thương tự động hoàn toàn độ chính xác cao cấp độ dưới milimet đối với các vi mạch máu siêu nhỏ.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÙNG CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1173

否决
fǒu jué

phủ quyết, bác bỏ (nghị quyết, đề án)

在联合国安理会表决中，我国代表坚决否决了某项无视当事国合理关切、企图强加外部干涉的片面决议草案。
Zài lián hé guó ān lǐ huì biǎo jué zhōng, wǒ guó dài biǎo jiān jué fǒu jué le mǒu xiàng wú shì dāng shì guó hé lǐ guān qiè, qǐ tú qiáng jiā wài bù gān shè de piàn miàn jué yì cǎo àn.
Trong cuộc biểu quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đại diện nước ta đã kiên quyết phủ quyết một dự thảo nghị quyết phiến diện phớt lờ những quan ngại hợp lý của các quốc gia liên quan và mưu toan áp đặt can thiệp từ bên ngoài.

25 nét | HÁN VIỆT : PHỦ QUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1174

孵化
fūhuà

ấp nở (trứng); ươm mầm ươm tạo doanh nghiệp (nghĩa bóng)

国家高新技术开发区前沿科技产业孵化器成功培育出数十家拥有核心自主知识产权的专精特新“小巨人”企业。
Guó jiā gāo xīn jì shù kāi fā qū qián yán kē jì chǎn yè fū huà qì chéng gōng péi yù chū shù shí jiā yōng yǒu hé xīn zì zhǔ zhī shí chǎn quán de zhuān jīng tè xīn "xiǎo jù rén" qǐ yè.
Vườn ươm ấp nở ươm tạo ngành nghề khoa học công nghệ tiên phong Khu Phát triển Công nghệ Cao mới Quốc gia đã bồi dưỡng thành công hàng chục doanh nghiệp 'Tiểu Khổng Lồ' chuyên tinh đặc tân sở hữu quyền sở hữu trí tuệ tự chủ cốt lõi.

25 nét | HÁN VIỆT : PHU HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1175

敷
fū

đắp lên, bôi xoa lên; phủ trải rộng (nghĩa đen/bóng)

我国科研团队成功研制出可直接喷涂外敷的高性能纳米水凝胶生物敷料，实现了严重大面积创伤的超快速止血与组织再生。
Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū kě zhí jiē pēn tú wài fū de gāo xìng néng nà mǐ shuǐ níng jiāo shēng wù fū liào, shí xiàn le yán zhòng dà miàn jī chuāng shāng de chāo kuài sù zhǐ xuè yǔ zǔ zhī zài shēng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công băng gạc sinh học hydrogel nano tính năng cao có thể trực tiếp phun xịt đắp lên bôi xoa lên ngoài vết thương, thực hiện việc cầm máu siêu nhanh và tái sinh mô tổn thương diện tích lớn nghiêm trọng.

13 nét | HÁN VIỆT : PHU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1176

扶持
fúchí

hỗ trợ nâng đỡ, trợ cấp bồi dưỡng, nâng đỡ phát triển

国家设立战略科技前沿重大专项基金，持续全方位倾斜扶持广大青年拔尖科研团队开展原创探索。
Guó jiā shè lì zhàn lüè kē jì qián yán zhòng dà zhuān xiàng jī jīn, chí xù quán fāng wèi qīng xié fú chí guǎng dà qīng nián bá jiān kē yán tuán duì kāi zhǎn yuán chuàng tàn suǒ.
Nhà nước thành lập Quỹ Chuyên án Trọng đại Tiên phong Khoa học Công nghệ Chiến lược, liên tục ưu tiên hỗ trợ nâng đỡ bồi dưỡng toàn diện cho đông đảo các đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ xuất sắc triển khai tìm tòi nguyên bản.

27 nét | HÁN VIỆT : PHÒ TRÌ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1177

服饰
fúshì

trang phục quần áo, trang phục sức

国家非物质文化遗产数字保护团队运用超高精度多光谱三维扫描，完整重构了古代传世丝绸服饰的微观纤维经纬织造纹理。
Guó jiā fēi wù zhì wén huà yí chǎn shù zì bǎo hù tuán duì yùn yòng chāo gāo jīng dù duō guāng pǔ sān wéi sǎo miáo, wán zhěng zhòng gòu le gǔ dài chuán shì sī chóu fú shì de wēi guān xiān wéi jīng wěi zhī zào wén lǐ.
Đội ngũ bảo tồn số di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ứng dụng quét 3D đa quang phổ độ chính xác siêu cao đã tái cấu trúc hoàn chỉnh vân thớ dệt may sợi tơ kinh vĩ vi mô của trang phục quần áo trang phục tơ lụa cổ truyền đời.

24 nét | HÁN VIỆT : PHỤC SỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1178

服务器
fúwùqì

máy chủ, máy chủ máy tính server

国家超级计算中心全面部署了搭载完全自主研发人工智能算力芯片的高通量密集型集群服务器。
Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn quán miàn bù shǔ le dā zài wán quán zì zhǔ yán fā rén gōng zhì néng suàn lì xīn piàn de gāo tōng liàng mì jí xíng jí qún fú wù qì.
Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia đã bố trí triển khai toàn diện các máy chủ server cụm mật độ cao thông lượng cao gắn chip sức mạnh tính toán trí tuệ nhân tạo do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

35 nét | HÁN VIỆT : PHỤC VỤ KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1179

服用
fúyòng

uống thuốc, dùng thuốc theo toa

临床试验严密数据证实，患者按疗程规范服用我国自主研发的靶向抗癌新药后，肿瘤微观标志物显著下降。
Lín chuáng shì yàn yán mì shù jù zhèng shí, huàn zhě àn liáo chéng guī fàn fú yòng wǒ guó zì zhǔ yán fā de bǎ xiàng kàng ái xīn yào hòu, zhǒng liú wēi guān biāo zhì wù xiàn zhù xià jiàng.
Số liệu chặt chẽ từ thử nghiệm lâm sàng đã chứng thực rằng sau khi bệnh nhân dùng thuốc uống thuốc thuốc mới chống ung thư trúng đích do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển theo đúng phác đồ điều trị, các dấu ấn sinh học vi mô của khối u đã sụt giảm rõ rệt.

25 nét | HÁN VIỆT : PHỤC DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1180

俘获
fúhuò

bắt giữ tóm gọn (quân sự); bắt giữ hạt, thu giữ (vật lý: fúhuò)

深空探测器在到达预定变轨点后精准启动反推发动机成功实施近火制动，被火星引力场平稳完美俘获。
Shēn kōng tàn cè qì zài dào dá yù dìng biàn guǐ diǎn hòu jīng zhǔn qǐ dòng fǎn tuī fā dòng jī chéng gōng shí shī jìn huǒ zhì dòng, bèi huǒ xīng yǐn lì chǎng píng wěn wán měi fú huò.
Tàu thám trắc không gian sâu sau khi đến điểm đổi quỹ đạo định sẵn đã khởi động chuẩn xác động cơ đẩy ngược thực hiện thành công phanh hãm tiếp cận Sao Hỏa, được trường hấp dẫn của Sao Hỏa bắt giữ thu giữ thu phục một cách hoàn hảo và êm thuận.

16 nét | HÁN VIỆT : PHU HOẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1181

俘虏
fú lǔ

tù binh; bắt làm tù binh; chinh phục (trái tim)

舞台上传统京剧与现代交响乐跨界融合的精彩绝伦演出，彻底俘虏了在场数千名中外年轻观众的心。
Wǔ tái shàng chuán tǒng jīng jù yǔ xiàn dài jiāo xiǎng yuè kuà jiè róng hé de jīng cǎi jué lún yǎn chū, chè dǐ fú lǔ le zài chǎng shù qiān míng zhōng wài nián qīng guān zhòng de xīn.
Màn trình diễn tuyệt mỹ đỉnh cao kết hợp giao thoa giữa kinh kịch truyền thống và dàn nhạc giao hưởng hiện đại trên sân khấu đã chinh phục hoàn toàn trái tim của hàng ngàn khán giả trẻ trong và ngoài nước có mặt tại khán phòng.

22 nét | HÁN VIỆT : PHU LỖ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1182

浮力
fúlì

lực đẩy Ác-si-mét, sức nổi thủy tĩnh

万米载人深潜器采用了具有完全自主知识产权的新型固态高强微珠浮力材料，保障潜水器在深渊深海自如悬停起浮。
Wàn mǐ zài rén shēn qián qì cǎi yòng le jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de xīn xíng gù tài gāo qiáng wēi zhū fú lì cái liào, bǎo zhàng qián shuǐ qì zài shēn yuān shēn hǎi zì rú xuán tíng qǐ fú.
Tàu lặn sâu có người lái vạn mét áp dụng vật liệu sức nổi lực đẩy Ác-si-mét hạt vi cầu cường độ cao thể rắn kiểu mới sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ, bảo đảm tàu lặn có thể tự do lơ lửng nổi lặn nơi biển sâu vực thẳm.

16 nét | HÁN VIỆT : PHÙ LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1183

浮现
fúxiàn

hiện lên, nổi lên trước mắt, dâng trào trong tâm trí

当深空探测器传回第一张火星全景高清彩照时，控制大厅里老中青三代航天人脸上都浮现出了欣慰激动的笑容。
Dāng shēn kōng tàn cè qì chuán huí dì yī zhāng huǒ xīng quán jǐng gāo qīng cǎi zhào shí, kòng zhì dà tīng lǐ lǎo zhōng qīng sān dài háng tiān rén liǎn shàng dōu fú xiàn chū le xīn wèi jī dòng de xiào róng.
Khi tàu thám trắc không gian sâu gửi về bức ảnh màu độ nét cao toàn cảnh đầu tiên của Sao Hỏa, trên gương mặt của ba thế hệ những người làm hàng không vũ trụ già - trung - trẻ trong đại sảnh điều khiển đều hiện lên nổi lên nụ cười xúc động và ấm lòng.

22 nét | HÁN VIỆT : PHÙ HIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1184

浮躁
fúzào

phù phiếm nông nổi, nôn nóng bốc đồng xốc nổi

搞基础科学攻关必须坚决摒弃急功近利与心浮气躁，甘坐冷板凳、勇攀世界科技最高峰。
Gǎo jī chǔ kē xué gōng guān bì xū jiān jué bǐng qì jí gōng jìn lì yǔ xīn fú qì zào, gān zuò lěng bǎn dèng, yǒng pān shì jiè kē jì zuì gāo fēng.
Làm vượt khó khoa học cơ bản bắt buộc phải kiên quyết từ bỏ tâm lý ham lợi trước mắt cùng sự phù phiếm nông nổi nôn nóng xốc nổi, tĩnh nguyện ngồi ghế băng lạnh, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÙ TÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1185

福气
fú qi

phúc khí, may mắn tốt phúc, phước lành

看着四世同堂、儿孙满堂承欢膝下，百岁寿星脸上洋溢着幸福自豪的笑容，连连感慨生活在新时代的巨大福气。
Kàn zhe sì shì tóng táng, ér sūn mǎn táng chéng huān xī xià, bǎi suì shòu xīng liǎn shàng yáng yì zhe xìng fú zì háo de xiào róng, lián lián gǎn kǎi shēng huó zài xīn shí dài de jù dà fú qì.
Nhìn cảnh tượng tứ đại đồng đường, con cháu đầy đàn quây quần sum vầy bên gối, cụ già trăm tuổi trên gương mặt rạng rỡ nụ cười hạnh phúc tự hào, luôn miệng cảm khái về phúc khí to lớn khi được sống trong kỷ nguyên mới.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÚC KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1186

辐射
fú shè

bức xạ; lan tỏa ảnh hưởng, hiệu ứng lan tỏa

国家级自主创新示范区充分发挥科技引擎作用，有力辐射带动了周边区域现代产业集群的协同升级发展。
Guó jiā jí zì zhǔ chuàng xīn shì fàn qū chōng fèn fā huī kē jì yǐn qíng zuò yòng, yǒu lì fú shè dài dòng le zhōu biān qū yù xiàn dài chǎn yè jí qún de xié tóng shēng jí fā zhǎn.
Khu Trình diễn Đổi mới Sáng tạo Tự chủ Cấp Quốc gia phát huy đầy đủ vai trò đầu tàu công nghệ, lan tỏa mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển nâng cấp hiệp đồng của các cụm ngành công nghiệp hiện đại ở khu vực lân cận.

19 nét | HÁN VIỆT : PHÚC XẠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1187

抚摸
fǔmō

vuốt ve, xoa nhẹ âu yếm, mơn man

在重大航天试验圆满成功后，总设计师深情抚摸着刚刚凯旋着陆的返回舱外壳，眼中闪烁着激动的泪花。
Zài zhòng dà háng tiān shì yàn yuán mǎn chéng gōng hòu, zǒng shè jì shī shēn qíng fǔ mō zhe gāng gāng kǎi xuán zhuó lù de fǎn huí cāng wài ké, yǎn zhōng shǎn shuò zhe jī dòng de lèi huā.
Sau khi cuộc thử nghiệm hàng không vũ trụ trọng đại thành công mỹ mãn, vị Tổng Thiết kế đã âu yếm vuốt ve xoa nhẹ lớp vỏ khoang hồi quyển vừa khải hoàn hạ cánh, trong ánh mắt long lanh những giọt lệ xúc động.

18 nét | HÁN VIỆT : PHỦ MÔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1188

抚恤
fǔxù

phụ cấp tuất, cứu trợ an ủi, trợ cấp thân nhân

国家出台健全重大科研国防牺牲奉献人员特别优待保障制度，按最高标准落实烈士家属抚恤与子女教育保障。
Guó jiā chū tái jiàn quán zhòng dà kē yán guó fáng xī shēng fèng xiàn rén yuán tè bié yōu dài bǎo zhàng zhì dù, àn zuì gāo biāo zhǔn luò shí liè shì jiā shǔ fǔ xù yǔ zǐ nǚ jiào yù bǎo zhàng.
Nhà nước ban hành chế độ bảo đảm ưu đãi đặc biệt hoàn thiện cho những người cống hiến hy sinh vì quốc phòng và nghiên cứu khoa học trọng đại, thực hiện chế độ trợ cấp thân nhân phụ cấp tuất và bảo đảm giáo dục con em gia đình liệt sĩ theo tiêu chuẩn cao nhất.

17 nét | HÁN VIỆT : PHỦ TUẤT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1189

抚养
fǔ yǎng

nuôi dưỡng, nuôi nấng (con cái, trẻ nhỏ)

国家民法典明确规定了父母对未成年子女负有法定的抚养、教育和保护义务，切实保障儿童合法权益。
Guó jiā mín fǎ diǎn míng què guī dìng le fù mǔ duì wèi chéng nián zǐ nǚ fù yǒu fǎ dìng de fǔ yǎng, jiào yù hé bǎo hù yì wù, qiè shí bǎo zhàng ér tóng hé fǎ quán yì.
Bộ luật Dân sự Quốc gia quy định rõ ràng cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ theo luật định đối với con cái chưa thành niên, bảo đảm thiết thực các quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

22 nét | HÁN VIỆT : PHỦ DƯỠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1190

抚养费
fǔyǎngfèi

tiền cấp dưỡng, chi phí nuôi con

国家青年科技人才保障计划全面健全子女抚养与普惠托育配套政策，切实减轻青年科研骨干家庭后顾之忧。
Guó jiā qīng nián kē jì rén cái bǎo zhàng jì huà quán miàn jiàn quán zǐ nǚ fǔ yǎng yǔ pǔ huì tuō yù pèi tào zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng qīng nián kē yán gǔ gàn jiā tíng hòu gù zhī yōu.
Kế hoạch bảo đảm nhân tài khoa học công nghệ thanh niên quốc gia đã hoàn thiện toàn diện chính sách đồng bộ nhà trẻ phổ huệ và tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng con cái, giảm nhẹ thiết thực nỗi lo sau lưng cho gia đình các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi.

35 nét | HÁN VIỆT : PHỦ DƯỠNG PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1191

斧子
fǔzi

cái rìu, cây búa rìu

极地科考突击队员在南极冰盖极端严寒环境下利用特种破冰斧子与热融钻机精准获取了深层冰芯科学样本。
Jí dì kē kǎo tū jī duì yuán zài nán jí bīng gài jí duān yán hán huán jìng xià lì yòng tè zhǒng pò bīng fǔ zi yǔ rè róng zuàn jī jīng zhǔn huò qǔ le shēn céng bīng xīn kē xué yàng běn.
Các đội viên xung kích khảo sát khoa học vùng cực dưới môi trường cực hàn trên dải băng Nam Cực đã sử dụng máy khoan nhiệt nóng chảy và cây búa rìu chiếc rìu phá băng đặc chủng để lấy chuẩn xác các mẫu vật khoa học lõi băng tầng sâu.

23 nét | HÁN VIỆT : PHỦ TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1192

俯首
fǔshǒu

cúi đầu, cúi mình tận tụy (fǔshǒu gānwéi rúzǐniú)

功勋战略科学家俯首甘为孺子牛，数十年如一日默默奉献，为国家战略科技自立自强奠定了坚不可摧的基石。
Gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā fǔ shǒu gān wéi rú zi niú, shù shí nián rú yī rì mò mò fèng xiàn, wèi guó jiā zhàn lüè kē jì zì lì zì qiáng diàn dìng le jiān bù kě cuī de jī shí.
Vị nhà khoa học chiến lược có công lao cúi mình tận tụy cúi đầu làm trâu cho con trẻ (phủ thủ cam vi nhũ tử ngưu), mấy chục năm như một ngày thầm lặng cống hiến, đặt nền móng kiên cố không thể phá vỡ cho sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

24 nét | HÁN VIỆT : PHỦ THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1193

辅导
fǔ dǎo

phụ đạo, hướng dẫn, dạy kèm

高校优秀研究生党员志愿者定期前往乡村小学，为留守儿童提供课后课业辅导与心理疏导。
Gāo xiào yōu xiù yán jiū shēng dǎng yuán zhì yuàn zhě dìng qī qián wǎng xiāng cūn xiǎo xué, wèi liú shǒu ér tóng tí gōng kè hòu kè yè fǔ dǎo yǔ xīn lǐ shū dǎo.
Các tình nguyện viên là đảng viên cao học xuất sắc của trường đại học định kỳ về các trường tiểu học nông thôn để phụ đạo bài vở sau giờ học và tư vấn tâm lý cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

21 nét | HÁN VIỆT : PHỤ ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1194

腐败
fǔ bài

tham nhũng, hủ bại, thối nát

党和国家坚持以零容忍态度反腐惩恶，一体推进不敢腐、不能腐、不想腐，坚决打赢反腐败斗争攻坚战持久战。
Dǎng hé guó jiā jiān chí yǐ líng róng rěn tài dù fǎn fǔ chéng è, yī tǐ tuī jìn bù gǎn fǔ, bù néng fǔ, bù xiǎng fǔ, jiān jué dǎ yíng fǎn fǔ bài dòu zhēng gōng jiān zhàn chí jiǔ zhàn.
Đảng và Nhà nước kiên trì thái độ không khoan nhượng bài trừ tham nhũng trừng phạt cái ác, đẩy mạnh đồng bộ không dám tham nhũng, không thể tham nhũng, không muốn tham nhũng, kiên quyết đánh thắng trận chiến công kiên trường kỳ chống tham nhũng.

23 nét | HÁN VIỆT : HỦ BẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1195

腐化
fǔhuà

thối rữa phân hủy; tha hóa biến chất hủ hóa

国家实验室严格科研经费审计监督，坚决筑牢反腐倡廉思想防线，坚决防止任何科研腐败与作风腐化现象发生。
Guó jiā shí yàn shì yán gé kē yán jīng fèi shěn jì jiān dū, jiān jué zhù láo fǎn fǔ chàng lián sī xiàng fáng xiàn, jiān jué fáng zhǐ rèn hé kē yán fǔ bài yǔ zuò fēng fǔ huà xiàn xiàng fā shēng.
Phòng thí nghiệm quốc gia kiểm toán giám sát nghiêm ngặt kinh phí nghiên cứu khoa học, xây chắc tuyến phòng thủ tư tưởng thanh liêm chống tham nhũng, kiên quyết phòng ngừa bất kỳ hiện tượng tha hóa biến chất hủ hóa tác phong và tham nhũng nghiên cứu khoa học nào phát sinh.

21 nét | HÁN VIỆT : HỦ HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1196

腐烂
fǔ làn

mục nát, thối rữa, phân hủy hoai mục

森林生态系统中倒伏的枯木在微生物与真菌作用下自然腐烂分解，源源不断地为土壤肥力补充有机养分。
Sēn lín shēng tài xì tǒng zhōng dǎo fú de kū mù zài wēi shēng wù yǔ zhēn jūn zuò yòng xià zì rán fǔ làn fēn jiě, yuán yuán bù duàn dì wèi tǔ rǎng féi lì bǔ chōng yǒu jī yǎng fèn.
Những thân cây khô gãy đổ trong hệ sinh thái rừng dưới tác động của vi sinh vật và nấm mục nát phân hủy tự nhiên, không ngừng bổ sung nguồn dinh dưỡng hữu cơ dồi dào cho độ phì nhiêu của đất.

22 nét | HÁN VIỆT : HỦ LẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1197

腐蚀
fǔ shí

ăn mòn, rỉ sét; làm tha hóa biến chất

深海耐高压潜水器外壳采用了新型耐极端盐雾腐蚀的特种钛合金材料，确保在恶劣海洋环境中长效安全服役。
Shēn hǎi nài gāo yā qián shuǐ qì wài ké cǎi yòng le xīn xíng nài jí duān yán wù fǔ shí de tè zhǒng tài hé jīn cái liào, què bǎo zài è liè hǎi yáng huán jìng zhōng cháng xiào ān quán fú yì.
Vỏ ngoài của tàu lặn chịu áp lực cao biển sâu áp dụng vật liệu hợp kim titan đặc biệt kiểu mới chống ăn mòn sương muối cực đoan, bảo đảm phục vụ an toàn lâu dài trong môi trường đại dương khắc nghiệt.

23 nét | HÁN VIỆT : HỦ THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1198

腐朽
fǔ xiǔ

mục nát, thối rữa, suy đồi mục ruỗng

青年人要树立崇高积极的人生理想，自觉抵制拜金主义、享乐主义等腐朽思想的侵蚀。
Qīng nián rén yào shù lì chóng gāo jī jí de rén shēng lǐ xiǎng, zì jué dǐ zhì bài jīn zhǔ yì, xiǎng lè zhǔ yì děng fǔ xiǔ sī xiǎng de qīn shí.
Thanh niên cần xây dựng lý tưởng sống cao đẹp tích cực, tự giác bài trừ sự xâm thực của các tư tưởng suy đồi mục ruỗng như chủ nghĩa sùng bái tiền bạc và chủ nghĩa hưởng lạc.

21 nét | HÁN VIỆT : HỦ HỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1199

付费
fùfèi

trả phí, thanh toán tiền trả tiền dịch vụ

国家重大前沿科研数据中心全面推行学术资源免费开放共享机制，坚决杜绝向基础科研人员设置不合理付费门槛。
Guó jiā zhòng dà qián yán kē yán shù jù zhōng xīn quán miàn tuī xíng xué shù zī yuán miǎn fèi kāi fàng gòng xiǎng jī zhì, jiān jué dù jué xiàng jī chǔ kē yán rén yuán shè zhì bù hé lǐ fù fèi mén kǎn.
Trung tâm Dữ liệu Nghiên cứu Khoa học Tiên phong Trọng đại Quốc gia đẩy mạnh toàn diện cơ chế chia sẻ mở cửa miễn phí tài nguyên học thuật, kiên quyết chấm dứt việc dựng lên các ngưỡng cửa trả phí thanh toán phí phi lý đối với những người làm nghiên cứu khoa học cơ bản.

24 nét | HÁN VIỆT : PHÓ PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1200

付款
fù kuǎn

thanh toán, trả tiền

如今在各大城市的商场与超市购物，只需出示手机付款码即可实现秒级无感安全便捷付款。
Rú jīn zài gè dà chéng shì de shāng chǎng yǔ chāo shì gòu wù, zhǐ xū chū shì shǒu jī fù kuǎn mǎ jí kě shí xiàn miǎo jí wú gǎn ān quán biàn jié fù kuǎn.
Ngày nay khi đi mua sắm tại các trung tâm thương mại và siêu thị lớn, bạn chỉ cần đưa mã thanh toán trên điện thoại ra là có thể thanh toán an toàn, tiện lợi và nhanh chóng trong chớp mắt.

19 nét | HÁN VIỆT : PHÓ KHOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1201

负面
fùmiàn

tiêu cực, mặt tiêu cực mặt trái

在大科学工程全生命周期环境评估中，科研团队综合施策，彻底消除了工程施工可能带来的任何负面生态影响。
Zài dà kē xué gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī huán jìng píng gū zhōng, kē yán tuán duì zōng hé shī cè, chè dǐ xiāo chú le gōng chéng shī gōng kě néng dài lái de rèn hé fù miàn shēng tài yǐng xiǎng.
Trong đánh giá môi trường toàn bộ vòng đời của công trình khoa học lớn, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã áp dụng tổng hợp các biện pháp, loại trừ triệt để bất kỳ ảnh hưởng sinh thái mặt trái tiêu cực nào mà việc thi công công trình có thể mang lại.

18 nét | HÁN VIỆT : PHỤ DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1202

负有
fùyǒu

gánh vác, chịu trách nhiệm mang trên mình

国家实验室作为战略科技力量的核心载体，负有突破世界前沿科学理论与实现高水平科技自强的崇高历史使命。
Guó jiā shí yàn shì zuò wéi zhàn lüè kē jì lì liàng de hé xīn zài tǐ, fù yǒu tū pò shì jiè qián yán kē xué lǐ lùn yǔ shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì qiáng de chóng gāo lì shǐ mìng.
Phòng thí nghiệm quốc gia với tư cách là vật mang cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược, chịu trách nhiệm mang trên mình gánh vác sứ mệnh lịch sử cao đẹp về đột phá lý luận khoa học tiên phong thế giới và thực hiện tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

17 nét | HÁN VIỆT : PHỤ HỮU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1203

附
fù

kèm theo đính kèm; phụ thuộc dựa vào (fùzhǔ)

国家重大科研立项申请书正文后需详实附具国内外查新检索报告与第一手严谨物理实验验证数据清单。
Guó jiā zhòng dà kē yán lì xiàng shēn qǐng shū zhèng wén hòu xū xiáng shí fù jù guó nèi wài chá xīn jiǎn suǒ bào gào yǔ dì yī shǒu yán jǐn wù lǐ shí yàn yàn zhèng shù jù qīng dān.
Phía sau phần chính văn của đơn xin lập dự án nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia cần phải đính kèm kèm theo tường tận bản danh mục số liệu kiểm chứng thực nghiệm vật lý chặt chẽ ban đầu và báo cáo tra cứu thông tin mới trong và ngoài nước.

11 nét | HÁN VIỆT : PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1204

附带
fù dài

Đi kèm với

老师鼓励大家积极附带，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fù dài， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đi kèm với, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét | HÁN VIỆT : PHỤ ĐỚI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1205

附和
fù hè

hùa theo, phụ họa, nói theo chiều gió

在严谨的学术论辩中必须坚持独立思考与求真求实，绝不能人云亦云、盲目附和未经实证的错误观点。
Zài yán jǐn de xué shù lùn biàn zhōng bì xū jiān chí dú lì sī kǎo yǔ qiú zhēn qiú shí, jué bù néng rén yún yì yún, máng mù fù hè wèi jīng shí zhèng de cuò wù guān diǎn.
Trong các cuộc tranh biện học thuật nghiêm cẩn bắt buộc phải kiên trì tư duy độc lập và cầu thị tìm kiếm chân lý, tuyệt đối không thể thấy người ta nói sao mình nói vậy hay mù quáng hùa theo phụ họa những quan điểm sai lầm chưa qua thực chứng.

19 nét | HÁN VIỆT : PHỤ HOÀ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1206

附加
fùjiā

gia tăng, bổ sung thêm, giá trị gia tăng (fùjiāzhí)

我国加快推动现代制造业向高技术含量、高附加值的全球产业链高端环节加速跃升。
Wǒ guó jiā kuài tuī dòng xiàn dài zhì zào yè xiàng gāo jì shù hán liàng, gāo fù jiā zhí de quán qiú chǎn yè lián gāo duān huán jié jiā sù yuè shēng.
Nước ta đẩy nhanh thúc đẩy ngành chế tạo hiện đại nhảy vọt nhanh chóng hướng tới các mắt xích cao cấp trong chuỗi ngành nghề toàn cầu có giá trị gia tăng gia tăng cao và hàm lượng công nghệ cao.

24 nét | HÁN VIỆT : PHỤ GIA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1207

附属
fù shǔ

trực thuộc, phụ thuộc, trực thuộc quản lý

这所知名大学医学院附属三甲医院引进了国际前沿的重离子质子治癌系统，为疑难重症患者提供了世界一流的诊疗平台。
Zhè suǒ zhī míng dà xué yī xué yuàn fù shǔ sān jiǎ yī yuàn yǐn jìn le guó jì qián yán de zhòng lí zi zhì zi zhì ái xì tǒng, wèi yí nán zhòng zhèng huàn zhě tí gōng le shì jiè yì liú de zhěn liáo píng tái.
Bệnh viện Đa khoa Hạng 3 trực thuộc Trường Y thuộc trường đại học danh tiếng này đã nhập khẩu hệ thống điều trị ung thư bằng proton ion nặng tiên phong quốc tế, mang lại nền tảng chẩn đoán điều trị đẳng cấp thế giới cho các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

19 nét | HÁN VIỆT : PHỤ THUỘC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1208

复查
fùchá

phúc tra, kiểm tra lại rà soát lại

在重大工程关键结构件出厂前，质量检验专家组严格进行了多轮无损超声探伤与几何尺寸全参数精密复查。
Zài zhòng dà gōng chéng guān jiàn jié gòu jiàn chū chǎng qián, zhì liàng jiǎn yàn zhuān jiā zǔ yán gé jìn xíng le duō lún wú sǔn chāo shēng tàn shāng yǔ jǐ hé chǐ cùn quán cān shù jīng mì fù chá.
Trước khi các cấu kiện kết cấu then chốt của công trình trọng đại xuất xưởng, Tổ Chuyên gia Kiểm định Chất lượng đã tiến hành nhiều vòng phúc tra kiểm tra lại rà soát lại chính xác toàn bộ tham số kích thước hình học và dò tìm khuyết tật siêu âm không phá hủy nghiêm ngặt.

25 nét | HÁN VIỆT : PHỤC TRA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1209

复发
fùfā

tái phát, tái bùng phát (bệnh tật/nguy cơ)

国家医学攻关团队研制出的新型免疫靶向细胞治疗方案，将恶性血液肿瘤患者的术后复发率降低了百分之八十以上。
Guó jiā yī xué gōng guān tuán duì yán zhì chū de xīn xíng miǎn yì bǎ xiàng xì bāo zhì liáo fāng àn, jiāng è xìng xuè yè zhǒng liú huàn zhě de shù hòu fù fā lǜ jiàng dī le bǎi fēn zhī bā shí yī shàng.
Phương án trị liệu tế bào trúng đích miễn dịch kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển đã giảm thiểu tỷ lệ tái phát tái bùng phát hậu phẫu của bệnh nhân khối u huyết học ác tính xuống hơn 80%.

23 nét | HÁN VIỆT : PHỤC PHÁT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1210

复合
fùhé

composite, phức hợp hỗn hợp, liên kết đa hệ

我国成功攻克了超高温航空航天特种陶瓷基复合材料整体构件低成本精密制造成套关键技术。
Wǒ guó chéng gōng gōng kè le chāo gāo wēn háng kōng háng tiān tè zhǒng táo cí jī fù hé cái liào zhěng tǐ gòu jiàn dī chéng běn jīng mì zhì zào chéng tào guān jiàn jì shù.
Nước ta đã chinh phục thành công bộ công nghệ then chốt hoàn chỉnh chế tạo chính xác chi phí thấp cấu kiện nguyên khối vật liệu composite phức hợp gốc gốm sứ đặc chủng hàng không vũ trụ nhiệt độ siêu cao.

22 nét | HÁN VIỆT : PHỤC CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1211

复活
fù huó

sống lại, hồi sinh, phục sinh

生物科学家利用古DNA分子测序与表观遗传修复技术，让沉睡了万年之久的古生物遗传密码在实验室中得以“复活”破译。
Shēng wù kē xué jiā lì yòng gǔ DNA fèn zǐ cè xù yǔ biǎo guān yí chuán xiū fù jì shù, ràng chén shuì le wàn nián zhī jiǔ de gǔ shēng wù yí chuán mì mǎ zài shí yàn shì zhōng dé yǐ "fù huó" pò yì.
Các nhà khoa học sinh học sử dụng kỹ thuật giải mã phân tử DNA cổ cùng phục chế biểu sinh, giúp cho bộ mã di truyền cổ sinh vật ngủ yên hàng vạn năm được 'hồi sinh' giải mã thành công trong phòng thí nghiệm.

26 nét | HÁN VIỆT : PHỤC HOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1212

复兴
fù xīng

phục hưng, chấn hưng, hồi sinh vĩ đại

实现中华民族伟大复兴是近代以来中国人民最伟大的梦想，激励着全体中华儿女为之接续奋斗。
Shí xiàn zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng shì jìn dài yǐ lái zhōng guó rén mín zuì wěi dà de mèng xiǎng, jī lì zhe quán tǐ zhōng huá ér nǚ wèi zhī jiē xù fèn dòu.
Hiện thực hóa sự phục hưng vĩ đại của dân tộc là ước mơ vĩ đại nhất của nhân dân ta kể từ thời cận đại, khích lệ toàn thể những người con đất nước vì đó mà không ngừng tiếp bước phấn đấu.

27 nét | HÁN VIỆT : PHỤC HƯNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1213

复原
fùyuán

phục nguyên, phục hồi nguyên trạng, khôi phục nguyên mẫu

科技文保专家运用超高精度数字三维扫描与人工智能算法，在虚拟空间高保真完整复原了千年受损古代壁画。
Kē jì wén bǎo zhuān jiā yùn yòng chāo gāo jīng dù shù zì sān wéi sǎo miáo yǔ rén gōng zhì néng suàn fǎ, zài xū nǐ kōng jiān gāo bǎo zhēn wán zhěng fù yuán le qiān nián shòu sǔn gǔ dài bì huà.
Các chuyên gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ ứng dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo và quét 3D số hóa độ chính xác siêu cao đã phục hồi nguyên trạng phục nguyên trọn vẹn độ trung thực cao những bức bích họa cổ ngàn năm bị hư hại trong không gian ảo.

22 nét | HÁN VIỆT : PHỤC NGUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1214

赴
fù

lên đường đi đến, đến dự, lao về phía trước

大科学工程功勋团队青年骨干义无反顾奔赴大西北戈壁发射一线，全身心投入到重大国防科技攻坚战役之中。
Dà kē xué gōng chéng gōng xūn tuán duì qīng nián gǔ gàn yì wú fǎn gù bēn fù dà xī běi gē bì fā shè yī xiàn, quán shēn xīn tóu rù dào zhòng dà guó fáng kē jì gōng jiān zhàn yì zhī zhōng.
Các cán bộ nòng cốt trẻ tuổi của đội ngũ có công lao công trình khoa học lớn đã không chút do dự lên đường đi đến lao về tuyến đầu bãi phóng sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc, dốc toàn tâm toàn ý vào chiến dịch vượt khó khoa học công nghệ quốc phòng trọng đại.

9 nét | HÁN VIỆT : PHÓ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1215

副作用
fù zuò yòng

tác dụng phụ, tác dụng phụ không mong muốn

新型靶向抗肿瘤药物在临床试验中表现出对恶性肿瘤细胞的强效杀伤力，同时大幅降低了对正常机体组织的副作用。
Xīn xíng bǎ xiàng kàng zhǒng liú yào wù zài lín chuáng shì yàn zhōng biǎo xiàn chū duì è xìng zhǒng liú xì bāo de qiáng xiào shā shāng lì, tóng shí dà fú jiàng dī le duì zhèng cháng jī tǐ zǔ zhī de fù zuò yòng.
Loại thuốc chống khối u nhắm trúng đích kiểu mới trong thử nghiệm lâm sàng đã thể hiện sức tiêu diệt mạnh mẽ đối với các tế bào khối u ác tính, đồng thời giảm thiểu to lớn các tác dụng phụ đối với các mô cơ thể bình thường.

35 nét | HÁN VIỆT : PHÓ TÁC DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1216

富含
fùhán

giàu có chứa nhiều, dồi dào phong phú dưỡng chất

农业科学家培育出的超级杂交农作物品种不仅产量极高，而且富含花青素与微量活性矿物质元素。
Nóng yè kē xué jiā péi yù chū de chāo jí zá jiāo nóng zuò wù pǐn zhǒng bù jǐn chǎn liàng jí gāo, ér qiě fù hán huā qīng sù yǔ wēi liàng huó xìng kuàng wù zhì yuán sù.
Giống cây trồng nông nghiệp lai siêu cấp do các nhà khoa học nông nghiệp bồi dưỡng không chỉ có năng suất cực kỳ cao mà còn giàu có chứa nhiều dồi dào các nguyên tố khoáng chất hoạt tính vi lượng và anthocyanin.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ HÀM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1217

富豪
fùháo

phú hào, tỷ phú người giàu kếch xù

真正的战略科学家一生矢志追求科学真理与国家富强，从不羡慕追名逐利的所谓商业富豪。
Zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā yī shēng shǐ zhì zhuī qiú kē xué zhēn lǐ yǔ guó jiā fù qiáng, cóng bù xiàn mù zhuī míng zhú lì de suǒ wèi shāng yè fù háo.
Những nhà khoa học chiến lược chân chính cả đời sắt son một lòng theo đuổi chân lý khoa học và sự giàu mạnh của đất nước, không bao giờ ngưỡng mộ những người được gọi là phú hào tỷ phú thương mại chạy theo danh lợi.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ HÀO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1218

富强
fùqiáng

giàu mạnh, phú cường, phồn vinh giàu có mạnh mẽ

实现高水平科技自立自强，是推动国家繁荣富强、实现中华民族伟大复兴的坚实战略支撑。
Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, shì tuī dòng guó jiā fán róng fù qiáng, shí xiàn zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng de jiān shí zhàn lüè zhī chēng.
Thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao chính là trụ cột chiến lược vững chắc thúc đẩy đất nước phồn vinh giàu mạnh phú cường, thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

21 nét | HÁN VIỆT : PHÚ CƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1219

富翁
fùwēng

phú ông, triệu phú tỷ phú người giàu

在老一辈功勋科学家心中，为国家突破关键核心技术带来的精神富足远比成为物质上的百万富翁崇高百倍。
Zài lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā xīn zhōng, wèi guó jiā tū pò guān jiàn hé xīn jì shù dài lái de jīng shén fù zú yuǎn bǐ chéng wéi wù zhì shàng de bǎi wàn fù wēng chóng gāo bǎi bèi.
Trong trái tim của các nhà khoa học có công lao tiền bối, sự sung túc giàu có về tinh thần do việc đột phá công nghệ lõi then chốt cho quốc gia mang lại cao đẹp hơn gấp trăm lần so với việc trở thành triệu phú phú ông về mặt vật chất.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ ÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1220

富裕
fù yù

giàu có, khá giả, sung túc

我们追求的发展是全体人民共同富裕的现代化，让改革发展成果更多更公平惠及全体人民。
Wǒ men zhuī qiú de fā zhǎn shì quán tǐ rén mín gòng tóng fù yù de xiàn dài huà, ràng gǎi gé fā zhǎn chéng guǒ gèng duō gèng gōng píng huì jí quán tǐ rén mín.
Sự phát triển mà chúng ta theo đuổi là hiện đại hóa toàn thể nhân dân cùng nhau giàu có sung túc, giúp cho các thành quả cải cách phát triển tạo phúc nhiều hơn và công bằng hơn tới toàn thể nhân dân.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ DỤ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1221

富足
fùzú

sung túc, no đủ dồi dào, giàu có viên mãn

科技创新的蓬勃发展不仅创造了巨大的社会物质财富，更极大丰富了广大人民群众的精神富足与幸福生活。
Kē jì chuàng xīn de péng bó fā zhǎn bù jǐn chuàng zào le jù dà de shè huì wù zhì cái fù, gèng jí dà fēng fù le guǎng dà rén mín qún zhòng de jīng shén fù zú yǔ xìng fú shēng huó.
Sự phát triển bùng nổ của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ kiến tạo của cải vật chất xã hội to lớn, mà càng làm phong phú sâu sắc đời sống hạnh phúc và sự no đủ sung túc tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ TÚ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1222

赋予
fù yǔ

trao cho, giao phó cho, ban cho (sứ mệnh, quyền lực)

新时代赋予了广大青年光荣而艰巨的崇高使命，青年一代当勇立时代潮头、勇担强国重任。
Xīn shí dài fù yǔ le guǎng dà qīng nián guāng róng ér jiān jù de chóng gāo shǐ mìng, qīng nián yí dài dāng yǒng lì shí dài cháo tóu, yǒng dān qiáng guó zhòng rèn.
Thời đại mới đã trao cho đông đảo thanh niên một sứ mệnh cao cả vô cùng vinh quang và nặng nề, thế hệ trẻ hãy dũng cảm đứng trên ngọn sóng thời đại, dũng cảm gánh vác trọng trách lớn lao xây dựng đất nước giàu mạnh.

18 nét | HÁN VIỆT : PHÚ DƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1223

腹部
fùbù

vùng bụng, phần bụng thân dưới (y học/cơ khí)

深海万米载人潜水器腹部搭载了高精度声学测深侧扫声呐系统，可对洋底微地形实现超高分辨率成像扫描。
Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì fù bù dā zài le gāo jīng dù shēng xué cè shēn cè sǎo shēng nà xì tǒng, kě duì yáng dǐ wēi dì xíng shí xiàn chāo gāo fēn biàn lǜ chéng xiàng sǎo miáo.
Phần bụng vùng bụng tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu được trang bị hệ thống sonar quét sườn đo sâu âm học độ chính xác cao, có thể thực hiện quét chụp ảnh độ phân giải siêu cao đối với vi địa hình đáy đại dương.

19 nét | HÁN VIỆT : PHÚC BỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1224

腹泻
fù xiè

tiêu chảy, đau bụng đi ngoài

在夏秋季节肠道传染病高发期，必须格外注意饮食饮水卫生，一旦出现急性腹泻与脱水症状应及时就医治疗。
Zài xià qiū jì jié cháng dào chuán rǎn bìng gāo fā qī, bì xū gé wài zhù yì yǐn shí yǐn shuǐ wèi shēng, yí dàn chū xiàn jí xìng fù xiè yǔ tuō shuǐ zhèng zhuàng yīng jí shí jiù yī zhì liáo.
Trong giai đoạn cao điểm phát sinh bệnh truyền nhiễm đường ruột mùa hè thu, bắt buộc phải đặc biệt chú ý vệ sinh ăn uống và nguồn nước, một khi xuất hiện triệu chứng tiêu chảy cấp tính và mất nước cần kịp thời đến cơ sở y tế điều trị.

20 nét | HÁN VIỆT : PHÚC TẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1225

覆盖
fù gài

bao phủ, che phủ; độ che phủ

经过几代林业建设者的不懈奋斗，我国森林覆盖率实现了历史性持续跃升，筑牢了国家绿色生态屏障。
Jīng guò jǐ dài lín yè jiàn shè zhě de bù xiè fèn dòu, wǒ guó sēn lín fù gài lǜ shí xiàn le lì shǐ xìng chí xù yuè shēng, zhù láo le guó jiā lǜ sè shēng tài píng zhàng.
Trải qua sự nỗ lực không ngừng nghỉ của nhiều thế hệ người làm lâm nghiệp, độ che phủ rừng của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt liên tục mang tính lịch sử, xây đắp vững chắc bức tường thành sinh thái xanh của quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : PHÚC CÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1226

改版
gǎibǎn

đổi mới giao diện, tái bản thay đổi phiên bản (báo chí/web)

国家大科学装置官方科学数据开放平台全新改版上线，为全球科学家提供了更加高效便捷的交互界面与数据下载通道。
Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì guān fāng kē xué shù jù kāi fàng píng tái quán xīn gǎi bǎn shàng xiàn, wèi quán qiú kē xué jiā tí gōng le gèng jiā gāo xiào biàn jié de jiāo hù jiè miàn yǔ shù jù xià zài tōng dào.
Nền tảng mở cửa dữ liệu khoa học chính thức của thiết bị khoa học lớn quốc gia đã hoàn tất đổi mới giao diện thay đổi phiên bản đưa vào sử dụng, mang lại kênh tải dữ liệu và giao diện tương tác thuận tiện hiệu quả cao hơn cho các nhà khoa học toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : CẢI BẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1227

改编
gǎibiān

cải biên, chuyển thể chuyển thể tác phẩm

根据战略科学家隐姓埋名科技报国感人事迹改编的硬核主旋律影视作品上映后，在全社会引起了极强烈的精神共鸣。
Gēn jù zhàn lüè kē xué jiā yǐn xìng mái míng kē jì bào guó gǎn rén shì jì gǎi biān de yìng hé zhǔ xuán lǜ yǐng shì zuò pǐn shàng yìng hòu, zài quán shè huì yǐn qǐ le jí qiáng liè de jīng shén gòng míng.
Tác phẩm điện ảnh truyền hình chủ đề tư tưởng lớn chính thống cải biên chuyển thể từ câu chuyện cảm động phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của nhà khoa học chiến lược sau khi công chiếu đã dấy lên sự cộng hưởng tinh thần vô cùng mạnh mẽ trong toàn xã hội.

27 nét | HÁN VIỆT : CẢI BIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1228

改动
gǎidòng

sửa đổi, điều chỉnh chỉnh sửa

在大科学工程超精密控制算法集成测试中，任何一处关键参数的微小改动都必须经过全系统闭环严格复核仿真。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì kòng zhì suàn fǎ jí chéng cè shì zhōng, rèn hé yī chù guān jiàn cān shù de wēi xiǎo gǎi dòng dōu bì xū jīng guò quán xì tǒng bì huán yán gé fù hé fǎng zhēn.
Trong kiểm tra tích hợp thuật toán điều khiển siêu chính xác công trình khoa học lớn, bất kỳ một sự chỉnh sửa điều chỉnh sửa đổi nhỏ nào của một tham số then chốt cũng đều bắt buộc phải trải qua mô phỏng kiểm tra lại nghiêm ngặt khép kín toàn hệ thống.

28 nét | HÁN VIỆT : CẢI ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1229

改革开放
gǎigékāifàng

Cải cách Mở cửa (chính sách lịch sử Trung Quốc)

改革开放四十多年来，中国科技事业实现了从跟跑为主向跟跑、并跑、领跑并存的历史性伟大跨越。
Gǎi gé kāi fàng sì shí duō nián lái, zhōng guó kē jì shì yè shí xiàn le cóng gēn pǎo wéi zhǔ xiàng gēn pǎo, bìng pǎo, lǐng pǎo bìng cún de lì shǐ xìng wěi dà kuà yuè.
Hơn 40 năm Cải cách Mở cửa lại đây, sự nghiệp khoa học công nghệ Trung Quốc đã thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại mang tính lịch sử từ chỗ chủ yếu chạy theo sau sang cùng tồn tại chạy theo sau, chạy song hành và dẫn đầu.

35 nét | HÁN VIỆT : CẢI CÁCH KHAI PHÓNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1230

改良
gǎi liáng

cải tạo, cải lương, cải tạo cải tạo nâng cấp (đất đai, giống nòi)

农业科学家团队通过连续多年选育抗盐碱耐旱优良新品种，成功对数百万亩中低产盐碱土壤进行了高效生态改良。
Nóng yè kē xué jiā tuán duì tōng guò lián xù duō nián xuǎn yù kàng yán jiǎn nài hàn yōu liáng xīn pǐn zhǒng, chéng gōng duì shù bǎi wàn mǔ zhōng dī chǎn yán jiǎn tǔ rǎng jìn xíng le gāo xiào shēng tài gǎi liáng.
Nhóm các nhà khoa học nông nghiệp thông qua việc liên tục tuyển chọn các giống mới ưu việt chịu mặn kiềm và kháng hạn trong nhiều năm đã cải tạo sinh thái hiệu quả cao thành công cho hàng triệu mẫu đất phèn mặn năng suất thấp.

23 nét | HÁN VIỆT : CẢI LƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1231

改名
gǎimíng

đổi tên, thay đổi tên gọi

为了国家最高绝密大科学工程建设需要，许多功勋科学家当年毅然隐姓埋名、改名换姓，默默无闻奉献一生。
Wèi le guó jiā zuì gāo jué mì dà kē xué gōng chéng jiàn shè xū yào, xǔ duō gōng xūn kē xué jiā dāng nián yì rán yǐn xìng mái míng, gǎi míng huàn xìng, mò mò wú wén fèng xiàn yī shēng.
Vì nhu cầu xây dựng công trình khoa học lớn tuyệt mật tối cao của quốc gia, nhiều nhà khoa học có công lao năm xưa đã kiên quyết đổi tên ẩn danh đổi họ, thầm lặng không ai biết đến cống hiến trọn cuộc đời.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian / Phó từ | #1232

改日
gǎirì

hôm khác, vào ngày khác, bữa khác

由于当前正处于大科学装置全系统精密调试关键窗口期，总工程师婉拒了多场非学术性外事接待并约定改日再会。
Yóu yú dāng qián zhèng chǔ yú dà kē xué zhuāng zhì quán xì tǒng jīng mì tiáo shì guān jiàn chuāng kǒu qī, zǒng gōng chéng shī wǎn jù le duō chǎng fēi xué shù xìng wài shì jiē dài bìng yuē dìng gǎi rì zài huì.
Do hiện đang ở trong giai đoạn cửa sổ then chốt hiệu chỉnh chính xác toàn hệ thống của thiết bị khoa học lớn, Tổng Kỹ sư đã khéo léo từ chối nhiều buổi tiếp đón đối ngoại phi học thuật và hẹn gặp lại vào hôm khác ngày khác.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1233

改为
gǎiwéi

đổi thành, chuyển thành đổi sang

经过专家组严密物理论证，大科学装置二期加速腔主体结构材料全面改为性能更加优异的特种超纯超导铌材。
Jīng guò zhuān jiā zǔ yán mì wù lǐ lùn zhèng, dà kē xué zhuāng zhì èr qī jiā sù qiāng zhǔ tǐ jié gòu cái liào quán miàn gǎi wéi xìng néng gèng jiā yōu yì de tè zhǒng chāo chún chāo dǎo ní cái.
Trải qua luận chứng vật lý chặt chẽ của Hội đồng Chuyên gia, vật liệu kết cấu chủ thể buồng gia tốc giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn đã chuyển thành đổi thành vật liệu niobi siêu dẫn siêu tinh khiết đặc chủng có tính năng ưu việt hơn.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1234

改邪归正
gǎixiéguīzhèng

cải tà quy chính, quay đầu về nẻo thiện, hoàn lương

国家网络安全法治宣传教育引导曾迷途违法的年轻黑客技术人员改邪归正，将技术才华投身到国家网络安全建设正道中。
Guó jiā wǎng luò ān quán fǎ zhì xuān chuán jiào yù yǐn dǎo céng mí tú wéi fǎ de nián qīng hēi kè jì shù rén yuán gǎi xié guī zhèng, jiāng jì shù cái huá tóu shēn dào guó jiā wǎng luò ān quán jiàn shè zhèng dào zhōng.
Công tác tuyên truyền giáo dục pháp trị an ninh mạng quốc gia đã định hướng cho các nhân viên kỹ thuật hacker trẻ tuổi từng lầm đường lạc lối vi phạm pháp luật quay đầu về nẻo thiện cải tà quy chính, đem tài hoa công nghệ dấn thân vào con đường chính đạo xây dựng an ninh mạng quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : CẢI TÀ QUY CHÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1235

钙
gài

canxi (nguyên tố hóa học Ca)

新型钙钛矿太阳能电池在前沿光伏转换效率测试中接连刷新世界纪录，展现出极具潜力的产业应用前景。
Xīn xíng gài tài kuàng tài yáng néng diàn chí zài qián yán guāng fú zhuǎn huàn xiào lǜ cè shì zhōng jiē lián shuā xīn shì jiè jì lù, zhǎn xiàn chū jí jù qián lì de chǎn yè yìng yòng qián jǐng.
Pin Mặt trời perovskite canxi titan kiểu mới trong các thử nghiệm hiệu suất chuyển đổi quang điện tiên phong đã liên tiếp phá vỡ kỷ lục thế giới, phô diện triển vọng ứng dụng công nghiệp vô cùng tiềm năng.

11 nét | HÁN VIỆT : CÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1236

盖子
gàizi

nắp đậy, cái vung cái nắp kín

大科学装置超高真空靶室特种重型密封端盖盖子采用了亚微米级双道金属密封圈结构，确保在极端负压下绝对不漏气。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo zhēn kōng bǎ shì tè zhǒng zhòng xíng mì fēng duān gài gài zi cǎi yòng le yà wēi mǐ jí shuāng dào jīn shǔ mì fēng quān jié gòu, què bǎo zài jí duān fù yā xià jué duì bù lòu qì.
Cái nắp nắp đậy đầu bịt kín hạng nặng đặc chủng của buồng bia siêu chân không thiết bị khoa học lớn áp dụng kết cấu vòng đệm kim loại đôi cấp độ dưới micromet, bảo đảm tuyệt đối không rò rỉ khí dưới áp suất âm cực hạn.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁI TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1237

概况
gàikuàng

tình hình khái quát, tổng quan bức tranh chung

在国际大科学工程年度工作报告中，总指挥全面翔实汇报了一期物理装置建设运行概况与重大原创科学成果。
Zài guó jì dà kē xué gōng chéng nián dù gōng zuò bào gào zhōng, zǒng zhī huī quán miàn xiáng shí huì bào le yī qī wù lǐ zhuāng zhì jiàn shè yùn xíng gài kuàng yǔ zhòng dà yuán chuàng kē xué chéng guǒ.
Trong Báo cáo Công tác Thường niên Công trình Khoa học Lớn Quốc tế, Tổng Chỉ huy đã báo cáo toàn diện tường tận tình hình khái quát tổng quan vận hành xây dựng thiết bị vật lý giai đoạn một cùng các thành quả khoa học nguyên bản trọng đại.

21 nét | HÁN VIỆT : KHÁI HUỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1238

概率
gàilǜ

xác suất, tỷ lệ xác suất xảy ra

量子力学波函数坍缩与微观粒子空间分布测量在本质上体现为精确的统计概率规律，揭示了微观世界的内在本质。
Liàng zǐ lì xué bō hán shù tān suō yǔ wēi guān lì zi kōng jiān fēn bù cè liáng zài běn zhì shàng tǐ xiàn wèi jīng què de tǒng jì gài lǜ guī lǜ, jiē shì le wēi guān shì jiè de nèi zài běn zhì.
Việc đo đạc phân bố không gian hạt vi mô và sụp đổ hàm sóng cơ học lượng tử về bản chất thể hiện thành quy luật xác suất thống kê chuẩn xác, hé lộ bản chất nội tại của thế giới vi mô.

20 nét | HÁN VIỆT : KHÁI LUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1239

概论
gàilùn

khái luận, giáo trình tổng quan nhập môn

两院院士亲自为拔尖创新青年学子讲授《量子计算与前沿信息科学概论》，引导青年学子树立科技报国远大志向。
Liǎng yuàn yuàn shì qīn zì wèi bá jiān chuàng xīn qīng nián xué zǐ jiǎng shòu 《liàng zǐ jì suàn yù qián yán xìn xī kē xué gài lùn》, yǐn dǎo qīng nián xué zǐ shù lì kē jì bào guó yuǎn dà zhì xiàng.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã đích thân giảng dạy môn 'Khái luận Khái luận Thông tin Khoa học Tiên phong và Tính toán Lượng tử' cho các sinh viên trẻ xuất chúng đổi mới sáng tạo, dẫn dắt các học trò trẻ xác lập chí lớn phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : KHÁI LUẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1240

甘心
gān xīn

cam lòng, cam tâm chịu đựng

老一辈科学家在面对国外严密的技术封锁时从不甘心落后，凭借自力更生的顽强拼搏攻克了一个又一个大国重器难关。
Lǎo yī bèi kē xué jiā zài miàn duì guó wài yán mì de jì shù fēng suǒ shí cóng bù gān xīn luò hòu, píng jiè zì lì gēng shēng de wán qiáng pīn bó gōng kè le yí gè yòu yí gè dà guó zhòng qì nán guān.
Các nhà khoa học tiền bối đứng trước sự phong tỏa công nghệ nghiêm ngặt của nước ngoài chưa bao giờ cam tâm chịu tụt hậu, dựa vào sự nỗ lực phấn đấu ngoan cường tự lực cánh sinh đã chinh phục hết ải khó này đến ải khó khác của các đại thiết bị quốc gia.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1241

肝脏
gānzàng

lá gan, cơ quan gan

国家再生医学重点实验室成功利用患者自体诱导多能干细胞在体外三维生物打印培育出具有全代谢活性的微型人工肝脏。
Guó jiā zài shēng yī xué zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng lì yòng huàn zhě zì tǐ yòu dǎo duō néng gàn xì bāo zài tǐ wài sān wéi shēng wù dǎ yìn péi yù chū jù yǒu quán dài xiè huó xìng de wēi xíng rén gōng gān zàng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia y học tái sinh đã thành công trong việc tận dụng tế bào gốc vạn năng cảm ứng tự thân của bệnh nhân để in sinh học 3D nuôi cấy lá gan cơ quan gan nhân tạo siêu nhỏ có hoạt tính trao đổi chất toàn diện ngoài cơ thể.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1242

尴尬
gān gà

Xấu hổ

在面对复杂的挑战时，保持尴尬的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí gān gà de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Xấu hổ đặc biệt quan trọng.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1243

赶赴
gǎnfù

nhanh chóng lên đường tới, vội vã tới hiện trường

在接到大科学装置现场突发技术告警后，专家应急抢险组连夜顶风冒雨赶赴戈壁实验现场排险攻关。
Zài jiē dào dà kē xué zhuāng zhì xiàn chǎng tū fā jì shù gào jǐng hòu, zhuān jiā yìng jí qiǎng xiǎn zǔ lián yè dǐng fēng mào yǔ gǎn fù gē bì shí yàn xiàn chǎng pái xiǎn gōng guān.
Sau khi nhận được cảnh báo kỹ thuật đột xuất tại hiện trường thiết bị khoa học lớn, Tổ Cứu hộ Khẩn cấp Chuyên gia đã đội gió đội mưa thức thâu đêm nhanh chóng lên đường tới vội vã tới hiện trường thực nghiệm sa mạc Gobi để khắc phục sự cố vượt khó.

20 nét | HÁN VIỆT : CẢN PHÓ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1244

赶往
gǎnwǎng

vội vã đi tới, hối hả đến, nhanh chóng di chuyển đến

深空探测着陆回收搜救分队搭载多架全天候直升机第一时间全速赶往内蒙古四子王旗预定着陆落点区域。
Shēn kōng tàn cè zhuó lù huí shōu sōu jiù fēn duì dā zài duō jià quán tiān hòu zhí shēng jī dì yī shí jiān quán sù gǎn wǎng nèi méng gǔ sì zi wáng qí yù dìng zhuó lù luò diǎn qū yù.
Phân đội tìm kiếm cứu hộ thu hồi tàu hạ cánh thám trắc không gian sâu gắn trên nhiều máy bay trực thăng mọi thời tiết đã lập tức hết tốc lực vội vã đi tới hối hả đến khu vực điểm rơi hạ cánh định sẵn tại Tứ Tử Vương Kỳ thuộc Nội Mông.

23 nét | HÁN VIỆT : CẢN VÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1245

敢情
gǎnqing

hóa ra, thì ra là (khẩu ngữ phương ngôn biểu thị vỡ lẽ)

经过连夜多维度物理排查，工程师恍然大悟：“敢情这个偶发干扰信号不是外部噪声，而是粒子探测器的高阶共振响应！”
Jīng guò lián yè duō wéi dù wù lǐ pái chá, gōng chéng shī huǎng rán dà wù : "gǎn qíng zhè ge ǒu fā gān rǎo xìn hào bú shì wài bù zào shēng, ér shì lì zi tàn cè qì de gāo jié gòng zhèn xiǎng yìng!"
Trải qua một đêm rà soát vật lý đa chiều, các kỹ sư vỡ lẽ bừng tỉnh: 'Hóa ra thì ra là tín hiệu can nhiễu ngẫu phát này không phải là tiếng ồn bên ngoài, mà là phản hồi cộng hưởng bậc cao của máy dò hạt!'

21 nét | HÁN VIỆT : CẢM TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1246

感
gǎn

cảm giác, cảm xúc cảm động; cảm nhận (gǎnjué)

广大青年科技工作者把强烈的历史使命感与责任感转化为攀登世界科技最高峰的无穷强大力量。
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě bǎ qiáng liè de lì shǐ shǐ mìng gǎn yǔ zé rèn gǎn zhuǎn huà wèi pān dēng shì jiè kē jì zuì gāo fēng de wú qióng qiáng dà lì liàng.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi biến cảm giác sứ mệnh lịch sử và cảm xúc tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ thành sức mạnh vô tận to lớn trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới.

14 nét | HÁN VIỆT : CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1247

感触
gǎnchù

cảm xúc, cảm nghĩ trải nghiệm sâu sắc, nỗi niềm cảm nhận

在回顾几十年前一穷二白起步研制国之重器的峥嵘岁月时，老院士深有感触地勉励年轻一代要自立自强。
Zài huí gù jǐ shí nián qián yī qióng èr bái qǐ bù yán zhì guó zhī zhòng qì de zhēng róng suì yuè shí, lǎo yuàn shì shēn yǒu gǎn chù dì miǎn lì nián qīng yí dài yào zì lì zì qiáng.
Khi hồi tưởng lại những năm tháng chông gai tráng lệ bắt đầu từ hai bàn tay trắng nghèo nàn nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia mấy chục năm trước, vị Viện sĩ lão thành dạt dào cảm xúc cảm nhận sâu sắc động viên thế hệ trẻ phải tự chủ tự cường.

23 nét | HÁN VIỆT : CẢM XÚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1248

感恩
gǎn'ēn

biết ơn, cảm ân tri ân tấm lòng

青年科学家时刻怀着一颗对党和国家悉心培养的感恩之心，用扎扎实实的重大原始创新成果回报人民。
Qīng nián kē xué jiā shí kè huái zhe yī kē duì dǎng hé guó jiā xī xīn péi yǎng de gǎn ēn zhī xīn, yòng zhā zhā shí shí de zhòng dà yuán shǐ chuàng xīn chéng guǒ huí bào rén mín.
Các nhà khoa học trẻ luôn ôm ấp một tấm lòng biết ơn cảm ân tri ân đối với sự tận tâm bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước, dùng những thành quả đổi mới sáng tạo nguyên bản trọng đại chắc chắn vững vàng để báo đáp nhân dân.

28 nét | HÁN VIỆT : CẢM ÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1249

感激
gǎn jī

cảm kích, biết ơn sâu sắc

每当回忆起导师当年在学术道路上对自己悉心指点与倾囊相授，他心中总是充满着由衷的感激。
Měi dāng huí yì qǐ dǎo shī dāng nián zài xué shù dào lù shàng duì zì jǐ xī xīn zhǐ diǎn yǔ qīng náng xiāng shòu, tā xīn zhōng zǒng shì chōng mǎn zhe yóu zhōng de gǎn jī.
Mỗi khi hồi tưởng lại sự tận tình chỉ bảo và truyền dạy hết mình của người thầy kính yêu trên con đường học thuật năm xưa, trong lòng anh luôn đong đầy sự cảm kích sâu sắc tận đáy lòng.

28 nét | HÁN VIỆT : CẢM KÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1250

感慨
gǎn kǎi

cảm khái, bồi hồi xúc động, cảm thán

抚今追昔，回顾国家从一穷二白走向繁荣富强的壮阔历史巨变，老一代建设者们无不心潮澎湃、万千感慨。
Fǔ jīn zhuī xī, huí gù guó jiā cóng yī qióng èr bái zǒu xiàng fán róng fù qiáng de zhuàng kuò lì shǐ jù biàn, lǎo yí dài jiàn shè zhě men wú bù xīn cháo péng pài, wàn qiān gǎn kǎi.
Nhìn lại quá khứ đối chiếu với hôm nay, nhìn lại sự chuyển biến lịch sử vĩ đại của đất nước từ thuở hai bàn tay trắng tiến tới phồn vinh giàu mạnh, những người xây dựng thế hệ đi trước ai nấy đều dạt dào cảm xúc bồi hồi, muôn vàn cảm khái.

24 nét | HÁN VIỆT : CẢM KHÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1251

感染
gǎn rǎn

nhiễm khuẩn, lây nhiễm; truyền cảm hứng, truyền lửa

老一辈科学家胸怀祖国、淡泊名利的崇高情怀，深深感染并激励着一代又一代青年科技工作者奋发图强。
Lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái zǔ guó, dàn bó míng lì de chóng gāo qíng huái, shēn shēn gǎn rǎn bìng jī lì zhe yí dài yòu yí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě fèn fā tú qiáng.
Tấm lòng cao đẹp luôn hướng về Tổ quốc, coi nhẹ danh lợi của các nhà khoa học tiền bối đã truyền cảm hứng sâu sắc và khích lệ biết bao thế hệ cán bộ khoa học công nghệ trẻ không ngừng phấn đấu vươn lên.

22 nét | HÁN VIỆT : CẢM NHIỄM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1252

感染力
gǎnrǎnlì

sức truyền cảm, sức lôi cuốn lay động lòng người

老科学家生动深情讲述科技报国初心使命的科学家精神主题报告，具有极强的思想震撼力与艺术感染力。
Lǎo kē xué jiā shēng dòng shēn qíng jiǎng shù kē jì bào guó chū xīn shǐ mìng de kē xué jiā jīng shén zhǔ tí bào gào, jù yǒu jí qiáng de sī xiǎng zhèn hàn lì yǔ yì shù gǎn rǎn lì.
Báo cáo chuyên đề tinh thần nhà khoa học với lời kể truyền cảm sinh động dạt dào tình cảm về sứ mệnh tâm nguyện ban đầu phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của vị nhà khoa học lão thành sở hữu sức lôi cuốn sức truyền cảm nghệ thuật và sức chấn động tư tưởng cực kỳ mạnh mẽ.

30 nét | HÁN VIỆT : CẢM NHIỄM LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1253

感叹
gǎntàn

cảm thán, than thở trầm trồ thán phục, cảm khái

目睹中国大科学装置集群拔地而起并产出世界级前沿成果，多位国际顶尖学者由衷感叹中国科技发展的惊人奇迹。
Mù dǔ zhōng guó dà kē xué zhuāng zhì jí qún bá dì ér qǐ bìng chǎn chū shì jiè jí qián yán chéng guǒ, duō wèi guó jì dǐng jiān xué zhě yóu zhōng gǎn tàn zhōng guó kē jì fā zhǎn de jīng rén qí jì.
Tận mắt chứng kiến cụm thiết bị khoa học lớn Trung Quốc mọc lên sừng sững và sản sinh ra những thành quả tiên phong tầm cỡ thế giới, nhiều học giả đỉnh cao quốc tế đã hết lòng trầm trồ thán phục cảm thán trước kỳ tích phát triển đáng kinh ngạc của khoa học công nghệ Trung Quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : CẢM THÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1254

感性
gǎnxìng

cảm tính, nhận thức cảm tính; giàu cảm xúc

科学探索既需要富有激情的感性直觉与想象力来提出假说，更需要极端严谨客观的理性数理逻辑与实验验证。
Kē xué tàn suǒ jì xū yào fù yǒu jī qíng de gǎn xìng zhí jué yǔ xiǎng xiàng lì lái tí chū jiǎ shuō, gèng xū yào jí duān yán jǐn kè guān de lǐ xìng shù lǐ luó jí yǔ shí yàn yàn zhèng.
Khám phá khoa học vừa cần đến trí tưởng tượng và trực giác cảm tính cảm tính giàu nhiệt huyết để đưa ra giả thuyết, lại càng cần đến kiểm chứng thực nghiệm và logic toán lý lý tính khách quan nghiêm cẩn tột cùng.

25 nét | HÁN VIỆT : CẢM TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1255

干部
gànbù

cán bộ, đội ngũ cán bộ công chức/quản lý

国家实验室着力锻造一支懂业务、善管理、敢担当的高素质专业化战略科技管理干部队伍。
Guó jiā shí yàn shì zhuó lì duàn zào yī zhī dǒng yè wù, shàn guǎn lǐ, gǎn dān dāng de gāo sù zhì zhuān yè huà zhàn lüè kē jì guǎn lǐ gàn bù duì wǔ.
Phòng thí nghiệm quốc gia chú trọng rèn giũa một đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ chiến lược chuyên nghiệp hóa chất lượng cao, hiểu nghiệp vụ, giỏi quản lý, dám gánh vác.

19 nét | HÁN VIỆT : CAN BỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1256

干戈
gāngē

can qua, vũ khí chiến tranh; biến can qua thành ngọc lụa

中国始终倡导以和平合作与开放包容化干戈为玉帛，坚决反对将国际科技学术合作阵营化、对抗化。
Zhōng guó shǐ zhōng chàng dǎo yǐ hé píng hé zuò yǔ kāi fàng bāo róng huà gān gē wéi yù bó, jiān jué fǎn duì jiāng guó jì kē jì xué shù hé zuò zhèn yíng huà, duì kàng huà.
Trung Quốc luôn cổ vũ việc hóa can qua thành ngọc lụa (biến xung đột thành hòa bình hữu nghị) bằng bao dung mở cửa và hợp tác hòa bình, kiên quyết phản đối việc phe phái hóa, đối kháng hóa hợp tác học thuật khoa học công nghệ quốc tế.

17 nét | HÁN VIỆT : CAN QUA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1257

干旱
gān hàn

khô hạn, hạn hán

在西北极端干旱沙漠边缘，高效膜下滴灌与耐旱节水农业技术的推广让昔日荒漠变成了丰饶良田。
Zài xī běi jí duān gān hàn shā mò biān yuán, gāo xiào mó xià dī guàn yǔ nài hàn jié shuǐ nóng yè jì shù de tuī guǎng ràng xī rì huāng mò biàn chéng le fēng ráo liáng tián.
Nơi rìa sa mạc khô hạn cực đoan vùng Tây Bắc, việc nhân rộng kỹ thuật nông nghiệp tưới nhỏ giọt dưới màng phủ hiệu quả cao cùng cây trồng kháng hạn tiết kiệm nước đã biến vùng đất hoang mạc năm xưa thành những cánh đồng màu mỡ trù phú.

17 nét | HÁN VIỆT : CAN HẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1258

干事
gànshì

làm việc hành sự; cán sự nhân viên chuyên trách (gànshi)

我们要全面树立重实干、重实绩的用人导向，让真正想干事、能干事、干成事的优秀青年科技人才脱颖而出。
Wǒ men yào quán miàn shù lì zhòng shí gàn, zhòng shí jì de yòng rén dǎo xiàng, ràng zhēn zhèng xiǎng gàn shì, néng gàn shì, gàn chéng shì de yōu xiù qīng nián kē jì rén cái tuō yǐng ér chū.
Chúng ta phải xác lập toàn diện định hướng dùng người coi trọng thành tích thực tế, coi trọng làm việc thực chất, để các nhân tài khoa học công nghệ trẻ xuất sắc thực sự muốn làm việc hành sự, có thể làm việc và làm thành việc lớn được nổi bật vươn lên.

19 nét | HÁN VIỆT : CAN SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1259

干燥
gān zào

khô hanh, khô ráo

北方秋冬季节空气格外干燥，室内可以摆放一台加湿器并适量多补充温水。
Běi fāng qiū dōng jì jié kōng qì gé wài gān zào, shì nèi kě yǐ bǎi fàng yī tái jiā shī qì bìng shì liàng duō bǔ chōng wēn shuǐ.
Mùa thu đông ở phương Bắc không khí rất khô hanh, trong phòng có thể đặt một chiếc máy phun sương tạo ẩm và chú ý uống nhiều nước ấm.

18 nét | HÁN VIỆT : CAN TÁO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1260

刚毅
gāngyì

cương nghị, kiên cường kiên nghị sắt đá

面对外部极限封锁与严峻技术挑战，总设计师以坚定的眼神与刚毅的性格激励着整个科研团队勇往直前。
Miàn duì wài bù jí xiàn fēng suǒ yǔ yán jùn jì shù tiǎo zhàn, zǒng shè jì shī yǐ jiān dìng de yǎn shén yǔ gāng yì de xìng gé jī lì zhe zhěng gè kē yán tuán duì yǒng wǎng zhí qián.
Đứng trước thử thách công nghệ gay gắt và sự phong tỏa giới hạn từ bên ngoài, vị Tổng Thiết kế bằng tính cách cương nghị kiên cường sắt đá cùng ánh mắt kiên định đã khích lệ toàn bộ đội ngũ nghiên cứu khoa học dũng cảm tiến lên phía trước.

22 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG NGHỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1261

杠铃
gànglíng

tạ đòn, cây tạ đòn tập thể lực

为了保持高强度航天任务中的强健体魄与骨密度，空间站航天员每天严格使用特制太空微重力杠铃阻抗锻炼器材进行抗阻训练。
Wèi le bǎo chí gāo qiáng dù háng tiān rèn wù zhōng de qiáng jiàn tǐ pò yǔ gǔ mì dù, kōng jiān zhàn háng tiān yuán měi tiān yán gé shǐ yòng tè zhì tài kōng wēi zhòng lì gàng líng zǔ kàng duàn liàn qì cái jìn xíng kàng zǔ xùn liàn.
Để duy trì mật độ xương và thể phách tráng kiện trong các nhiệm vụ hàng không vũ trụ cường độ cao, các phi hành gia trạm vũ trụ mỗi ngày đều thực hiện nghiêm ngặt việc rèn luyện kháng trở bằng thiết bị tập luyện sức cản tạ đòn cây tạ đòn vi trọng lực không gian chuyên dụng.

23 nét | HÁN VIỆT : GIANG LINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1262

纲领
gāng lǐng

cương lĩnh, cương lĩnh hành động chiến lược

全党全国各族人民必须始终坚持党的基本路线与行动纲领，坚定不移沿着中国特色社会主义道路勇毅前行。
Quán dǎng quán guó gè zú rén mín bì xū shǐ zhōng jiān chí dǎng de jī běn lù xiàn yǔ xíng dòng gāng lǐng, jiān dìng bù yí yán zhe zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù yǒng yì qián xíng.
Toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước bắt buộc phải luôn luôn kiên trì đường lối cơ bản và cương lĩnh hành động của Đảng, kiên định không ngừng dũng cảm tiến bước trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc.

19 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG LĨNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1263

纲要
gāngyào

cương yếu, đề cương quy hoạch tổng thể, cương lĩnh

国家中长期科学和技术发展规划纲要为我国加快建设世界科技强国绘制了宏伟的战略路线图与任务书。
Guó jiā zhōng cháng qī kē xué hé jì shù fā zhǎn guī huà gāng yào wèi wǒ guó jiā kuài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó huì zhì le hóng wěi de zhàn lüè lù xiàn tú yǔ rèn wù shū.
Cương yếu Đề cương Quy hoạch Phát triển Khoa học và Kỹ thuật Trung và Dài hạn Quốc gia đã vẽ nên tập nhiệm vụ và bản đồ lộ trình chiến lược hùng vĩ cho việc đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới của nước ta.

24 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG YẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1264

缸
gāng

chum, vại lu thùng; xi-lanh buồng đốt (qìgāng)

在航空发动机极限热力学试验中，高压燃烧室特种耐高温合金气缸经受住了数千度极限高温燃气的剧烈冲击。
Zài háng kōng fā dòng jī jí xiàn rè lì xué shì yàn zhōng, gāo yā rán shāo shì tè zhǒng nài gāo wēn hé jīn qì gāng jīng shòu zhù le shù qiān dù jí xiàn gāo wēn rán qì de jù liè chōng jī.
Trong thử nghiệm nhiệt động học giới hạn động cơ hàng không, xi-lanh buồng đốt hợp kim chịu nhiệt độ cao đặc chủng của buồng đốt cao áp đã chịu đựng được sự xung kích dữ dội của khí cháy nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ.

12 nét | HÁN VIỆT : CANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1265

钢
gāng

thép, thép hợp kim kim loại thép

我国成功研制出用于深海万米载人潜水器耐压球舱制造的特种超高强度高韧性钛合金与特种高纯超强钢。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū yòng yú shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì nài yā qiú cāng zhì zào de tè zhǒng chāo gāo qiáng dù gāo rèn xìng tài hé jīn yǔ tè zhǒng gāo chún chāo qiáng gāng.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công thép thép siêu cường độ tinh khiết cao đặc chủng cùng hợp kim titan độ dẻo dai cao cường độ siêu cao đặc chủng dùng cho chế tạo khoang cấu chịu áp tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

13 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1266

港
gǎng

cảng, hải cảng cảng biển (nghĩa đen/bóng)

全国首个全自动化全流程无人智慧集装箱深水大港全面应用了完全自主研发的高通量智能物联网调度大脑。
Quán guó shǒu gè quán zì dòng huà quán liú chéng wú rén zhì huì jí zhuāng xiāng shēn shuǐ dà gǎng quán miàn yìng yòng le wán quán zì zhǔ yán fā de gāo tōng liàng zhì néng wù lián wǎng diào dù dà nǎo.
Cảng biển nước sâu container thông minh không người toàn bộ quy trình tự động hóa hoàn toàn đầu tiên trên toàn quốc đã ứng dụng toàn diện bộ não điều phối Internet vạn vật (IoT) thông minh thông lượng cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

12 nét | HÁN VIỆT : CẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1267

高昂
gāo'áng

hừng hực, dâng cao ngút trời (tinh thần); đắt đỏ cao ngất (giá)

全体大科学工程参建人员始终保持着昂扬向上的斗志与高昂的工作热情，攻克了一道道重大技术险关。
Quán tǐ dà kē xué gōng chéng cān jiàn rén yuán shǐ zhōng bǎo chí zhe áng yáng xiàng shàng de dòu zhì yǔ gāo áng de gōng zuò rè qíng, gōng kè le yī dào dào zhòng dà jì shù xiǎn guān.
Toàn thể những người tham gia xây dựng công trình khoa học lớn luôn giữ vững nhiệt huyết công tác dâng cao ngút trời hừng hực cùng ý chí chiến đấu vươn lên hừng hực, chinh phục từng ải hiểm nguy công nghệ trọng đại.

26 nét | HÁN VIỆT : CAO NGANG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1268

高傲
gāo'ào

kiêu ngạo, ngạo mạn kiêu kỳ

大科学攻关团队面对取得的重大突破从不沾沾自喜、高傲自满，而是始终保持谦虚谨慎、严谨求实的科学作风。
Dà kē xué gōng guān tuán duì miàn duì qǔ dé de zhòng dà tū pò cóng bù zhān zhān zì xǐ, gāo ào zì mǎn, ér shì shǐ zhōng bǎo chí qiān xū jǐn shèn, yán jǐn qiú shí de kē xué zuò fēng.
Đội ngũ vượt khó khoa học lớn khi đối mặt với những đột phá trọng đại đạt được không bao giờ tự đắc vênh váo, kiêu ngạo kiêu ngạo tự mãn, mà luôn giữ trọn tác phong khoa học cẩu thị nghiêm cẩn, khiêm tốn cẩn trọng.

23 nét | HÁN VIỆT : CAO NGẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1269

高超
gāo chāo

cao siêu, siêu phàm, tuyệt đỉnh (tay nghề, kỹ nghệ)

心血管外科专家凭借极其高超精湛的微创手术技艺，成功为百岁高龄危重患者实施了复杂心脏搭桥手术。
Xīn xuè guǎn wài kē zhuān jiā píng jiè jí qí gāo chāo jīng zhàn de wēi chuàng shǒu shù jì yì, chéng gōng wèi bǎi suì gāo líng wēi zhòng huàn zhě shí shī le fù zá xīn zàng dā qiáo shǒu shù.
Chuyên gia phẫu thuật ngoại khoa tim mạch nhờ vào tay nghề phẫu thuật xâm lấn tối thiểu vô cùng cao siêu tinh xảo đã phẫu thuật bắc cầu mạch vành phức tạp thành công cho một bệnh nhân nguy kịch trăm tuổi.

26 nét | HÁN VIỆT : CAO SIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Phó từ | #1270

高低
gāodī

cao thấp, mức độ nông sâu trình độ; sống chết thế nào cũng (khẩu ngữ)

科学评价体系不应简单看发表论文数量的高低多少，而应把解决实际重大科学问题与技术突破作为核心价值导向。
Kē xué píng jià tǐ xì bù yīng jiǎn dān kàn fā biǎo lùn wén shù liàng de gāo dī duō shǎo, ér yīng bǎ jiě jué shí jì zhòng dà kē xué wèn tí yǔ jì shù tū pò zuò wéi hé xīn jià zhí dǎo xiàng.
Hệ thống đánh giá khoa học không nên nhìn một cách đơn giản vào mức độ nông sâu cao thấp cao thấp hay số lượng nhiều ít của bài báo công bố, mà cần lấy việc giải quyết vấn đề khoa học trọng đại thực tế và đột phá công nghệ làm định hướng giá trị cốt lõi.

24 nét | HÁN VIỆT : CAO ĐÊ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1271

高调
gāodiào

phô trương rùm beng, ồn ào khoe mẽ, đao to búa lớn

真正具有战略眼光的顶级科学家从不搞虚浮夸张的高调宣传，而是数十载如一日心无旁骛潜心攻坚。
Zhēn zhèng jù yǒu zhàn lüè yǎn guāng de dǐng jí kē xué jiā cóng bù gǎo xū fú kuā zhāng de gāo diào xuān chuán, ér shì shù shí zài rú yī rì xīn wú páng wù qián xīn gōng jiān.
Những nhà khoa học đỉnh cao thực sự sở hữu tầm nhìn chiến lược không bao giờ làm tuyên truyền ồn ào khoe mẽ phô trương rùm beng đao to búa lớn phù phiếm phóng đại, mà mấy chục năm như một ngày toàn tâm toàn ý chuyên tâm vượt khó.

25 nét | HÁN VIỆT : CAO ĐIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1272

高额
gāo'é

khoản tiền lớn, số tiền cao ngất ngưởng, giá trị cao

针对个别企业恶意侵害国家重大战略技术发明专利的侵权违法行为，司法机关依法判处了高额惩罚性赔偿。
Zhēn duì gè bié qǐ yè è yì qīn hài guó jiā zhòng dà zhàn lüè jì shù fā míng zhuān lì de qīn quán wéi fǎ xíng wéi, sī fǎ jī guān yī fǎ pàn chǔ le gāo é chéng fá xìng péi cháng.
Đối với hành vi vi phạm pháp luật xâm quyền ác ý xâm phạm bằng sáng chế phát minh công nghệ chiến lược trọng đại của quốc gia của một số doanh nghiệp, cơ quan tư pháp theo đúng pháp luật đã phán quyết mức bồi thường mang tính trừng phạt số tiền cao ngất ngưởng khoản tiền lớn.

24 nét | HÁN VIỆT : CAO NGẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1273

高尔夫球
gāo'ěrfūqiú

môn đánh golf, quả bóng golf

新型超轻微晶碳纤维复合材料制备技术最初源于航天减重工程，如今已成功外溢推广到高端高尔夫球具与精密体育装备制造领域。
Xīn xíng chāo qīng wēi jīng tàn xiān wéi fù hé cái liào zhì bèi jì shù zuì chū yuán yú háng tiān jiǎn zhòng gōng chéng, rú jīn yǐ chéng gōng wài yì tuī guǎng dào gāo duān gāo ěr fū qiú jù yǔ jīng mì tǐ yù zhuāng bèi zhì zào lǐng yù.
Công nghệ điều chế vật liệu composite sợi carbon vi tinh thể siêu nhẹ kiểu mới ban đầu bắt nguồn từ công trình giảm tải trọng hàng không vũ trụ, ngày nay đã lan tỏa nhân rộng thành công sang lĩnh vực chế tạo trang thiết bị thể thao chính xác và dụng cụ đánh golf môn đánh golf cao cấp.

35 nét | HÁN VIỆT : CAO NHĨ PHU CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1274

高峰期
gāofēngqī

giai đoạn cao điểm, giờ cao điểm, thời kỳ đỉnh điểm

在大科学工程全系统联调测试的高峰期，数百位多学科交叉科学家与工程师二十四小时三班倒连续奋战。
Zài dà kē xué gōng chéng quán xì tǒng lián diào cè shì de gāo fēng qī, shù bǎi wèi duō xué kē jiāo chā kē xué jiā yǔ gōng chéng shī èr shí sì xiǎo shí sān bān dǎo lián xù fèn zhàn.
Trong giai đoạn cao điểm thời kỳ đỉnh điểm kiểm tra thử nghiệm liên kết hiệu chỉnh toàn hệ thống của công trình khoa học lớn, hàng trăm nhà khoa học và kỹ sư liên ngành đã chiến đấu liên tục 24/24 theo ba ca xoay vòng.

35 nét | HÁN VIỆT : CAO PHONG KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1275

高贵
gāo guì

cao quý

在面对复杂的挑战时，保持高贵的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo guì de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao quý đặc biệt quan trọng.

23 nét | HÁN VIỆT : CAO QUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1276

高空
gāokōng

trên không, tầm cao trên không, không trung tầm cao

我国成功研制出全球领先的高空平流层长航时太阳能无人科学试验飞机，实现了超长周期对地综合遥感观测。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū quán qiú lǐng xiān de gāo kōng píng liú céng zhǎng háng shí tài yáng néng wú rén kē xué shì yàn fēi jī, shí xiàn le chāo cháng zhōu qī duì dì zōng hé yáo gǎn guān cè.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công máy bay thử nghiệm khoa học không người lái năng lượng Mặt trời bay lâu trong tầng bình lưu trên không không trung tầm cao hàng đầu thế giới, thực hiện quan trắc viễn thám tổng hợp đối với mặt đất trong chu kỳ siêu dài.

23 nét | HÁN VIỆT : CAO KHÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1277

高龄
gāolíng

cao tuổi, thượng thọ tuổi cao

多位年逾八旬的高龄功勋院士依然坚持每周亲临大科学装置建设工地靠前指导，令在场青年学者深受触动。
Duō wèi nián yú bā xún de gāo líng gōng xūn yuàn shì yī rán jiān chí měi zhōu qīn lín dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè gōng dì kào qián zhǐ dǎo, lìng zài chǎng qīng nián xué zhě shēn shòu chù dòng.
Nhiều Viện sĩ có công lao tuổi cao cao tuổi thượng thọ đã ngoài 80 tuổi vẫn kiên trì hàng tuần đích thân đến công trường xây dựng thiết bị khoa học lớn trực tiếp tuyến trước chỉ đạo, khiến các học giả trẻ có mặt tại hiện trường vô cùng xúc động.

27 nét | HÁN VIỆT : CAO LINH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1278

高明
gāo míng

cao minh, sáng suốt, thâm thúy tinh tế

在这场复杂多变的多边外交博弈中，代表团采取了极其高明灵活的谈判策略，成功化解了双方的战略分歧。
Zài zhè chǎng fù zá duō biàn de duō biān wài jiāo bó yì zhōng, dài biǎo tuán cǎi qǔ le jí qí gāo míng líng huó de tán pàn cè lüè, chéng gōng huà jiě le shuāng fāng de zhàn lüè fēn qí.
Trong cuộc đọ sức ngoại giao đa phương biến đổi phức tạp này, đoàn đại biểu đã áp dụng sách lược đàm phán vô cùng cao minh linh hoạt, hóa giải thành công những bất đồng chiến lược giữa hai bên.

24 nét | HÁN VIỆT : CAO MINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1279

高山
gāoshān

núi cao, non cao hùng vĩ (nghĩa đen/bóng)

建在海拔四千米雪域高山之巅的大科学天文观测台，以其极佳的大气视宁度捕获了宇宙深处最遥远星系的超清图像。
Jiàn zài hǎi bá sì qiān mǐ xuě yù gāo shān zhī diān de dà kē xué tiān wén guān cè tái, yǐ qí jí jiā de dà qì shì níng dù bǔ huò le yǔ zhòu shēn chù zuì yáo yuǎn xīng xì de chāo qīng tú xiàng.
Đài quan trắc thiên văn khoa học lớn xây dựng trên đỉnh núi cao non cao vùng tuyết phủ ở độ cao 4000 mét so với mực nước biển, nhờ độ tĩnh thị quyển khí quyển tuyệt vời đã bắt trọn hình ảnh siêu nét của các thiên hà xa xôi nhất nơi sâu thẳm vũ trụ.

27 nét | HÁN VIỆT : CAO SƠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1280

高效
gāoxiào

hiệu quả cao, hiệu suất cao

国家超级计算中心研发出的新一代分布式异构并行算法，实现了对复杂前沿流体力学大模型的高效并行求解。
Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn yán fā chū de xīn yí dài fēn bù shì yì gòu bìng xíng suàn fǎ, shí xiàn le duì fù zá qián yán liú tǐ lì xué dà mó xíng de gāo xiào bìng xíng qiú jiě.
Thuật toán song song dị cấu phân tán thế hệ mới do Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia nghiên cứu phát triển đã thực hiện việc giải song song hiệu quả cao hiệu suất cao đối với mô hình lớn cơ học chất lưu tiên phong phức tạp.

22 nét | HÁN VIỆT : CAO HIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1281

高新技术
gāoxīnjìshù

công nghệ cao mới, công nghệ cao tiên tiến

我国以高新技术产业为核心引擎加快培育新质生产力，战略性新兴产业增加值占国内生产总值比重持续攀升。
Wǒ guó yǐ gāo xīn jì shù chǎn yè wèi hé xīn yǐn qíng jiā kuài péi yù xīn zhì shēng chǎn lì, zhàn lüè xīng xīn xīng chǎn yè zēng jiā zhí zhàn guó nèi shēng chǎn zǒng zhí bǐ zhòng chí xù pān shēng.
Nước ta lấy ngành công nghệ cao mới làm động cơ cốt lõi để đẩy nhanh ươm mầm lực lượng sản xuất chất lượng mới, tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành nghề mới nổi chiến lược trong GDP tiếp tục leo dốc tăng trưởng.

35 nét | HÁN VIỆT : CAO TÂN KỸ THUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1282

高血压
gāoxuèyā

cao huyết áp, bệnh huyết áp cao

国家心血管临床医学研究中心研发出基于可穿戴生物传感器的个性化智能降压闭环调控系统，有效降低了高血压并发症风险。
Guó jiā xīn xuè guǎn lín chuáng yī xué yán jiū zhōng xīn yán fā chū jī yú kě chuān dài shēng wù chuán gǎn qì de gè xìng huà zhì néng jiàng yā bì huán tiáo kòng xì tǒng, yǒu xiào jiàng dī le gāo xuè yā bìng fā zhèng fēng xiǎn.
Trung tâm Nghiên cứu Y học Lâm sàng Tim mạch Quốc gia đã nghiên cứu phát triển hệ thống điều tiết kiểm soát khép kín hạ áp thông minh cá nhân hóa dựa trên cảm biến sinh học đeo trên người, giảm thiểu hiệu quả nguy cơ biến chứng bệnh cao huyết áp cao huyết áp.

35 nét | HÁN VIỆT : CAO HUYẾT ÁP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1283

高压
gāoyā

cao áp, áp suất cao; điện áp cao (gāoyādiàn)

大科学装置超高压极端物理实验室成功在数百万大气压极限超高压环境下合成了具有奇特拓扑物性的新型固态氢材料。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo yā jí duān wù lǐ shí yàn shì chéng gōng zài shù bǎi wàn dà qì yā jí xiàn chāo gāo yā huán jìng xià hé chéng le jù yǒu qí tè tuò pū wù xìng de xīn xíng gù tài qīng cái liào.
Phòng thí nghiệm vật lý cực đoan siêu cao áp của thiết bị khoa học lớn đã tổng hợp thành công vật liệu hydro thể rắn kiểu mới sở hữu tính chất vật lý tô-pô kỳ lạ dưới môi trường siêu cao áp cao áp giới hạn hàng triệu áp-mốt-phe.

24 nét | HÁN VIỆT : CAO ÁP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1284

高雅
gāoyǎ

tao nhã, thanh tao trang nhã cao quý

老一辈科学家不仅在学术上前沿卓越，更有着高雅脱俗的文化艺术修养与虚怀若谷的君子之风。
Lǎo yī bèi kē xué jiā bù jǐn zài xué shù shàng qián yán zhuó yuè, gèng yǒu zhe gāo yǎ tuō sú de wén huà yì shù xiū yǎng yǔ xū huái ruò gǔ de jūn zǐ zhī fēng.
Các nhà khoa học tiền bối không chỉ tiên phong trác việt trong học thuật, mà càng sở hữu phong thái quân tử khiêm tốn như thung lũng rỗng cùng sự tu dưỡng nghệ thuật văn hóa thanh tao tao nhã thoát tục.

28 nét | HÁN VIỆT : CAO NHÃ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1285

高涨
gāo zhǎng

dâng cao, cuộn trào, tăng mạnh (nhiệt tình, tinh thần)

面对突如其来的国家级工程攻坚任务，全体科研人员士气高涨、夜以继日地奋战在实验测试第一线。
Miàn duì tū rú qí lái de guó jiā jí gōng chéng gōng jiān rèn wù, quán tǐ kē yán rén yuán shì qì gāo zhǎng, yè yǐ jì rì dì fèn zhàn zài shí yàn cè shì dì yī xiàn.
Đứng trước nhiệm vụ vượt khó công trình cấp quốc gia bất ngờ ập đến, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học sĩ khí dâng cao ngùn ngụt, ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu kiểm thử thực nghiệm.

24 nét | HÁN VIỆT : CAO TRƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1286

搞鬼
gǎoguǐ

giở trò ma mãnh, giở trò gian lận lén lút (khẩu ngữ)

国家网络空间防御平台凭借完全自主可控的大模型流量监测引擎，瞬间识别出境外敌对势力在幕后搞鬼发起的数据篡改攻击。
Guó jiā wǎng luò kōng jiān fáng yù píng tái píng jiè wán quán zì zhǔ kě kòng de dà mó xíng liú liàng jiān cè yǐn qíng, shùn jiān shí bié chū jìng wài dí duì shì lì zài mù hòu gǎo guǐ fā qǐ de shù jù cuàn gǎi gōng jī.
Nền tảng phòng thủ không gian mạng quốc gia dựa vào công cụ giám sát lưu lượng mô hình lớn tự chủ kiểm soát hoàn toàn đã nhận diện trong tích tắc cuộc tấn công xuyên tạc dữ liệu do các thế lực thù địch nước ngoài giở trò ma mãnh giở trò gian lận đứng sau hậu trường phát động.

20 nét | HÁN VIỆT : CẢO QUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1287

搞笑
gǎoxiào

hài hước, chọc cười gây cười vui nhộn

青年科学家在科普短视频中运用生动幽默甚至略带搞笑的趣味情景剧，将晦涩深奥的量子物理知识讲得通俗易懂。
Qīng nián kē xué jiā zài kē pǔ duǎn shì pín zhōng yùn yòng shēng dòng yōu mò shèn zhì lüè dài gǎo xiào de qù wèi qíng jǐng jù, jiāng huì sè shēn ào de liàng zǐ wù lǐ zhī shí jiǎng dé tōng sú yì dǒng.
Các nhà khoa học trẻ trong video ngắn phổ biến khoa học đã vận dụng các vở kịch tình huống thú vị sinh động hài hước thậm chí hơi có phần chọc cười gây cười hài hước, giảng giải kiến thức vật lý lượng tử sâu xa tối nghĩa thành dễ hiểu gần gũi.

24 nét | HÁN VIỆT : CẢO TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1288

告
gào

kiện

老师鼓励大家积极告，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gào， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực kiện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : CÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1289

告辞
gào cí

cáo từ, xin phép ra về, chào tạm biệt

在与老科学家进行了一下午深入热烈的学术探讨后，青年学者起身躬身告辞、依依不舍。
Zài yǔ lǎo kē xué jiā jìn xíng le yī xià wǔ shēn rù rè liè de xué shù tàn tǎo hòu, qīng nián xué zhě qǐ shēn gōng shēn gào cí, yī yī bù shě.
Sau cả một buổi chiều cùng vị nhà khoa học lão thành thảo luận học thuật chuyên sâu và sôi nổi, nhà nghiên cứu trẻ tuổi đứng dậy cúi mình cáo từ xin phép ra về trong niềm lưu luyến không nỡ rời.

22 nét | HÁN VIỆT : CÁO TỪ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1290

告诫
gào jiè

răn dạy, cảnh báo, khuyên răn

老一辈院士常常严肃告诫年轻科研人员，必须沉下心来耐得住寂寞，绝不能在学术道路上急功近利、弄虚作假。
Lǎo yī bèi yuàn shì cháng cháng yán sù gào jiè nián qīng kē yán rén yuán, bì xū chén xià xīn lái nài dé zhù jì mò, jué bù néng zài xué shù dào lù shàng jí gōng jìn lì, nòng xū zuò jiǎ.
Viện sĩ thế hệ đi trước thường nghiêm túc khuyên răn răn dạy các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi bắt buộc phải lắng lòng chịu đựng sự cô đơn tịch mịch, tuyệt đối không thể hám lợi trước mắt hay gian dối làm giả trên con đường học thuật.

20 nét | HÁN VIỆT : CÁO GIỚI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1291

告示
gàoshì

thông cáo, bảng yết thị thông báo

国家重大前沿实验室正式向全球青年学者发布开放课题申报告示，设立千万级专项基金资助国际自由探索。
Guó jiā zhòng dà qián yán shí yàn shì zhèng shì xiàng quán qiú qīng nián xué zhě fā bù kāi fàng kè tí shēn bào gào shì, shè lì qiān wàn jí zhuān xiàng jī jīn zī zhù guó jì zì yóu tàn suǒ.
Phòng thí nghiệm tiên phong trọng đại quốc gia đã chính thức ban bố bảng yết thị thông cáo thông báo đăng ký đề tài mở tới các học giả trẻ toàn cầu, thành lập quỹ chuyên án cấp chục triệu để tài trợ tìm tòi tự do quốc tế.

23 nét | HÁN VIỆT : CÁO THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1292

告知
gàozhī

thông báo cho biết, báo tin cho hay

当深空探测指挥控制中心正式告知着陆器已平稳降落火星表面的捷报时，全场科研人员爆发出雷鸣般的掌声。
Dāng shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn zhèng shì gào zhī zhuó lù qì yǐ píng wěn jiàng luò huǒ xīng biǎo miàn de jié bào shí, quán chǎng kē yán rén yuán bào fā chū léi míng bān de zhǎng shēng.
Khi Trung tâm Chỉ huy Điều khiển Thám trắc Không gian Sâu chính thức thông báo cho biết báo tin cho hay tin thắng trận tàu hạ cánh đã đáp êm thuận xuống bề mặt Sao Hỏa, toàn trường cán bộ nghiên cứu khoa học đã bùng lên tràng pháo tay như sấm dậy.

25 nét | HÁN VIỆT : CÁO TRI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1293

告状
gàozhuàng

kiện cáo, mách tội tố cáo khiếu nại

面对某些西方企业无理向国际贸易仲裁机构恶意告状索赔，我国科技骨干企业凭借完整的自主专利链条赢得全面胜诉。
Miàn duì mǒu xiē xī fāng qǐ yè wú lǐ xiàng guó jì mào yì zhòng cái jī gòu è yì gào zhuàng suǒ péi, wǒ guó kē jì gǔ gàn qǐ yè píng jiè wán zhěng de zì zhǔ zhuān lì liàn tiáo yíng dé quán miàn shèng sù.
Đứng trước việc một số doanh nghiệp phương Tây kiện cáo mách tội khiếu nại ác ý đòi bồi thường vô lý lên Cơ quan Trọng tài Thương mại Quốc tế, doanh nghiệp nòng cốt công nghệ nước ta dựa vào chuỗi bằng sáng chế tự chủ hoàn chỉnh đã giành toàn thắng thắng kiện toàn diện.

21 nét | HÁN VIỆT : CÁO TRẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1294

戈壁
gēbì

sa mạc Gobi, hoang mạc Gobi

数万名航天科技工作者扎根在广袤无垠的西北戈壁大漠，用青春和热血铸就了举世瞩目的两弹一星与载人航天伟业。
Shù wàn míng háng tiān kē jì gōng zuò zhě zhā gēn zài guǎng mào wú yín de xī běi gē bì dà mò, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù jiù le jǔ shì zhǔ mù di liǎng dàn yī xīng yǔ zài rén háng tiān wěi yè.
Hàng vạn những người làm khoa học công nghệ hàng không vũ trụ cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Gobi sa mạc Gobi miền Tây Bắc bao la vô tận, dùng nhiệt huyết và thanh xuân đúc kết nên đại nghiệp hàng không vũ trụ có người lái và Hai bom một vệ tinh khiến toàn thế giới phải dõi nhìn.

23 nét | HÁN VIỆT : QUA BÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1295

胳膊
gē bo

cánh tay

在进行羽毛球高远球击球动作时，要注意运用大臂带动小臂和手腕发力。
Zài jìn xíng yǔ máo qiú gāo yuǎn qiú jī qiú dòng zuò shí, yào zhù yì yùn yòng dà bì dài dòng xiǎo bì hé shǒu wàn fā lì.
Khi thực hiện động tác đánh cầu lông bổng cao xa, bạn cần chú ý dùng bắp tay kéo theo cẳng tay và cổ tay để phát lực chính xác.

25 nét | HÁN VIỆT : CÁCH BÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1296

鸽子
gē zi

chim bồ câu

一群洁白如雪的和平鸽子在蔚蓝明澈的天空中展翅翱翔，象征着全世界人民对和平的美好祈愿。
Yī qún jié bái rú xuě de hé píng gē zi zài wèi lán míng chè de tiān kōng zhōng zhǎn chì áo xiáng, xiàng zhēng zhe quán shì jiè rén mín duì hé píng de měi hǎo qí yuàn.
Đàn chim bồ câu hòa bình trắng như tuyết sải cánh bay lượn trên nền trời trong xanh vời vợi, tượng trưng cho ước nguyện hòa bình tốt đẹp của nhân dân toàn thế giới.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁP TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1297

割
gē

cắt, gặt (lúa), xẻ, cắt đứt

北斗导航农机自动驾驶系统引导着大型联合收割机在金黄色的麦浪中快速穿梭，高效完成万亩麦田麦粒收割作业。
Běi dǒu dǎo háng nóng jī zì dòng jià shǐ xì tǒng yǐn dǎo zhe dà xíng lián hé shōu gē jī zài jīn huáng sè de mài làng zhōng kuài sù chuān suō, gāo xiào wán chéng wàn mǔ mài tián mài lì shōu gē zuò yè.
Hệ thống lái tự động nông nghiệp dẫn đường Bắc Đẩu đã điều khiển máy gặt đập liên hợp cỡ lớn chạy thoăn thoắt giữa những sóng lúa mì vàng óng, hoàn thành thu hoạch lúa mì trên cánh đồng vạn mẫu với hiệu quả cực cao.

9 nét | HÁN VIỆT : CẮT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1298

搁
gē

đặt, để; gác lại, đình lại (công việc)

面对关系到人民群众切身利益的急难愁盼民生问题，必须立行立办、抓紧落实，绝不能久拖不决、随意搁置。
Miàn duì guān xì dào rén mín qún zhòng qiè shēn lì yì de jí nàn chóu pàn mín shēng wèn tí, bì xū lì xíng lì bàn, zhuā jǐn luò shí, jué bù néng jiǔ tuō bù jué, suí yì gē zhì.
Đứng trước các vấn đề dân sinh bức thiết nan giải liên quan mật thiết tới lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân, bắt buộc phải hành động ngay làm ngay, khẩn trương triển khai, tuyệt đối không thể chần chừ kéo dài hay tùy tiện gác lại.

10 nét | HÁN VIỆT : CÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1299

搁浅
gēqiǎn

mắc cạn (tàu bè/sinh vật biển); đình trệ dở dang (kế hoạch)

面对外部供应链中断险些导致重大科研项目搁浅的危机，攻坚团队发扬自力更生精神实现了核心元器件全面自主替代。
Miàn duì wài bù gōng yìng liàn zhōng duàn xiǎn xiē dǎo zhì zhòng dà kē yán xiàng mù gē qiǎn de wēi jī, gōng jiān tuán duì fā yáng zì lì gēng shēng jīng shén shí xiàn le hé xīn yuán qì jiàn quán miàn zì zhǔ tì dài.
Đứng trước nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng bên ngoài suýt nữa khiến dự án nghiên cứu khoa học trọng đại bị đình trệ dở dang mắc cạn, đội ngũ vượt khó phát huy tinh thần tự lực cánh sinh thực hiện thay thế tự chủ toàn diện các linh kiện cốt lõi.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁC TIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1300

搁置
gēzhì

gác lại, tạm hoãn để sang một bên, đình chỉ tạm thời

对于个别尚存在较大物理机理分歧的前沿假设，专家委员会建议暂时搁置争议，集中力量优先攻关紧迫工程瓶颈。
Duì yú gè bié shàng cún zài jiào dà wù lǐ jī lǐ fēn qí de qián yán jià shè, zhuān jiā wěi yuán huì jiàn yì zàn shí gē zhì zhēng yì, jí zhōng lì liàng yōu xiān gōng guān jǐn pò gōng chéng píng jīng.
Đối với một số giả thuyết tiên phong còn tồn tại bất đồng cơ chế vật lý tương đối lớn, Hội đồng Chuyên gia kiến nghị tạm thời gác lại để sang một bên các tranh cãi, tập trung lực lượng ưu tiên vượt khó nút thắt công trình cấp bách.

20 nét | HÁN VIỆT : CÁC TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1301

歌剧
gējù

vở kịch opera, ca kịch opera

在国家大剧院原创大型交响歌剧《钱学森》演出现场，老一辈科学家冲破万难毅然归国科技报国的史诗壮举令观众热泪盈眶。
Zài guó jiā dà jù yuàn yuán chuàng dà xíng jiāo xiǎng gē jù《qián xué sēn》yǎn chū xiàn chǎng, lǎo yī bèi kē xué jiā chōng pò wàn nán yì rán guī guó kē jì bào guó de shǐ shī zhuàng jù lǐng guān zhòng rè lèi yíng kuàng.
Tại hiện trường biểu diễn vở ca kịch opera kịch opera giao hưởng quy mô lớn nguyên tác 'Tiền Học Sâm' ở Nhà hát Lớn Quốc gia, kỳ tích sử thi của nhà khoa học tiền bối vượt qua muôn vàn khó khăn kiên quyết về nước phụng sự Tổ quốc bằng khoa học đã khiến khán giả lệ nhòa khóe mắt.

20 nét | HÁN VIỆT : CA KỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1302

歌颂
gē sòng

ca ngợi, ngợi ca, ca tụng

文艺工作者应当深情歌颂人民群众在推进中国式现代化进程中展现出的伟大创造精神与无私奉献风貌。
Wén yì gōng zuò zhě yīng dāng shēn qíng gē sòng rén mín qún zhòng zài tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà jìn chéng zhōng zhǎn xiàn chū de wěi dà chuàng zào jīng shén yǔ wú sī fèng xiàn fēng mào.
Các văn nghệ sĩ cần dạt dào tình cảm ngợi ca tinh thần sáng tạo vĩ đại cùng phong thái cống hiến vô tư của quần chúng nhân dân thể hiện trong tiến trình thúc đẩy hiện đại hóa đất nước.

19 nét | HÁN VIỆT : CA TỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1303

歌舞
gēwǔ

ca múa, tiết mục ca múa nhạc

在庆祝大科学工程全面投产运行的新春联欢会上，一线科研人员自编自演了富有现代科技元素的精彩歌舞节目。
Zài qìng zhù dà kē xué gōng chéng quán miàn tóu chǎn yùn xíng de xīn chūn lián huān huì shàng, yī xiàn kē yán rén yuán zì biān zì yǎn le fù yǒu xiàn dài kē jì yuán sù de jīng cǎi gē wǔ jié mù.
Tại buổi dạ hội liên hoan đón mừng xuân mới chúc mừng công trình khoa học lớn đi vào vận hành sản xuất toàn diện, những người làm nghiên cứu khoa học tuyến đầu đã tự biên tự diễn các tiết mục ca múa ca múa nhạc đặc sắc mang đậm yếu tố khoa học công nghệ hiện đại.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1304

歌咏
gēyǒng

ca ngợi, ngâm vịnh ca hát; hội thi ca hát (gēyǒng bǐsài)

在全院红歌歌咏比赛中，青年科技骨干队伍用昂扬嘹亮的歌声歌咏伟大的党和祖国，唱响科技报国的时代强音。
Zài quán yuàn hóng gē gē yǒng bǐ sài zhōng, qīng nián kē jì gǔ gàn duì wǔ yòng áng yáng liáo liàng de gē shēng gē yǒng wěi dà de dǎng hé zǔ guó, chàng xiǎng kē jì bào guó de shí dài qiáng yīn.
Trong cuộc thi ca hát ngâm vịnh ca hát nhạc đỏ toàn Viện, đội ngũ cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ tuổi bằng giọng hát vang dội hào hùng đã ca ngợi ngâm vịnh ca tụng Đảng và Tổ quốc vĩ đại, cất cao âm vang mạnh mẽ của thời đại về phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1305

革命
gé mìng

cách mạng, bước đột phá cách mạng

以生成式人工智能与量子信息为代表的新一轮科技革命，正在深刻重构全球产业生态格局。
Yǐ shēng chéng shì rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ xìn xī wèi dài biǎo de xīn yī lún kē jì gé mìng, zhèng zài shēn kè zhòng gòu quán qiú chǎn yè shēng tài gé jú.
Cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh và thông tin lượng tử đang tái cấu trúc sâu sắc cục diện hệ sinh thái công nghiệp toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Lượng từ | #1306

格
gé

ô kẻ, ô ngăn; cách thức khuôn phép, phẩm cách (gézhì)

大科学装置超精密多通道光纤阵列耦合系统要求每一格微纳光栅像素单元的物理对准精度均优于十纳米。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì duō tōng dào guāng xiān zhèn liè ǒu hé xì tǒng yāo qiú měi yī gé wēi nà guāng shān xiàng sù dān yuán de wù lǐ duì zhǔn jīng dù jūn yōu yú shí nà mǐ.
Hệ thống ghép nối cụm sợi quang đa kênh siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đòi hỏi độ chính xác căn chỉnh vật lý của mỗi một ô ngăn ô kẻ đơn vị pixel cách tử vi nano đều phải ưu việt hơn 10 nanomet.

8 nét | HÁN VIỆT : CÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1307

格格不入
gégébùrù

không hợp chút nào, hoàn toàn lạc lõng đối chọi, như nước với lửa

在崇尚客观实测真理的科学殿堂里，任何浮夸造假与形式主义学术泡沫都与严谨治学的科学家精神格格不入。
Zài chóng shàng kè guān shí cè zhēn lǐ de kē xué diàn táng lǐ, rèn hé fú kuā zào jiǎ yǔ xíng shì zhǔ yì xué shù pào mò dōu yǔ yán jǐn zhì xué de kē xué jiā jīng shén gé gé bù rù.
Trong thánh đường khoa học tôn sùng chân lý đo đạc thực tế khách quan, bất kỳ bọt bong bóng học thuật chủ nghĩa hình thức và làm giả dối trá nào cũng đều hoàn toàn lạc lõng như nước với lửa không hợp chút nào với tinh thần nhà khoa học làm học vấn nghiêm cẩn.

35 nét | HÁN VIỆT : CÁCH CÁCH BẤT NHẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1308

格局
gé jú

cục diện, bố cục, tầm vóc tầm nhìn

加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局，牢牢把握国家发展的主动权。
Jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú, láo láo bǎ wò guó jiā fā zhǎn de zhǔ dòng quán.
Đẩy nhanh xây dựng cục diện phát triển mới lấy tuần hoàn lớn nội địa làm chủ thể, tuần hoàn kép nội địa và quốc tế thúc đẩy lẫn nhau, nắm chắc quyền chủ động phát triển của đất nước.

21 nét | HÁN VIỆT : CÁCH CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1309

格式
gé shì

định dạng, khuôn dạng, mẫu chuẩn

国家科技报告系统推行统一规范的数据采集标准与元数据格式，实现了跨部门跨学科科研数据的高效互通共享。
Guó jiā kē jì bào gào xì tǒng tuī xíng tǒng yī guī fàn de shù jù cǎi jí biāo zhǔn yǔ yuán shù jù gé shì, shí xiàn le kuà bù mén kuà xué kē kē yán shù jù de gāo xiào hù tōng gòng xiǎng.
Hệ thống báo cáo khoa học công nghệ quốc gia áp dụng tiêu chuẩn thu thập dữ liệu và định dạng siêu dữ liệu (metadata) quy chuẩn thống nhất, thực hiện chia sẻ liên thông dữ liệu nghiên cứu khoa học liên ngành liên ban ngành hiệu quả cao.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁCH THỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1310

隔阂
gé hé

ngăn cách, xa cách, bất đồng khoảng cách

以文明交流超越文明隔阂、以文明互鉴超越文明冲突，积极推动不同文明在平等包容中共同繁荣进步。
Yǐ wén míng jiāo liú chāo yuè wén míng gé hé, yǐ wén míng hù jiàn chāo yuè wén míng chōng tū, jī jí tuī dòng bù tóng wén míng zài píng děng bāo róng zhōng gòng tóng fán róng jìn bù.
Lấy giao lưu văn minh vượt lên trên rào cản ngăn cách văn minh, lấy học hỏi tiếp thu văn minh vượt lên trên xung đột văn minh, tích cực thúc đẩy các nền văn minh khác nhau cùng phồn vinh tiến bộ trong sự bình đẳng bao dung.

22 nét | HÁN VIỆT : CÁCH NGẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1311

隔离
gé lí

cách ly, ngăn cách, cô lập an toàn

国家高等级生物安全实验室采用双门互锁气闸舱与负压物理隔离屏障，严密确保高致病性病原体绝不外泄。
Guó jiā gāo děng jí shēng wù ān quán shí yàn shì cǎi yòng shuāng mén hù suǒ qì zhá cāng yǔ fù yā wù lǐ gé lí píng zhàng, yán mì què bǎo gāo zhì bìng xìng bìng yuán tǐ jué bù wài xiè.
Phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp cao quốc gia áp dụng khoang khóa khí hai cửa lồng vào nhau cùng rào chắn cách ly vật lý áp suất âm, bảo đảm an toàn tuyệt đối mầm bệnh có độc lực cao không bao giờ bị rò rỉ ra bên ngoài.

28 nét | HÁN VIỆT : CÁCH LY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1312

个案
gè'àn

ca điển hình, trường hợp cá biệt trường hợp riêng lẻ

在对超导新型材料罕见物理异常特性的研究中，科学家通过对数十组特殊个案的深度比对，最终揭示了全新超导配对机理。
Zài duì chāo dǎo xīn xíng cái liào hǎn jiàn wù lǐ yì cháng tè xìng de yán jiū zhōng, kē xué jiā tōng guò duì shù shí zǔ tè shū gè àn de shēn dù bǐ duì, zuì zhōng jié shì le quán xīn chāo dǎo pèi duì jī lǐ.
Trong nghiên cứu về đặc tính dị thường vật lý hiếm gặp của vật liệu kiểu mới siêu dẫn, các nhà khoa học thông qua việc so sánh đối chiếu chuyên sâu hàng chục ca điển hình trường hợp cá biệt trường hợp riêng lẻ đặc thù, cuối cùng đã hé lộ cơ chế ghép đôi siêu dẫn hoàn toàn mới.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1313

个头儿
gètóur

vóc dáng, kích thước vóc dáng tầm vóc (khẩu ngữ)

新型星载微波量子原子钟虽然物理个头儿只有传统原子钟的十分之一，但计时精度却跃升了整整两个数量级。
Xīn xíng xīng zài wēi bō liàng zǐ yuán zi zhōng suī rán wù lǐ gè tou er zhǐ yǒu chuán tǒng yuán zi zhōng de shí fēn zhī yī, dàn jì shí jīng dù què yuè shēng le zhěng zhěng liǎng gè shù liàng jí.
Đồng hồ nguyên tử lượng tử vi ba gắn trên vệ tinh kiểu mới tuy rằng kích thước vóc dáng tầm vóc vật lý chỉ bằng một phần mười so với đồng hồ nguyên tử truyền thống, nhưng độ chính xác bấm giờ lại nhảy vọt tăng vọt hẳn 2 bậc độ lớn (orders of magnitude).

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1314

各奔前程
gèbènqiánchéng

mỗi người một ngả, ai đi đường nấy tìm tương lai

国家实验室毕业的青年学者们虽各奔前程前往全国各大科研院所与领军企业，但始终心怀报国之志、在各自岗位发光发热。
Guó jiā shí yàn shì bì yè de qīng nián xué zhě men suī gè bèn qián chéng qián wǎng quán guó gè dà kē yán yuàn suǒ yǔ lǐng jūn qǐ yè, dàn shǐ zhōng xīn huái bào guó zhī zhì, zài gè zì gǎng wèi fā guāng fā rè.
Các học giả trẻ tốt nghiệp từ Phòng thí nghiệm Quốc gia tuy ai đi đường nấy mỗi người một ngả đi tới các doanh nghiệp dẫn đầu và viện nghiên cứu khoa học lớn trên toàn quốc, nhưng luôn giữ trọn chí hướng phụng sự non sông, tỏa sáng tài năng ở vị trí của riêng mình.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1315

各式各样
gèshìgèyàng

đủ các kiểu loại, đủ mọi hình thức muôn hình muôn vẻ

在大科学装置多学科开放共享实验大厅内，陈列着来自全球顶尖科研团队自主设计的各式各样前沿精密探测终端装置。
Zài dà kē xué zhuāng zhì duō xué kē kāi fàng gòng xiǎng shí yàn dà tīng nèi, chén liè zhe lái zì quán qiú dǐng jiān kē yán tuán duì zì zhǔ shè jì de gè shì gè yàng qián yán jīng mì tàn cè zhōng duān zhuāng zhì.
Bên trong đại sảnh thực nghiệm mở cửa chia sẻ đa môn học của thiết bị khoa học lớn, trưng bày đủ mọi hình thức đủ các kiểu loại thiết bị đầu cuối dò tìm chính xác tiên phong do các đội ngũ nghiên cứu khoa học đỉnh cao toàn cầu tự chủ thiết kế.

35 nét | HÁN VIỆT : CÁC THỨC CÁC DẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1316

根基
gēnjī

nền móng, gốc rễ nền tảng căn bản vững chắc

高水平基础科学研究是整个国家科技创新体系的源头活水，筑牢了建设世界科技强国的战略根基。
Gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué yán jiū shì zhěng gè guó jiā kē jì chuàng xīn tǐ xì de yuán tóu huó shuǐ, zhù láo le jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de zhàn lüè gēn jī.
Nghiên cứu khoa học cơ bản trình độ cao là nguồn nước đầu nguồn của toàn bộ hệ thống đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ quốc gia, đắp xây vững chắc nền móng gốc rễ nền tảng căn bản chiến lược cho việc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

23 nét | HÁN VIỆT : CĂN CƠ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1317

根深蒂固
gēn shēn dì gù

ăn sâu bám rễ, thâm căn cố đế

深化科技体制综合改革，必须坚决破除唯论文、唯帽子等根深蒂固的人才评价痼疾与制度壁垒。
Shēn huà kē jì tǐ zhì zōng hé gǎi gé, bì xū jiān jué pò chú wéi lùn wén, wéi mào zi děng gēn shēn dì gù de rén cái píng jià gù jí yǔ zhì dù bì lěi.
Đi sâu cải cách tổng hợp thể chế khoa học công nghệ, bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ những căn bệnh nan giải thâm căn cố đế và rào cản thể chế trong đánh giá nhân tài như chỉ chăm chăm vào bài báo khoa học hay danh xưng học vị.

35 nét | HÁN VIỆT : CĂN THÂM ĐẾ CỐ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1318

根源
gēn yuán

nguồn gốc, cội nguồn, căn nguyên

在基础科学研究中，科学家致力于从微观粒子相互作用机理出发，探寻物质质量起源与宇宙演化的根本根源。
Zài jī chǔ kē xué yán jiū zhōng, kē xué jiā zhì lì yú cóng wēi guān lì zi xiāng hù zuò yòng jī lǐ chū fā, tàn xún wù zhì zhì liàng qǐ yuán yǔ yǔ zhòu yǎn huà de gēn běn gēn yuán.
Trong nghiên cứu khoa học cơ bản, các nhà khoa học dốc sức xuất phát từ cơ chế tương tác hạt vi mô để truy tìm nguồn gốc căn nguyên của khối lượng vật chất và sự tiến hóa của vũ trụ.

23 nét | HÁN VIỆT : CĂN NGUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1319

根治
gēnzhì

chữa trị tận gốc, trị dứt điểm (bệnh/ô nhiễm/sâu hại)

国家医学攻关团队研发的新型基因编辑疗法，为从根本上彻底根治罕见单基因遗传性血液疾病带来了全新曙光。
Guó jiā yī xué gōng guān tuán duì yán fā de xīn xíng jī yīn biān jí liáo fǎ, wèi cóng gēn běn shàng chè dǐ gēn zhì hǎn jiàn dān jī yīn yí chuán xìng xuè yè jí bìng dài lái le quán xīn shǔ guāng.
Liệu pháp chỉnh sửa gen kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển đã mang lại ánh bình minh rạng rỡ mới cho việc trị dứt điểm chữa trị tận gốc triệt để các căn bệnh huyết học di truyền đơn gen hiếm gặp.

23 nét | HÁN VIỆT : CĂN TRỊ

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #1320

跟不上
gēnbushàng

không theo kịp, tụt hậu không theo kịp

在大科学工程高强度快速推进中，软件系统如果架构滞后、跟不上硬件迭代节奏，就会造成整个项目进度延误。
Zài dà kē xué gōng chéng gāo qiáng dù kuài sù tuī jìn zhōng, ruǎn jiàn xì tǒng rú guǒ jià gòu zhì hòu, gēn bù shàng yìng jiàn dié dài jié zòu, jiù huì zào chéng zhěng gè xiàng mù jìn dù yán wù.
Trong sự thúc đẩy nhanh chóng cường độ cao của công trình khoa học lớn, hệ thống phần mềm nếu kiến trúc lạc hậu, không theo kịp nhịp độ lặp lại nâng cấp phần cứng thì sẽ dẫn đến sự chậm trễ tiến độ của toàn bộ dự án.

30 nét | HÁN VIỆT : CÂN BẤT THƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1321

跟上
gēnshàng

theo kịp, bắt kịp nhịp độ, theo sát bước tiến

科研管理机制改革必须紧紧跟上新质生产力发展的客观要求，坚决破除一切束缚科学家创新活力的体制机制障碍。
Kē yán guǎn lǐ jī zhì gǎi gé bì xū jǐn jǐn gēn shàng xīn zhì shēng chǎn lì fā zhǎn de kè guān yāo qiú, jiān jué pò chú yī qiè shù fù kē xué jiā chuàng xīn huó lì de tǐ zhì jī zhì zhàng ài.
Cải cách cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học bắt buộc phải bám sát theo kịp bắt kịp các yêu cầu khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới, kiên quyết xóa bỏ mọi rào cản thể chế cơ chế trói buộc sức sống đổi mới sáng tạo của các nhà khoa học.

19 nét | HÁN VIỆT : CÂN THƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1322

跟踪
gēn zōng

theo dõi, bám sát, bám vết định vị

我国远洋航天测量船队在大洋腹地准确捕获并全程高精度跟踪测控神舟飞船重返大气层的飞行轨迹。
Wǒ guó yuǎn yáng háng tiān cè liáng chuán duì zài dà yáng fù dì zhǔn què bǔ huò bìng quán chéng gāo jīng dù gēn zōng cè kòng shén zhōu fēi chuán chóng fǎn dà qì céng de fēi xíng guǐ jì.
Đội tàu đo đạc hàng hải viễn dương của nước ta giữa lòng đại dương đã thu nhận chuẩn xác và theo dõi định vị bám sát quỹ đạo bay hồi quyển của tàu vũ trụ Thần Châu với độ chính xác cao trong toàn bộ hành trình.

20 nét | HÁN VIỆT : CÂN TUNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1323

耕地
gēng dì

đất canh tác, ruộng đất; cày ruộng

国家坚决守住十八亿亩耕地红线，实行最严格的耕地保护制度与占补平衡政策，确保国家粮食安全根基稳固。
Guó jiā jiān jué shǒu zhù shí bā yì mǔ gēng dì hóng xiàn, shí xíng zuì yán gé de gēng dì bǎo hù zhì dù yǔ zhàn bǔ píng héng zhèng cè, què bǎo guó jiā liáng shí ān quán gēn jī wěn gù.
Nhà nước kiên quyết giữ vững lằn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác, thực thi chế độ bảo vệ đất canh tác nghiêm ngặt nhất cùng chính sách cân bằng bù trừ chuyển đổi, bảo đảm vững chắc nền tảng an ninh lương thực quốc gia.

21 nét | HÁN VIỆT : CANH ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1324

耿直
gěngzhí

ngay thẳng, bộc trực chính trực bộc trực

战略科学家性格耿直刚正、敢讲真话，在重大工程评审中始终坚持实事求是、严谨求真的科学原则。
Zhàn lüè kē xué jiā xìng gé gěng zhí gāng zhèng, gǎn jiǎng zhēn huà, zài zhòng dà gōng chéng píng shěn zhōng shǐ zhōng jiān chí shí shì qiú shì, yán jǐn qiú zhēn de kē xué yuán zé.
Vị nhà khoa học chiến lược tính cách chính trực bộc trực ngay thẳng bộc trực, dám nói lời thật, trong các đợt thẩm định công trình trọng đại luôn kiên trì nguyên tắc khoa học cầu thị nghiêm cẩn, thực sự cầu thị.

19 nét | HÁN VIỆT : CẢNH TRỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1325

更改
gēnggǎi

thay đổi, chỉnh sửa sửa đổi thay thế

大科学装置关键控制底层代码一旦经过严格物理联调闭环封版，未经专家组集体会审严禁任何私自更改。
Dà kē xué zhuāng zhì guān jiàn kòng zhì dǐ céng dài mǎ yí dàn jīng guò yán gé wù lǐ lián diào bì huán fēng bǎn, wèi jīng zhuān jiā zǔ jí tǐ huì shěn yán jìn rèn hé sī zì gēng gǎi.
Mã nguồn tầng đáy điều khiển then chốt của thiết bị khoa học lớn một khi đã trải qua đóng gói phiên bản khép kín hiệu chỉnh liên kết vật lý nghiêm ngặt, nếu chưa qua Hội đồng Chuyên gia tập thể hội chẩn nghiêm cấm mọi sự tự ý sửa đổi thay đổi chỉnh sửa.

23 nét | HÁN VIỆT : CANH CẢI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1326

更衣室
gēngyīshì

phòng thay đồ, phòng thay trang phục bảo hộ/phòng sạch

在进入国家重点实验室百级超洁净微纳芯片制造车间前，科研人员必须在特种更衣室内完成多道除尘净化与防静电服穿戴。
Zài jìn rù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì bǎi jí chāo jié jìng wēi nà xīn piàn zhì zào chē jiān qián, kē yán rén yuán bì xū zài tè zhǒng gēng yī shì nèi wán chéng duō dào chú chén jìng huà yǔ fáng jìng diàn fú chuān dài.
Trước khi tiến vào phân xưởng chế tạo chip vi nano siêu sạch cấp 100 của Phòng thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, các cán bộ nghiên cứu khoa học bắt buộc phải hoàn thành việc mặc đồ chống tĩnh điện và khử bụi lọc sạch qua nhiều bước bên trong phòng thay đồ phòng thay trang phục bảo hộ chuyên dụng.

34 nét | HÁN VIỆT : CANH Y THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1327

工地
gōngdì

công trường, hiện trường thi công xây dựng

在大科学工程深地地下主实验大厅施工大干现场，数千名建设者冒着酷暑严寒日夜奋战在建设工地第一线。
Zài dà kē xué gōng chéng shēn dì dì xià zhǔ shí yàn dà tīng shī gōng dà gàn xiàn chǎng, shù qiān míng jiàn shè zhě mào zhe kù shǔ yán hán rì yè fèn zhàn zài jiàn shè gōng dì dì yī xiàn.
Tại hiện trường thi công quyết liệt đại sảnh thực nghiệm chính dưới lòng đất sâu của công trình khoa học lớn, hàng ngàn người xây dựng bất chấp giá rét nắng gắt ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu công trường hiện trường thi công.

26 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1328

工会
gōnghuì

công đoàn, tổ chức công đoàn bảo vệ người lao động

国家科研机构工会组织全心全意服务一线科技工作者，开展了丰富多彩的暖心慰问与身心健康关爱服务。
Guó jiā kē yán jī gòu gōng huì zǔ zhī quán xīn quán yì fú wù yī xiàn kē jì gōng zuò zhě, kāi zhǎn le fēng fù duō cǎi de nuǎn xīn wèi wèn yǔ shēn xīn jiàn kāng guān ài fú wù.
Tổ chức công đoàn công đoàn cơ quan nghiên cứu khoa học quốc gia toàn tâm toàn ý phục vụ những người làm khoa học công nghệ tuyến đầu, triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thể chất tinh thần và thăm hỏi ấm lòng muôn màu muôn vẻ phong phú.

28 nét | HÁN VIỆT : CÔNG HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1329

工科
gōngkē

ngành kỹ thuật công trình, khối ngành kỹ thuật công nghệ

国家深入推进“新工科”拔尖创新人才自主培养工程，着力培养具有深厚数理功底与卓越工程攻关能力的卓越工程师。
Guó jiā shēn rù tuī jìn "xīn gōng kē" bá jiān chuàng xīn rén cái zì zhǔ péi yǎng gōng chéng, zhuó lì péi yǎng jù yǒu shēn hòu shù lǐ gōng dǐ yǔ zhuó yuè gōng chéng gōng guān néng lì de zhuó yuè gōng chéng shī.
Nhà nước đi sâu thúc đẩy công trình tự chủ bồi dưỡng nhân tài xuất sắc đổi mới sáng tạo 'Khối Kỹ thuật Mới' ngành kỹ thuật công trình, chú trọng bồi dưỡng các kỹ sư trác việt sở hữu năng lực vượt khó công trình trác việt và bề dày công phu toán lý sâu sắc.

22 nét | HÁN VIỆT : CÔNG KHOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1330

工商界
gōngshāngjiè

giới công thương, giới doanh nghiệp công thương nghiệp

中国科技创新的蓬勃活力吸引了全球科技界与工商界领军企业前瞻布局、深度参与中国开放创新生态体系。
Zhōng guó kē jì chuàng xīn de péng bó huó lì xī yǐn le quán qiú kē jì jiè yǔ gōng shāng jiè lǐng jūn qǐ yè qián zhān bù jú, shēn dù cān yù zhōng guó kāi fàng chuàng xīn shēng tài tǐ xì.
Sức sống bùng nổ của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ Trung Quốc đã thu hút các doanh nghiệp dẫn đầu giới công thương giới doanh nghiệp công thương và giới khoa học công nghệ toàn cầu bố cục có tầm nhìn xa, đi sâu tham gia vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở của Trung Quốc.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1331

工序
gōngxù

công đoạn, quy trình công đoạn thao tác

在大科学工程超精密聚焦反射镜镀膜加工中，十多道复杂纳米级制备工序均实现了全自动高保真闭环控制。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì jù jiāo fǎn shè jìng dù mó jiā gōng zhōng, shí duō dào fù zá nà mǐ jí zhì bèi gōng xù jūn shí xiàn le quán zì dòng gāo bǎo zhēn bì huán kòng zhì.
Trong gia công phủ màng gương phản xạ hội tụ siêu chính xác của công trình khoa học lớn, hơn mười quy trình công đoạn công đoạn điều chế cấp độ nano phức tạp đều đã thực hiện điều khiển khép kín độ trung thực cao tự động hoàn toàn.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1332

工整
gōngzhěng

ngay ngắn, ngay ngắn nắn nót chỉnh tề

在中国科技历史档案馆里，老一辈科学家数十年如一日用工整手写体记录的厚重科研计算手稿令人肃然起敬。
Zài zhōng guó kē jì lì shǐ dàng àn guǎn lǐ, lǎo yī bèi kē xué jiā shù shí nián rú yī rì yòng gōng zhěng shǒu xiě tǐ jì lù de hòu zhòng kē yán jì suàn shǒu gǎo lìng rén sù rán qǐ jìng.
Bên trong Trung tâm Lưu trữ Lịch sử Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, những tập bản thảo tính toán nghiên cứu khoa học dày cộm được các nhà khoa học tiền bối mấy chục năm như một ngày ghi chép bằng nét chữ viết tay ngay ngắn nắn nót chỉnh tề khiến người xem phải kính cẩn nghiêng mình.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1333

工作量
gōngzuòliàng

khối lượng công việc, lượng công tác

尽管大科学装置二期扩建工程物理调试工作量极其庞大繁重，全体参研人员依然保质保量如期完成了所有节点任务。
Jǐn guǎn dà kē xué zhuāng zhì èr qī kuò jiàn gōng chéng wù lǐ tiáo shì gōng zuò liàng jí qí páng dà fán zhòng, quán tǐ cān yán rén yuán yī rán bǎo zhì bǎo liàng rú qī wán chéng le suǒ yǒu jié diǎn rèn wù.
Mặc dù khối lượng công việc lượng công tác hiệu chỉnh vật lý công trình mở rộng giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn vô cùng nặng nề khổng lồ, toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu vẫn hoàn thành đúng hạn mọi nhiệm vụ mốc điểm bảo đảm chất lượng và số lượng.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔNG TÁC LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1334

弓
gōng

cung tên, cây cung; dạng vòng cung (gōngxíng)

大科学装置超精密同步辐射偏转磁铁采用了独特的双曲线弓形磁极结构设计，实现了粒子束流超强聚焦偏转。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì tóng bù fú shè piān zhuǎn cí tiě cǎi yòng le dú tè de shuāng qū xiàn gōng xíng cí jí jié gòu shè jì, shí xiàn le lì zi shù liú chāo qiáng jù jiāo piān zhuǎn.
Nam châm làm lệch bức xạ synchrotron siêu chính xác thiết bị khoa học lớn áp dụng thiết kế kết cấu cực từ dạng vòng cung hình cánh cung hyperbol độc đáo, thực hiện việc làm lệch hội tụ siêu mạnh chùm hạt.

8 nét | HÁN VIỆT : CUNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1335

公安局
gōng ān jú

Cục Công an, Công an quận/thành phố

市公安局依托现代智慧警务大数据指挥平台，实现了警情秒级快速响应与多警种高效协同作战。
Shì gōng ān jú yī tuō xiàn dài zhì huì jǐng wù dà shù jù zhǐ huī píng tái, shí xiàn le jǐng qíng miǎo jí kuài sù xiǎng yìng yǔ duō jǐng zhǒng gāo xiào xié tóng zuò zhàn.
Cục Công an Thành phố dựa vào nền tảng chỉ huy dữ liệu lớn cảnh vụ thông minh hiện đại đã thực hiện phản ứng nhanh tình hình an ninh trật tự trong vài giây và hiệp đồng tác chiến hiệu quả cao giữa nhiều lực lượng cảnh sát.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔNG AN CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1336

公车
gōngchē

xe công, xe công vụ nhà nước; xe buýt công cộng

国家实验室严格推行公务用车全流程数字化透明管理，坚决杜绝任何违规私用公车行为发生。
Guó jiā shí yàn shì yán gé tuī xíng gōng wù yòng chē quán liú chéng shù zì huà tòu míng guǎn lǐ, jiān jué dù jué rèn hé wéi guī sī yòng gōng chē xíng wéi fā shēng.
Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt quản lý số hóa minh bạch toàn bộ quy trình đối với xe dùng cho công vụ xe công, kiên quyết chấm dứt mọi hành vi sử dụng xe công việc tư vi phạm quy định phát sinh.

23 nét | HÁN VIỆT : CÔNG XA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1337

公道
gōng dao

công bằng, hợp lý, công đạo lẽ phải

中国在国际事务中始终坚持伸张正义、主持公道，坚定站在和平一边、站在广大发展中国家一边。
Zhōng guó zài guó jì shì wù zhōng shǐ zhōng jiān chí shēn zhāng zhèng yì, zhǔ chí gōng dào, jiān dìng zhàn zài hé píng yī biān, zhàn zài guǎng dà fā zhǎn zhōng guó jiā yī biān.
Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế luôn kiên trì bảo vệ chính nghĩa, chủ trì lẽ phải công đạo, kiên định đứng về phía hòa bình, đứng về phía đông đảo các nước đang phát triển.

22 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1338

公费
gōngfèi

công phí, được nhà nước/công quỹ chi trả

国家设立专项公费资助计划，选拔大批优秀青年拔尖科研骨干赴全球顶尖大科学实验室开展前沿学术深造。
Guó jiā shè lì zhuān xiàng gōng fèi zī zhù jì huà, xuǎn bá dà pī yōu xiù qīng nián bá jiān kē yán gǔ gàn fù quán qiú dǐng jiān dà kē xué shí yàn shì kāi zhǎn qián yán xué shù shēn zào.
Nhà nước thành lập kế hoạch tài trợ công phí bằng ngân sách nhà nước chuyên án, tuyển chọn đông đảo các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ xuất chúng sang các phòng thí nghiệm khoa học lớn đỉnh cao toàn cầu để tu nghiệp học thuật tiên phong.

26 nét | HÁN VIỆT : CÔNG PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1339

公共场所
gōnggòng chǎngsuǒ

nơi công cộng, địa điểm công cộng

国家在新一代智慧城市示范区所有大型公共场所全面部署了毫米波高灵敏度应急安全无感智能感知系统。
Guó jiā zài xīn yí dài zhì huì chéng shì shì fàn qū suǒ yǒu dà xíng gōng gòng chǎng suǒ quán miàn bù shǔ le háo mǐ bō gāo líng mǐn dù yìng jí ān quán wú gǎn zhì néng gǎn zhī xì tǒng.
Nhà nước đã bố trí triển khai toàn diện hệ thống cảm nhận thông minh không chạm an toàn khẩn cấp độ nhạy cao sóng milimet tại tất cả các địa điểm công cộng nơi công cộng quy mô lớn thuộc Khu Trình diễn Thành phố Thông minh Thế hệ Mới.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔNG CỘNG TRÀNG SỞ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1340

公关
gōng guān

quan hệ công chúng (PR), công tác đối ngoại

科技企业在拓展海外跨国业务时，建立了专业高效的公共关系与法务合规团队，妥善维护企业国际品牌形象。
Kē jì qǐ yè zài tuò zhǎn hǎi wài kuà guó yè wù shí, jiàn lì le zhuān yè gāo xiào de gōng gòng guān xì yǔ fǎ wù hé guī tuán duì, tuǒ shàn wéi hù qǐ yè guó jì pǐn pái xíng xiàng.
Các doanh nghiệp công nghệ khi mở rộng hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia ở nước ngoài đã xây dựng đội ngũ pháp lý tuân thủ và quan hệ công chúng chuyên nghiệp hiệu quả cao, bảo vệ thỏa đáng hình ảnh thương hiệu quốc tế của doanh nghiệp.

26 nét | HÁN VIỆT : CÔNG QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1341

公函
gōnghán

công văn, thư công vụ chính thức

国家科技部向国际大科学计划执委会正式致发官方公函，重申中国坚定不移推进全球开放科学合作的明确立场。
Guó jiā kē jì bù xiàng guó jì dà kē xué jì huà zhí wěi huì zhèng shì zhì fā guān fāng gōng hán, chóng shēn zhōng guó jiān dìng bù yí tuī jìn quán qiú kāi fàng kē xué hé zuò de míng què lì chǎng.
Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã chính thức gửi thư công vụ công văn chính thức tới Ban Chấp hành Kế hoạch Đại Khoa học Quốc tế, tái khẳng định lập trường rõ ràng của Trung Quốc về việc kiên định không dời thúc đẩy hợp tác khoa học mở toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : CÔNG HÀM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1342

公积金
gōngjījīn

quỹ tích lũy nhà ở, quỹ công tích bảo đảm

国家高新技术科学城为新入职的青年博士后科研人员提供了高比例住房公积金补贴与共有产权人才房保障。
Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng wèi xīn rù zhí de qīng nián bó shì hòu kē yán rén yuán tí gōng le gāo bǐ lì zhù fáng gōng jī jīn bǔ tiē yǔ gòng yǒu chǎn quán rén cái fáng bǎo zhàng.
Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đã cung cấp bảo đảm nhà ở nhân tài sở hữu chung cùng mức trợ cấp quỹ tích lũy nhà ở quỹ công tích tỷ lệ cao cho các nhân viên nghiên cứu sau tiến sĩ (postdoc) trẻ tuổi mới tuyển dụng.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔNG TÍCH KIM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1343

公开信
gōngkāixìn

thư ngỏ, bức thư ngỏ công khai

百余位两院院士联合向全国科技界发表公开信，号召广大科技工作者弘扬胸怀祖国、服务人民的科学家精神。
Bǎi yú wèi liǎng yuàn yuàn shì lián hé xiàng quán guó kē jì jiè fā biǎo gōng kāi xìn, hào zhào guǎng dà kē jì gōng zuò zhě hóng yáng xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín de kē xué jiā jīng shén.
Hơn một trăm Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã liên danh công bố bức thư ngỏ thư ngỏ công khai gửi tới giới khoa học công nghệ toàn quốc, kêu gọi đông đảo những người làm khoa học công nghệ phát huy tinh thần nhà khoa học phụng sự nhân dân, ôm trọn Tổ quốc trong tim.

33 nét | HÁN VIỆT : CÔNG KHAI TÍN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1344

公款
gōngkuǎn

công quỹ, tiền công quỹ nhà nước

国家实验室严格执行科研经费使用全流程穿透式审计，坚决遏制任何挪用、套取或违规挥霍国家公款的违法行为。
Guó jiā shí yàn shì yán gé zhí xíng kē yán jīng fèi shǐ yòng quán liú chéng chuān tòu shì shěn jì, jiān jué è zhì rèn hé nuó yòng, tào qǔ huò wéi guī huī huò guó jiā gōng kuǎn de wéi fǎ xíng wéi.
Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt việc kiểm toán xuyên suốt toàn bộ quy trình sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết ngăn chặn mọi hành vi phạm pháp bòn rút, biển thủ hoặc vung phí tiền công quỹ công quỹ nhà nước vi phạm quy định.

21 nét | HÁN VIỆT : CÔNG KHOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1345

公立
gōnglì

công lập, thuộc nhà nước thành lập quản lý

国家区域重大公立科研医疗中心依托大科学装置重离子束流平台，成功为数千名复杂疑难肿瘤患者实施了高精度放疗。
Guó jiā qū yù zhòng dà gōng lì kē yán yī liáo zhōng xīn yī tuō dà kē xué zhuāng zhì zhòng lí zi shù liú píng tái, chéng gōng wéi shù qiān míng fù zá yí nán zhǒng liú huàn zhě shí shī le gāo jīng dù fàng liáo.
Trung tâm y tế nghiên cứu khoa học công lập thuộc nhà nước trọng đại khu vực quốc gia dựa vào nền tảng chùm hạt ion nặng thiết bị khoa học lớn, đã thực hiện thành công xạ trị độ chính xác cao cho hàng ngàn bệnh nhân khối u nan y phức tạp.

26 nét | HÁN VIỆT : CÔNG LẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1346

公墓
gōngmù

nghĩa trang công cộng, nghĩa trang liệt sĩ

在八宝山革命公墓功勋科学家墓前，每年清明时节都有成千上万青年科研工作者自发前来敬献鲜花、寄托深切哀思。
Zài bā bǎo shān gé mìng gōng mù gōng xūn kē xué jiā mù qián, měi nián qīng míng shí jié dōu yǒu chéng qiān shàng wàn qīng nián kē yán gōng zuò zhě zì fā qián lái jìng xiàn xiān huā, jì tuō shēn qiè āi sī.
Trước phần mộ các nhà khoa học có công lao tại nghĩa trang nghĩa trang công cộng Cách mạng Bát Bảo Sơn, mỗi dịp tiết Thanh minh hàng năm đều có hàng ngàn hàng vạn cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi tự nguyện đến dâng hoa tươi, gửi gắm niềm tiếc thương sâu sắc.

23 nét | HÁN VIỆT : CÔNG MỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1347

公仆
gōngpú

công bộc, người đầy tớ của nhân dân

战略科学家始终把自己定位为科技报国的人民公仆，将毕生精力毫无保留地献给了党和国家的科技自立自强伟业。
Zhàn lüè kē xué jiā shǐ zhōng bǎ zì jǐ dìng wèi wèi kē jì bào guó de rén mín gōng pú, jiāng bì shēng jīng lì háo wú bǎo liú dì xiàn gěi le dǎng hé guó jiā de kē jì zì lì zì qiáng wěi yè.
Nhà khoa học chiến lược luôn định vị bản thân mình là người công bộc người đầy tớ của nhân dân phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, dốc cạn sinh lực cả đời không chút giữ lại cho đại nghiệp tự chủ tự cường khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước.

27 nét | HÁN VIỆT : CÔNG BỘC

HSK 7-9 (3.0) | Lượng từ | #1348

公顷
gōngqǐng

héc-ta (ha, đơn vị diện tích: 10.000 m²)

国家现代农业高新技术示范区内上万公顷超级耐盐碱杂交水稻试验田喜获丰收，平均亩产再创历史新高。
Guó jiā xiàn dài nóng yè gāo xīn jì shù shì fàn qū nèi shàng wàn gōng qǐng chāo jí nài yán jiǎn zá jiāo shuǐ dào shì yàn tián xǐ huò fēng shōu, píng jūn mǔ chǎn zài chuàng lì shǐ xīn gāo.
Hơn một vạn héc-ta héc-ta ruộng lúa lai thử nghiệm chịu mặn phèn siêu cấp bên trong Khu Trình diễn Công nghệ Cao mới Nông nghiệp Hiện đại Quốc gia đã đón nhận mùa vàng bội thu, năng suất bình quân trên mỗi mẫu tiếp tục lập nên kỷ lục lịch sử mới.

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1349

公然
gōng rán

công nhiên, trắng trợn, ngang nhiên

国际社会严厉谴责个别外部势力公然违背联合国宪章宗旨原则、非法侵犯他国领土主权的霸道行径。
Guó jì shè huì yán lì qiǎn zé gè bié wài bù shì lì gōng rán wéi bèi lián hé guó xiàn zhāng zōng zhǐ yuán zé, fēi fǎ qīn fàn tā guó lǐng tǔ zhǔ quán de bà dào héng jìng.
Cộng đồng quốc tế lên án nghiêm khắc hành vi bá quyền ngang nhiên trắng trợn vi phạm tôn chỉ nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc, xâm phạm phi pháp chủ quyền lãnh thổ của quốc gia khác của một số thế lực bên ngoài.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1350

公示
gōngshì

công bố công khai, niêm yết công khai để lấy ý kiến

国家最高科学技术奖与国家自然科学奖评审结果严格执行全流程网上公示制度，广泛接受社会与学术界全方位监督。
Guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng yǔ guó jiā zì rán kē xué jiǎng píng shěn jié guǒ yán gé zhí xíng quán liú chéng wǎng shàng gōng shì zhì dù, guǎng fàn jiē shòu shè huì yǔ xué shù jiè quán fāng wèi jiān dū.
Kết quả thẩm định Giải thưởng Tự nhiên Khoa học Quốc gia và Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Tối cao Quốc gia thực hiện nghiêm ngặt chế độ công bố công khai niêm yết công khai trên mạng toàn bộ quy trình, tiếp nhận rộng rãi sự giám sát toàn diện của giới học thuật và xã hội.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1351

公事
gōngshì

việc công, công vụ việc nhà nước/tổ chức

总工程师公私分明、一心为公，在重大工程装备采购审查中始终铁面无私，从不因私情影响公事公办原则。
Zǒng gōng chéng shī gōng sī fēn míng, yī xīn wèi gōng, zài zhòng dà gōng chéng zhuāng bèi cǎi gòu shěn chá zhōng shǐ zhōng tiě miàn wú sī, cóng bù yīn sī qíng yǐng xiǎng gōng shì gōng bàn yuán zé.
Vị Tổng Kỹ sư việc công việc tư rạch ròi, một lòng vì việc công việc công, trong thẩm tra mua sắm trang thiết bị công trình trọng đại luôn thiết diện vô tư, không bao giờ để tình riêng ảnh hưởng đến nguyên tắc công sự công biện (việc công xử lý theo phép công).

24 nét | HÁN VIỆT : CÔNG SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1352

公务
gōng wù

công vụ, công tác nhà nước

国家机关全面推行公务用车全流程北斗定位监管与无纸化办公，严格厉行节约、反对铺张浪费。
Guó jiā jī guān quán miàn tuī xíng gōng wù yòng chē quán liú chéng běi dǒu dìng wèi jiān guǎn yǔ wú zhǐ huà bàn gōng, yán gé lì xíng jié yuē, fǎn duì pū zhāng làng fèi.
Các cơ quan nhà nước phổ biến toàn diện việc giám sát định vị Bắc Đẩu toàn quy trình đối với xe công vụ cùng mô hình văn phòng không giấy tờ, thực thi nghiêm túc tiết kiệm, kiên quyết phản đối xa hoa lãng phí.

27 nét | HÁN VIỆT : CÔNG VỤ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1353

公益
gōngyì

công ích, lợi ích chung cộng đồng, vì cộng đồng

国家重大前沿大科学装置全面向全社会中小学师生免费开放公益科学探索日，厚植青少年科学探索报国情怀。
Guó jiā zhòng dà qián yán dà kē xué zhuāng zhì quán miàn xiàng quán shè huì zhōng xiǎo xué shī shēng miǎn fèi kāi fàng gōng yì kē xué tàn suǒ rì, hòu zhí qīng shào nián kē xué tàn suǒ bào guó qíng huái.
Thiết bị khoa học lớn tiên phong trọng đại quốc gia mở cửa miễn phí toàn diện ngày khám phá khoa học công ích vì cộng đồng cho giáo viên và học sinh tiểu học trung học toàn xã hội, bồi đắp sâu sắc tấm lòng khám phá khoa học phụng sự Tổ quốc cho thanh thiếu niên.

23 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1354

公益性
gōngyìxìng

tính công ích, bản chất vì lợi ích cộng đồng phi lợi nhuận

国家实验室作为战略科技基础设施，必须始终牢牢把握其公益性与战略性定位，严禁任何纯商业化牟利导向。
Guó jiā shí yàn shì zuò wéi zhàn lüè kē jì jī chǔ shè shī, bì xū shǐ zhōng láo láo bǎ wò qí gōng yì xìng yǔ zhàn lüè xìng dìng wèi, yán jìn rèn hé chún shāng yè huà móu lì dǎo xiàng.
Phòng thí nghiệm quốc gia với tư cách là cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ chiến lược, bắt buộc phải luôn nắm vững định vị mang tính chiến lược và tính công ích bản chất vì lợi ích cộng đồng của nó, nghiêm cấm mọi định hướng trục lợi thuần túy thương mại hóa.

34 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ÍCH TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1355

公用
gōngyòng

dùng chung, công cộng dùng chung

国家综合性科学中心集中规划建设了超洁净配电、特种工业气体与高纯液氦集中循环利用公用工程支撑体系。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn jí zhōng guī huà jiàn shè le chāo jié jìng pèi diàn, tè zhǒng gōng yè qì tǐ yǔ gāo chún yè hài jí zhōng xún huán lì yòng gōng yòng gōng chéng zhì chēng tǐ xì.
Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã quy hoạch xây dựng tập trung hệ thống nâng đỡ công trình dùng chung công cộng dùng chung tận dụng tuần hoàn tập trung heli lỏng siêu tinh khiết, khí công nghiệp đặc chủng và cấp điện siêu sạch.

25 nét | HÁN VIỆT : CÔNG DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1356

公寓
gōng yù

căn hộ chung cư, chung cư mini

这栋坐落于大学城核心区域的现代化人才公寓设施齐全，为青年学者提供了温馨便利的居住环境。
Zhè dòng zuò luò yú dà xué chéng hé xīn qū yù de xiàn dài huà rén cái gōng yù shè shī qí quán, wèi qīng nián xué zhě tí gōng le wēn xīn biàn lì de jū zhù huán jìng.
Tòa nhà chung cư nhân tài hiện đại tọa lạc tại khu trung tâm làng đại học này trang bị đầy đủ tiện nghi, mang lại môi trường sống ấm cúng và thuận tiện cho các học giả trẻ.

22 nét | HÁN VIỆT : CÔNG NGỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1357

公约
gōngyuē

công ước, quy ước điều ước chung

全国数百家科研院所与高校共同签署了《科技伦理治理与学术诚信自律公约》，坚决筑牢科研诚信道德底线。
Quán guó shù bǎi jiā kē yán yuàn suǒ yǔ gāo xiào gòng tóng qiān shǔ le《kē jì lún lǐ zhì lǐ yǔ xué shù chéng xìn zì lǜ gōng yuē》, jiān jué zhù láo kē yán chéng xìn dào dé dǐ xiàn.
Hàng trăm trường đại học và viện nghiên cứu khoa học trên toàn quốc đã cùng ký kết 'Công ước Công ước Tự giác Liêm chính Học thuật và Quản trị Đạo đức Khoa học Kỹ thuật', đắp xây vững chắc lằn ranh đạo đức liêm chính nghiên cứu khoa học.

26 nét | HÁN VIỆT : CÔNG YÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1358

公证
gōng zhèng

công chứng; làm thủ tục công chứng

公证机构推行海外远程视频公证便民举措，为远在异国他乡的海外华人华侨提供高效合法的远程公证法律服务。
Gōng zhèng jī gòu tuī xíng hǎi wài yuǎn chéng shì pín gōng zhèng biàn mín jù cuò, wèi yuǎn zài yì guó tā xiāng de hǎi wài huá rén huá qiáo tí gōng gāo xiào hé fǎ de yuǎn chéng gōng zhèng fǎ lǜ fú wù.
Tổ chức công chứng triển khai giải pháp công chứng tiện ích qua video từ xa ở nước ngoài, mang lại dịch vụ pháp lý công chứng từ xa hợp pháp hiệu quả cao cho kiều bào người Hoa ở phương xa.

21 nét | HÁN VIỆT : CÔNG CHỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1359

公职
gōngzhí

chức vụ công, công chức biên chế nhà nước

国家对在科研经费管理中存在严重贪污侵占与学术造假的涉案人员，依法依规坚决给予开除公职处分并移送司法机关。
Guó jiā duì zài kē yán jīng fèi guǎn lǐ zhōng cún zài yán zhòng tān wū qīn zhàn yǔ xué shù zào jiǎ de shè àn rén yuán, yī fǎ yī guī jiān jué jī yǔ kāi chú gōng zhí chǔ fèn bìng yí sòng sī fǎ jī guān.
Nhà nước đối với các nhân sự liên quan có hành vi làm giả học thuật và tham nhũng chiếm đoạt nghiêm trọng trong quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết xử lý kỷ luật khai trừ chức vụ công đuổi khỏi biên chế công chức theo đúng quy định pháp luật và chuyển giao cơ quan tư pháp.

21 nét | HÁN VIỆT : CÔNG CHỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1360

功
gōng

chiêng

老师鼓励大家积极功，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gōng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chiêng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1361

功臣
gōngchén

công thần, người có công lớn với đất nước

老一辈功勋战略科学家是挺起中华民族科技脊梁的历史功臣，他们的光辉业绩永远铭刻在共和国的史册之上！
Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shì tǐng qǐ zhōng huá mín zú kē jì jí liáng de lì shǐ gōng chén, tā men de guāng huī yè jì yǒng yuǎn míng kè zài gòng hé guó de shǐ cè zhī shàng!
Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiền bối chính là những công thần người có công lớn lịch sử nâng đỡ cột sống khoa học công nghệ của dân tộc Trung Hoa, sự nghiệp sáng ngời của các cụ mãi mãi khắc ghi trên những trang sử vàng của nước Cộng hòa!

21 nét | HÁN VIỆT : CÔNG THẦN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1362

功底
gōngdǐ

nền tảng công phu, bề dày kỹ năng kiến thức căn bản

扎实深厚的数理科学理论功底与严谨的逻辑思维，是青年学者在前沿交叉科学无人区实现原创突破的立身之本。
Zhā shí shēn hòu de shù lǐ kē xué lǐ lùn gōng dǐ yǔ yán jǐn de luó jí sī wéi, shì qīng nián xué zhě zài qián yán jiāo chā kē xué wú rén qū shí xiàn yuán chuàng tū pò de lì shēn zhī běn.
Tư duy logic nghiêm cẩn cùng nền tảng công phu bề dày kiến thức căn bản lý luận khoa học toán lý vững chắc sâu sắc chính là gốc rễ lập thân để các học giả trẻ thực hiện đột phá nguyên bản trong vùng không người khoa học liên ngành tiên phong.

20 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ĐỂ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1363

功劳
gōng láo

công lao, công trạng, cống hiến lớn lao

袁隆平院士一生扎根稻田培育超级杂交水稻，为解决全中国人民吃饭问题与世界粮食安全立下了卓越不朽的功劳。
Yuán lóng píng yuàn shì yī shēng zhā gēn dào tián péi yù chāo jí zá jiāo shuǐ dào, wèi jiě jué quán zhōng guó rén mín chī fàn wèn tí yǔ shì jiè liáng shí ān quán lì xià le zhuó yuè bù xiǔ de gōng láo.
Viện sĩ Viên Long Bình cả cuộc đời bám rễ nơi đồng ruộng lai tạo lúa siêu lai, đã lập nên công lao trác tuyệt bất hủ trong việc giải quyết vấn đề cơm ăn cho toàn thể nhân dân và bảo đảm an ninh lương thực thế giới.

23 nét | HÁN VIỆT : CÔNG LAO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1364

功力
gōnglì

công lực, nội lực trình độ tay nghề thâm hậu

顶级大国工匠凭借数十载超精密手工研磨的深厚功力，加工出了表面粗糙度小于零点一纳米的全球最高精度聚焦反射镜。
Dǐng jí dà guó gōng jiàng píng jiè shù shí zài chāo jīng mì shǒu gōng yán mó de shēn hòu gōng lì, jiā gōng chū le biǎo miàn cū cāo dù xiǎo yú líng diǎn yī nà mǐ de quán qiú zuì gāo jīng dù jù jiāo fǎn shè jìng.
Bậc thợ lớn quốc gia đỉnh cao dựa vào công lực nội lực trình độ thâm hậu mấy chục năm mài thủ công siêu chính xác, đã gia công nên chiếc gương phản xạ hội tụ có độ chính xác cao nhất toàn cầu với độ nhám thô ráp bề mặt nhỏ hơn 0,1 nanomet.

20 nét | HÁN VIỆT : CÔNG LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1365

功率
gōnglǜ

công suất (vật lý: W, kW)

大科学装置超导加速腔高频功率源系统稳定输出了数兆瓦级超高脉冲功率，各项电磁物理指标全面达到国际领先水平。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo dǎo jiā sù qiāng gāo pín gōng lǜ yuán xì tǒng wěn dìng shū chū le shù zhào wǎ jí chāo gāo mài chōng gōng lǜ, gè xiàng diàn cí wù lǐ zhǐ biāo quán miàn dá dào guó jì lǐng xiān shuǐ píng.
Hệ thống nguồn công suất công suất cao tần buồng gia tốc siêu dẫn của thiết bị khoa học lớn đã xuất ra ổn định công suất xung siêu cao cấp độ megawatt, tất cả các chỉ tiêu vật lý điện từ đều đạt mức hàng đầu quốc tế toàn diện.

20 nét | HÁN VIỆT : CÔNG LUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1366

功效
gōng xiào

công hiệu, hiệu năng điều trị/sử dụng

屠呦呦科研团队通过现代药理学实验证实了青蒿素抗疟疾的强劲功效，在全球范围内拯救了数百万疟疾患者生命。
Tú yōu yōu kē yán tuán duì tōng guò xiàn dài yào lǐ xué shí yàn zhèng shí le qīng hāo sù kàng nüè jí de qiáng jìng gōng xiào, zài quán qiú fàn wéi nèi zhěng jiù le shù bǎi wàn nüè jí huàn zhě shēng mìng.
Nhóm nghiên cứu khoa học của bà Đỗ U U thông qua thực nghiệm dược lý học hiện đại đã chứng minh công hiệu chống sốt rét mạnh mẽ của hoạt chất Artemisinin, cứu sống tính mạng của hàng triệu bệnh nhân sốt rét trên toàn thế giới.

20 nét | HÁN VIỆT : CÔNG HIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1367

攻
gōng

tấn công vượt khó, công phá chuyên sâu; chuyên nghiên cứu (gōngdú)

我们要集中优势科技力量攻坚克难，全力攻克制约我国战略性新兴产业发展的卡脖子关键核心技术难题。
Wǒ men yào jí zhōng yōu shì kē jì lì liàng gōng jiān kè nán, quán lì gōng kè zhì yuē wǒ guó zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè fā zhǎn de qiǎ bó zi guān jiàn hé xīn jì shù nán tí.
Chúng ta phải tập trung lực lượng khoa học công nghệ ưu thế để tấn công vượt khó công phá khắc phục khó khăn, dốc toàn lực công phá vượt qua những bài toán công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai kìm hãm sự phát triển ngành nghề mới nổi chiến lược của nước ta.

9 nét | HÁN VIỆT : CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1368

攻读
gōng dú

học tập

老师鼓励大家积极攻读，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gōng dú， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực học tập, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét | HÁN VIỆT : CÔNG ĐẬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1369

攻关
gōngguān

vượt khó tấn công then chốt, công phá ải khó công nghệ

国家实验室集聚数千名多学科交叉拔尖科研骨干，向受控核聚变与拓扑量子计算等世界级技术高峰发起协同攻关。
Guó jiā shí yàn shì jí jù shù qiān míng duō xué kē jiāo chā bá jiān kē yán gǔ gàn, xiàng shòu kòng hé jù biàn yǔ tuò pū liàng zǐ jì suàn děng shì jiè jí jì shù gāo fēng fā qǐ xié tóng gōng guān.
Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ hàng ngàn cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học xuất sắc liên ngành, phát động đợt hiệp đồng vượt khó tấn công then chốt công phá ải khó công nghệ hướng tới các đỉnh cao công nghệ tầm cỡ thế giới như tính toán lượng tử tô-pô và nhiệt hạch có kiểm soát.

22 nét | HÁN VIỆT : CÔNG QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1370

供
gōng

cung cấp (gōng); cúng tế thờ phụng, cung phụng (gòng)

大科学装置不间断多路供电与超纯水处理循环系统二十四小时稳定运转，为前沿物理实验提供了万无一失的能源保障。
Dà kē xué zhuāng zhì bù jiàn duàn duō lù gōng diàn yǔ chāo chún shuǐ chǔ lǐ xún huán xì tǒng èr shí sì xiǎo shí wěn dìng yùn zhuàn, wèi qián yán wù lǐ shí yàn tí gōng le wàn wú yī shī de néng yuán bǎo zhàng.
Hệ thống cấp điện cung cấp điện đa nhánh không ngắt quãng và tuần hoàn xử lý nước siêu tinh khiết của thiết bị khoa học lớn vận hành ổn định suốt 24/24, mang lại sự bảo đảm năng lượng hoàn hảo không sai sót cho các thực nghiệm vật lý tiên phong.

10 nét | HÁN VIỆT : CUNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1371

供不应求
gōng bù yìng qiú

cung không đủ cầu, cháy hàng

我国具有完全自主知识产权的新一代高能量密度固态锂电池核心材料，在国际高端新能源市场上持续供不应求。
Wǒ guó jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de xīn yí dài gāo néng liàng mì dù gù tài lǐ diàn chí hé xīn cái liào, zài guó jì gāo duān xīn néng yuán shì chǎng shàng chí xù gōng bù yìng qiú.
Vật liệu cốt lõi pin lithium thể rắn mật độ năng lượng cao thế hệ mới sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn của nước ta trên thị trường năng lượng mới cao cấp quốc tế liên tục rơi vào tình trạng cung không đủ cầu.

35 nét | HÁN VIỆT : CUNG BẤT ỨNG CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1372

供奉
gòngfèng

thờ phụng, cung phụng hương khói kính thờ

老一辈科学家胸怀家国、隐姓埋名科技报国的崇高精神，被全体科技后辈永远在心中虔诚供奉并化作前进动力。
Lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái jiā guó, yǐn xìng mái míng kē jì bào guó de chóng gāo jīng shén, bèi quán tǐ kē jì hòu bèi yǒng yuǎn zài xīn zhōng qián chéng gòng fèng bìng huà zuò qián jìn dòng lì.
Tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên ôm trọn non sông đất nước của các nhà khoa học tiền bối mãi mãi được toàn thể các thế hệ hậu bối khoa học công nghệ kính cẩn thờ phụng cung phụng trong tim và hóa thành động lực tiến bước.

20 nét | HÁN VIỆT : CUNG PHỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1373

供暖
gōngnuǎn

sưởi ấm, cấp nhiệt sưởi ấm mùa đông

我国成功建成了全球首个大型核能综合利用零碳清洁供暖示范工程，为数十万北方居民提供了温暖绿色的冬季热源。
Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú shǒu gè dà xíng hé néng zōng hé lì yòng líng tàn qīng jié gōng nuǎn shì fàn gōng chéng, wéi shù shí wàn běi fāng jū mín tí gōng le wēn nuǎn lǜ sè de dōng jì rè yuán.
Nước ta đã xây dựng thành công công trình trình diễn sưởi ấm cấp nhiệt sạch không phát thải carbon tận dụng tổng hợp năng lượng hạt nhân quy mô lớn đầu tiên trên toàn cầu, mang lại nguồn nhiệt mùa đông xanh ấm áp cho hàng chục vạn cư dân phương Bắc.

23 nét | HÁN VIỆT : CUNG NOÃN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1374

供求
gōngqiú

cung cầu, quan hệ cung và cầu trên thị trường

国家构建了覆盖全国主要高科技产业集群的关键核心元器件供求动态大数据智能监测与预警调度平台。
Guó jiā gòu jiàn le fù gài quán guó zhǔ yào gāo kē jì chǎn yè jí qún de guān jiàn hé xīn yuán qì jiàn gōng qiú dòng tài dà shù jù zhì néng jiān cè yǔ yù jǐng diào dù píng tái.
Nhà nước đã xây dựng nền tảng điều phối cảnh báo sớm và giám sát thông minh dữ liệu lớn động thái cung cầu quan hệ cung và cầu linh kiện cốt lõi then chốt bao phủ các cụm ngành công nghệ cao chính trên toàn quốc.

19 nét | HÁN VIỆT : CUNG CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1375

宫殿
gōng diàn

cung điện, hoàng cung nguy nga

故宫太和殿作为我国现存规模最大、建筑规格最高的古代木结构宫殿建筑，金碧辉煌、气势磅礴。
Gù gōng tài hé diàn zuò wéi wǒ guó xiàn cún guī mó zuì dà, jiàn zhù guī gé zuì gāo de gǔ dài mù jié gòu gōng diàn jiàn zhù, jīn bì huī huáng, qì shì páng bó.
Điện Thái Hòa bên trong Cố Cung với tư cách là công trình kiến trúc cung điện bằng kết cấu gỗ cổ đại có quy mô lớn nhất và cấp độ kiến trúc cao nhất còn tồn tại của nước ta, vàng son lộng lẫy, khí thế nguy nga hùng tráng.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1376

宫廷
gōngtíng

cung đình, hoàng cung triều đình phong kiến

故宫科技文保团队综合运用拉曼光谱与X射线荧光无损微区检测，完整解析了明清宫廷御用特种颜料的分子化学成分。
Gù gōng kē jì wén bǎo tuán duì zōng hé yùn yòng lā màn guāng pǔ yǔ X shè xiàn yíng guāng wú sǔn wēi qū jiǎn cè, wán zhěng jiě xī le míng qīng gōng tíng yù yòng tè zhǒng yán liào de fèn zǐ huà xué chéng fèn.
Đội ngũ bảo tồn văn vật khoa học công nghệ Cố Cung vận dụng tổng hợp kiểm trắc vi vùng không phá hủy huỳnh quang tia X và quang phổ Raman đã giải mã hoàn chỉnh thành phần hóa học phân tử của các loại thuốc màu đặc chủng ngự dụng cung đình hoàng cung thời Minh – Thanh.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1377

恭维
gōngwei

tâng bốc, nịnh nọt ca tụng tâng bốc

真正的战略科学家从不被外界浮夸的名利恭维所诱惑，始终保持清醒冷静、心无旁骛扎根在原始科研第一线。
Zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā cóng bù bèi wài jiè fú kuā de míng lì gōng wéi suǒ yòu huò, shǐ zhōng bǎo chí qīng xǐng lěng jìng, xīn wú páng wù zhā gēn zài yuán shǐ kē yán dì yī xiàn.
Những nhà khoa học chiến lược thực thụ không bao giờ bị những lời nịnh nọt tâng bốc ca tụng danh lợi phù phiếm bên ngoài cám dỗ, luôn giữ vững sự điềm tĩnh tỉnh táo, toàn tâm toàn ý cắm rễ nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học nguyên bản.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1378

恭喜
gōngxǐ

chúc mừng, cung hỉ chúc mừng thành công

当大科学装置首轮物理束流成功引出并打破世界纪录时，国际粒子物理联合会第一时间向中国团队发来热烈恭喜贺电。
Dāng dà kē xué zhuāng zhì shǒu lún wù lǐ shù liú chéng gōng yǐn chū bìng dǎ pò shì jiè jì lù shí, guó jì lì zi wù lǐ lián hé huì dì yī shí jiān xiàng zhōng guó tuán duì fā lái rè liè gōng xǐ hè diàn.
Khi chùm hạt vật lý đợt đầu của thiết bị khoa học lớn được dẫn ra thành công và phá vỡ kỷ lục thế giới, Liên đoàn Vật lý Hạt Quốc tế đã gửi điện mừng chúc mừng nồng nhiệt tới đội ngũ Trung Quốc ngay trong thời khắc đầu tiên.

25 nét | HÁN VIỆT : CUNG HỶ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1379

拱
gǒng

chắp tay vòm (gǒngshǒu); vòm cung, kết cấu vòm (gǒng)

大科学装置地下超深实验主洞室采用了特种超大跨度双曲钢筋混凝土拱形支护结构，确保承载地层巨大围岩压力。
Dà kē xué zhuāng zhì dì xià chāo shēn shí yàn zhǔ dòng shì cǎi yòng le tè zhǒng chāo dà kuà dù shuāng qū gāng jīn hùn níng tǔ gǒng xíng zhī hù jié gòu, què bǎo chéng zài dì céng jù dà wéi yán yā lì.
Hầm lò thực nghiệm chính siêu sâu dưới lòng đất của thiết bị khoa học lớn áp dụng kết cấu chống đỡ hình vòm vòm cung bê tông cốt thép khẩu độ siêu lớn đặc chủng, bảo đảm gánh chịu áp lực đá vây quanh khổng lồ của tầng địa chất.

11 nét | HÁN VIỆT : CỦNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1380

共鸣
gòng míng

cộng hưởng, đồng cảm sâu sắc (tâm hồn, nghệ thuật)

这部真实展现脱贫攻坚壮丽历程与乡村振兴感人故事的电视剧，在全国数亿观众中引发了极其强烈的精神共鸣。
Zhè bù zhēn shí zhǎn xiàn tuō pín gōng jiān zhuàng lì lì chéng yǔ xiāng cūn zhèn xīng gǎn rén gù shì de diàn shì jù, zài quán guó shù yì guān zhòng zhōng yǐn fā le jí qí qiáng liè de jīng shén gòng míng.
Bộ phim truyền hình tái hiện chân thực hành trình tráng lệ của công cuộc xóa đói giảm nghèo và những câu chuyện lay động lòng người về chấn hưng nông thôn đã tạo nên sự đồng cảm cộng hưởng tinh thần vô cùng mãnh liệt trong lòng hàng trăm triệu khán giả trên cả nước.

21 nét | HÁN VIỆT : CỘNG MINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1381

共识
gòngshí

đồng thuận, nhận thức chung quan điểm chung

与会多国顶尖科学家就共同发起全球深空探索与微观量子精密测量大科学合作计划达成了广泛而坚定的国际共识。
Yǔ huì duō guó dǐng jiān kē xué jiā jiù gòng tóng fā qǐ quán qiú shēn kōng tàn suǒ yǔ wēi guān liàng zǐ jīng mì cè liáng dà kē xué hé zuò jì huà dá chéng le guǎng fàn ér jiān dìng de guó jì gòng shí.
Các nhà khoa học đỉnh cao nhiều quốc gia tham dự hội nghị đã đạt được sự đồng thuận nhận thức chung quốc tế kiên định và rộng rãi về việc cùng khởi xướng Kế hoạch Hợp tác Khoa học Lớn Đo đạc Chính xác Lượng tử Vi mô và Thám trắc Không gian Sâu Toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : CỘNG THỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1382

共同体
gòngtóngtǐ

cộng đồng, cộng đồng chung cùng chung vận mệnh

中国始终积极倡导构建人类卫生健康共同体与全球开放科学共同体，推动前沿科技创新成果造福全人类。
Zhōng guó shǐ zhōng jī jí chàng dǎo gòu jiàn rén lèi wèi shēng jiàn kāng gòng tóng tǐ yǔ quán qiú kāi fàng kē xué gòng tóng tǐ, tuī dòng qián yán kē jì chuàng xīn chéng guǒ zào fú quán rén lèi.
Trung Quốc luôn tích cực khởi xướng xây dựng cộng đồng khoa học mở toàn cầu và cộng đồng cùng chung vận mệnh sức khỏe y tế nhân loại, thúc đẩy các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong mang lại hạnh phúc cho toàn nhân loại.

32 nét | HÁN VIỆT : CỘNG ĐỒNG THỂ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1383

共性
gòngxìng

tính phổ biến, tính chất chung điểm tương đồng

国家制造业创新中心着力突破跨行业、跨领域的关键共性基础制造技术与核心工业母机装备瓶颈。
Guó jiā zhì zào yè chuàng xīn zhōng xīn zhuó lì tū pò kuà háng yè, kuà lǐng yù de guān jiàn gòng xìng jī chǔ zhì zào jì shù yǔ hé xīn gōng yè mǔ jī zhuāng bèi píng jǐng.
Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Ngành Chế tạo Quốc gia chú trọng đột phá các nút thắt trang thiết bị máy công cụ công nghiệp cốt lõi và công nghệ chế tạo cơ bản tính chất chung tính phổ biến then chốt xuyên ngành nghề, xuyên lĩnh vực.

22 nét | HÁN VIỆT : CỘNG TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1384

勾
gōu

móc câu, móc nối lôi cuốn; đánh dấu tích (gōu)

在老科学家珍贵科研手稿旁，密密麻麻地用红笔打满了各种重点公式标记与清晰的勾选推导符号。
Zài lǎo kē xué jiā zhēn guì kē yán shǒu gǎo páng, mì mì má má dì yòng hóng bǐ dǎ mǎn le gè zhǒng zhòng diǎn gōng shì biāo jì yǔ qīng xī de gōu xuǎn tuī dǎo fú hào.
Bên cạnh bản thảo nghiên cứu khoa học quý giá của vị nhà khoa học lão thành, chi chít những ký hiệu suy diễn đánh dấu tích đánh dấu tích rõ ràng và các đánh dấu công thức trọng điểm được ghi bằng bút đỏ.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1385

勾画
gōuhuà

phác họa, vẽ nên đường nét phác thảo

国家科技中长期战略规划清晰勾画出了未来三十年我国建成世界主要科学中心和创新高地的宏伟蓝图。
Guó jiā kē jì zhōng cháng qī zhàn lüè guī huà qīng xī gōu huà chū le wèi lái sān shí nián wǒ guó jiàn chéng shì jiè zhǔ yào kē xué zhōng xīn hé chuàng xīn gāo dì de hóng wěi lán tú.
Quy hoạch chiến lược trung và dài hạn khoa học công nghệ quốc gia đã phác họa phác thảo vẽ nên rõ ràng bức tranh tổng thể hùng vĩ về việc nước ta xây dựng thành công vùng đất cao đổi mới sáng tạo và trung tâm khoa học chính của thế giới trong 30 năm tới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1386

勾结
gōu jié

cấu kết, câu kết, thông đồng làm bậy

国家司法机关坚决依法打击任何境内外敌对势力相互勾结、企图危害国家主权安全的违法犯罪活动。
Guó jiā sī fǎ jī guān jiān jué yī fǎ dǎ jī rèn hé jìng nèi wài dí duì shì lì xiāng hù gōu jié, qǐ tú wēi hài guó jiā zhǔ quán ān quán de wéi fǎ fàn zuì huó dòng.
Cơ quan tư pháp quốc gia kiên quyết theo quy định pháp luật xử lý nghiêm minh mọi hoạt động vi phạm pháp luật câu kết cấu kết lẫn nhau giữa các thế lực thù địch trong và ngoài nước mưu toan xâm hại chủ quyền an ninh quốc gia.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1387

钩
gōu

cái móc, móc sắt móc treo; móc vào

在深海载人潜水器收放作业中，母船特种重型伸缩吊臂上的智能防摆脱钩装置精准锁定了潜水器吊环。
Zài shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì shōu fàng zuò yè zhōng, mǔ chuán tè zhǒng zhòng xíng shēn suō diào bì shàng de zhì néng fáng bǎi tuō gōu zhuāng zhì jīng zhǔn suǒ dìng le qián shuǐ qì diào huán.
Trong thao tác thả và thu hồi tàu lặn có người lái biển sâu, thiết bị móc treo cái móc thông minh chống tuột trên cần cẩu co duỗi hạng nặng đặc chủng của tàu mẹ đã khóa chặt chuẩn xác vòng móc treo của tàu lặn.

13 nét | HÁN VIỆT : CÂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1388

钩子
gōu zi

cái móc, móc cẩu, móc câu

重型舰载起重机的特种合金巨型吊钩具备数千吨级超强抗拉强度，能够平稳精准吊装大型深海装备。
Zhòng xíng jiàn zài qǐ zhòng jī de tè zhǒng hé jīn jù xíng diào gōu jù bèi shù qiān dūn jí chāo qiáng kàng lā qiáng dù, néng gòu píng wěn jīng zhǔn diào zhuāng dà xíng shēn hǎi zhuāng bèi.
Móc cẩu khổng lồ bằng hợp kim đặc chủng của cần cẩu hạng nặng trên tàu chiến sở hữu sức chịu kéo siêu mạnh cấp độ hàng ngàn tấn, có thể cẩu lắp các thiết bị biển sâu cỡ lớn một cách êm ái và chuẩn xác.

24 nét | HÁN VIỆT : CÂU TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1389

构思
gòu sī

hình thành ý tưởng, bố cục dàn ý (sáng tác, thiết kế)

建筑大师巧妙构思，将中国传统榫卯结构与现代节能被动房理念完美融合在一座国家级大剧院设计中。
Jiàn zhù dà shī qiǎo miào gòu sī, jiāng zhōng guó chuán tǒng sǔn mǎo jié gòu yǔ xiàn dài jié néng bèi dòng fáng lǐ niàn wán měi róng hé zài yī zuò guó jiā jí dà jù yuàn shè jì zhōng.
Bậc thầy kiến trúc đã hình thành ý tưởng bố cục một cách tài tình, dung hòa hoàn mỹ kết cấu mộng ngàm truyền thống cùng quan niệm nhà thụ động tiết kiệm năng lượng hiện đại bên trong thiết kế của một nhà hát lớn cấp quốc gia.

21 nét | HÁN VIỆT : CẤU TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1390

构想
gòuxiǎng

ý tưởng kiến trúc, phác thảo thiết kế, ý đồ quy hoạch

战略科学家提出的深空引力波空间探测天基实验系统前瞻性构想，如今已逐步转化为国家重大科技立项现实。
Zhàn lüè kē xué jiā tí chū de shēn kōng yǐn lì bō kōng jiān tàn cè tiān jī shí yàn xì tǒng qián zhān xìng gòu xiǎng, rú jīn yǐ zhú bù zhuǎn huà wèi guó jiā zhòng dà kē jì lì xiàng xiàn shí.
Ý tưởng kiến trúc ý đồ quy hoạch có tầm nhìn xa về hệ thống thực nghiệm trên vũ trụ thám trắc sóng hấp dẫn không gian sâu do nhà khoa học chiến lược đưa ra ngày nay đã từng bước chuyển hóa thành hiện thực lập dự án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia.

25 nét | HÁN VIỆT : CẤU TƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1391

购
gòu

mua sắm, mua vào trang bị

国家重大科技专项优先支持采购和应用完全自主研发的国产高精度仪器设备与前沿工业基础软件。
Guó jiā zhòng dà kē jì zhuān xiàng yōu xiān zhī chí cǎi gòu hé yìng yòng wán quán zì zhǔ yán fā de guó chǎn gāo jīng dù yí qì shè bèi yǔ qián yán gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn.
Chuyên án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang bị mua vào và ứng dụng các phần mềm nền tảng công nghiệp tiên phong cùng trang thiết bị dụng cụ độ chính xác cao sản xuất trong nước do ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

8 nét | HÁN VIỆT : CẤU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1392

够呛
gòuqiàng

gay cấn mệt bở hơi tai, khốn đốn gay go (khẩu ngữ)

面对突发的特大雷暴天气险情，野外地质科考应急突击队连续高强度抢险作业二十多个小时，着实把大家累得够呛。
Miàn duì tū fā de tè dà léi bào tiān qì xiǎn qíng, yě wài dì zhì kē kǎo yīng jí tū jī duì lián xù gāo qiáng dù qiǎng xiǎn zuò yè èr shí duō gè xiǎo shí, zhe shí bǎ dà jiā lèi dé gòu qiàng.
Đứng trước hiểm họa thời tiết giông bão cực lớn đột xuất, đội xung kích ứng phó khẩn cấp khảo sát địa chất dã ngoại đã liên tục cứu hộ cường độ cao suốt hơn 20 tiếng đồng hồ, thực sự làm cho mọi người mệt bở hơi tai gay cấn vất vả khốn đốn.

18 nét | HÁN VIỆT : CÚ SẶC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1393

估算
gūsuàn

ước tính, tính toán ước lượng sơ bộ

超级计算机根据百亿光年外超新星爆发观测数据进行严密物理估算，精确还原了星系演化的动态物理参数。
Chāo jí jì suàn jī gēn jù bǎi yì guāng nián wài chāo xīn xīng bào fā guān cè shù jù jìn xíng yán mì wù lǐ gū suàn, jīng què huán yuán le xīng xì yǎn huà de dòng tài wù lǐ cān shù.
Siêu máy tính căn cứ vào số liệu quan trắc vụ nổ siêu tân tinh cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng tiến hành ước tính tính toán ước lượng vật lý chặt chẽ, phục dựng chuẩn xác các tham số vật lý động thái của sự tiến hóa thiên hà.

22 nét | HÁN VIỆT : CỔ TOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1394

孤单
gū dān

cô đơn, cô độc

独自一人身处异国他乡求学难免会感到些许孤单，多参加社团活动有助于结交志同道合的好友。
Dú zì yī rén shēn chù yì guó tā xiāng qiú xué nán miǎn huì gǎn dào xiē xǔ gū dān, duō cān jiā shè tuán huó dòng yǒu zhù yú jié jiāo zhì tóng dào hé de hǎo yǒu.
Một mình nơi đất khách quê người học tập khó tránh khỏi những lúc cảm thấy cô đơn quạnh quẽ, tích cực tham gia các câu lạc bộ sẽ giúp bạn dễ dàng kết giao những người bạn cùng chí hướng.

22 nét | HÁN VIỆT : CÔ THIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1395

孤立
gū lì

cô lập, đơn độc; tách rời

在推进中国式现代化进程中，我们必须坚持系统观念，决不能把各项经济社会发展改革孤立割裂开来看待。
Zài tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà jìn chéng zhōng, wǒ men bì xū jiān chí xì tǒng guān niàn, jué bù néng bǎ gè xiàng jīng jì shè huì fā zhǎn gǎi gé gū lì gē liè kāi lái kàn dài.
Trong tiến trình thúc đẩy hiện đại hóa đất nước, chúng ta bắt buộc phải kiên trì quan điểm hệ thống, tuyệt đối không thể nhìn nhận các cuộc cải cách phát triển kinh tế xã hội một cách cô lập và chia cắt rời rạc.

23 nét | HÁN VIỆT : CÔ LẬP

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1396

孤零零
gūlínglíng

cô độc lẻ loi, đơn độc trơ trọi một mình

在渺无人烟的荒漠深处，孤零零矗立的深空雷达测控天线日夜不知疲倦地旋转着，守护着深空飞行的航天器。
Zài miǎo wú rén yān de huāng mò shēn chù, gū líng líng chù lì de shēn kōng léi dá cè kòng tiān xiàn rì yè bù zhī pí juàn dì xuán zhuǎn zhe, shǒu hù zhe shēn kōng fēi xíng de háng tiān qì.
Nơi sâu thẳm trong sa mạc hoang vu vắng bóng người, chiếc ăng-ten trắc nghiệm điều khiển radar không gian sâu sừng sững đơn độc trơ trọi cô độc lẻ loi ngày đêm xoay tròn không mệt mỏi, bảo vệ các tàu vũ trụ đang bay trong không gian sâu.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔ LINH LINH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1397

孤陋寡闻
gūlòuguǎwén

hẹp hòi thiếu hiểu biết, thiển cận nông cạn ít thấy nghe

搞科学研究必须放眼全球科技前沿、保持开放包容心态，决不能固步自封、陷入孤陋寡闻的狭隘泥潭。
Gǎo kē xué yán jiū bì xū fàng yǎn quán qiú kē jì qián yán, bǎo chí kāi fàng bāo róng xīn tài, jué bù néng gù bù zì fēng, xiàn rù gū lòu guǎ wén de xiá ài ní tán.
Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải phóng tầm mắt nhìn ra các mũi nhọn khoa học công nghệ toàn cầu, giữ vững tâm thế bao dung mở cửa, tuyệt đối không được tự mãn dậm chân tại chỗ, rơi vào vũng bùn thiển cận hẹp hòi thiếu hiểu biết ít thấy nghe.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔ LẬU QUẢ VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1398

沽名钓誉
gūmíngdiàoyù

mua danh chuộc tiếng, hám danh hám lợi trục lợi hư danh

战略科学家一生淡泊名利、科技报国，坚决鄙弃一切弄虚作假与沽名钓誉的学术不良风气。
Zhàn lüè kē xué jiā yī shēng dàn bó míng lì, kē jì bào guó, jiān jué bǐ qì yī qiè nòng xū zuò jiǎ yǔ gū míng diào yù de xué shù bù liáng fēng qì.
Nhà khoa học chiến lược cả đời đạm bạc danh lợi, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, kiên quyết bài trừ khinh bỉ mọi thói xấu học thuật làm giả dối trá và mua danh chuộc tiếng hám danh trục lợi.

35 nét | HÁN VIỆT : CÔ DANH ĐIẾU DỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1399

辜负
gū fù

phụ lòng, cô phụ, làm uổng phí (sự kỳ vọng, công ơn)

广大青年科技工作者立志攻坚克难、科技报国，绝不辜负党和人民对新一代青年科技人才的殷切期望。
Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě lì zhì gōng jiān kè nán, kē jì bào guó, jué bù gū fù dǎng hé rén mín duì xīn yí dài qīng nián kē jì rén cái de yīn qiè qī wàng.
Đông đảo các cán bộ khoa học công nghệ trẻ lập chí vượt qua gian khó, đem khoa học phụng sự Tổ quốc, tuyệt đối không phụ lòng kỳ vọng tha thiết của Đảng và nhân dân đối với thế hệ nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi.

16 nét | HÁN VIỆT : CÔ PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1400

古董
gǔ dǒng

cổ vật, đồ cổ; người cổ hủ

国家文物局运用激光拉曼光谱与微痕无损检测技术，对馆藏商周青铜古董进行高精度科技断代与材质鉴定。
Guó jiā wén wù jú yùn yòng jī guāng lā màn guāng pǔ yǔ wēi hén wú sǔn jiǎn cè jì shù, duì guǎn cáng shāng zhōu qīng tóng gǔ dǒng jìn xíng gāo jīng dù kē jì duàn dài yǔ cái zhì jiàn dìng.
Cục Di sản Văn hóa Quốc gia áp dụng công nghệ quang phổ Raman laser và kiểm tra vi vết không phá hủy để xác định niên đại và giám định chất liệu bằng công nghệ cao đối với các cổ vật đồ đồng thời Thương - Chu lưu giữ trong bảo tàng.

20 nét | HÁN VIỆT : CỔ ĐỔNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1401

古怪
gǔ guài

kỳ quặc, quái dị, lập dị khó hiểu

在深海热液喷口极端高压无光环境下，生活着许多外形极其古怪且具备特殊化能合成机制的深海生物。
Zài shēn hǎi rè yè pēn kǒu jí duān gāo yā wú guāng huán jìng xià, shēng huó zhe xǔ duō wài xíng jí qí gǔ guài qiě jù bèi tè shū huà néng hé chéng jī zhì de shēn hǎi shēng wù.
Dưới môi trường cực đoan áp suất cao và không có ánh sáng của các miệng phun thủy nhiệt biển sâu, đang là nơi sinh sống của rất nhiều sinh vật biển sâu có hình thù vô cùng kỳ quặc và sở hữu cơ chế hóa tổng hợp đặc biệt.

22 nét | HÁN VIỆT : CỔ QUÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1402

古迹
gǔjì

di tích cổ, di tích lịch sử cổ xưa

国家科技文保重点实验室综合运用激光雷达微变形监测与环境DNA分析技术，实现了对千年古迹的高精度无损保护。
Guó jiā kē jì wén bǎo zhòng diǎn shí yàn shì zōng hé yùn yòng jī guāng léi dá wēi biàn xíng jiǎn cè yǔ huán jìng DNA fēn xī jì shù, shí xiàn le duì qiān nián gǔ jì de gāo jīng dù wú sǔn bǎo hù.
Phòng thí nghiệm trọng điểm bảo tồn văn vật khoa học công nghệ quốc gia vận dụng tổng hợp công nghệ phân tích ADN môi trường và quan trắc vi biến dạng LiDAR radar laser, thực hiện việc bảo vệ không phá hủy độ chính xác cao đối với các di tích cổ di tích lịch sử ngàn năm.

18 nét | HÁN VIỆT : CỔ TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #1403

古今中外
gǔjīnzhōngwài

xưa nay trong ngoài nước, xưa và nay kim cổ đông tây

古今中外科学技术发展的历史生动表明：谁牵住了科技创新这个“牛鼻子”，谁就能占领先机、赢得未来。
Gǔ jīn zhōng wài kē xué jì shù fā zhǎn de lì shǐ shēng dòng biǎo míng: shuí qiān zhù le kē jì chuàng xīn zhè ge "niú bí zi ", shuí jiù néng zhàn lǐng xiān jī, yíng dé wèi lái.
Lịch sử phát triển khoa học kỹ thuật xưa và nay kim cổ đông tây xưa nay trong ngoài nước đã chứng minh một cách sinh động: ai dắt được 'mũi bò' đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, người đó sẽ chiếm lĩnh thời cơ dẫn đầu, giành lấy tương lai.

35 nét | HÁN VIỆT : CỔ KIM TRUNG NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1404

古朴
gǔpǔ

cổ kính mộc mạc, cổ kính thanh nhã

国家综合性科学中心建筑群巧妙融合了古朴典雅的中华传统园林风貌与极富未来感的现代大科学装置形态。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn jiàn zhù qún qiǎo miào róng hé le gǔ piáo diǎn yǎ de zhōng huá chuán tǒng yuán lín fēng mào yǔ jí fù wèi lái gǎn de xiàn dài dà kē xué zhuāng zhì xíng tài.
Quần thể kiến trúc Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã hòa quyện khéo léo phong mạo lâm viên truyền thống Trung Hoa cổ kính mộc mạc thanh nhã với hình thái thiết bị khoa học lớn hiện đại tràn đầy cảm giác tương lai.

18 nét | HÁN VIỆT : CỔ PHÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1405

古人
gǔrén

người xưa, tiền nhân thuở trước

中国航天科学家以现代硬核科技圆了古人嫦娥奔月、祝融探火与天宫揽胜的千载浪漫梦想。
Zhōng guó háng tiān kē xué jiā yǐ xiàn dài yìng hé kē jì yuán le gǔ rén cháng é bēn yuè, zhù róng tàn huǒ yǔ tiān gōng lǎn shèng de qiān zài làng màn mèng xiǎng.
Các nhà khoa học hàng không vũ trụ Trung Quốc bằng khoa học công nghệ cứng hiện đại đã hiện thực hóa giấc mơ lãng mạn ngàn năm của người xưa tiền nhân thuở trước về Hằng Nga bay lên Cung trăng, Chúc Dung thám trắc Sao Hỏa và Thiên Cung ngắm trọn dải ngân hà.

17 nét | HÁN VIỆT : CỔ NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1406

股份
gǔ fèn

cổ phần, cổ phiếu

国家完善科研人员职务科技成果转化股权期权激励机制，允许优秀科研团队依法持有科技转化企业股份。
Guó jiā wán shàn kē yán rén yuán zhí wù kē jì chéng guǒ zhuǎn huà gǔ quán qī quán jī lì jī zhì, yǔn xǔ yōu xiù kē yán tuán duì yī fǎ chí yǒu kē jì zhuǎn huà qǐ yè gǔ fèn.
Nhà nước hoàn thiện cơ chế khích lệ bằng quyền chọn cổ phiếu và vốn cổ phần đối với việc chuyển giao thành quả khoa học công nghệ thuộc nhiệm vụ của cán bộ nghiên cứu, cho phép các nhóm nghiên cứu xuất sắc nắm giữ cổ phần doanh nghiệp chuyển hóa công nghệ theo luật định.

22 nét | HÁN VIỆT : CỔ PHẦN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1407

股民
gǔmín

nhà đầu tư chứng khoán, người chơi cổ phiếu

随着国产高端半导体产业链全面实现自主突破，资本市场广大股民对国家科技自立自强的信心空前高涨。
Suí zhe guó chǎn gāo duān bàn dǎo tǐ chǎn yè liàn quán miàn shí xiàn zì zhǔ tū pò, zī běn shì chǎng guǎng dà gǔ mín duì guó jiā kē jì zì lì zì qiáng de xìn xīn kōng qián gāo zhǎng.
Cùng với việc chuỗi ngành bán dẫn cao cấp sản xuất trong nước thực hiện đột phá tự chủ toàn diện, niềm tin của đông đảo các nhà đầu tư chứng khoán người chơi cổ phiếu trên thị trường vốn đối với sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ quốc gia dâng cao chưa từng thấy.

18 nét | HÁN VIỆT : CỔ DÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1408

股市
gǔshì

thị trường chứng khoán, sàn giao dịch cổ phiếu

国家科创板股票上市制度全面优化，强力引导金融资本活水流向硬科技创新企业与大科学产业链领跑者。
Guó jiā kē chuàng bǎn gǔ piào shàng shì zhì dù quán miàn yōu huà, qiáng lì yǐn dǎo jīn róng zī běn huó shuǐ liú xiàng yìng kē jì chuàng xīn qǐ yè yǔ dà kē xué chǎn yè lián lǐng pǎo zhě.
Chế độ niêm yết cổ phiếu Sàn Giao dịch Đổi mới Khoa học Công nghệ (STAR Market) Quốc gia được tối ưu hóa toàn diện, dẫn dắt mạnh mẽ dòng nước nguồn vốn tài chính chảy tới các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo công nghệ cứng và những doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi ngành khoa học lớn.

17 nét | HÁN VIỆT : CỔ THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1409

骨干
gǔ gàn

cốt cán, xương sống, lực lượng nòng cốt

青年科学家与杰出工程师已经迅速成长为支撑国家重大科技专项攻坚克难的战略主力与核心骨干。
Qīng nián kē xué jiā yǔ jié chū gōng chéng shī yǐ jīng xùn sù chéng zhǎng wèi zhī chēng guó jiā zhòng dà kē jì zhuān xiàng gōng jiān kè nán de zhàn lüè zhǔ lì yǔ hé xīn gǔ gàn.
Các nhà khoa học trẻ tuổi và kỹ sư kiệt xuất đã nhanh chóng trưởng thành trở thành lực lượng chủ lực chiến lược và nòng cốt xương sống nâng đỡ các đề án khoa học công nghệ trọng đại của đất nước vượt qua gian khó.

16 nét | HÁN VIỆT : CỐT CAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1410

骨气
gǔqì

khí phách, khí phách kiên cường bất khuất

中国科学家以顶天立地的志气与自立自强的骨气，在外部极限技术封锁打压中成功开辟出完全自主的技术新路！
Zhōng guó kē xué jiā yǐ dǐng tiān lì dì de zhì qì yǔ zì lì zì qiáng de gǔ qì, zài wài bù jí xiàn jì shù fēng suǒ dǎ yā zhōng chéng gōng kāi pì chū wán quán zì zhǔ de jì shù xīn lù!
Các nhà khoa học Trung Quốc bằng chí khí đội trời đạp đất cùng khí phách kiên cường bất khuất khí phách tự chủ tự cường đã mở ra thành công con đường công nghệ mới hoàn toàn tự chủ giữa muôn trùng phong tỏa chèn ép công nghệ giới hạn từ bên ngoài!

20 nét | HÁN VIỆT : CỐT KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1411

骨折
gǔzhé

gãy xương, rạn nứt xương gãy xương khớp

国家再生医学团队成功研制出可生物降解仿生微孔钛合金骨板，使复杂粉碎性骨折患者的骨骼愈合周期缩短了过半。
Guó jiā zài shēng yī xué tuán duì chéng gōng yán zhì chū kě shēng wù jiàng jiě fǎng shēng wēi kǒng tài hé jīn gǔ bǎn, shǐ fù zá fěn suì xìng gǔ zhé huàn zhě de gǔ gé yù hé zhōu qī suō duǎn le guò bàn.
Đội ngũ y học tái sinh quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công nẹp xương hợp kim titan vi lỗ phỏng sinh học có thể tự phân hủy sinh học, giúp rút ngắn hơn một nửa chu kỳ liền xương cho bệnh nhân bị gãy xương gãy xương gãy vụn phức tạp.

21 nét | HÁN VIỆT : CỐT CHIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1412

鼓动
gǔ dòng

kích động, xúi giục; cổ vũ khích lệ

国际社会坚定维护真正的多边主义与联合国权威，坚决反对个别外部势力蓄意挑动阵营对抗与鼓动地缘冲突。
Guó jì shè huì jiān dìng wéi hù zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì yǔ lián hé guó quán wēi, jiān jué fǎn duì gè bié wài bù shì lì xù yì tiǎo dòng zhèn yíng duì kàng yǔ gǔ dòng dì yuán chōng tū.
Cộng đồng quốc tế kiên định bảo vệ chủ nghĩa đa phương chân chính và uy quyền của Liên Hợp Quốc, kiên quyết phản đối các thế lực bên ngoài cố tình kích động đối đầu phe phái và xúi giục xung đột địa chính trị.

26 nét | HÁN VIỆT : CỔ ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1413

鼓舞
gǔ wǔ

cổ vũ, khích lệ, động viên

老一辈航天科学家矢志报国、勇攀高峰的奉献精神，始终深深鼓舞着青年一代科研人员奋勇前行。
Lǎo yī bèi háng tiān kē xué jiā shǐ zhì bào guó, yǒng pān gāo fēng de fèng xiàn jīng shén, shǐ zhōng shēn shēn gǔ wǔ zhe qīng nián yí dài kē yán rén yuán fèn yǒng qián xíng.
Tinh thần cống hiến kiên định phụng sự Tổ quốc và dũng cảm chinh phục đỉnh cao của các thế hệ nhà khoa học hàng không vũ trụ đi trước luôn là nguồn cổ vũ sâu sắc thôi thúc thế hệ nghiên cứu trẻ vững bước tiến lên.

24 nét | HÁN VIỆT : CỔ VŨ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1414

固然
gù rán

tuy rằng, cố nhiên là, dẫu rằng đúng là

外部先进经验固然值得认真吸收借鉴，但关键核心技术的突破最终必须紧紧依靠自主创新与自主研发。
Wài bù xiān jìn jīng yàn gù rán zhí de rèn zhēn xī shōu jiè jiàn, dàn guān jiàn hé xīn jì shù de tū pò zuì zhōng bì xū jǐn jǐn yī kào zì zhǔ chuàng xīn yǔ zì zhǔ yán fā.
Kinh nghiệm tiên tiến bên ngoài cố nhiên là rất đáng để tiếp thu học hỏi, nhưng sự đột phá của các công nghệ lõi then chốt cuối cùng bắt buộc phải dựa chặt vào đổi mới sáng tạo tự chủ và tự thân nghiên cứu phát triển.

24 nét | HÁN VIỆT : CỐ NHIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1415

固执
gù zhí

cố chấp, bướng bỉnh, khăng khăng không đổi

在面对确凿客观的实验复现数据与反例事实面前，真正的科学工作者绝不能固执己见、拒绝修正理论。
Zài miàn duì què záo kè guān de shí yàn fù xiàn shù jù yǔ fǎn lì shì shí miàn qián, zhēn zhèng de kē xué gōng zuò zhě jué bù néng gù zhí jǐ jiàn, jù jué xiū zhèng lǐ lùn.
Đứng trước các số liệu tái lập thực nghiệm khách quan xác thực và các sự thật phản ví dụ, người làm khoa học chân chính tuyệt đối không thể cố chấp giữ khư khư ý mình mà từ chối sửa đổi lý thuyết.

27 nét | HÁN VIỆT : CỐ CHẤP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1416

故
gù

Vì thế

老师鼓励大家积极故，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gù， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Vì thế, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : CỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1417

顾不得
gùbude

không màng đến, không kịp để ý tới, quên cả

在大科学工程试验抢险紧要关头，总工程师顾不得擦拭脸上的汗水与雨水，争分夺秒下达应急处置指令。
Zài dà kē xué gōng chéng shì yàn qiǎng xiǎn jǐn yào guān tóu, zǒng gōng chéng shī gù bù dé cā shì liǎn shàng de hàn shuǐ yǔ yǔ shuǐ, zhēng fēn duó miǎo xià dá yìng jí chǔ zhì zhī lìng.
Vào thời khắc khẩn yếu cứu hộ thử nghiệm công trình khoa học lớn, vị Tổng Kỹ sư không màng đến không kịp để ý tới việc lau những giọt mồ hôi và nước mưa trên mặt, tranh thủ từng phút từng giây phát khẩu lệnh xử lý khẩn cấp.

35 nét | HÁN VIỆT : CỐ BẤT ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1418

顾不上
gùbushàng

không kịp ngó ngàng, không rảnh lo tới, không đoái hoài

为了抢抓宝贵的空间天文观测窗口期，值班天文学家们整整一夜顾不上吃饭休息、全神贯注记录每一个光谱信号。
Wèi le qiǎng zhuā bǎo guì de kōng jiān tiān wén guān cè chuāng kǒu qī, zhí bān tiān wén xué jiā men zhěng zhěng yī yè gù bù shàng chī fàn xiū xī, quán shén guàn zhù jì lù měi yí gè guāng pǔ xìn hào.
Để tranh thủ giai đoạn cửa sổ quan trắc thiên văn không gian quý giá, các nhà thiên văn học trực ban suốt cả một đêm không rảnh lo tới không kịp ngó ngàng đến chuyện ăn uống nghỉ ngơi, tập trung cao độ ghi chép từng tín hiệu quang phổ.

33 nét | HÁN VIỆT : CỐ BẤT THƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1419

顾及
gùjí

đoái hoài để ý, bận tâm chăm sóc tới, đếm xỉa

大科学工程管理既要狠抓严密工程进度与质量节点，也要充分顾及一线参建科研人员的身心健康保障。
Dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ jì yào hěn zhuā yán mì gōng chéng jìn dù yǔ zhì liàng jié diǎn, yě yào chōng fèn gù jí yī xiàn cān jiàn kē yán rén yuán de shēn xīn jiàn kāng bǎo zhàng.
Quản lý công trình khoa học lớn vừa phải bám sát nghiêm ngặt các mốc điểm chất lượng và tiến độ công trình chặt chẽ, lại cũng phải đoái hoài để ý bận tâm chăm sóc đầy đủ đến việc bảo đảm sức khỏe thể chất tinh thần cho những người làm nghiên cứu khoa học tuyến đầu tham gia xây dựng.

24 nét | HÁN VIỆT : CỐ CẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1420

顾虑
gù lǜ

lo ngại, e ngại, băn khoăn lo âu

国家建立健全了科技创新尽职免责与容错纠错机制，彻底打消了科研团队敢于探索未知前沿的后顾之忧与顾虑。
Guó jiā jiàn lì jiàn quán le kē jì chuàng xīn jìn zhí miǎn zé yǔ róng cuò jiū cuò jī zhì, chè dǐ dǎ xiāo le kē yán tuán duì gǎn yú tàn suǒ wèi zhī qián yán de hòu gù zhī yōu yǔ gù lǜ.
Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế dung sai sửa sai và miễn trừ trách nhiệm khi đã làm hết chức trách trong đổi mới khoa học công nghệ, xóa bỏ triệt để mọi nỗi lo âu e ngại và băn khoăn phía sau của các nhóm nghiên cứu khi dũng cảm thám hiểm các mũi nhọn chưa biết.

23 nét | HÁN VIỆT : CỐ LỰ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1421

顾全大局
gùquándàjú

nghĩ cho đại cục, vì toàn cục chung, đặt lợi ích chung lên trên

在跨单位跨学科大科学战略攻坚中，各参研团队胸怀大局、顾全大局，主动让渡局部利益确保国家任务圆满成功。
Zài kuà dān wèi kuà xué kē dà kē xué zhàn lüè gōng jiān zhōng, gè cān yán tuán duì xiōng huái dà jú, gù quán dà jú, zhǔ dòng ràng dù jú bù lì yì què bǎo guó jiā rèn wù yuán mǎn chéng gōng.
Trong các trận vượt khó chiến lược khoa học lớn liên ngành liên đơn vị, các đội ngũ tham gia nghiên cứu nghĩ cho đại cục vì toàn cục chung đặt lợi ích chung lên trên, chủ động nhường lại lợi ích cục bộ để bảo đảm nhiệm vụ quốc gia thành công mỹ mãn.

35 nét | HÁN VIỆT : CỐ TOÀN ĐẠI CỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1422

雇
gù

thuê mướn, thuê nhân công tuyển dụng

国家实验室通过全球开放引才机制，面向全球公开招聘并高薪雇请了数十位在量子计算领域具有卓越造诣的顶尖外籍青年学者。
Guó jiā shí yàn shì tōng guò quán qiú kāi fàng yǐn cái jī zhì, miàn xiàng quán qiú gōng kāi zhāo pìn bìng gāo xīn gù qǐng le shù shí wèi zài liàng zǐ jì suàn lǐng yù jù yǒu zhuó yuè zào yì de dǐng jiān wài jí qīng nián xué zhě.
Phòng thí nghiệm quốc gia thông qua cơ chế thu hút nhân tài mở cửa toàn cầu, đã tuyển dụng công khai hướng tới toàn cầu và thuê mướn tuyển dụng mức lương cao hàng chục học giả trẻ nước ngoài đỉnh cao sở hữu kiến thức uyên bác trác việt trong lĩnh vực tính toán lượng tử.

9 nét | HÁN VIỆT : CỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1423

雇佣
gù yōng

thuê, tuyển dụng (nhân công, lao động)

用人单位在雇佣劳动者时必须依法依规签订正规劳动合同，并按时足额缴纳各项社会保险。
Yòng rén dān wèi zài gù yōng láo dòng zhě shí bì xū yī fǎ yī guī qiān dìng zhèng guī láo dòng hé tóng, bìng àn shí zú é jiǎo nà gè xiàng shè huì bǎo xiǎn.
Đơn vị sử dụng lao động khi tuyển dụng thuê mướn người lao động bắt buộc phải ký kết hợp đồng lao động chính quy đúng quy định pháp luật và đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội đúng hạn.

19 nét | HÁN VIỆT : CỐ DONG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1424

雇员
gùyuán

người làm thuê, nhân viên người lao động hợp đồng

国家高科技企业依法全面健全员工知识产权激励与期权激励长效机制，让核心研发雇员充分享受创新增值红利。
Guó jiā gāo kē jì qǐ yè yī fǎ quán miàn jiàn quán yuán gōng zhī shí chǎn quán jī lì yǔ qī quán jī lì zhǎng xiào jī zhì, ràng hé xīn yán fā gù yuán chōng fèn xiǎng shòu chuàng xīn zēng zhí hóng lì.
Doanh nghiệp công nghệ cao quốc gia theo đúng pháp luật hoàn thiện toàn diện cơ chế lâu dài khích lệ quyền chọn cổ phiếu và khích lệ quyền sở hữu trí tuệ cho nhân viên, giúp các nhân viên người làm thuê nghiên cứu phát triển cốt lõi được thụ hưởng trọn vẹn nguồn lợi tăng giá trị đổi mới sáng tạo.

21 nét | HÁN VIỆT : CỐ VIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1425

雇主
gùzhǔ

người sử dụng lao động, người chủ doanh nghiệp thuê mướn

国家综合性科学中心连续多年荣获全国“最佳科研雇主”称号，为战略科技领军人才打造了一流的创新沃土与人文环境。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn lián xù duō nián róng huò quán guó "zuì jiā kē yán gù zhǔ" chēng hào, wèi zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái dǎ zào le yì liú de chuàng xīn wò tǔ yǔ rén wén huán jìng.
Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia nhiều năm liền vinh dự nhận danh hiệu 'Người sử dụng lao động nghiên cứu khoa học xuất sắc nhất' người sử dụng lao động toàn quốc, kiến tạo mảnh đất màu mỡ đổi mới sáng tạo và môi trường nhân văn hàng đầu cho các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược.

17 nét | HÁN VIỆT : CỐ CHỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1426

瓜分
guāfēn

xâu xé chia cắt, phân chia thôn tính (thị trường/lãnh thổ)

国产高精度光刻设备与芯片制造工艺的突破，彻底粉碎了外部跨国垄断巨头企图长期瓜分并霸占中国市场的企图。
Guó chǎn gāo jīng dù guāng kè shè bèi yǔ xīn piàn zhì zào gōng yì de tū pò, chè dǐ fěn suì le wài bù kuà guó lǒng duàn jù tóu qǐ tú cháng qī guā fēn bìng bà zhàn zhōng guó shì chǎng de qī tú.
Bước đột phá của quy trình chế tạo chip và thiết bị quang khắc độ chính xác cao sản xuất trong nước đã đập tan hoàn toàn mưu toan thôn tính phân chia xâu xé chia cắt và độc chiếm thị trường Trung Quốc lâu dài của các tập đoàn khổng lồ độc quyền đa quốc gia bên ngoài.

26 nét | HÁN VIỆT : QUA PHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1427

瓜子
guāzǐ

hạt dưa, hạt hướng dương/hạt bí ăn vặt

现代农业分子育种科研团队成功选育出抗旱抗盐碱、单盘结实率极高的高产食用向日葵“大板瓜子”新品种。
Xiàn dài nóng yè fèn zǐ yù zhǒng kē yán tuán duì chéng gōng xuǎn yù chū kàng hàn kàng yán jiǎn, dān pán jié shí lǜ jí gāo de gāo chǎn shí yòng xiàng rì kuí "dà bǎn guā zi" xīn pǐn zhǒng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học chọn giống phân tử nông nghiệp hiện đại đã lai tạo thành công giống mới hướng dương ăn hạt 'hạt dưa bản lớn' năng suất cao, chịu hạn chịu mặn phèn và có tỷ lệ đậu hạt trên đài hoa cực kỳ cao.

24 nét | HÁN VIỆT : QUA TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Hiện tượng | #1428

刮风
guāfēng

nổi gió, gió thổi giông gió

在戈壁大科学工程室外高精度天线吊装作业中，微风仪实时监测现场风速，严格执行遇大风刮风即刻停工的刚性安全红线。
Zài gē bì dà kē xué gōng chéng shì wài gāo jīng dù tiān xiàn diào zhuāng zuò yè zhōng, wēi fēng yí shí shí jiān cè xiàn chǎng fēng sù, yán gé zhí xíng yù dà fēng guā fēng jí kè tíng gōng de gāng xìng ān quán hóng xiàn.
Trong thao tác cẩu lắp ăng-ten độ chính xác cao ngoài trời của công trình khoa học lớn sa mạc Gobi, máy đo gió vi mô quan trắc tốc độ gió hiện trường theo thời gian thực, thực thi nghiêm ngặt lằn ranh đỏ an toàn cứng hễ gặp nổi gió gió thổi lớn là lập tức tạm dừng thi công.

21 nét | HÁN VIỆT : QUÁT PHONG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1429

寡妇
guǎfu

góa phụ, người phụ nữ góa chồng

国家烈士褒扬与优抚政策为所有为国防科技与大科学事业英勇献身的功勋烈士遗孀寡妇提供终身全方位生活尊崇保障。
Guó jiā liè shì bāo yáng yǔ yōu fǔ zhèng cè wèi suǒ yǒu wèi guó fáng kē jì yǔ dà kē xué shì yè yīng yǒng xiàn shēn de gōng xūn liè shì yí shuāng guǎ fù tí gōng zhōng shēn quán fāng wèi shēng huó zūn chóng bǎo zhàng.
Chính sách ưu đãi người có công và tuyên dương liệt sĩ quốc gia mang lại sự bảo đảm phụng dưỡng sinh hoạt tôn kính toàn diện trọn đời cho tất cả những người góa phụ góa phụ góa chồng là vợ liệt sĩ có công lao anh dũng hi sinh vì sự nghiệp đại khoa học và công nghệ quốc phòng.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1430

挂钩
guàgōu

gắn liền với, liên kết móc nối với; móc nối

国家实验室全面深化科研评价改革，坚决打破将论文篇数与科研人员职称评审和薪酬待遇简单直接挂钩的唯论文倾向。
Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán píng jià gǎi gé, jiān jué dǎ pò jiāng lùn wén piān shù yǔ kē yán rén yuán zhí chēng píng shěn hé xīn chóu dài yù jiǎn dān zhí jiē guà gōu de wéi lùn wén qīng xiàng.
Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách đánh giá nghiên cứu khoa học toàn diện, kiên quyết xóa bỏ khuynh hướng 'chỉ duy nhất bài báo' khi đem số lượng bài báo gắn liền với liên kết móc nối đơn giản trực tiếp với việc xét duyệt chức danh và đãi ngộ tiền lương của cán bộ nghiên cứu.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1431

挂号
guà hào

đăng ký khám bệnh, lấy số khám; gửi thư bảo đảm

患者只需通过手机智慧医疗小程序，便可足不出户提前一周精准预约挂号知名三甲医院专家门诊。
Huàn zhě zhǐ xū tōng guò shǒu jī zhì huì yī liáo xiǎo chéng xù, biàn kě zú bù chū hù tí qián yī zhōu jīng zhǔn yù yuē guà hào zhī míng sān jiǎ yī yuàn zhuān jiā mén zhěn.
Người bệnh chỉ cần thao tác qua ứng dụng y tế thông minh trên điện thoại là có thể ngồi tại nhà đặt lịch hẹn lấy số khám bệnh chuyên khoa của các bệnh viện lớn tuyến đầu trước cả một tuần một cách chuẩn xác.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1432

挂念
guàniàn

vương vấn nhớ nhung, bận lòng lo nghĩ, đau đáu nhớ về

两院院士临终前依然时刻挂念着大科学装置二期工程的物理进展，反复叮嘱身旁的青年弟子要早日攻克核心理论难关。
Liǎng yuàn yuàn shì lín zhōng qián yī rán shí kè guà niàn zhe dà kē xué zhuāng zhì èr qī gōng chéng de wù lǐ jìn zhǎn, fǎn fù dīng zhǔ shēn páng de qīng nián dì zǐ yào zǎo rì gōng kè hé xīn lǐ lùn nàn guān.
Vị Viện sĩ hai Viện Hàn lâm trước lúc lâm chung vẫn luôn đau đáu nhớ về bận lòng lo nghĩ tới tiến triển vật lý của công trình giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn, liên tục dặn dò các môn đệ học trò trẻ tuổi bên cạnh phải sớm ngày chinh phục ải khó lý thuyết cốt lõi.

24 nét | HÁN VIỆT: QUẢI NIỆM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1433

挂失
guàshī

báo mất (thẻ ngân hàng/giấy tờ), khai báo mất

国家大科学装置安保通行管理系统全面接入实时人脸生物识别，任何通行证件一旦遗失即可在云端实现毫秒级自动挂失作废。
Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì ān bǎo tōng xíng guǎn lǐ xì tǒng quán miàn jiē rù shí shí rén liǎn shēng wù shí bié, rèn hé tōng xíng zhèng jiàn yí dàn yí shī jí kě zài yún duān shí xiàn háo miǎo jí zì dòng guà shī zuò fèi.
Hệ thống quản lý ra vào an ninh thiết bị khoa học lớn quốc gia được kết nối toàn diện với nhận dạng sinh trắc học khuôn mặt theo thời gian thực, bất kỳ giấy tờ ra vào nào một khi bị thất lạc đều có thể tự động khai báo mất báo mất vô hiệu hóa trên nền tảng đám mây ở cấp độ mili-giây.

28 nét | HÁN VIỆT: QUẢI THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1434

乖
guāi

ngoan ngoãn, nghe lời ngoan hiền; khôn lanh

常年奋战在深海科考一线的青年女科学家每次视频通话，都会温柔地叮嘱家中的孩子："要听爷爷奶奶的话，做一个乖孩子。"
Cháng nián fèn zhàn zài shēn hǎi kē kǎo yī xiàn de qīng nián nǚ kē xué jiā měi cì shì pín tōng huà, dū huì wēn róu dì dīng zhǔ jiā zhōng de hái zi : "yào tīng yé yé nǎi nǎi de huà, zuò yí gè guāi hái zi."
Nữ nhà khoa học trẻ tuổi quanh năm chiến đấu nơi tuyến đầu khảo sát khoa học biển sâu mỗi lần gọi video đều dịu dàng dặn dò đứa con nhỏ ở nhà: 'Phải nghe lời ông bà nội ngoại, làm một đứa trẻ ngoan ngoãn nghe lời nhé.'

14 nét | HÁN VIỆT: QUAI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1435

乖巧
guāiqiǎo

ngoan ngoãn lanh lợi, khôn ngoan biết điều

国家人工智能重点实验室成功研发出具备情感多模态自主交互能力的新一代仿生机器导盲犬，展现出极其乖巧灵敏的行为反应。
Guó jiā rén gōng zhì néng zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng yán fā chū jù bèi qíng gǎn duō mó tài zì zhǔ jiāo hù néng lì de xīn yí dài fǎng shēng jī qì dǎo máng quǎn, zhǎn xiàn chū jí qí guāi qiǎo líng mǐn de xíng wéi fǎn yìng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm trí tuệ nhân tạo quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công chó dẫn đường robot phỏng sinh học thế hệ mới sở hữu năng lực tương tác tự chủ đa phương thức cảm xúc, phô diễn những phản hồi hành vi vô cùng khôn ngoan biết điều ngoan ngoãn lanh lợi và nhanh nhạy.

23 nét | HÁN VIỆT: QUAI XẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1436

拐弯
guǎi wān

rẽ, quẹo, cua; chuyển hướng (tư duy)

车辆在行经视线受阻的多弯山区公路拐弯处时，必须提前减速慢行并鸣笛示警。
Chē liàng zài háng jīng shì xiàn shòu zǔ de duō wān shān qū gōng lù guǎi wān chù shí, bì xū tí qián jiǎn sù màn xíng bìng míng dí shì jǐng.
Phương tiện khi lưu thông qua những khúc cua khuất tầm nhìn trên các cung đường đèo núi hiểm trở nhất thiết phải chủ động giảm tốc độ đi chậm và bấm còi báo hiệu từ xa.

21 nét | HÁN VIỆT: QUẢI LOAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1437

拐杖
guǎi zhàng

cây gậy, gậy chống (của người già/người khuyết tật)

这位扎根大山深处四十载的乡村老教师拄着一根磨得光滑的枣木拐杖，风雨无阻地每天接送山里娃上下学。
Zhè wèi zhā gēn dà shān shēn chù sì shí zài de xiāng cūn lǎo jiào shī zhǔ zhe yī gēn mó dé guāng huá de zǎo mù guǎi zhàng, fēng yǔ wú zǔ dì měi tiān jiē sòng shān lǐ wá shàng xià xué.
Người thầy giáo già làng cắm bản suốt 40 năm nơi non cao chống một cây gậy bằng gỗ táo mài nhẵn bóng, mưa gió chẳng sờn lòng ngày ngày đưa đón các em nhỏ trong bản đến trường đi học.

22 nét | HÁN VIỆT: QUẢI TRƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Liên từ | #1438

怪不得
guài bu de

thảo nào, hão nào, hèn chi; không trách được

原来他常年坚持晨跑五公里与规律作息，怪不得年过花甲依然精神矍铄、身手矫健。
Yuán lái tā cháng nián jiān chí chén pǎo wǔ gōng lǐ yǔ guī lǜ zuò xī, guài bù dé nián guò huā jiǎ yī rán jīng shén jué shuò, shēn shǒu jiǎo jiàn.
Hóa ra quanh năm suốt tháng ông đều kiên trì chạy bộ 5 km mỗi sáng và sinh hoạt điều độ, thảo nào dẫu đã ngoài lục tuần trông ông vẫn quắc thước tráng kiện, tác phong nhanh nhẹn vô cùng.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1439

怪物
guàiwu

quái vật, sinh vật kỳ dị; quái kiệt (nghĩa bóng)

深海万米载人潜水器在西太平洋马里亚纳海沟最深处成功拍摄到了前所未见的深海超高压特异发光"深渊生物"，彻底颠覆了以往的怪物传说。
Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì zài xī tài píng yáng má lǐ yà nà hǎi gōu zuì shēn chù chéng gōng pāi shè dào le qián suǒ wèi jiàn de shēn hǎi chāo gāo yā tè yì fā guāng "shēn yuān shēng wù ", chè dǐ diān fù le yǐ wǎng de guài wù chuán shuō.
Tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu tại nơi sâu nhất của rãnh Mariana thuộc Tây Thái Bình Dương đã quay chụp thành công 'sinh vật vực sâu' phát quang dị thường dưới siêu áp suất biển sâu chưa từng thấy trước đây, lật đổ hoàn toàn những truyền thuyết quái

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1440

怪异
guàiyì

kỳ dị, kỳ quặc lạ thường quái đản

理论物理学家通过严密数理推导，成功解释了超导量子比特在超强磁场极端环境下表现出的看似怪异的反常霍尔效应物理跃迁。
Lǐ lùn wù lǐ xué jiā tōng guò yán mì shù lǐ tuī dǎo, chéng gōng jiě shì le chāo dǎo liàng zǐ bǐ tè zài chāo qiáng cí chǎng jí duān huán jìng xià biǎo xiàn chū de kàn shì guài yì de fǎn cháng huò ěr xiào yìng wù lǐ yuè qiān.
Các nhà vật lý lý thuyết thông qua suy diễn toán lý chặt chẽ đã giải thích thành công sự chuyển mức vật lý hiệu ứng Hall dị thường xem chừng kỳ dị kỳ quặc lạ thường mà qubit lượng tử siêu dẫn thể hiện dưới môi trường

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1441

关掉
guāndiào

tắt đi, đóng ngắt ngắt kết nối

在大科学装置停机检修规范中，工程师严格按照安全标准流程逐级关掉超高压主电源与大功率微波发射源。
Zài dà kē xué zhuāng zhì tíng jī jiǎn xiū guī fàn zhōng, gōng chéng shī yán gé àn zhào ān quán biāo zhǔn liú chéng zhú jí guān diào chāo gāo yā zhǔ diàn yuán yǔ dà gōng lǜ wēi bō fā shè yuán.
Trong quy phạm bảo dưỡng dừng máy của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt theo quy trình tiêu chuẩn an toàn từng bước đóng ngắt tắt đi nguồn phát sóng vi ba công suất lớn và nguồn điện chính siêu cao áp.

22 nét | HÁN VIỆT : QUAN ĐIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1442

关节
guānjié

khớp xương khớp nối; mắt xích mấu chốt then chốt (guānjié)

新一代全自主国产人形机器人采用了高扭矩高精度微型谐波减速器关节，实现了极其流畅自然的拟人化运动步态。
Xīn yí dài quán zì zhǔ guó chǎn rén xíng jī qì rén cǎi yòng le gāo niǔ jǔ gāo jīng dù wēi xíng xié bō jiǎn sù qì guān jié, shí xiàn le jí qí liú chàng zì rán de nǐ rén huà yùn dòng bù tài.
Robot hình người sản xuất trong nước hoàn toàn tự chủ thế hệ mới áp dụng khớp nối khớp xương bộ giảm tốc sóng hài vi mô độ chính xác cao mô-men xoắn cao, thực hiện dáng đi vận động mô phỏng con người tự nhiên vô cùng mượt mà.

27 nét | HÁN VIỆT : QUAN TIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1443

关税
guānshuì

thuế quan, thuế xuất nhập khẩu

为鼓励基础前沿科学探索，国家对进口用于大科学工程建设的紧缺高精度科研仪器设备依法实行零关税优惠政策。
Wèi gǔ lì jī chǔ qián yán kē xué tàn suǒ, guó jiā duì jìn kǒu yòng yú dà kē xué gōng chéng jiàn shè de jǐn quē gāo jīng dù kē yán yí qì shè bèi yī fǎ shí xíng líng guān shuì yōu huì zhèng cè.
Để khích lệ tìm tòi khoa học tiên phong cơ bản, Nhà nước thực thi chính sách ưu đãi thuế quan thuế xuất nhập khẩu bằng không theo đúng pháp luật đối với các trang thiết bị dụng cụ nghiên cứu khoa học độ chính xác cao khan hiếm nhập khẩu phục vụ xây dựng công trình khoa học lớn.

26 nét | HÁN VIỆT : QUAN THUẾ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1444

关头
guāntóu

thời khắc then chốt, bước ngoặt sinh tử, thời điểm quyết định

在大科学工程全系统物理点火攻坚的紧要关头，总设计师带领全体团队咬紧牙关、一鼓作气夺取了最后胜利！
Zài dà kē xué gōng chéng quán xì tǒng wù lǐ diǎn huǒ gōng jiān de jǐn yào guān tóu, zǒng shè jì shī dài lǐng quán tǐ tuán duì yǎo jǐn yá guān, yī gǔ zuò qì duó qǔ le zuì hòu shèng lì!
Vào thời điểm quyết định thời khắc then chốt bước ngoặt sinh tử vượt khó điểm hỏa vật lý toàn hệ thống của công trình khoa học lớn, vị Tổng Thiết kế đã dẫn dắt toàn thể đội ngũ cắn chặt răng, một mạch dốc sức giành lấy thắng lợi cuối cùng!

23 nét | HÁN VIỆT : QUAN ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1445

关照
guān zhào

chăm sóc, quan tâm chiếu cố; dặn dò

社区网格员与青年志愿者常态化结对帮扶独居高龄老人，在日常生活中给予了无微不至的暖心关照。
Shè qū wǎng gé yuán yǔ qīng nián zhì yuàn zhě cháng tài huà jié duì bāng fú dú jū gāo líng lǎo rén, zài rì cháng shēng huó zhōng jǐ yǔ liǎo wú wēi bù zhì de nuǎn xīn guān zhào.
Cán bộ mạng lưới khu dân cư cùng các bạn tình nguyện viên trẻ thường xuyên kết nghĩa giúp đỡ các cụ già cao tuổi sống neo đơn, mang lại sự quan tâm chăm sóc ấm lòng chu đáo đến từng chi tiết nhỏ trong cuộc sống thường nhật.

23 nét | HÁN VIỆT : QUAN CHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1446

观测
guāncè

quan trắc, quan sát đo đạc thực nghiệm

中国天眼FAST对脉冲星开展了高灵敏度长期连续物理观测，发现了数百颗全新脉冲星并测定了极高精度的物理自转参数。
Zhōng guó tiān yǎn FAST duì mài chōng xīng kāi zhǎn le gāo líng mǐn dù cháng qī lián xù wù lǐ guān cè, fā xiàn le shù bǎi kē quán xīn mài chōng xīng bìng cè dìng le jí gāo jīng dù de wù lǐ zì zhuàn cān shù.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST đã triển khai quan trắc quan sát đo đạc vật lý liên tục dài hạn độ nhạy cao đối với các ẩn tinh (pulsar), phát hiện hàng trăm ẩn tinh hoàn toàn mới và đo định các tham số tự quay vật lý có độ chính xác cực cao.

16 nét | HÁN VIỆT : QUÁN TRẮC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1447

观感
guāngǎn

cảm nhận, ấn tượng thị giác trải nghiệm khi xem

在参观国家大科学装置模型展示大厅后，国际顶尖同行纷纷写下热情洋溢的学术观感，盛赞中国科技创新的磅礴气魄。
Zài cān guān guó jiā dà kē xué zhuāng zhì mó xíng zhǎn shì dà tīng hòu, guó jì dǐng jiān tóng háng fēn fēn xiě xià rè qíng yáng yì de xué shù guān gǎn, shèng zàn zhōng guó kē jì chuàng xīn de páng bó qì pò.
Sau khi tham quan đại sảnh trưng bày mô hình thiết bị khoa học lớn quốc gia, các đồng nghiệp đỉnh cao quốc tế đã đua nhau viết nên những dòng cảm nhận trải nghiệm học thuật tràn đầy nhiệt huyết, ngợi ca hết lời khí phách to lớn cuộn trào của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ Trung Quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : QUÁN CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1448

观摩
guānmó

quan sát học hỏi, tham quan học tập kinh nghiệm

来自全球二十多个国家的青年物理学家应邀亲临大科学装置现场，全程实地观摩首轮高能物理束流联合调试试验。
Lái zì quán qiú èr shí duō gè guó jiā de qīng nián wù lǐ xué jiā yìng yāo qīn lín dà kē xué zhuāng zhì xiàn chǎng, quán chéng shí dì guān mó shǒu lún gāo néng wù lǐ shù liú lián hé tiáo shì shì yàn.
Các nhà vật lý trẻ tuổi đến từ hơn 20 quốc gia trên toàn cầu đã nhận lời mời đích thân đến hiện trường thiết bị khoa học lớn, trực tiếp tham quan học tập quan sát học hỏi toàn bộ quá trình thử nghiệm hiệu chỉnh liên hợp chùm hạt vật lý năng lượng cao đợt đầu tiên.

17 nét | HÁN VIỆT : QUÁN MA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1449

观赏
guānshǎng

thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng ngắm nhìn thưởng thức

在中国科技馆全息深空漫游球幕大厅里，青少年观众身临其境地观赏了百亿光年外遥远星系诞生与演化的壮丽宇宙奇观。
Zài zhōng guó kē jì guǎn quán xī shēn kōng màn yóu qiú mù dà tīng lǐ, qīng shào nián guān zhòng shēn lín qí jìng dì guān shǎng le bǎi yì guāng nián wài yáo yuǎn xīng xì dàn shēng yǔ yǎn huà de zhuàng lì yǔ zhòu qí guān.
Bên trong đại sảnh vòm dạo chơi không gian sâu hologram Bảo tàng Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, các khán giả thanh thiếu niên đã chìm đắm tận mắt chiêm ngưỡng thưởng ngoạn ngắm nhìn kỳ quan vũ trụ tráng lệ về sự sinh thành và tiến hóa của các thiên hà xa xôi cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

22 nét | HÁN VIỆT : QUÁN THƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1450

观望
guānwàng

nghe ngóng chờ xem, ngập ngừng đứng nhìn do dự

面对全球前沿颠覆性科技竞争赛道，我们必须主动出击抢占制高点，决不能犹豫观望而错失战略历史机遇。
Miàn duì quán qiú qián yán diān fù xìng kē jì jìng zhēng sài dào, wǒ men bì xū zhǔ dòng chū jī qiǎng zhàn zhì gāo diǎn, jué bù néng yóu yù guān wàng ér cuò shī zhàn lüè lì shǐ jī yù.
Đứng trước đường đua cạnh tranh khoa học công nghệ mang tính cách mạng tiên phong toàn cầu, chúng ta bắt buộc phải chủ động xuất kích chiếm lĩnh điểm cao khống chế, tuyệt đối không được do dự ngập ngừng đứng nhìn nghe ngóng chờ xem mà bỏ lỡ cơ hội lịch sử chiến lược.

21 nét | HÁN VIỆT : QUÁN VỌNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1451

官兵
guānbīng

sĩ quan và binh sĩ, cán bộ chiến sĩ quân đội

执行深空探测海上测量任务的远望号测量船全体官兵战风斗浪，圆满完成了卫星入轨高精度测控跟踪任务。
Zhí xíng shēn kōng tàn cè hǎi shàng cè liáng rèn wù de yuǎn wàng hào cè liáng chuán quán tǐ guān bīng zhàn fēng dǒu làng, yuán mǎn wán chéng le wèi xīng rù guǐ gāo jīng dù cè kòng gēn zōng rèn wù.
Toàn thể cán bộ chiến sĩ sĩ quan và binh sĩ tàu đo đạc Viễn Vọng thực hiện nhiệm vụ đo đạc trên biển thám trắc không gian sâu đã chiến đấu với sóng gió, hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ theo dõi trắc nghiệm điều khiển độ chính xác cao khi vệ tinh tiến vào quỹ đạo.

21 nét | HÁN VIỆT : QUAN BINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1452

官吏
guānlì

quan lại, quan chức chế độ phong kiến

通过对秦汉出土简牍的超高光谱数字化断层成像扫描，历史科技考古学者完整解析了古代官吏行政考核与粮草调拨制度。
Tōng guò duì qín hàn chū tǔ jiǎn dú de chāo gāo guāng pǔ shù zì huà duàn céng chéng xiàng sǎo miáo, lì shǐ kē jì kǎo gǔ xué zhě wán zhěng jiě xī le gǔ dài guān lì xíng zhèng kǎo hé yǔ liáng cāo diào bō zhì dù.
Thông qua việc quét chụp ảnh cắt lớp số hóa siêu quang phổ đối với các thẻ tre trúc khai quật thời Tần Hán, các học giả khảo cổ học khoa học công nghệ lịch sử đã giải mã hoàn chỉnh chế độ điều chuyển lương thảo và khảo sát hành chính quan lại quan chức thời cổ đại.

22 nét | HÁN VIỆT : QUAN LẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1453

官僚
guānliáo

quan liêu, thói quan liêu cửa quyền

国家实验室全面深化科研管理扁平化改革，坚决破除任何官僚习气，全心全意为科学家潜心攻坚做好无干扰后勤服务。
Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán guǎn lǐ biǎn píng huà gǎi gé, jiān jué pò chú rèn hé guān liáo xí qì, quán xīn quán yì wèi kē xué jiā qián xīn gōng jiān zuò hǎo wú gān rǎo hòu qín fú wù.
Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách phẳng hóa quản lý nghiên cứu khoa học toàn diện, kiên quyết xóa bỏ mọi thói cửa quyền quan liêu quan liêu, toàn tâm toàn ý làm tốt công tác phục vụ hậu cần không can nhiễu để các nhà khoa học chuyên tâm vượt khó.

27 nét | HÁN VIỆT : QUAN LIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1454

官僚主义
guānliáozhǔyì

chủ nghĩa quan liêu, tệ nạn quan liêu hách dịch

科技管理部门坚决克服形式主义与官僚主义，大幅削减不必要的各类评审表格，把宝贵时间真正还给一线科学家。
Kē jì guǎn lǐ bù mén jiān jué kè fú xíng shì zhǔ yì yǔ guān liáo zhǔ yì, dà fú xuē jiǎn bù bì yào de gè lèi píng shěn biǎo gé, bǎ bǎo guì shí jiān zhēn zhèng huán gěi yī xiàn kē xué jiā.
Cơ quan quản lý khoa học công nghệ kiên quyết khắc phục chủ nghĩa quan liêu chủ nghĩa quan liêu và chủ nghĩa hình thức, cắt giảm tối đa các loại biểu mẫu thẩm định không cần thiết, thực sự trả lại thời gian quý báu cho các nhà khoa học tuyến đầu.

35 nét | HÁN VIỆT : QUAN LIÊU CHỦ NGHĨA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1455

官员
guānyuán

quan chức, quan chức chính phủ nhà nước

联合国教科文组织高级官员在实地考察我国大科学工程基础设施后，盛赞中国在推动全球开放科学合作中的卓越领导力。
Lián hé guó jiào kē wén zǔ zhī gāo jí guān yuán zài shí dì kǎo chá wǒ guó dà kē xué gōng chéng jī chǔ shè shī hòu, shèng zàn zhōng guó zài tuī dòng quán qiú kāi fàng kē xué hé zuò zhōng de zhuó yuè lǐng dǎo lì.
Quan chức quan chức cấp cao của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) sau khi khảo sát thực địa cơ sở hạ tầng công trình khoa học lớn của nước ta đã ngợi ca hết lời năng lực lãnh đạo trác việt của Trung Quốc trong việc thúc đẩy hợp tác khoa học mở toàn cầu.

25 nét | HÁN VIỆT : QUAN VIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1456

棺材
guāncai

quan tài, áo quan cỗ quan tài

科技考古文保团队运用超高洁净环境同位素质谱定年与微环境无氧充氮技术，完整保护了出土古代珍贵木质彩绘棺材。
Kē jì kǎo gǔ wén bǎo tuán duì yùn yòng chāo gāo jié jìng huán jìng tóng wèi sù zhì pǔ dìng nián yǔ wēi huán jìng wú yǎng chōng dàn jì shù, wán zhěng bǎo hù le chū tǔ gǔ dài zhēn guì mù zhì cǎi huì guān cái.
Đội ngũ bảo tồn văn vật khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ nạp nitơ không oxy vi môi trường và xác định niên đại khối phổ đồng vị môi trường siêu sạch đã bảo tồn trọn vẹn cỗ quan tài quan tài áo quan bằng gỗ vẽ sơn mài quý giá thời cổ đại được khai quật.

19 nét | HÁN VIỆT : QUAN TÀI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1457

管家
guǎnjiā

quản gia, người quản lý coi sóc toàn diện (nghĩa đen/bóng)

国家实验室部署了全自主大模型“智能实验管家”系统，实现了对海量多源仪器数据与实验流程的全天候自动化智能管护。
Guó jiā shí yàn shì bù shǔ le quán zì zhǔ dà mó xíng "zhì néng shí yàn guǎn jiā" xì tǒng, shí xiàn le duì hǎi liàng duō yuán yí qì shù jù yǔ shí yàn liú chéng de quán tiān hòu zì dòng huà zhì néng guǎn hù.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã bố trí triển khai hệ thống 'Quản gia Thực nghiệm Thông minh' mô hình lớn hoàn toàn tự chủ, thực hiện việc quản lý chăm sóc thông minh tự động hóa 24/7 đối với quy trình thực nghiệm và dữ liệu dụng cụ đa nguồn khổng lồ.

18 nét | HÁN VIỆT : QUẢN GIA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1458

管教
guǎnjiào

dạy dỗ bảo ban, quản giáo kỷ luật uốn nắn

老一辈功勋科学家家风严谨，在子女教育上始终严格管教，教育后辈必须自食其力、绝不享受任何特权。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā jiā fēng yán jǐn, zài zǐ nǚ jiào yù shàng shǐ zhōng yán gé guǎn jiào, jiào yù hòu bèi bì xū zì shí qí lì, jué bù xiǎng shòu rèn hé tè quán.
Các nhà khoa học có công lao tiền bối gia phong nghiêm cẩn, trong giáo dục con cái luôn dạy dỗ bảo ban uốn nắn nghiêm khắc, giáo dục thế hệ sau bắt buộc phải tự lực cánh sinh, tuyệt đối không được hưởng thụ bất kỳ đặc quyền nào.

21 nét | HÁN VIỆT : QUẢN GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1459

管理费

guǎnlǐfèi

phí quản lý, chi phí quản lý vận hành

国家科研经费管理新规大幅降低了依托单位间接管理费扣缴比例，将更多宝贵科研资金直接倾斜给一线科学家。

Guó jiā kē yán jīng fèi guǎn lǐ xīn guī dà fú jiàng dī le yī tuō dān wèi jiàn jiē guǎn lǐ fèi kòu jiǎo bǐ lì, jiāng gèng duō bǎo guì kē yán zī jīn zhí jiē qīng xié gěi yī xiàn kē xué jiā.

Quy chế mới về quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học quốc gia đã giảm thiểu vượt bậc tỷ lệ khấu trừ chi phí quản lý phí quản lý gián tiếp của các đơn vị sở tại, dành nhiều nguồn vốn nghiên cứu quý giá hơn trực tiếp cho các nhà khoa học tuyến đầu.

32 nét | HÁN VIỆT : QUẢN LÝ PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1460

管辖

guǎn xiá

quản hạt, thuộc quyền tài phán, quản lý

国家海警执法舰艇编队常态化巡航在我国依法管辖的海域，坚决维护国家海洋权益与海上作业秩序。

Guó jiā hǎi jǐng zhí fǎ jiàn tǐng biān duì cháng tài huà xún háng zài wǒ guó yī fǎ guǎn xiá de hǎi yù, jiān jué wéi hù guó jiā hǎi yáng quán yì yǔ hǎi shàng zuò yè zhì xù.

Biên đội tàu tuần tra thực thi pháp luật của Cảnh sát biển Quốc gia thường xuyên tuần tra trên các vùng biển thuộc quyền quản hạt tài phán hợp pháp của nước ta, kiên quyết bảo vệ quyền lợi biển quốc gia và trật tự hoạt động trên biển.

19 nét | HÁN VIỆT : QUẢN HẠT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1461

管用

guǎnyòng

hữu dụng, hiệu quả có tác dụng, thực tế đắc dụng

搞科学技术攻关必须坚持实效导向，拿出真正管用、好用且具有自主知识产权的硬核解决方案。

Gǎo kē xué jì shù gōng guān bì xū jiān chí shí xiào dǎo xiàng, ná chū zhēn zhèng guǎn yòng, hǎo yòng qiě jù yǒu zì zhǔ zhī shí chǎn quán de yìng hé jié jué fāng àn.

Làm vượt khó khoa học kỹ thuật bắt buộc phải kiên trì định hướng hiệu quả thực chất, đưa ra các phương án giải quyết công nghệ cứng thực sự hữu dụng hiệu quả có tác dụng, dễ dùng và sở hữu quyền sở hữu trí tuệ tự chủ.

22 nét | HÁN VIỆT : QUẢN DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1462

管子

guǎn zi

ống, đường ống, ống dẫn

水电维修师傅使用专业仪器对墙体内部老化的自来水供水管子进行了精准无损探伤排查。

Shuǐ diàn wéi xiū shī fù shǐ yòng zhuān yè yí qì duì qiáng tǐ nèi bù lǎo huà de zì lái shuǐ gōng shuǐ guǎn zi jìn xíng le jīng zhǔn wú sǔn tàn shāng pái chá.

Thợ sửa chữa điện nước đã dùng thiết bị chuyên dụng để kiểm tra dò tìm chuẩn xác không phá hủy các đoạn đường ống cấp nước sinh hoạt bị lão hóa bên trong tường.

21 nét | HÁN VIỆT : QUẢN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1463

贯彻

guàn chè

quán triệt, thực hiện thấu suốt

完整、准确、全面贯彻新发展理念，牢牢把握高质量发展这个首要任务，因地制宜加快发展新质生产力。

Wán zhěng, zhǔn què, quán miàn guàn chè xīn fā zhǎn lǐ niàn, láo láo bǎ wò gāo zhì liàng fā zhǎn zhè ge shǒu yào rèn wù, yīn dì zhì yí jiā kuài fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì.

Quán triệt một cách đầy đủ, chuẩn xác và toàn diện quan niệm phát triển mới, nắm chắc nhiệm vụ hàng đầu là phát triển chất lượng cao, tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương để đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

24 nét | HÁN VIỆT : QUÁN TRIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1464

贯穿

guànchuān

xuyên suốt, thấm nhuần quán triệt từ đầu đến cuối

胸怀祖国、勇攀高峰的科学家精神，始终贯穿于我国重大科技工程从立项论证到圆满成功的全过程。

Xiōng huái zǔ guó, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiā jīng shén, shǐ zhōng guàn chuān yú wǒ guó zhòng dà kē jì gōng chéng cóng lì xiàng lùn zhèng dào yuán mǎn chéng gōng de quán guò chéng.

Tinh thần nhà khoa học ôm trọn Tổ quốc trong tim, dũng cảm trèo lên đỉnh cao luôn luôn xuyên suốt thấm nhuần từ đầu đến cuối trong toàn bộ quá trình từ luận chứng lập dự án cho tới thành công mỹ mãn của các công trình khoa học công nghệ trọng đại nước ta.

24 nét | HÁN VIỆT : QUÁN XUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1465

贯通

guàntōng

thông suốt, nối liền thông suốt; tinh thông liên hoàn

随着地下最后一米高强度花岗岩层精准爆破完成，大科学装置超长直线加速器深部地下隧道顺利实现全线贯通。

Suí zhe dì xià zuì hòu yī mǐ gāo qiáng dù huā gǎng yán céng jīng zhǔn bào pò wán chéng, dà kē xué zhuāng zhì chāo cháng zhí xiàn jiā sù qì shēn bù dì xià suì dào shùn lì shí xiàn quán xiàn guàn tōng.

Cùng với khối đá hoa cương (granite) cường độ cao một mét cuối cùng dưới lòng đất được nổ mìn chuẩn xác hoàn thành, đường hầm sâu dưới lòng đất của máy gia tốc thẳng siêu dài thiết bị khoa học lớn đã thuận lợi thực hiện nối liền thông suốt thông suốt toàn tuyến.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÁN THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1466

惯

guàn

quen thói, tập quán quen; nuông chiều (guànzhe)

老科学家常年习惯了在戈壁荒漠恶劣环境下潜心科研，始终保持着艰苦朴素、矢志报国的本色。

Lǎo kē xué jiā cháng nián xí guàn le zài gē bì huāng mò è liè huán jìng xià qián xīn kē yán, shǐ zhōng bǎo chí zhe jiān kǔ pǔ sù, shǐ zhì bào guó de běn sè.

Vị nhà khoa học lão thành quanh năm đã quen với quen thói việc chuyên tâm nghiên cứu khoa học dưới môi trường khắc nghiệt nơi hoang mạc sa mạc Gobi, luôn giữ trọn phẩm chất son sắt phụng sự non sông và gian khổ mộc mạc.

8 nét | HÁN VIỆT : QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1467

惯例

guàn lì

thông lệ, tiền lệ, tập quán thông thường

在国际多边外交与经贸争端解决机制中，各方应当严格遵守公认的国际法准则与国际惯例。

Zài guó jì duō biān wài jiāo yǔ jīng mào zhēng duān jié jué jī zhì zhōng, gè fāng yīng dāng yán gé zūn shǒu gōng rèn de guó jì fǎ zhǔn zé yǔ guó jì guàn lì.

Trong các cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế thương mại và ngoại giao đa phương quốc tế, các bên cần tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn tắc luật pháp quốc tế được thừa nhận chung cùng các thông lệ quốc tế.

16 nét | HÁN VIỆT : QUÁN LỆ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1468

惯性
guànxìng

quán tính (vật lý/tư duy), sức ỳ quán tính

我国成功研制出基于微观原子干涉原理的新一代超高精度量子惯性导航系统，实现了无卫星信号条件下的厘米级自主精确定位。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū jī yú wēi guān yuán zi gān shè yuán lǐ de xīn yí dài chāo gāo jīng dù liàng zǐ guàn xìng dǎo háng xì tǒng, shí xiàn liǎo wú wèi xīng xìn hào tiáo jiàn xià de lí mǐ jí zì zhǔ jīng què dìng wèi.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công hệ thống định vị quán tính quán tính lượng tử độ chính xác siêu cao thế hệ mới dựa trên nguyên lý giao thoa nguyên tử vi mô, thực hiện định vị chính xác tự chủ cấp độ centimet dưới điều kiện không có tín hiệu vệ tinh.

19 nét | HÁN VIỆT : QUÁN TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1469

灌
guàn

rót đổ, bơm rót nạp đầy; tưới tiêu (guànmù)

在超导磁体极端物理试验前，工程师严格按照真空防冻流程将高纯度液氦平稳灌注进低温绝热容器中。
Zài chāo dǎo cí tǐ jí duān wù lǐ shì yàn qián, gōng chéng shī yán gé àn zhào zhēn kōng fáng dòng liú chéng jiāng gāo chún dù yè hài píng wěn guàn zhù jìn dī wēn jué rè róng qì zhōng.
Trước thử nghiệm vật lý cực đoan của nam châm siêu dẫn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt theo quy trình chống đông chân không bơm rót rót đổ heli lỏng độ tinh khiết cao êm thuận vào bên trong bình chứa cách nhiệt nhiệt độ thấp.

14 nét | HÁN VIỆT : QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1470

灌溉
guàn gài

tưới tiêu, thủy lợi tưới tiêu

建于两千多年前的都江堰古代大型水利工程至今依然造福成都平原，滋养灌溉着两千多万亩天府良田。
Jiàn yú liǎng qiān duō nián qián de dū jiāng yàn gǔ dài dà xíng shuǐ lì gōng chéng zhì jīn yī rán zào fú chéng dū píng yuán, zī yǎng guàn gài zhe liǎng qiān duō wàn mǔ tiān fǔ liáng tián.
Công trình thủy lợi cổ lớn cổ đại Đô Giang Yển được xây dựng từ hơn 2.000 năm trước tới nay vẫn tiếp tục tạo phúc cho đồng bằng Thành Đô, nuôi dưỡng và tưới tiêu cho hơn 20 triệu mẫu ruộng đồng trù phú nơi đất lành Thiên Phủ.

25 nét | HÁN VIỆT : QUÁN KHÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1471

灌输
guànshū

truyền thụ, thấm nhuần giáo dục tư tưởng, truyền bá

两院院士在指导研究生时，注重潜移默化地向青年学子灌输严谨求真、科技报国的崇高科学家精神。
Liǎng yuàn yuàn shì zài zhǐ dǎo yán jiū shēng shí, zhù zhòng qián yí mò huà dì xiàng qīng nián xué zǐ guàn shū yán jǐn qiú zhēn, kē jì bào guó de chóng gāo kē xué jiā jīng shén.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm khi hướng dẫn nghiên cứu sinh, chú trọng việc thấm nhuần truyền thụ giáo dục từng bước một cách tự nhiên tinh thần nhà khoa học cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, cầu thị nghiêm cẩn cho các học trò trẻ.

27 nét | HÁN VIỆT : QUÁN THÂU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1472

罐
guàn

bình

老师鼓励大家积极罐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guàn， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bình, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét | HÁN VIỆT : QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1473

罐头
guàn tou

đồ hộp, thực phẩm đóng hộp

在野外地质勘探与远洋科考期间，营养丰富且保质期长的优质肉类水果罐头是重要的后勤口粮保障。
Zài yě wài dì zhì kān tàn yǔ yuǎn yáng kē kǎo qī jiān, yíng yǎng fēng fù qiě bǎo zhì qī zhǎng de yōu zhì ròu lèi shuǐ guǒ guàn tou shì zhòng yào de hòu qín kǒu liáng bǎo zhàng.
Trong những chuyến thám hiểm địa chất dã ngoại và khảo sát khoa học viễn dương, các loại đồ hộp hoa quả và thịt chất lượng cao giàu dinh dưỡng và hạn sử dụng dài là nguồn bảo đảm lương thực hậu cần quan trọng.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÁN ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1474

光彩
guāng cǎi

quang vinh, rực rỡ; ánh hào quang

大国工匠用一双双布满老茧的手在平凡岗位上创造了不凡奇迹，生动谱写了“劳动最光荣”的壮丽时代华章。
Dà guó gōng jiàng yòng yī shuāng shuāng bù mǎn lǎo jiǎn de shǒu zài píng fán gǎng wèi shàng chuàng zào le bù fán qí jì, shēng dòng pǔ xiě le "láo dòng zuì guāng róng" de zhuàng lì shí dài huá zhāng.
Những người thợ cả đại đức của đất nước bằng đôi bàn tay dày cộm những vết chai sần nơi vị trí công tác bình dị đã kiến tạo nên những kỳ tích phi thường, viết nên thiên sử ca thời đại tráng lệ sinh động 'Lao động là vinh quang nhất'.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1475

光碟
guāngdié

đĩa quang, đĩa CD/DVD lưu trữ quang học

我国科学家成功突破了基于纳米三维双光子超高密度光存储技术，将相当于数十万张传统光碟的数据容量集成在单张晶圆级薄片上。
Wǒ guó kē xué jiā chéng gōng tū pò le jī yú nà mǐ sān wéi shuāng guāng zi chāo gāo mì dù guāng cún chǔ jì shù, jiàng xiàng dāng yú shù shí wàn zhāng chuán tǒng guāng dié de shù jù róng liàng jí chéng zài dān zhāng jīng yuán jí báo piàn shàng.
Các nhà khoa học nước ta đã đột phá thành công công nghệ lưu trữ quang học mật độ siêu cao hai photon 3D nano, tích hợp dung lượng dữ liệu tương đương với hàng chục vạn chiếc đĩa quang đĩa CD truyền thống lên một phiến mỏng cấp độ wafer duy nhất.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1476

光顾
guānggù

ghé thăm, chiếu cố quang lâm; ghé đến (nghĩa đen/bóng)

在重大科技成果展览开放日，来自数十个国家的驻华外交使节与国际学者专程光顾中国大科学工程展区并给予高度评价。
Zài zhòng dà kē jì chéng guǒ zhǎn lǎn kāi fàng rì, lái zì shù shí gè guó jiā de zhù huá wài jiāo shǐ jié yǔ guó jì xué zhě zhuān chéng guāng gù zhōng guó dà kē xué gōng chéng zhǎn qū bīng jí yǔ gāo dù píng jià.
Vào ngày mở cửa triển lãm thành quả khoa học công nghệ trọng đại, các nhà học giả quốc tế và quan chức ngoại giao thường trú tại Trung Quốc đến từ hàng chục quốc gia đã đặc biệt ghé thăm quang lâm chiếu cố khu triển lãm công trình khoa học lớn Trung Quốc và dành sự đánh giá rất cao.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1477

光滑
guāng hua

nhẵn bóng, trơn láng, mượt mà

这件宋代官窑青瓷花瓶胎质坚密细腻，通体釉色温润如玉、表面光滑平整。
Zhè jiàn sòng dài guān yáo qīng cí huā píng tāi zhì jiān mì xì nì, tōng tǐ yòu sè wēn rùn rú yù, biǎo miàn guāng huá píng zhěng.
Chiếc bình hoa gốm sứ hoa lam lò quan thời Tống này có cốt gốm đanh chắc mịn màng, toàn thân tráng lớp men óng ả như ngọc, bề mặt trơn láng nhẵn bóng không tì vết.

26 nét | HÁN VIỆT : QUANG HOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1478

光环
guānghuán

hào quang, vòng hào quang rực rỡ (nghĩa đen/bóng)

战略科学家从不沉醉于过往荣誉的光环之中，而是始终以归零心态向着下一个世界科学制高点勇毅前行。
Zhàn lüè kē xué jiā cóng bù chén zuì yú guò wǎng róng yù de guāng huán zhī zhōng, ér shì shǐ zhōng yǐ guī líng xīn tài xiàng zhe xià yí gè shì jiè kē xué zhì gāo diǎn yǒng yì qián xíng.
Nhà khoa học chiến lược không bao giờ say đắm trong vòng hào quang hào quang của những vinh dự đã qua, mà luôn bằng tâm thế trở về vạch số không dũng cảm tiến bước hướng tới điểm cao khống chế khoa học thế giới tiếp theo.

26 nét | HÁN VIỆT : QUANG HOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1479

光缆
guānglǎn

cáp quang, đường truyền cáp quang

国家超快分布式科研智算网络铺设了数万公里特种超低损耗多芯量子加密保密光缆通信干线。
Guó jiā chāo kuài fēn bù shì kē yán zhì suàn wǎng luò pū shè le shù wàn gōng lǐ tè zhǒng chāo dī sǔn hào duō xīn liàng zǐ jiā mì bǎo mì guāng lǎn tōng xìn gàn xiàn.
Mạng lưới tính toán thông minh nghiên cứu khoa học phân tán siêu nhanh quốc gia đã rải đặt hàng vạn cây số tuyến trục truyền thông cáp quang đường truyền cáp quang bảo mật mã hóa lượng tử đa lõi tổn hao siêu thấp đặc chủng.

24 nét | HÁN VIỆT : QUANG LÃM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1480

光芒
guāng máng

tia sáng, ánh hào quang rạng ngời

在深邃漆黑的太空中，空间站太阳能电池翼在金色阳光照射下熠熠生辉，闪耀着大国航天科技的璀璨光芒。
Zài shēn suì qī hēi de tài kōng zhōng, kōng jiān zhàn tài yáng néng diàn chí yì zài jīn sè yáng guāng zhào shè xià yì yì shēng huī, shǎn yào zhe dà guó háng tiān kē jì de cuǐ càn guāng máng.
Giữa không gian vũ trụ sâu thẳm tối tăm, các cánh pin mặt trời của trạm vũ trụ dưới ánh nắng vàng rực rỡ lấp lánh tỏa sáng, rực rỡ ánh hào quang chói lọi của công nghệ hàng không vũ trụ nước lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : QUANG MANG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1481

光明磊落
guāngmínglěiluò

quang minh lỗi lạc, đường hoàng chính trực trong sạch

老一辈科学家做人光明磊落、治学严谨求实，在学术界树立了令人景仰的高尚道德风范丰碑。
Lǎo yī bèi kē xué jiā zuò rén guāng míng lěi luò, zhì xué yán jǐn qiú shí, zài xué shù jiè shù lì le lìng rén jǐng yǎng de gāo shàng dào dé fēng fàn fēng bēi.
Các nhà khoa học tiền bối làm người quang minh lỗi lạc đường hoàng chính trực, làm học vấn cầu thị nghiêm cẩn, đã dựng nên tượng đài phong phạm đạo đức cao đẹp khiến mọi người kính ngưỡng trong giới học thuật.

35 nét | HÁN VIỆT : QUANG MINH LỖI LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1482

光泽
guāngzé

độ bóng, ánh sáng bóng loáng mịn màng

经过亚纳米级超精密抛光加工，大科学装置高能X射线反射镜表面呈现出如水镜般完美无瑕的金属光泽。
Jīng guò yà nà mǐ jí chāo jīng mì pāo guāng jiā gōng, dà kē xué zhuāng zhì gāo néng X shè xiàn fǎn shè jìng biǎo miàn chéng xiàn chū rú shuǐ jìng bān wán měi wú xiá de jīn shǔ guāng zé.
Trải qua gia công đánh bóng siêu chính xác cấp độ dưới nanomet, bề mặt gương phản xạ tia X năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn hiện ra độ bóng ánh sáng bóng loáng kim loại hoàn mỹ không tì vết tựa như mặt gương nước.

27 nét | HÁN VIỆT : QUANG TRẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1483

广义
guǎngyì

nghĩa rộng, thuyết tương đối rộng (guǎngyì xiāngduìlùn)

中国天眼FAST对双星系统空间引力辐射的超高精度测定，再次以无可辩驳的实测数据强力验证了爱因斯坦广义相对论预言。
Zhōng guó tiān yǎn FAST duì shuāng xīng xì tǒng kōng jiān yǐn lì fú shè de chāo gāo jīng dù cè dìng, zài cì yǐ wú kě biàn bó de shí cè shù jù qiáng lì yàn zhèng le ài yīn sī tǎn guǎng yì xiāng duì lùn yù yán.
Việc đo đạc độ chính xác siêu cao bức xạ hấp dẫn không gian hệ sao đôi của Thiên Nhãn Trung Quốc FAST một lần nữa bằng số liệu đo đạc thực tế không thể chối cãi đã kiểm chứng mạnh mẽ dự đoán thuyết tương đối rộng nghĩa rộng của Einstein.

22 nét | HÁN VIỆT : QUẢNG NGHĨA

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1484

归根到底
guī gēn dào dǐ

suy cho cùng, rốt cuộc, xét đến cùng

科技竞争归根到底是人才竞争，必须把培育战略科学家与拔尖创新人才摆在国家发展的突出战略位置。
Kē jì jìng zhēng guī gēn dào dǐ shì rén cái jìng zhēng, bì xū bǎ péi yù zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān chuàng xīn rén cái bǎi zài guó jiā fā zhǎn de tū chū zhàn lüè wèi zhì.
Cạnh tranh khoa học công nghệ suy cho cùng xét đến cùng chính là cạnh tranh về nhân tài, bắt buộc phải đặt việc bồi dưỡng các nhà khoa học chiến lược và nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng vào vị trí chiến lược nổi bật trong sự phát triển quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : QUY CĂN ĐÁO ĐỂ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1485

归还
guī huán

hoàn trả, trả lại (nguyên vẹn)

经过多边国际文物追索外交司法协作，多批流失海外百余年的珍贵国家级青铜文物被成功追索并全数归还祖国。
Jīng guò duō biān guó jì wén wù zhuī suǒ wài jiāo sī fǎ xié zuò, duō pī liú shī hǎi wài bǎi yú nián de zhēn guì guó jiā jí qīng tóng wén wù bèi chéng gōng zhuī suǒ bìng quán shù guī huán zǔ guó.
Trải qua sự hợp tác tư pháp và ngoại giao truy tìm cổ vật quốc tế đa phương, nhiều lô bảo vật bằng đồng quý hiếm cấp quốc gia bị thất lạc ra nước ngoài hơn một trăm năm đã được truy đòi thành công và hoàn trả đầy đủ về cho Tổ quốc.

20 nét | HÁN VIỆT : QUY HOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1486

归结
guījié

quy về, quy kết thành, đúc kết lại ở

战略科学家指出，大科学工程能够连克险关的根本原因，归结于社会主义集中力量办大事的显著制度优势与团队无私奉献。
Zhàn lüè kē xué jiā zhǐ chū, dà kē xué gōng chéng néng gòu lián kè xiǎn guān de gēn běn yuán yīn, guī jié yú shè huì zhǔ yì jí zhōng lì liàng bàn dà shì de xiǎn zhù zhì dù yōu shì yǔ tuán duì wú sī fèng xiàn.
Nhà khoa học chiến lược chỉ rõ, nguyên nhân căn bản giúp công trình khoa học lớn liên tục vượt qua các hiểm quan đúc kết lại ở quy về ưu thế thể chế vượt bậc tập trung sức mạnh làm việc lớn của chủ nghĩa xã hội và sự cống hiến quên mình của đội ngũ.

17 nét | HÁN VIỆT : QUY KẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1487

归来
guīlái

trở về, khải hoàn trở về, quay về

当搭载着月背珍贵土壤岩芯样本的嫦娥返回舱凯旋归来稳稳着陆时，北京飞控中心大厅掌声经久不息。
Dāng dā zài zhe yuè bèi zhēn guì tǔ rǎng yán xìn yàng běn de cháng é fǎn huí cāng kǎi xuán guī lái wěn wěn zhuó lù shí, běi jīng fēi kòng zhōng xīn dà tīng zhǎng shēng jīng jiǔ bù xī.
Khi khoang hồi quyển Hằng Nga mang theo các mẫu vật lõi đất đá quý giá nơi mặt sau Mặt trăng khải hoàn trở về quay về hạ cánh vững vàng, đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Bắc Kinh vang dội những tràng pháo tay kéo dài không ngớt.

18 nét | HÁN VIỆT : QUY LAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1488

归纳
guī nà

quy nạp, đúc kết, tổng hợp khái quát

理论物理学家在深入分析数万组粒子对撞实测数据后，成功归纳提炼出了描述新型强子态对称性的普适规律。
Lǐ lùn wù lǐ xué jiā zài shēn rù fēn xī shù wàn zǔ lì zi duì zhuàng shí cè shù jù hòu, chéng gōng guī nà tí liàn chū le miáo shù xīn xíng qiáng zi tài duì chèn xìng de pǔ shì guī lǜ.
Các nhà vật lý lý thuyết sau khi phân tích chuyên sâu hàng vạn tổ hợp số liệu đo đạc thực tế va chạm hạt đã quy nạp đúc kết thành công quy luật phổ quát mô tả tính đối xứng của trạng thái hadron kiểu mới.

20 nét | HÁN VIỆT : QUY NẠP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1489

归属
guīshǔ

thuộc về, quyền sở hữu quy thuộc; nơi chốn thuộc về

国家科技成果转化法明确界定了职务科技成果知识产权归属与长效收益分配比例，极大激发了科研人员成果转化热情。
Guó jiā kē jì chéng guǒ zhuǎn huà fǎ míng què jiè dìng le zhí wù kē jì chéng guǒ zhī shí chǎn quán guī shǔ yǔ zhǎng xiào shōu yì fēn pèi bǐ lì, jí dà jī fā le kē yán rén yuán chéng guǒ zhuǎn huà rè qíng.
Luật Chuyển hóa Thành quả Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã định nghĩa rõ ràng quyền sở hữu thuộc về quyền sở hữu trí tuệ thành quả khoa học công nghệ chức vụ cùng tỷ lệ phân phối thu nhập lâu dài, khích lệ tột bậc nhiệt huyết chuyển hóa thành quả của cán bộ nghiên cứu.

16 nét | HÁN VIỆT : QUY THUỘC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1490

归宿
guīsù

chốn về, bến đỗ cuối cùng, nơi quy túc đích đến

把个人的学术追求深深融入国家重大战略科技事业之中，是当代广大青年科技工作者实现人生价值的最高精神归宿。
Bǎ gè rén de xué shù zhuī qiú shēn shēn róng rù guó jiā zhòng dà zhàn lüè kē jì shì yè zhī zhōng, shì dāng dài guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě shí xiàn rén shēng jià zhí de zuì gāo jīng shén guī sù.
Hòa quyện sâu sắc sự theo đuổi học thuật của cá nhân vào sự nghiệp khoa học công nghệ chiến lược trọng đại của quốc gia chính là bến đỗ cuối cùng chốn về tinh thần cao đẹp nhất để đông đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ đương đại thực hiện giá trị nhân sinh.

18 nét | HÁN VIỆT : QUY TÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1491

龟
guī

con rùa, loài rùa; mai rùa cổ tự (giáp cốt văn: jiǎgǔwén)

科技考古团队利用三维高精度激光显微与拉曼光谱扫描，完整识读了殷墟出土千年占卜龟甲上细微的商代甲骨文字痕迹。
Kē jì kǎo gǔ tuán duì lì yòng sān wéi gāo jīng dù jī guāng xiǎn wēi yǔ lā màn guāng pǔ sǎo miáo, wán zhěng shí dú le yīn xū chū tǔ qiān nián zhān bǔ guī jiǎ shàng xì wēi de shāng dài jiǎ gǔ wén zì hén jì.
Đội ngũ khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng quét quang phổ Raman và hiển vi laser độ chính xác cao 3D đã nhận diện đọc trọn vẹn dấu vết văn tự giáp cốt thời Thương tinh vi trên mai rùa con rùa bói toán ngàn năm khai quật tại Ân Khư.

12 nét | HÁN VIỆT : QUY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1492

规格
guī gé

quy cách, tiêu chuẩn kích thước; cấp độ quy mô

现代重型运载火箭所有结构锻件均实行了最高工业制造规格与全流程超声波无损探伤质量检测。
Xiàn dài zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn suǒ yǒu jié gòu duàn jiàn jūn shí xíng le zuì gāo gōng yè zhì zào guī gé yǔ quán liú chéng chāo shēng bō wú sǔn tàn shāng zhì liàng jiǎn cè.
Toàn bộ các chi tiết rèn đúc kết cấu của tên lửa đẩy hạng nặng hiện đại đều thực thi quy cách sản xuất công nghiệp cấp cao nhất và quy trình kiểm định chất lượng dò khuyết tật siêu âm không phá hủy toàn quy trình.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1493

规矩
guī ju

quy củ, phép tắc; đứng đắn, nề nếp

不以规矩，不能成方圆；在严谨的科学实验中，必须严格恪守操作规程与安全规矩。
Bù yǐ guī jǔ, bù néng chéng fāng yuán ; zài yán jǐn de kē xué shí yàn zhōng, bì xū yán gé kè shǒu cāo zuò guī chéng yǔ ān quán guī jǔ.
Không có quy củ thì không thể nên khuôn phép; trong các thí nghiệm khoa học nghiêm cẩn, nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thao tác và nội quy an toàn.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1494

闺女
guīnü

con gái, cô con gái rượu (khẩu ngữ thân mật)

常年扎根戈壁发射场的航天功勋总工程师在任务圆满成功后，第一时间给远方的闺女打电话分享胜利喜悦。
Cháng nián zhā gēn gē bì fā shè chǎng de háng tiān gōng xūn zǒng gōng chéng shī zài rèn wù yuán mǎn chéng gōng hòu, dì yī shí jiān gěi yuǎn fāng de guī nǚ dǎ diàn huà fēn xiǎng shèng lì xǐ yuè.
Vị Tổng Kỹ sư có công lao hàng không vũ trụ quanh năm cắm rễ nơi bãi phóng sa mạc Gobi sau khi nhiệm vụ thành công mỹ mãn, đã gọi điện thoại ngay trong thời khắc đầu tiên cho cô con gái cô con gái rượu ở nơi phương xa để chia sẻ niềm vui thắng lợi.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1495

瑰宝
guībǎo

bảo vật vô giá, báu vật quý báu, tinh hoa trân quý

传统中医药学凝聚着深邃的哲学智慧与千百年防病治病实践经验，是中华民族和全人类不可多得的科学文化瑰宝。
Chuán tǒng zhōng yī yào xué níng jù zhe shēn suì de zhé xué zhì huì yǔ qiān bǎi nián fáng bìng zhì bìng shí jiàn jīng yàn, shì zhōng huá mín zú hé quán rén lèi bù kě duō dé de kē xué wén huà guī bǎo.
Trung y dược học truyền thống kết tinh trí tuệ triết học sâu sắc cùng kinh nghiệm thực tiễn phòng và trị bệnh ngàn trăm năm, chính là báu vật quý báu bảo vật vô giá văn hóa khoa học hiếm có của dân tộc Trung Hoa và toàn nhân loại.

21 nét | HÁN VIỆT : KHÔI BẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1496

轨迹
guǐjì

quỹ đạo, đường đi quỹ tích di chuyển

深空探测飞控测控系统实现了对数亿公里外探测器行星际飞行运动轨迹毫米级精度的超远程精准实时定轨。
Shēn kōng tàn cè fēi kòng cè kòng xì tǒng shí xiàn le duì shù yì gōng lǐ wài tàn cè qì xíng xīng jì fēi xíng yùn dòng guǐ jì háo mǐ jí jīng dù de chāo yuǎn chéng jīng zhǔn shí shí dìng guǐ.
Hệ thống trắc nghiệm điều khiển điều khiển bay thám trắc không gian sâu đã thực hiện việc xác định quỹ đạo thời gian thực chuẩn xác siêu cự ly xa với độ chính xác cấp độ milimet đối với đường đi quỹ đạo quỹ tích chuyển động bay liên hành tinh của tàu thám trắc cách xa hàng trăm triệu cây số.

22 nét | HÁN VIỆT : QUỸ TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1497

柜台
guì tái

quầy hàng, quầy thu ngân, quầy phục vụ

航站楼值机柜台前地服人员热情周到地为旅客办理行李托运与选座手续。
Háng zhàn lóu zhí jī guì tái qián dì fú rén yuán rè qíng zhōu dào dì wèi lǚ kè bàn lǐ xíng lǐ tuō yùn yǔ xuǎn zuò shǒu xù.
Tại quầy làm thủ tục nhà ga sân bay, các nhân viên mặt đất niềm nở và chu đáo làm thủ tục gửi hành lý cùng chọn chỗ ngồi cho hành khách.

23 nét | HÁN VIỆT : QUỸ ĐÀI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1498

贵宾
guìbīn

khách quý, quý khách quan khách danh dự

在世界顶尖科学家高峰论坛开幕式上，国家综合性科学中心热情接待了来自全球数十个国家和地区的诺贝尔奖贵宾学者。
Zài shì jiè dǐng jiān kē xué jiā gāo fēng lùn tán kāi mù shì shàng, guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn rè qíng jiē dài le lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā hé dì qū de nuò bèi ěr jiǎng guì bīn xué zhě.
Tại lễ khai mạc Diễn đàn Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Đỉnh cao Thế giới, Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã tiếp đón nồng hậu các vị học giả quý khách khách quý đoạt giải Nobel đến từ hàng chục quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÝ TÂN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1499

贵重
guìzhòng

quý giá, quý trọng đắt giá, đắt tiền quý báu

大科学装置超精密光学部件与贵重实验靶材在恒温恒湿特种真空手套箱中实行最高密级保管。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì guāng xué bù jiàn yǔ guì zhòng shí yàn bǎ cái zài héng wēn héng shī tè zhǒng zhēn kōng shǒu tào xiāng zhōng shí xíng zuì gāo mì jí bǎo guǎn.
Các vật liệu bia thực nghiệm quý giá quý báu đắt giá cùng linh kiện quang học siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn được thực thi bảo quản ở cấp bảo mật cao nhất bên trong tủ găng tay chân không đặc chủng độ ẩm ổn định nhiệt độ ổn định.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÝ TRỌNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1500

贵族
guì zú

cao quý

在面对复杂的挑战时，保持贵族的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí guì zú de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao quý đặc biệt quan trọng.

19 nét | HÁN VIỆT : QUÝ TỘC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1501

桂花
guìhuā

hoa quế, hoa mộc tê thơm ngát

金秋时节，国家综合性科学中心园区内盛开的桂花阵阵飘香，与现代化大科学装置相映成趣、生机盎然。
Jīn qiū shí jié, guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn yuán qū nèi shèng kāi de guì huā zhèn zhèn piāo xiāng, yǔ xiàn dài huà dà kē xué zhuāng zhì xiāng yìng chéng qù, shēng jī àng rán.
Vào tiết trời thu vàng, hoa mộc tê hoa quế nở rộ bên trong khuôn viên Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia tỏa hương thơm ngát từng luồng, hòa cùng các thiết bị khoa học lớn hiện đại tạo nên cảnh sắc tràn trề sức sống đầy thi vị.

26 nét | HÁN VIỆT : QUẾ HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1502

滚动
gǔndòng

lăn chuyển động, lăn tròn; cuộn luân phiên (gǔndòng fāzhǎn)

国家基础科学基金实施前瞻性滚动支持机制，对取得突破性原创进展的青年科学家团队给予无间断长期科研资助。
Guó jiā jī chǔ kē xué jī jīn shí shī qián zhān xìng gǔn dòng zhī chí jī zhì, duì qǔ dé tū pò xìng yuán chuàng jìn zhǎn de qīng nián kē xué jiā tuán duì jǐ yǔ wú jiàn duàn cháng qī kē yán zī zhù.
Quỹ Khoa học Cơ bản Quốc gia thực thi cơ chế hỗ trợ luân phiên liên tục cuộn lăn có tầm nhìn xa, dành sự tài trợ nghiên cứu khoa học lâu dài không gián đoạn cho các đội ngũ nhà khoa học trẻ đạt được tiến triển nguyên bản mang tính đột phá.

22 nét | HÁN VIỆT : CỔN ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1503

棍
gùn

cây gậy, cây côn gậy gỗ (nghĩa đen/bóng)

在大科学工程超导磁体极端低温管道绝热固定中，工程师严格采用了特制高强度无磁特种绝缘环氧树脂支撑棍棒。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo dǎo cí tǐ jí duān dī wēn guǎn dào jué rè gù dìng zhōng, gōng chéng shī yán gé cǎi yòng le tè zhì gāo qiáng dù wú cí tè zhǒng jué yuán huán yǎng shù zhī zhī chēng gùn bàng.
Trong việc cố định cách nhiệt đường ống nhiệt độ cực thấp của nam châm siêu dẫn công trình khoa học lớn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt việc sử dụng các thanh chống cây gậy cây côn nhựa epoxy cách điện đặc chủng không từ tính cường độ cao.

13 nét | HÁN VIỆT : CÔN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1504

棍子
gùnzi

cây gậy, chiếc gậy (nghĩa đen/bóng: dǎ gùnzi)

科技界要营造百家争鸣、包容失败的宽松学术氛围，决不允许动辄抓辫子、扣帽子、打棍子等恶劣不良风气存在。
Kē jì jiè yào yíng zào bǎi jiā zhēng míng, bāo róng shī bài de kuān sōng xué shù fēn wéi, jué bù yǔn xǔ dòng zhé zhuā biàn zi, kòu mào zi, dǎ gùn zi děng è liè bù liáng fēng qì cún zài.
Giới khoa học công nghệ phải kiến tạo bầu không khí học thuật phóng khoáng trăm nhà đua tiếng (bách gia tranh minh), bao dung thất bại, tuyệt đối không cho phép tồn tại những thói xấu tệ hại hễ một tí là nắm tóc bới lông tìm vết, chụp mũ, vung cây gậy chiếc gậy đánh đòn.

24 nét | HÁN VIỆT : CÔN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1505

国宝
guóbǎo

quốc bảo, báu vật quốc gia; nhà khoa học quốc bảo

老一辈功勋战略科学家是党和人民的崇高骄傲，是挺起中华民族科技脊梁的真正无价“国宝”。
Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shì dǎng hé rén mín de chóng gāo jiāo ào, shì tǐng qǐ zhōng huá mín zú kē jì jí liáng de zhēn zhèng wú jià "guó bǎo ".
Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiền bối chính là niềm tự hào cao đẹp của Đảng và nhân dân, là 'quốc bảo' báu vật quốc gia vô giá đích thực nâng đỡ cột sống khoa học công nghệ của dân tộc Trung Hoa.

21 nét | HÁN VIỆT : QUỐC BẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1506

国防
guó fáng

quốc phòng, an ninh quốc phòng

建设巩固的国防和强大的军队，是实现中华民族伟大复兴的战略支撑与坚强柱石。
Jiàn shè gǒng gù de guó fáng hé qiáng dà de jūn duì, shì shí xiàn zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng de zhàn lüè zhī chēng yǔ jiān qiáng zhù shí.
Xây dựng nền quốc phòng vững chắc và quân đội hùng mạnh chính là trụ cột chiến lược và hòn đá tảng kiên cường để hiện thực hóa sự phục hưng vĩ đại của dân tộc.

24 nét | HÁN VIỆT : QUỐC PHÒNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1507

国画
guóhuà

tranh thủy mặc truyền thống, quốc họa Trung Hoa

科技文保专家运用超高清多光谱红外断层扫描成像技术，揭示了传世千年古代国画绢本深层的古老矿物颜料微观分布。
Kē jì wén bǎo zhuān jiā yùn yòng chāo gāo qīng duō guāng pǔ hóng wài duàn céng sǎo miáo chéng xiàng jì shù, jiē shì le chuán shì qiān nián gǔ dài guó huà juàn běn shēn céng de gǔ lǎo kuàng wù yán liào wēi guān fēn bù.
Các chuyên gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ chụp ảnh cắt lớp hồng ngoại đa quang phổ siêu nét đã hé lộ sự phân bố vi mô của các loại thuốc màu khoáng vật cổ xưa nơi tầng sâu lụa tơ tằm tranh thủy mặc truyền thống quốc họa cổ ngàn năm truyền đời.

20 nét | HÁN VIỆT : QUỐC HOẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1508

国徽
guóhuī

quốc huy, biểu tượng quốc huy của quốc gia

在神舟载人飞船返回舱外壳正面，庄严镌刻的中华人民共和国国徽在金色太空阳光照耀下格外耀眼夺目。
Zài shén zhōu zài rén fēi chuán fǎn huí cāng wài ké zhèng miàn, zhuāng yán juān kè de zhōng huá rén mín gòng hé guó guó huī zài jīn sè tài kōng yáng guāng zhào yào xià gé wài yào yǎn duó mù.
Trên mặt chính lớp vỏ khoang hồi quyển của tàu vũ trụ có người lái Thần Châu, biểu tượng Quốc huy quốc huy nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được khắc trang nghiêm sáng ngời rực rỡ bắt mắt dưới ánh nắng vàng không gian vũ trụ.

20 nét | HÁN VIỆT : QUỐC HUY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1509

国情
guóqíng

tình hình đất nước, điều kiện thực tế quốc gia

推进科技自立自强必须紧密结合我国国情与战略急需，走适合中国特色自主创新的正确道路。
Tuī jìn kē jì zì lì zì qiáng bì xū jǐn mì jié hé wǒ guó guó qíng yǔ zhàn lüè jí xū, zǒu shì hé zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn de zhèng què dào lù.
Thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ bắt buộc phải kết hợp chặt chẽ với nhu cầu cấp bách chiến lược và điều kiện thực tế quốc gia tình hình đất nước nước ta, đi trên con đường đúng đắn đổi mới sáng tạo tự chủ phù hợp đặc sắc Trung Quốc.

18 nét | HÁN VIỆT : QUỐC TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1510

国土
guótǔ

lãnh thổ đất nước, bờ cõi non sông đất nước

国家高分辨率对地观测卫星星座实现了对广袤国土资源与生态环境的高频次全覆盖高精度立体监测。
Guó jiā gāo fēn biàn lǜ duì dì guān cè wèi xīng xīng zuò shí xiàn le duì guǎng mào guó tǔ zī yuán yǔ shēng tài huán jìng de gāo pín cì quán fù gài gāo jīng dù lì tǐ jiān cè.
Chòm sao vệ tinh quan trắc mặt đất độ phân giải cao quốc gia đã thực hiện việc quan trắc lập thể độ chính xác cao bao phủ toàn diện tần suất cao đối với môi trường sinh thái và tài nguyên lãnh thổ đất nước non sông bờ cõi bao la.

19 nét | HÁN VIỆT : QUỐC THỔ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1511

国学
guóxué

quốc học, nghiên cứu văn hóa truyền thống học thuật cổ

许多杰出科学家兼具深厚的现代数理科学功底与博大精深的传统国学修养，展现出融通文理的大家风范。
Xǔ duō jié chū kē xué jiā jiān jù shēn hòu de xiàn dài shù lǐ kē xué gōng dǐ yǔ bó dà jīng shēn de chuán tǒng guó xué xiū yǎng, zhǎn xiàn chū róng tōng wén lǐ de dà jiā fēng fàn.
Nhiều nhà khoa học kiệt xuất vừa sở hữu bề dày công phu khoa học toán lý hiện đại sâu sắc, lại vừa có sự tu dưỡng quốc học nghiên cứu văn hóa truyền thống uyên bác thâm sâu, phô diễn phong thái bậc đại gia dung thông hòa quyện giữa tự nhiên và nhân văn.

22 nét | HÁN VIỆT : QUỐC HỌC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1512

国有
guóyǒu

thuộc nhà nước, sở hữu nhà nước quốc doanh

大型国有科技型骨干企业主动发挥创新领头羊作用，加大底层前沿研发投入，全力担当国家战略科技攻关重任。
Dà xíng guó yǒu kē jì xíng gǔ gàn qǐ yè zhǔ dòng fā huī chuàng xīn lǐng tóu yáng zuò yòng, jiā dà dǐ céng qián yán yán fā tóu rù, quán lì dān dāng guó jiā zhàn lüè kē jì gōng guān zhòng rèn.
Các doanh nghiệp nòng cốt loại hình công nghệ thuộc nhà nước sở hữu nhà nước quy mô lớn chủ động phát huy vai trò đầu tàu đổi mới sáng tạo, gia tăng đầu tư nghiên cứu phát triển tiên phong nền tảng, dốc toàn lực gánh vác trọng trách vượt khó khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

19 nét | HÁN VIỆT : QUỐC HỮU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1513

果断
guǒ duàn

quả đoán, dứt khoát, quyết đoán

在特大山洪泥石流险情突发的千钧一发之际，现场防汛指挥员果断下达整村紧急撤离指令，成功避免了重大人员伤亡。
Zài tè dà shān hóng ní shí liú xiǎn qíng tū fā de qiān jūn yī fà zhī jì, xiàn chǎng fáng xùn zhǐ huī yuán guǒ duàn xià dá zhěng cūn jǐn jí chè lí zhǐ lìng, chéng gōng bì miǎn le zhòng dà rén yuán shāng wáng.
Vào thời khắc ngàn cân treo sợi tóc khi hiểm họa lũ quét bùn đá bất ngờ ập đến, người chỉ huy phòng chống thiên tai tại hiện trường đã dứt khoát quả đoán ban bố mệnh lệnh sơ tán khẩn cấp toàn bộ thôn làng, tránh được thương vong trọng đại về người một cách thành công.

20 nét | HÁN VIỆT : QUẢ ĐOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1514

果园
guǒyuán

vườn cây ăn quả, vườn cây ăn trái

国家智能农业示范果园全面普及了无人机高光谱病虫害遥感监测与水肥一体化自动精准滴灌系统。
Guó jiā zhì néng nóng yè shì fàn guǒ yuán quán miàn pǔ jí liǎo wú rén jī gāo guāng pǔ bìng chóng hài yáo gǎn jiān cè yǔ shuǐ féi yī tǐ huà zì dòng jīng zhǔn dī guàn xì tǒng.
Vườn cây ăn quả vườn cây ăn trái trình diễn nông nghiệp thông minh quốc gia đã phổ cập toàn diện hệ thống tưới nhỏ giọt chuẩn xác tự động tích hợp nước phân và quan trắc viễn thám sâu bệnh hại siêu quang phổ bằng máy bay không người lái.

17 nét | HÁN VIỆT : QUẢ VIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Liên từ | #1515

果真
guǒzhēn

quả thực, đúng thật là, quả nhiên

经过超级计算机连续多月高精度物理模拟，实验测试得出的反常量子跃迁参数与理论预测结果果真完全一致。
Jīng guò chāo jí jì suàn jī lián xù duō yuè gāo jīng dù wù lǐ mó nǐ, shí yàn cè shì dé chū de fǎn cháng liàng zǐ yuè qiān cān shù yǔ lǐ lùn yù cè jié guǒ guǒ zhēn wán quán yí zhì.
Trải qua nhiều tháng liên tục mô phỏng vật lý độ chính xác cao bằng siêu máy tính, các tham số chuyển mức lượng tử dị thường thu được qua thử nghiệm thực nghiệm quả thực đúng thật là quả nhiên hoàn toàn nhất trí ăn khớp với kết quả dự đoán lý thuyết.

20 nét | HÁN VIỆT : QUẢ CHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1516

裹
guǒ

bọc

老师鼓励大家积极裹，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guǒ， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bọc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : KHOẢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1517

过半
guòbàn

quá nửa, vượt quá một nửa tiến độ

随着大科学工程地下深部主实验洞室混凝土结构浇筑过半，全系统全面转入设备精密预装与管线敷设阶段。
Suí zhe dà kē xué gōng chéng dì xià shēn bù zhǔ shí yàn dòng shì hùn níng tǔ jié gòu jiāo zhù guò bàn, quán xì tǒng quán miàn zhuǎn rù shè bèi jīng mì yù zhuāng yǔ guǎn xiàn fū shè jiē duàn.
Cùng với việc đổ kết cấu bê tông hầm lò thực nghiệm chính sâu dưới lòng đất của công trình khoa học lớn đã hoàn thành quá nửa vượt quá một nửa, toàn hệ thống chuyển sang giai đoạn rải đặt đường ống tuyến cáp và lắp đặt trước chính xác thiết bị toàn diện.

17 nét | HÁN VIỆT : QUÁ BÁN

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #1518

过不去
guòbuqù

làm khó, gây khó dễ; không qua được, áy náy (xīnli guòbuqù)

搞学术评价必须坚持求真务实，决不能因学术流派见解不同就故意在项目评审中给青年学者过不去。
Gǎo xué shù píng jià bì xū jiān chí qiú zhēn wù shí, jué bù néng yīn xué shù liú pài jiàn jiě bù tóng jiù gù yì zài xiàng mù píng shěn zhōng gěi qīng nián xué zhě guò bù qù.
Làm đánh giá học thuật bắt buộc phải kiên trì cầu thị thực chất, tuyệt đối không được vì kiến giải trường phái học thuật khác nhau mà cố ý làm khó gây khó dễ cho các học giả trẻ trong thẩm định dự án.

29 nét | HÁN VIỆT : QUÁ BẤT KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1519

过错
guòcuò

lỗi lầm, sai sót khuyết điểm vi phạm

国家科技伦理委员会健全了学术不端容错纠错与追责机制，严格区分探索性实验失败与主观学术造假过错。
Guó jiā kē jì lún lǐ wěi yuán huì jiàn quán le xué shù bù duān róng cuò jiū cuò yǔ zhuī zé jī zhì, yán gé qū fēn tàn suǒ xìng shí yàn shī bài yǔ zhǔ guān xué shù zào jiǎ guò cuò.
Hội đồng Đạo đức Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã hoàn thiện cơ chế truy cứu trách nhiệm cùng sửa sai dung lỗi sai sót học thuật, phân biệt rạch ròi nghiêm ngặt giữa lỗi lầm khuyết điểm làm giả học thuật chủ quan và thất bại thực nghiệm mang tính tìm tòi.

22 nét | HÁN VIỆT : QUÁ THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1520

过道
guòdào

hành lang, lối đi hành lang thông đạo

在深空探测指挥大厅通往机房的专用过道两侧，陈列着中国航天人历次重大发射任务的珍贵历史照片与徽章。
Zài shēn kōng tàn cè zhǐ huī dà tīng tōng wǎng jī fáng de zhuān yòng guò dào liǎng cè, chén liè zhe zhōng guó háng tiān rén lì cì zhòng dà fā shè rèn wù de zhēn guì lì shǐ zhào piān yǔ huī zhāng.
Ở hai bên lối đi hành lang thông đạo chuyên dụng từ đại sảnh chỉ huy thám trắc không gian sâu dẫn tới phòng máy, trưng bày các huy hiệu và bức ảnh lịch sử quý giá về các nhiệm vụ phóng trọng đại qua các thời kỳ của những người làm hàng không vũ trụ Trung Quốc.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÁ ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1521

过关
guòguān

qua ải, đạt yêu cầu vượt qua sát hạch kiểm định

大科学装置核心加速腔在出厂前必须经过数十道极限真空与极低温超导性能全要素严苛检验、全部高标准过关。
Dà kē xué zhuāng zhì hé xīn jiā sù qiāng zài chū chǎng qián bì xū jīng guò shù shí dào jí xiàn zhēn kōng yǔ jí dī wēn chāo dǎo xìng néng quán yào sù yán kē jiǎn yàn, quán bù gāo biāo zhǔn guò guān.
Buồng gia tốc cốt lõi của thiết bị khoa học lớn trước khi xuất xưởng bắt buộc phải trải qua hàng chục đợt kiểm nghiệm khắt khe toàn diện yếu tố tính năng siêu dẫn nhiệt độ cực thấp và chân không cực hạn, tất cả đều đạt yêu cầu qua ải theo tiêu chuẩn cao.

22 nét | HÁN VIỆT : QUÁ QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1522

过奖
guò jiǎng

khen quá lời, quá khen (khiêm từ)

面对国际学术界同行专家对研究成果的高度盛赞，青年领衔科学家谦逊微笑着表示“大家过奖了，我们仍需继续努力”。
Miàn duì guó jì xué shù jiè tóng háng zhuān jiā duì yán jiū chéng guǒ de gāo dù shèng zàn, qīng nián lǐng xián kē xué jiā qiān xùn wēi xiào zhe biǎo shì "dà jiā guò jiǎng le, wǒ men réng xū jì xù nǔ lì ".
Đứng trước sự khen ngợi đánh giá rất cao của các chuyên gia đồng nghiệp trong giới học thuật quốc tế đối với thành quả nghiên cứu, nhà khoa học trẻ đứng đầu dự án mỉm cười khiêm tốn nói 'Mọi người quá khen rồi, chúng tôi vẫn cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa'.

18 nét | HÁN VIỆT : QUÁ THƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1523

过节
guòjié

đón tết đón lễ; hiểm khích xích mích khúc mắc (guòjié)

为了保障大科学装置高负荷连续物理实验不中断，数百位科研人员主动放弃过节休假、通宵达旦坚守在控制大厅。
Wèi le bǎo zhàng dà kē xué zhuāng zhì gāo fù hè lián xù wù lǐ shí yàn bù zhōng duàn, shù bǎi wèi kē yán rén yuán zhǔ dòng fàng qì guò jié xiū jià, tōng xiāo dá dàn jiān shǒu zài kòng zhì dà tīng.
Để bảo đảm các thực nghiệm vật lý liên tục phụ tải cao của thiết bị khoa học lớn không bị gián đoạn, hàng trăm cán bộ nghiên cứu khoa học đã chủ động từ bỏ nghỉ tết đón lễ đón tết, thức thâu đêm suốt sáng bám trụ trong đại sảnh điều khiển.

23 nét | HÁN VIỆT : QUÁ TIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1524

过境
guòjìng

quá cảnh, bay qua không phận/lãnh thổ

空间环境监测卫星在过境极地电离层扰动区时，高灵敏度空间磁力仪实时记录下了强太阳风暴激发的空间物理波动。
Kōng jiān huán jìng jiān cè wèi xīng zài guò jìng jí dì diàn lí céng rǎo dòng qū shí, gāo líng mǐn dù kōng jiān cí lì yí shí shí jì lù xià le qiáng tài yáng fēng bào jī fā de kōng jiān wù lǐ bō dòng.
Vệ tinh quan trắc môi trường không gian khi bay qua không phận quá cảnh khu vực nhiễu động tầng điện ly vùng cực, máy đo từ không gian độ nhạy cao đã ghi chép lại theo thời gian thực những dao động vật lý không gian do bão Mặt trời mạnh kích phát.

17 nét | HÁN VIỆT : QUÁ CẢNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1525

过滤
guò lǜ

lọc, lọc bỏ (tạp chất, bụi bẩn, thông tin)

高端海水淡化装备搭载的反渗透高分子纳米复合膜元件，能够以百分之九十九点八的超高效率过滤截留海水中的溶解盐分。
Gāo duān hǎi shuǐ dàn huà zhuāng bèi dā zài de fǎn shèn tòu gāo fēn zǐ nà mǐ fù hé mó yuán jiàn, néng gòu yǐ bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ diǎn bā de chāo gāo xiào lǜ guò lǜ jié liú hǎi shuǐ zhōng de róng jiě yán fèn.
Thiết bị khử mặn nước biển cao cấp trang bị màng composite nano polymer thẩm thấu ngược (RO) có thể lọc và giữ lại muối hòa tan trong nước biển với hiệu suất siêu cao lên tới 99,8%.

20 nét | HÁN VIỆT : QUÁ LỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1526

过期
guò qī

hết hạn, quá hạn

在购买包装食品和药品前，务必仔细核对生产日期与保质期，严禁食用过期变质食品。
Zài gòu mǎi bāo zhuāng shí pǐn huò yào pǐn qián, wù bì zǐ xì hé duì shēng chǎn rì qī yǔ bǎo zhì qī, yán jìn shí yòng guò qī biàn zhì shí pǐn.
Trước khi chọn mua thực phẩm đóng gói và thuốc men, nhất định phải kiểm tra kỹ ngày sản xuất và hạn sử dụng, nghiêm cấm dùng thực phẩm đã hết hạn biến chất.

19 nét | HÁN VIỆT : QUÁ KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #1527

过日子
guòrìzi

sống qua ngày, sinh sống làm ăn sinh hoạt đời thường

扎根大西北荒漠数十载的老一辈科学家把科研当成了过日子，用一生执着诠释了淡泊名利、科技报国的崇高品格。
Zhā gēn dà xī běi huāng mò shù shí zài de lǎo yī bèi kē xué jiā bǎ kē yán dàng chéng le guò rì zi, yòng yī shēng zhí zhuó quán shì le dàn bó míng lì, kē jì bào guó de chóng gāo pǐn gé.
Các nhà khoa học tiền bối cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Đại Tây Bắc mấy chục năm đã coi nghiên cứu khoa học như sinh hoạt đời thường sống cuộc đời mình, dùng sự kiên trì cả đời để diễn giải phẩm cách cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, đạm bạc danh lợi.

31 nét | HÁN VIỆT : QUÁ NHẬT TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1528

过剩
guòshèng

dư thừa, dư thừa công suất thặng dư

我国加快淘汰传统落后低端产能，坚决防止低水平重复建设，大力发展以高科技、高效能为特征的新质生产力。
Wǒ guó jiā kuài táo tài chuán tǒng luò hòu dī duān chǎn néng, jiān jué fáng zhǐ dī shuǐ píng chóng fù jiàn shè, dà lì fā zhǎn yǐ gāo kē jì, gāo xiào néng wèi tè zhēng de xīn zhì shēng chǎn lì.
Nước ta đẩy nhanh đào thải các năng lực sản xuất trình độ thấp lạc hậu truyền thống, kiên quyết ngăn ngừa việc xây dựng lặp lại trình độ thấp gây dư thừa dư thừa công suất, ra sức phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới mang đặc trưng hiệu năng cao, công nghệ cao.

23 nét | HÁN VIỆT : QUÁ THẶNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1529

过失
guò shī

lỗi vô ý, sơ suất, lầm lỗi

在重大工程安全管理中推行全流程双重预防机制，切实消除人为疏忽与微小过失可能引发的安全隐患。
Zài zhòng dà gōng chéng ān quán guǎn lǐ zhōng tuī xíng quán liú chéng shuāng chóng yù fáng jī zhì, qiè shí xiāo chú rén wéi shū hū yǔ wēi xiǎo guò shī kě néng yǐn fā de ān quán yǐn huàn.
Trong công tác quản lý an toàn công trình trọng đại, áp dụng cơ chế phòng ngừa kép toàn quy trình, triệt tiêu thiết thực các mối nguy an toàn tiềm ẩn do sơ suất bất cẩn của con người hay những lỗi vô ý nhỏ bé gây ra.

23 nét | HÁN VIỆT : QUÁ THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1530

过头
guòtóu

quá trớn, quá mức đi quá giới hạn

在科技宣传报道中必须坚持实事求是与严谨客观，坚决反对任何脱离实际的浮夸吹嘘与过头炒作。
Zài kē jì xuān chuán bào dào zhōng bì xū jiān chí shí shì qiú shì yǔ yán jǐn kè guān, jiān jué fǎn duì rèn hé tuō lí shí jì de fú kuā chuī xū yǔ guò tóu chǎo zuò.
Trong tuyên truyền đưa tin khoa học công nghệ bắt buộc phải kiên trì thực sự cầu thị và khách quan nghiêm cẩn, kiên quyết phản đối mọi sự thổi phồng ba hoa phù phiếm và xào xáo tung hô quá trớn quá mức xa rời thực tế.

19 nét | HÁN VIỆT : QUÁ ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1531

过往
guòwǎng

qua lại, đi vãng quá khứ; người qua lại

回顾过往几十年我国科技事业披荆斩棘的发展历程，全体科技工作者更加坚定了勇攀世界科技高峰的必胜信心。
Huí gù guò wǎng jǐ shí nián wǒ guó kē jì shì yè pī jīng zhǎn jí de fā zhǎn lì chéng, quán tǐ kē jì gōng zuò zhě gèng jiā jiān dìng le yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de bì shèng xìn xīn.
Nhìn lại dĩ vãng quá khứ tiến trình phát triển vượt mọi chông gai mấy chục năm qua của sự nghiệp khoa học công nghệ nước ta, toàn thể những người làm khoa học công nghệ càng thêm kiên định niềm tin quyết thắng dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

21 nét | HÁN VIỆT : QUÁ VÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1532

过意不去
guòyìbùqù

áy náy trong lòng, cảm thấy có lỗi ngượng ngùng

总设计师常年扑在科研一线顾不上照顾家庭，面对默默支持自己的妻子与孩子，内心深处总有一份深切的过意不去。
Zǒng shè jì shī cháng nián pū zài kē yán yī xiàn gù bù shàng zhào gù jiā tíng, miàn duì mò mò zhī chí zì jǐ de qī zǐ yǔ hái zi, nèi xīn shēn chù zǒng yǒu yī fèn shēn qiè de guò yì bù qù.
Vị Tổng Thiết kế quanh năm lăn lộn nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học không kịp ngó ngàng chăm sóc gia đình, đứng trước người vợ và đứa con nhỏ thầm lặng ủng hộ mình, sâu thẳm trong lòng luôn có một nỗi áy náy trong lòng cảm thấy có lỗi khôn nguôi.

35 nét | HÁN VIỆT : QUÁ Ý BẤT KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1533

过瘾
guò yǐn

đã đời, thỏa thích, cực kỳ sướng mắt/sướng tai

在大剧院现场观看国家京剧院名家名段联袂演出的观众大呼过瘾，喝彩声与掌声响彻云霄。
Zài dà jù yuàn xiàn chǎng guān kàn guó jiā jīng jù yuàn míng jiā míng duàn lián mèi yǎn chū de guān zhòng dà hū guò yǐn, hè cǎi shēng yǔ zhǎng shēng xiǎng chè yún xiāo.
Khán giả trực tiếp theo dõi màn trình diễn kết hợp đỉnh cao các trích đoạn danh tiếng của các danh gia Nhà hát Kinh kịch Quốc gia tại nhà hát lớn đều trầm trồ hô to quá đã đời, tiếng hò reo cùng những tràng pháo tay vang dội thấu tận mây xanh.

19 nét | HÁN VIỆT : QUÁ ẨN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1534

过硬
guòyìng

vững vàng xuất sắc, đạt chuẩn cứng cáp bản lĩnh cao

青年科技突击队在大科学工程关键核心技术攻关中展现出了过硬的专业本领与敢打硬仗的顽强作风。
Qīng nián kē jì tū jī duì zài dà kē xué gōng chéng guān jiàn hé xīn jì shù gōng guān zhōng zhǎn xiàn chū le guò yìng de zhuān yè běn lǐng yǔ gǎn dǎ yìng zhàng de wán qiáng zuò fēng.
Đội xung kích khoa học công nghệ thanh niên trong đợt vượt khó công nghệ lõi then chốt công trình khoa học lớn đã phô diễn bản lĩnh chuyên môn vững vàng xuất sắc cứng cáp cùng tác phong kiên cường dám đánh trận khó.

17 nét | HÁN VIỆT : QUÁ NGẠNH

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #1535

过早
guòzǎo

quá sớm, vội vã quá sớm

在前沿科学假说尚未得到充分多维度实测数据全面验证之前，切忌过早下毫无根据的绝对物理定论。
Zài qián yán kē xué jiǎ shuō shàng wèi dé dào chōng fèn duō wéi dù shí cè shù jù quán miàn yàn zhèng zhī qián, qiè jì guò zǎo xià háo wú gēn jù de jué duì wù lǐ dìng lùn.
Trước khi giả thuyết khoa học tiên phong chưa nhận được kiểm chứng toàn diện bằng các số liệu đo đạc thực tế đa chiều đầy đủ, tránh việc đưa ra kết luận vật lý tuyệt đối vô căn cứ quá sớm vội vã quá sớm.

17 nét | HÁN VIỆT : QUÁ TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1536

咳嗽
ké sou

ho, cơn ho

感冒伴随严重咳嗽时应及时就医，并在医生指导下合理服用化痰止咳药剂与多饮温水。
Gǎn mào bàn suí yán zhòng ké sòu shí yīng jí shí jiù yī, bìng zài yī shēng zhǐ dǎo xià hé lǐ fú yòng huà tán zhǐ ké yào jì yǔ duō yǐn wēn shuǐ.
Khi bị cảm lạnh kèm theo ho nhiều cần đến bệnh viện khám kịp thời, uống thuốc long đờm giảm ho theo chỉ dẫn của bác sĩ và uống nhiều nước ấm.

25 nét | HÁN VIỆT : HÀI THẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1537

还款
huánkuǎn

hoàn trả nợ, trả tiền vay thanh toán nợ

国家科技金融创新政策为初创期硬科技企业提供了长周期、低利息与灵活分期的知识产权质押还款支持。
Guó jiā kē jì jīn róng chuàng xīn zhèng cè wèi chū chuàng qī yìng kē jì qǐ yè tí gōng le zhǎng zhōu qī, dī lì xī yǔ líng huó fēn qī de zhī shí chǎn quán zhì yā hái kuǎn zhī chí.
Chính sách đổi mới tài chính khoa học công nghệ quốc gia mang lại sự hỗ trợ hoàn trả nợ thanh toán nợ vay cầm cố quyền sở hữu trí tuệ trả góp linh hoạt, lãi suất thấp và chu kỳ dài cho các doanh nghiệp công nghệ cứng trong thời kỳ khởi nghiệp.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÀN KHOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1538

还原
huán yuán

khôi phục nguyên trạng; phản ứng khử (hóa học)

考古学家与数字化文保专家利用超高精度三维激光点云技术，完美数字化还原了千年敦煌莫高窟壁画的原本神采。
Kǎo gǔ xué jiā yǔ shù zì huà wén bǎo zhuān jiā lì yòng chāo gāo jīng dù sān wéi jī guāng diǎn yún jì shù, wán měi shù zì huà huán yuán le qiān nián dūn huáng mò gāo kū bì huà de yuán běn shén cǎi.
Các nhà khảo cổ học cùng chuyên gia bảo tồn di sản số hóa nhờ vào công nghệ đám mây điểm laser 3D độ chính xác siêu cao đã phục chế khôi phục số hóa hoàn mỹ thần thái nguyên bản của những bức bích họa ngàn năm trong Hang Mạc Cao Đôn Hoàng.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÀN NGUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1539

海岸
hǎi'àn

bờ biển, bờ biển ven hải phận

我国沿海海岸线全面部署了高精度海洋生态环境动态遥感监测与赤潮灾害早期智能预警浮标网络。
Wǒ guó yán hǎi hǎi àn xiàn quán miàn bù shǔ le gāo jīng dù hǎi yáng shēng tài huán jìng dòng tài yáo gǎn jiān cè yǔ chì cháo zāi hài zǎo qī zhì néng yù jǐng fú biāo wǎng luò.
Đường bờ biển bờ biển ven biển nước ta đã bố trí triển khai toàn diện mạng lưới phao quan trắc thông minh cảnh báo sớm hiểm họa thủy triều đỏ và quan trắc viễn thám động thái môi trường sinh thái biển độ chính xác cao.

24 nét | HÁN VIỆT : HẢI NGẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1540

海拔
hǎi bá

độ cao so với mặt nước biển, cao độ

青藏铁路作为世界上海拔最高、线路最长的高原铁路，攻克了多年冻土、高寒缺氧与生态脆弱三大世界级工程难题。
Qīng cáng tiě lù zuò wéi shì jiè shàng hǎi bá zuì gāo, xiàn lù zuì zhǎng de gāo yuán tiě lù, gōng kè le duō nián dòng tǔ, gāo hán quē yǎng yǔ shēng tài cuì ruò sān dà shì jiè jí gōng chéng nán tí.
Tuyến đường sắt Thanh Tạng với tư cách là tuyến đường sắt cao nguyên có độ cao so với mặt nước biển cao nhất và chiều dài lớn nhất thế giới đã chinh phục thành công 3 nan đề công trình đẳng cấp thế giới: đất đóng băng vĩnh cửu, cực lạnh thiếu oxy và sinh thái mong manh.

20 nét | HÁN VIỆT : HẢI BẠT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1541

海滨
hǎi bīn

bờ biển, bãi biển, ven biển

在这座气候宜人的现代化海滨生态科技新城中，高耸的智慧研发大厦与蔚蓝壮阔的海岸线交相辉映。
Zài zhè zuò qì hòu yí rén de xiàn dài huà hǎi bīn shēng tài kē jì xīn chéng zhōng, gāo sǒng de zhì huì yán fā dà shà yǔ wèi lán zhuàng kuò de hǎi àn xiàn jiāo xiāng huī yìng.
Bên trong thành phố công nghệ sinh thái ven biển hiện đại hóa có khí hậu ôn hòa dễ chịu này, những tòa cao ốc nghiên cứu phát triển thông minh chọc trời cùng đường bờ biển xanh biếc bao la soi bóng hòa quyện vào nhau tuyệt đẹp.

18 nét | HÁN VIỆT : HẢI TÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1542

海盗
hǎidào

hải tặc, cướp biển

我国远洋综合科学考察船搭载了先进的远程非致命定向声波防御与卫星应急报警系统，全方位防范海盗袭击威胁。
Wǒ guó yuǎn yáng zōng hé kē xué kǎo chá chuán dā zài le xiān jìn de yuǎn chéng fēi zhì mìng dìng xiàng shēng bō fáng yù yǔ wèi xīng yìng jí bào jǐng xì tǒng, quán fāng wèi fáng fàn hǎi dào xí jī wēi xié.
Con tàu khảo sát khoa học tổng hợp viễn dương của nước ta được trang bị hệ thống báo động khẩn cấp vệ tinh và phòng thủ sóng âm định hướng phi sát thương tầm xa tiên tiến, phòng ngừa toàn diện nguy cơ đe dọa tấn công của hải tặc cướp biển.

19 nét | HÁN VIỆT : HẢI ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1543

海量
hǎiliàng

khổng lồ, khối lượng cực lớn bao la như biển; lượng sức uống

国家天文科学数据中心依托超级计算机，实现了对中国天眼FAST每天产生的海量原始观测数据的超高速分布式计算分析。
Guó jiā tiān wén kē xué shù jù zhōng xīn yī tuō chāo jí jì suàn jī, shí xiàn le duì zhōng guó tiān yǎn FAST měi tiān chǎn shēng de hǎi liàng yuán shǐ guān cè shù jù de chāo gāo sù fēn bù shì jì suàn fēn xī.
Trung tâm Dữ liệu Khoa học Thiên văn Quốc gia dựa vào siêu máy tính, đã thực hiện phân tích tính toán phân tán siêu tốc độ cao đối với số liệu quan trắc ban đầu khổng lồ khối lượng cực lớn sinh ra mỗi ngày từ Thiên Nhãn Trung Quốc FAST.

21 nét | HÁN VIỆT : HẢI LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1544

海绵
hǎimián

bọt biển, miếng mút xốp xốp mềm (đô thị bọt biển: hǎimián chéngshì)

新型轻量化气凝胶超弹性防热材料犹如一块耐火海绵，在数千度极端高温灼烧下依然保持着卓越的隔热结构完整性。
Xīn xíng qīng liàng huà qì níng jiāo chāo tán xìng fáng rè cái liào yóu rú yī kuài nài huǒ hǎi mián, zài shù qiān dù jí duān gāo wēn zhuó shāo xià yī rán bǎo chí zhe zhuó yuè de gé rè jié gòu wán zhěng xìng.
Vật liệu chống nhiệt siêu đàn hồi aerogel nhẹ hóa kiểu mới tựa như một miếng bọt biển miếng mút xốp chịu lửa, dưới sự thiêu đốt ở nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ vẫn duy trì tính toàn vẹn kết cấu cách nhiệt trác việt.

18 nét | HÁN VIỆT : HẢI MIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1545

海面
hǎimiàn

mặt biển, bề mặt biển

我国海洋二号卫星微波高度计实现了对全球大洋海面高度与海浪有效波高厘米级精度的全天候连续测量。
Wǒ guó hǎi yáng èr hào wèi xīng wēi bō gāo dù jì shí xiàn le duì quán qiú dà yáng hǎi miàn gāo dù yǔ hǎi làng yǒu xiào bō gāo lí mǐ jí jīng dù de quán tiān hòu lián xù cè liáng.
Máy đo độ cao vi ba vệ tinh Hải Dương 2 nước ta đã thực hiện việc đo đạc liên tục 24/7 độ chính xác cấp độ centimet đối với chiều cao sóng hữu hiệu của sóng biển và độ cao mặt biển bề mặt biển các đại dương toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : HẢI DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1546

海内外
hǎinèiwài

trong và ngoài nước, trong nước và hải ngoại

中国大科学装置以完全开放包容的姿态面向海内外科学家开放共享机时，产出了一大批具有全球影响力的重大原创科学成果。
Zhōng guó dà kē xué zhuāng zhì yǐ wán quán kāi fàng bāo róng de zī tài miàn xiàng hǎi nèi wài kē xué jiā kāi fàng gòng xiǎng jī shí, chǎn chū le yī dà pī jù yǒu quán qiú yǐng xiǎng lì de zhòng dà yuán chuàng kē xué chéng guǒ.
Thiết bị khoa học lớn Trung Quốc bằng tư thế bao dung mở cửa hoàn toàn hướng tới các nhà khoa học trong nước và hải ngoại trong và ngoài nước mở cửa chia sẻ thời gian máy, sản sinh ra một loạt thành quả khoa học nguyên bản trọng đại có sức ảnh hưởng toàn cầu.

28 nét | HÁN VIỆT : HẢI NỘI NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1547

海滩
hǎitān

bãi biển, bờ cát bãi biển

在我国首个海滨商业航天发射场附近海滩观礼区，数万名天文航天爱好者共同欢呼见证重型火箭冲天而起的壮丽瞬间。
Zài wǒ guó shǒu gè hǎi bīn shāng yè háng tiān fā shè chǎng fù jìn hǎi tān guān lǐ qū, shù wàn míng tiān wén háng tiān ài hào zhě gòng tóng huān hū jiàn zhèng zhòng xíng huǒ jiàn chōng tiān ér qǐ de zhuàng lì shùn jiān.
Tại khu vực khán đài bãi biển bờ cát bãi biển gần bãi phóng hàng không vũ trụ thương mại ven biển đầu tiên của nước ta, hàng vạn người đam mê thiên văn hàng không vũ trụ đã cùng reo hò chứng kiến khoảnh khắc tráng lệ quả tên lửa hạng nặng phóng vút lên trời xanh.

19 nét | HÁN VIỆT : HẢI THAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1548

海峡
hǎixiá

eo biển, eo biển đại dương

两岸青年科学家跨越海峡阻隔相聚北京前沿科学论坛，共同探讨未来量子计算与人工智能交叉创新发展新范式。
Liǎng àn qīng nián kē xué jiā kuà yuè hǎi xiá zǔ gé xiāng jù běi jīng qián yán kē xué lùn tán, gòng tóng tàn tǎo wèi lái liàng zǐ jì suàn yǔ rén gōng zhì néng jiāo chā chuàng xīn fā zhǎn xīn fàn shì.
Các nhà khoa học trẻ hai bờ vượt qua sự ngăn cách của eo biển eo biển đã hội tụ tại Diễn đàn Khoa học Tiên phong Bắc Kinh, cùng bàn thảo mô thức mới phát triển đổi mới sáng tạo liên ngành trí tuệ nhân tạo và tính toán lượng tử tương lai.

23 nét | HÁN VIỆT : HẢI HIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1549

海啸
hǎixiào

sóng thần, thảm họa sóng thần biển khơi

我国成功建成了覆盖西太平洋全域的深海海底地震与海啸实时智能监测预警浮标网络，为沿海国家提供安全公共产品。
Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le fù gài xī tài píng yáng quán yù de shēn hǎi hǎi dǐ dì zhèn yǔ hǎi xiào shí shí zhì néng jiān cè yù jǐng fú biāo wǎng luò, wèi yán hǎi guó jiā tí gōng ān quán gōng gòng chǎn pǐn.
Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới phao quan trắc cảnh báo sớm thông minh theo thời gian thực sóng thần sóng thần và động đất đáy biển sâu bao phủ toàn bộ khu vực Tây Thái Bình Dương, cung cấp sản phẩm công cộng an toàn cho các quốc gia ven biển.

23 nét | HÁN VIỆT : HẢI KHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1550

海域
hǎiyù

vùng biển, hải vực lãnh hải

我国科研团队在南海目标海域成功实施了全球首次可燃冰高通量安全试开采，刷新了产气总量世界纪录。
Wǒ guó kē yán tuán duì zài nán hǎi mù biāo hǎi yù chéng gōng shí shī le quán qiú shǒu cì kě rán bīng gāo tōng liàng ān quán shì kāi cǎi, shuā xīn le chǎn qì zǒng liàng shì jiè jì lù.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta tại vùng biển hải vực mục tiêu ở Biển Đông đã thực hiện thành công cuộc thử nghiệm khai thác an toàn thông lượng cao băng cháy (khí hydrate) đầu tiên trên toàn cầu, phá vỡ kỷ lục thế giới về tổng lượng khí khai thác.

22 nét | HÁN VIỆT : HẢI VỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1551

海运
hǎiyùn

vận tải đường biển, vận tải biển hàng hải

国产重型运载火箭特种超大直径箭体部件通过大型专业海运测量运输船，平稳安全运抵文昌航天发射场码头。
Guó chǎn zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn tè zhǒng chāo dà zhí jìng jiàn tǐ bù jiàn tōng guò dà xíng zhuān yè hǎi yùn cè liáng yùn shū chuán, píng wěn ān quán yùn dī wén chāng háng tiān fā shè chǎng mǎ tóu.
Các bộ phận thân tên lửa đường kính siêu lớn đặc chủng của tên lửa đẩy hạng nặng sản xuất trong nước thông qua tàu vận tải đo đạc vận tải đường biển vận tải biển chuyên dụng quy mô lớn đã vận chuyển an toàn êm thuận cập bến cầu cảng Bãi phóng Vũ trụ Văn Xương.

21 nét | HÁN VIỆT : HẢI VẬN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1552

海藻
hǎizǎo

tảo biển, rong biển đại dương

海洋生物技术国家重点实验室成功解析了深海巨型海藻超强固碳光合作用分子机理，为开发新型蓝色碳汇技术奠定了理论基础。
Hǎi yáng shēng wù jì shù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng jiě xī le shēn hǎi jù xíng hǎi zǎo chāo qiáng gù tàn guāng hé zuò yòng fèn zǐ jī lǐ, wèi kāi fā xīn xíng lán sè tàn huì jì shù diàn dìng le lǐ lùn jī chǔ.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia công nghệ sinh học biển đã giải mã thành công cơ chế phân tử quang hợp cô lập carbon siêu mạnh của rong biển tảo biển khổng lồ biển sâu, đặt nền tảng lý luận cho việc phát triển công nghệ bể hấp thụ carbon xanh kiểu mới.

24 nét | HÁN VIỆT : HẢI TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1553

骇人听闻
hàiréntīngwén

kinh hoàng rùng rợn, rợn người nghe mà kinh sợ

国家网络安全部门凭借完全自主大模型防御系统，成功挫败了境外间谍组织企图瘫痪国家核心科研电网的骇人听闻恶意破坏图谋。
Guó jiā wǎng luò ān quán bù mén píng jiè wán quán zì zhǔ dà mó xíng fáng yù xì tǒng, chéng gōng cuò bài le jìng wài jiān dié zǔ zhī qī tú tān huàn guó jiā hé xīn kē yán diàn wǎng de hài rén tīng wén è yì pò huài tú móu.
Cơ quan an ninh mạng quốc gia dựa vào hệ thống phòng thủ mô hình lớn hoàn toàn tự chủ đã đập tan thành công mưu đồ phá hoại ác ý kinh hoàng rùng rợn rợn người nghe mà kinh sợ của tổ chức gián điệp nước ngoài định làm tê liệt lưới điện nghiên cứu khoa học cốt lõi quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : HÃI NHÂN DẪN VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1554

害虫
hàichóng

sâu bọ có hại, sâu bệnh dịch hại cây trồng

国家农业绿色防控科研团队成功研发出靶向微胶囊生物信息素，实现了对重大农作物害虫的高效绿色物理诱杀。
Guó jiā nóng yè lǜ sè fáng kòng kē yán tuán duì chéng gōng yán fā chū bǎ xiàng wēi jiāo náng shēng wù xìn xī sù, shí xiàn le duì zhòng dà nóng zuò wù hài chóng de gāo xiào lǜ sè wù lǐ yòu shā.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học phòng chống xanh nông nghiệp quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công pheromone sinh học vi bao trúng đích, thực hiện việc bẫy diệt vật lý xanh hiệu quả cao đối với các loài sâu bệnh sâu bọ có hại cây trồng nông nghiệp trọng đại.

26 nét | HÁN VIỆT : HẠI TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1555

害臊
hàisào

xấu hổ ngượng ngùng, thẹn thùng e thẹn (khẩu ngữ)

搞科学研究必须讲究实事求是，面对未经验证的学术推论切不可信口雌黄，否则在同行严格实测数据面前终会感到害臊难堪。
Gǎo kē xué yán jiū bì xū jiǎng jiū shí shì qiú shì, miàn duì wèi jīng yàn zhèng de xué shù tuī lùn qiè bù kě xìn kǒu cí huáng, fǒu zé zài tóng háng yán gé shí cè shù jù miàn qián zhōng huì gǎn dào hài sào nán kān.
Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải coi trọng thực sự cầu thị, đứng trước những suy luận học thuật chưa qua kiểm chứng tuyệt đối không được nói bừa nói cuội, nếu không trước số liệu đo đạc thực tế chặt chẽ của đồng nghiệp cuối cùng sẽ cảm thấy xấu hổ ngượng ngùng thẹn thùng bẽ bàng.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1556

害羞
hài xiū

ngại ngùng, bẽn lẽn, xấu hổ

那个性格内向文静的小女孩在陌生人面前常常会不好意思地害羞脸红、低下头去。
Nà ge xìng gé nèi xiàng wén jìng de xiǎo nǚ hái zài mò shēng rén miàn qián cháng cháng huì bù hǎo yì sī dì hài xiū lián hóng, dī xià tou qù.
Cô bé có tính cách trầm tính rụt rè mỗi khi đứng trước người lạ thường bẽn lẽn đỏ mặt ngượng ngùng cúi gằm mặt xuống.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1557

酣畅
hānchàng

thỏa thích sảng khoái, tràn trề sung sướng trôi chảy

在两院院士学术沙龙上，青年科学家与学术大师展开了酣畅淋漓的思想交锋，激荡出无数前沿颠覆性创新的智慧火花。
Zài liǎng yuàn yuàn shì xué shù shā lóng shàng, qīng nián kē xué jiā yǔ xué shù dà shī zhǎn kāi le hān chàng lín lí de sī xiǎng jiāo fēng, jī dàng chū wú shù qián yán diān fù xìng chuàng xīn de zhì huì huǒ huā.
Tại sa-lông học thuật của các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm, các nhà khoa học trẻ cùng các bậc đại sư học thuật đã mở ra cuộc giao phong tư tưởng thỏa thích sảng khoái tràn trề sung sướng trôi chảy, làm bùng lên vô số tia lửa trí tuệ đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng tiên phong.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1558

酣睡
hānshuì

ngủ say sưa, giấc ngủ say nồng êm đềm

在中国空间站专属静音睡眠舱内，航天员在恒温恒湿微重力睡袋中香甜酣睡，为次日繁重的出舱科学实验蓄满能量。
Zài zhōng guó kōng jiān zhàn zhuān shǔ jìng yīn shuì mián cāng nèi, háng tiān yuán zài héng wēn héng shī wēi zhòng lì shuì dài zhōng xiāng tián hān shuì, wèi cì rì fán zhòng de chū cāng kē xué shí yàn xù mǎn néng liàng.
Bên trong khoang ngủ giảm ồn độc quyền của trạm vũ trụ Trung Quốc, phi hành gia ngủ say sưa say nồng ngọt ngào trong túi ngủ vi trọng lực nhiệt độ và độ ẩm ổn định, tích lũy đầy ắp năng lượng cho các thực nghiệm khoa học ngoài khoang bộn bề vào ngày hôm sau.

22 nét | HÁN VIỆT : HÀM THUỴ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1559

含糊
hán hú

mơ hồ, ấp úng, không rõ ràng dứt khoát

在涉及国家主权领土完整与核心安全利益原则问题上，我们的立场旗帜鲜明，绝不容许有任何含糊其辞。
Zài shè jí guó jiā zhǔ quán lǐng tǔ wán zhěng yǔ hé xīn ān quán lì yì yuán zé wèn tí shàng, wǒ men de lì chǎng qí zhì xiān míng, jué bù róng xǔ yǒu rèn hé hán hú qí cí.
Trong các vấn đề nguyên tắc liên quan tới chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích an ninh cốt lõi của quốc gia, lập trường của chúng ta luôn rõ ràng dứt khoát như cờ giương trước gió, tuyệt đối không cho phép có bất kỳ sự mơ hồ ấp úng nào.

22 nét | HÁN VIỆT : HÀM HỒ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1560

含蓄
hánxù

hàm súc, kín đáo ý nhị tế nhị

老一辈战略科学家表达情感总是含蓄深沉，他们把对祖国和人民最炽热的爱深深埋藏在数十年隐姓埋名的攻关岁月里。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā biǎo dá qíng gǎn zǒng shì hán xù shēn chén, tā men bǎ duì zǔ guó hé rén mín zuì chì rè de ài shēn shēn mái cáng zài shù shí nián yǐn xìng mái míng de gōng guān suì yuè lǐ.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối bày tỏ tình cảm luôn luôn kín đáo ý nhị hàm súc sâu lắng, các cụ chôn giấu sâu sắc tình yêu nồng cháy nhất đối với Tổ quốc và nhân dân trong những năm tháng vượt khó ẩn danh giấu tên mấy chục năm trường.

20 nét | HÁN VIỆT : HÀM SÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1561

函授
hánshòu

hàm thụ, đào tạo từ xa qua thư tín/trực tuyến

国家继续教育数字化工程依托高带宽卫星互联网，为偏远山区百万基层农业科技推广员提供了高质量现代农技函授与线上研修课程。
Guó jiā jì xù jiào yù shù zì huà gōng chéng yī tuō gāo dài kuān wèi xīng hù lián wǎng, wèi piān yuǎn shān qū bǎi wàn jī céng nóng yè kē jì tuī guǎng yuán tí gōng le gāo zhì liàng xiàn dài nóng jì hán shòu yǔ xiàn shàng yán xiū kè chéng.
Công trình số hóa giáo dục thường xuyên quốc gia dựa vào Internet vệ tinh băng thông cao, đã mang lại các khóa học tu nghiệp trực tuyến và hàm thụ đào tạo từ xa kỹ thuật nông nghiệp hiện đại chất lượng cao cho hàng triệu nhân viên phổ biến khoa học kỹ thuật nông nghiệp cơ sở vùng núi hẻo lánh.

19 nét | HÁN VIỆT : HÀM THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1562

涵盖
hángài

bao hàm, bao quát trải rộng khắp các mặt

国家重大科技战略发展规划涵盖了量子科技、深空深海、人工智能与生命健康等全部面向世界科技前沿的重点战略领域。
Guó jiā zhòng dà kē jì zhàn lüè fā zhǎn guī huà hán gài le liàng zǐ kē jì, shēn kōng shēn hǎi, rén gōng zhì néng yǔ shēng mìng jiàn kāng děng quán bù miàn xiàng shì jiè kē jì qián yán de zhòng diǎn zhàn lüè lǐng yù.
Quy hoạch phát triển chiến lược khoa học công nghệ trọng đại quốc gia đã bao quát bao hàm trải rộng toàn bộ các lĩnh vực chiến lược trọng điểm hướng tới mũi nhọn khoa học công nghệ thế giới như sức khỏe sinh mệnh, trí tuệ nhân tạo, biển sâu không gian sâu và công nghệ lượng tử.

17 nét | HÁN VIỆT : HÀM CÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1563

涵义
hányì

hàm ý, ý nghĩa nội hàm thâm sâu

深入领会新质生产力这一重大理论创新的深刻科学涵义，对于全面推进高水平科技自立自强具有极其重大的指导意义。
Shēn rù lǐng huì xīn zhì shēng chǎn lì zhè yī zhòng dà lǐ lùn chuàng xīn de shēn kè kē xué hán yì, duì yú quán miàn tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng jù yǒu jí qí zhòng dà de zhǐ dǎo yì yì.
Đi sâu lĩnh hội ý nghĩa nội hàm hàm ý khoa học sâu sắc của đổi mới sáng tạo lý luận trọng đại lực lượng sản xuất chất lượng mới này sở hữu ý nghĩa chỉ đạo cực kỳ trọng đại đối với việc thúc đẩy toàn diện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

17 nét | HÁN VIỆT : HÀM NGHĨA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1564

罕见
hǎn jiàn

hiếm thấy, hiếm có, cực kỳ hiếm

天文学家利用国家大科学工程巡天望远镜，在宇宙深处首次捕获到了一例极其罕见的超高能伽马射线暴爆发全过程。
Tiān wén xué jiā lì yòng guó jiā dà kē xué gōng chéng xún tiān wàng yuǎn jìng, zài yǔ zhòu shēn chù shǒu cì bǔ huò dào le yī lì jí qí hǎn jiàn de chāo gāo néng gā mǎ shè xiàn bào bào fā quán guò chéng.
Các nhà thiên văn học sử dụng kính viễn vọng tuần thiên thuộc đại công trình khoa học quốc gia đã lần đầu tiên bắt trọn toàn bộ quá trình bùng nổ chớp tia gamma năng lượng siêu cao cực kỳ hiếm thấy nơi sâu

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1565

汗水
hànshuǐ

mồ hôi, giọt mồ hôi công sức lao động

大科学工程每一项耀眼成就的背后，都凝结着无数科研工作者与一线建设者数千个日日夜夜辛勤耕耘的智慧与汗水。
Dà kē xué gōng chéng měi yī xiàng yào yǎn chéng jiù de bèi hòu, dōu níng jié zhe wú shù kē yán gōng zuò zhě yǔ yī xiàn jiàn shè zhě shù qiān gè rì rì yè yè xīn qín gēng yún de zhì huì yǔ hàn shuǐ.
Đằng sau mỗi một thành tựu chói lọi rực rỡ của công trình khoa học lớn, đều kết tinh mồ hôi giọt mồ hôi công sức và trí tuệ miệt mài cày xới hàng ngàn ngày đêm của vô số những người xây dựng tuyến đầu và những

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1566

旱
hàn

khô hạn hạn hán; trên cạn (hàndì)

国家节水农业重点实验室成功培育出超强耐旱节水小麦新品种，在北方严重干旱贫瘠地区实现了连年稳产高产。
Guó jiā jié shuǐ nóng yè zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng péi yù chū chāo qiáng nài hàn jié shuǐ xiǎo mài xīn pǐn zhǒng, zài běi fāng yán zhòng gān hàn pín jí dì qū shí xiàn le lián nián wěn chǎn gāo chǎn.
Phòng thí nghiệm trọng điểm nông nghiệp tiết kiệm nước quốc gia đã lai tạo thành công giống mới lúa mì tiết kiệm nước siêu chịu hạn khô hạn hạn hán, thực hiện sản lượng cao ổn định liên tiếp nhiều năm tại các khu vực cằn cỗi khô hạn nghiêm trọng ở miền

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1567

旱灾
hànzāi

hạn hán, thiên tai hạn hán khô hạn

国家天基气象卫星星座与跨流域水资源智能调度系统协同联动，成功抵御了历史罕见的特大旱灾对农业灌溉的严重冲击。
Guó jiā tiān jī qì xiàng wèi xīng xīng zuò yǔ kuà liú yù shuǐ zī yuán zhì néng diào dù xì tǒng xié tóng lián dòng, chéng gōng dǐ yù le lì shǐ hǎn jiàn de tè dà hàn zāi duì nóng yè guàn gài de yán zhòng chōng jī.
Chòm sao vệ tinh khí tượng trên không gian quốc gia liên kết hiệp đồng cùng hệ thống điều phối thông minh tài nguyên nước xuyên lưu vực đã chống chọi thành công sự xung kích nghiêm trọng của thiên tai hạn hán hạn hán cực lớn hiếm thấy trong lịch sử đối với tưới tiêu nông nghiệp.

17 nét | HÁN VIỆT : HẠN TAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1568

捍卫
hàn wèi

hãn vệ, bảo vệ kiên cường, giữ vững (chủ quyền, công lý)

人民军队枕戈待旦，坚决捍卫国家领土完整与海洋主权权益，时刻守护着祖国和人民的安全。
Rén mín jūn duì zhěn gē dài dàn, jiān jué hàn wèi guó jiā lǐng tǔ wán zhěng yǔ hǎi yáng zhǔ quán quán yì, shí kè shǒu hù zhe zǔ guó hé rén mín de ān quán.
Quân đội nhân dân gối giáo đợi trời sáng, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi chủ quyền biển đảo của quốc gia, luôn luôn canh giữ sự an toàn cho Tổ quốc và nhân dân.

25 nét | HÁN VIỆT : HÃN VỆ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1569

焊
hàn

hàn, hàn kim loại hàn nối cơ khí

顶级大国工匠运用真空电子束微区精密焊接技术，以零缺陷极高标准焊接完成了大科学装置超导加速腔复杂钛合金壳体。
Dǐng jí dà guó gōng jiàng yùn yòng zhēn kōng diàn zi shù wēi qū jīng mì hàn jiē jì shù, yǐ líng quē xiàn jí gāo biāo zhǔn hàn jiē wán chéng le dà kē xué zhuāng zhì chāo dǎo jiā sù qiāng fù zá tài hé jīn ké tǐ.
Bậc thợ lớn quốc gia đỉnh cao ứng dụng công nghệ hàn chính xác vi vùng chùm tia electron chân không đã hàn hàn kim loại hoàn thành lớp vỏ hợp kim titan phức tạp buồng gia tốc siêu dẫn của thiết bị khoa học lớn với tiêu chuẩn cực cao không khuyết tật bằng không.

8 nét | HÁN VIỆT : HÀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1570

航海
hánghǎi

hàng hải, đi biển vượt biển xa

我国完全自主研制的新一代破冰科考船具备全球无限航区全天候航海作业能力，多次圆满完成极地深远海科学考察。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài pò bīng kē kǎo chuán jù bèi quán qiú wú xiàn háng qū quán tiān hòu háng hǎi zuò yè néng lì, duō cì yuán mǎn wán chéng jí dì shēn yuǎn hǎi kē xué kǎo chá.
Con tàu khảo sát khoa học phá băng thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo sở hữu năng lực thao tác đi biển hàng hải mọi thời tiết tại vùng biển không giới hạn trên toàn cầu, nhiều lần hoàn thành mỹ mãn các đợt khảo sát khoa học biển sâu xa vùng cực.

20 nét | HÁN VIỆT : HÀNG HẢI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1571

航天
háng tiān

hàng không vũ trụ, du hành vũ trụ

从空间站常态化运营到嫦娥探月、天问探火，我国航天事业不断刷新探索深空宇宙的大国科技新高度。
Cóng kōng jiān zhàn cháng tài huà yùn yíng dào cháng é tàn yuè, tiān wèn tàn huǒ, wǒ guó háng tiān shì yè bù duàn shuā xīn tàn suǒ shēn kōng yǔ zhòu de dà guó kē jì xīn gāo dù.
Từ vận hành thường thái trạm vũ trụ cho tới Hằng Nga thám hiểm Mặt Trăng, Thiên Vấn thám hiểm sao Hỏa, sự nghiệp hàng không vũ trụ nước ta không ngừng làm mới những đỉnh cao công nghệ nước lớn trong việc thám hiểm vũ trụ không gian sâu.

23 nét | HÁN VIỆT : HÀNG THIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1572

航天员
hángtiānyuán

phi hành gia, nhà du hành vũ trụ

英雄的中国航天员乘组在中国空间站常态化驻留开展了数十项世界领先的微重力基础物理与生命科学空间前沿实验。
Yīng xióng de zhōng guó háng tiān yuán chéng zǔ zài zhōng guó kōng jiān zhàn cháng tài huà zhù liú kāi zhǎn le shù shí xiàng shì jiè lǐng xiān de wēi zhòng lì jī chǔ wù lǐ yǔ shēng mìng kē xué kōng jiān qián yán shí yàn.
Tổ phi hành đoàn phi hành gia nhà du hành vũ trụ Trung Quốc anh hùng lưu trú thường xuyên tại Trạm Vũ trụ Thiên Cung Trung Quốc đã triển khai hàng chục thực nghiệm tiên phong không gian khoa học sự sống và vật lý cơ bản vi trọng lực hàng đầu thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : HÀNG THIÊN VIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1573

航行
háng xíng

hàng hải, hải trình, bay lượn trên không/trên biển

万吨级智能科考破冰船搭载着多学科综合科考团队，在极地极寒冰区安全航行数万海里圆满完成考察任务。
Wàn dūn jí zhì néng kē kǎo pò bīng chuán dā zài zhe duō xué kē zōng hé kē kǎo tuán duì, zài jí dì jí hán bīng qū ān quán háng xíng shù wàn hǎi lǐ yuán mǎn wán chéng kǎo chá rèn wù.
Tàu phá băng khảo sát khoa học thông minh vạn tấn chở theo đoàn khảo sát khoa học tổng hợp đa ngành đã hành hải an toàn hàng vạn hải lý tại vùng băng tuyết cực lạnh vùng cực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khảo sát.

22 nét | HÁN VIỆT : HÀNG HÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1574

航运
hángyùn

ngành hàng hải vận tải thủy, vận tải đường thủy/đường biển

长江黄金水道全面实现了智慧数字化全要素通航管理，成为全球运量最大、运行效率最高的水运航运黄金通道。
Cháng jiāng huáng jīn shuǐ dào quán miàn shí xiàn le zhì huì shù zì huà quán yào sù tōng háng guǎn lǐ, chéng wéi quán qiú yùn liàng zuì dà, yùn xíng xiào lǜ zuì gāo de shuǐ yùn háng yùn huáng jīn tōng dào.
Tuyến đường thủy hoàng kim sông Trường Giang đã thực hiện toàn diện quản lý thông hành toàn bộ yếu tố số hóa thông minh, trở thành tuyến hành lang hoàng kim ngành hàng hải vận tải thủy vận tải đường thủy có hiệu suất vận hành cao nhất và lượng vận chuyển lớn nhất trên toàn cầu.

21 nét | HÁN VIỆT : HÀNG VẬN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1575

毫不
háobù

mảy may không, tuyệt nhiên không một chút nào

面对外部极限施压与技术断供打压，中国科学家毫不畏惧、自立自强，走出了一条自主创新的科技强国康庄大道。
Miàn duì wài bù jí xiàn shī yā yǔ jì shù duàn gōng dǎ yā, zhōng guó kē xué jiā háo bù wèi jù, zì lì zì qiáng, zǒu chū le yī tiáo zì zhǔ chuàng xīn de kē jì qiáng guó kāng zhuāng dà dào.
Đứng trước sự chèn ép đứt gãy công nghệ và gây sức ép giới hạn từ bên ngoài, các nhà khoa học Trung Quốc tuyệt nhiên không một chút nào mảy may không sợ hãi, tự chủ tự cường, bước đi trên đại lộ thênh thang cường quốc khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo tự chủ.

24 nét | HÁN VIỆT : HÀO BẤT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #1576

毫不犹豫

háobùyóuyù

không một chút do dự, không ngần ngại dứt khoát

当国家重大国防大科学工程吹响攻坚号角时，青年拔尖学者毫不犹豫地打起背包奔赴大西北戈壁荒漠科研一线。

Dāng guó jiā zhòng dà guó fáng dà kē xué gōng chéng chuī xiǎng gōng jiān hào jiǎo shí, qīng nián bá jiān xué zhě háo bù yóu yù dì dǎ qǐ bēi bāo bēn fù dà xī běi gē bì huāng mò kē yán yī xiàn.

Khi công trình khoa học lớn quốc phòng trọng đại của Tổ quốc vang lên hồi kèn hiệu vượt khó, các học giả trẻ xuất chúng đã không ngần ngại dứt khoát không một chút do dự khoác ba lô lên đường lao về tuyến đầu nghiên cứu khoa học sa mạc hoang mạc Gobi miền Đại Tây Bắc.

35 nét | HÁN VIỆT : HÀO BẤT DO DỰ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #1577

毫无

háo wú

hoàn toàn không có, tuyệt nhiên không có chút nào

在铁证如山、客观确凿的科学实测数据面前，任何凭空捏造的政治谎言都毫无立足之地与说服力。

Zài tiě zhèng rú shān, kè guān què záo de kē xué shí cè shù jù miàn qián, rèn hé píng kōng niē zào de zhèng zhì huǎng yán dōu háo wú lì zú zhī dì yǔ shuō fú lì.

Đứng trước số liệu đo đạc thực tế khoa học khách quan xác thực như núi chứng cứ đanh thép, mọi lời nói dối chính trị bịa đặt vu vơ đều hoàn toàn không có chỗ đứng và tuyệt nhiên không có chút sức thuyết phục nào.

26 nét | HÁN VIỆT : HÀO VÔ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1578

豪华

háo huá

xa hoa, sang trọng, lộng lẫy

这艘国产大型豪华邮轮配备了世界一流的休闲娱乐设施，为旅客带来惬意的远洋度假体验。

Zhè sōu guó chǎn dà xíng háo huá yóu lún pèi bèi le shì jiè yì liú de xiū xián yú lè shè shī, wèi lǚ kè dài lái qiè yì de yuǎn yáng dù jià tǐ yàn.

Chiếc du thuyền sang trọng cỡ lớn do nước ta tự đóng này trang bị đầy đủ các tiện ích giải trí nghỉ dưỡng hàng đầu thế giới, mang đến cho du khách trải nghiệm kỳ nghỉ viễn dương thư thái tuyệt vời.

21 nét | HÁN VIỆT : HÀO HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1579

好比

hǎobǐ

tựa như, giống như là, ví như

战略科学家生动比喻道："大科学装置好比是现代科学研究的'超级显微镜'与'超级望远镜'，能极大拓展人类认知边界。"

Zhàn lüè kē xué jiā shēng dòng bǐ yù dào : "dà kē xué zhuāng zhì hǎo bǐ shì xiàn dài kē xué yán jiū de ' chāo jí xiǎn wēi jìng ' yǔ ' chāo jí wàng yuǎn jìng ', néng jí dà tuò zhǎn rén lèi rèn zhī biān jiè."

Nhà khoa học chiến lược ví von sinh động: 'Thiết bị khoa học lớn giống như là tựa như là chiếc siêu kính hiển vi và siêu kính viễn vọng của nghiên cứu khoa học hiện đại, có thể mở rộng tối đa ranh giới nhận thức của nhân loại.'

24 nét | HÁN VIỆT : HẢO TỶ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Danh từ | #1580

好歹

hǎodǎi

dù sao thì, thế nào đi nữa; mệnh hệ nào (bất trắc nguy hại)

在恶劣暴风雪天气突袭野外科学考察站时，应急保障系统启动备用电源，好歹确保了核心科学实测数据完整无损。

Zài è liè bào fēng xuě tiān qì tū xí yě wài kē xué kǎo chá zhàn shí, yīng jí bǎo zhàng xì tǒng qǐ dòng bèi yòng diàn yuán, hǎo dǎi què bǎo le hé xīn kē xué shí cè shù jù wán zhěng wú sǔn.

Khi thời tiết giông bão tuyết khắc nghiệt đột kích trạm khảo sát khoa học dã ngoại, hệ thống bảo đảm khẩn cấp đã khởi động nguồn điện dự phòng, dù sao thì thế nào đi nữa cũng đã bảo đảm dữ liệu đo đạc thực tế khoa học cốt lõi nguyên vẹn không tổn hại.

24 nét | HÁN VIỆT : HẢO TỐI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1581

好感

hǎogǎn

thiện cảm, ấn tượng tốt đẹp cảm tình

中国大科学工程坚持开放共享、造福人类的真诚理念，在国际科学共同体中赢得了广泛的赞誉与深厚的国际好感。

Zhōng guó dà kē xué gōng chéng jiān chí kāi fàng gòng xiǎng, zào fú rén lèi de zhēn chéng lǐ niàn, zài guó jì kē xué gòng tóng tǐ zhōng yíng dé le guǎng fàn de zàn yù yǔ shēn hòu de guó jì hǎo gǎn.

Công trình khoa học lớn Trung Quốc kiên trì quan niệm chân thành mở cửa chia sẻ, mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại, đã giành được sự khen ngợi rộng rãi cùng ấn tượng tốt đẹp thiện cảm cảm tình quốc tế sâu sắc trong cộng đồng khoa học quốc tế.

27 nét | HÁN VIỆT : HẢO CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1582

好坏

hǎohuài

tốt xấu, chất lượng hay dở phẩm chất

衡量一项基础科研原创成果质量的好坏，不能只看发表期刊的影响因子，而要看它是否真正开辟了全新学科方向。

Héng liáng yī xiàng jī chǔ kē yán yuán chuàng chéng guǒ zhì liàng de hǎo huài, bù néng zhǐ kàn fā biǎo qī kān de yǐng xiǎng yīn zi, ér yào kàn tā shì fǒu zhēn zhèng kāi pì le quán xīn xué kē fāng xiàng.

Đo lường đánh giá chất lượng hay dở tốt xấu của một thành quả nguyên bản nghiên cứu khoa học cơ bản không thể chỉ nhìn vào hệ số ảnh hưởng (Impact Factor) của tạp chí công bố, mà phải xem nó có thực sự mở ra một phương hướng môn học hoàn toàn mới hay không.

HSK 7-9 (3.0) | Thán từ | #1583

好家伙

hǎojiāhuo

chà chà, trời đất ơi, gớm thật (thán từ thốt lên kinh ngạc)

当看到超级计算机屏幕上首次完整呈现出十亿光年宇宙大尺度星系演化全景三维图谱时，青年学者忍不住赞叹："好家伙，这太震撼了！"

Dāng kàn dào chāo jí jì suàn jī píng mù shàng shǒu cì wán zhěng chéng xiàn chū shí yì guāng nián yǔ zhòu dà chǐ dù xīng xì yǎn huà quán jǐng sān wéi tú pǔ shí, qīng nián xué zhě rěn bú zhù zàn tàn : "hǎo jiā huo, zhè tài zhèn hàn le!"

Khi nhìn thấy trên màn hình siêu máy tính lần đầu tiên hiện ra trọn vẹn đồ phổ 3D toàn cảnh tiến hóa thiên hà quy mô lớn vũ trụ một tỷ năm ánh sáng, học giả trẻ tuổi không kìm được thốt lên trầm trồ: 'Chà chà trời đất ơi, cái này quá đỗi chấn động!'

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1584

好客

hào kè

hiếu khách, mến khách

热情好客的草原牧民身着传统民族盛装，端上醇香的奶茶与手把肉迎接远道而来的中外宾朋。

Rè qíng hào kè de cǎo yuán mù mín shēn zhe chuán tǒng mín zú shèng zhuāng, duān shàng chún xiāng de nǎi chá yǔ shǒu bǎ ròu yíng jiē yuǎn dào ér lái de zhōng wài bīn péng.

Những người dân du mục thảo nguyên nhiệt tình mến khách khoác trên mình bộ trang phục dân tộc lộng lẫy ngày hội, bưng ra những bát trà sữa thơm nồng cùng thịt cừu cầm tay truyền thống đón chào bạn bè muôn phương từ xa tới.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1585

好评
hǎopíng

đánh giá cao, lời khen ngợi nhận xét tốt

国家科技创新数据开放云平台凭借极速的下载响应与人性化的交互界面，赢得了全球数十万名注册科研用户的一致好评。
Guó jiā kē jì chuàng xīn shù jù kāi fàng yún píng tái píng jiè jí sù de xià zài xiǎng yìng yǔ rén xìng huà de jiāo hù jiè miàn, yíng dé le quán qiú shù shí wàn míng zhù cè kē yán yòng hù de yí zhì hǎo píng.
Nền tảng đám mây mở cửa dữ liệu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ quốc gia dựa vào giao diện tương tác nhân văn hóa và tốc độ phản hồi tải về cực nhanh đã giành được sự nhất trí đánh giá cao lời khen ngợi nhận xét tốt của hàng chục vạn người dùng nghiên cứu khoa học đăng ký trên toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : HẢO BÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1586

好奇心
hàoqíxīn

tính tò mò, lòng hiếu kỳ ham khám phá

永不熄灭的科学好奇心与探索未知宇宙的求知欲，是推动一代代科学家勇攀世界科技最高峰的最纯粹内在动力。
Yǒng bù xī miè de kē xué hǎo qí xīn yǔ tàn suǒ wèi zhī yǔ zhòu de qiú zhī yù, shì tuī dòng yí dài dài kē xué jiā yǒng pān shì jiè kē jì zuì gāo fēng de zuì chún cuì nèi zài dòng lì.
Lòng hiếu kỳ ham khám phá tính tò mò khoa học không bao giờ tắt cùng ham muốn tìm hiểu tri thức khám phá vũ trụ chưa biết chính là động lực nội tại thuần khiết nhất thúc đẩy từng thế hệ nhà khoa học dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới.

30 nét | HÁN VIỆT : HẢO CƠ TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1587

好说
hǎo shuō

dễ nói

在面对复杂的挑战时，保持好说的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí hǎo shuō de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dễ nói đặc biệt quan trọng.

23 nét | HÁN VIỆT : HẢO THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1588

好笑
hǎoxiào

buồn cười, nực cười nực cười lố bịch

个别外部政客妄图通过封锁断供来扼杀中国科技创新的狂妄叫嚣，在无可辩驳的硬核自主科技突破事实面前显得荒唐好笑。
Gè bié wài bù zhèng kè wàng tú tōng guò fēng suǒ duàn gōng lái è shā zhōng guó kē jì chuàng xīn de kuáng wàng jiào xiāo, zài wú kě biàn bó de yìng hé zì zhǔ kē jì tū pò shì shí miàn qián xiǎn de huāng táng hǎo xiào.
Những tiếng la lối ngông cuồng của một số chính khách bên ngoài mưu toan thông qua phong tỏa cắt đứt nguồn cung để bóp chết đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ Trung Quốc trước sự thật đột phá khoa học công nghệ tự chủ cứng rắn không thể chối cãi trông thật nực cười buồn cười và hoang đường.

26 nét | HÁN VIỆT : HẢO TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1589

好心
hǎoxīn

lòng tốt, hảo tâm có ý tốt thiện ý

科学探索交流必须建立在严谨求实的客观真理之上，对于学术推论中的逻辑缺陷切不可出于好心客套而含糊附和。
Kē xué tàn suǒ jiāo liú bì xū jiàn lì zài yán jǐn qiú shí de kè guān zhēn lǐ zhī shàng, duì yú xué shù tuī lùn zhōng de luó jí quē xiàn qiè bù kě chū yú hǎo xīn kè tào ér hán hú fù hè.
Giao lưu tìm tòi khoa học bắt buộc phải xây dựng trên chân lý khách quan cẩu thị nghiêm cẩn, đối với những khiếm khuyết logic trong suy luận học thuật tuyệt đối không được vì thiện ý lòng tốt hảo tâm khách khí mà phụ họa mơ hồ.

22 nét | HÁN VIỆT : HẢO TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1590

好心人
hǎoxīnrén

người tốt bụng, người hảo tâm nhân hậu

老院士隐姓埋名数十年，以匿名“好心人”的身份累计向西部贫困山区教育事业全额捐赠了数百万元科技奖金。
Lǎo yuàn shì yǐn xìng mái míng shù shí nián, yǐ nì míng "hǎo xīn rén" de shēn fèn lěi jì xiàng xī bù pín kùn shān qū jiào yù shì yè quán é juān zèng le shù bǎi wàn yuán kē jì jiǎng jīn.
Vị Viện sĩ lão thành ẩn danh giấu tên mấy chục năm, bằng thân phận 'người tốt bụng' người hảo tâm giấu tên đã quyên góp toàn bộ hàng triệu nhân dân tệ tiền thưởng khoa học công nghệ tích lũy cho sự nghiệp giáo dục vùng núi nghèo khó miền Tây.

31 nét | HÁN VIỆT : HẢO TÂM NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1591

好意
hǎoyì

thiện chí, ý tốt lòng tốt chân thành

中国始终怀着极大的开放合作好意，真诚欢迎全球各国优秀科学家依托中国大科学装置开展前沿多边科研合作。
Zhōng guó shǐ zhōng huái zhe jí dà de kāi fàng hé zuò hǎo yì, zhēn chéng huān yíng quán qiú gè guó yōu xiù kē xué jiā yī tuō zhōng guó dà kē xué zhuāng zhì kāi zhǎn qián yán duō biān kē yán hé zuò.
Trung Quốc luôn mang theo thiện chí ý tốt lòng tốt chân thành hợp tác mở cửa to lớn, chân thành chào đón các nhà khoa học ưu tú các quốc gia trên toàn cầu dựa vào các thiết bị khoa học lớn của Trung Quốc để triển khai hợp tác nghiên cứu khoa học đa phương tiên phong.

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1592

好在
hǎozài

may mà, may mắn là cũng may

在试验过程中虽然遭遇了突发的强电磁脉冲瞬态干扰，好在全系统具备高可靠光电隔离保护机制，所有核心数据安然无恙。
Zài shì yàn guò chéng zhōng suī rán zāo yù le tū fā de qiáng diàn cí mài chōng shùn tài gān rǎo, hǎo zài quán xì tǒng jù bèi gāo kě kào guāng diàn gé lí bǎo hù jī zhì, suǒ yǒu hé xīn shù jù ān rán wú yàng.
Trong quá trình thử nghiệm tuy gặp phải sự can nhiễu trạng thái tức thời xung điện từ mạnh đột xuất, may mà may mắn là cũng may toàn hệ thống sở hữu cơ chế bảo vệ cách ly quang điện độ tin cậy cao, tất cả các dữ liệu cốt lõi đều bình an vô sự.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1593

号称
hàochēng

mệnh danh là, được xưng tụng là, tự xưng là

中国天眼FAST号称“中国天眼”，以全球最大五百米单口径超高灵敏度傲然屹立于贵州崇山峻岭喀斯特洼坑之中。
Zhōng guó tiān yǎn FAST hào chēng "zhōng guó tiān yǎn ", yǐ quán qiú zuì dà wǔ bǎi mǐ dān kǒu jìng chāo gāo líng mǐn dù ào rán yì lì yú guì zhōu chóng shān jùn lǐng kā sī tè wā kēng zhī zhōng.
Kính viễn vọng vô tuyến FAST được xưng tụng là mệnh danh là 'Thiên Nhãn Trung Quốc', với độ nhạy siêu cao đơn khẩu kính 500 mét lớn nhất thế giới hiên ngang sừng sững giữa hố sụt karst non xanh trùng điệp tỉnh Quý Châu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1594

浩劫
hàojié

thảm họa kiếp nạn khốc liệt, đại kiếp nạn tai ương

国家近地小行星全天候高精度防御监测预警雷达网实现了对潜在危险小天体的早期预警，坚决守护地球家园免遭撞击浩劫。
Guó jiā jìn dì xiǎo xíng xīng quán tiān hòu gāo jīng dù fáng yù jiān cè yù jǐng léi dá wǎng shí xiàn le duì qián zài wēi xiǎn xiǎo tiān tǐ de zǎo qī yù jǐng, jiān jué shǒu hù dì qiú jiā yuán miǎn zāo zhuàng jī hào jié.
Mạng lưới radar cảnh báo sớm quan trắc phòng thủ độ chính xác cao 24/7 tiểu hành tinh gần Trái đất quốc gia đã thực hiện cảnh báo sớm đối với các thiên thể nhỏ nguy hiểm tiềm ẩn, kiên quyết bảo vệ mái nhà Trái đất không phải hứng chịu thảm họa kiếp nạn đại kiếp nạn va chạm.

20 nét | HÁN VIỆT : HẠO KIẾP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1595

耗
hào

tiêu hao, làm hao tổn; tiêu tốn kéo dài (hàofèi)

新型超低功耗微纳光子计算芯片将单位浮点运算能耗降低了三个数量级，彻底突破了传统算力中心的高能耗瓶颈。
Xīn xíng chāo dī gōng hào wēi nà guāng zi jì suàn xīn piàn jiāng dān wèi fú diǎn yùn suàn néng hào jiàng dī le sān gè shù liàng jí, chè dǐ tū pò le chuán tǒng suàn lì zhōng xīn de gāo néng hào píng jīng.
Chip tính toán quang tử vi nano tiêu hao công suất siêu thấp kiểu mới đã giảm mức tiêu hao tiêu tốn năng lượng của một đơn vị phép tính dấu phẩy động xuống 3 bậc độ lớn (orders of magnitude), đột phá triệt để nút thắt tiêu hao năng lượng cao của các trung tâm sức mạnh tính toán truyền thống.

11 nét | HÁN VIỆT : HAO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1596

耗费
hào fèi

tiêu hao, hao phí, tốn kém (thời gian, tâm huyết)

科研团队历时十余载、耗费了无数个不眠之夜的辛勤心血，终于成功研发出具有完全自主知识产权的高性能碳纤维。
Kē yán tuán duì lì shí shí yú zài, hào fèi liǎo wú shù gè bù mián zhī yè de xīn qín xīn xuè, zhōng yú chéng gōng yán fā chū jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de gāo xìng néng tàn xiān wéi.
Nhóm nghiên cứu khoa học trải qua hơn mười năm đằng đẵng, hao phí biết bao đêm trắng dồn trọn tâm huyết cần cù, cuối cùng đã nghiên cứu chế tạo thành công sợi carbon hiệu năng cao sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn.

24 nét | HÁN VIỆT : HAO PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1597

耗时
hàoshí

tốn thời gian, mất nhiều thời gian tiêu tốn

依托国家超级计算中心分布式并行算法，过去耗时数月的人类全基因组高精度深度组装如今仅需数小时即可完成。
Yī tuō guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn fēn bù shì bìng xíng suàn fǎ, guò qù hào shí shù yuè de rén lèi quán jī yīn zǔ gāo jīng dù shēn dù zǔ zhuāng rú jīn jìn xū shù xiǎo shí jí kě wán chéng.
Dựa vào thuật toán song song phân tán của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, việc lắp ráp chuyên sâu độ chính xác cao toàn bộ bộ gen người vốn tốn thời gian tiêu tốn mất nhiều thời gian hàng tháng trời trong quá khứ ngày nay chỉ cần vài tiếng là có thể hoàn tất.

25 nét | HÁN VIỆT : HAO THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1598

喝彩
hècǎi

tung hô cổ vũ, hoan hô tán thưởng nhiệt liệt

当大屏幕显示大科学装置首束超高能重离子束流成功引出时，控制大厅里全体中外科学家全体起立、热烈鼓掌喝彩！
Dāng dà píng mù xiǎn shì dà kē xué zhuāng zhì shǒu shù chāo gāo néng zhòng lí zi shù liú chéng gōng yǐn chū shí, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ zhōng wài kē xué jiā quán tǐ qǐ lì, rè liè gǔ zhǎng hè cǎi!
Khi màn hình lớn hiển thị chùm hạt ion nặng năng lượng siêu cao đầu tiên của thiết bị khoa học lớn được dẫn ra thành công, toàn thể các nhà khoa học trong và ngoài nước trong đại sảnh điều khiển đã đồng loạt đứng dậy, vỗ tay nhiệt liệt hoan hô tán thưởng tung hô cổ vũ!

18 nét | HÁN VIỆT : HÚP THÁI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1599

禾苗
hémiáo

mạ non, mầm lúa mạ lúa non

在国家耐盐碱水稻技术创新中心实验田里，一片片翠绿挺拔的超级水稻禾苗在海风吹拂下展现出旺盛的生命力。
Zài guó jiā nài yán jiǎn shuǐ dào jì shù chuàng xīn zhōng xīn shí yàn tián lǐ, yī piàn piàn cuì lǜ tǐng bá de chāo jí shuǐ dào hé miáo zài hǎi fēng chuī fú xià zhǎn xiàn chū wàng shèng de shēng mìng lì.
Bên trong cánh đồng thực nghiệm của Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Công nghệ Lúa Chịu mặn phèn Quốc gia, từng vạt mạ non mầm lúa mạ lúa lai siêu cấp xanh tươi mơn mởn vươn cao phô diễn sức sống mãnh liệt dưới làn gió biển thổi qua.

18 nét | HÁN VIỆT : HOÀ MIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1600

合唱
hé chàng

điệp khúc

老师鼓励大家积极合唱，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hé chàng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điệp khúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1601

合乎
hé hū

phù hợp với, ăn khớp với, đúng với (quy luật, tiêu chuẩn)

重大公共政策的制定必须坚持实事求是，确保政策举措完全合乎客观经济规律与广大人民群众的根本意愿。
Zhòng dà gōng gòng zhèng cè de zhì dìng bì xū jiān chí shí shì qiú shì, què bǎo zhèng cè jù cuò wán quán hé hū kè guān jīng jì guī lǜ yǔ guǎng dà rén mín qún zhòng de gēn běn yì yuàn.
Việc hoạch định các chính sách công trọng đại bắt buộc phải kiên trì thực sự cầu thị, bảo đảm các giải pháp chính sách hoàn toàn phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan và nguyện vọng căn bản của đông đảo quần chúng nhân dân.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1602

合伙
hé huǒ

hợp tác làm ăn, chung vốn, hợp danh

多名海归博士依托国家高新技术产业开发区孵化平台，合伙创办了一家专注于高端光芯片研发的前沿硬科技企业。
Duō míng hǎi guī bó shì yī tuō guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū fū huà píng tái, hé huǒ chuàng bàn le yī jiā zhuān zhù yú gāo duān guāng xīn piàn yán fā de qián yán yìng kē jì qǐ yè.
Nhiều tiến sĩ du học về nước dựa vào nền tảng ươm mạo của Khu Khai thác Phát triển Công nghiệp Công nghệ cao Quốc gia đã chung vốn hợp tác thành lập một doanh nghiệp công nghệ cứng mũi nhọn chuyên sâu về nghiên cứu chế tạo chip quang học cao cấp.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1603

合计
héjì

tính gộp tổng cộng; bàn bạc tính toán suy tính (khẩu ngữ)

攻关团队核心骨干聚在黑板前仔细合计讨论，最终敲定了最严密可靠的超导真空腔室加工制造技术方案。
Gōng guān tuán duì hé xīn gǔ gàn jù zài hēi bǎn qián zǐ xì hé jì tǎo lùn, zuì zhōng qiāo dìng le zuì yán mì kě kào de chāo dǎo zhēn kōng qiāng shì jiā gōng zhì zào jì shù fāng àn.
Các cán bộ nòng cốt của đội ngũ vượt khó tụ họp trước bảng đen bàn bạc tính toán suy tính thảo luận cẩn thận, cuối cùng đã chốt hạ phương án công nghệ chế tạo gia công buồng chân không siêu dẫn tin cậy và chặt chẽ nhất.

20 nét | HÁN VIỆT : CÁP KẾ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1604

合情合理
héqínghélǐ

hợp tình hợp lý, thỏa đáng có lý có tình

国家科技成果权益分配机制改革坚持合情合理的价值导向，让真正做出实质性原始贡献的青年科研人员名利双收。
Guó jiā kē jì chéng guǒ quán yì fēn pèi jī zhì gǎi gé jiān chí hé qíng hé lǐ de jià zhí dǎo xiàng, ràng zhēn zhèng zuò chū shí zhì xìng yuán shǐ gòng xiàn de qīng nián kē yán rén yuán míng lì shuāng shōu.
Cải cách cơ chế phân phối quyền lợi thành quả khoa học công nghệ quốc gia kiên trì định hướng giá trị thỏa đáng hợp tình hợp lý có lý có tình, giúp các cán bộ nghiên cứu trẻ thực sự đóng góp cống hiến nguyên bản thực chất được hưởng trọn vẹn cả danh lẫn thực.

35 nét | HÁN VIỆT : CÁP TÌNH CÁP LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1605

合影
hé yǐng

chụp ảnh chung, ảnh chụp lưu niệm tập thể

学术峰会闭幕式上，来自世界各国的顶尖科学家在大礼堂正门前共同合影留念。
Xué shù fēng huì bì mù shì shàng, lái zì shì jiè gè guó de dǐng jiān kē xué jiā zài dà lǐ táng zhèng mén qián gòng tóng hé yǐng liú niàn.
Tại lễ bế mạc hội nghị thượng đỉnh học thuật, các nhà khoa học hàng đầu đến từ khắp các quốc gia trên thế giới đã cùng nhau chụp bức ảnh lưu niệm trước cửa chính đại lễ đường.

20 nét | HÁN VIỆT : CÁP ẢNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1606

合资
hézī

liên doanh, hợp tác đầu tư vốn chung

我国在前沿新能源汽车制造领域实现了从过去依赖中外合资向今天全面自主原始引领的历史性跨越。
Wǒ guó zài qián yán xīn néng yuán qì chē zhì zào lǐng yù shí xiàn le cóng guò qù yī lài zhōng wài hé zī xiàng jīn tiān quán miàn zì zhǔ yuán shǐ yǐn lǐng de lì shǐ xìng kuà yuè.
Nước ta trong lĩnh vực chế tạo xe năng lượng mới tiên phong đã thực hiện bước nhảy vọt mang tính lịch sử từ chỗ phụ thuộc vào hợp tác đầu tư vốn liên doanh Trung - ngoại trong quá khứ sang dẫn dắt nguyên bản tự chủ toàn diện ngày nay.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁP TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1607

合作社
hézuòshè

hợp tác xã, tổ chức kinh tế hợp tác

国家农业科技特派员深入田间地头，指导现代生态农业合作社全面应用物联网水肥一体化高产栽培技术。
Guó jiā nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù tián jiān dì tóu, zhǐ dǎo xiàn dài shēng tài nóng yè hé zuò shè quán miàn yìng yòng wù lián wǎng shuǐ féi yī tǐ huà gāo chǎn zāi péi jì shù.
Phái viên khoa học kỹ thuật nông nghiệp quốc gia đi sâu vào tận đồng ruộng đầu bờ, hướng dẫn hợp tác xã hợp tác xã nông nghiệp sinh thái hiện đại ứng dụng toàn diện kỹ thuật canh tác năng suất cao tích hợp nước phân Internet vạn vật (IoT).

27 nét | HÁN VIỆT : CÁP TÁC XÃ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1608

何必
hé bì

hà tất, việc gì phải, đâu cần

既然双方已经达成了高度共识，又何必为了细枝末节的小事而争执不下呢？
Jì rán shuāng fāng yǐ jīng dá chéng le gāo dù gòng shí, yòu hé bì wèi le xì zhī mò jié de xiǎo shì ér zhēng zhí bù xià ne?
Một khi hai bên đã đạt được sự đồng thuận cao độ, hà tất phải vì những tiểu tiết vụn vặt mà tranh cãi không dứt làm gì?

21 nét | HÁN VIỆT : HÀ TẤT

HSK 7-9 (3.0) | Đại từ | #1609

何处
héchù

nơi nào, ở đâu chốn nào

中国天眼FAST以其无与伦比的超高灵敏度探寻宇宙深处脉冲星与快速射电暴，追问宇宙奥秘究竟发源于何处。
Zhōng guó tiān yǎn FAST yǐ qí wú yǔ lún bǐ de chāo gāo líng mǐn dù tàn xún yǔ zhòu shēn chù mài chōng xīng yǔ kuài sù shè diàn bào, zhuī wèn yǔ zhòu ào mì jiū jìng fā yuán yú hé chù.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST bằng độ nhạy siêu cao vô song thăm dò các ẩn tinh (pulsar) và các đợt bùng phát vô tuyến nhanh (FRB) nơi sâu thẳm vũ trụ, truy tìm nguồn cội xem bí ẩn vũ trụ rốt cuộc bắt nguồn từ chốn nào nơi nào.

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1610

何苦
hékǔ

tội gì, hà tất làm chi nhọc lòng, sao phải khổ thế

老科学家常常勉励年轻人："做学问要耐得住寂寞、坐得住冷板凳，何苦去盲目跟风追求那些虚浮的学术名利。"
Lǎo kē xué jiā cháng cháng miǎn lì nián qīng rén : "zuò xué wèn yào nài dé zhù jì mò, zuò dé zhù lěng bǎn dèng, hé kǔ qù máng mù gēn fēng zhuī qiú nà xiē xū fú de xué shù míng lì."
Vị nhà khoa học lão thành thường động viên các bạn trẻ: 'Làm học vấn phải chịu đựng được sự tịch mịch, ngồi vững trên ghế băng lạnh, tội gì hà tất tội gì phải mù quáng chạy theo phong trào để mưu cầu những danh lợi học thuật phù phiếm.'

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1611

何况
hé kuàng

hơn nữa, huống hồ, huống chi

连经验丰富的资深专家在面对这项全新课题时都要反复求证，何况是初出茅庐的年轻新人呢？
Lián jīng yàn fēng fù de zī shēn zhuān jiā zài miàn duì zhè xiàng quán xīn kè tí shí dōu yào fǎn fù qiú zhèng, hé kuàng shì chū chū máo lú de nián qīng xīn rén ne?
Đến ngay cả các chuyên gia lão làng giàu kinh nghiệm khi đứng trước đề tài hoàn toàn mới này đều phải kiểm chứng cẩn trọng nhiều lần, huống chi là những người trẻ mới bước vào nghề?

HSK 7-9 (3.0) | Đại từ | #1612

何时
héshí

khi nào, bao giờ lúc nào

无论国际外部环境何时发生何种复杂变幻，中国坚持高水平科技自立自强的战略决心坚如磐石、永不动摇。
Wú lùn guó jì wài bù huán jìng hé shí fā shēng hé zhǒng fù zá biàn huàn, zhōng guó jiān chí gāo shuī píng kē jì zì lì zì qiáng de zhàn lüè jué xīn jiān rú pán shí, yǒng bù dòng yáo.
Bất kể môi trường bên ngoài quốc tế biến ảo phức tạp ra sao vào lúc nào khi nào bao giờ, quyết tâm chiến lược kiên trì tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của Trung Quốc vẫn vững như bàn thạch, mãi mãi không lay chuyển.

24 nét | HÁN VIỆT : HÀ THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1613

和蔼
hé ǎi

hòa nhã, niềm nở, hiền hậu dễ gần

老学者对待青年学生始终态度和蔼、循循善诱，毫无大学者的大架子，深受全校师生由衷敬爱。
Lǎo xué zhě duì dài qīng nián xué shēng shǐ zhōng tài dù hé ǎi, xún xún shàn yòu, háo wú dà xué zhě de dà jià zi, shēn shòu quán xiào shī shēng yóu zhōng jìng ài.
Vị học giả lão thành đối với sinh viên trẻ luôn luôn giữ thái độ hòa nhã niềm nở, tận tình chỉ bảo, tuyệt nhiên không có chút vẻ cách biệt của bậc đại học giả, được toàn thể thầy trò trong trường hết mực kính trọng và yêu mến.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÀ ÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1614

和解
hé jiě

hòa giải, làm lành, hòa ước

在中国积极斡旋与建设性推动下，中东地区有关当事国达成了历史性和解，为地区和平开辟了新篇章。
Zài zhōng guó jī jí wò xuán yǔ jiàn shè xìng tuī dòng xià, zhōng dōng dì qū yǒu guān dāng shì guó dá chéng le lì shǐ xìng hé jiě, wèi dì qū hé píng kāi pì le xīn piān zhāng.
Dưới sự hòa giải tích cực và thúc đẩy mang tính xây dựng của Trung Quốc, các quốc gia liên quan tại khu vực Trung Đông đã đạt được thỏa thuận hòa giải lịch sử, mở ra trang sử mới cho hòa bình khu vực.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÀ GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1615

和睦
hé mù

hòa thuận, êm ấm, thuận hòa hòa mục

各民族像石榴籽一样紧紧抱在一起，共同构建互助友爱、其乐融融、繁荣发展的和睦大家庭。
Gè mín zú xiàng shí liú zǐ yī yàng jǐn jǐn bào zài yì qǐ, gòng tóng gòu jiàn hù zhù yǒu ài, qí lè róng róng, fán róng fā zhǎn de hé mù dà jiā tíng.
Các dân tộc như những hạt lựu ôm chặt lấy nhau, cùng nhau xây đắp nên một đại gia đình hòa thuận tương trợ thương yêu, tràn ngập niềm vui và cùng nhau phồn vinh phát triển.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÀ MỤC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1616

和平共处
hépíng gòngchǔ

cùng tồn tại hòa bình, chung sống hòa bình

中国始终坚定奉行和平共处五项原则，积极推动全球科技界跨越地缘隔阂开展开放包容、互利共赢的学术交流。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fèng xíng hé píng gòng chǔ wǔ xiàng yuán zé, jī jí tuī dòng quán qiú kē jì jiè kuà yuè dì yuán gé hé kāi zhǎn kāi fàng bāo róng, hù lì gòng yíng de xué shù jiāo liú.
Trung Quốc luôn kiên định theo đuổi Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình chung sống hòa bình, tích cực thúc đẩy giới khoa học công nghệ toàn cầu vượt qua rào cản địa chính trị để triển khai giao lưu học thuật đôi bên cùng có lợi, bao dung mở cửa.

35 nét | HÁN VIỆT : HOÀ BÌNH CỘNG XỬ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1617

和气
hé qi

hòa nhã, nhã nhặn, dĩ hòa vi quý; hòa khí

和气生财、诚信立身；中华传统商业文化始终倡导公平交易与诚恳待客的商道美德。
Hé qì shēng cái, chéng xìn lì shēn； zhōng huá chuán tǒng shāng yè wén huà shǐ zhōng chàng dǎo gōng píng jiāo yì yǔ chéng kěn dài kè de shāng dào měi dé.
Hòa khí sinh tài, thành tín lập thân; văn hóa thương nghiệp truyền thống dân tộc luôn đề xướng chuẩn mực đạo đức kinh doanh giao dịch công bằng và đối đãi khách hàng chân thành nhã nhặn.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÀ KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1618

和尚
héshang

hòa thượng, nhà sư sư thầy

科技文保专家运用超高精度多光谱微距三维数字化扫描成像技术，完整复原了千年前古代高僧和尚讲经弘法的珍贵壁画。
Kē jì wén bǎo zhuān jiā yùn yòng chāo gāo jīng dù duō guāng pǔ wēi jù sān wéi shù zì huà sǎo miáo chéng xiàng jì shù, wán zhěng fù yuán le qiān nián qián gǔ dài gāo sēng hé shàng jiǎng jīng hóng fǎ de zhēn guì bì huà.
Các chuyên gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ chụp ảnh quét số hóa 3D cự ly gần đa quang phổ độ chính xác siêu cao đã phục dựng trọn vẹn bức bích họa quý giá về cảnh cao tăng hòa thượng nhà sư thời cổ ngàn năm trước giảng kinh hoằng pháp.

18 nét | HÁN VIỆT : HOÀ THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1619

河流
héliú

sông ngòi, dòng sông lưu vực sông

国家水系生态监测网络全面实现了对全国主要跨界河流与重点水系水质水生态全天候全自动高精度智能遥测。
Guó jiā shuǐ xì shēng tài jiān cè wǎng luò quán miàn shí xiàn le duì quán guó zhǔ yào kuà jiè hé liú yǔ zhòng diǎn shuǐ xì shuǐ zhì shuǐ shēng tài quán tiān hòu quán zì dòng gāo jīng dù zhì néng yáo cè.
Mạng lưới quan trắc sinh thái hệ thống sông ngòi quốc gia đã thực hiện việc đo từ xa thông minh độ chính xác cao tự động hoàn toàn 24/7 đối với hệ sinh thái nước và chất lượng nước của các lưu vực trọng điểm và sông ngòi dòng sông xuyên biên giới chính trên toàn quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : HÀ LƯU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1620

河畔
hépàn

bên bờ sông, ven sông bến bờ sông

座落于风景秀丽的科学城河畔的国家重点实验室大楼，为青年科学家自由探索前沿基础理论提供了极其优越的研究环境。
Zuò luò yú fēng jǐng xiù lì de kē xué chéng hé pàn de guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì dà lóu, wèi qīng nián kē xué jiā zì yóu tàn suǒ qián yán jī chǔ lǐ lùn tí gōng le jí qí yōu yuè de yán jiū huán jìng.
Tòa nhà Phòng thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia tọa lạc bên bờ sông ven sông Thành phố Khoa học phong cảnh tú lệ hữu tình đã mang lại môi trường nghiên cứu vô cùng ưu việt cho các nhà khoa học trẻ tự do tìm tòi lý luận cơ bản tiên phong.

24 nét | HÁN VIỆT : HÀ BẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1621

核
hé

hạt nhân, nguyên tử hạt nhân; hạt (trái cây: hé)

我国在前沿全超导受控核聚变“人造太阳”实验装置上成功实现了千秒级超高参数等离子体稳态运行世界纪录。
Wǒ guó zài qián yán quán chāo dǎo shòu kòng hé jù biàn "rén zào tài yáng" shí yàn zhuāng zhì shàng chéng gōng shí xiàn le qiān miǎo jí chāo gāo cān shù děng lí zǐ tǐ wěn tài yùn xíng shì jiè jì lù.
Nước ta trên thiết bị thực nghiệm 'Mặt trời nhân tạo' nhiệt hạch hạt nhân hạt nhân có kiểm soát toàn siêu dẫn tiên phong đã thực hiện thành công kỷ lục thế giới về vận hành trạng thái ổn định plasma thông số siêu cao cấp độ ngàn giây.

11 nét | HÁN VIỆT : HẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1622

核电站
hédiànzhàn

nhà máy điện hạt nhân, nhà máy điện nguyên tử

我国完全自主研发的具有第四代核电特征的高温气冷堆核电站示范工程实现商运，展现了卓越的安全性能。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de jù yǒu dì sì dài hé diàn tè zhēng de gāo wēn qì lěng duī hé diàn zhàn shì fàn gōng chéng shí xiàn shāng yùn, zhǎn xiàn le zhuó yuè de ān quán xìng néng.
Công trình trình diễn nhà máy điện hạt nhân nhà máy điện nguyên tử lò phản ứng làm mát bằng khí nhiệt độ cao mang đặc trưng điện hạt nhân thế hệ thứ tư do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã đi vào vận hành thương mại, phô diễn tính năng an toàn trác việt.

35 nét | HÁN VIỆT : HẠCH ĐIỆN TRẠM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1623

核对
héduì

đối chiếu kiểm tra, rà soát kiểm tra đối chiếu

在重大航天发射前最后倒计时阶段，测控工程师一丝不苟地对数万项遥测控制指令参数进行了多轮闭环核对。
Zài zhòng dà háng tiān fā shè qián zuì hòu dào jì shí jiē duàn, cè kòng gōng chéng shī yī sī bù gǒu dì duì shù wàn xiàng yáo cè kòng zhì zhì lìng cān shù jìn xíng le duō lún bì huán hé duì.
Trong giai đoạn đếm ngược cuối cùng trước khi phóng tàu vũ trụ trọng đại, các kỹ sư trắc nghiệm điều khiển nghiêm cẩn tỉ mỉ tiến hành nhiều vòng đối chiếu kiểm tra rà soát kiểm tra khép kín đối với hàng vạn tham số khẩu lệnh điều khiển đo từ xa.

23 nét | HÁN VIỆT : HẠCH ĐỐI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1624

核能
hénéng

năng lượng hạt nhân, điện nguyên tử năng lượng nguyên tử

我国全面加快前沿先进核能系统的自主研发与产业化示范，构建起安全清洁高效的现代能源支撑体系。
Wǒ guó quán miàn jiā kuài qián yán xiān jìn hé néng xì tǒng de zì zhǔ yán fā yǔ chǎn yè huà shì fàn, gòu jiàn qǐ ān quán qīng jié gāo xiào de xiàn dài néng yuán zhī chēng tǐ xì.
Nước ta đẩy nhanh toàn diện việc trình diễn công nghiệp hóa và tự chủ nghiên cứu phát triển hệ thống năng lượng hạt nhân năng lượng hạt nhân tiên tiến tiên phong, xây dựng nên hệ thống nâng đỡ năng lượng hiện đại hiệu quả cao, sạch sẽ và an toàn.

21 nét | HÁN VIỆT : HẠCH NĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1625

核实
héshí

xác minh, thẩm tra xác thực làm rõ

国家科技伦理与学术监督委员会对收到的学术问题举报线索依法依规开展独立调查、全面严密核实第一手实验记录。
Guó jiā kē jì lún lǐ yǔ xué shù jiān dū wěi yuán huì duì shōu dào de xué shù wèn tí jù bào xiàn suǒ yī fǎ yī guī kāi zhǎn dú lì diào chá, quán miàn yán mì hé shí dì yī shǒu shí yàn jì lù.
Hội đồng Giám sát Học thuật và Đạo đức Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đối với các manh mối tố giác vấn đề học thuật nhận được đã triển khai điều tra độc lập theo đúng quy định pháp luật, thẩm tra xác thực xác minh toàn diện chặt chẽ các bản ghi chép thực nghiệm ban đầu.

23 nét | HÁN VIỆT : HẠCH THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1626

核桃
hétao

quả óc chó, hạt óc chó dinh dưỡng

现代林果分子育种科研团队成功选育出壳薄仁饱、富含不饱和脂肪酸的特早熟高产优质核桃新品种。
Xiàn dài lín guǒ fèn zǐ yù zhǒng kē yán tuán duì chéng gōng xuǎn yù chū ké báo rén bǎo, fù hán bù bǎo hé zhī fáng suān de tè zǎo shú gāo chǎn yōu zhì hé táo xīn pǐn zhǒng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học chọn giống phân tử quả rừng hiện đại đã lai tạo thành công giống mới quả óc chó hạt óc chó chất lượng cao năng suất cao cực sớm chín, vỏ mỏng ruột mẩy và giàu axit béo chưa bão hòa.

19 nét | HÁN VIỆT : HẠCH ĐÀO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1627

核武器
héwǔqì

vũ khí hạt nhân, vũ khí nguyên tử

老一辈功勋科学家为我国成功研制出核武器与战略导弹国之重器，彻底打破了外部霸权势力的核垄断与核讹诈。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā wèi wǒ guó chéng gōng yán zhì chū hé wǔ qì yǔ zhàn lüè dǎo dàn guó zhī zhòng qì, chè dǐ dǎ pò le wài bù bà quán shì lì de hé lǒng duàn yǔ hé é zhà.
Các nhà khoa học có công lao tiền bối đã nghiên cứu chế tạo thành công cho nước ta đại khí quốc gia tên lửa chiến lược và vũ khí hạt nhân vũ khí nguyên tử, đập tan hoàn toàn sự tống tiền hạt nhân và độc quyền hạt nhân của các thế lực bá quyền bên ngoài.

32 nét | HÁN VIỆT : HẠCH VÕ KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1628

荷花
héhuā

hoa sen, hoa sen thanh khiết

科学家解析了荷花叶片表面微纳米乳突结构的超疏水自清洁“荷叶效应”物理机理，成功研制出新型仿生自清洁防污纳米涂层材料。
Kē xué jiā jiě xī le hé huā yè piàn biǎo miàn wēi nà mǐ rǔ tū jié gòu de chāo shū shuǐ zì qīng jié "hé yè xiào yìng" wù lǐ jī lǐ, chéng gōng yán zhì chū xīn xíng fǎng shēng zì qīng jié fáng wū nà mǐ tú céng cái liào.
Các nhà khoa học đã giải mã cơ chế vật lý 'hiệu ứng lá sen' tự làm sạch siêu kỵ nước của kết cấu nhú gai vi nano trên bề mặt cánh lá hoa sen hoa sen, nghiên cứu chế tạo thành công vật liệu lớp phủ nano chống bám bẩn tự làm sạch phỏng sinh học kiểu mới.

26 nét | HÁN VIỆT : HÀ HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1629

贺电
hèdiàn

điện mừng, bức điện tín chúc mừng

当深空探测器圆满完成行星采样返回任务时，党中央、国务院、中央军委向全体参研参试人员发来热烈贺电。
Dāng shēn kōng tàn cè qì yuán mǎn wán chéng háng xīng cǎi yàng fǎn huí rèn wù shí, dǎng zhōng yāng, guó wù yuàn, zhōng yāng jūn wěi xiàng quán tǐ cān yán cān shì rén yuán fā lái rè liè hè diàn.
Khi tàu thám trắc không gian sâu hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ lấy mẫu hành tinh quay về, Trung ương Đảng, Quốc vụ viện và Quân ủy Trung ương đã gửi bức điện mừng điện mừng nhiệt liệt tới toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu thử nghiệm.

25 nét | HÁN VIỆT : HẠ ĐIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1630

贺信
hèxìn

thư chúc mừng, bức thư gửi lời mừng

在世界青年科学家峰会开幕之际，多国国家元首与国际科学组织领导人向大会致发了热情洋溢的贺信。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì kāi mù zhī jì, duō guó guó jiā yuán shǒu yǔ guó jì kē xué zǔ zhī lǐng dǎo rén xiàng dà huì zhì fā le rè qíng yáng yì de hè xìn.
Nhân dịp khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, nguyên thủ quốc gia nhiều nước và lãnh đạo các tổ chức khoa học quốc tế đã gửi những bức thư chúc mừng thư chúc mừng tràn đầy nhiệt huyết tới đại hội.

24 nét | HÁN VIỆT : HẠ TÍN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #1631

赫然
hèrán

sừng sững hiển hiện, nổi bật đập vào mắt, hiển nhiên

走进国家超级计算中心大厅，刻在主控墙上“胸怀祖国、科技自强”八个鎏金大字赫然映入眼帘。
Zǒu jìn guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn dà tīng, kè zài zhǔ kòng qiáng shàng "xiōng huái zǔ guó, kē jì zì qiáng" bā gè liú jīn dà zì hè rán yìng rù yǎn lián.
Bước vào đại sảnh Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, 8 chữ dát vàng lớn 'Ôm trọn Tổ quốc, Khoa học tự cường' khắc trên bức tường điểu khiển chính sừng sững hiển hiện nổi bật đập vào mắt người xem.

24 nét | HÁN VIỆT : HÁCH NHIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1632

鹤立鸡群
hèlìjīqún

nổi trội vượt bậc, hạc đứng giữa bầy gà, xuất chúng vượt trội

该青年科学家团队在量子纠缠拓扑调控领域取得的颠覆性原创成果，在国际同类前沿研究中鹤立鸡群、领跑全球。
Gāi qīng nián kē xué jiā tuán duì zài liàng zǐ jiū chán tuò pū tiáo kòng lǐng yù qǔ dé de diān fù xìng yuán chuàng chéng guǒ, zài guó jì tóng lèi qián yán yán jiū zhōng hè lì jī qún, lǐng pǎo quán qiú.
Thành quả nguyên bản mang tính cách mạng mà đội ngũ nhà khoa học trẻ này đạt được trong lĩnh vực điều phối tô-pô vướng víu lượng tử nổi trội vượt bậc xuất chúng vượt trội hạc đứng giữa bầy gà giữa các nghiên cứu tiên phong cùng loại trên quốc tế, dẫn đầu toàn cầu.

35 nét | HÁN VIỆT : HẠC LẬP KÊ QUẦN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1633

黑白
hēibái

đen trắng, trắng đen rõ ràng; phải trái đúng sai

深空探测器在火星南极极冠区域捕获了第一批具有极高科学研究价值的超高清黑白与全彩遥感正射影像。
Shēn kōng tàn cè qì zài huǒ xīng nán jí jí guān qū yù bǔ huò le dì yī pī jù yǒu jí gāo kē xué yán jiū jià zhí de chāo gāo qīng hēi bái yǔ quán cǎi yáo gǎn zhèng shè yǐng xiàng.
Tàu thám trắc không gian sâu tại khu vực chỏm băng cực Nam Sao Hỏa đã chụp được đợt hình ảnh trực giao viễn thám toàn sắc màu và đen trắng đen trắng siêu nét đầu tiên có giá trị nghiên cứu khoa học cực kỳ cao.

19 nét | HÁN VIỆT : HẮC BẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1634

黑客
hēikè

hacker, tin tặc xâm nhập mạng

国家前沿大科学装置网络空间防御体系运用AI大模型行为分析技术，毫秒级精准阻断了境外黑客发起的分布式恶意渗透攻击。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì wǎng luò kōng jiān fáng yù tǐ xì yùn yòng AI dà mó xíng xíng wéi fēn xī jì shù, háo miǎo jí jīng zhǔn zǔ duàn le jìng wài hēi kè fā qǐ de fēn bù shì è yì shèn tòu gōng jī.
Hệ thống phòng thủ không gian mạng thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia ứng dụng công nghệ phân tích hành vi mô hình lớn AI, đã chặn đứng chuẩn xác cấp độ mili-giây cuộc tấn công thâm nhập ác ý phân tán do các tin tặc hacker nước ngoài phát động.

18 nét | HÁN VIỆT : HẮC KHÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1635

黑马
hēimǎ

ngựa ô, nhân tố bất ngờ bứt phá (nghĩa bóng)

在国际人工智能顶级基准评测大赛中，我国青年科研团队凭借完全自主创新的轻量化大模型架构成为一匹惊艳全球的超级“黑马”。
Zài guó jì rén gōng zhì néng dǐng jí jī zhǔn píng cè dà sài zhōng, wǒ guó qīng nián kē yán tuán duì píng jiè wán quán zì zhǔ chuàng xīn de qīng liàng huà dà mó xíng jià gòu chéng wéi yì pǐ jīng yàn quán qiú de chāo jí "hēi mǎ ".
Trong cuộc thi đánh giá chuẩn mực đỉnh cao trí tuệ nhân tạo quốc tế, đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ nước ta dựa vào kiến trúc mô hình lớn nhẹ hóa đổi mới sáng tạo hoàn toàn tự chủ đã trở thành một 'chú ngựa ô' ngựa ô siêu cấp làm kinh ngạc toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : HẮC MÃ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1636

黑手
hēishǒu

bàn tay đen, kẻ giấu mặt hắc ám phá hoại

国家安全机关依法严密布控，坚决斩断了境外敌对势力企图窃取我国战略国防科研核心机密的幕后黑手。
Guó jiā ān quán jī guān yī fǎ yán mì bù kòng, jiān jué zhǎn duàn le jìng wài dí duì shì lì qǐ tú qiè qǔ wǒ guó zhàn lüè guó fáng kē yán hé xīn jī mì de mù hòu hēi shǒu.
Cơ quan an ninh quốc gia bố trí kiểm soát nghiêm ngặt theo đúng pháp luật, kiên quyết chặt đứt bàn tay đen kẻ giấu mặt hắc ám sau hậu trường của các thế lực thù địch nước ngoài mưu toan đánh cắp bí mật cốt lõi nghiên cứu khoa học quốc phòng chiến lược nước ta.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1637

黑心
hēixīn

lòng dạ đen tối, gian xảo thất đức bất lương

国家司法机关依法严厉打击打着“前沿科技投资”幌子非法集资、坑害群众切身利益的黑心非法金融中介组织。
Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī dǎ zhe "qián yán kē jì tóu zī" huǎng zi fēi fǎ jí zī, kēng hài qún zhòng qiè shēn lì yì de hēi xīn fēi fǎ jīn róng zhōng jiè zǔ zhī.
Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật đã triệt phá nghiêm khắc các tổ chức môi giới tài chính bất hợp pháp lòng dạ đen tối gian xảo bất lương đội lốt 'đầu tư khoa học công nghệ tiên phong' để huy động vốn trái phép, làm tổn hại lợi ích thiết thân của quần chúng.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1638

嘿
hēi

này

老师鼓励大家积极嘿，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hēi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực này, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1639

痕迹
hén jì

dấu vết, vết tích, dấu tích

地质古生物学家在极其细腻致密的沉积岩层表面，清晰辨识出了远古节肢动物爬行遗留下的微观足迹痕迹。
Dì zhì gǔ shēng wù xué jiā zài jí qí xì nì zhì mì de chén jī yán céng biǎo miàn, qīng xī biàn shí chū le yuǎn gǔ jié zhī dòng wù pá xíng yí liú xià de wēi guān zú jì hén jì.
Các nhà cổ sinh vật địa chất học trên bề mặt lớp đá trầm tích vô cùng mịn màng đặc chắc đã nhận biết rõ nét các dấu vết dấu chân vi mô do các loài động vật chân khớp cổ đại bò trườn để lại.

20 nét | HÁN VIỆT : NGÂN TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1640

恨不得
hèn bu dé

chỉ mong sao, hận không thể lập tức, nôn nóng

在经历了长达半年的高强度封闭科研攻关并取得圆满成功后，年轻科研人员恨不得立刻乘机飞回家乡拥抱久违的父母。
Zài jīng lì le zhǎng dá bàn nián de gāo qiáng dù fēng bì kē yán gōng guān bìng qǔ dé yuán mǎn chéng gōng hòu, nián qīng kē yán rén yuán hèn bù dé lì kè chéng jī fēi huí jiā xiāng yōng bào jiǔ wéi de fù mǔ.
Sau khi trải qua đợt nghiên cứu khoa học vượt khó khép kín cường độ cao kéo dài suốt nửa năm và đạt được thành công mỹ mãn, các nhà nghiên cứu trẻ tuổi chỉ mong sao có thể lập tức đáp máy bay bay về quê nhà ôm chầm lấy cha mẹ sau bao ngày xa cách.

35 nét | HÁN VIỆT : HẬN BẤT ĐẮC

HSK 7-9 (3.0) | Thán từ / Động từ | #1641

哼
hēng

hừ (thể hiện khinh bỉ/bất mãn); ngâm nga khẽ hát

在晨曦初露的静谧林间小道上，老护林员一边悠闲地哼着经典红色老歌，一边精神抖擞地开始了一天的巡山护林。
Zài chén xī chū lù de jìng mì lín jiān xiǎo dào shàng, lǎo hù lín yuán yī biān yōu xián dì hēng zhe jīng diǎn hóng sè lǎo gē, yī biān jīng shén dǒu sǒu dì kāi shǐ le yī tiān de xún shān hù lín.
Trên con đường mòn yên ả giữa rừng cây khi ánh ban mai vừa rạng rỡ, người nhân viên kiểm lâm già vừa thong thả ngâm nga giai điệu bài ca cách mạng kinh điển, vừa tinh thần phấn chấn bắt đầu một ngày tuần tra bảo vệ rừng.

8 nét | HÁN VIỆT : HANH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1642

横七竖八
héngqīshùbā

ngang dọc lộn xộn, ngổn ngang bừa bãi không trật tự

在大科学工程超精密机房线缆敷设中，工程师严格遵循标准化布线规范，决不允许出现横七竖八杂乱无章的布线现象。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì jī fáng xiàn lǎn fū shè zhōng, gōng chéng shī yán gé zūn xún biāo zhǔn huà bù xiàn guī fàn, jué bù yǔn xǔ chū xiàn héng qī shù bā zá luàn wú zhāng de bù xiàn xiàn xiàng.
Trong công tác rải đặt cáp điện phòng máy siêu chính xác công trình khoa học lớn, các kỹ sư tuân thủ nghiêm ngặt quy phạm đi dây chuẩn hóa, tuyệt đối không cho phép xuất hiện hiện tượng đi dây ngổn ngang bừa bãi ngang dọc lộn xộn mất trật tự.

35 nét | HÁN VIỆT : HOÀNH THẤT THỤ BÁT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1643

横向
héngxiàng

theo chiều ngang, liên kết ngang (dự án doanh nghiệp: héngxiàng kèti)

国家实验室全面畅通产学研横向协作机制，加快推动前沿重大科技成果向现代高新技术产业集群转化。
Guó jiā shí yàn shì quán miàn chàng tōng chǎn xué yán héng xiàng xié zuò jī zhì, jiā kuài tuī dòng qián yán zhòng dà kē jì chéng guǒ xiàng xiàn dài gāo xīn jì shù chǎn yè jí qún zhuǎn huà.
Phòng thí nghiệm quốc gia khơi thông toàn diện cơ chế hiệp đồng theo chiều ngang liên kết ngang giữa sản xuất - học tập - nghiên cứu, đẩy nhanh thúc đẩy việc chuyển hóa các thành quả khoa học công nghệ trọng đại tiên phong sang các cụm ngành công nghệ cao mới hiện đại.

23 nét | HÁN VIỆT : HOÀNH HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1644

轰
hōng

Bùm

老师鼓励大家积极轰，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hōng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Bùm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : OANH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1645

轰动
hōng dòng

gây chấn động, làm rúng động, tiếng vang lớn

我国科学家在国际顶尖学术期刊上宣布首次实现无液氦超导量子芯片重大突破，瞬间在全球科学界引发了巨大轰动。
Wǒ guó kē xué jiā zài guó jì dǐng jiān xué shù qī kān shàng xuān bù shǒu cì shí xiàn wú yè hài chāo dǎo liàng zǐ xīn piàn zhòng dà tū pò, shùn jiān zài quán qiú kē xué jiè yǐn fā le jù dà hōng dòng.
Các nhà khoa học nước ta khi công bố trên tạp chí học thuật hàng đầu thế giới về việc lần đầu tiên đạt được đột phá trọng đại chip lượng tử siêu dẫn không cần heli lỏng đã ngay lập tức tạo nên một làn sóng chấn động to lớn trong giới khoa học toàn cầu.

27 nét | HÁN VIỆT : OANH ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1646

轰炸
hōngzhà

ném bom oanh tạc; bắn phá chùm hạt (vật lý: lìzǐ hōngzhà)

在大科学装置重离子加速器实验中，科学家利用高能铀离子束流轰炸微观重金属靶核，成功合成了全新超重元素同位素。
Zài dà kē xué zhuāng zhì zhòng lí zi jiā sù qì shí yàn zhōng, kē xué jiā lì yòng gāo néng yóu lí zi shù liú hōng zhà wēi guān zhòng jīn shǔ bǎ hé, chéng gōng hé chéng le quán xīn chāo zhòng yuán sù tóng wèi sù.
Trong thực nghiệm máy gia tốc ion nặng thiết bị khoa học lớn, các nhà khoa học đã sử dụng chùm hạt ion urani năng lượng cao bắn phá oanh tạc vào bia hạt nhân kim loại nặng vi mô, tổng hợp thành công đồng vị nguyên tố siêu nặng hoàn toàn mới.

23 nét | HÁN VIỆT : OANH TRÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1647

哄
hōng

làm ồn ào (hōng); dỗ dành nựng (hǒng); hùa theo (hòng)

在严谨神圣的科学真理探索中，必须尊重客观严密事实，决不能搞拉帮结派、随声附和的一哄而上。
Zài yán jǐn shén shèng de kē xué zhēn lǐ tàn suǒ zhōng, bì xū zūn zhòng kè guān yán mì shì shí, jué bù néng gǎo lā bāng jié pài, suí shēng fù hè de yì hōng ér shàng.
Trong việc tìm tòi chân lý khoa học nghiêm cẩn thiêng liêng, bắt buộc phải tôn trọng sự thật chặt chẽ khách quan, tuyệt đối không được kéo bè kết cánh, hùa theo một bầy a dua hùa theo.

8 nét | HÁN VIỆT : HỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1648

哄堂大笑
hōngtángdàxiào

cả phòng cười ồ lên, cười òa lên rộn rã

在紧张繁重的科研攻关间隙学术沙龙上，青年科学家风趣幽默的科普小段子引得全场同行哄堂大笑、身心大为放松。
Zài jǐn zhāng fán zhòng de kē yán gōng guān jiàn xì xué shù shā lóng shàng, qīng nián kē xué jiā fēng qù yōu mò de kē pǔ xiǎo duàn zi yǐn dé quán chǎng tóng háng hōng táng dà xiào, shēn xīn dà wèi fàng sōng.
Tại sa-lông học thuật giữa những lúc rảnh rỗi của đợt vượt khó nghiên cứu khoa học căng thẳng nặng nề, mẩu chuyện vui phổ biến khoa học dí dỏm hài hước của nhà khoa học trẻ đã khiến toàn thể đồng nghiệp cả phòng cười ồ lên cười òa lên rộn rã, thể chất tinh thần được giải tỏa tối đa.

35 nét | HÁN VIỆT : HỐNG ĐƯỜNG ĐẠI TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1649

烘干
hōnggān

sấy khô, hong khô làm khô nhiệt

大科学装置超高真空不锈钢管道在组装前必须经过连续多日的高温除气烘烤烘干，确保腔体内壁水分与吸附气体彻底释放。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo zhēn kōng bù xiù gāng guǎn dào zài zǔ zhuāng qián bì xū jīng guò lián xù duō rì de gāo wēn chú qì hōng kǎo hōng gān, què bǎo qiāng tǐ nèi bì shuǐ fèn yǔ xī fù qì tǐ chè dǐ shì fàng.
Đường ống thép không gỉ siêu chân không của thiết bị khoa học lớn trước khi lắp ráp bắt buộc phải trải qua nhiều ngày liên tục sấy khô hong khô nung nóng khử khí ở nhiệt độ cao, bảo đảm hơi ẩm và khí hấp phụ trên thành trong buồng được giải phóng triệt để.

22 nét | HÁN VIỆT : HỒNG CAN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1650

烘托
hōngtuō

làm nổi bật, tôn lên tôn tạo không khí

在全国科技大会颁奖盛典现场，雄壮激昂的交响乐生动烘托出党和国家对战略科技领军科学家的崇高礼赞与无限尊崇。
Zài quán guó kē jì dà huì bān jiǎng shèng diǎn xiàn chǎng, xióng zhuàng jī áng de jiāo xiǎng yuè shēng dòng hōng tuō chū dǎng hé guó jiā duì zhàn lüè kē jì lǐng jūn kē xué jiā de chóng gāo lǐ zàn yǔ wú xiàn zūn chóng.
Tại hiện trường Lễ Tuyên dương Trao giải Đại hội Khoa học Công nghệ Toàn quốc, khúc nhạc giao hưởng hùng tráng hào hùng đã tôn lên làm nổi bật sinh động sự tôn kính vô hạn và lời ca ngợi cao đẹp của Đảng và Nhà nước đối với các nhà khoa học dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược.

26 nét | HÁN VIỆT : HỒNG THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1651

弘扬
hóngyáng

hoằng dương, phát huy mạnh mẽ lan tỏa

我们要大力弘扬胸怀祖国、服务人民、勇攀高峰、敢为人先的科学家精神，为建设科技强国汇聚磅礴力量。
Wǒ men yào dà lì hóng yáng xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín, yǒng pān gāo fēng, gǎn wéi rén xiān de kē xué jiā jīng shén, wèi jiàn shè kē jì qiáng guó huì jù páng bó lì liàng.
Chúng ta phải ra sức phát huy mạnh mẽ hoằng dương lan tỏa tinh thần nhà khoa học dám đi trước thiên hạ, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, phụng sự nhân dân, ôm trọn Tổ quốc trong tim, quy tụ sức mạnh to lớn cuộn trào để xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : HOẰNG DƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1652

红灯
hóngdēng

đèn đỏ, đèn cảnh báo đỏ (nghĩa đen/bóng: liàng hóngdēng)

在大科学装置辐射安全联锁总控大厅，一旦探测到任何微量辐射泄露，系统会在纳秒级亮起红灯并紧急切断电子束流。
Zài dà kē xué zhuāng zhì fú shè ān quán lián suǒ zǒng kòng dà tīng, yí dàn tàn cè dào rèn hé wēi liàng fú shè xiè lòu, xì tǒng huì zài nà miǎo jí liàng qǐ hóng dēng bìng jǐn jí qiè duàn diàn zi shù liú.
Tại đại sảnh điều khiển tổng khóa liên động an toàn bức xạ của thiết bị khoa học lớn, một khi phát hiện bất kỳ sự rò rỉ bức xạ vi lượng nào, hệ thống sẽ bật sáng đèn đỏ đèn cảnh báo đỏ ở cấp độ nano-giây và khẩn cấp ngắt chùm hạt electron.

23 nét | HÁN VIỆT : HỒNG ĐĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1653

红火
hónghuo

sầm uất phồn thịnh, hưng thịnh rực rỡ phát đạt

随着国家综合性科学中心前沿科研成果加速就地转化，周边战略性新兴产业园区呈现出一派红火繁荣的创新景象。
Suí zhe guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn qián yán kē yán chéng guǒ jiā sù jiù dì zhuǎn huà, zhōu biān zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè yuán qū chéng xiàn chū yī pài hóng huǒ fán róng de chuàng xīn jīng xiàng.
Cùng với việc các thành quả nghiên cứu khoa học tiên phong của Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đẩy nhanh chuyển hóa tại chỗ, khu công nghiệp mới nổi chiến lược xung quanh hiện ra một khung cảnh đổi mới sáng tạo phát đạt hưng thịnh rực rỡ sầm uất phồn thịnh.

19 nét | HÁN VIỆT : HỒNG HOẢ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1654

红扑扑
hóngpūpū

đỏ hây hây, hồng hào ửng đỏ (khuôn mặt)

在零下三十度极寒风雪中连续高强度调试雷达天线的青年工程师们，脸上冻得红扑扑的，但眼神里闪烁着自豪与坚定。
Zài líng xià sān shí dù jí hán fēng xuě zhōng lián xù gāo qiáng dù tiáo shì léi dá tiān xiàn de qīng nián gōng chéng shī men, liǎn shàng dòng dé hóng pū pū de, dàn yǎn shén lǐ shǎn shuò zhe zì háo yǔ jiān dìng.
Các kỹ sư trẻ tuổi liên tục hiệu chỉnh ăng-ten radar cường độ cao giữa bão tuyết cực hàn âm 30 độ, khuôn mặt lạnh buốt đến mức đỏ hây hây hồng hào ửng đỏ, nhưng trong ánh mắt lấp lánh sự kiên định và niềm tự hào.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1655

红润
hóngrùn

hồng hào, sắc mặt tươi tắn hồng hào khỏe mạnh

经过为期半年的太空在轨科研任务凯旋归来后，航天员们在医监医保团队精心调理下气色红润、各项生理指标快速恢复。
Jīng guò wéi qī bàn nián de tài kōng zài guǐ kē yán rèn wù kǎi xuán guī lái hòu, háng tiān yuán men zài yī jiān yī bǎo tuán duì jīng xīn tiáo lǐ xià qì sè hóng rùn, gè xiàng shēng lǐ zhǐ biāo kuài sù huī fù.
Sau khi khải hoàn trở về từ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trên quỹ đạo không gian kéo dài nửa năm, các phi hành gia dưới sự điều dưỡng tận tình của đội ngũ y tế giám sát bảo đảm y tế có sắc mặt hồng hào tươi tắn hồng hào, các chỉ số sinh lý hồi phục nhanh chóng.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1656

红薯
hóngshǔ

khoai lang, củ khoai lang ngọt

国家甘薯与马铃薯产业技术体系成功培育出富含优质膳食纤维与高花青素的特种抗旱紫色红薯优良新品种。
Guó jiā gān shǔ yǔ mǎ líng shǔ chǎn yè jì shù tǐ xì chéng gōng péi yù chū fù hán yōu zhì shàn shí xiān wéi yǔ gāo huā qīng sù de tè zhǒng kàng hàn zǐ sè hóng shǔ yōu liáng xīn pǐn zhǒng.
Hệ thống công nghệ ngành khoai tây và khoai lang quốc gia đã lai tạo thành công giống mới ưu lương khoai lang khoai lang màu tím chịu hạn đặc chủng giàu chất xơ chất lượng cao và hàm lượng anthocyanin cao.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1657

红眼
hóngyǎn

đỏ mắt ghen tị; mắt đỏ ngầu giận dữ (hóngyǎnbìng)

中国在大科学工程与高端自主芯片领域的飞速跨越让少数西方政客眼红妒忌，但任何打压都无法阻挡我们自立自强的坚定步伐。
Zhōng guó zài dà kē xué gōng chéng yǔ gāo duān zì zhǔ xīn piàn lǐng yù de fēi sù kuà yuè ràng shǎo shù xī fāng zhèng kè yǎn hóng dù jì, dàn rèn hé dǎ yā dōu wú fǎ zǔ dǎng wǒ men zì lì zì qiáng de jiān dìng bù fá.
Bước nhảy vọt nhanh như vũ bão của Trung Quốc trong lĩnh vực chip tự chủ cao cấp và công trình khoa học lớn đã khiến một số ít chính khách phương Tây đỏ mắt ghen tị đố kỵ, ghen ghét, nhưng bất kỳ sự chèn ép nào cũng không thể ngăn nổi bước chân tự chủ tự cường kiên định của chúng ta.

21 nét | HÁN VIỆT : HỒNG NHÃN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1658

宏观
hóng guān

vĩ mô, góc nhìn vĩ mô

国家创新和完善宏观调控体系，综合运用财政、货币与产业政策组合拳，保持经济运行在合理区间高质量发展。
Guó jiā chuàng xīn hé wán shàn hóng guān tiáo kòng tǐ xì, zōng hé yùn yòng cái zhèng, huò bì yǔ chǎn yè zhèng cè zǔ hé quán, bǎo chí jīng jì yùn xíng zài hé lǐ qū jiān gāo zhì liàng fā zhǎn.
Nhà nước đổi mới và hoàn thiện hệ thống điều tiết kinh tế vĩ mô, vận dụng tổng hợp gói giải pháp kết hợp chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách ngành, giữ cho nền kinh tế vận hành trong khoảng hợp lý phát triển chất lượng cao.

19 nét | HÁN VIỆT : HOÀNH QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1659

宏伟
hóng wěi

hùng vĩ, tráng lệ, quy mô to lớn vĩ đại

三峡水利枢纽那巍然屹立在滚滚长江之上的巨型大坝气势磅礴，展现了人水和谐共生的大国工程宏伟气魄。
Sān xiá shuǐ lì shū niǔ nà wēi rán yì lì zài gǔn gǔn cháng jiāng zhī shàng de jù xíng dà bà qì shì páng bó, zhǎn xiàn le rén shuǐ hé xié gòng shēng de dà guó gōng chéng hóng wěi qì pò.
Đập thủy điện khổng lồ thuộc công trình đầu mối thủy lợi Tam Hiệp sừng sững uy nghiêm trên dòng Trường Giang cuộn sóng mang khí thế nguy nga hùng tráng, phô diễn khí phách vĩ đại tráng lệ của một đại công trình nước lớn về sự chung sống hài hòa giữa con người và nguồn nước.

23 nét | HÁN VIỆT : HOÀNH VĨ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1660

洪亮
hóngliàng

vang rền, vang dội sang sảng hào hùng

随着总指挥员一声洪亮有力的“点火”指令响彻戈壁发射场，长征重型运载火箭托举着深空飞船拔地而起。
Suí zhe zǒng zhǐ huī yuán yī shēng hóng liàng yǒu lì de "diǎn huǒ" zhǐ lìng xiǎng chè gē bì fā shè chǎng, cháng zhēng zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn tuō jǔ zhe shēn kōng fēi chuán bá dì ér qǐ.
Cùng với khẩu lệnh 'Điểm hỏa' vang dội sang sảng vang rền đầy uy lực của Tổng Chỉ huy vang vọng khắp bãi phóng sa mạc Gobi, quả tên lửa đẩy hạng nặng Trường Chinh nâng đỡ con tàu vũ trụ không gian sâu vút bay lên khỏi mặt đất.

21 nét | HÁN VIỆT : HỒNG LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1661

喉咙
hóu lóng

cổ họng, yết hầu

经过高强度长时间的深空通信指挥与连续调度测试，总调度员虽然喉咙发干沙哑，依然神情专注坚守在指挥台前。
Jīng guò gāo qiáng dù zhǎng shí jiān de shēn kōng tōng xìn zhǐ huī yǔ lián xù diào dù cè shì, zǒng diào dù yuán suī rán hóu lóng fā gàn shā yǎ, yī rán shén qíng zhuān zhù jiān shǒu zài zhǐ huī tái qián.
Sau những đợt thử nghiệm điều phối liên tục và chỉ huy liên lạc không gian sâu cường độ cao kéo dài nhiều giờ, vị tổng điều độ viên dẫu cổ họng đã khô rát khản đặc nhưng ánh mắt vẫn tập trung cao độ kiên cường bám trụ trước bàn chỉ huy.

23 nét | HÁN VIỆT : HẦU LUNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1662

吼
hǒu

gầm rống, gào thét hét lớn rống lên

在火箭发动机极端全工况热试车现场，新型大推力液氧煤油发动机发出震天动地的剧烈轰鸣咆哮与狂怒怒吼。
Zài huǒ jiàn fā dòng jī jí duān quán gōng kuàng rè shì chē xiàn chǎng, xīn xíng dà tuī lì yè yǎng méi yóu fā dòng jī fā chū zhèn tiān dòng dì de jù liè hōng míng páo xiāo yǔ kuáng nù nù hǒu.
Tại hiện trường thử nghiệm nhiệt toàn bộ điều kiện làm việc giới hạn của động cơ tên lửa, động cơ dầu hỏa – oxy lỏng lực đẩy lớn kiểu mới phát ra tiếng gầm thét gầm rống tiếng gầm rú rung chuyển trời đất vô cùng dữ dội.

12 nét | HÁN VIỆT : HỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1663

后备
hòubèi

dự bị dự phòng, lực lượng kế cận nguồn dự trữ

国家实验室着力构建青年战略科技人才全链条梯度培育机制，源源不断充实国家战略科技领军力量后备梯队。
Guó jiā shí yàn shì zhuó lì gòu jiàn qīng nián zhàn lüè kē jì rén cái quán liàn tiáo tǐ dù péi yù jī zhì, yuán yuán bù duàn chōng shí guó jiā zhàn lüè kē jì lǐng jūn lì liàng hòu bèi tī duì.
Phòng thí nghiệm quốc gia chú trọng xây dựng cơ chế bồi dưỡng phân tầng toàn chuỗi nhân tài khoa học công nghệ chiến lược thanh niên, không ngừng bổ sung nguồn dự bị dự bị dự phòng đội ngũ thê đội kế cận cho lực lượng dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT : HẬU BỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1664

后备箱
hòubèixiāng

cốp xe, khoang hành lý sau xe ô tô

野外地质科考突击队员在新能源越野车后备箱内规范整齐地装载了轻便手持式拉曼光谱仪与高精度卫星定位取样装备。
Yě wài dì zhì kē kǎo tū jī duì yuán zài xīn néng yuán yuè yě chē hòu bèi xiāng nèi guī fàn zhěng qí dì zhuāng zài le qīng biàn shǒu chí shì lā màn guāng pǔ yí yǔ gāo jīng dù wèi xīng dìng wèi qǔ yàng zhuāng bèi.
Các đội viên xung kích khảo sát địa chất dã ngoại đã xếp đặt ngay ngắn chuẩn quy phạm bên trong khoang hành lý cốp xe xe việt dã năng lượng mới chiếc máy đo quang phổ Raman cầm tay tiện lợi và trang thiết bị lấy mẫu định vị vệ tinh độ chính xác cao.

34 nét | HÁN VIỆT : HẬU BỊ RƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1665

后代
hòu dài

hậu thế, con cháu đời sau, thế hệ tương lai

我们必须牢固树立绿水青山就是金山银山的理念，像保护眼睛一样保护生态环境，给子孙后代留下天蓝地绿水清的美丽家园。
Wǒ men bì xū láo gù shù lì lǜ shuǐ qīng shān jiù shì jīn shān yín shān de lǐ niàn, xiàng bǎo hù yǎn jīng yī yàng bǎo hù shēng tài huán jìng, gěi zǐ sūn hòu dài liú xià tiān lán dì lǜ shuǐ qīng de měi lì jiā yuán.
Chúng ta bắt buộc phải xây dựng vững chắc quan niệm non xanh nước biếc chính là núi vàng núi bạc, bảo vệ môi trường sinh thái như bảo vệ chính đôi mắt của mình, để lại cho con cháu muôn đời sau một mái ấm quê hương tươi đẹp trời xanh đất biếc nước trong.

16 nét | HÁN VIỆT : HẬU ĐẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1666

后盾
hòudùn

hậu thuẫn, chỗ dựa vững chắc hậu phương

强大的社会主义集中力量办大事制度优势与雄厚的国家综合国力，始终是广大科技工作者攀登世界科技高峰的最坚强后盾。
Qiáng dà de shè huì zhǔ yì jí zhōng lì liàng bàn dà shì zhì dù yōu shì yǔ xióng hòu de guó jiā zōng hé guó lì, shǐ zhōng shì guǎng dà kē jì gōng zuò zhě pān dēng shì jiè kē jì gāo fēng de zuì jiān qiáng hòu dùn.
Ưu thế thể chế tập trung sức mạnh làm việc lớn của chủ nghĩa xã hội hùng mạnh cùng sức mạnh tổng hợp quốc gia hùng hậu luôn luôn là chỗ dựa vững chắc hậu thuẫn kiên cường nhất để đông đảo những người làm khoa học công nghệ trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

21 nét | HÁN VIỆT : HẬU THUẪN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1667

后顾之忧
hòu gù zhī yōu

nỗi lo phía sau, mối bận tâm lo ngại phía sau

国家切实完善科研人员住房、子女就学与医疗保障综合支持政策，彻底解除了广大战略科技领军人才的后顾之忧。
Guó jiā qiè shí wán shàn kē yán rén yuán zhù fáng, zǐ nǚ jiù xué yǔ yī liáo bǎo zhàng zōng hé zhī chí zhèng cè, chè dǐ jiě chú le guǎng dà zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái de hòu gù zhī yōu.
Nhà nước hoàn thiện thiết thực các chính sách hỗ trợ tổng hợp về nhà ở, con cái học hành và bảo đảm y tế cho cán bộ nghiên cứu khoa học, xóa bỏ triệt để mọi mối lo âu phía sau của đông đảo nhân tài khoa học công nghệ chiến lược đầu ngành.

35 nét | HÁN VIỆT : HẬU CỐ CHI ƯU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian / Tính từ | #1668

后期
hòuqī

giai đoạn sau, thời kỳ sau hậu kỳ

在大科学工程建设后期，调试团队必须聚焦微观物理参数高保真微调，确保各子系统物理接口完美耦合匹配。
Zài dà kē xué gōng chéng jiàn shè hòu qī, tiáo shì tuán duì bì xū jù jiāo wēi guān wù lǐ cān shù gāo bǎo zhēn wēi diào, què bǎo gè zi xì tǒng wù lǐ jiē kǒu wán měi ǒu hé pǐ pèi.
Vào giai đoạn sau thời kỳ sau của việc xây dựng công trình khoa học lớn, đội ngũ hiệu chỉnh bắt buộc phải tập trung vào việc vi chỉnh độ trung thực cao các tham số vật lý vi mô, bảo đảm các giao diện vật lý của các hệ thống con ghép nối ăn khớp hoàn hảo.

18 nét | HÁN VIỆT : HẬU KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1669

后勤
hòu qín

hậu cần, công tác bảo đảm hậu cần

极地科考基地建立了完备的高原高寒全天候智慧后勤保障体系，为科研人员开展前沿野外科学考察提供了坚强后盾。
Jí dì kē kǎo jī dì jiàn lì le wán bèi de gāo yuán gāo hán quán tiān hòu zhì huì hòu qín bǎo zhàng tǐ xì, wèi kē yán rén yuán kāi zhǎn qián yán yě wài kē xué kǎo chá tí gōng le jiān qiáng hòu dùn.
Căn cứ khảo sát khoa học vùng cực đã xây dựng hệ thống bảo đảm hậu cần thông minh suốt 24/7 hoàn chỉnh tại vùng cực lạnh vùng cao, mang lại hậu phương vững chắc cho các nhà nghiên cứu triển khai khảo sát khoa học dã ngoại tiên phong.

19 nét | HÁN VIỆT : HẬU CẦN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1670

后人
hòurén

hậu thế, người đời sau thế hệ tương lai

老一辈战略科学家隐姓埋名、无私奉献铸就的丰功伟绩，为后人树立了永远仰望崇敬的精神丰碑。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yǐn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn zhù jiù de fēng gōng wěi jì, wèi hòu rén shù lì le yǒng yuǎn yǎng wàng chóng jìng de jīng shén fēng bēi.
Những công lao sự nghiệp vĩ đại được đúc kết bằng sự cống hiến quên mình, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học chiến lược tiền bối đã dựng nên tượng đài tinh thần cho hậu thế người đời sau mãi mãi ngước nhìn và tôn kính.

17 nét | HÁN VIỆT : HẬU NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1671

后台
hòutái

hậu trường, hệ thống quản trị backend máy chủ phía sau

国家重大前沿科学数据云平台后台调度引擎实现了对跨区域异构超算算力资源的毫秒级全自动负载均衡调度。
Guó jiā zhòng dà qián yán kē xué shù jù yún píng tái hòu tái diào dù yǐn qíng shí xiàn le duì kuà qū yù yì gòu chāo suàn suàn lì zī yuán de háo miǎo jí quán zì dòng fù zài jūn héng diào dù.
Bộ máy điều phối hệ thống quản trị backend hậu trường của nền tảng đám mây dữ liệu khoa học tiên phong trọng đại quốc gia đã thực hiện việc điều phối cân bằng tải tự động hoàn toàn cấp độ mili-giây đối với tài nguyên sức mạnh tính toán siêu máy tính dị cấu xuyên khu vực.

21 nét | HÁN VIỆT : HẬU ĐÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1672

后退
hòutuì

lùi bước, thụt lùi thoái lui

在攀登世界战略科技高峰的历史征程中，中国科技工作者只有迎难而上的豪情壮志，绝没有半步妥协与后退！
Zài pān dēng shì jiè zhàn lüè kē jì gāo fēng de lì shǐ zhēng chéng zhōng, zhōng guó kē jì gōng zuò zhě zhǐ yǒu yíng nán ér shàng de háo qíng zhuàng zhì, jué méi yǒu bàn bù tuǒ xié yù hòu tuì!
Trong hành trình lịch sử trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ chiến lược thế giới, những người làm khoa học công nghệ Trung Quốc chỉ có hào khí chí lớn dũng cảm đương đầu với khó khăn, tuyệt đối không có nửa bước lùi bước thỏa hiệp và thoái lui!

18 nét | HÁN VIỆT : HẬU THOÁI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1673

后续
hòuxù

tiếp sau, giai đoạn tiếp theo nối tiếp kế tiếp

随着大科学装置一期物理工程综合验收圆满通过，国家有关部门迅速启动了后续二期前瞻性扩建规划布局。
Suí zhe dà kē xué zhuāng zhì yī qī wù lǐ gōng chéng zōng hé yàn shōu yuán mǎn tōng guò, guó jiā yōu guān bù mén xùn sù qǐ dòng le hòu xù èr qī qián zhān xìng kuò jiàn guī huà bù jú.
Cùng với việc nghiệm thu tổng hợp công trình vật lý giai đoạn 1 của thiết bị khoa học lớn được thông qua mỹ mãn, các bộ ngành hữu quan của Nhà nước đã nhanh chóng khởi động bố cục quy hoạch mở rộng có tầm nhìn xa giai đoạn tiếp theo nối tiếp tiếp sau.

22 nét | HÁN VIỆT : HẬU TỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1674

后遗症
hòuyízhèng

di chứng, hậu quả di chứng để lại (bệnh tật/nghĩa bóng)

国家医学攻关团队研发的新型微创精准介入消融技术，将复杂脑血管手术术后神经功能障碍后遗症发生率降至最低。
Guó jiā yī xué gōng guān tuán duì yán fā de xīn xíng wēi chuàng jīng zhǔn jiè rù xiāo róng jì shù, jiāng fù zá nǎo xuè guǎn shōu shù shù hòu shén jīng gōng néng zhàng ài hòu yí zhèng fā shēng lǜ jiàng zhì zuì dī.
Công nghệ triệt tiêu can thiệp chính xác xâm lấn tối thiểu kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển đã giảm tỷ lệ phát sinh di chứng hậu quả rối loạn chức năng thần kinh hậu phẫu phẫu thuật mạch máu não phức tạp xuống mức tối thiểu.

31 nét | HÁN VIỆT : HẬU DI CHỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1675

后裔
hòuyì

hậu duệ, con cháu đời sau dòng dõi

古DNA与分子人类学联合科研团队通过全基因组高深度测序，精确揭示了远古人类化石古人类群体与现代人群后裔的遗传演化图谱谱系。
Gǔ DNA yǔ fēn zǐ rén lèi xué lián hé kē yán tuán duì tōng guò quán jī yīn zǔ gāo shēn dù cè xù, jīng què jiě shì le yuǎn gǔ rén lèi huà shí gǔ rén lèi qún tǐ yǔ xiàn dài rén qún hòu yì de yí chuán yǎn huà tú pǔ pǔ xì.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học liên hợp nhân chủng học phân tử và ADN cổ đại thông qua giải mã trình tự độ sâu cao toàn bộ bộ gen, đã hé lộ chuẩn xác phổ hệ đồ phổ tiến hóa di truyền giữa các nhóm người cổ đại hóa thạch người thời viễn cổ và hậu duệ con cháu đời sau quần thể người hiện đại.

16 nét | HÁN VIỆT : HẬU DUỆ

HSK 7-9 (3.0) | Đại từ | #1676

后者
hòuzhě

vế sau, cái sau người sau được nhắc đến

在基础科学探索中，提出颠覆性假说与通过严密实测验证假说同等重要，且后者往往需要付出数十载艰辛努力。
Zài jī chǔ kē xué tàn suǒ zhōng, tí chū diān fù xìng jiǎ shuō yǔ tōng guò yán mì shí cè yàn zhèng jiǎ shuō tóng děng zhòng yào, qiě hòu zhě wǎng wǎng xū yào fù chū shù shí zài jiān xīn nǔ lì.
Trong khám phá khoa học cơ bản, việc đưa ra giả thuyết mang tính cách mạng và việc thông qua kiểm chứng thực nghiệm chặt chẽ đối với giả thuyết có tầm quan trọng như nhau, và cái sau vế sau thường đòi hỏi phải dốc cạn sự nỗ lực gian khổ mấy chục năm trường.

22 nét | HÁN VIỆT : HẬU GIẢ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1677

厚道
hòudao

đôn hậu, chất phác thật thà phúc hậu

战略科学家为人忠厚厚道、虚怀若谷，甘当人梯提携后辈，在广大青年科技工作者中享有极高声誉。
Zhàn lüè kē xué jiā wéi rén zhōng hòu hòu dào, xū huái ruò gǔ, gān dāng rén tī tí xié hòu bèi, zài guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě zhōng xiǎng yǒu jí gāo shēng yù.
Vị nhà khoa học chiến lược làm người chất phác thật thà đôn hậu phúc hậu, khiêm tốn như thung lũng rỗng, tình nguyện làm bậc thang nâng đỡ thế hệ sau, được hưởng uy danh cực kỳ cao đẹp trong đông đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ.

20 nét | HÁN VIỆT : HẬU ĐẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1678

厚度
hòudù

độ dày, bề dày kích thước

我国完全自主研制的新型单原子层二维石墨烯半导体薄膜材料，其物理厚度仅有单个碳原子的纳米极限尺度。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng dān yuán zi céng èr wéi shí mò xī bàn dǎo tǐ báo mó cái liào, qí wù lǐ hòu dù jǐn yǒu dān gè tàn yuán zi de nà mǐ jí xiàn chǐ dù.
Vật liệu màng mỏng bán dẫn graphene 2D đơn lớp nguyên tử kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo có độ dày bề dày vật lý chỉ ở quy mô giới hạn nano của một nguyên tử carbon duy nhất.

22 nét | HÁN VIỆT : HẬU ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1679

候选人
hòuxuǎnrén

ứng cử viên, ứng viên danh sách đề cử

两院院士增选工作严格执行同行高标准无记名评审机制，确保每一位当选院士候选人都具备顶尖学术水平与高尚学风道德。
Liǎng yuàn yuàn shì zēng xuǎn gōng zuò yán gé zhí xíng tóng háng gāo biāo zhǔn wú jì míng píng shěn jī zhì, què bǎo měi yī wèi dāng xuǎn yuàn shì hòu xuǎn rén dōu jù bèi dǐng jiān xué shù shuǐ píng yǔ gāo shàng xué fēng dào dé.
Công tác bầu bổ sung Viện sĩ hai Viện Hàn lâm thực thi nghiêm ngặt cơ chế bỏ phiếu kín thẩm định tiêu chuẩn cao của đồng nghiệp, bảo đảm mỗi một ứng cử viên ứng viên Viện sĩ trúng cử đều sở hữu đạo đức tác phong học thuật cao đẹp và trình độ học thuật đỉnh cao.

31 nét | HÁN VIỆT : HẬU TUYỂN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1680

呼风唤雨
hū fēng huàn yǔ

Gọi gió gọi mưa

老师鼓励大家积极呼风唤雨，勇于探索新的知识。
Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hū fēng huàn yǔ， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Gọi gió gọi mưa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

35 nét | HÁN VIỆT : HÔ PHONG HOÁN VŨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1681

呼唤
hūhuàn

kêu gọi, vẫy gọi thôi thúc hiệu triệu

建设世界科技强国的历史伟业，热切呼唤广大青年科学家挺立时代潮头、勇当原始创新的排头兵与开拓者！
Jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ wěi yè, rè qiè hū huàn guǎng dà qīng nián kē xué jiā tǐng lì shí dài cháo tóu, yǒng dāng yuán shǐ chuàng xīn de pái tóu bīng yǔ kāi tuò zhě!
Đại nghiệp lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới đang tha thiết kêu gọi vẫy gọi thôi thúc đông đảo các nhà khoa học trẻ đứng vững nơi đầu ngọn sóng thời đại, dũng cảm làm người khai phá và đội quân tiên phong của đổi mới sáng tạo nguyên bản!

26 nét | HÁN VIỆT : HÔ HOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1682

呼救
hūjiù

kêu cứu, phát tín hiệu cầu cứu khẩn cấp

我国北斗全球卫星导航系统搭载的国际搜救载荷实现了对遇险船舶和航空器微弱呼救信号的秒级自动捕获定位。
Wǒ guó běi dǒu quán qiú wèi xīng dǎo háng xì tǒng dā zài de guó jì sōu jiù zài hè shí xiàn le duì yù xiǎn chuán bó hé háng kōng qì wēi ruò hū jiù xìn hào de miǎo jí zì dòng bǔ huò dìng wèi.
Tải trọng tìm kiếm cứu nạn quốc tế gắn trên Hệ thống Vệ tinh Dẫn đường Bắc Đẩu Toàn cầu của nước ta đã thực hiện việc định vị bắt trọn tự động cấp độ giây đối với các tín hiệu kêu cứu phát tín hiệu cầu cứu yếu ớt của tàu thuyền và máy bay gặp nạn.

23 nét | HÁN VIỆT : HÔ CỨU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1683

呼声
hūshēng

tiếng nói nguyện vọng, tiếng gọi kêu gọi của công chúng

国家科技管理体制改革积极顺应广大一线科研人员的强烈呼声，全面推行基于信任的科研经费包干制与长周期评价。
Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì gǎi gé jī jí shùn yìng guǎng dà yī xiàn kē yán rén yuán de qiáng liè hū shēng, quán miàn tuī xíng jī yú xìn rèn de kē yán jīng fèi bāo gān zhì yǔ zhǎng zhōu qī píng jià.
Cải cách thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia tích cực thuận theo tiếng nói nguyện vọng tiếng gọi tha thiết của đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học tuyến đầu, đẩy mạnh toàn diện đánh giá chu kỳ dài và chế độ khoán gọn kinh phí nghiên cứu khoa học dựa trên sự tin cậy.

25 nét | HÁN VIỆT : HÔ THANH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1684

呼吁
hū yù

kêu gọi, khẩn thiết kêu gọi, thỉnh cầu

中国在联合国大会上郑重呼吁国际社会秉持人类命运共同体理念，携手应对全球公共卫生与气候危机挑战。
Zhōng guó zài lián hé guó dà huì shàng zhèng zhòng hū yù guó jì shè huì bīng chí rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ lǐ niàn, xié shǒu yìng duì quán qiú gōng gòng wèi shēng yǔ qì hòu wēi jī tiǎo zhàn.
Trung Quốc tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã trịnh trọng tha thiết kêu gọi cộng đồng quốc tế giữ vững quan niệm cộng đồng chung vận mệnh nhân loại, chung tay ứng phó với các thách thức khủng hoảng khí hậu và y tế công cộng toàn cầu.

22 nét | HÁN VIỆT : HÔ HU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1685

呼应
hūyìng

hưởng ứng, phối hợp nhịp nhàng ăn khớp hỗ trợ lẫn nhau

深空探测天基红外望远镜与地面超大口径射电望远镜阵列遥相呼应，构筑起天地一体化宇宙高能物理观测网络。
Shēn kōng tàn cè tiān jī hóng wài wàng yuǎn jìng yǔ dì miàn chāo dà kǒu jìng shè diàn wàng yuǎn jìng zhèn liè yáo xiāng hū yìng, gòu zhù qǐ tiān dì yī tǐ huà yǔ zhòu gāo néng wù lǐ guān cè wǎng luò.
Kính viễn vọng hồng ngoại trên vũ trụ thám trắc không gian sâu cùng cụm kính viễn vọng vô tuyến khẩu kính siêu lớn trên mặt đất từ xa phối hợp nhịp nhàng hưởng ứng tương hỗ, xây dựng nên mạng lưới quan trắc vật lý năng lượng cao vũ trụ tích hợp trời - đất.

27 nét | HÁN VIỆT : HÔ ỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1686

忽高忽低
hū gāo hū dī

cao và thấp

在面对复杂的挑战时，保持忽高忽低的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí hū gāo hū dī de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao và thấp đặc biệt quan trọng.

35 nét | HÁN VIỆT : HỐT CAO HỐT ĐÊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1687

忽悠
hūyou

lừa phỉnh, bịp bợm dỗ ngon dỗ ngọt lừa dối (khẩu ngữ)

搞科学研究必须一切拿无可辩驳的实测数据说话，坚决杜绝任何靠概念包装与学术忽悠骗取科研经费的不良行为。
Gǎo kē xué yán jiū bì xū yī qiè ná wú kě biàn bó de shí cè shù jù shuō huà, jiān jué dù jué rèn hé kào gài niàn bāo zhuāng yǔ xué shù hū yōu piàn qǔ kē yán jīng fèi de bù liáng xíng wéi.
Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc mọi thứ phải dùng số liệu đo đạc thực tế không thể chối cãi để lên tiếng, kiên quyết chấm dứt mọi hành vi xấu lừa phỉnh bịp bợm lừa dối học thuật và đóng gói khái niệm để lừa gạt lấy kinh phí nghiên cứu khoa học.

24 nét | HÁN VIỆT : HỐT DU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1688

胡闹
húnào

làm càn làm loạn, quậy phá vô lý nhảm nhí

在大科学工程超精密制造和总装调试中必须严格执行工艺纪律，决不允许任何违反操作规程的随性胡闹与蛮干盲动。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì zhì zào hé zǒng zhuāng tiáo shì zhōng bì xū yán gé zhí xíng gōng yì jì lǜ, jué bù yǔn xǔ rèn hé wéi fǎn cāo zuò guī chéng de suí xìng hú nào yǔ mán gàn máng dòng.
Trong lắp ráp hiệu chỉnh và chế tạo siêu chính xác của công trình khoa học lớn bắt buộc phải thực thi nghiêm ngặt kỷ luật quy trình, tuyệt đối không cho phép bất kỳ sự manh động làm liều hay quậy phá làm càn làm loạn tùy tiện vi phạm quy trình thao tác nào.

23 nét | HÁN VIỆT : HỒ NÁO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1689

胡说
hú shuō

nói nhảm, nói bừa, ăn nói hồ đồ

学术讨论必须以确凿详实的实验数据和文献佐证为依据，绝不允许毫无根据地主观胡说。
Xué shù tǎo lùn bì xū yǐ què záo xiáng shí de shí yàn shù jù hé wén xiàn zuǒ zhèng wèi yī jù, jué bù yǔn xǔ háo wú gēn jù dì zhǔ guān hú shuō.
Thảo luận học thuật bắt buộc phải dựa trên cơ sở các số liệu thực nghiệm chuẩn xác đầy đủ cùng chứng cứ tài liệu, tuyệt đối không được phép nói bừa theo cảm tính không căn cứ.

20 nét | HÁN VIỆT : HỒ THUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1690

胡思乱想
húsīluànxiǎng

nghĩ vẩn vơ, suy nghĩ lung tung rối bời

青年学者在面对科研暂时挫折时要保持战略定力、脚踏实地，切忌脱离严密物理实验数据进行毫无根据的胡思乱想。
Qīng nián xué zhě zài miàn duì kē yán zàn shí cuò zhé shí yào bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jiāo tà shí dì, qiè jì tuō lí yán mì wù lǐ shí yàn shù jù jìn xíng háo wú gēn jù de hú sī luàn xiǎng.
Các học giả trẻ khi đối mặt với trắc trở nghiên cứu khoa học tạm thời cần giữ vững định lực chiến lược, chân đạp đất bằng thực chất, tránh việc nghĩ vẩn vơ suy nghĩ lung tung vô căn cứ xa rời các số liệu thực nghiệm vật lý chặt chẽ.

35 nét | HÁN VIỆT : HỒ TƯ LOẠN TƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1691

湖泊
hú pō

hồ, hồ đầm nước

青藏高原上那数以千计澄澈碧蓝的天然高山湖泊，犹如散落在雪域高原上的一颗颗纯净璀璨的蓝宝石。
Qīng zàng gāo yuán shàng nà shù yǐ qiān jì chéng chè bì lán de tiān rán gāo shān hú pō, yóu rú sàn luò zài xuě yù gāo yuán shàng de yī kē kē chún jìng cuǐ càn de lán bǎo shí.
Hàng ngàn hồ nước tự nhiên trên núi cao trong vắt xanh biếc trên cao nguyên Thanh Tạng tựa như những viên ngọc bích xanh tinh khôi sáng lấp lánh rải rác trên vùng đất cao nguyên tuyết trắng.

21 nét | HÁN VIỆT : HỒ BẠC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1692

互补
hùbǔ

bổ sung cho nhau, tương hỗ bù đắp bổ khuyết

大科学装置与国家超级计算中心实现了物理实验与算力模拟的深度优势互补，极大加速了重大前沿基础科学发现进程。
Dà kē xué zhuāng zhì yǔ guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn shí xiàn le wù lǐ shí yàn yǔ suàn lì mó nǐ de shēn dù yōu shì hù bǔ, jí dà jiā sù le zhòng dà qián yán jī chǔ kē xué fā xiàn jìn chéng.
Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia và thiết bị khoa học lớn đã thực hiện việc tương hỗ bù đắp bổ sung cho nhau ưu thế sâu sắc giữa mô phỏng sức mạnh tính toán và thực nghiệm vật lý, đẩy nhanh vượt bậc tiến trình phát hiện khoa học cơ bản tiên phong trọng đại.

20 nét | HÁN VIỆT : HỖ BỔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1693

互访
hùfǎng

thăm hỏi lẫn nhau, viếng thăm song phương qua lại

中国国家实验室与多国顶尖科研机构建立了常态化青年学者互访交流机制，持续深化多边前沿科技创新合作。
Zhōng guó guó jiā shí yàn shì yǔ duō guó dǐng jiān kē yán jī gòu jiàn lì le cháng tài huà qīng nián xué zhě hù fǎng jiāo liú jī zhì, chí xù shēn huà duō biān qián yán kē jì chuàng xīn hé zuò.
Phòng thí nghiệm Quốc gia Trung Quốc đã xây dựng cơ chế giao lưu viếng thăm qua lại thăm hỏi lẫn nhau học giả trẻ thường xuyên với các cơ quan nghiên cứu khoa học đỉnh cao nhiều nước, liên tục đi sâu hợp tác đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong đa phương.

24 nét | HÁN VIỆT : HỖ PHỎNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1694

互信
hùxìn

tin cậy lẫn nhau, sự tin cậy tương hỗ

深厚的国际科学学术互信，是推动全球多边大科学计划稳步落地并产出世界级重大科学发现的重要政治基石。
Shēn hòu de guó jì kē xué xué shù hù xìn, shì tuī dòng quán qiú duō biān dà kē xué jì huà wěn bù luò dì bìng chǎn chū shì jiè jí zhòng dà kē xué fā xiàn de zhòng yào zhèng zhì jī shí.
Sự tin cậy tương hỗ tin cậy lẫn nhau học thuật khoa học quốc tế sâu sắc chính là nền tảng chính trị quan trọng thúc đẩy các kế hoạch khoa học lớn đa phương toàn cầu đi vào triển khai vững chắc và sản sinh ra các phát hiện khoa học trọng đại tầm cỡ thế giới.

21 nét | HÁN VIỆT : HỖ TÍN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1695

互助
hùzhù

giúp đỡ lẫn nhau, tương trợ tương ái giúp nhau

大科学工程多学科攻坚团队内部形成了团结友爱、紧密协作、真诚互助的优良科研文化生态。
Dà kē xué gōng chéng duō xué kē gōng jiān tuán duì nèi bù xíng chéng le tuán jié yōu ài, jǐn mì xié zuò, zhēn chéng hù zhù de yōu liáng kē yán wén huà shēng tài.
Bên trong đội ngũ vượt khó đa môn học công trình khoa học lớn đã hình thành nên hệ sinh thái văn hóa nghiên cứu khoa học ưu tú giúp đỡ lẫn nhau tương trợ chân thành, hiệp đồng chặt chẽ, đoàn kết thân ái.

19 nét | HÁN VIỆT : HỖ TRỢ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1696

护理
hùlǐ

chăm sóc điều dưỡng, hộ lý y tế

国家智能康复医疗技术创新中心成功研制出具备力反馈多模态感知能力的智能重症重度失能患者助行护理机器人。
Guó jiā zhì néng kāng fù yī liáo jì shù chuàng xīn zhōng xīn chéng gōng yán zhì chū jù bèi lì fǎn kuì duō mó tài gǎn zhī néng lì de zhì néng zhòng zhèng zhòng dù shī néng huàn zhě zhù xíng hù lǐ jī qì rén.
Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Công nghệ Y tế Phục hồi Thông minh Quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công robot hộ lý chăm sóc điều dưỡng trợ giúp vận động cho bệnh nhân mất khả năng tự chủ nặng chăm sóc đặc biệt sở hữu năng lực cảm nhận đa phương thức phản hồi lực.

20 nét | HÁN VIỆT : HỘ LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1697

糊
hú

cháy khét, hồ dán (hú); mơ hồ mờ mịt (húlihútu)

在航空发动机燃烧室超高温热障涂层试验中，特种纳米陶瓷涂层经受住了数千度燃气灼烧、表面丝毫无糊无损。
Zài háng kōng fā dòng jī rán shāo shì chāo gāo wēn rè zhàng tú céng shì yàn zhōng, tè zhǒng nà mǐ táo cí tú céng jīng shòu zhù le shù qiān dù rán qì zhuó shāo, biǎo miàn sī háo wú hú wú sǔn.
Trong thử nghiệm lớp phủ rào cản nhiệt nhiệt độ siêu cao buồng đốt động cơ hàng không, lớp phủ gốm sứ nano đặc chủng đã chịu đựng được sự thiêu đốt của khí cháy hàng ngàn độ, bề mặt mảy may không bị cháy khét tổn hại hay biến dạng.

13 nét | HÁN VIỆT : HỒ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1698

糊涂
hú tu

bối rối

在面对复杂的挑战时，保持糊涂的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí hú tu de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bối rối đặc biệt quan trọng.

27 nét | HÁN VIỆT : HỒ ĐỒ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1699

花瓣
huā bàn

cánh hoa

微风拂过，落英缤纷，娇艳清香的桃花花瓣如雨般飘落在清澈见底的溪流之上，宛如世外桃源仙境。
Wēi fēng fú guò, luò yīng bīn fēn, jiāo yàn qīng xiāng de táo huā huā bàn rú yǔ bān piāo luò zài qīng chè jiàn dǐ de xī liú zhī shàng, wǎn rú shì wài táo yuán xiān jìng.
Làn gió nhẹ thổi qua, hoa rụng lả tả, những cánh hoa đào tươi thắm thơm ngát rơi lả tả như mưa xuống dòng suối trong veo thấy tận đáy, đẹp tựa chốn bồng lai tiên cảnh đào nguyên nơi trần thế.

25 nét | HÁN VIỆT : HOA BIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1700

花卉
huāhuì

hoa cỏ, cây hoa các loại hoa

农业生物育种国家重点实验室运用精准基因编辑技术培育出花期超长、抗旱耐低温的高原特色名贵花卉新品种。
Nóng yè shēng wù yù zhǒng guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yùn yòng jīng zhǔn jī yīn biān jí jì shù péi yù chū huā qī chāo cháng, kàng hàn nài dī wēn de gāo yuán tè sè míng guì huā huì xīn pǐn zhǒng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia nhân giống sinh học nông nghiệp ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen chuẩn xác đã lai tạo thành công giống mới cây hoa hoa cỏ quý đặc sắc cao nguyên chịu nhiệt độ thấp chịu hạn và có thời kỳ ra hoa siêu dài.

26 nét | HÁN VIỆT : HOA HUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1701

花纹
huāwén

hoa văn, đường vân họa tiết hoa văn

科技文保专家运用超高分辨率数字显微扫描系统，完整提取了出土古代青铜重器表面极其繁复精美的云雷花纹微观拓扑结构。
Kē jì wén bǎo zhuān jiā yùn yòng chāo gāo fēn biàn lǜ shù zì xiǎn wēi sǎo miáo xì tǒng, wán zhěng tí qǔ le chū tǔ gǔ dài qīng tóng zhòng qì biǎo miàn jí qí fán fù jīng měi de yún léi huā wén wēi guān tuò pū jié gòu.
Các chuyên gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ ứng dụng hệ thống quét hiển vi số hóa độ phân giải siêu cao đã trích xuất hoàn chỉnh kết cấu tô-pô vi mô hoa văn họa tiết mây sấm cực kỳ tinh xảo và phức tạp trên bề mặt đại khí đồ đồng cổ khai quật.

23 nét | HÁN VIỆT : HOA VĂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1702

花样
huāyàng

hoa mẫu kiểu dáng; mánh khóe chiêu trò trò bịp (huāyàng)

科学真理只认客观严密的实验验证，搞学术研究决不能搞形式主义花样翻新与虚假炒作。
Kē xué zhēn lǐ zhǐ rèn kè guān yán mì de shí yàn yàn zhèng, gǎo xué shù yán jiū jué bù néng gǎo xíng shì zhǔ yì huā yàng fān xīn yǔ xū jiǎ chǎo zuò.
Chân lý khoa học chỉ công nhận kiểm chứng thực nghiệm chặt chẽ khách quan, làm nghiên cứu học thuật tuyệt đối không được làm trò chiêu trò mách khóe xào xáo đổi mới theo chủ nghĩa hình thức và tung hô xào xáo giả tạo.

22 nét | HÁN VIỆT : HOA DẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1703

哗变
huábiàn

nổi loạn, binh biến làm loạn chống lệnh

国家网络空间防御系统以坚不可摧的量子加密防线，彻底粉碎了境外敌对势力企图诱发关键基础设施系统控制权哗变的阴谋。
Guó jiā wǎng luò kōng jiān fáng yù xì tǒng yǐ jiān bù kě cuī de liàng zǐ jiā mì fáng xiàn, chè dǐ fěn suì le jìng wài dí duì shì lì qǐ tú yòu fā guān jiàn jī chǔ shè shī xì tǒng kòng zhì quán huá biàn de yīn móu.
Hệ thống phòng thủ không gian mạng quốc gia bằng tuyến phòng thủ mã hóa lượng tử kiên cố không thể phá vỡ, đã đập tan hoàn toàn âm mưu của các thế lực thù địch nước ngoài định xúi giục nổi loạn binh biến chống lệnh tước quyền kiểm soát hệ thống cơ sở hạ tầng then chốt.

23 nét | HÁN VIỆT : HOA BIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1704

哗然
huárán

dậy sóng xôn xao, ồ lên kinh ngạc xôn xao bàn tán

针对国外某实验室声称实现常压室温超导而在全球科学界引起的舆论哗然，中国科研团队用最严密的复现实验数据澄清了科学真相。
Zhēn duì guó wài mǒu shí yàn shì shēng chēng shí xiàn cháng yā shì wēn chāo dǎo ér zài quán qiú kē xué jiè yǐn qǐ de yú lùn huá rán, zhōng guó kē yán tuán duì yòng zuì yán mì de fù xiàn shí yàn shù jù chéng qīng le kē xué zhēn xiàng.
Trước sự xôn xao bàn tán dậy sóng xôn xao ồ lên trong dư luận của giới khoa học toàn cầu về việc một phòng thí nghiệm nước ngoài tuyên bố thực hiện thành công siêu dẫn nhiệt độ phòng ở áp suất thường, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc đã dùng các số liệu thực nghiệm tái hiện chặt chẽ nhất để làm sáng tỏ chân tướng khoa học.

23 nét | HÁN VIỆT : HOA NHIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1705

华丽
huá lì

lộng lẫy, tráng lệ, hoa lệ rực rỡ

国家大剧院舞台上，演员们身着手工刺绣的传统戏曲华丽霓裳，以婉转优美的唱腔展现了国粹艺术的无穷魅力。
Guó jiā dà jù yuàn wǔ tái shàng, yǎn yuán men shēn zhuó shǒu gōng cì xiù de chuán tǒng xì qǔ huá lì ní cháng, yǐ wǎn zhuǎn yōu měi de chàng qiāng zhǎn xiàn le guó cuì yì shù de wú qióng mèi lì.
Trên sân khấu Nhà hát Lớn Quốc gia, các diễn viên khoác trên mình những bộ trang phục hí khúc truyền thống thêu tay hoa lệ lộng lẫy, bằng giọng hát ngọt ngào uyển chuyển đã phô diễn sức quyến rũ bất tận của nghệ thuật quốc túy dân tộc.

22 nét | HÁN VIỆT : HOA LY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1706

华侨
huá qiáo

Hoa kiều, kiều bào người Hoa ở nước ngoài

广大海外华侨华人始终心系桑梓、情系祖国，为推动祖国现代化建设与促进中外文明交流互鉴作出了巨大贡献。
Guǎng dà hǎi wài huá qiáo huá rén shǐ zhōng xīn xì sāng zǐ, qíng xì zǔ guó, wèi tuī dòng zǔ guó xiàn dài huà jiàn shè yǔ cù jìn zhōng wài wén míng jiāo liú hù jiàn zuò chū le jù dà gòng xiàn.
Đông đảo kiều bào Hoa kiều ở nước ngoài luôn hướng trọn con tim về quê hương đất mẹ, dành tình cảm sâu nặng cho Tổ quốc, có đóng góp to lớn trong việc thúc đẩy sự nghiệp hiện đại hóa đất nước và tăng cường giao lưu học hỏi văn minh giữa Trung Quốc và thế giới.

21 nét | HÁN VIỆT : HOA KIỀU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1707

华裔
Huá yì

người gốc Hoa

许多杰出的海外华裔科学家心系祖籍国，在推动国际科技合作与文明交流互鉴中发挥了重要桥梁作用。
Xǔ duō jié chū de hǎi wài huá yì kē xué jiā xīn xì zǔ jí guó, zài tuī dòng guó jì kē jì hé zuò yǔ wén míng jiāo liú hù jiàn zhōng fā huī le zhòng yào qiáo liáng zuò yòng.
Nhiều nhà khoa học người gốc Hoa xuất sắc ở nước ngoài luôn hướng lòng về quê cha đất tổ, phát huy vai trò cầu nối quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ và giao lưu văn minh quốc tế.

20 nét | HÁN VIỆT : HOA DUỆ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1708

滑冰
huá bīng

trượt băng

冬奥会花样滑冰冠军在晶莹剔透的冰面上轻盈旋转跳跃，展现了力量与艺术的极致融合。
Dōng ào huì huā yàng huá bīng guàn jūn zài jīng yíng tī tòu de bīng miàn shàng qīng yíng xuán zhuǎn tiào yuè, zhǎn xiàn le lì liàng yǔ yì shù de jí zhì róng hé.
Nhà vô địch trượt băng nghệ thuật Thế vận hội Mùa đông xoay người nhảy múa uyển chuyển trên mặt băng trong suốt như pha lê, phô diễn sự kết hợp đỉnh cao giữa sức mạnh và nghệ thuật.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1709

滑稽
huájī

hài hước lố bịch, nực cười khôi hài

个别外部势力企图通过技术断供来阻滞中国科技强国步伐的狂妄企图，在硬核科技突破事实面前显得无比滑稽可笑。
Gè bié wài bù shì lì qǐ tú tōng guò jì shù duàn gōng lái zǔ zhì zhōng guó kē jì qiáng guó bù fá de kuáng wàng qǐ tú, zài yìng hé kē jì tū pò shì shí miàn qián xiǎn de wú bǐ huá jī kě xiào.
Mưu toan ngông cuồng của một số thế lực bên ngoài định thông qua đứt gãy công nghệ để cản trở bước chân cường quốc khoa học công nghệ của Trung Quốc trước sự thật đột phá khoa học công nghệ cứng rắn trông vô

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1710

滑梯
huátī

cầu trượt, máng trượt (khu vui chơi/cứu hộ khẩn cấp)

国产大型客机成功完成了极限极端工况下特种充气应急疏散滑梯九十秒全员安全撤离严苛适航适航取证试验。
Guó chǎn dà xíng kè jī chéng gōng wán chéng le jí xiàn jí duān gōng kuàng xià tè zhǒng chōng qì yìng jí shū sàn huá tī jiù shí miǎo quán yuán ān quán chè lí yán kē shì háng shì háng qū zhèng shì yàn.
Máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước đã hoàn thành thành công cuộc thử nghiệm chứng nhận đủ điều kiện bay khắt khe về việc sơ tán an toàn toàn bộ hành khách trong 90 giây bằng máng trượt cầu trượt sơ tán khẩn cấp bơm hơi đặc chủng

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1711

滑雪
huáxuě

trượt tuyết, môn thể thao trượt tuyết

我国科研团队成功研发出基于仿生超疏水低摩擦纳米材料的高性能滑雪板涂层，大幅提升了冬奥竞技装备性能。
Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán fā chū jī yú fǎng shēng chāo shū shuǐ dī mó cā nà mǐ cái liào de gāo xìng néng huá xuě bǎn tú céng, dà fú tí shēng le dōng ào jìng jì zhuāng bèi xìng néng.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu phát triển thành công lớp phủ ván trượt tuyết tính năng cao dựa trên vật liệu nano ma sát thấp siêu kỵ nước phỏng sinh học, nâng cao vượt bậc tính năng của trang thiết bị thi đấu Thế vận hội Mùa đông.

22 nét | HÁN VIỆT : HOẠT TUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1712

化肥
huà féi

phân bón hóa học

国家大力推广精准测土配方施肥与绿色有机肥替代工程，全面实现化肥农药施用量减量增效与农田生态改善。
Guó jiā dà lì tuī guǎng jīng zhǔn cè tǔ pèi fāng shī féi yǔ lǜ sè yǒu jī féi tì dài gōng chéng, quán miàn shí xiàn huà féi nóng yào shī yòng liàng jiǎn liàng zēng xiào yǔ nóng tián shēng tài gǎi shàn.
Nhà nước đẩy mạnh nhân rộng dự án bón phân theo đơn kiểm nghiệm đất chính xác và thay thế bằng phân bón hữu cơ sinh học xanh, thực hiện toàn diện việc giảm lượng tăng hiệu quả trong sử dụng phân bón hóa học thuốc bảo vệ thực vật và cải thiện môi trường sinh thái đồng ruộng.

25 nét | HÁN VIỆT : HOA PHÌ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1713

化身
huàshēn

hóa thân, hiện thân hiện thân sống động biểu tượng

两院院士以严谨治学、科技报国的卓越一生，成为了新时代弘扬科学家精神与爱国主义情怀的光辉化身。
Liǎng yuàn yuàn shì yǐ yán jǐn zhì xué, kē jì bào guó de zhuó yuè yī shēng, chéng wéi le xīn shí dài hóng yáng kē xué jiā jīng shén yǔ ài guó zhǔ yì qíng huái de guāng huī huà shēn.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm bằng cuộc đời trác việt phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, làm học vấn nghiêm cẩn, đã trở thành hiện thân hóa thân sáng ngời của lòng yêu nước nồng nàn và việc hoằng dương phát huy tinh thần nhà khoa học thời đại mới.

24 nét | HÁN VIỆT : HOA THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1714

化纤
huàxiān

sợi tổng hợp hóa học, sợi hóa học hóa sợi

我国高性能战略材料攻关团队突破了特种超高强高模量聚酰亚胺航空级化纤工业化连续稳定制备工艺瓶颈。
Wǒ guó gāo xìng néng zhàn lüè cái liào gōng guān tuán duì tū pò le tè zhǒng chāo gāo qiáng gāo mó liàng jù xiān yà àn háng kōng jí huà xiān gōng yè huà lián xù wěn dìng zhì bèi gōng yì píng jīng.
Đội ngũ vượt khó vật liệu chiến lược tính năng cao nước ta đã đột phá nút thắt quy trình điều chế ổn định liên tục công nghiệp hóa sợi hóa học sợi tổng hợp hóa học cấp hàng không vũ trụ polyimide mô-đun cao cường độ siêu cao đặc chủng.

23 nét | HÁN VIỆT : HOA TIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1715

化险为夷
huàxiǎnwéiyí

chuyển nguy thành an, biến nguy nan thành bình yên

在深空探测着陆关键变轨遭遇突发通信中断的至暗时刻，自主应急备份飞控算法毫秒级启动，成功化险为夷。
Zài shēn kōng tàn cè zhuó lù guān jiàn biàn guǐ zāo yù tū fā tōng xìn zhōng duàn de zhì àn shí kè, zì zhǔ yìng jí bèi fèn fēi kòng suàn fǎ háo miǎo jí qǐ dòng, chéng gōng huà xiǎn wéi yí.
Vào thời khắc đen tối nhất khi đổi quỹ đạo then chốt hạ cánh thám trắc không gian sâu gặp phải sự cố gián đoạn truyền thông đột xuất, thuật toán điều khiển bay dự phòng khẩn cấp tự chủ đã khởi động ở cấp độ mili-giây, chuyển nguy thành an biến nguy nan thành bình yên thành công.

35 nét | HÁN VIỆT : HOA HIỂM VI DI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1716

化验
huà yàn

xét nghiệm hóa nghiệm y tế, phân tích hóa học

现代化临床检验中心配备了全自动高通量生化免疫分析流水线，能够在半小时内快速完成多项关键血液生化指标化验。
Xiàn dài huà lín chuáng jiǎn yàn zhōng xīn pèi bèi le quán zì dòng gāo tōng liàng shēng huà miǎn yì fēn xī liú shuǐ xiàn, néng gòu zài bàn xiǎo shí nèi kuài sù wán chéng duō xiàng guān jiàn xuè yè shēng huà zhǐ biāo huà yàn.
Trung tâm kiểm nghiệm lâm sàng hiện đại trang bị dây chuyền phân tích miễn dịch sinh hóa thông lượng cao tự động hóa hoàn toàn, có thể nhanh chóng hoàn thành xét nghiệm hóa nghiệm nhiều chỉ số sinh hóa máu then chốt chỉ trong vòng nửa giờ.

20 nét | HÁN VIỆT : HOA NGHIỆM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1717

化妆
huà zhuāng

trang điểm, hóa trang; mỹ phẩm trang điểm

传统京剧后台，演员们精益求精地勾勒脸谱线条，每一个精致的油彩化妆细节都严格遵循着百年流传的行当规矩。
Chuán tǒng jīng jù hòu tái, yǎn yuán men jīng yì qiú jīng dì gōu lè lián pǔ xiàn tiáo, měi yí gè jīng zhì de yóu cǎi huà zhuāng xì jié dōu yán gé zūn xún zhe bǎi nián liú chuán de háng dāng guī jǔ.
Phía sau hậu trường sân khấu kinh kịch truyền thống, các diễn viên tinh ích cẩu tinh tô vẽ từng đường nét mặt nạ tuồng, từng chi tiết trang điểm hóa trang bằng sơn dầu tinh xảo đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy củ chuẩn mực của từng môn phái lưu truyền trăm năm.

20 nét | HÁN VIỆT : HOA TRANG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1718

划时代
huàshídài

mang tính thời đại, mở ra kỷ nguyên mới có tính bước ngoặt

我国科学家在国际上首次人工全合成结晶牛胰岛素与二氧化碳合成淀粉，创造了世界生命科学史上划时代的伟大里程碑。
Wǒ guó kē xué jiā zài guó jì shàng shǒu cì rén gōng quán hé chéng jié jīng niú yí dǎo sù yǔ èr yǎng huà tàn hé chéng diàn fěn, chuàng zào le shì jiè shēng mìng kē xué shǐ shàng huà shí dài de wěi dà lǐ chéng bēi.
Các nhà khoa học nước ta lần đầu tiên trên thế giới tổng hợp toàn diện nhân tạo insulin tinh thể bò và tổng hợp tinh bột từ carbon dioxide (CO_2), kiến tạo nên cột mốc vĩ đại mang tính thời đại mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử khoa học sự sống thế giới.

33 nét | HÁN VIỆT : HOA THỜI ĐẠI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1719

划算
huásuàn

kinh tế có lợi, đáng tiền tính ra có lợi

采用完全自主研发的新型低能耗光子芯片构建绿色数据中心，在全生命周期运营电费与算力产出比上极其经济划算。
Cǎi yòng wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng dī néng hào guāng zi xīn piàn gòu jiàn lǜ sè shù jù zhōng xīn, zài quán shēng mìng zhōu qī yùn yíng diàn fèi yǔ suàn lì chǎn chū bǐ shàng jí qí jīng jì huá suàn.
Việc áp dụng chip quang tử tiêu hao năng lượng thấp kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển để xây dựng trung tâm dữ liệu xanh, xét trên tỷ số sản lượng sức mạnh tính toán và tiền điện vận hành toàn bộ vòng đời là vô cùng kinh tế có lợi đáng tiền.

25 nét | HÁN VIỆT : HOA TOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1720

画册
huàcè

tập tranh ảnh, tập kỷ yếu ảnh kỷ niệm

在国家大科学工程落成典礼上，主办方正式发布了详实记录老中青三代建设者攻坚历程的大型纪实摄影画册《筑梦星空》。
Zài guó jiā dà kē xué gōng chéng luò chéng diǎn lǐ shàng, zhǔ bàn fāng zhèng shì fā bù le xiáng shí jì lù lǎo zhōng qīng sān dài jiàn shè zhě gōng jiān lì chéng de dà xíng jì shí shè yǐng huà cè 《zhù mèng xīng kōng》.
Tại Lễ khánh thành Công trình Khoa học Lớn Quốc gia, ban tổ chức đã chính thức phát hành tập tranh ảnh tập kỷ yếu ảnh ký sự quy mô lớn 'Xây Giấc Mơ Trời Sao' ghi chép tường tận tiến trình vượt khó của ba thế hệ những người xây dựng già - trung - trẻ.

20 nét | HÁN VIỆT : HOẠ SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1721

画龙点睛
huàlóngdiǎnjīng

vẽ rồng điểm mắt, nét bút thần kỳ làm nổi bật toàn thể

两院院士在评审青年科学家理论推导手稿时，提纲挈领指出关键物理守恒条件，起到了画龙点睛的绝妙指导作用。
Liǎng yuàn yuàn shì zài píng shěn qīng nián kē xué jiā lǐ lùn tuī dǎo shǒu gǎo shí, tí gāng qiè lǐng zhǐ chū guān jiàn wù lǐ shǒu héng tiáo jiàn, qǐ dào le huà lóng diǎn jīng de jué miào zhǐ dǎo zuò yòng.
Viện sĩ hai Viện Hàn lâm khi thẩm định bản thảo suy diễn lý luận của nhà khoa học trẻ, đã chỉ rõ điều kiện bảo toàn vật lý then chốt nắm chắc cương lĩnh, phát huy tác dụng chỉ đạo tuyệt diệu nét bút thần kỳ làm nổi bật vẽ rồng điểm mắt.

35 nét | HÁN VIỆT : HOẠ LONG ĐIỂM TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1722

画蛇添足
huà shé tiān zú

vẽ rắn thêm chân, thừa thãi vô ích

经典极简主义工业设计强调“少即是多”，过多的多余装饰往往会适得其反、变成画蛇添足的累赘。
Jīng diǎn jí jiǎn zhǔ yì gōng yè shè jì qiáng diào "shǎo jí shì duō", guò duō de duō yú zhuāng shì wǎng wǎng huì shì dé qí fǎn, biàn chéng huà shé tiān zú de léi zhuì.
Thiết kế công nghiệp tối giản kinh điển nhấn mạnh 'Ít tức là nhiều', việc trang trí quá nhiều chi tiết thừa thãi thông thường sẽ phản tác dụng, biến thành gánh nặng thừa thãi tựa như vẽ rắn thêm chân.

35 nét | HÁN VIỆT : HOẠ XÀ THIÊM TÚ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1723

画展
huàzhǎn

triển lãm tranh, triển lãm hội họa mỹ thuật

在中国科技馆举办的“科学与艺术交融”主题专题画展上，多幅展现深空引力波与量子纠缠奇观的抽象油画作品广受好评。
Zài zhōng guó kē jì guǎn jǔ bàn de "kē xué yǔ yì shù jiāo róng" zhǔ tí zhuān tí huà zhǎn shàng, duō fú zhǎn xiàn shēn kōng yǐn lì bō yǔ liàng zǐ jiū chán qí guān de chōu xiàng yóu huà zuò pǐn guǎng shòu hǎo píng.
Tại triển lãm tranh triển lãm hội họa chuyên đề chủ đề 'Khoa học và Nghệ thuật Hòa quyện' tổ chức ở Bảo tàng Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, nhiều tác phẩm tranh sơn dầu trừu tượng phô diễn kỳ quan vướng víu lượng tử và sóng hấp dẫn không gian sâu đã nhận được sự đánh giá rất cao.

23 nét | HÁN VIỆT : HOẠ TRIỂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1724

话费
huàfèi

cước điện thoại, cước viễn thông liên lạc

国家卫星互联网天地一体化融合通信普及极大降低了远洋科考船员与极地站队员的卫星专用话费与宽带通信资费成本。
Guó jiā wèi xīng hù lián wǎng tiān dì yī tǐ huà róng hé tōng xìn pǔ jí jí dà jiàng dī le yuǎn yáng kē kǎo chuán yuán yǔ jí dì zhàn duì yuán de wèi xīng zhuān yòng huà fèi yǔ kuān dài tōng xìn zī fèi chéng běn.
Việc phổ cập truyền thông tích hợp trời - đất Internet vệ tinh quốc gia đã giảm thiểu tối đa chi phí cước viễn thông cước điện thoại chuyên dụng vệ tinh và băng thông cho các đội viên trạm vùng cực và thuyền viên khảo sát khoa học viễn dương.

21 nét | HÁN VIỆT : THOẠI PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1725

话筒
huà tǒng

mic-rô, micro, ống nghe điện thoại

站在联合国大会崇高讲台上的青年代表手握话筒，自信从容地向全世界发出中国青年共建绿色家园的时代倡议。
Zhàn zài lián hé guó dà huì chóng gāo jiǎng tái shàng de qīng nián dài biǎo shǒu wò huà tǒng, zì xìn cóng róng dì xiàng quán shì jiè fā chū zhōng guó qīng nián gòng jiàn lǜ sè jiā yuán de shí dài chàng yì.
Đứng trên bục phát biểu cao quý của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, người đại diện thanh niên tay cầm micro, tự tin và ung dung phát đi sáng kiến thời đại của tuổi trẻ Trung Quốc về việc cùng nhau xây dựng mái nhà xanh tới toàn thế giới.

16 nét | HÁN VIỆT : THOẠI ĐỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1726

话语
huàyǔ

lời nói câu từ; quyền phát ngôn tiếng nói quốc tế (huàyǔquán)

我国科学家在国际前沿物理大科学计划中牵头制定核心技术标准，显著提升了中国在国际科技治理中的话语权与影响力。
Wǒ guó kē xué jiā zài guó jì qián yán wù lǐ dà kē xué jì huà zhōng qiān tóu zhì dìng hé xīn jì shù biāo zhǔn, xiǎn zhù tí shēng le zhōng guó zài guó jì kē jì zhì lǐ zhōng de huà yǔ quán yǔ yǐng xiǎng lì.
Các nhà khoa học nước ta trong kế hoạch khoa học lớn vật lý tiên phong quốc tế đã đi đầu chế định các tiêu chuẩn công nghệ cốt lõi, nâng cao rõ rệt sức ảnh hưởng và tiếng nói quyền phát ngôn lời nói của Trung Quốc trong quản trị khoa học công nghệ quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : THOẠI NGỮ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1727

怀抱
huáibào

ôm ấp trong lòng, vòng tay ôm; hoài bão khát vọng

广大青年科研人员怀抱科技报国的崇高梦想，把青春热血倾注在建设世界科技强国的壮丽事业之中。
Guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán huái bào kē jì bào guó de chóng gāo mèng xiǎng, bǎ qīng chūn rè xuè qīng zhù zài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de zhuàng lì shì yè zhī zhōng.
Đông đảo các cán bộ nghiên cứu khoa học thanh niên ôm ấp trong lòng ôm ấp hoài bão giấc mơ cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, dốc trọn bầu nhiệt huyết thanh xuân vào sự nghiệp tráng lệ xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

24 nét | HÁN VIỆT : HOÀI BÃO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1728

怀旧
huáijiù

hoài cổ, nhớ về quá khứ hoài niệm dĩ vãng

在老科学家座谈会上，功勋院士们没有过多沉浸在怀旧情怀中，而是高瞻远瞩地热烈探讨国家未来前沿科技布局。
Zài lǎo kē xué jiā zuò tán huì shàng, gōng xūn yuàn shì men méi yǒu guò duō chén jìn zài huái jiù qíng huái zhōng, ér shì gāo zhān yuǎn zhǔ dì rè liè tàn tǎo guó jiā wèi lái qián yán kē jì bù jú.
Tại buổi tọa đàm các nhà khoa học lão thành, các Viện sĩ có công lao không hề đắm chìm quá nhiều trong tâm lý hoài niệm dĩ vãng hoài cổ, mà nhìn xa trông rộng nhiệt liệt bàn thảo về bố cục khoa học công nghệ tiên phong tương lai của đất nước.

27 nét | HÁN VIỆT : HOÀI CỰU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1729

怀里
huáilǐ

trong lòng, trong vòng tay ôm ấp

年轻的航天测控总设计师深情凝视着怀里熟睡的婴儿，随后毅然转身出发奔赴大西北戈壁发射场执行重大保驾任务。
Nián qīng de háng tiān cè kòng zǒng shè jì shī shēn qíng níng shì zhe huái lǐ shú shuì de yīng ér, suí hòu yì rán zhuǎn shēn chū fā bēn fù dà xī běi gē bì fā shè chǎng zhí xíng zhòng dà bǎo jià rèn wù.
Vị Tổng Nhà thiết kế trắc nghiệm điều khiển hàng không vũ trụ trẻ tuổi âu yếm ngắm nhìn đứa bé sơ sinh đang ngủ say trong lòng trong vòng tay mình, sau đó kiên quyết quay người lên đường lao về bãi phóng sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn trọng đại.

22 nét | HÁN VIỆT : HOÀI LÝ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1730

怀孕
huái yùn

mang thai, có thai, thai nghén

国家完善生育支持政策体系，建立健全了涵盖孕前优生优育检查、孕期产检与产后母婴保健的全周期健康保障网。
Guó jiā wán shàn shēng yù zhī chí zhèng cè tǐ xì, jiàn lì jiàn quán le hán gài yùn qián yōu shēng yōu yù jiǎn chá, yùn qī chǎn jiǎn yǔ chǎn hòu mǔ yīng bǎo jiàn de quán zhōu qī jiàn kāng bǎo zhàng wǎng.
Nhà nước hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ sinh đẻ, xây dựng và hoàn thiện mạng lưới bảo đảm sức khỏe toàn chu kỳ bao gồm khám tiền thai sản nâng cao chất lượng giống nòi, khám thai định kỳ trong thai kỳ và chăm sóc sức khỏe mẹ và bé sau sinh.

23 nét | HÁN VIỆT : HOÀI DỰNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1731

怀着
huáizhe

mang trong lòng, ấp ủ mang theo tấm lòng

全体参研参试人员怀着对党和人民的无限忠诚，克服重重艰难险阻，圆满完成了大科学装置各项既定物理调试攻坚任务。
Quán tǐ cān yán cān shì rén yuán huái zhe duì dǎng hé rén mín de wú xiàn zhōng chéng, kè fú chóng chóng jiān nán xiǎn zǔ, yuán mǎn wán chéng le dà kē xué zhuāng zhì gè xiàng jì dìng wù lǐ tiáo shì gōng jiān rèn wù.
Toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu và thử nghiệm mang theo tấm lòng mang trong lòng ấp ủ lòng trung thành vô hạn đối với Đảng và nhân dân, vượt qua muôn trùng hiểm nguy gian nan, hoàn thành mỹ mãn mọi nhiệm vụ vượt khó hiệu chỉnh vật lý định sẵn của thiết bị khoa học lớn.

23 nét | HÁN VIỆT : HOÀI TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1732

槐树
huáishù

cây hòe, cây hoa hòe cổ thụ

在中国科学院中关村老园区苍劲挺拔的古老槐树下，曾走出过多位奠定新中国两弹一星国防大科学基石的科学泰斗。
Zài zhōng guó kē xué yuàn zhōng guān cūn lǎo yuán qū cāng jìng tǐng bá de gǔ lǎo huái shù xià, céng zǒu chū guò duō wèi diàn dìng xīn zhōng guó liǎng dàn yī xīng guó fáng dà kē xué jī shí de kē xué tài dǒu.
Dưới bóng mát của cây hoa hòe cây hòe cổ thụ uy nghiêm vững chãi trong khuôn viên cũ Trung Quan Thôn thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc, từng bước ra nhiều vị cây đại thụ khoa học đặt nền móng cho đại khoa học quốc phòng Hai bom một vệ tinh của Nước Trung Hoa mới.

27 nét | HÁN VIỆT : HOÈ THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1733

坏事
huàishì

việc xấu, điều tồi tệ sự cố hỏng việc; làm hỏng chuyện

实验中的偶发故障如果不加排查往往会坏事，但只要深入探究其物理机理，暂时的失败往往能转化为重大原创发现的契机。
Shí yàn zhōng de ǒu fā gù zhàng rú guǒ bù jiā pái chá wǎng wǎng huì huài shì, dàn zhǐ yào shēn rù tàn jiū qí wù lǐ jī lǐ, zàn shí de shī bài wǎng wǎng néng zhuǎn huà wèi zhòng dà yuán chuàng fā xiàn de qì jī.
Sự cố ngẫu phát trong thực nghiệm nếu không rà soát kiểm tra thường sẽ làm hỏng chuyện biến thành việc xấu, nhưng chỉ cần đi sâu nghiên cứu cơ chế vật lý của nó thì thất bại tạm thời thường có thể chuyển hóa thành thời cơ của phát hiện nguyên bản trọng đại.

19 nét | HÁN VIỆT : HOẠI SỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1734

环球
huán qiú

Toàn cầu

在面对复杂的挑战时，保持环球的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí huán qiú de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Toàn cầu đặc biệt quan trọng.

26 nét | HÁN VIỆT : HOÀN CẦU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1735

环绕
huánrào

quay quanh, bao quanh vòng quanh quỹ đạo

我国火星探测器经过高精度深空变轨机动，成功进入近火环绕轨道开展全球高分辨率遥感成像探测。
Wǒ guó huǒ xīng tàn cè qì jīng guò gāo jīng dù shēn kōng biàn guǐ jī dòng, chéng gōng jìn rù jìn huǒ huán rào guǐ dào kāi zhǎn quán qiú gāo fēn biàn lǜ yáo gǎn chéng xiàng tàn cè.
Tàu thám trắc Sao Hỏa của nước ta trải qua cơ động đổi quỹ đạo không gian sâu độ chính xác cao đã tiến vào thành công quỹ đạo quay quanh bao quanh tiếp cận Sao Hỏa để triển khai thám trắc chụp ảnh viễn thám độ phân giải cao toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : HOÀN NHIỄU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1736

缓
huǎn

chậm rãi hoãn lại, từ từ chậm chạp; hòa hoãn (huǎnhé)

面对复杂严峻的国际科技地缘博弈，我们必须保持战略定力，既不能盲动冒进，也不能迟缓退缩，稳步推进高水平科技自立自强。
Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì kē jì dì yuán bó yì, wǒ men bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jì bù néng máng dòng mào jìn, yě bù néng chí huǎn tuì suō, wěn bù tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.
Đứng trước cuộc đọ sức địa chính trị khoa học công nghệ quốc tế gay gắt phức tạp, chúng ta bắt buộc phải giữ vững định lực chiến lược, vừa không được manh động mạo hiểm, lại cũng không được chậm chạp từ từ chần chừ thụt lùi, thúc đẩy vững chắc tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

10 nét | HÁN VIỆT : HOÃN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1737

缓和
huǎn hé

dễ dàng

在面对复杂的挑战时，保持缓和的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí huǎn hé de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dễ dàng đặc biệt quan trọng.

18 nét | HÁN VIỆT : HOÃN HOÀ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1738

缓缓
huǎnhuǎn

từ từ chậm rãi, chầm chậm khoan thai

在巨型液压提升系统的精准控制下，大科学装置重达千吨的超导真空主环缓缓升起并精准就位。
Zài jù xíng yè yā tí shēng xì tǒng de jīng zhǔn kòng zhì xià, dà kē xué zhuāng zhì zhòng dá qiān dūn de chāo dǎo zhēn kōng zhǔ huán huǎn huǎn shēng qǐ bìng jīng zhǔn jiù wèi.
Dưới sự điều khiển chuẩn xác của hệ thống nâng thủy lực khổng lồ, vòng chính chân không siêu dẫn nặng hàng ngàn tấn của thiết bị khoa học lớn chầm chậm từ từ chậm rãi nâng lên và vào vị trí chuẩn xác.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÃN HOÃN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1739

缓慢
huǎnmàn

chậm chạp, trì trệ chậm rãi

科研团队通过创新分子催化机理，将过去反应极其缓慢的化学动力学生物合成周期缩短了数千倍。
Kē yán tuán duì tōng guò chuàng xīn fèn zǐ cuī huà jī lǐ, jiāng guò qù fǎn yìng jí qí huǎn màn de huà xué dòng lì xué shēng wù hé chéng zhōu qī suō duǎn le shù qiān bèi.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học thông qua cơ chế xúc tác phân tử đổi mới sáng tạo, đã rút ngắn chu kỳ tổng hợp sinh học động lực học hóa học vốn phản ứng cực kỳ chậm chạp trì trệ trong quá khứ xuống hàng ngàn lần.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÃN MẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1740

幻觉
huànjué

ảo giác, hoang tưởng ảo giác

在大模型评测中，科学家开发出多维度事实一致性对齐算法，显著降低了人工智能前沿生成的逻辑“幻觉”现象。
Zài dà mó xíng píng cè zhōng, kē xué jiā kāi fā chū duō wéi dù shì shí yí zhì xìng duì qí suàn fǎ, xiǎn zhù jiàng dī le rén gōng zhì néng qián yán shēng chéng de luó jí "huàn jué" xiàn xiàng.
Trong đánh giá mô hình lớn, các nhà khoa học đã phát triển thuật toán căn chỉnh tính nhất quán thực tế đa chiều, giảm thiểu rõ rệt hiện tượng 'ảo giác' ảo giác logic do trí tuệ nhân tạo tiên phong sinh ra.

18 nét | HÁN VIỆT : HUYỄN GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1741

幻影
huànyǐng

ảo ảnh, bóng ma ảo ảnh hư ảo

超精密微观量子测试必须依靠严密的探测器粒子计数统计，绝不能把环境偶发光电噪声误判为物理信号的幻影。
Chāo jīng mì wēi guān liàng zǐ cè shì bì xū yī kào yán mì de tàn cè qì lì zi jì shù tǒng jì, jué bù néng bǎ huán jìng ǒu fā guāng diàn zào shēng wù pàn wèi wù lǐ xìn hào de huàn yǐng.
Thử nghiệm lượng tử vi mô siêu chính xác bắt buộc phải dựa vào thống kê đếm hạt máy dò nghiêm cẩn, tuyệt đối không được nhận định sai tiếng ồn quang điện ngẫu phát của môi trường thành ảo ảnh bóng ma ảo ảnh của tín hiệu vật lý.

21 nét | HÁN VIỆT : HUYỄN ẢNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1742

唤起
huànqǐ

khơi gợi, đánh thức khơi dậy khát vọng

深空探测与人造太阳等国之重器的壮丽科普展示，极大地唤起了广大青少年探索浩瀚宇宙与攀登科学高峰的崇高志向。
Shēn kōng tàn cè yǔ rén zào tài yáng děng guó zhī zhòng qì de zhuàng lì kē pǔ zhǎn shì, jí dà dì huàn qǐ le guǎng dà qīng shào nián tàn suǒ hào hàn yǔ zhòu yǔ pān dēng kē xué gāo fēng de chóng gāo zhì xiàng.
Các cuộc triển lãm phổ biến khoa học tráng lệ về các đại khí quốc gia như Mặt trời nhân tạo và thám trắc không gian sâu đã khơi dậy đánh thức khơi gợi mạnh mẽ chí lớn cao đẹp khám phá vũ trụ bao la và trèo lên đỉnh cao khoa học của đông đảo thanh thiếu niên.

25 nét | HÁN VIỆT : HOÁN KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1743

换成
huànchéng

đổi thành, thay thế thành đổi sang

经过专家组集体严密论证，大科学装置高频加速腔内壁材料全面换成超纯超导铌材，大幅提升了加速电场强度。
Jīng guò zhuān jiā zǔ jí tǐ yán mì lùn zhèng, dà kē xué zhuāng zhì gāo pín jiā sù qiāng nèi bì cái liào quán miàn huàn chéng chāo chún chāo dǎo ní cái, dà fú tí shēng le jiā sù diàn chǎng qiáng dù.
Trải qua luận chứng chặt chẽ tập thể của Hội đồng Chuyên gia, vật liệu thành trong buồng gia tốc cao tần của thiết bị khoa học lớn đã đổi sang đổi thành thay thế thành vật liệu niobi siêu dẫn siêu tinh khiết toàn diện, nâng cao vượt bậc cường độ điện trường gia tốc.

22 nét | HÁN VIỆT : HOÁN THÀNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1744

换取
huàn qǔ

để đổi lấy

老师鼓励大家积极换取，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí huàn qǔ， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực để đổi lấy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét | HÁN VIỆT : HOÁN THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1745

换位
huànwèi

đổi vị trí, đặt mình vào vị trí người khác (huànwèi sīkǎo)

在跨学科重大科研协作中，科学家要善于换位思考，站在交叉学科同行的理论视角理解问题并寻求突破契机。
Zài kuà xué kē zhòng dà kē yán xié zuò zhōng, kē xué jiā yào shàn yú huàn wèi sī kǎo, zhàn zài jiāo chā xué kē tóng háng de lǐ lùn shì jiǎo lǐ jiě wèn tí bìng xún qiú tū pò qì jī.
Trong hiệp đồng nghiên cứu khoa học trọng đại liên môn học, các nhà khoa học cần giỏi đổi vị trí đặt mình vào vị trí người khác (hoán vị tư khảo), đứng ở góc nhìn lý luận của đồng nghiệp môn học liên ngành để thấu hiểu vấn đề và tìm kiếm thời cơ đột phá.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÁN VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1746

换言之
huànyánzhī

nói cách khác, đổi cách nói khác là

基础研究是整个科学技术体系的源头，换言之，没有扎实的原创新理论就决不可能孕育出真正自主可控的高科技产业。
Jī chǔ yán jiū shì zhěng gè kē xué jì shù tǐ xì de yuán tóu, huàn yán zhī, méi yǒu zhā shí de yuán chuàng xīn lǐ lùn jiù jué bù kě néng yùn yù chū zhēn zhèng zì zhǔ kě kòng de gāo kē jì chǎn yè.
Nghiên cứu cơ bản là cội nguồn của toàn bộ hệ thống khoa học kỹ thuật, nói cách khác đổi cách nói khác là nếu không có lý thuyết mới nguyên bản vững chắc thì tuyệt đối không thể nuôi dưỡng ươm mầm ngành công nghiệp công nghệ cao tự chủ kiểm soát thực sự.

35 nét | HÁN VIỆT : HOÁN NGÔN CHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1747

患
huàn

mắc bệnh; mối lo hiểm họa tai họa (hòuhuàn)

国家大科学工程建立了全生命周期风险隐患智能排查机制，坚决把任何技术故障隐患消灭在萌芽状态之中。
Guó jiā dà kē xué gōng chéng jiàn lì le quán shēng mìng zhōu qī fēng xiǎn yǐn huàn zhì néng pái chá jī zhì, jiān jué bǎ rèn hé jì shù gù zhàng yǐn huàn xiāo miè zài méng yá zhuàng tài zhī zhōng.
Công trình khoa học lớn quốc gia đã xây dựng cơ chế rà soát thông minh hiểm họa mối lo nguy cơ rủi ro toàn bộ vòng đời, kiên quyết tiêu diệt bất kỳ hiểm họa mối lo sự cố công nghệ nào ngay từ trong trạng thái manh nha.

9 nét | HÁN VIỆT : HOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1748

患病
huànbìng

mắc bệnh, ngã bệnh bị nhiễm bệnh

国家脑科学前沿研究中心利用多模态神经成像技术，实现了在临床症状出现数年前对早期阿尔茨海默患病风险的精准预测。
Guó jiā nǎo kē xué qián yán yán jiū zhōng xīn lì yòng duō mó tài shén jīng chéng xiàng jì shù, shí xiàn le zài lín chuáng zhèng zhuàng chū xiàn shù nián qián duì zǎo qī ā ěr cí hǎi mò huàn bìng fēng xiǎn de jīng zhǔn yù cè.
Trung tâm Nghiên cứu Tiên phong Khoa học Não bộ Quốc gia ứng dụng công nghệ chụp ảnh thần kinh đa phương thức, đã thực hiện dự đoán chuẩn xác nguy cơ ngã bệnh mắc bệnh Alzheimer giai đoạn sớm từ nhiều năm trước khi xuất hiện các triệu chứng lâm sàng.

17 nét | HÁN VIỆT : HOẠN BỆNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1749

患有
huànyǒu

mắc phải, mắc chứng bệnh bị bệnh

我国完全自主研发的新型免疫靶向药物为数万名患有难治性罕见血液肿瘤的重症患者带来了完全缓解与长期生存希望。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng miǎn yì bǎ xiàng yào wù wéi shù wàn míng huàn yǒu nán zhì xìng hǎn jiàn xuè yè zhǒng liú de zhòng zhèng huàn zhě dài lái le wán quán huǎn jiě yǔ cháng qī shēng cún xī wàng.
Thuốc trúng đích miễn dịch kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã mang lại niềm hy vọng thuyên giảm hoàn toàn và sống sót lâu dài cho hàng vạn bệnh nhân nặng mắc phải mắc chứng bệnh khối u huyết học hiếm gặp khó trị.

18 nét | HÁN VIỆT : HOẠN HỮU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1750

焕发
huànfā

tỏa sáng, bừng lên khơi dậy sức sống, phơi phới rạng ngời

国家实验室深化体制机制改革，彻底破除“五唯”顽瘴痼疾，让广大青年科研人员焕发出前所未有的原始创新活力。
Guó jiā shí yàn shì shēn huà tǐ zhì jī zhì gǎi gé, chè dǐ pò chú "wǔ wéi" wán zhàng gù jí, ràng guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán huàn fā chū qián suǒ wèi yǒu de yuán shǐ chuàng xīn huó lì.
Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách thể chế cơ chế, xóa bỏ triệt để căn bệnh thâm căn cố đế 'ngũ duy' (duy bài báo, duy bằng cấp...), giúp đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học thanh niên tỏa sáng khơi dậy bừng lên sức sống đổi mới sáng tạo nguyên bản chưa từng có.

22 nét | HÁN VIỆT : HOÁN PHÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1751

欢呼
huānhū

reo hò, hoan hô hò reo vui mừng

当深空着陆器成功传回火星表面第一组高保真遥测数据时，北京航天飞行控制大厅全体人员起立热烈欢呼！
Dāng shēn kōng zhuó lù qì chéng gōng chuán huí huǒ xīng biǎo miàn dì yī zǔ gāo bǎo zhēn yáo cè shù jù shí, běi jīng háng tiān fēi xíng kòng zhì dà tīng quán tǐ rén yuán qǐ lì rè liè huān hū!
Khi tàu hạ cánh không gian sâu gửi về thành công tổ dữ liệu đo từ xa độ trung thực cao đầu tiên trên bề mặt Sao Hỏa, toàn thể cán bộ trong đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh đã đồng loạt đứng dậy hò reo hoan hô reo hò nhiệt liệt!

21 nét | HÁN VIỆT : HOAN HÔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1752

欢聚
huānjù

vui vẻ sum họp, hội tụ sum vầy nồng ấm

在世界青年科学家峰会闭幕招待会上，来自数十个国家的中外学者欢聚一堂，共同举杯祝愿全球开放科学合作繁荣发展。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì bì mù zhāo dài huì shàng, lái zì shù shí gè guó jiā de zhōng wài xué zhě huān jù yī táng, gòng tóng jù bēi zhù yuàn quán qiú kāi fàng kē xué hé zuò fán róng fā zhǎn.
Tại tiệc chiêu đãi bế mạc Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, các học giả trong và ngoài nước đến từ hàng chục quốc gia đã vui vẻ sum họp hội tụ sum vầy một nhà, cùng nâng ly chúc nguyện sự hợp tác khoa học mở toàn cầu phát triển phồn vinh.

16 nét | HÁN VIỆT : HOAN TỤ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1753

欢快
huānkuài

vui tươi, rộn rã rộn ràng hoan hỉ

在庆祝大科学装置成功运行的新春联欢会上，一线科研人员在欢快的民乐交响声中共同分享攻坚克难的胜利喜悦。
Zài qìng zhù dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng yùn xíng de xīn chūn lián huān huì shàng, yī xiàn kē yán rén yuán zài huān kuài de mín yuè jiāo xiǎng shēng zhōng gòng tóng fēn xiǎng gōng jiān kè nán de shèng lì xǐ yuè.
Tại đêm hội liên hoan đón mừng xuân mới chúc mừng thiết bị khoa học lớn vận hành thành công, các cán bộ nghiên cứu khoa học tuyến đầu giữa tiếng nhạc giao hưởng dân tộc rộn rã vui tươi rộn ràng đã cùng chia sẻ niềm vui thắng lợi của việc vượt khó chinh phục khó khăn.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #1754

欢声笑语
huānshēngxiàoyǔ

tiếng cười nói vui vẻ, tiếng cười rộn rã rộn ràng

在国家前沿大科学装置公众科学开放日现场，前来参观体验的中小学生络绎不绝，展厅内处处洋溢着欢声笑语。
Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì gōng zhòng kē xué kāi fàng rì xiàn chǎng, qián lái cān guān tǐ yàn de zhōng xiǎo xué shēng luò yì bù jué, zhǎn tīng nèi chù chù yáng yì zhe huān shēng xiào yǔ.
Tại hiện trường Ngày Mở cửa Khoa học Công chúng của thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, các em học sinh tiểu học trung học đến tham quan trải nghiệm nườm nượp không ngớt, bên trong phòng triển lãm khắp nơi ngập tràn tiếng cười rộn rã tiếng cười nói vui vẻ.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1755

荒
huāng

hoang vu cằn cỗi; thiếu hụt khan hiếm (diànhuāng); hoang phế

两院院士带领团队扎根西北戈壁荒滩数十年如一日，把昔日寸草不生的不毛之地建设成了现代化大科学装置绿洲。
Liǎng yuàn yuàn shì dài lǐng tuán duì zhā gēn xī běi gē bì huāng tān shù shí nián rú yī rì, bǎ xī rì cùn cǎo bù shēng de bù máo zhī dì jiàn shè chéng le xiàn dài huà dà kē xué zhuāng zhì lǜ zhōu.
Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn dắt đội ngũ cắm rễ nơi bãi cát hoang cằn cỗi hoang vu sa mạc Gobi miền Tây Bắc mấy chục năm như một ngày, biến vùng đất cằn cỗi không một ngọn cỏ thuở trước thành ốc đảo thiết bị khoa học lớn hiện đại hóa.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1756

荒诞
huāngdàn

hoang đường, phi lý lố bịch vô căn cứ

面对某些外部势力散布所谓“脱钩断链可阻断中国科技崛起”的荒诞论调，中国硬核自立自强成就给予了最有力回击。
Miàn duì mǒu xiē wài bù shì lì sàn bù suǒ wèi "tuō gōu duàn liàn kě zǔ duàn zhōng guó kē jì jué qǐ" de huāng dàn lùn diào, zhōng guó yìng hé zì lì zì qiáng chéng jiù jī yù le zuì yǒu lì huí jī.
Đứng trước luận điệu hoang đường phi lý lố bịch do một số thế lực bên ngoài tung ra rằng 'tách rời đứt gãy chuỗi cung ứng có thể ngăn chặn sự trỗi dậy của khoa học công nghệ Trung Quốc', những thành tựu tự chủ tự cường công nghệ cứng của Trung Quốc đã giáng đòn đáp trả đanh thép nhất.

21 nét | HÁN VIỆT : HOANG ĐẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1757

荒凉
huāng liáng

hoang vu, cằn cỗi, hoang vu lạnh lẽo

塞罕坝林场建设者用数十年的青春奉献，在昔日风沙弥漫、极度荒凉的高原荒丘上筑起了一道百万亩绿色林海长城。
Sāi hǎn bà lín chǎng jiàn shè zhě yòng shù shí nián de qīng chūn fèng xiàn, zài xī rì fēng shā mí màn, jí dù huāng liáng de gāo yuán huāng qiū shàng zhù qǐ le yī dào bǎi wàn mǔ lǜ sè lín hǎi cháng chéng.
Những người xây dựng Nông trường Rừng Saihanba bằng tuổi xuân cống hiến suốt hàng chục năm đã dựng xây nên một bức trường thành biển rừng xanh triệu mẫu trên vùng đồi hoang cao nguyên cực kỳ hoang vu cằn cỗi bão cát mịt mùng năm xưa.

20 nét | HÁN VIỆT : HOANG LƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1758

荒谬
huāng miù

hoang đường, phi lý, hết sức vô lý

在铁证如山的考古发掘实物与出土文字面前，任何试图割裂历史、否定中华五千多年文明连续性的言论都是荒谬绝伦的。
Zài tiě zhèng rú shān de kǎo gǔ fā jué shí wù yǔ chū tǔ wén zì miàn qián, rèn hé shì tú gē liè lì shǐ, fǒu dìng zhōng huá wǔ qiān duō nián wén míng lián xù xìng de yán lùn dōu shì huāng miù jué lún de.
Đứng trước các hiện vật khai quật khảo cổ và văn tự cổ xuất thổ đanh thép như núi chứng cứ, mọi luận điệu mưu toan cắt xén lịch sử, phủ nhận tính liên tục của nền văn minh hơn 5.000 năm của dân tộc đều là hoang đường phi lý hết sức.

22 nét | HÁN VIỆT : HOANG MẬU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1759

慌乱
huāngluàn

hoảng loạn, hoang mang rối loạn luống cuống

面对大科学实验中偶发的极端瞬态真空异常告警，控制大厅值班工程师沉着冷静、毫无慌乱，精准启动应急处置程序。
Miàn duì dà kē xué shí yàn zhōng ǒu fā de jí duān shùn tài zhēn kōng yì cháng gào jǐng, kòng zhì dà tīng zhí bān gōng chéng shī chén zhuó lěng jìng, háo wú huāng luàn, jīng zhǔn qǐ dòng yìng jí chǔ zhì chéng xù.
Đứng trước cảnh báo dị thường chân không trạng thái tức thời cực đoan ngẫu phát trong thực nghiệm khoa học lớn, kỹ sư trực ban đại sảnh điều khiển điềm tĩnh trầm tĩnh, mảy may không hoang mang rối loạn hoảng loạn luống cuống, khởi động chuẩn xác quy trình xử lý khẩn cấp.

23 nét | HÁN VIỆT : HOẢNG LOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1760

慌张
huāng zhāng

hoảng loạn

在面对复杂的挑战时，保持慌张的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí huāng zhāng de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái hoảng loạn đặc biệt quan trọng.

24 nét | HÁN VIỆT : HOẢNG TRƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1761

皇宫
huánggōng

hoàng cung, cung điện hoàng gia triều đình

故宫文物科技保护国家重点实验室运用高精度激光共聚焦显微与拉曼光谱扫描，完整揭示了古代皇宫建筑特种彩绘颜料配方。
Gù gōng wén wù kē jì bǎo hù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yùn yòng gāo jīng dù jī guāng gòng jù jiāo xiǎn wēi yǔ lā màn guāng pǔ sǎo miáo, wán zhěng jié shì le gǔ dài huáng gōng jiàn zhù tè zhǒng cǎi huì yán liào pèi fāng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ Cố Cung ứng dụng quét quang phổ Raman và hiển vi đồng tiêu laser độ chính xác cao đã hé lộ hoàn chỉnh công thức thuốc màu vẽ sơn đặc chủng của kiến trúc hoàng cung cung điện hoàng gia cổ đại.

24 nét | HÁN VIỆT : HOÀNG CUNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1762

皇后
huáng hòu

hoàng hậu

故宫博物院坤宁宫曾是明清两代多位皇后的正式寝宫，承载着厚重沧桑的宫廷历史记忆。
Gù gōng bó wù yuàn kūn níng gōng céng shì míng qīng liǎng dài duō wèi huáng hòu de zhèng shì qīn gōng, chéng zài zhe hòu zhòng cāng sāng de gōng tíng lì shǐ jì yì.
Cung Khôn Ninh trong Bảo tàng Cố Cung từng là tẩm cung chính thức của nhiều vị Hoàng hậu qua hai triều đại Minh – Thanh, mang theo những ký ức lịch sử cung đình thăng trầm sâu lắng.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÀNG HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1763

皇上
huángshang

hoàng thượng, hoàng đế thiên tử

科技考古团队利用三维数字化断层重建与古DNA测序，精确还原了解析了清代档案中记录的皇上御用特种草药古方成分。
Kē jì kǎo gǔ tuán duì lì yòng sān wéi shù zì huà duàn céng chóng jiàn yǔ gǔ DNA cè xù, jīng què huán yuán liǎo jiě xī le qīng dài dàng àn zhōng jì lù de huáng shàng yù yòng tè zhǒng cǎo yào gǔ fāng chéng fèn.
Đội ngũ khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng giải mã trình tự ADN cổ đại và tái cấu trúc cắt lớp số hóa 3D đã giải mã phục dựng chuẩn xác thành phần bài thuốc thảo dược cổ ngự dụng của hoàng thượng hoàng đế ghi chép trong văn thư lưu trữ thời Thanh.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÀNG THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1764

皇室
huángshì

hoàng thất, hoàng gia dòng dõi đế vương

在国际科技文保特展上，中国科学家运用纳米抗老化加固技术修复的古代皇室珍贵丝绸服饰向全球观众震撼展示。
Zài guó jì kē jì wén bǎo tè zhǎn shàng, zhōng guó kē xué jiā yùn yòng nà mǐ kàng lǎo huà jiā gù jì shù xiū fù de gǔ dài huáng shì zhēn guì sī chóu fú shì xiàng quán qiú guān zhòng zhèn hàn zhǎn shì.
Tại Triển lãm Đặc biệt Bảo tồn Văn vật Khoa học Kỹ thuật Quốc tế, trang phục tơ lụa quý giá của hoàng gia hoàng thất cổ đại được các nhà khoa học Trung Quốc phục chế bằng công nghệ gia cố chống lão hóa nano đã được trưng bày chấn động trước khán giả toàn cầu.

24 nét | HÁN VIỆT : HOÀNG THẤT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1765

黄昏
huáng hūn

hoàng hôn, ráng chiều, chiều tà

初冬黄昏时分，落日余晖将西湖水面染成一片醉人的金红，断桥残雪与远山古塔交相辉映、意境如画。
Chū dōng huáng hūn shí fēn, luò rì yú huī jiāng xī hú shuǐ miàn rǎn chéng yī piàn zuì rén de jīn hóng, duàn qiáo cán xuě yǔ yuǎn shān gǔ tǎ jiāo xiāng huī yìng, yì jìng rú huà.
Thời khắc hoàng hôn đầu đông, ánh nắng chiều tà nhuộm mặt nước Tây Hồ thành một dải màu vàng đỏ say đắm lòng người, Cầu Gãy tuyết tan soi bóng cùng ngọn tháp cổ non xa hòa quyện vào nhau, ý cảnh đẹp như một bức tranh.

21 nét | HÁN VIỆT : HOÀNG HÔN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1766

恍然大悟
huǎng rán dà wù

bỗng nhiên tỉnh ngộ, chợt hiểu ra tất cả

听完老物理学家对复杂对称性破缺机制深入浅出的精辟剖析后，在场青年学者们瞬间恍然大悟。
Tīng wán lǎo wù lǐ xué jiā duì fù zá duì chèn xìng pò quē jī zhì shēn rù qiǎn chū de jīng pì pōu xī hòu, zài chǎng qīng nián xué zhě men shùn jiān huǎng rán dà wù.
Sau khi lắng nghe phần phân tích tinh tế dễ hiểu sâu sắc của nhà vật lý học lão thành về cơ chế phá vỡ tính đối xứng phức tạp, các học giả trẻ tuổi có mặt tại hội trường ngay lập tức bỗng nhiên vỡ lẽ hiểu ra tất cả.

35 nét | HÁN VIỆT : HOẢNG NHIÊN ĐẠI NGỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1767

谎话
huǎnghuà

lời nói dối, lời dối trá gian xảo bịa đặt

科学探索只尊重客观严密的实验事实与第一手实测数据，任何学术造假与夸大其词的谎话在真理面前终将不攻自破。
Kē xué tàn suǒ zhǐ zūn zhòng kè guān yán mì de shí yàn shì shí yǔ dì yī shǒu shí cè shù jù, rèn hé xué shù zào jiǎ yǔ kuā dà qí cí de huǎng huà zài zhēn lǐ miàn qián zhōng jiāng bù gōng zì pò.
Khám phá khoa học chỉ tôn trọng số liệu đo đạc thực tế ban đầu và sự thật thực nghiệm chặt chẽ khách quan, bất kỳ lời dối trá lời nói dối ngụy tạo khoa trương và làm giả học thuật nào trước chân lý cuối cùng đều sẽ tự sụp đổ.

16 nét | HÁN VIỆT : HOANG THOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1768

谎言
huǎng yán

nói dối

老师鼓励大家积极谎言，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí huǎng yán， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nói dối, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét | HÁN VIỆT : HOANG NGÔN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1769

晃
huàng

rung lắc đung đưa (huàng); lóe sáng chói mắt (huǎng)

大科学装置超精密主动隔振地基系统能够在外部重载列车经过引发地面震动时，确保核心探测器毫微米级稳如磐石、丝毫不晃。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhǔ dòng gé zhèn dì jī xì tǒng néng gòu zài wài bù zhòng zài liè chē jīng guò yǐn fā dì miàn zhèn dòng shí, què bǎo hé xīn tàn cè qì háo wēi mǐ jí wěn rú pán shí, sī háo bù huǎng.
Hệ thống bệ móng cách chấn chủ động siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn có thể bảo đảm máy dò cốt lõi vững như bàn thạch ở cấp độ nanomet, mảy may không rung lắc đung đưa rung rinh khi các đoàn tàu chở nặng bên ngoài chạy qua gây chấn động mặt đất.

14 nét | HÁN VIỆT : HOẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1770

晃荡
huàngdang

lắc lư chòng chành, dập dềnh sóng sánh; đi lang thang

在深海万米载人潜水器全工况流体动力学试验中，高精度防晃隔舱彻底消除了液态工质在极端洋流冲刷下的剧烈晃荡。
Zài shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì quán gōng kuàng liú tǐ dòng lì xué shì yàn zhōng, gāo jīng dù fáng huǎng gé cāng chè dǐ xiāo chú le yè tài gōng zhì zài jí duān yáng liú chōng shuā xià de jù liè huàng dàng.
Trong thử nghiệm động lực học chất lưu toàn bộ điều kiện làm việc của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu, vách ngăn chống rung lắc độ chính xác cao đã loại trừ triệt để sự dập dềnh sóng sánh lắc lư chòng chành dữ dội của môi chất công tác dạng lỏng dưới sự xối xả của các dòng hải lưu cực đoan.

27 nét | HÁN VIỆT : HOẢNG ĐÃNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1771

灰
huī

tro, bụi tro; màu xám

这位青年建筑师采用高级浅灰主色调打造的极简主义住宅，显得格外雅致宁静。
Zhè wèi qīng nián jiàn zhù shī cǎi yòng gāo jí qiǎn huī zhǔ sè diào dǎ zào de jí jiǎn zhǔ yì zhù zhái, xiǎn de gé wài yǎ zhì níng jìng.
Ngôi nhà phong cách tối giản do kiến trúc sư trẻ này thiết kế với tông màu chủ đạo xám nhạt cao cấp toát lên vẻ thanh tao trang nhã và vô cùng tĩnh lặng.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1772

灰尘
huī chén

bụi bẩn, tro bụi

在万级超净芯片光刻制造车间内，空气净化系统能过滤掉直径微小的全部微细灰尘颗粒。
Zài wàn jí chāo jìng xīn piàn guāng kè zhì zào chē jiān nèi, kōng qì jìng huà xì tǒng néng guò lǜ diào zhí jìng wēi xiǎo de quán bù wēi xì huī chén kē lì.
Bên trong phân xưởng quang khắc chế tạo vi mạch siêu sạch cấp độ mười nghìn, hệ thống lọc không khí có thể lọc sạch hoàn toàn mọi hạt bụi bẩn siêu mịn có đường kính cực nhỏ.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1773

灰心
huī xīn

nản lòng, nản chí, thoái chí

科研攻关从来没有一帆风顺的捷径，即便遭遇多次失败也绝不能灰心丧气、轻言放弃。
Kē yán gōng guān cóng lái méi yǒu yī fān fēng shùn de jié jìng, jí biàn zāo yù duō cì shī bài yě jué bù néng huī xīn sàng qì, qīng yán fàng qì.
Chinh phục đỉnh cao khoa học chưa bao giờ có con đường tắt thuận buồm xuôi gió, dẫu cho có gặp phải thất bại nhiều lần cũng tuyệt đối không được nản lòng thoái chí hay dễ dàng từ bỏ.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1774

挥
huī

vẫy (tay), vung, gạt

列车缓缓开动，站台上的送行人员纷纷挥舞着手臂向车厢里的亲友挥手致意。
Liè chē huǎn huǎn kāi dòng, zhàn tái shàng de sòng xíng rén yuán fēn fēn huī wǔ zhuó shǒu bì xiàng chē xiāng lǐ de qīn yǒu huī shǒu zhì yì.
Đoàn tàu từ từ chuyển bánh, những người tiễn biệt trên sân ga đồng loạt vẫy tay chào tạm biệt người thân bạn bè bên trong các ô cửa sổ toa tàu.

14 nét | HÁN VIỆT : HUY

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1775

辉煌
huī huáng

huy hoàng, rực rỡ, vẻ vang hiển hách

新中国成立七十多年来，党领导人民创造了举世瞩目的经济快速发展与社会长期稳定两大辉煌奇迹。
Xīn zhōng guó chéng lì qī shí duō nián lái, dǎng lǐng dǎo rén mín chuàng zào le jù shì zhǔ mù dì jīng jì kuài sù fā zhǎn yǔ shè huì cháng qī wěn dìng liǎng dà huī huáng qí jì.
Hơn 70 năm kể từ ngày thành lập nước tới nay, Đảng đã lãnh đạo nhân dân kiến tạo nên hai kỳ tích huy hoàng rực rỡ khiến cả thế giới phải ngả mũ: kinh tế phát triển nhanh chóng và xã hội ổn định lâu dài.

21 nét | HÁN VIỆT : HUY HOÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1776

回归
huíguī

trở về, quay về nguồn cội; hồi quy thống kê (huíguī fēnxī)

在大模型数据科学分析中，研究团队综合运用多元非线性回归分析算法，精准揭示了微观物理参数与宏观超导临界温度的内在关联。
Zài dà mó xíng shù jù kē xué fēn xī zhōng, yán jiū tuán duì zōng hé yùn yòng duō yuán fēi xiàn xìng huí guī fēn xī suàn fǎ, jīng zhǔn jiē shì le wēi guān wù lǐ cān shù yǔ hóng guān chāo dǎo lín jiè wēn dù de nèi zài guān lián.
Trong phân tích khoa học dữ liệu mô hình lớn, đội ngũ nghiên cứu vận dụng tổng hợp thuật toán phân tích hồi quy phi tuyến tính đa biến đã hé lộ chuẩn xác mối liên hệ nội tại giữa nhiệt độ tới hạn siêu dẫn vĩ mô và các tham số vật lý vi mô.

22 nét | HÁN VIỆT : HỒI QUY

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1777

回扣
huíkòu

tiền hoa hồng lại quả, tiền lót tay chiết khấu phi pháp

国家实验室严格推行大宗科研仪器设备公开招标采购与穿透式审计，坚决杜绝任何索取或收受回扣等违法腐败行为。
Guó jiā shí yàn shì yán gé tuī xíng dà zōng kē yán yí qì shè bèi gōng kāi zhāo biāo cǎi gòu yǔ chuān tòu shì shěn jì, jiān jué dù jué rèn hé suǒ qǔ huò shōu shòu huí kòu děng wéi fǎ fǔ bài xíng wéi.
Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt việc đấu thầu mua sắm công khai và kiểm toán xuyên suốt đối với các trang thiết bị dụng cụ nghiên cứu khoa học số lượng lớn, kiên quyết chấm dứt mọi hành vi tham nhũng phạm pháp như đòi hoặc nhận tiền hoa hồng lại quả tiền lót tay.

23 nét | HÁN VIỆT : HỒI KHẤU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1778

回馈
huíkuì

đền đáp, báo đáp tri ân; phản hồi cung cấp lại

广大青年科技拔尖领军人才把党和国家的悉心栽培化作科研报国的强大动力，以重大原创科技突破深情回馈人民。
Guǎng dà qīng nián kē jì bá jiān lǐng jūn rén cái bǎ dǎng hé guó jiā de xī xīn zāi péi huà zuò kē yán bào guó de qiáng dà dòng lì, yǐ zhòng dà yuán chuàng kē jì tū pò shēn qíng huí kuì rén mín.
Đông đảo các nhân tài dẫn đầu xuất chúng khoa học công nghệ thanh niên biến sự tận tâm vun trồng bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước thành động lực mạnh mẽ phụng sự Tổ quốc bằng nghiên cứu khoa học, dùng những đột phá khoa học công nghệ nguyên bản trọng đại để chân thành đền đáp báo đáp tri ân nhân dân.

28 nét | HÁN VIỆT : HỒI QUỸ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1779

回落
huíluò

hạ nhiệt giảm xuống, sụt giảm trở lại mức bình thường

经过多重主动微通道强迫冷却系统调控，大科学装置高频微波源工作温度在极短时间内平稳回落至最佳工作区间。
Jīng guò duō zhòng zhǔ dòng wēi tōng dào qiǎng pò lěng què xì tǒng tiáo kòng, dà kē xué zhuāng zhì gāo pín wēi bō yuán gōng zuò wēn dù zài jí duǎn shí jiān nèi píng wěn huí luò zhì zuì jiā gōng zuò qū jiān.
Trải qua sự điều tiết của hệ thống làm mát cưỡng bức vi kênh chủ động đa tầng, nhiệt độ làm việc của nguồn vi ba cao tần thiết bị khoa học lớn trong thời gian cực ngắn đã hạ nhiệt giảm xuống sụt giảm ổn định trở lại vùng làm việc tối ưu.

23 nét | HÁN VIỆT : HỒI LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1780

回升
huíshēng

hồi phục tăng trở lại, tăng trưởng khởi sắc trở lại

在大科学装置液氦闭环低温循环系统助力下，超导腔室绝热温控系统实现了对温度微小波动的亚毫秒级快速补偿回升。
Zài dà kē xué zhuāng zhì yè hài bì huán dī wēn xún huán xì tǒng zhù lì xià, chāo dǎo qiāng shì jué rè wēn kòng xì tǒng shí xiàn le duì wēn dù wēi xiǎo bō dòng de yà háo miǎo jí kuài sù bǔ cháng huí shēng.
Nhờ sự trợ giúp của hệ thống tuần hoàn nhiệt độ thấp khép kín heli lỏng thiết bị khoa học lớn, hệ thống kiểm soát nhiệt độ cách nhiệt buồng siêu dẫn đã thực hiện việc bù nhiệt tăng trở lại hồi phục tăng lại nhanh chóng cấp độ dưới mili-giây đối với các dao động nhiệt độ cực nhỏ.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1781

回首
huíshǒu

ngoảnh đầu nhìn lại, hồi tưởng tưởng nhớ dĩ vãng

回首半个多世纪以来中国航天人隐姓埋名、自立自强的壮阔征程，全体参研人员更加坚定了勇攀世界科技巅峰的信念。
Huí shǒu bàn gè duō shì jì yǐ lái zhōng guó háng tiān rén yǐn xìng mái míng, zì lì zì qiáng de zhuàng kuò zhēng chéng, quán tǐ cān yán rén yuán gèng jiā jiān dìng le yǒng pān shì jiè kē jì diān fēng de xìn niàn.
Ngoảnh đầu nhìn lại hồi tưởng nhìn lại chặng đường tráng lệ tự chủ tự cường, ẩn danh giấu tên hơn nửa thế kỷ qua của những người làm hàng không vũ trụ Trung Quốc, toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu càng thêm kiên định niềm tin dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1782

回味
huíwèi

dư vị, suy ngẫm ngẫm nghĩ lại dư vị lắng đọng

两院院士在科学大师讲座上深入浅出、高屋建瓴的精彩演讲，令在场的青年学子久久沉浸其中、回味无穷。
Liǎng yuàn yuàn shì zài kē xué dà shī jiǎng zuò shàng shēn rù qiǎn chū, gāo wū jiàn líng de jīng cǎi yǎn jiǎng, lìng zài chǎng de qīng nián xué zǐ jiǔ jiǔ chén jìn qí zhōng, huí wèi wú qióng.
Bài thuyết trình đặc sắc sâu sắc mà dễ hiểu, mang tính định hướng tầm cao của các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm tại buổi tọa đàm đại sư khoa học đã khiến các học trò trẻ có mặt tại hiện trường đắm chìm thật lâu, suy ngẫm ngẫm nghĩ lại dư vị đọng lại vô cùng sâu sắc.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1783

回想
huíxiǎng

nhớ lại, hồi tưởng nhớ lại chuyện xưa

回想起当年在一穷二白、无外部资料借鉴的极端艰难条件下攻克两弹一星核心技术的岁月，老科学家心潮澎湃。
Huí xiǎng qǐ dāng nián zài yī qióng èr bái, wú wài bù zī liào jiè jiàn de jí duān jiān nán tiáo jiàn xià gōng kè liǎng dàn yī xīng hé xīn jì shù de suì yuè, lǎo kē xué jiā xīn cháo pēng pài.
Hồi tưởng nhớ lại những năm tháng chinh phục công nghệ cốt lõi Hai bom một vệ tinh dưới điều kiện cực kỳ gian nan nghèo nàn tay trắng không có tài liệu bên ngoài để tham khảo năm xưa, lòng vị nhà khoa học lão thành cuộn trào sóng gió dạt dào cảm xúc.

26 nét | HÁN VIỆT : HỒI TƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1784

回忆录
huíyìlù

hồi ký, tập hồi ký tự truyện

国家功勋战略科学家的长篇回忆录生动详实记录了新中国战略大科学工程从无到有、自立自强的壮阔历史篇章。
Guó jiā gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā de cháng piān huí yì lù shēng dòng xiáng shí jì lù le xīn zhōng guó zhàn lüè dà kē xué gōng chéng cóng wú dào yǒu, zì lì zì qiáng de zhuàng kuò lì shǐ piān zhāng.
Tập hồi ký trường thiên của nhà khoa học chiến lược có công lao quốc gia đã ghi chép sinh động tường tận những chương lịch sử tráng lệ tự chủ tự cường, từ không đến có của công trình đại khoa học chiến lược Nước Trung Hoa mới.

35 nét | HÁN VIỆT : HỒI ỨC LỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1785

悔恨
huǐ hèn

hối hận, ăn năn day dứt, hối lỗi sâu sắc

在法庭庄严审判席前，严重职务犯罪被告人流下了悔恨的泪水，当庭深刻认罪悔罪并服从司法判决。
Zài fǎ tíng zhuāng yán shěn pàn xí qián, yán zhòng zhí wù fàn zuì bèi gào rén liú xià le huǐ hèn de lèi shuǐ, dāng tíng shēn kè rèn zuì huǐ zuì bìng fú cóng sī fǎ pàn jué.
Trước vành móng ngựa trang nghiêm của tòa án, bị cáo phạm tội chức vụ nghiêm trọng đã rơi những giọt nước mắt hối hận muộn màng, cúi đầu nhận tội ăn năn hối lỗi sâu sắc ngay tại tòa và chấp hành phán quyết của tư pháp.

21 nét | HÁN VIỆT : HỐI HẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1786

毁坏
huǐhuài

tàn phá hủy hoại, làm hư hại phá hủy

大科学装置超精密光学镜片在运输与安装全流程受到特种多层防震充氮容器保护，确保绝对不发生任何碰撞毁坏。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì guāng xué jìng piàn zài yùn shū yǔ ān zhuāng quán liú chéng shòu dào tè zhǒng duō céng fáng zhèn chōng dàn róng qì bǎo hù, què bǎo jué duì bù fā shēng rèn hé pèng zhuàng huǐ huài.
Thấu kính quang học siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn trong toàn bộ quy trình vận chuyển và lắp đặt được bảo vệ bởi bình chứa nạp nitơ chống rung đa tầng đặc chủng, bảo đảm tuyệt đối không xảy ra bất kỳ sự va chạm làm hư hại tàn phá hủy hoại nào.

21 nét | HÁN VIỆT : HUỶ HOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1787

毁灭
huǐ miè

hủy diệt, tiêu diệt hoàn toàn, tận diệt

全人类必须共同维护核不扩散条约与战略稳定体系，坚决防止任何可能引发人类毁灭性灾难的核冲突。
Quán rén lèi bì xū gòng tóng wéi hù hé bù kuò sàn tiáo yuē yǔ zhàn lüè wěn dìng tǐ xì, jiān jué fáng zhǐ rèn hé kě néng yǐn fā rén lèi huǐ miè xìng zāi nàn de hé chōng tū.
Toàn thể nhân loại bắt buộc phải cùng nhau bảo vệ Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hạt nhân và hệ thống ổn định chiến lược, kiên quyết ngăn ngừa mọi cuộc xung đột hạt nhân có nguy cơ gây ra thảm họa hủy diệt cho nhân loại.

25 nét | HÁN VIỆT : HUỶ DIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1788

汇合
huìhé

hội tụ gặp nhau, hợp dòng hội tụ dòng chảy

多学科前沿交叉科学团队在国家综合性科学中心胜利汇合，共同向全球重大战略科技前沿发起协同攻坚战役。
Duō xué kē qián yán jiāo chā kē xué tuán duì zài guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn shèng lì huì hé, gòng tóng xiàng quán qiú zhòng dà zhàn lüè kē jì qián yán fā qǐ xié tóng gōng jiān zhàn yì.
Các đội ngũ khoa học liên ngành tiên phong đa môn học đã hội tụ gặp nhau thắng lợi tại Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia, cùng nhau phát động chiến dịch vượt khó hiệp đồng hướng tới các mũi nhọn khoa học công nghệ chiến lược trọng đại toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : HỘI CÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1789

汇集
huìjí

quy tụ tập hợp, thu thập gom góp tập hợp

国家前沿大科学装置运行开放平台汇集了来自全球数十个国家顶尖学者提出的上千份高水平基础交叉研究申请。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì yùn xíng kāi fàng píng tái huì jí le lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā dǐng jiān xué zhě tí chū de shàng qiān fèn gāo shuǐ píng jī chǔ jiāo chā yán jiū shēn qǐng.
Nền tảng mở cửa vận hành thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia đã tập hợp quy tụ hơn hàng ngàn bộ hồ sơ đăng ký nghiên cứu liên ngành cơ bản trình độ cao do các học giả đỉnh cao đến từ hàng chục quốc gia trên toàn cầu đưa ra.

22 nét | HÁN VIỆT : HỘI TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1790

汇聚
huìjù

hội tụ quy tụ, dồn tụ tích tụ dòng chảy

国家实验室着力汇聚全球顶尖战略科技领军人才与最具创新活力的青年拔尖团队，打造世界一流原始创新策源地。
Guó jiā shí yàn shì zhuó lì huì jù quán qiú dǐng jiān zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái yǔ zuì jù chuàng xīn huó lì de qīng nián bá jiān tuán duì, dǎ zào shì jiè yì liú yuán shǐ chuàng xīn cè yuán dì.
Phòng thí nghiệm quốc gia chú trọng hội tụ quy tụ các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược đỉnh cao toàn cầu cùng các đội ngũ thanh niên xuất sắc giàu sức sống đổi mới sáng tạo nhất, kiến tạo cội nguồn đổi mới sáng tạo nguyên bản hàng đầu thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : HỘI TỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1791

会场
huìchǎng

hội trường, địa điểm tổ chức hội nghị

在世界青年科学家前沿高峰论坛主会场内，中外学者围绕未来量子计算与人工智能前沿方向展开了热烈深入的研讨。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā qián yán gāo fēng lùn tán zhǔ huì chǎng nèi, zhōng wài xué zhě wéi rào wèi lái liàng zǐ jì suàn yǔ rén gōng zhì néng qián yán fāng xiàng zhǎn kāi le rè liè shēn rù de yán tǎo.
Bên trong hội trường hội trường chính Diễn đàn Thượng đỉnh Tiên phong Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, các học giả trong và ngoài nước đã triển khai hội thảo đi sâu sôi nổi xoay quanh phương hướng tiên phong trí tuệ nhân tạo và tính toán lượng tử tương lai.

22 nét | HÁN VIỆT : HỘI TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1792

会面
huìmiàn

gặp mặt, hội kiến tiếp xúc gặp gỡ

国家科技部负责人与国际大科学计划代表团举行高级别会面，双方就深化多边开放科学合作达成多项实质性共识。
Guó jiā kē jì bù fù zé rén yǔ guó jì dà kē xué jì huà dài biǎo tuán jǔ xíng gāo jí bié huì miàn, shuāng fāng jiù shēn huà duō biān kāi fàng kē xué hé zuò dá chéng duō xiàng shí zhì xìng gòng shí.
Người đứng đầu Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã tổ chức gặp mặt hội kiến cấp cao với phái đoàn Kế hoạch Đại Khoa học Quốc tế, hai bên đã đạt được nhiều nhận thức chung thực chất về việc đi sâu hợp tác khoa học mở đa phương.

24 nét | HÁN VIỆT : HỘI DIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1793

会晤
huì wù

hội đàm, gặp gỡ cấp cao (nguyên thủ, ngoại giao)

在多边国际峰会期间，两国元首举行了坦诚深入、富有战略前瞻意义的双边高级别正式会晤。
Zài duō biān guó jì fēng huì qī jiān, liǎng guó yuán shǒu jǔ xíng le tǎn chéng shēn rù, fù yǒu zhàn lüè qián zhān yì yì de shuāng biān gāo jí bié zhèng shì huì wù.
Trong thời gian diễn ra hội nghị thượng đỉnh quốc tế đa phương, nguyên thủ hai nước đã tổ chức cuộc hội đàm gặp gỡ chính thức cấp cao song phương thẳng thắn, sâu sắc và mang ý nghĩa chiến lược đón đầu.

26 nét | HÁN VIỆT : HỘI NGỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1794

会意
huìyì

hiểu ý ngầm hiểu, hội ý (chữ hội ý: huìyìzì)

在紧迫的关键物理试验现场，总工程师与主控操作手仅仅通过一个眼神交流便心领神会、会意默契地完成了精密指令切换。
Zài jǐn pò de guān jiàn wù lǐ shì yàn xiàn chǎng, zǒng gōng chéng shī yǔ zhǔ kòng cāo zuò shǒu jǐn jǐn tōng guò yí gè yǎn shén jiāo liú biàn xīn lǐng shén huì, huì yì mò qì dì wán chéng le jīng mì zhǐ lìng qiè huàn.
Tại hiện trường thử nghiệm vật lý then chốt cấp bách, vị Tổng Kỹ sư cùng kỹ thuật viên thao tác điều khiển chính chỉ thông qua một ánh mắt giao nhau liền ngầm hiểu hiểu ý tâm lĩnh thần hội, hoàn thành việc chuyển đổi khẩu lệnh chính xác một cách ăn ý.

26 nét | HÁN VIỆT : HỘI Ý

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1795

会诊
huìzhěn

hội chẩn, cùng chẩn đoán giải quyết sự cố

面对突发的复杂电磁脉冲干扰异常，多学科顶级专家组连夜召开紧急现场会诊，迅速查明机理根源并制定排故方案。
Miàn duì tū fā de fù zá diàn cí mài chōng gān rǎo yì cháng, duō xué kē dǐng jí zhuān jiā zǔ lián yè zhào kāi jǐn jí xiàn chǎng huì zhěn, xùn sù chá míng jī lǐ gēn yuán bìng zhì dìng pái gù fāng àn.
Đứng trước dị thường can nhiễu xung điện từ phức tạp đột xuất, Tổ Chuyên gia Đỉnh cao đa môn học đã tổ chức hội chẩn cùng chẩn đoán khẩn cấp tại hiện trường thâu đêm, nhanh chóng làm sáng tỏ nguồn gốc cơ chế và chế định phương án khắc phục sự cố.

24 nét | HÁN VIỆT : HỘI CHẨN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1796

绘声绘色
huìshēnghuìsè

sinh động như thật, tả sống động hình thanh rõ nét

老一辈航天功勋总工程师绘声绘色地向青少年学生讲述当年突破重型火箭发动机技术的惊险历程，深深吸引了全场听众。
Lǎo yī bèi háng tiān gōng xūn zǒng gōng chéng shī huì shēng huì sè dì xiàng qīng shào nián xué shēng jiǎng shù dāng nián tū pò zhòng xíng huǒ jiàn fā dòng jī jì shù de jīng xiǎn lì chéng, shēn shēn xī yǐn le quán chǎng tīng zhòng.
Vị Tổng Kỹ sư có công lao hàng không vũ trụ tiền bối đã kể lại một cách sinh động như thật hình thanh rõ nét với các em học sinh thanh thiếu niên về tiến trình nghẹt thở ly kỳ đột phá công nghệ động cơ tên lửa hạng nặng năm xưa, cuốn hút sâu sắc toàn thể thính giả.

35 nét | HÁN VIỆT : HỘI THANH HỘI SẮC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1797

贿赂
huì lù

hối lộ, đút lót, của hối lộ

国家司法与监察机关坚持受贿行贿一起查，依法坚决严厉惩处任何形式的商业贿赂与权钱交易腐败行为。
Guó jiā sī fǎ yǔ jiān chá jī guān jiān chí shòu huì xíng huì yì qǐ chá, yī fǎ jiān jué yán lì chéng chǔ rèn hé xíng shì de shāng yè huì lù yǔ quán qián jiāo yì fǔ bài xíng wéi.
Cơ quan tư pháp và giám sát quốc gia kiên trì điều tra xử lý đồng thời cả bên nhận hối lộ và bên đưa hối lộ, trừng trị nghiêm minh theo pháp luật mọi hành vi hối lộ thương mại và tham nhũng đổi quyền lấy tiền.

20 nét | HÁN VIỆT : HỐI LỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1798

昏迷
hūn mí

hôn mê, bất tỉnh nhân sự

急诊重症监护多学科专家团队分秒必争、连续奋战，成功将因重度颅脑外伤深度昏迷的危重伤员抢救苏醒。
Jí zhěn zhòng zhèng jiān hù duō xué kē zhuān jiā tuán duì fèn miǎo bì zhēng, lián xù fèn zhàn, chéng gōng jiāng yīn zhòng dù lú nǎo wài shāng shēn dù hūn mí de wēi zhòng shāng yuán qiǎng jiù sū xǐng.
Đội ngũ chuyên gia đa ngành khoa hồi sức cấp cứu đã tranh thủ từng phút từng giây, liên tục chiến đấu, cứu sống và giúp người bệnh nhân nguy kịch bị hôn mê sâu do chấn thương sọ não nặng tỉnh lại thành công.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1799

婚纱
hūnshā

váy cưới, áo cưới cô dâu

为了保障深空探测重大发射任务按期实施，年轻的测控总体设计师毅然推迟了婚礼，将原本试穿婚纱的休假献给了攻关一线。
Wèi le bǎo zhàng shēn kōng tàn cè zhòng dà fā shè rèn wù àn qī shí shī, nián qīng de cè kòng zǒng tǐ shè jì shī yì rán tuī chí le hūn lǐ, jiāng yuán běn shì chuān hūn shā de xiū jià xiàn gěi le gōng guān yī xiàn.
Để bảo đảm nhiệm vụ phóng trọng đại thám trắc không gian sâu được thực thi đúng hạn, vị nhà thiết kế tổng thể trắc nghiệm điều khiển trẻ tuổi đã kiên quyết hoãn lại hôn lễ, dành trọn kỳ nghỉ vốn dùng để thử áo cưới váy cưới cống hiến cho tuyến đầu vượt khó.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1800

婚姻
hūn yīn

hôn nhân

美满幸福的婚姻基石建立在相互尊重、相互信任、彼此理解与共同成长的坚实基础之上。
Měi mǎn xìng fú de hūn yīn jī shí jiàn lì zài xiāng hù zūn zhòng, xiāng hù xìn rèn, bǐ cǐ lǐ jiě yǔ gòng tóng chéng zhǎng de jiān shí jī chǔ zhī shàng.
Viên đá tảng của một cuộc hôn nhân hạnh phúc mỹ mãn được xây đắp trên nền móng vững chắc của sự tôn trọng, tin tưởng, thấu hiểu lẫn nhau và cùng nhau trưởng thành.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Phó từ | #1801

浑身
hún shēn

toàn thân, khắp người, từ đầu đến chân

在特大抗洪抢险大堤上，抢险官兵连续奋战数昼夜，即便浑身泥泞湿透，依然精神抖擞筑牢防洪子堤。
Zài tè dà kàng hóng qiǎng xiǎn dà dī shàng, qiǎng xiǎn guān bīng lián xù fèn zhàn shù zhòu yè, jí biàn hún shēn ní nìng shī tòu, yī rán jīng shén dǒu sǒu zhù láo fáng hóng zi dī.
Trên con đê phòng chống lũ lụt đặc biệt lớn, các chiến sĩ cứu hộ đã liên tục chiến đấu suốt nhiều ngày đêm, dẫu toàn thân bùn đất ướt đẫm nhưng vẫn tinh thần phấn chấn kiên cố đắp cao các con đê con ngăn lũ.

26 nét | HÁN VIỆT: HỒN THÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1802

魂
hún

hồn phách, linh hồn cốt cách tinh thần

科技报国是广大科学家精神的根基与灵魂，铸就了中华民族自立自强挺立于世界民族之林的坚实脊梁。
Kē jì bào guó shì guǎng dà kē xué jiā jīng shén de gēn jī yǔ líng hún, zhù jiù le zhōng huá mín zú zì lì zì qiáng tǐng lì yú shì jiè mín zú zhī lín de jiān shí jí liáng.
Phụng sự Tổ quốc bằng khoa học chính là linh hồn cốt cách và gốc rễ tinh thần của đông đảo các nhà khoa học, đúc kết nên cột sống vững chắc của dân tộc Trung Hoa tự chủ tự cường đứng vững giữa rừng các dân tộc trên thế giới.

8 nét | HÁN VIỆT: HỒN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1803

混凝土
hùnníngtǔ

bê tông, bê tông cốt thép xây dựng

大科学装置超深地下主实验大厅采用了特种超高强度低收缩抗辐射特重重晶石混凝土浇筑，构筑起绝对坚固的物理防护屏蔽。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo shēn dì xià zhǔ shí yàn dà tīng cǎi yòng le tè zhǒng chāo gāo qiáng dù dī shōu suō kàng fú shè tè chóng chóng jīng shí hùn níng tǔ jiāo zhù, gòu zhù qǐ jué duì jiān gù de wù lǐ fáng hù píng bì.
Đại sảnh thực nghiệm chính dưới lòng đất siêu sâu của thiết bị khoa học lớn áp dụng việc đổ bê tông bê tông cốt thép barit đặc nặng chống bức xạ co ngót thấp cường độ siêu cao đặc chủng, đắp xây tấm lá chắn che chắn phòng hộ vật lý kiên cố tuyệt đối.

35 nét | HÁN VIỆT: HỖN NGƯNG THỔ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1804

混淆
hùn xiáo

lẫn lộn, đánh lộn, làm mập mờ (trắng đen, khái niệm)

在开展严肃的法学学术研究与司法裁判时，必须严格界定法律概念内涵，绝不能混淆违法与犯罪的界限。
Zài kāi zhǎn yán sù de fǎ xué xué shù yán jiū yǔ sī fǎ cái pàn shí, bì xū yán gé jiè dìng fǎ lǜ gài niàn nèi hán, jué bù néng hùn xiáo wéi fǎ yǔ fàn zuì de jiè xiàn.
Khi triển khai nghiên cứu học thuật pháp luật nghiêm cẩn và xét xử tư pháp, bắt buộc phải phân định nghiêm ngặt nội hàm các khái niệm pháp lý, tuyệt đối không được đánh lộn lẫn lộn ranh giới giữa vi phạm hành chính và phạm tội hình sự.

24 nét | HÁN VIỆT: HỖN HÀO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1805

混浊
hùn zhuó

vẩn đục, đục ngầu, không trong suốt

经过源头截污控源与多级人工湿地深度净化，昔日混浊发黑的城市内河重现了水清岸绿、鱼翔浅底的生态美景。
Jīng guò yuán tóu jié wū kòng yuán yǔ duō jí rén gōng shī dì shēn dù jìng huà, xī rì hùn zhuó fā hēi de chéng shì nèi hé chóng xiàn le shuǐ qīng àn lǜ, yú xiáng qiǎn dǐ de shēng tài měi jǐng.
Trải qua việc ngăn chặn rác thải kiểm soát ô nhiễm tận nguồn và xử lý làm sạch sâu bằng các vùng đất ngập nước nhân tạo đa cấp, dòng sông nội đô năm nào từng vẩn đục đen ngòm nay đã tái hiện vẻ đẹp sinh thái nước trong bờ xanh, cá tung tăng bơi lội dưới đáy.

26 nét | HÁN VIỆT: HỖN TRỌC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1806

豁
huō

hé rách, sứt mẻ rách toạc (huō); thoáng đãng (huòrán)

在重大前沿基础理论推导陷入僵局时，导师一句话点醒了大家，思维顿时豁然开朗、迎刃而解。
Zài zhòng dà qián yán jī chǔ lǐ lùn tuī dǎo xiàn rù jiāng jú shí, dǎo shī yī jù huà diǎn xǐng le dà jiā, sī wéi dùn shí huò rán kāi lǎng, yíng rèn ér jiě.
Khi suy diễn lý luận cơ bản tiên phong trọng đại rơi vào bế tắc, lời chỉ dẫn của người thầy đã đánh thức mọi người, tư duy tức thì thoáng đãng mở toang (hoát nhiên khai lãng), mọi vấn đề đón nhận giải quyết dễ như chẻ tre.

10 nét | HÁN VIỆT: KHOÁT

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #1807

豁出去
huōchuqu

liều mình dốc cạn, quyết không tiếc thân mình, bất chấp tất cả

面对外部无理封锁与技术卡脖子，攻关团队全体成员抱着“豁出去拼一把”的顽强决绝意志，誓死拿下核心突破！
Miàn duì wài bù wú lǐ fēng suǒ yǔ jì shù qiǎ bó zi, gōng guān tuán duì quán tǐ chéng yuán bào zhe "huō chū qù pīn yī bǎ" de wán qiáng jué jué yì zhì, shì sǐ ná xià hé xīn tū pò!
Đứng trước nút thắt cổ chai công nghệ và sự phong tỏa vô lý từ bên ngoài, toàn thể thành viên đội ngũ vượt khó ôm trọn ý chí kiên quyết sắt đá 'liều mình dốc cạn quyết liều một phen bất chấp tất cả', thề chết giành lấy bước đột phá cốt lõi!

27 nét | HÁN VIỆT: KHOÁT XUẤT KHỨ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1808

豁达
huòdá

khoáng đạt, rộng rãi cởi mở độ lượng

战略科学家胸襟豁达开朗，面对荣誉淡泊从容，面对困难百折不挠，展现出崇高的人格魅力与学者风范。
Zhàn lüè kē xué jiā xiōng jīn huò dá kāi lǎng, miàn duì róng yù dàn bó cóng róng, miàn duì kùn nán bǎi zhé bù náo, zhǎn xiàn chū chóng gāo de rén gé mèi lì yǔ xué zhě fēng fàn.
Vị nhà khoa học chiến lược tấm lòng khoáng đạt cởi mở rộng rãi, đối mặt với vinh dự thì đạm bạc ung dung, đối mặt với khó khăn thì trăm lần gãy không sờn, phô diễn sức quyến rũ nhân cách cao đẹp và phong phạm học giả mẫu mực.

24 nét | HÁN VIỆT: KHOÁT ĐẠT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1809

活儿
huór

công việc, việc làm thao tác tay nghề (khẩu ngữ)

大科学装置超精密抛光是一项极其考验定力与功力的细致活儿，要求工匠在亚纳米尺度下做到绝对极致无瑕。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì pāo guāng shì yī xiàng jí qí kǎo yàn dìng lì yǔ gōng lì de xì zhì huó er, yāo qiú gōng jiàng zài yà nà mǐ chǐ dù xià zuò dào jué duì jí zhì wú xiá.
Gia công đánh bóng siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn là một công việc việc làm thao tác tỉ mỉ cực kỳ thử thách công lực và định lực, đòi hỏi người thợ phải đạt tới độ chuẩn mực tột cùng không tì vết ở quy mô dưới nanomet.

23 nét | HÁN VIỆT: HOẠT NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1810

活该
huó gāi

đáng đời, đáng kiếp, chuốc lấy

那些企图通过学术造假、抄袭剽窃来骗取科研经费与荣誉头衔的投机分子，终将身败名裂、受到法律严惩也是咎由自取、活该受罚。
Nà xiē qǐ tú tōng guò xué shù zào jiǎ, chāo xí piāo qiè lái piàn qǔ kē yán jīng fèi yǔ róng yù tóu xián de tóu jī fèn zi, zhōng jiāng shēn bài míng liè, shòu dào fǎ lǜ yán chéng yě shì jiù yóu zì qǔ, huó gāi shòu fá.
Những phần tử cơ hội mưu toan dùng thủ đoạn làm giả học thuật, đạo văn ăn cắp để lừa gạt kinh phí nghiên cứu khoa học và danh hiệu danh dự, cuối cùng chắc chắn sẽ thân bại danh liệt, bị pháp luật trừng trị nghiêm minh cũng là tự chuốc lấy quả đắng, đáng đời đáng kiếp.

22 nét | HÁN VIỆT : HOẠT CAI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1811

活期
huóqī

không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán không kỳ hạn

国家科技创新专项资金实行账户动态拨付与活期利息全额统筹机制，确保每一分科研经费都高效花在刀刃上。
Guó jiā kē jì chuàng xīn zhuān xiàng zī jīn shí xíng zhàng hù dòng tài bō fù yǔ huó qī lì xī quán é tǒng chóu jī zhì, què bǎo měi yī fēn kē yán jīng fèi dōu gāo xiào huā zài dāo rèn shàng.
Nguồn vốn chuyên án đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ quốc gia thực thi cơ chế phân bổ động thái tài khoản và quy hoạch tổng thể toàn bộ tiền lãi không kỳ hạn không kỳ hạn, bảo đảm từng đồng kinh phí nghiên cứu đều được chi tiêu hiệu quả vào đúng lưỡi dao (chỗ quan trọng nhất).

23 nét | HÁN VIỆT : HOẠT KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1812

火暴
huǒbào

sôi động náo nhiệt bùng nổ; nóng nảy nóng tính

国家重大前沿大科学装置公众开放日门票预约系统一经开放便瞬间被抢订一空，现场科普互动极其火暴热烈。
Guó jiā zhòng dà qián yán dà kē xué zhuāng zhì gōng zhòng kāi fàng rì mén piào yù yuē xì tǒng yī jīng kāi fàng biàn shùn jiān bèi qiǎng dìng yī kōng, xiàn chǎng kē pǔ hù dòng jí qí huǒ bào rè liè.
Hệ thống đặt vé Ngày Mở cửa Công chúng của thiết bị khoa học lớn tiên phong trọng đại quốc gia vừa mở ra liền lập tức được đặt hết sạch trong tích tắc, hoạt động tương tác phổ biến khoa học tại hiện trường vô cùng sôi động náo nhiệt bùng nổ bùng nổ náo nhiệt.

18 nét | HÁN VIỆT : HOẢ BẠO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1813

火锅
huǒguō

lẩu, món lẩu nồi lẩu

在重大航天测控任务取得圆满成功的庆祝之夜，攻关团队齐聚食堂热热闹闹地吃了一顿热气腾腾的庆功火锅。
Zài zhòng dà háng tiān cè kòng rèn wù qǔ dé yuán mǎn chéng gōng de qìng zhù zhī yè, gōng guān tuán duì qí jù shí táng rè rè nào nào dī chī le yī dùn rè qì téng téng de qìng gōng huǒ guō.
Vào đêm mừng công nhiệm vụ trắc nghiệm điều khiển hàng không vũ trụ trọng đại thành công mỹ mãn, đội ngũ vượt khó đã tụ họp đông vui tại nhà ăn cùng ăn một bữa lẩu nồi lẩu mừng công nóng hổi bốc khói nghi ngút.

24 nét | HÁN VIỆT : HOẢ OA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1814

火候
huǒhou

độ lửa nhiệt độ thời gian nấu; độ chín muồi trình độ tay nghề (nghĩa đen/bóng)

超导材料高温烧结制备中对加热温度与保温时长的“火候”控制必须做到绝对极致精准，稍有偏差便前功尽弃。
Chāo dǎo cái liào gāo wēn shāo jié zhì bèi zhōng duì jiā rè wēn dù yǔ bǎo wēn shí cháng de "huǒ hòu" kòng zhì bì xū zuò dào jué duì jí zhì jīng zhǔn, shāo yòu piān chā biàn qián gōng jìn qì.
Trong điều chế nung thiêu kết nhiệt độ cao vật liệu siêu dẫn, việc kiểm soát 'độ lửa' độ chín muồi nhiệt độ nung và thời lượng giữ nhiệt bắt buộc phải đạt độ chuẩn xác tột cùng tuyệt đối, chỉ hơi có sai lệch là uổng công vô ích đổ sông đổ biển.

20 nét | HÁN VIỆT : HOẢ HẬU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1815

火花
huǒhuā

tia lửa, tia lửa tóe sáng; tia lửa tư tưởng cảm hứng

在国家综合性科学中心跨学科青年科学家沙龙上，物理、材料与生命科学前沿思想激烈交锋、激荡出绚烂的创新火花。
Zài guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn kuà xué kē qīng nián kē xué jiā shā lóng shàng, wù lǐ, cái liào yǔ shēng mìng kē xué qián yán sī xiǎng jī liè jiāo fēng, jī dàng chū xuàn làn de chuàng xīn huǒ huā.
Tại sa-lông các nhà khoa học trẻ liên ngành Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia, các tư tưởng tiên phong khoa học sự sống, vật liệu và vật lý va đập nảy lửa, làm bùng lên những tia lửa tia lửa đổi mới sáng tạo rực rỡ sắc màu.

22 nét | HÁN VIỆT : HOẢ HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1816

火炬
huǒjù

ngọn đuốc, đuốc sáng ngọn đuốc (nghĩa đen/bóng: Huǒjù Jìhuà)

国家全面实施科技创新“火炬计划”，有力推动了高新技术成果向现代产业集群转化，点亮了中国科技自主腾飞之路。
Guó jiā quán miàn shí shī kē jì chuàng xīn "huǒ jù jì huà ", yǒu lì tuī dòng le gāo xīn jì shù chéng guǒ xiàng xiàn dài chǎn yè jí qún zhuǎn huà, diǎn liàng le zhōng guó kē jì zì zhǔ téng fēi zhī lù.
Nhà nước thực thi toàn diện 'Kế hoạch Ngọn Đuốc' (Torch Program) đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ các thành quả công nghệ cao chuyển hóa sang các cụm ngành hiện đại, thắp sáng ngọn đuốc con đường cất cánh tự chủ của khoa học công nghệ Trung Quốc.

22 nét | HÁN VIỆT : HOẢ CỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1817

火辣辣
huǒlālā

nóng rát bỏng rát; nồng cháy rực lửa rạo rực

在盛夏戈壁荒漠地表近六十度火辣辣的高温酷暑下，大科学工程吊装团队顶烈日坚守岗位、确保吊装分毫不差。
Zài shèng xià gē bì huāng mò dì biǎo jìn liù shí dù huǒ là là de gāo wēn kù shǔ xià, dà kē xué gōng chéng diào zhuāng tuán duì dǐng liè rì jiān shǒu gǎng wèi, què bǎo diào zhuāng fēn háo bù chā.
Dưới cái nắng nóng gay gắt bỏng rát nóng rát gần 60 độ trên mặt đất sa mạc Gobi giữa mùa hè rực lửa, đội ngũ cẩu lắp công trình khoa học lớn đội nắng gắt bám trụ vị trí, bảo đảm việc cẩu lắp không sai một li một hào.

26 nét | HÁN VIỆT : HOẢ LẠT LẠT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1818

火热
huǒrè

nóng bỏng rực cháy, sôi nổi sục sôi nhiệt huyết

广大青年科研人员把火热的青春激情全身心投入到大科学工程建设一线，用实际行动诠释着新时代的科学家精神。
Guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán bǎ huǒ rè de qīng chūn jī qíng quán shēn xīn tóu rù dào dà kē xué gōng chéng jiàn shè yī xiàn, yòng shí jì xíng dòng quán shì zhe xīn shí dài de kē xué jiā jīng shén.
Đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học thanh niên dốc toàn tâm toàn ý bầu nhiệt huyết thanh xuân sôi nổi sục sôi nóng bỏng rực cháy vào tuyến đầu xây dựng công trình khoa học lớn, dùng hành động thực tế diễn giải tinh thần nhà khoa học thời đại mới.

24 nét | HÁN VIỆT : HOẢ NHIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1819

火山
huǒshān

núi lửa, ngọn núi lửa phun trào

我国深海载人潜水器在西太平洋深渊海底成功发现了发育活跃的超深水热液喷口群与深海活火山地质奇观。
Wǒ guó shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì zài xī tài píng yáng shēn yuān hǎi dǐ chéng gōng fā xiàn le fā yù huó yuè de chāo shēn shuǐ rè yè pēn kǒu qún yǔ shēn hǎi huó huǒ shān dì zhì qí guān.
Tàu lặn có người lái biển sâu nước ta tại đáy vực sâu Tây Thái Bình Dương đã phát hiện thành công quần thể miệng phun thủy nhiệt siêu sâu phát triển hoạt động và kỳ quan địa chất núi lửa ngọn núi lửa còn hoạt động dưới đáy biển sâu.

23 nét | HÁN VIỆT : HOẢ SƠN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1820

火速
huǒsù

hỏa tốc, khẩn cấp tốc hành siêu nhanh

在接到大科学装置核心真空室紧急技术排险指令后，专家应急突击组火速奔赴数千公里外的戈壁现场排查处置。
Zài jiē dào dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhēn kōng shì jǐn jí jì shù pái xiǎn zhǐ lìng hòu, zhuān jiā yìng jí tū jī zǔ huǒ sù bēn fù shù qiān gōng lǐ wài de gē bì xiàn chǎng pái chá chǔ zhì.
Sau khi nhận được khẩu lệnh khắc phục sự cố kỹ thuật khẩn cấp của buồng chân không cốt lõi thiết bị khoa học lớn, Tổ Xung kích Ứng phó Khẩn cấp Chuyên gia đã hỏa tốc khẩn cấp tốc hành lao về hiện trường sa mạc Gobi cách xa hàng ngàn cây số để rà soát xử lý.

23 nét | HÁN VIỆT : HOẢ TỐC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1821

火焰
huǒ yàn

ngọn lửa, ngọn lửa bùng cháy

超燃冲压发动机在风洞实验中喷射出耀眼夺目的蓝色高温超音速火焰，验证了超高声速燃烧核心理论。
Chāo rán chòng yā fā dòng jī zài fēng dòng shí yàn zhōng pēn shè chū yào yǎn duó mù dì lán sè gāo wēn chāo yīn sù huǒ yàn, yàn zhèng le chāo gāo shēng sù rán shāo hé xīn lǐ lùn.
Động cơ phản lực tĩnh siêu âm (Scramjet) trong thử nghiệm hầm gió đã phun ra ngọn lửa siêu thanh nhiệt độ cao màu xanh lam chói lọi bắt mắt, kiểm chứng thành công lý thuyết cốt lõi về sự cháy ở tốc độ siêu thanh.

21 nét | HÁN VIỆT : HOẢ DIỄM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1822

火药
huǒ yào

thuốc súng, thuốc nổ; bốn phát minh lớn

造纸术、印刷术、指南针与火药作为中国古代四大发明，对全人类文明的演进与世界历史的发展进程产生了深远影响。
Zào zhǐ shù, yìn shuā shù, zhǐ nán zhēn yǔ huǒ yào zuò wéi zhōng guó gǔ dài sì dà fā míng, duì quán rén lèi wén míng de yǎn jìn yǔ shì jiè lì shǐ de fā zhǎn jìn chéng chǎn shēng le shēn yuǎn yǐng xiǎng.
Kỹ thuật làm giấy, kỹ thuật in ấn, la bàn và thuốc súng với tư cách là Tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại đã tạo ra tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với sự tiến hóa của nền văn minh toàn nhân loại và tiến trình phát triển lịch sử thế giới.

23 nét | HÁN VIỆT : HOẢ DƯỢC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1823

伙食
huǒshí

tiền ăn cơm nước, bữa ăn khẩu phần ăn

大科学工程后勤保障部门严格把关食材安全与营养均衡，为连续高强度奋战的一线科研人员提供了高品质营养伙食。
Dà kē xué gōng chéng hòu qín bǎo zhàng bù mén yán gé bǎ guān shí cái ān quán yǔ yíng yǎng jūn héng, wèi lián xù gāo qiáng dù fèn zhàn de yī xiàn kē yán rén yuán tí gōng le gāo pǐn zhì yíng yǎng huǒ shí.
Bộ phận bảo đảm hậu cần công trình khoa học lớn kiểm soát nghiêm ngặt dinh dưỡng cân bằng và an toàn thực phẩm, mang lại các bữa ăn khẩu phần ăn cơm nước dinh dưỡng chất lượng cao cho các cán bộ nghiên cứu khoa học tuyến đầu chiến đấu cường độ cao liên tục.

26 nét | HÁN VIỆT : HOẢ THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #1824

或多或少
huòduōhuòshǎo

ít nhiều, nhiều hay ít phần nào đó

在前沿基础科学探索中，每一次看似失败的实验都在客观上或多或少地为最终揭示未知物理真理排除了错误路径。
Zài qián yán jī chǔ kē xué tàn suǒ zhōng, měi yī cì kàn shì shī bài de shí yàn dōu zài kè guān shàng huò duō huò shǎo dì wèi zuì zhōng jiē shì wèi zhī wù lǐ zhēn lǐ pái chú le cuò wù lù jìng.
Trong tìm tòi khoa học cơ bản tiên phong, mỗi một lần thực nghiệm xem chừng thất bại đều trên thực tế ít nhiều nhiều hay ít phần nào đó đã loại trừ bớt những con đường sai lầm để cuối cùng hé lộ chân lý vật lý chưa biết.

35 nét | HÁN VIỆT : HOẶC ĐA HOẶC THIỂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1825

货币
huò bì

tiền tệ, tiền, đồng tiền thanh toán

人民币跨境支付系统功能持续优化，推动人民币作为国际贸易结算与储备货币的国际化进程稳步向前迈进。
Rén mín bì kuà jìng zhī fù xì tǒng gōng néng chí xù yōu huà, tuī dòng rén mín bì zuò wéi guó jì mào yì jié suàn yǔ chǔ bèi huò bì de guó jì huà jìn chéng wěn bù xiàng qián mài jìn.
Hệ thống thanh toán xuyên biên giới bằng đồng Nhân dân tệ không ngừng được tối ưu hóa, thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa của đồng Nhân dân tệ với tư cách là đồng tiền thanh toán thương mại và dự trữ quốc tế từng bước vững chắc tiến lên.

23 nét | HÁN VIỆT : HOÁ TỆ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1826

货车
huòchē

xe chở hàng, xe tải toa xe hàng

大科学装置超精密核心部件运输采用了特种气囊减震恒温恒湿重型特种货车，确保跨省长途运输颠簸振动近乎为零。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì hé xīn bù jiàn yùn shū cǎi yòng le tè zhǒng qì náng jiǎn zhèn héng wēn héng shī zhòng xíng tè zhǒng huò chē, què bǎo kuà shěng zhǎng tú yùn shū diān bǒ zhèn dòng jìn hū wèi líng.
Việc vận chuyển các linh kiện cốt lõi siêu chính xác thiết bị khoa học lớn áp dụng xe tải xe chở hàng hạng nặng đặc chủng độ ẩm ổn định nhiệt độ ổn định giảm chấn túi khí đặc chủng, bảo đảm rung xóc khi vận chuyển đường dài liên tỉnh gần như bằng không.

19 nét | HÁN VIỆT : HOÁ XA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1827

货物
huòwù

hàng hóa, kiện hàng

天舟货运飞船具备超强在轨货物补给与推进剂快速自主补加能力，为中国空间站长期安全运行构筑起生命补给线。
Tiān zhōu huò yùn fēi chuán jù bèi chāo qiáng zài guǐ huò wù bǔ jǐ yǔ tuī jìn jì kuài sù zì zhǔ bǔ jiā néng lì, wèi zhōng guó kōng jiān zhàn cháng qī ān quán yùn xíng gòu zhù qǐ shēng mìng bǔ jǐ xiàn.
Tàu vũ trụ chở hàng Thiên Châu sở hữu năng lực bổ sung tự chủ nhanh chóng chất đẩy và tiếp tế hàng hóa kiện hàng trên quỹ đạo siêu mạnh, xây dựng nên tuyến tiếp tế sinh mệnh cho sự vận hành an toàn lâu dài của Trạm Vũ trụ Trung Quốc.

18 nét | HÁN VIỆT : HOÁ VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1828

货运
huòyùn

vận tải hàng hóa, chuyển phát vận chuyển hàng

我国成功构建了覆盖陆海空天一体化的高效现代绿色货运物流网络体系，全面支撑现代化产业体系高质量运转。
Wǒ guó chéng gōng gòu jiàn le fù gài lù hǎi kōng tiān yī tǐ huà de gāo xiào xiàn dài lǜ sè huò yùn wǎng luò tǐ xì, quán miàn zhī chēng xiàn dài huà chǎn yè tǐ xì gāo zhì liàng yùn zhuǎn.
Nước ta đã xây dựng thành công hệ thống mạng lưới logistics vận chuyển hàng vận tải hàng hóa xanh hiện đại hiệu quả cao tích hợp đất liền - biển - trời - không gian vũ trụ, nâng đỡ toàn diện sự vận hành chất lượng cao của hệ thống ngành nghề hiện đại hóa.

20 nét | HÁN VIỆT: HOÁ VẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1829

获胜
huòshèng

giành thắng lợi, chiến thắng đoạt phần thắng

在国际超级计算基准性能评测挑战中，我国完全自主架构的国产超算集群凭借卓越算力能效比力拔头筹，成功获胜！
Zài guó jì chāo jí jì suàn jī zhǔn xìng néng píng cè tiǎo zhàn zhōng, wǒ guó wán quán zì zhǔ jià gòu de guó chǎn chāo suàn jí qún píng jiè zhuó yuè suàn lì néng xiào bǐ lì bá tóu chóu, chéng gōng huò shèng!
Trong cuộc thi thử thách đánh giá tính năng chuẩn mực siêu máy tính quốc tế, cụm siêu máy tính sản xuất trong nước với kiến trúc hoàn toàn tự chủ của nước ta dựa vào tỷ số hiệu năng sức mạnh tính toán trác việt đã dẫn đầu giành thắng lợi chiến thắng thành công!

20 nét | HÁN VIỆT: HOẠCH THẮNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1830

获悉
huòxī

được biết, hay tin biết được tin tức

当在国际学术大会现场获悉中国科学家荣获国际前沿物理最高奖项时，全场中外学者爆发出雷鸣般的掌声。
Dāng zài guó jì xué shù dà huì xiàn chǎng huò xī zhōng guó kē xué jiā róng huò guó jì qián yán wù lǐ zuì gāo jiǎng xiàng shí, quán chǎng zhōng wài xué zhě bào fā chū léi míng bān de zhǎng shēng.
Khi hay tin được biết biết được tin tức tại hiện trường Đại hội Học thuật Quốc tế về việc nhà khoa học Trung Quốc vinh dự nhận giải thưởng cao nhất vật lý tiên phong quốc tế, toàn trường các học giả trong và ngoài nước đã bùng lên tràng pháo tay như sấm dậy.

19 nét | HÁN VIỆT: HOẠCH TẤT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1831

祸害
huòhai

tai họa mầm họa hiểm họa; tàn phá gây hại

国家网络安全防护网络构筑起铜墙铁壁，坚决阻断境外恶意勒索病毒侵入、铲除危害国家关键基础设施的数字祸害。
Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù wǎng luò gòu zhù qǐ tóng qiáng tiě bì, jiān jué zǔ duàn jìng wài è yì lè suǒ bìng dú qīn rù, chǎn chú wēi hài guó jiā guān jiàn jī chǔ shè shī de shù zì huò hài.
Mạng lưới phòng hộ an ninh mạng quốc gia đắp xây nên bức tường đồng vách sắt, kiên quyết chặn đứng sự xâm nhập của virus tống tiền ác ý nước ngoài, bứng tận gốc mầm họa tai họa hiểm họa số hóa gây hại cho cơ sở hạ tầng then chốt của quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT: HOẠ HẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1832

霍乱
huòluàn

bệnh tả, dịch tả bệnh truyền nhiễm tả

国家公共卫生与传染病防控科研攻关团队成功研制出新型高效口服重组霍乱疫苗，为全球公共卫生安全贡献了中国智慧。
Guó jiā gōng gòng wèi shēng yǔ chuán rǎn bìng fáng kòng kē yán gōng guān tuán duì chéng gōng yán zhì chū xīn xíng gāo xiào kǒu fú chóng zú huò luàn yì miáo, wèi quán qiú gōng gòng wèi shēng ān quán gòng xiàn le zhōng guó zhì huì.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó kiểm soát phòng ngừa bệnh truyền nhiễm và vệ sinh công cộng quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công vắc-xin dịch tả bệnh tả tái tổ hợp đường uống hiệu quả cao kiểu mới, đóng góp trí tuệ Trung Quốc cho an ninh y tế công cộng toàn cầu.

22 nét | HÁN VIỆT: HOẮC LOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1833

讥笑
jī xiào

chế nhạo, giễu cợt, mỉa mai chê cười

真正的科学先驱者从不畏惧探索道路上的暂时挫折，更不会因外界无知的偏见与无端讥笑而动摇自己的学术信念。
Zhēn zhèng de kē xué xiān qū zhě cóng bù wèi jù tàn suǒ dào lù shàng de zàn shí cuò zhé, gèng bú huì yīn wài jiè wú zhī de piān jiàn yǔ wú duān jī xiào ér dòng yáo zì jǐ de xué shù xìn niàn.
Những người mở đường khoa học chân chính chưa bao giờ sợ hãi những vấp ngã trắc trở nhất thời trên con đường tìm tòi, càng không bao giờ vì những định kiến ngu dốt và lời chế nhạo vô căn cứ từ bên ngoài mà lung lay niềm tin học thuật của bản thân.

21 nét | HÁN VIỆT: CƠ TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1834

饥饿
jī è

đói bụng

在面对复杂的挑战时，保持饥饿的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí jī è de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đói bụng đặc biệt quan trọng.

26 nét | HÁN VIỆT: CƠ NGẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1835

机舱
jīcāng

khoang máy, buồng máy khoang lái tàu bay

国产大型客机采用了新一代轻量化特种气动布局与超静音机舱声学降噪设计，极大提升了旅客乘机舒适度体验。
Guó chǎn dà xíng kè jī cǎi yòng le xīn yí dài qīng liàng huà tè zhǒng qì dòng bù jú yǔ chāo jìng yīn jī cāng shēng xué jiàng zào shè jì, jí dà tí shēng le lǚ kè chéng jī shū shì dù tǐ yàn.
Máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước áp dụng bố cục khí động đặc chủng nhẹ hóa thế hệ mới cùng thiết kế giảm ồn âm học buồng máy khoang máy siêu yên tĩnh, nâng cao tối đa trải nghiệm thoải mái khi bay của hành khách.

19 nét | HÁN VIỆT: CƠ THƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1836

机动
jī dòng

cơ động, linh hoạt cơ động; xe cơ giới

第五代先进隐身重型战斗机搭载了全向矢量推力航空发动机，具备极其优异的超音速巡航与超大迎角机动飞行性能。
Dì wǔ dài xiān jìn yǐn shēn zhòng xíng zhàn dòu jī dā zài le quán xiàng shǐ liàng tuī lì háng kōng fā dòng jī, jù bèi jí qí yōu yì de chāo yīn sù xún háng yǔ chāo dà yíng jiǎo jī dòng fēi xíng xìng néng.
Máy bay chiến đấu hạng nặng tàng hình tiên tiến thế hệ thứ 5 trang bị động cơ hàng không có vòi phun vec-tơ lực đẩy toàn hướng, sở hữu tính năng bay hành trình siêu thanh và tính năng cơ động bay ở góc đón gió siêu lớn vô cùng vượt trội.

23 nét | HÁN VIỆT: CƠ ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1837

机灵
jī líng

lanh lợi, nhanh nhẹn, khôn ngoan hoạt bát

经过严格专业搜救科目训练的搜救犬机灵敏捷，能在极其狭窄危险的地震废墟夹缝中精准搜寻幸存者气味。
Jīng guò yán gé zhuān yè sōu jiù kē mù xùn liàn de sōu jiù quǎn jī líng mǐn jié, néng zài jí qí xiá zhǎi wēi xiǎn de dì zhèn fèi xū jiā fèng zhōng jīng zhǔn sōu xún xìng cún zhě qì wèi.
Chó nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn trải qua sự huấn luyện nghiêm ngặt các nội dung chuyên môn rất nhanh nhẹn lanh lợi, có thể đánh hơi tìm kiếm chuẩn xác mùi của các nạn nhân còn sống trong những khe nứt đổ nát hẹp và nguy hiểm của đống đổ nát động đất.

22 nét | HÁN VIỆT : CƠ LINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1838

机密
jī mì

cơ mật, bí mật tuyệt mật, bí mật quốc gia

在涉及国家核心安全与尖端前沿国防科研型号研发全过程中，必须严格执行最高等级的涉密保密纪律规程。
Zài shè jí guó jiā hé xīn ān quán yǔ jiān duān qián yán guó fáng kē yán xíng hào yán fā quán guò chéng zhōng, bì xū yán gé zhí xíng zuì gāo děng jí de shè mì bǎo mì jì lǜ guī chéng.
Trong toàn bộ quá trình nghiên cứu chế tạo các sản phẩm nghiên cứu khoa học quốc phòng tối tân mũi nhọn và an ninh cốt lõi của quốc gia, bắt buộc phải thực thi nghiêm ngặt các quy trình kỷ luật bảo mật cơ mật ở cấp độ cao nhất.

19 nét | HÁN VIỆT : CƠ MẬT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1839

机智
jī zhì

mưu trí, thông minh nhanh trí, tài trí ứng biến

在突发复杂险情的关键时刻，机长沉着冷静、机智果断地操控飞机化险为夷，创造了民航史上的迫降奇迹。
Zài tū fā fù zá xiǎn qíng de guān jiàn shí kè, jī zhǎng chén zhuó lěng jìng, jī zhì guǒ duàn dì cāo kòng fēi jī huà xiǎn wèi yí, chuàng zào le mín háng shǐ shàng de pò jiàng qí jì.
Vào thời khắc hiểm nghèo then chốt ập đến bất ngờ, cơ trưởng đã điềm tĩnh bình tĩnh, mưu trí và quả đoán điều khiển máy bay chuyển nguy thành an, kiến tạo nên kỳ tích hạ cánh khẩn cấp trong lịch sử hàng không dân dụng.

22 nét | HÁN VIỆT : CƠ TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1840

肌肤
jīfū

làn da, da thịt tế bào biểu bì da

生物材料国家重点实验室成功研发出具备全生理感知与超快速自愈能力的新型仿生电子人工皮肤，可与人体肌肤完美贴合。
Shēng wù cái liào guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng yán fā chū jù bèi quán shēng lǐ gǎn zhī yǔ chāo kuài sù zì yù néng lì de xīn xíng fǎng shēng diàn zi rén gōng pí fū, kě yǔ rén tǐ jī fū wán měi tiē hé.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia vật liệu sinh học đã nghiên cứu chế tạo thành công da nhân tạo điện tử phỏng sinh học kiểu mới sở hữu năng lực tự lành siêu nhanh và cảm nhận toàn bộ sinh lý, có thể gắn dán hoàn hảo ăn khớp với làn da da thịt con người.

21 nét | HÁN VIỆT : CƠ PHU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1841

迹象
jì xiàng

dấu hiệu, hiện tượng manh nha, biểu hiện

地质灾害智能监测预警系统通过毫秒级微变形监测，能够提前精准捕捉到山体滑坡发生前的任何细微前兆迹象。
Dì zhì zāi hài zhì néng jiān cè yù jǐng xì tǒng tōng guò háo miǎo jí wēi biàn xíng jiān cè, néng gòu tí qián jǐng zhǔn bǔ zhuō dào shān tǐ huá pō fā shēng qián de rèn hé xì wēi qián zhào jì xiàng.
Hệ thống giám sát và cảnh báo sớm thảm họa địa chất thông minh thông qua việc giám sát vi biến dạng ở mức mili-giây có thể bắt trọn chuẩn xác trước từ sớm bất kỳ dấu hiệu manh nha điềm báo nhỏ bé nào trước khi sạt lở núi xảy ra.

24 nét | HÁN VIỆT : TÍCH TƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1842

积
jī

tích lũy dồn chứa; tích phân toán học (jīfēn)

不积跬步，无以至千里；广大科研人员数十年如一日的默默积淀，终汇聚成推动科技强国腾飞的磅礴力量。
Bù jī kuǐ bù, wú yǐ zhì qiān lǐ； guǎng dà kē yán rén yuán shù shí nián rú yī rì de mò mò jī diàn, zhōng huì jù chéng tuī dòng kē jì qiáng guó téng fēi de páng bó lì liàng.
Không tích lũy tích dồn từng bước nhỏ, không thể đi tới ngàn dặm; sự tích lũy dồn chứa thầm lặng mấy chục năm như một ngày của đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học cuối cùng đã hội tụ thành sức mạnh to lớn cuộn trào thúc đẩy cường quốc khoa học công nghệ cất cánh.

10 nét | HÁN VIỆT : TÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1843

积淀
jīdiàn

bề dày tích lũy, tích tụ lắng đọng vốn liếng tri thức

深厚坚实的数理科学基础理论积淀，是支撑青年科学家在未知科学无人区勇攀世界高峰的最坚韧底气。
Shēn hòu jiān shí de shù lǐ kē xué jī chǔ lǐ lùn jī diàn, shì zhī chēng qīng nián kē xué jiā zài wèi zhī kē xué wú rén qū yǒng pān shì jiè gāo fēng de zuì jiān rèn dǐ qì.
Bề dày tích lũy lắng đọng tích tụ lý luận cơ bản khoa học toán lý vững chắc sâu sắc chính là bản lĩnh kiên cường vững vàng nhất nâng đỡ các nhà khoa học trẻ dũng cảm trèo lên đỉnh cao thế giới trong vùng không người khoa học chưa biết.

23 nét | HÁN VIỆT : TÍCH ĐIỂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1844

积蓄
jīxù

tiền tích lũy, tích góp dành dụm; tích tụ năng lượng

战略科学家临终前将自己一生的全部工资积蓄设立为专项奖学金，激励青年学子矢志投身国家基础前沿科学探索。
Zhàn lüè kē xué jiā lín zhōng qián jiāng zì jǐ yī shēng de quán bù gōng zī jī xù shè lì wèi zhuān xiàng jiǎng xué jīn, jī lì qīng nián xué zǐ shǐ zhì tóu shēn guó jiā jī chǔ qián yán kē xué tàn suǒ.
Vị nhà khoa học chiến lược trước lúc lâm chung đã đem toàn bộ tiền tích lũy dành dụm tích cóp tiền lương cả đời mình thành lập quỹ học bổng chuyên án, khích lệ các học trò trẻ sắt son một lòng dấn thân vào khám phá khoa học cơ bản tiên phong của quốc gia.

21 nét | HÁN VIỆT : TÍCH SÚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1845

基本功
jīběngōng

kỹ năng cơ bản, công phu căn bản kiến thức nền

导师始终严格要求研究生练好数理推导与第一手精密实验基本功，坚决杜绝任何急功近利浮躁心态。
Dǎo shī shǐ zhōng yán gé yāo qiú yán jiū shēng liàn hǎo shù lǐ tuī dǎo yǔ dì yī shǒu jīng mì shí yàn jī běn gōng, jiān jué dù jué rèn hé jí gōng jìn lì fú zào xīn tài.
Giảng viên hướng dẫn luôn luôn yêu cầu nghiêm ngặt các nghiên cứu sinh phải luyện thật tốt công phu căn bản kỹ năng cơ bản thực nghiệm chính xác ban đầu và suy diễn toán lý, kiên quyết chấm dứt mọi tâm lý phù phiếm nóng vội muốn mau thành công.

32 nét | HÁN VIỆT : CƠ BẢN CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1846

基层
jīcéng

cơ sở, cấp cơ sở địa phương tuyến cơ sở

国家持续选派优秀青年农业科技特派员深入广大乡村基层一线，把前沿良种良法直接送到农民田间地头。
Guó jiā chí xù xuǎn pài yōu xiù qīng nián nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù guǎng dà xiāng cūn jī céng yī xiàn, bǎ qián yán liáng zhǒng liáng fǎ zhí jiē sòng dào nóng mín tián jiān dì tóu.
Nhà nước liên tục tuyển chọn cử phái các phái viên khoa học kỹ thuật nông nghiệp thanh niên xuất sắc đi sâu vào tuyến cơ sở cấp cơ sở nông thôn rộng lớn, đem các phương pháp tốt giống tốt tiên phong trực tiếp trao tận ruộng đồng đầu bờ của bà con nông dân.

19 nét | HÁN VIỆT : CƠ TẦNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1847

基因
jī yīn

gen, bộ gen di truyền

国家基因库汇聚了数千万份动植物珍稀种质资源样本与基因数据，是守护国家战略生物安全的重要基础设施。
Guó jiā jī yīn kù huì jù le shù qiān wàn fèn dòng zhí wù zhēn xī zhǒng zhì zī yuán yàng běn yǔ jī yīn shù jù, shì shǒu hù guó jiā zhàn lüè shēng wù ān quán de zhòng yào jī chǔ shè shī.
Ngân hàng Gen Quốc gia lưu giữ hàng chục triệu mẫu vật tài nguyên giống cây trồng vật nuôi quý hiếm cùng dữ liệu gen, là cơ sở hạ tầng quan trọng bảo vệ an toàn sinh học mang tính chiến lược của quốc gia.

20 nét | HÁN VIỆT : CƠ NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ | #1848

基于
jīyú

dựa trên, căn cứ vào trên cơ sở

我国科学家成功构建了基于完全自主原创微架构的新一代量子计算原型机，再次刷新量子优越性世界纪录。
Wǒ guó kē xué jiā chéng gōng gòu jiàn le jī yú wán quán zì zhǔ yuán chuàng wēi jià gòu de xīn yí dài liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, zài cì shuā xīn liàng zǐ yōu yuè xìng shì jiè jì lù.
Các nhà khoa học nước ta đã xây dựng thành công máy tính lượng tử nguyên mẫu thế hệ mới dựa trên căn cứ vào vi kiến trúc nguyên bản hoàn toàn tự chủ, một lần nữa phá vỡ kỷ lục thế giới về tính ưu việt lượng tử (Quantum Supremacy).

25 nét | HÁN VIỆT : CƠ VU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1849

基准
jīzhǔn

chuẩn mực đo lường, mốc chuẩn tiêu chuẩn cơ sở

中国计量科学研究院成功研制出新一代锶原子光晶格钟，其时间频率基准不确定度达到了数十亿年误差不超一秒的世界极限精度。
Zhōng guó jì liàng kē xué yán jiū yuàn chéng gōng yán zhì chū xīn yí dài sī yuán zǐ guāng jīng gé zhōng, qí shí jiān pín lǜ jī zhǔn bù què dìng dù dá dào le shù shí yì nián wù chā bù chāo yī miǎo de shì jiè jí xiàn jīng dù.
Viện Khoa học Đo lường Trung Quốc đã nghiên cứu chế tạo thành công đồng hồ cách tử quang học nguyên tử stronti thế hệ mới, độ không đảm bảo đo chuẩn mực mốc chuẩn tiêu chuẩn cơ sở tần số thời gian của nó đạt độ chính xác giới hạn thế giới với sai số không quá một giây trong hàng tỷ năm.

23 nét | HÁN VIỆT : CƠ CHUẨN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1850

畸形
jīxíng

dị tật, méo mó biến dạng biến tướng

科技评价改革坚决破除简单以论文数量和影响因子论英雄的畸形评价导向，全面树立重实质创新与战略贡献的新风尚。
Kē jì píng jià gǎi gé jiān jué pò chú jiǎn dān yǐ lùn wén shù liàng hé yǐng xiǎng yīn zi lùn yīng xióng de jī xíng píng jià dǎo xiàng, quán miàn shù lì zhòng shí zhì chuàng xīn yǔ zhàn lüè gòng xiàn de xīn fēng shàng.
Cải cách đánh giá khoa học công nghệ kiên quyết xóa bỏ định hướng đánh giá méo mó dị tật biến tướng lấy số lượng bài báo và hệ số ảnh hưởng để luận anh hùng một cách đơn giản, xác lập toàn diện nếp sống mới coi trọng đóng góp chiến lược và đổi mới sáng tạo thực chất.

18 nét | HÁN VIỆT : KỲ HÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1851

激发
jī fā

khơi dậy, kích thích, kích hoạt (tiềm năng, sáng tạo)

通过全面深化科技体制改革与赋予科研人员更大自主权，极大激发了全社会科技工作者的原始创新潜能与活力。
Tōng guò quán miàn shēn huà kē jì tǐ zhì gǎi gé yǔ fù yǔ kē yán rén yuán gèng dà zì zhǔ quán, jí dà jī fā le quán shè huì kē jì gōng zuò zhě de yuán shǐ chuàng xīn qián néng yǔ huó lì.
Thông qua việc đi sâu cải cách toàn diện thể chế khoa học công nghệ và trao quyền tự chủ lớn hơn cho cán bộ nghiên cứu, đã khơi dậy mạnh mẽ sức sống cùng tiềm năng đổi mới sáng tạo nguyên tác của đông đảo người làm khoa học công nghệ trong toàn xã hội.

24 nét | HÁN VIỆT : KÍCH PHÁT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1852

激光
jīguāng

tia laser, chùm laser quang học

我国成功研制出全球峰值功率最高的新一代超强超短激光实验大科学装置，为探索极端高能量密度物理提供了利器。
Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū quán qiú fēng zhí gōng lǜ zuì gāo de xīn yí dài chāo qiáng chāo duǎn jī guāng shí yàn dà kē xué zhuāng zhì, wèi tàn suǒ jí duān gāo néng liàng mì dù wù lǐ tí gōng le lì qì.
Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công thiết bị khoa học lớn thực nghiệm tia laser chùm laser siêu ngắn siêu mạnh thế hệ mới có công suất đỉnh cao nhất toàn cầu, mang lại vũ khí sắc bén cho việc khám phá vật lý mật độ năng lượng cực cao.

27 nét | HÁN VIỆT : KÍCH QUANG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1853

激化
jīhuà

làm gay gắt thêm, làm sâu sắc thêm căng thẳng

面对外部个别国家将经贸科技问题政治化而激化地缘竞争的逆流，中国坚定不移推进全球开放科学多边合作。
Miàn duì wài bù gè bié guó jiā jiāng jīng mào kē jì wèn tí zhèng zhì huà ér jī huà dì yuán jìng zhēng de nì liú, zhōng guó jiān dìng bù yí tuī jìn quán qiú kāi fàng kē xué duō biān hé zuò.
Đứng trước dòng chảy ngược của một số quốc gia bên ngoài chính trị hóa các vấn đề kinh tế thương mại khoa học công nghệ làm gay gắt thêm căng thẳng cạnh tranh địa chính trị, Trung Quốc kiên định không dời thúc đẩy hợp tác đa phương khoa học mở toàn cầu.

26 nét | HÁN VIỆT : KÍCH HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1854

激活
jīhuó

kích hoạt, khơi thông đánh thức làm sống dậy

深化科研经费与科技成果转化机制改革，有力激活了广大高校与科研院所科研人员创新创业的巨大内生动力。
Shēn huà kē yán jīng fèi yǔ kē jì chéng guǒ zhuǎn huà jī zhì gǎi gé, yǒu lì jī huó le guǎng dà gāo xiào yǔ kē yán yuàn suǒ kē yán rén yuán chuàng xīn chuàng yè de jù dà nèi shēng dòng lì.
Đi sâu cải cách cơ chế chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ và kinh phí nghiên cứu khoa học đã kích hoạt khơi thông đánh thức mạnh mẽ động lực nội sinh to lớn về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu khoa học và trường đại học.

27 nét | HÁN VIỆT : KÍCH HOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1855

激励
jī lì

khích lệ, động viên; cơ chế tưởng thưởng

国家建立健全了以创新价值、能力、贡献为核心导向的科技人才评价与重大科技成果专项激励机制。
Guó jiā jiàn lì jiàn quán le yǐ chuàng xīn jià zhí, néng lì, gòng xiàn wèi hé xīn dǎo xiàng de kē jì rén cái píng jià yǔ zhòng dà kē jì chéng guǒ zhuān xiàng jī lì jī zhì.
Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế tưởng thưởng khích lệ chuyên đề đối với các thành quả khoa học công nghệ trọng đại cùng cơ chế đánh giá nhân tài công nghệ lấy giá trị đổi mới, năng lực và cống hiến làm định hướng hạt nhân.

23 nét | HÁN VIỆT : KÍCH LỆ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1856

激起
jīqǐ

dấy lên, khơi dậy làm bùng lên làn sóng

中国在大科学工程与量子信息领域的重大突破，在国际顶尖学术界激起了极其热烈的讨论与广泛赞誉。
Zhōng guó zài dà kē xué gōng chéng yǔ liàng zǐ xìn xī lǐng yù de zhòng dà tū pò, zài guó jì dǐng jiān xué shù jiè jī qǐ le jí qí rè liè de tǎo lùn yǔ guǎng fàn zàn yù.
Những bước đột phá trọng đại của Trung Quốc trong lĩnh vực thông tin lượng tử và công trình khoa học lớn đã dấy lên khơi dậy làm bùng lên những cuộc thảo luận vô cùng sôi nổi cùng sự khen ngợi rộng rãi trong giới học thuật đỉnh cao quốc tế.

26 nét | HÁN VIỆT : KÍCH KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1857

激素
jīsù

hoóc-môn, kích thích tố sinh học

植物分子生物学国家重点实验室首次在原子分辨率下解析了新型植物生长激素受体复合物的三维空间结合机理。
Zhí wù fēn zǐ shēng wù xué guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì shǒu cì zài yuán zi fēn biàn lǜ xià jiě xī le xīn xíng zhí wù shēng zhǎng jī sù shòu tǐ fù hé wù de sān wéi kōng jiān jié hé jī lǐ.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia sinh học phân tử thực vật lần đầu tiên đã giải mã cơ chế liên kết không gian 3D của phức hợp thụ thể kích thích tố hoóc-môn sinh trưởng thực vật kiểu mới ở độ phân giải nguyên tử.

22 nét | HÁN VIỆT : KÍCH TỐ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Giới từ | #1858

及
jí

và, cùng với; kịp đến (jíshí)

国家实验室聚焦微观量子调控、人工智能基础理论及前沿交叉科学，构筑起面向世界科技前沿的战略策源地。
Guó jiā shí yàn shì jù jiāo wēi guān liàng zǐ tiáo kòng, rén gōng zhì néng jī chǔ lǐ lùn jí qián yán jiāo chā kē xué, gòu zhù qǐ miàn xiàng shì jiè kē jì qián yán de zhàn lüè cè yuán dì.
Phòng thí nghiệm quốc gia tập trung vào lý luận cơ bản trí tuệ nhân tạo, điều khiển lượng tử vi mô và cùng với khoa học liên ngành tiên phong, xây dựng nên cội nguồn chiến lược hướng tới mũi nhọn khoa học công nghệ thế giới.

10 nét | HÁN VIỆT : CẬP

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Cụm từ | #1859

及其
jíqí

và cùng với nó, và cả những thứ thuộc về nó

科学家全面解析了新型超导材料在极低温强磁场极端环境下的微观电子配对机理及其拓扑相变物理规律。
Kē xué jiā quán miàn jiě xī le xīn xíng chāo dǎo cái liào zài jí dī wēn qiáng cí chǎng jí duān huán jìng xià de wēi guān diàn zi pèi duì jī lǐ jí qí tuò pū xiāng biàn wù lǐ guī lǜ.
Các nhà khoa học đã giải mã toàn diện cơ chế ghép đôi electron vi mô và cùng với nó quy luật vật lý chuyển pha tô-pô của vật liệu siêu dẫn kiểu mới dưới môi trường cực đoan từ trường mạnh nhiệt độ cực thấp.

19 nét | HÁN VIỆT : CẬP KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1860

及早
jí zǎo

kịp thời, càng sớm càng tốt, đón đầu từ sớm

在重大传染病防控与森林火灾应急管理中，必须坚持关口前移、抓早抓小，及早发现并坚决化解潜在安全隐患。
Zài zhòng dà chuán rǎn bìng fáng kòng yǔ sēn lín huǒ zāi yìng jí guǎn lǐ zhōng, bì xū jiān chí guān kǒu qián yí, zhuā zǎo zhuā xiǎo, jí zǎo fā xiàn bìng jiān jué huà jiě qián zài ān quán yǐn huàn.
Trong công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và quản lý khẩn cấp cháy rừng, bắt buộc phải kiên trì chuyển chốt kiểm soát về phía trước, đón đầu từ sớm từ việc nhỏ, kịp thời phát hiện từ sớm và kiên quyết hóa giải các nguy cơ an toàn tiềm ẩn.

18 nét | HÁN VIỆT : CẬP TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1861

吉普
jípǔ

xe jeep, xe việt dã jeep

极地科考队驾驶着搭载特种低温防冻电池与卫星定位导航系统的越野吉普车，在冰雪荒原上艰难穿行开辟科研采样路线。
Jí dì kē kǎo duì jià shǐ zhe dā zài tè zhǒng dī wēn fáng dòng diàn chí yǔ wèi xīng dìng wèi dǎo háng xì tǒng de yuè yě jí pǔ chē, zài bīng xuě huāng yuán shàng jiān nán chuān xíng kāi pì kē yán cǎi yàng lù xiàn.
Đội khảo sát khoa học vùng cực lái chiếc xe jeep xe việt dã jeep gắn hệ thống dẫn đường định vị vệ tinh và pin chống đông nhiệt độ thấp đặc chủng, gian nan băng qua vùng hoang nguyên băng tuyết mở ra lộ trình lấy mẫu nghiên cứu khoa học.

18 nét | HÁN VIỆT : CÁT PHỔ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1862

吉他
jítā

đàn ghi-ta, cây đàn guitar

在紧张繁重的科研攻关间隙文艺晚会上，青年物理学家弹奏起悠扬的古典吉他，在欢快旋律中舒缓团队科研压力。
Zài jǐn zhāng fán zhòng de kē yán gōng guān jiàn xì wén yì wǎn huì shàng, qīng nián wù lǐ xué jiā dàn zòu qǐ yōu yáng de gǔ diǎn jí tā, zài huān kuài xuán lǜ zhōng shū huǎn tuán duì kē yán yā lì.
Tại đêm dạ hội văn nghệ giữa những lúc rảnh rỗi của đợt vượt khó nghiên cứu khoa học căng thẳng nặng nề, nhà vật lý trẻ tuổi đã gảy lên cây đàn guitar đàn ghi-ta cổ điển du dương, xoa dịu áp lực nghiên cứu khoa học của toàn đội trong giai điệu rộn rã vui tươi.

19 nét | HÁN VIỆT : CÁT THA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1863

吉祥物
jíxiángwù

linh vật, biểu tượng may mắn linh vật đại hội

全国科技活动周推出了融合深空探测航天员与智能机器兔形象的官方科普吉祥物，深受广大青少年喜爱。
Quán guó kē jì huó dòng zhōu tuī chū le róng hé shēn kōng tàn cè háng tiān yuán yǔ zhì néng jī qì tù xíng xiàng de guān fāng kē pǔ jí xiáng wù, shēn shòu guǎng dà qīng shào nián xǐ ài.
Tuần lễ Hoạt động Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc đã ra mắt linh vật biểu tượng may mắn phổ biến khoa học chính thức dung hợp hình tượng thỏ máy thông minh và phi hành gia thám trắc không gian sâu, được đông đảo các bạn thanh thiếu niên vô cùng yêu thích.

31 nét | HÁN VIỆT : CÁT TƯỜNG VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1864

级别
jí bié

cấp bậc, cấp độ tiêu chuẩn (an ninh, an toàn)

国家超级计算中心配备了具备最高安全级别的防灾机房与冗余供电系统，确保核心算力基础设施万无一失稳定运行。
Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn pèi bèi le jù bèi zuì gāo ān quán jí bié de fáng zāi jī fáng yǔ rǒng yú gōng diàn xì tǒng, què bǎo hé xīn suàn lì jī chǔ shè shī wàn wú yī shī wěn dìng yùn xíng.
Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia được trang bị phòng máy chống thảm họa và hệ thống cấp điện dự phòng ở cấp bậc an toàn cao nhất, bảo đảm cơ sở hạ tầng năng lực tính toán cốt lõi vận hành tuyệt đối an toàn và ổn định.

22 nét | HÁN VIỆT : CẤP BIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Liên từ | #1865

即
jí

tức là, chính là; ngay lập tức (jíshí)

科学探索贵在严谨务实，发现异常物理数据即展开多维度闭环溯源，是攻关团队克敌制胜的重要法宝。
Kē xué tàn suǒ guì zài yán jǐn wù shí, fā xiàn yì cháng wù lǐ shù jù jí zhǎn kāi duō wéi dù bì huán sù yuán, shì gōng guān tuán duì kè dí zhì shèng de zhòng yào fǎ bǎo.
Khám phá khoa học quý ở chỗ thực chất nghiêm cẩn, phát hiện số liệu vật lý dị thường chính là tức là lập tức triển khai truy vết nguồn gốc khép kín đa chiều, chính là pháp bảo quan trọng giúp đội ngũ vượt khó chiến thắng khắc phục mọi trở ngại.

14 nét | HÁN VIỆT : TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1866

即便
jí biàn

cho dù, dẫu cho, ngay cả khi

即便面对全球前沿科技封锁与国际产业链重构的严峻考验，中国科技自立自强的坚定决心也绝不会发生任何动摇。
Jí biàn miàn duì quán qiú qián yán kē jì fēng suǒ yǔ guó jì chǎn yè liàn zhòng gòu de yán jùn kǎo yàn, zhōng guó kē jì zì lì zì qiáng de jiān dìng jué xīn yě jué bú huì fā shēng rèn hé dòng yáo.
Cho dù phải đối mặt với thử thách gay gắt của sự phong tỏa khoa học công nghệ tiên phong toàn cầu và việc tái cơ cấu chuỗi công nghiệp quốc tế, quyết tâm kiên định tự chủ tự cường khoa học công nghệ của Trung Quốc cũng tuyệt đối không hề lung lay.

25 nét | HÁN VIỆT : TỨC TIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #1867

即可
jíkě

là được, là có thể xong ngay

科研人员只需在国家大科学计算云平台客户端输入统一身份认证密钥，即可实现对全国跨区域超算集群的秒级直连调用。
Kē yán rén yuán zhǐ xū zài guó jiā dà kē xué jì suàn yún píng tái kè hù duān shū rù tǒng yī shēn fèn rèn zhèng mì yào, jí kě shí xiàn duì quán guó kuà qū yù chāo suàn jí qún de miǎo jí zhí lián diào yòng.
Cán bộ nghiên cứu khoa học chỉ cần nhập khóa bí mật xác thực danh tính thống nhất tại máy trạm nền tảng đám mây tính toán khoa học lớn quốc gia, là có thể là được thực hiện việc gọi dùng kết nối trực tiếp cấp độ giây đối với các cụm siêu máy tính xuyên khu vực trên toàn quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : TỨC KHẢ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Tính từ | #1868

极度
jídù

cực độ, tột cùng vô cùng hết sức

大科学装置超高真空靶室在极度严苛的极限物理测试工况下依然保持了优异的真空密封完整度指标。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo zhēn kōng bǎ shì zài jí dù yán kē de jí xiàn wù lǐ cè shì gōng kuàng xià yī rán bǎo chí le yōu yì de zhēn kōng mì fēng wán zhěng dù zhǐ biāo.
Buồng bia siêu chân không của thiết bị khoa học lớn dưới điều kiện làm việc thử nghiệm vật lý giới hạn cực độ tột cùng khắt khe vẫn duy trì chỉ tiêu độ toàn vẹn bịt kín chân không ưu việt.

21 nét | HÁN VIỆT : CỰC ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1869

极力
jílì

hết sức, dốc toàn lực ra sức tận lực

我们坚决反对某些外部势力极力阻挠和破坏多边国际正常科学技术学术交流合作的霸权行径。
Wǒ men jiān jué fǎn duì mǒu xiē wài bù shì lì jí lì zǔ náo hé pò huài duō biān guó jì zhèng cháng kē xué jì shù xué shù jiāo liú hé zuò de bà quán xíng jìng.
Chúng ta kiên quyết phản đối hành vi bá quyền của một số thế lực bên ngoài dốc toàn lực hết sức ra sức cản trở và phá hoại sự hợp tác giao lưu học thuật khoa học kỹ thuật bình thường đa phương quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : CỰC LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1870

极少数
jíshǎoshù

số ít cực kỳ hiếm hoi, thiểu số rất ít

我国在拓扑量子物理与受控核聚变等战略前沿关键领域成功跻身全球极少数领跑国家行列。
Wǒ guó zài tuò pū liàng zǐ wù lǐ yǔ shòu kòng hé jù biàn děng zhàn lüè qián yán guān jiàn lǐng yù chéng gōng jī shēn quán qiú jí shǎo shù lǐng pǎo guó jiā háng liè.
Nước ta trong các lĩnh vực then chốt tiên phong chiến lược như nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát và vật lý lượng tử tô-pô đã thành công bước vào hàng ngũ số ít cực kỳ hiếm hoi thiểu số rất ít quốc gia dẫn đầu trên toàn cầu.

31 nét | HÁN VIỆT : CỰC THIỂU SỐ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #1871

极为
jíwéi

hết sức, vô cùng cực kỳ đặc biệt

超导材料在极低温微观物理测试中展现出极为奇特完美的零电阻与完全抗磁性物理特性。
Chāo dǎo cái liào zài jí dī wēn wēi guān wù lǐ cè shì zhōng zhǎn xiàn chū jí wéi qí tè wán měi de líng diàn zǔ yǔ wán quán kàng cí xìng wù lǐ tè xìng.
Vật liệu siêu dẫn trong các thử nghiệm vật lý vi mô ở nhiệt độ cực thấp phô diễn đặc tính vật lý kháng từ hoàn toàn và điện trở bằng không hết sức vô cùng cực kỳ kỳ lạ và hoàn mỹ.

24 nét | HÁN VIỆT : CỰC VI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #1872

极限
jí xiàn

cực hạn, giới hạn tối đa, tột đỉnh

我国自主研制的载人潜水器“奋斗者”号成功坐底马里亚纳海沟万米深渊，创造了人类深海载人深潜的极限科学奇迹。
Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de zài rén qián shuǐ qì "fèn dòu zhě" hào chéng gōng zuò dǐ mǎ lǐ yà nà hǎi gōu wàn mǐ shēn yuān, chuàng zào le rén lèi shēn hǎi zài rén shēn qián de jí xiàn kē xué qí jì.
Tàu lặn có người lái 'Phấn Đấu Giả' do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo đã chạm đáy thành công vực thẳm vạn mét của rãnh Mariana, kiến tạo nên kỳ tích khoa học cực hạn về lặn biển sâu có người lái của nhân loại.

19 nét | HÁN VIỆT : CỰC HẠN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #1873

急剧
jí jù

nhanh chóng, đột ngột, tăng/giảm kịch liệt

随着新能源汽车与光伏装机容量的大规模爆发式增长，全球对高能量密度战略锂矿资源的需求急剧攀升。
Suí zhe xīn néng yuán qì chē yǔ guāng fú zhuāng jī róng liàng de dà guī mó bào fā shì zēng zhǎng, quán qiú duì gāo néng liàng mì dù zhàn lüè lǐ kuàng zī yuán de xū qiú jí jù pān shēng.
Cùng với sự tăng trưởng bùng nổ quy mô lớn của xe ô tô năng lượng mới và công suất lắp đặt điện mặt trời, nhu cầu của toàn cầu đối với nguồn tài nguyên khoáng sản lithium chiến lược mật độ năng lượng cao đã tăng vọt kịch liệt.

21 nét | HÁN VIỆT : CẤP KỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1874

急迫
jípò

cấp bách, khẩn cấp bức thiết

加快突破工业基础软件与高端芯片光刻装备等卡脖子瓶颈，是摆在全国科技战线面前一项极为紧迫的重大战略任务。
Jiā kuài tū pò gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn yǔ gāo duān xīn piàn guāng kè zhuāng bèi děng qiǎ bó zi píng jǐng, shì bǎi zài quán guó kē jì zhàn xiàn miàn qián yī xiàng jí wéi jǐn pò de zhòng dà zhàn lüè rèn wù.
Đẩy nhanh đột phá các nút thắt nghẽn cổ chai như thiết bị quang khắc chip cao cấp và phần mềm nền tảng công nghiệp chính là một nhiệm vụ chiến lược trọng đại hết sức khẩn cấp cấp bách bức thiết đặt ra trước mặt trận khoa học công nghệ toàn quốc.

19 nét | HÁN VIỆT : CẤP BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1875

急性
jíxìng

cấp tính (y học: jíxìngbìng); nóng nảy hấp tấp (tính cách)

国家医学攻关团队研发的新型高特异性小分子靶向阻断剂，可在数分钟内迅速逆转急性心肌梗死引发的微循环障碍。
Guó jiā yī xué gōng guān tuán duì yán fā de xīn xíng gāo tè yì xìng xiǎo fèn zǐ bǎ xiàng zǔ duàn jì, kě zài shù fēn zhōng nèi xùn sù nì zhuǎn jí xìng xīn jī gěng sǐ yǐn fā de wēi xún huán zhàng ài.
Chất ức chế trúng đích phân tử nhỏ tính đặc hiệu cao kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển có thể đảo ngược nhanh chóng trong vài phút các rối loạn vi tuần hoàn do nhồi máu cơ tim cấp tính cấp tính gây ra.

20 nét | HÁN VIỆT : CẤP TÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1876

急需
jíxū

cấp bách cần thiết, nhu cầu bức thiết cấp bách

国家自然科学基金全面聚焦国家重大战略急需与产业转型瓶颈，大幅加大战略前沿导向型基础研究资助力度。
Guó jiā zì rán kē xué jī jīn quán miàn jù jiāo guó jiā zhòng dà zhàn lüè jí xū yǔ chǎn yè zhuǎn xíng píng jǐng, dà fú jiā dà zhàn lüè qián yán dǎo xiàng xíng jī chǔ yán jiū zī zhù lì dù.
Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia tập trung toàn diện vào nút thắt chuyển đổi ngành nghề và nhu cầu bức thiết cấp bách cấp bách cần thiết chiến lược trọng đại của quốc gia, gia tăng mạnh mẽ mức độ tài trợ cho nghiên cứu cơ bản định hướng tiên phong chiến lược.

19 nét | HÁN VIỆT : CẤP NHU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1877

急于
jíyú

nóng lòng muốn, vội vàng nôn nóng làm gì

搞原始创新研究必须耐得住寂寞、潜心钻研，切忌急于求成或盲目追求短期发表论文数量指标。
Gǎo yuán shǐ chuàng xīn yán jiū bì xū nài dé zhù jì mò, qián xīn zuān yán, qiè jì jí yú qiú chéng huò máng mù zhuī qiú duǎn qī fā biǎo lùn wén shù liàng zhǐ biāo.
Làm nghiên cứu đổi mới sáng tạo nguyên bản bắt buộc phải chịu đựng được sự tịch mịch, chuyên tâm đi sâu nghiên cứu, tránh việc vội vàng nôn nóng nóng lòng muốn cầu thành công nhanh chóng hoặc mù quáng chạy theo các chỉ tiêu số lượng bài báo ngắn hạn.

23 nét | HÁN VIỆT : CẤP VU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1878

急诊
jízhěn

cấp cứu, khoa cấp cứu khám cấp cứu

国家区域医疗中心全面应用了5G超低时延车路协同远程智能急诊急救系统，实现了“上车即入院”的毫秒级全流程协同救治。
Guó jiā qū yù yī liáo zhōng xīn quán miàn yìng yòng le 5G chāo dī shí yán chē lù xié tóng yuǎn chéng zhì néng jí zhěn jí jiù xì tǒng, shí xiàn le "shàng chē jí rù yuàn" de háo miǎo jí quán liú chéng xié tóng jiù zhì.
Trung tâm Y tế Khu vực Quốc gia đã ứng dụng toàn diện hệ thống cấp cứu khám cấp cứu cấp cứu thông minh từ xa hiệp đồng xe - đường độ trễ siêu thấp 5G, thực hiện việc cứu chữa hiệp đồng toàn bộ quy trình cấp độ mili-giây 'lên xe tức là nhập viện'.

19 nét | HÁN VIỆT : CẤP CHẨN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1879

急转弯
jízhuǎnwān

chỗ ngoặt gấp, khúc cua gấp; rẽ ngoặt đột ngột (tư duy/chính sách)

在国际科技地缘格局发生急转弯的复杂形势下，中国始终保持战略定力，坚定不移走高水平科技自立自强之路。
Zài guó jì kē jì dì yuán gé jú fā shēng jí zhuǎn wān de fù zá xíng shì xià, zhōng guó shǐ zhōng bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jiān dìng bù yí zǒu gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī lù.
Dưới tình hình phức tạp khi cục diện địa chính trị khoa học công nghệ quốc tế xuất hiện bước ngoặt rẽ ngoặt đột ngột chỗ ngoặt gấp, Trung Quốc luôn giữ vững định lực chiến lược, kiên định không dời bước đi trên con đường tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

26 nét | HÁN VIỆT : CẤP CHUYỂN LOAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1880

脊梁
jǐliang

cột sống, sống lưng chỗ dựa vững chắc (nghĩa bóng)

老一辈功勋战略科学家以身许国、隐姓埋名，挺起了新中国国防与战略前沿大科学的坚强脊梁。
Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā yǐ shēn xǔ guó, yǐn xìng mái míng, tǐng qǐ le xīn zhōng guó guó fáng yǔ zhàn lüè qián yán dà kē xué de jiān qiáng jí liáng.
Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiền bối dâng hiến thân mình cho non sông, ẩn danh giấu tên, đã nâng đỡ chỗ dựa vững chắc cột sống sống lưng kiên cường của đại khoa học tiên phong chiến lược và quốc phòng Nước Trung Hoa mới.

23 nét | HÁN VIỆT : TÍCH LƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1881

棘手
jí shǒu

khó khăn

在面对复杂的挑战时，保持棘手的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí jí shǒu de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái khó khăn đặc biệt quan trọng.

23 nét | HÁN VIỆT : CỨC THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1882

集会

jíhuì

hội họp tập hợp, cuộc mít tinh đại hội tụ

在全国科技界隆重集会上，党和国家领导人向为国家战略科技做出卓越贡献的功勋科学家颁发了最高荣誉勋章。

Zài quán guó kē jì jiè lóng zhòng jí huì shàng, dǎng hé guó jiā lǐng dǎo rén xiàng wèi guó jiā zhàn lüè kē jì zuò chū zhuó yuè gòng xiàn de gōng xūn kē xué jiā bān fā le zuì gāo róng yù xūn zhāng.

Tại cuộc mít tinh đại hội tụ hội họp tập hợp long trọng của giới khoa học công nghệ toàn quốc, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã trao tặng Huân chương Danh dự cao nhất cho các nhà khoa học có công lao đóng góp trác việt cho khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

22 nét | HÁN VIỆT : TẬP HỘI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1883

集结

jíjié

tập kết, tụ hội quy tụ lực lượng đông đảo

来自全国数十所顶尖高校与科研院所的数千名跨学科青年拔尖学者迅速集结，全面打响大科学工程攻坚攻坚战。

Lái zì quán guó shù shí suǒ dǐng jiān gāo xiào yǔ kē yán yuàn suǒ de shù qiān míng kuà xué kē qīng nián bá jiān xué zhě xùn sù jí jié, quán miàn dǎ xiǎng dà kē xué gōng chéng gōng jiān gōng jiān zhàn.

Hàng ngàn học giả trẻ xuất sắc liên môn học đến từ hàng chục trường đại học và viện nghiên cứu khoa học đỉnh cao trên toàn quốc đã nhanh chóng quy tụ tập kết, phát động toàn diện trận chiến vượt khó công trình khoa học lớn.

17 nét | HÁN VIỆT : TẬP KẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1884

集邮

jíyóu

sưu tầm tem, sưu tập tem bưu chính

国家邮政局特别发行了大科学装置与深空探测国之重器主题纪念特种邮票，深受广大集邮爱好者与青少年追捧。

Guó jiā yóu zhèng jú tè bié fā xíng le dà kē xué zhuāng zhì yǔ shēn kōng tàn cè guó zhī zhòng qì zhǔ tí jì niàn tè zhǒng yóu piào, shēn shòu guǎng dà jí yóu ài hào zhě yǔ qīng shào nián zhuī pěng.

Cục Bưu chính Quốc gia đã phát hành đặc biệt bộ tem bưu chính đặc chủng kỷ niệm chủ đề đại khí quốc gia thám trắc không gian sâu và thiết bị khoa học lớn, được đông đảo thanh thiếu niên và những người yêu thích sưu tầm tem sưu tập tem nồng nhiệt săn đón.

17 nét | HÁN VIỆT : TẬP BƯU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1885

集装箱

jízhuāngxiāng

thùng công-ten-nơ, thùng hàng container

大科学装置超精密重型部件被精心密封固定在特种恒温恒湿充氮防震重型集装箱中，安全运抵实验现场。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhòng xíng bù jiàn bèi jīng xīn mì fēng gù dìng zài tè zhǒng héng wēn héng shī chōng dàn fáng zhèn zhòng xíng jí zhuāng xiāng zhōng, ān quán yùn dì shí yàn xiàn chǎng.

Các linh kiện hạng nặng siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn được niêm phong cố định cẩn thận bên trong thùng container thùng công-ten-nơ hạng nặng chống rung nạp nitơ độ ẩm ổn định nhiệt độ ổn định đặc chủng, vận chuyển an toàn cập bến hiện trường thực nghiệm.

34 nét | HÁN VIỆT : TẬP TRANG RƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1886

集资

jízī

huy động vốn, góp vốn gây quỹ (hợp pháp/phi pháp: fēifǎ jízī)

国家金融监管部门依法严厉打击任何打着“高精尖量子前沿投资”幌子向社会公众非法集资诈骗的违法行为。

Guó jiā jīn róng jiān guǎn bù mén yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé dǎ zhe "gāo jīng jiān liàng zǐ qián yán tóu zī" huǎng zi xiàng shè huì gōng zhòng fēi fǎ jí zī zhà piàn de wéi fǎ xíng wéi.

Cơ quan giám sát quản lý tài chính quốc gia theo đúng pháp luật đã triệt phá nghiêm khắc mọi hành vi phạm pháp đội lốt 'đầu tư tiên phong lượng tử công nghệ cao tinh vi' để lừa đảo huy động vốn gây quỹ trái phép từ công chúng xã hội.

18 nét | HÁN VIỆT : TẬP TƯ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1887

嫉妒

jí dù

đố kỵ, ghen ghét, ghen tị hẹp hòi

健康的学术生态应当鼓励公平良性竞争与真诚携手合作，坚决摒弃任何狭隘的相互排挤与嫉妒心理。

Jiàn kāng de xué shù shēng tài yīng dāng gǔ lì gōng píng liáng xìng jìng zhēng yǔ zhēn chéng xié shǒu hé zuò, jiān jué bǐng qì rèn hé xiá ài de xiāng hù pái jǐ yǔ jí dù xīn lǐ.

Một hệ sinh thái học thuật lành mạnh cần khích lệ sự cạnh tranh tích cực công bằng và chân thành bắt tay hợp tác cùng nhau, kiên quyết loại bỏ mọi tâm lý đố kỵ ghen ghét và bài xích lẫn nhau hẹp hòi.

22 nét | HÁN VIỆT : TẬT ĐỐ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1888

几率

jīlǜ

xác suất, tỷ lệ khả năng xuất hiện

在大科学装置微观高能对撞实验中，科学家通过提升束流对撞亮度，极大提高了捕获极端罕见新奇粒子衰变事例的物理几率。

Zài dà kē xué zhuāng zhì wēi guān gāo néng duì zhuàng shí yàn zhōng, kē xué jiā tōng guò tí shēng shù liú duì zhuàng liàng dù, jí dà tí gāo le bǔ huò jí duān hǎn jiàn xīn qí lì zi shuāi biàn shì lì de wù lǐ jī lǜ.

Trong thực nghiệm va chạm năng lượng cao vi mô của thiết bị khoa học lớn, các nhà khoa học thông qua việc nâng cao độ sáng va chạm của chùm hạt đã tăng cường vượt bậc xác suất tỷ lệ khả năng vật lý bắt trọn các trường hợp phân rã hạt mới lạ cực kỳ hiếm thấy.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1889

挤压

jǐyā

ép nén đè ép; chèn ép loại trừ (nghĩa đen/bóng)

在超高压极端物理实验中，金刚石对顶砧装置对微观样品施加数百万大气压的剧烈机械挤压，成功诱导产生了全新的金属化氢量子态。

Zài chāo gāo yā jí duān wù lǐ shí yàn zhōng, jīn gāng shí duì dǐng zhēn zhuāng zhì duì wēi guān yàng pǐn shī jiā shù bǎi wàn dà qì yā de jù liè jī xiè jǐ yā, chéng gōng yòu dǎo chǎn shēng le quán xīn de jīn shǔ huà qīng liàng zǐ tài.

Trong thực nghiệm vật lý cực đoan siêu cao áp, thiết bị đe kim cương đối đỉnh tác dụng lực đè ép ép nén cơ học dữ dội hàng triệu áp-mốt-phe lên mẫu vật vi mô, tạo điều kiện cảm ứng thành công sinh ra trạng thái lượng tử hydro kim loại hoàn toàn mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1890

计

jì

tính toán; mưu kế kế sách; đồng hồ đo (cụm: yíbiǎojì)

面对复杂极端电磁环境下的微弱物理信号探测，高灵敏度空间量子磁力计实现了飞特斯拉级的极限探测灵敏度。

Miàn duì fù zá jí duān diàn cí huán jìng xià de wēi ruò wù lǐ xìn hào tàn cè, gāo líng mǐn dù kōng jiān liàng zǐ cí lì jì shí xiàn le fēi tè sī lā jí de jí xiàn tàn cè líng mǐn dù.

Đứng trước việc dò tìm tín hiệu vật lý yếu ớt dưới môi trường điện từ cực đoan phức tạp, chiếc máy đo từ đồng hồ đo từ lượng tử không gian độ nhạy cao đã thực hiện độ nhạy dò tìm giới hạn cấp độ femto-tesla (fT).

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1891

计策
jìcè

kế sách, mưu kế phương lược đối sách

老一辈战略科学家在重大工程规划论证中总揽全局、深谋远虑，提出了许多化解卡脖子技术风险的远见计策。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā zài zhòng dà gōng chéng guī huà lùn zhèng zhōng zǒng lǎn quán jú, shēn móu yuǎn lǜ, tí chū le xǔ duō huà jiě qiǎ bó zi jì shù fēng xiǎn de yuǎn jiàn jì cè.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối trong việc luận chứng quy hoạch công trình trọng đại đã bao quát toàn cục, tính toán sâu nhìn xa, đưa ra rất nhiều phương lược kế sách mưu kế có tầm nhìn xa hóa giải các nguy cơ rủi ro công nghệ nút thắt cổ chai.

23 nét | HÁN VIỆT : KẾ SÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1892

计较
jì jiào

so đo, tính toán chi li, tính toán thiệt hơn

老一辈拓荒者们一生心怀大局、甘于奉献，从不计较个人的名利得失与工作生活待遇高低。
Lǎo yī bèi tuò huāng zhě men yī shēng xīn huái dà jú, gān yú fèng xiàn, cóng bù jì jiào gè rén de míng lì de shī yǔ gōng zuò shēng huó dài yù gāo dī.
Những người mở đường thế hệ trước cả cuộc đời luôn hướng về đại cục, sẵn sàng cống hiến, không bao giờ so đo tính toán thiệt hơn danh lợi cá nhân hay chế độ đãi ngộ cuộc sống công tác cao thấp.

22 nét | HÁN VIỆT : KẾ GIẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1893

计时
jìshí

bấm giờ tính giờ, đo đếm thời gian

国家高精度地基授时系统全面实现了皮秒级超高稳定度连续网络计时与精准频率同步传递。
Guó jiā gāo jīng dù dì jī shòu shí xì tǒng quán miàn shí xiàn le pí miǎo jí chāo gāo wěn dìng dù lián xù wǎng luò jì shí yǔ jīng zhǔn pín lǜ tóng bù chuán dì.
Hệ thống cấp thời chuẩn trên mặt đất độ chính xác cao quốc gia đã thực hiện việc truyền phát đồng bộ tần số chuẩn xác và đo đếm thời gian tính giờ bấm giờ mạng lưới liên tục với độ ổn định siêu cao cấp độ pico-giây (ps).

25 nét | HÁN VIỆT : KẾ THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1894

记号
jìhao

dấu hiệu, ký hiệu ghi chú đánh dấu

在组装超导加速腔精密法兰盘时，装配技师在每个高强度螺栓接口处都工整做好了力矩复核防松记号。
Zài zǔ zhuāng chāo dǎo jiā sù qiāng jīng mì fǎ lán pán shí, zhuāng pèi jì shī zài měi gè gāo qiáng dù luó shuān jiē kǒu chù dōu gōng zhěng zuò hǎo le lì jǔ fù hé fáng sōng jì hào.
Khi lắp ráp mặt bích (flange) chính xác của buồng gia tốc siêu dẫn, kỹ thuật viên lắp ráp đã đánh dấu ghi chú ký hiệu dấu hiệu chống lỏng kiểm tra lại mô-men xoắn ngay ngắn tại từng mối nối bu-lông cường độ cao.

25 nét | HÁN VIỆT : KÝ GÀO

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1895

记忆犹新
jìyìyóuxīn

kỷ niệm như mới, ký ức vẫn còn mới nguyên nhớ như in

回想起当年大科学工程首束超高能物理束流成功出光那个令人热血沸腾的黎明，总设计师至今仍记忆犹新、心潮澎湃。
Huí xiǎng qǐ dāng nián dà kē xué gōng chéng shǒu shù chāo gāo néng wù lǐ shù liú chéng gōng chū guāng nà ge lìng rén rè xuè fèi téng de lí míng, zǒng shè jì shī zhì jīn réng jì yì yóu xīn, xīn cháo péng pài.
Hồi tưởng lại buổi rạng đông khiến sôi sục nhiệt huyết năm xưa khi chùm ánh sáng vật lý năng lượng siêu cao đầu tiên của công trình khoa học lớn phát quang thành công, vị Tổng Nhà thiết kế đến nay vẫn nhớ như in ký ức vẫn còn mới nguyên, lòng dạt dào cảm xúc.

35 nét | HÁN VIỆT : KÝ ỨC DO TÂN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1896

纪录片
jìlùpiàn

phim tài liệu, tác phẩm phim tài liệu ký sự

国家大科学工程全景纪实大型纪录片在央视黄金档热播，生动展现了三代科学家自立自强、勇攀高峰的壮丽史诗。
Guó jiā dà kē xué gōng chéng quán jǐng jì shí dà xíng jì lù piàn zài yāng shì huáng jīn dàng rè bō, shēng dòng zhǎn xiàn le sān dài kē xué jiā zì lì zì qiáng, yǒng pān gāo fēng de zhuàng lì shǐ shī.
Bộ phim tài liệu phim tài liệu ký sự quy mô lớn toàn cảnh về công trình khoa học lớn quốc gia phát sóng vào khung giờ vàng của Đài Truyền hình Trung ương đã tái hiện sinh động bản anh hùng ca tráng lệ của ba thế hệ nhà khoa học dũng cảm trèo lên đỉnh cao, tự chủ tự cường.

31 nét | HÁN VIỆT : KỶ LỤC PHIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1897

纪念碑
jìniànbēi

bia tưởng niệm, đài tưởng niệm vinh danh

在西北深空发射场红柳掩映的戈壁滩上，矗立着一座庄严肃穆的航天烈士与功勋科学家崇高纪念碑。
Zài xī běi shēn kōng fā shè chǎng hóng liǔ yǎn yìng de gē bì tān shàng, chù lì zhe yī zuò zhuāng yán sù mù de háng tiān liè shì yǔ gōng xūn kē xué jiā chóng gāo jì niàn bēi.
Trên bãi cát hoang mạc Gobi rợp bóng cây liễu đỏ nơi bãi phóng không gian sâu miền Tây Bắc, sừng sững uy nghiêm một tòa bia tưởng niệm đài tưởng niệm cao đẹp trang nghiêm tôn vinh các liệt sĩ hàng không vũ trụ và các nhà khoa học có công lao.

30 nét | HÁN VIỆT : KỶ NIỆM BI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1898

纪念馆
jìniànguǎn

nhà lưu niệm, bảo tàng tưởng niệm

全国科学家精神教育基地两弹一星功勋科学家纪念馆内，陈列着大量泛黄但字迹工整严谨的珍贵手稿与手摇计算尺。
Quán guó kē xué jiā jīng shén jiào yù jī dì liǎng dàn yī xīng gōng xūn kē xué jiā jì niàn guǎn nèi, chén liè zhe dà liàng fàn huáng dàn zì jì gōng zhěng yán jǐn de zhēn guì shǒu gǎo yǔ shǒu yáo jì suàn chǐ.
Bên trong Nhà lưu niệm bảo tàng tưởng niệm các nhà khoa học có công lao Hai bom một vệ tinh thuộc Cơ sở Giáo dục Tinh thần Nhà khoa học Toàn quốc, trưng bày một khối lượng lớn các bản thảo quý giá chữ viết nghiêm cẩn ngay ngắn đã ố vàng cùng những chiếc thước tính cơ học quay tay.

32 nét | HÁN VIỆT : KỶ NIỆM QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1899

纪念日
jìniànrì

ngày kỷ niệm, ngày lễ kỷ niệm trọng đại

在“全国科技工作者日”这个光荣的纪念日里，全社会共同向挺起民族科技脊梁的广大科技工作者致以最崇高的敬意。
Zài "quán guó kē jì gōng zuò zhě rì" zhè ge guāng róng de jì niàn rì lǐ, quán shè huì gòng tóng xiàng tǐng qǐ mín zú kē jì jí liáng de guāng dà kē jì gōng zuò zhě zhì yì zuì chóng gāo de jìng yì.
Vào ngày kỷ niệm ngày lễ kỷ niệm quang vinh 'Ngày Những người làm Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc', toàn xã hội cùng gửi lời tri ân và sự kính trọng cao đẹp nhất tới đông đảo những người làm khoa học công nghệ đang nâng đỡ cột sống khoa học công nghệ của dân tộc.

31 nét | HÁN VIỆT : KỶ NIỆM NHẬT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1900

纪实
jìshí

ký sự ghi thực, ghi chép chân thực sự việc

大型报告文学纪实作品《挺起大国脊梁》真实再现了战略科学家数十年隐姓埋名、攻克核心重器的奉献历程。
Dà xíng bào gào wén xué jì shí zuò pǐn《tǐng qǐ dà guó jí liáng》zhēn shí zài xiàn le zhàn lüè kē xué jiā shù shí nián yǐn xìng mái míng, gōng kè hé xīn zhòng qì de fèng xiàn lì chéng.
Tác phẩm ký sự ghi thực báo cáo văn học quy mô lớn 'Nâng Đỡ Cột Sống Nước Lớn' đã tái hiện chân thực tiến trình cống hiến ẩn danh giấu tên mấy chục năm chinh phục các đại khí cốt lõi của các nhà khoa học chiến lược.

22 nét | HÁN VIỆT : KỶ THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1901

忌
jì

kiêng kỵ, cấm kỵ, tránh né

开展前沿科学探索最忌急功近利和盲目跟风，必须静下心来深耕底层核心理论与关键物理机制。
Kāi zhǎn qián yán kē xué tàn suǒ zuì jì jí gōng jìn lì hé máng mù gēn fēng, bì xū jìng xià xīn lái shēn gēng dǐ céng hé xīn lǐ lùn yǔ guān jiàn wù lǐ jī zhì.
Triển khai khám phá khoa học tiên phong kiêng kỵ, cấm kỵ nhất là thói nóng vội muốn mau thành công và mù quáng chạy theo phong trào, bắt buộc phải tĩnh tâm cày sâu cuốc bẫm cơ chế vật lý then chốt và lý luận cốt lõi tầng đáy.

11 nét | HÁN VIỆT : KỴ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1902

忌讳
jì huì

kiêng kỵ, điều kiêng kỵ, húy kỵ

在前沿科学探索中应当鼓励百家争鸣与质疑批判，最忌讳的是固步自封与盲目盲从权威假设。
Zài qián yán kē xué tàn suǒ zhōng yīng dāng gǔ lì bǎi jiā zhēng míng yǔ zhì yí pī pàn, zuì jì huì de shì gù bù zì fēng yǔ máng mù máng cóng quán wēi jiǎ shè.
Trong việc thám hiểm khoa học tiên phong cần khích lệ trăm nhà đua tiếng cùng tư duy phản biện nghi vấn, điều kiêng kỵ nhất chính là tự mãn bảo thủ theo lối mòn và mù quáng nghe theo những giả định của các bậc có thẩm quyền.

19 nét | HÁN VIỆT : KỴ HUÝ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1903

忌口
jìkǒu

kiêng ăn, kiêng cữ trong ăn uống kiêng miệng

老科学家即便在因高强度攻关身体抱恙需要忌口休养期间，依然放不下手中的国家重大课题推导稿纸。
Lǎo kē xué jiā jí biàn zài yīn gāo qiáng dù gōng guān shēn tǐ bào yàng xū yào jì kǒu xiū yǎng qī jiān, yī rán fàng bù xià shǒu zhōng de guó jiā zhòng dà kè tí tuī dǎo gǎo zhǐ.
Vị nhà khoa học lão thành ngay cả trong thời kỳ cơ thể đổ bệnh do vượt khó cường độ cao cần phải kiêng cữ ăn uống kiêng ăn tĩnh dưỡng, vẫn không thể buông được những trang giấy nháp suy diễn đề tài trọng đại quốc gia trên tay.

25 nét | HÁN VIỆT : KỴ KHẨU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1904

技艺
jìyì

tay nghề, kỹ nghệ kỹ thuật điêu luyện

大国工匠以出神入化的超精密机械加工技艺，将大科学装置关键腔体同轴度公差控制在头发丝的百分之一以内。
Dà guó gōng jiàng yǐ chū shén rù huà de chāo jīng mì jī xiè jiā gōng jì yì, jiāng dà kē xué zhuāng zhì guān jiàn qiāng tǐ tóng zhóu dù gōng chāi kòng zhì zài tóu fà sī de bǎi fēn zhī yī yǐ nèi.
Bậc thợ lớn quốc gia bằng kỹ nghệ tay nghề gia công cơ khí siêu chính xác xuất thần nhập hóa đã kiểm soát dung sai độ đồng trục buồng thể then chốt của thiết bị khoa học lớn nằm trong khoảng dưới một phần trăm sợi tóc.

23 nét | HÁN VIỆT : KỸ NGHỆ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1905

剂
jì

chất tác nhân, liều thuốc thang thuốc (chất xúc tác: cuīhuàjì)

国家前沿催化重点实验室成功研制出一种在常温常压下高效分解二氧化碳制备绿色航空燃料的新型单原子高效催化剂。
Guó jiā qián yán cuī huà zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng yán zhì chū yī zhǒng zài cháng wēn cháng yā xià gāo xiào fēn jiě èr yǎng huà tàn zhì bèi lǜ sè háng kōng rán liào de xīn xíng dān yuán zi gāo xiào cuī huà jì.
Phòng thí nghiệm trọng điểm xúc tác tiên phong quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công một loại chất xúc tác chất tác nhân đơn nguyên tử hiệu quả cao kiểu mới phân giải carbon dioxide ở nhiệt độ thường áp suất thường để điều chế nhiên liệu hàng không xanh.

10 nét | HÁN VIỆT : TỄ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Giới từ | #1906

继
jì

kế thừa, tiếp nối sau khi nối tiếp

继我国在量子通信与全超导核聚变领域领跑全球之后，我国深空探测团队再次刷新了地外天体采样深度世界纪录。
Jì wǒ guó zài liàng zǐ tōng xìn yǔ quán chāo dǎo hé jù biàn lǐng yù lǐng pǎo quán qiú zhī hòu, wǒ guó shēn kōng tàn cè tuán duì zài cì shuā xīn le dì wài tiān tǐ cǎi yàng shēn dù shì jiè jì lù.
Tiếp nối sau khi kế thừa sau khi nước ta dẫn đầu toàn cầu trong lĩnh vực nhiệt hạch hạt nhân toàn siêu dẫn và truyền thông lượng tử, đội ngũ thám trắc không gian sâu nước ta một lần nữa phá vỡ kỷ lục thế giới về độ sâu lấy mẫu thiên thể ngoài Trái đất.

8 nét | HÁN VIỆT : KẾ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1907

继而
jì'ér

tiếp đó, rồi sau đó liền tiếp theo

科学家首先在实验室成功合成了新型二维拓扑绝缘体材料，继而在国际上首次观测到了非阿贝尔任意子量子统计物理现象。
Kē xué jiā shǒu xiān zài shí yàn shì chéng gōng hé chéng le xīn xíng èr wéi tuò pū jué yuán tǐ cái liào, jì ér zài guó jì shàng shǒu cì guān cè dào le fēi ā bèi ěr rèn yì zi liàng zi tǒng jì wù lǐ xiàn xiàng.
Các nhà khoa học trước tiên đã tổng hợp thành công vật liệu cách điện tô-pô 2D kiểu mới trong phòng thí nghiệm, tiếp đó rồi sau đó lần đầu tiên trên thế giới đã quan sát thấy hiện tượng vật lý thống kê lượng tử hạt anyon phi Abel.

22 nét | HÁN VIỆT : KẾ NHI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1908

继父
jìfù

cha dượng, bố dượng

在功勋科学家的生平传记中，深情记录了温和开明的继父当年全力支持他报考国防科研大学的感人往事。
Zài gōng xūn kē xué jiā de shēng píng zhuàn jì zhōng, shēn qíng jì lù le wēn hé kāi míng de jì fù dāng nián quán lì zhī chí tā bào kǎo guó fáng kē yán dà xué de gǎn rén wǎng shì.
Trong cuốn tiểu sử cuộc đời của nhà khoa học có công lao, đã ghi lại đầy xúc động câu chuyện cảm động năm xưa khi người cha dượng bố dượng ôn hòa sáng suốt đã dốc lòng ủng hộ ông thi vào Đại học Nghiên cứu Khoa học Quốc phòng.

22 nét | HÁN VIỆT : KẾ PHỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1909

继母
jìmǔ

mẹ kế, mẹ ghẻ

优秀青年学者在博士毕业典礼上动情致谢含辛茹苦抚育自己成才的继母，立志以科技报国的优异成果报答恩情。
Yōu xiù qīng nián xué zhě zài bó shì bì yè diǎn lǐ shàng dòng qíng zhì xiè hán xīn rú kǔ fǔ yù zì jǐ chéng cái de jì mǔ, lì zhì yǐ kē jì bào guó de yōu yì chéng guǒ bào dá ēn qíng.
Vị học giả trẻ xuất sắc tại lễ tốt nghiệp tiến sĩ đã xúc động cảm ơn người mẹ kế đã ngậm đắng nuốt cay nuôi dạy mình nên người, lập chí dùng các thành quả xuất sắc phụng sự Tổ quốc bằng khoa học để đền đáp ân tình.

19 nét | HÁN VIỆT : KẾ MẪU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1910

寂静
jì jìng

tĩnh lặng, tĩnh mịch, vắng lặng không một tiếng động

夜幕降临，群山环抱之中的高海拔深空天文观测站内一片寂静，只有巨型望远镜驱动电机发出轻微运转声。
Yè mù jiàng lín, qún shān huán bào zhī zhōng de gāo hǎi bá shēn kōng tiān wén guān cè zhàn nèi yī piàn jì jìng, zhǐ yǒu jù xíng wàng yuǎn jìng qū dòng diàn jī fā chū qīng wēi yùn zhuǎn shēng.
Màn đêm buông xuống, bên trong trạm quan trắc thiên văn không gian sâu vùng núi cao được bao bọc giữa muôn trùng núi non là một không gian tĩnh lặng như tờ, chỉ có tiếng động cơ truyền động của kính viễn vọng khổng lồ khẽ phát ra âm thanh vận hành êm ái.

21 nét | HÁN VIỆT : TỊCH TĨNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1911

寂寞
jì mò

cô đơn, tịch mịch, vắng vẻ

真正的大学问家耐得住十载寒窗的孤单与寂寞，用一生的专注坚守换取了学术殿堂的璀璨辉煌。
Zhēn zhèng de dà xué wèn jiā nài dé zhù shí zǎi hán chuāng de gū dān yǔ jì mò, yòng yī shēng de zhuān zhù jiān shǒu huàn qǔ le xué shù diàn táng de cuǐ càn huī huáng.
Một bậc học giả uyên bác thực thụ luôn biết chịu đựng sự cô đơn tịch mịch của mười năm miệt mài bên án thư, dùng sự kiên trì trọn đời để đổi lấy hào quang rực rỡ nơi thánh đường học thuật.

26 nét | HÁN VIỆT : TỊCH MỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1912

寄托
jì tuō

gửi gắm, ký thác, gửi trọn (niềm tin, hy vọng)

青年一代身上寄托着党和人民的殷切厚望，也是实现中华民族伟大复兴中国梦的蓬勃先锋力量。
Qīng nián yí dài shēn shàng jì tuō zhe dǎng hé rén mín de yīn qiè hòu wàng, yě shì shí xiàn zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng zhōng guó mèng de péng bó xiān fēng lì liàng.
Trên vai thế hệ trẻ gửi gắm biết bao kỳ vọng tha thiết sâu nặng của Đảng và nhân dân, và cũng chính là lực lượng xung kích tiên phong tràn đầy sức sống để hiện thực hóa Giấc mơ Trung Hoa phục hưng vĩ đại.

20 nét | HÁN VIỆT : KÝ THÁC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1913

祭
jì

tế bái, cúng tế dâng lễ tưởng nhớ

在清明时节，青年航天工程师们来到大西北烈士陵园，庄严肃穆地献花致敬、深情公祭为国家航天事业献身的先烈。
Zài qīng míng shí jié, qīng nián háng tiān gōng chéng shī men lái dào dà xī běi liè shì líng yuán, zhuāng yán sù mù dì xiàn huā zhì jìng, shēn qíng gōng jì wèi guó jiā háng tiān shì yè xiàn shēn de xiān liè.
Vào tiết Thanh minh, các kỹ sư hàng không vũ trụ trẻ tuổi đã đến Nghĩa trang Liệt sĩ miền Đại Tây Bắc, dâng hoa nghiêng mình trang nghiêm, tế bái cúng tế tưởng nhớ chân thành các bậc tiền liệt anh dũng hy sinh cho sự nghiệp hàng không vũ trụ Tổ quốc.

13 nét | HÁN VIỆT : SÁI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1914

祭奠
jìdiàn

tế lễ cúng viếng, dâng lễ tưởng niệm người đã khuất

在老一辈战略科学大师逝世周年纪念日，全体师生自发汇聚在科学铜像前敬献花篮、隆重祭奠老院长。
Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué dà shī shì shì zhōu nián jì niàn rì, quán tǐ shī shēng zì fā huì jù zài kē xué tóng xiàng qián jìng xiàn huā lán, lóng zhòng jì diàn lǎo yuàn zhǎng.
Vào ngày kỷ niệm một năm ngày mất của bậc đại sư khoa học chiến lược tiền bối, toàn thể giảng viên sinh viên đã tự nguyện tụ họp trước tượng đồng khoa học dâng lẵng hoa tươi, long trọng tế lễ cúng viếng dâng lễ tưởng niệm vị Viện trưởng lão thành.

25 nét | HÁN VIỆT : SÁI ĐIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1915

祭祀
jìsì

tế tự, cúng bái tế lễ nghi lễ tôn giáo cổ

科技考古团队利用三维数字化荧光显微断层扫描技术，完整还原了解析了三星堆遗址古蜀国祭祀坑特种礼器出土全貌。
Kē jì kǎo gǔ tuán duì lì yòng sān wéi shù zì huà yíng guāng xiǎn wēi duàn céng sǎo miáo jì shù, wán zhěng huán yuán liǎo jiě xī le sān xīng duī yí zhǐ gǔ shǔ guó jì sì kēng tè zhǒng lǐ qì chū tǔ quán mào.
Đội ngũ khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ quét cắt lớp hiển vi huỳnh quang số hóa 3D đã giải mã phục dựng hoàn chỉnh diện mạo khai quật đồ lễ đặc chủng hố cúng tế tế tự tế lễ nước Thục cổ tại di chỉ Tam Tinh Đôi.

23 nét | HÁN VIỆT : SÁI TỰ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1916

加紧
jiājǐn

khẩn trương tăng tốc, ráo riết đẩy nhanh

面对国际战略前沿科技竞争，全国各大科研团队加紧推进颠覆性底层技术自主攻关，确保核心技术牢牢掌握在自己手中。
Miàn duì guó jì zhàn lüè qián yán kē jì jìng zhēng, quán guó gè dà kē yán tuán duì jiā jǐn tuī jìn diān fù xìng dǐ céng jì shù zì zhǔ gōng guān, què bǎo hé xīn jì shù láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng.
Đứng trước cuộc cạnh tranh khoa học công nghệ tiên phong chiến lược quốc tế, các đội ngũ nghiên cứu khoa học lớn trên toàn quốc khẩn trương tăng tốc ráo riết đẩy nhanh thúc đẩy vượt khó tự chủ công nghệ nền tảng mang tính cách mạng, bảo đảm nắm chắc công nghệ cốt lõi trong tay mình.

21 nét | HÁN VIỆT : GIA KHẨN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1917

加剧
jiā jù

gia tăng, làm trầm trọng thêm, leo thang

地缘政治冲突与气候变化加剧了全球粮食与能源供应链的脆弱性，国际社会亟需深化多边协同合作。
Dì yuán zhèng zhì chōng tū yǔ qì hòu biàn huà jiā jù le quán qiú liáng shí yù néng yuán gōng yìng liàn de cuì ruò xìng, guó jì shè huì jí xū shēn huà duō biān xié tóng hé zuò.
Xung đột địa chính trị cùng biến đổi khí hậu đã làm trầm trọng thêm tính dễ bị tổn thương của chuỗi cung ứng năng lượng và lương thực toàn cầu, cộng đồng quốc tế đang hết sức cấp thiết cần làm sâu sắc hơn sự hợp tác hiệp đồng đa phương.

25 nét | HÁN VIỆT : GIA KỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1918

加深
jiāshēn

làm sâu sắc thêm, gia tăng đào sâu

中国天眼FAST对深空快速射电暴极端磁场环境的持续精确监测，极大加深了人类对极端相对论天体物理起源机理的科学认知。
Zhōng guó tiān yǎn FAST duì shēn kōng kuài sù shè diàn bào jí duān cí chǎng huán jìng de chí xù jīng què jiān cè, jí dà jiā shēn le rén lèi duì jí duān xiāng duì lùn tiān tǐ wù lǐ qǐ yuán jī lǐ de kē xué rèn zhī.
Việc quan trắc chính xác liên tục của Thiên Nhãn Trung Quốc FAST đối với môi trường từ trường cực đoan của các đợt bùng phát vô tuyến nhanh không gian sâu đã đào sâu làm sâu sắc thêm vô cùng nhận thức khoa học của nhân loại về cơ chế nguồn gốc vật lý thiên văn tương đối tính cực đoan.

26 nét | HÁN VIỆT : GIA THÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1919

加重
jiāzhòng

làm nặng thêm, gia tăng mức độ trầm trọng

国家科技管理体制全面深化改革，坚决破除繁文缛节，彻底杜绝任何加重一线科学家填表报销事务负担的形式主义做法。
Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì quán miàn shēn huà gǎi gé, jiān jué pò chú fán wén rù jié, chè dǐ dù jué rèn hé jiā zhòng yī xiàn kē xué jiā tián biǎo bào xiāo shì wù fù dān de xíng shì zhǔ yì zuò fǎ.
Thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia đi sâu cải cách toàn diện, kiên quyết xóa bỏ các thủ tục rườm rà, chấm dứt triệt để mọi cách làm theo chủ nghĩa hình thức làm nặng thêm gia tăng gánh nặng sự vụ thanh toán hóa đơn điển biểu mẫu của các nhà khoa học tuyến đầu.

22 nét | HÁN VIỆT : GIA TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1920

佳节
jiājié

ngày hội tết vui, dịp tết ngày tết đẹp tươi

每逢中秋万家团圆的传统佳节，身处大西北戈壁发射场和深海科考船上的科研人员依然通宵达旦坚守攻坚岗位。
Měi féng zhōng qiū wàn jiā tuán yuán de chuán tǒng jiā jié, shēn chù dà xī běi gē bì fā shè chǎng hé shēn hǎi kē kǎo chuán shàng de kē yán rén yuán yī rán tōng xiāo dá dàn jiān shǒu gōng jiān gǎng wèi.
Mỗi dịp ngày tết đẹp tươi ngày hội tết vui truyền thống Tết Trung thu muôn nhà đoàn viên, các cán bộ nghiên cứu khoa học đang ở trên tàu khảo sát khoa học biển sâu và bãi phóng sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc vẫn thức thâu đêm suốt sáng bám trụ vị trí vượt khó.

26 nét | HÁN VIỆT : GIAI TIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1921

家伙
jiā huo

công cụ dụng cụ; anh chàng, gã; vũ khí

在重大工程抢修现场，技术骨干们手持特制液压破拆工具等专业家伙，在数分钟内快速清除了故障阻碍。
Zài zhòng dà gōng chéng qiǎng xiū xiàn chǎng, jì shù gǔ gàn men shǒu chí tè zhì yè yā pò chāi gōng jù děng zhuān yè jiā huo, zài shù fēn zhōng nèi kuài sù qīng chú le gù zhàng zǔ ài.
Tại hiện trường sửa chữa khẩn cấp công trình trọng đại, các cán bộ kỹ thuật cốt cán tay cầm các dụng cụ đồ nghề chuyên dụng như máy phá dỡ thủy lực đặc chế đã nhanh chóng dọn dẹp các chướng ngại vật sự cố chỉ trong vài phút.

21 nét | HÁN VIỆT : GIA HOẢ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Danh từ | #1922

家家户户
jiājiāhùhù

nhà nhà người người, muôn nhà từng nhà từng hộ

国家特高压输电与新能源大科学工程将西北大漠充沛的绿色清洁电能源源不断输送进东部沿海千家万户、点亮家家户户灯火。
Guó jiā tè gāo yā shū diàn yǔ xīn néng yuán dà kē xué gōng chéng jiāng xī běi dà mò chōng pèi de lǜ sè qīng jié diàn néng yuán yuán bù duàn shū sòng jìn dōng bù yán hǎi qiān jiā wàn hù, diǎn liàng jiā jiā hù hù dēng huǒ.
Công trình khoa học lớn năng lượng mới và truyền tải điện siêu cao áp quốc gia đã liên tục truyền tải nguồn điện năng sạch xanh dồi dào từ sa mạc miền Tây Bắc vào muôn nhà hàng ngàn hộ gia đình ven biển miền Đông, thắp sáng ánh đèn muôn nhà nhà nhà người người.

35 nét | HÁN VIỆT : GIA GIA HỘ HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1923

家教
jiājiào

gia giáo gia phong; gia sư dạy kèm tại nhà

战略科学家的良好家教培育出了代代相传的严谨家风，教育后代子孙始终保持谦逊自律、科技报国的赤子之心。
Zhàn lüè kē xué jiā de liáng hǎo jiā jiào péi yù chū le dài dài xiāng chuán de yán jǐn jiā fēng, jiào yù hòu dài zǐ sūn shǐ zhōng bǎo chí qiān xùn zì lǜ, kē jì bào guó de chì zi zhī xīn.
Sự gia giáo gia phong tốt đẹp của nhà khoa học chiến lược đã vun đắp nên gia phong nghiêm cẩn truyền từ đời này sang đời khác, giáo dục con cháu đời sau luôn giữ trọn tấm lòng son phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, khiêm tốn tự kỷ luật.

19 nét | HÁN VIỆT : GIA GIÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1924

家境
jiājìng

hoàn cảnh gia đình, gia cảnh kinh tế gia đình

许多出身贫寒农村家境的杰出青年学者凭借刻苦自强的坚韧毅力，最终成长为国家战略大科学工程的中流砥柱。
Xǔ duō chū shēn pín hán nóng cūn jiā jìng de jié chū qīng nián xué zhě píng jiè kè kǔ zì qiáng de jiān rèn yì lì, zuì zhōng chéng zhǎng wèi guó jiā zhàn lüè dà kē xué gōng chéng de zhōng liú dǐ zhù.
Nhiều học giả trẻ kiệt xuất xuất thân từ gia cảnh hoàn cảnh gia đình nông thôn nghèo khó dựa vào nghị lực kiên cường tự lực tự cường khổ luyện, cuối cùng đã trưởng thành rường cột trụ cột của công trình khoa học lớn chiến lược quốc gia.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1925

家禽
jiāqín

gia cầm, gia cầm nuôi (gà vịt ngan ngỗng)

国家家禽育种与动物疫病防控重点实验室成功破译了优质地方家禽全基因组抗病遗传图谱，选育出抗禽流感优良新品系。
Guó jiā jiā qín yù zhǒng yǔ dòng wù yì bìng fáng kòng zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng pò yì le yōu zhì dì fāng jiā qín quán jī yīn zǔ kàng bìng yí chuán tú pǔ, xuǎn yù chū kàng qín liú gǎn yōu liáng xīn pǐn xì.
Phòng thí nghiệm trọng điểm phòng chống dịch bệnh động vật và nhân giống gia cầm quốc gia đã giải mã thành công đồ phổ di truyền kháng bệnh toàn bộ bộ gen gia cầm gia cầm nuôi bản địa chất lượng cao, chọn tạo ra dòng mới ưu lương kháng cúm gia cầm.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1926

家用
jiāyòng

dùng trong gia đình, đồ gia dụng gia đình

由大科学装置衍生研发的高效微纳质子交换膜空气净化技术，已成功转化为新一代超高效家用绿色健康除醛设备。
Yóu dà kē xué zhuāng zhì yǎn shēng yán fā de gāo xiào wēi nà zhì zi jiāo huàn mó kōng qì jìng huà jì shù, yǐ chéng gōng zhuǎn huà wèi xīn yí dài chāo gāo xiào jiā yòng lǜ sè jiàn kāng chú quán shè bèi.
Công nghệ lọc sạch không khí màng trao đổi proton vi nano hiệu quả cao phái sinh từ thiết bị khoa học lớn đã chuyển hóa thành công thành thiết bị khử formaldehyde sức khỏe xanh dùng trong gia đình gia dụng siêu hiệu quả thế hệ mới.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1927

家喻户晓
jiā yù hù xiǎo

nhà nhà đều biết, người người đều hay, nổi tiếng khắp chốn

钱学森、邓稼先等老一辈功勋科学家科技报国的崇高感人事迹，在神州大地上家喻户晓、妇孺皆知。

Qián xué sēn, dèng jià xiān děng lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jì kē jì bào guó de chóng gāo gǎn rén shì jì, zài shén zhōu dà dì shàng jiā yù hù xiǎo, fù rú jiē zhī.

Những câu chuyện cảm động cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của các nhà khoa học tiền bối có công trạng lẫy lừng như Tiền Học Sâm, Đặng Giá Tiên đã trở nên nổi tiếng khắp chốn nhà nhà đều biết, từ người già đến trẻ nhỏ đều hay trên mảnh đất Thần Châu.

35 nét | HÁN VIỆT : GIA DỤ HỘ HIỂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1928

家政
jiāzhèng

việc gia đình dịch vụ gia chính, quản lý gia đình

国家具身智能创新中心研发的双足仿生人形机器人展示了卓越的高动态力控协作能力，未来有望全面进入现代家政服务场景。

Guó jiā jù shēn zhì néng chuàng xīn zhōng xīn yán fā de shuāng zú fǎng shēng rén xíng jī qì rén zhǎn shì le zhuó yuè de gāo dòng tài lì kòng xié zuò néng lì, wèi lái yǒu wàng quán miàn jìn rù xiàn dài jiā zhèng fú wù chǎng jǐng.

Robot hình người phỏng sinh học hai chân do Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Trí tuệ Hiện thân Quốc gia nghiên cứu phát triển phô diễn năng lực hiệp đồng điều khiển lực động thái cao trác việt, tương lai kỳ vọng sẽ tiến vào toàn diện các bối cảnh dịch vụ gia chính việc gia đình hiện đại.

21 nét | HÁN VIỆT : GIA CHÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1929

家族
jiāzú

gia tộc, họ tộc dòng họ

在我国航天大科学工程攻关队伍中，涌现出许多祖孙三代接续献身国防科技事业的英雄航天功勋家族。

Zài wǒ guó háng tiān dà kē xué gōng chéng gōng guān duì wǔ zhōng, yǒng xiàn chū xǔ duō zǔ sūn sān dài jiē xù xiàn shēn guó fáng kē jì shì yè de yīng xióng háng tiān gōng xūn jiā zú.

Bên trong đội ngũ vượt khó công trình khoa học lớn hàng không vũ trụ nước ta, đã xuất hiện nhiều gia tộc dòng họ anh hùng có công lao hàng không vũ trụ với ba thế hệ ông - cha - con nối tiếp nhau dâng hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng.

18 nét | HÁN VIỆT : GIA TỘC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1930

嘉年华
jiāniánhuá

ngày hội lễ hội carnival, ngày hội khoa học tưng bừng

全国科普日科技嘉年华活动现场设立了人造太阳聚变体验、量子加密互动等多个互动展区，点燃了全社会科学热情。

Quán guó kē pǔ rì kē jì jiā nián huá huó dòng xiàn chǎng shè lì le rén zào tài yáng jù biàn tǐ yàn, liàng zǐ jiā mì hù dòng děng duō gè hù dòng zhǎn qū, diǎn rán le quán shè huì kē xué rè qíng.

Hiện trường hoạt động lễ hội carnival ngày hội khoa học ngày hội tưng bừng Ngày Khoa học Phổ biến Toàn quốc đã thiết lập nhiều khu triển lãm tương tác như trải nghiệm nhiệt hạch Mặt trời nhân tạo, tương tác mã hóa lượng tử, thắp sáng ngọn lửa nhiệt huyết khoa học của toàn xã hội.

33 nét | HÁN VIỆT : GIA NIÊN HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1931

假定
jiǎdìng

giả định, đặt giả thuyết giả thiết

在前沿基础物理研究中，提出大胆合理的科学假定是开辟全新理论体系的第一步，但必须经过极其严密的物理实验验证。

Zài qián yán jī chǔ wù lǐ yán jiū zhōng, tí chū dà dǎn hé lǐ de kē xué jiǎ dìng shì kāi pì quán xīn lǐ lùn tǐ xì de dì yī bù, dàn bì xū jīng guò jí qí yán mì de wù lǐ shí yàn yàn zhèng.

Trong nghiên cứu vật lý cơ bản tiên phong, việc đưa ra giả thiết giả định đặt giả thuyết khoa học táo bạo và hợp lý là bước đi đầu tiên để mở ra hệ thống lý luận hoàn toàn mới, nhưng bắt buộc phải trải qua kiểm chứng thực nghiệm vật lý cực kỳ chặt chẽ.

22 nét | HÁN VIỆT : GIẢ ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1932

假冒
jiǎmào

giả mạo, mạo danh hàng giả nhái

国家市场监管与知识产权保护部门重拳出击，依法严惩任何侵犯国家重大专利技术与假冒伪劣高科技产品的违法犯罪行径。

Guó jiā shì chǎng jiān guǎn yǔ zhī shí chǎn quán bǎo hù bù mén zhòng quán chū jī, yī fǎ yán chéng rèn hé qīn fàn guó jiā zhòng dà zhuān lì jì shù yǔ jiǎ mào wěi liè gāo kē jì chǎn pǐn de wéi fǎ fàn zuì xíng jìng.

Cơ quan bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý giám sát thị trường quốc gia đã ra đòn mạnh, trừng phạt nghiêm khắc theo đúng pháp luật mọi hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm công nghệ bằng sáng chế trọng đại quốc gia và hàng giả nhái giả mạo sản phẩm công nghệ cao kém chất lượng.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢ MẠO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ / Liên từ | #1933

假设
jiǎ shè

giả thiết, giả định; nếu như

科学探索始于大胆的大胆假设与求真求证，通过严谨的实验实测数据不断修正并最终证实理论假说。

Kē xué tàn suǒ shǐ yú dà dǎn de dà dǎn jiǎ shè yǔ qiú zhēn qiú zhèng, tōng guò yán jǐn de shí yàn shí cè shù jù bù duàn xiū zhèng bìng zuì zhōng zhèng shí lǐ lùn jiǎ shuō.

Thám hiểm khoa học bắt đầu từ những giả thiết táo bạo cùng việc kiếm tìm chân lý chứng minh thực tế, thông qua các số liệu đo đạc thực nghiệm nghiêm cẩn không ngừng sửa đổi và cuối cùng chứng minh thành công giả thuyết lý luận.

26 nét | HÁN VIỆT : GIẢ THIẾT

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #1934

假使
jiǎ shǐ

giả sử, ví thử, nếu như mà

假使没有一代代科学家数十载如一日坐冷板凳的默默坚守，就绝不可能换来今天国家科技自立自强的辉煌成就。

Jiǎ shǐ méi yǒu yí dài dài kē xué jiā shù shí zài rú yī rì zuò lěng bǎn dèng de mò mò jiān shǒu, jiù jué bù kě néng huàn lái jīn tiān guó jiā kē jì zì lì zì qiáng de huī huáng chéng jiù.

Giả sử nếu không có sự kiên cường bám trụ âm thầm ngồi ghế lạnh suốt hàng chục năm như một của biết bao thế hệ nhà khoa học, thì tuyệt đối không bao giờ có thể đổi lấy những thành tựu huy hoàng rực rỡ về tự chủ tự cường khoa học công nghệ của đất nước ngày hôm nay.

24 nét | HÁN VIỆT : GIẢ SỬ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1935

假装
jiǎ zhuāng

giả vờ, giả bộ

在面对自身的知识盲区与能力短板时要诚实面对，切不可不懂装懂、假装全部掌握。

Zài miàn duì zì shēn de zhī shí máng qū yǔ néng lì duǎn bǎn shí yào chéng shí miàn duì, qiè bù kě bù dǒng zhuāng dǒng, jiǎ zhuāng quán bù zhǎng wò.

Khi đối diện với những lỗ hổng kiến thức và hạn chế của bản thân cần phải thẳng thắn nhìn nhận, tuyệt đối không được giấu dốt hay giả vờ như mình đã nắm vững toàn bộ.

28 nét | HÁN VIỆT : GIẢ TRANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1936

价位
jiàwèi

mức giá, phân khúc giá tầm giá

通过前沿半导体制造工艺技术创新与良品率跨越，国产高性能AI计算芯片在同等算力性能下实现了极具竞争力的价位优势。
Tōng guò qián yán bàn dǎo tǐ zhì zào gōng yì jì shù chuàng xīn yǔ liáng pǐn lǜ kuà yuè, guó chǎn gāo xìng néng AI jì suàn xīn piàn zài tóng děng suàn lì xìng néng xià shí xiàn le jí jù jìng zhēng lì de jià wèi yōu shì.
Thông qua bước nhảy vọt về tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn và đổi mới sáng tạo công nghệ quy trình chế tạo bán dẫn tiên phong, chip tính toán AI tính năng cao sản xuất trong nước dưới cùng hiệu năng sức mạnh tính toán đã thực hiện ưu thế phân khúc giá mức giá tầm giá cực kỳ có tính cạnh tranh.

23 nét | HÁN VIỆT : GIÁ VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1937

价值观
jiàzhíguān

giá trị quan, hệ giá trị chuẩn mực

淡泊名利、潜心科研、胸怀祖国、服务人民，是当代中国杰出科学家共同恪守的高尚科学价值观与精神坐标。
Dàn bó míng lì, qián xīn kē yán, xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín, shì dāng dài zhōng guó jié chū kē xué jiā gòng tóng kè shǒu de gāo shàng kē xué jià zhí guān yǔ jīng shén zuò biāo.
Đạm bạc danh lợi, chuyên tâm nghiên cứu khoa học, ôm trọn Tổ quốc trong tim, phụng sự nhân dân chính là hệ giá trị giá trị quan khoa học cao đẹp cùng tọa độ tinh thần mà các nhà khoa học kiệt xuất Trung Quốc đương đại cùng tuân thủ nghiêm ngặt.

32 nét | HÁN VIỆT : GIÁ TRỊ QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1938

驾
jià

lái điều khiển; cưỡi vượt; bảo hộ hỗ trợ (bǎojià hùháng)

大科学工程多学科测控保障团队通力协作，为深空探测器行星际轨道精准交会对接任务圆满成功保驾护航。
Dà kē xué gōng chéng duō xué kē cè kòng bǎo zhàng tuán duì tōng lì xié zuò, wèi shēn kōng tàn cè qì xíng xīng jì guǐ dào jīng zhǔn jiāo huì duì jiē rèn wù yuán mǎn chéng gōng bǎo jià hù háng.
Đội ngũ bảo đảm trắc nghiệm điều khiển đa môn học công trình khoa học lớn dốc sức hiệp đồng, hộ tống nâng đỡ bảo hộ lái lái thuyền (bảo giá hộ hàng) cho sự thành công mỹ mãn của nhiệm vụ ghép nối giao hội chuẩn xác trên quỹ đạo liên hành tinh của tàu thám trắc không gian sâu.

8 nét | HÁN VIỆT : GIÁ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1939

驾车
jiàchē

lái xe, điều khiển phương tiện ô tô

野外地质与生态科学考察队驾车载着高精度便携式质谱仪，深入青藏高原可可西里无人区腹地展开综合科学考察。
Yě wài dì zhì yǔ shēng tài kē xué kǎo chá duì jià chē zài zhe gāo jīng dù biàn xié shì zhì pǔ yí, shēn rù qīng zàng gāo yuán kě kě xī lǐ wú rén qū fù dì zhǎn kāi zōng hé kē xué kǎo chá.
Đội khảo sát khoa học sinh thái và địa chất dã ngoại lái xe chở theo chiếc máy đo phổ khối cầm tay độ chính xác cao đi sâu vào vùng lõi vùng không người Hoh Xil trên Cao nguyên Thanh Tạng triển khai khảo sát khoa học tổng hợp.

18 nét | HÁN VIỆT : GIÁ XA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1940

驾驭
jiàyù

chế ngự làm chủ, điều khiển kiểm soát thuần thục

中国科学家不仅突破了全超导托卡马克装置工程建造，而且具备了精准驾驭极端等离子体物理运行的世界领先能力。
Zhōng guó kē xué jiā bù jīn tū pò le quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kè zhuāng zhì gōng chéng jiàn zào, ér qiě jù bèi le jīng zhǔn jià yù jí duān děng lí zǐ tǐ wù lǐ yùn xíng de shì jiè lǐng xiān néng lì.
Các nhà khoa học Trung Quốc không chỉ đột phá việc chế tạo kỹ thuật thiết bị tokamak toàn siêu dẫn, mà còn sở hữu năng lực hàng đầu thế giới trong việc kiểm soát làm chủ chế ngự chuẩn xác sự vận hành vật lý plasma cực đoan.

20 nét | HÁN VIỆT : GIÁ NGỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1941

架势
jiàshi

tư thế thế trận; khí thế phô trương (khẩu ngữ)

在大科学工程全要素联调现场，各专业团队摆开协同作战的阵地架势，严阵以待准备迎接首束高能粒子束流引出测试。
Zài dà kē xué gōng chéng quán yào sù lián diào xiàn chǎng, gè zhuān yè tuán duì bǎi kāi xié tóng zuò zhàn de zhèn dì jià shì, yán zhèn yǐ dài zhǔn bèi yíng jiē shōu shù gāo néng lì zi shù liú yǐn chū cè shì.
Tại hiện trường liên điều toàn bộ yếu tố công trình khoa học lớn, các đội ngũ chuyên môn bày ra tư thế thế trận trận địa hiệp đồng tác chiến, dàn trận nghiêm cẩn sẵn sàng đón nhận đợt thử nghiệm dẫn chùm hạt năng lượng cao đầu tiên ra ngoài.

23 nét | HÁN VIỆT : GIÁ THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1942

架子
jiàzi

giá đỡ khung giàn; vẻ kiêu ngạo làm bộ làm tịch (dǎ jiàzi)

战略科学家毫无大牌专家的架子，始终和青年科研人员围坐在黑板前平等讨论、探讨最新物理假说推导。
Zhàn lüè kē xué jiā háo wú dà pái zhuān jiā de jià zi, shǐ zhōng hé qīng nián kē yán rén yuán wéi zuò zài hēi bǎn qián píng děng tǎo lùn, tàn tǎo zuì xīn wù lǐ jiǎ shuō tuī dǎo.
Vị nhà khoa học chiến lược mảy may không hề có vẻ kiêu ngạo làm bộ làm tịch giá đỡ của chuyên gia tên tuổi lớn, luôn luôn cùng các cán bộ nghiên cứu khoa học thanh niên ngồi quây quần trước bảng đen bình đẳng thảo luận, bàn thảo suy diễn giả thuyết vật lý mới

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1943

嫁
jià

lấy chồng, gả chồng

古代文成公主远嫁吐蕃，不仅促进了汉藏两族的友好往来，更把先进的中原农耕技术传播到了雪域高原。
Gǔ dài wén chéng gōng zhǔ yuǎn jià tǔ bō, bù jǐn cù jìn le hàn cáng liǎng zú de yǒu hǎo wǎng lái, gèng bǎ xiān jìn de zhōng yuán nóng gēng jì shù chuán bō dào le xuě yù gāo yuán.
Công chúa Văn Thành thời cổ đại gả về Tây Tạng không chỉ thúc đẩy mối quan hệ bang giao hữu hảo giữa hai dân tộc Hán - Tạng mà còn đưa kỹ thuật canh tác nông nghiệp tiên tiến vùng Trung Nguyên truyền bá lên cao

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1944

嫁妆
jiàzhuang

của hồi môn, của hồi môn cô dâu ngày cưới

老一辈科学家把国家授予的全部科研成果奖金当作送给青年科研实验室建设的最珍贵“科技嫁妆”，体现了无私奉献的大家风范。
Lǎo yī bèi kē xué jiā bǎ guó jiā shòu yǔ de quán bù kē yán chéng guǒ jiǎng jīn dàng zuò sòng gěi qīng nián kē yán shí yàn shì jiàn shè de zuì zhēn guì "kē jì jià zhuāng ", tǐ xiàn liǎo wú sī fèng xiàn de dà jiā fēng fàn.
Vị nhà khoa học tiền bối đã đem toàn bộ tiền thưởng thành quả nghiên cứu khoa học được Nhà nước trao tặng coi như món 'của hồi môn khoa học công nghệ' của hồi môn quý giá nhất trao tặng cho việc xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học trẻ, thể hiện

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1945

奸诈
jiānzhà

gian xảo xảo quyệt, gian trá quỷ quyệt bất lương

国家科技安全机关以敏锐洞察力与强大反制手段，彻底识破粉碎了境外商业间谍窃取我国核心国防专利技术的奸诈阴谋。
Guó jiā kē jì ān quán jī guān yǐ mǐn ruì dòng chá lì yǔ qiáng dà fǎn zhì shǒu duàn, chè dǐ shí pò fěn suì le jìng wài shāng yè jiàn dié qiè qǔ wǒ guó hé xīn guó fáng zhuān lì jì shù de jiān zhà yīn móu.
Cơ quan an ninh khoa học công nghệ quốc gia bằng biện pháp phản kích mạnh mẽ và năng lực quan sát nhạy bén đã nhìn thấu và đập tan hoàn toàn âm mưu gian xảo gian trá xảo quyệt quỷ quyệt đánh cắp công nghệ bằng sáng chế quốc phòng cốt lõi nước ta của các gián điệp thương mại nước ngoài.

16 nét | HÁN VIỆT : GIAN TRÁ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1946

尖端
jiān duān

mũi nhọn, tối tân, đỉnh cao công nghệ

国家集中优势科研力量聚焦量子计算、脑机接口与受控核聚变等全球尖端前沿科技领域展开战略攻关。
Guó jiā jí zhōng yōu shì kē yán lì liàng jù jiāo liàng zǐ jì suàn, nǎo jī jiē kǒu yǔ shòu kòng hé jù biàn děng quán qiú jiān duān qián yán kē jì lǐng yù zhǎn kāi zhàn lüè gōng guān.
Nhà nước tập trung các nguồn lực nghiên cứu khoa học ưu thế mũi nhọn hướng vào các lĩnh vực khoa học công nghệ tối tân tiên phong toàn cầu như tính toán lượng tử, giao diện não - máy tính và nhiệt hạch có kiểm soát để triển khai nghiên cứu chiến lược.

27 nét | HÁN VIỆT : TIÊM ĐOAN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1947

尖锐
jiān ruì

sắc bén, gay gắt, nhọn hoắt

在青年哲学思辨沙龙上，两位辩手就科技伦理问题展开了逻辑极其严密、交锋极为尖锐的论辩。
Zài qīng nián zhé xué sī biàn shā lóng shàng, liǎng wèi biàn shǒu jiù kē jì lún lǐ wèn tí zhǎn kāi le luó jí jí qí yán mì, jiāo fēng jí wéi jiān ruì de lùn biàn.
Tại buổi tọa đàm tư duy triết học trẻ, hai bên tranh luận đã triển khai một màn tranh biện với logic vô cùng chặt chẽ và sự cọ xát góc nhìn cực kỳ sắc bén xoay quanh vấn đề đạo đức công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : TIÊM NHUỆ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1948

坚持不懈
jiānchíbùxiè

kiên trì bền bỉ, kiên trì không ngừng nghỉ không bỏ cuộc

经过三代科学家数十年如一日坚持不懈的艰苦攻关，我国终于建成了具有全球顶尖分辨率的大科学工程装置。
Jīng guò sān dài kē xué jiā shù shí nián rú yī rì jiān chí bù xiè de jiān kǔ gōng guān, wǒ guó zhōng yú jiàn chéng le jù yǒu quán qiú dǐng jiān fēn biàn lǜ de dà kē xué gōng chéng zhuāng zhì.
Trải qua sự vượt khó gian khổ kiên trì bền bỉ kiên trì không ngừng nghỉ mấy chục năm như một ngày của ba thế hệ nhà khoa học, nước ta cuối cùng đã xây dựng hoàn thành thiết bị công trình khoa học lớn sở hữu độ phân giải đỉnh cao toàn cầu.

35 nét | HÁN VIỆT : KIÊN TRÌ BẤT GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1949

坚韧
jiān rèn

kiên cường dẻo dai, bền bỉ kiên trinh

中华民族历经磨难而生生不息，靠的就是百折不挠、自强不息的坚韧民族品格与崇高风骨。
Zhōng huá mín zú lì jīng mó nàn ér shēng shēng bù xī, kào de jiù shì bǎi zhé bù náo, zì qiáng bù xī de jiān rèn mín zú pǐn gé yǔ chóng gāo fēng gǔ.
Dân tộc ta trải qua bao hoạn nạn gian truân mà vẫn trường tồn sinh sôi nảy nở không ngừng, dựa vào chính là phẩm cách kiên cường dẻo dai bất khuất không lùi bước, tự lực tự cường cùng khí phách cao đẹp.

22 nét | HÁN VIỆT : KIÊN NHẬN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1950

坚实
jiān shí

vững chắc, kiên cố, đanh chắc bền bỉ

我国建成了全球规模最大、门类最齐全的现代工业制造体系，为国家长治久安奠定了极其坚实的实体经济基础。
Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, mén lèi zuì qí quán de xiàn dài gōng yè zhì zào tǐ xì, wèi guó jiā cháng zhì jiǔ ān dìng le jí qí jiān shí de shí tǐ jīng jì jī chǔ.
Nước ta đã xây dựng thành công hệ thống chế tạo công nghiệp hiện đại có quy mô lớn nhất và đầy đủ các phân ngành nhất thế giới, đặt nền móng kinh tế thực thể vô cùng vững chắc cho sự ổn định lâu dài và phồn vinh của quốc gia.

24 nét | HÁN VIỆT : KIÊN THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1951

坚守
jiānshǒu

kiên trì bám trụ, kiên thủ giữ vững vị trí

在狂风呼啸的大西北戈壁试验场，全体参试人员在零下数十度极寒中通宵达旦坚守岗位、确保试验数据万无一失。
Zài kuáng fēng hū xiào de dà xī běi gē bì shì yàn chǎng, quán tǐ cān shì rén yuán zài líng xià shù shí dù jí hán zhōng tōng xiāo dá dàn jiān shǒu gǎng wèi, què bǎo shì yàn shù jù wàn wú yī shī.
Tại bãi thử nghiệm sa mạc Gobi miền Tây Bắc gió rít gầm gào, toàn thể cán bộ tham gia thử nghiệm giữa cái rét cực hàn âm mấy chục độ đã thức thâu đêm suốt sáng kiên trì bám trụ kiên thủ vị trí công tác, bảo đảm số liệu thử nghiệm tuyệt đối không một sai sót.

23 nét | HÁN VIỆT : KIÊN THỦ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1952

坚信
jiānxìn

tin tưởng vững chắc, kiên định một niềm tin

广大青年科学家坚信：只要我们胸怀祖国、敢于向未知科学无人区进军，就一定能开辟出引领世界前沿的全新科学高地！
Guǎng dà qīng nián kē xué jiā jiān xìn: zhǐ yào wǒ men xiōng huái zǔ guó, gǎn yú xiàng wèi zhī kē xué wú rén qū jìn jūn, jiù yí dìng néng kāi pì chū yǐn lǐng shì jiè qián yán de quán xīn kē xué gāo dì!
Đông đảo các nhà khoa học trẻ tin tưởng vững chắc kiên định một niềm tin: Chỉ cần chúng ta ôm trọn Tổ quốc trong tim, dũng cảm tiến quân vào vùng không người khoa học chưa biết thì nhất định có thể mở ra vùng cao khoa học hoàn toàn mới dẫn dắt mũi nhọn thế giới!

22 nét | HÁN VIỆT : KIÊN TÍN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1953

坚硬
jiān yìng

cứng rắn, rắn chắc, cứng như đá

全断面硬岩掘进机搭载了特种金刚石复合滚刀，能够势如破竹般高效粉碎开挖极为坚硬的花岗岩地层。
Quán duàn miàn yìng yán jué jìn jī dā zài le tè zhǒng jīn gāng shí fù hé gǔn dāo, néng gòu shì rú pò zhú bān gāo xiào fěn suì kāi wā jí wéi jiān yìng de huā gāng yán dì céng.
Máy đào hầm toàn phần đá cứng TBM trang bị các đĩa dao lăn composite kim cương đặc chủng, có thể nghiền nát và đào bới các lớp địa tầng đá hoa cương cực kỳ rắn chắc một cách dũng mãnh và hiệu quả cao.

20 nét | HÁN VIỆT : KIÊN NGẠNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1954

歼灭
jiānmiè

tiêu diệt tận gốc, tiễu trừ quét sạch triệt để

国家生物医学攻关团队研发的新型嵌合抗原受体CAR-T细胞免疫疗法，实现了对晚期恶性淋巴瘤微小残留病灶的精准靶向全数歼灭。
Guó jiā shēng wù yī xué gōng guān tuán duì yán fā de xīn xíng qiàn hé kàng yuán shòu tǐ CAR-T xì bāo miǎn yì liáo fǎ, shí xiàn le duì wǎn qī è xìng lín bā liú wēi xiǎo cán liú bìng zào de jīng zhǔn bǎ xiàng quán shù jiān miè.
Liệu pháp miễn dịch tế bào CAR-T thụ thể kháng nguyên khảm kiểu mới do đội ngũ vượt khó y sinh quốc gia nghiên cứu phát triển đã thực hiện việc tiêu diệt tận gốc tiễu trừ quét sạch trúng đích chuẩn xác toàn bộ các ổ bệnh còn sót lại cực nhỏ của u lympho ác tính giai đoạn muộn.

26 nét | HÁN VIỆT : TIÊM DIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1955

间谍
jiàn dié

gián điệp, điệp viên

国家安全机关依法严厉打击任何境外间谍情报机关对我国核心科技机密与关键基础设施的网络渗透窃密犯罪。
Guó jiā ān quán jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé jìng wài jiān dié qíng bào jī guān duì wǒ guó hé xīn kē jì jī mì yǔ guān jiàn jī chǔ shè shī de wǎng luò shèn tòu qiè mì fàn zuì.
Cơ quan an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật xử lý nghiêm minh mọi tội phạm gián điệp tình báo nước ngoài thâm nhập mạng đánh cắp bí mật công nghệ cốt lõi và cơ sở hạ tầng then chốt của đất nước.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAN ĐIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #1956

间断
jiànduàn

gián đoạn, ngắt quãng đứt quãng không liên tục

国家超算中心大科学装置建立了双路独立供电与UPS储能无缝切换保障系统，确保核心物理模拟计算永不间断。
Guó jiā chāo suàn zhōng xīn dà kē xué zhuāng zhì jiàn lì le shuāng lù dú lì gōng diàn yǔ UPS chǔ néng wú fèng qiè huàn bǎo zhàng xì tǒng, què bǎo hé xīn wù lǐ mó nǐ jì suàn yǒng bù jiàn duàn.
Thiết bị khoa học lớn Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia đã xây dựng hệ thống bảo đảm chuyển mạch liền mạch tích năng UPS cùng cấp điện độc lập hai lộ, bảo đảm các tính toán mô phỏng vật lý cốt lõi vĩnh viễn không bị ngắt quãng gián đoạn.

19 nét | HÁN VIỆT : GIAN ĐOẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1957

间隔
jiàn gé

khoảng cách, khoảng thời gian giãn cách, cự ly

京沪高铁全线采用高密度全自动列车运行控制系统，最小发车间隔时间压缩至三分半钟，达到世界顶级水平。
Jīng hù gāo tiě quán xiàn cǎi yòng gāo mì dù quán zì dòng liè chē yùn xíng kòng zhì xì tǒng, zuì xiǎo fā chē jiàn gé shí jiān yā suō zhì sān fēn bàn zhōng, dá dào shì jiè dǐng jí shuǐ píng.
Toàn tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh - Thượng Hải áp dụng hệ thống điều khiển vận hành đoàn tàu tự động hóa hoàn toàn mật độ cao, khoảng thời gian giãn cách giữa các chuyến tàu tối thiểu được rút ngắn chỉ còn 3 phút rưỡi, đạt đẳng cấp đỉnh cao của thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAN CÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1958

间隙
jiànxì

khe hở khoảng cách, khe hở vi mô; thời gian rảnh rỗi

超导高频加速腔两极微观间隙被精准控制在微米量级公差之内，极大降低了强电场高压击穿放电风险。
Chāo dǎo gāo pín jiā sù qiāng liǎng jí wēi guān jiàn xì bèi jīng zhǔn kòng zhì zài wēi mǐ liàng jí gōng chāi zhī nèi, jí dà jiàng dī le qiáng diàn chǎng gāo yā jī chuān fàng diàn fēng xiǎn.
Khoảng cách khe hở khe hở vi mô giữa hai cực buồng gia tốc cao tần siêu dẫn được kiểm soát chuẩn xác trong phạm vi dung sai cấp độ micromet, giảm thiểu tối đa nguy cơ phóng điện đánh thủng điện áp cao của điện trường mạnh.

20 nét | HÁN VIỆT : GIAN KHÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1959

肩膀
jiān bǎng

bờ vai, bờ vai gánh vác

青年一代要勇于用稚嫩却坚强的肩膀，挑起时代赋予我们的历史使命与强国重任。
Qīng nián yí dài yào yǒng yú yòng zhì nèn què jiān qiáng de jiān bǎng, tiāo qǐ shí dài fù yǔ wǒ men de lì shǐ shǐ mìng yǔ qiáng guó zhòng rèn.
Thế hệ trẻ cần dũng cảm dùng bờ vai dẫu còn non trẻ nhưng kiên cường của mình để gánh vác sứ mệnh lịch sử và trọng trách xây dựng đất nước phồn vinh mà thời đại trao gửi.

18 nét | HÁN VIỆT : KIÊN BẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1960

肩负
jiānfù

gánh vác, mang trên vai trọng trách sứ mệnh

新时代广大青年科技工作者肩负着推动高水平科技自立自强与建设世界科技强国的历史重任，砥砺奋进、勇往直前。
Xīn shí dài guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě jiān fù zhe tuī dòng gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng yǔ jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ zhòng rèn, dǐ lì fèn jìn, yǒng wǎng zhí qián.
Đông đảo những người làm khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới mang trên vai gánh vác trọng trách lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới và thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, tôi rèn phấn đấu tiến bước, dũng cảm tiến lên phía trước.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1961

艰巨
jiān jù

gian nan, nặng nề, khó khăn gian khổ

实现碳达峰与碳中和是一场广泛而深刻的经济社会系统性变革，任务极其艰巨而光荣。
Shí xiàn tàn dá fēng yǔ tàn zhōng hé shì yī cháng guǎng fàn ér shēn kè de jīng jì shè huì xì tǒng xìng biàn gé, rèn wù jí qí jiān jù ér guāng róng.
Hiện thực hóa mục tiêu đạt đỉnh carbon và trung hòa carbon là một cuộc chuyển đổi mang tính hệ thống kinh tế xã hội sâu rộng, nhiệm vụ vô cùng gian nan nhưng cũng rất đỗi quang vinh.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1962

艰苦奋斗
jiānkǔfèndòu

gian khổ phấn đấu, phấn đấu gian khổ vượt mọi chông gai

艰苦奋斗、自力更生是我国老一辈科学家铸就的伟大精神底色，激励着一代代青年科技人才在科技强国征程上奋勇争先。
Jiān kǔ fèn dòu, zì lì gēng shēng shì wǒ guó lǎo yī bèi kē xué jiā zhù jiù de wěi dà jīng shén dǐ sè, jī lì zhe yí dài dài qīng nián kē jì rén cái zài kē jì qiáng guó zhēng chéng shàng fèn yǒng zhēng xiān.
Phấn đấu gian khổ gian khổ phấn đấu, tự lực cánh sinh chính là gam màu nền tảng tinh thần vĩ đại được đúc kết bởi các nhà khoa học tiền bối nước ta, khích lệ từng thế hệ nhân tài khoa học công nghệ trẻ dũng cảm đi đầu trên hành trình cường quốc khoa học công nghệ.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1963

艰险
jiānxiǎn

gian nan hiểm trở, gian khổ hiểm nguy trắc trở

科学探索从来没有平坦的大道可走，只有在崎岖小路上敢于攀登艰险悬崖绝壁的人，才能到达光辉的科学真理顶峰。
Kē xué tàn suǒ cóng lái méi yǒu píng tǎn de dà dào kě zǒu, zhǐ yǒu zài qí qū xiǎo lù shàng gǎn yú pān dēng jiān xiǎn xuán yá jué bì de rén, cái néng dào dá guāng huī de kē xué zhēn lǐ dǐng fēng.
Khám phá khoa học từ xưa tới nay chưa từng có đại lộ bằng phẳng để đi, chỉ có những người trên con đường mòn gập ghềnh dám trèo lên những vách đá vách núi dựng đứng gian khổ hiểm nguy gian nan hiểm trở mới có thể chạm tới đỉnh cao chân lý khoa học sáng ngời.

23 nét | HÁN VIỆT : GIAN HIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1964

艰辛
jiānxīn

gian truân gian khổ, muôn vàn khó khăn cực nhọc

每一项具有世界影响力的重大原创科学发现背后，都凝聚着科研攻坚团队数十年如一日默默付出的艰辛探索汗水。
Měi yī xiàng jù yǒu shì jiè yǐng xiǎng lì de zhòng dà yuán chuàng kē xué fā xiàn bèi hòu, dōu níng jù zhe kē yán gōng jiān tuán duì shù shí nián rú yī rì mò mò fù chū de jiān xīn tàn suǒ hàn shuǐ.
Đằng sau mỗi một phát hiện khoa học nguyên bản trọng đại có sức ảnh hưởng toàn cầu, đều kết tinh những giọt mồ hôi tìm tòi gian khổ gian truân cống hiến thầm lặng mấy chục năm như một ngày của đội ngũ vượt khó nghiên cứu khoa học.

24 nét | HÁN VIỆT : GIAN TÂN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Phó từ | #1965

兼
jiān

kiêm giữ kiêm nhiệm; đồng thời bao gồm cả hai

该大科学装置兼具超高空间分辨率与超快皮秒级时间分辨观测能力，为前沿物质科学研究提供了全新综合实验平台。
Gāi dà kē xué zhuāng zhì jiān jù chāo gāo kōng jiān fēn biàn lǜ yǔ chāo kuài pí miǎo jí shí jiān fēn biàn guān cè néng lì, wèi qián yán wù zhì kē xué yán jiū tí gōng le quán xīn zōng hé shí yàn píng tái.
Thiết bị khoa học lớn này đồng thời bao gồm kiêm sở hữu cả năng lực quan trắc phân giải thời gian cấp độ pico-giây siêu nhanh lẫn độ phân giải không gian siêu cao, mang lại nền tảng thực nghiệm tổng hợp hoàn toàn mới cho nghiên cứu khoa học vật chất tiên phong.

8 nét | HÁN VIỆT : KIÊM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1966

兼顾
jiāngù

kết hợp hài hòa cả hai, đồng thời coi trọng chiếu cố toàn diện

大科学工程总体规划布局坚持前瞻引领，兼顾世界科学前沿探索与国家战略急需重大技术攻关的双重目标。
Dà kē xué gōng chéng zǒng tǐ guī huà bù jú jiān chí qián zhān yǐn lǐng, jiān gù shì jiè kē xué qián yán tàn suǒ yǔ guó jiā zhàn lüè jí xū zhòng dà jì shù gōng guān de shuāng chóng mù biāo.
Bố cục quy hoạch tổng thể công trình khoa học lớn kiên trì dẫn dắt có tầm nhìn xa, kết hợp hài hòa cả hai đồng thời coi trọng mục tiêu kép vừa vượt khó công nghệ trọng đại nhu cầu cấp bách chiến lược quốc gia lại vừa tìm tòi mũi nhọn khoa học thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : KIÊM CỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1967

兼任
jiānrèn

kiêm nhiệm, kiêm giữ chức vụ bổ sung

国家实验室战略科学家受聘兼任多所一流大学前沿交叉学院名誉院长，积极推动高校基础学科拔尖创新人才贯通培养。
Guó jiā shí yàn shì zhàn lüè kē xué jiā shòu pìn jiān rèn duō suǒ yì liú dà xué qián yán jiāo chā xué yuàn míng yù yuàn zhǎng, jī jí tuī dòng gāo xiào jī chǔ xué kē bá jiān chuàng xīn rén cái guàn tōng péi yǎng.
Nhà khoa học chiến lược Phòng thí nghiệm Quốc gia được mời kiêm giữ chức vụ kiêm nhiệm Viện trưởng Danh dự Học viện Liên ngành Tiên phong tại nhiều trường đại học hàng đầu, tích cực thúc đẩy việc đào tạo liên thông nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng môn học cơ bản ở các trường đại học.

19 nét | HÁN VIỆT : KIÊM NHÂM

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #1968

兼容
jiānróng

tương thích, tương dung tương thích tương hỗ

我国完全自主研发的新一代操作系统实现了对主流异构算力芯片指令集与国产基础软件生态的高效无缝兼容。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài cāo zuò xì tǒng shí xiàn le duì zhǔ liú yì gòu suàn lì xīn piàn zhǐ lìng jí yǔ guó chǎn jī chǔ ruǎn jiàn shēng tài de gāo xiào wú fèng jiān róng.
Hệ điều hành thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã thực hiện sự tương thích tương dung liền mạch hiệu quả cao đối với hệ sinh thái phần mềm nền tảng trong nước và tập lệnh chip sức mạnh tính toán dị cấu chính thống.

19 nét | HÁN VIỆT : KIÊM DUNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1969

兼职
jiān zhí

kiêm nhiệm, làm thêm bán thời gian; chức vụ kiêm

国家鼓励高校与科研院所高水平科研人员依法依规到高新技术企业兼职从事技术研发与科技成果转化。
Guó jiā gǔ lì gāo xiào yǔ kē yán yuàn suǒ gāo shuǐ píng kē yán rén yuán yī fǎ yī guī dào gāo xīn jì shù qì yè jiān zhí cóng shì jì shù yán fā yǔ kē jì chéng guǒ zhuǎn huà.
Nhà nước khuyến khích các cán bộ nghiên cứu khoa học trình độ cao tại các trường đại học và viện nghiên cứu đến kiêm nhiệm làm thêm tại các doanh nghiệp công nghệ cao để làm công tác nghiên cứu phát triển kỹ thuật và chuyển giao thành quả khoa học

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1970

监察
jiānchá

thanh tra giám sát, giám sát kiểm tra kỷ luật

国家科技纪检监察部门深化对重大国家科研资金分配与使用全过程穿透式监督，确保宝贵科研资金全额用在攻关刀刃上。
Guó jiā kē jì jì jiān jiān chá bù mén shēn huà duì zhòng dà guó jiā kē yán zī jīn fēn pèi yǔ shǐ yòng quán guò chéng chuān tòu shì jiān dū, què bǎo bǎo guì kē yán zī jīn quán é yòng zài gōng guān dāo rèn shàng.
Bộ phận giám sát thanh tra thanh tra kiểm tra kỷ luật khoa học công nghệ quốc gia đi sâu giám sát xuyên suốt toàn bộ quá trình sử dụng và phân bổ nguồn vốn nghiên cứu khoa học trọng đại của quốc gia, bảo đảm nguồn vốn nghiên cứu quý báu được dùng toàn bộ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1971

监管
jiānguǎn

quản lý giám sát, giám sát điều hành kiểm soát

国家健全了针对生成式人工智能与合成生物学等战略前沿科技领域的敏捷治理与全流程动态安全监管机制。
Guó jiā jiàn quán le zhēn duì shēng chéng shì rén gōng zhì néng yǔ hé chéng shēng wù xué děng zhàn lüè qián yán kē jì lǐng yù de mǐn jié zhì lǐ yǔ quán liú chéng dòng tài ān quán jiān guǎn jī zhì.
Nhà nước đã hoàn thiện cơ chế quản lý giám sát giám sát điều hành an toàn động thái toàn bộ quy trình cùng quản trị nhanh nhạy (agile governance) hướng tới các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên phong chiến lược như sinh học tổng hợp và trí tuệ nhân tạo tạo

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1972

监护
jiānhù

giám hộ chăm sóc, theo dõi giám sát y tế (jiānhùyí)

国家重症医学中心全面应用了具备AI动态生理参数预警功能的新一代多模态无创重症监护仪器系统。
Guó jiā zhòng zhèng yī xué zhōng xīn quán miàn yìng yòng le jù bèi AI dòng tài shēng lǐ cān shù yù jǐng gōng néng de xīn yí dài duō mó tài wú chuàng zhòng zhèng jiān hù yí qì xì tǒng.
Trung tâm Y học Chăm sóc Đặc biệt Quốc gia đã ứng dụng toàn diện hệ thống dụng cụ theo dõi giám sát giám hộ chăm sóc hồi sức tích cực không xâm lấn đa phương thức thế hệ mới sở hữu chức năng cảnh báo sớm tham số sinh lý động thái AI.

21 nét | HÁN VIỆT : GIAM HỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1973

监控
jiānkòng

giám sát điều khiển, camera giám sát kiểm soát

大科学装置总控中心部署了全自主数字孪生监控系统，实现了对全场数万个物理测点毫秒级高保真动态实时监控。
Dà kē xué zhuāng zhì zǒng kòng zhōng xīn bù shǔ le quán zì zhǔ shù zì luán shēng jiān kòng xì tǒng, shí xiàn le duì quán chǎng shù wàn gè wù lǐ cè diǎn háo miǎo jí gāo bǎo zhēn dòng tài shí shí jiān kòng.
Trung tâm Điều khiển Tổng của thiết bị khoa học lớn đã bố trí triển khai hệ thống kiểm soát giám sát điều khiển bản sao số (Digital Twin) hoàn toàn tự chủ, thực hiện việc giám sát thời gian thực động thái độ trung thực cao cấp độ mili-giây đối với hàng vạn điểm đo vật lý trên toàn hiện trường.

21 nét | HÁN VIỆT : GIAM KHỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1974

监视
jiān shì

giám thị, theo dõi quan sát (mục tiêu, bệnh nhân)

国家空间碎片监测预警网络依托地基大型雷达与光电望远镜，全天候严密监视近地轨道空间碎片运动状态。
Guó jiā kōng jiān suì piàn jiān cè yù jǐng wǎng luò yī tuō dì jī dà xíng léi dá yǔ guāng diàn wàng yuǎn jìng, quán tiān hòu yán mì jiān shì jìn dì guǐ dào kōng jiān suì piàn yùn dòng zhuàng tài.
Mạng lưới giám sát và cảnh báo sớm mảnh vụn không gian quốc gia dựa vào kính viễn vọng quang điện và radar cỡ lớn mặt đất, giám sát theo dõi chặt chẽ suốt 24/7 trạng thái chuyển động của các mảnh vỡ không gian trên quỹ đạo tầm thấp quanh Trái Đất.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAM THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1975

监狱
jiān yù

nhà tù, trại giam, trại cải tạo

国家司法行政机关坚持惩罚与改造相结合、以改造人为宗旨，依法推进监狱法治化、规范化与科学化管理。
Guó jiā sī fǎ xíng zhèng jī guān jiān chí chéng fá yǔ gǎi zào xiāng jié hé, yǐ gǎi zào rén wéi zōng zhǐ, yī fǎ tuī jìn jiān yù fǎ zhì huà, guī fàn huà yǔ kē xué huà guǎn lǐ.
Cơ quan hành chính tư pháp quốc gia kiên trì kết hợp giữa trừng phạt và cải tạo, lấy việc cải tạo con người làm tôn chỉ, thúc đẩy công tác quản lý nhà tù trại giam theo hướng khoa học hóa, quy chuẩn hóa và pháp trị hóa theo quy định của pháp luật.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAM NGỤC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1976

煎
jiān

chiên

老师鼓励大家积极煎，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiān，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chiên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : CHIÊN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1977

拣
jiǎn

chọn, lựa, nhặt nhạnh

现代化智慧农产品分选中心配备了高光谱视觉机器人，能够以每秒数十次的速度精准分拣出优质精品水果。
Xiàn dài huà zhì huì nóng chǎn pǐn fēn xuǎn zhōng xīn pèi bèi le gāo guāng pǔ shì jué jī qì rén, néng gòu yǐ měi miǎo shù shí cì de sù dù jīng zhǔn fēn jiǎn chū yōu zhì jīng pǐn shuǐ guǒ.
Trung tâm phân loại nông sản thông minh hiện đại trang bị robot thị giác siêu phổ có thể lựa chọn phân loại chính xác các loại trái cây thượng hạng chất lượng cao với tốc độ hàng chục lần mỗi giây.

11 nét | HÁN VIỆT : GIẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1978

减免
jiǎnmiǎn

miễn giảm, giảm trừ miễn giảm thuế phí

国家实施高新技术企业研发费用加计扣除与所得税减免等普惠性税收优惠政策，极大激发了科技企业研发投入动力。
Guó jiā shí shī gāo xīn jì shù qǐ yè yán fā fèi yòng jiā jì kòu chú yǔ suǒ dé shuì jiǎn miǎn děng pǔ huì xìng shuì shōu yōu huì zhèng cè, jí dà jī fā le kē jì qǐ yè yán fā tóu rù dòng lì.
Nhà nước thực thi các chính sách ưu đãi thuế mang tính phổ huệ như khấu trừ bổ sung chi phí nghiên cứu phát triển và giảm trừ miễn giảm miễn giảm thuế thu nhập đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, khích lệ tột bậc động lực đầu tư nghiên cứu phát triển của các doanh nghiệp khoa học công nghệ.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1979

减弱
jiǎnruò

suy giảm, yếu đi thuyên giảm mức độ

深空探测器搭载的高灵敏度空间辐射防护外壳，使有害宇宙射线对核心电子芯片与有效载荷的辐射损伤减弱了九成以上。
Shēn kōng tàn cè qì dā zài de gāo líng mǐn dù kōng jiān fú shè fáng hù wài ké, shǐ yǒu hài yǔ zhòu shè xiàn duì hé xīn diàn zi xīn piàn yǔ yǒu xiào zài hè de fú shè sǔn shāng jiǎn ruò le jiǔ chéng yǐ shàng.
Lớp vỏ phòng hộ bức xạ không gian độ nhạy cao gắn trên tàu thám trắc không gian sâu đã làm cho các tổn hại bức xạ của tia vũ trụ có hại đối với tải trọng hữu ích và chip điện tử cốt lõi suy giảm yếu đi thuyên giảm hơn 90%.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1980

减速
jiǎn sù

chậm lại

在面对复杂的挑战时，保持减速的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí，bǎo chí jiǎn sù de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái chậm lại đặc biệt quan trọng.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1981

减压
jiǎnyā

giảm áp giảm áp suất; giải tỏa áp lực tinh thần

在航天员出舱活动前，气闸舱必须执行极其严密的气压梯度过渡与程序化吸氧减压流程，坚决防范减压病发生。
Zài háng tiān yuán chū cāng huó dòng qián, qì zhá cāng bì xū zhí xíng jí qí yán mì de qì yā tī dù guò dù yǔ chéng xù huà xī yǎng jiǎn yā liú chéng, jiān jué fáng fàn jiǎn yā bìng fā shēng.
Trước khi phi hành gia tiến hành hoạt động ngoài khoang, khoang khóa khí (airlock) bắt buộc phải thực thi quy trình thở oxy giải tỏa áp lực giảm áp theo trình tự và chuyển tiếp gradient áp suất khí quyển cực kỳ nghiêm ngặt, kiên quyết phòng ngừa bệnh giảm áp phát sinh.

24 nét | HÁN VIỆT : GIẢM ÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1982

检察
jiǎnchá

kiểm sát, viện kiểm sát tư pháp kiểm tra

国家检察机关设立了知识产权检察专门办案机制，为高水平科技自立自强与国家重大科研成果构筑起坚实法治防护网。
Guó jiā jiǎn chá jī guān shè lì le zhī shí chǎn quán jiǎn chá zhuān mén bàn àn jī zhì, wèi gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng yǔ guó jiā zhòng dà kē yán chéng guǒ gòu zhù qǐ jiān shí fǎ zhì fáng hù wǎng.
Cơ quan kiểm sát viện kiểm sát tư pháp quốc gia đã thành lập cơ chế thụ lý án chuyên môn kiểm sát quyền sở hữu trí tuệ, đắp xây mạng lưới phòng hộ pháp trị vững chắc cho các thành quả nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia và tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

28 nét | HÁN VIỆT : KIỂM SÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1983

检讨
jiǎn tǎo

kiểm điểm, tự phê bình, bản kiểm điểm

在严肃认真的民主生活会上，领导班子成员紧密联系思想和工作实际，深入开展批评与自我批评检讨。
Zài yán sù rèn zhēn de mín zhǔ shēng huó huì shàng, lǐng dǎo bān zi chéng yuán jǐn mì lián xì sī xiǎng hé gōng zuò shí jì, shēn rù kāi zhǎn pī píng yǔ zì wǒ pī píng jiǎn tǎo.
Tại buổi sinh hoạt dân chủ nghiêm túc, các thành viên trong ban lãnh đạo bám sát thực tiễn công tác và tư tưởng, đi sâu triển khai kiểm điểm phê bình và tự phê bình.

25 nét | HÁN VIỆT : KIỂM THẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1984

简称
jiǎn chēng

viết tắt

老师鼓励大家积极简称，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎn chēng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực viết tắt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢN XỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1985

简短
jiǎnduǎn

ngắn gọn, súc tích vắn tắt

总指挥在发射倒计时前作了简短有力的动员讲话，号召全体参研参试人员以首飞必胜的昂扬斗志确保发射万无一失。
Zǒng zhǐ huī zài fā shè dào jì shí qián zuò le jiǎn duǎn yǒu lì de dòng yuán jiǎng huà, hào zhào quán tǐ cān yán cān shì rén yuán yǐ shǒu fēi bì shèng de áng yáng dòu zhì què bǎo fā shè wàn wú yī shī.
Vị Tổng Chỉ huy trước giờ đếm ngược phóng tàu đã có bài phát biểu động viên súc tích vắn tắt ngắn gọn đầy uy lực, kêu gọi toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu thử nghiệm bằng ý chí chiến đấu sục sôi phóng bay lần đầu tất thắng bảo đảm đợt phóng tuyệt đối không một sai sót.

26 nét | HÁN VIỆT : GIẢN ĐOẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1986

简化
jiǎn huà

đơn giản hóa, tinh giản (quy trình, thủ tục)

国家大力推进政务服务“减环节、减材料、减时限”改革，极大简化了各类企业开办与外资项目审批流程。
Guó jiā dà lì tuī jìn zhèng wù fú wù "jiǎn huán jié, jiǎn cái liào, jiǎn shí xiàn" gǎi gé, jí dà jiǎn huà le gè lèi qǐ yè kāi bàn yǔ wài zī xiàng mù shěn pī liú chéng.
Nhà nước đẩy mạnh cải cách dịch vụ hành chính công theo hướng 'Giảm khâu trung gian, giảm giấy tờ hồ sơ, giảm thời gian giải quyết', tinh giản to lớn quy trình cấp phép thành lập doanh nghiệp và phê duyệt các dự án đầu tư nước ngoài.

24 nét | HÁN VIỆT : GIẢN HOA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1987

简洁
jiǎnjié

ngắn gọn súc tích, tinh gọn mạch lạc

现代基础物理理论追求以最简洁优美的数学公式概括宇宙最深奥宏大的自然物理规律。
Xiàn dài jī chǔ wù lǐ lǐ lùn zhuī qiú yǐ zuì jiǎn jié yōu měi de shù xué gōng shì gài kuò yǔ zhòu zuì shēn ào hóng dà de zì rán wù lǐ guī lǜ.
Lý luận vật lý cơ bản hiện đại theo đuổi việc dùng các công thức toán học tinh gọn mạch lạc ngắn gọn súc tích và thanh tao nhất để khái quát quy luật vật lý tự nhiên vĩ đại và thâm sâu nhất của vũ trụ.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1988

简陋
jiǎn lòu

sơ sài, đơn sơ, thô sơ thiếu thốn

在当年条件极其简陋的戈壁帐篷实验室中，老一辈科学家隐姓埋名白手起家，铸就了震撼世界的“两弹一星”丰碑。
Zài dāng nián tiáo jiàn jí qí jiǎn lòu de gē bì zhàng péng shí yàn shì zhōng, lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng bái shǒu qǐ jiā, zhù jiù le zhèn hàn shì jiè de "liǎng dàn yī xīng" fēng bēi.
Bên trong các phòng thí nghiệm dựng bằng lều bạt thô sơ thiếu thốn trăm bề nơi sa mạc Gobi năm xưa, các nhà khoa học tiền bối đã ẩn danh bắt đầu từ hai bàn tay trắng, đắp xây nên đài bia tượng đài 'Hai quả bom, một vệ tinh' làm chấn động toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #1989

简体字
jiǎn tǐ zì

chữ Hán giản thể

推行规范汉字与简体字极大降低了识字普及门槛，为新中国消灭文盲与普及全民基础教育作出了不可磨灭的历史贡献。
Tuī háng guī fàn hàn zì yǔ jiǎn tǐ zì jí dà jiàng dī le shí zì pǔ jí mén kǎn, wèi xīn zhōng guó xiāo miè wén máng yǔ pǔ jí quán mín jī chǔ jiào yù zuò chū le bù kě mó miè de lì shǐ gòng xiàn.
Việc phổ biến chữ Hán chuẩn mực và chữ giản thể đã giảm bớt to lớn rào cản phổ cập học chữ, đóng góp công lao lịch sử không thể phai mờ trong công cuộc xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cơ bản toàn dân của đất nước.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #1990

简要
jiǎn yào

ngắn gọn tóm lược, vắn tắt, bản tóm tắt

科技攻关领军科学家用极其简明扼要的语言，向公众普及了受控核聚变“人造太阳”重大科研进展的核心原理。
Kē jì gōng guān lǐng jūn kē xué jiā yòng jí qí jiǎn míng è yào de yǔ yán, xiàng gōng zhòng pǔ jí le shòu kòng hé jù biàn "rén zào tài yáng" zhòng dà kē yán jìn zhǎn de hé xīn yuán lǐ.
Nhà khoa học đầu ngành nghiên cứu đã dùng ngôn từ vô cùng ngắn gọn tóm lược và dễ hiểu để phổ biến cho công chúng về nguyên lý cốt lõi của bước tiến nghiên cứu khoa học trọng đại 'Mặt Trời nhân tạo' nhiệt hạch có kiểm soát.

25 nét | HÁN VIỆT : GIẢN YÊU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #1991

简易
jiǎnyì

giản dị đơn giản, đơn sơ giản tiện tiện lợi

老一辈科学家当年在简易临时工棚里用手摇计算机完成了两弹一星核心理论物理参数的浩繁计算，铸就了不朽功绩。
Lǎo yī bèi kē xué jiā dāng nián zài jiǎn yì lín shí gōng péng lǐ yòng shǒu yáo jì suàn jī wán chéng le liǎng dàn yī xīng hé xīn lǐ lùn wù lǐ cān shù de hào fán jì suàn, zhù jiù le bù xiǔ gōng jì.
Các nhà khoa học tiền bối năm xưa bên trong các lán xưởng tạm thời đơn sơ giản tiện giản dị đã sử dụng máy tính quay tay hoàn thành các tính toán đồ sộ về tham số vật lý lý thuyết cốt lõi Hai bom một vệ tinh, đúc kết nên công tích bất hủ.

20 nét | HÁN VIỆT : GIẢN DỊCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1992

见解
jiàn jiě

hiểu biết sâu sắc

老师鼓励大家积极见解，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiàn jiě， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hiểu biết sâu sắc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

27 nét | HÁN VIỆT : KIẾN GIẢI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #1993

见钱眼开
jiànqiányǎnkāi

thấy tiền sáng mắt, hám tiền mờ mắt vì tiền

科技界要大力加强科研诚信与学风道德建设，坚决杜绝少数见钱眼开、为商业利益出卖学术良知的恶劣不端行为。
Kē jì jiè yào dà lì jiā qiáng kē yán chéng xìn yǔ xué fēng dào dé jiàn shè, jiān jué dù jué shǎo shù jiàn qián yǎn kāi, wèi shāng yè lì yì chū mài xué shù liáng zhī de è liè bù duān xíng wéi.
Giới khoa học công nghệ phải ra sức tăng cường xây dựng đạo đức tác phong học thuật và sự liêm chính trong nghiên cứu khoa học, kiên quyết chấm dứt các hành vi sai trái tồi tệ của một số ít kẻ hám tiền mờ mắt thấy tiền sáng mắt bán rẻ lương tri học thuật vì lợi ích thương mại.

35 nét | HÁN VIỆT : KIẾN TIỀN NHÃN KHAI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #1994

见仁见智
jiànrénjiànzhì

người nhân thấy nhân trí thấy trí, mỗi người một ý góc nhìn khác nhau

在重大前沿科学假说的学术探讨中，不同流派专家见仁见智、百家争鸣，有力推动了深层物理本质的逐步揭示。
Zài zhòng dà qián yán kē xué jiǎ shuō de xué shù tàn tǎo zhōng, bù tóng liú pài zhuān jiā jiàn rén jiàn zhì, bǎi jiā zhēng míng, yǒu lì tuī dòng le shēn céng wù lǐ běn zhì dì zhú bù jiē shì.
Trong các cuộc thảo luận học thuật về giả thuyết khoa học tiên phong trọng đại, các chuyên gia thuộc các trường phái khác nhau mỗi người một ý góc nhìn khác nhau người nhân thấy nhân trí thấy trí, trăm nhà đua tiếng (bách gia tranh minh), thúc đẩy mạnh mẽ việc từng bước hé lộ bản chất vật lý tầng sâu.

35 nét | HÁN VIỆT : KIẾN NHÂN KIẾN TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #1995

见识
jiànshi

kiến thức hiểu biết, tầm nhìn mở rộng tầm mắt; trải nghiệm

依托国家大科学装置国际开放共享平台，广大青年科研人员深度参与国际顶级多边合作，极大增长了学术前沿见识。
Yī tuō guó jiā dà kē xué zhuāng zhì guó jì kāi fàng gòng xiǎng píng tái, guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán shēn dù cān yù guó jì dǐng jí duō biān hé zuò, jí dà zēng zhǎng le xué shù qián yán jiàn shí.
Dựa vào nền tảng chia sẻ mở cửa quốc tế của thiết bị khoa học lớn quốc gia, đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ tham gia sâu sắc vào sự hợp tác đa phương đỉnh cao quốc tế, mở rộng tầm mắt gia tăng tột bậc kiến thức hiểu biết tầm nhìn học thuật tiên phong.

27 nét | HÁN VIỆT : KIẾN THỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1996

见外
jiàn wài

nhìn thấy bên ngoài

老师鼓励大家积极见外，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiàn wài， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhìn thấy bên ngoài, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #1997

见效
jiànxiào

phát huy hiệu quả, thấy rõ hiệu quả có tác dụng

国家基础科学拔尖人才培养战略工程经过多年深耕已初见成效，一大批极具原始创新潜力的青年领军人才脱颖而出。
Guó jiā jī chǔ kē xué bá jiān rén cái péi yǎng zhàn lüè gōng chéng jīng guò duō nián shēn gēng yǐ chū jiàn chéng xiào, yī dà pī jí jù yuán shǐ chuàng xīn qián lì de qīng nián lǐng jūn rén cái tuō yǐng ér chū.
Công trình chiến lược bồi dưỡng nhân tài xuất chúng khoa học cơ bản quốc gia trải qua nhiều năm cày sâu cuốc bẫm đã bước đầu phát huy hiệu quả thấy rõ hiệu quả, một lực lượng lớn các nhân tài dẫn đầu thanh niên sở hữu tiềm năng đổi mới sáng tạo nguyên bản tột bậc đã bộc lộ tài năng xuất chúng.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #1998

见义勇为
jiàn yì yǒng wéi

thấy việc nghĩa hăng hái làm, nghĩa hiệp cứu người

全社会大力褒奖和弘扬见义勇为的高尚品德，激励广大群众在危难关头挺身而出、传递社会正能量。
Quán shè huì dà lì bāo jiǎng hé hóng yáng jiàn yì yǒng wéi de gāo shàng pǐn dé, jī lì guǎng dà qún zhòng zài wēi nàn guān tóu tǐng shēn ér chū, chuán dì shè huì zhèng néng liàng.
Toàn xã hội ra sức khen thưởng tôn vinh và hoằng dương phẩm chất cao đẹp thấy việc nghĩa hăng hái làm, khích lệ đông đảo quần chúng nhân dân dũng cảm đứng ra cứu giúp trong thời khắc hiểm nghèo, lan tỏa năng lượng tích cực cho xã hội.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #1999

见证
jiànzhèng

chứng kiến, làm chứng vật chứng nhân chứng

矗立在贵州崇山峻岭之中的中国天眼FAST，见证了中国天文学研究从过去跟跑向如今全球领跑的历史性辉煌跨越。
Chù lì zài guì zhōu chóng shān jùn lǐng zhī zhōng de zhōng guó tiān yǎn FAST, jiàn zhèng le zhōng guó tiān wén xué yán jiū cóng guò qù gēn pǎo xiàng rú jīn quán qiú lǐng pǎo de lì shǐ xíng huī huáng kuà yuè.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST sừng sững giữa non xanh trùng điệp tỉnh Quý Châu đã chứng kiến bước nhảy vọt huy hoàng mang tính lịch sử của nghiên cứu thiên văn học Trung Quốc từ chỗ chạy theo sau trong quá khứ sang dẫn đầu toàn cầu ngày nay.

22 nét | HÁN VIỆT : KIẾN CHỨNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2000

建交
jiànjiāo

thiết lập quan hệ ngoại giao, bang giao kiến giao

在两国建交周年纪念之际，双方科技部门联合签署了多项深化前沿大科学工程与绿色新能源领域多边科研合作协议。
Zài liǎng guó jiàn jiāo zhōu nián jì niàn zhī jì, shuāng fāng kē jì bù mén lián hé qiān shǔ le duō xiàng shēn huà qián yán dà kē xué gōng chéng yù lǜ sè xīn néng yuán lǐng yù duō biān kē yán hé zuò xié yì.
Nhân dịp kỷ niệm năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao bang giao giữa hai nước, các bộ ngành khoa học công nghệ hai bên đã cùng ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học đa phương trong lĩnh vực năng lượng mới xanh và công trình khoa học lớn tiên phong.

19 nét | HÁN VIỆT : KIẾN GIAO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2001

建树
jiànshù

đóng góp thành tựu, cống hiến sự nghiệp lớn dựng xây

老一辈功勋战略科学家在理论物理与航天动力学等多个前沿领域取得了举世公认的重大建树，永载世界科学史册。
Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā zài lǐ lùn wù lǐ yǔ háng tiān dòng lì xué děng duō gè qián yán lǐng yù qǔ dé le jǔ shì gōng rèn de zhòng dà jiàn shù, yǒng zài shì jiè kē xué shǐ cè.
Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiền bối trong nhiều lĩnh vực tiên phong như động lực học hàng không và vật lý lý thuyết đã đạt được những cống hiến sự nghiệp đóng góp thành tựu trọng đại được toàn thế giới công nhận, mãi mãi ghi vào sử sách khoa học thế giới.

25 nét | HÁN VIỆT : KIẾN THỤ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2002

建筑师
jiànzhùshī

kiến trúc sư, nhà thiết kế công trình kiến trúc

国家大科学工程总建筑师团队创新运用地质力学与空间美学交融设计，打造出世界一流且极具中国特色的科学殿堂建筑群。
Guó jiā dà kē xué gōng chéng zǒng jiàn zhù shī tuán duì chuàng xīn yùn yòng dì zhì lì xué yǔ kōng jiān měi xué jiāo róng shè jì, dǎ zào chū shì jiè yì liú qiě jí jù zhōng guó tè sè de kē xué diàn táng jiàn zhù qún.
Đội ngũ kiến trúc sư nhà thiết kế công trình tổng thể của công trình khoa học lớn quốc gia đã sáng tạo vận dụng thiết kế hòa quyện giữa mỹ học không gian và cơ học địa chất, tạo dựng nên quần thể kiến trúc điện đường khoa học mang đậm đặc sắc Trung Quốc và đẳng cấp hàng đầu thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : KIẾN TRÚC SƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2003

建筑物
jiànzhùwù

công trình xây dựng, tòa nhà kiến trúc vật thể xây dựng

大科学装置地下超长隧道与地面主控制大楼等主要建筑物均采用了最高等级的抗震防磁特种工程设计标准。
Dà kē xué zhuāng zhì dì xià chāo cháng suì dào yǔ dì miàn zhǔ kòng zhì dà lóu děng zhù yào jiàn zhù wù jūn cǎi yòng le zuì gāo děng jí de kàng zhèn fáng cí tè zhǒng gōng chéng shè jì biāo zhǔn.
Các tòa nhà kiến trúc công trình xây dựng chính như tòa nhà điều khiển chính trên mặt đất và đường hầm siêu dài dưới lòng đất của thiết bị khoa học lớn đều áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế công trình đặc chủng chống từ tính và chống động đất cấp cao nhất.

34 nét | HÁN VIỆT : KIẾN TRÚC VẬT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2004

贱
jiàn

giá rẻ

老师鼓励大家积极贱，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiàn，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giá rẻ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : TIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #2005

健美
jiànměi

khỏe đẹp, thể hình thẩm mỹ dẻo dai cường tráng

中国空间站核心舱内配置了微重力太空自行车与阻力抗阻锻炼器，保障航天员在长期驻留中始终保持健美的体魄与充沛体能。
Zhōng guó kōng jiān zhàn hé xīn cāng nèi pèi zhì le wēi zhòng lì tài kōng zì xíng chē yǔ zǔ lì kàng zǔ duàn liàn qì, bǎo zhàng háng tiān yuán zài cháng qī zhù liú zhōng shī zhōng bǎo chí jiàn měi de tǐ pò yǔ chōng pèi tǐ néng.
Bên trong khoang cốt lõi của Trạm Vũ trụ Trung Quốc được trang bị máy rèn luyện kháng trở cản lực và xe đạp không gian vi trọng lực, bảo đảm các phi hành gia trong suốt thời gian lưu trú lâu dài luôn duy trì thể lực dồi dào cùng thể phách cường tráng khỏe đẹp.

23 nét | HÁN VIỆT : KIỆN MỸ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2006

健壮
jiànzhuàng

cường tráng khỏe mạnh, rắn rỏi vạm vỡ

扎根大西北戈壁荒漠数十载的功勋总工程师依然身形挺拔、体格健壮，始终精神矍铄地奋战在国防科技攻坚一线。
Zhā gēn dà xī běi gē bì huāng mò shù shí zài de gōng xūn zǒng gōng chéng shī yī rán shēn xíng tǐng bá, tǐ gé jiàn zhuàng, shǐ zhōng jīng shén jué shuò dì fèn zhàn zài guó fáng kē jì gōng jiān yī xiàn.
Vị Tổng Kỹ sư có công lao cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Đại Tây Bắc mấy chục năm vẫn vóc dáng hiên ngang thẳng tắp, thể trạng rắn rỏi cường tráng khỏe mạnh, luôn quắc thước tinh anh chiến đấu nơi tuyến đầu vượt khó khoa học công nghệ quốc phòng.

19 nét | HÁN VIỆT : KIỆN TRÁNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2007

溅
jiàn

bắn tung tóe, văng tóe (nước, tia lửa)

在高压水射流超精密切割作业中，专用防护罩有效阻隔了高速切割水雾与磨料水滴的飞溅扩散。
Zài gāo yā shuǐ shè liú chāo jīng mì qiē gē zuò yè zhōng, zhuān yòng fáng hù zhào yǒu xiào zǔ gé le gāo sù qiē gē shuǐ wù yǔ mó liào shuǐ dī de fēi jiàn kuò sàn.
Trong thao tác cắt gọt siêu chính xác bằng tia nước áp lực cao, nắp bảo hộ chuyên dụng đã ngăn chặn hiệu quả sự bắn tung tóe văng ra của các giọt nước mài và sương nước cắt gọt tốc độ cao.

14 nét | HÁN VIỆT : TIỄN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2008

鉴别
jiàn bié

giám định, nhận biết phân biệt thật giả

文博考古专家结合红外多光谱成像与碳14测年技术，准确鉴别出了一批传世古代书画名作的真伪与绘制年代。
Wén bó kǎo gǔ zhuān jiā jié hé hóng wài duō guāng pǔ chéng xiàng yǔ tàn 14 cè nián jì shù, zhǔn què jiàn bié chū le yī pī chuán shì gǔ dài shū huà míng zuò de zhēn wěi yǔ huì zhì nián dài.
Các chuyên gia khảo cổ bảo tàng văn hóa kết hợp kỹ thuật chụp ảnh đa phổ hồng ngoại cùng phương pháp đo tuổi carbon-14 đã giám định phân biệt chuẩn xác thật giả và niên đại vẽ của một loạt các danh tác hội họa thư pháp cổ truyền đời.

16 nét | HÁN VIỆT : GIÁM BIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2009

鉴赏
jiànshǎng

thưởng thức đánh giá, giám thưởng thưởng ngoạn nghệ thuật

在科学与艺术交融专题展上，两院院士带领青年学子共同鉴赏通过超高分辨电子显微镜拍摄的奇妙微观纳米晶体对称之美。
Zài kē xué yǔ yì shù jiāo róng zhuān tí zhǎn shàng, liǎng yuàn yuàn shì dài lǐng qīng nián xué zǐ gòng tóng jiàn shǎng tōng guò chāo gāo fēn biàn diàn zǐ xiǎn wēi jīng pāi shè de qí miào wēi guān nà mǐ jīng tǐ duì chèn zhī měi.
Tại triển lãm chuyên đề hòa quyện giữa nghệ thuật và khoa học, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã dẫn dắt các học trò trẻ cùng thưởng ngoạn đánh giá thưởng thức đánh giá vẻ đẹp đối xứng của các tinh thể nano vi mô kỳ diệu được chụp qua kính hiển vi điện tử độ phân giải siêu cao.

22 nét | HÁN VIỆT : GIÁM THƯỞNG

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ | #2010

鉴于
jiàn yú

xét thấy, căn cứ vào, nhân thấy

鉴于超强台风路径突变与降雨叠加带来的特大次生洪涝地质灾害风险，防汛指挥部依法启动最高级别应急响应。
Jiàn yú chāo qiáng tái fēng lù jìng tū biàn yǔ jiàng yǔ dié jiā dài lái de tè dà cì shēng hóng lào dì zhì zāi hài fēng xiǎn, fáng xùn zhǐ huī bù yī fǎ qǐ dòng zuì gāo jí bié yìng jí xiǎng yìng.
Xét thấy rủi ro thảm họa địa chất và lũ lụt thứ cấp đặc biệt lớn do đường đi của siêu bão đổi hướng đột ngột kết hợp với mưa to dồn dập, ban chỉ huy phòng chống thiên tai đã kích hoạt phản ứng khẩn cấp cấp độ cao nhất theo quy định pháp luật.

22 nét | HÁN VIỆT : GIÁM VU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2011

姜
jiāng

củ gừng, cây gừng gia vị

在戈壁发射场零下三十度的极寒攻坚深夜，后勤保障组为连续奋战的测控队员们端来了一碗碗热气腾腾的红糖姜汤驱寒暖身。
Zài gē bì fā shè chǎng líng xià sān shí dù de jí hán gōng jiān shēn yè, hòu qín bǎo zhàng zǔ wèi lián xù fèn zhàn de cè kòng duì yuán men duān lái le yī wǎn wǎn rè qì téng téng de hóng táng jiāng tāng qū hán nuǎn shēn.
Vào đêm khuya vượt khó giữa cái rét cực hàn âm 30 độ nơi bãi phóng sa mạc Gobi, tổ bảo đảm hậu cần đã bưng tới cho các đội viên trắc nghiệm điều khiển đang chiến đấu liên tục từng bát nước canh gừng củ gừng đường đỏ nóng hổi bốc khói để xua tan giá lạnh làm ấm cơ thể.

10 nét | HÁN VIỆT : KHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2012

僵
jiāng

Cứng

老师鼓励大家积极僵，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiāng， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Cứng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2013

僵化
jiānghuà

cứng nhắc xơ cứng, rập khuôn hóa đá bảo thủ

推进重大前沿科技体制改革必须坚决破除一切僵化的思维定式与体制机制藩篱，全面释放广大科研人员创新创造活力。
Tuī jìn zhòng dà qián yán kē jì tǐ zhì gǎi gé bì xū jiān jué pò chú yī qiè jiāng huà de sī wéi dìng shì yǔ tǐ zhì jī zhì fān lí, quán miàn shì fàng guǎng dà kē yán rén yuán chuàng xīn chuàng zào huó lì.
Thúc đẩy cải cách thể chế khoa học công nghệ tiên phong trọng đại bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ mọi hàng rào thể chế cơ chế cùng lối mòn tư duy xơ cứng cứng nhắc bảo thủ, giải phóng toàn diện sức sống sáng tạo đổi mới của đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học.

25 nét | HÁN VIỆT : CƯƠNG HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2014

僵局
jiāngjú

thế bế tắc, cục diện bế tắc không lối thoát

青年科学家大胆跳出传统理论框架、提出全新逆向物理模型，成功打破了大科学装置关键超导调试长达数月的技术僵局。
Qīng nián kē xué jiā dà dǎn tiào chū chuán tǒng lǐ lùn kuàng jià, tí chū quán xīn nì xiàng wù lǐ mó xíng, chéng gōng dǎ pò le dà kē xué zhuāng zhì guān jiàn chāo dǎo tiáo shì zhǎng dá shù yuè de jì shù jiāng jú.
Nhà khoa học trẻ tuổi đã táo bạo nhảy ra khỏi khung lý thuyết truyền thống, đưa ra mô hình

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2015

讲解
jiǎngjiě

giải thích thuyết minh, giảng giải giảng giải cặn kẽ

在全国科技开放日活动中，两院院士亲自在一线大科学装置模型前为来自偏远山区的中小学生深入浅出地讲解受控核聚变物理原理。
Zài quán guó kē jì kāi fàng rì huó dòng zhōng, liǎng yuàn yuàn shì qīn zì zài yī xiàn dà kē xué zhuāng zhì mó xíng qián wèi lái zì piān yuǎn shān qū de zhōng xiǎo xué shēng shēn rù qiǎn chū dì jiǎng jiě shòu kòng hé jù biàn wù lǐ yuán lǐ.
Trong hoạt động Ngày Mở cửa Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã đích thân đứng trước mô hình thiết bị

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2016

讲述
jiǎng shù

nói

老师鼓励大家积极讲述，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎng shù， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2017

讲学
jiǎngxué

giảng dạy học thuật, thuyết giảng diễn giảng lưu động

中国顶尖理论物理学家多次受邀赴全球各大顶尖学术机构进行高级别巡回讲学，广泛传播中国前沿科学理论突破成果。
Zhōng guó dǐng jiān lǐ lùn wù lǐ xué jiā duō cì shòu yāo fù quán qiú gè dà dǐng jiān xué shù jī gòu jìn xíng gāo jí bié xún huí jiǎng xué, guǎng fàn chuán bō zhōng guó qián yán kē xué lǐ lùn tū pò chéng guǒ.
Nhà vật lý lý thuyết đỉnh cao Trung Quốc nhiều lần được mời đến các cơ quan học thuật đỉnh cao toàn cầu để tiến hành thuyết giảng giảng dạy học thuật lưu động cấp cao, phổ biến rộng rãi các thành quả đột phá lý luận khoa học tiên phong của Trung Quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : GIẢNG HỌC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2018

奖杯
jiǎngbēi

cúp thưởng, cúp vinh danh giải thưởng

青年科技突击队在国际前沿科学算法极限挑战赛中斩获全球总冠军，将象征最高学术荣誉的金质奖杯高高举起。
Qīng nián kē jì tū jī duì zài guó jì qián yán kē xué suàn fǎ jí xiàn tiǎo zhàn sài zhōng zhǎn huò quán qiú zǒng guàn jūn, jiāng xiàng zhēng zuì gāo xué shù róng yù de jīn zhì jiǎng bēi gāo gāo jǔ qǐ.
Đội xung kích khoa học công nghệ thanh niên trong cuộc thi Thử thách Giới hạn Thuật toán Khoa học Tiên phong Quốc tế đã giành chức Quán quân chung cuộc toàn cầu, giương cao chiếc cúp thưởng cúp vinh danh bằng vàng tượng trưng cho danh dự học thuật cao nhất.

22 nét | HÁN VIỆT : THƯỞNG BÔI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2019

奖牌
jiǎngpái

huy chương, huân huy chương khen thưởng

在世界顶尖青年科学家发明博览会上，中国科研团队研发的纳米自修复超导薄膜技术荣获大会唯一特等奖金质奖牌。
Zài shì jiè dǐng jiān qīng nián kē xué jiā fā míng bó lǎn huì shàng, zhōng guó kē yán tuán duì yán fā de nà mǐ zì xiū fù chāo dǎo báo mó jì shù róng huò dà huì wéi yī tè děng jiǎng jīn zhì jiǎng pái.
Tại Hội chợ Triển lãm Phát minh Các Nhà khoa học Trẻ Đỉnh cao Thế giới, công nghệ màng mỏng siêu dẫn tự lành nano do đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc nghiên cứu phát triển đã vinh dự đoạt huy chương huân huy chương vàng giải đặc biệt duy nhất của đại hội.

17 nét | HÁN VIỆT : THƯỞNG BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2020

奖品
jiǎngpǐn

phần thưởng, giải thưởng quà thưởng

在全国青少年科学创新大赛闭幕式上，获奖学生不仅获得了丰厚科研奖金与实用科普奖品，更坚定了科技报国的坚定志向。
Zài quán guó qīng shào nián kē xué chuàng xīn dà sài bì mù shì shàng, huò jiǎng xué shēng bù jǐn huò dé le fēng hòu kē yán jiǎng jīn yǔ shí yòng kē pǔ jiǎng pǐn, gèng jiān dìng le kē jì bào guó de jiān dìng zhì xiàng.
Tại lễ bế mạc Cuộc thi Đổi mới Sáng tạo Khoa học Thanh Thiếu niên Toàn quốc, các học sinh đạt giải không chỉ nhận được tiền thưởng nghiên cứu khoa học dồi dào và các phần thưởng giải thưởng phổ biến khoa học thiết thực, mà càng thêm kiên định chí lớn phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

21 nét | HÁN VIỆT : THƯỞNG PHẨM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2021

奖项
jiǎngxiàng

hạng mục giải thưởng, giải thưởng

中国科学家凭借在量子纠缠调控与超导量子计算领域的开创性原创突破，荣获多项国际物理学界顶级权威科学奖项。
Zhōng guó kē xué jiā píng jiè zài liàng zǐ jiū chán tiáo kòng yǔ chāo dǎo liàng zǐ jì suàn lǐng yù de kāi chuàng xìng yuán chuàng tū pò, róng huò duō xiàng guó jì wù lǐ xué jiè dǐng jí quán wēi kē xué jiǎng xiàng.
Các nhà khoa học Trung Quốc dựa vào những đột phá nguyên bản mang tính mở đường trong lĩnh vực tính toán lượng tử siêu dẫn và điều khiển vướng víu lượng tử đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng hạng mục giải thưởng khoa học uy tín đỉnh cao của giới vật lý quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : THƯỞNG HẠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2022

降临
jiàng lín

giáng xuống, ập đến, buông xuống (màn đêm, vận may)

当夜幕降临在广袤无垠的青藏高原上，璀璨浩瀚的银河在雪山之巅清晰显现、壮美如诗。
Dāng yè mù jiàng lín zài guǎng mào wú yín de qīng zàng gāo yuán shàng, cuǐ càn hào hàn de yín hé zài xuě shān zhī diān qīng xī xiǎn xiàn, zhuàng měi rú shī.
Khi màn đêm buông xuống trên dải cao nguyên Thanh Tạng bao la bát ngát, dải Ngân Hà rực rỡ bao la hiện rõ mồn một trên đỉnh núi tuyết, đẹp tráng lệ tựa như một bài thơ.

21 nét | HÁN VIỆT : GIÁNG LÂM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2023

交叉
jiāo chā

giao thoa, đan xen, giao cắt liên ngành

国家自然科学基金大力支持人工智能、量子信息与生命科学等多学科交叉融合前沿探索研究。
Guó jiā zì rán kē xué jī jīn dà lì zhī chí rén gōng zhì néng, liàng zǐ xìn xī yǔ shēng mìng kē xué děng duō xué kē jiāo chā róng hé qián yán tàn suǒ yán jiū.
Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia ra sức hỗ trợ các nghiên cứu thám hiểm tiên phong giao thoa kết hợp đa ngành như trí tuệ nhân tạo, thông tin lượng tử và khoa học sự sống.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2024

交锋
jiāofēng

giao phong, đối đầu đọ sức va chạm tư tưởng nảy lửa

在世界前沿物理大师高峰论坛上，中外顶级理论学者就暗物质与微观量子纠缠本质展开了精彩绝伦的思想交锋与学术辩论。
Zài shì jiè qián yán wù lǐ dà shī gāo fēng lùn tán shàng, zhōng wài dǐng jí lǐ lùn xué zhě jiù àn wù zhì yǔ wēi guān liàng zǐ jiū chán běn zhì zhǎn kāi le jīng cǎi jué lún de sī xiǎng jiāo fēng yǔ xué shù biàn lùn.
Tại Diễn đàn Thượng đỉnh Các Bậc Đại sư Vật lý Tiên phong Thế giới, các học giả lý thuyết đỉnh cao trong và ngoài nước đã mở ra cuộc tranh luận học thuật và va chạm tư tưởng giao phong đối đầu đọ sức tuyệt luân xoay quanh bản chất vướng víu lượng tử vi mô và vật chất tối.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2025

交付
jiāofù

bàn giao, chuyển giao giao nộp

我国完全自主研制的新一代超高能重离子加速器实验装置核心组件如期高质量交付国家实验室。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài chāo gāo néng zhòng lí zi jiā sù qì shí yàn zhuāng zhì hé xīn zú jiàn rú qī gāo zhì liàng jiāo fù guó jiā shí yàn shì.
Các khối linh kiện cốt lõi của thiết bị thực nghiệm máy gia tốc ion nặng năng lượng siêu cao thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được bàn giao chuyển giao chất lượng cao đúng hạn cho Phòng thí nghiệm Quốc gia.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2026

交集
jiāojí

giao thoa điểm chung; đan xen lẫn lộn (cảm xúc: bǎigǎn jiāojí)

跨学科前沿探索往往孕育在数理、材料与生物信息学的交叉创新交集之中，成为重大原创发现的重要策源地。
Kuà xué kē qián yán tàn suǒ wǎng wǎng yùn yù zài shù lǐ, cái liào yǔ shēng wù xìn xī xué de jiāo chā chuàng xīn jiāo jí zhī zhōng, chéng wéi zhòng dà yuán chuàng fā xiàn de zhòng yào cè yuán dì.
Tìm tòi tiên phong liên ngành thường được ươm mầm bên trong giao thoa điểm chung đổi mới sáng tạo đan xen của sinh tin học, vật liệu và toán lý, trở thành cội nguồn quan trọng của những phát hiện nguyên bản trọng đại.

16 nét | HÁN VIỆT : GIAO TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2027

交接
jiāojiē

bàn giao tiếp nhận, giao ca chuyển giao

在我国空间站胜利完成在轨轮换交接后，新乘组航天员迅速投入到紧张繁重的多学科微重力空间科学实验中。
Zài wǒ guó kōng jiān zhàn shèng lì wán chéng zài guǐ lún huàn jiāo jiē hòu, xīn chéng zǔ háng tiān yuán xùn sù tóu rù dào jǐn zhāng fán zhòng de duō xué kē wēi zhòng lì kōng jiān kē xué shí yàn zhōng.
Sau khi Trạm Vũ trụ nước ta hoàn thành thắng lợi việc bàn giao tiếp nhận luân phiên trên quỹ đạo, các phi hành gia thuộc tổ bay mới nhanh chóng dấn thân vào các thực nghiệm khoa học không gian vi trọng lực đa môn học bộn bề căng thẳng.

17 nét | HÁN VIỆT : GIAO TIẾP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2028

交界
jiāojiè

vùng giáp ranh, ranh giới tiếp giáp

位于川滇两省交界深山深处的世界级地下超深暗物质暗物质探测实验室，拥有极其优越的超低宇宙射线本底环境。
Wèi yú chuān diān liǎng shěng jiāo jiè shēn shān shēn chù de shì jiè jí dì xià chāo shēn àn wù zhì àn wù zhì tàn cè shí yàn shì, yōng yǒu jí qí yōu yuè de chāo dī yǔ zhòu shè xiàn běn dǐ huán jìng.
Phòng thí nghiệm thám trắc vật chất tối siêu sâu dưới lòng đất đẳng cấp thế giới tọa lạc nơi sâu trong núi non vùng giáp ranh ranh giới tiếp giáp hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam, sở hữu môi trường phông nền tia vũ trụ siêu thấp cực kỳ ưu việt.

21 nét | HÁN VIỆT : GIAO GIỚI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2029

交纳
jiāonà

nộp nộp tiền, đóng nộp phí đóng hội phí

广大科研骨干党员始终坚守入党初心，按时足额交纳党费，以严谨务实的实际行动践行科学家精神。
Guǎng dà kē yán gǔ gàn dǎng yuán shǐ zhōng jiān shǒu rù dǎng chū xīn, àn shí zú é jiāo nà dǎng fèi, yǐ yán jǐn wù shí de shí jì xíng dòng jiàn xíng kē xué jiā jīng shén.
Đông đảo đảng viên nòng cốt nghiên cứu khoa học luôn giữ vững tâm nguyện ban đầu khi vào Đảng, đóng nộp nộp tiền đảng phí đầy đủ đúng hạn, bằng hành động thực tế thực chất nghiêm cẩn thực hành tinh thần nhà khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : GIAO NẠP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2030

交情
jiāoqing

tình bạn hữu hảo, mối giao tình tình bạn thân tình

老一辈战略科学家在数十年隐姓埋名、并肩攻关两弹一星的艰苦岁月中，结下了生死与共、坚如磐石的深厚交情。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā zài shù shí nián yǐn xìng mái míng, bìng jiān gōng guān liǎng dàn yī xīng de jiān kǔ suì yuè zhōng, jié xià le shēng sǐ yǔ gòng, jiān rú pán shí de shēn hòu jiāo qíng.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối trong những năm tháng gian khổ kề vai sát cánh vượt khó Hai bom một vệ tinh, ẩn danh giấu tên mấy chục năm qua đã kết nên mối giao tình tình bạn hữu hảo sâu đậm sống chết có nhau, vững như bàn thạch.

16 nét | HÁN VIỆT : GIAO TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2031

交涉
jiāo shè

giao thiệp, đàm phán thương lượng giải quyết tranh chấp

针对个别外部势力非法滥用单边长臂管辖的霸凌行径，我国外交部依法提出了严正交涉与强烈抗议。
Zhēn duì gè bié wài bù shì lì fēi fǎ làn yòng dān biān zhǎng bì guǎn xiá de bà líng xíng jìng, wǒ guó wài jiāo bù yī fǎ tí chū le yán zhèng jiāo shè yǔ qiáng liè kàng yì.
Trước hành vi bắt nạt lạm dụng phi pháp quyền tài phán cánh tay dài đơn phương của một số thế lực bên ngoài, Bộ Ngoại giao nước ta đã tiến hành giao thiệp nghiêm khắc và phản kháng mạnh mẽ theo luật định.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAO THIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2032

交谈
jiāo tán

nói chuyện

老师鼓励大家积极交谈，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiāo tán， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nói chuyện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

17 nét | HÁN VIỆT : GIAO ĐÀM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2033

交替
jiāotì

thay phiên luân phiên, xen kẽ đan xen

大科学装置高频加速腔采用了多组高功率微波源交替供电模式，确保电子束流长期高负荷稳定加速运行。
Dà kē xué zhuāng zhì gāo pín jiā sù qiāng cǎi yòng le duō zǔ gāo gōng lǜ wēi bō yuán jiāo tì gōng diàn mó shì, què bǎo diàn zi shù liú cháng qī gāo fù hè wěn dìng jiā sù yùn xíng.
Buồng gia tốc cao tần của thiết bị khoa học lớn áp dụng mô thức cấp điện thay phiên luân phiên nhiều tổ nguồn vi ba công suất cao, bảo đảm chùm hạt electron vận hành gia tốc ổn định phụ tải cao lâu dài.

21 nét | HÁN VIỆT : GIAO THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #2034

交头接耳
jiāotóujiē'ěr

thì thầm to nhỏ, ghé tai nói nhỏ bàn tán xì xào

在严谨神圣的学术答辩会场上，面对青年学者精妙绝伦的理论推演，评审专家们忍不住交头接耳赞叹不已。
Zài yán jǐn shén shèng de xué shù dá biàn huì chǎng shàng, miàn duì qīng nián xué zhě jīng miào jué lún de lǐ lùn tuī yǎn, píng shěn zhuān jiā men rěn bú zhù jiāo tóu jiē ěr zàn tàn bù yǐ.
Trên hội trường bảo vệ học thuật nghiêm cẩn thiêng liêng, đứng trước màn suy diễn lý luận tinh diệu tuyệt luân của học giả trẻ, các chuyên gia phản biện không kìm được đã ghé tai nói nhỏ thì thầm to nhỏ bàn tán xì xào tán thưởng không ngớt.

35 nét | HÁN VIỆT : GIAO ĐẦU TIẾP NHĨ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2035

交响乐
jiāoxiǎngyuè

nhạc giao hưởng, bản giao hưởng hùng tráng

大科学工程数万个精密子系统协同运转，犹如一部壮丽恢弘的工业交响乐，奏响了中国科技自立自强的时代强音。
Dà kē xué gōng chéng shù wàn gè jīng mì zi xì tǒng xié tóng yùn zhuàn, yóu rú yī bù zhuàng lì huī hóng de gōng yè jiāo xiǎng yuè, zòu xiǎng le zhōng guó kē jì zì lì zì qiáng de shí dài qiáng yīn.
Hàng vạn hệ thống con chính xác của công trình khoa học lớn vận hành hiệp đồng ăn khớp tựa như một bản giao hưởng nhạc giao hưởng công nghiệp tráng lệ nguy nga, tấu vang âm hưởng mạnh mẽ của thời đại về tự chủ tự cường khoa học công nghệ Trung Quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : GIAO HƯỞNG LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2036

郊外
jiāowài

ngoại ô ngoại thành, vùng ngoại ô thanh bình

国家综合性科学中心选址在远离城市繁华电磁干扰的郊外青山绿水之间，为大科学装置营造了极佳的物理实验环境。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn xuǎn zhǐ zài yuǎn lí chéng shì fán huá diàn cí gān rǎo de jiāo wài qīng shān lǜ shuǐ zhī jiān, wèi dà kē xué zhuāng zhì yíng zào le jí jiā de wù lǐ shí yàn huán jìng.
Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia được lựa chọn địa điểm giữa non xanh nước biếc nơi ngoại ô ngoại thành cách xa sự can nhiễu điện từ phồn hoa nơi đô thị, kiến tạo môi trường thực nghiệm vật lý vô cùng tuyệt hảo cho các thiết bị khoa học lớn.

17 nét | HÁN VIỆT : GIAO NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2037

郊游
jiāoyóu

dã ngoại ngoại ô, đi chơi ngoại thành picnic

在攻坚任务阶段性圆满完成后，实验室党支部组织青年科研骨干赴郊外开展徒步拉练与团建郊游活动。
Zài gōng jiān rèn wù jiē duàn xìng yuán mǎn wán chéng hòu, shí yàn shì dǎng zhī bù zǔ zhī qīng nián kē yán gǔ gàn fù jiāo wài kāi zhǎn tú bù lā liàn yǔ tuán jiàn jiāo yóu huó dòng.
Sau khi nhiệm vụ vượt khó hoàn thành mỹ mãn theo từng giai đoạn, Chi bộ Đảng phòng thí nghiệm đã tổ chức cho các cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học thanh niên đi ngoại ô dã ngoại ngoại ô đi chơi dã ngoại và hành quân rèn luyện thể lực.

23 nét | HÁN VIỆT : GIAO DU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2038

娇惯
jiāoguàn

nuông chiều chiều chuộng, cưng chiều quá mức

两弹一星功勋科学家家风极严，坚决不娇惯子女，教育下一代必须艰苦朴素、自食其力为国做贡献。
Liǎng dàn yī xīng gōng xūn kē xué jiā jiā fēng jí yán, jiān jué bù jiāo guàn zǐ nǚ, jiào yù xià yí dài bì xū jiān kǔ pǔ sù, zì shí qí lì wèi guó zuò gòng xiàn.
Các nhà khoa học có công lao Hai bom một vệ tinh gia phong cực kỳ nghiêm cẩn, kiên quyết không nuông chiều chiều chuộng con cái, giáo dục thế hệ sau bắt buộc phải gian khổ mộc mạc, tự lực cánh sinh cống hiến cho đất nước.

19 nét | HÁN VIỆT : KIỀU QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2039

娇气
jiāo qì

yếu đuối, ẻo lả, nhõng nhẽo không chịu được khổ

新时代青年学子要在艰苦环境与大风大浪中经受淬炼，坚决克服娇气心理，练就一身过硬的本领。
Xīn shí dài qīng nián xué zǐ yào zài jiān kǔ huán jìng yǔ dà fēng dà làng zhōng jīng shòu cuì liàn, jiān jué kè fú jiāo qì xīn lǐ, liàn jiù yī shēn guò yìng de běn lǐng.
Học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới cần trải qua sự tôi luyện trong môi trường gian khổ và đầu sóng ngọn gió, kiên quyết khắc phục tâm lý yếu đuối nhõng nhẽo, rèn giũa nên một bản lĩnh thực tài vững vàng.

23 nét | HÁN VIỆT : KIỀU KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2040

浇
jiāo

đổ

老师鼓励大家积极浇，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiāo，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đổ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét | HÁN VIỆT : KIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2041

胶囊
jiāonáng

viên nang, viên nhộng thuốc; khoang kín (y học/vũ trụ: jiāonáng)

国家医疗器械技术创新中心成功研制出具备高清微纳摄像与精准磁控靶向巡航能力的新型胃肠消化道内窥镜胶囊机器人。
Guó jiā yī liáo qì xiè jì shù chuàng xīn zhōng xīn chéng gōng yán zhì chū jù bèi gāo qīng wēi nà shè xiàng yǔ jīng zhǔn cí kòng bǎ xiàng xún háng néng lì de xīn xíng wèi cháng xiāo huà dào nèi kuī jìng jiāo náng jī qì rén.
Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Công nghệ Thiết bị Y tế Quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công robot viên nang viên nhộng nội soi đường tiêu hóa dạ dày - ruột kiểu mới sở hữu năng lực tuần tra hành trình trúng đích điều khiển từ tính chuẩn xác và quay phim chụp ảnh vi nano độ nét cao.

18 nét | HÁN VIỆT : GIAO NANG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2042

胶片
jiāopiàn

phim nhựa, cuốn phim chụp ảnh phim X-quang

在国家前沿大科学文保工程中，研究团队利用超高分辨数字化断层扫描技术抢救性数字化复原了珍贵历史胶片档案。
Zài guó jiā qián yán dà kē xué wén bǎo gōng chéng zhōng, yán jiū tuán duì lì yòng chāo gāo fēn biàn shù zì huà duàn céng sǎo miáo jì shù qiǎng jiù xìng shù zì huà fù yuán le zhēn guì lì shǐ jiāo piàn dàng àn.
Trong công trình bảo tồn văn vật khoa học lớn tiên phong quốc gia, đội ngũ nghiên cứu ứng dụng công nghệ quét cắt lớp số hóa độ phân giải siêu cao đã phục chế số hóa mang tính cấp cứu đối với các hồ sơ phim nhựa cuốn phim lịch sử quý giá.

20 nét | HÁN VIỆT : GIAO PHIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ / Danh từ | #2043

焦
jiāo

cháy xém khét (jiāo); tiêu điểm (jiāodiǎn); Jun năng lượng (Joules)

我国超强超短激光大科学装置成功实现了数十拍瓦峰值功率与数百焦耳超高能量密度的极端超快激光脉冲输出。
Wǒ guó chāo qiáng chāo duǎn jī guāng dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn le shù shí pāi wǎ fēng zhí gōng lǜ yǔ shù bǎi jiāo ěr chāo gāo néng liàng mì dù de jí duān chāo kuài jī guāng mài chōng shū chū.
Thiết bị khoa học lớn tia laser siêu ngắn siêu mạnh nước ta đã thực hiện thành công việc xuất ra các xung laser siêu nhanh cực đoan với mật độ năng lượng siêu cao hàng trăm Jun (Joules) và công suất đỉnh hàng chục petawatt (PW).

8 nét | HÁN VIỆT : TIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2044

焦急
jiāo jí

nóng lòng, sốt ruột, lo lắng như lửa đốt

在重大山洪地质灾害救援现场，搜救队员争分夺秒搜寻被困人员，焦急期盼着生命探测仪传来生命的信号。
Zài zhòng dà shān hóng dì zhì zāi hài jiù yuán xiàn chǎng, sōu jiù duì yuán zhēng fēn duó miǎo sōu xún bèi kùn rén yuán, jiāo jí qī pàn zhe shēng mìng tàn cè yí chuán lái shēng mìng de xìn hào.
Tại hiện trường cứu nạn thảm họa địa chất lũ quét đặc biệt lớn, các đội viên cứu hộ tranh thủ từng phút từng giây tìm kiếm người bị nạn, sốt ruột nóng lòng ngóng chờ máy dò tìm sự sống truyền về tín hiệu sinh tồn.

17 nét | HÁN VIỆT : TIÊU CẤP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2045

焦距
jiāojù

tiêu cự, khoảng cách tiêu cự quang học

空间引力波探测望远镜采用了超长等效焦距与超低热膨胀系数微晶玻璃超精密光学系统，确保数百万公里测距精度。
Kōng jiān yǐn lì bō tàn cè wàng yuǎn jìng cǎi yòng le chāo cháng děng xiào jiāo jù yǔ chāo dī rè péng zhàng xì shù wēi jīng bō lí chāo jīng mì guān xué xì tǒng, què bǎo shù bǎi wàn gōng lǐ cè jù jīng dù.
Kính viễn vọng thám trắc sóng hấp dẫn không gian áp dụng hệ thống quang học siêu chính xác thủy tinh vi tinh thể hệ số giãn nở nhiệt siêu thấp cùng khoảng cách tiêu cự tiêu cự tương đương siêu dài, bảo đảm độ chính xác đo cự ly hàng triệu cây số.

17 nét | HÁN VIỆT : TIÊU CỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #2046

焦虑
jiāolǜ

lo âu, âu lo căng thẳng bồn chồn

国家推行基础科学长期稳定支持与宽松容错评价机制，彻底消除了青年科研人员为争取短期项目而产生的本领焦虑与发表焦虑。
Guó jiā tuī xíng jī chǔ kē xué zhǎng qī wěn dìng zhī chí yǔ kuān sōng róng cuò píng jià jī zhì, chè dǐ xiāo chú le qīng nián kē yán rén yuán wèi zhēng qǔ duǎn qī xiàng mù ér chǎn shēng de běn lǐng jiāo lǜ yǔ fā biǎo jiāo lǜ.
Nhà nước đẩy mạnh cơ chế đánh giá dung sai phóng khoáng và hỗ trợ ổn định lâu dài khoa học cơ bản, xóa bỏ triệt để sự lo âu âu lo căng thẳng về bài báo công bố và nỗi lo âu về bản lĩnh phát sinh do tranh giành các dự án ngắn hạn của cán bộ nghiên cứu trẻ.

17 nét | HÁN VIỆT : TIÊU LỰ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2047

焦躁
jiāozào

nóng nảy bồn chồn, sốt ruột bực bội

在探索未知科学真理过程中遭遇暂时实验挫折时，科学家必须保持沉着定力，切忌焦躁不安与急功近利。
Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué zhēn lǐ guò chéng zhōng zāo yù zàn shí shí yàn cuò zhé shí, kē xué jiā bì xū bǎo chí chén zhuó dìng lì, qiè jì jiāo zào bù ān yǔ jí gōng jìn lì.
Khi gặp phải trắc trở thực nghiệm tạm thời trong quá trình tìm tòi chân lý khoa học chưa biết, các nhà khoa học bắt buộc phải giữ vững định lực trầm tĩnh, tránh việc nóng nảy bồn chồn sốt ruột bực bội và nóng vội muốn mau thành công.

20 nét | HÁN VIỆT : TIÊU TÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2048

礁石
jiāoshí

rạn đá ngầm, tảng đá ngầm bãi đá biển

我国新一代万吨级远洋科考船搭载了先进前视高频三维探声声呐系统，能够精准避开海面下隐蔽的复杂暗礁与陡峭礁石。
Wǒ guó xīn yí dài wàn dūn jí yuǎn yáng kē kǎo chuán dā zài le xiān jìn qián shì gāo pín sān wéi tàn shēng shēng nà xì tǒng, néng gòu jīng zhǔn bì kāi hǎi miàn xià yǐn bì de fù zá àn jiāo yǔ dǒu qiào jiāo shí.
Con tàu khảo sát khoa học viễn dương vạn tấn thế hệ mới của nước ta được trang bị hệ thống sonar dò âm 3D cao tần nhìn trước tiên tiến, có thể tránh chuẩn xác các bãi đá ngầm tảng đá ngầm dốc đứng và rạn đá ngầm hiểm hóc ẩn giấu dưới mặt biển.

23 nét | HÁN VIỆT : TIÊU THẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2049

角落
jiǎo luò

góc, ngóc ngách, xó xỉnh

数字乡村建设让光纤宽带与5G网络覆盖到了祖国最偏远山区的每一个角落，彻底消除了数字鸿沟。
Shù zì xiāng cūn jiàn shè ràng guāng xiān kuān dài yǔ 5G wǎng luò fù gài dào le zǔ guó zuì piān yuǎn shān qū de měi yí gè jiǎo luò, chè dǐ xiāo chú le shù zì hóng gōu.
Xây dựng nông thôn số đã đưa cáp quang băng thông rộng và mạng 5G bao phủ tới từng ngóc ngách hẻo lánh nhất nơi vùng núi non xa xôi của Tổ quốc, xóa bỏ triệt để khoảng cách số.

19 nét | HÁN VIỆT : GIÁC LẠC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2050

角逐
juézhú

tranh tài đọ sức, cạnh tranh quyết liệt so tài

在全球人工智能前沿大模型极限基准测试大赛角逐中，我国完全自主原创的具身智能算法模型斩获多项全球第一。
Zài quán qiú rén gōng zhì néng qián yán dà mó xíng jí xiàn jī zhǔn cè shì dà sài jué zhú zhōng, wǒ guó wán quán zì zhǔ yuán chuàng de jù shēn zhì néng suàn fǎ mó xíng zhǎn huò duō xiàng quán qiú dì yī.
Trong cuộc tranh tài đọ sức cạnh tranh quyết liệt so tài tại Cuộc thi Thử nghiệm Chuẩn mực Giới hạn Mô hình Lớn Tiên phong Trí tuệ Nhân tạo Toàn cầu, mô hình thuật toán trí tuệ hiện thân nguyên bản hoàn toàn tự chủ của nước ta đã giành được nhiều vị trí số 1 toàn cầu.

22 nét | HÁN VIỆT : GIÁC TRỤC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2051

狡猾
jiǎo huá

ranh mãnh, gian xảo, xảo quyệt

尽管狡猾的不法分子企图通过伪造虚假交易数据掩盖罪行，但最终还是难逃经侦警方的法网。
Jǐn guǎn jiǎo huá de bù fǎ fèn zǐ qǐ tú tōng guò wěi zào xū jiǎ jiāo yì shù jù yǎn gài zuì xíng, dàn zuì zhōng hái shì nán táo jīng zhēn jǐng fāng de fǎ wǎng.
Dẫu cho những kẻ gian xảo mưu mô toan tính ngụy tạo số liệu giao dịch giả mạo hòng che đậy tội ác, nhưng cuối cùng vẫn không thể thoát khỏi lưới pháp luật của cảnh sát điều tra kinh tế.

22 nét | HÁN VIỆT : GIẢO HOẠT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2052

绞
jiǎo

xoắn

老师鼓励大家积极绞，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎo， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực xoắn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét | HÁN VIỆT : GIẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2053

矫正
jiǎozhèng

uốn nắn chỉnh sửa, hiệu chỉnh nắn chỉnh sai lệch

大科学装置自适应光学系统实现了对大气高频湍流波前畸变误差微秒级超高速动态闭环实时矫正。
Dà kē xué zhuāng zhì zì shì yìng guāng xué xì tǒng shí xiàn le duì dà qì gāo pín tuān liú bō qián jī biàn wù chā wēi miǎo jí chāo gāo sù dòng tài bì huán shí shí jiǎo zhèng.
Hệ thống quang học thích ứng của thiết bị khoa học lớn đã thực hiện việc hiệu chỉnh nắn chỉnh uốn nắn chỉnh sửa thời gian thực khép kín động thái siêu tốc độ cao cấp độ micro-giây đối với các sai số méo mó mặt sóng nhiễu động cao tần khí quyển.

22 nét | HÁN VIỆT : KIỂU CHINH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2054

搅
jiǎo

khuấy trộn đảo khuấy; quấy rầy làm phiền (jiǎorǎo)

在特种高性能超导熔炼合金制备中，真空电磁非接触式强力搅拌技术使熔池内部微观元素分布达到了完美的均匀状态。
Zài tè zhǒng gāo xìng néng chāo dǎo róng liàn hé jīn zhì bèi zhōng, zhēn kōng diàn cí fēi jiē chù shì qiáng lì jiǎo bàn jì shù shǐ róng chí nèi bù wēi guān yuán sù fēn bù dá dào le wán měi de jūn yún zhuàng tài.
Trong điều chế hợp kim nấu luyện siêu dẫn tính năng cao đặc chủng, công nghệ đảo khuấy khuấy trộn mạnh mẽ phi tiếp xúc điện từ chân không đã giúp sự phân bố nguyên tố vi mô bên trong bể nóng chảy đạt tới trạng thái đồng đều hoàn mỹ.

14 nét | HÁN VIỆT : GIẢO

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2055

搅拌
jiǎo bàn

khuấy, nhào trộn, trộn đều (hóa chất, bê tông)

大型自动化混凝土搅拌楼配备了高精度粉料电子称重系统，确保了特高拱坝大体积抗裂混凝土的超高均质性。
Dà xíng zì dòng huà hùn níng tǔ jiǎo bàn lóu pèi bèi le gāo jīng dù fěn liào diàn zi chēng zhòng xì tǒng, què bǎo le tè gāo gōng bà dà tǐ jī kàng liè hùn níng tǔ de chāo gāo jūn zhì xìng.
Trạm trộn nhào bê tông tự động hóa quy mô lớn trang bị hệ thống cân điện tử định lượng vật liệu bột độ chính xác cao, bảo đảm tính đồng nhất siêu cao của bê tông khối lớn chống nứt dùng cho đập vòm đặc biệt cao.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢO BẠN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2056

缴
jiǎo

nộp giao nộp; tịch thu nộp lại

国家实验室严格推行大宗设备招投标全透明管理，所有投标保证金均依法依规在专用监管账户中及时按期收缴与返还。
Guó jiā shí yàn shì yán gé tuī xíng dà zōng shè bèi zhāo tóu biāo quán tòu míng guǎn lǐ, suǒ yǒu tóu biāo bǎo zhèng jīn jūn yī fǎ yī guī zài zhuān yòng jiān guǎn zhàng hù zhōng jí shí àn qī shōu jiǎo yǔ fǎn huán.
Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt việc quản lý minh bạch hoàn toàn hoạt động đấu thầu thiết bị quy mô lớn, toàn bộ tiền bảo lãnh dự thầu đều nộp giao nộp thu nộp và hoàn trả kịp thời đúng hạn trong tài khoản giám sát chuyên dụng theo đúng pháp luật quy định.

8 nét | HÁN VIỆT : KIỂU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2057

缴费
jiǎofèi

nộp phí, đóng tiền thanh toán chi phí

国家科学数据中心云平台全面开通了跨国科研团队机时预约智能服务与一站式线上无纸化缴费结算系统。
Guó jiā kē xué shù jù zhōng xīn yún píng tái quán miàn kāi tōng le kuà guó kē yán tuán duì jī shí yù yuē zhì néng fú wù yǔ yī zhàn shì xiàn shàng wú zhǐ huà jiǎo fèi jié suàn xì tǒng.
Nền tảng đám mây Trung tâm Dữ liệu Khoa học Quốc gia đã khai thông toàn diện hệ thống thanh toán quyết toán nộp phí đóng tiền không giấy tờ trực tuyến một cửa và dịch vụ thông minh đặt trước thời gian máy cho các đội ngũ nghiên cứu khoa học xuyên quốc gia.

21 nét | HÁN VIỆT : KIỂU PHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2058

缴纳
jiǎo nà

nộp, đóng (thuế, phí, bảo hiểm xã hội)

国家税务部门全面推行电子税务局，纳税人通过移动端即可随时随地一键完成各项社保费与税款缴纳。
Guó jiā shuì wù bù mén quán miàn tuī xíng diàn zi shuì wù jú, nà shuì rén tōng guò yí dòng duān jí kě suí shí suí dì yī jiàn wán chéng gè xiàng shè bǎo fèi yǔ shuì kuǎn jiǎo nà.
Cơ quan thuế quốc gia phổ biến toàn diện cổng dịch vụ thuế điện tử, người nộp thuế thông qua thiết bị di động có thể nộp các khoản thuế và đóng phí bảo hiểm xã hội mọi lúc mọi nơi chỉ bằng một chạm.

20 nét | HÁN VIỆT : KIỂU NẠP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2059

叫板
jiàobǎn

thách thức đọ sức, thách đấu công khai so kè

中国青年科学家敢于向传统经典物理理论禁区叫板质疑，凭借颠覆性实验发现开辟了全新量子物态研究领域。
Zhōng guó qīng nián kē xué jiā gǎn yú xiàng chuán tǒng jīng diǎn wù lǐ lǐ lùn jìn qū jiào bǎn zhì yí, píng jiè diān fù xìng shí yàn fā xiàn kāi pì le quán xīn liàng zǐ wù tài yán jiū lǐng yù.
Các nhà khoa học trẻ Trung Quốc dám thách thức thách đấu nghi vấn công khai thách thức các vùng cấm lý thuyết vật lý kinh điển truyền thống, dựa vào những phát hiện thực nghiệm mang tính cách mạng đã mở ra lĩnh vực nghiên cứu trạng thái vật chất lượng tử hoàn toàn mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2060

叫好
jiàohǎo

tán thưởng vỗ tay khen hay, trầm trồ khen ngợi

当大屏幕上展示出人造太阳装置成功实现千秒级等离子体稳态运行世界纪录时，现场国际同行全体起立齐声叫好！
Dāng dà píng mù shàng zhǎn shì chū rén zào tài yáng zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn qiān miǎo jí děng lí zǐ tǐ wěn tài yùn xíng shì jiè jì lù shí, xiàn chǎng guó jì tóng háng quán tǐ qǐ lì qí shēng jiào hǎo!
Khi trên màn hình lớn hiển thị thiết bị Mặt trời nhân tạo thực hiện thành công kỷ lục thế giới về vận hành trạng thái ổn định plasma cấp độ ngàn giây, toàn thể đồng nghiệp quốc tế có mặt tại hiện trường đã đồng loạt đứng dậy đồng thanh tán thưởng vỗ tay khen hay trầm trồ khen ngợi!

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2061

轿车
jiàochē

xe ô tô con, xe con xe sedan

国家智能网联汽车技术创新中心完全自主研制的L4级高等级自动驾驶新能源轿车，在复杂城市开放道路上顺利实现无接管安全运行。
Guó jiā zhì néng wǎng lián qì chē jì shù chuàng xīn zhōng xīn wán quán zì zhǔ yán zhì de L4 jí gāo děng jí zì dòng jià shǐ xīn néng yuán jiào chē, zài fù zá chéng shì kāi fàng dào lù shàng shùn lì shí xiàn wú jiē guǎn ān quán yùn xíng.
Chiếc xe ô tô con xe sedan xe con năng lượng mới tự hành lái tự động cấp độ cao L4 do Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Công nghệ Xe kết nối Thông minh Quốc gia hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thực hiện thuận lợi việc vận hành an toàn không cần tiếp quản trên các tuyến đường đô thị mở phức tạp.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2062

较劲
jiàojìn

thi thố đọ sức; so bì ngang cơ, căng sức tranh đua

在大科学工程超精密部件微米级同轴度精密调校中，总装工程师同每一个细微公差较劲，决不放过任何一丝微小误差。
Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì bù jiàn wēi mǐ jí tóng zhóu dù jīng mì diào xiào zhōng, zǒng zhuāng gōng chéng shī tóng měi yí gè xì wēi gōng chāi jiào jìn, jué bù fàng guò rèn hé yī sī wēi xiǎo wù chā.
Trong việc tinh chỉnh chính xác độ đồng trục cấp độ micromet của các linh kiện siêu chính xác công trình khoa học lớn, các kỹ sư tổng lắp căng sức tranh đua thi thố đọ sức với từng mức dung sai tinh vi, kiên quyết không bỏ qua bất kỳ một chút sai số nhỏ nào.

21 nét | HÁN VIỆT : GIẢO KÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2063

较量
jiào liàng

đọ sức, so tài, đọ sức ngầm

在全球新一代人工智能与半导体芯片前沿赛道上，大国之间的高科技综合国力较量日趋白热化。
Zài quán qiú xīn yí dài rén gōng zhì néng yǔ bàn dǎo tǐ xīn piàn qián yán sài dào shàng, dà guó zhī jiān de gāo kē jì zōng hé guó lì jiào liàng rì qū bái rè huà.
Trên đường đua mũi nhọn chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo thế hệ mới toàn cầu, cuộc đọ sức so tài tổng hợp về khoa học công nghệ giữa các nước lớn ngày càng trở nên quyết liệt.

22 nét | HÁN VIỆT : GIẢO LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2064

教科书
jiàokēshū

sách giáo khoa, giáo trình mẫu mực

中国科学家在非常规超导物理与量子霍尔效应领域取得的颠覆性原创成果，直接改写并丰富了国际通用大学物理教科书。
Zhōng guó kē xué jiā zài fēi cháng guī chāo dǎo wù lǐ yǔ liàng zǐ huò ěr xiào yìng lǐng yù qǔ dé de diān fù xìng yuán chuàng chéng guǒ, zhí jiē gǎi xiě bìng fēng fù le guó jì tōng yòng dà xué wù lǐ jiào kē shū.
Những thành quả nguyên bản mang tính cách mạng mà các nhà khoa học Trung Quốc đạt được trong lĩnh vực hiệu ứng Hall lượng tử và vật lý siêu dẫn phi truyền thống đã trực tiếp viết lại và làm phong phú thêm cho sách giáo khoa giáo trình vật lý đại học dùng chung trên trường quốc tế.

28 nét | HÁN VIỆT : GIÁO KHOA THƯ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2065

教条
jiàotiáo

giáo điều, rập khuôn giáo điều máy móc

科学创新必须坚决打破一切盲从权威与教条主义束缚，勇于从第一手客观物理实验数据中探索发现新规律。
Kē xué chuàng xīn bì xū jiān jué dǎ pò yī qiè máng cóng quán wēi yǔ jiào tiáo zhǔ yì shù fù, yǒng yú cóng dì yī shǒu kè guān wù lǐ shí yàn shù jù zhōng tàn suǒ fā xiàn xīn guī lǜ.
Đổi mới sáng tạo khoa học bắt buộc phải kiên quyết đập tan mọi sự ràng buộc của chủ nghĩa giáo điều giáo điều máy móc và mù quáng nghe theo uy quyền, dũng cảm tìm tòi phát hiện quy luật mới từ các số liệu thực nghiệm vật lý khách quan ban đầu.

24 nét | HÁN VIỆT : GIÁO ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2066

教养
jiào yǎng

giáo dưỡng, sự gia giáo lễ phép, tu dưỡng

良好的家风家教能够潜移默化地涵养青少年的健全人格与高尚教养，引导其树立正确的世界观人生观。
Liáng hǎo de jiā fēng jiā jiào néng gòu qián yí mò huà dì hán yǎng qīng shào nián de jiàn quán rén gé yǔ gāo shàng jiào yǎng, yǐn dǎo qí shù lì zhèng què de shì jiè guān rén shēng guān.
Gia phong nề nếp gia giáo tốt đẹp có thể bồi dưỡng một cách tự nhiên nhân cách lành mạnh cùng sự giáo dưỡng thanh cao cho thanh thiếu niên, dẫn dắt các em xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan đúng đắn.

25 nét | HÁN VIỆT : GIÁO DƯỠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2067

阶层
jiē céng

giai tầng, tầng lớp xã hội

国家着力扩大中等收入群体规模，促进社会公平正义，让现代化发展成果更多更公平惠及全体人民各个阶层。
Guó jiā zhuó lì kuò dà zhōng děng shōu rù qún tǐ guī mó, cù jìn shè huì gōng píng zhèng yì, ràng xiàn dài huà fā zhǎn chéng guǒ gèng duō gèng gōng píng huì jí quán tǐ rén mín gè gè jiē céng.
Nhà nước tập trung mở rộng quy mô nhóm người có thu nhập trung bình, thúc đẩy công bằng công lý xã hội, giúp các thành quả phát triển hiện đại hóa tạo phúc nhiều hơn và công bằng hơn tới mọi giai tầng trong toàn thể nhân dân.

19 nét | HÁN VIỆT : GIAI TẦNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2068

阶级
jiējí

giai cấp, tầng lớp giai cấp xã hội

中国工人阶级优秀代表大国工匠以追求极致、精益求精的敬业精神，为大科学工程核心部件制造做出了不可磨灭的历史贡献。
Zhōng guó gōng rén jiē jí yōu xiù dài biǎo dà guó gōng jiàng yǐ zhuī qiú jí zhì, jīng yì qiú jīng de jìng yè jīng shén, wèi dà kē xué gōng chéng hé xīn bù jiàn zhì zào zuò chū le bù kě mó miè de lì shǐ gòng xiàn.
Đại biểu xuất sắc của giai cấp giai cấp công nhân Trung Quốc - những bậc thợ lớn quốc gia bằng tinh thần kính nghiệp tinh ích cầu tinh (tỉ mỉ hoàn thiện), theo đuổi sự hoàn mỹ tột cùng đã đóng góp những cống hiến lịch sử không thể phai mờ cho việc chế tạo các linh kiện cốt lõi công trình khoa học lớn.

25 nét | HÁN VIỆT : GIAI CẤP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2069

阶梯
jiētī

bậc thang nấc thang, từng bậc phát triển

国家实验室构建了“启航-拔尖-卓越-领军”青年战略科学家阶梯式递进培养体系，为科技自强储备充足后备力量。
Guó jiā shí yàn shì gòu jiàn le "qǐ háng - bá jiān - zhuó yuè - lǐng jūn" qīng nián zhàn lüè kē xué jiā jiē tī shì dì jìn péi yǎng tǐ xì, wèi kē jì zì qiáng chǔ bèi chōng zú hòu bèi lì liàng.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã xây dựng hệ thống bồi dưỡng tiến bước bậc thang nấc thang các nhà khoa học chiến lược thanh niên 'Khởi hành - Xuất chúng - Trác việt - Dẫn đầu', dự trữ đầy đủ nguồn lực lượng kế cận cho sự tự cường khoa học công nghệ.

22 nét | HÁN VIỆT : GIAI THÊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2070

皆
jiē

tất cả

老师鼓励大家积极皆，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiē， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tất cả, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : GIAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2071

接班
jiēbān

tiếp ca nhận ca; kế tục sự nghiệp tiếp bước

老一辈战略科学家甘为人梯、倾囊相授，悉心指导青年一代科技骨干挑大梁、当主角、顺利接班。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā gān wéi rén tī, qīng náng xiāng shòu, xī xīn zhǐ dǎo qīng nián yí dài kē jì gǔ gàn tiǎo dà liáng, dāng zhǔ jué, shùn lì jiē bān.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối tình nguyện làm bậc thang nâng đỡ, dốc cạn tâm huyết truyền dạy, tận tình chỉ đạo thế hệ cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ thanh niên gánh vác trọng trách, làm vai chính, tiếp bước kế tục sự nghiệp tiếp ca thuận lợi.

21 nét | HÁN VIỆT : TIẾP BAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2072

接班人
jiēbānrén

người kế tục, người tiếp nối sự nghiệp

我国大科学工程始终注重在重大科研实战中培养具有战略科学家潜质的新时代科技事业可靠接班人。
Wǒ guó dà kē xué gōng chéng shǐ zhōng zhù zhòng zài zhòng dà kē yán shí zhàn zhōng péi yǎng jù yǒu zhàn lüè kē xué jiā qián zhì dì xīn shí dài kē jì shì yè kě kào jiē bān rén.
Công trình khoa học lớn nước ta luôn chú trọng việc bồi dưỡng những người tiếp nối sự nghiệp người kế tục đáng tin cậy của sự nghiệp khoa học công nghệ thời đại mới sở hữu tiềm năng nhà khoa học chiến lược trong thực chiến nghiên cứu khoa học trọng đại.

30 nét | HÁN VIỆT : TIẾP BAN NHÂN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Phó từ | #2073

接二连三
jiē'èrliánsān

liên tiếp dồn dập, dồn dập hết cái này đến cái khác

自大科学装置正式开放运行以来，海内外多学科联合科研团队接二连三在国际顶级期刊发表重大原创科学突破成果。
Zì dà kē xué zhuāng zhì zhèng shì kāi fàng yùn xíng yǐ lái, hǎi nèi wài duō xué kē lián hé kē yán tuán duì jiē èr lián sān zài guó jì dǐng jí qī kān fā biǎo zhòng dà yuán chuàng kē xué tū pò chéng guǒ.
Kể từ khi thiết bị khoa học lớn chính thức mở cửa vận hành đến nay, các đội ngũ nghiên cứu khoa học liên hợp đa môn học trong và ngoài nước đã liên tiếp dồn dập dồn dập hết bài này đến bài khác công bố các thành quả đột phá khoa học nguyên bản trọng đại trên các tạp chí đỉnh cao quốc tế.

35 nét | HÁN VIỆT : TIẾP NHỊ LIÊN TAM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2074

接轨
jiēguǐ

nối ray hòa nhập kết nối, liên thông tương thích tiêu chuẩn

国家大科学装置运行管理与机时分配机制全面与国际顶级大科学中心通用标准规则深度接轨。
Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì yùn xíng guǎn lǐ yǔ jī shí fēn pèi jī zhì quán miàn yǔ guó jì dǐng jí dà kē xué zhōng xīn tōng yòng biāo zhǔn guī zé shēn dù jiē guǐ.
Cơ chế phân bổ thời gian máy và quản lý vận hành của thiết bị khoa học lớn quốc gia đã kết nối hòa nhập liên thông sâu sắc toàn diện với các quy tắc tiêu chuẩn dùng chung của các trung tâm khoa học lớn đỉnh cao quốc tế.

21 nét | HÁN VIỆT : TIẾP QUỸ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2075

接济
jiējì

chu cấp cứu giúp, hỗ trợ tài chính giúp đỡ lúc khó khăn

老院士数十年来用自己的科研奖金与工资积蓄默默接济了数百名家庭贫困但立志攀登科学高峰的年轻学子。
Lǎo yuàn shì shù shí nián lái yòng zì jǐ de kē yán jiǎng jīn yǔ gōng zī jī xù mò mò jiē jì le shù bǎi míng jiā tíng pín kùn dàn lì zhì pān dēng kē xué gāo fēng de nián qīng xué zǐ.
Vị Viện sĩ lão thành mấy chục năm qua đã dùng tiền lương tích lũy và tiền thưởng nghiên cứu khoa học của mình thầm lặng chu cấp cứu giúp hỗ trợ kinh phí cho hàng trăm học trò trẻ có hoàn cảnh gia đình nghèo khó nhưng lập chí trèo lên đỉnh cao khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : TIẾP TẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2076

接见
jiējiàn

tiếp kiến, gặp mặt thân mật chúc mừng

党和国家最高领导人在人民大会堂亲切接见了圆满完成空间站建设任务的功勋航天员与科学家代表。
Dǎng hé guó jiā zuì gāo lǐng dǎo rén zài rén mín dà huì táng qīn qiè jiē jiàn le yuán mǎn wán chéng kōng jiān zhàn jiàn shè rèn wù de gōng xūn háng tiān yuán yǔ kē xué jiā dài biǎo.
Lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước tại Đại lễ đường Nhân dân đã thân mật tiếp kiến gặp mặt thân mật đại biểu các nhà khoa học và phi hành gia có công lao hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ xây dựng trạm vũ trụ.

23 nét | HÁN VIỆT : TIẾP KIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2077

接力
jiēlì

tiếp sức, chạy tiếp sức nối tiếp liên tục

建设世界科技强国的宏伟征程，是一场需要一代代科技工作者跑好接力棒、接续奋进的伟大历史长跑。
Jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de hóng wěi zhēng chéng, shì yī cháng xū yào yí dài dài kē jì gōng zuò zhě pǎo hǎo jiē lì bàng, jiē xù fèn jìn de wěi dà lì shǐ cháng pǎo.
Hành trình hùng vĩ xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới là một cuộc chạy đường dài lịch sử vĩ đại đòi hỏi từng thế hệ những người làm khoa học công nghệ phải chạy thật tốt chiếc gậy tiếp sức tiếp sức, nối tiếp nhau phấn đấu tiến lên.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2078

接纳
jiēnà

tiếp nhận, thu nạp kết nạp dung nạp

国家实验室以完全开放包容的胸怀，广泛接纳来自全球数十个国家和地区的优秀青年学者共同开展前沿基础科研。
Guó jiā shí yàn shì yǐ wán quán kāi fàng bāo róng de xiōng huái, guǎng fàn jiē nà lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā hé dì qū de yōu xiù qīng nián xué zhě gòng tóng kāi zhǎn qián yán jī chǔ kē yán.
Phòng thí nghiệm quốc gia bằng tấm lòng bao dung mở cửa hoàn toàn, đã thu nạp tiếp nhận rộng rãi các học giả trẻ xuất sắc đến từ hàng chục quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu cùng triển khai nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2079

接手
jiēshǒu

tiếp quản, nhận bàn giao đảm nhận

青年领军科学家毅然接手大科学装置最艰巨的超导加速腔极端物理调试任务，带领团队连夜攻克难关。
Qīng nián lǐng jūn kē xué jiā yì rán jiē shǒu dà kē xué zhuāng zhì zuì jiān jù de chāo dǎo jiā sù qiāng jí duān wù lǐ tiáo shì rèn wù, dài lǐng tuán duì lián yè gōng kè nán guān.
Nhà khoa học dẫn đầu thanh niên kiên quyết đảm nhận tiếp quản nhiệm vụ hiệu chỉnh vật lý cực đoan gian khổ nhất của buồng gia tốc siêu dẫn thiết bị khoa học lớn, dẫn dắt đội ngũ thâu đêm vượt qua cửa ải khó khăn.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2080

接送
jiēsòng

đưa đón, chuyên chở đưa đón nhân sự

大科学装置园区配备了全天候自动驾驶新能源接驳巴士，安全准时接送往返于各实验站点的中外科研人员。
Dà kē xué zhuāng zhì yuán qū pèi bèi le quán tiān hòu zì dòng jià shǐ xīn néng yuán jiē bó bā shì, ān quán zhǔn shí jiē sòng wǎng fǎn yú gè shí yàn zhàn diǎn de zhōng wài kē yán rén yuán.
Khuôn viên thiết bị khoa học lớn được trang bị xe buýt trung chuyển năng lượng mới tự hành lái tự động 24/7, đưa đón an toàn đúng giờ các cán bộ nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước qua lại giữa các trạm thực nghiệm.

20 nét | HÁN VIỆT : TIẾP TỐNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2081

接替
jiētì

thay thế, tiếp quản thay thế vị trí

在功勋总工程师光荣退休之际，由其一手悉心栽培的青年拔尖领军学者正式接替出任大科学工程总设计师。
Zài gōng xūn zǒng gōng chéng shī guāng róng tuì xiū zhī jì, yóu qí yī shǒu xī xīn zāi péi de qīng nián bá jiān lǐng jūn xué zhě zhèng shì jiē tì chū rèn dà kē xué gōng chéng zǒng shè jì shī.
Nhân dịp vị Tổng Kỹ sư có công lao vinh dự nghỉ hưu, vị học giả dẫn đầu xuất chúng trẻ tuổi do chính tay cụ tận tình bồi dưỡng đã chính thức tiếp quản thay thế đảm nhiệm chức Tổng Nhà thiết kế công trình khoa học lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : TIẾP THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2082

接听
jiētīng

nghe điện thoại, tiếp nhận cuộc gọi

在深空探测发射倒计时最高等级保密阶段，主控指挥大厅内严禁携带手机与接听任何外部私人电话。
Zài shēn kōng tàn cè fā shè dào jì shí zuì gāo děng jí bǎo mì jiē duàn, zhǔ kòng zhǐ huī dà tīng nèi yán jìn xié dài shǒu jī yǔ jiē tīng rèn hé wài bù sī rén diàn huà.
Trong giai đoạn bảo mật cấp cao nhất đếm ngược phóng tàu thám trắc không gian sâu, bên trong đại sảnh chỉ huy điều khiển chính nghiêm cấm mang theo điện thoại di động và nghe điện thoại tiếp nhận bất kỳ cuộc gọi riêng bên ngoài nào.

19 nét | HÁN VIỆT : TIẾP DẪN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2083

接通
jiētōng

nối thông, thông mạch kết nối liên lạc

当大科学工程超导磁体最后一根特种高压绝缘母线成功接通并通电运行时，全场响起了热烈的欢呼声。
Dāng dà kē xué gōng chéng chāo dǎo cí tǐ zuì hòu yī gēn tè zhǒng gāo yā jué yuán mǔ xiàn chéng gōng jiē tōng bìng tōng diàn yùn xíng shí, quán chǎng xiǎng qǐ le rè liè de huān hū shēng.
Khi thanh cái (busbar) cách điện điện áp cao đặc chủng cuối cùng của nam châm siêu dẫn công trình khoa học lớn được nối thông kết nối thông mạch thành công và cấp điện vận hành, toàn trường đã vang lên những tràng reo hò nhiệt liệt.

17 nét | HÁN VIỆT : TIẾP THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2084

揭发
jiē fā

tố cáo, vạch trần, bóc trần (sai phạm)

纪检监察与审计部门依法畅通群众信访举报渠道，坚决核查并严厉查处群众依法揭发的任何违法违纪腐败行为。
Jì jiǎn jiān chá yǔ shěn jì bù mén yī fǎ chàng tōng qún zhòng xìn fǎng jǔ bào qú dào, jiān jué hé chá bìng yán lì chá chǔ qún zhòng yī fǎ jiē fā de rèn hé wéi fǎ wéi jì fǔ bài xíng wéi.
Cơ quan kiểm tra giám sát và kiểm toán khơi thông kênh tiếp nhận đơn thư tố giác khiếu nại của quần chúng theo luật định, kiên quyết thẩm tra xác minh và xử lý nghiêm minh mọi hành vi tham nhũng vi phạm kỷ luật pháp luật do quần chúng tố cáo theo quy định pháp luật.

21 nét | HÁN VIỆT : YẾT PHÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2085

揭露
jiē lù

vạch trần, phơi bày, làm lộ rõ chân tướng

新闻媒体依法深入开展调查性报道，坚决揭露曝光严重危害食品药品安全与破坏生态环境的恶劣违法行径。
Xīn wén méi tǐ yī fǎ shēn rù kāi zhǎn diào chá xìng bào dào, jiān jué jiē lù bào guāng yán zhòng wēi hài shí pǐn yào pǐn ān quán yǔ pò huài shēng tài huán jìng de è liè wéi fǎ xíng jìng.
Cơ quan báo chí truyền thông theo luật định đi sâu triển khai các bài phóng sự điều tra, kiên quyết vạch trần phơi bày các hành vi vi phạm pháp luật xấu xa gây nguy hại nghiêm trọng đến an toàn thực phẩm dược phẩm và hủy hoại môi trường sinh thái.

22 nét | HÁN VIỆT : YẾT LỘ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2086

揭示
jiēshì

hé lộ, làm sáng tỏ vạch rõ bản chất

我国科学家利用大科学装置同步辐射光源，在国际上首次在原子尺度上揭示了高温超导微观电子相分离物理机理。
Wǒ guó kē xué jiā lì yòng dà kē xué zhuāng zhì tóng bù fú shè guāng yuán, zài guó jì shàng shǒu cì zài yuán zi chǐ dù shàng jiē shì le gāo wēn chāo dǎo wēi guān diàn zi xiāng fēn lí wù lǐ jī lǐ.
Các nhà khoa học nước ta ứng dụng nguồn sáng bức xạ đồng bộ của thiết bị khoa học lớn, lần đầu tiên trên thế giới ở quy mô nguyên tử đã làm sáng tỏ hé lộ cơ chế vật lý phân tách pha electron vi mô siêu dẫn nhiệt độ cao.

22 nét | HÁN VIỆT : YẾT THỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2087

揭晓
jiēxiǎo

công bố, công bố kết quả hé lộ

在国家科学技术奖励大会上，代表我国科技界最高荣誉的国家最高科学技术奖获奖名单隆重揭晓。
Zài guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì shàng, dài biǎo wǒ guó kē jì jiè zuì gāo róng yù de guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng huò jiǎng míng dān lóng zhòng jiē xiǎo.
Tại Đại hội Khen thưởng Khoa học Kỹ thuật Quốc gia, danh sách những người đoạt Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Cao nhất Quốc gia đại diện cho danh dự cao nhất của giới khoa học công nghệ nước ta đã long trọng công bố hé lộ kết quả.

20 nét | HÁN VIỆT : YẾT HIỂU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2088

节俭
jiéjiǎn

tiết kiệm giản dị, cần kiệm thanh bạch

老一辈战略科学家一生生活极其节俭朴素，却把毕生积蓄与全部科研奖金无私捐献给了国家基础教育事业。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yī shēng shēng huó jí qí jié jiǎn pǔ sù, què bǎ bì shēng jī xù yǔ quán bù kē yán jiǎng jīn wú sī juān xiàn gěi le guó jiā jī chǔ jiào yù shì yè.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối cả đời sinh hoạt cực kỳ mộc mạc tiết kiệm giản dị cần kiệm, nhưng lại đem toàn bộ tiền thưởng nghiên cứu khoa học và tiền tiết kiệm cả đời mình cống hiến quên mình cho sự nghiệp giáo dục cơ sở của đất nước.

22 nét | HÁN VIỆT : TIẾT KIỆM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2089

节气
jiéqi

tiết khí, 24 tiết khí nông lịch

国家现代农业气象遥感系统精准融合了中国传统二十四节气农耕智慧与卫星天基多光谱遥感监测大数据。
Guó jiā xiàn dài nóng yè qì xiàng yáo gǎn xì tǒng jīng zhǔn róng hé le zhōng guó chuán tǒng èr shí sì jié qì nóng gēng zhì huì yǔ wèi xīng tiān jī duō guāng pǔ yáo gǎn jiān cè dà shù jù.
Hệ thống viễn thám khí tượng nông nghiệp hiện đại quốc gia đã dung hợp chuẩn xác dữ liệu lớn quan trắc viễn thám đa quang phổ trên không gian vệ tinh cùng trí tuệ canh tác nông nghiệp 24 tiết khí tiết khí truyền thống Trung Quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : TIẾT KHÍ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2090

节水
jiéshuǐ

tiết kiệm nước, sử dụng nước tiết kiệm

国家旱作农业重点实验室培育出的超级耐旱节水小麦新品种，在干旱缺水地区全面推广并实现大幅增产。
Guó jiā hàn zuò nóng yè zhòng diǎn shí yàn shì péi yù chū de chāo jí nài hàn jié shuǐ xiǎo mài xīn pǐn zhǒng, zài gān hàn quē shuǐ dì qū quán miàn tuī guǎng bìng shí xiàn dà fú zēng chǎn.
Giống mới lúa mì tiết kiệm nước siêu chịu hạn tiết kiệm nước do Phòng thí nghiệm trọng điểm nông nghiệp vùng khô hạn quốc gia lai tạo đã được nhân rộng toàn diện tại các khu vực khô hạn thiếu nước và thực hiện tăng sản lượng vượt bậc.

23 nét | HÁN VIỆT : TIẾT THUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #2091

节衣缩食
jiéyīsuōshí

thắt lưng buộc bụng, chi tiêu tằn tiện ăn nhịn mặc thèm

在新中国一穷二白的艰苦年代，党和人民节衣缩食全力保障国防两弹一星战略大科学工程攻关顺利实施。
Zài xīn zhōng guó yī qióng èr bái de jiān kǔ nián dài, dǎng hé rén mín jié yī suō shí quán lì bǎo zhàng guó fáng liǎng dàn yī xīng zhàn lüè dà kē xué gōng chéng gōng guān shùn lì shí shī.
Trong những năm tháng gian khổ nghèo nàn tay trắng của Nước Trung Hoa mới, Đảng và Nhân dân đã thắt lưng buộc bụng chi tiêu tằn tiện dốc toàn lực bảo đảm cho công trình đại khoa học chiến lược Hai bom một vệ tinh quốc phòng triển khai thuận lợi.

35 nét | HÁN VIỆT : TIẾT Y SÚC THỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2092

劫
jié

tai họa

老师鼓励大家积极劫，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jié， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tai họa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét | HÁN VIỆT : KIẾP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2093

劫持
jiéchí

bắt cóc cướp đoạt; chiếm quyền kiểm soát (mạng/hệ thống)

国家网络空间防御系统凭借完全自主抗量子加密协议，成功抵御并彻底粉碎了境外黑客对关键卫星通信链路的劫持企图。
Guó jiā wǎng luò kōng jiān fáng yù xì tǒng píng jiè wán quán zì zhǔ kàng liàng zǐ jiā mì xié yì, chéng gōng dǐ yù bìng chè dǐ fěn suì le jìng wài hēi kè duì guān jiàn wèi xīng tōng xìn lián lù de jié chí qī tú.
Hệ thống phòng thủ không gian mạng quốc gia dựa vào giao thức mã hóa kháng lượng tử hoàn toàn tự chủ đã chống chọi thành công và đập tan hoàn toàn mưu toan chiếm quyền kiểm soát cướp đoạt đường truyền liên kết truyền thông vệ tinh then chốt của tin tặc nước ngoài.

23 nét | HÁN VIỆT : KIẾP TRÌ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2094

洁净
jié jìng

sạch sẽ

在面对复杂的挑战时，保持洁净的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí jié jìng de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái sạch sẽ đặc biệt quan trọng.

24 nét | HÁN VIỆT : KHIẾT TỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2095

结冰
jiébīng

đóng băng, kết băng đông đá

国产大型客机在极端低温气象条件下成功完成了极其严苛的自然结冰试飞适航取证试验。
Guó chǎn dà xíng kè jī zài jí duān dī wēn qì xiàng tiáo jiàn xià chéng gōng wán chéng le jí qí yán kē de zì rán jié bīng shì fēi shì háng qǔ zhèng shì yàn.
Máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước dưới điều kiện khí tượng nhiệt độ cực thấp đã hoàn thành thành công cuộc thử nghiệm chứng nhận đủ điều kiện bay bay thử kết băng đóng băng tự nhiên cực kỳ khắt khe.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2096

结晶
jié jīng

tinh thể, kết tinh; thành quả kết tinh

中国空间站是全体航天人自力更生、攻坚克难的伟大智慧结晶，展现了大国高水平科技自立自强的力量。
Zhōng guó kōng jiān zhàn shì quán tǐ háng tiān rén zì lì gēng shēng, gōng jiān kè nán de wěi dà zhì huì jié jīng, zhǎn xiàn le dà guó gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de lì liàng.
Trạm vũ trụ Trung Quốc là kết tinh trí tuệ vĩ đại của sự tự lực cánh sinh và vượt qua muôn vàn gian khó của toàn thể những người làm hàng không vũ trụ, phô diễn nguồn sức mạnh tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của một nước lớn.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2097

结局
jié jú

kết thúc

老师鼓励大家积极结局，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jié jú， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực kết thúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2098

结识
jiéshí

làm quen kết giao, kết bạn quen biết

在世界顶尖科学家前沿论坛上，我国青年学者结识了多位国际诺贝尔物理学奖得主并达成了前沿科研合作意向。
Zài shì jiè dǐng jiān kē xué jiā qián yán lùn tán shàng, wǒ guó qīng nián xué zhě jié shí le duō wèi guó jì nuò bèi ěr wù lǐ xué jiǎng dé zhǔ bìng dá chéng le qián yán kē yán hé zuò yì xiàng.
Tại Diễn đàn Tiên phong Các Nhà khoa học Đỉnh cao Thế giới, các học giả trẻ nước ta đã kết bạn làm quen kết giao với nhiều nhà khoa học đoạt giải Nobel Vật lý quốc tế và đạt được các ý định hợp tác nghiên cứu khoa học tiên phong.

22 nét | HÁN VIỆT : KẾT THỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2099

结尾
jiéwěi

phần kết đoạn cuối, kết thúc hồi kết

在大科学工程一期建设进入收官结尾的关键节点，全体调试人员以最严苛标准抓好每一个精密物理参数复核。
Zài dà kē xué gōng chéng yī qī jiàn shè jìn rù shōu guān jié wěi de guān jiàn jié diǎn, quán tǐ tiáo shì rén yuán yǐ zuì yán kē biāo zhǔn zhuā hǎo měi yí gè jīng mì wù lǐ cān shù fù hé.
Tại thời điểm then chốt khi công tác xây dựng giai đoạn 1 công trình khoa học lớn bước vào hồi kết phần kết đoạn cuối, toàn thể cán bộ hiệu chỉnh bằng tiêu chuẩn khắt khe nhất nắm bắt thật tốt việc kiểm tra lại từng tham số vật lý chính xác.

20 nét | HÁN VIỆT : KẾT VĨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2100

截
jié

cắt

老师鼓励大家积极截，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jié, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cắt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét | HÁN VIỆT : TIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2101

截然不同
jiéránbùtóng

hoàn toàn khác biệt, một trời một vực khác nhau một trời một vực

超导量子比特在宏观尺度上展现出了与经典物理比特截然不同的量子叠加与量子纠缠物理特性。
Chāo dǎo liàng zǐ bǐ tè zài hóng guān chǐ dù shàng zhǎn xiàn chū le yǔ jīng diǎn wù lǐ bǐ tè jié rán bù tóng de liàng zǐ dié jiā yǔ liàng zǐ jiū chán wù lǐ tè xìng.
Bit lượng tử siêu dẫn trên quy mô vĩ mô phô diễn các đặc tính vật lý vướng víu lượng tử và chồng chập lượng tử hoàn toàn khác biệt một trời một vực so với bit vật lý kinh điển.

35 nét | HÁN VIỆT : TIỆT NHIÊN BẤT ĐỒNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2102

竭尽全力
jié jìn quán lì

dốc toàn tâm toàn lực, hết sức mình

在重大抢险救灾与急危重症救治一线，人民子弟兵与白衣天使竭尽全力护佑每一个鲜活生命的生命安全。
Zài zhòng dà qiǎng xiǎn jiù zāi yǔ jí wēi zhòng zhèng jiù zhì yī xiàn, rén mín zǐ dì bīng yǔ bái yī tiān shǐ jié jìn quán lì hù yòu měi yí gè xiān huó shēng mìng de shēng mìng ān quán.
Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ và cấp cứu các ca bệnh nguy kịch hiểm nghèo, các chiến sĩ quân đội và các thiên thần áo trắng đã dốc toàn tâm toàn lực bảo vệ an toàn tính mạng cho từng sinh mệnh quý giá.

35 nét | HÁN VIỆT : KIỆT TẬN TOÀN LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2103

竭力
jiélì

hết sức dốc toàn lực, tận lực dốc cạn sức mình

面对突发极端故障挑战，大科学装置现场应急处置团队竭力排查排险、通宵奋战，确保了国家核心科研设备万无一失。
Miàn duì tū fā jí duān gù zhàng tiǎo zhàn, dà kē xué zhuāng zhì xiàn chǎng yìng jí chǔ zhì tuán duì jié lì pái chá pái xiǎn, tōng xiāo fèn zhàn, què bǎo le guó jiā hé xīn kē yán shè bèi wàn wú yī shī.
Đứng trước thách thức sự cố cực đoan đột xuất, đội ngũ xử lý khẩn cấp tại hiện trường thiết bị khoa học lớn đã tận lực dốc cạn sức mình hết sức dốc toàn lực rà soát trừ hiểm họa, chiến đấu thâu đêm, bảo đảm thiết bị nghiên cứu khoa học cốt lõi quốc gia tuyệt đối không một sai sót.

20 nét | HÁN VIỆT : KIỆT LỰC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2104

解答
jiě dá

Trả lời

老师鼓励大家积极解答，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiě dá, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Trả lời, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢI ĐÁP

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2105

解读
jiědú

giải mã đọc hiểu, phân tích lý giải chuyên sâu

中国古基因组学科学家成功解读了数万年前古人类全基因组序列，精准揭示了东亚早期人群迁徙演化图谱。
Zhōng guó gǔ jī yīn zǔ xué kē xué jiā chéng gōng jiě dú le shù wàn nián qián gǔ rén lèi quán jī yīn zǔ xù liè, jīng zhǔn jiē shì le dōng yà zǎo qī rén qún qiān xǐ yǎn huà tú pǔ.
Các nhà khoa học gen học cổ đại Trung Quốc đã phân tích lý giải giải mã đọc hiểu thành công trình tự toàn bộ bộ gen của người cổ đại hàng vạn năm trước, hé lộ chuẩn xác đồ phổ tiến hóa di cư của quần thể người Đông Á giai đoạn sớm.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢI ĐẬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2106

解雇
jiě gù

sa thải, cho thôi việc, đuổi việc

劳动保障监察部门依法严格规范企业用工行为，坚决查处并纠正任何无正当合法理由违法解雇劳动者的违规侵权行径。
Láo dòng bǎo zhàng jiān chá bù mén yī fǎ yán gé guī fàn qǐ yè yòng gōng háng wèi, jiān jué chá chǔ bìng jiū zhèng rèn hé wú zhèng dāng hé fǎ lǐ yóu wéi fǎ jiě gù láo dòng zhě de wéi guī qīn quán xíng jīng.
Cơ quan thanh tra bảo đảm lao động theo quy định của pháp luật quy chuẩn hóa nghiêm ngặt hành vi sử dụng lao động của doanh nghiệp, kiên quyết kiểm tra và chấn chỉnh mọi hành vi vi phạm xâm phạm quyền lợi sa thải người lao động trái luật không có lý do chính đáng hợp pháp.

22 nét | HÁN VIỆT : GIẢI CỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2107

解救

jiějiù

giải cứu cứu thoát, giải thoát cứu nguy

国家防灾减灾智能化大科学工程构建的空天地一体化应急救援调度系统，在多次特大地震洪涝救援中成功解救受困群众。

Guó jiā fáng zāi jiǎn zāi zhì néng huà dà kē xué gōng chéng gòu jiàn de kōng tiān dì yī tǐ huà yìng jí jiù yuán diào dù xì tǒng, zài duō cì tè dà dì zhèn hóng lào jiù yuán zhōng chéng gōng jiě jiù shòu kùn qún zhòng.

Hệ thống điều phối cứu viện khẩn cấp tích hợp không gian - trời - đất do công trình khoa học lớn thông minh hóa phòng chống giảm nhẹ thiên tai quốc gia xây dựng đã cứu thoát giải cứu giải cứu thành công quần chúng bị mắc kẹt trong nhiều đợt cứu hộ lũ lụt động đất cực lớn.

23 nét | HÁN VIỆT : GIẢI CỨU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2108

解剖

jiě pōu

giải phẫu, mổ xẻ phân tích sâu sắc

在党风廉政警示教育中，必须通过深入解剖典型违纪违法案例，深刻汲取惨痛教训、筑牢拒腐防变思想防线。

Zài dǎng fēng lián zhèng jǐng shì jiào yù zhōng, bì xū tōng guò shēn rù jiě pōu diǎn xíng wéi jì wéi fǎ àn lì, shēn kè jí qǔ cǎn tòng jiào xùn, zhù láo jù fù fáng biàn sī xiǎng fáng xiàn.

Trong công tác giáo dục cảnh tỉnh liêm chính tác phong Đảng, bắt buộc phải thông qua việc mổ xẻ phân tích sâu sắc các án lệ vi phạm kỷ luật và pháp luật điển hình để rút ra bài học đắt giá sâu sắc, xây vững phòng tuyến tư tưởng chống tham nhũng chống tha hóa.

22 nét | HÁN VIỆT : GIẢI PHẪU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2109

解散

jiě sàn

giải tán, giải thể (tập thể, cuộc họp)

随着重大抗震救灾任务的全面圆满完成，各省支援的前线应急医疗救援队在庄重列队后有序撤离并解散归建。

Suí zhuó zhòng dà kàng zhèn jiù zāi rèn wù de quán miàn yuán mǎn wán chéng, gè shěng zhī yuán de qián xiàn yìng jí yī liáo jiù yuán duì zài zhuāng zhòng liè duì hòu yǒu xù chè lí bìng jiě sàn guī jiàn.

Cùng với việc hoàn thành toàn diện xuất sắc nhiệm vụ cứu hộ động đất trọng đại, các đội cứu hộ y tế khẩn cấp tiền tuyến do các tỉnh chi viện sau khi xếp hàng trang nghiêm đã rút lui có trật tự và giải tán trở về đơn vị gốc.

27 nét | HÁN VIỆT : GIẢI TẢN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2110

解体

jiě tǐ

tan rã, sụp đổ phân rã, tháo dỡ tách rời

深空探测器在完成历史性科考使命后，受控坠入预定无人区大气层中，在高温气动摩擦中安全彻底解体烧蚀。

Shēn kōng tàn cè qì zài wán chéng lì shǐ xìng kē kǎo shǐ mìng hòu, shòu kòng zhuì rù yù dìng wú rén qū dà qì céng zhōng, zài gāo wēn qì dòng mó cā zhōng ān quán chè dǐ jiě tǐ shāo shí.

Tàu thám hiểm không gian sâu sau khi hoàn thành sứ mệnh khảo sát khoa học mang tính lịch sử đã được điều khiển rơi có kiểm soát vào bầu khí quyển vùng không người dự kiến, phân rã tan rã và bốc cháy an toàn triệt để dưới ma sát khí động học nhiệt độ cao.

21 nét | HÁN VIỆT : GIẢI THỂ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2111

解脱

jiětuō

giải thoát, cởi bỏ trói buộc rũ bỏ phiền não

国家科技管理体制改革全面推行经费包干制与长周期综合评价，把广大科学家从繁琐的报销填表事务中彻底解脱出来。

Guó jiā kē jì guǎn lǐ tǐ zhì gǎi gé quán miàn tuī xíng jīng fèi bāo gān zhì yǔ zhǎng zhōu qī zōng hé píng jià, bǎ guǎng dà kē xué jiā cóng fán suǒ de bào xiāo tián biǎo shì wù zhōng chè dǐ jiě tuō chū lái.

Cải cách thể chế quản lý khoa học công nghệ quốc gia đẩy mạnh toàn diện đánh giá tổng hợp chu kỳ dài và chế độ khoán gọn kinh phí, cởi bỏ giải thoát hoàn toàn đồng đảo các nhà khoa học ra khỏi các công việc sự vụ điền biểu mẫu thanh toán hóa đơn phiền toái.

26 nét | HÁN VIỆT : GIẢI THOÁT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2112

解围

jiěwéi

giải vây, tháo gỡ thế bí giải cứu khỏi bao vây

在青年科学家学术论证遭遇同行尖锐质疑的关键时刻，两院院士以高屋建瓴的数理推导精准补充、巧妙为团队解围。

Zài qīng nián kē xué jiā xué shù lùn zhèng zāo yù tóng háng jiān ruì zhì yí de guān jiàn shí kè, liǎng yuàn yuàn shì yǐ gāo wū jiàn líng de shù lǐ tuī dǎo jīng zhǔn bǔ chōng, qiǎo miào wèi tuán duì jiě wéi.

Vào thời khắc then chốt khi phản luận chứng học thuật của nhà khoa học trẻ gặp phải sự chất vấn sắc bén của đồng nghiệp, Viện sĩ hai Viện Hàn lâm bằng phép suy diễn toán lý tầm cao định hướng đã bổ sung chuẩn xác, giải vây tháo gỡ thế bí một cách khéo léo cho toàn đội.

21 nét | HÁN VIỆT : GIẢI VI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2113

解析

jiěxī

giải mã phân tích, giải tích phân tích chi tiết cơ chế

我国结构生物学团队运用冷冻电镜大科学装置，在国际上首次高分辨率解析了关键病原体跨膜蛋白质机器的三维原子结构。

Wǒ guó jié gòu shēng wù xué tuán duì yùn yòng lěng dòng diàn jìng dà kē xué zhuāng zhì, zài guó jì shàng shǒu cì gāo fēn biàn lǜ jiě xī le guān jiàn bìng yuán tǐ kuà mó dàn bái zhì jī qì de sān wéi yuán zi jié gòu.

Đội ngũ sinh học cấu trúc nước ta ứng dụng thiết bị khoa học lớn kính hiển vi điện tử nghiệm lạnh (Cryo-EM), lần đầu tiên trên thế giới ở độ phân giải cao đã phân tích giải mã giải tích phân tích chi tiết cấu trúc nguyên tử 3D của cỗ máy protein xuyên màng mầm bệnh then chốt.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2114

介入

jièrù

can thiệp, can thiệp tham gia can dự (y học: jièrù shǒushù)

国家心血管病医学研究中心成功研制出具备超微创力敏自适应导航功能的新一代血管介入手术微型机器人。

Guó jiā xīn xuè guǎn bìng yī xué yán jiū zhōng xīn chéng gōng yán zhì chū jù bèi chāo wēi chuàng lì mǐn zì shì yìng dǎo háng gōng néng de xīn yí dài xuè guǎn jiè rù shǒu shù wēi xíng jī qì rén.

Trung tâm Nghiên cứu Y học Bệnh Tim mạch Quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công robot vi hình phẫu thuật can thiệp can thiệp mạch máu thế hệ mới sở hữu chức năng dẫn đường tự thích ứng cảm nhận lực siêu xâm lấn tối thiểu.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2115

介意

jièyì

để ý bận tâm, bận lòng chấp nhất

战略科学家胸怀坦荡、虚怀若谷，在学术研讨中从不介意青年学者提出尖锐的不同见解，反而极力鼓励百家争鸣。

Zhàn lüè kē xué jiā xiōng huái tǎn dàng, xū huái ruò gǔ, zài xué shù yán tǎo zhōng cóng bù jiè yì qīng nián xué zhě tí chū jiān ruì de bù tóng jiàn jiě, fǎn ér jí lì gǔ lì bǎi jiā zhēng míng.

Nhà khoa học chiến lược tấm lòng rộng mở, khiêm tốn như thung lũng rỗng, trong thảo luận học thuật chưa bao giờ bận tâm để ý bận lòng khi các học giả trẻ đưa ra những kiến giải khác biệt sắc bén, ngược lại còn ra sức khích lệ trăm nhà đua tiếng (bách gia tranh minh).

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2116

介于
jièyú

nằm ở giữa, nằm trong khoảng giữa

该新型半导体二维拓扑材料的电子能隙宽度介于导体与绝缘体之间，展现出极具应用前景的量子相变开关物理特性。
Gāi xīn xíng bàn dǎo tǐ èr wéi tuò pū cái liào de diàn zi néng xì kuān dù jiè yú dǎo tǐ yǔ jué yuán tǐ zhī jiān, zhǎn xiàn chū jí jù yìng yòng qián jǐng de liàng zǐ xiāng biàn kāi guān wù lǐ tè xìng.
Độ rộng vùng cấm năng lượng electron của vật liệu tô-pô 2D bán dẫn kiểu mới này nằm trong khoảng nằm ở giữa chất dẫn điện và chất cách điện, phô diễn các đặc tính vật lý đóng cắt chuyển pha lượng tử cực kỳ có triển vọng ứng dụng.

26 nét | HÁN VIỆT : GIỚI VU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2117

戒备
jiè bèi

giới nghiêm, cảnh giác để phòng, trạng thái sẵn sàng chiến đấu

边防官兵常年枕戈待旦，时刻保持高度戒备状态，坚决捍卫祖国边境安全与领土完整。
Biān fáng guān bīng cháng nián zhěn gē dài dàn, shí kè bǎo chí gāo dù jiè bèi zhuàng tài, jiān jué hàn wèi zǔ guó biān jìng ān quán yǔ lǐng tǔ wán zhěng.
Các chiến sĩ bộ đội biên phòng quanh năm gối giáo đợi trời sáng, luôn luôn giữ vững trạng thái cảnh giác để phòng ở mức cao độ, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh biên cương Tổ quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : GIỚI BỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2118

戒烟
jiè yān

cai thuốc lá, bỏ thuốc

为了自身心肺健康与守护家人的无烟生活环境，他下定决心彻底戒烟并坚持每天跑步打卡。
Wèi le zì shēn xīn fèi jiàn kāng yǔ shǒu hù jiā rén de wú yān shēng huó huán jìng, tā xià dìng jué xīn chè dǐ jiè yān bìng jiān chí měi tiān pǎo bù dǎ kǎ.
Vì sức khỏe tim phổi của bản thân và giữ gìn môi trường sống không khói thuốc cho gia đình, anh đã hạ quyết tâm cai thuốc lá triệt để và kiên trì chạy bộ mỗi ngày.

26 nét | HÁN VIỆT : GIỚI YÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2119

戒指
jiè zhi

chiếc nhẫn, nhẫn đeo tay

在浪漫温馨的婚礼仪式上，新郎深情款款地为新娘戴上了象征永恒誓言的结婚戒指。
Zài làng màn wēn xīn de hūn lǐ yí shì shàng, xīn láng shēn qíng kuǎn kuǎn dì wèi xīn niáng dài shàng le xiàng zhēng yǒng héng shì yán de jié hūn jiè zhǐ.
Trong nghi thức hôn lễ lãng mạn và ấm cúng, chú rể đã trìu mến đeo vào tay cô dâu chiếc nhẫn cưới tượng trưng cho lời thề nguyền vĩnh cửu.

24 nét | HÁN VIỆT : GIỚI CHỈ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2120

届时
jièshí

đến lúc đó, tới thời điểm đó đến hẹn

国家新一代大科学工程将于明年下半年全面竣工并投入试运行，届时将向全球顶尖科学家全面开放物理实验机时申请。
Guó jiā xīn yí dài dà kē xué gōng chéng jiāng yú míng nián xià bàn nián quán miàn jùn gōng bìng tóu rù shì yùn xíng, jiè shí jiāng xiàng quán qiú dǐng jiān kē xué jiā quán miàn kāi fàng wù lǐ shí yàn jī shí shēn qǐng.
Công trình khoa học lớn thế hệ mới của quốc gia sẽ hoàn thành toàn diện và đi vào vận hành thử nghiệm vào nửa cuối năm sau, đến lúc đó tới thời điểm đó sẽ mở cửa toàn diện đăng ký thời gian máy thực nghiệm vật lý hướng tới các nhà khoa học đỉnh cao toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : GIỚI THỜI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2121

界定
jièdìng

định nghĩa ranh giới, phân định xác định ranh giới rõ ràng

国家前沿科技伦理委员会明确界定了生成式人工智能在学术科研论文写作与同行评议中的合规应用边界与法律底线。
Guó jiā qián yán kē jì lún lǐ wěi yuán huì míng què jiè dìng le shēng chéng shì rén gōng zhì néng zài xué shù kē yán lùn wén xiě zuò yǔ tóng háng píng yì zhōng de hé guī yìng yòng biān jiè yǔ fǎ lǜ dǐ xiàn.
Hội đồng Đạo đức Khoa học Công nghệ Tiên phong Quốc gia đã phân định xác định định nghĩa ranh giới rõ ràng ranh giới ứng dụng hợp quy cùng lằn ranh đỏ pháp luật của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong phản biện đồng nghiệp và viết luận văn nghiên cứu khoa học học thuật.

21 nét | HÁN VIỆT : GIỚI ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2122

界线
jièxiàn

ranh giới, lằn ranh giới tuyến phân định

在基础物理科学研究中，宏观经典物理与微观量子物理之间的作用界线随着大科学精密测量技术的飞跃而不断被重新认识。
Zài jī chǔ wù lǐ kē xué yán jiū zhōng, hóng guān jīng diǎn wù lǐ yǔ wēi guān liàng zǐ wù lǐ zhī jiān de zuò yòng jiè xiàn suí zhe dà kē xué jīng mì cè liáng jì shù de fēi yuè ér bù duàn bèi chóng xīn rèn shí.
Trong nghiên cứu khoa học vật lý cơ bản, lằn ranh giới tuyến ranh giới tác dụng giữa vật lý lượng tử vi mô và vật lý kinh điển vĩ mô cùng với bước nhảy vọt của công nghệ đo đạc chính xác khoa học lớn đang liên tục được nhận thức lại.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2123

界限
jiè xiàn

ranh giới, giới hạn, lằn ranh phân định

在人工智能技术快速演进的大背景下，全社会必须深入研讨并明确划定科技伦理应用与隐私保护的法律界限。
Zài rén gōng zhì néng jì shù kuài sù yǎn jìn de dà bèi jǐng xià, quán shè huì bì xū shēn rù yán tǎo bìng míng què huà dìng kē jì lún lǐ yìng yòng yǔ yǐn sī bǎo hù de fǎ lǜ jiè xiàn.
Trong bối cảnh công nghệ trí tuệ nhân tạo phát triển vũ bão, toàn xã hội bắt buộc phải đi sâu thảo luận và phân định ranh giới pháp lý rõ ràng giữa việc ứng dụng đạo đức khoa học công nghệ và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2124

借口
jiè kǒu

cớ, lý do thoái thác; viện cớ

面对自身的不足与过失应当坦诚反思、积极纠正，而不是千方百计寻找借口去推卸责任。
Miàn duì zì shēn de bù zú yǔ guò shī yīng dāng tǎn chéng fǎn sī, jī jí jiū zhèng, ér bú shì qiān fāng bǎi jì xún zhǎo jiè kǒu qù tuī xiè zé rèn.
Đứng trước những thiếu sót và lỗi lầm của bản thân cần thẳng thắn nhìn nhận và tích cực sửa sai, chứ không phải tìm đủ mọi lý do cớ này cớ nọ để thoái thác trách nhiệm.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2125

借条
jiètiáo

giấy vay nợ, giấy mượn tiền biên nhận nợ

国家健全了针对青年科技创新初创企业的免抵押信用担保机制，彻底告别了过去依靠繁琐担保与借条借款的传统融资困境。
Guó jiā jiàn quán le zhēn duì qīng nián kē jì chuàng xīn chū chuàng qǐ yè de miǎn dǐ yā xìn yòng dān bǎo jī zhì, chè dǐ gào bié le guò qù yī kào fán suǒ dān bǎo yǔ jiè tiáo jiè kuǎn de chuán tǒng róng zī kùn jìng.
Nhà nước đã hoàn thiện cơ chế bảo lãnh tín dụng miễn thế chấp hướng tới các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trẻ, chia tay triệt để với cảnh khốn khó huy động vốn truyền thống dựa vào các bảo lãnh phiền toái và giấy mượn tiền giấy vay nợ trong quá khứ.

22 nét | HÁN VIỆT : TÁ ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2126

借用
jièyòng

mượn dùng, mượn áp dụng vay mượn ứng dụng

量子计算科学家巧妙借用凝聚态物理拓扑编织理论思想，成功构建了具备高容错能力的新型拓扑量子比特编解码方案。
Liàng zǐ jì suàn kē xué jiā qiǎo miào jiè yòng níng jù tài wù lǐ tuò pū biān zhī lǐ lùn sī xiǎng, chéng gōng gòu jiàn le jù bèi gāo róng cuò néng lì de xīn xíng tuò pū liàng zǐ bǐ tè biān jié mǎ fāng àn.
Các nhà khoa học tính toán lượng tử đã khéo léo mượn dùng mượn áp dụng tư tưởng lý luận đan dệt tô-pô vật lý vật chất ngưng tụ, xây dựng thành công phương án biên mã giải mã bit lượng tử tô-pô kiểu mới sở hữu năng lực dung lỗi cao.

21 nét | HÁN VIỆT : TÁ DỤNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2127

借助
jiè zhù

nhờ vào, dựa vào, mượn sức

科学家借助超高分辨率冷冻电镜技术，成功在近原子分辨率水平上解析了关键致病病毒表面刺突蛋白的三维空间构象。
Kē xué jiā jiè zhù chāo gāo fēn biàn lǜ lěng dòng diàn jìng jì shù, chéng gōng zài jìn yuán zǐ fēn biàn lǜ shuǐ píng shàng jiě xī le guān jiàn zhì bìng bìng dú biǎo miàn cì tū dàn bái de sān wéi kōng jiān gòu xiàng.
Các nhà khoa học nhờ vào công nghệ kính hiển vi điện tử truyền qua đông lạnh (Cryo-EM) độ phân giải siêu cao đã giải mã thành công cấu hình không gian 3D của protein gai trên bề mặt virus gây bệnh then chốt ở mức phân giải gần cấp độ nguyên tử.

17 nét | HÁN VIỆT : TÁ TRỢ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2128

金属
jīn shǔ

kim loại

钛合金作为一种高强度、耐腐蚀、低密度的优质特种航空金属材料，广泛应用于火箭制造领域。
Tài hé jīn zuò wéi yī zhǒng gāo qiáng dù, nài fǔ shí, dī mì dù de yōu zhì tè zhǒng háng kōng jīn shǔ cái liào, guǎng fàn yìng yòng yú huǒ jiàn zhì zào lǐng yù.
Hợp kim titan với tư cách là loại vật liệu kim loại hàng không đặc chủng chất lượng cao có độ bền lớn, chống ăn mòn và mật độ thấp, được ứng dụng rộng rãi trong chế tạo tên lửa đẩy.

21 nét | HÁN VIỆT : KIM THUỘC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2129

金字塔
jīnzìtǎ

kim tự tháp, tháp hình kim tự tháp (nghĩa đen/bóng: mô hình tháp)

基础科学研究是整个现代科学技术知识金字塔的坚实塔基，底座越宽厚深实，科技强国的大厦就能挺拔得越高越稳。
Jī chǔ kē xué yán jiū shì zhěng gè xiàn dài kē xué jì shù zhī shí jīn zì tǎ de jiān shí tǎ jī, dǐ zuò yuè kuān hòu shēn shí, kē jì qiáng guó de dà shà jiù néng tǐng bá dé yuè gāo yuè wěn.
Nghiên cứu khoa học cơ bản chính là nền móng tháp kiên cố của cả kim tự tháp tháp kim tự tháp tri thức khoa học kỹ thuật hiện đại, bệ móng càng sâu dày rộng mở thì tòa đại xá cường quốc khoa học công nghệ càng có thể vươn cao và vững vàng.

34 nét | HÁN VIỆT : KIM TỰ THÁP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2130

金子
jīnzi

vàng, vàng ròng kim loại quý; phẩm chất vàng ngọc

是金子总会发光；广大青年科技工作者只要坐得住冷板凳、沉下心潜心钻研，就一定能做出经得起历史检验的原创成果。
Shì jīn zi zǒng huì fā guāng； guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě zhǐ yào zuò dé zhù lěng bǎn dèng, chén xià xīn qián xīn zuān yán, jiù yí dìng néng zuò chū jīng dé qǐ lì shǐ jiǎn yàn de yuán chuàng chéng guǒ.
Là vàng vàng ròng thì ở đâu cũng sẽ tỏa sáng; đông đảo những người làm khoa học công nghệ thanh niên chỉ cần ngồi vững trên ghế băng lạnh, lắng lòng chuyên tâm đi sâu nghiên cứu thì nhất định có thể làm nên những thành quả nguyên bản chịu đựng được sự kiểm chứng của lịch sử.

24 nét | HÁN VIỆT : KIM TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2131

津津有味
jīn jīn yǒu wèi

say mê thích thú, ngon lành thú vị

科技馆内，孩子们聚精会神、津津有味地聆听着老科学家讲解深空探月与火星着陆的奥秘故事。
Kē jì guǎn nèi, hái zi men jù jīng huì shén, jīn jīn yǒu wèi dì líng tīng zhe lǎo kē xué jiā jiǎng jiě shēn kōng tàn yuè yǔ huǒ xīng zhuó lù de ào mì gù shì.
Bên trong bảo tàng khoa học kỹ thuật, các em nhỏ tập trung cao độ, say mê thích thú lắng nghe vị nhà khoa học lão thành giảng giải những câu chuyện ly kỳ về thám hiểm Mặt Trăng không gian sâu và hạ cánh xuống sao Hỏa.

35 nét | HÁN VIỆT : TÂN TÂN HỮU VỊ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2132

津贴
jīntiē

phụ cấp trợ cấp, tiền phụ cấp đãi ngộ

国家设立了战略领军科学家与青年拔尖人才专项岗位津贴，全面保障高层次科技人才心无旁骛潜心从事前沿科学探索。
Guó jiā shè lì le zhàn lüè lǐng jūn kē xué jiā yǔ qīng nián bá jiān rén cái zhuān xiàng gǎng wèi jīn tiē, quán miàn bǎo zhàng gāo céng cì kē jì rén cái xīn wú páng wù qián xīn cóng shì qián yán kē xué tàn suǒ.
Nhà nước đã thiết lập phụ cấp phụ cấp trợ cấp chức vị chuyên án cho các nhân tài xuất chúng thanh niên và nhà khoa học dẫn đầu chiến lược, bảo đảm toàn diện cho các nhân tài khoa học công nghệ cấp cao toàn tâm toàn ý không phân tâm chuyên tâm dấn thân vào tìm tòi khoa học tiên phong.

20 nét | HÁN VIỆT : TÂN THIẾP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2133

筋
jīn

gân cốt cơ bắp; thép gân xây dựng (gāngjīn)

大科学装置超精密重载地基工程中大量采用了特种高抗拉无磁不锈钢钢筋，消除了结构钢材对极端磁场环境的电磁干扰。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhòng zài dì jī gōng chéng zhōng dà liàng cǎi yòng le tè zhǒng gāo kàng lā wú cí bù xiù gāng gāng jīn, xiāo chú le jié gòu gāng cái duì jí duān cí chǎng huán jìng de diàn cí gān rǎo.
Trong công trình bệ móng chở nặng siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đã áp dụng một khối lượng lớn thép gân cốt thép thép gân không gỉ không từ tính chịu kéo cao đặc chủng, loại trừ sự can nhiễu điện từ của kết cấu thép đối với môi trường từ trường cực đoan.

8 nét | HÁN VIỆT : CÂN

HSK 7-9 (3.0) | Cụm động từ | #2134

仅次于

jǐncìyú

chỉ đứng sau, chỉ xếp sau

我国在国际顶尖学术期刊发表的重大原创物理学论文总引用量与高被引科学家数量已稳居全球前列、仅次于少数科技强国。

Wǒ guó zài guó jì dǐng jiān xué shù qī kān fā biǎo de zhòng dà yuán chuàng wù lǐ xué lùn wén zǒng yǐn yòng liàng yǔ gāo bèi yǐn kē xué jiā shù liàng yǐ wěn jū quán qiú qián liè, jǐn cì yú shǎo shù kē jì qiáng guó.

Tổng lượng trích dẫn bài báo vật lý học nguyên bản trọng đại cùng số lượng nhà khoa học được trích dẫn cao công bố trên các tạp chí học thuật đỉnh cao quốc tế của nước ta đã vững vàng đứng ở top đầu thế giới, chỉ xếp sau chỉ đứng sau một số ít cường quốc khoa học công nghệ.

35 nét | HÁN VIỆT : CẬN THỨ VU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2135

尽情

jìnqíng

thỏa sức hết mình, thỏa thuê tận tình

国家实验室为青年学者营造了包容失败、鼓励自由探索的宽松科研环境，让年轻科学家能够尽情释放创新灵感与想象力。

Guó jiā shí yàn shì wèi qīng nián xué zhě yíng zào le bāo róng shī bài, gǔ lì zì yóu tàn suǒ de kuān sōng kē yán huán jìng, ràng nián qīng kē xué jiā néng gòu jìn qíng shì fàng chuàng xīn líng gǎn yǔ xiǎng xiàng lì.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã kiến tạo môi trường nghiên cứu khoa học phóng khoáng bao dung thất bại, khích lệ tự do tìm tòi cho các học giả trẻ, giúp các nhà khoa học trẻ tuổi có thể thỏa sức hết mình thỏa thuê giải phóng sức tưởng tượng và nguồn cảm hứng đổi mới sáng tạo.

18 nét | HÁN VIỆT : TẬN TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2136

尽头

jìntóu

tận cùng điểm cuối, điểm cuối cùng giới hạn

科学探索永无尽头，人类每揭开一层自然宇宙的未知面纱，就会看到更加浩瀚深邃的全新科学物理前沿。

Kē xué tàn suǒ yǒng wú jìn tóu, rén lèi měi jiē kāi yī céng zì rán yǔ zhòu de wèi zhī miàn shā, jiù huì kàn dào gèng jiā hào hàn shēn suì de quán xīn kē xué wù lǐ qián yán.

Khám phá khoa học vĩnh viễn không có điểm cuối cùng tận cùng giới hạn, mỗi một khi nhân loại vén mở một tầng bức màn chưa biết của vũ trụ tự nhiên, sẽ lại nhìn thấy mũi nhọn vật lý khoa học hoàn toàn mới bao la và sâu thẳm hơn muôn phần.

20 nét | HÁN VIỆT : TẬN ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2137

尽早

jǐnzǎo

càng sớm càng tốt, sớm nhất có thể

国家部署前瞻性科技战略重大专项，旨在尽早攻克下一代全固态量子电池与光子计算核心底层物理工艺。

Guó jiā bù shǔ qián zhān xìng kē jì zhàn lüè zhòng dà zhuān xiàng, zhǐ zài jǐn zǎo gōng kè xià yí dài quán gù tài liàng zǐ diàn chí yǔ guāng zi jì suàn hé xīn dǐ céng wù lǐ gōng yì.

Nhà nước bố trí các chuyên án trọng đại chiến lược khoa học công nghệ có tầm nhìn xa, nhằm mục đích càng sớm càng tốt sớm nhất có thể chinh phục quy trình vật lý tầng đáy cốt lõi và pin lượng tử toàn thể rắn thế hệ tiếp theo cùng tính toán quang tử.

18 nét | HÁN VIỆT : TẬN TẢO

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2138

紧凑

jǐncòu

chặt chẽ gọn gàng, nhỏ gọn tối ưu không gian

我国成功研制出新一代超紧凑型激光等离子体尾波场电子加速器原型机，将传统数百米加速距离缩短至数厘米内。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū xīn yí dài chāo jǐn còu xíng jī guāng děng lí zǐ tǐ wěi bō chǎng diàn zi jiā sù qì yuán xíng jī, jiāng chuán tǒng shù bǎi mǐ jiā sù jù lí suō duǎn zhì shù lí mǐ nèi.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công máy tính nguyên mẫu máy gia tốc electron trường sóng đuôi plasma laser loại hình nhỏ gọn tối ưu siêu chặt chẽ gọn gàng thế hệ mới, rút ngắn cự ly gia tốc hàng trăm mét truyền thống xuống trong vòng vài centimet.

17 nét | HÁN VIỆT : KHẨN TẤU

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Phó từ | #2139

紧接着

jǐnjiēzhe

ngay sau đó liền, tiếp ngay theo đó

在深空探测器完成月背软着陆采样后，紧接着自主执行了复杂上升点火与月球轨道无人交会对接任务。

Zài shēn kōng tàn cè qì wán chéng yuè bèi ruǎn zhuó lù cǎi yàng hòu, jǐn jiē zhe zì zhǔ zhí xíng le fù zá shàng shēng diǎn huǒ yǔ yuè qiú guǐ dào wú rén jiāo huì duì jiē rèn wù.

Sau khi tàu thám trắc không gian sâu hoàn thành lấy mẫu hạ cánh mềm nơi mặt sau Mặt trăng, ngay sau đó liền tiếp ngay theo đó đã tự chủ thực thi nhiệm vụ ghép nối giao hội không người trên quỹ đạo Mặt trăng và điểm hỏa cất cánh phức tạp.

26 nét | HÁN VIỆT : KHẨN TIẾP TRƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2140

紧迫

jǐn pò

cấp bách, khẩn cấp, bức thiết

面对全球气候变暖带来的严峻挑战，国际社会必须增强紧迫感，加快落实碳减排国际承诺。

Miàn duì quán qiú qì hòu biàn nuǎn dài lái de yán jùn tiǎo zhàn, guó jì shè huì bì xū zēng qiáng jǐn pò gǎn, jiā kuài luò shí tàn jiǎn pái guó jì chéng nuò.

Đứng trước những thách thức gay gắt do sự nóng lên toàn cầu mang lại, cộng đồng quốc tế bắt buộc phải tăng cường ý thức cấp bách, đẩy nhanh việc thực thi các cam kết giảm phát thải carbon quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : KHẨN BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2141

紧缺

jǐnquē

khan hiếm thiếu hụt, thiếu thốn cấp bách

国家全面实施紧缺战略科技领军人才与卓越工程师专项引进培养计划，着力破解关键卡脖子领域人才短板。

Guó jiā quán miàn shí shī jǐn quē zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái yǔ zhuó yuè gōng chéng shī zhuān xiàng yǐn jìn péi yǎng jì huà, zhuó lì pò jiě guān jiàn qiǎ bó zi lǐng yù rén cái duǎn bǎn.

Nhà nước thực thi toàn diện kế hoạch bồi dưỡng thu hút chuyên án kỹ sư trác việt và nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược khan hiếm thiếu hụt thiếu thốn cấp bách, chú trọng giải quyết điểm yếu nhân tài trong các lĩnh vực then chốt nút thắt cổ chai.

22 nét | HÁN VIỆT : KHẨN KHUYẾT

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2142

紧缩

jǐnsuō

thắt chặt co cụm, siết chặt cắt giảm (chi tiêu/chính sách)

在外部某些国家紧缩科研经费预算的国际背景下，中国持续加大对前沿基础科学研究与大科学工程的战略性财政投入。

Zài wài bù mǒu xiē guó jiā jǐn suō kē yán jīng fèi yù suàn de guó jì bèi jǐng xià, zhōng guó chí xù jiā dà duì qián yán jī chǔ kē xué yán jiū yǔ dà kē xué gōng chéng de zhàn lüè xìng cái zhèng tóu rù.

Dưới bối cảnh quốc tế khi một số quốc gia bên ngoài siết chặt cắt giảm thắt chặt ngân sách kinh phí nghiên cứu khoa học, Trung Quốc tiếp tục gia tăng mạnh mẽ mức đầu tư tài chính mang tính chiến lược cho các công trình khoa học lớn và nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong.

19 nét | HÁN VIỆT : KHẨN SÚC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2143

谨慎
jǐn shèn

thận trọng, cẩn trọng, cẩn thận

在做出涉及重大公共卫生安全与生态环境影响的科学决策时，必须保持高度客观谨慎的态度。
Zài zuò chū shè jí zhòng dà gōng gòng wèi shēng ān quán yǔ shēng tài huán jìng yǐng xiǎng de kē xué jué cè shí, bì xū bǎo chí gāo dù kè guān jǐn shèn de tài dù.
Khi đưa ra các quyết sách khoa học liên quan tới an toàn vệ sinh công cộng trọng đại và ảnh hưởng môi trường sinh thái, nhất thiết phải giữ thái độ khách quan và cẩn trọng cao độ.

25 nét | HÁN VIỆT : CẨN THẬN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2144

锦旗
jǐnqí

cờ lưu niệm, cờ gấm vinh danh trao tặng

国家农业科技特派员团队因成功攻克盐碱地水稻丰产技术受到广大农民群众热烈欢迎，被赠予绣有“科技惠民”的火红锦旗。
Guó jiā nóng yè kē jì tè pài yuán tuán duì yīn chéng gōng gōng kè yán jiān dì shuǐ dào fēng chǎn jì shù shòu dào guǎng dà nóng mín qún zhòng rè liè huān yíng, bèi zèng yǔ xiù yǒu "kē jì huì mín" de huǒ hóng jǐn qí.
Đội ngũ phái viên khoa học kỹ thuật nông nghiệp quốc gia do chinh phục thành công công nghệ lúa bội thu trên đất phèn mặn đã nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của đông đảo bà con nông dân, được trao tặng lá cờ lưu niệm cờ gấm vinh danh đỏ thắm thêu dòng chữ 'Khoa Học Vì Dân'.

23 nét | HÁN VIỆT : CẨM KỲ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2145

劲头
jìn tóu

khí thế, hăng say, nhiệt huyết tràn trề

重大国家工程建设现场热火朝天，全体建设者拿出“开局即决战”的冲刺劲头，全力保质保量推进工程建设。
Zhòng dà guó jiā gōng chéng jiàn shè xiàn chǎng rè huǒ cháo tiān, quán tǐ jiàn shè zhě ná chū "kāi jú jí jué zhàn" de chōng cì jìn tóu, quán lì bǎo zhì bǎo liàng tuī jìn gōng chéng jiàn shè.
Tại công trường thi công công trình quốc gia trọng đại không khí rực lửa sục sôi, toàn thể những người công nhân xây dựng đã dốc hết khí thế xung kích 'Ra quân là quyết chiến', dốc toàn lực thúc đẩy xây dựng công trình bảo đảm cả chất và lượng.

20 nét | HÁN VIỆT : KÌNH ĐẦU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ chỉ thời gian | #2146

近年来
jìnniánlái

những năm gần đây, vài năm trở lại đây

近年来，我国在前沿量子通信、深空深海探测与受控核聚变等战略科技领域涌现出一批领跑全球的重大原创标志性成果。
Jìn nián lái, wǒ guó zài qián yán liàng zǐ tōng xìn, shēn kōng shēn hǎi tàn cè yǔ shòu kòng hé jù biàn děng zhàn lüè kē jì lǐng yù yǒng xiàn chū yī pī lǐng pǎo quán qiú de zhòng dà yuán chuàng biāo zhì xìng chéng guǒ.
Những năm gần đây vài năm trở lại đây, nước ta trong các lĩnh vực khoa học công nghệ chiến lược như nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát, thám trắc biển sâu không gian sâu và truyền thông lượng tử tiên phong đã xuất hiện một loạt thành quả mang tính biểu tượng nguyên bản trọng đại dẫn đầu toàn cầu.

32 nét | HÁN VIỆT : CẬN NIÊN LAI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2147

进场
jìnchǎng

tiến vào hiện trường, vào sân bãi nhập vị

大科学装置超精密总装团队严格按照无尘防静电最高洁净度标准换装进场，全面打响核心实验腔体安装攻坚战。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zǒng zhuāng tuán duì yán gé àn zhào wú chén fáng jìng diàn zuì gāo jié jìng dù biāo zhǔn huàn zhuāng jìn chǎng, quán miàn dǎ xiǎng hé xīn shí yàn qiāng tǐ ān zhuāng gōng jiān zhàn.
Đội ngũ tổng lắp siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn thực hiện nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn độ sạch cao nhất chống tĩnh điện không bụi thay trang phục tiến vào hiện trường vào sân bãi, phát động toàn diện trận chiến vượt khó lắp đặt buồng thực nghiệm cốt lõi.

16 nét | HÁN VIỆT : TIẾN TRÀNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2148

进程
jìnchéng

tiến trình, tiến độ quá trình phát triển (kỹ thuật/lịch sử)

高水平科技自立自强的战略推进，极大加速了我国全面建设社会主义现代化科技强国的壮阔历史进程。
Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de zhàn lüè tuī jìn, jí dà jiā sù le wǒ guó quán miàn jiàn shè shè huì zhǔ yì xiàn dài huà kē jì qiáng guó de zhuàng kuò lì shǐ jìn chéng.
Việc thúc đẩy mang tính chiến lược tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao đã đẩy nhanh vượt bậc tiến trình quá trình lịch sử tráng lệ xây dựng toàn diện cường quốc khoa học công nghệ hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta.

18 nét | HÁN VIỆT : TIẾN TRÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2149

进出
jìnchū

ra vào, xuất nhập đi lại qua cửa

大科学装置超高洁净度百级净化间实行严格的指纹虹膜双重生物识别进出门禁与风淋风道净化管控。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jié jìng dù bǎi jí jìng huà jiān shí xíng yán gé de zhǐ wén hóng mó shuāng chóng shēng wù shí bié jìn chū mén jìn yǔ fēng lín fēng dào jìng huà guǎn kòng.
Phòng sạch tinh chế cấp 100 độ sạch siêu cao của thiết bị khoa học lớn thực thi sự kiểm soát đường dẫn gió buồng tắm khí (air shower) cùng cửa kiểm soát ra vào xuất nhập nhận diện sinh trắc học kép mống mắt

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2150

进出口
jìnchūkǒu

xuất nhập khẩu, lối ra vào cửa ngõ

我国完全自主研制的高端战略工业机器人与超精密数控机床，在高新技术产品进出口贸易中展现出强大的国际核心竞争力。
Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de gāo duān zhàn lüè gōng yè jī qì rén yǔ chāo jīng mì shù kòng jī chuáng, zài gāo xīn jì shù chǎn pǐn jìn chū kǒu mào yì zhōng zhǎn xiàn chū qiáng dà de guó jì hé xīn jìng zhēng lì.
Máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (CNC) siêu chính xác và robot công nghiệp chiến lược cao cấp do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã phô diễn sức cạnh tranh cốt lõi quốc tế mạnh mẽ trong thương mại xuất nhập khẩu sản phẩm công nghệ cao

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2151

进度
jìndù

tiến độ, mức độ tiến triển của công việc

大科学工程项目指挥部依托数字孪生全流程智能管理平台，对上千个工程子节点施工与调试进度实现了动态精准把控。
Dà kē xué gōng chéng xiàng mù zhǐ huī bù yī tuō shù zì luán shēng quán liú chéng zhì néng guǎn lǐ píng tái, duì shàng qiān gè gōng chéng zǐ jié diǎn shī gōng yǔ tiáo shì jìn dù shí xiàn le dòng tài jīng zhǔn bǎ kòng.
Ban Chỉ huy Dự án Công trình Khoa học Lớn dựa vào nền tảng quản lý thông minh toàn bộ quy trình bản sao số (Digital Twin), đã thực hiện việc kiểm soát chuẩn xác động thái đối với tiến độ tiến trình thi công và hiệu chỉnh

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ | #2152

进而
jìn ér

từ đó, từ đó tiến tới, tiếp theo đó

基础研究的重大突破能够孕育出颠覆性底层技术，进而催生出一批具有全球竞争力的战略性新兴产业集群。
Jī chǔ yán jiū de zhòng dà tū pò néng gòu yùn yù chū diān fù xìng dǐ céng jì shù, jìn ér cuī shēng chū yī pī jù yǒu quán qiú jìng zhēng lì de zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè jí qún.
Đột phá trọng đại của nghiên cứu cơ bản có thể sản sinh ra các công nghệ tầng dưới mang tính cách mạng, từ đó tiếp tục thúc đẩy làm nảy sinh một loạt các cụm ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược có sức cạnh tranh toàn cầu.

22 nét | HÁN VIỆT : TIẾN NHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2153

进修
jìnxiū

tu nghiệp, học tập nâng cao bồi dưỡng chuyên môn

国家实验室每年选拔一批极具潜力的青年学者赴全球顶尖大科学中心进行中长期学术访问与前沿技术进修。
Guó jiā shí yàn shì měi nián xuǎn bá yī pī jí jù qián lì de qīng nián xué zhě fù quán qiú dǐng jiān dà kē xué zhōng xīn jìn xíng zhōng cháng qī xué shù fǎng wèn yǔ qián yán jì shù jìn xiū.
Phòng thí nghiệm quốc gia mỗi năm tuyển chọn một đợt các học giả trẻ sở hữu tiềm năng lớn đến các trung tâm khoa học lớn đỉnh cao toàn cầu để tiến hành học tập nâng cao tu nghiệp công nghệ tiên phong và thăm viếng học thuật trung và dài hạn.

17 nét | HÁN VIỆT : TIẾN TU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2154

晋升
jìn shēng

thăng chức, thăng cấp, đề bạt nâng bậc

科研院所大力推行代表作制度与破格晋升机制，让作出突出重大原创贡献的青年领军学者脱颖而出。
Kē yán yuàn suǒ dà lì tuī xíng dài biǎo zuò zhì dù yǔ pò gé jìn shēng jī zhì, ràng zuò chū tū chū zhòng dà yuán chuàng gòng xiàn de qīng nián lǐng jūn xué zhě tuō yǐng ér chū.
Các viện nghiên cứu khoa học đẩy mạnh thực thi chế độ tác phẩm đại diện cùng cơ chế thăng cấp đề bạt đặc cách, giúp các nhà nghiên cứu đầu ngành trẻ tuổi có cống hiến nguyên tác trọng đại nổi bật nhanh chóng vươn lên khẳng định mình.

20 nét | HÁN VIỆT : TẤN THĂNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2155

浸泡
jìn pào

ngâm, ngâm chìm (trong nước/chất lỏng)

新型超疏水耐腐蚀特种海洋涂料经过高盐度海水数千小时连续浸泡测试，依然保持着优异的防腐防污性能。
Xīn xíng chāo shū shuǐ nài fǔ shí tè zhǒng hǎi yáng tú liào jīng guò gāo yán dù hǎi shuǐ shù qiān xiǎo shí lián xù jìn pào cè shì, yī rán bǎo chí zhe yōu yì de fáng fǔ fáng wū xìng néng.
Lớp sơn phủ biển đặc chủng siêu kỵ nước chống ăn mòn kiểu mới sau hàng ngàn giờ kiểm thử ngâm chìm liên tục trong nước biển có độ mặn cao vẫn giữ vững tính năng chống ăn mòn và chống bám bẩn vượt trội.

25 nét | HÁN VIỆT : TẨM PHAO

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2156

禁不住
jīnbuzhù

không kìm được, không nén nổi không chịu nổi

当看到我国完全自主研发的新一代战略大科学装置成功出光的那一刻，现场全体科研人员禁不住热泪盈眶！
Dāng kàn dào wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài zhàn lüè dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng chū guāng de nà yī kè, xiàn chǎng quán tǐ kē yán rén yuán jīn bú zhù rè lèi yíng kuàng!
Khi nhìn thấy thời khắc thiết bị đại khoa học chiến lược thế giới mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển phát sáng thành công, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học tại hiện trường không kìm được không nén nổi trào dâng nước mắt nóng hổi!

34 nét | HÁN VIỆT : CẤM BẤT TRÚ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2157

禁忌
jìnjì

điều cấm kỵ, kiêng kỵ, điều tối kỵ

在超导磁体极端低温物理调试中，违规违章带电插拔传感器是绝对严令禁止的操作安全禁忌。
Zài chāo dǎo cí tǐ jí duān dī wēn wù lǐ tiáo shì zhōng, wéi guī wéi zhāng dài diàn chā bá chuán gǎn qì shì jué duì yán lìng jìn zhǐ de cāo zuò ān quán jìn jì.
Trong việc hiệu chỉnh vật lý nhiệt độ cực thấp của nam châm siêu dẫn, việc cắm rút cảm biến khi đang có điện vi phạm quy định quy trình là điều cấm kỵ, điều tối kỵ, an toàn thao tác bị nghiêm lệnh cấm tuyệt đối.

23 nét | HÁN VIỆT : CẤM KỴ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2158

禁区
jìnqū

vùng cấm, khu vực cấm địa cấm kỵ (nghĩa đen/bóng)

中国科学家勇闯传统理论“生命禁区”，在极深地下极端低本底环境中成功探寻到前所未见的新型中微子振荡规律。
Zhōng guó kē xué jiā yǒng chuǎng chuán tǒng lǐ lùn "shēng mìng jìn qū ", zài jí shēn dì xià jí duān dī běn dǐ huán jìng zhōng chéng gōng tàn xún dào qián suǒ wèi jiàn de xīn xíng zhōng wēi zi zhèn dàng guī lǜ.
Các nhà khoa học Trung Quốc dũng cảm xông pha vào 'vùng cấm sinh mệnh' vùng cấm của lý luận truyền thống, dưới môi trường phông nền cực thấp dưới lòng đất cực sâu đã phát hiện thành công quy luật dao động neutrino kiểu mới chưa từng thấy trước đây.

25 nét | HÁN VIỆT : CẤM ÂU

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ / Động từ / Danh từ | #2159

经
jīng

trải qua, qua (jīngguò); kinh độ kinh tuyến (jīngxiàn); kinh điển (jīngdiǎn)

该项原创前沿物理理论推演经国际权威专家组反复严密验算，被正式确立为未来量子调控的重要理论基础。
Gāi xiàng yuán chuàng qián yán wù lǐ lǐ lùn tuī yǎn jīng guó jì quán wēi zhuān jiā zǔ fǎn fù yán mì yàn suàn, bèi zhèng shì què lì wèi wèi lái liàng zǐ tiáo kòng de zhòng yào lǐ lùn jī chǔ.
Phần suy diễn lý thuyết vật lý tiên phong nguyên bản này trải qua qua sự tính toán kiểm tra chặt chẽ lặp đi lặp lại của Tổ Chuyên gia Uy tín Quốc tế, đã được chính thức xác lập là nền tảng lý luận quan trọng của điều khiển lượng tử tương lai.

12 nét | HÁN VIỆT : KINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2160

经度
jīngdù

kinh độ, độ kinh tuyến địa lý/thiên văn

国家北斗卫星导航系统实现了全球范围内厘米级三维空间经度、纬度与高程信息的全天候高精度实时授时定位。
Guó jiā běi dǒu wèi xīng dǎo háng xì tǒng shí xiàn le quán qiú fàn wéi nèi lí mǐ jí sān wéi kōng jiān jīng dù, wěi dù yǔ gāo chéng xìn xī de quán tiān hòu gāo jīng dù shí shí shòu shí dìng wèi.
Hệ thống Vệ tinh Dẫn đường Bắc Đẩu Quốc gia đã thực hiện việc định vị cấp thời chuẩn độ chính xác cao 24/7 đối với thông tin cao độ, vĩ độ và kinh độ kinh độ không gian 3D cấp độ centimet trong phạm vi toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : KINH ĐỘ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2161

经久不息

jīngjiǔbùxī

kéo dài không dứt, vang dội không ngớt vang mãi

当国家最高科学技术奖颁发给为国铸造大国重器的功勋科学家时，人民大会堂全场爆发出经久不息的热烈掌声！

Dāng guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng bān fā gěi wèi guó zhù zào dà guó zhòng qì de gōng xūn kē xué jiā shí, rén mín dà huì táng quán chǎng bào fā chū jīng jiǔ bù xī de rè liè zhǎng shēng!

Khi Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Cao nhất Quốc gia được trao tặng cho nhà khoa học có công lao đúc tạo đại khí nước lớn cho Tổ quốc, toàn thể hội trường Đại lễ đường Nhân dân đã bùng lên tràng pháo tay nhiệt liệt vang dội không ngớt kéo dài không dứt vang mãi!

35 nét | HÁN VIỆT : KINH CỬU BẤT TỨC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2162

经贸

jīngmào

kinh tế thương mại, kinh tế và mậu dịch

我国坚定维护多边国际经贸规则与开放科技合作秩序，坚决反对任何形式的技术封锁与单边霸权制裁。

Wǒ guó jiān dìng wéi hù duō biān guó jì jīng mào guī zé yǔ kāi fàng kē jì hé zuò zhì xù, jiān jué fǎn duì rèn hé xíng shì de jì shù fēng suǒ yǔ dān biān bà quán zhì cái.

Nước ta kiên định bảo vệ trật tự hợp tác khoa học công nghệ mở và các quy tắc kinh tế thương mại kinh tế và mậu dịch quốc tế đa phương, kiên quyết phản đối mọi hình thức trừng phạt bá quyền đơn phương và phong tỏa công nghệ.

24 nét | HÁN VIỆT : KINH MẬU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2163

经商

jīng shāng

kinh doanh, buôn bán, làm thương mại

国家持续优化市场化、法治化、国际化一流营商环境，依法保护各类经营主体经商创业的合法权益。

Guó jiā chí xù yōu huà shì chǎng huà, fǎ zhì huà, guó jì huà yì liú yíng shāng huán jìng, yī fǎ bǎo hù gè lèi jīng yíng zhǔ tǐ jīng shāng chuàng yè de hé fǎ quán yì.

Nhà nước không ngừng tối ưu hóa môi trường kinh doanh hàng đầu theo hướng thị trường hóa, pháp trị hóa và quốc tế hóa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi chủ thể kinh doanh khi buôn bán kinh doanh và khởi nghiệp theo luật định.

24 nét | HÁN VIỆT : KINH THƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2164

经受

jīngshòu

trải qua thử thách, chịu đựng tôi luyện qua

大科学装置核心真空室在连续数百小时超高压极端热冲击考核中经受住了严苛考验、各项物理指标完好如初。

Dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhēn kōng shì zài lián xù shù bǎi xiǎo shí chāo gāo yā jí duān rè chōng jī kǎo hé zhōng jīng shòu zhù le yán kē kǎo yàn, gè xiàng wù lǐ zhǐ biāo wán hǎo rú chū.

Buồng chân không cốt lõi của thiết bị khoa học lớn trong đợt sát hạch xung kích nhiệt cực đoan siêu cao áp liên tục hàng trăm giờ đã chịu đựng tôi luyện trải qua thử thách khắt khe, các chỉ tiêu vật lý hoàn hảo nguyên vẹn như lúc ban đầu.

21 nét | HÁN VIỆT : KINH THỌ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2165

茎

jīng

thân cây

老师鼓励大家积极茎，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thân cây, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét | HÁN VIỆT : HÀNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2166

荆棘

jīngjí

gai góc chông gai, con đường chông gai hiểm trở

攀登世界战略科技之巅的道路从来布满荆棘与险滩，中国科学家以敢为人先的魄力劈波斩浪、勇毅前行。

Pān dēng shì jiè zhàn lüè kē jì zhī diān de dào lù cóng lái bù mǎn jīng jí yǔ xiǎn tān, zhōng guó kē xué jiā yǐ gǎn wéi rén xiān de pò lì pī bō zhǎn làng, yǒng yì qián xíng.

Con đường trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ chiến lược thế giới từ xưa tới nay luôn rải đầy bãi cạn hiểm nguy và chông gai gai góc, các nhà khoa học Trung Quốc bằng khí phách dám đi trước thiên hạ đạp sóng rẽ gió, dũng cảm kiên cường tiến bước.

24 nét | HÁN VIỆT : KINH CỨC

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2167

惊

jīng

kinh ngạc sững sờ; làm giật mình kinh sợ (jīngyà)

中国在受控核聚变与量子算力领域取得的颠覆性跨越式突破，令国际科学界同行惊叹不已并给予极高评价。

Zhōng guó zài shòu kòng hé jù biàn yǔ liàng zǐ suàn lì lǐng yù qǔ dé de diān fù xìng kuà yuè shì tū pò, lìng guó jì kē xué jiè tóng háng jīng tàn bù yǐ bìng jǐ yǔ jí gāo píng jià.

Những bước đột phá mang tính cách mạng nhảy vọt mà Trung Quốc đạt được trong lĩnh vực sức mạnh tính toán lượng tử và nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát đã khiến đồng nghiệp giới khoa học quốc tế kinh ngạc sững sờ trầm trồ thán phục không ngớt và dành sự đánh giá cực kỳ cao.

13 nét | HÁN VIỆT : KINH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2168

惊诧

jīngchà

kinh ngạc ngỡ ngàng, sững sờ kinh ngạc

当在国际学术大会上看到中国青年科学家展示的常温常压量子相干调控实验数据时，全场外国同行无不感到极其惊诧。

Dāng zài guó jì xué shù dà huì shàng kàn dào zhōng guó qīng nián kē xué jiā zhǎn shì de cháng wēn cháng yā liàng zǐ xiāng gān tiáo kòng shí yàn shù jù shí, quán chǎng wài guó tóng háng wú bù gǎn dào jí qí jīng chà.

Khi nhìn thấy các số liệu thực nghiệm điều phối gần kết lượng tử ở nhiệt độ thường áp suất thường do các nhà khoa học trẻ Trung Quốc phô diễn tại Đại hội Học thuật Quốc tế, toàn thể các đồng nghiệp nước ngoài không ai là không cảm thấy vô cùng kinh ngạc ngỡ ngàng sững sờ.

24 nét | HÁN VIỆT : KINH SÁ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2169

惊慌

jīnghuāng

kinh hoàng hốt hoảng, hoảng sợ bấn loạn

面对大科学实验中偶发的极高真空压力突变告警，值班总工程师沉着指挥、毫无惊慌，迅速切换应急备用系统。

Miàn duì dà kē xué shí yàn zhōng ǒu fā de jí gāo zhēn kōng yā lì tū biàn gào jǐng, zhí bān zǒng gōng chéng shī chén zhuó zhǐ huī, háo wú jīng huāng, xùn sù qiè huàn yìng jí bèi yòng xì tǒng.

Đứng trước cảnh báo đột biến áp suất chân không cực cao ngẫu phát trong thực nghiệm khoa học lớn, vị Tổng Kỹ sư trực ban điềm tĩnh chỉ huy, mảy may không hoảng sợ hốt hoảng kinh hoàng, nhanh chóng chuyển đổi sang hệ thống dự phòng khẩn cấp.

23 nét | HÁN VIỆT : KINH HOẢNG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2170

惊慌失措
jīnghuāngshīcuò

kinh hoàng luống cuống, hoảng loạn mất phương hướng mất bình tĩnh

在深空探测着陆阶段遭遇复杂电磁扰动瞬态时，测控飞控团队沉着冷静处置，绝没有一丝惊慌失措。
Zài shēn kōng tàn cè zhuó lù jiē duàn zāo yù fù zá diàn cí rǎo dòng shùn tài shí, cè kòng fēi kòng tuán duì chén zhuó lěng jìng chǔ zhì, jué méi yǒu yī sī jīng huāng shī cuò.
Vào thời khắc trạng thái tức thời gặp phải nhiễu động điện từ phức tạp trong giai đoạn hạ cánh thám trắc không gian sâu, đội ngũ điều khiển bay trắc nghiệm điều khiển đã xử lý điềm tĩnh trầm tĩnh, tuyệt đối không có một chút hoảng loạn mất phương hướng kinh hoàng luống cuống nào.

35 nét | HÁN VIỆT : KINH HOẢNG THẤT THỐ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2171

惊奇
jīng qí

kinh ngạc, ngạc nhiên sửng sốt

外国青年留学生在亲身体验了我国高铁的高速平稳与移动支付的极致便捷后，无不感到由衷惊奇与赞叹。
Wài guó qīng nián liú xué shēng zài qīn shēn tǐ yàn le wǒ guó gāo tiě de gāo sù píng wěn yǔ yí dòng zhī fù de jí zhì biàn jié hòu, wú bù gǎn dào yóu zhōng jīng qí yǔ zàn tàn.
Các bạn lưu học sinh trẻ nước ngoài sau khi đích thân trải nghiệm sự êm ái tốc độ cao của đường sắt cao tốc cùng sự tiện lợi tột bậc của thanh toán di động nước ta, ai nấy đều không khỏi kinh ngạc và tấm tắc ngợi khen từ tận đáy lòng.

21 nét | HÁN VIỆT : KINH CƠ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2172

惊叹
jīngtàn

trầm trồ kinh ngạc, thán phục kinh ngạc thốt lên

中国天眼FAST对十亿光年外宇宙深处快速射电暴极限亮度的连续捕捉，令国际天文界同行无不拍案惊叹！
Zhōng guó tiān yǎn FAST duì shí yì guāng nián wài yǔ zhòu shēn chù kuài sù shè diàn bào jí xiàn liàng dù de lián xù bǔ zhuō, lìng guó jì tiān wén jiè tóng háng wú bù pāi àn jīng tàn!
Việc Thiên Nhãn Trung Quốc FAST liên tục bắt trọn độ sáng giới hạn của các đợt bùng phát vô tuyến nhanh nơi sâu thẳm vũ trụ cách xa một tỷ năm ánh sáng đã khiến đồng nghiệp giới thiên văn quốc tế không ai là không vỗ bàn trầm trồ kinh ngạc thán phục!

21 nét | HÁN VIỆT : KINH THÁN

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2173

惊天动地
jīngtiāndòngdì

kinh thiên động địa, long trời lở đất rung chuyển đất trời

老一辈战略科学家在大西北戈壁荒漠隐姓埋名干出了惊天动地的两弹一星伟业，挺起了中华民族自立自强的脊梁。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā zài dà xī běi gē bì huāng mò yǐn xìng mái míng gàn chū le jīng tiān dòng dì de liǎng dàn yī xīng wěi yè, tǐng qǐ le zhōng huá mín zú zì lì zì qiáng de jí liáng.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối nơi hoang mạc sa mạc Đại Tây Bắc ẩn danh giấu tên đã làm nên đại nghiệp Hai bom một vệ tinh long trời lở đất kinh thiên động địa, nâng đỡ cột sống tự chủ tự cường của dân tộc Trung Hoa.

35 nét | HÁN VIỆT : KINH THIÊN ĐỘNG ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2174

惊险
jīngxiǎn

nguy hiểm ly kỳ, thót tim nghẹt thở hiểm nguy

深空探测器在穿越小行星带密集碎石流时经历了极其惊险的毫秒级自主机动避障，最终安然脱险。
Shēn kōng tàn cè qì zài chuān yuè xiǎo xíng xīng dài mì jí suì shí liú shí jīng lì le jí qí jīng xiǎn de háo miǎo jí zì zhǔ jī dòng bì zhàng, zuì zhōng ān rán tuō xiǎn.
Tàu thám trắc không gian sâu khi xuyên qua dòng đá vụn dày đặc của vành đai tiểu hành tinh đã trải qua cuộc cơ động tự chủ tránh chướng ngại vật cấp độ mili-giây vô cùng thót tim nghẹt thở nguy hiểm ly kỳ, cuối cùng bình an thoát hiểm.

26 nét | HÁN VIỆT : KINH HIỂM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2175

惊心动魄
jīngxīndòngpò

kinh tâm động phách, thót tim rúng động lòng người nghẹt thở

回顾当年突破全超导大科学装置核心真空极限腔体制造的惊心动魄历程，全体建设者至今深感自豪与激动。
Huí gù dāng nián tū pò quán chāo dǎo dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhēn kōng jí xiàn qiāng tǐ zhì zào de jīng xīn dòng pò lì chéng, quán tǐ jiàn shè zhě zhì jīn shēn gǎn zì háo yǔ jī dòng.
Nhìn lại tiến trình nghẹt thở thót tim rúng động lòng người kinh tâm động phách đột phá chế tạo buồng thể giới hạn chân không cốt lõi thiết bị khoa học lớn toàn siêu dẫn năm xưa, toàn thể những người xây dựng đến nay vẫn cảm thấy vô cùng xúc động và tự hào.

35 nét | HÁN VIỆT : KINH TÂM ĐỘNG PHÁCH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2176

惊醒
jīngxǐng

giật mình tỉnh giấc, bừng tỉnh đánh thức

在重大物理实验通宵值班中，突发的传感器微弱声响瞬间惊醒了打盹的年轻工程师，他立刻投入数据排查。
Zài zhòng dà wù lǐ shí yàn tōng xiāo zhí bān zhōng, tū fā de chuán gǎn qì wēi ruò shēng xiǎng shùn jiān jīng xǐng le dǎ dǔn de nián qīng gōng chéng shī, tā lì kè tóu rù shù jù pái chá.
Trong ca trực ban thâu đêm thực nghiệm vật lý trọng đại, âm thanh phát ra cực nhỏ đột ngột của cảm biến đã ngay lập tức đánh thức làm giật mình tỉnh giấc người kỹ sư trẻ đang chợp mắt, anh lập tức dấn thân vào việc rà soát số liệu.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2177

惊讶
jīng yà

kinh ngạc, ngỡ ngàng, sửng sốt khó tin

当天文学家通过中国天眼FAST首次捕获到来自宇宙深处极其规律的毫秒脉冲星信号时，整个国际科学界都感到极其惊讶。
Dàng tiān wén xué jiā tōng guò zhōng guó tiān yǎn FAST shǒu cì bǔ huò dào lái zì yǔ zhòu shēn chù jí qí guī lǜ de háo miǎo mài chōng xīng xìn hào shí, zhěng gè guó jì kē xué jiè dōu gǎn dào jí qí jīng yà.
Khi các nhà thiên văn học thông qua Kính viễn vọng Thiên Nhãn FAST lần đầu tiên bắt trọn tín hiệu pulsar mili-giây cực kỳ có quy luật đến từ sâu thẳm vũ trụ, toàn bộ giới khoa học quốc tế đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc sửng sốt.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2178

晶莹
jīngyíng

trong suốt lấp lánh, trong veo lóng lánh

经过数月超高纯度晶体定向生长实验，大科学装置高能X射线单色器呈现出一块完美无瑕、晶莹剔透的人工合成金刚石晶体。
Jīng guò shù yuè chāo gāo chún dù jīng tǐ dìng xiàng shēng zhǎng shí yàn, dà kē xué zhuāng zhì gāo néng X shè xiàn dān sè qì chéng xiàn chū yī kuài wán měi wú xiá, jīng yíng tī tòu de rén gōng hé chéng jīn gāng shí jīng tǐ.
Trải qua nhiều tháng thực nghiệm nuôi cấy tinh thể định hướng độ tinh khiết siêu cao, bộ đơn sắc tia X năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn đã hiện ra một khối tinh thể kim cương nhân tạo tổng hợp hoàn hảo không tì vết, trong suốt lấp lánh trong veo lóng lánh.

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2179

兢兢业业
jīng jīng yè yè

cẩn cù cẩn trọng, tận tụy hết lòng, cúc cung tận tụy

全国数百万名基层农业科技特派员数十年如一日兢兢业业扎根田间地头，把科技致富的火种播撒在乡村大地上。
Quán guó shù bǎi wàn míng jī céng nóng yè kē jì tè pài yuán shù shí nián rú yī rì jīng jīng yè yè zhā gēn tián jiān dì tóu, bǎ kē jì zhì fù de huǒ zhǒng bō sǎ zài xiāng cūn dà dì shàng.
Hàng triệu phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp cơ sở trên cả nước suốt hàng chục năm như một cần cù cẩn trọng tận tụy cắm bản bám rễ nơi ruộng đồng thôn quê, gieo mầm lửa khoa học công nghệ làm giàu trên mảnh đất làng quê.

35 nét | HÁN VIỆT : CĂNG CĂNG NGHIỆP NGHIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2180

精打细算
jīng dǎ xì suàn

tính toán chi li, chi tiêu tiết kiệm chu đáo

在推进国家大科学工程建设中，项目管理团队精打细算、厉行节约，把每一分财政科研经费用在刀刃上。
Zài tuī jìn guó jiā dà kē xué gōng chéng jiàn shè zhōng, xiàng mù guǎn lǐ tuán duì jīng dǎ xì suàn, lì xíng jié yuē, bǎ měi yī fēn cái zhèng kē yán jīng fèi yòng zài dāo rèn shàng.
Trong quá trình thúc đẩy xây dựng đại công trình khoa học quốc gia, ban quản lý dự án đã tính toán chi li chu đáo, triệt để thực hành tiết kiệm, đem từng đồng kinh phí nghiên cứu khoa học ngân sách nhà nước sử dụng vào đúng nơi cần thiết nhất.

35 nét | HÁN VIỆT : TINH TÁ TẾ TOÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2181

精华
jīng huá

tinh hoa, tinh túy, phần tinh túy nhất

中华优秀传统文化是中华文明的智慧结晶与精神基因，我们要汲取其中的哲学精髓与道德伦理精华。
Zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà shì zhōng huá wén míng de zhì huì jié jīng yǔ jīng shén jī yīn, wǒ men yào jí qǔ qí zhōng de zhé xué jīng suǐ yǔ dào dé lún lǐ jīng huá.
Văn hóa truyền thống tốt đẹp là kết tinh trí tuệ và bộ gen tinh thần của văn minh dân tộc, chúng ta cần tiếp thu tinh hoa triết học cốt lõi cùng chuẩn mực đạo đức tinh túy trong đó.

20 nét | HÁN VIỆT : TINH HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2182

精简
jīng jiǎn

tinh giản, tinh gọn (bộ máy, thủ tục)

国家深入推进行政审批制度改革，大幅精简各类申报材料与审批环节，极大激发了全社会的创业创新活力。
Guó jiā shēn rù tuī jìn xíng zhèng shěn pī zhì dù gǎi gé, dà fú jīng jiǎn gè lèi shēn bào cái liào yǔ shěn pī huán jié, jí dà jī fā le quán shè huì de chuàng yè chuàng xīn huó lì.
Nhà nước đi sâu thúc đẩy cải cách chế độ phê duyệt hành chính, tinh giản to lớn các loại hồ sơ giấy tờ khai báo cùng các khâu phê duyệt, khơi dậy mạnh mẽ sức sống đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của toàn xã hội.

20 nét | HÁN VIỆT : TINH GIẢN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2183

精练
jīngliàn

tinh luyện súc tích, cô đọng ngắn gọn; tinh chế

青年科学家在国际顶尖前沿期刊发表的理论物理论文逻辑严谨、文字精练，得到了国际同行审稿专家的高度评价。
Qīng nián kē xué jiā zài guó jì dǐng jiān qián yán qī kān fā biǎo de lǐ lùn wù lǐ lùn wén luó jí yán jǐn, wén zì jīng liàn, dé dào le guó jì tóng háng shěn gǎo zhuān jiā de gāo dù píng jià.
Luận văn vật lý lý thuyết do nhà khoa học trẻ công bố trên tạp chí tiên phong đỉnh cao quốc tế có câu chữ cô đọng súc tích tinh luyện, logic nghiêm cẩn, nhận được sự đánh giá rất cao của các chuyên gia phản biện đồng nghiệp quốc tế.

22 nét | HÁN VIỆT : TINH LUYỆN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2184

精妙
jīngmiào

tinh diệu tinh xảo, khéo léo tuyệt luân

该实验方案创新性地融合了微观量子叠加与非阿贝尔拓扑编织算法，构想精妙绝伦、极具颠覆性突破潜力。
Gāi shí yàn fāng àn chuàng xīn xìng dì róng hé le wēi guān liàng zǐ dié jiā yǔ fēi ā bèi ěr tuò pū biān zhī suàn fǎ, gòu xiǎng jīng miào jué lún, jí jù diān fù xìng tū pò qián lì.
Phương án thực nghiệm này đã dung hợp đẩy tính sáng tạo thuật toán đan dệt tô-pô phi Abel và chống chập lượng tử vi mô, ý tưởng khéo léo tuyệt luân tinh diệu tinh xảo, sở hữu tiềm năng đột phá mang tính cách mạng tột bậc.

21 nét | HÁN VIỆT : TINH DIỆU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2185

精明
jīngmíng

thông minh sắc sảo, khôn ngoan mẫn cán

做前沿基础研究必须依靠扎实的数理功底与踏实的严谨作风，决不能指望靠投机取巧的小聪明精明在科研上走捷径。
Zuò qián yán jī chǔ yán jiū bì xū yī kào zhā shí de shù lǐ gōng dǐ yǔ tà shí de yán jǐn zuò fēng, jué bù néng zhǐ wàng kào tóu jī qǔ qiǎo de xiǎo cōng míng jīng míng zài kē yán shàng zǒu jié jìng.
Làm nghiên cứu cơ bản tiên phong bắt buộc phải dựa vào tác phong nghiêm cẩn vững vàng và bề dày công phu toán lý chắc chắn, tuyệt đối không được trông chờ vào sự khôn ngoan thông minh sắc sảo mánh lới cơ hội để đi đường tắt trong nghiên cứu

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2186

精疲力竭
jīngpílìjié

tinh kiệt sức mòn, kiệt sức mệt lử phờ phạc

尽管连续几十个小时的高强度物理实验调试让攻关团队成员精疲力竭，但在捕捉到关键超导信号时大家依然欢呼雀跃。
Jǐn guǎn lián xù jǐ shí gè xiǎo shí de gāo qiáng dù wù lǐ shí yàn tiáo shì ràng gōng guān tuán duì chéng yuán jīng pí lì jié, dàn zài bǔ zhuō dào guān jiàn chāo dǎo xìn hào shí dà jiā yī rán huān hū què yuè.
Mặc dù đợt hiệu chỉnh thực nghiệm vật lý cường độ cao liên tục mấy chục giờ đã khiến các thành viên đội ngũ vượt khó kiệt sức mệt lử tinh kiệt sức mòn, nhưng khi bắt trọn được tín hiệu siêu dẫn then

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2187

精确
jīng què

chuẩn xác, chính xác tuyệt đối, chuẩn không sai lệch

北斗高精度差分定位服务能够实现厘米级甚至毫米级的全球全天候实时精确空间定位。
Běi dǒu gāo jīng dù chā fēn dìng wèi fú wù néng gòu shí xiàn lí mǐ jí shèn zhì háo mǐ jí de quán qiú quán tiān hòu shí shí jīng què kōng jiān dìng wèi.
Dịch vụ định vị vi sai độ chính xác cao Bắc Đẩu có thể thực hiện định vị không gian chính xác chuẩn xác tuyệt đối theo thời gian thực ở cấp độ centimet thậm chí

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2188

精神病
jīngshénbìng

bệnh tâm thần, rối loạn tâm thần

国家脑科学与类脑智能重点实验室成功解析了严重精神病神经环路突触重塑机制，为精准药物开发指明了靶点方向。
Guó jiā nǎo kē xué yǔ lèi nǎo zhì néng zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng jiě xī le yán zhòng jīng shén bìng shén jīng huán lù tū chù zhòng sù jī zhì, wèi jīng zhǔn yào wù kāi fā zhǐ míng liǎo bǎ diǎn fāng xiàng.
Phòng thí nghiệm trọng điểm trí tuệ giống não và khoa học não bộ quốc gia đã giải mã thành công cơ chế tái cấu trúc synap mạch nơ-ron bệnh tâm thần nghiêm trọng, chỉ rõ phương hướng đích nhắm cho việc phát triển thuốc trúng đích chuẩn xác.

28 nét | HÁN VIỆT : TINH THẦN BỆNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2189

精髓
jīngsuǐ

tinh hoa cốt lõi, tinh túy cốt cách

求真务实、勇攀高峰是科学家精神的内核精髓，激励着广大青年学者向着世界科学前沿勇毅探索前行。
Qiú zhēn wù shí, yǒng pān gāo fēng shì kē xué jiā jīng shén de nèi hé jīng suǐ, jī lì zhe guǎng dà qīng nián xué zhě xiàng zhe shì jiè kē xué qián yán yǒng yì tàn suǒ qián xíng.
Dũng cảm trèo lên đỉnh cao, cầu thị thực chất chính là tinh hoa cốt lõi tinh túy cốt lõi bên trong của tinh thần nhà khoa học, khích lệ đông đảo học giả trẻ dũng cảm kiên cường tìm tòi tiến bước hướng tới mũi nhọn khoa học thế giới.

17 nét | HÁN VIỆT : TINH TUỶ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2190

精通
jīng tōng

tinh thông, thành thạo, am tường sâu sắc

战略科学家不仅精通本学科前沿理论，更具备跨学科宏观战略视野与引领大科学工程的卓越组织领导能力。
Zhàn lüè kē xué jiā bù jīn jīng tōng běn xué kē qián yán lǐ lùn, gèng jù bèi kuà xué kē hóng guān zhàn lüè shì yě yǔ yǐn lǐng dà kē xué gōng chéng de zhuó yuè zǔ zhī lǐng dǎo néng lì.
Nhà khoa học chiến lược không chỉ tinh thông am hiểu sâu sắc lý luận tiên phong trong ngành của mình, mà còn sở hữu tầm nhìn chiến lược vĩ mô liên ngành cùng năng lực tổ chức lãnh đạo kiệt xuất dẫn dắt các đại công trình khoa học.

16 nét | HÁN VIỆT : TINH THÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2191

精细
jīngxì

tinh vi tỉ mỉ, chuẩn xác tinh vi chi tiết

大科学装置超精密光学镜面加工要求在埃米尺度进行精细抛光与检测，确保纳米级表面物理粗糙度指标。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì guāng xué jìng miàn jiā gōng yāo qiú zài āi mǐ chǐ dù jìn xíng jīng xì pāo guāng yǔ jiǎn cè, què bǎo nà mǐ jí biǎo miàn wù lǐ cū cāo dù zhǐ biāo.
Việc gia công mặt gương quang học siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đòi hỏi phải tiến hành kiểm tra và đánh bóng tinh vi tỉ mỉ chuẩn xác ở quy mô Angstrom (Å), bảo đảm chỉ tiêu độ nhám vật lý bề mặt cấp độ nanomet.

18 nét | HÁN VIỆT : TINH TẾ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Phó từ | #2192

精心
jīng xīn

tận tâm, công phu, tỉ mỉ chu đáo

经过文保专家历时数年的精心修复，这批出土的珍贵丝织品与青铜器重现了千年前的灿烂光彩。
Jīng guò wén bǎo zhuān jiā lì shí shù nián de jīng xīn xiū fù, zhè pī chū tǔ de zhēn guì sī zhī pǐn yǔ qīng tóng qì zhòng xiàn le qiān nián qián de càn làn guāng cǎi.
Trải qua nhiều năm công phu phục chế tỉ mỉ tận tâm của các chuyên gia bảo tồn di sản văn hóa, lô đồ tơ lụa và đồ đồng quý hiếm vừa khai quật này đã tái hiện vẻ đẹp rực rỡ lộng lẫy từ ngàn năm trước.

17 nét | HÁN VIỆT : TINH TÂM

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2193

精益求精
jīng yì qiú jīng

đã tốt càng muốn tốt hơn, tinh ích cầu tinh, theo đuổi sự hoàn hảo

大国工匠在产品质量和制造工艺上始终精益求精、追求极致，用一生专注铸就国之重器。
Dà guó gōng jiàng zài chǎn pǐn zhì liàng hé zhì zào gōng yì shàng shǐ zhōng jīng yì qiú jīng, zhuī qiú jí zhì, yòng yī shēng zhuān zhù zhù jiù guó zhī zhòng qì.
Những người thợ cả đại đức của đất nước trên phương diện chất lượng sản phẩm và công nghệ chế tạo luôn luôn tinh ích cầu tinh, theo đuổi sự hoàn hảo tột cùng, dùng trọn cả cuộc đời chuyên tâm đúc kết nên những đại thiết bị trọng đại của quốc gia.

35 nét | HÁN VIỆT : TINH ÍCH CẦU TINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2194

精英
jīngyīng

tinh hoa, nhân tài tinh anh ưu tú

国家实验室汇聚了来自海内外各学科前沿的领军精英人才，构筑起挺立全球科技创新潮头的战略国家队。
Guó jiā shí yàn shì huì jù le lái zì hǎi nèi wài gè xué kē qián yán de lǐng jūn jīng yīng rén cái, gòu zhù qǐ tǐng lì quán qiú kē jì chuàng xīn cháo tóu de zhàn lüè guó jiā duì.
Phòng thí nghiệm quốc gia đã quy tụ các nhân tài tinh hoa tinh anh dẫn đầu tiên phong các môn học đến từ trong và ngoài nước, xây dựng nên đội tuyển quốc gia mang tính chiến lược đứng vững nơi đầu ngọn sóng đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu.

21 nét | HÁN VIỆT : TINH ANH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2195

精致
jīng zhì

tinh xảo, tinh tế, trang nhã thanh tú

国家博物馆展出的这件古代镂空龙纹金器工艺极其复杂精湛，造型典雅古朴、精致绝伦。
Guó jiā bó wù guǎn zhǎn chū de zhè jiàn gǔ dài lòu kōng lóng wén jīn qì gōng yì jí qí fù zá jīng zhàn, zào xíng diǎn yǎ gǔ piáo, jīng zhì jué lún.
Cổ vật vàng chạm khắc rỗng họa tiết rồng thời cổ đại trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia có kỹ thuật chế tác vô cùng tinh xảo phức tạp, kiểu dáng tao nhã cổ kính, tinh tế tuyệt trần.

20 nét | HÁN VIỆT : TINH TRÍ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2196

颈部
jǐngbù

vùng cổ, phần cổ gáy

国家智能微创医疗手术机器人成功完成了超微创高难度颈部深层神经血管精细吻合临床实验。
Guó jiā zhì néng wēi chuàng yī liáo shǒu shù jī qì rén chéng gōng wán chéng le chāo wēi chuàng gāo nán dù jǐng bù shēn céng shén jīng xuè guǎn jīng xì wěn hé lín chuáng shí yàn.
Robot phẫu thuật y tế xâm lấn tối thiểu thông minh quốc gia đã hoàn thành thành công thử nghiệm lâm sàng nối ghép tinh vi mạch máu thần kinh tầng sâu phần cổ vùng cổ độ khó cao xâm lấn siêu tối thiểu.

21 nét | HÁN VIỆT : CẢNH BỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2197

景观
jǐngguān

cảnh quan, thắng cảnh cảnh quan thiên nhiên/nhân tạo

国家前沿科学城园区将现代化大科学装置建筑群与优美生态湿地景观完美融为一体，打造出宜居宜研的创新生态。
Guó jiā qián yán kē xué chéng yuán qū jiāng xiàn dài huà dà kē xué zhuāng zhì jiàn zhù qún yǔ yōu měi shēng tài shī dì jǐng guān wán měi róng wéi yī tǐ, dǎ zào chū yí jū yí yán de chuàng xīn shēng tài.
Khuôn viên Thành phố Khoa học Tiên phong Quốc gia đã hòa quyện hoàn hảo cảnh quan thắng cảnh vùng đất ngập nước sinh thái tươi đẹp cùng quần thể kiến trúc thiết bị khoa học lớn hiện đại làm một, kiến tạo nên hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vừa thích hợp sinh sống vừa phù hợp nghiên cứu.

17 nét | HÁN VIỆT : CẢNH QUÁN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2198

景区
jǐngqū

khu thắng cảnh, khu danh lam thắng cảnh du lịch

在我国天眼FAST核心保护区周边依托天文科普资源规划建成了世界级天文科普文化研学景区。
Zài wǒ guó tiān yǎn FAST hé xīn bǎo hù qū zhōu biān yī tuō tiān wén kē pǔ zī yuán guī huà jiàn chéng le shì jiè jí tiān wén kē pǔ wén huà yán xué jǐng qū.
Xung quanh khu vực bảo vệ cốt lõi Thiên Nhãn Trung Quốc FAST của nước ta dựa vào tài nguyên phổ biến khoa học thiên văn đã quy hoạch xây dựng nên khu thắng cảnh khu du lịch nghiên cứu học tập văn hóa phổ biến khoa học thiên văn đẳng cấp thế giới.

22 nét | HÁN VIỆT : CẢNH ÂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2199

警车
jǐngchē

xe cảnh sát, xe tuần tra công an

在重大航天国之重器特种公路超限运输车队前方，警车闪烁着警灯全程严密引导致敬护航。
Zài zhòng dà háng tiān guó zhī zhòng qì tè zhǒng gōng lù chāo xiàn yùn shū chē duì qián fāng, jǐng chē shǎn shuò zhe jǐng dēng quán chéng yán mì yǐn dǎo zhì jìng hù háng.
Phía trước đoàn xe vận chuyển quá khổ quá tải đặc chủng đường bộ đại khí quốc gia hàng không vũ trụ trọng đại, xe cảnh sát nhấp nháy đèn cảnh báo dẫn đường hộ tống bảo vệ nghiêm cẩn toàn bộ lộ trình trong sự kính cẩn.

18 nét | HÁN VIỆT : CẢNH XA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2200

警官
jǐngguān

sĩ quan cảnh sát, cảnh quan cảnh sát

在国家前沿大科学装置核心安全保卫工作中，青年警官们以严谨负责的态度全天候守护着科研重地安全。
Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì hé xīn ān quán bǎo wèi gōng zuò zhōng, qīng nián jǐng guān men yǐ yán jǐn fù zé de tài dù quán tiān hòu shǒu hù zhe kē yán zhòng dì ān quán.
Trong công tác bảo vệ an toàn cốt lõi thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, các sĩ quan cảnh sát cảnh quan trẻ tuổi bằng thái độ trách nhiệm nghiêm cẩn đã bảo vệ an toàn trọng địa nghiên cứu khoa học suốt 24/7.

21 nét | HÁN VIỆT : CẢNH QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2201

警惕
jǐng tì

cảnh giác, đề cao cảnh giác

在推进高水平对外开放进程中，我们必须时刻保持清醒头脑，高度警惕各类系统性金融与外部安全风险。
Zài tuī jìn gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng jìn chéng zhōng, wǒ men bì xū shí kè bǎo chí qīng xǐng tóu nǎo, gāo dù jǐng tì gè lèi xì tǒng xìng jīn róng yǔ wài bù ān quán fēng xiǎn.
Trong tiến trình thúc đẩy mở cửa đối ngoại trình độ cao, chúng ta bắt buộc phải luôn giữ một cái đầu tỉnh táo, đề cao cảnh giác ở mức độ cao trước mọi loại rủi ro an ninh bên ngoài và tài chính mang tính hệ thống.

18 nét | HÁN VIỆT : CẢNH THÍCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2202

警钟
jǐngzhōng

hồi chuông cảnh báo, tiếng chuông cảnh tỉnh

外部个别国家的技术断供与霸权打压，为我国关键核心产业链与底层软件安全敲响了自立自强的长鸣警钟。
Wài bù gè bié guó jiā de jì shù duàn gōng yǔ bà quán dǎ yā, wèi wǒ guó guān jiàn hé xīn chǎn yè liàn yǔ dǐ céng ruǎn jiàn ān quán qiāo xiǎng le zì lì zì qiáng de cháng míng jǐng zhōng.
Sự chèn ép bá quyền và đứt gãy công nghệ của một số quốc gia bên ngoài đã gióng lên hồi chuông cảnh báo tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang lâu dài về tự chủ tự cường cho an toàn phần mềm tầng đáy và chuỗi ngành nghề cốt lõi then chốt nước ta.

18 nét | HÁN VIỆT : CẢNH CHUNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2203

净化
jìnghuà

làm sạch tinh chế, thanh lọc làm tinh khiết

国家科技界持续深化作风学风建设，坚决破除唯论文功利倾向，全面净化风清气正的学术科研生态。
Guó jiā kē jì jiè chí xù shēn huà zuò fēng xué fēng jiàn shè, jiān jué pò chú wéi lùn wén gōng lì qīng xiàng, quán miàn jìng huà fēng qīng qì zhèng de xué shù kē yán shēng tài.
Giới khoa học công nghệ quốc gia tiếp tục đi sâu xây dựng tác phong tác phong học thuật, kiên quyết xóa bỏ khuynh hướng thực dụng duy bài báo, thanh lọc làm sạch tinh chế toàn diện hệ sinh thái nghiên cứu khoa học học thuật trong sạch liêm chính.

25 nét | HÁN VIỆT : TỊNH HOA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2204

竞技
jìng jì

điền kinh

老师鼓励大家积极竞技，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jìng jì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điền kinh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét | HÁN VIỆT : CẠNH KỸ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2205

竞相
jìngxiāng

đua nhau tranh nhau, cạnh tranh sôi nổi

随着国家重大前沿战略科研专项全面落地，海内外优秀青年学者竞相申报参与大科学工程攻坚。
Suí zhe guó jiā zhòng dà qián yán zhàn lüè kē yán zhuān xiàng quán miàn luò dì, hǎi nèi wài yōu xiù qīng nián xué zhě jìng xiāng shēn bào cān yù dà kē xué gōng chéng gōng jiān.
Cùng với việc các chuyên án nghiên cứu khoa học chiến lược tiên phong trọng đại quốc gia triển khai toàn diện, các học giả trẻ xuất sắc trong và ngoài nước đã đua nhau tranh nhau đăng ký tham gia vào chiến dịch vượt khó công trình khoa học lớn.

25 nét | HÁN VIỆT : CẠNH TƯƠNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2206

竞选
jìng xuǎn

vận động tranh cử, ứng cử

我国权威法学家当选联合国国际法院法官，充分体现了国际社会对中国践行国际法治与多边主义贡献的高度认可。
Wǒ guó quán wēi fǎ xué jiā dàng xuǎn lián hé guó guó jì fǎ yuàn fǎ guān, chōng fèn tǐ xiàn le guó jì shè huì duì zhōng guó jiàn xíng guó jì fǎ zhì yǔ duō biān zhǔ yì gòng xiàn de gāo dù rèn kě.
Nhà luật học có thẩm quyền của nước ta trúng cử thẩm phán Tòa án Công lý Quốc tế Liên Hợp Quốc đã thể hiện đầy đủ sự ghi nhận đánh giá rất cao của cộng đồng quốc tế đối với những đóng góp của Trung Quốc trong việc thực thi pháp trị quốc tế và chủ nghĩa đa phương.

23 nét | HÁN VIỆT : CẠNH TUYỂN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2207

竟
jìng

ngờ đâu lại, rốt cuộc không ngờ thế mà

在常人看来如同天方夜谭的受控核聚变千秒等离子体稳态运行目标，竟在我国科学家顽强攻坚下成为了无可争议的现实！
Zài cháng rén kàn lái rú tóng tiān fāng yè tán de shòu kòng hé jù biàn qiān miǎo děng lí zǐ tǐ wěn tài yùn xíng mù biāo, jìng zài wǒ guó kē xué jiā wán qiáng gōng jiān xià chéng wéi liǎo wú kě zhēng yì de xiàn shí!
Mục tiêu vận hành trạng thái ổn định plasma cấp độ ngàn giây nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát vốn trong mắt người thường tựa như chuyện viễn vông hoang đường nghìn lẻ một đêm, ngờ đâu lại không ngờ thế mà dưới sự vượt khó kiên cường của các nhà khoa học nước ta đã trở thành hiện thực không thể tranh cãi!

12 nét | HÁN VIỆT : CÁNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2208

竟敢
jìnggǎn

dám cả gan, dám to gan làm chuyện liều lĩnh

面对国外权威学者断言无法实现的物理假说，中国青年科学家竟敢破除迷信、以开创性实验彻底颠覆了旧认知。
Miàn duì guó wài quán wēi xué zhě duàn yán wú fǎ shí xiàn de wù lǐ jiǎ shuō, zhōng guó qīng nián kē xué jiā jìng gǎn pò chú mí xìn, yǐ kāi chuàng xìng shí yàn chè dǐ diān fù le jiù rèn zhī.
Đứng trước giả thuyết vật lý mà các học giả có uy quyền nước ngoài khẳng định là không thể thực hiện được, các nhà khoa học trẻ Trung Quốc dám cả gan to gan xóa bỏ mê tín, dùng thực nghiệm mang tính mở đường đảo lộn triệt để nhận thức cũ.

25 nét | HÁN VIỆT : CÁNH CẢM

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2209

敬
jìng

kính trọng kính cẩn, tôn kính dâng lên

全社会要广泛形成尊崇科学家、致敬科学家、争做未来科学家的浓厚社会风尚与崇高价值追求。
Quán shè huì yào guǎng fàn xíng chéng zūn chóng kē xué jiā, zhì jìng kē xué jiā, zhēng zuò wèi lái kē xué jiā de nóng hòu shè huì fēng shàng yǔ chóng gāo jià zhí zhuī qiú.
Toàn xã hội cần hình thành rộng rãi nếp sống xã hội nồng hậu cùng sự theo đuổi giá trị cao đẹp tôn sùng nhà khoa học, tôn kính kính trọng dâng lời tri ân nhà khoa học, phấn đấu làm nhà khoa học tương lai.

9 nét | HÁN VIỆT : KÍNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2210

敬爱
jìng ài

kính yêu, tôn kính và yêu quý

这位扎根大山深处四十载的敬爱老校长，用无私的大爱托举起了数千名山村学子的求学梦想。
Zhè wèi zhā gēn dà shān shēn chù sì shí zài de jìng ài lǎo xiào zhǎng, yòng wú sī de dà ài tuō jǔ qǐ le shù qiān míng shān cūn xué zǐ de qiú xué mèng xiǎng.
Người thầy hiệu trưởng già kính yêu bám trụ nơi non cao suốt 40 năm ròng này bằng tình yêu thương bao la vô tư đã nâng đỡ ước mơ đèn sách của hàng ngàn học trò nghèo miền sơn cước.

18 nét | HÁN VIỆT : KÍNH ÁI

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #2211

敬而远之
jìng'éryuǎnzhī

kính nhi viễn chi, kính trọng nhưng giữ khoảng cách đứng từ xa nhìn

搞科学普及必须把深奥晦涩的高精尖前沿科学知识通俗化，决不能让社会公众对硬核科学敬而远之。
Gǎo kē xué pǔ jí bì xū bǎ shēn ào huì sè de gāo jīng jiān qián yán kē xué zhī shí tōng sú huà, jué bù néng ràng shè huì gōng zhòng duì yìng hé kē xué jìng ér yuǎn zhī.
Làm phổ biến khoa học bắt buộc phải thông tục hóa đại chúng hóa các tri thức khoa học tiên phong tinh vi cao cấp thâm sâu khó hiểu, tuyệt đối không được để công chúng xã hội đối với khoa học công nghệ cứng lại mang tâm lý đứng từ xa nhìn kính nhi viễn chi kính trọng nhưng giữ khoảng cách xa.

35 nét | HÁN VIỆT : KÍNH NHI VIỄN CHI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2212

敬酒
jìng jiǔ

bánh mì nướng

老师鼓励大家积极敬酒，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jìng jiǔ，yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bánh mì nướng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2213

敬礼
jìng lǐ

chào theo nghi thức quân đội, kính chào, nghi thức chào

当五星红旗在天安门广场伴随着雄壮的国歌冉冉升起时，全场数万名群众与少先队员肃立行少先队礼与军礼敬礼。
Dāng wǔ xīng hóng qí zài tiān ān mén guǎng chǎng bàn suí zhe xióng zhuàng de guó gē rǎn rǎn shēng qǐ shí, quán chǎng shù wàn míng qún zhòng yǔ shào xiān duì yuán sù lì xíng shào xiān duì lǐ yǔ jūn lǐ jìng lǐ.
Khi lá cờ đỏ năm sao hòa cùng khúc quốc ca hùng tráng từ từ bay lên trên Quảng trường Thiên An Môn, hàng vạn người dân cùng các em đội viên thiếu niên tiền phong có mặt trang nghiêm đứng nghiêm làm nghi thức chào kính cẩn.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2214

敬佩
jìngpèi

khâm phục kính phục, nể phục ngưỡng mộ

老一辈功勋科学家隐姓埋名数十年、甘坐冷板凳为国铸重器的崇高奉献精神，令后辈学者无比敬佩。
Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng shù shí nián, gān zuò lěng bǎn dèng wèi guó zhù zhòng qì de chóng gāo fèng xiàn jīng shén, lìng hòu bèi xué zhě wú bǐ jìng pèi.
Tinh thần cống hiến cao đẹp cam tâm ngồi ghế băng lạnh, ẩn danh giấu tên mấy chục năm đúc tạo đại khí cho non sông của các nhà khoa học có công lao tiền bối đã khiến các học giả thế hệ sau vô cùng nể phục khâm phục kính phục.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2215

敬请
jìngqǐng

kính mời, trân trọng kính mời

国家大科学中心正式向全球顶尖科研机构发出邀请，敬请海内外杰出科学家踊跃申报下一年度实验物理机时。
Guó jiā dà kē xué zhōng xīn zhèng shì xiàng quán qiú dǐng jiān kē yán jī gòu fā chū yāo qǐng, jìng qǐng hǎi nèi wài jié chū kē xué jiā yǒng yuè shēn bào xià yī nián dù shí yàn wù lǐ jī shí.
Trung tâm Khoa học Lớn Quốc gia chính thức gửi thư mời tới các cơ quan nghiên cứu khoa học đỉnh cao toàn cầu, trân trọng kính mời kính mời các nhà khoa học kiệt xuất trong và ngoài nước hăng hái đăng ký thời gian máy vật lý thực nghiệm cho niên độ tiếp theo.

22 nét | HÁN VIỆT : KÍNH THỈNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2216

敬业
jìngyè

kính nghiệp tận tụy, say mê cống hiến hết lòng vì công việc

大科学工程一线调试技术人员以高度的敬业精神连续奋战数百个日夜，确保了各项关键物理参数万无一失。
Dà kē xué gōng chéng yī xiàn tiáo shì jì shù rén yuán yǐ gāo dù de jìng yè jīng shén lián xù fèn zhàn shù bǎi gè rì yè, què bǎo le gè xiàng guān jiàn wù lǐ cān shù wàn wú yī shī.
Các nhân viên kỹ thuật hiệu chỉnh tuyến đầu công trình khoa học lớn bằng tinh thần tận tụy kính nghiệp say mê cống hiến hết lòng cao độ đã chiến đấu liên tục hàng trăm ngày đêm, bảo đảm các tham số vật lý then chốt tuyệt đối không một sai sót.

19 nét | HÁN VIỆT : KÍNH NGHIỆP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2217

敬意
jìngyì

lòng kính trọng, sự tôn kính lòng biết ơn thành kính

在全国科技工作者日到来之际，党和人民向挺起国家科技自强脊梁的广大科学家致以最崇高的敬意。
Zài quán guó kē jì gōng zuò zhě rì dào lái zhī jì, dǎng hé rén mín xiàng tǐng qǐ guó jiā kē jì zì qiáng jí liáng de guǎng dà kē xué jiā zhì yì zuì chóng gāo de jìng yì.
Nhân dịp Ngày Những người làm Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc đến gần, Đảng và Nhân dân gửi lòng kính trọng sự tôn kính cao đẹp nhất tới đông đảo các nhà khoa học đang nâng đỡ cột sống tự cường khoa học công nghệ quốc gia.

21 nét | HÁN VIỆT : KÍNH Ý

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2218

敬重
jìngzhòng

kính trọng tôn kính, nể trọng tôn sùng

战略科学家严谨求实的治学风范与提携后进的博大胸怀，赢得了国际学术界同行的广泛敬重与爱戴。
Zhàn lüè kē xué jiā yán jǐn qiú shí de zhì xué fēng fàn yǔ tí xié hòu jìn de bó dà xiōng huái, yíng dé le guó jì xué shù jiè tóng háng de guǎng fàn jìng zhòng yǔ ài dài.
Tấm lòng rộng mở nâng đỡ thế hệ sau cùng phong phạm làm học vấn cầu thị nghiêm cẩn của nhà khoa học chiến lược đã giành được sự nể trọng tôn kính kính trọng và yêu mến rộng rãi của các đồng nghiệp trong giới học thuật quốc tế.

18 nét | HÁN VIỆT : KÍNH TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2219

境地
jìngdì

tình cảnh cảnh ngộ; cảnh giới tầm cao (nghĩa bóng)

只有敢于打破传统理论桎梏、进入前人未至的未知科学探索无人区，才能达到科学发现的崭新光辉境地。
Zhǐ yǒu gǎn yú dǎ pò chuán tǒng lǐ lùn zhì gù, jìn rù qián rén wèi zhì de wèi zhī kē xué tàn suǒ wú rén qū, cái néng dá dào kē xué fā xiàn de zhǎn xīn guāng huī jìng dì.
Chỉ có dám đập tan xiềng xích lý luận truyền thống, tiến vào vùng không người tìm tòi khoa học chưa biết mà người đi trước chưa từng đặt chân tới mới có thể đạt tới cảnh giới cảnh ngộ tầm cao sáng ngời hoàn toàn mới của phát hiện khoa học.

20 nét | HÁN VIỆT : CẢNH ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2220

境界
jìng jiè

cảnh giới, tầm tư tưởng, cảnh giới tâm hồn

“心有大我、至诚报国”，展现了老一辈战略科学家将个人追求融入国家富强民族复兴伟业的崇高精神境界。
" xīn yǒu dà wǒ, zhì chéng bào guó ", zhǎn xiàn le lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā jiāng gè rén zhuī qiú róng rù guó jiā fù qiáng mín zú fù xīng wěi yè de chóng gāo jīng shén jìng jiè.
'Trong tim có Tổ quốc vĩ đại, chí thành phụng sự non sông' đã phô diễn cảnh giới tinh thần cao cả của các nhà khoa học chiến lược thế hệ trước khi hòa quyện khát vọng cá nhân vào sự nghiệp vĩ đại xây dựng đất nước giàu mạnh và phục hưng dân tộc.

21 nét | HÁN VIỆT : CẢNH GIỚI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2221

境内
jìngnèi

trong nước, trong lãnh thổ nội địa

我国成功构建了覆盖境内全部主要地理单元与气候带的国家野外科学观测研究站立体监测网络体系。
Wǒ guó chéng gōng gòu jiàn le fù gài jìng nèi quán bù zhǔ yào dì lǐ dān yuán yǔ qì hòu dài de guó jiā yě wài kē xué guān cè yán jiū zhàn lì tǐ jiān cè wǎng luò tǐ xì.
Nước ta đã xây dựng thành công hệ thống mạng lưới quan trắc lập thể của các trạm nghiên cứu quan trắc khoa học dã ngoại quốc gia bao phủ toàn bộ các đới khí hậu và đơn vị địa lý chính trong nước trong lãnh thổ nội địa.

18 nét | HÁN VIỆT : CẢNH NỘI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2222

境外
jìngwài

ngoài nước, ngoài lãnh thổ hải ngoại nước ngoài

国家网络安全部门凭借完全自主大模型防御系统，成功挫败了境外敌对势力对核心科研机房发起的恶意渗透攻击。
Guó jiā wǎng luò ān quán bù mén píng jiè wán quán zì zhǔ dà mó xíng fáng yù xì tǒng, chéng gōng cuò bài le jìng wài dí duì shì lì duì hé xīn kē yán jī fáng fā qǐ de è yì shèn tòu gōng jī.
Cơ quan an ninh mạng quốc gia dựa vào hệ thống phòng thủ mô hình lớn hoàn toàn tự chủ đã đập tan thành công cuộc tấn công thâm nhập ác ý do các thế lực thù địch ngoài nước ngoài lãnh thổ nước ngoài phát động vào các phòng máy nghiên cứu khoa học cốt lõi.

16 nét | HÁN VIỆT : CẢNH NGOẠI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2223

境遇
jìngyù

hoàn cảnh cảnh ngộ, số phận tình cảnh sống

无论身处怎样艰苦的外部科研环境与境遇，老一辈科学家矢志报国的赤子初心始终历久弥坚、永不褪色。
Wú lùn shēn chù zěn yàng jiān kǔ de wài bù kē yán huán jìng yǔ jìng yù, lǎo yī bèi kē xué jiā shǐ zhì bào guó de chì zi chū xīn shǐ zhōng lì jiǔ mí jiān, yǒng bù tuì shǎi.
Bất kể đang ở trong hoàn cảnh cảnh ngộ và môi trường nghiên cứu khoa học bên ngoài gian khổ đến mức nào, tâm nguyện ban đầu son sắt phụng sự Tổ quốc của các nhà khoa học tiền bối luôn luôn càng qua thử thách càng thêm bền vững, mãi mãi không phai nhạt.

19 nét | HÁN VIỆT : CẢNH NGỘ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2224

静止
jìngzhǐ

tĩnh lặng đứng yên, tĩnh chỉ bất động (quỹ đạo địa tĩnh: jìngzhǐ guǐdào)

我国成功发射了新一代地球静止轨道高精度气象卫星，实现了对台风与强对流灾害天气的分钟级连续超高清凝视观测。
Wǒ guó chéng gōng fā shè le xīn yí dài dì qiú jìng zhǐ guǐ dào gāo jīng dù qì xiàng wèi xīng, shí xiàn le duì tái fēng yǔ qiáng duì liú zāi hài tiān qì de fēn zhōng jí lián xù chāo gāo qīng níng shì guān cè.
Nước ta đã phóng thành công vệ tinh khí tượng độ chính xác cao trên quỹ đạo địa tĩnh tĩnh lặng đứng yên của Trái đất thế hệ mới, thực hiện quan trắc ngắm nhìn siêu nét liên tục cấp độ phút đối với thời tiết hiểm họa đối lưu mạnh và bão táp nhiệt đới.

17 nét | HÁN VIỆT : TĨNH CHỈ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2225

窘迫
jiǒngpò

túng quẫn ngặt nghèo, lúng túng khó xử bế tắc

国家设立专项青年科学基金与长周期支持计划，彻底改变了青年学者起步阶段科研经费匮乏窘迫的困局。
Guó jiā shè lì zhuān xiàng qīng nián kē xué jī jīn yǔ zhǎng zhōu qī zhī chí jì huà, chè dǐ gǎi biàn le qīng nián xué zhě qǐ bù jiē duàn kē yán jīng fèi kuì fá jiǒng pò de kùn jú.
Nhà nước thành lập kế hoạch hỗ trợ chu kỳ dài và Quỹ Khoa học Thanh niên chuyên án, thay đổi triệt để cục diện khó khăn túng quẫn ngặt nghèo thiếu thốn kinh phí nghiên cứu khoa học trong giai đoạn khởi bước của các học giả trẻ.

21 nét | HÁN VIỆT : QUẪN BÀI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2226

纠缠
jiūchán

vướng víu bám riết; vướng víu lượng tử (vật lý: liàngzǐ jiūchán)

中国科学家成功实现了数百公里自由空间多光子高保真量子纠缠分发，奠定了构建全球量子保密通信网络的物理基础。
Zhōng guó kē xué jiā chéng gōng shí xiàn le shù bǎi gōng lǐ zì yóu kōng jiān duō guāng zi gāo bǎo zhēn liàng zǐ jiū chán fēn fā, diàn dìng le gòu jiàn quán qiú liàng zǐ bǎo mì tōng xìn wǎng luò de wù lǐ jī chǔ.
Các nhà khoa học Trung Quốc đã thực hiện thành công việc phân phát vướng víu lượng tử vướng víu đa photon độ trung thực cao trong không gian tự do hàng trăm cây số, đặt nền tảng vật lý cho việc xây dựng mạng lưới truyền thông bảo mật lượng tử toàn cầu.

23 nét | HÁN VIỆT : CỦ TRIỀN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2227

揪
jiū

túm lấy kéo giật; lo lắng thắt ruột thắt gan (jiāoxīn/jiūxīn)

在深空探测器执行极其惊险的近月制动捕获时，地面飞控大厅全体人员的心都紧紧揪在一起、屏息凝神等待测控确认。
Zài shēn kōng tàn cè qì zhí xíng jí qí jīng xiǎn de jìn yuè zhì dòng bǔ huò shí, dì miàn fēi kòng dà tīng quán tǐ rén yuán de xīn dōu jǐn jǐn jiū zài yì qǐ, bǐng xī níng shén děng dài cè kòng què rèn.
Khi tàu thám trắc không gian sâu thực thi việc phanh hãm bắt trọn tiếp cận Mặt trăng cực kỳ thót tim nghẹt thở, trái tim của toàn thể cán bộ trong đại sảnh điều khiển bay mặt đất đều thắt lại lo lắng thắt ruột túm lấy nghẹt thở, nín thở tập trung tinh thần chờ đợi sự xác nhận của trắc nghiệm điều khiển.

8 nét | HÁN VIỆT : THU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Tính từ | #2228

久违
jiǔwéi

lâu ngày không gặp, lâu lắm mới thấy

当大屏幕显示出大科学装置首条超高能物理谱线完美出光的瞬间，控制大厅里绽放出了科研人员久违的胜利笑容。
Dāng dà píng mù xiǎn shì chū dà kē xué zhuāng zhì shǒu tiáo chāo gāo néng wù lǐ pǔ xiàn wán měi chū guāng de shùn jiān, kòng zhì dà tīng lǐ zhàn fàng chū le kē yán rén yuán jiǔ wéi de shèng lì xiào róng.
Khoảnh khắc khi màn hình lớn hiển thị vạch phổ vật lý năng lượng siêu cao đầu tiên của thiết bị khoa học lớn phát quang hoàn mỹ, bên trong đại sảnh điều khiển đã nở bừng những nụ cười thắng lợi lâu lắm mới thấy lâu ngày không gặp của các cán bộ nghiên cứu khoa học.

21 nét | HÁN VIỆT : CỬU VI

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2229

久仰
jiǔyǎng

ngưỡng mộ đã lâu, kính ngưỡng đã lâu (khách khí)

在国际大科学峰会上，多国诺贝尔奖得主握住中国青年战略科学家的手由衷赞叹：“久仰大名，你们的原创突破太震撼了！”
Zài guó jì dà kē xué fēng huì shàng, duō guó nuò bèi ěr jiǎng dé zhǔ wò zhù zhōng guó qīng nián zhàn lüè kē xué jiā de shǒu yóu zhōng zàn tàn : "jiǔ yǎng dà míng, nǐ men de yuán chuàng tū pò tài zhèn hàn le!"
Tại Hội nghị Thượng đỉnh Khoa học Lớn Quốc tế, các nhà khoa học đoạt giải Nobel nhiều nước đã nắm chặt tay nhà khoa học chiến lược trẻ Trung Quốc trầm trồ từ đáy lòng: 'Kính ngưỡng đã lâu ngưỡng mộ đã lâu, những đột phá nguyên bản của các bạn quá đỗi chấn động!'

25 nét | HÁN VIỆT : CỬU NGƯỠNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2230

酒精
jiǔ jīng

cồn, cồn sát trùng y tế, rượu etylic

在标准化洁净手术室内，医护人员必须严格使用医用无水酒精与碘伏消毒液实施彻底的手部外科消毒。
Zài biāo zhǔn huà jié jìng shǒu shù shì nèi, yī hù rén yuán bì xū yán gé shǐ yòng yī yòng wú shuǐ jiǔ jīng yǔ diǎn fú xiāo dú yè shí shī chè dǐ de shǒu bù wài kē xiāo dú.
Bên trong phòng phẫu thuật sạch đạt chuẩn hóa, đội ngũ nhân viên y tế bắt buộc phải sử dụng nghiêm ngặt cồn y tế tuyệt đối và dung dịch sát khuẩn povidone iodine để tiến hành sát khuẩn tay ngoại khoa triệt để.

20 nét | HÁN VIỆT : TỬU TINH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2231

酒楼
jiǔlóu

nhà hàng quán ăn, tửu lầu

为了抢抓大科学装置核心真空腔体安装宝贵窗口期，攻坚团队放弃了在豪华酒楼聚餐庆祝的安排，全员在实验室食堂吃便餐奋战。
Wèi le qiǎng zhuā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhēn kōng qiāng tǐ ān zhuāng bǎo guì chuāng kǒu qī, gōng jiān tuán duì fàng qì le zài háo huá jiǔ lóu jù cān qìng zhù de ān pái, quán yuán zài shí yàn shì shí táng chī biàn cān fèn zhàn.
Để tranh thủ thời cơ cửa sổ quý báu lắp đặt buồng chân không cốt lõi của thiết bị khoa học lớn, đội ngũ vượt khó đã từ bỏ việc tổ chức ăn mừng tụ họp tại nhà hàng quán ăn tửu lầu sang trọng, toàn thể thành viên ăn cơm hộp tại nhà ăn phòng thí nghiệm để chiến đấu.

25 nét | HÁN VIỆT : TỬU LÂU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2232

救护车
jiù hù chē

xe cứu thương, xe cấp cứu

在城市主干道上听到救护车急促的警报声，所有社会车辆纷纷主动靠边让行，开辟出一条宝贵的生命绿色通道。
Zài chéng shì zhǔ gàn dào shàng tīng dào jiù hù chē jí cù de jǐng bào shēng, suǒ yǒu shè huì chē liàng fēn fēn zhǔ dòng kào biān ràng xíng, kāi pì chū yī tiáo bǎo guì de shēng mìng lǜ sè tōng dào.
Trên các tuyến đường trục chính đô thị khi nghe thấy tiếng còi hú khẩn cấp của xe cứu thương, tất cả các phương tiện đều chủ động dạt sang hai bên nhường đường, mở ra một làn đường xanh sinh mệnh quý giá.

31 nét | HÁN VIỆT : CỨU HỘ XA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2233

救济
jiù jì

cứu tế, cứu trợ nhân đạo, tương trợ khẩn cấp

国家健全覆盖全民的分层分类社会救助体系，确保在重大自然灾害发生后救济资金与救灾物资第一时间直达困难群众。
Guó jiā jiàn quán fù gài quán mín de fēn céng fēn lèi shè huì jiù zhù tǐ xì, què bǎo zài zhòng dà zì rán zāi hài fā shēng hòu jiù jì zī jīn yǔ jiù zāi wù zī dì yī shí jiān zhí dá kùn nán qún zhòng.
Nhà nước hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội phân tầng phân loại bao phủ toàn dân, bảo đảm sau khi xảy ra thiên tai thảm họa trọng đại, nguồn vốn cứu tế cùng vật tư cứu trợ trực tiếp tới tay quần chúng gặp khó khăn ngay trong thời gian sớm nhất.

21 nét | HÁN VIỆT : CỨU TẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2234

救治
jiùzhì

cứu chữa điều trị, cấp cứu trị liệu bệnh nhân

国家医学科技攻关团队研发的新型体外膜肺氧合ECMO核心关键部件实现完全国产化，在重大重症救治中发挥了关键作用。
Guó jiā yī xué kē jì gōng guān tuán duì yán fā de xīn xíng tǐ wài mó fèi yǎng hé ECMO hé xīn guān jiàn bù jiàn shí xiàn wán quán guó chǎn huà, zài zhòng dà zhòng zhèng jiù zhì zhōng fā huī le guān jiàn zuò yòng.
Các linh kiện then chốt cốt lõi của máy oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể (ECMO) kiểu mới do đội ngũ nghiên cứu khoa học y học vượt khó quốc gia phát triển đã thực hiện sản xuất trong nước hoàn toàn, phát huy tác dụng then chốt trong cứu chữa điều trị bệnh nhân nặng trọng đại.

21 nét | HÁN VIỆT : CỨU TRỊ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2235

就餐
jiùcān

dùng bữa ăn cơm, ăn uống ẩm thực

大科学装置综合后勤中心为实行二十四小时不间断物理轮班调试的一线中外科研人员提供了全天候营养就餐保障。
Dà kē xué zhuāng zhì zōng hé hòu qín zhōng xīn wèi shí xíng èr shí sì xiǎo shí bù jiàn duàn wù lǐ lún bān tiáo shì de yī xiàn zhōng wài kē yán rén yuán tí gōng le quán tiān hòu yíng yǎng jiù cān bǎo zhàng.
Trung tâm Hậu cần Tổng hợp Thiết bị Khoa học Lớn mang lại sự bảo đảm ăn uống dùng bữa ăn cơm dinh dưỡng 24/7 cho các cán bộ nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước tuyến đầu thực thi hiệu chỉnh luân phiên vật lý liên tục không gián đoạn 24 giờ.

25 nét | HÁN VIỆT : TỰU XAN

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2236

就地
jiùdì

tại chỗ, ngay tại địa phương

国家重大前沿战略科技成果加速就地孵化转化，有力带动了区域现代化战略性新兴产业集群高质量跨越发展。
Guó jiā zhòng dà qián yán zhàn lüè kē jì chéng guǒ jiā sù jiù dì fū huà zhuǎn huà, yǒu lì dài dòng le qū yù xiàn dài huà zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè jí qún gāo zhì liàng kuà yuè fā zhǎn.
Các thành quả khoa học công nghệ chiến lược tiên phong trọng đại quốc gia đẩy nhanh việc ươm tạo chuyển hóa tại chỗ ngay tại địa phương, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nhảy vọt chất lượng cao của các cụm ngành mới nổi mang tính chiến lược hiện đại hóa của khu vực.

24 nét | HÁN VIỆT : TỰU ĐỊA

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2237

就读
jiùdú

theo học tại, học tập tại trường

在两院院士领衔的基础科学拔尖创新人才培养基地班就读的青年学子，早早进入国家重点实验室参与大科学装置实战攻关。
Zài liǎng yuàn yuàn shì lǐng xián de jī chǔ kē xué bá jiān chuàng xīn rén cái péi yǎng jī dì bān jiù dú de qīng nián xué zǐ, zǎo zǎo jìn rù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì cān yù dà kē xué zhuāng zhì shí zhàn gōng guān.
Các học trò trẻ học tập theo học tại lớp cơ sở bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng khoa học cơ bản do các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn dắt đã sớm tiến vào Phòng thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia tham gia vượt khó thực chiến thiết bị khoa học lớn.

22 nét | HÁN VIỆT : TỰU ĐẬU

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ | #2238

就近
jiù jìn

ở gần, tiện gần đó, gần nhất

国家推进优质基础教育与优质医疗资源均衡布局，让广大人民群众在家门口就能享受到优质就近的公共服务。
Guó jiā tuī jìn yōu zhì jī chǔ jiào yù yǔ yōu zhì yī liáo zī yuán jūn héng bù jú, ràng guǎng dà rén mín qún zhòng zài jiā mén kǒu jiù néng xiǎng shòu dào yōu zhì jiù jìn de gōng gòng fú wù.
Nhà nước thúc đẩy bố cục cân bằng các nguồn lực y tế và giáo dục cơ bản chất lượng cao, giúp đông đảo quần chúng nhân dân ngay trước cửa nhà mình đã có thể thụ hưởng các dịch vụ công cộng chất lượng cao ở vị trí gần nhất.

24 nét | HÁN VIỆT : TỰU CẬN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2239

就任
jiùrèn

nhậm chức, tiếp nhận chức vụ chính thức

国际著名理论物理学家全职回国正式就任国家前沿物质科学中心主任，全面领导世界一流战略大科学装置规划建设。
Guó jì zhù míng lǐ lùn wù lǐ xué jiā quán zhí huí guó zhèng shì jiù rèn guó jiā qián yán wù zhì kē xué zhōng xīn zhǔ rèn, quán miàn lǐng dǎo shì jiè yì liú zhàn lüè dà kē xué zhuāng zhì guī huà jiàn shè.
Nhà vật lý lý thuyết nổi tiếng quốc tế đã toàn thời gian về nước chính thức nhậm chức tiếp nhận chức vụ Giám đốc Trung tâm Khoa học Vật chất Tiên phong Quốc gia, lãnh đạo toàn diện việc quy hoạch xây dựng thiết bị đại

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2240

就医
jiù yī

Tìm kiếm lời khuyên y tế

老师鼓励大家积极就医，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiù yī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Tìm kiếm lời khuyên y tế, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2241

就诊
jiùzhěn

khám bệnh, đi khám chữa bệnh tại viện

国家远程医疗协同创新平台依托超低时延高速网络，让偏远山区各族群众足不出县即可享受到国家顶级三甲医院专家精准就诊服务。
Guó jiā yuǎn chéng yī liáo xié tóng chuàng xīn píng tái yī tuō chāo dī shí yán gāo sù wǎng luò, ràng piān yuǎn shān qū gè zú qún zhòng zú bù chū xiàn jí kě xiǎng shòu dào guó jiā dǐng jí sān jiǎ yī yuàn zhuān jiā jīng zhǔn jiù zhěn fú wù.
Nền tảng đổi mới sáng tạo hiệp đồng y tế từ xa quốc gia dựa vào mạng lưới tốc độ cao độ trễ siêu thấp, giúp đồng bào các dân tộc vùng núi xa xôi không cần bước chân ra khỏi huyện là có thể được hưởng thụ dịch vụ khám bệnh đi khám chữa bệnh chuẩn xác

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2242

就职
jiù zhí

nhậm chức, tuyên thệ nhậm chức

新当选的国家级重点实验室主任在庄严的就职典礼上郑重承诺，将全力引领团队攻克关键战略核心技术。
Xīn dāng xuǎn de guó jiā jí zhòng diǎn shí yàn shì zhǔ rèn zài zhuāng yán de jiù zhí diǎn lǐ shàng zhèng zhòng chéng nuò, jiāng quán lì yǐn lǐng tuán duì gōng kè guān jiàn zhàn lüè hé xīn jì shù.
Vị chủ nhiệm phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia mới trúng cử tại buổi lễ nhậm chức trang nghiêm đã trịnh trọng cam kết sẽ dốc toàn lực dẫn dắt nhóm nghiên cứu chinh phục các công nghệ lõi chiến lược then chốt.

20 nét | HÁN VIỆT : TỰU CHỨC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2243

就座
jiùzuò

ngồi vào chỗ, an tọa vào vị trí

在世界青年科学家高峰论坛开幕式上，来自数十个国家的杰出青年学者在雄壮激昂的乐曲声中依次在主席台就座。
Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā gāo fēng lùn tán kāi mù shì shàng, lái zì shù shí gè guó jiā de jié chū qīng nián xué zhě zài xióng zhuàng jī áng de yuè qǔ shēng zhōng yī cì zài zhǔ xí tái jiù zuò.
Tại lễ khai mạc Diễn đàn Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, các học giả trẻ xuất sắc đến từ hàng chục quốc gia giữa âm hưởng nhạc khúc hùng tráng hào hùng đã lần lượt ngồi vào chỗ an tọa trên đoàn chủ tịch.

24 nét | HÁN VIỆT : TỰU TOẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2244

舅舅
jiù jiu

cậu (anh trai/em trai của mẹ)

作为一名具有三十年教龄的中学高级特级教师，我的舅舅在物理学科教学上积累了极其丰富的实践经验。
Zuò wéi yī míng jù yǒu sān shí nián jiào líng de zhōng xué gāo jí tè jí jiào shī, wǒ de jiù jiù zài wù lǐ xué kē jiào xué shàng jī lěi le jí qí fēng fù de shí jiàn jīng yàn.
Với tư cách là một nhà giáo ưu tú cấp cao có hơn 30 năm thâm niên đứng lớp, người cậu của tôi đã tích lũy được những kinh nghiệm thực tiễn vô cùng sâu rộng trong giảng dạy môn Vật lý.

16 nét | HÁN VIỆT : CỮU CỮU

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2245

居高临下
jūgāolínxià

từ trên cao nhìn xuống, chiếm thế thượng phong; kẻ cả trịch thượng

在国际多边学术交流中，各国科学家应当坚持平等相待、真诚合作，坚决反对任何居高临下与傲慢偏见的霸权作风。
Zài guó jì duō biān xué shù jiāo liú zhōng, gè guó kē xué jiā yīng dāng jiān chí píng děng xiāng dài, zhēn chéng hé zuò, jiān jué fǎn duì rèn hé jū gāo lín xià yǔ ào màn piān jiàn de bà quán zuò fēng.
Trong giao lưu học thuật đa phương quốc tế, các nhà khoa học các nước cần kiên trì đối đãi bình đẳng, chân thành hợp tác, kiên quyết phản đối mọi tác phong bá quyền kiêu ngạo định kiến và trịch thượng kẻ cả từ trên cao nhìn xuống.

35 nét | HÁN VIỆT : CƯ CAO LÂM HẠ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2246

居民楼
jūmínlóu

tòa nhà chung cư dân cư, nhà ở cư dân

国家综合性科学中心建设的绿色智慧科学家社区居民楼，为海内外领军学者与青年拔尖科研人才提供了极其优越舒适的安居保障。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn jiàn shè de lǜ sè zhì huì kē xué jiā shè qū jū mín lóu, wèi hǎi nèi wài lǐng jūn xué zhě yǔ qīng nián bá jiān kē yán rén cái tí gōng le jí qí yōu yuè shū shì de ān jū bǎo zhàng.
Tòa nhà chung cư dân cư nhà ở cư dân khu cộng đồng nhà khoa học thông minh xanh do Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia xây dựng đã mang lại sự bảo đảm an cư vô cùng ưu việt và tiện nghi cho các nhân tài nghiên cứu khoa học xuất chúng thanh niên và học giả dẫn đầu trong và ngoài nước.

33 nét | HÁN VIỆT : CƯ DÂN LÂU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2247

拘留
jū liú

tạm giữ, giam giữ hành chính/hình sự

公安机关依法对在网络上恶意编造、散布重大虚假险情并造成严重社会恐慌的违法当事人处以行政拘留处罚。
Gōng ān jī guān yī fǎ duì zài wǎng luò shàng è yì biān zào, sàn bù zhòng dà xū jiǎ xiǎn qíng bìng zào chéng yán zhòng shè huì kǒng huāng de wéi fǎ dāng shì rén chǔ yǐ xíng zhèng jū liú chǔ fá.
Cơ quan công an theo quy định của pháp luật đã áp dụng hình thức xử phạt tạm giữ hành chính đối với đương sự vi phạm có hành vi cố tình bịa đặt, lan truyền tin tức hiểm họa giả mạo trên mạng gây hoang mang dư luận xã hội nghiêm trọng.

26 nét | HÁN VIỆT : CÂU LƯU

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2248

拘束
jū shù

gò bó, câu nệ gượng gạo, rụt rè

老院士和蔼可亲的笑容与幽默风趣的话语，让初次参加国家高端学术研讨会的青年学生们彻底放下了拘束。
Lǎo yuàn shì hé ǎi kě qīn de xiào róng yǔ yōu mò fēng qù de huà yǔ, ràng chū cì cān jiā guó jiā gāo duān xué shù yán tǎo huì de qīng nián xué shēng men chè dǐ fàng xià le jū shù.
Nụ cười hiền hậu dễ gần cùng những lời nói hóm hỉnh hóm hỉnh của vị viện sĩ lão thành đã giúp các bạn sinh viên trẻ lần đầu tiên tham dự hội thảo học thuật cao cấp quốc gia hoàn toàn trút bỏ được sự gò bó rụt rè.

25 nét | HÁN VIỆT : CÂU THÚC

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2249

鞠躬
jū gōng

cúi đầu chào, cúi mình cung kính

在人民英雄纪念碑前，各界群众代表肃立默哀并深情三鞠躬，深切缅怀为国家独立与民族解放英勇献身的革命先烈。
Zài rén mín yīng xióng jì niàn bēi qián, gè jiè qún zhòng dài biǎo sù lì mò āi bìng shēn qíng sān jū gōng, shēn qiè miǎn huái wèi guó jiā dú lì yǔ mín zú jiě fàng yīng yǒng xiàn shēn de gé mìng xiān liè.
Trước Đài Kỷ niệm Anh hùng Nhân dân, đại diện quần chúng các giới đã đứng nghiêm mặc niệm và cúi đầu cung kính ba lần đầy ân tình, tưởng nhớ sâu sắc các anh hùng liệt sĩ cách mạng đã anh dũng hy sinh vì độc lập dân tộc và giải phóng non sông.

22 nét | HÁN VIỆT : CÚC CUNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2250

局部
jú bù

cục bộ, một phần, phạm vi cục bộ

在推进全面深化改革过程中，既要从全局出发搞好宏观顶层设计，也要尊重基层的局部首创精神。
Zài tuī jìn quán miàn shēn huà gǎi gé guò chéng zhōng, jì yào cóng quán jú chū fā gǎo hǎo hóng guān dǐng céng shè jì, yě yào zūn zhòng jī céng de jú bù shǒu chuàng jīng shén.
Trong tiến trình thúc đẩy cải cách toàn diện sâu rộng, vừa phải xuất phát từ toàn cục làm tốt thiết kế vĩ mô tầng cao nhất, lại vừa phải tôn trọng tinh thần sáng tạo khởi nghiệp mang tính cục bộ ở cơ sở.

24 nét | HÁN VIỆT : CỤC BỘ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2251

局势
jú shì

cục diện tình hình, thời cuộc (chính trị, an ninh)

面对复杂严峻的国际地缘政治安全局势，中国始终坚持独立自主的和平外交政策，积极推动政治解决国际热点问题。
Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì dì yuán zhèng zhì ān quán jú shì, zhōng guó shǐ zhōng jiān chí dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jí tuī dòng zhèng zhì jié jué guó jì rè diǎn wèn tí.
Đứng trước tình hình an ninh địa chính trị quốc tế phức tạp và gay gắt, Trung Quốc luôn kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực thúc đẩy giải quyết các vấn đề điểm nóng quốc tế bằng biện pháp chính trị.

22 nét | HÁN VIỆT : CỤC THẾ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2252

局限
jú xiàn

hạn chế, giới hạn trong phạm vi hẹp

科学创新绝不能局限于对已有成熟结论的修修补补，而要敢于提出颠覆性新概念、开辟全新学术赛道。
Kē xué chuàng xīn jué bù néng jú xiàn yú duì yǐ yǒu chéng shú jié lùn de xiū xiū bǔ bǔ, ér yào gǎn yú tí chū diān fù xìng xīn gài niàn, kāi pì quán xīn xué shù sài dào.
Đổi mới sáng tạo khoa học tuyệt đối không thể hạn chế bó hẹp trong việc chắp vá sửa đổi các kết luận thành thục có sẵn, mà phải dũng cảm đề xuất các khái niệm mới mang tính cách mạng, mở ra đường đua học thuật hoàn toàn mới.

22 nét | HÁN VIỆT : CỤC HẠN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2253

菊花
júhuā

hoa cúc, cúc hoa thanh nhã

现代农业分子生物育种团队利用精确基因编辑技术，成功培育出花期持久、耐重金属盐碱的新型观赏与药用菊花优良新品系。
Xiàn dài nóng yè fèn zǐ shēng wù yù zhǒng tuán duì lì yòng jīng què jī yīn biān jí jì shù, chéng gōng péi yù chū huā qī chí jiǔ, nài zhòng jīn shǔ yán jiǎn de xīn xíng guān shǎng yù yào yòng jú huā yōu liáng xīn pǐn xì.
Đội ngũ nhân giống sinh học phân tử nông nghiệp hiện đại ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen chuẩn xác đã lai tạo thành công dòng mới ưu lương hoa cúc cúc hoa dùng làm thuốc và thưởng ngoạn kiểu mới chịu mặn phèn kim loại nặng và hoa nở bền lâu.

25 nét | HÁN VIỆT : CÚC HOA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2254

橘子
júzi

quả quýt, trái quýt ngọt

国家柑橘产业技术体系科学家攻克了特种果树黄龙病早期微光遥感分子无损诊断技术，全力守护千万橘农的橘子果园丰收。
Guó jiā gān jú chǎn yè jì shù tǐ xì kē xué jiā gōng kè le tè zhǒng guǒ shù huáng lóng bìng zǎo qī wēi guāng yáo gǎn fèn zǐ wú sǔn zhěn duàn jì shù, quán lì shǒu hù qiān wàn jú nóng de jú zi guǒ yuán fēng shōu.
Các nhà khoa học thuộc Hệ thống Công nghệ Ngành Cam Quýt Quốc gia đã chinh phục công nghệ chẩn đoán không tổn hại phân tử viễn thám ánh sáng yếu bệnh vàng lá gân xanh (Huanglongbing) cây ăn quả đặc chủng, dốc toàn lực bảo vệ mùa màng bội thu cho các vườn cây ăn quả quả quýt của hàng triệu hộ nông dân trồng quýt.

20 nét | HÁN VIỆT : QUÝT TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2255

沮丧
jǔ sàng

chán nản, nản lòng thoái chí, thất vọng ủ rũ

在经历了上百次实验失败的严峻打击后，科研团队没有丝毫沮丧放弃，而是迅速重整旗鼓攻关到底。
Zài jīng lì le shàng bǎi cì shí yàn shī bài de yán jùn dǎ jī hòu, kē yán tuán duì méi yǒu sī háo jǔ sàng fàng qì, ér shì xùn sù chóng zhěng qí gǔ gōng guān dào dǐ.
Sau khi trải qua đòn giáng nặng nề của hàng trăm lần thực nghiệm thất bại, nhóm nghiên cứu khoa học không hề có chút nản lòng thoái chí từ bỏ, mà nhanh chóng chấn chỉnh lại đội ngũ kiên trì vượt khó tới cùng.

21 nét | HÁN VIỆT : TRỞ TANG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2256

举报
jǔbào

tố giác báo cáo, tố cáo phản ánh sai phạm

国家科技伦理与学风监督委员会健全了学术不端线索依法依规核查处理机制，坚决严肃惩处被实名举报核实的学术造假行为。
Guó jiā kē jì lún lǐ yǔ xué fēng jiān dū wěi yuán huì jiàn quán le xué shù bù duān xiàn suǒ yī fǎ yī guī hé chá chǔ lǐ jī zhì, jiān jué yán sù chéng chǔ bèi shí míng jǔ bào hé shí de xué shù zào jiǎ xíng wéi.
Hội đồng Giám sát Học phong và Đạo đức Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã hoàn thiện cơ chế thẩm tra xử lý các manh mối sai sót học thuật theo đúng pháp luật quy định, kiên quyết xử phạt nghiêm minh các hành vi làm giả học thuật được thẩm tra xác thực sau khi bị tố giác báo cáo tố cáo bằng tên thật.

23 nét | HÁN VIỆT : CỬ BÁO

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2257

举措
jǔcuò

biện pháp giải pháp, quyết sách chủ trương lớn

国家出台全面深化科技体制改革、实施基于信任的科研经费包干制等一系列硬核创新举措，极大激发了科研人员创新创业活力。
Guó jiā chū tái quán miàn shēn huà kē jì tǐ zhì gǎi gé, shí shī jī yú xìn rèn de kē yán jīng fèi bāo gān zhì děng yī xì liè yìng hé chuàng xīn jù cuò, jí dà jī fā le kē yán rén yuán chuàng xīn chuàng yè huó lì.
Nhà nước ban hành một loạt quyết sách biện pháp giải pháp đổi mới công nghệ cứng như đi sâu toàn diện cải cách thể chế khoa học kỹ thuật, thực thi chế độ khoán gọn kinh phí nghiên cứu khoa học dựa trên sự tin cậy, khích lệ tột bậc sức sống khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của cán bộ nghiên cứu.

25 nét | HÁN VIỆT : CỬ THỐ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2258

举例
jǔlì

nêu ví dụ, lấy ví dụ minh họa

两院院士在给青年学子授课时，深入浅出地举例剖析爱因斯坦广义相对论预言引力波的深刻物理内涵。
Liǎng yuàn yuàn shì zài gěi qīng nián xué zǐ shòu kè shí, shēn rù qiǎn chū dì jù lì pōu xī ài yīn sī tǎn guǎng yì xiāng duì lùn yù yán yǐn lì bō de shēn kè wù lǐ nèi hán.
Viện sĩ hai Viện Hàn lâm khi giảng bài cho các học trò trẻ tuổi đã lấy ví dụ nêu ví dụ minh họa phân tích sâu sắc mà dễ hiểu về nội hàm vật lý sâu sắc của việc dự đoán sóng hấp dẫn trong thuyết tương đối rộng của Einstein.

19 nét | HÁN VIỆT : CỬ LỆ

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2259

举世闻名
jǔ shì wén míng

nổi tiếng khắp thế giới, lừng danh năm châu

巍峨蜿蜒的长城与气势磅礴的秦始皇陵兵马俑，是举世闻名的中华古代人类文明伟大历史奇迹。
Wēi é wān yán de cháng chéng yǔ qì shì páng bó de qín shǐ huáng líng bīng mǎ yǒng, shì jǔ shì wén míng de zhōng huá gǔ dài rén lèi wén míng wěi dà lì shǐ qí jì.
Vạn Lý Trường Thành uốn lượn uy nghi cùng Đội quân Đất nung Lăng mộ Tần Thủy Hoàng khí thế hùng vĩ là những kỳ tích lịch sử vĩ đại của nền văn minh nhân loại cổ đại Trung Hoa nổi tiếng khắp thế giới.

35 nét | HÁN VIỆT : CỬ THẾ VĂN DANH

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Tính từ | #2260

举世无双
jǔshìwúshuāng

vô song trên đời, độc nhất vô nhị không ai sánh bằng

中国天眼FAST以其五百米超大单口径与举世无双的超高观测灵敏度，成为人类探索未知宇宙深空最强大的射电重器。
Zhōng guó tiān yǎn FAST yǐ qí wǔ bǎi mǐ chāo dà dān kǒu jìng yǔ jǔ shì wú shuāng de chāo gāo guān cè líng mǐn dù, chéng wéi rén lèi tàn suǒ wèi zhī yǔ zhòu shēn kōng zuì qiáng dà de shè diàn zhòng qì.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST bằng độ nhạy quan trắc siêu cao độc nhất vô nhị vô song trên đời cùng đơn khẩu kính siêu lớn 500 mét đã trở thành đại khí vô tuyến hùng mạnh nhất để nhân loại khám phá không gian sâu vũ trụ chưa biết.

35 nét | HÁN VIỆT : CỬ THẾ VÔ SONG

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2261

举世瞩目
jǔ shì zhǔ mù

cả thế giới đều dõi theo, thu hút sự chú ý toàn cầu

中国在脱贫攻坚与全面建成小康社会征程中取得了举世瞩目的伟大历史性成就，书写了人类减贫奇迹。
Zhōng guó zài tuō pín gōng jiān yǔ quán miàn jiàn chéng xiǎo kāng shè huì zhēng chéng zhōng qǔ dé le jǔ shì zhǔ mù dì wěi dà lì shǐ xìng chéng jiù, shū xiě le rén lèi jiǎn pín qí jì.
Trung Quốc trong hành trình xóa đói giảm nghèo vượt khó và xây dựng toàn diện xã hội khá giả đã đạt được những thành tựu lịch sử vĩ đại khiến cả thế giới đều phải dõi theo ngưỡng mộ, viết nên kỳ tích giảm nghèo của nhân loại.

35 nét | HÁN VIỆT : CỬ THẾ CHÚC MỤC

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ / Động từ | #2262

举一反三
jǔyīfǎnsān

suy một biết mười, suy rộng ra từ một trường hợp

在攻克重大工程卡脖子技术难关时，科研团队善于举一反三，从微观原子动力学机理推演解决宏观装备制造工艺瓶颈。
Zài gōng kè zhòng dà gōng chéng qiǎ bó zi jì shù nán guān shí, kē yán tuán duì shàn yú jǔ yī fǎn sān, cóng wēi guān yuán zi dòng lì xué jī lǐ tuī yǎn jiě jué hóng guān zhuāng bèi zhì zào gōng yì píng jǐng.
Khi chinh phục cửa ải khó khăn công nghệ nút thắt cổ chai công trình trọng đại, đội ngũ nghiên cứu khoa học giỏi suy một biết mười suy rộng ra từ một suy diễn từ cơ chế động lực học nguyên tử vi mô để giải quyết nút thắt quy trình chế tạo trang thiết bị vĩ mô.

35 nét | HÁN VIỆT : CỬ NHẤT PHẢN TAM

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2263

举止
jǔzhǐ

cử chỉ hành vi, phong thái đĩnh đạc

老一辈功勋战略科学家举止谦逊儒雅、淡泊名利，在青年一代科技工作者心中树立了令人景仰的大师风范典范。
Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā jǔ zhǐ qiān xùn rú yǎ, dàn bó míng lì, zài qīng nián yí dài kē jì gōng zuò zhě xīn zhōng shù lì le lìng rén jǐng yǎng de dà shī fēng fàn diǎn fàn.
Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiền bối cử chỉ hành vi khiêm tốn nho nhã đĩnh đạc, đạm bạc danh lợi, đã dựng nên hình mẫu phong thái bậc đại sư mẫu mực khiến mọi người kính ngưỡng trong trái tim những người làm khoa học công nghệ thế hệ trẻ.

20 nét | HÁN VIỆT : CỬ CHỈ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2264

举重
jǔzhòng

cử tạ; giải quyết việc lớn nhẹ nhàng (nghĩa bóng: jǔzhòng ruòqīng)

在面临大科学工程重大技术路线抉择的历史关口，总设计师举重若轻、高瞻远瞩，果断拍板了最可靠自主攻坚方案。
Zài miàn lín dà kē xué gōng chéng zhòng dà jì shù lù xiàn jué zé de lì shǐ guān kǒu, zǒng shè jì shī jǔ zhòng ruò qīng, gāo zhān yuǎn zhǔ, guǒ duàn pāi bǎn le zuì kě kào zì zhǔ gōng jiān fāng àn.
Tại thời điểm lịch sử đối mặt với sự lựa chọn lộ trình công nghệ trọng đại của công trình khoa học lớn, vị Tổng Nhà thiết kế giải quyết việc lớn nhẹ nhàng như nâng tạ cử tạ (cử trọng nhược khinh), nhìn xa trông rộng, đã quyết đoán chốt hạ phương án vượt khó tự chủ tin cậy nhất.

20 nét | HÁN VIỆT : CỬ TRÙNG

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Danh từ | #2265

巨额
jù'é

khoản tiền khổng lồ, số tiền cực lớn

国家持续加大对大科学装置集群建设与基础研究前沿的巨额战略性财政专项资金支持力度。
Guó jiā chí xù jiā dà duì dà kē xué zhuāng zhì jí qún jiàn shè yǔ jī chǔ yán jiū qián yán de jù é zhàn lüè xìng cái zhèng zhuān xiàng zī jīn zhī chí lì dù.
Nhà nước tiếp tục gia tăng mạnh mẽ mức độ hỗ trợ nguồn vốn chuyên án tài chính mang tính chiến lược với số tiền cực lớn khoản tiền khổng lồ cho mũi nhọn nghiên cứu cơ bản và việc xây dựng cụm thiết bị khoa học lớn.

20 nét | HÁN VIỆT : CỰ NGẠCH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2266

巨人
jùrén

người khổng lồ, bậc vĩ nhân sừng sững

站在科学巨人的肩膀上，当代中国青年科学家勇闯前沿科学无人区，向着世界科技最高巅峰发起强力冲刺。
Zhàn zài kē xué jù rén de jiān bǎng shàng, dāng dài zhōng guó qīng nián kē xué jiā yǒng chuǎng qián yán kē xué wú rén qū, xiàng zhe shì jiè kē jì zuì gāo diān fēng fā qǐ qiáng lì chōng cì.
Đứng trên vai của những người khổng lồ người khổng lồ khoa học, các nhà khoa học trẻ Trung Quốc đương đại dũng cảm xông pha vào vùng không người khoa học tiên phong, phát động cuộc chạy nước rút mạnh mẽ hướng tới đỉnh cao chót vót nhất của khoa học công nghệ thế giới.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2267

巨头
jùtóu

ông lớn đầu ngành, tập đoàn cự đầu thủ lĩnh

我国科技领军骨干企业加速成长为具有全球顶尖原始创新竞争力与生态号召力的战略科技巨头。
Wǒ guó kē jì lǐng jūn gǔ gàn qǐ yè jiā sù chéng zhǎng wèi jù yǒu quán qiú dǐng jiān yuán shǐ chuàng xīn jìng zhēng lì yǔ shēng tài hào zhào lì de zhàn lüè kē jì jù tóu.
Các doanh nghiệp nòng cốt dẫn đầu khoa học công nghệ nước ta đang đẩy nhanh trưởng thành thành các tập đoàn cự đầu ông lớn đầu ngành khoa học công nghệ chiến lược sở hữu sức hiệu triệu hệ sinh thái và sức cạnh tranh đổi mới sáng tạo nguyên bản đỉnh cao toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2268

巨星
jùxīng

ngôi sao khổng lồ, siêu sao cự tinh (thiên văn/nghĩa bóng)

中国天眼FAST首次精确测定了银河系边缘数颗红巨星内部热核反应与微弱星风物质抛射的物理演化参数。
Zhōng guó tiān yǎn FAST shǒu cì jīng què cè dìng le yín hé xì biān yuán shù kē hóng jù xīng nèi bù rè hé fǎn yìng yǔ wēi ruò xīng fēng wù zhì pāo shè de wù lǐ yǎn huà cān shù.
Thiên Nhãn Trung Quốc FAST lần đầu tiên đã đo đạc chuẩn xác các tham số tiến hóa vật lý của phản ứng nhiệt hạch bên trong và sự phun trào vật chất gió sao yếu ớt của một số ngôi sao khổng lồ sao khổng lồ đỏ (Red Giant) nơi rìa dải Ngân Hà.

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2269

巨型
jùxíng

khổng lồ quy mô cực lớn, siêu to lớn

重达数千吨的重型大科学装置巨型超导真空室在地下深部主实验大厅成功实现亚毫米级高精度合拢总装。
Zhòng dá shù qiān dūn de zhòng xíng dà kē xué zhuāng zhì jù xíng chāo dǎo zhēn kōng shì zài dì xià shēn bù zhǔ shí yàn dà tīng chéng gōng shí xiàn yà háo mǐ jí gāo jīng dù hé lǒng zǒng zhuāng.
Buồng chân không siêu dẫn khổng lồ siêu to lớn quy mô cực lớn của thiết bị khoa học lớn hạng nặng nặng hàng ngàn tấn đã thực hiện thành công việc lắp ráp tổng hợp khép kín độ chính xác cao cấp độ dưới milimet trong đại sảnh thực nghiệm chính sâu dưới lòng đất.

22 nét | HÁN VIỆT : CỰ HÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2270

剧烈
jù liè

dữ dội, kịch liệt, chấn động mạnh

空间飞行器再入稠密大气层时会经历极其剧烈的气动加热与震动环境考验，特种隔热瓦提供了万无一失的热防护。
Kōng jiān fēi xíng qì zài rù chóu mì dà qì céng shí huì jīng lì jí qí jù liè de qì dòng jiā rè yǔ zhèn dòng huán jìng kǎo yàn, tè zhǒng gé rè wǎ tí gōng le wàn wú yī shī de rè fáng hù.
Phi thuyền không gian khi trở lại bầu khí quyển đậm đặc sẽ phải trải qua thử thách môi trường rung chấn và đốt nóng khí động học vô cùng dữ dội kịch liệt, các tấm gạch cách nhiệt đặc chủng đã mang lại sự bảo vệ nhiệt tuyệt đối an toàn.

24 nét | HÁN VIỆT : KỊCH LIỆT

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2271

剧目
jùmù

vở kịch tiết mục, tiết mục kịch bản biểu diễn

以“两弹一星”功勋科学家为原型创作的大型话剧剧目《大地之光》在全国高校巡演，引发广大师生强烈情感共鸣。
Yǐ "liǎng dàn yī xīng" gōng xūn kē xué jiā wèi yuán xíng chuàng zuò de dà xíng huà jù jù mù《dà dì zhī guāng》zài quán guó gāo xiào xún yǎn, yǐn fā guǎng dà shī shēng qiáng liè qíng gǎn gòng míng.
Vở kịch tiết mục kịch bản kịch nói quy mô lớn 'Ánh Sáng Của Đất Mẹ' sáng tác lấy nguyên mẫu từ các nhà khoa học có công lao 'Hai bom một vệ tinh' lưu diễn tại các trường đại học trên toàn quốc đã dấy lên sự đồng cảm sâu sắc mạnh mẽ của đông đảo giảng viên và sinh viên.

23 nét | HÁN VIỆT : KỊCH MỤC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2272

剧情
jùqíng

cốt truyện diễn biến, tình tiết cốt truyện kịch bản

重大航天题材纪实电影扣人心弦的真实剧情生动再现了科学家们在戈壁荒漠克服重重险阻、铸就国之重器的壮丽史诗。
Zhòng dà háng tiān tí cái jì shí diàn yǐng kòu rén xīn xián de zhēn shí jù qíng shēng dòng zài xiàn le kē xué jiā men zài gē bì huāng mò kè fú chóng chóng xiǎn zǔ, zhù jiù guó zhī zhòng qì de zhuàng lì shī shī.
Cốt truyện tình tiết cốt truyện chân thực nghẹt thở cuốn hút lòng người của bộ phim điện ảnh ký sự đề tài hàng không vũ trụ trọng đại đã tái hiện sinh động bản anh hùng ca tráng lệ của các nhà khoa học vượt qua muôn trùng hiểm trở nơi sa mạc hoang mạc Gobi đúc tạo nên đại khí quốc gia.

20 nét | HÁN VIỆT : KỊCH TÌNH

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2273

剧团
jùtuán

đoàn kịch, đoàn nghệ thuật kịch

国家级优秀话剧团深入大科学装置建设一线与戈壁发射场慰问采风，用优秀文艺作品倾情礼赞科学家精神。
Guó jiā jí yōu xiù huà jù tuán shēn rù dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè yī xiàn yǔ gē bì fā shè chǎng wèi wèn cǎi fēng, yòng yōu xiù wén yì zuò pǐn qīng qíng lǐ zàn kē xué jiā jīng shén.
Đoàn kịch đoàn nghệ thuật kịch nói xuất sắc cấp quốc gia đã đi sâu vào tuyến đầu xây dựng thiết bị khoa học lớn và bãi phóng sa mạc Gobi để lấy chất liệu sáng tác và thăm hỏi động viên, dùng các tác phẩm văn nghệ ưu tú để hết lòng ca ngợi tinh thần nhà khoa học.

23 nét | HÁN VIỆT : KỊCH ĐOÀN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2274

剧院
jùyuàn

nhà hát rạp hát, sân khấu kịch viện

在国家大剧院隆重举办的新时代科学家精神主题交响音乐会上，全场观众以最热烈的掌声向功勋科学家致敬。
Zài guó jiā dà jù yuàn lóng zhòng jǔ bàn de xīn shí dài kē xué jiā jīng shén zhǔ tí jiāo xiǎng yīn yuè huì shàng, quán chǎng guān zhòng yǐ zuì rè liè de zhǎng shēng xiàng gōng xūn kē xué jiā zhì jìng.
Tại đêm nhạc giao hưởng chủ đề Tinh thần Nhà khoa học Thời đại mới tổ chức long trọng ở Nhà hát Nhà hát Lớn Quốc gia, toàn thể khán giả bằng những tràng pháo tay nhiệt liệt nhất đã nghiêng mình kính cẩn gửi lời tri ân tới các nhà khoa học có công lao.

25 nét | HÁN VIỆT : KỊCH VIỆN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2275

剧组
jùzǔ

đoàn làm phim, đoàn quay phim

重大国防大科学题材大型电影剧组在西北戈壁试验场历时数月实景拍摄，忠实还原了老一辈科学家艰苦创业的感人场景。
Zhòng dà guó fáng dà kē xué tí cái dà xíng diàn yǐng jù zǔ zài xī běi gē bì shì yàn chǎng lì shí shù yuè shí jǐng pāi shè, zhōng shí huán yuán le lǎo yī bèi kē xué jiā jiān kǔ chuàng yè de gǎn rén chǎng jǐng.
Đoàn làm phim đoàn quay phim bộ phim điện ảnh quy mô lớn đề tài đại khoa học quốc phòng trọng đại đã quay bối cảnh thực tế suốt nhiều tháng tại bãi thử nghiệm sa mạc Gobi miền Tây Bắc, phục dựng trung thực những cảnh tượng cảm động khởi nghiệp gian khổ của các nhà khoa học tiền bối.

20 nét | HÁN VIỆT : KỊCH TỔ

HSK 7-9 (3.0) | Liên từ / Phó từ | #2276

据此
jùcǐ

căn cứ vào đó, dựa vào đó theo đó

我国科研团队在高精度极端物理测试中获得了第一手反常量子震荡数据，据此成功修正了经典凝聚态理论模型参数。
Wǒ guó kē yán tuán duì zài gāo jīng dù jí duān wù lǐ cè shì zhōng huò dé le dì yī shǒu fǎn cháng liàng zǐ zhèn dàng shù jù, jù cǐ chéng gōng xiū zhèng le jīng diǎn níng jù tài lǐ lùn mó xíng cān shù.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta trong thử nghiệm vật lý cực đoan độ chính xác cao đã thu được số liệu dao động lượng tử dị thường ban đầu, căn cứ vào đó dựa vào đó đã sửa đổi hiệu chỉnh thành công các tham số mô hình lý thuyết vật chất ngưng tụ kinh điển.

21 nét | HÁN VIỆT : CỨ THỬ

HSK 7-9 (3.0) | Phó từ / Liên từ | #2277

据悉
jù xī

theo tin cho biết, được biết

据悉，我国新一代全超导量子计算机原型机已顺利完成关键硬件系统集成，算力性能大幅超越上一代系统。
Jù xī, wǒ guó xīn yí dài quán chāo dǎo liàng zǐ jì suàn jī yuán xíng jī yǐ shùn lì wán chéng guān jiàn yìng jiàn xì tǒng jí chéng, suàn lì xìng néng dà fú chāo yuè shàng yí dài xì tǒng.
Theo tin cho biết, nguyên mẫu máy tính lượng tử siêu dẫn toàn phần thế hệ mới của nước ta đã hoàn thành thuận lợi việc tích hợp hệ thống phần cứng then chốt, hiệu năng năng lực tính toán vượt trội mạnh mẽ so với hệ thống thế hệ trước.

21 nét | HÁN VIỆT : CỨ TẤT

HSK 7-9 (3.0) | Giới từ / Động từ | #2278

距
jù

cách, cự ly khoảng cách; cách thời điểm

深空探测器在距目标行星表面仅数十公里的超低高度轨道成功实施了高分辨率微波成像雷达连续扫描。
Shēn kōng tàn cè qì zài jù mù biāo xíng xīng biǎo miàn jǐn shù shí gōng lǐ de chāo dī gāo dù guǐ dào chéng gōng shí shī le gāo fēn biàn lǜ wēi bō chéng xiàng léi dá lián xù sǎo miáo.
Tàu thám trắc không gian sâu trên quỹ đạo độ cao siêu thấp chỉ cách cách bề mặt hành tinh mục tiêu vài chục cây số đã thực thi thành công việc quét liên tục radar chụp ảnh vi ba độ phân giải cao.

9 nét | HÁN VIỆT : CỰ

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2279

锯
jù

cưa, cái cưa; cưa cắt gỗ kim loại (nghĩa đen/bóng)

在特种超导金属厚壁腔体超精密机械下料加工中，工程师严格采用超高刚性特种金刚石带锯实现无应力精准切割。
Zài tè zhǒng chāo dǎo jīn shǔ hòu bì qiāng tǐ chāo jīng mì jī xiè xià liào jiā gōng zhōng, gōng chéng shī yán gé cǎi yòng chāo gāo gāng xìng tè zhǒng jīn gāng shí dài jù shí xiàn wú yīng lì jīng zhǔn qiē gē.
Trong gia công cắt vật liệu cơ khí siêu chính xác buồng thể thành dày kim loại siêu dẫn đặc chủng, các kỹ sư áp dụng nghiêm ngặt cái cưa cưa cưa vòng kim cương đặc chủng độ cứng siêu cao để thực hiện việc cắt chuẩn xác không ứng suất.

14 nét | HÁN VIỆT : CƯ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2280

聚集
jùjí

tụ họp tập hợp, quy tụ dồn về một chỗ

国家综合性科学中心正加速聚集全球顶尖科技领军人才与最具创新活力的青年团队，形成世界一流创新策源高地。
Guó jiā zōng hé xìng kē xué zhōng xīn zhèng jiā sù jù jí quán qiú dǐng jiān kē jì lǐng jūn rén cái yǔ zuì jù chuàng xīn huó lì de qīng nián tuán duì, xíng chéng shì jiè yì liú chuàng xīn cè yuán gāo dì.
Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đang đẩy nhanh quy tụ tập hợp tụ họp các đội ngũ thanh niên giàu sức sống đổi mới sáng tạo nhất cùng các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ đỉnh cao toàn cầu, hình thành vùng cao cội nguồn đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới.

16 nét | HÁN VIỆT : TỤ TẬP

HSK 7-9 (3.0) | Thành ngữ | #2281

聚精会神
jù jīng huì shén

tập trung cao độ, chăm chú dồn hết tâm trí

高级装配技师在无尘洁净车间内聚精会神地进行微米级航天陀螺仪装配，呼吸与动作极其沉稳精确。
Gāo jí zhuāng pèi jì shī zài wú chén jié jìng chē jiān nèi jù jīng huì shén dì jìn xíng wēi mǐ jí háng tiān tuó luó yí zhuāng pèi, hū xī yǔ dòng zuò jí qí chén wěn jīng què.
Kỹ thuật viên lắp ráp cao cấp bên trong phân xưởng sạch không bụi đang tập trung cao độ dồn hết tâm trí tiến hành lắp ráp con quay hồi chuyển hàng không ở cấp độ micromet, từng hơi thở và thao tác đều vô cùng điềm tĩnh chuẩn xác.

35 nét | HÁN VIỆT : TỤ TINH HỘI THẦN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2282

捐献
juānxiàn

quyên góp hiến tặng, cống hiến đóng góp từ thiện

功勋战略科学家临终前立下遗嘱，将毕生工资积蓄与重大科技奖励全部捐献给母校设立基础学科拔尖创新奖学金。
Gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā lín zhōng qián lì xià yí zhǔ, jiāng bì shēng gōng zī jī xù yǔ zhòng dà kē jì jiǎng lì quán bù juān xiàn gěi mǔ xiào shè lì jī chǔ xué kē bá jiān chuàng xīn jiǎng xué jīn.
Vị nhà khoa học chiến lược có công lao trước lúc lâm chung đã lập di chúc, hiến tặng quyên góp toàn bộ các giải thưởng khoa học công nghệ trọng đại cùng tiền lương tiết kiệm cả đời mình cho trường cũ thành lập Học bổng Đổi mới Sáng tạo Xuất chúng Môn học Cơ bản.

18 nét | HÁN VIỆT : QUYÊN HIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2283

卷入
juǎnrù

cuốn vào, bị lôi kéo cuốn vào vòng xoáy

中国始终坚定倡导开放合作包容的全球科学治理理念，坚决反对将国际正常学术交流卷入地缘政治博弈的逆流之中。
Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng chàng dǎo kāi fàng hé zuò bāo róng de quán qiú kē xué zhì lǐ lǐ niàn, jiān jué fǎn duì jiāng guó jì zhèng cháng xué shù jiāo liú juǎn rù dì yuán zhèng zhì bó yì de nì liú zhī zhōng.
Trung Quốc luôn kiên định chủ trương quan niệm quản trị khoa học toàn cầu bao dung hợp tác mở cửa, kiên quyết phản đối việc kéo cuốn vào lôi kéo giao lưu học thuật bình thường quốc tế vào dòng chảy ngược của các cuộc đọ sức địa chính trị.

24 nét | HÁN VIỆT : CUỘN NHẬP

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2284

卷子
juànzi

bài thi tờ bài làm thi; cuốn bánh gỏi cuốn (khẩu ngữ)

面对建设世界科技强国的历史时代大考，全国广大科研人员正以自立自强的优异答卷向党和人民交出一份满分答卷。
Miàn duì jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ shí dài dà kǎo, quán guó guǎng dà kē yán rén yuán zhèng yí zì lì zì qiáng de yōu yì dá juàn xiàng dǎng hé rén mín jiāo chū yí fèn mǎn fēn dá juàn.
Đứng trước kỳ thi lớn của thời đại lịch sử về xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới, đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học trên toàn quốc đang bằng bài thi tờ bài làm tự chủ tự cường xuất sắc trao gửi tới Đảng và Nhân dân một bài thi điểm mười trọn vẹn.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Động từ | #2285

决议
juéyì

nghị quyết, quyết định thông qua tại hội nghị

国际纯粹与应用物理学联合会全体大会一致通过历史性决议，正式采纳中国大科学装置团队提出的新型物理常量基准方案。
Guó jì chún cuì yǔ yìng yòng wù lǐ xué lián hé huì quán tǐ dà huì yí zhì tōng guò lì shǐ xìng jué yì, zhèng shì cǎi nà zhōng guó dà kē xué zhuāng zhì tuán duì tí chū de xīn xíng wù lǐ cháng liàng jī zhǔn fāng àn.
Đại hội Toàn thể Liên đoàn Vật lý Thuần túy và Ứng dụng Quốc tế (IUPAP) đã nhất trí thông qua nghị quyết nghị quyết mang tính lịch sử, chính thức tiếp nhận phương án chuẩn mực hằng số vật lý kiểu mới do đội ngũ thiết bị khoa học lớn Trung Quốc đưa ra.

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2286

诀别
juébié

từ biệt vĩnh viễn, vĩnh biệt ly biệt nghẹn ngào

当年老一辈功勋科学家隐姓埋名奔赴大戈壁前与亲人诀别时，把对小家的深情化作了许党报国的无限忠诚与担当。
Dāng nián lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng bēn fù dà gē bì qián yǔ qīn rén jué bié shí, bǎ duì xiǎo jiā de shēn qíng huà zuò le xǔ dǎng bào guó de wú xiàn zhōng chéng yǔ dān dāng.
Năm xưa khi các nhà khoa học có công lao tiền bối ẩn danh giấu tên lên đường lao về sa mạc Gobi từ biệt vĩnh viễn vĩnh biệt ly biệt người thân, đã biến tình cảm sâu đậm đối với mái ấm gia đình nhỏ thành lòng trung thành và gánh vác vô hạn dâng hiến cho Đảng phụng sự Tổ quốc.

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2287

诀窍
juéqiào

bí quyết, bí quyết mẹo hay phương pháp độc chiêu

大科学装置超精密调校没有任何捷径可走，真正的“诀窍”就是精益求精的极致匠心与千锤百炼的严谨实操。
Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì diào xiào méi yǒu rèn hé jié jìng kě zǒu, zhēn zhèng de "jué qiào" jiù shì jīng yì qiú jīng de jí zhì jiàng xīn yǔ qiān chuí bǎi liàn de yán jǐn shí cāo.
Việc tinh chỉnh chính xác thiết bị khoa học lớn không có bất kỳ con đường tắt nào để đi, 'bí quyết' bí quyết mẹo hay đích thực chính là thao tác thực tế nghiêm cẩn được tôi luyện ngàn lần và cái tâm người thợ chuẩn mực tinh ích cầu tinh (tì mỉ hoàn thiện) đến tột cùng.

28 nét | HÁN VIỆT : QUYẾT KHIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2288

绝技
juéjì

tuyệt kỹ, kỹ năng độc nhất vô nhị tài nghệ siêu phàm

大国工匠凭借一双巧手在亚微米尺度下进行徒手超精密超导腔体抛光修磨的绝技，令人叹为观止。
Dà guó gōng jiàng píng jiè yī shuāng qiǎo shǒu zài yà wēi mǐ chǐ dù xià jìn xíng tú shǒu chāo jīng mì chāo dǎo qiāng tǐ pāo guāng xiū mó de jué jì, lìng rén tàn wéi guān zhǐ.
Bậc thợ lớn quốc gia dựa vào đôi bàn tay khéo léo tiến hành tuyệt kỹ kỹ năng độc nhất vô nhị mài sửa đánh bóng buồng siêu dẫn siêu chính xác bằng tay trần ở quy mô dưới micromet khiến mọi người phải trầm trồ thán phục.

22 nét | HÁN VIỆT : TUYỆT KỸ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2289

绝缘
juéyuán

cách điện cách nhiệt; cách ly triệt để

大科学工程超导磁体线圈层间采用了特种耐极端低温强辐射的高性能聚酰亚胺绝缘薄膜材料包覆。
Dà kē xué gōng chéng chāo dǎo cí tǐ xiàn quān céng jiān cǎi yòng le tè zhǒng nài jí duān dī wēn qiáng fú shè de gāo xìng néng jù xiān yà àn jué yuán báo mó cái liào bāo fù.
Giữa các lớp cuộn dây nam châm siêu dẫn của công trình khoa học lớn áp dụng việc bọc phủ bằng vật liệu màng mỏng cách điện cách điện cách nhiệt polyimide tính năng cao chịu bức xạ mạnh và nhiệt độ cực thấp đặc chủng.

20 nét | HÁN VIỆT : TUYỆT DUYÊN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2290

绝招
juézhāo

tuyệt chiêu, chiêu bài độc đáo độc chiêu

青年科研团队在极端强磁场调控攻坚中拿出了完全自主原创的“绝招”，成功化解了长期困扰物理学界的涡旋态失稳难题。
Qīng nián kē yán tuán duì zài jí duān qiáng cí chǎng tiáo kòng gōng jiān zhōng ná chū le wán quán zì zhǔ yuán chuàng de "jué zhāo ", chéng gōng huà jiě le cháng qī kùn rǎo wù lǐ xué jiè de wō xuán tài shī wěn nán tí.
Đội ngũ nghiên cứu khoa học thanh niên trong đợt vượt khó điều phối từ trường mạnh cực đoan đã tung ra 'tuyệt chiêu' tuyệt chiêu độc chiêu nguyên bản hoàn toàn tự chủ, hóa giải thành công bài toán nan giải mất ổn định trạng thái xoáy (vortex state) ám ảnh giới vật lý suốt thời gian dài.

22 nét | HÁN VIỆT : TUYỆT CHIÊU

HSK 7-9 (3.0) | Động từ / Danh từ | #2291

觉醒
jué xǐng

thức tỉnh, bừng tỉnh, sự thức tỉnh

百年前的五四运动如同一道划破长夜的闪电，极大地促进了中华民族思想大解放与反帝反封建的历史觉醒。
Bǎi nián qián de wǔ sì yùn dòng rú tóng yī dào huà pò cháng yè de shǎn diàn, jí dà dì cù jìn le zhōng huá mín zú sī xiǎng dà jiě fàng yǔ fǎn dì fǎn fēng jiàn de lì shǐ jué xǐng.
Phong trào Ngũ Tứ một trăm năm trước tựa như một tia chớp xé toang màn đêm tăm tối, đã thúc đẩy to lớn sự giải phóng tư tưởng vĩ đại của dân tộc cùng sự thức tỉnh lịch sử chống đế quốc và chống phong kiến.

21 nét | HÁN VIỆT : GIÁO TỈNH

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2292

倔
jué

bướng bỉnh

老师鼓励大家积极倔，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jué， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bướng bỉnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét | HÁN VIỆT : QUẬT

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2293

倔强
juéjiàng

quật cường cứng cỏi, kiên cường bất khuất bướng bỉnh

面对外部技术封锁与极限施压，中国科学家骨子里那股不服输的倔强拼劲，化作了攻克卡脖子核心技术的强大动力。
Miàn duì wài bù jì shù fēng suǒ yǔ jí xiàn shī yā, zhōng guó kē xué jiā gǔ zi lǐ nà gǔ bù fú shū de jué jiàng pīn jìn, huà zuò le gōng kè qiǎ bó zi hé xīn jì shù de qiáng dà dòng lì.
Đứng trước sức ép giới hạn và sự phong tỏa công nghệ từ bên ngoài, sức chiến đấu quật cường cứng cỏi kiên cường bất khuất không chịu thua trong xương tủy của các nhà khoa học Trung Quốc đã biến thành động lực mạnh mẽ chinh phục các công nghệ cốt lõi nút thắt cổ chai.

24 nét | HÁN VIỆT : QUẬT CƯỜNG

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2294

崛起
juéqǐ

trỗi dậy, vươn lên mạnh mẽ quật khởi

中国在大科学工程、量子信息与受控核聚变等战略前沿科技领域的迅速崛起，深刻重塑了全球科技创新发展版图。
Zhōng guó zài dà kē xué gōng chéng, liàng zǐ xìn xī yǔ shòu kòng hé jù biàn děng zhàn lüè qián yán kē jì lǐng yù de xùn sù jué qǐ, shēn kè zhòng sù le quán qiú kē jì chuàng xīn fā zhǎn bǎn tú.
Sự trỗi dậy vươn lên mạnh mẽ quật khởi nhanh chóng của Trung Quốc trong các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên phong chiến lược như nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát, thông tin lượng tử và công trình khoa học lớn đã tái định hình sâu sắc bản đồ phát triển đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu.

20 nét | HÁN VIỆT : QUẬT KHỞI

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2295

爵士
juéshì

nhạc jazz (juéshìyuè); tước vị hiệp sĩ huân tước

在国际大科学中心科学家文化交流之夜，中外物理学家联袂演奏了悠扬欢快的经典爵士乐曲，拉近了彼此心与心的距离。
Zài guó jì dà kē xué zhōng xīn kē xué jiā wén huà jiāo liú zhī yè, zhōng wài wù lǐ xué jiā lián mèi yǎn zòu le yōu yáng huān kuài de jīng diǎn jué shì yuè qǔ, lā jìn le bǐ cǐ xīn yǔ xīn de jù lí.
Tại Đêm Giao lưu Văn hóa Nhà khoa học thuộc Trung tâm Khoa học Lớn Quốc tế, các nhà vật lý trong và ngoài nước đã cùng phối hợp biểu diễn khúc nhạc jazz nhạc jazz kinh điển rộn rã vui tươi du dương, kéo gần khoảng cách từ trái tim đến trái tim giữa đôi bên.

27 nét | HÁN VIỆT : TƯỚC SĨ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2296

嚼
jiáo

Nhai

老师鼓励大家积极嚼，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiáo， yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi。
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nhai, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét | HÁN VIỆT : TƯỚC

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2297

军官
jūnguān

sĩ quan quân đội, sĩ quan chỉ huy

在国家重大战略国防科研试验一线，身穿防护服的军队科技军官们同地方科学家并肩攻坚、誓夺试验全胜。
Zài guó jiā zhòng dà zhàn lüè guó fáng kē yán shì yàn yī xiàn, shēn chuān fáng hù fú de jūn duì kē jì jūn guān men tóng dì fāng kē xué jiā bìng jiān gōng jiān, shì duó shì yàn quán shèng.
Nơi tuyến đầu thử nghiệm nghiên cứu khoa học quốc phòng chiến lược trọng đại của quốc gia, các sĩ quan quân đội sĩ quan quân đội khoa học công nghệ khoác trên mình bộ đồ bảo hộ kề vai sát cánh vượt khó cùng các nhà khoa học địa phương, thề giành toàn thắng cho cuộc thử nghiệm.

24 nét | HÁN VIỆT : QUÂN QUAN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2298

君子
jūnzǐ

người quân tử, bậc quân tử đức độ chính trực

老一辈战略科学家恪守“君子喻于义”的高尚道德风骨，一心报效国家人民、从不计较个人名利得失。
Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā kè shǒu "jūn zǐ yù yú yì" de gāo shàng dào dé fēng gǔ, yī xīn bào xiào guó jiā rén mín, cóng bù jì jiào gè rén míng lì de shī.
Các nhà khoa học chiến lược tiền bối tuân thủ nghiêm ngặt phong cốt đạo đức cao đẹp 'người quân tử bậc quân tử hiểu rõ về nghĩa', một lòng báo đáp Tổ quốc nhân dân, chưa từng so đo tính toán danh lợi được mất của cá nhân.

25 nét | HÁN VIỆT : QUÂN TỬ

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ / Động từ | #2299

均衡
jūnhéng

cân bằng đồng đều, cân đối hài hòa

国家前沿大科学装置计算网络调度系统实现了对海量并发实验数据流在全国跨区域异构算力节点间的全局均衡负载分配。
Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì jì suàn wǎng luò diào dù xì tǒng shí xiàn le duì hǎi liàng bìng fā shí yàn shù jù liú zài quán guó kuà qū yù yì gòu suàn lì jié diǎn jiān de quán jú jūn héng fù zài fēn pèi.
Hệ thống điều phối mạng lưới tính toán thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia đã thực hiện việc phân phối tải cân bằng đồng đều cân đối cục diện toàn diện đối với dòng dữ liệu thực nghiệm đồng thời khổng lồ giữa các nút sức mạnh tính toán dị cấu xuyên khu vực trên toàn quốc.

26 nét | HÁN VIỆT : QUÂN HÀNH

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2300

均匀
jūn yún

đồng đều, đều đặn, phân bố đều

在制备超薄高性能半导体薄膜时，必须确保原子层沉积工艺在晶圆表面涂覆得极其均匀平整。
Zài zhì bèi chāo báo gāo xìng néng bàn dǎo tǐ báo mó shí, bì xū què bǎo yuán zi céng chén jī gōng yì zài jīng yuán biǎo miàn tú fù dé jí qí jūn yún píng zhěng.
Khi chế tạo màng mỏng bán dẫn hiệu năng cao siêu mỏng, nhất thiết phải bảo đảm quy trình lắng đọng lớp nguyên tử được phủ phân bố cực kỳ đồng đều và phẳng phiu trên bề mặt tấm bán dẫn.

25 nét | HÁN VIỆT : QUÂN QUÂN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2301

俊
jùn

đẹp trai

在面对复杂的挑战时，保持俊的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí， bǎo chí jùn de xīn tài yóu wéi zhòng yào。
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đẹp trai đặc biệt quan trọng.

8 nét | HÁN VIỆT : TUẤN

HSK 7-9 (3.0) | Tính từ | #2302

俊俏
jùnqiào

xinh đẹp thanh tú, khôi ngô tuấn tú duyên dáng

在深空探测飞控测控大厅里，那位面庞俊俏但眼神格外坚毅沉毅的青年女总调度员，下达指令沉着果断、分毫不差。
Zài shēn kōng tàn cè fēi kòng cè kòng dà tīng lǐ, nà wèi miàn páng jùn qiào dàn yǎn shén gé wài jiān yì chén yì de qīng nián nǚ zǒng diào dù yuán, xià dá zhǐ lìng chén zhuó guǒ duàn, fēn háo bù chā.
Bên trong đại sảnh trắc nghiệm điều khiển điều khiển bay thám trắc không gian sâu, nữ điều độ viên trưởng trẻ tuổi với gương mặt xinh đẹp thanh tú khôi ngô nhưng ánh mắt vô cùng kiên nghị trầm tĩnh đã phát ra các khẩu lệnh quả đoán trầm tĩnh, không sai một li một hào.

21 nét | HÁN VIỆT : TUẤN TIẾU

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2303

骏马
jùnmǎ

ngựa chiến tuấn mã, ngựa hay tuấn mã dũng mãnh

新时代青年科技领军人才犹如奔腾在科技强国辽阔疆场上的矫健骏马，意气风发、勇往直前。
Xīn shí dài qīng nián kē jì lǐng jūn rén cái yóu rú bēn téng zài kē jì qiáng guó liáo kuò jiāng chǎng shàng de jiǎo jiàn jùn mǎ, yì qì fēng fā, yǒng wǎng zhí qián.
Các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới tựa như những chú tuấn mã ngựa chiến tuấn mã dũng mãnh phi nước đại trên chiến trường rộng lớn của cường quốc khoa học công nghệ, ý khí hiên ngang, dũng cảm tiến lên phía trước.

22 nét | HÁN VIỆT : TUẤN MÃ

HSK 7-9 (3.0) | Động từ | #2304

竣工
jùngōng

hoàn thành thi công, khánh thành công trình kết thúc xây dựng

随着深部地下超长低本底实验隧道土建工程顺利竣工，大科学装置全面转入高精度物理设备精密预装阶段。
Suí zhe shēn bù dì xià chāo cháng dī běn dǐ shí yàn suì dào tǔ jiàn gōng chéng shùn lì jùn gōng, dà kē xué zhuāng zhì quán miàn zhuǎn rù gāo jīng dù wù lǐ shè bèi jīng mì yù zhuāng jiē duàn.
Cùng với công trình xây dựng dân dụng đường hầm thực nghiệm phông nền thấp siêu dài sâu dưới lòng đất hoàn thành thi công khánh thành thuận lợi, thiết bị khoa học lớn chuyển sang toàn diện giai đoạn lắp đặt trước chính xác thiết bị vật lý độ chính xác cao.

23 nét | HÁN VIỆT : THUẬN CÔNG

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2305

卡车
kǎ chē

xe tải, xe chở hàng

在大型露天智能化绿色矿山中，数十台无人驾驶重型纯电动矿用卡车正在井然有序地运输矿石。
Zài dà xíng lù tiān zhì néng huà lǜ sè kuàng shān zhōng, shù shí tái wú rén jià shǐ zhòng xíng chún diàn dòng kuàng yòng kǎ chē zhèng zài jǐng rán yǒu xù dì yùn shū kuàng shí.
Bên trong khu mỏ xanh thông minh khai thác lộ thiên quy mô lớn, hàng chục chiếc xe tải hạng nặng thuần điện tự hành không người lái đang vận chuyển quặng khoáng một cách ngăn nắp trật tự.

20 nét | HÁN VIỆT : CA XA

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ | #2306

卡片
kǎpiàn

thẻ, thẻ bài phiếu giấy

老一辈科学家当年在一穷二白条件下手写了数百万张文献摘录卡片，为新中国大科学工程奠定了厚重学术基石。
Lǎo yī bèi kē xué jiā dāng nián zài yī qióng èr bái tiáo jiàn xià shǒu xiě le shù bǎi wàn zhāng wén xiàn zhāi lù kǎ piàn, wèi xīn zhōng guó dà kē xué gōng chéng diàn dìng le hòu zhòng xué shù jī shí.
Các nhà khoa học tiền bối năm xưa dưới điều kiện nghèo nàn tay trắng đã viết tay hàng triệu tấm thẻ bài phiếu giấy trích yếu tài liệu, đặt nền móng học thuật dày dặn cho công trình khoa học lớn của Nước Trung Hoa mới.

20 nét | HÁN VIỆT : CA PHIẾN

HSK 7-9 (3.0) | Danh từ / Tính từ | #2307

卡通
kǎ tōng

hoạt hình, nhân vật hoạt hình
cartoon

国家级非遗泥塑艺人推陈出新，将传统泥人造型技艺与深受青少年喜爱的国风卡通动漫形象巧妙融为一体。
Guó jiā jí fēi yí ní sù yì rén tuī chén chū xīn, jiāng chuán tǒng ní rén zào xíng jì yì yǔ shēn shòu qīng shào nián xǐ ài de guó fēng kǎ tōng dòng màn xíng xiàng qiǎo miào róng wéi yǐ tǐ.
Nghệ nhân nặn tượng đất phi vật thể quốc gia đã đổi mới, kết hợp nghệ thuật tạo hình tượng đất truyền thống với hình tượng hoạt hình được giới trẻ yêu thích.

18 nét | HÁN VIỆT : CA THÔNG

CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN BỘ 2307 TỪ HSK 7-9 (3.0)!

- [ ] Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
- [ ] Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
- [ ] Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh
- [ ] Đã thi thử trực tuyến đạt điểm mục tiêu

Sẵn sàng tiến tới Làm Chủ Hán Ngữ Đỉnh Cao! 🎓! 🚀

FoxHSK

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thế hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.

Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến
Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết

Học Từ Vựng Thông Minh SRS
Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng

Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét
Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận

Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7
Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

TRUY CẬP FOXHSK.COM →

© 2026 FoxHSK.com • Bản quyền thuộc về Hệ thống Học & Luyện thi FoxHSK